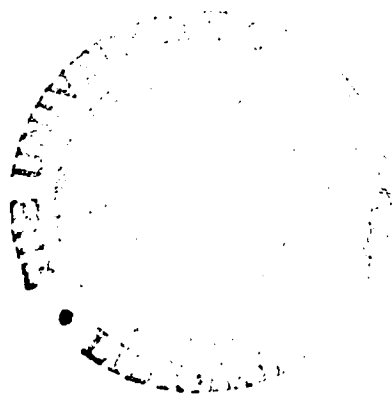




HX
9
H 68B

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



19

UNIV. OF MICH.
AUG 08 2002
CURRENT SERIALS

(Doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích)

Theo Quyết định số 78/1998 QĐ-CHK ngày 05/06/1998 của Cục trưởng Cục hàng không dân dụng Việt Nam - V/v chuyển Trung tâm quản lý bay Hồ Chí Minh thành Trung tâm quản lý bay miền Nam.



TÊN GIAO DỊCH QUỐC TẾ

Southern Region Air Traffic Services (SORATS)

- * Địa chỉ : 58 Trường Sơn - Tân Bình - TP. HCM
* ĐT : 8.443.179 - 8.443.250 - 8.448.365
* Fax : (84-8) 8.443.705

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- * Cung cấp các dịch vụ không lưu và các dịch vụ phụ trợ cho tất cả các tàu bay dân dụng hoạt động tại các sân bay, trên vùng trời thuộc trách nhiệm điều hành được giao và vùng thông báo bay (FIR) Hồ Chí Minh
- * Bảo đảm kỹ thuật trang thiết bị được giao
- * Đầu tư mua sắm thiết bị, phụ tùng, vật tư chuyên ngành.

Cơ quan quản lý : TRUNG TÂM QUẢN LÝ BAY DÂN DỤNG VIỆT NAM

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số : 310666 - Do Sở Kế Hoạch Đầu Tư TP. HCM cấp ngày 05/09/1998



Chống lão hóa

BETA-CAROTEN

VITAMIN E

VITAMIN C



XÍ NGHIỆP LIÊN HỢP DƯỢC HẬU GIANG

288 BLS NGUYỄN VĂN CỬ - TP. CẦN THƠ Digitized by Google



THÁNG RA 3 KỶ

SỐ 648

19

7-2002

• BỘ BIÊN TẬP :

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : (04) 9 422 061
Fax : (04) 8 222 846

**• Cơ quan thường trú
tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,
Q. 3, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 225 768
Fax : (08) 8 231 664

• Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>
Email: bttccs@hn.vnn.vn

• Phó Tổng biên tập phụ trách :

TRẦN QUANG NHIẾP



Bìa 1 : Khu du lịch Hang Múa
Ảnh : TTXVN

Tạp chí Cộng sản

**CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

LÊ HỒNG ANH : Một số vấn đề về công tác kiểm tra của Đảng
trong tình hình hiện nay 3

TÔ HUY RỬA : Hải Phòng - bước phát triển mới 11

NHÂN KỶ NIỆM 90 NĂM NGÀY SINH CỐ TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN VĂN CỪ (9-7-1912 - 9-7-2002)

NGUYỄN ĐỨC BÌNH : Nguyễn Văn Cừ - một nhà lãnh đạo
xuất sắc của Đảng ta, của cách mạng Việt Nam 17

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

TIẾN HẢI : Chung quanh vấn đề định hướng xã hội
chủ nghĩa ở Việt Nam 26

HOÀNG VIỆT : Tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế hợp tác
xã trong nông nghiệp 30

LÊ ĐỨC BÌNH : Đánh giá đúng con người : Khâu quan trọng
đầu tiên của công tác cán bộ 35

TRẦN VĂN BÌNH : Thời cơ và thách thức đối với văn hóa
dân tộc trong xu thế toàn cầu hóa 41

HỘI THẢO KHOA HỌC - THỰC TIỄN

Xây dựng hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ cơ sở

TRẦN QUANG NHIẾP : Báo cáo đề dẫn 46

*** Tổng quan Hội thảo 49

HÀ ĐĂNG : Mười cái ba 57

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

PHẠM THANH HÀ : Hợp tác quốc tế - yêu cầu khách quan
của sự phát triển

СОДЕРЖАНИЕ

ЛЕ ХОНГ АНЬ: Некоторые вопросы о контрольной работе Партии на данном этапе. ТÔ ХУ РЪА: Город Хайфон – новый шаг развития. НГУЕН ДЫК БИНЬ: Нгуен Ван Кы – выдающийся руководитель нашей Партии и Вьетнамской революции. ТИЕН ХАЙ: Вокруг проблемы о социалистической ориентации во Вьетнаме. ХОАНГ ВЬЕТ: Продолжается обновление и развитие кооперативной экономики в сельском хозяйстве. ЛЕ ДЫК БИНЬ: Вынесение правильной оценки людей – важное первостепенное дело в кадровой работе. ЧАН ВАН БИНЬ: Предстоящие возможности и испытания перед национальной культурой при тенденции глобализации. ЧАН КУАНГ НЬИЕП: Доклад – введение к Научно – практическому семинару «Строительство политической системы и контингента кадров на первичных местах». *** Обзор Семинара. ХА ДАНГ: Десяток заслуживающих внимания триад в работе по строительству политической системы и контингента кадров на первичных местах. ФАМ ТХАНЬ ХА: Международное сотрудничество – объективное требование развития.

CONTENTS

ЛÊ HÔNG ANH: Some problems regarding the inspection work of the Party in the contemporary situation. TÔ HUY RÛA: Hải Phòng: a new developmental step. NGUYỄN ĐỨC BÌNH: Nguyễn Văn Cừ: an outstanding leader of our Party and Vietnamese revolution. TIẾN HẢI: Around the problem of socialist orientation in Vietnam. HOÀNG VIỆT: To continue to renovate and develop collaborative economy in agriculture. LÊ ĐỨC BÌNH: To rightly estimate personality – the first important section of the cadres' work. TRẦN VĂN BÌNH: Opportunities and challenges for national culture in the globalisation trend. TRẦN QUANG NHIẾP: Introductory report to the scientific – pragmatic seminar "Formation of the political system and the contingent of cadres at the grassroots levels". *** Overview of the seminar. HÀ ĐĂNG: The ten of triads to be remarked in the practice of forming the political system and the contingent of cadres at the grassroots levels. PHẠM THANH HÀ: International collaboration – an objective demand of development.

SOMMAIRE

LÊ HÔNG ANH: Quelques questions du travail de contrôle du Parti à l'heure actuelle. TÔ HUY RÛA: Hải Phòng - un nouveau pas de développement. NGUYỄN ĐỨC BÌNH: Nguyễn Văn Cừ - un éminent dirigeant de notre Parti et de la Révolution vietnamienne. TIẾN HẢI: A propos de la question de l'orientation socialiste au Vietnam. HOÀNG VIỆT: Continuer à renouveler et à développer l'économie coopérative dans l'agriculture. LÊ ĐỨC BÌNH: La juste estimation de l'homme: premier important maillon du travail de cadres. TRẦN VĂN BÌNH: Opportunités et défis pour la culture nationale dans la tendance à la mondialisation. TRẦN QUANG NHIẾP: Rapport d'introduction du Colloque Sciences-Pratique: "Édification du système politique et de cadres à la base". *** Panorama du Colloque. HÀ ĐĂNG: 10 questions à remarquer dans l'édification du système politique et de cadres à la base. PHẠM THANH HÀ: Coopération internationale - demande objective du développement.

SUMARIO

LÊ HÔNG ANH: Algunas cuestiones sobre el trabajo de control del Partido en la situación actual. TÔ HUY RÛA: Hải Phòng - un nuevo paso de desarrollo. NGUYỄN ĐỨC BÌNH: Nguyễn Văn Cừ - un excelente líder de nuestro Partido, de la Revolución vietnamita. TIẾN HẢI: Alrededor del problema de la orientación socialista en Vietnam. HOÀNG VIỆT: Continuar la renovación y desarrollar la economía cooperativa en la agricultura. LÊ ĐỨC BÌNH: Evaluar correctamente el hombre: el primer eslabón del trabajo de organización. TRẦN VĂN BÌNH: Oportunidades y desafíos para con la cultura nacional en la tendencia de globalización. TRẦN QUANG NHIẾP: Informe de introducción del Seminario Científico-práctico "Edificación del sistema político y de cuadros en las bases". *** Vista panorámica del Seminario. HÀ ĐĂNG: Los diez problemas de apuntación en la edificación del sistema político y de cuadros en las bases. PHẠM THANH HÀ: La cooperación internacional - demanda objetiva del desarrollo.

目 录

• 陈亭欢: 十年来党组织、干部工作的情形及下时期的要求和任务 • 苏辉若: 海防—新的发展步伐 • 阮德平: 阮文渠—越南共产党、革命事业的杰出领导者 • 进海: 围绕有关越南的社会主义定向 • 黄越: 继续革新和发展农业合作社经济 • 黎德平: 对人给予正确的评价—干部工作的首要关键 • 陈文丙: 民族文化在全球化趋向中的机遇和挑战 • 陈光挺: 《建设基层政治系统及干部队伍》科学实践研讨会报告提纲 *** 研讨综观 • 何登: 建设基层政治系统及干部队伍工作中的十条“三个应注意” • 范清河: 国际合作—发展的客观要求



MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA CỦA ĐẢNG TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY

LÊ HỒNG ANH*

TỪ khi ra đời đến nay, Đảng ta luôn luôn quan tâm, chỉ đạo và không ngừng hoàn thiện, phát triển lý luận và thực tiễn về công tác kiểm tra. Công tác kiểm tra là một nhân tố không thể tách rời quá trình lãnh đạo của Đảng nói chung và của các tổ chức đảng nói riêng. Chính vì thế, công tác kiểm tra của Đảng với các thể hệ cán bộ làm công tác kiểm tra đã góp phần rất quan trọng làm cho Đảng ta ngày càng trưởng thành, phát triển, đủ sức lãnh đạo nhân dân ta, dân tộc ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Qua 16 năm đổi mới đất nước, công tác kiểm tra của Đảng phát huy những truyền thống quý báu, tiếp tục góp phần xứng đáng vào những thành tựu quan trọng của công cuộc đổi mới. Qua các kỳ Đại hội, Đảng ta luôn luôn quan tâm sửa đổi, bổ sung nhằm không ngừng hoàn thiện Điều lệ Đảng, trong đó có những quy định về công tác kiểm tra. Đại hội IX

của Đảng cũng vừa sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng và Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Đây là điều kiện rất thuận lợi để công tác kiểm tra ngày càng đóng vai trò xứng đáng với vị trí của nó. Tuy nhiên, công tác kiểm tra của Đảng hiện nay còn bộc lộ những yếu kém, bất cập. Không phải chúng ta thiếu quy định, quy chế mà cái chính là nhiều cấp ủy đảng, nhiều cán bộ, đảng viên chưa thực hiện đúng đắn, đầy đủ và nghiêm túc những quy định của Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra. Nhiều nội dung, nhiệm vụ, nhiều vấn đề công tác kiểm tra đã được quy định từ những Đại hội trước, nhưng cho đến nay nhiều cán bộ lãnh đạo, nhiều đảng viên vẫn hiểu chưa đúng đắn, đầy đủ và thực hiện chưa nghiêm. Do đó, hiện nay có một số vấn

* Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương

đề cần được nhận thức, quán triệt và thực hiện, đảng góp phần đưa Nghị quyết Đại hội IX của Đảng vào cuộc sống.

I - Lãnh đạo, kiểm tra, và tiến hành công tác kiểm tra của cấp ủy và tổ chức đảng

Trải qua hơn 72 năm lãnh đạo cách mạng nước ta, Đảng ta đã đúc rút ra một bài học kinh nghiệm quý báu, mang tính quy luật : *Đã lãnh đạo thì phải có kiểm tra. Lãnh đạo mà không kiểm tra thì coi như không có lãnh đạo.* Điều này đã được thực tiễn sinh động của cách mạng nước ta chứng minh và khẳng định. Chủ tịch Hồ Chí Minh rất nhiều lần căn dặn, chỉ đạo công tác kiểm tra của Đảng.

Người khẳng định : "Có thể nói rằng, chín phần mười khuyết điểm trong công việc của chúng ta là vì thiếu sự kiểm tra". Như vậy, toàn bộ hoạt động kiểm tra phải gắn bó mật thiết với toàn bộ hoạt động lãnh đạo của Đảng, coi hoạt động kiểm tra là hoạt động lãnh đạo. Nếu hiệu lực của hoạt động kiểm tra yếu cũng tức là hiệu lực của lãnh đạo yếu ; hiệu quả của công tác kiểm tra kém cũng tức là hiệu quả lãnh đạo kém.

Trong những Đại hội gần đây, Đảng ta đã "luật hóa" trách nhiệm của cấp ủy và tổ chức đảng trong việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra. Điều lệ Đảng được sửa đổi và thông qua tại đại hội VIII và Đại hội IX vừa qua, trong đó Điều 30 đã chỉ rõ : "Kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng" (...). "Các cấp ủy đảng lãnh đạo công tác kiểm tra và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra các tổ chức đảng và đảng viên chấp hành

Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng".

Ngoài quy định trên, ở nhiều điều khác trong Điều lệ Đảng, Đảng ta đã quy định rất rõ chức năng, nhiệm vụ, nội dung kiểm tra của các cấp ủy, tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở. Điểm 2, Điều 17 quy định : "Bộ Chính trị lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương...". Điểm 3, Điều 20 quy định : "Ban thường vụ (tỉnh, thành ủy, huyện ủy, quận ủy, thị ủy) lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của đại hội đại biểu, nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy cùng cấp và cấp trên". Điểm 5, Điều 23 quy định tổ chức cơ sở đảng có nhiệm vụ "kiểm tra việc thực hiện, bảo đảm các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước được chấp hành nghiêm chỉnh ; kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng". Điểm 3, Điều 42, Điểm 3, Điều 43 quy định đảng đoàn, ban cán sự đảng "kiểm tra việc chấp hành đường lối chính sách của Đảng".

Như vậy, qua từng kỳ Đại hội, Đảng ta đều khẳng định chức năng lãnh đạo không thể tách rời chức năng kiểm tra.

Trong quá trình thực hiện chức năng lãnh đạo và kiểm tra, nhiều cấp ủy đảng, nhiều tổ chức đảng, nhiều cán bộ, đảng viên đã nhận thức sâu sắc, đúng đắn, kết hợp chặt chẽ lãnh đạo với kiểm tra. Tuy nhiên, vẫn còn cấp ủy, tổ chức đảng và cá nhân lãnh đạo chưa nhận thức đầy đủ, đúng đắn và chưa thực hiện tốt vấn đề này, nhất là chưa phân biệt rõ phạm vi

trách nhiệm tiến hành công tác kiểm tra của cấp ủy đảng, của từng tổ chức đảng với công tác kiểm tra của ủy ban kiểm tra.

Tình hình nói trên vừa làm hạn chế vai trò lãnh đạo của cấp ủy, của tổ chức đảng vừa không phát huy được sức mạnh của các cơ quan chức năng, vừa làm cho hoạt động của ủy ban kiểm tra kém hiệu quả, ảnh hưởng không tốt đến quá trình đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống.

Để thực hiện tốt Điều 30 của Điều lệ Đảng, các cấp ủy đảng phải tăng cường lãnh đạo công tác kiểm tra, đồng thời phải tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra các tổ chức đảng và đảng viên thuộc phạm vi lãnh đạo của mình.

Việc lãnh đạo công tác kiểm tra của cấp ủy bao gồm nhiều nội dung và bằng nhiều phương thức, đòi hỏi phải có kế hoạch chỉ đạo rất cụ thể trong từng thời gian nhằm vào nội dung quan trọng bậc nhất là kiểm tra việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và của cấp ủy cấp mình. Việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra phải hướng vào nội dung quan trọng bậc nhất đó bằng các chương trình kiểm tra cụ thể trong từng thời gian, phân công rõ ràng, rành mạch các cấp ủy viên đích thân chủ trì các cuộc kiểm tra và ban thường vụ cấp ủy, thường trực cấp ủy phải chỉ đạo chặt chẽ, kết luận đúng, sai, ưu điểm, khuyết điểm.

Ủy ban kiểm tra các cấp cần chủ động phối hợp với văn phòng cấp ủy và các ban đảng giúp cấp ủy sơ kết tình hình thực hiện Chỉ thị 29 của Bộ Chính trị

(khóa VIII) "Về tăng cường công tác kiểm tra của Đảng", rút ra những bài học kinh nghiệm để tiếp tục thực hiện có hiệu quả hơn, thường xuyên hơn nhiệm vụ lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra của cấp ủy.

II - Ủy ban Kiểm tra các cấp và vấn đề kiểm tra đảng viên, kể cả cấp ủy viên cùng cấp và tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm

Điều lệ Đảng được thông qua tại Đại hội VIII và Đại hội IX đã quy định rõ phạm vi, trách nhiệm của các tổ chức đảng trong công tác kiểm tra. Đặc biệt, Điều lệ Đảng đã quy định rõ nhiệm vụ của các cấp ủy đảng và của các cơ quan chuyên trách làm công tác kiểm tra của Đảng. Điều 32 của Điều lệ Đảng đã quy định 5 nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra các cấp trong đó có nhiệm vụ "kiểm tra đảng viên, kể cả cấp ủy viên cùng cấp khi có dấu hiệu vi phạm tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên" ; "kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các nguyên tắc tổ chức của Đảng ; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng".

Có thể nói, những quy định đó, nhất là quy định về nhiệm vụ kiểm tra đảng viên kể cả cấp ủy viên cùng cấp và tổ chức đảng cấp dưới khi có *dấu hiệu vi phạm* là một sự tổng kết hoạt động thực tiễn sinh động qua các thời kỳ hoạt động của Đảng ta ; là kết quả của một quá trình nghiên cứu đổi mới phương thức lãnh đạo

của Đảng. Quy định đó phù hợp với tính chất đặc thù của cơ quan chuyên trách làm công tác kiểm tra của Đảng, phân biệt được rõ chức năng kiểm tra của lãnh đạo và nhiệm vụ của cơ quan kiểm tra chuyên trách của cấp ủy đảng.

Quá trình thực hiện, tuy ban đầu có những băn khoăn, ngán ngại của một bộ phận cán bộ làm công tác kiểm tra, nhưng thực tế qua hơn một nhiệm kỳ thực hiện nhiệm vụ này, ủy ban kiểm tra các cấp đã thu được nhiều kết quả, góp phần thiết thực vào việc thực hiện nhiệm vụ chính trị nói chung và công tác xây dựng Đảng nói riêng. Những băn khoăn, ngán ngại ban đầu, những nhận thức không đúng như cho rằng kiểm tra *khi có dấu hiệu vi phạm* là "không chủ động phòng ngừa", nặng về "chống", coi nhẹ "xây" đã cơ bản được giải quyết.

Để thực hiện có hiệu quả cao hơn nhiệm vụ quan trọng này đúng với mục đích và ý nghĩa của nó, cần tiếp tục quán triệt và thống nhất nhận thức : có dấu hiệu vi phạm chưa hoàn toàn đã phải là vi phạm, mà mới chỉ là những biểu hiện của sự vi phạm. Muốn biết những "dấu hiệu", những biểu hiện đó có phải là vi phạm hay không thì phải nắm tình hình, phải tổ chức kiểm tra, phải tiến hành thẩm tra, xác minh và có kết luận vi phạm hay không vi phạm ngay từ "*khi*" có dấu hiệu vi phạm. Nắm tình hình và tiến hành kiểm tra, xem xét kịp thời ngay từ "*khi*" có dấu hiệu sẽ có thể ngăn ngừa, tránh vi phạm hoặc nếu vi phạm chưa nghiêm trọng thì không để phát triển thành nghiêm trọng ; hoặc nếu chỉ là vi phạm

của một người, một tổ chức thì không để trở thành vi phạm của nhiều người, nhiều tổ chức.

Đây không những là một đòi hỏi rất cao về tinh thần trách nhiệm, tình cảm cộng sản của những cán bộ làm công tác kiểm tra, mà muốn làm được như vậy, còn đòi hỏi những cán bộ kiểm tra cả về năng lực và sự nhạy cảm chính trị.

Cùng với quy định của Điều lệ Đảng về nhiệm vụ kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm..., để chủ động phòng ngừa và xử lý kịp thời vi phạm kỷ luật Đảng, trong Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương (khóa IX), Ban Chấp hành Trung ương đã quy định trách nhiệm của Ủy ban Kiểm tra Trung ương là, phải thông qua việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, tham mưu giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư "về công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng, về những giải pháp nhằm giữ vững nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, tăng cường kỷ cương, kỷ luật của Đảng, chủ động phòng ngừa vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên". Đó là những vấn đề mang tính định hướng của công tác kiểm tra. Vì vậy, trong phương hướng, nhiệm vụ công tác nhiệm kỳ khóa IX, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã xác định kiểm tra đảng viên và tổ chức đảng *khi có dấu hiệu vi phạm* là nhiệm vụ trọng tâm của ủy ban kiểm tra các cấp. Ủy ban kiểm tra các cấp cần nhận thức rõ nhiệm vụ quan trọng này để tiến hành, không mặc cảm,

không ngại khó, không hủu khuynh, né tránh.

Cấp ủy các cấp theo dõi, chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi để ủy ban kiểm tra thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ này. Tổ chức đảng, cấp ủy viên và đảng viên khi được kiểm tra cũng không nên mặc cảm mà tự giác "chịu sự kiểm tra" như Điều lệ Đảng đã quy định.

Một điều cần chú ý là, hoạt động kiểm tra, dù là kiểm tra *khi có dấu hiệu vi phạm* cũng chỉ là một hoạt động bình thường như mọi hoạt động khác trong Đảng, phải dựa trên các nguyên tắc của Đảng và phải có tình đồng chí. Người đi kiểm tra phải có thái độ đúng mực tôn trọng tổ chức và người được kiểm tra để tổ chức và người được kiểm tra có thể yên tâm, tin tưởng trong khi báo cáo trung thực những hoạt động và thiếu sót khuyết điểm của mình mà không sợ bị đánh giá sai lệch. Ngược lại, tổ chức và người được kiểm tra cần coi việc báo cáo trung thực với tổ chức và người đi kiểm tra là trách nhiệm bình thường của mình. Mọi sự "quan trọng hóa" hoạt động của các cuộc kiểm tra là điều không nên có, bởi nó dễ làm cho kết quả kiểm tra bị sai lệch và làm giảm tác dụng giáo dục, ý nghĩa xây dựng của công tác kiểm tra.

III - Về vấn đề ủy ban kiểm tra các cấp không xem xét, giải quyết những đơn, thư tố cáo giấu tên, mạo tên, không rõ địa chỉ...

Việc có xem xét, giải quyết đơn thư tố cáo giấu tên, mạo tên, không rõ địa chỉ hay không là một vấn đề quan trọng đã được Ủy ban Kiểm tra Trung ương các

khóa nghiên cứu từ lâu và Ban Bí thư khóa VII, Bộ Chính trị khóa VIII đã cho ý kiến chỉ đạo giải quyết từng bước.

Đảng ta hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật. Luật khiếu nại, tố cáo đã quy định rõ quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc khiếu nại, tố cáo, trong đó có quy định cụ thể quyền, nghĩa vụ của người tố cáo, người bị tố cáo, thủ tục giải quyết tố cáo.

Điều lệ Đảng cũng đã quy định quyền của đảng viên được "phê bình, chất vấn về hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên ở mọi cấp trong phạm vi tổ chức ; báo cáo, kiến nghị với các cơ quan có trách nhiệm và yêu cầu được trả lời". Đồng thời, Điều lệ Đảng cũng quy định nhiệm vụ của đảng viên phải "tham gia xây dựng, bảo vệ đường lối, chính sách và tổ chức của Đảng, phục tùng kỷ luật, giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng : thường xuyên tự phê bình và phê bình, trung thực với Đảng". Trong quy định "những điều đảng viên không được làm", Bộ Chính trị cũng đã quy định không được "tố cáo sai sự thật, viết đơn thư tố cáo nặc danh, mạo danh"..., và trong Hướng dẫn thực hiện, để bảo đảm quyền dân chủ của đảng viên, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã đặt vấn đề phải xem xét, xử lý nghiêm khắc đối với những người trù dập, trả thù người tố cáo.

Trong những năm qua, thực hiện sự nghiệp đổi mới đất nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng, tình hình sinh hoạt chính trị trong nội bộ Đảng cũng như trong xã hội đã có nhiều đổi mới, trình độ của cán bộ, đảng viên cũng như nhân dân đã được

nâng cao. Đảng ta đã có những quy định cụ thể nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân,... nên trong thời gian vừa qua việc phê bình, chất vấn tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên đã được thực hiện tốt ; ở nhiều nơi đơn, thư tố cáo giấu tên giảm nhiều.

Hiện nay, có một số người lợi dụng đơn, thư tố cáo giấu tên, mạo tên để đả kích, vu cáo, nói xấu người khác, gây căng thẳng, phức tạp, làm cho nội bộ nghi kỵ lẫn nhau ; việc giải quyết đơn, thư tố cáo giấu tên, mạo tên tốn rất nhiều công sức, thời gian và ngân sách nhưng ít hiệu quả. Để nêu cao tinh thần đấu tranh phê bình, tự phê bình trong nội bộ Đảng, khắc phục mặt tiêu cực, đồng thời để chống lại âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề này làm suy yếu Đảng ta, gây nghi ngờ giữa nhân dân với Đảng, gây mất ổn định chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) quyết định từ nay ủy ban kiểm tra các cấp không xem xét, giải quyết những đơn, thư tố cáo giấu tên, mạo tên, không rõ địa chỉ và những tố cáo đã được cấp có thẩm quyền do Điều lệ Đảng quy định xem xét, kết luận, nay tố cáo lại, nhưng không có thêm tài liệu, chứng cứ mới. Đây là một quyết định đã được nghiên cứu, xem xét thận trọng, phù hợp với tình hình hiện nay và quy định của Bộ Chính trị "Về những điều đảng viên không được làm" cũng như quy định của pháp luật về vấn đề này. Đây là một quyết định xuất phát từ nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng. Có như vậy mới giữ vững được kỷ cương kỷ luật và sự thống nhất trong Đảng.

IV- Nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra các cấp trong thời gian tới

Công tác xây dựng Đảng nói chung và công tác kiểm tra nói riêng sắp tới vô cùng nặng nề, trách nhiệm của ủy ban kiểm tra các cấp và của đội ngũ những người làm công tác kiểm tra hết sức lớn lao.

Để thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ đã được Điều lệ Đảng quy định và để thực hiện nghiêm chỉ thị mới đây của Ban Bí thư "về việc phổ biến, quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng", ủy ban kiểm tra các cấp và đội ngũ những người làm công tác kiểm tra cần làm tốt những công việc sau đây :

1 - Nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, qua đó nâng cao sự thống nhất tư tưởng và hành động về các quan điểm cơ bản, đường lối, chủ trương... của Đảng. Nâng cao lòng tự hào và niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào công cuộc đổi mới và con đường xã hội chủ nghĩa. Nắm vững chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ủy ban kiểm tra và những quy định về thi hành kỷ luật trong Điều lệ Đảng.

Có chương trình, kế hoạch triển khai toàn diện, đồng bộ các nhiệm vụ của công tác kiểm tra, tập trung làm tốt nhiệm vụ trọng tâm là kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết đơn, thư tố cáo với tinh thần chủ động tiến công, bằng phương pháp năng động, sáng tạo nhằm tiếp tục phục vụ yêu cầu của Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh

thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII. Đấu tranh chống tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, đấu tranh với các quan điểm sai trái, cơ hội, bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, giữ vững đoàn kết thống nhất trong Đảng, góp phần làm trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, ngăn chặn và đẩy lùi 4 nguy cơ đối với đất nước ta, Đảng ta và Nhà nước ta hiện nay.

2 - Làm tốt chức năng tham mưu cho cấp ủy trong công tác xây dựng Đảng ở địa phương, đơn vị và thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ do cấp ủy giao. Tập trung giúp cấp ủy tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII, tiến hành kiểm tra theo Điều 30 của Điều lệ Đảng nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ: "kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng" khắc phục tình trạng "tổ chức chỉ đạo thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước còn yếu" như Nghị quyết của Đại hội IX đã chỉ rõ.

Muốn vậy, ủy ban kiểm tra các cấp cần phải giúp cấp ủy xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, xây dựng quy chế phối hợp và quy định của cấp ủy về công tác kiểm tra; hướng dẫn, đôn đốc tổ chức đảng các cấp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra của cấp mình, tăng cường phối hợp với các ban xây dựng Đảng giúp cấp

ủy tiến hành có kết quả nhiệm vụ kiểm tra của cấp ủy và của ủy ban kiểm tra. Trước mắt, giúp các cấp ủy tiến hành 2 cuộc kiểm tra năm 2002 theo Kế hoạch của Ban Bí thư Trung ương giao Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì là: Kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quy định về những điều đảng viên không được làm và kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, được tiến hành từ tháng 6 đến tháng 10-2002. Thông qua kiểm tra, đánh giá đúng ưu điểm, khuyết điểm, hoặc vi phạm (nếu có) của tổ chức đảng các cấp và đảng viên trong việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng và pháp luật Nhà nước trong những lĩnh vực được kiểm tra, bao gồm cả ưu điểm, khuyết điểm trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện của các cấp. Qua đó, rút kinh nghiệm đề ra biện pháp phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, uốn nắn các lệch lạc để tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy các cấp; bảo đảm góp phần đưa nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng và pháp luật Nhà nước vào cuộc sống. Ủy ban Kiểm tra Trung ương cũng như ủy ban kiểm tra các cấp, trên cơ sở nhiệm vụ được phân công và theo trách nhiệm của mình, chủ động phối hợp với các ban, ngành có liên quan tham mưu cho cấp ủy các cấp tiến hành các cuộc kiểm tra có kết quả; bảo đảm các cuộc kiểm tra thực hiện đúng quy trình, phương pháp, đúng nguyên tắc của Đảng; phát huy được tinh thần tự giác, tự phê bình của các tổ chức đảng và đảng viên; phát huy vai trò xây dựng Đảng

của quần chúng nhân dân, của các tổ chức chính trị - xã hội để giúp cấp ủy các cấp, Ban Bí thư kết luận chính xác các nội dung được kiểm tra, góp phần nâng cao hiệu quả các cuộc kiểm tra này.

3 - Phải thường xuyên coi trọng việc kiện toàn tổ chức bộ máy và cơ quan giúp việc theo hướng đủ về số lượng và ngày càng nâng cao về chất lượng để có khả năng hoàn thành nhiệm vụ được giao trong mọi tình huống. Trước hết phải chú trọng tổ chức xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra có đạo đức, phẩm chất trong sáng, có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định, có trình độ nghiệp vụ cao, đáp ứng mọi yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Ủy ban kiểm tra các cấp phải chủ động phối hợp với ban tổ chức giúp cấp ủy trong việc lựa chọn bổ nhiệm, đề bạt, sử dụng cán bộ nói chung, nhất là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp mình quản lý; đồng thời phải có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức nhiều mặt cho đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra cả về chính trị, kinh tế, xã hội... nghiệp vụ công tác kiểm tra, nhất là những cán bộ mới được phân công làm công tác kiểm tra.

Một vấn đề hết sức quan trọng trong công tác cán bộ là, ủy ban kiểm tra các cấp phải thường xuyên làm tốt việc quản lý, giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ kiểm tra cả về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, ý chí chiến đấu. Đội ngũ cán bộ kiểm tra phải luôn luôn giữ vững và phát huy truyền thống "Tuyệt đối trung thành với Đảng, tận tụy với nhiệm vụ, trung thực, liêm khiết,

đoàn kết, kỷ luật" đã được Trung ương Đảng ghi nhận và biểu dương.

*

* *

Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đã bước vào năm thứ hai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng. Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội bước đầu đã thu được một số thành tích, giữ được tốc độ tăng trưởng khá, trong khi nền kinh tế thế giới chưa qua thời kỳ suy thoái, ở nhiều nước tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm mạnh. Phát huy hiệu quả của công tác kiểm tra, công tác xây dựng Đảng để góp phần phát triển kinh tế - xã hội đạt được phương hướng và chỉ tiêu đề ra là nhiệm vụ của cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp. Mối quan hệ biện chứng giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế và công tác xây dựng Đảng cần được cấp ủy các cấp và toàn thể đảng viên quán triệt hơn nữa. Từ đó, các cấp ủy chú trọng hơn nhiệm vụ kiểm tra của mình, lãnh đạo ủy ban kiểm tra thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra ngang tầm với yêu cầu và nhiệm vụ mới. Đây cũng là nhiệm kỳ thứ hai mà nhiệm vụ của cấp ủy các cấp, nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra các cấp được quy định rõ ràng và ổn định trong Điều lệ Đảng. Cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp tiếp tục phát huy những kinh nghiệm thành công từ nhiều khóa trước, không ngừng nâng cao hiệu quả của công tác kiểm tra, góp phần tạo một bước chuyển biến mới trong công tác xây dựng Đảng như Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX đã đề ra, giữ vững lòng tin yêu của nhân dân đối với Đảng. □

HẢI PHÒNG -

BUƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI

TÔ HUY RỬA *

KHÉP lại năm 2001, lần đầu tiên sau nhiều năm, GDP của Hải Phòng lại đạt mức tăng 2 con số : 10,38%, bằng 1,5 lần mức tăng bình quân của cả nước. Nhiều chỉ tiêu kinh tế cơ bản khác của Hải Phòng đạt khá : giá trị sản xuất công nghiệp tới ngưỡng 5 con số, đạt trên 10 000 tỷ đồng, tăng 19,7% ; giá trị xuất khẩu đạt 410 triệu USD, tăng 25% (kế hoạch là 19%) ; du lịch tăng 12% ; giá trị dịch vụ tăng 11% ; thu ngân sách nội địa đạt mức 4 con số (1 020 tỷ đồng), số thu ngân sách trên địa bàn đạt gần 5 000 tỷ đồng (chỉ đứng sau Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu và Thủ đô Hà Nội). Trong nông nghiệp, mặc dù thời tiết không thuận, sâu bệnh, chuột phá hoại trên diện rộng, song tổng giá trị sản xuất toàn ngành nông - lâm nghiệp vẫn tăng 2,5%, năng suất lúa cả năm đạt trên 10 tấn/ha.

Việc quản lý và phát triển đô thị được đặt đúng vị trí và quan tâm chỉ đạo nên có những chuyển động bước đầu đáng mừng. Sự nghiệp giáo dục và đào tạo tiếp tục giành được những thành tựu mới trên cả 3 mặt " nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân lực, đào tạo nhân tài". Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, chăm lo sức khỏe cộng đồng, chăm sóc các đối tượng chính sách, người có hoàn cảnh khó khăn, giải quyết việc làm... tiếp tục được duy

trì. Công tác xây dựng Đảng mà trọng tâm là cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), công tác xây dựng chính quyền, vận động quần chúng được tăng cường ; quốc phòng - an ninh được bảo đảm vững chắc.

Tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2002 đã và đang cho thấy Hải Phòng có những bước phát triển vững chắc, khá toàn diện trên nhiều lĩnh vực. GDP đạt tốc độ tăng trưởng 10,6% ; giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn tăng 24,9% so với cùng kỳ năm trước. Đặc biệt, công nghiệp trung ương tăng tới 40,9% do một số ngành phát triển mạnh như sản xuất giấy, hóa chất, nhựa, xi-măng, thép, nhất là lĩnh vực đóng tàu và sửa chữa phương tiện vận tải thủy... Công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 19,9%. Các lĩnh vực sản xuất thủy sản, xuất khẩu, du lịch - dịch vụ tăng khá. Lượng hàng hóa bốc xếp qua cảng Hải Phòng ước đạt gần 5 120 000 tấn, tăng 20,9% so cùng kỳ, tạo khả năng đạt và vượt chỉ tiêu 9 triệu tấn trong năm 2002.

Có thể nói, những gì Hải Phòng đạt được trong năm 2001 và 6 tháng đầu năm 2002 là

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Thành ủy Hải Phòng

kết quả của quá trình nỗ lực phấn đấu trong nhiều năm của Đảng bộ và nhân dân thành phố. Đó là bức tranh khái quát về thế và lực của Hải Phòng hôm nay, đồng thời là tiền đề cho những bước phát triển mới trong tương lai.

1. Nhận thức đúng đắn vị trí, tiềm năng, lợi thế

Nhận thức đúng đắn, đầy đủ về vị trí, tiềm năng, lợi thế của Hải Phòng là vấn đề lớn, rất quan trọng ; là điểm xuất phát cho việc hoạch định chiến lược phát triển toàn diện của Đảng bộ thành phố. Đây là công việc phức tạp và khó khăn ; bởi vị trí, tiềm năng, lợi thế của một địa phương có phần do tự nhiên, có phần được nảy sinh, tích tụ trong quá trình phát triển, có phần do kết quả của những chủ trương mới về chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước đem lại ; có phần do tác động của tình hình quốc tế và khu vực tạo nên. Có lợi thế tồn tại lâu dài, nhưng cũng có lợi thế có thể mất đi nếu không được gìn giữ và phát huy kịp thời. Vấn đề lại càng trở nên quan trọng, cần thiết hơn là trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế thì suy cho cùng, để tồn tại và phát triển nhất định phải phát huy cho được các tiềm năng, lợi thế của đất nước, địa phương mình.

Tiềm năng cơ bản nhất và to lớn nhất của Hải Phòng trước hết là 1,7 triệu người sinh sống và làm việc trên một vùng lãnh thổ 1 500 km², được phân bố trên 13 quận, huyện, thị xã. Tiềm năng của Hải Phòng được Đảng bộ thành phố xem xét, đánh giá trong mối quan hệ hữu cơ, nhiều mặt, có hợp tác và phân công với các tỉnh, thành phố bạn, trước hết là những địa phương lân cận trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, với miền Bắc, cả nước và với quốc tế. Hải Phòng phát triển đi

lên không chỉ bằng nguồn lực của chính mình mà còn bằng nguồn lực của các địa phương bạn và của nước ngoài thông qua các quan hệ hợp tác, trao đổi, phân công phù hợp với các quy luật phát triển kinh tế xã hội. Với nhiệm vụ của một nguồn động lực, Hải Phòng cũng có trách nhiệm phải phát huy vai trò ngày càng đầy đủ hơn của mình góp phần làm cho kinh tế xã hội ở địa phương bạn và cả nước ngày càng phát triển.

Quá trình lãnh đạo sự nghiệp xây dựng và bảo vệ thành phố là quá trình Đảng bộ thường xuyên, liên tục đổi mới nhận thức về vị trí, tiềm năng, lợi thế của địa phương ; đồng thời, trân trọng tiếp thu các ý kiến lãnh đạo, chỉ đạo của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, lắng nghe các ý kiến đóng góp của các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương và của bạn bè gần xa. Đại hội lần thứ XII Đảng bộ thành phố họp vào đầu năm 2001 là dịp để Hải Phòng nhận thức đúng đắn và đầy đủ hơn về vị trí, tiềm năng, lợi thế của mình.

Về vị trí, Hải Phòng có vị trí địa - chính trị, địa - kinh tế rất quan trọng trong vị thế là cửa chính ra biển của miền Bắc, một thành phố lớn trực thuộc Trung ương, một đô thị trung tâm cấp quốc gia, một cực tăng trưởng trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, một địa bàn trọng yếu về quốc phòng - an ninh.

Về tiềm năng, lợi thế, với quá trình phát triển công nghiệp, dịch vụ và đô thị trên 100 năm, Hải Phòng là một trong số không nhiều địa phương của nước ta có hệ thống cơ sở hạ tầng khá phát triển, một đầu mối giao thông thuận tiện, liên hoàn, đồng bộ về đường biển, đường sông, đường bộ, đường sắt, đường hàng không ; nguồn nhân lực có số lượng và chất lượng chỉ sau Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Hải Phòng còn có tiềm năng, lợi thế lớn để phát triển công nghiệp,

dịch vụ và thủy sản. Với hệ thống cơ sở nghiên cứu khoa học, sản xuất, chế biến, hạ tầng giao thông vận tải khá tốt và đồng bộ, diện tích nuôi trồng gồm cả nước lợ, nước mặn, nước ngọt, gần các ngư trường lớn, Hải Phòng có nhiều tiềm năng, lợi thế phát triển toàn diện kinh tế thủy sản để trở thành một trong những trung tâm thủy sản lớn của miền Bắc và của cả nước.

Thực tế đã và đang cho thấy, khi ý Đảng, lòng dân thống nhất từ nhận thức tới hành động nhất định sẽ tạo ra nhiều cơ hội mới cho sự phát triển, nhiều cách làm đa dạng nhằm phát huy mọi thế mạnh, tạo ra sức bật vô cùng to lớn của cả hệ thống để vươn lên.

2. Tập trung phát huy mọi nguồn lực

Tiềm năng, lợi thế đã rõ, nhận thức đã thống nhất ; vấn đề là, phát huy mọi nguồn lực, trước hết là nội lực như thế nào để khai thác, sử dụng, bồi đắp và phát huy những tiềm năng, lợi thế đã có sao cho đạt hiệu quả cao nhất nhằm phục vụ lợi ích của Hải Phòng và của cả đất nước. Tự nhận về mình trọng trách đó, Đảng bộ Hải Phòng đã triển khai thực hiện một số vấn đề mấu chốt sau :

- **Một là :** Huy động mọi nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo hướng đồng bộ, hiện đại. Nhờ sự quan tâm của Trung ương Đảng, Chính phủ, sự giúp đỡ của các bộ, ban, ngành ở Trung ương, chỉ tính từ năm 1996 đến nay, Hải Phòng huy động được trên 23 000 tỷ đồng vốn từ trong và ngoài nước cho việc nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng, như quốc lộ 5, quốc lộ 10, đường 353 (Cầu Rào - Đồ Sơn), đường xuyên đảo Đình Vũ - Cát Bà, nâng cấp cảng Hải Phòng, xây dựng các khu công nghiệp Nô-mu-ra, Vật Cách, Bắc Thủy Nguyên, Đình Vũ, Vĩnh Niệm, Quán Trữ, An Tràng... ; hệ thống bưu điện, cấp điện, cấp nước, thoát nước, vệ sinh môi trường, các cơ

sở hậu cần nghề cá... làm thay đổi cơ bản diện mạo thành phố từ nội thành đến ngoại thành, từ đất liền đến các huyện đảo Cát Hải, Cát Bà, Bạch Long Vĩ. Hệ thống cơ sở hạ tầng này đang phát huy tác dụng tích cực cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, của cả vùng hiện tại cũng như trong thời gian tới.

- **Hai là :** Các tiềm năng, lợi thế của Hải Phòng cho phép phát triển kinh tế đa dạng. Song, trong bước đi ban đầu của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố, Đảng bộ chủ trương tập trung đầu tư cho một số lĩnh vực, sản phẩm mũi nhọn, nhằm nhanh chóng tạo ra sự phát triển có tính đột phá với lượng hàng hóa và dịch vụ có khối lượng lớn, có chất lượng ngày càng cao đủ sức cạnh tranh chiếm lĩnh thị trường, giải quyết nhiều lao động, đóng góp lớn cho ngân sách nhà nước.

Về sản xuất công nghiệp : Nắm bắt thời cơ do công cuộc đổi mới, mở cửa đất nước mang lại, thành phố đã tập trung sức tháo gỡ các khó khăn, tranh thủ sự chỉ đạo của Chính phủ, tích cực phối hợp với các Tổng công ty 90, 91 khôi phục và phát triển mạnh ngành cơ khí đóng và sửa chữa tàu biển, sản xuất vật liệu xây dựng và giày dép xuất khẩu.

Ngành cơ khí đóng và sửa chữa tàu biển áp dụng nhiều công nghệ tiên tiến, đóng thành công 3 tàu viễn dương, trọng tải 6 500 tấn, theo tiêu chuẩn quốc tế, xuất khẩu một số tàu công trình cho I-rắc và Xin-ga-po ; triển khai đóng tàu 11 000 tấn hiện đang đầu tư lớn để củng cố và tạo nguồn động lực mạnh mẽ cho bước phát triển mới của thành phố vốn là trung tâm đóng tàu lớn nhất nước ta.

Với ngành sản xuất vật liệu xây dựng, thành phố có 2 nhà máy lớn sản xuất xi-măng là Công ty xi-măng Hải Phòng và Công ty liên doanh xi-măng Chinh Phong -

Hải Phòng, với tổng công suất khoảng 2 triệu tấn xi-măng/năm. Hiện đang triển khai xây dựng nhà máy sản xuất xi-măng Hải Phòng mới tại Trảng Kênh, huyện Thủy Nguyên, công suất 1,4 triệu tấn xi-măng/năm. Nét mới là Hải Phòng từ chỗ không có trong bản đồ sản xuất thép của Việt Nam, nhưng do biết phát huy lợi thế có cảng biển, giao thông vận tải thuận lợi và truyền thống công nghiệp, nên sau mấy năm Hải Phòng đã vươn lên trở thành một trong những trung tâm sản xuất thép hàng đầu Việt Nam, với gần 10 nhà máy, sản lượng 70 vạn tấn thép xây dựng/năm.

Các nhà máy giày dép của Hải Phòng, chủ yếu thuộc khu vực ngoài quốc doanh, đã sản xuất được 36 triệu đôi/năm. Song, ý nghĩa to lớn của nó còn ở chỗ Nhà nước không phải đầu tư lớn về kinh phí mà chỉ bằng đổi mới cơ chế quản lý đã tạo ra một ngành hàng công nghiệp mũi nhọn sản xuất được khối lượng sản phẩm xuất khẩu lớn, giải quyết hàng vạn lao động, làm thay đổi nhanh chóng cơ cấu kinh tế một số huyện ngoại thành, như Kiến Thụy, An Lão theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, giảm tương đối tỷ trọng nông nghiệp.

Dịch vụ là lĩnh vực kinh tế then chốt, mang lại hiệu quả kinh tế cao, có ý nghĩa hết sức to lớn cho tương lai phát triển của thành phố. Hải Phòng là địa phương có đủ mọi điều kiện thuận lợi về tự nhiên, kinh tế xã hội để trên cơ sở những gì đã có, tiếp tục phát triển thành một cảng biển quốc tế lớn, hiện đại, kể cả việc xây dựng cảng nước sâu cho tàu biển trọng tải từ 5 vạn tấn trở lên ra vào dễ dàng, để thành phố tiếp tục là cửa chính ra biển của các tỉnh phía Bắc; đồng thời, có thể khai thác được cả thị trường vận tải rộng lớn ở khu vực Tây Nam Trung Quốc. Năm 2001, Đảng bộ thành phố tập trung chỉ đạo sản xuất hàng xuất khẩu tại địa phương, coi trọng nâng cao chất lượng, có chiến lược thị trường đúng

đắn, nên kim ngạch xuất khẩu của Hải Phòng đã tăng 25%, vượt kế hoạch đề ra (19%), đạt 410 triệu USD, trở thành điểm sáng trong lĩnh vực xuất khẩu của cả nước.

Về thủy sản: Đảng bộ thành phố tập trung cao sự lãnh đạo, chỉ đạo để nắm bắt thời cơ mới, nhằm tạo cho thủy sản có tốc độ phát triển đột phá trên tất cả các mặt nuôi trồng, đánh bắt, chế biến, xuất khẩu. Năm 2001, sản lượng đánh bắt thủy sản đạt 26 000 tấn, tăng 12,2%; nuôi trồng đạt 23 000 tấn, tăng 21%; xuất khẩu đạt 40,5 triệu USD, tăng 58% so với năm trước.

Về du lịch: Với chủ trương xây dựng Hải Phòng thành trung tâm du lịch lớn của miền Bắc và cả nước, một đầu mối phân phối khách du lịch quốc tế, hướng mạnh vào phát triển du lịch sinh thái biển và du lịch văn hóa, Thành phố khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia kinh doanh du lịch. Bởi vậy, thị trường du lịch được mở rộng, sản phẩm du lịch ngày càng đa dạng, phong phú hơn mở ra triển vọng mới để phát triển mạnh trong những năm tới.

- **Ba là:** Quán triệt quan điểm của Trung ương về xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước là chủ đạo; phát huy nội lực và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, Đảng bộ thành phố đã chú trọng cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, xây dựng các cơ chế của địa phương để tháo gỡ cho sản xuất - kinh doanh phát triển. Năm 2001 được thành phố xác định là "Năm cơ chế", nhiều công việc đã được cải tiến từ các thủ tục như cấp đất, cấp phép, vay vốn... đến xây dựng cơ sở hạ tầng, tạo thêm môi trường và những điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất kinh doanh. Năm 2001, Hải Phòng đã đẩy nhanh tiến độ thực hiện Luật Doanh nghiệp, cấp đăng ký sản xuất kinh doanh cho

gần 600 lượt doanh nghiệp, với tổng số vốn 889 tỷ đồng, thu hút thêm 335 tỷ đồng vốn đăng ký bổ sung của 100 lượt doanh nghiệp. Sau 2 năm thực hiện Luật Doanh nghiệp, số doanh nghiệp mới thành lập của Hải Phòng ngày càng nhiều, năm 2000 gấp 3 lần so với năm 1999 và năm 2001 tăng 87% so với năm 2000, giải quyết việc làm cho trên 30 000 lao động.

Kinh tế hợp tác được chú ý đầu tư và mở rộng các hình thức để nâng lên sức mạnh của mỗi xã viên, làm cầu nối giữa nhà nước và nông dân, tạo ra một số mô hình quản lý sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp như mô hình hợp tác xã Lập Lễ, mô hình VAC, mô hình liên kết giữa công ty kinh doanh và hộ nông dân cung ứng nông sản, gắn sản xuất với chế biến và thị trường nhằm nâng cao giá trị, hiệu quả và đẩy mạnh tiêu thụ nông sản (nhất là các sản phẩm chăn nuôi, thủy sản, chế biến cà chua, chế biến dưa chuột...), mô hình phát triển sản xuất theo phương thức nông - lâm kết hợp, phát triển kinh tế vườn đồi.

Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đã đóng góp 75% tổng ngân sách nhà nước của Hải Phòng. Kinh tế dân doanh được khuyến khích phát triển nên đã lớn mạnh cả về số lượng, quy mô và loại hình, huy động được nguồn vốn lớn trong dân, đóng góp ngày càng lớn vào sự tăng trưởng kinh tế của thành phố, thu hút đông đảo lao động có việc làm mới, góp phần tích cực vào công tác "xóa đói giảm nghèo".

Thực tiễn phát triển ở Hải Phòng chứng tỏ quan điểm, chủ trương phát huy nội lực của Thành phố là hoàn toàn đúng đắn. Rõ ràng, cần thu hút đầu tư nước ngoài, nhưng nếu biết cách phát huy tốt các nguồn lực thì không

nhất thiết phải chờ có đầu tư nước ngoài mới tạo ra sự phát triển.

3. Đổi mới sự chỉ đạo và phương pháp, cách thức tổ chức thực hiện

Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi sự nghiệp xây dựng và phát triển. Tuy nhiên, cần tiếp tục đổi mới phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, tổ chức triển khai phù hợp với tình hình, nhiệm vụ mới.

Thứ nhất, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ thành phố chủ yếu là bằng nghị quyết và thông qua nghị quyết, song vấn đề đổi mới ở đây là Đảng bộ Hải Phòng đã không dàn trải mà chú trọng phát huy trí tuệ của toàn Đảng bộ, toàn dân; xác định trúng các vấn đề trọng tâm, các khâu then chốt để xây dựng các nghị quyết nhằm phát huy các tiềm năng, lợi thế của địa phương, tạo ra những chuyển biến mang tính đột phá và lan tỏa đến mọi lĩnh vực khác của thành phố, đáp ứng mong muốn, đòi hỏi của nhân dân. Đó là Nghị quyết Đại hội XII, Đảng bộ thành phố về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp cho giai đoạn 2001 - 2005; Nghị quyết 20 về phát triển du lịch; Nghị quyết 16 về phát triển thủy sản; Thông báo kết luận số 44 về đẩy mạnh phát triển công nghiệp; Nghị quyết số 17 về đẩy mạnh phát triển các thành phần kinh tế; Nghị quyết số 15 về phát triển nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; Nghị quyết 25 về cảng nhằm phát huy tiềm năng của cảng...

Thứ hai, đổi mới cách thức thực hiện nghị quyết. Trong thực tế có tình trạng cấp ủy ra nghị quyết là coi như đã xong nhiệm vụ, còn việc tổ chức triển khai đạt kết quả như thế nào lại được coi thuần túy là việc của các cấp chính quyền và các tổ chức khác. Khắc phục điều đó, các cấp ủy đảng thành phố chỉ đạo

đưa ngay nội dung nghị quyết đó vào cuộc sống, tổ chức thực hiện với tinh thần chủ động và sáng tạo. Mặt khác, trong quá trình thực hiện nghị quyết, Thành ủy Hải Phòng theo dõi, kiểm tra, đôn đốc chặt chẽ kịp thời sơ kết những mặt làm được và chưa được, kịp thời bổ khuyết các giải pháp nhằm thực hiện tốt các nghị quyết.

Kinh nghiệm rút ra là, trước tình hình mới, rõ ràng, phải đổi mới cách lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng theo hướng Đảng tập trung trí tuệ của cả hệ thống khi xác định những phương hướng, giải pháp lớn ; tạo sự thống nhất cao độ và bằng sức mạnh của cả hệ thống với cơ chế quản lý kiểm tra chặt chẽ, cụ thể để thực hiện cho kỳ được nghị quyết của Đảng.

*

Từ những kết quả và kinh nghiệm bước đầu, Hải Phòng chủ động bước vào thời kỳ phát triển mới. Mục tiêu đặt ra là phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Một số chỉ tiêu phát triển chủ yếu trong thời gian tới là : năm 2002 tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 10,5 - 11% so với năm 2001 ; giá trị sản xuất công nghiệp tăng 17 - 17,5% ; giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản tăng 5 - 6%, trong đó thủy sản tăng 20% ; giá trị sản xuất nhóm ngành dịch vụ tăng 11% ; khối lượng hàng hóa vận chuyển qua cảng Hải Phòng 9 triệu tấn ; thu hút trên 1,4 triệu lượt khách du lịch, tăng 16% ; tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 471 triệu USD, tăng trên 20% ; tổng vốn đầu tư - phát triển toàn xã hội 6 500 tỉ đồng, tăng 18% ; giải quyết 36 000 lao động, tăng 5,8% ; giảm 10% số hộ đói nghèo.

Từ yêu cầu của thực tiễn, Hải Phòng tiếp tục xây dựng các cơ chế, chính sách tạo môi trường đầu tư phát triển hấp dẫn để duy trì sự tăng trưởng bền vững và nâng cao sức cạnh tranh trong quá trình hội nhập kinh tế chung

của đất nước. Trước mắt Hải Phòng tiếp tục xây dựng các cơ chế, chính sách ưu đãi hơn nữa để thu hút đầu tư và thúc đẩy sản xuất công nghiệp ; có kế hoạch hỗ trợ các doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế ; chú ý đầu tư thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng sức cạnh tranh, đáp ứng những yêu cầu của hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

Một vấn đề hết sức quan trọng là nỗi bức xúc của cán bộ, đảng viên và nhân dân thành phố trong công tác phát triển đô thị. Hiện nay, Hải Phòng được xếp là thành phố cấp II. Điều này rõ ràng là chưa phù hợp với vị thế, quá trình lịch sử và khả năng của Hải Phòng. Vấn đề đặt ra là cần có quan niệm đúng hơn về vị trí, tính chất, chức năng cần phải phấn đấu để trong thời gian không xa, Hải Phòng trở thành đô thị loại I, xứng đáng là 1 trong 5 đô thị trung tâm cấp quốc gia mà Chính phủ đã xác định. Ở đây, ngoài nỗ lực chủ quan của địa phương, sự lãnh đạo giúp đỡ, tạo điều kiện của Trung ương Đảng và Chính phủ có ý nghĩa rất quyết định.

Hải Phòng sẽ phát triển để trở thành một thành phố văn minh, hiện đại và giàu đẹp. Để biến ước mơ thành hiện thực, Đảng bộ và nhân dân Hải Phòng phải nỗ lực phấn đấu với quyết tâm cao nhất ; đồng thời rất cần sự quan tâm, giúp đỡ của Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ và các bộ ngành trung ương. Thành phố Hải Phòng rất mong nhận được mối quan hệ, phối hợp tốt đẹp và sự cổ vũ, động viên của các địa phương bạn trong cả nước. Với sự nỗ lực và giúp đỡ đó, chắc chắn Hải Phòng sẽ phát triển nhanh và bền vững, góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển chung của đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. □

NGUYỄN VĂN CỪ - MỘT NHÀ LÃNH ĐẠO XUẤT SẮC CỦA ĐẢNG TA, CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM

NGUYỄN ĐỨC BÌNH*

VIẾT về đồng chí Nguyễn Văn Cừ, có học giả đánh giá bằng một hình ảnh mà tôi rất tâm đắc : "Có những vĩ nhân mà cuộc đời đi qua lịch sử như một ánh chớp rực rỡ".

Đồng chí Nguyễn Văn Cừ của chúng ta đúng là một vĩ nhân như thế. Cuộc đời đồng chí quá ngắn ngủi, tiếc thay ! Nhưng cống hiến của đồng chí thì sáng rực như một ánh sao băng trên bầu trời cách mạng Việt Nam ở một thời đoạn lịch sử mang tính bước ngoặt lớn, phức tạp.

Sinh ngày 9-7-1912, vào Đảng năm 1929 lúc mới 17 tuổi. Bị thực dân Pháp cầm tù ở Côn Đảo từ năm 1931 đến năm 1936. Là Xứ ủy viên Xứ ủy Bắc kỳ năm 1937. Ủy viên thường vụ Trung ương Đảng tháng 9-1937. Tổng Bí thư Đảng tháng 3-1938 lúc chưa đầy 26 tuổi. Ngày 18-1-1940 bị sa lưới mật thám. Ngày 28-8-1941, cùng với những chiến sĩ cộng sản lỗi lạc : Hà Huy Tập, Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai..., Nguyễn Văn Cừ lần lượt bước ra pháp trường và đi vào cõi bất tử với 29 tuổi đời, 11 tuổi Đảng trong đó có hai năm giữ trọng trách Tổng Bí thư của Đảng.

Nói công lao, sự nghiệp của Nguyễn Văn Cừ, trước hết phải nói đến *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Trung ương Đảng*, ngày 6 - 7 - 8 tháng 11- 1939 và tác phẩm nổi tiếng *Tự chỉ trích* của đồng chí. Nghĩ vậy, nhân dịp kỷ niệm 90 năm ngày sinh đồng chí Nguyễn Văn Cừ, tôi chăm chú đọc lại và cố gắng suy ngẫm từ hai công trình ấy để tìm hiểu sâu hơn những kinh nghiệm cách mạng và bài học về xây dựng Đảng ta.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Trung ương, tháng 11-1939, do đồng chí Nguyễn Văn Cừ chủ trì khởi thảo là một văn kiện có ý nghĩa *vạch thời kỳ*. Nó đánh dấu bước chuyển hướng cực kỳ quan trọng trong chỉ đạo chiến lược, sách lược sáng suốt và kịp thời của Đảng ta chuẩn bị đưa cách mạng lên cao trào trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Cũng cần nói rằng trước hội nghị Trung ương 6 hơn một tháng, ngày 29-9-1939, trong *Thông cáo của Trung ương gửi các cấp bộ* đã nói rõ : mấy năm gần đây, Đảng ta còn ở thời kỳ tranh đấu đòi các quyền tự do dân chủ rộng rãi, "*Nhưng hiện nay tình hình đã thay đổi*"

* GS, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng

hiều. Hoàn cảnh Đông Dương sẽ tiến bước đến vấn đề dân tộc giải phóng... Vậy tất cả các đồng chí phải thâm hiểu vấn đề dân tộc giải phóng một cách quả quyết, gây cho tất cả các tầng lớp dân chúng hiểu biết tinh thần dân tộc giải phóng"(1). Trước đó khá lâu, trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản Đông Dương* đối với thời cuộc ngày 29-10-1938 (nghĩa là gần một năm trước khi xảy ra chiến tranh thế giới thứ hai) Đảng đã sớm cảnh báo về nguy cơ chiến tranh thế giới đang đến gần : "Tình hình thế giới ngày nay đã tới thời kỳ đặc biệt nghiêm trọng, ngòi lửa chiến tranh xâm lược do phát xít gây ra đã cháy rải rác khắp thế giới..."(2). Trong khi vạch rõ chính sách nhu nhược của Anh, Pháp đối với phát xít Đức, khiến chiến tranh đế quốc càng nguy cấp từng giờ, từng phút và càng khuyến khích phát xít chuyển hướng nhanh sang đánh Liên Xô, *Tuyên ngôn* còn vạch rõ : "Đồng thời chiến tranh xâm lược của Nhật ở Trung Quốc mà nhất là Hoa Nam càng trực tiếp hăm dọa xứ Đông Dương... *Đông Dương sẽ không chắc gì khỏi bị đánh phá*"(3). Ở thời điểm năm 1938, đó quả là những dự báo vô cùng sáng suốt bởi ta biết rằng mãi đến 22-9-1940 phát xít Nhật mới vào Đông Dương ; thậm chí lúc đó (1938) chiến tranh thế giới thứ hai còn chưa bùng nổ, càng chưa có chuyện phát xít chuyển từ chiến tranh giữa đế quốc với đế quốc sang chiến tranh phản cách mạng chống Liên Xô - thành trì của chủ nghĩa xã hội và hòa bình.

Trở lại Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Trung ương, tháng 11-1939. Nghị quyết đã phân tích sâu sắc tình hình thế giới và tính chất chiến tranh trong giai đoạn đầu là đế quốc chiến tranh ; dự báo

khả năng phát xít sẽ chuyển sang tiến công Liên Xô do đó chiến tranh sẽ thay đổi tính chất ; dự báo, tuy vậy, tiền đề cách mạng thế giới là rất xán lạn. Hội nghị Trung ương đã nhận định vị trí Đông Dương và chính sách cai trị ngày càng phản động của đế quốc Pháp, lại bị đế quốc Nhật lấn le xâm lược - "đó là số phận đau đớn và nguy cơ của 25 triệu nhân dân Đông Dương". Hội nghị phân tích tình hình xã hội - kinh tế và thái độ các giai cấp, tầng lớp ở Đông Dương từ nông dân, thợ thuyền, tiểu tư sản thành thị đến tư sản, địa chủ. Từ phân tích giai cấp, Nghị quyết đi đến phân tích các đảng phái và xu hướng chính trị trên chính trường. Nghị quyết còn phân tích sâu sắc vấn đề dân tộc, mối quan hệ về kinh tế và chính trị giữa các dân tộc, về chính sách áp bức và chia rẽ dân tộc của đế quốc Pháp, về phong trào dân tộc, về vị trí vấn đề dân tộc và thái độ của các giai cấp đối với vấn đề dân tộc.

Từ phân tích tình hình xã hội - kinh tế, xu hướng chính trị của các giai cấp, tầng lớp, đảng phái ; phân tích tương quan lực lượng giữa các giai cấp, Nghị quyết nêu bật *mâu thuẫn chủ yếu* nổi lên lúc bấy giờ : *một bên* là đế quốc Pháp dựa vào bọn vua quan bản xứ thối nát và bọn chó săn phản bội dân tộc ; *một bên* là tất cả các dân tộc bản xứ bị đế quốc áp bức như trâu ngựa và đeo rút xương tủy. Trong lúc này tất cả các dân tộc, trừ bọn vua quan và một bộ phận phản động trong đám địa chủ và tư sản ; tất cả các đảng phái, trừ bọn chó săn đang phản bội dân tộc, đều phải gánh chịu những tai họa ghê gớm của đế quốc

(1) *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, năm 2001, t 6, tr 756

(2), (3) *Văn kiện đã dẫn*, t 6, tr 431, 432

chiến tranh, đều cảm tức kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc. Nghị quyết viết : "Những thảm họa do đế quốc chiến tranh gây nên sẽ làm cho trình tự cấp tiến hóa và cách mệnh hóa của quần chúng hết sức mau chóng..., lòng phần uất sẽ sôi sục, cách mệnh sẽ nổ bùng", "Cuộc khủng hoảng kinh tế, chính trị gây nên bởi đế quốc chiến tranh lần này sẽ nung nấu cách mệnh Đông Dương nổ bùng và tiền đồ cách mệnh giải phóng Đông Dương nhất định sẽ quang minh rực rỡ"(4).

Trên cơ sở phân tích tình hình và dự báo chính xác triển vọng cách mạng, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Trung ương chỉ rõ : "Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không còn con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm vô luận da trắng hay da vàng để giành lấy giải phóng, độc lập. Đế quốc Pháp còn, dân chúng Đông Dương chết. Đế quốc Pháp chết, dân chúng Đông Dương còn". "Đảng ta phải thay đổi chính sách. Mặt trận dân chủ thích hợp với hoàn cảnh trước kia, ngày nay không còn thích hợp nữa. Ngày nay phải thành lập *Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương* để tranh đấu chống đế quốc chiến tranh, đánh đổ đế quốc Pháp và bọn phong kiến thối nát, giải phóng các dân tộc Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập"(5).

Hội nghị lần thứ 6 của Trung ương quyết định thay đổi một số khẩu hiệu, chuyển hướng hình thức tổ chức và đấu tranh, tạm gác khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của giai cấp địa chủ, chỉ chủ trương tịch thu ruộng đất của đế quốc và tay sai, thay khẩu hiệu lập Xô-viết công nông binh bằng lập chính phủ Cộng hòa dân chủ. Cùng với lập Mặt trận thống nhất dân tộc

phản đế, Hội nghị chủ trương lập Công hội, Nông hội, Thanh niên phản đế, Phụ nữ phản đế..., nhấn mạnh chuyển sang hoạt động bí mật, bất hợp pháp là chính kết hợp khôn khéo lợi dụng nhiều hình thức biến tướng, công khai và bán công khai để tập hợp rộng rãi số quần chúng chậm tiến và che đậy cho những hình thức bí mật, tất cả nhằm "*dự bị những điều kiện bước tới bạo động làm cách mạng giải phóng dân tộc*". Về xây dựng Đảng, Hội nghị đặc biệt nhấn mạnh : "Trong thời giờ nghiêm trọng này, trong lúc phong trào cách mệnh đang sắp phát triển hết sức to rộng và sắp bước vào thời kỳ quyết liệt thì Đảng ta nhất định phải thống nhất ý chí lại thành một ý chí duy nhất, một mà thôi"(6).

Tóm lại, sự sáng tạo lớn và cực kỳ nhạy bén của Hội nghị lần thứ 6 của Trung ương Đảng, tháng 11-1939, do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chủ trì là đã kịp thời nêu ra phương hướng chiến lược mới tập trung mũi nhọn cách mạng vào đế quốc và tay sai, giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, chuẩn bị bước tới cao trào cách mạng tiến lên giành chính quyền về tay nhân dân. Sự sáng tạo ở đây là đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ cơ bản phản đế và phản phong của chiến lược cách mạng tư sản dân quyền theo lối mới (*) được Đảng ta và Bác Hồ đề ra từ năm 1930 ; xét sâu hơn, đó là việc giải quyết đúng đắn *mối quan hệ giai cấp - dân tộc, dân tộc - giai cấp trong điều kiện lịch sử - cụ thể của đất nước và thế giới trước thềm chiến tranh thế giới thứ hai*.

(4) *Văn kiện đã dẫn*, t 6, tr 534 - 535

(5) *Văn kiện đã dẫn*, t 6, tr 536 - 537

(6) *Văn kiện đã dẫn*, t 6, tr 58

(*) Về sau được gọi rõ nghĩa hơn là "cách mạng dân tộc - dân chủ" hoặc "cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân"

Chỉ ra mối quan hệ giữa Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương với cách mệnh tư sản dân quyền, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Trung ương viết : "Cuộc cách mệnh giải phóng các dân tộc của Mặt trận phản đế là một kiểu của cách mệnh tư sản dân quyền. Song đứng trong tình thế khác ít nhiều với tình thế 1930 -1931, chiến lược cách mệnh tư sản dân quyền bây giờ cũng phải thay đổi ít nhiều cho hợp với tình thế mới. Cách mệnh phản đế và điền địa là hai cái mấu chốt của cách mệnh tư sản dân quyền. Không giải quyết được cách mệnh điền địa thì không giải quyết được cách mệnh phản đế. Trái lại, không giải quyết được cách mệnh phản đế thì không giải quyết được cách mệnh điền địa - cái nguyên tắc chính ấy không bao giờ thay đổi, nhưng nó phải ứng dụng một cách khôn khéo thế nào để thực hiện được nhiệm vụ chính cốt của cách mệnh là đánh đổ đế quốc. Hiện nay tình hình có đổi mới. Đế quốc chiến tranh, khủng hoảng cùng với ách thống trị phát xít thuộc địa đã đưa vấn đề dân tộc thành một vấn đề khẩn cấp rất quan trọng. Đám đông trung tiểu địa chủ và tư sản bốn xứ cũng căm tức đế quốc. *Đứng trên lập trường giải phóng dân tộc, lấy quyền lợi dân tộc làm tối cao, tất cả mọi vấn đề của cách mệnh, cả vấn đề điền địa cũng phải nhằm vào cái mục đích ấy mà giải quyết*"⁽⁷⁾.

Để đi tới đánh đổ đế quốc, Nghị quyết Hội nghị này cũng chỉ rõ : Phải huy động dân chúng chống đế quốc chiến tranh và kêu gọi lòng ái quốc chân chính, những tập truyền tốt đẹp của dân tộc ; phải biết gắn những quyền lợi thiết thực của các tầng lớp nhân dân với quyền lợi dân tộc và kêu gọi

thống nhất dân tộc. Cái tinh thần ái quốc và đòi thống nhất dân tộc, giải phóng dân tộc càng phát triển thì phong trào phản đế càng cao. Mở rộng và nâng cao tinh thần dân tộc, làm cho mỗi người trong các giai cấp có ý thức về sự tồn vong của dân tộc và sự liên quan mật thiết của vận mạng dân tộc với lợi ích cá nhân mình ; đặt quyền lợi dân tộc lên trên các quyền lợi khác, thống nhất lực lượng dân tộc, đó là điều kiện cốt yếu để đánh đổ đế quốc.

Nhấn rất mạnh vấn đề dân tộc, tinh thần dân tộc, quyền lợi dân tộc, sự thống nhất dân tộc, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Trung ương không hề xem nhẹ và xa rời lập trường giai cấp, quan điểm giai cấp, phương pháp phân tích giai cấp. Trái lại, chính là thâm nhuần sâu sắc lập trường, quan điểm giai cấp, nắm chắc và vận dụng nhuần nhuyễn chứ không phải cứng nhắc và thô sơ phương pháp phân tích giai cấp mà Hội nghị đã đặt đúng tầm và giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc, vấn đề giải phóng dân tộc trong điều kiện cụ thể lúc đó : "Đứng về quan niệm giai cấp, Mặt trận thống nhất phản đế không những có ý nghĩa thống nhất dân tộc mà còn có ý nghĩa là liên hiệp các giai cấp trong dân tộc bị áp bức đánh đổ chế độ đế quốc là chế độ tàn ác, thối nát của giai cấp tư bản tài chính, giai cấp đương làm chủ như ông trên thế giới tư bản. Không vạch rõ cái tính chất liên hiệp giai cấp của Mặt trận phản đế trong những điều kiện nhất định, thái độ và vị trí của mỗi giai cấp nằm trong Mặt trận thì Mặt trận sẽ là lợi khí cho giai cấp tư sản đòi thi hành những quyền lợi ích kỷ hoặc đi vào con đường quốc gia hẹp hòi

(7) Văn kiện đã dẫn, t 6, tr 538 - 539

của giai cấp tư sản, Mặt trận sẽ không thi hành được nhiệm vụ cách mệnh của mình. Nếu sự tuyên truyền vận động lập Mặt trận phản đế không có in cái dấu vô sản (*empreinte prolétarienne*), đa số giai cấp vô sản không tỏ rõ được con đường chính trị đúng của mình, giai cấp vô sản không cầm được bá quyền trong Mặt trận, lực lượng chỉ huy Mặt trận yếu thì cách mệnh tư sản dân quyền không giải quyết được nhiệm vụ theo phương pháp vô sản. Phải làm cho giai cấp bị bóc lột nhận rõ trong thời kỳ này quyền lợi dân tộc là quyền lợi cao nhất, nhưng không thể che dấu những quyền lợi mâu thuẫn của các giai cấp... Nếu không làm cho dân chúng tin vào sức mạnh của họ, vào năng lực cách mệnh của họ, sự thắng lợi nhất định sẽ về tay họ thì không thể có phong trào cách mệnh giải phóng dân tộc và cách mệnh không thể thành công"(8).

Như vậy, trong khi đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên trên hết, nhấn rất mạnh tinh thần dân tộc, quyền lợi dân tộc, sự thống nhất dân tộc, Hội nghị lần thứ 6 của Trung ương không sa vào quan niệm trừu tượng về dân tộc mà xuất phát từ lập trường, quan điểm giai cấp và phương pháp phân tích giai cấp; nếu không thế thì dễ đi vào con đường dân tộc chủ nghĩa hẹp hòi, quốc gia tư sản. Không có dân tộc trừu tượng, chung chung, phi giai cấp. Từ đó khi sắp xếp lực lượng trong Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế, Nghị quyết vạch rõ: "Mặt trận ấy phải dưới quyền chỉ huy của vô sản giai cấp" và "*Công nông là hai cái lực lượng chính của cách mệnh*, sự đồng minh chặt chẽ của công nông là vấn đề sống chết của cách mệnh, không có sự đồng minh ấy thì cách mệnh không thể

thắng lợi được". Nhưng "*công nông phải đưa cao cờ dân tộc lên*, vì quyền lợi sinh tồn của dân tộc mà sẵn sàng bắt tay với tiểu tư sản và những tầng lớp tư sản bốn xứ, trung tiểu địa chủ còn có cảm tức đế quốc, vì sự cảm tức ấy có thể làm cho họ có ít nhiều tinh thần chống đế quốc"(9).

Còn về tranh đấu thì: "Phải biết xoay tất cả phong trào tranh đấu lẻ tẻ vào cuộc tranh đấu chung, phản đối đế quốc chiến tranh, chống đế quốc Pháp và bè lũ (tay sai - NĐB), dự bị những điều kiện bước tới bạo động làm cách mệnh giải phóng dân tộc. Trong sự sinh hoạt hằng ngày của các giai cấp bốn xứ tất nhiên không tránh khỏi sự xung đột quyền lợi. Những cuộc tranh đấu của công nhân với tư bản bốn xứ, nông dân với phú nông, địa chủ tất nhiên phải có, song đứng trên lập trường cách mệnh giải phóng dân tộc, sự điều hòa những cuộc tranh đấu của những giai cấp người bốn xứ đưa nó vào phong trào đấu tranh chung của dân tộc là nhiệm vụ cốt tử của người lãnh đạo. Song, không ngó ngàng đếm xỉa đến quyền lợi hằng ngày của quần chúng lao động, không tìm cách bênh vực làm cho họ đủ no, thì năng lực cách mệnh của quần chúng sẽ giảm đi. Nhưng nếu căng thẳng các cuộc tranh đấu ấy, thì sự liên hiệp các giai cấp bốn xứ sẽ không thành, khẩu hiệu "*Quyền lợi dân tộc cao hơn hết*" sẽ không thực hiện được"(10).

Ta biết rằng, Hội nghị lần thứ 8 của Trung ương, tháng 5-1941, càng đặt cao và nhấn mạnh hơn nữa vấn đề dân tộc và nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Đó là do

(8) *Văn kiện đã dẫn*, t 6, tr 545 - 546

(9) *Văn kiện đã dẫn*, t 6, tr 540

(10) *Văn kiện đã dẫn*, t 6, tr 552

tình hình đã có nhiều biến chuyển mới và cực kỳ bức xúc hơn so với năm 1939 lúc ra đời Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Trung ương. Hội nghị lần thứ 8 của Trung ương họp khi phát xít Nhật đã vào Đông Dương (từ 20-9-1940) ; khi Pháp đã đầu hàng phát xít cả ở chính quốc, cả ở Đông Dương thuộc địa ; khi dân tộc ta đã bị "một cổ hai tròng" ; khi "đánh Pháp, đuổi Nhật" đã trở thành lẽ sống chết, "nước sôi lửa bỏng". Mỗi nghị quyết của Đảng đều gắn liền với mỗi hoàn cảnh lịch sử cụ thể của đấu tranh cách mạng. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 và 8 của Trung ương đều là như vậy. Cả hai đều phản ánh và đáp ứng một cách chính xác, đầy sáng tạo - phù hợp với điều kiện lịch sử rất cụ thể ở mỗi thời điểm - những yêu cầu của quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa giai cấp và dân tộc, dân tộc và giai cấp trong quá trình phát triển cách mạng Việt Nam. Và như vậy, *cả hai đều là minh chứng rực rỡ điểm căn bản và cốt lõi nhất trong tư tưởng Hồ Chí Minh*. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 của Trung ương do Bác Hồ đích thân chủ trì là như thế đã đành, và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Trung ương, tuy vắng Bác, cũng vẫn là văn kiện thể hiện sáng ngời tư tưởng Hồ Chí Minh. Cả ngày nay cũng như vậy, tuy Bác đã đi xa, nhưng tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn sống mãi trong sự nghiệp cách mạng của Đảng ta, của nhân dân ta, của dân tộc ta, bởi tư tưởng Hồ Chí Minh chính là chân lý lớn của cách mạng Việt Nam, là sự phản ánh đúng quy luật phát triển của lịch sử hiện đại Việt Nam .

Xin chuyển sang thu hoạch từ tác phẩm *Tự chỉ trích* của đồng chí Nguyễn Văn Cừ (xuất bản tháng 7-1939). Đây là một tác phẩm lý luận lớn vừa tổng kết thực tiễn

cách mạng những năm 1936-1939, vừa đấu tranh tư tưởng lý luận chống tả, chống hữu, chống bọn tờ-rốt-kít, vừa "giải bày cái cốt yếu của chính sách Mặt trận Dân chủ mà Đảng Cộng sản Đông Dương đề xướng và vẫn đang thực hành"⁽¹¹⁾.

Đặc điểm nổi bật và bao trùm ở tác phẩm là sự quán triệt những nguyên tắc cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, bằng phương pháp biện chứng và tư duy chính trị cực kỳ sắc sảo, và cả bằng một hình thức văn học luận chiến sắc bén, không khuôn sáo, công thức mà sinh động, gắn sát với thực tiễn, có tính chiến đấu và sức thuyết phục cao, tác giả đã phân tích sâu sắc đến độ tinh tế hàng loạt mối quan hệ phức tạp giữa chiến lược và sách lược, giữa nhiệm vụ trước mắt và lâu dài, giữa hiện thực và triển vọng đi tới.

Hồi đó trên chính trường Việt Nam, trong điều kiện đấu tranh công khai, hợp pháp, ngoài Đảng ta (Đảng Cộng sản Đông Dương), là cả một bức tranh đa dạng, nhiều gam màu, sắc thái, đủ loại các đảng phái, phe nhóm và xu hướng chính trị từ cách mạng đến cải lương, từ cải lương đến bọn phản động, từ bảo hoàng đến tờ-rốt-kít v.v..., với cả một rừng báo chí. Một cảnh tượng thật hiếm thấy ở một xứ thuộc địa. Thực tế phong phú đó là một phòng thí nghiệm lớn, một môi trường thử thách lớn đối với tư duy chính trị . Trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Trung ương (tháng 11-1939) có kể ra và phân tích một loạt các đảng phái, phe nhóm ở Trung Kỳ, Bắc Kỳ, Nam Kỳ, gắn với giai cấp phong kiến, với giai cấp tư sản, với giai cấp tiểu tư sản v.v.. Với tầm nhìn chính trị

(11) Văn kiện đã dẫn, t 6, tr 621

sáng suốt đến tinh vi, tác giả *Tự chỉ trích* chỉ ra sự cần thiết phải phân biệt giữa cách mạng với cải lương ; giữa cải lương với phản động ; giữa cách mạng chân chính với "cách mạng đầu lưỡi", thực chất là phản cách mạng của bọn tò-rót-kít ; giữa kẻ nguy hiểm ít với kẻ nguy hiểm nhiều ; giữa phần tử, cá nhân với đảng phái ; giữa đảng phái, lãnh tụ với quần chúng ; giữa liên minh bên dưới với liên minh bên trên v.v... và v.v... Từ đó tác giả chỉ rõ cần "biết lợi dụng những mâu thuẫn giữa phe địch, để kéo kẻ có thể đồng minh, để thúc dục họ hành động chống kẻ thù nguy hiểm hơn hết, kẻ thù chung. Người cách mệnh mà không biết đi quanh co, không biết đi tìm kiếm đồng minh, lại xua đuổi trước những kẻ có thể đồng minh thì thật không phải kẻ lãnh đạo phong trào. Và đó chỉ là một xu hướng "tả" khuynh cô độc, không biết xông pha trong những đường núi gập ghềnh hiểm trở, không biết chèo chống trong những cơn phong ba bão táp"(12).

Hoàn toàn xa lạ với chủ nghĩa giáo điều, bệnh rập khuôn máy móc, tác phẩm *Tự chỉ trích* còn chỉ rõ : "Ta không thể đem những khái niệm "đảng phái", "lãnh tụ", "quần chúng" ở các xứ tư bản Âu - Mỹ mà đặt một cách máy móc vào hoàn cảnh Đông Dương. Ta phải biết phân tích tình hình theo mác-xít, phải biết những điều kiện đặc biệt ở Đông Dương. Ở các xứ tư bản, các đảng cải lương đã phát triển hàng mấy chục năm, có tập truyền và cội rễ sâu xa trong quần chúng, có hệ thống tổ chức và quy tắc đảng hoàng... Còn ở Đông Dương là xứ mà các đảng phái cải lương đã vừa ít lại rất hèn yếu, Mặt trận thống nhất dân chủ Đông Dương thực hiện được hay không chỉ cốt yếu là do lực lượng tranh đấu

của quần chúng. Đồng thời ta vẫn thành thực vận động khiến cho các đảng phái và các phần tử tư sản tự do vì quyền lợi của giai cấp họ và quyền lợi của dân tộc, mạnh dạn cùng đi với dân chúng đòi các điều cải cách cần kíp"(13).

V.I. Lê-nin nói : "Chỉ có thể thắng một kẻ địch mạnh hơn bằng một nỗ lực hết sức lớn, và với điều kiện *bắt buộc* là phải lợi dụng một cách hết sức tỷ mỉ, hết sức chăm chú, hết sức cẩn thận, hết sức khôn khéo bất cứ một "rạn nứt" bé nhỏ nhất nào giữa các kẻ thù, bất cứ những mâu thuẫn bé nhỏ nhất nào về lợi ích giữa giai cấp tư sản các nước, giữa các tập đoàn hay các hạng tư sản khác nhau ở trong từng nước, cũng như phải lợi dụng mọi khả năng dù bé nhỏ nhất để có được một bạn đồng minh mạnh về số lượng, dù đó là bạn đồng minh tạm thời, bấp bênh, có điều kiện, ít chắc chắn và ít đáng tin cậy. Người nào không hiểu được chân lý ấy thì cũng chẳng hiểu gì về chủ nghĩa Mác, nói chung cũng chẳng hiểu gì về chủ nghĩa xã hội khoa học hiện đại"(14).

Đồng chí Nguyễn Văn Cừ của chúng ta, qua tác phẩm *Tự chỉ trích* đã chứng tỏ không những hiểu sâu sắc mà còn biến được cái chân lý mác - xít-lê-nin-nít ấy thành bản lĩnh thực tiễn trong chỉ đạo chiến lược, sách lược cách mạng. Và, thật vô cùng tự hào cho Đảng ta, đồng chí Nguyễn Văn Cừ, tuy còn rất trẻ, đã hoàn toàn xứng đáng danh hiệu một lãnh tụ của Đảng với đầy đủ những tư chất mà V.I. Lê-nin nêu lên như sau : "Lý do tồn tại của tổ chức Đảng và của các lãnh tụ

(12) *Văn kiện đã dẫn*, t 6, tr 638 - 639

(13) *Văn kiện đã dẫn*, t 6, tr 636 - 637

(14) V. I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, t 41, tr 68 - 69

xứng đáng với danh hiệu đó là, ngoài nhiều điểm khác, đảng và lãnh tụ phải thông qua một công tác lâu dài, kiên cường, thiên hình vạn trạng và nhiều mặt của tất cả những đại biểu giác ngộ của giai cấp mình mà thu hoạch được những kiến thức cần thiết, kinh nghiệm cần thiết, ngoài kiến thức và kinh nghiệm, là tính nhạy bén chính trị cần thiết để giải quyết một cách chính xác và mau lẹ những vấn đề chính trị phức tạp"(15).

Đồng chí Nguyễn Văn Cừ không chỉ giàu tài năng mà còn giàu đức độ. Đồng chí là một tấm gương sáng ngời về lòng trung thành vô hạn với lý tưởng cộng sản, về đức hy sinh quên mình vì Đảng vì Dân, về khí phách kiên cường, bất khuất, về gắn bó mật thiết với quần chúng, về lối sống giản dị, khiêm tốn, đoàn kết với mọi người. Đồng chí Hoàng Tùng kể lại : Có người hỏi đồng chí Lê Duẩn vì sao đồng chí Nguyễn Văn Cừ trẻ thế, ít hơn các Ủy viên Thường vụ Trung ương khác khi đó những 5 - 6 tuổi mà lại được bầu làm Tổng Bí thư ? Đồng chí Lê Duẩn trả lời : "Vì năng lực anh ấy thực sự hơn chúng tôi. Anh ấy rất sắc sảo về chính trị và là một đồng chí có đạo đức, phẩm chất rất trong sáng".

Trong khi tiến hành cuộc đấu tranh lớn về tư tưởng chống những khuynh hướng cơ hội (lúc bấy giờ thường dùng chữ "hoạt đầu") "tả", "hữu" trong thực hiện đường lối của Đảng về Mặt trận Dân chủ lúc đó, tác phẩm *Tự chỉ trích* của đồng chí Nguyễn Văn Cừ không chỉ thể hiện sự sắc sảo về chính trị và lý luận, mà còn cho ta một bài học lớn về tính Đảng, tính nguyên tắc, tính kiên định cách mạng và về đạo đức bên-sơ-vích trong phê bình và tự phê bình. Đặt vấn đề "thế nào là tự chỉ trích

bên-sơ-vích", đồng chí chỉ rõ : "Tự chỉ trích bên-sơ-vích không phải là công kích Đảng, mạt sát Đảng, đặt danh dự cá nhân lên trên tất cả quyền lợi của Đảng, của cách mệnh".

Đồng chí nói, Đảng ta có đường lối chính trị đúng đắn nhưng cũng phạm những khuyết điểm, sai lầm, "điều ấy Đảng luôn luôn tự chỉ trích thành thật và mạnh dạn công nhận để sửa đổi. Mỗi đảng viên có quyền tự do thảo luận và chỉ trích nhưng phải có nguyên tắc". Và "bao giờ sự chỉ trích cũng là tự chỉ trích bên-sơ-vích, nghĩa là để huấn luyện quần chúng và giúp đảng viên tự huấn luyện, để làm tăng uy tín của Đảng, để cho Đảng càng được thống nhất và củng cố, để đưa phong trào phát triển lên, đưa cách mạng tới thắng lợi, chứ không phải đặt cá nhân mình lên trên Đảng... vin vào một vài khuyết điểm mà mạt sát Đảng, phá hoại ảnh hưởng của Đảng, gieo mối hoài nghi, lộn xộn trong quần chúng, gây mầm mống chia rẽ trong hàng ngũ Đảng".

Đồng chí còn nhấn mạnh, Đảng tự chỉ trích một cách nghiêm túc, đúng đắn, có nguyên tắc thì không sợ làm suy yếu Đảng, không sợ kẻ thù lợi dụng. "Công khai, mạnh dạn, thành thực vạch những nhầm lẫn của mình và tìm phương sửa đổi, chống những xu hướng hoạt đầu thỏa hiệp, như thế không phải làm yếu Đảng, mà là làm cho Đảng được thống nhất, mạnh mẽ. Làm như thế không sợ địch nhân lợi dụng, chửi rửa, vu cáo cho Đảng, không sợ "nổi dậy cho giặc". Trái lại, nếu "đóng kín cửa bảo nhau", giữ cái vỏ thống nhất mà bề trong thì hủ lậu một cục, đầy rẫy bọn hoạt đầu, đó mới chính là để cho quân thù chửi rửa ;

(15) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 41, tr 66

hơn nữa, đó tỏ ra không phải một đảng tiên phong cách mạng, mà là một đảng hoạt đầu cải lương".

Tóm lại, "chỉ trích cũng có nhiều thứ : có thứ chỉ trích theo kiểu tờ-rốt-kít, nghĩa là chỉ rửa, vu cáo để phá hoại phong trào ; nhưng cũng có thứ chỉ trích của người cách mạng tìm tòi những lầm lỗi của mình, nghiên cứu phương pháp để sửa đổi, để tiến lên ; có thứ chỉ trích của người cách mạng vạch mặt nạ bọn phản động ; có thứ chỉ trích thân mật những chỗ nhu nhược của bạn đồng minh ; có thứ chỉ trích nghiêm khắc kẻ lung lay, do dự để mong kéo họ về mình. Chúng ta không vu cáo như bọn tờ-rốt-kít. Chúng ta không cãi vã những chuyện nhỏ nhen. *Chúng ta là người cách mạng, chúng ta đứng về lợi ích và công cuộc của dân chúng mà chỉ trích những khuyết điểm, những chỗ lừng chùng hoặc hèn nhát để đẩy phong trào phát triển mạnh mẽ, rộng rãi hơn*"⁽¹⁶⁾. "Chúng ta phải chiến thắng những xu hướng sai lầm trong hàng ngũ : xu hướng "tả" khuynh, cô độc nó muốn làm cho Đảng co bé, rút hẹp bởi biệt phái, cách xa quần chúng, và xu hướng thỏa hiệp, "hữu" khuynh, lung lay trước những tình hình nghiêm trọng, nhãng quên hoặc che lấp sự tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lê-nin, lăm le rời bỏ những nguyên tắc cách mệnh"⁽¹⁷⁾.

Thiết tưởng những luận điểm nêu trên của đồng chí Nguyễn Văn Cừ về tự chỉ trích và chỉ trích bên-sơ-vích vẫn có ý nghĩa nóng hổi đối với chúng ta hôm nay.

Đồng chí Nguyễn Văn Cừ chưa một lần được gặp lãnh tụ vĩ đại và người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam là Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Nhưng tư duy chính trị, cống hiến lý luận và hoạt động thực tiễn của đồng chí có sự trùng

khớp hoàn toàn với tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là vì nó dựa chắc trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin, thấm nhuần phương pháp luận duy vật biện chứng, phản ánh và đáp ứng đúng yêu cầu của thực tiễn và của quy luật phát triển cách mạng Việt Nam trong điều kiện lịch sử cụ thể ở thời kỳ 1936 - 1939 và trong bước ngoặt chuyển sang giai đoạn cách mạng sau đó trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Điểm căn bản, cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh là sự giải quyết đúng đắn mối quan hệ có tính quy luật giữa giai cấp và dân tộc, dân tộc và quốc tế, giữa độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Quy luật về các mối quan hệ ấy được Nguyễn Ái Quốc sớm phát hiện từ cuối những năm 20 của thế kỷ XX và tác động xuyên suốt quá trình lịch sử Việt Nam mãi về sau. Lịch sử có từng giai đoạn và không diễn ra thẳng tắp, trơn tru mà gập ghềnh, khúc khuỷu. Phong trào cách mạng có khi lên khi xuống. Nhưng lô-gích khách quan của lịch sử được phản ánh trong tư tưởng Hồ Chí Minh, rút cuộc mở đường đi cho mình thông qua hoạt động lãnh đạo của Đảng ta trên cơ sở quán triệt phép biện chứng "đĩ bất biến, ứng vạn biến", cái đúng không ngừng được phát huy, cái sai được gạt bỏ, những chệch choạc được uốn nắn, những bài học kinh nghiệm và những giá trị mới, những nhận thức mới không ngừng được bổ sung, phát triển trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, tuy cuộc đời và sự nghiệp quá ngắn ngủi, nhưng đã để lại một dấu ấn lịch sử chói lọi mãi mãi không phai mờ trong quá trình cách mạng Việt Nam. □

(16) Văn kiện đã dẫn, t 6, tr 640

(17) Văn kiện đã dẫn, t 6, tr 645



CHUNG QUANH VẤN ĐỀ ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

TIẾN HẢI

ĐỊNH hướng cho Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội (CNXH) hình thành từ bao giờ ? Đó là sự lựa chọn đúng hay sai, hợp hay không hợp quy luật, thuận hay không thuận lòng dân ? Những vấn đề nêu trên cần được xác định thật rõ ràng, cụ thể. Bởi vì trong bối cảnh tình hình quốc tế diễn biến nhanh chóng, phức tạp như hiện nay, ở nước ta thỉnh thoảng lại bùng lên những ý kiến đòi xem lại con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã lựa chọn.

Có ý kiến cho rằng Cụ Hồ "nhập" chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào Việt Nam quá sớm, vì thế CNXH bị "để non", dẫn tới tình trạng yếu ớt, còi cọc và đó chính là lý do làm cho Việt Nam chậm tiến, lạc hậu, ỉ ạch mãi mà không "cất cánh" lên được.

Ý kiến khác cho rằng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản đã mắc phải bệnh giáo điều, chủ quan, duy ý chí, vội vã gấn độc lập dân tộc với CNXH làm cho nền độc lập của nước nhà phải trả bằng một cái giá quá đắt, đó là hai cuộc chiến tranh khốc liệt.

Lại có ý kiến cho rằng, đường lối phát triển kinh tế thị trường theo định hướng XHCN mà Đảng Cộng sản đề ra là chấp vá,

không tương. Bởi vì, đã chấp nhận kinh tế thị trường thì không thể định hướng XHCN ; đã định hướng XHCN thì kinh tế thị trường không thể nào phát triển được.

Tóm lại, tất cả những ý kiến đó đều có thâm ý coi việc Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản chọn cho dân tộc con đường đi lên CNXH là một sai lầm, không hợp quy luật, cũng chẳng thuận lòng dân ; nếu không thì Việt Nam đã là nước giàu mạnh, cũng trở thành "con rồng", "con hổ" chứ chẳng kém ai. Cuối cùng họ đòi hủy bỏ mục tiêu XHCN, trở về với giai đoạn dân chủ nhân dân.

Phải bình tĩnh nhìn lại toàn bộ tiến trình lịch sử cách mạng Việt Nam thì mới tìm được lời giải đáp thỏa đáng cho những vấn đề nêu ra trên đây. C.Mác đã từng nói : "Con người làm ra lịch sử của chính mình, nhưng không phải làm theo ý muốn tùy tiện của mình, trong những điều kiện tự mình chọn lấy, mà là trong những điều kiện trực tiếp có trước mắt, đã cho sẵn và do quá khứ để lại"⁽¹⁾. Những lời chỉ dẫn đó của Mác giúp

(1) Mác - Ăng-ghen : *Tuyên tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1981, t2, tr 386

chúng ta nhận thức một cách khách quan hơn về sự lựa chọn con đường đi lên CNXH của Bác Hồ và của Đảng ta. Sự lựa chọn đó là một tất yếu lịch sử, bởi vì lịch sử đòi hỏi phải như thế chứ không thể nào khác được.

Giữa thế kỷ XIX, đế quốc Pháp đánh chiếm nước ta, triều đình nhà Nguyễn hèn nhát đầu hàng. Trước tình hình đó, các sỹ phu yêu nước thay nhau phát động phong trào chống Pháp. Nhưng các phong trào này cũng lần lượt thất bại và đến cuối thế kỷ XIX về cơ bản đã bị đế quốc Pháp dập tắt. Như vậy, các đại biểu ưu tú của chế độ phong kiến đã bất lực, đành phải nuối hận vì không tìm được con đường cứu nguy dân tộc.

Đầu thế kỷ XX, thay thế các sỹ phu yêu nước là các đại biểu tiên tiến của khuynh hướng dân chủ tư sản, các đại biểu này cũng liên tiếp phát động những phong trào cách mạng, cố gắng tìm con đường cứu nguy dân tộc. Nhưng sau khi Phan Bội Châu bị bắt (1925), Phan Chu Trinh qua đời (1926), Việt Nam Quốc dân Đảng khởi nghĩa thất bại (1930) thì khát vọng "sôi máu nóng rửa vết nhơ nô lệ" của họ cũng tiêu tan; cách mạng Việt Nam lại rơi vào tình trạng "đen tối như không có đường ra".

Trong bối cảnh lịch sử nêu trên, Hồ Chí Minh đã xuất hiện. Sự xuất hiện của Hồ Chí Minh là đòi hỏi của chính lịch sử lúc bấy giờ. Và, Hồ Chí Minh đã đáp ứng được đòi hỏi đó. Sự đáp ứng này thể hiện ở chỗ Người đã tìm ra được *con đường đi mới và lực lượng mới* cho cách mạng Việt Nam.

Đường đi mới đó (con đường đi lên CNXH) được Hồ Chí Minh phát hiện ra chính thức từ khi nào và trong hoàn cảnh nào? Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lê-nin đã làm cho Hồ Chí Minh có những nhận thức hoàn toàn mới. Sau khi

nghiên cứu kỹ Luận cương nêu trên của Lê-nin, Người khẳng định một cách dứt khoát rằng: "Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ"⁽²⁾. Từ giờ phút ấy, con đường đi lên CNXH đã được định hình trong tư tưởng Hồ Chí Minh; sau đó đã được chính Người triển khai bằng cách tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào Việt Nam, xây dựng lực lượng cách mạng trong nước, đào tạo, bồi dưỡng một đội ngũ cán bộ trung kiên làm nòng cốt, tiến tới chuẩn bị những tiền đề cần thiết cho việc thành lập Đảng Cộng sản. Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường đi lên CNXH đã xuất hiện trước khi ở Việt Nam có Đảng Cộng sản.

Ngày 3-2-1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Trong *Chánh cương vắn tắt* - một văn kiện cực kỳ quan trọng - do Bác Hồ soạn thảo được Hội nghị thành lập Đảng thông qua đã ghi rõ: Phải "làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản". Sau đó, trong *Luận cương chính trị* được Hội nghị Trung ương Đảng tháng 10-1930 thông qua cũng khẳng định: Cách mạng Việt Nam sẽ "bỏ qua thời kỳ tư bản mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa".

Như vậy, đi lên CNXH là con đường duy nhất đúng mà Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản đã lựa chọn cho dân tộc Việt Nam. Đó cũng là mục tiêu không thay đổi của cách mạng nước ta. Song CNXH là gì và Việt Nam đi lên CNXH bằng cách nào thì qua mỗi thời kỳ cách mạng chúng ta mới có được những nhận thức ngày càng đầy đủ hơn và sâu sắc hơn.

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t 10, tr 128

Sau cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi, năm 1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đã xác định *"đường lối cơ bản xây dựng chủ nghĩa xã hội"* ở miền Bắc nước ta. Tiếp sau đó, các hội nghị của Trung ương Đảng và của Bộ Chính trị (khóa III) đều có những điều bổ sung và phát triển đường lối cơ bản này.

Đến năm 1976, sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ đã toàn thắng, nước nhà được thống nhất, Đại hội IV của Đảng lại phát triển thêm một bước nữa đường lối xây dựng CNXH của Đại hội III. Đại hội IV đã vạch ra đường lối xây dựng CNXH trong phạm vi cả nước là : *"Năm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng : cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt ; đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa"*. Tuy nhiên, trong suốt những năm của nhiệm kỳ Đại hội IV và Đại hội V, vì chủ quan, duy ý chí, suy nghĩ và hành động có phần đơn giản, nóng vội, không tôn trọng quy luật khách quan, nhận thức về CNXH chưa thật sát với thực tế Việt Nam cho nên chúng ta đã phạm phải một số sai lầm trong việc hoạch định, chủ trương, chính sách và trong chỉ đạo tổ chức thực hiện.

Tháng 12-1986, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Đảng ta đã phân tích một cách sâu sắc những sai lầm, khuyết điểm nói trên ; từ đó đề ra *đường lối đổi mới* toàn diện đất nước nhằm nhận thức đúng hơn và thực

hiện có hiệu quả hơn công cuộc xây dựng CNXH. Đại hội đã đưa ra những nhận thức mới về cơ cấu kinh tế, về công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên, thừa nhận sự tồn tại khách quan của hàng hóa và thị trường, phê phán triệt để cơ chế tập trung quan liêu bao cấp và khẳng định phải chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế. Đại hội cũng chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần với những hình thức kinh doanh thích hợp...

Đại hội VII của Đảng (tháng 6-1991) họp trong bối cảnh chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu bị sụp đổ, Liên Xô đã đi chệch hướng cải tổ và có nguy cơ tan rã ; một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân ta đã có những biểu hiện hoang mang, dao động, thậm chí có người muốn đi con đường khác... Trong bối cảnh như thế, Đại hội đã sáng suốt thông qua *"Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội"* và *"Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế đến năm 2000"*. Cương lĩnh khẳng định chúng ta phải *kiên trì con đường đi lên CNXH* ; xác định rõ sáu đặc trưng của CNXH ở Việt Nam và *bảy phương hướng cơ bản chỉ đạo quá trình xây dựng CNXH* trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH ở nước ta.

Đại hội VIII của Đảng (tháng 6-1996) trên cơ sở tổng kết thực tiễn đã rút ra những kết luận rất quan trọng : *"Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn"*. *"Việc hoạch định và thực hiện đường lối đổi mới những năm qua về cơ bản là đúng đắn, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa"*.

Tóm lại, đến trước Đại hội IX của Đảng, nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta đã *từng bước được bổ sung và hoàn thiện dần*.

Đại hội IX của Đảng (tháng 4-2001), lại tiếp tục bổ sung và làm sáng tỏ thêm những vấn đề về : "Mục tiêu của cách mạng, lý tưởng của Đảng". "Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội". "Mô hình kinh tế tổng quát". "Chế độ sở hữu và các thành phần kinh tế". "Đấu tranh giai cấp và động lực phát triển đất nước". "Nền tảng tư tưởng của Đảng". "Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế" v.v... Có thể nói Đại hội IX đã làm sáng tỏ hơn nữa nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta. Ngay trong năm đầu triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, Hội nghị Trung ương 3 đã ra Nghị quyết về doanh nghiệp nhà nước ; rồi sau đó Hội nghị Trung ương 5 ra hai Nghị quyết về kinh tế tập thể và kinh tế tư nhân. Đó là một bước hoàn chỉnh mới về chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, thực tế sẽ đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, phát triển và hoàn thiện thêm.

* *
*

Xác định được hướng đi đúng, lại kiên trì đi theo con đường đã lựa chọn, do đó cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Bác Hồ và của Đảng đã liên tiếp giành được những thắng lợi vẻ vang :

Ngay sau khi mới ra đời, Đảng đã phát động được một phong trào cách mạng rộng lớn mở đầu bằng cuộc bãi công của 5 000 công nhân đồn điền Phú Riềng, phát triển lên thành cao trào Xô viết Nghệ Tĩnh, chĩa mũi nhọn đấu tranh vào bọn thực dân cướp nước và bọn tay sai bán nước. Tuy cao trào cách mạng 1930 - 1931 bị đàn áp dã man và sau đó rơi vào thoái trào, nhưng ý nghĩa của

nó là vô cùng quý giá. Đây là lần đầu tiên chứng minh trong thực tiễn vai trò và khả năng lãnh đạo của Đảng đối với quần chúng. Đây cũng là lần đầu tiên chứng minh trong thực tiễn tính đúng đắn và sức mạnh của hướng đi mới và lực lượng mới của cách mạng Việt Nam.

Thất bại tạm thời không làm Đảng ta nao núng, bó tay. Một loạt công tác rộng lớn được Đảng triển khai nhằm củng cố nội bộ, tập hợp quần chúng, hoàn chỉnh đường lối và sách lược đấu tranh. Nhờ vậy, chỉ sau vài ba năm, phong trào cách mạng lại phục hồi và phát triển ; một cao trào dân chủ được đẩy lên kéo dài từ năm 1936 đến năm 1939. Đây có thể nói là sự kiện hiếm thấy ở một nước thuộc địa lúc bấy giờ. Sau đó, phong trào cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng vẫn tiếp tục phát triển và trưởng thành. Những năm 1939 - 1945 là những năm sôi động ; toàn Đảng, toàn dân ta tích cực chuẩn bị cho một cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Khi "giờ quyết định vận mệnh dân tộc đã đến", nhân dân ta từ Bắc đến Nam nghe theo lời kêu gọi của Đảng và Bác Hồ đã đồng loạt vùng lên tổng khởi nghĩa, trong vòng không đầy hai tuần lễ giải phóng toàn bộ Tổ quốc, thành lập nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á. Cách mạng Tháng Tám đã đưa nhân dân ta từ người nô lệ thành người tự do, làm chủ đất nước, đưa Đảng ta từ một Đảng không hợp pháp thành Đảng lãnh đạo cách mạng, mở ra một kỷ nguyên mới của dân tộc - kỷ nguyên độc lập tự do và CNXH.

Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa vừa mới ra đời thì thực dân Pháp quay trở lại xâm chiếm nước ta. Nhờ có đường lối

(Xem tiếp trang 34)

1. Vài nét về kinh tế hợp tác và hợp tác xã trong nông nghiệp nước ta

Trong những năm đổi mới, kinh tế hợp tác và hợp tác xã trong nông nghiệp nước ta đã có những chuyển biến tích cực, bước đầu đáp ứng những yêu cầu của thực tiễn. Các hình thức kinh tế hợp tác ngày càng đa

ở những mức độ nhất định về tổ chức và nội dung hoạt động. Đặc biệt, trong những năm gần đây, nhiều HTX mới đã được thành lập theo Luật Hợp tác xã. Tính đến tháng 12-2000, cả nước có 10 817 HTX nông nghiệp (10 289 HTX nông, lâm nghiệp, 528 HTX thủy sản). Số hợp tác xã

TIẾP TỤC ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỢP TÁC XÃ TRONG NÔNG NGHIỆP

HOÀNG VIỆT*

dạng, góp phần thúc đẩy sản xuất nông nghiệp tăng trưởng với tốc độ bình quân 5%/năm trong giai đoạn 1986 - 2000.

Các tổ hợp tác phát triển khá mạnh ở một số vùng. Đến nay, trong nông nghiệp nước ta có hơn 100 nghìn tổ hợp tác tự nguyện của nông dân ; ở đồng bằng sông Cửu Long chiếm khoảng 50%. Do nội dung và mục đích hoạt động cụ thể khác nhau, nên tên gọi của các tổ chức hợp tác cũng khác nhau. Các tổ hợp tác đã có tác dụng thiết thực đối với kinh tế hộ nông dân, đáp ứng các nhu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh như : nhu cầu về công cụ lao động và sức lao động, về kỹ thuật và kinh nghiệm sản xuất, về vay vốn, tiêu thụ sản phẩm, v.v... Đây là hình thức hợp tác phù hợp với trình độ hiện tại của kinh tế hộ nông dân trên nhiều vùng ở nước ta.

Các hợp tác xã (HTX) trong nông nghiệp (cả lâm, ngư nghiệp) đã có đổi mới

đã chuyển đổi sang mô hình mới theo Luật Hợp tác xã là 5 928 (5 764 HTX nông, lâm nghiệp, 164 HTX thủy sản), số hợp tác xã chưa chuyển đổi là 3 128 (3 110 HTX nông, lâm nghiệp, 18 HTX thủy sản). Số hợp tác xã thành lập mới là 1 761 (1 415 HTX nông, lâm nghiệp, 346 HTX thủy sản). Số hợp tác xã đã chuyển đổi chiếm 54,80%, chưa chuyển đổi chiếm 28,92% và thành lập mới chiếm 16,28% tổng số. Phần lớn các HTX thành lập mới hoạt động có hiệu quả, cung cấp kịp thời các dịch vụ mà hộ nông dân yêu cầu, góp phần hỗ trợ các hộ nông dân phát triển sản xuất, kinh doanh.

Các hình thức hợp tác khác trong nông nghiệp cũng đã xuất hiện và có tác dụng

* PGS.TS, Chủ nhiệm Khoa Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trường đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội

tích cực đối với kinh tế hộ nông dân như các câu lạc bộ, các hội và chi hội nghề nghiệp,...

Đánh giá chung về sự phát triển của kinh tế hợp tác trong nông nghiệp nước ta những năm qua, có thể thấy một số vấn đề rất đáng quan tâm sau :

- Xét cả quá trình, ngay sau khi đã hoàn thành cơ bản hợp tác hóa nông nghiệp ở miền Bắc (1960), kinh tế hợp tác xã ở nhiều nơi đã bắt đầu xuất hiện dấu hiệu kém hiệu quả. Sản xuất nông nghiệp có sự suy giảm và ngày càng rõ nét. Cụ thể, năm 1960, sản lượng lương thực của miền Bắc đã giảm đáng kể so với năm 1959 (là năm chưa hoàn thành hợp tác hóa) và nhiều năm sau đó, miền Bắc cũng không đạt được sản lượng lương thực của năm 1959. Để khắc phục tình trạng kém hiệu quả của kinh tế hợp tác xã và sự trì trệ của nông nghiệp, trong những năm 60 và 70 của thế kỷ XX, ba cuộc vận động lớn đã được tiến hành nhằm cải tiến quản lý hợp tác xã, tăng cường dân chủ và tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho các HTX trong nông nghiệp. Song, các cuộc vận động trên cùng với sự đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật của Nhà nước cho các HTX cũng không khắc phục được tình trạng trên. Chỉ đến khi hộ nông dân được xác định và trở thành chủ thể kinh tế chủ yếu trong nông nghiệp, nông thôn ; HTX nông nghiệp không còn giữ vai trò tổ chức và điều hành sản xuất tập trung mà chuyển sang chức năng làm dịch vụ, thì nền nông nghiệp nước ta mới từng bước khởi sắc.

Như vậy, động lực cơ bản thúc đẩy nông nghiệp nước ta phát triển và đạt được những thành tựu quan trọng trong những năm đổi mới là kinh tế hộ. Điều đó bắt nguồn từ việc trả lại cho hộ nông dân địa vị

tự chủ trong sản xuất và giải phóng sức sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn khỏi sự trói buộc và lệ thuộc quá nhiều vào kinh tế hợp tác xã. Trong những năm đổi mới, kinh tế hợp tác xã trong nông nghiệp đã từng bước chuyển sang chức năng làm dịch vụ và hỗ trợ kinh tế hộ, qua đó góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển của sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, việc thực hiện chức năng dịch vụ và hỗ trợ kinh tế hộ mới chỉ được thực hiện tốt ở một bộ phận HTX, đại bộ phận chưa thực hiện tốt, thậm chí còn không ít HTX chưa thực hiện được chức năng trên.

- Số hợp tác xã yếu kém trong các thời kỳ luôn chiếm tỷ lệ cao, thường khoảng 25 - 30%. Thực hiện Luật Hợp tác xã, đến tháng 12-2000, còn 3 128 HTX chưa chuyển đổi. Về thực chất đây là những HTX rất yếu kém (vốn quỹ hầu như không còn, công nợ nhiều, tồn tại một cách hình thức). Nếu so với tổng số HTX trong nông nghiệp thì số HTX rất yếu kém chiếm 28,92%, còn nếu so với số có nguồn gốc là HTX thành lập trong thời kỳ tập thể hóa (tức trừ số hợp tác xã thành lập mới) thì số rất yếu kém chiếm tới 34,5% (3 128/9 056 HTX).

- Hiệu quả sản xuất kinh doanh của các HTX trong nông nghiệp còn thấp. Năm 2000, số HTX trong nông nghiệp kinh doanh có lãi chỉ chiếm 39,1%, kinh doanh hòa vốn và thua lỗ là 60,9%. Số HTX thành lập mới và chuyển đổi kinh doanh hòa vốn và thua lỗ chiếm tới 45% so với tổng số HTX thành lập mới và chuyển đổi (đến tháng 12-2000 có 7 689 HTX). Như vậy, hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã mới và chuyển đổi còn thấp. Riêng các hợp tác xã chuyển đổi thì hiệu quả kinh doanh đã được cải thiện nhưng chưa cao.

Như vậy, sau hơn 40 năm xây dựng, củng cố và đổi mới kinh tế hợp tác xã trong nông nghiệp, hiệu quả hoạt động của các HTX vẫn còn thấp, kinh tế hợp tác xã vẫn chưa trở thành nhân tố thúc đẩy mạnh mẽ sản xuất nông nghiệp. Cho tới nay, khi mà phần lớn các HTX trong nông nghiệp đã có sự chuyển đổi sang mô hình mới với những mức độ khác nhau, đồng thời đã có nhiều HTX mới được thành lập nhưng vai trò, vị trí và hiệu quả hoạt động của kinh tế HTX trong nông nghiệp nước ta vẫn chưa có sự chuyển biến một cách cơ bản.

2. Nguyên nhân hoạt động kém hiệu quả của kinh tế hợp tác xã trong nông nghiệp

Các nguyên nhân chủ yếu của tình trạng trên trong thời kỳ trước đổi mới thường được đưa ra là : mô hình HTX nông nghiệp tập trung không phù hợp với đặc điểm của sản xuất nông nghiệp ; các nguyên tắc của kinh tế hợp tác chưa được đảm bảo ; trình độ và năng lực tổ chức, quản lý sản xuất của đội ngũ cán bộ hợp tác xã còn thấp ; cơ sở vật chất kỹ thuật của HTX còn yếu kém,... Tới nay, sau nhiều năm đổi mới và chuyển đổi HTX sang mô hình mới, ngoài các nguyên nhân về tổ chức, quản lý, về cơ sở vật chất kỹ thuật... ; nhiều ý kiến cho rằng, HTX trong nông nghiệp hoạt động kém hiệu quả còn do việc chuyển đổi HTX kiểu cũ sang mô hình mới ở nhiều nơi còn gượng ép, thậm chí còn áp đặt chủ quan, chưa đảm bảo đầy đủ các nguyên tắc của kinh tế hợp tác.

Những lý giải trên đều là đúng, song có thể là chưa thật đầy đủ. Để làm rõ hơn nguyên nhân kém hiệu quả kéo dài của kinh tế HTX trong nông nghiệp nước ta, có thể xem xét thêm một số khía cạnh khác :

- *Thứ nhất*, phải chăng do chưa xác định một cách đầy đủ vai trò, vị trí của từng hình thức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, đặc biệt là kinh tế hợp tác xã. Có lúc chúng ta đã quá đề cao vai trò của kinh tế hợp tác xã và kỳ vọng vào kinh tế hợp tác xã mà xem nhẹ các hình thức kinh tế hợp tác khác trong nông nghiệp. Có lúc chúng ta lại xem nhẹ, không quan tâm đến hỗ trợ kinh tế HTX phát triển. Do vậy, có những nơi hình thức HTX không phù hợp với những điều kiện cụ thể, nhưng vẫn tổ chức HTX ; có những nơi hình thức tổ hợp tác là phù hợp và các tổ hợp tác đang hoạt động hiệu quả thì lại tìm mọi cách chuyển lên HTX. Có thể thấy, do phát triển HTX không tính đến điều kiện cụ thể của từng nơi, nên hiệu quả hoạt động của kinh tế hợp tác xã thấp là điều không tránh khỏi.

- *Thứ hai*, việc chuyển đổi các HTX trong nông nghiệp thời gian qua chưa tạo ra được một sự chuyển biến cơ bản về vai trò, tác dụng, hiệu quả hoạt động của HTX so với trước khi chuyển đổi.

Trước khi chuyển đổi, hầu hết các HTX đã chuyển sang làm dịch vụ cho kinh tế hộ ở những mức độ khác nhau. Sau chuyển đổi, các HTX chỉ có một số thay đổi về hình thức tổ chức bộ máy quản lý và ít nhiều có sự thay đổi về tư cách xã viên. Một bộ phận HTX hầu như vẫn duy trì tư cách xã viên và số lượng xã viên như trước chuyển đổi, một bộ phận khác thì xã viên là các chủ nông hộ. Vì thế, số lượng xã viên trong mỗi HTX chuyển đổi còn khá nhiều. Theo báo cáo của các địa phương về 3 772 HTX nông, lâm nghiệp chuyển đổi, bình quân một HTX có 1 036 xã viên. Thực tế cho thấy, mỗi HTX chỉ có 40 - 50 xã viên trực tiếp tham gia làm dịch vụ cho các hộ nông dân và chủ yếu làm dịch vụ

tươi, tiêu ; số xã viên còn lại (95 - 96%) hầu như chỉ là người hưởng (sử dụng) dịch vụ của HTX. Trong điều kiện phần lớn các HTX chuyển đổi không có nhu cầu tăng thêm vốn để hoạt động do nội dung hoạt động còn hạn hẹp thì số xã viên không trực tiếp tham gia hoạt động dịch vụ của HTX chỉ tồn tại như là những xã viên hình thức.

3. Mấy suy nghĩ về hướng tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế hợp tác xã trong nông nghiệp

a - Nhận thức một cách đầy đủ và thống nhất hơn nữa vai trò, vị trí của kinh tế hợp tác và hợp tác xã trong nông nghiệp.

Kinh tế hợp tác và HTX có vai trò hết sức quan trọng đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp và nông thôn nước ta. Đây là những hình thức liên kết kinh tế tự nguyện, đa dạng, đa mức độ của các hộ nông dân, các trang trại nhằm hỗ trợ nhau trong các khâu của quá trình sản xuất mà từng hộ, từng trang trại tách riêng sẽ không thực hiện được hoặc thực hiện không có hiệu quả. Trong nông nghiệp, đối tượng sản xuất (cây trồng, vật nuôi) là những cơ thể sống, luôn đòi hỏi một sự chăm sóc tỉ mỉ, thường xuyên với thái độ cần mẫn của những người chủ thực sự và trực tiếp nên nói chung hình thức tổ chức sản xuất thích hợp và hiệu quả trong nông nghiệp là kinh tế hộ và trang trại gia đình, nơi mà mỗi thành viên của gia đình đều là một người chủ thực sự và trực tiếp của đồng ruộng và chuồng trại. Vì vậy, ở mọi quốc gia, kinh tế nông hộ và trang trại là lực lượng kinh tế cơ sở tạo ra tuyệt đại bộ phận nông sản phẩm cho xã hội và do đó có vai trò hết sức quan trọng trong nền nông nghiệp. Tuy nhiên, như đã nêu ở trên, từng hộ nông dân, từng trang trại nếu tách riêng ra thì không thể tự giải quyết một cách hiệu quả mọi vấn đề

của quá trình sản xuất kinh doanh. Khiếm khuyết này được bổ sung và hỗ trợ bởi các hình thức của kinh tế hợp tác. Như vậy, các hộ nông dân, các trang trại là những chủ thể kinh tế chủ yếu trong nông nghiệp và kinh tế hộ, kinh tế trang trại là những hình thức kinh tế cơ sở ; kinh tế hợp tác nói chung và kinh tế HTX nói riêng là hình thức kinh tế bổ sung và hỗ trợ cho kinh tế hộ và kinh tế trang trại, có vai trò liên kết và góp phần tạo nền tảng của nền nông nghiệp nước ta.

b - Nghiên cứu tổ chức lại các hợp tác xã chuyển đổi để góp phần nâng cao hiệu quả của kinh tế hợp tác xã trong nông nghiệp.

Việc chuyển đổi các HTX nông nghiệp thời gian qua, ở một góc độ nào đó, có thể xem như một phương án kết hợp giữa đổi mới HTX với duy trì pháp nhân cũ để có địa chỉ chịu trách nhiệm về công nợ của HTX kiểu cũ. Như đã nêu ở trên, phương án chuyển đổi dẫn đến hiện tượng là về thực chất các HTX chuyển đổi chưa có sự chuyển biến cơ bản về tổ chức, vai trò, tác dụng và hiệu quả hoạt động. Để góp phần nâng cao vai trò và hiệu quả hoạt động của kinh tế HTX trong nông nghiệp, cần tổ chức lại các HTX chuyển đổi theo hướng cơ bản và triệt để hơn trên cơ sở giải thể các HTX không còn phù hợp và tổ chức mới các HTX dịch vụ nông nghiệp với số lượng xã viên được xác định dựa trên nhu cầu lao động để thực hiện khối lượng công việc của các loại dịch vụ mà HTX sẽ cung ứng cho các hộ và trang trại trên địa bàn. Các HTX chưa chuyển đổi (tính đến 31-12-2000 là 3 128 HTX) là những HTX rất yếu kém, vốn quỹ hầu như không còn, công nợ nhiều và tồn tại hình thức cần kiên quyết giải quyết dứt điểm bằng cách giải thể để các hộ nông dân tự lựa chọn

hình thức hợp tác phù hợp với điều kiện và nhu cầu của họ.

Để tạo thuận lợi cho việc thành lập các HTX mới, cần giải quyết dứt điểm công nợ của các HTX kiểu cũ (hiện nay các HTX chuyển đổi đang là địa chỉ chịu trách nhiệm) theo hướng sử dụng nguồn ngân sách nhà nước xóa nợ vì số công nợ của các HTX không lớn và hoàn toàn có thể giải quyết dứt điểm^(*).

c - Thực hiện đầy đủ, đúng đắn và nghiêm túc các nguyên tắc của kinh tế hợp tác có ý nghĩa quyết định đối với sự thành công trong việc tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế hợp tác xã trong nông nghiệp.

Thời gian qua là do chúng ta chưa thực sự thấu hiểu một cách sâu sắc về bản chất, vai trò của kinh tế hợp tác và HTX cũng như các nguyên tắc của kinh tế hợp tác. Thêm vào đó không thể không nói đến tư tưởng chủ quan, nóng vội, dẫn đến sự áp đặt trong chỉ đạo hoạt động thực tiễn. Trong đổi mới và phát triển kinh tế hợp tác và HTX hiện nay, việc nhận thức một cách thấu đáo, sâu sắc và thực hiện một cách đầy đủ, đúng đắn các nguyên tắc của kinh tế hợp tác là nhân tố cơ bản bảo đảm cho việc tiếp tục đổi mới và phát triển thành công kinh tế hợp tác và HTX trong nông nghiệp, nông thôn nước ta theo đường lối đổi mới của Đảng. □

(*) Theo số liệu của Vụ Chính sách - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đến ngày 31-12-1996 công nợ của các HTX nông nghiệp là 552,3 tỷ đồng, trong đó nợ ngân hàng 125,4 tỷ đồng, nợ thuế nông nghiệp 22,4 tỷ đồng, nợ các doanh nghiệp nhà nước 236,3 tỷ đồng

CHUNG QUANH...

(Tiếp theo trang 29)

kháng chiến đúng đắn của Đảng, chúng ta đã đánh bại chủ nghĩa thực dân cũ của Pháp, miền Bắc nước ta sạch bóng quân thù.

Khi đế quốc Mỹ hất cẳng Pháp, nhảy vào miền Nam hòng biến miền Nam nước ta thành thuộc địa kiểu mới; kiên trì con đường đã lựa chọn, Đảng ta chủ trương tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng CNXH ở miền Bắc và tiếp tục hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam. Nhờ có đường lối đúng đắn đó, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã thắng lợi, miền Nam hoàn toàn được giải phóng, non sông ta thu về một mối, cả nước ta cùng tiến lên xây dựng CNXH. Từ đây, lịch sử dân tộc bước sang một trang mới.

Từ chiến tranh chuyển sang hòa bình xây dựng CNXH là một thử thách lớn đối với sự lãnh đạo của Đảng. Do kiên định con đường đã lựa chọn, cho nên mặc dù lúc đầu có những vấp vấp, sai lầm, nhưng sau đó Đảng đã đề ra được đường lối đổi mới đúng đắn. Nhờ có đường lối đổi mới đó, hơn 15 năm qua đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn và rất quan trọng.

Thực tiễn phong phú và những thành tựu thu được trong tiến trình cách mạng đã cho phép chúng ta một lần nữa khẳng định con đường đi lên CNXH là hoàn toàn đúng đắn. Vì thế "Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh"⁽³⁾. □

(3) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 20

ĐÁNH GIÁ ĐÚNG CON NGƯỜI : KHÂU QUAN TRỌNG ĐẦU TIÊN CỦA CÔNG TÁC CÁN BỘ

LÊ ĐỨC BÌNH *

CÔNG tác cán bộ bao gồm nhiều khâu, nhiều việc từ tìm hiểu, tuyển chọn cán bộ đến đào tạo bồi dưỡng, sử dụng, điều động, đề bạt cán bộ, chăm sóc sức khỏe và đời sống, khen thưởng, kỷ luật cán bộ.... Các khâu công việc đó liên kết với nhau, tác động qua lại lẫn nhau nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ số lượng và chất lượng cao đáp ứng được nhiệm vụ cách mạng. Trong các khâu đó, việc tìm hiểu, nhận xét, đánh giá đúng cán bộ là khâu quan trọng đầu tiên, có ảnh hưởng quyết định đến hiệu quả và chất lượng của các khâu công việc tiếp theo. Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, phần nói về vấn đề cán bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh đầu tiên đến việc : "... Phải biết rõ cán bộ - Từ trước đến nay, Đảng ta chưa thực hành cách thường xem xét cán bộ. Đó là một khuyết điểm to. Kinh nghiệm cho ta biết : mỗi lần xem xét lại nhân tài, một mặt thì tìm thấy những nhân tài mới, một mặt khác thì những người hủ hóa cũng lòi ra"(1).

Trải qua đấu tranh cách mạng lâu dài, Đảng ta lựa chọn và xây dựng được một đội ngũ cán bộ đông đảo về cơ bản đã hoàn thành tốt đẹp mọi nhiệm vụ chính trị ở các giai đoạn lịch sử khác nhau. Điều đó chứng

tỏ việc tìm hiểu, nhận xét, đánh giá cán bộ nhìn chung là đúng đắn.

Tuy nhiên từng lúc, từng nơi, từng trường hợp đã có tình trạng nhận xét, đánh giá cán bộ chưa thật chính xác, dẫn đến việc sử dụng, bố trí, đề bạt, khen thưởng và kỷ luật cán bộ không đúng, gây ảnh hưởng không tốt tới việc thực hiện nhiệm vụ chính trị. Mặt khác, ở không ít thời điểm việc thay đổi, đề bạt cán bộ lãnh đạo ở cấp này, ngành nọ rơi vào lúng túng, bị động, hụt hẫng, phải sắp xếp miễn cưỡng, chấp vá, do không nắm chắc, không hiểu rõ cán bộ. Các ngành, các cấp từ dưới tới trên đều xây dựng quy hoạch cán bộ khá công phu, nhưng đến khi có nhu cầu sử dụng, đề bạt hoặc luân chuyển cán bộ thì có những quy hoạch bị đổ vỡ, nhân sự phải thay đi đổi lại, cũng là do việc quy hoạch, đánh giá và lựa chọn cán bộ chưa đúng. Có những ngành và địa phương, khi thay đổi thủ trưởng, việc đánh giá, lựa chọn cán bộ lại xoay chuyển khác hẳn, do việc đánh giá cán bộ chưa tuân theo một

* Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Phó Trưởng ban thứ nhất Ban Tổ chức Trung ương

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 5, tr 274

quan niệm thống nhất mà tùy thuộc vào ý chí chủ quan của từng người thủ trưởng. Thậm chí có những cán bộ được đánh giá là năng động, sáng tạo, làm việc có hiệu quả, được đề nghị xét thưởng, nhưng chỉ ít lâu sau đó bị đánh giá ngược hẳn lại, thậm chí bị truy tố. Vậy, vì đâu mà nhận xét, đánh giá cán bộ lại có những trường hợp trái ngược như vậy ?

Trong điều kiện hiện nay, ai cũng lên án tư tưởng cơ hội và tệ nạn thoái hóa biến chất trong cán bộ, đảng viên nhưng thường chỉ phê phán chung chung mà không nêu được địa chỉ cụ thể.

Đương nhiên, nhận xét, đánh giá đúng con người là việc không đơn giản. Con người không đứng im mà luôn vận động và phát triển, không theo một đường thẳng tắp mà thường quanh co khúc khuỷu, trong mối quan hệ tác động qua lại giữa con người với môi trường chính trị, kinh tế, xã hội và môi trường tổ chức mà con người sống và hoạt động trong đó. Khó mà mọi lúc, mọi trường hợp nhận xét, đánh giá về cán bộ đều đầy đủ, chính xác một cách tuyệt đối.

Nhưng nếu nhiều lần đánh giá sai lệch cán bộ và xảy ra đối với nhiều trường hợp thì nhất định phải xem xét, rút kinh nghiệm một cách nghiêm túc. Thực tế cho thấy, những yếu kém, khuyết điểm trong nhận xét, đánh giá cán bộ thường là do : *quan niệm về tiêu chuẩn đánh giá cán bộ chưa được rõ ; phương pháp tư tưởng trong đánh giá cán bộ chưa được đúng ; thái độ tư tưởng của người đánh giá cán bộ chưa thật công tâm, khách quan ; tổ chức quản lý cán bộ còn yếu kém...*

Để việc nhận xét, đánh giá cán bộ được chính xác, hạn chế sai lệch, từ đó phát hiện, sử dụng đúng người có đức, có tài, phát huy mọi tiềm năng của đội ngũ cán bộ, đồng thời ngăn ngừa sự nhầm lẫn trong sử dụng, đề bạt

những phần tử cơ hội, bất tài, cần tìm ra những kinh nghiệm tốt để thực hành đồng thời phân tích, khắc phục những yếu kém, khuyết điểm nói trên.

*

Trước hết, cần nắm vững quan điểm của Đảng về tiêu chuẩn cán bộ. Đó là căn cứ để đánh giá cán bộ tốt hay xấu, giỏi hay kém. Nói ngắn gọn, cán bộ phải có đức có tài, hai mặt ấy gắn bó hữu cơ với nhau, đức là gốc và tài không thể thiếu, đức và tài được thể hiện ở kết quả hoàn thành nhiệm vụ chính trị.

Xét về đức, điều quan trọng nhất là phẩm chất chính trị. Đó là lòng trung thành với Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, là sự nhất trí và quyết tâm thực hiện đường lối chính sách của Đảng, là sự vững vàng về lập trường, quan điểm chính trị trước những tình huống khó khăn phức tạp ở những bước ngoặt của cách mạng. Nhưng có người quan niệm đức chỉ nặng về phong cách, lối sống mà không xem xét kỹ phẩm chất chính trị, chỉ dừng lại ở những nhận xét chung chung, trừu tượng. Có khi người cương trực, đấu tranh thẳng thắn thì bị coi là thiếu khiêm tốn, gây mất đoàn kết nội bộ, còn người tròn trĩnh, ba phải, thì có khi lại được đánh giá cao, được trọng dụng, kiếm được nhiều phiếu bầu. Có trường hợp lại quá khắt khe với những khuyết tật nhỏ thuộc về cá tính ; ngược lại có khi dễ dãi bỏ qua những sai trái không lành mạnh về lối sống, nhân cách ...

Xét về tài, vấn đề quan trọng nhất là năng lực quán triệt và tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ được Đảng và Nhà nước giao phó. Nhưng có những trường hợp do đánh giá không rõ cán bộ, đã xảy ra những ý kiến trái ngược nhau. Người này khen là tháo vát,

linh hoạt, người kia lại chê là làm bừa, làm ẩu, vô kỷ luật, mà không cùng tuân theo một tiêu chí thống nhất về hiệu quả công việc của cán bộ đó. Có trường hợp đánh giá về tài của cán bộ chỉ nhìn vào bằng cấp, học hàm, học vị, mà không xem xét trước hết tới kiến thức và năng lực cán bộ được thể hiện trong công tác thực tiễn. Tiêu chuẩn hóa từng chức danh cán bộ là cần thiết nhưng có đồng chí không quan niệm toàn diện về tiêu chuẩn hóa, chỉ hiểu đơn thuần là trình độ lý luận chính trị cao cấp hoặc trung cấp, trình độ đại học về quản lý kinh tế hoặc khoa học - kỹ thuật, dẫn tới có những cán bộ chạy đua theo bằng cấp để được lên ngạch, thăng chức, bằng thật nhưng học "giả", trình độ kiến thức và năng lực thực tiễn rất thấp.

Người dám nghĩ, dám nói, dám làm, tư duy độc lập, ý kiến sắc sảo có trường hợp bị quy là hữu khuynh, tả khuynh, không "vững vàng về chính trị", còn người không có chính kiến, chỉ lựa lời cho hợp với ý lãnh đạo thì có khi được đánh giá là "lập trường quan điểm vững vàng". Cách nhận xét cán bộ như vậy đã hạn chế dân chủ nội bộ, không phát huy sáng tạo và chỉ khuyến khích kẻ cơ hội, xu nịnh.

Đức và tài của cán bộ đều thể hiện ở việc quán triệt và thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng. Sở dĩ có những trường hợp ý kiến đánh giá rất khác nhau về một cán bộ là do nhận thức, quan điểm khác nhau về nhiệm vụ chính trị mà người cán bộ được giao phó. Cho nên người đánh giá cán bộ cần nắm vững đường lối, quan điểm, nhiệm vụ chính trị của Đảng mới có thể nhận xét đúng về tư tưởng và hành động của cán bộ. Đảng ta ngày càng hoàn thiện và cụ thể hóa đường lối, quan điểm, chủ trương trên các lĩnh vực công tác. Điều đó giúp cho cán bộ có phương

hướng phấn đấu đúng đắn, đồng thời cũng làm sáng tỏ căn cứ để xem xét, đánh giá chính xác cán bộ.

Để đánh giá cán bộ, cần có **phương pháp tư tưởng đúng** dựa trên quan điểm chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử.

Xem xét con người không chỉ căn cứ vào lời nói, mà phải *nhìn vào việc làm, vào hoạt động thực tiễn* và hiệu quả của họ. Người làm công tác quản lý cán bộ nếu chỉ nắm cán bộ qua các cuộc hội nghị, qua các báo cáo và bài phát biểu mà không sâu sát công việc thực tế của họ thì đánh giá khó tránh khỏi làm lạc.

Xem xét con người cần phân biệt hiện tượng với bản chất. Phải nhìn từ nhiều phía, từ nhiều sự việc cụ thể để phân tích tìm ra đâu là *mặt bản chất* của người cán bộ. Không thể dừng lại ở những hiện tượng cụ thể, riêng rẽ, nhất thời.

Trên đời khó có con người toàn thiện, toàn mỹ. Cán bộ bên cạnh ưu điểm không tránh khỏi có khuyết điểm này, nhược điểm nọ. Vì vậy, phải xem xét một cách toàn diện, phân tích một cách cụ thể, tìm ra *cái gì là cơ bản, là chủ yếu*, cái gì là thứ yếu, là mặt không cơ bản, để đánh giá và sử dụng đúng cán bộ. Tránh tình trạng khi cán bộ làm được việc thì khen hết lời, không chỉ ra mặt yếu để khắc phục, còn khi cán bộ có khuyết điểm thì chê hết mức, chỉ toàn thấy mặt xấu.

Cái mạnh và cái yếu hiện tại của cán bộ được hình thành trong quá trình hoạt động lâu dài của họ, do kết quả phấn đấu rèn luyện và ảnh hưởng của những môi trường công tác mà họ đã trải qua. Vì vậy, cần xem xét lý lịch cán bộ, tìm hiểu quá trình lịch sử của cán bộ. Nhưng không thể chỉ đánh giá cán bộ qua đọc bản lý lịch khô cứng, định kiến với quá khứ của cán bộ, mà quan trọng hơn cả là

đánh giá hoạt động hiện tại của cán bộ. Xem xét lý lịch và quá khứ cũng phải nhằm đánh giá rõ hơn về tư tưởng, quan điểm và năng lực hiện tại của cán bộ.

Ví dụ, một cán bộ lẫn lộn trong chiến đấu, trải qua nhiều thử thách gay go, ác liệt, có nhiều cống hiến, nhưng có vấp vấp nào đó mà bị coi là "có vấn đề lịch sử", mặc dù không tìm ra chứng cứ gì, và cứ bị "án treo" kéo dài nhiều năm ! Trong khi đó, một cán bộ học ở trường ra, về công tác bàn giấy ở cơ quan hậu phương, không qua chiến đấu, chẳng có rèn luyện thử thách trong thực tiễn, vì vậy không có vấp vấp, nhưng cũng chẳng có công tích đáng kể gì thì lại được coi là có "lý lịch trong sạch" ! Nếu đánh giá lịch sử cán bộ kiểu đó thì thật là không thỏa đáng.

Việc xem xét thành phần giai cấp xuất thân là cần thiết. Tư tưởng con người chịu ảnh hưởng không nhỏ của thành phần giai cấp xuất thân, của nguồn gốc gia đình. Đảng chăm lo đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xuất thân từ giai cấp công nhân và gia đình cách mạng là một chủ trương rất đúng. Thực tế cho thấy, nhiều cán bộ xuất thân từ thành phần này có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, nhưng cũng có một số người không chịu tu dưỡng rèn luyện, ý thức nguồn gốc gia đình và bố mẹ, chỉ muốn hưởng đặc quyền đặc lợi, đã bị tha hóa, biến chất. Ngược lại, có những người xuất thân từ các tầng lớp không phải công nông nhưng có quá trình chiến đấu, rèn luyện, thử thách lâu dài, trở thành những cán bộ trung kiên và tài năng của Đảng, của nhân dân.

Vì vậy khi xem xét, đánh giá và sử dụng cán bộ, quan tâm đến thành phần giai cấp xuất thân và nguồn gốc gia đình là rất cần nhưng không nên sa vào chủ nghĩa thành phần, không nên coi thành phần xuất thân là quyết định hết thảy.

Để đánh giá cán bộ, điều quan trọng bậc nhất là phải có thái độ tư tưởng đúng, công tâm, vô tư, khách quan. Người lãnh đạo và người làm công tác cán bộ cần có tấm lòng trong sáng, vì lợi ích chung của Đảng, của nhân dân. Nếu khác đi thì họ không thể vận dụng đúng đắn tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá cán bộ, thậm chí họ cố tình xuyên tạc, đối trắng thay đen. Chủ nghĩa cá nhân và tư tưởng địa phương, cục bộ, bè phái là những căn bệnh rất nguy hiểm trong công tác cán bộ cần bị lên án. Một khi việc đánh giá cán bộ được nhìn qua lăng kính của chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cục bộ, phe phái thì sự nhìn nhận sẽ trở nên méo mó, yêu nên tốt ghét nên xấu, kẻ khéo nịnh bợ, luồn lọt, cùng phe cánh thì được ưu ái trọng dụng, còn cán bộ có đức có tài, cương trực thẳng thắn thì bị thành kiến, trù dập. Ở đảng bộ nào có người lãnh đạo như vậy thì bọn cơ hội và thoái hóa biến chất lộng hành, nội bộ mất đoàn kết trầm trọng, nhân dân mất lòng tin, mọi nhiệm vụ chính trị bị bê trễ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy : "Trong Đảng ta còn có những người chưa học được, chưa làm được bốn chữ "chí công vô tư", cho nên mắc phải chứng *chủ nghĩa cá nhân*. Chủ nghĩa cá nhân là như một thứ vi trùng rất độc, do nó mà sinh ra các thứ bệnh rất nguy hiểm..." (2). Người nói tiếp : "*Kéo bè kéo cánh* lại là một bệnh rất nguy hiểm nữa. Từ bè phái mà đi đến chia rẽ. Ai hợp với mình thì dù người xấu cũng cho là tốt, việc dở cũng cho là hay, rồi che đậy cho nhau, ủng hộ lẫn nhau. Ai không hợp với mình thì người tốt cũng cho là xấu, việc hay cũng cho là dở, rồi tìm cách dèm pha, nói xấu, tìm cách đèm người đó xuống. Bệnh này rất tai

(2) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 254 - 255

hại cho Đảng. Nó làm hại đến sự thống nhất. Nó làm Đảng bớt mất nhân tài và không thực hành được đầy đủ chính sách của mình. Nó làm mất sự thân ái, đoàn kết giữa đồng chí. Nó gây ra những mối nghi ngờ"⁽³⁾.

Những lời giáo huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh cách đây hơn nửa thế kỷ vẫn còn nguyên giá trị.

*

Công tác quản lý cán bộ những năm qua có một số tiến bộ. Bộ máy tổ chức quản lý cán bộ từng bước được kiện toàn. Đảng và Nhà nước ta tiếp tục ban hành hàng loạt các quy định, quy chế, quy trình về nhận xét, đánh giá cán bộ, về bổ nhiệm, đề bạt cán bộ, về bầu cử cấp ủy ...

Tuy nhiên, công tác quản lý cán bộ còn nhiều yếu kém, cái yếu nhất ở nhiều nơi là tệ quan liêu, chủ quan, thiếu dân chủ, do đó chưa động viên được đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia vào công tác quản lý cán bộ. Chính vì thế mà không sâu sát công việc và con người cán bộ, không hiểu rõ cán bộ một cách hệ thống, đánh giá cán bộ còn hời hợt, đại khái, từ đó trong bố trí, sử dụng, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật dễ xảy ra những trường hợp lệch lạc hoặc lầm lẫn đáng tiếc.

Vì vậy, vấn đề quan trọng nhất là cần **dân chủ hóa công tác quản lý cán bộ**, khắc phục bệnh quan liêu, chủ quan, cá nhân, gia trưởng. Chỉ dân chủ hóa công tác quản lý cán bộ mới có thể lắng nghe được ý kiến đầy đủ, phong phú, thu nhận được thông tin nhiều chiều, từ đó phân tích, nhận xét, đánh giá chính xác cán bộ. Cũng chỉ có dân chủ hóa công tác quản lý cán bộ mới bảo đảm công tâm, khách quan, phòng và chống một cách chủ động và hiệu quả các tệ nạn tiêu cực như

"mua quan bán tước", chạy chức, chạy quyền, chạy tội...

Người lãnh đạo cần có phong cách dân chủ, gần gũi sâu sát cán bộ dưới quyền, thường xuyên theo dõi, kiểm tra, động viên họ tiến bộ và giúp đỡ uốn nắn kịp thời nếu họ có khuyết điểm; hết lòng thương yêu cán bộ, sẵn sàng đối thoại và lắng nghe họ, tạo không khí thuận lợi cho cán bộ cấp dưới tin cậy, dám nói sự thật.

Những người làm công tác tổ chức càng phải có những phong cách dân chủ, được cán bộ quý mến, gửi gắm niềm tin. Cần đi sâu tìm hiểu công việc, cuộc sống và tâm tư tình cảm của cán bộ, qua tiếp xúc trực tiếp với cán bộ và qua gặp gỡ lắng nghe ý kiến của các cơ quan có liên quan và những người chung quanh về cán bộ đó. Hồ sơ lý lịch cán bộ được thường xuyên bổ sung cập nhật, phản ánh kịp thời những diễn biến về tư tưởng trong công tác và sinh hoạt của cán bộ. Chế độ phê bình và tự phê bình và chế độ nhận xét cán bộ theo định kỳ cần được thực hiện có nền nếp và lưu trữ đầy đủ trong hồ sơ cán bộ.

Dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, cần **phát huy trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, các đoàn thể nhân dân** trong công tác quản lý cán bộ. Thực hiện tốt việc phân công, phân cấp quản lý cán bộ để công tác cán bộ gắn chặt với việc chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, để gắn chặt trách nhiệm nắm việc với trách nhiệm nắm người.

Cần có **cơ chế mở rộng dân chủ thu hút cán bộ, đảng viên và đông đảo nhân dân tham gia quản lý cán bộ**. Chúng ta đã có một số quy định theo hướng này song cần tiếp tục mở rộng dân chủ và làm tốt hơn nữa. Cần

(3) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 5, tr 257

khắc phục một quan niệm khá phổ biến lâu nay coi công tác cán bộ là "công tác bí mật", chỉ dành cho một số người được bàn và quyết định. Thực hiện nghiêm túc chế độ cán bộ lãnh đạo các cơ quan, đơn vị định kỳ tự phê bình, có cơ chế khuyến khích sự phê bình của cấp dưới và lấy ý kiến tín nhiệm của cán bộ, công chức về người lãnh đạo. Mở rộng và nâng cao chất lượng việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, để mọi công nhân viên chức trong cơ quan và nhân dân ở xã, phường được phê bình và kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên. Việc nhận xét, lựa chọn, giới thiệu người để bầu vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, đoàn thể cần được tiến hành một cách dân chủ, lắng nghe ý kiến và tôn trọng sự lựa chọn của cử tri và các đại biểu trên cơ sở định hướng về tiêu chuẩn và cơ cấu nhưng không gò ép về nhân sự cụ thể.

Cần giữ vững nguyên tắc tập thể lãnh đạo trong việc bố trí, bổ nhiệm, đề bạt, điều động cán bộ và những quyết định quan trọng khác trong công tác cán bộ nhằm bảo đảm cho những quyết định về công tác cán bộ được chính xác, ngăn chặn động cơ cá nhân, cục bộ, phe phái hoặc dân chủ hình thức, không tạo điều kiện cho các cấp ủy viên có được đầy đủ thông tin về cán bộ nên có những trường hợp biểu quyết theo cảm tính hoặc mượn danh tập thể để hợp thức hóa quyết định của cá nhân thủ trưởng.

Việc tuân thủ nguyên tắc tập thể lãnh đạo hoàn toàn không có nghĩa hạ thấp vai trò của thủ trưởng trong công tác cán bộ. Người thủ trưởng chịu trách nhiệm điều hành thực hiện nhiệm vụ chính trị cần chủ động nghiên cứu, nhận xét, đề xuất với tập thể việc bố trí, đề bạt cán bộ trong bộ máy cơ quan, đơn vị mình. Cấp ủy lãnh đạo khi ra quyết định cần

tôn trọng, lắng nghe, ủng hộ những đề xuất đúng đắn, công tâm của người thủ trưởng và trên cơ sở lắng nghe ý kiến của các cơ quan tham mưu và của cấp dưới mà phân tích, bổ sung, uốn nắn khi cần thiết.

Một trong những chức trách của người lãnh đạo là cùng với việc quản lý công việc chuyên môn còn phải quản lý con người, quản lý cán bộ, công chức trong cơ quan, đơn vị. Vì vậy, ngoài năng lực chuyên môn giỏi, một *tiêu chuẩn của cán bộ lãnh đạo là phải biết làm công tác tư tưởng, công tác tổ chức, công tác với con người*. Người cán bộ lãnh đạo có phẩm chất đạo đức và có năng lực ắt chọn được nhiều cán bộ tốt. Nếu người lãnh đạo kém, có nhiều khuyết tật thì dễ bị bọn cơ hội, bọn xấu tranh thủ, lung lạc. Vì vậy, hơn ai hết, cán bộ lãnh đạo cần gương mẫu, không ngừng tu dưỡng rèn luyện mình, có tấm lòng trong sáng, chí công vô tư, không cá nhân chủ nghĩa, cục bộ, bè phái. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhắc nhở những người lãnh đạo : "Muốn biết rõ cán bộ, muốn đối đãi một cách đúng đắn các hạng người, trước hết phải sửa những khuyết điểm của mình. Mình càng ít khuyết điểm thì cách xem xét cán bộ càng đúng"⁽⁴⁾.

*

Đảng ta xác định : Xây dựng kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Để thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ đó, công tác cán bộ có ý nghĩa quyết định, vì "cán bộ là cái gốc của mọi công việc", như lời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy. Muốn xây dựng đội ngũ cán bộ trong sạch, vững mạnh ngang tầm đòi hỏi của nhiệm vụ cách mạng, nhất định cần bắt đầu làm thật tốt từ việc tìm hiểu, nhận xét, đánh giá cán bộ.□

(4) Hồ Chí Minh : *Sđd*, tr 278

HIỆN nay, xu thế toàn cầu hóa về kinh tế và quá trình hội nhập kinh tế thế giới đang diễn ra ở mọi quốc gia. Tình hình đó đặt nền văn hóa của mỗi dân tộc trước những biến động lớn. Phải chăng trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, các nền văn hóa dân tộc sẽ trở nên đồng nhất, mất hết bản sắc của mình ? Không ít các nhà lý luận phương Tây đang cố vũ cho xu hướng đó.

Nhưng cuộc sống vẫn có quy luật của nó. Hội nhập kinh tế thế giới là một quá trình liên kết, thường xuyên diễn ra sự *đồng hóa và dị hóa*. Khả năng đồng hóa và dị hóa này không chỉ phụ thuộc vào sự phát triển của nền kinh tế mỗi nước, mà chủ yếu còn tùy thuộc vào bản lĩnh văn hóa và sức sống của mỗi dân tộc. Vì vậy, văn hóa dân tộc có vai trò cực kỳ quan trọng trong hội nhập kinh tế thế giới.

Xu thế toàn cầu hóa là nhằm đạt tới sự liên thông về kinh tế giữa các quốc gia dân tộc, đòi hỏi một sự giao thoa lớn hơn giữa các giá trị văn hóa trên phạm vi toàn cầu. Như một tất yếu, quá trình đó cũng đang diễn ra ở nước ta, đặc biệt là từ khi chúng ta thực hiện công cuộc đổi mới đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng. Cùng với những thay đổi tích cực tạo nên nhiều thành tựu trên lĩnh vực kinh tế là diễn biến sôi động trên lĩnh vực văn hóa.

Do tác động của toàn cầu hóa, hoạt động giáo dục - đào tạo đang đứng trước

yêu cầu có tính bức xúc : phải phát triển nhanh về quy mô và chất lượng ; cần cải tiến về nội dung chương trình, về phương pháp dạy và học ; phải có nhiều loại hình trường lớp ; cần sử dụng công nghệ hiện đại trong hoạt động giáo dục và đào tạo...

Thời cơ và thách thức ĐỐI VỚI VĂN HÓA DÂN TỘC trong xu thế toàn cầu hóa

TRẦN VĂN BÌNH *

Và, một quan niệm mới : tri thức là tài sản và là sức mạnh đang dần hình thành trong đời sống xã hội, nhất là ở các đô thị, nơi tác động của toàn cầu hóa diễn ra nhanh và mạnh.

Trước đây, trong thời kỳ bao cấp, sản xuất thường bị tách rời nghiên cứu khoa học ; khoa học và kỹ thuật đi vào đời sống một cách chậm chạp và khó khăn. Ngày nay, tình hình đã khác hẳn. Sản phẩm của khoa học công nghệ mới đã nhanh chóng có mặt khắp nơi, thâm nhập vào sản xuất và hiện diện trong đời sống từng gia đình. Người dân có điều kiện kiểm chứng vai trò to lớn của khoa học công nghệ. Ai cũng thấy cần phải hiểu biết, làm quen và sử dụng được thành tựu của khoa học công nghệ.

* PGS,TS, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Về lối sống cũng đang có biến động tích cực. Nền văn minh nông nghiệp lúa nước ở nước ta từ hàng ngàn năm trước đây đã tạo những thói quen lề mề, luộm thuộm, thiếu khoa học. Những năm sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, ta đã có ý thức vượt qua những hạn chế ấy. Nhưng đất nước ta phải đối mặt với chiến tranh quá dài, nên những tàn dư đó chậm được khắc phục. Trong xu thế toàn cầu hóa nền kinh tế hiện nay, nếp suy nghĩ và lối sống của người dân đã bắt đầu đổi khác. Các nhu cầu về học tập, công tác và sinh hoạt diễn ra khá khẩn trương, thúc đẩy mọi người, nhất là lớp trẻ phải sắp xếp thời gian hợp lý. Cuộc sống đòi hỏi một sự kế hoạch hóa, không thể tùy tiện. Khái niệm và tâm lý biết quý trọng thời gian đã dần dần hình thành.

Tuy nhiên, cùng với tác động tích cực, xu thế toàn cầu hóa cũng đặt ra những thách thức đối với sự phát triển văn hóa của các quốc gia, trong đó có Việt Nam.

Những thách thức này cũng khởi đầu từ kinh tế. Toàn cầu hóa kinh tế tư bản chủ nghĩa đang tạo nên những bất công, phi lý trong đời sống giữa các quốc gia, giữa các tầng lớp xã hội trong một quốc gia. Nguy cơ thất nghiệp ngày càng tăng, tạo ra sự bất ổn trong đời sống. Bản chất tha hóa của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa không những tạo nên sự suy thoái về quan hệ xã hội trong các quốc gia tư bản mà còn cả trên phạm vi rộng lớn hơn. Sự gia tăng của các loại tội phạm có tính quốc tế là một trong những biểu hiện của xu thế này. Khi nói vấn đề tha hóa là nói đến vấn đề đánh mất nhân cách và nhân tính. C. Mác đã chỉ ra rất rõ quy luật tha hóa người lao động làm thuê trong chế độ tư bản, nhưng cần hiểu thêm một khía cạnh khác : quy luật tha hóa không chỉ diễn ra đối với người làm thuê

mà còn đối với cả nhà tư sản. Khi đã trở thành một tên tư sản kèch xù, thì tình cảm thường chỉ còn lại với đồng tiền. Trước đây vài thập kỷ, nguy cơ tan vỡ gia đình chỉ xảy ra ở các nước phương Tây, các nước tư bản chủ nghĩa. Nhưng ngày nay dưới tác động của toàn cầu hóa kinh tế tư bản chủ nghĩa, nguy cơ đó không loại trừ một quốc gia nào.

Cùng với sự suy thoái trong quan hệ xã hội là sự phá hoại nghiêm trọng môi trường sinh thái. Điển hình là khu vực Mỹ la tinh vốn rất màu mỡ, đã bị các tập đoàn tư bản Bắc Mỹ và Tây Âu bòn rút, dẫn đến nguy cơ cạn kiệt. Công cuộc toàn cầu hóa tư bản chủ nghĩa dù có đặt ra những yêu cầu mới về sản xuất và xuất khẩu cho khu vực này thực chất cốt chỉ nhằm phục vụ cho các tập đoàn tư bản. Các doanh nghiệp liên hiệp nông sản thực phẩm ra đời thay thế cho các doanh nghiệp truyền thống. Trong 10 năm, từ 1970 đến 1980, là thời gian công cuộc toàn cầu hóa chỉ mới bắt đầu ở khu vực này, mà diện tích đất trồng trọt tăng từ 97 triệu héc-ta lên 117 triệu héc-ta. Xu thế kinh doanh theo lợi nhuận tối đa của các tập đoàn tư bản đã dẫn đến hai hậu quả lớn :

- Tới 60% diện tích rừng ở Mỹ la tinh đã bị phá hủy. Việc khai thác gỗ xảy ra ồ ạt, đặc biệt ở Bra-xin. Người ta ước tính mỗi năm rừng A-ma-zôn bị phá hủy tới 5,8 triệu héc-ta.

- Nhằm mục đích khai thác nhanh, thu lãi nhanh, các tập đoàn tư bản đã ra sức sử dụng phân hóa học, thuốc trừ sâu và những công nghệ mới, bất chấp các hậu quả của chúng. Nếu trong năm 1970 mới sử dụng 2 883 000 tấn phân hóa học thì đến 1999 là 9 263 000 tấn/năm.

Hai hậu quả trên chứng minh mặt trái của xu thế toàn cầu hóa kinh tế tư bản chủ nghĩa đối với vấn đề môi trường sinh thái - một lĩnh vực cực kỳ quan trọng trong đời sống của con người, và cũng là nhân tố tạo nên đời sống văn hóa và sự phát triển bền vững.

Sự chuyển giao công nghệ, vốn, cùng với các hình thức liên doanh kinh tế, đã tạo điều kiện để lối sống tư sản thâm nhập vào các quốc gia. Cách kinh doanh theo kiểu tư sản, quan hệ chủ thợ mang tính tư bản đang thâm nhập vào các quốc gia, kể cả những nước xa lạ với chủ nghĩa tư bản. Những hiện tượng đối xử bất bình đẳng với người lao động thường vẫn diễn ra trong các tổ chức liên doanh kinh tế với người nước ngoài. Tâm lý sùng bái vật chất, tính cạnh tranh khốc liệt trong sản xuất tư bản... đều có ảnh hưởng xấu đến cách suy nghĩ và tâm lý của người lao động.

Nhưng vấn đề không dừng lại ở đó. Phần lớn các công nghệ thông tin đang nằm trong tay các tập đoàn tư bản, bị sự khống chế của các ông trùm tư bản. Hiện tại 70% nội dung chương trình được chuyển tải trên mạng in-tơ-net là của Mỹ. Giao lưu văn hóa thế giới đang bị mất thăng bằng, bị chi phối bởi những nước giàu có nhất. Hiện nay, ngành xuất khẩu lớn nhất của Hoa Kỳ không phải là máy bay, ô tô mà là ngành vui chơi giải trí. Phim của Hô-ly-út có tổng thu nhập hàng năm lên tới 30 tỷ USD, và nó đã thâm nhập đến tận những ngõ ngách các vùng hẻo lánh nhất trên địa cầu. Có nghĩa là, lối sống Mỹ ngang nhiên công khai truyền bá trên toàn thế giới, bất chấp mọi hàng rào thuế quan. Kênh truyền hình CNN của Mỹ cũng vươn tới mọi nơi, mặc sức đưa tin và bình

luận các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa... của nước khác, theo con mắt của giới tư bản truyền thông Mỹ.

Theo công bố của Tổ chức Văn hóa Giáo dục Liên hợp quốc (UNESCO), thương mại thể giới trong lĩnh vực văn hóa - âm phẩm, văn học, âm nhạc, hội họa, phim ảnh, các thiết bị âm thanh và điện tử, có số lượng tăng gấp ba lần trong thời gian từ 1980 - 1991, (giá trị tăng từ 97 tỷ lên 200 tỷ USD).

Sự tác động của "văn hóa tiêu dùng" đang dẫn đến nguy cơ đồng nhất về văn hóa. Các nhà sản xuất đẩy mạnh tuyên truyền cho các sản phẩm mang tính toàn cầu. Các nhãn hiệu Nike và Sony, các dịch vụ quảng cáo và giải trí, các loại mỹ phẩm, các loại đồ uống, đồ ăn, các phương tiện đi lại và trao đổi toàn cầu... đang góp phần lan truyền văn hóa phương Tây, văn hóa Mỹ ra toàn thế giới; và, đã làm băng hoại nếp sống cổ truyền của các dân tộc, thay đổi theo nguy cơ "phương Tây hóa" và "Mỹ hóa".

Để hiểu sâu hơn và bước đầu đánh giá mức độ tác động của toàn cầu hóa kinh tế đối với văn hóa ở nước ta, chúng tôi tổ chức khảo sát điều tra một số lĩnh vực trên địa bàn Thủ đô Hà Nội, kết quả rất bất ngờ và lý thú:

* *Trên lĩnh vực tâm lý xã hội*: Ngoài những đức tính mà người Việt Nam và người Hà Nội vẫn đề cao như trung thực, thủy chung, vị tha... đã xuất hiện những phẩm chất mới, theo hướng tích cực như:

- Có khả năng thích nghi (47,6% số người ủng hộ)
- Có khả năng kiếm tiền (45,3% số người ủng hộ)
- Tay nghề giỏi (43,7% số người ủng hộ)

Bên cạnh đó cũng xuất hiện những nhân tố khá xa lạ, tuy số người ủng hộ chưa nhiều, nhưng cũng là vấn đề phải quan tâm. Ví dụ, trong khi số người không ủng hộ ly hôn là 75,7% thì số người ủng hộ vẫn là 20,4%, hoặc xuất hiện trong đời sống tình trạng hôn nhân thử nghiệm...

*** Về lĩnh vực giáo dục :** Ngoài những giá trị truyền thống, đã xuất hiện những nhân tố mới thể hiện nhu cầu đa dạng hóa giáo dục :

- 97,1% số người được hỏi thấy cần thiết phải học ngoại ngữ và có nhu cầu học ngoại ngữ.

- 60,3% thấy cần học tin học.

- 66,2% cho rằng cần giáo dục dân số.

- 82,8% cho rằng cần giáo dục giới tính.

- 77,9% cho rằng cần giáo dục Luật Giao thông.

Nhưng câu hỏi về ấn tượng sâu sắc đối với thầy cô giáo thì có 47,5% người được hỏi không trả lời. Phải chăng đây cũng là biểu hiện tiêu cực đối với hoạt động giáo dục - đào tạo ở nước ta ?

*** Về lĩnh vực văn hóa nghệ thuật :** Có 73,1% số người được hỏi yêu thích ca nhạc quốc tế phát trên chương trình MTV của Đài Truyền hình Việt Nam. Điều đó chứng tỏ người Hà Nội đã sớm nắm bắt được các thành tựu nghệ thuật thế giới. Đã có 9,8% số người được điều tra tán thành, thậm chí 1,1% rất tán thành việc một số diễn viên nước ta bắt chước thời trang và phong cách biểu diễn của diễn viên nước ngoài. Ngược lại, số người ưa thích các loại hình nghệ thuật dân tộc : chèo, tuồng, cải lương ngày càng ít dần. Đây là hiện tượng đáng suy nghĩ.

*** Về hoạt động báo chí, xuất bản :** Tuy đã có các phương tiện nghe nhìn, số người đọc sách và báo vẫn đông, chiếm 58,04% (đọc sách) và 79,68% (đọc báo). Đáng chú ý, số người đọc sách báo nước ngoài nhập khẩu rất đông. Người đọc quan tâm đến rất nhiều chủ đề : Về kinh tế có 62% ; về ngoại giao, khoa học công nghệ, văn hóa... có trên 50% số người quan tâm. Điều đó thể hiện nhu cầu hiểu biết của người dân được nâng cao, và báo chí xuất bản trong nước đã cố gắng đáp ứng nhu cầu đó của quần chúng. Tuy vậy, 65,17% bạn đọc cho rằng lượng thông tin là quá nhiều, 15,9% cho là trùng lặp thông tin, 34,82% cho rằng có những thông tin không cần thiết và 37,3% cho là có những thông tin có hại.

Trước tác động của toàn cầu hóa, đòi hỏi người làm công tác báo chí xuất bản phải nâng cao trình độ mọi mặt về chính trị, chuyên môn, ngoại ngữ, biết sử dụng công nghệ thông tin hiện đại : 87,5% những người hoạt động trên lĩnh vực này trả lời cần nâng cao trình độ chính trị, 85% cho rằng phải nâng cao trình độ chuyên môn và 92,5% cho rằng phải nâng cao trình độ ngoại ngữ. Gần đây, hầu hết các báo đều tăng kỳ xuất bản và số lượng phát hành, tăng phụ trương để chuyển tải kịp thời các thông tin mới, nhưng xu hướng thương mại hóa cũng đã có mặt trong hoạt động báo chí. Đây là điều rất mới và không thể không quan tâm.

Trên các lĩnh vực khác của đời sống văn hóa cũng có những vấn đề đáng quan tâm. Ví dụ, tiếng nói của các dân tộc thiểu số, một bộ phận cực kỳ quan trọng trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc cũng đang đứng trước thời cơ và thách thức.

Trong xu thế hiện nay, tiếng Anh đang trở thành ngôn ngữ phổ biến trên phạm vi quốc tế. Tình hình đó đòi hỏi các dân tộc phải biết sử dụng tiếng Anh. Nắm được tiếng Anh cũng là điều kiện để nắm thông tin, tiếp thu các thành tựu khoa học công nghệ của thế giới. Theo điều tra gần đây nhất ở Hà Nội thì, 87,3% cho rằng phải học tiếng Anh, 25% cho là cần học tiếng Pháp và 23,5% cho là cần học tiếng Trung Quốc. Chưa bao giờ nhu cầu học ngoại ngữ lại tăng lên như vậy. Tuy nhiên, nhu cầu học ngoại ngữ lại dẫn tới xu thế coi nhẹ tiếng mẹ đẻ. Cũng theo khảo sát ở ngành giáo dục, học sinh ở các cấp viết chữ xấu, sai chính tả và ngữ pháp là hiện tượng rất phổ biến từ tiểu học đến đại học. Dùng sai từ cũng là điều thường diễn ra trong cuộc sống, kể cả trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Như vậy, trước một thực tế khách quan của đời sống, không nên nghĩ rằng chúng ta chỉ chấp nhận toàn cầu hóa về kinh tế mà lãng tránh toàn cầu hóa về văn hóa. Điều đó là không tưởng. Vì giữa kinh tế và văn hóa có mối liên hệ chặt chẽ hữu cơ không tách rời nhau. Cố nhiên, kinh tế có quy luật vận động khác với văn hóa. Cần nhận thức rằng trong những thời cơ do toàn cầu hóa đưa lại cho kinh tế, đồng thời có những thời cơ mang tới cho văn hóa. Ví dụ, việc tiếp thu các công nghệ mới, những kinh nghiệm tổ chức và quản lý kinh tế từ các nước tư bản phát triển cũng là những thành tựu của văn hóa nhân loại. Những thách thức mà toàn cầu hóa kinh tế đặt ra cho nền kinh tế của các nước, xét ở khía cạnh nào đó cũng là những thách thức về phương diện văn hóa, bởi những thách thức đó bao gồm cả mặt hiệu quả xã hội của nền kinh tế.

Nói hiệu quả xã hội là nói đến mục tiêu văn hóa của kinh tế.

Đồng thời, tác động của toàn cầu hóa đối với kinh tế và văn hóa cũng phải nhìn ở hai phương diện : thời cơ và thách thức.

Về thời cơ : Toàn cầu hóa tạo điều kiện để các dân tộc hiểu biết lẫn nhau, bổ sung và làm giàu cho nền văn hóa dân tộc mỗi nước. Điều này rất phù hợp với quy luật vận động và phát triển của văn hóa. Để phát triển, các nền văn hóa dân tộc cần mở rộng cánh cửa giao lưu quốc tế. Văn hóa chứa đựng trong nó sự bao dung.

Trong xu thế giao thoa đó, ngoài việc tiếp thu những giá trị của văn hóa các dân tộc khác, mỗi dân tộc có điều kiện suy ngẫm nhiều hơn, từ đó soát xét lại về các giá trị của văn hóa dân tộc mình. Hiện nay, khi cuộc đấu tranh về ý thức hệ vẫn diễn ra gay gắt, khi một số cường quốc kinh tế và kỹ thuật đang muốn lợi dụng sức mạnh để áp đặt lối sống, tư tưởng của mình đối với các nước khác, thậm chí cả những cuộc "xâm lăng văn hóa", thì ý thức về dân tộc và về văn hóa dân tộc của các quốc gia càng cần phải được nâng cao trên một tinh thần tự tôn dân tộc.

Về thách thức : Thông qua toàn cầu hóa kinh tế, các nước tư bản tăng cường phổ biến ý thức hệ và lối sống của mình nên hàng loạt văn hóa phẩm mang tính độc hại đang được tung vào mọi quốc gia, nhằm làm suy thoái đời sống tinh thần, gây mất ổn định xã hội. Lợi dụng xu thế này, chủ nghĩa tư bản tìm cách bóp chết các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc và áp đặt mô hình văn hóa tư sản vào

(Xem tiếp trang 64)

XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CƠ SỞ

Lời Bộ Biên tập : Để góp phần quán triệt và thực hiện tốt Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa IX "Về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn" ngày 19-6-2002, tại thị xã Phủ Lý (Hà Nam), Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản phối hợp với Tỉnh ủy Hà Nam tổ chức Hội thảo khoa học - thực tiễn : "Xây dựng hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ cơ sở".

Đồng chí Nguyễn Khoa Điềm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương đã tới dự và phát biểu ý kiến với Hội thảo. PGS, TS Vũ Văn Hiền, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản, Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam ; đồng chí Tăng Văn Phả, Bí thư Tỉnh ủy Hà Nam ; PGS, TS Trần Quang Nhiếp, Phó Tổng biên tập phụ trách Tạp chí Cộng sản ; cùng các đồng chí : Nguyễn Minh Quang, Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy Hà Nam ; Đinh Văn Cương, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam chủ trì Hội thảo. Tham dự Hội thảo gồm đại diện các ban, bộ, ngành ở Trung ương, các nhà lý luận, các đồng chí là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp của tỉnh Hà Nam và các đồng chí cán bộ chủ chốt của Tạp chí Cộng sản cùng đông đảo cán bộ nghiên cứu, phóng viên, biên tập viên của các cơ quan thông tấn báo chí ở Trung ương và tỉnh Hà Nam.

BÁO CÁO DẪN

TRẦN QUANG NHIẾP

Cơ sở xã, phường, thị trấn là nơi tuyệt đại bộ phận nhân dân cư trú, sinh sống và diễn ra mọi mặt hoạt động của đời sống xã hội một cách sinh động. Hệ thống chính trị ở cơ sở có vai trò rất quan trọng trong việc tổ chức và vận động nhân

dân thực hiện đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, tăng cường đại đoàn kết toàn dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, huy động mọi khả năng để phát triển kinh tế - xã hội, tổ chức cuộc sống của cộng đồng dân cư.

Hệ thống chính trị cơ sở nước ta trong thời gian qua đã được thiết lập rộng rãi trên khắp các địa phương trong cả nước, từ thành thị đến nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo. Hệ thống chính trị cơ sở đã tích cực tổ chức thực hiện những nhiệm vụ chính trị, nhất là Quy chế dân chủ ở cơ sở, cùng với nhân dân tạo nên những thành tựu đổi mới và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, củng cố vững chắc quốc phòng, an ninh, làm thay đổi rõ rệt bộ mặt nông thôn và thành thị. Hệ thống chính trị cơ sở ở nhiều nơi đã phát huy vai trò là hạt nhân chính trị trong tổ chức, vận động nhân dân thực hiện một cách chủ động, sáng tạo các nghị quyết của Đảng, đưa nghị quyết vào cuộc sống và góp phần đưa cuộc sống vào nghị quyết. Qua đó, hệ thống chính trị cơ sở ở nhiều nơi đã không ngừng trưởng thành và vững mạnh, thực sự là nền tảng chính trị vững chắc ở cơ sở, cho ta những kinh nghiệm tốt. Việc phát huy vai trò của hệ thống chính trị ở cơ sở luôn luôn gắn chặt với vai trò của đội ngũ cán bộ ở cơ sở. Vì vậy, trong những năm qua, nhìn chung đội ngũ cán bộ của các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở nước ta đã không ngừng trưởng thành về mọi mặt, nâng cao vai trò tiên phong gương mẫu, chủ động sáng tạo tổ chức các hoạt động có hiệu quả để phát huy vai trò và sức mạnh của tổ chức mình trong hệ thống chính trị ở cơ sở.

Tuy nhiên, hệ thống chính trị và việc xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở hiện nay, như Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) chỉ rõ : "Còn rất nhiều mặt yếu kém, bất cập trong công tác lãnh đạo, quản lý, tổ chức thực hiện và vận động quần chúng. Tình trạng tham nhũng, quan liêu, mất đoàn kết nội bộ, vừa vi phạm quyền làm chủ của dân, vừa không giữ đúng kỷ cương, phép nước xảy ra nhiều nơi, có những nơi nghiêm

trọng. Chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong hệ thống chính trị chưa được xác định rành mạch, trách nhiệm không rõ ; nội dung và phương thức hoạt động chậm đổi mới, còn nhiều biểu hiện của cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp. Đội ngũ cán bộ cơ sở ít được đào tạo, bồi dưỡng ; chính sách đối với cán bộ cơ sở còn chấp vá". Rõ ràng những bất cập trong lãnh đạo, quản lý ; những vi phạm chính sách, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân ; tình trạng quan liêu, tham nhũng, mất đoàn kết ở một bộ phận cán bộ, đảng viên ; những nội dung, phương thức hoạt động chậm được đổi mới đó đã làm cho hệ thống chính trị cơ sở kém hiệu lực.

Thực tế cho thấy việc tiếp tục xây dựng và đổi mới hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ cơ sở đang đặt ra nhiều *vấn đề bức xúc*, nổi bật nhất là việc xác định chức năng, nhiệm vụ, xây dựng mối quan hệ giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị chưa rõ ràng ; cơ chế vận hành của hệ thống chính trị chưa thật nhịp nhàng, đồng bộ. Đồng thời, việc thực thi dân chủ, phát huy quyền làm chủ của nhân dân còn nhiều hạn chế ; thực tế xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực đủ sức đảm đương những công việc khó khăn, phức tạp đòi hỏi tinh thần trách nhiệm cao, tính sáng tạo lớn ở cơ sở còn nhiều bất cập.

Sở dĩ còn những yếu kém và các vấn đề bức xúc như vậy, do nhiều nguyên nhân, trong đó có phần trách nhiệm của bản thân hệ thống chính trị ở cơ sở, có phần thuộc trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị nói chung. Một trong những nguyên nhân nổi bật nhất là, chúng ta nhận thức chưa đúng tầm và đầy đủ về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của hệ thống chính trị ở cơ sở. Có nơi, có lúc chúng ta còn chủ quan, buông lơi, thiếu

thường xuyên chăm lo xây dựng hệ thống chính trị cơ sở ; chưa có những chủ trương, quyết định và chính sách kịp thời để củng cố, tăng cường các tổ chức và đội ngũ cán bộ ở những cơ sở còn yếu kém.

Thực tiễn cho thấy, việc xây dựng hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ ở cơ sở phụ thuộc rất nhiều yếu tố, trong đó *những yếu tố* cơ bản không thể xem nhẹ gồm : **Một là**, nhận thức và hoạt động đúng với vai trò hạt nhân chính trị của tổ chức đảng ở cơ sở ; **hai là**, phát huy hiệu lực của chính quyền cơ sở ; **ba là**, đổi mới nội dung, phương thức công tác của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân ; **bốn là**, xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở đủ về số lượng, mạnh về chất lượng ; **năm là**, tăng cường sự chỉ đạo của cấp trên đối với hệ thống chính trị cơ sở một cách có hiệu quả...

Những yếu tố trên đây không phải có sẵn, hoặc tự nhiên mà có. Nó tùy thuộc vào trình độ và mức độ nhận thức về vị trí, vai trò hệ thống chính trị cơ sở của các cấp, các ngành có liên quan, cũng như chính bản thân các tổ chức là thành viên của hệ thống chính trị cơ sở. Đồng thời, đòi hỏi chúng ta chủ động tạo ra các yếu tố thông qua các hoạt động xây dựng Đảng, chính quyền, các đoàn thể nhân dân ; thông qua các hoạt động tự giác và sáng tạo của mỗi đảng viên, đoàn viên, hội viên thực sự là những chủ thể tích cực tham gia xây dựng hệ thống chính trị cơ sở.

Để xây dựng hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ cơ sở ở nước ta theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) trong rất nhiều việc phải làm, nhiều vấn đề cần quan tâm giải quyết, trước hết Hội thảo chúng ta dành sự tập trung nghiên cứu, từng bước làm rõ những điểm chính sau.

Thứ nhất, nhận rõ thực trạng hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ cơ sở ở từng địa phương, trước hết ở Hà Nam hiện nay ra sao ? Đây là mặt mạnh và đâu là mặt yếu cần khắc phục ? Những vấn đề gì đang đặt ra cần quan tâm giải quyết ? Giải quyết những điều đó bằng cách nào ? Ai có trách nhiệm chính và ai tham gia giải quyết ?

Thứ hai, những nhận thức, quan niệm đúng đắn, lệch lạc hoặc chưa đầy đủ về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của hệ thống chính trị, đội ngũ cán bộ cơ sở hiện nay ? Những ảnh hưởng của sự nhận thức đó đối với việc xây dựng hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ cơ sở nói chung, ở Hà Nam nói riêng như thế nào ? Bằng cách nào để chúng ta khắc phục những lệch lạc và thiếu sót đó ?

Thứ ba, đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước như thế nào đối với các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở nói chung, cũng như ở Hà Nam nói riêng để không ngừng phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tiếp tục đổi mới xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa ?

Thứ tư, chúng ta cần làm gì và làm như thế nào để đổi mới phương thức hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở, thực hiện phương châm *dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*.

Thứ năm, phương hướng và biện pháp cụ thể xây dựng hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ cơ sở trong điều kiện thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần gắn với thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay gồm những điểm gì ?

Thứ sáu, nhận diện và phân tích rõ những cản trở, vướng mắc chính của quá trình nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính

trị và xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở hiện nay nói chung, ở Hà Nam nói riêng ?.

Thứ bảy, nhận định thực trạng đội ngũ cán bộ cơ sở hiện nay, và những vấn đề cần quan tâm ? Việc đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp, sử dụng đội ngũ cán bộ cơ sở có những vấn đề gì đang đặt ra cần giải quyết ? Những chính sách chế độ cụ thể nào chưa phù hợp trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị cơ sở hiện nay cần nhất thiết phải sửa đổi, bổ sung và sửa đổi, bổ sung như thế nào ?

Thứ tám, đổi mới cơ chế vận hành của hệ thống chính trị như thế nào để thực hiện phương châm *Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ* ở cơ sở nói chung, ở Hà Nam nói riêng ?

Thứ chín, mối quan hệ biện chứng giữa xây dựng hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ

cơ sở với phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh, quốc phòng ở địa phương ?

Thứ mười, những kết quả và kinh nghiệm bước đầu cùng với các kiến nghị cụ thể từ thực tiễn xây dựng hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ cơ sở của tỉnh Hà Nam...

Ngoài những điểm nêu trên có thể còn nhiều vấn đề quan trọng và bức xúc khác rất đáng quan tâm, chúng ta sẽ đặt ra và phân tích, trong quá trình hội thảo. Với tinh thần khoa học, nghiêm túc, đầy trách nhiệm, chúng ta hy vọng trong cuộc Hội thảo này sẽ được các đồng chí lãnh đạo, các nhà khoa học, các nhà hoạt động thực tiễn đóng góp nhiều ý kiến sâu sắc, quý báu, thiết thực góp phần làm rõ hơn nữa những vấn đề chủ yếu của việc xây dựng hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ cơ sở hiện nay để chúng ta triển khai thực hiện tốt Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX).□

TỔNG QUAN HỘI THẢO

GẦN 50 bản tham luận được gửi tới Hội thảo, đề cập dưới mọi góc độ, mọi bình diện, mọi khía cạnh và hết sức sâu sắc chung quanh các vấn đề lý luận, thực tiễn *xây dựng hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ cơ sở*. Nhìn khái quát, Hội thảo đã tập trung nghiên cứu, tranh luận và làm nổi bật mấy nội dung cơ bản sau :

I - VỀ VỊ TRÍ, VAI TRÒ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ Ở CƠ SỞ

1. Chung quanh vấn đề hệ thống chính trị cơ sở

Nhiều báo cáo dành vị trí xứng đáng cho việc nhận diện, đánh giá và bình luận một

cách toàn diện, sinh động, sắc sảo về vị trí, vai trò, chức năng và nhiệm vụ của hệ thống chính trị cơ sở trong việc tổ chức và vận động nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, tăng cường đại đoàn kết toàn dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, huy động mọi khả năng kinh tế - xã hội, tổ chức cuộc sống của cộng đồng dân cư. Đồng chí Hà Đăng (trợ lý Tổng Bí thư) nhận diện và phân tích mười nhóm vấn đề gồm 30 khía cạnh về hệ thống chính trị ở cơ sở bằng sự khái quát "Mười cái ba".

Đồng chí **Trần Mạnh Tiến** (Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Hà Nam), lại góp một

cách nhìn sâu sắc về nội hàm của hệ thống chính trị cơ sở cho rằng, bất kỳ hệ thống chính trị nào cũng có mặt vật chất và mặt tinh thần của nó. Các nhân tố vật chất bao gồm các cơ quan và tổ chức chính trị - xã hội, các đảng phái chính trị hợp pháp ; trong đó, cơ bản nhất là các đảng phái chính trị của giai cấp cầm quyền - lực lượng chủ yếu quyết định đường hướng phát triển của quốc gia. Phương diện tinh thần của hệ thống chính trị là các quan điểm lý luận chính trị, các chuẩn mực chính trị và pháp lý, các động lực tinh thần của hoạt động chính trị... Ở đây, quan điểm chính trị của giai cấp cầm quyền chiếm vị trí chi phối đời sống tinh thần của hệ thống chính trị.

Từ cách tiếp cận như vậy, các tham luận trình bày nhận thức của mình về hệ thống chính trị nước ta, chung quy lại gồm các yếu tố : Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của mặt trận ; các yếu tố định chế : pháp luật, văn hóa, truyền thống, tập quán, quan niệm đạo đức v.v.. Trong hệ thống chính trị nước ta, Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là yếu tố cấu thành vừa là một tổ chức giữ vai trò lãnh đạo toàn bộ hệ thống". Đồng chí **Phạm Hiệp** (Tạp chí Cộng sản) viết : Ngày nay, hệ thống chính trị ở nước ta hàm chứa và thể hiện bản chất nền dân chủ XHCN theo cơ chế : Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. PGS, TS **Nguyễn Chí Mỹ** (Trưởng ban Tuyên giáo Thành ủy Hà Nội) góp thêm về mặt cấu trúc : Hệ thống chính trị cơ sở là cấp độ cuối cùng trong cấu trúc của hệ thống chính trị đất nước, là nơi kiểm định tính đúng đắn của mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Hệ thống chính trị cơ sở là cầu nối trực tiếp đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, là nơi cung cấp cơ sở thực tiễn sát hợp nhất để đưa cuộc sống vào nghị quyết.

Khi phân tích về đặc điểm hệ thống chính trị cơ sở ở nước ta hiện nay TS. **Vũ Hoàng Công** (Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh) khái quát thành bảy điểm "nhất" : *Một là*, cấp thấp nhất của hệ thống chính trị Việt Nam thực hiện việc quản lý tương đối toàn diện, song lại có bộ máy đơn giản nhất. *Hai là*, cấp gần dân nhất và cán bộ chủ chốt hoàn toàn phụ thuộc vào lá phiếu trong các kỳ bầu cử. *Ba là*, cấp có đội ngũ cán bộ không chuyên nghiệp và ít được đào tạo nhất. *Bốn là*, cấp mà trình độ văn hóa, trình độ lý luận và chuyên môn thấp nhất. *Năm là*, cấp mà chi phí của Nhà nước tính trên đầu cán bộ thấp nhất. *Sáu là*, cấp mà hiệu quả của hệ thống chính trị phụ thuộc nhiều nhất vào cá nhân lãnh đạo. *Bảy là*, cấp mà quan hệ dòng họ, văn hóa ứng xử truyền thống có ảnh hưởng nhiều và sâu nhất đến hiệu quả của hệ thống chính trị.

Từ nhiều cách nhìn và phân tích khác nhau về hệ thống chính trị cơ sở, các báo cáo đều kết luận thống nhất : Cần phải tiếp tục đổi mới và xây dựng hệ thống chính trị cơ sở một cách toàn diện và cụ thể làm cho nó thực sự là nền tảng chính trị ở cơ sở trong xã hội.

2. Vị trí, vai trò, chức năng và nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ ở cơ sở

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ : "Cán bộ là cái gốc của công việc", "cán bộ quyết định hết thảy", "công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém"... Cũng như toàn bộ hệ thống chính trị nước ta, trong hệ thống chính trị ở cơ sở, cán bộ giữ vai trò to lớn, quyết định. Đội ngũ này gồm cán bộ đảng, chính quyền, mặt trận, các đoàn thể nhân dân. Với vị trí, chức năng và nhiệm vụ riêng của cơ sở, đây là lực lượng nòng cốt, là hạt nhân đoàn kết, giáo dục tổ chức nhân dân ở cơ sở thực hiện mọi đường lối, chủ trương của Đảng,

chính sách và pháp luật của Nhà nước ; là chiếc cầu nối liền giữa Đảng, chính quyền, Mặt trận cấp trên với đông đảo nhân dân ở cơ sở.

Đánh giá vai trò và những đóng góp của đội ngũ cán bộ cơ sở đối với cách mạng nước ta, đồng chí **Lê Đức Bình** (Hội đồng Lý luận Trung ương) cho rằng : Từ thực tiễn hoạt động phong phú ở cơ sở, nhân dân cùng với đội ngũ cán bộ ở cơ sở đã sáng tạo nhiều kinh nghiệm hay, nhiều mô hình tốt, từ đó giúp cấp trên và Trung ương nghiên cứu, khái quát những chủ trương, chính sách quan trọng, phù hợp với đòi hỏi khách quan của cuộc sống, trong kháng chiến trước kia cũng như trong công cuộc đổi mới những năm vừa qua.

TS. Nguyễn Tuấn Phong (Ban Tổ chức Trung ương) nhận diện : Cán bộ chuyên trách cơ sở gồm cán bộ giữ chức vụ qua bầu cử có cán bộ chủ chốt của cấp ủy đảng, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ; cán bộ chuyên môn được tuyển chọn : công an, xã đội trưởng, cán bộ văn phòng, địa chính, tài chính - kế toán, tư pháp, văn hóa - xã hội. Xác định hệ thống chính trị cơ sở có cán bộ chuyên trách là một bước tiến quan trọng trong công tác cán bộ của Đảng. **PGS. TS Nguyễn Hữu Khiển** (Học viện Hành chính Quốc gia) coi cấp xã, phường là một mắt khâu quan trọng trong hệ thống chính trị ở nước ta. Do đó, theo tác giả, cán bộ cơ sở là cán bộ của bộ máy đảng và nhà nước làm việc ở địa phương. Hiệu quả hoạt động của họ là một thước đo hiệu quả hoạt động bộ máy đảng và nhà nước ở cơ sở.

ThS. Hoàng Bích Yến (Tạp chí Cộng sản) cho rằng : Cán bộ của hệ thống chính trị cơ sở là bộ phận quan trọng, họ vừa là người đại diện cho chính quyền nhân dân trong quản lý

nhà nước ở địa phương, vừa là người trực tiếp lãnh đạo, tổ chức thực hiện quyền hành pháp và quản lý, vận động quần chúng thực hiện tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các chương trình kinh tế - xã hội toàn quốc, toàn tỉnh cũng như các chương trình kinh tế - xã hội ở địa phương.

ThS. Nguyễn Thị Vy (Tạp chí Cộng sản) nhận xét : Một khi có chủ trương hợp lòng dân, có đội ngũ cán bộ mẫn cán, được dân thực sự tin cậy thì dân sẽ hăng hái tham gia mọi phong trào và các kế hoạch đề ra được hoàn thành một cách tốt đẹp. Ngược lại, nếu có chủ trương đúng đắn nhưng thiếu đội ngũ cán bộ đủ năng lực thì cũng không đạt được mục tiêu đề ra.

3. Mối quan hệ giữa việc xây dựng đội ngũ cán bộ với nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở

Ở cấp độ này hay cấp độ khác, các tham luận đều đề cập đến mối quan hệ biện chứng giữa hai vấn đề hệ trọng này. Dưới góc nhìn quan hệ nhân quả đồng chí **Lê Đức Bình** lý giải : ở những nơi đội ngũ cán bộ đoàn kết thống nhất thì phát huy được sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị ở cơ sở, khối đoàn kết trong nội bộ nhân dân được tăng cường, mọi nhiệm vụ chính trị được hoàn thành tốt đẹp. Ngược lại, ở những cơ sở cán bộ chủ chốt mất đoàn kết, nội bộ hệ thống chính trị lũng củng, khảng tang, thậm chí dẫn đến mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, giữa các thôn xóm, các dòng họ với nhau, thì nhất định sẽ làm giảm sức mạnh của hệ thống chính trị.

Đồng chí **Phạm Bá Chúc** (Bí thư Đảng ủy phường Lương Khánh Thiện, thị xã Phủ Lý, Hà Nam) từ thực tế địa phương mình, rút ra nhận xét : Nói đến chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở hiện nay trước hết phải nói đến sự lựa chọn đúng đắn, tổ chức hợp lý,

đúng người đúng việc, phát huy được năng lực từng thành viên, từng ngành. Đồng chí **Nguyễn Văn Lạc** (Bí thư Huyện ủy Kim Bảng, Hà Nam) nêu một kinh nghiệm hay : "Xã đang yếu, chỉ cần bố trí thay cán bộ chủ chốt, có phẩm chất, năng lực, có uy tín thì phong trào đi lên". Bằng cách nói mộc mạc, giản dị, đồng chí **Trần Anh Tài** (Bí thư Huyện ủy Bình Lục, Hà Nam) cho rằng : Cán bộ nào phong trào ấy, nếu đội ngũ cán bộ yếu thì phong trào yếu, cán bộ không gương mẫu thì không lãnh đạo được nhân dân.

Từ những ý kiến, sau khi phân tích ở khía cạnh này, đều thống nhất một bài học thành công chung : Cán bộ cơ sở phải sống giữa cuộc sống sôi động của nhân dân, phải gần với dân, sâu sát và thấu hiểu nguyện vọng, yêu cầu của đại đa số nhân dân, một lòng một dạ phục vụ lợi ích của nhân dân, bền bỉ tuyên truyền giáo dục vận động, tổ chức nhân dân thực hiện thành công đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, nhằm ổn định và phát triển toàn diện ở cơ sở. Rõ ràng xây dựng được một đội ngũ cán bộ cơ sở trong sạch vững mạnh, gắn bó chặt chẽ với nhân dân là nhân tố quyết định sự lớn mạnh của hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn.

II - ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CƠ SỞ HIỆN NAY

Đây là vấn đề nhạy cảm và khó khăn. Với nhiều cách tiếp cận khác nhau các báo cáo và tham luận đã đưa ra một số nhận định có tính khái quát.

1. Về hệ thống chính trị cơ sở

Qua 16 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, hệ thống chính trị ở cơ sở đã từng bước được củng cố, kiện toàn cùng với toàn dân tạo nên những thành tựu về phát triển

kinh tế - xã hội - văn hóa, giữ vững an ninh chính trị, tăng cường khả năng quốc phòng, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Các cấp ủy đảng và chính quyền cơ sở đã xây dựng và thực hiện quy chế hoạt động, nhằm tăng cường hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý một cách phù hợp, chú trọng kiểm tra giữ vững kỷ cương, phát huy dân chủ, thực hiện tốt các nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước ở cơ sở.

Đại bộ phận tổ chức Đảng trong hệ thống chính trị cơ sở giữ vững vai trò hạt nhân lãnh đạo, các cấp chính quyền làm tròn trọng trách quản lý nhà nước ở cơ sở, phát huy tính tích cực của nhân dân trong việc phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, an ninh và quốc phòng theo Quy chế dân chủ ở cơ sở, thông qua các phong trào hành động của toàn dân, làm thay đổi rõ rệt diện mạo nông thôn và thành thị.

Những thành tựu quan trọng của hệ thống chính trị ở cơ sở có phần đóng góp to lớn và quyết định của các thành viên trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Đồng chí **Đỗ Duy Thường** (Ủy viên Thường trực Đoàn chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam) khẳng định : Tổ chức của Mặt trận ở cơ sở, nhất là ở nông thôn ngày càng được mở rộng với nhiều hình thức đa dạng, thích hợp theo đặc điểm từng vùng, từng nơi để tập hợp, đoàn kết các tầng lớp nhân dân, thể hiện hình ảnh của khối đại đoàn kết toàn dân ở từng cơ sở xã, phường, thị trấn... Đồng chí **Nguyễn Đức Triều** (Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam) nhấn mạnh nét nổi bật về vai trò và sự đóng góp to lớn của các tổ chức Hội Nông dân ở cơ sở là góp phần xây dựng nông thôn vững mạnh, làm nòng cốt trong các phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi ; xóa đói giảm nghèo, xây dựng

kết cấu hạ tầng nông thôn, phát triển văn hóa xã hội, bảo vệ an ninh, quốc phòng ; tham gia với các cơ quan nhà nước hòa giải, giải quyết khiếu nại, tố cáo của hội viên nông dân.

Các báo cáo đều khẳng định, hệ thống chính trị cơ sở đã cố gắng thực hiện nhiệm vụ ổn định chính trị - xã hội, phát huy tính tích cực của nhân dân trong việc thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương và được nhân dân tín nhiệm. Đồng chí **Trần Anh Tài** (Bí thư Huyện ủy Bình Lục) góp một luận chứng : Hằng năm, Bình Lục huy động trên 100 tỷ đồng đầu tư cho xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật nông thôn (điện, đường, trường, trạm, hệ thống thủy lợi...) thì nhân dân đã tự nguyện đóng góp từ 70 đến 75%. Nhận xét về những đóng góp của hệ thống chính trị cơ sở trong việc cụ thể hóa và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, TS. **Đỗ Nhật Tân** (Quyền Trưởng Ban Chính trị - Triết học, Tạp chí Cộng sản) nêu rõ : Chính quyền cơ sở nói riêng và hệ thống chính trị cơ sở nói chung đã tích cực triển khai, tạo một động lực mới trong công tác quản lý xã hội của chính quyền, cũng như khơi dậy lòng nhiệt tình cách mạng của nhân dân đối với sự nghiệp đổi mới ở các địa bàn cơ sở.

Tuy nhiên, từ thực tiễn và trước yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hệ thống chính trị ở cơ sở đã và đang bộc lộ những khuyết điểm và yếu kém. TS. **Nguyễn Tuấn Phong** cho rằng, bên cạnh những thành tựu đạt được, hệ thống chính trị ở cơ sở còn có những yếu kém trong công tác lãnh đạo, quản lý, tổ chức thực hiện và vận động quần chúng. Phân tích nguyên nhân của những yếu kém, tồn tại đó, PGS, TS. **Nguyễn Chí Mỹ** nêu rõ : Mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ thẩm

quyền của hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân và của các đoàn thể chưa được quy định cụ thể ; vai trò, vị trí, mối quan hệ giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở chưa được xác định thông qua các quy chế hoạt động.

Điều cơ bản nhất là, tổ chức cơ sở đảng ở một số nơi chưa được chỉnh đốn, buông lỏng chế độ sinh hoạt, kỷ luật kỷ cương không nghiêm, tự phê bình và phê bình yếu ; vai trò hạt nhân lãnh đạo của không ít cấp ủy rất mờ nhạt, thậm chí có nơi mất sức chiến đấu, không đủ sức giải quyết những vụ việc tồn đọng, nổi cộm, bức xúc trên địa bàn, dẫn đến nhân dân bất bình khiếu kiện vượt cấp. Mặt khác, phương thức hoạt động chậm đổi mới, nặng nề không phù hợp với yêu cầu phát triển năng động của đời sống xã hội cơ sở. Bổ sung cho nhận định này, ThS. **Nguyễn Vũ Cán** (Ban Xây dựng Đảng, Tạp chí Cộng sản) cho rằng : Không ít các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở lúng túng trong việc cụ thể hóa các đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Đây chính là nguyên nhân làm cho nghị quyết của Đảng chậm đi vào cuộc sống và cuộc sống thực tiễn chậm được phản ánh vào đường lối chủ trương của Đảng.

Có một loại nguyên nhân khác dẫn tới những thiếu sót, hạn chế hiện nay của hệ thống chính trị ở cơ sở, theo đồng chí **Trần Thành** (Phó Tổng Biên tập Tạp chí Kiểm tra) là, do các cấp các ngành từ trung ương đến cơ sở chưa nhận thức đúng đắn và đầy đủ vị trí, vai trò của cơ sở ; tình trạng quan liêu, xa dân, độc đoán, chuyên quyền không được giải quyết nghiêm túc, do thiếu chủ trương chính sách phù hợp. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng một số nơi nhân dân mất lòng tin vào cán bộ

cơ sở đã gây nên sự mất ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội trên một số địa bàn. Có những ý kiến cho rằng, chúng ta thiếu một mô hình hợp lý trong xây dựng chính quyền và trong một thời gian dài thiếu những chính sách đồng bộ cho cơ sở.

2. Về đội ngũ cán bộ cơ sở

Các tham luận đều cho thấy, kinh nghiệm địa phương nào có đội ngũ cán bộ tốt thì các phong trào và kết quả phát triển kinh tế xã hội ở đó tốt. Những năm qua, các địa phương đã có nhiều cố gắng trong việc chăm lo đào tạo, bồi dưỡng nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ cho hệ thống chính trị ở cơ sở. Đồng chí **Trần Anh Tài** cho biết : "Ở huyện Bình Lục đội ngũ lãnh đạo chủ chốt (Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân) có trình độ trung cấp chính trị trở lên chiếm 90%. Trình độ trung cấp và đại học quản lý kinh tế, quản lý nhà nước chiếm 80%. Lãnh đạo các tổ chức đoàn thể ở xã có trình độ trung cấp chính trị chiếm 60%, trung cấp về chuyên môn chiếm 70%". Tỷ lệ đó cho thấy cán bộ ở địa phương, cơ sở dần dần được nâng cao trình độ nhờ sự chăm lo đào tạo, bồi dưỡng của Đảng ngày một tốt hơn. Vì thế đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị ở cơ sở của chúng ta trong thời gian qua, như các báo cáo đã phân tích, đánh giá cao và coi đó là một trong những nguyên nhân tạo nên sự chuyển động tích cực ở cơ sở trên quy mô toàn quốc.

Tuy nhiên, các tham luận đã đề cập tới những yếu kém, bất cập, những vấn đề đã và đang đặt ra đối với đội ngũ cán bộ cơ sở. Đó là tình trạng cơ sở vừa "thừa" vừa "thiếu" cán bộ, mất cân đối giữa các loại cán bộ thuộc các loại hình cơ sở, các vùng cơ sở khác nhau ; tình trạng hụt hẫng về trình độ cán bộ. Đồng chí **Phạm Bá Chúc** (Thị xã Phủ Lý) nêu một

thực tế : tưởng như vô lý mà vẫn tồn tại. Đó là cán bộ "đầu ra" của các cấp từ huyện đến trung ương lại trở thành "đầu vào" của cán bộ xã, phường, thị trấn. Về số lượng và cơ cấu đội ngũ cán bộ cơ sở, **ThS Nguyễn Thị Vy** dẫn liệu : Mỗi xã, phường có khoảng 50 - 90 người, ngoài ra còn có đội ngũ cán bộ các thôn xóm, bản, chi ủy. Số cán bộ như vậy là đông và có sự chênh lệch lớn. Tuy nhiên, về chất lượng, nhìn chung còn yếu, trình độ học vấn còn thấp chủ yếu mới hết cấp I - II. Ở một số xã miền núi, tuyệt đại đa số mới chỉ biết đọc, biết viết, còn tới 3,5% số cán bộ chưa biết chữ.

Đề cập đến các chính sách, chế độ đối với cán bộ cơ sở, nhiều ý kiến đều thống nhất với nhận định là chưa thỏa đáng, chưa có tác dụng động viên đội ngũ cán bộ cơ sở tận tâm, tận sức vì công việc.

III- MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CƠ SỞ

Đây là vấn đề thu hút sự chú ý và kiến giải của hầu hết các tham luận tại Hội thảo. Trong hệ thống các giải pháp, có những giải pháp chung cho cả hệ thống chính trị và xây dựng đội ngũ cán bộ, nhưng cũng có những giải pháp riêng, rất cụ thể cho từng vấn đề. Từ các ý kiến, có thể chia thành một số nhóm giải pháp sau :

1. Tiếp tục đổi mới tư duy về xây dựng hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ ở cơ sở

Cơ sở là nền tảng của đất nước ; hệ thống chính trị cơ sở là nền tảng của thiết chế chính trị - xã hội quốc gia. Các ý kiến đều thống nhất cho rằng, không có sự vận hành và chuyển động từ cơ sở thì đất nước không có sự vận động phát triển mạnh mẽ và bền vững nào.

Do đó, các ý kiến đều nhấn mạnh, cần tiếp tục hướng toàn bộ mọi hoạt động cũng như chính sách của Đảng và Nhà nước về cơ sở, vì cơ sở và cho cơ sở, trong điều kiện cho phép và khả năng có thể. Nghĩa là, tiếp tục dành sự ưu tiên kịp thời và thỏa đáng cho cơ sở ; mặt khác, khoan thư sức dân, phát huy và bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân. Đó cũng chính là con đường xây dựng, tăng cường sức mạnh và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở hiện nay. Cùng với đó là tiếp tục đổi mới công tác tổ chức và cán bộ. Coi đó là nhân tố quyết định sự thành bại ở cơ sở.

2. Hoàn thiện cơ chế hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở

Đây là vấn đề rất quan trọng và cấp bách. Kinh nghiệm cho thấy, không có một cơ chế phù hợp, hiệu quả không thể phát huy được sức mạnh của hệ thống chính trị ở cơ sở. Trong rất nhiều việc cần làm, các ý kiến đều thống nhất mấy khía cạnh chủ yếu sau :

Thứ nhất, giải quyết tốt mối quan hệ giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị. Theo PGS. TS. **Trần Quang Nhiếp**, mối quan hệ giữa Đảng với chính quyền và các đoàn thể nhân dân thực chất là mối quan hệ giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị. Mối quan hệ ấy được vận hành theo cơ chế : *"Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ"*. Do đó, phải xuất phát từ nền tảng xã hội để thiết lập và điều tiết mối quan hệ giữa Đảng - chính quyền - với nhân dân bằng những quy định cụ thể, một cách đúng quy luật, phát huy một cách đồng bộ sức mạnh của ba chủ thể, nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp ở cơ sở.

Góp tiếng nói từ cơ sở, đồng chí **Trần Anh Tài** nhấn mạnh : Các tổ chức trong hệ thống chính trị phải bám sát chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình, vận dụng sáng tạo vào việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị

ở địa phương. Xây dựng quy chế hoạt động, nhất là quy chế phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị nhằm tạo ra sự vận hành đồng bộ của hệ thống chính trị.

Thứ hai, giải quyết tốt mối quan hệ giữa hoạt động ở cơ sở với toàn bộ hệ thống chính trị. Các ý kiến đều nhất trí với cách đặt vấn đề của đồng chí **Hà Xuân Trường** (nguyên Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản) : Hệ thống chính trị nước ta là một cơ thể sống và cần được xây dựng, củng cố từ cơ sở đến trung ương. Do đó, cần thể chế hóa cụ thể hơn nữa mối quan hệ giữa hệ thống chính trị cấp xã với hệ thống chính trị cấp trên nó. Đây là mối quan hệ không thể thiếu được trong hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở. Sự mạnh, yếu của hệ thống chính trị cơ sở phụ thuộc một phần rất quan trọng vào mối quan hệ này. Trong mối quan hệ giữa cấp cơ sở và cấp trên cũng phải làm rõ hơn quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cấp trên đối với cơ sở.

Thứ ba, việc cấp bách trước mắt để giải quyết tốt mối quan hệ giữa hệ thống chính trị ở cơ sở với việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế xã hội, phải thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở. Đồng chí **Hoàng Tùng** (nguyên Bí thư Trung ương Đảng) trình bày cụ thể : Đối với tất cả các nhiệm vụ quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội phải thu hút nhân dân vào việc quản lý xã hội, giảm bớt những chức vụ có thể giảm. Đồng chí **Tạ Xuân Đại** (Phó Trưởng ban Tổ chức Trung ương) nhấn mạnh : Phải xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức trong hệ thống chính trị ; xây dựng mối quan hệ phối hợp, thực hành dân chủ thực sự trong nội bộ các tổ chức của hệ thống chính trị cơ sở theo nguyên tắc tập trung dân chủ và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, phát huy dân chủ gắn liền với củng cố và nâng cao kỷ luật

kỷ cương ; nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ cơ sở.

3. Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của mỗi thành viên trong hệ thống chính trị ở cơ sở

Trước hết, về *tổ chức cơ sở Đảng*. Đây là hạt nhân lãnh đạo toàn diện ở cơ sở. Vì vậy các ý kiến đề xuất sáu biện pháp cụ thể sau đây : 1. Tổ chức đều đặn và thường xuyên các hoạt động sinh hoạt chính trị trong tổ chức đảng cơ sở ; 2. củng cố cấp ủy, chính quyền, chấn chỉnh phong cách, lề lối làm việc khoa học, kỷ luật ; 3. tiến hành xây dựng, tổ chức đảng ở cơ sở với xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân ; 4. gắn củng cố tổ chức cơ sở đảng với việc thực hiện có kết quả công tác thanh tra, kiểm tra ; 5. gắn việc củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng với việc đẩy mạnh sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh quốc phòng tại địa phương ; 6. tăng cường sự lãnh đạo của cấp trên đối với cơ sở.

Vấn đề đổi mới hoạt động của *chính quyền cơ sở*, nhất là đổi mới hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, nâng cao hiệu lực của cơ quan hành chính. Nhiều ý kiến cho rằng cần nâng cao chất lượng đại biểu Hội đồng nhân dân ; đổi mới, khắc phục tính hình thức, nâng cao chất lượng các kỳ họp Hội đồng nhân dân sẽ là hướng cơ bản để nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân. Phải coi việc nâng cao hiệu lực quản lý điều hành của Ủy ban nhân dân là khâu có tính quyết định trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền cơ sở.

Về đổi mới hoạt động của *các đoàn thể nhân dân*, tăng cường đoàn kết, tạo chất keo gắn kết ở cơ sở cũng được nhiều đồng chí đặc

biệt quan tâm, chỉ ra những ưu điểm và những hạn chế trong công tác Mặt trận và các đoàn thể nhân dân trong thời gian qua. Đối với công tác Mặt trận, đổi mới phương thức hoạt động là đưa các nội dung phong trào, các cuộc vận động về khu dân cư, thôn, làng, ấp bản, tổ dân phố. Ở cấp xã, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trước hết cần thực hiện nền nếp chế độ định kỳ làm việc giữa Bí thư Đảng ủy với Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc, giữa Ban Thường vụ Đảng ủy với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Về chế độ chính sách đối với cán bộ cơ sở, các ý kiến kiến nghị : Cần thực hiện công chức hóa đội ngũ cán bộ cơ sở một cách phù hợp, như Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa IX chỉ rõ ; đồng thời, tiếp tục cải cách chế độ phụ cấp, chế độ công tác phí phù hợp với các loại hình cơ sở, nhất là ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Sớm ban hành các chính sách thu hút cán bộ giỏi, sinh viên tốt nghiệp đại học về công tác ở cơ sở. Đổi mới chế độ đào tạo, bồi dưỡng về mọi mặt một cách thiết thực theo các chức danh cho đội ngũ cán bộ cơ sở.

4. Nâng cao chất lượng và đổi mới phương thức chỉ đạo của cấp trên đối với cơ sở

Các ý kiến cho rằng, cấp trên cơ sở cần khắc phục bệnh quan liêu, xa dân. Mọi hoạt động của cấp trên cần hướng mạnh về cơ sở theo hướng gắn việc xây dựng hệ thống chính trị với việc nâng cao năng lực lãnh đạo và quản lý, năng lực chuyên môn cho cán bộ cơ sở. Sau khi phân tích những nhu cầu phát triển mới ở cơ sở, các ý kiến đề xuất nhiều giải pháp, trong đó nhấn mạnh giải pháp về : Chuẩn hóa đội ngũ cán bộ chuyên môn cơ sở

gắn chặt với việc đào tạo, bồi dưỡng theo các chức danh cụ thể một cách phù hợp theo phương hướng kiện toàn thiết thực và hiệu quả nhất đối với hệ thống chính trị ở cơ sở.

Phát biểu với Hội thảo, đồng chí **Nguyễn Khoa Diễm** nhiệt liệt biểu dương sáng kiến của Tạp chí Cộng sản, Tỉnh ủy Hà Nam đồng tổ chức cuộc Hội thảo có ý nghĩa lý luận và thực tiễn rất quan trọng này, góp phần thiết thực triển khai kịp thời Nghị quyết lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX. Đồng chí nhấn mạnh, để xây dựng hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ cơ sở, cần giải quyết tốt ba vấn đề bức xúc đang đặt ra gồm : *Một là*, làm rõ vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của hệ thống chính trị cơ sở ; *hai là*, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở phát huy quyền làm chủ của nhân dân ; *ba là*, chăm lo đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cơ sở có phẩm chất đạo đức tốt, tư tưởng chính trị

vững vàng, năng lực công tác tốt, sáng tạo. Trong ba vấn đề đó, mấu chốt là vấn đề cán bộ. Đồng chí mong rằng, sau cuộc Hội thảo, Ban Tổ chức sớm tổng hợp nội dung các vấn đề mà các nhà khoa học, các nhà lãnh đạo và quản lý, các đồng chí hoạt động thực tiễn đã bàn, để kịp thời tuyên truyền phổ biến những kinh nghiệm tốt về xây dựng hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ cơ sở ở nhiều nơi trong cả nước. Đồng chí cũng hy vọng rằng, với tinh thần chủ động, sáng tạo, thiết thực và hiệu quả, Tạp chí Cộng sản tiếp tục cố gắng hơn nữa, gắn chặt lý luận với thực tiễn, tổng kết thực tiễn nhằm góp phần phát triển lý luận theo chức năng và nhiệm vụ của mình bằng nhiều hình thức mà Hội thảo như thế này là cách đóng góp kịp thời và thiết thực. □

NGUYỄN VŨ CÂN
(*Tổng thuết*)

MƯỜI CÁI BA

HÀ ĐĂNG

TRONG chủ đề chung của cuộc Hội thảo "*Xây dựng hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ cơ sở*", tôi chọn phát biểu ý kiến về nội dung : "*Nhận thức, quan niệm về hệ thống chính trị ở cơ sở và vai trò của hệ thống chính trị ở cơ sở*".
Đương nhiên, trong khi đề cập nội dung này, không thể không xem xét đến những nội dung khác mà Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) đã nêu. Tôi không trình bày theo lối phân tích, luận giải mà chỉ khái quát lại một số điểm để nói

lên nhận thức của mình. Theo tôi, có **mười cái ba** đáng chú ý sau đây :

1. Ba câu hỏi cần trả lời

- Cơ sở là gì ? Cơ sở ở đây là nói theo nghĩa chính trị chứ không phải theo nghĩa triết học.

- Hệ thống chính trị ở cơ sở là gì ?

- Làm gì và làm thế nào để đổi mới và nâng cao chất lượng của hệ thống chính trị ở cơ sở (hay nói như chủ đề Hội thảo : để xây dựng hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ cơ sở) ?

Trả lời được ba câu hỏi đó thì sẽ nhận thức được phạm vi, phương hướng và nhiệm vụ giải quyết vấn đề cơ sở của Nghị quyết Trung ương 5.

2. Ba điều nhận biết về ý nghĩa quan trọng của cơ sở

Cơ sở nói ở đây là xã, phường, thị trấn. Cấp cơ sở là cấp thấp nhất của hệ thống chính quyền bốn cấp của ta. Nhưng đó cũng là cấp rộng rãi nhất, đông đảo nhất. Vị trí quan trọng của nó được quyết định ở ba điều sau đây :

- Cơ sở là địa bàn cư trú của dân. Hiện nay, 79 triệu dân của cả nước cư trú tại 10 538 đơn vị cơ sở, gồm 8 497 xã, 565 thị trấn, 1 026 phường.

- Cơ sở là cấp chấp hành, là cầu nối trực tiếp của toàn bộ hệ thống chính trị với dân, là nơi mà mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, muốn đến dân, đều phải qua nó.

- Cơ sở là nơi quyền dân chủ trực tiếp của dân được thực hiện rộng rãi (các hình thức tự quản) và quyền dân chủ đại diện (thông qua Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân) được phát huy, nơi thể hiện trực tiếp khối đại đoàn kết toàn dân (thông qua Mặt trận và các đoàn thể nhân dân) và là nơi bảo đảm sự vững mạnh của chế độ cả về chính trị, kinh tế, văn hóa và quốc phòng - an ninh, (những nơi cơ sở yếu kém thì các thế lực thù địch dễ thọc tay vào).

Như vậy, nói đến cơ sở là nói đến Dân và mối quan hệ giữa Dân với Đảng và Chính quyền.

3. Ba thành tố quan trọng của hệ thống chính trị ở cơ sở

Hệ thống chính trị là khái niệm thường dùng để chỉ hệ thống các tổ chức chính trị trong xã hội ta ; nói một cách khác là một cơ cấu của các lực lượng chính trị được tổ chức

có tính hệ thống quyết định toàn bộ hoạt động của bộ máy chính trị nước ta. Hệ thống đó bao gồm ba thành tố, hay là ba bộ phận : Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể. Mỗi bộ phận trong hệ thống đó đều có chức năng riêng và cùng vận hành trong cái cơ chế tổng thể của chế độ ta - cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

Nói hệ thống chính trị ở cơ sở là nói về tổ chức đảng ở cơ sở, tổ chức chính quyền ở cơ sở và tổ chức Mặt trận và các đoàn thể ở cơ sở. Cùng một chức năng lãnh đạo, nhưng lãnh đạo của tổ chức đảng ở cấp trung ương hay tỉnh, huyện thì không hoàn toàn giống với lãnh đạo của tổ chức đảng ở cấp cơ sở. Cùng một chức năng quản lý, nhưng quản lý của chính quyền cấp trung ương và tỉnh, huyện cũng khác với quản lý của chính quyền ở cấp cơ sở. Đối với Mặt trận và các đoàn thể, cũng có tình hình như vậy.

4. Ba cái mạnh và ba cái yếu của hệ thống chính trị ở cơ sở

Tôi không muốn đưa ra một sự đánh giá riêng của mình. Nhưng nếu căn cứ vào sự đánh giá của Nghị quyết Trung ương 5 thì hệ thống chính trị ở cơ sở của ta hiện có :

- *Ba cái mạnh là* : a) Được thiết lập rộng khắp ở tất cả các cơ sở với nhiều biến chuyển thích hợp qua các thời kỳ cách mạng (10 538 xã, phường, thị trấn, như đã nói ở trên). b) Thực hiện tương đối tốt nhiệm vụ chính trị của mình (một cuộc điều tra xã hội học để khảo sát hệ thống chính trị ở cấp xã cho thấy khoảng 50 - 60% người được hỏi ý kiến đánh giá hệ thống chính trị thực hiện nhiệm vụ tốt hoặc tương đối tốt, khoảng 10% cho là chỉ làm được đôi chút, còn lại 30 - 40% không quan tâm hoặc không biết - Cuộc điều tra trong tháng 10 và 11-2001 ở 15 xã thuộc 5 tỉnh Yên Bái, Nam Định, Bình Định,

Đắc Lắc, Cần Thơ); c) Việc xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở đạt kết quả khá (theo một cuộc điều tra xã hội học khác ở các tỉnh, số cơ sở tốt khoảng 60%, cơ sở yếu kém khoảng 20%, số đảng viên tốt khoảng 60 - 65%).

- *Ba cái yếu là* : a) Có sự bất cập trong công tác lãnh đạo, quản lý và vận động quần chúng; tệ quan liêu, tham nhũng, hà lạm của công và sách nhiễu dân thể hiện trong việc thực hiện chính sách đất đai, sử dụng quỹ công, sử dụng vốn đầu tư của ngân sách và vốn huy động thêm của dân, thực hiện các chính sách xã hội, v.v.. b) Hiệu lực của hệ thống chính trị nhiều cơ sở yếu kém, tương đối phổ biến là tình trạng mất đoàn kết nội bộ, thiếu dân chủ và coi thường kỷ cương, phép nước. c) Nội dung và phương thức hoạt động chậm đổi mới, còn nhiều dấu ấn của cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp trong quản lý kinh tế và đời sống xã hội.

5. Ba vấn đề cơ bản và bức xúc cần giải quyết từ nay đến 2005 để đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động ở cơ sở

Để chọn đúng những vấn đề cơ bản và bức xúc ấy, cùng với việc đánh giá đúng thực trạng, tình hình, phải nhận thức rõ *ba mối quan hệ* : a) quan hệ giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở với nhau. b) quan hệ giữa hoạt động ở cơ sở với toàn bộ hệ thống chính trị. c) Quan hệ giữa hệ thống chính trị với các nhiệm vụ kinh tế, xã hội.

Theo Nghị quyết Trung ương 5, ba vấn đề đó là :

Một, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức trong hệ thống chính trị, đồng thời xây dựng mối quan hệ đoàn kết, phối hợp giữa các tổ chức dưới sự lãnh đạo của đảng bộ, chi bộ cơ sở; đổi mới nội dung và phương thức hoạt động hướng vào phục vụ dân, sát với dân, được dân tin cậy.

Hai, thực hành dân chủ thực sự trong nội bộ các tổ chức của hệ thống chính trị ở cơ sở theo nguyên tắc tập trung dân chủ và phát huy quyền làm chủ của dân trên cơ sở thực hiện quyền dân chủ trực tiếp, phát huy quyền dân chủ đại diện, thực hiện quyền giám sát của dân đối với tổ chức và cán bộ ở cơ sở. Phát huy dân chủ phải đi liền với củng cố và nâng cao kỷ luật, kỷ cương, theo pháp luật.

Ba, xây dựng đội ngũ cán bộ ở cơ sở có năng lực tổ chức và vận động nhân dân thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, công tâm, thảo việc, tận tụy với dân, biết phát huy sức dân, không tham nhũng, không ức hiếp dân.

6. Ba nội dung của việc đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng ở cơ sở

Một là : đảng bộ, chi bộ cơ sở phải làm đúng vai trò hạt nhân lãnh đạo toàn diện các mặt công tác ở cơ sở, nắm vững nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, chăm lo xây dựng chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

Hai là : mọi đảng viên phải nêu cao vai trò tiên phong, gương mẫu, vững vàng về chính trị, có đạo đức trong sáng, có lối sống lành mạnh, gần bó với nhân dân, thực sự tiêu biểu cho lực lượng tiến bộ nhất ở cơ sở, phấn đấu trở thành người lao động giỏi, người công dân mẫu mực.

Ba là : đổi mới phương thức lãnh đạo, cụ thể là đổi mới việc ra nghị quyết của đảng bộ, chi bộ, của cấp ủy đảng; xây dựng quy chế làm việc giữa bí thư cấp ủy với những người đứng đầu chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể; xây dựng đội ngũ cán bộ với nhiều thế hệ bổ sung, kế tiếp nhau; đổi mới sự lãnh đạo đối với các cuộc bầu cử ở cơ sở; tăng cường công tác kiểm tra chấp hành nghị quyết...

7. Ba nội dung của việc đổi mới và nâng cao hiệu lực của chính quyền cơ sở

Trước hết, xác định chính quyền cơ sở có chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các mục tiêu kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng ở cơ sở; thực hiện việc quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn theo thẩm quyền được giao; hướng dẫn và giám sát các hoạt động tự quản của dân.

Hai là, đổi mới hoạt động của các Hội đồng nhân dân trên các mặt: quyết định mục tiêu kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng tại cơ sở; phê chuẩn các chức danh hành chính theo luật định; giám sát hoạt động của cơ quan hành chính và những công việc do cấp trên thực hiện trên địa bàn; đổi mới cơ chế bầu cử và hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân.

Ba là, nâng cao hiệu lực của cơ quan hành chính mà nội dung chủ yếu là đề cao trách nhiệm và thẩm quyền của các cơ quan hành chính xã, phường, thị trấn.

8. Ba nội dung của việc đổi mới công tác Mặt trận và các đoàn thể nhân dân

Một là, xác định Mặt trận và các đoàn thể nhân dân đóng vai trò nòng cốt xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

Hai là, đa dạng hóa các hình thức tập hợp quần chúng; coi trọng và mở rộng các tổ chức và hoạt động tự quản của nhân dân dưới nhiều hình thức phong phú.

Ba là, đổi mới cơ chế bảo đảm kinh phí hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở cơ sở.

9. Ba nội dung của việc xây dựng đội ngũ cán bộ ở cơ sở

Trước hết, xác định rằng hệ thống chính trị ở cơ sở có cán bộ chuyên trách và cán bộ

không chuyên trách, xếp cán bộ chuyên trách ở cơ sở vào ngạch *cán bộ, công chức cơ sở*, một bộ phận trong hệ thống *cán bộ, công chức* nói chung. Pháp lệnh *cán bộ, công chức* hiện hành sẽ được sửa đổi theo hướng bao gồm cả *cán bộ, công chức cơ sở*.

Hai là, thực hiện một cách có kế hoạch việc trẻ hóa và từng bước chuẩn hóa đội ngũ *cán bộ, công chức cơ sở*. Khắc phục tình trạng *cán bộ cơ sở* ở nhiều nơi quá già và dựa chủ yếu vào *cán bộ hưu trí*.

Ba là, giải quyết hợp lý và đồng bộ chính sách đối với *cán bộ cơ sở*, trong đó, đặc biệt chú trọng chính sách đào tạo và bồi dưỡng *cán bộ*.

10. Ba nội dung của việc đổi mới sự chỉ đạo của cấp trên đối với cơ sở

- Một: Các tổ chức trong hệ thống chính trị từ Trung ương đến cấp huyện phải đổi mới phương thức chỉ đạo, khắc phục bệnh quan liêu, xa dân, hướng mạnh tới cơ sở.

- Hai: Mở rộng các cuộc vận động về phát triển kinh tế - xã hội và sửa đổi luật pháp có quan hệ tới cơ sở.

- Ba: Chỉ đạo có trọng điểm cơ sở, nhanh chóng khắc phục tình trạng yếu kém của hệ thống chính trị ở một số xã phường, trước hết tập trung chấn chỉnh cho được các cơ sở đang có nguy cơ trở thành điểm nóng.

*

Trên đây, tôi thử nêu lên **mười cái ba** quan trọng nhất, bao gồm 30 điểm cụ thể, để chúng ta một lần nữa xác định vai trò quan trọng của hệ thống chính trị ở cơ sở, cũng là để góp phần nhận thức rõ thêm về nội dung Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) về "Đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn". □



Hợp tác quốc tế - YÊU CẦU KHÁCH QUAN CỦA SỰ PHÁT TRIỂN

PHẠM THANH HÀ *

PHÁT triển là yêu cầu bức xúc của tất cả các nước. Song, muốn phát triển thì không thể không mở rộng hợp tác, giao lưu quốc tế. Nhiều bài học kinh nghiệm lịch sử cho thấy, "bế quan tỏa cảng" là sai lầm, vì nó không phải là phương thức bảo vệ độc lập dân tộc (ĐLDT) mà trái lại, nó kìm hãm sự phát triển.

Hợp tác quốc tế (HTQT) là sự quan hệ qua lại giữa các quốc gia, dân tộc (song phương hoặc đa phương) cùng chung sức giúp đỡ lẫn nhau trong một công việc, một lĩnh vực nào đó, nhằm đạt tới một mục đích chung. Như vậy, qua khái niệm HTQT ta thấy, mỗi quốc gia, dân tộc luôn chứa đựng trong mình một tiềm năng nội lực nhất định, nhưng không phải đã đầy đủ và hoàn thiện. Có quốc gia có lợi thế so sánh về mặt này nhưng lại yếu mặt khác. Nếu không hợp tác với nhau thì điểm mạnh của mỗi quốc gia, dân tộc sẽ không được phát huy một cách hiệu quả nhất và đồng thời, không khắc phục, bổ khuyết được cho những điểm yếu, hạn chế. Ví dụ, một quốc gia có nguồn tài nguyên dầu mỏ rất lớn, nhưng thiếu vốn và công nghệ tiên tiến nên chỉ khai thác được số lượng rất ít và sản phẩm xuất khẩu dưới dạng thô, hiệu quả kinh tế không cao.

Nhưng khi quốc gia này hợp tác với một quốc gia có công nghệ tiên tiến, có vốn đầu tư, thì chắc chắn sản lượng dầu khai thác được sẽ tăng lên, sản phẩm dầu xuất khẩu được tinh chế, hiệu quả kinh tế thu được vì thế sẽ cao hơn rất nhiều.

Nếu như chính sách đối nội là sự thể hiện các hoạt động của một nhà nước trong phạm vi lãnh thổ của quốc gia, dân tộc mình, thì chính sách đối ngoại nhằm điều tiết quan hệ qua lại giữa các quốc gia, dân tộc trên phạm vi thế giới. Chính sách đối ngoại là sự tiếp nối đường lối, chính sách đối nội, nhằm phục vụ có hiệu quả cho chính sách đối nội. Theo quan điểm của Đảng ta : "Chính sách đối ngoại phải là sự thể hiện của những đặc trưng, mục tiêu cách mạng trong nước phù hợp với xu hướng, quy luật vận động của thế giới. Nó nhằm khai thác tốt nhất những điều kiện, kinh nghiệm, nguồn vốn, công nghệ và các nhân tố khác để phát triển đất nước, đồng thời thông qua quan hệ hợp tác quốc tế, nâng cao vị thế của đất nước ta trên trường quốc tế và góp phần đắc lực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới

* Ths. Phân viện Hà Nội, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội"⁽¹⁾.

HTQT không thể xem như một hành vi thân thiện giản đơn, một sự tranh thủ kết bạn, mà phải được xem là một vấn đề có tính nguyên tắc trên cơ sở bình đẳng giữa các quốc gia và vì sự phát triển chung của thế giới. Mặc dù chính sách đối ngoại của một quốc gia, dân tộc có độc lập chủ quyền là do chính quốc gia, dân tộc đó "thiết kế" cho mình : quan hệ với nước nào ; hợp tác trên lĩnh vực kinh tế hay văn hóa, quân sự hay ngoại giao ; mức độ hợp tác thân thiện hay bình thường... đều do quốc gia, dân tộc đó tự quyết định, lựa chọn. Song, sự hợp tác giữa các quốc gia, dân tộc là nhằm chung sức, giúp đỡ lẫn nhau cùng hướng tới một mục đích chung. Hợp tác ở đây cũng không phải tùy hứng, không phải là sự kết bạn đơn thuần. HTQT phải trên cơ sở các nguyên tắc : tôn trọng chủ quyền của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác, bình đẳng và cùng có lợi. Đảng ta xác định rõ : "Chúng ta chủ trương hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình"⁽²⁾.

HTQT là một nhu cầu khách quan. Muốn có được một thế giới hòa bình và phát triển, bên cạnh sự nỗ lực của từng quốc gia, dân tộc, phải có sự hợp tác để cùng giải quyết những vấn đề mà từng quốc gia, dân tộc riêng lẻ không thể giải quyết được như : vấn đề ô nhiễm môi trường, vấn đề thất nghiệp, vấn đề chiến tranh hạt nhân... đặc biệt là cho hòa bình thế giới - khát vọng của loài người, hạnh phúc của nhân loại. Tuy nhiên, muốn có được hòa bình, phải có sự hợp tác, chung sức của mọi quốc gia. Cùng tồn tại hòa bình là không gây chiến tranh chống nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, là

tôn trọng độc lập, chủ quyền lẫn nhau. Cùng tồn tại hòa bình là cầu nối quan trọng để các quốc gia, dân tộc mở rộng hợp tác, trao đổi các thành tựu khoa học - công nghệ và các giá trị văn hóa...

Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay đang tạo ra cho các nước đang phát triển một con đường công nghiệp hóa mới mà không cần mất nhiều thời gian như trước đây. Cùng với cuộc cách mạng khoa học - công nghệ là xu hướng quốc tế hóa về kinh tế mà nguồn gốc trực tiếp của nó gắn liền với bước nhảy vọt của lực lượng sản xuất. Với cuộc cách mạng khoa học - công nghệ và xu hướng toàn cầu hóa kinh tế, không một nước nào, dù lớn đến đâu, có thể phát triển theo con đường tự cấp, tự túc. Muốn phát triển, các nước đều phải tìm cho mình một vị trí tối ưu trong sự phân công lao động quốc tế để phát huy ưu thế lợi thế so sánh của mình. Các nước lớn, nhỏ vừa độc lập, vừa tùy thuộc lẫn nhau ở mức độ khác nhau. Đây là xu hướng khách quan. Sự tùy thuộc vào nhau, gắn bó mật thiết với nhau, đặc biệt là về kinh tế giữa tất cả các nước lớn, nhỏ là cần thiết. Bởi vì, nó là cơ sở bảo đảm phát triển quan hệ HTQT vững chắc và thân thiện, là nền tảng khách quan của sự cùng tồn tại hòa bình giữa các nước và tăng cường hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc.

Đặt cách mạng Việt Nam trong xu thế chung của thời đại, kết hợp lợi ích dân tộc và lợi ích chung của nhân dân lao động các nước, kết hợp chủ nghĩa yêu nước và

(1) Học viện CTQG Hồ Chí Minh - Phân viện Hà Nội : *Đề cương bài giảng các chuyên đề bồi dưỡng Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Hà Nội, 1997, t 1, tr 115

(2) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1996, tr 88

chủ nghĩa quốc tế chân chính là một quan điểm lớn trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Người nói : "Trong thời đại ngày nay, cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản trong phạm vi toàn thế giới ; cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng XHCN thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn⁽³⁾. Việc xác định và kiên định mục tiêu lựa chọn con đường đi tới ĐLDT và CNXH theo quan điểm của Hồ Chí Minh đã đưa sự nghiệp cách mạng do nhân dân ta thực hiện dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam hội nhập đúng đắn với trào lưu giải phóng của toàn nhân loại, bao gồm cả giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người.

HTQT diễn ra trên nhiều lĩnh vực : hợp tác về kinh tế, về văn hóa, về khoa học - công nghệ và quốc phòng, an ninh... HTQT về kinh tế là sự trao đổi buôn bán thương mại giữa các nước, là sự hợp tác trong việc gọi vốn đầu tư nước ngoài (FDI, ODA...), là sự phối hợp cùng tạo ra một sản phẩm đạt trình độ quốc tế hóa cao, v.v. Xu hướng toàn cầu hóa về kinh tế làm cho HTQT về kinh tế càng trở nên đa dạng và chặt chẽ hơn. HTQT về văn hóa là sự giao lưu giữa các nền văn hóa thông qua các hoạt động cụ thể như : liên hoan phim, tổ chức hội chợ triển lãm, thăm quan biểu diễn nghệ thuật, hợp tác phát triển các loại hình nghệ thuật, tổ chức các giải thể thao... Mở rộng giao lưu văn hóa sẽ giúp cho các quốc gia, dân tộc có điều kiện để tiếp thu những tinh hoa của văn hóa thế giới đồng thời sẽ giới thiệu được những nét văn hóa của các quốc gia, dân tộc đó. HTQT về quân sự là những hoạt động phối hợp, trao đổi các vấn đề liên quan đến công tác quốc phòng an ninh giữa các nước, vùng lãnh thổ (giải quyết vấn đề biên giới, hợp tác chống tội phạm quốc tế...).

Ngày nay, HTQT không chỉ diễn ra trên nhiều lĩnh vực, mà còn đa dạng về đối tượng hợp tác, phương thức hợp tác và mức độ hợp tác. Khi cuộc chiến tranh lạnh chưa kết thúc, quan hệ HTQT giữa các quốc gia, dân tộc chủ yếu trong cùng một thể chế chính trị. Nhưng khi trật tự thế giới hai cực bị tan rã, phát triển kinh tế trở thành mục tiêu hàng đầu đối với các quốc gia thì sự tùy thuộc lẫn nhau, sự liên kết, hợp tác kinh tế giữa các nước đã thúc đẩy HTQT được rộng mở hơn. Phương thức HTQT cũng diễn ra phong phú dưới các hình thức song phương, đa phương, liên kết khu vực, tham gia vào các tổ chức quốc tế... Nắm bắt được xu thế vận động của thế giới và xuất phát từ thực trạng, yêu cầu, nhiệm vụ của thực tiễn cách mạng Việt Nam, Đại hội VI của Đảng ta đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện, trong đó có việc phát triển mở rộng đường lối đối ngoại : "Ngày nay sự nghiệp cách mạng của nước ta càng có nhiều điều kiện thuận lợi mở rộng sự hợp tác và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế"⁽⁴⁾. Đảng chủ trương kiên trì thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, hữu nghị và ủng hộ chính sách cùng tồn tại hòa bình giữa các nước có chế độ chính trị - xã hội khác nhau ; đặc biệt nhấn mạnh chủ trương "thêm bạn bớt thù" nhằm thắt chặt và tăng cường sự ủng hộ của thế giới đối với cách mạng Việt Nam.

Có thể nói, Đại hội VI của Đảng đã đặt nền móng cho chính sách đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế, mở đường cho quá trình hội nhập khu vực và thế giới của nước ta. Đại hội VII của Đảng đã phát triển phương châm

(3) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t 12, tr 304 - 305

(4) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tr 99

"thêm bạn bớt thù" từ Đại hội VI thành phương châm "Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển"⁽⁵⁾. Đại hội VIII của Đảng tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại đó với tinh thần "Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển. Hợp tác nhiều mặt, song phương và đa phương với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi"⁽⁶⁾. Trong Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IX, một lần nữa Đảng ta khẳng định: "Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển"⁽⁷⁾.

Như vậy, muốn phát triển thì việc đảm bảo được độc lập dân tộc trên mọi phương diện, nhất là độc lập tự chủ về kinh tế là quyết định nhưng chưa đủ. Sự phát triển bền vững, toàn diện đòi hỏi phải có sự hợp tác giữa các quốc gia, dân tộc. Nhưng sự hợp tác phải trên những cơ sở nguyên tắc nhất định, bảo đảm được quyền lợi của từng quốc gia, dân tộc và sự ổn định, phát triển của thế giới. HTQT là một tất yếu khách quan, là động lực thúc đẩy các quốc gia, dân tộc phát triển và là cầu nối cho sự cùng tồn tại hòa bình của cộng đồng quốc tế. □

(5) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr 147

(6) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 120 - 121

(7) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 42

THỜI CƠ...

(Tiếp theo trang 45)

mọi quốc gia⁽¹⁾. Tính chất đa dạng phong phú của các nền văn hóa dân tộc có nguy cơ bị thay thế bằng một nền văn hóa "đồng dạng" hoặc "ngoại lai". Xu hướng toàn cầu hóa có thể gây phương hại tới tính sáng tạo và đa văn hóa của thế giới, tạo ra sự đồng nhất nghèo nàn về văn hóa.

Trước tình hình đó, việc xây dựng một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc phải trở thành một chiến lược văn hóa của đất nước ta. Đó sẽ là nền văn hóa luôn mở rộng cánh cửa để tiếp nhận những giá trị tiên bộ của thời đại, đồng thời là sự kế thừa và phát huy những nhân tố nội sinh, những giá trị trường tồn của dân tộc Việt Nam. Không nên nghĩ rằng trong quá trình toàn cầu hóa, chúng ta chỉ làm một nhiệm vụ tiếp nhận, cho dù có chọn lọc, những giá trị từ bên ngoài. Lẽ đời là vậy, đã vay thì phải trả, đã nhận thì phải cho.

Văn hóa Việt Nam, tự mấy ngàn năm qua đã tạo nên nhiều giá trị to lớn. Các giá trị đó đã là giá đỡ tinh thần tạo nên sức mạnh giúp dân tộc ta vượt qua bao thử thách nghiệt ngã của lịch sử.

Vì vậy, chiến lược xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc không chỉ tạo nên bức tường thành kiên cố chống lại sự xói mòn bởi những nhân tố độc hại trong quá trình toàn cầu hóa hiện nay, mà còn tạo tiền đề cho sự phát triển văn hóa Việt Nam ở thời đại mới với những đỉnh cao mới. □

(1) Trong tác phẩm "Các giai đoạn tăng trưởng kinh tế - một tuyên ngôn không cộng sản" học giả Mỹ Rostow ngạo mạn tuyên bố: "Các nước phương Tây, đặc biệt là Mỹ, đã đạt đến trình độ phát triển hoàn mỹ, trở thành mẫu mực và mô hình tất yếu cho các nước khác..."



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI

Địa chỉ: 45 Đinh Tiên Hoàng, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: (84.31) 745133/745032/745027/746614/822440/745657

Fax: (84.31) 745679 E-mail: TRACO@HN.VNN.VN

GIÁM ĐỐC: KS. NGUYỄN VĂN NHỘI

CÁC CHI NHÁNH:

TRACO HÀ NỘI

Địa chỉ: 157 Pháo Đài

Láng, Đống Đa, Hà Nội

ĐT: (84.4) 7751889

Fax: (84.4) 7751919

Email:

tracohanoi@fpt.vn

TRACO LÀO CAI

Địa chỉ: Phố Mới,

Thị xã Lào Cai,

Tỉnh Lào Cai

ĐT di động:

0913.354.611

TRACO SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Lê Thạch,

Quận 4, TP - HCM

ĐT: (84.8) 8261988

Fax: (84.8) 8262763

Email:

tracosaiigon@hcm.vnn.vn

TRACO ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 2 Bạch

Đằng, Hải Châu,

Thành phố Đà Nẵng

ĐT di động:

0913.245962



PHẠM VI KINH DOANH

1. VẬN TẢI, XẾP DỠ HÀNG HOÁ THÔNG THƯỜNG, HÀNG SIÊU TRƯỜNG SIÊU TRỌNG, CONTAINER, HÀNG QUÁ CẢNH, HÀNG XNK, VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC.

2. GIAO NHẬN, TIẾP VẬN, KIỂM ĐẾM HÀNG HOÁ VÀ THỰC HIỆN THỦ TỤC HẢI QUAN.

3. KINH DOANH KHO BÃI, DỊCH VỤ BẢO QUẢN HÀNG HOÁ CÁC LOẠI.

4. ĐẠI LÝ TÀU BIỂN, MÔI GIỚI HÀNG HẢI VÀ ĐẠI LÝ HÀNG KHÔNG.

5. DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI HÀNG HOÁ.

6. KINH DOANH VÀ VẬN TẢI HÀNG HOÁ XĂNG DẦU.



THOẢ MÃN TỐI ĐA NHU CẦU VẬN TẢI, BẢO VỆ CAO NHẤT
LỢI ÍCH CỦA KHÁCH HÀNG ĐÃ TẠO RA UY TÍN CHO CHÚNG TÔI.



TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN
CÔNG TY PHÁT TRIỂN VÀ KINH DOANH NHÀ
HOUSING DEVELOPMENT AND TRADING COMPANY

Trụ sở chính: 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, TP.HCM
ĐT: 8.392718 - 8.397766 Fax: 8.398378
E-mail: phattriennha@hcm.vnn.vn ptn.resco@az.com.vn

CÔNG TY PHÁT TRIỂN VÀ KINH DOANH NHÀ là doanh nghiệp nhà nước xếp hạng loại 1 theo Quyết định số 232/QĐ-UB ngày 15/12/1992.

Công ty thành lập từ năm 1984, có 6 đơn vị xây lắp, 01 đơn vị thiết kế hoạt động trong các lĩnh vực :

- ❑ Đầu tư kinh doanh phát triển nhà.
- ❑ Xây dựng dân dụng và công nghiệp, san lấp mặt bằng, thi công cầu đường.
- ❑ Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các khu đô thị và khu công nghiệp.
- ❑ Thiết kế kỹ thuật, tư vấn xây dựng và quản lý các dự án đầu tư.
- ❑ Kinh doanh dịch vụ nhà đất, kinh doanh kho bãi.
- ❑ Sản xuất vật liệu xây dựng và cấu kiện bê tông đúc sẵn.
- ❑ Liên doanh liên kết với các đơn vị trong và ngoài nước trên lĩnh vực đầu tư và xây dựng.

CÁC CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

- Khu dân cư Bình Trưng (Quận 2).
 - Khu nhà ở Tân Đức An (Quận Thủ Đức).
 - Khu đô thị An Phú - An Khánh (Quận 2).
 - Khu dân cư An Sương (Quận 12).
 - Khu dân cư Trường Thọ (Quận Thủ Đức).
 - Các công trình phục vụ chương trình Nhiều Lọc - Thị Nghè.
- ❑ Trong hơn 17 năm qua, Công ty đã xây dựng trên 5.000 căn hộ ở các khu dân cư Tô Hiến Thành (Quận 10), Văn Thánh (Quận Bình Thạnh), Bình Thới (Quận 11), Bình Trưng (Quận 2), Nguyễn Văn Lượng (Quận Gò Vấp)...
 - ❑ Thi công xây dựng nhiều công trình nhà ở, khách sạn, trường học, văn phòng đạt chất lượng cao ở Thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Cần Thơ...
 - ❑ Được thưởng 10 huy chương vàng chất lượng cao ngành Xây dựng Việt Nam.



CHUNG CƯ 12 TẦNG
KHU A-8 ĐÔ THỊ AN PHÚ - AN KHÁNH TP.HCM
Chủ đầu tư : Công ty Phát Triển và Kinh Doanh Nhà

CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG BẮC KẠN

ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG ĐỨC XUÂN - THỊ XÃ BẮC KẠN - TỈNH BẮC KẠN

DIỆN THOẠI: (0281) 871876 - 871879 ; FAX: (0281) 872618

GIÁM ĐỐC: LÊ VĂN KHƯƠNG * PHÓ GIÁM ĐỐC: NGÔ HÙNG THÚY

CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG BẮC KẠN LÀ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC, ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 318/QĐ-UB NGÀY 07 THÁNG 04 NĂM 2000 CỦA UBND TỈNH BẮC KẠN



P. GIÁM ĐỐC: NGÔ HÙNG THÚY

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- * Tư vấn lập dự án đầu tư các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi.
- * Tư vấn lập quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết về phát triển giao thông, xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi.
- * Tư vấn thiết kế kỹ thuật, thiết kế kỹ thuật thi công, lập dự toán các công trình xây dựng.
- * Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, tổ chức đấu thầu xây lắp, giám sát và quản lý chất lượng công trình xây dựng cơ bản.
- * Kiểm tra và đánh giá các thông số kỹ thuật của vật liệu xây dựng.
- * Cung cấp sức chịu tải của đất, đá, nền móng, kết cấu bê tông.
- * Kiểm tra chất lượng công trình, kết cấu công trình bằng phương pháp không phá hủy.
- Thiết kế cấp phối bê tông, bê tông nhựa.
- * Tư vấn thẩm định dự án, thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán công trình xây dựng cơ bản và hồ sơ mời thầu.

NHỮNG THÀNH TÍCH ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Là công ty tư vấn xây dựng ở một tỉnh miền núi phía Bắc mới được tái lập, bước đầu Công ty gặp rất nhiều khó khăn, thiếu thốn về cơ sở vật chất và lực lượng cán bộ. Song, với quyết tâm phấn đấu khẳng định mình trong cơ chế thị trường, lãnh đạo Công ty đã có sự phối hợp tốt với các đoàn thể và đặc biệt tranh thủ



Bộ phận thiết kế phòng Thiết kế kỹ thuật

sự ủng hộ, giúp đỡ của các cấp ngành, sau hơn hai năm hoạt động, Công ty Tư vấn Xây dựng Bắc Kạn đã đạt được những thành công đáng kể:

* Năm 2001 Công ty hoàn thành vượt mức chỉ tiêu, kế hoạch, nộp ngân sách trước thời hạn...

* Các công trình do Công ty đảm nhận công tác tư vấn, thiết kế, giám sát thi công đều đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật, đáp ứng được yêu cầu của các chủ đầu tư.

* Đời sống của CBCNV trong Công ty không ngừng được cải thiện. Năm 2001 Công ty được UBND Tỉnh Bắc Kạn tặng cờ đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua, hai tập thể Phòng đạt tập thể lao động xuất sắc, năm cá nhân đạt danh hiệu CSTĐ cấp cơ sở, 14 cá nhân đạt lao động giỏi. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên đều đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh.

* Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2002 đạt 67% kế hoạch năm.

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG

* Không ngừng mở rộng phát triển sang các lĩnh vực tư vấn xây dựng, thủy lợi. Coi trọng chất lượng sản phẩm là hàng đầu.

* Tăng cường công tác xây dựng đội ngũ cán bộ Khoa học kỹ thuật, có chính sách đào tạo, đãi ngộ xứng đáng đảm bảo cho người lao động yên tâm công tác, tích cực đóng góp xây dựng đơn vị.

CÔNG TY QUẢN LÝ SỬA CHỮA ĐƯỜNG BỘ BẮC KẠN

ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG ĐỨC XUÂN - THỊ XÃ BẮC KẠN, TỈNH BẮC KẠN
ĐIỆN THOẠI: (0281). 870151 - 870162 * GIÁM ĐỐC: NGUYỄN TRỌNG VŨ

Công ty Quản lý và Sửa chữa đường bộ Bắc Kạn là doanh nghiệp nhà nước hoạt động theo cơ chế công ích và sản xuất kinh doanh.

Công ty được giao quản lý 412 km đường tỉnh lộ và quốc lộ.

- Với nhiệm vụ là duy tu sửa chữa 412 km.
- Sửa chữa định kỳ các công trình cầu đường.
- Đảm bảo giao thông, thông suốt khi có sự cố xảy ra.
- Sản xuất vật liệu xây dựng.

Ngoài ra, còn tham gia đấu thầu các công trình xây dựng cơ bản trong và ngoài tỉnh.

Tổng số CBCNV trong toàn Công ty là 268 người được chia thành 7 đơn vị và 1 văn phòng Công ty.

- + Hạt 1 - đóng tại thị xã Bắc Kạn
- + Hạt 2 - đóng tại Nà Phặc, huyện Ngân Sơn
- + Hạt 3 - đóng tại thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể
- + Hạt 4 - đóng tại thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn
- + Hạt 5 - đóng tại thị trấn Côn Minh, huyện Na Rì
- + Hạt 6 - đóng tại xã Hảo Nghĩa, huyện Na Rì
- + Đội Xây dựng công trình và các sản xuất vật liệu đóng tại xã Xuất Hóa thị xã Bắc Kạn.

Từ ngày thành lập đến nay, Công ty luôn hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao và các công trình xây dựng này được đánh giá cao về chất lượng, luôn đảm bảo và cải thiện đời sống cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, nên được Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn, Bộ Giao thông vận tải tặng cờ và nhiều bằng khen. Đặc biệt năm 2001, Công ty được Chính phủ tặng cờ.



Hệ lan can phòng hộ cứng tại Đèo Áng Toóng đường tỉnh lộ 256 do Công ty thi công



Rải nhựa km 79-80 đường tỉnh lộ 254 do Công ty thi công



GIÁM ĐỐC:
KỸ SƯ: NGUYỄN CƯƠNG

Công ty Xây lắp Điện Bắc Thái là một doanh nghiệp nhà nước thành lập theo quyết định số: 605/UB - QĐ ngày 28 tháng 11 năm 1992 của UBND tỉnh Bắc Thái trên cơ sở sáp nhập 2 doanh nghiệp cũ là: Công ty Điện lực Bắc Thái được thành lập năm 1976 và Xí nghiệp Xây lắp công nghiệp Bắc Thái được thành lập năm 1975. Năm 1999, Công ty Xây lắp Điện Bắc Thái đã thực hiện cổ phần hóa một đơn vị thành viên thành: Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thái Nguyên, hiện đang hoạt động rất hiệu quả.

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

- | | |
|--|---|
| 1. Xí nghiệp cơ khí bê tông và xây dựng. | 9. Đội xây lắp điện 4. |
| 2. Xí nghiệp xây lắp công nghiệp. | 10. Đội xây lắp 5. |
| 3. Xí nghiệp xây lắp I. | 11. Đội xây lắp 6. |
| 4. Chi nhánh Công ty tỉnh Bắc Kạn. | 12. Đội xây lắp 7. |
| 5. Chi nhánh Công ty tại CHDCND Lào. | 13. Đội xây lắp 8. |
| 6. Xưởng khảo sát thiết kế. | 14. Đội xây lắp 9. |
| 7. Đội xây lắp điện 1. | 15. Đội CT giao thông. |
| 8. Đội xây lắp điện 2. | 16. Đội xây lắp thủy lợi, cấp thoát nước. |
| | 17. Chi nhánh tại Cao Bằng. |
| | 18. Chi nhánh tại Hà Giang. |

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

- | | |
|---|--|
| - Khảo sát, thiết kế thi công các công trình điện đến 220kV. | - Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng. |
| - Xây lắp cột thu phát sóng phát thanh truyền hình, thông tin, viba. | - San lấp mặt bằng nền móng công trình. |
| - Sản xuất, kinh doanh cột điện bê tông li tâm và các cấu kiện bê tông. | - Xây dựng công trình cầu, đường giao thông. |
| - Lắp đặt máy, dây chuyển sản xuất công nghiệp. | - Xây dựng các công trình thủy lợi, cấp, thoát nước. |
| | - Sản xuất, kinh doanh vật liệu điện. |



Thi công tháp ăng ten truyền hình



Công trình do Công ty thi công



Thiết bị Thi công cơ giới

Qua 25 năm xây dựng và phát triển, Công ty Xây lắp Điện Bắc Thái đã vinh dự được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng ba, Huân chương Lao động hạng nhì và Huân chương Lao động hạng nhất.

Phương châm hoạt động của Công ty là: Lấy chất lượng và hiệu quả làm mục tiêu cho sự phát triển, luôn giữ chữ tín với khách hàng. Công ty Xây lắp Điện Bắc Thái sẵn sàng liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước trên các lĩnh vực: xây lắp công trình, sản xuất các sản phẩm cơ khí, bê tông, thiết bị, vật liệu

TRỤ SỞ CÔNG TY: 434/1 ĐƯỜNG DƯƠNG TỰ MINH, THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
DIỆN THOẠI: (84 280) 855234 - 855222 * FAX: (84 280) 859730

**CÔNG
TY
XÂY
LẮP
ĐIỆN
BẮC
THÁI**

BƯU ĐIỆN TỈNH QUẢNG NAM

ĐỊA CHỈ: SỐ 1, TRẦN PHÚ, THỊ XÃ TAM KỲ, TỈNH QUẢNG NAM.

ĐT: (0510) 812222 * FAX: 84.510.812456

GIÁM ĐỐC: LÊ CÔNG SƠN

BƯU ĐIỆN QUẢNG NAM TRÊN ĐƯỜNG TĂNG TỐC ĐỂ HỘI NHẬP



Nhìn lại 5 năm qua từ khi được thành lập, Bưu điện Quảng Nam đã góp phần quan trọng trong việc đưa tiến trình công nghiệp hóa - hiện đại hoá làm chuyển biến diện mạo kinh tế xã hội của Quảng Nam.

Năm 1997, năm đầu tiên tỉnh Quảng Nam tái lập cơ sở vật chất của Bưu điện còn hạn chế về nhiều mặt. Tuy vậy, với sự quan tâm lãnh đạo kịp thời của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Quảng Nam, Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam, Bưu điện Quảng Nam đã có nhiều nỗ lực khắc phục khó khăn để vươn lên để cải tạo cơ sở vật chất cũ, từng bước xây dựng cơ sở mới, tiến hành hiện đại hoá mạng lưới Bưu chính - Viễn thông tạo nên sức bật mới cho ngành.

Đối với mạng lưới Bưu chính - phát hành báo chí: Đã phục vụ ngày càng tốt hơn cho những người có nhu cầu sử dụng bưu điện, mạng lưới bưu cục không ngừng phát triển và ngày càng hiện đại hóa. Qua 5 năm thực hiện chiến lược tăng tốc của ngành, toàn tỉnh có 65 bưu cục và 97 điểm bưu điện văn hóa xã. Hầu hết các bưu cục, kiốt, đại lý, bưu điện văn hóa xã đều được trang bị thiết bị hiện đại như cân điện tử, máy Fasimile, máy in cước thay tem, đồng hồ tính cước... Mặt khác, đã đưa tin học vào khai thác và quản lý nghiệp vụ Bưu chính - phát hành báo chí. Mạng lưới đường thư đã chuyển nhanh hơn bằng phương tiện ô tô, tuyến đường cấp xã trung du và miền núi cũng như đã được cơ giới hóa bằng xe máy. Nhờ đó đã rút ngắn được

khoảng cách và thời gian đưa thư, báo gấp nhiều lần so với trước đây.

Thực hiện chỉ thị 11 của Bộ Chính trị, Trung ương Đảng và thông tri 13 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, về việc mua, đọc tạp chí, báo Đảng ở chi bộ Đảng, Bưu điện thường xuyên phối hợp với Ban tuyên giáo Tỉnh ủy tổ chức kiểm tra việc đặt mua tạp chí, báo Đảng, tổ chức tổng kết 4 năm thực hiện chỉ thị, thông tri nói trên và tham mưu cho Ban thường vụ Tỉnh ủy tiếp tục chỉ đạo các tổ chức đảng làm tốt công việc mua đọc tạp chí và báo Đảng.

Việc hiện đại hoá mạng lưới viễn thông đã được chú trọng để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người sử dụng Bưu điện và phục vụ tốt cho việc phát triển - kinh tế xã hội địa phương. Năm 1997 có 1 tổng đài Host, 8 tổng đài vệ tinh và 8 tổng đài SDE, thì đến năm 2001 có 1 tổng đài Host với 27 tổng đài vệ tinh và 11 tổng đài SDE, dung lượng hiện có 37.998 line, hiệu suất sử dụng là 83%. Mạng truyền dẫn có 37 cặp vi ba với 74 đầu máy, có 3 cáp quang với chiều dài 67km. Hiện nay toàn tỉnh có 34.204 máy thuê bao. Tốc độ tăng trưởng năm 2001 so với năm 1997 là 2,7 lần. Số xã có điện thoại năm 1997 là 27% đến cuối năm 2001 đã đạt 76,20%, nhờ đó mật độ sử dụng điện thoại là 2,5 máy/100 dân. Bưu điện còn phát triển nhiều dịch vụ khác như: đài 108, phát tận nhà ... Đã đáp ứng được nhiều nhu cầu của các khách hàng sử dụng bưu điện.

Những thành tựu Bưu điện Quảng Nam đạt được trong 5 năm có nhiều nguyên nhân, trong đó có

những nguyên nhân cơ bản sau:

- Đảng ủy, Ban cán sự Đảng Bưu điện Tỉnh có định hướng đúng, đoàn kết nhất trí, năng động sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, vượt mọi khó khăn của một tỉnh mới tái lập, một tỉnh nghèo của miền Trung, địa bàn rộng, có nhiều huyện miền núi, thường xuyên bị thiên tai tàn phá nặng nề. Đây không chỉ là đặc điểm mà là khó khăn lớn trong quá trình phong trào ngành Bưu điện Quảng Nam. Đặc biệt dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, UBND Tỉnh và sự chỉ đạo của Ban cán sự Đảng Tổng cục Bưu điện, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty Bưu điện - Viễn thông Việt Nam, Bưu điện Quảng Nam đã phấn đấu không mệt mỏi đáp ứng được yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương, toàn thể đội ngũ cán bộ công nhân viên không ngừng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ để làm chủ trang thiết bị hiện đại và đáp ứng yêu cầu hoạt động trong cơ chế thị trường, cạnh tranh và hội nhập quốc tế, khu vực.

Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu cầu, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

Những thành tựu đạt được 5 năm qua của ngành Bưu điện Quảng Nam rất đáng tự hào, đã góp phần vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà.



Nhân viên bưu tá phát thư báo tại vùng xa

Đó là cơ sở, động lực và cũng là niềm tin để tạo điều kiện cho Bưu điện Quảng Nam bước vào thời kỳ cạnh tranh và hội nhập, góp phần tiến nhanh vào con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

NHÀ XUẤT BẢN

ĐC: 352 Đội Cấn - Ba Đình - Hà Nội * ĐT: 04.7625934 - Fax: 04. 7625923

Email: xuatbanyhoc@netnam.vn * **GIAM ĐỐC: HOANG TRỌNG QUANG**



Y HỌC



Nhà xuất bản Y học được thành lập tháng 10-1959. Là Nhà xuất bản chuyên ngành, với tôn chỉ mục đích là phục vụ các đối tượng trong và ngoài ngành, sử dụng tri thức khoa học, kỹ thuật, quản lý nghiệp vụ y, được; quy tụ việc xuất bản và in các ấn phẩm của ngành.

Buổi tổ chức hội thảo ngành Y tế Việt Nam vững bước vào thế kỷ XXI

NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC CÓ CHỨC NĂNG XUẤT BẢN IN ẤN VÀ PHÁT HÀNH CÁC LOẠI SÁCH:

- | | |
|---|---|
| 1. Sách phổ thông y dược học. | và y học Việt Nam ra nước ngoài. |
| 2. Sách giáo khoa y dược học. | 7. Sách cho các chương trình quốc gia và quốc tế về y tế. |
| 3. Sách chuyên đề y dược học. | 8. Tranh tuyên truyền bảo vệ sức khỏe. |
| 4. Sách dịch y dược học các nước trên thế giới. | 9. Hệ thống sổ sách quản lý nghiệp vụ y dược. |
| 5. Sách y dược học cổ truyền. | |
| 5. Sách ngoại văn giới thiệu nền y tế | |





NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VĨNH LONG

SỐ 143A LÊ THÁI TỎ, PHƯỜNG 2, THỊ XÃ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG
ĐT: 070.823109, 824180 FAX 070.822596



* NHẬN CÁC LOẠI TIỀN GỬI KHÔNG KỲ HẠN, CÓ KỲ HẠN BẰNG VIỆT NAM ĐỒNG VÀ NGOẠI TỆ CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG NƯỚC VÀ NƯỚC NGOÀI.

* CHO VAY NGẮN HẠN, TRUNG HẠN VÀ DÀI HẠN BẰNG ĐỒNG VIỆT NAM VÀ NGOẠI TỆ ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ VÀ CÁ NHÂN, HỘ GIA ĐÌNH ĐỂ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TIÊU DÙNG.

* NHẬN CHO VAY ỦY THÁC THEO CÁC CHƯƠNG TRÌNH CHỈ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ, CÁC TỔ CHỨC TÀI TRỢ TRONG NƯỚC VÀ NƯỚC NGOÀI.

* LÀM CÁC DỊCH VỤ BẢO LÃNH, CẦM CỐ, THANH TOÁN CHUYỂN TIỀN, DỊCH VỤ NGÂN QUỸ, MUA BÁN NGOẠI TỆ..., GIẤY TỜ CÓ GIÁ...



CÁC PHÒNG GIAO DỊCH TRỰC THUỘC:

1. Phòng giao dịch Chợ Vĩnh Long, số 1C Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, Thị xã Vĩnh Long.
ĐT: 070.823758

2. Phòng giao dịch Phước Thọ, số 10 Nguyễn Trung Trực, Phường 8, Thị xã Vĩnh Long.
ĐT: 070.823809.

3. Phòng giao dịch Mỹ Thuận, Số 183 Quốc lộ

1A, ấp Tân Xuân, Xã Tân Ngãi, Thị xã Vĩnh Long. ĐT: 070.815048

4. Phòng giao dịch Vững Liêm, Quốc lộ 53, Xã Hiếu Phụng, Vững Liêm. ĐT: 070.874978

5. Phòng giao dịch Tam Bình, Quốc lộ 1A, Xã Song Phú, Tam Bình. ĐT: 070.864575.

6. Phòng giao dịch Bình Minh, Quốc lộ 1A, Thị trấn Cái Vồn, Bình Minh. ĐT: 070.891882.

VÌ SỰ THÀNH ĐẠT CỦA MỌI NGƯỜI - MỌI NHÀ - MỌI DOANH NGHIỆP



DOSON CASINO

CÔNG TY LIÊN DOANH DU LỊCH QUỐC TẾ HẢI PHÒNG

ĐỊA CHỈ: VAN HOA - KHU 3 - ĐỒ SƠN - HẢI PHÒNG • ĐT: 84.31.861252 - 861888 • FAX: 84.31.861199 • E-mail: Casindoson@hn.vnn.vn



TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Địa chỉ: Khu II - Đường 3/2, TP. Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ.
 Điện thoại: 071.838237, 071.838262 * Fax: 071.838474
 Website: <http://www.ctu.edu.vn> * E-mail: dhct@ctu.edu.vn

HIỆU TRƯỞNG: PGS.TS.LÊ QUANG MINH



Lãnh đạo Tỉnh Cần Thơ và Ban Giám hiệu Trường đại học Cần Thơ đồng chủ trì hội nghị

Trường đại học Cần Thơ tiền thân là Viện đại học Cần Thơ, được thành lập ngày 31 tháng 3 năm 1966, sau ngày đất nước hoàn toàn giải phóng (30-04-1975) đổi tên thành Trường đại học Cần Thơ.

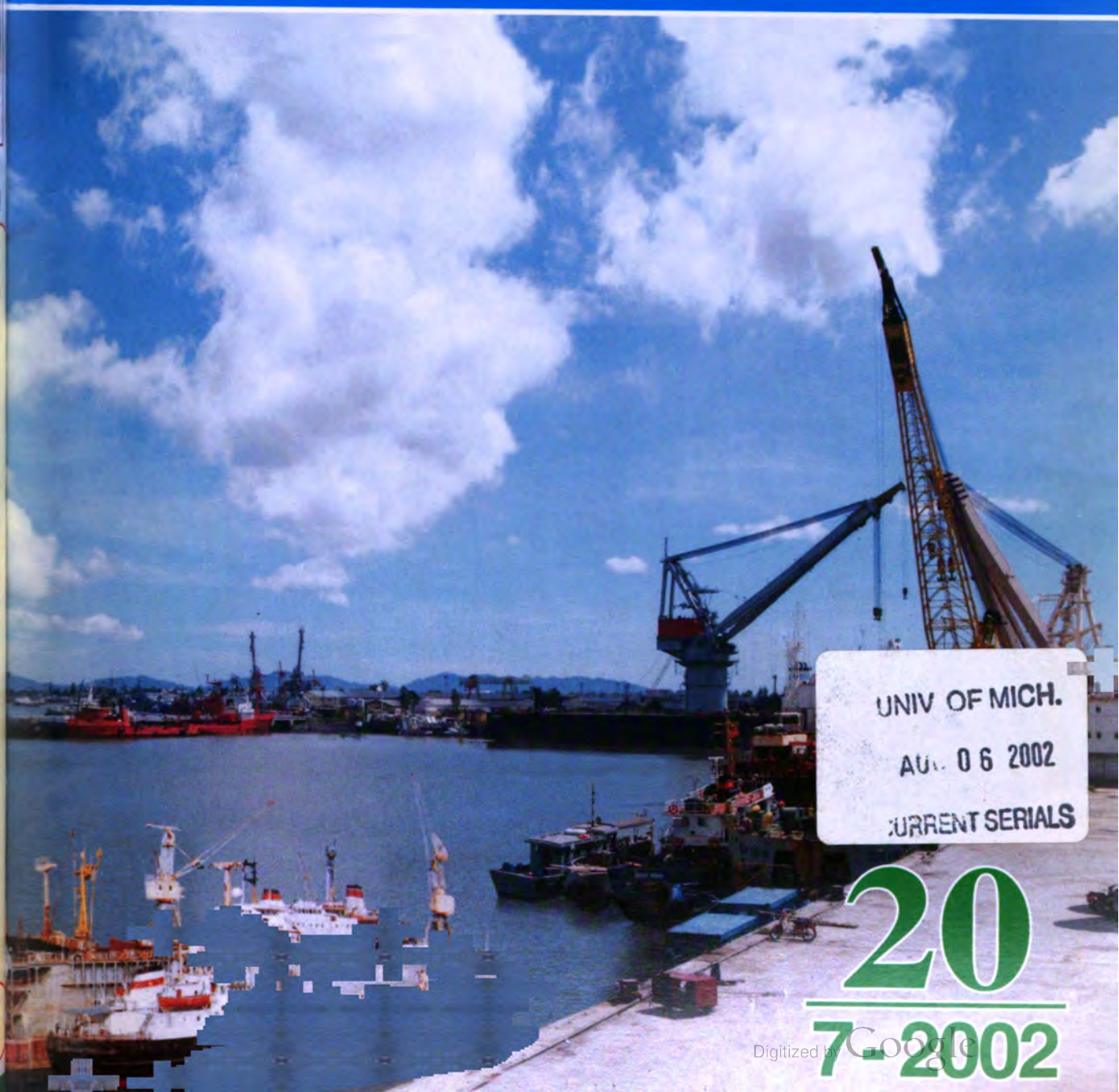
Trong quá trình xây dựng, đổi mới và phát triển, Trường luôn luôn được nhân dân, Đảng, chính quyền các cấp của vùng ĐBSCL tin yêu và hỗ trợ. Trường đã năng động, tích cực vượt qua nhiều khó khăn thử thách, xây dựng thành công mô hình trường đa ngành, đa lĩnh vực. Trường luôn nêu cao tinh thần tự lực trong việc phát triển không ngừng cơ sở vật chất, mở rộng ngành nghề và quy mô đào tạo nhưng luôn đảm bảo chất lượng đào tạo.

Hiện nay, Đại học Cần Thơ có 8 khoa đào tạo, 4 bộ môn trực thuộc và 3 Viện, 2 Trung tâm nghiên cứu khoa học, 10 phòng ban. Trường đào tạo các cử nhân, kỹ sư, bác sĩ thuộc 40 chuyên ngành khoa học trong các lĩnh vực sư phạm, nông nghiệp, công nghệ thực phẩm, y - nha - dược, điện tử, tin học, luật và kinh tế - quản trị kinh doanh. Trường đang đào tạo trên 16.000 sinh viên hệ chính quy và 14.614 sinh viên hệ không chính quy tại các tỉnh.

HX
9
H083

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



UNIV OF MICH.

AUG. 06 2002

CURRENT SERIALS

20

7-2002

Digitized by Google



BẢO TÀNG MỸ THUẬT VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 66 phố Nguyễn Thái Học - Ba Đình - Hà Nội

Tel: 84-4-8233084.

Fax: 84-4-8231085

Giám đốc: Hoà sỹ Cao Trọng Thiềm

Nền mỹ thuật Việt Nam có cội nguồn rất sớm, được nuôi dưỡng, kế thừa và phát triển không ngừng. Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam ra đời với mục đích bảo tồn và tôn vinh những giá trị thẩm mỹ đặc sắc của dân tộc - tinh hoa nghệ thuật tạo hình từ thời Tiền sử - Sơ sử tới nay.

Hệ thống trưng bày của Bảo tàng được sắp xếp khoa học, thể hiện ở 5 nội dung chuyên đề:

- * Mỹ thuật thời Tiền sử - Sơ sử.
- * Mỹ thuật từ thế kỷ XI đến thế kỷ XIX
(qua các thời Lý - Trần - Lê Sơ - Mạc - Lê Trung Hưng - Tây Sơn - Nguyễn).
- * Tranh tượng thế kỷ XX.
- * Mỹ thuật dân gian.
- * Nghệ thuật Gốm Việt Nam từ thế kỷ XI đến thế kỷ XX.

Trong 35 năm hoạt động từ khi thành lập (1966) Bảo tàng Mỹ Thuật Việt Nam đã được đón nhận các phần thưởng cao quý:

Huân chương Lao động hạng III (1997, 1986)

Huân chương Lao động hạng II (1983)

Huân chương Lao động hạng I (1996)

Giờ mở cửa hằng ngày từ 9h15 đến 17h. Thứ hai nghỉ



THÁNG RA 3 KỶ

SỐ 649

20

7-2002

● BỘ BIÊN TẬP :

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : (04) 9 422 061
Fax : (04) 8 222 846

● Cơ quan thường trú tại miền Nam :

19 Phạm Ngọc Thạch,
Q. 3, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 225 768
Fax : (08) 8 231 664

● Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>
Email: bttccs@hn.vnn.vn

● Phó Tổng Biên tập phụ trách :

TRẦN QUANG NHIẾP



Bìa 1 : Cảng dịch vụ dầu khí
Ảnh : TTXVN

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

NÔNG ĐỨC MẠNH - Phát huy dân chủ, tập trung trí tuệ tập thể để quyết định những công việc hệ trọng của đất nước	3
TRẦN ĐÌNH HOAN - Mười năm công tác tổ chức, cán bộ của Đảng và những yêu cầu, nhiệm vụ trong thời gian tới	7
NGUYỄN KHOA ĐIỂM - Làm tốt hơn nữa việc tuyên truyền Nghị quyết của Đảng trên các tạp chí lý luận chính trị	14
NGUYỄN THỊ DOAN - Thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu theo tư tưởng Hồ Chí Minh	19

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

PHẠM NGỌC QUANG - Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị "Về công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay"	23
QUÁCH ĐỨC PHÁP - Góp phần thúc đẩy sự hình thành và phát triển thị trường bất động sản ở nước ta	29
LÊ CHI MAI - Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chính quyền cơ sở - vấn đề và giải pháp	33
HỒ TRỌNG HOÀI - Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo	38

HỘI THẢO KHOA HỌC - THỰC TIỄN

"Cảng biển vùng Đông Bắc với hội nhập kinh tế quốc tế"	
VŨ HIỀN - Báo cáo đề dẫn	41
*** Tổng quan hội thảo	43
CHU QUANG THỨ - Chiến lược phát triển hệ thống cảng biển ở Việt Nam	49
NGUYỄN VĂN QUYNH - Để đẩy mạnh các hoạt động kinh tế cảng biển ở Quảng Ninh	53

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

Ô-MƠ Ê-TUA - Dân số và phát triển - một vấn đề toàn cầu	58
---	----

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

Chính phủ họp phiên thường kỳ, tháng 6-2002	62
Kỳ họp thứ ba Hội đồng Lý luận Trung ương	63
Hội thảo khoa học - thực tiễn : "Nhân quyền - lý luận và thực tiễn ở Việt Nam và Ô-xtrây-li-a"	64

СОДЕРЖАНИЕ

НОНГ ДЫК МАНЬ: Развивается демократия, сосредоточивается коллективный разум с целью решения наиболее важных задач страны. **ЧАН ДИНЬ ХОАН:** Десять лет выполнения организационной, кадровой работы и новые поставленные требования, задачи в ближайшее время. **НГУЕН КХОА ДИЕМ:** Улучшение работы по пропаганде партийных резолюций в политико-теоретических журналах. **НГУЕН ТХИ ЗОАН:** Проведение экономной политики и борьбы против казнокрадства, расточительства и бюрократизма по идеологии Хо Ши Мина. **ФАМ НГОК КУАНГ:** За десять лет реализации Резолюции Политбюро КПВ «О теоретической работе на данном этапе». **КУАЧ ДЫК ФАП:** Внесение вклад в стимулирование образования и развития рынка недвижимости в нашей стране. **ЛЕ ТЫИ МАЙ:** Подготовка и повышение квалификации кадров местной власти – проблемы и решения. **ВУ ХИЕН:** Доклад – введение к Научно-практическому семинару «Морские порты в Северно-восточном районе и международная экономическая интеграция». *** Обзор Семинара. **ТЪУ КУАНГ ТХЫ:** Стратегия развития системы морских портов во Вьетнаме. **НГУЕН ВАН КУИНЬ:** Для стимулирования экономической деятельности морского порта в провинции Куангнинь. **ОМЭР ЭРТУР:** Население и развитие – глобальная проблема.

CONTENTS

NÔNG DỨC MẠNH: To promote democracy, to concentrate collective intelligence in order to make decisions on important matters of the country. **TRẦN ĐÌNH HOÀN:** Ten years of the organisational and personnel work of the Party and demands and tasks in the forthcoming time. **NGUYỄN KHOA ĐIỂM:** To better propagate the Party's resolutions through theoretical-political reviews. **NGUYỄN THỊ DOAN:** To practise thrift, to combat corruption, wastefulness and bureaucratism in pursuance of President Hồ Chí Minh ideas. **PHẠM NGỌC QUANG:** Ten years of implementing the Politburo's Resolution "On the theoretical work in the present-time period". **QUÁCH ĐỨC PHÁP:** A contribution to promoting the establishment and development of a real estate market in our country. **LÊ CHI MAI:** Training and fostering of cadres for grassroots administration – problems and solutions. **VŨ HIẾN:** Keynote presentation to the Scientific – practical seminar "The sea ports in the North-East region and International Economic Integration" *** An overview of the seminar. **CHU QUANG THÚ:** The strategy to develop the system of sea ports in Vietnam. **NGUYỄN VĂN QUYNH:** In order to push up economic activities of sea ports in Quảng Ninh. **OMER ERTUR:** Population and development – a global problem.

SOMMAIRE

NÔNG DỨC MẠNH: Mettre en valeur la démocratie et concentrer l'intelligence collective pour décider des affaires importantes du pays. **TRẦN ĐÌNH HOÀN:** Dix années du travail de l'organisation et des cadres du Parti et les tâches à remplir prochainement. **NGUYỄN KHOA ĐIỂM:** Mieux propager la Résolution du Parti dans les revues de théorie politique. **NGUYỄN THỊ DOAN:** Faire des économies, lutter contre la corruption, le gaspillage et la bureaucratie selon la pensée de Hồ Chí Minh. **PHẠM NGỌC QUANG:** Dix années de l'exécution de la Résolution du Bureau politique: "Sur le travail théorique à l'étape actuelle". **QUÁCH ĐỨC PHÁP:** Contribuer à impulser la formation et le développement du marché immobilier au Vietnam. **LÊ CHI MAI:** Formation et recyclage des cadres locaux: Problèmes et solutions. **VŨ HIẾN:** Rapport d'introduction du Colloque scientifique-pratique: "Ports maritimes du Nord-Est et intégration économique internationale". *** Panorama du Colloque. **CHU QUANG THÚ:** Stratégie de développement du réseau des ports maritimes au Vietnam. **NGUYỄN VĂN QUYNH:** Pour l'intensification des activités économiques de port maritime au Quảng Ninh. **OMER ERTUR -** Démographie et développement: un problème global.

SUMARIO

NÔNG DỨC MẠNH: Poner en alto la democracia y concentrar la inteligencia colectiva para decidir los asuntos importantes del país. **TRẦN ĐÌNH HOÀN:** El trabajo de organización y de cuadros del Partido después de diez años y las demandas y tareas a realizar en el porvenir. **NGUYỄN KHOA ĐIỂM:** Propagar de manera mejor la Resolución del Partido en las revistas de teoría política. **NGUYỄN THỊ DOAN:** Prácticas de ahorro, lucha contra la corrupción, el despilfarro y la burocracia según el pensamiento de Hồ Chí Minh. **PHẠM NGỌC QUANG:** Diez años de la ejecución de la Resolución del Buró Político: "Sobre el trabajo teórico en el período actual". **QUÁCH ĐỨC PHÁP:** Contribuir en impulsar la formación y el desarrollo del mercado inmobiliario en Vietnam. **LÊ CHI MAI:** Formación y educación de los cuadros locales: Problemas y soluciones. **VŨ HIẾN:** Informe de introducción del Seminario científico-práctico: "Puertos marítimos del Nor-Este y la integración económica internacional". *** Vista panorámica del Seminario. **CHU QUANG THÚ:** La estrategia del desarrollo del sistema de puertos marítimos en Vietnam. **NGUYỄN VĂN QUYNH:** Para acelerar fuertemente las actividades económicas de puerto marítimo de la provincia de Quảng Ninh. **OMER ERTUR:** La demografía y el desarrollo: un problema global.

目 录

• 农德孟: 发挥民主, 集中集体的智慧为国家重要工作作出决策 • 陈亭欢: 党十年来的组织、干部工作以及即将对其工作的要求及任务 • 阮科恬: 进一步加强在政治理论杂志上宣传党的决议 • 阮氏端: 按胡志明思想实行勤俭节约, 反贪污、浪费, 反官僚弊病 • 范玉光: 十年来落实政治局<<有关目前阶段的理论工作>>的决议 • 郭德法: 促进我国房地产市场的形成及发展 • 黎芝梅: 基层政权干部队伍培训—问题及其解决措施 • 武贤: <<东北地区海港及国际经济融入>>实践问题—提引报告—科学研讨会 *** 研讨会综观 • 周光庶: 越南海港系统发展战略 • 阮文蔚: 为加强广宁省海港的经济活动 • Omer Ertur: 人口及其发展—全球的问题



PHÁT HUY DÂN CHỦ, TẬP TRUNG TRÍ TUỆ TẬP THỂ ĐỂ QUYẾT ĐỊNH NHỮNG CÔNG VIỆC HỆ TRỌNG CỦA ĐẤT NƯỚC *

Bài phát biểu của Tổng Bí thư NÔNG ĐỨC MẠNH

Khai mạc Hội nghị lần thứ sáu

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX

Thưa toàn thể Trung ương,

Thưa các đồng chí tham dự Hội nghị,

THỰC hiện Chương trình công tác toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần này sẽ :

- Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) và xác định phương hướng phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ từ nay đến năm 2010 ;

- Kiểm điểm việc thực hiện 3 nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương về công tác tổ chức, cán bộ : Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII), Nghị quyết Trung ương 3 và Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII), đồng thời xác định một số phương hướng, biện pháp nhằm thực hiện tốt hơn các nghị quyết của Trung ương về công tác tổ chức, cán bộ ;

- Cho ý kiến chỉ đạo về cơ cấu tổ chức Chính phủ khóa XI, chuẩn bị nhân sự cấp

cao của Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ để giới thiệu với Quốc hội ;

- Xem xét một số vấn đề về công tác kiểm tra, kỷ luật Đảng, nghe báo cáo tình hình quốc tế và một số vấn đề khác.

Những vấn đề mà Hội nghị Trung ương lần này sẽ bàn và quyết định đều rất quan trọng, có tính chất vừa cơ bản, vừa cấp bách, đã được xác định trong các văn kiện Đại hội IX, nay cần được cụ thể hóa để nhanh chóng đưa vào cuộc sống, góp phần tạo nên những chuyển biến mới tích cực trong đời sống chính trị, kinh tế, xã hội của nước ta.

Tùng nội dung, Bộ Chính trị sẽ có tờ trình với Ban Chấp hành Trung ương. Dưới đây, tôi chỉ xin nhấn mạnh một số điểm :

1 - Giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ là hai lĩnh vực hoạt động rất cơ bản, được Đảng và Nhà nước ta xác định là quốc sách hàng đầu, là động lực phát triển

* Đầu đề là của báo Nhân Dân

kinh tế - xã hội, là nền tảng và nhân tố quyết định thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đây cũng là một động lực rất quan trọng để thực hiện thắng lợi chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010 và 2020 do Đại hội IX của Đảng đã đề ra.

Hơn 5 năm qua, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta, tất cả các cấp, các ngành, nhất là những ngành trực tiếp phụ trách, đã có nhiều cố gắng để thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) về phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ ; chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, đồng thời cũng còn nhiều khuyết điểm và yếu kém không nhỏ. Đánh giá về những gì đã làm được và chưa làm được trong hai lĩnh vực này cũng còn nhiều ý kiến khác nhau. Vì vậy, Hội nghị Trung ương lần này cần kiểm điểm sâu sắc việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII), kiểm điểm ở tầm thực hiện những quốc sách hàng đầu chứ không phải chỉ ở mức những chính sách thông thường. Đề nghị Trung ương phân tích đầy đủ và rõ ràng những thành tựu trên các mặt đã đạt được sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 ; đồng thời thẳng thắn chỉ ra những yếu kém, khuyết điểm, bất cập, các hiện tượng tiêu cực ; phân tích những yếu kém và nguyên nhân chủ quan trong lãnh đạo và quản lý, làm rõ trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng đơn vị trong việc thực hiện nguyên lý, mục tiêu và các giải pháp trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo cũng như trong sự nghiệp khoa học và công nghệ. Chúng ta phải trả lời cho được câu hỏi giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ đã thực sự là động lực phát triển kinh tế - xã hội chưa? Thực sự là nền tảng và nhân tố

quyết định thắng lợi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước chưa? Vì sao?

Về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp sắp tới, trên cơ sở những định hướng cơ bản Đại hội lần thứ IX của Đảng đã xác định, cần tiếp tục tổ chức thực hiện tốt hơn nữa những nội dung cơ bản của Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII). Tập trung phát triển giáo dục và đào tạo mạnh hơn, nhanh hơn, có chất lượng cao hơn, hiệu quả hơn để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ; đề ra một số việc cụ thể phải thực hiện trong 5 - 10 năm tới, nhất là các giải pháp có tính chất đột phá, để nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, ưu tiên phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo ở các khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục.

Phát triển khoa học và công nghệ phải nhằm nhanh chóng nâng cao trình độ công nghệ của đất nước, nâng cao năng lực nội sinh của khoa học và công nghệ nước nhà, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế và xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ vừa giỏi chuyên môn, vừa vững vàng về lập trường tư tưởng chính trị ; gắn khoa học xã hội và nhân văn với khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ, tạo ra tính thống nhất giữa hai lĩnh vực này.

2 - Tổ chức - cán bộ là một nội dung rất quan trọng trong toàn bộ công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Hội nghị Trung ương lần này tập trung chủ yếu vào kiểm điểm việc thực hiện 3 Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương về công tác tổ chức, cán bộ và trong từng vấn đề cũng lựa chọn một số

khâu quan trọng để thảo luận và đề ra những biện pháp thực hiện khả thi nhất. Về tổ chức, đó là việc xác định chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ phối hợp, phân cấp quản lý, trách nhiệm của tổ chức và người đứng đầu. Về cán bộ, đó là việc đánh giá, quy hoạch, đào tạo, luân chuyển, quản lý và một số vấn đề về chính sách, chế độ đối với cán bộ.

Tư tưởng chỉ đạo chung là cần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng việc thực hiện 3 Nghị quyết Trung ương nói trên đã làm được gì, chưa làm được gì, nguyên nhân vì sao ; những vấn đề gì cần làm sáng tỏ thêm, cần bổ sung hoặc điều chỉnh. Cần làm rõ vì sao chúng ta có nhiều nghị quyết về công tác tổ chức và cán bộ, trong đó có nhiều điểm rất quan trọng, rất đúng song thực hiện được ít hoặc thực hiện một cách khó khăn? Cần chỉ ra những nguyên nhân chủ quan và khách quan, song tập trung đi sâu kiểm điểm những nguyên nhân chủ quan trong tổ chức, chỉ đạo thực hiện.

Đối với mục tiêu và nhiệm vụ của công tác tổ chức, cán bộ trong thời gian tới, cần xác định đồng bộ cả việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, nâng cao năng lực quản lý và điều hành của Nhà nước và vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, đồng thời có bước chuẩn bị cho Đại hội X và những năm sau.

Công tác cán bộ có ý nghĩa quyết định để tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội và củng cố mối quan hệ máu thịt giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân. Cần tiếp tục cụ thể hóa hơn nữa nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ

cán bộ, đồng thời phát huy trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, nhất là tập thể lãnh đạo và người đứng đầu đối với công tác này. Thông qua các hoạt động thực tiễn, nhất là qua các vụ án và các vụ kỷ luật trong Đảng và cơ quan Nhà nước thời gian gần đây mà soát xét lại những sơ hở trong các khâu đánh giá, bồi dưỡng, lựa chọn đề bạt và quản lý cán bộ ; đặc biệt là phát huy dân chủ trong Đảng và lắng nghe ý kiến nhân dân trong công tác cán bộ. Cần rà soát lại toàn bộ đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở, thực hiện tốt Nghị quyết của Bộ Chính trị về luân chuyển và bố trí lại cán bộ. Tích cực tuyển chọn những người có đủ tiêu chuẩn để bổ sung vào đội ngũ công chức các cấp ; thực hiện tốt chế độ dự bị công chức ; tăng cường công tác đào tạo cán bộ. Đẩy mạnh thực hiện các bước cải cách tiền lương và chính sách đối với cán bộ, công chức và có những biện pháp kiên quyết, hiệu quả để nâng cao tinh thần trách nhiệm và đạo đức, lối sống của cán bộ, công chức, đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và Kết luận của Hội nghị Trung ương 4 (khóa IX).

3- Quốc hội khóa XI vừa được cử tri cả nước ta bầu ra tại cuộc bầu cử ngày 19-5-2002. Đây là một cuộc bầu cử có ý nghĩa thắng lợi hết sức to lớn, thể hiện niềm tin sâu sắc của nhân dân cả nước đối với chế độ chính trị tốt đẹp của chúng ta. Theo quy định của Hiến pháp, kỳ họp đầu tiên của Quốc hội khóa XI dự kiến sẽ họp từ ngày 19-7-2002 sắp tới để bầu các chức danh lãnh đạo chủ chốt của Nhà nước và quyết định những vấn đề trọng đại khác của đất nước.

Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa IX đã quy định là Ban Chấp hành Trung ương quyết định về chủ trương thành lập, sáp nhập, chia tách các bộ, cơ quan ngang bộ ; giới thiệu nhân sự ứng cử, đề cử các chức danh Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ... Thực hiện những quy định đó, tại Hội nghị lần này, Ban Chấp hành Trung ương xem xét và quyết định nhân sự ứng cử các chức danh Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ để Quốc hội bầu và cho ý kiến về cơ cấu Chính phủ, về các nhân sự cấp cao khác của Nhà nước để giới thiệu với Quốc hội bàn bạc, lựa chọn và quyết định, nhằm góp phần xây dựng Nhà nước của ta thực sự là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, ngày càng trong sạch, vững mạnh và tiêu biểu cho nhân dân. Việc xem xét giới thiệu nhân sự vào các cương vị nói trên phải căn cứ vào các tiêu chuẩn đã được quy định và theo đúng quy trình. Trong tình hình hiện nay cần đặc biệt chú ý đến tiêu chuẩn về bản lĩnh chính trị, năng lực, đạo đức, phẩm chất, lối sống và mối quan hệ mật thiết với nhân dân, với cơ sở, thực sự được cán bộ và nhân dân tin yêu và tín nhiệm. Từng đồng chí Ủy viên Trung ương cần phát huy dân chủ, đề cao trách nhiệm, tạo sự thống nhất cao trong Ban Chấp hành Trung ương, chấp hành nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, làm cơ sở có ý nghĩa quyết định cho sự thành công của kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa XI.

Về những nội dung khác của Hội nghị, đề nghị Trung ương vận dụng những nội dung cơ bản của Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và Nghị quyết 08 của Bộ Chính trị (khóa VIII) để xem xét và đấu tranh thẳng

thắn, có thái độ xử lý nghiêm minh đối với những cán bộ của Đảng và công chức Nhà nước đã phạm phải những sai lầm, khuyết điểm, phân tích rõ những thiếu sót trong quản lý điều hành đất nước để làm cho nội bộ Đảng ta ngày càng trong sạch và vững mạnh hơn, củng cố lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân, bảo vệ vững chắc chế độ xã hội chủ nghĩa và giữ vững an ninh, quốc phòng của đất nước.

Thưa các đồng chí,

Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương diễn ra trong bối cảnh chúng ta vừa tổ chức thành công tốt đẹp cuộc bầu cử Quốc hội khóa XI ; toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta vừa thực hiện thắng lợi chương trình phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2002, một năm tình hình quốc tế tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp, chúng ta phải vượt qua những khó khăn, thách thức không nhỏ để từng bước thực hiện các mục tiêu mà Đại hội IX của Đảng đã đề ra. Những nội dung được nêu ra tại Hội nghị Trung ương lần này rất quan trọng, thời gian Hội nghị lại có hạn, mong các đồng chí nâng cao tinh thần trách nhiệm trước nhân dân, trước Đảng, phát huy dân chủ, thảo luận thẳng thắn và nghiêm túc, tập trung trí tuệ của tập thể để xem xét, thảo luận và quyết định những vấn đề được nêu ra, bảo đảm thành công của Hội nghị, đáp ứng được lòng mong mỏi của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa IX. Chúc toàn thể các đồng chí mạnh khỏe và hoàn thành tốt nhiệm vụ của Hội nghị này.

Xin cảm ơn. □

MƯỜI NĂM CÔNG TÁC TỔ CHỨC, CÁN BỘ CỦA ĐẢNG VÀ NHỮNG YÊU CẦU, NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

TRẦN ĐÌNH HOAN*

1 - TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC TỔ CHỨC VÀ CÁN BỘ THEO BA NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG

Năm bắt thực tiễn, hoạt động dựa vào thực tiễn, thường xuyên tổng kết thực tiễn để rút ra những bài học thành công, những hạn chế, yếu kém, những khuyết điểm và cả những sai lầm để sửa chữa, khắc phục và phát triển là việc làm thường xuyên trong suốt chặng đường 72 năm hoạt động sôi động của Đảng ta. Kỳ này cũng vậy, thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và chương trình toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương, việc tổng kết công tác tổ chức và cán bộ của Đảng theo ba nghị quyết Trung ương (Nghị quyết Trung ương 3 khóa VII, Nghị quyết Trung ương 3 và Nghị quyết Trung ương 7 khóa VIII) cũng là một hoạt động thường kỳ của Đảng ta.

Sau hơn 15 năm thực hiện đường lối đổi mới toàn diện do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, đất nước ta đã giành được những thành tựu to lớn và quan trọng trên nhiều lĩnh vực. Nước ta đã thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội; tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định, quốc phòng và an ninh được bảo đảm, tạo ra thế và lực mới để đất nước bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại

hóa. Đảng ta có bước trưởng thành mới về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Hệ thống chính trị nước ta từng bước được đổi mới. Công tác tổ chức, cán bộ đã có những đóng góp tích cực vào thành tựu đổi mới của đất nước. Tuy nhiên, công tác tổ chức và cán bộ hiện nay cũng còn nhiều mặt yếu kém, trực tiếp làm hạn chế năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến mối quan hệ gắn bó giữa Đảng với nhân dân, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng. Đây là vấn đề cần sớm được khắc phục trong thời gian tới.

1 - Tình hình thực hiện công tác tổ chức theo ba nghị quyết

Mục tiêu và nhiệm vụ cơ bản về công tác tổ chức đề ra trong ba nghị quyết là đổi mới và chỉnh đốn Đảng; xây dựng và từng bước hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng; đổi mới tổ chức và hoạt động của các đoàn thể quần chúng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

* Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương

- Về kiện toàn tổ chức đảng

Sau mười năm thực hiện ba nghị quyết, đã có bước đổi mới, trên một số mặt có tiến bộ rõ rệt. Cụ thể là :

- Thực hiện việc chuyển tiếp cán bộ lãnh đạo cấp cao của Đảng theo đúng nguyên tắc và có bước đi thích hợp, có đổi mới và bảo đảm tính kế thừa, đoàn kết trong Đảng ; điều chỉnh bộ máy tổ chức và ban hành quy định mới về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và quy chế hoạt động của các cơ quan tham mưu và đơn vị sự nghiệp của Đảng, giảm bộ máy cơ quan đảng ở trung ương từ 25 đầu mối năm 1990 còn 16 đầu mối. Các cấp ủy ở tỉnh và huyện hoạt động theo quy chế, phát huy dân chủ, định rõ hơn chức năng lãnh đạo của tổ chức đảng và chức năng quản lý của cơ quan nhà nước.

- Công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng, công tác đảng viên và xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, trên một số mặt đã có tiến bộ nhất định : khắc phục đáng kể tình trạng sinh hoạt đảng lỏng lẻo trước đây ; công tác đảng viên đã được quan tâm hơn, số đảng viên xin ra khỏi Đảng hoặc bỏ sinh hoạt đảng giảm hẳn ; số lượng và một số mặt chất lượng đảng viên mới có tiến bộ đáng kể (năm 1991 kết nạp 36 067 đảng viên, trong đó 17,2% có trình độ cao đẳng trở lên, con số tương tự năm 2000 là 112 882 và 24,1%).

- Về kiện toàn tổ chức bộ máy nhà nước

Các nghị quyết đều xác định mục tiêu đổi mới là nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, trong đó nhiệm vụ cải cách hành chính với ba nội dung : cải cách thể chế, chấn chỉnh tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức được xác định là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng.

Qua đổi mới tổ chức và hoạt động, vai trò là cơ quan quyền lực cao nhất, thực hiện các

chức năng lập pháp, giám sát và quyết định những vấn đề hệ trọng của đất nước của Quốc hội được tăng lên rõ rệt. Qua kiện toàn tổ chức của Chính phủ và cơ quan chính quyền địa phương, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các tổ chức trong bộ máy chính quyền nhà nước được xác định rõ hơn, cải cách hành chính đã đạt được những kết quả bước đầu. Đặc biệt, đã có bước chuyển quan trọng trong việc tách chức năng quản lý sản xuất kinh doanh ra khỏi chức năng quản lý nhà nước về kinh tế. Tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp có điều chỉnh, lập mới các tòa án chuyên trách như tòa kinh tế, tòa lao động, tòa hành chính.

Nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước đã có bước đổi mới, vừa bảo đảm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy trách nhiệm, tính chủ động của các cơ quan nhà nước.

- Kiện toàn tổ chức các đoàn thể và hội quần chúng

Mặt trận, các đoàn thể và hội quần chúng sau giai đoạn đầu lúng túng do chuyển đổi cơ chế, đã từng bước đổi mới về tổ chức và phương thức hoạt động. Đến nay, ngoài Mặt trận Tổ quốc và 5 đoàn thể chính trị - xã hội, hàng loạt tổ chức quần chúng, nhất là các hội nghề nghiệp, nhân đạo, từ thiện ra đời (cả nước có 202 hội quần chúng hoạt động với tư cách hội ở cấp trung ương, và 1 363 hội cấp tỉnh).

Bên cạnh những kết quả đạt được đó, công tác xây dựng Đảng về tổ chức, nhìn chung chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng. Việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ tuy có tiến bộ, nhưng còn những biểu hiện dân chủ hình thức, kỷ luật lỏng lẻo, chấp hành không nghiêm nghị quyết, thực hiện tự phê bình và phê bình kém. Một số tồn tại trong hệ thống tổ chức của

Đảng chậm được giải quyết. Tổ chức cơ sở đảng ở một số nơi chưa được củng cố vững chắc, lúng túng trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, nhất là trong khu vực doanh nghiệp, cơ quan và đơn vị sự nghiệp. Vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân tuy đã được nghiên cứu nhiều năm, nhưng đến nay vẫn chưa có lời giải đáp.

Tổ chức bộ máy hành chính, cải cách hành chính còn chậm, thủ tục hành chính còn nhiều phiền hà, "cơ chế xin - cho" chậm được xóa bỏ ; việc giải quyết khiếu kiện của nhân dân còn lúng túng, bị động, kéo dài ; hiệu lực thi hành luật pháp, trật tự kỷ cương trong bộ máy nhà nước không nghiêm. Chất lượng và hiệu quả xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức hành chính còn thấp ; chưa giải quyết đồng bộ và sát hợp những vấn đề về tổ chức và cán bộ ở cơ sở.

Tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của các đoàn thể quần chúng chuyển biến chậm ; chưa khắc phục được tình trạng hành chính hóa trong hoạt động ; không nắm chắc được tâm tư, nguyện vọng của quần chúng ; do vậy thường lúng túng, bị động, mất khả năng vận động quần chúng khi xảy ra những tình huống chính trị, xã hội phức tạp.

2 - Tình hình cán bộ và công tác cán bộ

Vị trí công tác cán bộ gắn liền với vai trò của đội ngũ cán bộ. Nó góp phần quan trọng - quyết định sự thành công hay thất bại của cách mạng. Qua hoạt động thực tiễn vô cùng phong phú, Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thức đúng đắn và khẳng định vai trò quan trọng hàng đầu của cán bộ và công tác cán bộ : "Cán bộ là gốc của mọi công việc", "công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay xấu".

Các nghị quyết Trung ương, nhất là Nghị quyết Trung ương 3 và Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII đã đánh giá một cách

đúng đắn mặt mạnh và mặt yếu của đội ngũ cán bộ hiện nay. Những đánh giá đó được khẳng định một lần nữa tại Đại hội IX của Đảng và là một căn cứ quan trọng để xây dựng đội ngũ cán bộ trong giai đoạn mới.

Thế hệ cán bộ hiện nay, nói chung đã phát huy được truyền thống cách mạng, tinh thần sáng tạo, tự chủ của các thế hệ đi trước. Nhìn chung, trình độ cán bộ sau 15 năm đổi mới được nâng lên rõ rệt. Họ năng động, tự tin, dám nghĩ, dám làm, phương pháp tư duy có tiến bộ, năng lực lãnh đạo và quản lý có bước phát triển mới. Song, như Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII, đã nhận định : "Đội ngũ cán bộ hiện nay, xét về chất lượng, số lượng, cơ cấu có nhiều mặt chưa ngang tầm với thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa". Bộ phận cán bộ thoái hóa, biến chất không giảm mà có chiều hướng tăng lên.

Mặt khác, đội ngũ cán bộ hiện nay đang đứng trước một số mâu thuẫn đáng chú ý. Đó là mâu thuẫn giữa yêu cầu cao của sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa với năng lực hạn chế của cán bộ ; giữa yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ đủ sức đáp ứng nhiệm vụ trước mắt và lâu dài với tình hình thực tế cán bộ hiện nay ngày một già nhưng chậm được bổ sung sức trẻ ; giữa đòi hỏi cao về trình độ chuyên môn, khoa học của cán bộ với khả năng đào tạo có hạn ; giữa bằng cấp với trình độ và năng lực thực tế... Trong tình hình đó, cơ cấu cán bộ không cân đối, tỷ lệ cán bộ nữ, cán bộ xuất thân từ giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và các gia đình có công với cách mạng ngày càng giảm, sự phân bố cán bộ trong các lĩnh vực hoạt động, trong các cấp, các ngành còn nhiều bất hợp lý.

Trong 10 năm qua, công tác đào tạo cán bộ đã có một số đổi mới, cải tiến. Một số địa phương, đơn vị đã chủ động thực hiện việc luân chuyển cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo.

Điều đó đã mang lại kết quả nhiều mặt rất đáng khích lệ. Qua đợt sinh hoạt tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, tuy chưa đạt yêu cầu nhưng đã giúp cho việc đánh giá và sử dụng cán bộ sát hơn, đúng hơn.

Song, nhìn một cách khái quát, công tác cán bộ chuyển biến còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới. Nhiều chủ trương đúng đắn được đưa ra trong các nghị quyết nhưng mới được thực hiện một phần, hoặc chưa được thực hiện có hiệu quả. Đánh giá cán bộ vẫn là khâu yếu nhưng chậm được khắc phục. Công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo và quản lý vẫn còn nhiều mặt hạn chế. Yêu cầu cụ thể hóa trong triển khai chiến lược cán bộ còn chậm. Công tác đào tạo không gắn chặt với quy hoạch ; việc luân chuyển, điều động cán bộ chưa được coi trọng đúng mức từ trung ương đến các cấp, các ngành, làm cho cơ cấu và sự phân bố cán bộ chưa hợp lý. Không ít trường hợp công tác cán bộ cũng bị tiêu cực chi phối. Chính sách cán bộ còn nhiều khuyết điểm, bất hợp lý nhưng chậm được khắc phục, sửa đổi...

3 - Tình hình đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng

Các nghị quyết của Đảng về công tác tổ chức, cán bộ nói riêng và công tác xây dựng Đảng nói chung đều coi trọng phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị ; coi trọng đổi mới nội dung, phong cách công tác và sinh hoạt đảng nhằm nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, phát huy hiệu lực quản lý của Nhà nước, vai trò của Mặt trận, các tổ chức quần chúng và quyền làm chủ của nhân dân trong điều kiện Đảng cầm quyền tiến hành sự nghiệp đổi mới.

Thực hiện ba nghị quyết, trong những năm qua, phương thức lãnh đạo của Đảng đã có

nhiều chuyển biến và đạt được những kết quả tích cực. Đã từng bước hoàn chỉnh và cụ thể hóa các quan điểm của Đảng về đổi mới hệ thống chính trị, đổi mới tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động của từng bộ phận trong hệ thống đó. Từ thực tiễn, phương thức Đảng lãnh đạo bằng tổ chức, củng cố đảng đoàn, lập ban cán sự đảng trong các đoàn thể và các cơ quan nhà nước được coi trọng và không ngừng đổi mới.

Tuy nhiên, tình hình đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng những năm qua vẫn còn một số thiếu sót, khuyết điểm như : chậm xây dựng một số quy chế cụ thể về phương thức lãnh đạo đối với hệ thống chính trị ; thực hiện chưa nghiêm nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng ; quan hệ trong nội bộ Đảng, quan hệ giữa Đảng với nhân dân chưa được củng cố vững chắc ; vẫn ra nhiều nghị quyết và nghị quyết còn dài, nhiều nội dung các nghị quyết chồng chéo nhau, thiếu các biện pháp thực hiện cụ thể, chưa coi trọng chỉ đạo tổng kết ; công tác kiểm tra, nhất là kiểm tra việc thực hiện nghị quyết, chấp hành Điều lệ Đảng chưa được quan tâm đúng mức.

Qua những việc đã làm được, những ưu điểm cùng những khuyết điểm, yếu kém như đã phân tích ở trên, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau :

- Xây dựng, chỉnh đốn Đảng, cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước, các đoàn thể nhân dân phải gắn liền với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, có bước đi thích hợp, bảo đảm giữ vững, ổn định chính trị - xã hội.

- Phải cụ thể hóa cơ chế : "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ". Đổi mới tổ chức, cán bộ cần có sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng, các nghị quyết của Đảng phải được thể chế hóa. Coi trọng quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước và các đoàn thể

chính trị, xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng ; coi trọng việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Đổi mới tổ chức và cán bộ phải đồng thời thực hiện trong cả hệ thống chính trị ở các cấp, nhất là ở cấp trung ương và cấp cơ sở ; phải triển khai đồng bộ các biện pháp, nhưng phải có trọng tâm, trọng điểm, phải tìm ra khâu đột phá trong mỗi thời kỳ.

- Phải có chiến lược xây dựng đội ngũ cán bộ, hoạch định chương trình, kế hoạch mục tiêu dài hạn, ngắn hạn rõ ràng, cụ thể.

II - NHỮNG NHIỆM VỤ VỀ TỔ CHỨC VÀ CÁN BỘ CẦN TẬP TRUNG THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI

Nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới đòi hỏi Đảng ta phải tiếp tục tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng nhằm xây dựng Đảng ta thực sự trong sạch, vững mạnh. Điều này có ý nghĩa quyết định đối với vận mệnh của Đảng ta và chế độ ta. Trong xây dựng Đảng, công tác cán bộ được xác định là khâu quan trọng nhất, là khâu then chốt của vấn đề then chốt.

Mỗi thời kỳ cách mạng cần có một đội ngũ cán bộ thích ứng, có phẩm chất và năng lực ngang tầm với yêu cầu, nhiệm vụ tình hình mới. Để thực hiện được nhiệm vụ đó, hơn lúc nào hết, Đảng ta phải tiếp tục tập trung lãnh đạo công tác tổ chức và cán bộ, tạo nên sự chuyển biến về chất nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới như Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đề ra.

1 - Một số quan điểm chỉ đạo và mục tiêu thực hiện

Căn cứ kết quả tổng kết 10 năm thực hiện công tác tổ chức và cán bộ theo ba nghị quyết, nhất là từ những bài học kinh nghiệm được rút ra, xin nêu lên một số vấn đề về quan điểm chỉ đạo, mục tiêu cần được nhấn mạnh trong quá

trình chỉ đạo công tác tổ chức và cán bộ trong thời gian tới là :

- Tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm túc những quan điểm chỉ đạo trong các nghị quyết Trung ương về một số nhiệm vụ đổi mới, xây dựng, chỉnh đốn Đảng ; về xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền ; về chiến lược cán bộ trong thời kỳ mới ; về kiện toàn bộ máy trong hệ thống chính trị.

- Những nhiệm vụ trên phải được tiến hành với tinh thần tích cực và có bước đi thích hợp, bảo đảm giữ vững ổn định chính trị - xã hội ; phải gắn và phục vụ đắc lực cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng, mở rộng quan hệ đối ngoại.

- Đổi mới tổ chức và cán bộ phải đồng thời thực hiện trong cả hệ thống chính trị ở các cấp, nhất là ở cấp trung ương và cấp cơ sở ; phải luật pháp hóa những nguyên tắc, chủ trương về tổ chức cán bộ và đổi mới công tác tổ chức, cán bộ. Phải có chiến lược, chương trình, kế hoạch, mục tiêu dài hạn và ngắn hạn cụ thể về xây dựng đội ngũ cán bộ. Đảng và Nhà nước nhất thiết phải đầu tư đúng mức cho công tác đào tạo bồi dưỡng và thực hiện các chính sách cán bộ.

Từ những quan điểm chỉ đạo trên, mục tiêu đề ra cho thời gian tới là : Từ nay đến năm 2005 và những năm tiếp theo phải đạt mục tiêu nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng ; sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, thực hiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết Đại hội IX, Nghị quyết Trung ương 3 và Nghị quyết Trung ương 7 khóa VIII, Nghị quyết 08 của Bộ Chính trị khóa IX, tiến tới ổn định về cơ bản bộ máy của hệ thống chính trị. Tổ chức nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn để xác định mô hình tổ chức của hệ thống chính trị phù hợp với thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; nâng cao trình độ đội ngũ cán

bộ lãnh đạo và quản lý. Từng bước đẩy lùi tệ tham nhũng và các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên ; tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII. Cụ thể hóa và triển khai thực hiện một bước quan trọng chiến lược cán bộ của thời kỳ mới mà Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII đã đề ra.

2 - Một số nhiệm vụ và những giải pháp lớn

Trước yêu cầu của thời kỳ phát triển mới, cần làm tốt một số vấn đề cơ bản sau :

- Về tổ chức

Nhiệm vụ chủ yếu là tập trung vào công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức, thực hiện phân cấp quản lý, bổ sung và hoàn thiện các quy chế làm việc ở các cấp, các ngành.

Về tổ chức bộ máy Đảng, chú trọng hơn nữa việc sắp xếp, điều chỉnh bộ máy đảng cấp Trung ương, ổn định các cơ quan tham mưu, các đơn vị sự nghiệp. Ổn định mô hình tổ chức đảng các cơ quan trung ương và các đơn vị hành chính sự nghiệp cấp tỉnh, mô hình các tổ chức đảng ở các doanh nghiệp nhà nước. Thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở. Chú trọng xây dựng tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ xã, phường, thị trấn trong sạch, vững mạnh.

Về tổ chức bộ máy nhà nước

Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, trước hết là Quốc hội theo Hiến pháp và Luật sửa đổi, bổ sung cán bộ có chất lượng cho bộ máy của Quốc hội. Lấy cải cách hành chính làm nội dung trọng tâm của cải cách tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Tập trung xây dựng, cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ, quy chế tổ chức, hoạt động, lề lối làm việc của các cơ quan nhà nước, nhất là

cơ quan hành pháp. Đổi mới tổ chức, nhiệm vụ của tòa án nhân dân và viện kiểm sát nhân dân các cấp theo Luật tổ chức mới.

Củng cố tổ chức bộ máy các đoàn thể và các hội quần chúng, tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước ; đồng thời, tạo điều kiện cho các đoàn thể và hội quần chúng thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định.

Tổ chức tốt việc nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn nhằm xác định mô hình tổ chức của hệ thống chính trị nước ta phù hợp với thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Về công tác cán bộ

Cụ thể hóa hơn nữa nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đồng thời phát huy trách nhiệm của các bộ phận trong hệ thống chính trị và người đứng đầu. Cần sớm làm rõ nội dung và phương thức quản lý của Đảng đối với một số chức danh cán bộ mà quy chế quản lý hiện nay chưa được rõ ràng như : cán bộ có chức danh bổ nhiệm, cán bộ đảng do cấp dưới bầu ra ; cán bộ nhà nước, cán bộ đoàn thể do cấp dưới hoặc cùng cấp bầu ra...

Khắc phục tình trạng trì trệ và những mâu thuẫn trong đội ngũ cán bộ, công chức. Muốn làm tốt được việc này, phải thống nhất quan điểm, chủ trương và phương pháp tiến hành ; phải có quyết tâm cao, có đề án toàn diện, cụ thể, có chính sách đủ mạnh ; đồng thời coi trọng công tác giáo dục, vận động, thuyết phục.

Việc xây dựng quy hoạch, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và luân chuyển cán bộ là một nội dung trọng yếu của công tác cán bộ, quy hoạch cán bộ phải xuất phát từ nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ tổ chức, đánh giá thực trạng và khả năng phát triển của đội ngũ cán bộ, công

chức. Kế hoạch tạo nguồn cán bộ cần chú trọng những cán bộ lãnh đạo trẻ có thành tích xuất sắc trong những năm đổi mới ; những công nhân, nông dân, trí thức ưu tú, cán bộ nữ, con em các gia đình có công với cách mạng có triển vọng, có thành tích trong lao động và công tác ; các sinh viên đại học tốt nghiệp xuất sắc, các cán bộ khoa học trẻ thuộc các lĩnh vực... Trong xây dựng quy hoạch cán bộ thực hiện quan điểm "động" và "mở" với phương châm một cán bộ có thể dự bị cho một số chức danh và mỗi chức danh có thể quy hoạch một số người có khả năng thay thế. Phải định kỳ sơ kết, bổ sung, điều chỉnh nhằm không ngừng nâng cao chất lượng quy hoạch. Bên cạnh đó, cần đẩy nhanh việc cụ thể hóa và thực hiện chiến lược đào tạo cán bộ. Nhà nước cần có kế hoạch tổ chức đào tạo, đào tạo lại và nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, công chức. Đặc biệt chú trọng phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng nhân tài tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp là những thanh niên ưu tú, con em gia đình có công với cách mạng đưa đi đào tạo ở nước ngoài và phải có biện pháp quản lý, giáo dục và sử dụng tốt số cán bộ này.

Các cấp ủy và tổ chức đảng cần tiếp tục quán triệt sâu sắc yêu cầu, nội dung Nghị quyết 11 NQ/TW của Bộ Chính trị về luân chuyển cán bộ, coi đây là một trong những khâu đột phá của công tác cán bộ ; tiến hành xây dựng kế hoạch luân chuyển cán bộ lãnh đạo quản lý ở ngành, địa phương mình. Khắc phục tình trạng khép kín, cục bộ từng ngành, từng địa phương, từng tổ chức. Mọi đảng viên, cán bộ phải phục tùng tuyệt đối quyết định điều động, luân chuyển của Đảng và Nhà nước.

Cải cách tiền lương và các chế độ chính sách đãi ngộ cán bộ, công chức ; nâng mức lương tối thiểu để cán bộ, công chức đủ sống bằng lương. Nâng cao tinh thần trách nhiệm

và đạo đức cán bộ, công chức, đẩy mạnh cuộc đấu tranh đẩy lùi tham nhũng và các biểu hiện tiêu cực khác. Để làm tốt vấn đề này, cần tiếp tục thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và chế độ kê khai tài sản của cán bộ, công chức theo quy định.

- Về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng

Tiếp tục hoàn thiện, cụ thể hóa, xây dựng hệ thống các quy chế về sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, các cơ quan nhà nước và đoàn thể ; các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng. Xây dựng hệ thống các quy chế thống nhất về các mặt hoạt động của Đảng, nhất là bảo đảm thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, đi đôi với tăng cường kỷ cương, kỷ luật. Cải cách phong cách lãnh đạo, phương pháp ra nghị quyết theo hướng ngắn, gọn, rõ ràng. Tăng cường công tác kiểm tra, sát dân, sát cơ sở, sát thực tế.

Tổng kết 10 năm công tác tổ chức và cán bộ theo tinh thần ba nghị quyết trong các cấp, các ngành từ trung ương đến cơ sở bước đầu cho thấy, chúng ta đã đạt được một số kết quả quan trọng về tổ chức, cán bộ và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của sự nghiệp đổi mới, bảo đảm sự ổn định về chính trị - xã hội. Đó là những tiền đề, những căn cứ và bảo đảm cho sự phát triển của đất nước. Song cần tiếp tục khắc phục một cách hiệu quả những khuyết điểm, yếu kém mà nguyên nhân chính là do chưa quán triệt đầy đủ và sâu sắc tinh thần các nghị quyết, sự chỉ đạo thiếu liên tục, thiếu cụ thể. Trong thời gian tới, cần tiếp tục khẳng định nội dung công tác tổ chức và cán bộ đề ra trong các nghị quyết đó là đúng đắn để tiếp tục phấn đấu tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ hơn, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. □

LÀM TỐT HƠN NỮA VIỆC TUYÊN TRUYỀN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG TRÊN CÁC TẠP CHÍ LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

Lời Bộ Biên tập : Ngày 15-6-2002, tại Hà Nội, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương tổ chức cuộc tọa đàm “**Khối tạp chí lý luận chính trị với việc tuyên truyền nghị quyết của Đảng**”. Đồng chí **Nguyễn Khoa Điềm**, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương đã tới dự và phát biểu với cuộc tọa đàm. Tạp chí Cộng sản xin trân trọng giới thiệu bài nói quan trọng này.

KHỐI các tạp chí lý luận chính trị tổ chức buổi tọa đàm bàn việc nâng cao chất lượng tuyên truyền các nghị quyết của Đảng trong tình hình mới là việc làm tích cực, phù hợp với yêu cầu triển khai Nghị quyết về tư tưởng, lý luận mà Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 5 (khóa IX) vừa ban hành. Giai đoạn mới của cách mạng nước ta đang đặt ra yêu cầu rất cao về công tác tuyên truyền tư tưởng, lý luận nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức tư tưởng, chính trị, phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đi lên chủ nghĩa xã hội.

Chúng tôi hoan nghênh Vụ Báo chí - Xuất bản, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, các cơ quan tạp chí lý luận đã nhiệt tình tham dự buổi tọa đàm này. Phải nói rằng, số lượng các nghị quyết của Đảng trong một nhiệm kỳ Đại hội là rất lớn, ngoài Nghị quyết Đại hội IX của

Đảng, chúng ta có các nghị quyết của 14 Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương mà gần như Hội nghị nào cũng có nghị quyết mới. Ngoài ra, các Hội nghị của Bộ Chính trị cũng ban và ra các nghị quyết như Bộ Chính trị vừa ra Nghị quyết 11 về luân chuyển cán bộ. Hội nghị Ban Bí thư cũng ra rất nhiều chỉ thị của Đảng. Ví dụ, mới đây Ban Bí thư ra chỉ thị về phát triển hệ thống y tế cơ sở. Nói như vậy để thấy số lượng các văn kiện của Đảng trong một nhiệm kỳ là rất lớn, đòi hỏi hệ thống báo chí và các cơ quan tuyên truyền lý luận phải làm tốt việc giới thiệu, tuyên truyền nghị quyết của Đảng.

Các tạp chí lý luận chính trị có lợi thế so với hệ thống báo viết, báo nói, báo hình ở chỗ tạp chí vừa có thể làm tốt nhiệm vụ tuyên truyền, vừa có thể đi sâu làm tốt nhiệm vụ nghiên cứu lý luận. Bởi vì tuyên truyền các nghị quyết phải trên cơ sở nghiên cứu phân tích làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của nội

dung nghị quyết, không thể tuyên truyền một cách hời hợt, đơn giản. Tạp chí lý luận chính trị được giao hai chức năng này nên càng có lợi thế. Làm thế nào để các tạp chí lý luận chính trị thực sự đổi mới và nâng cao chất lượng trong tuyên truyền nghị quyết của Đảng, làm tốt hơn nữa việc đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, đồng thời phản ánh những mặt tích cực và những thay đổi theo chiều hướng tích cực của cuộc sống, kịp thời tổng kết thực tiễn, nhạy bén giới thiệu cái mới nảy sinh từ thực tiễn, làm phong phú tư tưởng của Đảng trong chỉ đạo cách mạng là một vấn đề cấp thiết hiện nay. Trách nhiệm to lớn đó đang đòi hỏi các tạp chí phải có những nỗ lực mới. Nghị quyết của Đảng là văn kiện chính trị quan trọng nhất của một chính đảng, vì nó chứa đựng chủ trương lớn về đường lối, chiến lược, sách lược, những giải pháp lớn trong việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Nghị quyết chứa đựng nội dung con đường đi tới của cách mạng nước ta, thể hiện sự phát triển chính trị tư tưởng của Đảng nên tuyên truyền nghị quyết là tuyên truyền cho sự lớn mạnh của Đảng. Do vậy, nhiệm vụ tuyên truyền nghị quyết hiện nay đặt ra yêu cầu rất cao.

Lịch sử hơn 72 năm của Đảng đã khẳng định Đảng ta có rất nhiều nghị quyết quan trọng. Nhiều nghị quyết vạch đường, đánh dấu bước ngoặt lịch sử của cách mạng nước ta. Như các đồng chí đã biết, Nghị quyết đầu tiên của Đảng ta là *Chính cương Vắn tắt, Sách lược vắn tắt* được Bác Hồ trực tiếp soạn thảo và chủ trì thông qua tại Hội nghị hợp nhất thành lập Đảng năm 1930 ; tiếp đó là Nghị quyết 6 Ban Chấp hành Trung ương do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chủ trì năm 1939, đặt vấn đề chuyển hướng chỉ đạo chiến lược đưa Đảng ta vào thời kỳ đẩy mạnh nhiệm vụ giải phóng dân tộc ; Nghị quyết 8 (Bác Hồ chủ trì, năm 1941), chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa

Cách mạng Tháng Tám ; Nghị quyết 15 về đường lối cách mạng miền Nam ; Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng đưa đất nước vào thời kỳ đổi mới... Những nghị quyết trên mang ý nghĩa đánh dấu sự chuyển mình của cách mạng, liên quan đến vận mệnh của dân tộc, của Đảng. Triển khai công tác lý luận chính trị của Đảng, các tạp chí từ khi ra đời đã đáp ứng yêu cầu của cuộc vận động cách mạng ở nước ta. Ví dụ như Tạp chí Cộng sản, cơ quan lý luận hàng đầu của Đảng, có bề dày kinh nghiệm trong công tác tuyên truyền giới thiệu các nghị quyết của Đảng. Các tạp chí đã hình thành được một đội ngũ cán bộ biên tập, phóng viên, cộng tác viên tham gia biên soạn các trang lý luận, giới thiệu trực tiếp nghị quyết của Đảng. Nhìn chung, các tạp chí lý luận chính trị của chúng ta đã được tăng cường về số lượng cũng như trình độ nghiệp vụ, và đã làm tốt công tác tuyên truyền các nghị quyết của Đảng. Tuy nhiên, bước vào thời kỳ mới của cách mạng Việt Nam, việc tuyên truyền nghị quyết của Đảng đang đặt ra nhiều vấn đề ; tôi rất chú ý lắng nghe và thu thập ý kiến của nhiều cơ quan lý luận khác nhau về các vấn đề mà chúng ta quan tâm. Điều đáng vui mừng là Hội nghị tọa đàm hôm nay đã đạt được sự nhất trí về trách nhiệm lớn của hệ thống tạp chí lý luận chính trị trong việc tuyên truyền nghị quyết của Đảng và quyết tâm phải tìm cho được giải pháp, hình thức tốt nhất để tuyên truyền có hiệu quả nghị quyết của Đảng. Sau đây, tôi xin góp với các đồng chí ba vấn đề :

Thứ nhất, tuyên truyền nghị quyết của Đảng là làm những việc gì ?

Tất nhiên, các tạp chí theo chức trách của mình phải công bố toàn văn các nghị quyết hoặc một phần văn kiện nghị quyết ; đăng tải ý kiến chỉ đạo của Đồng chí Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước về chủ

trương thực hiện nghị quyết, coi đó là tiếng nói chính thống của Đảng. Tạp chí phải có các bài giới thiệu, làm sáng tỏ toàn bộ nội dung nghị quyết, hoặc những phần, những vấn đề quan trọng trong từng nghị quyết; làm sáng tỏ các tư tưởng cơ bản cả về lý luận và thực tiễn để từ đó tạo ra nhận thức sâu sắc, khoa học về nghị quyết, qua đó nâng cao năng lực hành động của toàn Đảng, toàn dân. Phải kịp thời phản ánh chương trình hành động của các ngành, các cấp trong triển khai thực hiện nghị quyết, thể hiện thái độ của các ngành, các cấp đối với các nghị quyết của Đảng. Ví dụ, nghị quyết về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thì ngành nông nghiệp nước ta có thái độ như thế nào? Hội Nông dân có quyết tâm như thế nào? Chương trình hành động là những văn bản, kế hoạch thực hiện làm cho nghị quyết đi nhanh vào cuộc sống. Đó là **chiều thông tin** tạp chí đưa nghị quyết vào cuộc sống. Có **chiều thông tin** ngược lại là từ thực tiễn cuộc sống với mặt được và chưa được trong quá trình triển khai Nghị quyết được phản ánh và đăng tải trên tạp chí. Các tạp chí phải làm tốt việc thu lượm tình hình, tổng kết thực tiễn qua việc triển khai thực hiện nghị quyết để thấy mặt thành công và chưa thành công, những vấn đề gì đang đặt ra trong triển khai nghị quyết, đâu là điển hình, nhân tố mới, những mặt trái cần phải xử lý, khắc phục? Đây là **chiều thông tin** rất quan trọng trong tuyên truyền nghị quyết. Bởi lẽ, tuyên truyền nghị quyết không chỉ là việc giải minh, sáng tỏ nghị quyết mà còn làm cho Đảng thấy rõ nghị quyết của Đảng đã được triển khai trong thực tiễn như thế nào, hiệu quả đến đâu, những vấn đề gì còn phải tiếp tục xử lý. Vừa qua, Trung ương đề ra chủ trương đổi mới việc ban hành nghị quyết, nghĩa là không nhất thiết lúc nào cũng ra nghị quyết mới, mà thông qua kiểm điểm tình hình thực hiện nghị quyết đã ban hành để ra kết luận thúc đẩy việc thực hiện nghị quyết tốt hơn. Sắp tới đây, chúng ta

sẽ kiểm điểm ba văn kiện về tổ chức cán bộ, đánh giá tình hình thực hiện thế nào để tiếp tục thúc đẩy công tác xây dựng Đảng. Như vậy, muốn tuyên truyền tốt nghị quyết của Đảng thì các tạp chí phải tích cực tham gia tổng kết thực tiễn thực hiện nghị quyết.

Thứ hai, như thế nào là tuyên truyền nghị quyết có chất lượng?

Tiêu chí đánh giá chất lượng tuyên truyền nghị quyết, theo tôi có ba điểm sau đây: tuyên truyền *thật đúng, thật hay, thật thuyết phục*. Thuyết phục nghĩa là đi vào tâm tư, suy nghĩ của cán bộ, đảng viên để cởi mở thắc mắc, giúp họ tự nguyện tiếp nhận chủ trương mới của Đảng, “tâm phục, khẩu phục”, tán thành nghị quyết của Đảng và quyết tâm thực hiện. Nói một cách khác, nghị quyết được tuyên truyền trên các tạp chí là sự mở ra nhận thức mới, là một quá trình nâng cao trách nhiệm, ý chí, tình cảm của người nghiên cứu nghị quyết. Tạp chí phải phấn đấu theo hướng như vậy, không dừng lại ở sao chép, phổ biến chung chung nghị quyết của Đảng. Phải mở ra cách xem xét mới, nâng cao tầm hiểu biết, đồng thời thôi thúc lương tâm, trách nhiệm, ý chí cán bộ, đảng viên trong thực hiện nghị quyết. Để đạt được việc đó, các bài viết trên tạp chí phải thể hiện được sự gắn bó giữa lý luận và thực tiễn, giữa chủ trương, nhiệm vụ và việc nâng cao nhận thức, tư tưởng tình cảm. Muốn vậy, phải giúp các tạp chí được tham gia ngay từ bước khởi thảo nghị quyết của Đảng, chứ không phải sau khi có nghị quyết mới bắt đầu công việc. Chẳng hạn, sắp tới đây, Trung ương sẽ có Hội nghị kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 về khoa học, công nghệ và giáo dục đào tạo. Nếu các tạp chí tham gia từ đầu về vấn đề này, nghĩa là tạp chí phải tham gia thảo luận, phản ánh tình hình, chuẩn bị cho xã hội cũng như các đồng chí lãnh đạo của Đảng nắm bắt được tình hình mới xung quanh vấn đề khoa học,

giáo dục để sau đó có cơ sở tuyên truyền các kết luận Hội nghị được sâu sắc hơn. Tạp chí cần phải làm sớm, chủ động trong việc tuyên truyền nghị quyết, không thụ động đợi có nghị quyết rồi mới làm ; giải quyết cho được nhận thức, nhất là những mắc mứu trong tư tưởng hiện nay của cán bộ, đảng viên khi tiếp nhận nghị quyết, từ đó nâng cao phẩm chất, ý chí tinh thần của người cán bộ, đảng viên trong quán triệt nghị quyết. Hiện nay, chúng ta mới chỉ tuyên truyền nghị quyết một chiều. Cứ giới thiệu, người nghe tiếp thu hay không, không cần biết. Tuyên truyền cần gắn với các đối tượng cụ thể ít nhiều có mắc mứu tâm tư, từ đó tháo gỡ những khâu gì, điểm gì mà người ta chưa thông. Tuyên truyền thực sự giải quyết được tư tưởng chứ không phải chỉ truyền đạt một chiều từ trên xuống.

Tuyên truyền gắn với đấu tranh chống tiêu cực, chống các quan điểm sai trái và tư tưởng thù địch ; đồng thời giới thiệu các nhân tố mới, điển hình tích cực trong cuộc sống, bắt kịp những tiến bộ của khoa học, công nghệ hiện đại, của trí tuệ văn minh nhân loại, tìm kiếm các phong cách, những hình thức trình bày, giới thiệu phong phú, đa dạng, hấp dẫn. Tôi nghĩ rằng, tuyên truyền nghị quyết cần có những bài rất chững chạc, mặt khác cũng cần chấp nhận các thể tài sinh động phong phú, như : đối thoại, trao đổi, phỏng vấn... Về lĩnh vực kinh tế, có thể mời một số nhà khoa học kinh tế xuất sắc phỏng vấn trao đổi, mạn đàm. Rất cần loại bài này trên tạp chí lý luận chính trị, không nên quan niệm tạp chí lý luận chính trị chỉ viết chính luận mà từ bỏ những phương thức tuyên truyền trên, thậm chí có thể suy nghĩ đến cả hình thức bút ký chính luận, viết một cách mềm mỏng nhưng có sức hấp dẫn để bày tỏ thái độ của người trí thức trước các vấn kiện của Đảng. Người ta có thể viết tâm trạng của mình về những vấn đề mà Đảng đang đề cập. Như thế loại bài này sẽ sinh động, phong phú, đa dạng, tạo cơ hội cho độc giả tiếp nhận

nghị quyết của Đảng. Tất nhiên, sử dụng bài vở như thế nào cho phù hợp với tính chất, khuôn khổ của từng tạp chí, chúng ta cần bàn kỹ chứ không phải cái gì cũng đưa vào tạp chí.

Thứ ba, muốn làm tốt việc tuyên truyền nghị quyết chúng ta phải làm gì ?

Tôi đồng ý với ý kiến phát biểu của một số đồng chí là trước hết cần xác định rõ tôn chỉ, mục đích của các tạp chí thì mới làm tốt được công tác tuyên truyền nghị quyết của Đảng. Bởi vì, mỗi tạp chí có chức năng, nhiệm vụ riêng đòi hỏi lựa chọn nội dung và phong cách trình bày khác nhau. Có tạp chí có tính "hàn lâm", đi vào học thuật chuyên môn sâu ; có tạp chí mang tính chất tuyên truyền đường lối chính trị ; có tạp chí đi sâu chỉ đạo nghiệp vụ... Cho nên, tùy theo tôn chỉ, mục đích và phong cách của từng tạp chí để chọn cách tốt nhất tuyên truyền giới thiệu nghị quyết. Nhưng cách nào đi nữa thì cũng phải làm thật tốt việc giới thiệu cho được nội dung chủ yếu, cơ bản của nghị quyết, làm sáng tỏ các lĩnh vực mà hiện nay Đảng ta cũng như xã hội đang quan tâm. Tuyên truyền nghị quyết phải tính tới yêu cầu phát triển của phong trào, không phải tuyên truyền để tuyên truyền. Vấn đề lựa chọn "điểm nóng", đầu tư cho những bài vở sắc bén, có tính chiến đấu cao là yêu cầu hiện nay đối với các Ban Biên tập. Đồng chí Tổng biên tập và Ban Biên tập cần thường xuyên bàn bạc, lựa chọn vấn đề gì để tuyên truyền, giới thiệu. Bên cạnh số bài chung nhất để mọi người hiểu biết chung về nghị quyết, là những bài đề cập đến những vấn đề đang đặt ra trong thực tiễn. Nội dung từng số tạp chí thể hiện trình độ của Ban Biên tập, Tổng Biên tập. Như hiện nay, trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch, các "điểm nóng" nổi lên ở một vài nơi, tạp chí có bài gì để xử lý tình hình này ? Rõ ràng, Ban Biên tập phải suy nghĩ, không thể cho rằng tạp chí lý luận chính trị thì không cần bàn về tình hình thời sự. Sức sống

của tạp chí chính là gắn nghị quyết của Đảng với thực tiễn. Nếu không, chắc chắn tuyên truyền nghị quyết sẽ thiếu sức thuyết phục, hấp dẫn. Chúng tôi rất mong các đồng chí nghiên cứu sâu, xác định nhiệm vụ, chương trình tuyên truyền cụ thể của tạp chí.

Các tạp chí cần bám sát chương trình xây dựng nghị quyết của Đảng để chuẩn bị chương trình tuyên truyền lý luận. Chẳng hạn, để tuyên truyền nghị quyết về công tác tổ chức cán bộ cũng phải chuẩn bị trước vài tháng, cử người thâm nhập thực tế, đầu tư suy nghĩ mới hy vọng có bài vở chất lượng. Tạp chí lý luận chính trị đòi hỏi tri thức khoa học thật nghiêm túc.

Có hai việc cần xử lý để nâng cao chất lượng tuyên truyền. *Thứ nhất*, phát huy tự do tư tưởng đi đôi với nâng cao định hướng chính trị và kỷ luật thông tin như thế nào? Các tạp chí phải có trách nhiệm phát huy tự do tư tưởng, phát huy dân chủ trong nghiên cứu lý luận hiện nay. Điều này đã ghi trong Nghị quyết Trung ương 5 về công tác tư tưởng, lý luận. Rõ ràng, tuyên truyền phải có kỷ cương, định hướng, nhưng việc phát huy tự do tư tưởng là để tạo ra những trang viết sâu hơn, sắc bén hơn về nghị quyết của Đảng. Sắp tới, chúng ta cần hình thành quy chế về công tác tuyên truyền của các tạp chí lý luận chính trị. Chẳng hạn, bài viết có ý kiến mới mẻ so với văn kiện của Đảng, tạp chí có cho đăng không? Lâu nay, một số tạp chí đã tiếp nhận loại bài viết như vậy và đưa vào mục trao đổi, tham khảo, thảo luận. Như vậy, sẽ giảm nhẹ tính chính thức của bài báo đó, tăng thêm sự trao đổi rộng rãi các ý kiến khác nhau. Tôi cho rằng, xử lý vấn đề trên cần có quy chế, như quy chế về dân chủ trong công tác lý luận đang được giao cho Hội đồng Lý luận Trung ương soạn thảo. Được như vậy, hoạt động lý luận của mỗi tạp chí sinh động hơn, có sự suy nghĩ, tìm tòi, đóng góp ý kiến của nhiều

cán bộ, đảng viên, những người nghiên cứu. *Thứ hai*, phải nói và làm theo nghị quyết, vậy thì phản ánh những vấn đề mới mà nghị quyết chưa đề cập như thế nào? Phải khẳng định đã có nghị quyết thì phải nói và làm theo nghị quyết của Đảng. Các tạp chí phải tuân thủ nguyên tắc đó. Nhưng khi vấn đề đang xem xét, thảo luận thì các tạp chí cần mở rộng sự trao đổi, tranh luận. Ví dụ, khi bàn về nghị quyết khoa học, công nghệ, giáo dục đào tạo nếu đang thời điểm thảo luận thì mọi người đều được trình bày ý kiến của mình. Đó là quyền dân chủ trong đóng góp xây dựng nghị quyết, nhưng khi có nghị quyết rồi thì không thể đăng những bài có quan điểm trái với nghị quyết. Để tạp chí ngày càng sinh động hơn, tôi rất mong tạp chí phải có thảo luận, tranh luận bàn cãi sôi nổi, đi tới những kết luận đúng đắn, nâng cao chất lượng học thuật của tạp chí. Điểm nữa, để nâng cao chất lượng của tạp chí cần có sự phân công, bố trí lực lượng nghiên cứu, lực lượng biên tập trong tạp chí thật chặt chẽ, khoa học, để cho các đồng chí có điều kiện đi sâu tìm hiểu lĩnh vực mà các nghị quyết của Đảng đặt ra. Vừa qua, Tạp chí Cộng sản đã coi trọng việc thâm nhập thực tiễn, tích cực quan hệ với các địa phương để cho đội ngũ biên tập viên, phóng viên, cộng tác viên của Tạp chí hiểu vấn đề sâu hơn, nắm tình hình thực tiễn kỹ hơn. Đây là phương pháp, phong cách làm việc đúng đắn mà các tạp chí cần nghiên cứu, triển khai. Cuối cùng, tôi nghĩ rằng, nên có hình thức khen thưởng, động viên các cộng tác viên, phóng viên có nhiều bài viết hay tuyên truyền nghị quyết của Đảng. Việc tuyên truyền nghị quyết của Đảng là rất khó, vì tuyên truyền vừa phải đúng, vừa phải hay và có sức thuyết phục. Chúng ta có yêu cầu nâng cao chất lượng hệ thống tạp chí lý luận chính trị trong công tác tuyên truyền nghiên cứu lý luận; mặt khác, cần đầu tư kỹ hơn cho tuyên truyền các nghị quyết của Đảng. □

THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG THAM Ô, LÃNG PHÍ, CHỐNG BỆNH QUAN LIÊU THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ DOAN*

VÀO một ngày tháng sáu năm 1952, Bác Hồ đã viết tác phẩm *Thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu* ⁽¹⁾.

Bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ rất phức tạp, do bị thất bại trong chiến lược "đánh nhanh, thắng nhanh", nên thực dân Pháp bắt đầu thi hành chính sách nguy hiểm "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt trị người Việt". Nguy hiểm nhất là từ năm 1950, thực dân Pháp đã cầu cứu đế quốc Mỹ. Từ đó, Mỹ tiến thêm một bước, trực tiếp can thiệp vào nước ta. Bởi vậy, trong *Lời kêu gọi nhân dịp kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám và ngày Độc lập* (1950), Bác viết : "Thế là ngày nay ta đã có một kẻ địch chính là giặc Pháp lại thêm một kẻ địch nữa là bọn can thiệp Mỹ" ⁽²⁾.

Trong bối cảnh thù trong, giặc ngoài cấu kết phá hoại cách mạng Việt Nam một cách trực tiếp, trắng trợn và nguy hiểm như vậy, Nhà nước Công - Nông đầu tiên ở Đông Nam Á mới chưa đầy 7 tuổi, nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát động phong trào tẩy trừ bệnh quan liêu, tham ô, lãng phí, làm cho bộ máy chính quyền trong sạch, thật sự là chính quyền của dân, do dân và vì dân.

Tác phẩm *Thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu* là một bài nói chuyện nhân dịp có phong trào sản xuất và tiết kiệm. Nội dung tác phẩm có 3 phần chính :

1. Tiết kiệm
2. Phải tẩy sạch nạn tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu
3. Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu là kẻ thù của nhân dân

Bằng một lối hành văn rất ngắn gọn, nhưng sâu sắc và súc tích, Bác chỉ ra bản chất của tiết kiệm bằng cách đặt ra những câu hỏi : Tiết kiệm là gì? ; Vì sao phải tiết kiệm? ; Tiết kiệm những gì? ; Ai cần phải tiết kiệm? Rồi Bác trả lời : "Tiết kiệm không phải là bủn xỉn, không phải là "xem đồng tiền to bằng cái nóng", gặp việc đáng làm cũng không làm, đáng tiêu cũng không tiêu". Và "tiết kiệm cốt để giúp vào tăng gia sản xuất, mà tăng gia sản

* PGS, TS Kinh tế, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm UBKT Trung ương

(1) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 6, tr 484 - 502 (những phần trích dẫn tiếp theo không có chú thích chính là từ tác phẩm này)

(2) Hồ Chí Minh : *Sổ đ*, t 6, tr 81

xuất là để dần dần nâng cao mức sống của bộ đội, cán bộ và nhân dân".

Muốn xây dựng kinh tế, thì phải có tiền, của để làm vốn. Trong khi đó chúng ta không thể vay mượn nước ngoài, ăn cướp của các thuộc địa, bóc lột công nhân, nông dân như các nước tư bản. Bởi vậy, theo Bác trong bối cảnh lúc bấy giờ : "Chúng ta chỉ có cách là một mặt tăng gia sản xuất, một mặt *tiết kiệm* để tích trữ thêm vốn cho công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế của ta".

Bác chỉ ra những gì cần phải tiết kiệm thật là cụ thể, đó là sức lao động, thời giờ, tiền của. Chẳng hạn, từ việc sử dụng lại cái phong bì trong hoạt động hành chính, tiết kiệm viên đạn của bộ đội đến tiết kiệm thời gian trong công tác của cán bộ tư pháp. Bác nói : "Nếu cán bộ tư pháp nâng cao năng suất, làm việc mau chóng, thì sẽ giúp đồng bào có việc đến tư pháp tiết kiệm được ngày giờ, để tăng gia sản xuất". Nghĩa là, sự tiết kiệm luôn luôn nằm trong một chỉnh thể xã hội - kinh tế - chính trị liên quan đến tất cả mọi người, mọi vị trí công việc. Theo Bác, ai ai cũng cần tiết kiệm, có đối tượng cụ thể là công việc của mình như thế thì tiết kiệm cái gì được, nhưng qua sự chỉ bảo của Bác thì thấy là cụ thể và dễ hiểu. Bác kết luận "Ai cũng có thể và cũng nên tiết kiệm". Mỗi người tiết kiệm được một ít, nhưng cả nước góp lại tiết kiệm được rất nhiều. Ngày nay, trong cải cách hành chính, chúng ta đang cố gắng, nếu không nói là trầy trật, để đơn giản hóa các thủ tục (một cửa, một dấu) tránh gây phiền hà cho nhân dân, nhưng mấy ai nghĩ rằng, đó cũng là tiết kiệm tiền của để dựng xây đất nước. Trong không ít trường hợp, chính sự phiền hà, hạch sách, những nhiều nhân dân lại chính là để số quan chức thoái hóa, biến chất kiếm lợi bất chính từ chính đồng bào mình.

Phần lớn nội dung của tác phẩm (2 mục chính trong toàn bộ 3 mục), Bác đề cập đến

việc chống nạn tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu. Ngày nay có người, có lúc đã lầm tưởng rằng chỉ có quan chức mới có thể tham ô, nhưng theo Bác nhân dân mà "ăn cắp của công, khai gian, lậu thuế" cũng là tham ô. Cả ba nạn trên đều đã được Bác vạch rõ bản chất, và sâu sắc hơn nữa là Bác đã phân tích chúng trong mối liên hệ nhân quả với nhau làm cho người đọc càng đọc càng thấm thía và liên hệ được ngay với những việc mình đang làm. Bác viết : "*Tham ô là trộm cướp*. Lãng phí tuy không lấy của công dứt túi, song kết quả cũng rất tai hại cho nhân dân, cho Chính phủ. Có khi tai hại hơn nạn tham ô".

"Mà có nạn tham ô và lãng phí là vì **bệnh quan liêu**", "(...) vì những người và những cơ quan lãnh đạo mắc bệnh quan liêu thành thử có mắt mà không thấy suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững. Kết quả là những người xấu, những cán bộ kém tha hồ tham ô, lãng phí.

Thế là bệnh quan liêu đã áp ủ, dung túng, che chở cho nạn tham ô, lãng phí. Vì vậy, muốn trừ sạch nạn tham ô, lãng phí, thì trước mắt phải tẩy sạch bệnh quan liêu".

Phần 2 đã được viết vắn vẹn hơn hai trên tổng số 19 trang sách, trong khi Bác đã dành phần lớn bài viết (13/19 trang) tập trung phân tích kỹ phần 3 : "Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu là kẻ thù của nhân dân". Bác khẳng định đây là : "Kẻ thù khá nguy hiểm, vì nó không mang gươm mang súng, mà nó nằm trong các tổ chức của ta, để làm hỏng công việc của ta" và "(...) dù cố ý hay không, cũng là *bạn đồng minh* của thực dân và phong kiến", "tội ấy cũng nặng như tội lỗi Việt gian, mật thám". Sự phá hoại của chúng là toàn diện "(...) phá hoại tinh thần, phi phạm sức lực, tiêu hao của cải của Chính phủ và của nhân dân".

Cho nên chống tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu cũng quan trọng và cần kíp như việc đánh giặc trên mặt trận. Bác chỉ rõ: "*Đây là mặt trận tư tưởng và chính trị*" và vạch kế hoạch cụ thể để tổ chức đấu tranh chống tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu, theo các bước, như sau :

Bước đầu là đánh thông tư tưởng, là để mọi người đều hiểu về tác hại, nguy hiểm của tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu, vì sao phải chống nạn ấy. Đa thông tư tưởng có nghĩa là "*Để sửa chữa những ý nghĩ sai lầm, như :*

- Tham ô là có tội, song lãng phí chỉ là khuyết điểm.

- Những người có công với cách mạng, thì tham ô, lãng phí chút đỉnh, cũng nên tha thứ cho họ.

- Nước ta nghèo, không có gì mà tiết kiệm. Cơ quan ta không có gì mà lãng phí.

- Không phải cơ quan kinh tế tài chính, thì không có gì mà tham ô, lãng phí, v.v..

Để yên định những lo ngại không đúng, như :

- "Một sự nhện, chín sự lành", kiểm thảo lẫn nhau làm gì.

- Tự nhận sai lầm mình sợ mất thể diện, mất uy tín, sợ bị phạt, v.v..

- Chỉ trích lỗi của người sẽ mất đoàn kết.

- Ai tham ô, lãng phí mặc ai, mình không tham ô, lãng phí thì thôi.

- Nói thật mất lòng, sẽ bị bầu bạn ghét, bị cấp trên trừ, v. v.."

Bước thứ hai, sau khi đã hiểu thấu thì chia tổ để nghiên cứu tài liệu (Bác thống kê một số tài liệu quan trọng), để vừa nghiên cứu, vừa thật thà tự kiểm thảo và giúp nhau kiểm thảo để tự liên hệ lại mình. Bác khuyên : "Tự kiểm thảo và kiểm thảo người khác phải thật thà, phải dựa vào sự thực, phải đào tận gốc rễ những khuyết điểm. Không nên thoa vẽ, che giấu. Không nên "ít thít ra nhiều", càng không nên nói việc nhỏ bỏ việc lớn, nói việc

cũ quên việc mới". Trong quá trình thực hiện phê và tự phê, phải vừa nêu rõ khuyết điểm, vừa phân tích tư tưởng. Chỉ trích những khuyết điểm, khen ngợi những ưu điểm. Tiến hành từ tiểu tổ đến khai hội toàn thể đơn vị hoặc cơ quan, chọn người để *xung phong* tự kiểm thảo trong các buổi khai hội đó.

Bước thứ ba, khai hội kiểm thảo chung để giải quyết các vấn đề, giải thích các thắc mắc, sửa chữa những khuyết điểm trong phong trào kiểm thảo... và bầu ban lãnh đạo phong trào, chia thành tiểu tổ để điều tra kho tàng, điều tra sổ sách, v. v., đồng thời giúp các bộ phận ấy kiểm thảo.

Tóm lại, Bác đã chỉ ra cách thức tiến hành, các bước đi rất cụ thể trong đấu tranh chống tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu, mà ngày nay trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu chúng ta cần học tập và thực hiện một cách nghiêm túc. Đối với Bác, việc chống tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu là kiên quyết và cần kíp "như đánh giặc ngoại xâm", như chống lại "kẻ thù của nhân dân"..., nhưng vẫn ngời sáng bản chất cách mạng và nhân đạo cao cả. Bác viết " Trong phong trào chống tham ô, lãng phí, quan liêu, *giáo dục là chính, trừng phạt là phụ...*".

Bác đề cập hai nội dung : Thứ nhất, "*Chống tham ô, lãng phí, quan liêu là cách mạng*". Bác cho rằng, tham ô, lãng phí, quan liêu là nọc xấu của thực dân, phong kiến, và là những xấu xa của xã hội cũ do lòng tự tư tự lợi, ích kỷ hại nhân mà ra, do chế độ người bóc lột người mà ra. Nọc xấu ấy ngấm ngấm ngăn trở, ngấm ngấm phá hoại sự nghiệp xây dựng của cách mạng. Thứ hai, Bác cho rằng : "*Chống tham ô, lãng phí, quan liêu là dân chủ*". Bác đề cập đến hình thức cụ thể của dân chủ tập trung, đó là "Chiến sĩ gửi tính mệnh mình, đồng bào gửi công, gửi của mình trong tay Chính phủ và Đoàn thể, để kháng chiến kiến quốc". Chính phủ và Đoàn thể giao cho cán bộ cái quyền điều khiển bộ đội, sử dụng tiền của trong công cuộc

kháng chiến kiến quốc. Nhiệm vụ của cán bộ là chăm nom, yêu mến mỗi một chiến sĩ; quý trọng, tiết kiệm mỗi một đồng tiền, một bát gạo, một giờ công của đồng bào. Đồng thời, chiến sĩ và đồng bào, một mặt hoàn toàn có quyền đòi hỏi cán bộ phải làm tròn nhiệm vụ, mặt khác cũng có quyền phê bình, chỉ trích những cán bộ không làm tròn nhiệm vụ đó. Bản chất dân chủ của chế độ mới còn thể hiện rất rõ và rất cụ thể khi xác định vai trò của quần chúng nhân dân trong phong trào chống tham ô, lãng phí, quan liêu. Bác viết: "Dân chủ là dựa vào lực lượng quần chúng, đi đúng đường lối quần chúng. Cho nên phong trào chống tham ô, lãng phí, quan liêu *ắt phải dựa vào lực lượng quần chúng* thì mới thành công." Và "Quần chúng tham gia càng đông, thành công càng đầy đủ, mau chóng."

Bác chỉ rõ "Tham ô, lãng phí, quan liêu là một thứ *"giặc trong lòng"*. Nếu chiến sĩ và nhân dân ra sức chống giặc ngoại xâm mà quên *chống giặc nội xâm*, như thế là chưa làm tròn nhiệm vụ của mình." Do đó, Bác cho rằng: "(...) Thắng lợi trong phong trào này sẽ giúp chúng ta đoàn kết hơn nữa, nâng cao năng suất hơn nữa. Nó giúp cán bộ ta cải tạo tư tưởng, nâng cao giác ngộ, thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật thà phụng sự bộ đội và nhân dân. Nó giúp chính quyền ta thành một chính quyền trong sạch, xứng đáng với lòng tin tưởng và sự hy sinh của chiến sĩ và đồng bào..."

50 năm sau đọc lại và suy ngẫm tác phẩm *Thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu* chúng ta càng thấy có lỗi nhiều trước khát vọng của Bác. Cuộc đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu của chúng ta tuy đã có được một số kết quả bước đầu, nhưng quy mô của nó chưa bị thu hẹp; tính nguy hiểm, tính gay go và ác liệt của nó chưa có dấu hiệu suy giảm.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban chấp hành Trung ương khóa VIII đã

nhận định: "(...) Trong Đảng đang bộc lộ một số yếu kém: sự suy thoái về tư tưởng chính trị; tình trạng tham nhũng, quan liêu, lãng phí của một bộ phận cán bộ, đảng viên có chiều hướng phát triển nghiêm trọng hơn. Việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ không nghiêm, bộ máy tổ chức của Đảng và Nhà nước chậm được củng cố và đổi mới."⁽³⁾. Nghị quyết Đại hội IX của Đảng tiếp tục nhấn mạnh: "*Tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng*. Nạn tham nhũng kéo dài trong bộ máy của hệ thống chính trị và trong nhiều tổ chức kinh tế là một nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta. Tình trạng lãng phí, quan liêu còn khá phổ biến"⁽⁴⁾.

Ngày nay, tham nhũng, quan liêu chẳng những là một nguy cơ mà đã thực sự trở thành một hiểm họa trong thực tế. Nó không những đã trở thành quốc nạn, mà còn là nguyên nhân số một của các nguy cơ khác và "điều đáng lo sợ nhất là "diễn biến hòa bình từ nội bộ Đảng ta"⁽⁵⁾.

Trước những vụ, việc đã và đang được phơi bày ra ánh sáng gần đây, đọc lại và suy ngẫm Tác phẩm của Bác về thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu, chúng tôi thấy cần làm tốt mấy vấn đề chính yếu, như sau:

- *Một là*, phải kiên quyết tiếp tục thực hiện triệt để cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã được phát động từ 19-5-1999 theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu

(Xem tiếp trang 28)

(3) Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban chấp hành Trung ương khóa VIII. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999, tr 24

(4) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 76

(5) Phạm Văn Đồng, *Tạp chí Cộng sản*, số 10, tháng 5-1999, tr 5



THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ "VỀ CÔNG TÁC LÝ LUẬN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY"

PHẠM NGỌC QUANG *

Nói tới công tác lý luận là nói tới nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn ; giáo dục lý luận, tuyên truyền lý luận ; đấu tranh trên lĩnh vực lý luận ; đào tạo và sử dụng cán bộ lý luận ; tổ chức các cơ quan làm công tác lý luận và chỉ đạo hoạt động của các cơ quan đó.

Xét trên những phương diện đó, công tác lý luận của Đảng ta kể từ sau Nghị quyết 01-NQ/TU, ngày 28-3-1992, của Bộ Chính trị *Về công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay*, đến nay đã có nhiều thành tựu rất quan trọng.

Để đưa Nghị quyết nêu trên vào cuộc sống và hoàn thiện thêm một bước quan niệm về công tác lý luận, Đảng ta đã ra Nghị quyết của Bộ Chính trị *Về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay*. Vấn đề công tác lý luận của Đảng cũng được làm rõ trong Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) *Về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000*, *Về định hướng*

chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000, trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) *Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc, dân tộc*, trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) *Về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng đảng hiện nay*,...

Để góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh tư tưởng - lý luận trước những diễn biến phức tạp trên lĩnh vực này, Đảng ta đã có chủ trương *bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng, đấu tranh chống các luận điệu sai trái và chống những người cơ hội về chính trị và bọn phản động* (Báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị Trung ương ba khóa VIII), Chỉ thị *Về việc nói và viết những vấn đề liên quan đến lịch sử và các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước*, Kết luận Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) *Về đấu tranh chống các quan điểm sai trái, bảo vệ Cương lĩnh, Điều lệ và đường lối*

* GS, TS, Học Viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

của Đảng. Trên đây là khái quát một số văn kiện quan trọng của Đảng về công tác lý luận hiện nay.

Để nâng cao hiệu quả công tác lý luận của Đảng, chúng ta cũng chủ trương hoàn thiện hệ thống tổ chức bộ máy làm công tác lý luận, trước hết là hệ thống trường đảng. Liên quan tới vấn đề này, Đảng ta có Thông tri hướng dẫn thi hành quyết định số 61-QĐ/TU ngày 10-3-1993 của Bộ Chính trị *Về việc sắp xếp lại các trường đảng Trung ương chuyển thành Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Quyết định Thành lập trường chính trị cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Quyết định Về việc tổ chức trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện.*

Ý thức rõ năng lực lý luận của Đảng phải được thể hiện ở từng cán bộ, đảng viên, Đảng ta đã có Quy định *Về chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng.*

Năng lực lý luận của Đảng có tác động mạnh mẽ tới năng lực lý luận của xã hội ; ngược lại, năng lực lý luận của xã hội tạo nền cho việc nâng cao năng lực lý luận của Đảng. Để góp phần nâng cao năng lực lý luận trong xã hội, Đảng ta đã có Thông báo *Ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị về đề án nâng cao chất lượng và hiệu quả giảng dạy, học tập các bộ môn khoa học Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường đại học và cao đẳng, Thông báo Ý kiến của Ban Bí thư về việc mở lớp bồi dưỡng lý luận cho đội ngũ giáo viên.*

Qua việc điểm lại một cách khái quát những hoạt động trên cho thấy, trong 10 năm qua Đảng ta đã có nhiều chủ trương, nghị quyết về công tác lý luận, về việc nâng cao chất lượng công tác lý luận của Đảng, về đấu tranh chống lại những tư tưởng - lý luận sai trái, về nâng cao lý luận trong xã hội.

Trong chỉ đạo công tác lý luận, đã nhấn mạnh sự cần thiết của việc định hướng nghiên cứu lý luận vào việc giải quyết những vấn đề bức xúc mà công cuộc đổi mới đặt ra ; nâng cao trách nhiệm của các cơ quan khoa học trong việc tổng kết thực tiễn nhằm rút ra những vấn đề lý luận, những bài học kinh nghiệm cần thiết để tiếp tục hoàn thiện và nâng cao năng lực tổ chức thực tiễn của Đảng.

Trên cơ sở bảo đảm tăng cường vai trò nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đã khuyến khích những tìm tòi có trách nhiệm vì sự phát triển của đất nước. Do vậy, bước đầu đã khởi động được bầu không khí đối thoại, trước hết trong một số hội thảo khoa học. Việc dân chủ hóa quá trình nghiên cứu lý luận đã có bước tiến nhất định.

Từ Đại hội VIII, nhất là từ khi ra Nghị quyết Hội nghị Trung ương ba (khóa VIII) *Về chiến lược cán bộ của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Đảng ta đã nhấn mạnh nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trước hết là đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt trong hệ thống chính trị các cấp. Việc học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị được thực hiện gắn với việc tiêu chuẩn hóa đối với cán bộ, đảng viên các cấp, các ngành trong mọi lĩnh vực hoạt động xã hội. Kết quả học tập lý luận chính trị là một trong những tiêu chuẩn để xem xét, đánh giá, sử dụng và thực hiện chính sách đối với cán bộ, đánh giá tư cách đảng viên và tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh.

Nhờ coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lý luận của Đảng, năng lực lý luận của cán bộ được nâng lên ; đội ngũ cán bộ làm công tác lý luận được tăng cường cả về chất lượng và số lượng.

Để nâng cao hiệu quả chỉ đạo công tác lý luận, *Hội đồng Lý luận Trung ương* đã được thành lập. Nhờ vậy, *công tác tư vấn cho Trung ương* về những vấn đề lý luận của quá trình đổi mới có hiệu quả thiết thực hơn ; việc *chỉ đạo triển khai các chương trình trọng điểm* về khoa học xã hội và nhân văn có chất lượng hơn. Kết quả nghiên cứu của nhiều chương trình, đề tài khoa học đã góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoàn thiện đường lối, chủ trương, chính sách đổi mới trên nhiều lĩnh vực quan trọng của đất nước. Nhiều cơ quan làm công tác lý luận đã được tham gia vào quá trình hoạch định và hoàn thiện cũng như triển khai đường lối, chủ trương, chính sách đổi mới của Đảng, Nhà nước.

Giao lưu khoa học trong và ngoài nước được xem trọng hơn ...

Có được những thành tựu to lớn nêu trên, một phần quan trọng nhờ sự lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực công tác lý luận bước đầu được đổi mới ; cơ chế quản lý công tác nghiên cứu lý luận của Nhà nước đã được luật hóa ; đầu tư cho nghiên cứu lý luận được nâng lên ; các cơ quan làm công tác lý luận được tăng cường ; đội ngũ làm công tác lý luận ngày càng có trình độ cao hơn.

Trong khi tự hào về tất cả những gì đã đạt được, chúng ta cũng càng ý thức sâu sắc *những hạn chế* còn tồn tại trên lĩnh vực công tác quan trọng này.

Trong công tác lý luận, chúng ta chưa tạo ra được một bầu không khí thực sự dân chủ sâu rộng ; đối thoại trên lĩnh vực lý luận còn chưa có bước phát triển ở mức cần thiết ; quan niệm về sự thống nhất trong tư tưởng - lý luận còn thiếu tính biện chứng ; chưa hiểu hết vai trò động lực phát triển lý luận của sự tranh luận nghiêm túc, dân chủ.

Vai trò của một số trung tâm làm công tác lý luận còn chưa thật nổi bật ; sự phối - kết hợp giữa các cơ quan làm công tác lý luận trong nước chưa thật tốt ; quan hệ quốc tế trên lĩnh vực công tác lý luận còn chưa được xem trọng đúng mức.

Công tác bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ chuyên gia trên lĩnh vực công tác lý luận làm chưa tốt. Đội ngũ này vốn đã ít lại không được phát huy có hiệu quả. Đây là một nguyên nhân quan trọng dẫn tới tình trạng nhiều vấn đề cấp bách trong lý luận và thực tiễn chưa được tổng kết, chưa được giải đáp thật sự khoa học.

Công tác giáo dục lý luận chậm được đổi mới cả nội dung và hình thức ; có xu hướng chạy theo chỉ tiêu số lượng, chạy theo bằng cấp lý luận một cách thiếu thực chất. Phương thức đào tạo, phương pháp giảng dạy các môn lý luận còn lạc hậu, chưa kết hợp chặt chẽ giữa học tập lý luận với thực tiễn, với rèn luyện đạo đức, tác phong, giữa việc tiếp thu tri thức lý luận với việc vận dụng những tri thức đó để lý giải những vấn đề, để giải quyết những mâu thuẫn mới trong đời sống xã hội và tổ chức các hoạt động thực tiễn để giải quyết những mâu thuẫn đó. Trong chương trình các lớp đào tạo và bồi dưỡng lý luận phần lớn là các bài giảng lý thuyết, ít có những báo cáo chuyên đề đề cập trực tiếp những vấn đề cấp bách đang diễn ra trong đời sống ; ít có những cuộc thảo luận, hội thảo để người học trình bày những quan niệm, những kiến nghị của mình. Khâu nghiên cứu, điều tra và thực hành trong thực tế thường bị coi nhẹ và mang nặng tính hình thức. Cả nội dung và phương pháp đào tạo không kích thích, phát huy được tính tích cực, sáng tạo của người học, do đó, không đáp ứng được yêu cầu của giai đoạn cách mạng hiện nay đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng người cán bộ

lãnh đạo, quản lý, cán bộ nghiên cứu lý luận chính trị.

Đầu tư cho nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn chưa thỏa đáng; chính sách cho cán bộ làm lý luận chậm được đổi mới, vẫn còn không ít chính sách khuyến khích những nhà lý luận chuyển sang làm quản lý hơn là yên tâm phấn đấu thành chuyên gia trên lĩnh vực lý luận.

Ngoài những nguyên nhân khách quan, những yếu kém trên đây của công tác lý luận trước hết và chủ yếu do những hạn chế của nhân tố chủ quan.

Việc nghiên cứu lý luận chưa bám sát sát đòi hỏi của thực tiễn nên kết quả nghiên cứu chưa có vai trò lớn giúp nâng cao hiệu quả hoạt động thực tiễn. Chính vì vậy, động lực cho việc nghiên cứu lý luận còn yếu.

Đội ngũ cán bộ làm công tác lý luận vừa yếu, vừa thiếu. Do chính sách chưa thỏa đáng mà một bộ phận không nhỏ những người làm công tác giảng dạy lý luận và nghiên cứu lý luận chạy theo thu nhập qua giảng dạy, nên ít có điều kiện chuyên sâu và đầu tư công sức cho nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn.

Các cơ quan lãnh đạo của Đảng và đoàn thể chính trị - xã hội, cơ quan quản lý của Nhà nước chưa chú ý "đặt hàng" cho các cơ quan và các cán bộ làm công tác lý luận.

Dân chủ trong công tác lý luận chưa cao. Xu hướng cơ hội ngay trong công tác lý luận còn chưa được khắc phục về cơ bản, điều đó đã làm giảm tính khoa học và vai trò của công tác lý luận đối với sự phát triển xã hội.

Vừa có hiện tượng đặc quyền đặc lợi, vừa có hiện tượng bình quân trong đầu tư nghiên cứu lý luận và sử dụng cơ quan khoa học, sử dụng người làm công tác lý luận...

Điều kiện làm việc của những nhà nghiên cứu trong lĩnh vực lý luận còn rất hạn chế : thông tin nghèo nàn, lạc hậu và thường phiến diện, một chiều ; phương tiện vật chất cần thiết cho nghiên cứu khoa học theo những phương pháp hiện đại hầu như không có. Chế độ đãi ngộ cho đội ngũ cán bộ làm khoa học trong lĩnh vực này không tạo được động lực để mọi người toàn tâm, toàn ý vì nghề nghiệp mà mình đã được đào tạo hoặc được sắp xếp. Sự khiếm khuyết trong cơ chế quản lý, lãnh đạo hoạt động khoa học xã hội cũng làm giảm khả năng phát huy sáng tạo của người nghiên cứu.

Từ thành tựu và hạn chế cùng những nguyên nhân của chúng, qua 10 năm thực hiện Nghị quyết 01 của Bộ Chính trị *Về công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay*, có thể nêu lên ***một số bài học kinh nghiệm chủ yếu*** sau đây :

1. Công tác lý luận phải luôn bám sát thực tiễn cuộc sống, phải được định hướng vào việc giải đáp những vấn đề vừa cơ bản, vừa cấp bách

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh là khoa học làm cách mạng, là khoa học làm người. Lý luận đó, tư tưởng đó, ***một mặt***, là sự kế thừa toàn bộ tinh hoa tư tưởng của loài người, là kết quả khái quát những thành tựu mới nhất của khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, ***mặt khác*** - và là mặt chủ yếu nhất - là kết quả tổng kết từ thực tiễn cuộc sống nhằm phục vụ cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng con người. Thực tiễn lại không ngừng vận động và phát triển. Từ đó, nhiều vấn đề mới được đặt ra, nhiều cứ liệu mới cần được khái quát, nhiều câu hỏi mới cần được giải đáp. Bám sát thực tiễn đó, khái quát từ thực tiễn đó mà năng lực lý luận được trưởng thành, quan điểm lý luận được bổ sung, được hoàn thiện, những chủ trương và giải pháp

của Đảng được kiểm tra... Nhờ vậy, Đảng nâng cao năng lực hoạch định, hoàn thiện quan điểm, đường lối, phương thức lãnh đạo, đóng được vai trò là người khởi xướng những tư tưởng, quan điểm mới, đúng đắn để đất nước tiến lên. Đó là tiền đề quan trọng nhất để nâng cao uy tín lãnh đạo của Đảng trong xã hội, là điều kiện củng cố và tăng cường vị trí lãnh đạo toàn diện đất nước trong giai đoạn mới. Việc quán triệt tư tưởng của V.I. Lê-nin : *Chỉ một đảng được vũ trang bằng một lý luận tiên phong mới làm tròn sứ mệnh tiên phong* đòi hỏi phải phát huy hơn nữa bài học kinh nghiệm này.

2. Phải phát huy sức mạnh tổng hợp trí tuệ của toàn dân tộc ; kết hợp trí tuệ trong Đảng với trí tuệ trong nhân dân ; kết hợp trí tuệ của dân tộc với trí tuệ của thời đại

Sức mạnh trí tuệ của Đảng không chỉ do sức mạnh trí tuệ của riêng những người đảng viên của Đảng quyết định, nó còn được quyết định bởi khả năng phát hiện và sử dụng nhân tài có trong cộng đồng dân tộc. Về điều đó, Hồ Chí Minh nhấn mạnh, lo lắng và sợ rằng *Chính phủ nghe không đến, thấy không khắp, đến nỗi những bậc tài đức không thể xuất thân*.

Hơn nữa, năng lực trí tuệ của Đảng là sự kết tinh nguồn lực trí tuệ của dân tộc và của loài người. Bởi vậy, cần biết tiếp thu và kế thừa những tinh hoa truyền thống văn hiến hàng ngàn năm của nhân loại và dân tộc, tinh thần quật khởi và ý chí độc lập tự chủ trong dựng nước và giữ nước của nhân dân, lấy đó làm nguồn cổ vũ và sức mạnh cho sự nghiệp hôm nay. Mọi cán bộ, đảng viên phải biết tiếp thu có phê phán, có chọn lọc những nhân tố hợp lý ở các học thuyết, lý luận trong suốt lịch sử tư tưởng nhân loại, và xem đó cũng là một nguồn lực để nâng cao năng lực trí tuệ của Đảng.

Như vậy, năng lực trí tuệ của Đảng được quyết định bởi tầm cao trí tuệ của đảng viên, bởi tầm cao trí tuệ của cả dân tộc, bởi khả năng sử dụng chất xám trong nhân dân, bởi việc kế thừa biện chứng những tinh hoa trong lịch sử tư tưởng nhân loại.

3. Phát huy dân chủ trong nghiên cứu lý luận

Dân chủ cần cho sáng tạo lý luận như không khí cần cho cơ thể sống. Do vậy, trong khi kiên trì những quan điểm lý luận của Đảng, cũng cần tôn trọng sự tìm tòi, sáng tạo vì nước, vì dân ; trong khi quyết định theo đa số, cũng cần tôn trọng ý kiến của thiểu số. Liên quan tới vấn đề này, chúng ta biết rằng chân lý không chỉ được phát hiện ra từ thực tiễn, qua thực tiễn, nó còn được phát hiện ra trong tranh luận, trong thảo luận - đương nhiên vẫn phải trên cơ sở thực tiễn và được kiểm tra bằng thực tiễn. Sự đa dạng hóa ý kiến mang tính lành mạnh, trong giới hạn của pháp luật, của Luật Báo chí, của Điều lệ Đảng sẽ mang lại bầu không khí thuận lợi cho việc nâng cao năng lực lý luận và nâng cao hiệu quả công tác lý luận của Đảng.

4. Phải thấy rõ những gì thúc đẩy, những gì kìm hãm sự phát triển của lý luận

Thực tiễn là nguồn gốc và động lực của nhận thức lý luận, do vậy, nó cũng là nguồn gốc, động lực nâng cao năng lực lý luận và hiệu quả công tác lý luận của Đảng. Động lực đó còn được khởi nguồn từ tự do tư tưởng, tự do tranh luận, giải phóng tư tưởng, mở rộng cửa cho sự tìm tòi khoa học với thái độ trách nhiệm cao trước vận mệnh dân tộc, trước tiền đồ của đất nước. Bệnh giáo điều, rập khuôn, sự minh họa một cách thụ động theo lối cơ hội chủ nghĩa và sự truy chụp là những lực cản đối với sự sáng tạo lý luận. Mặt khác, hoạt động lý luận sáng tạo chân chính cũng bị ngăn trở bởi

những nguy tạo tìm tòi khoa học, tìm tòi chân lý để phục vụ cho những động cơ đi ngược lại lợi ích của nhân dân, của dân tộc. "Dân chủ" tới mức đi ngược lại kỷ cương, phép nước sẽ triệt tiêu động lực phát triển của lý luận chân chính

5. Tránh bệnh hình thức trong đào tạo, sử dụng cán bộ lý luận

Từ Đại hội VIII, nhất là từ Hội nghị Trung ương ba (khóa VIII) *Về Chiến lược cán bộ của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Đảng ta đã nhấn mạnh nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trước hết là đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt trong hệ thống chính trị các cấp. Nhờ vậy, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước ta đã có bước trưởng thành về nhiều mặt, chẳng những đã tổ chức thực hiện đúng đắn và có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị, mà còn góp phần hoạch định đường lối, chủ trương đổi mới. Tuy nhiên, bệnh hình thức trong đào tạo còn khá nặng nề. Nó đã gây hậu quả nghiêm trọng, tạo ra sự ngộ nhận về năng lực lý luận của một số cán bộ, của một số cơ quan quản lý công tác cán bộ để rồi không xem trọng đúng mức sự cần thiết phải không ngừng tự nâng cao bản thân mình về lý luận, không chú ý đúng mức chất lượng việc mở trường, mở lớp. Trong không ít trường hợp, chất lượng thực tế không tương ứng với bằng cấp được trao, nhưng khi sử dụng đôi khi lại quá câu nệ vào bằng cấp mà không chú ý đúng mức tới năng lực thực tế.

Việc nắm vững và phát huy những bài học kinh nghiệm trên đây là một vấn đề có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của công tác lý luận ở giai đoạn cách mạng mới hiện nay. □

THỰC HÀNH TIẾT KIỆM...

(tiếp theo trang 22)

(lần 2) Ban chấp hành Trung ương khóa VIII, để thực sự làm cho cuộc vận động này trở thành nền nếp, thường xuyên thực hiện *Di chúc* của Bác, nhằm nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân trong cán bộ, đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng.

- *Hai là*, phải có sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan chức năng để nâng cao hơn nữa công tác kiểm tra, công tác đào tạo, tuyển chọn và sàng lọc cán bộ của Đảng. Quyết không để lọt vào bộ máy của Đảng và Nhà nước những phần tử cơ hội chính trị, thoái hóa, biến chất. Thực tế cho thấy, các vụ, việc tiêu cực vừa qua phần nhiều là do nhân dân và công luận phát hiện, kịp thời báo cáo với tổ chức đảng và các cơ quan hữu trách từ đó lần ra manh mối, trong khi việc nắm bắt các luồng thông tin, phát hiện vụ việc tiêu cực của một số cơ quan chức năng lại rất hạn chế.

- *Ba là*, nhất quyết không sợ vì do đấu tranh quyết liệt chống tệ nạn tham nhũng, quan liêu và xã hội đen sẽ làm mất cán bộ như một số người lo ngại. Nhân tài trong nhân dân không bao giờ thiếu, điều cốt yếu là làm gì và làm như thế nào để người hiền tài đứng ra cùng với Đảng, với dân, góp phần gánh vác trọng trách xây dựng đất nước theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu chúng ta có thể mất "một bộ phận không nhỏ" cán bộ, đảng viên nào đó, nhưng Đảng và Nhà nước ta sẽ lấy lại được niềm tin yêu của quần chúng nhân dân, và từ đó dẫn dắt quần chúng nhân dân đưa sự nghiệp cách mạng đi tới thắng lợi cuối cùng. □

Góp phần thúc đẩy sự hình thành và phát triển thị trường bất động sản ở nước ta

QUÁCH ĐỨC PHÁP *

Nói đến thị trường bất động sản là nói đến hai khía cạnh của một vấn đề, đó là "bất động sản" và "thị trường".

"Bất động sản" trước hết phải là tài sản, nhưng không phải tài sản nào cũng là bất động sản. Bất động sản, như tên gọi của nó, là tài sản nhưng nó có đặc điểm riêng là : không di dời được. Như vậy, chỉ những tài sản không di dời được mới là bất động sản. Điều 181 của Bộ luật Dân sự đã quy định : "bất động sản là tài sản không di dời được". Với ý nghĩa đó, bất động sản trước hết là đất đai và các công trình, vật kiến trúc gắn liền với đất đai.

"Thị trường" là mua bán, trao đổi. Muốn có một thị trường bất động sản thì trước hết, bất động sản phải trở thành hàng hóa. Như vậy, ở đâu và lúc nào bất động sản chưa trở thành hàng hóa, thì ở đó, lúc đó chưa thể có thị trường bất động sản. Khác với sản xuất tự cấp, tự túc, sản xuất hàng hóa là sản xuất để bán. Nhưng không hẳn là cứ có mua bán, trao đổi là có kinh tế thị trường ; mà chỉ khi kinh tế hàng hóa phát triển đến một mức độ

nhất định thì mới có kinh tế thị trường. Như vậy, thị trường bất động sản là sự mua bán, trao đổi hàng hóa bất động sản phát triển ở mức độ cao, và đó chính là thị trường mua bán, trao đổi đất đai và các công trình, vật kiến trúc gắn liền với đất đai.

Đất đai có hai đặc điểm :

- Đất đai là bất động sản

quan trọng vào bậc nhất, đất đai chỉ có hạn, không làm thêm ra được. Đất đai là tài nguyên vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống ; là địa bàn phân bố các khu dân cư, xây dựng các cơ sở kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng. Với đà tăng trưởng mọi mặt của kinh tế - xã hội và sự gia tăng tự nhiên của dân số, nhu cầu về đất đai sẽ ngày càng lớn, đất đai như bị thu hẹp dần. Chính vì vậy, việc quản lý, sử dụng đất đai sao cho tiết kiệm, có hiệu quả là một yêu cầu tất yếu, khách quan đối với mọi quốc gia. Thực tiễn cho thấy kinh tế thị trường, với những quy luật khách quan của nó là môi trường có khả năng thiết lập một cơ chế quản lý, sử dụng đất đai có hiệu lực và có hiệu quả nhất. Do đó, cần phát triển thị trường bất động sản.

- Đất đai tự nó không mang lại lợi lộc gì. Nhưng đất đai, một khi được đem ra sử dụng thì mang lại nhiều nguồn lợi cho con người. Đất đai càng được sử dụng thì

* TS, Vụ trưởng Vụ Chính sách tài chính, Bộ Tài chính

càng tốt thêm (chứ không xấu đi), giá trị của đất càng được bồi bổ thêm. Chính vì vậy, đất đai là nguồn tài nguyên quý giá của quốc gia cần được triệt để khai thác, sử dụng với tinh thần "tắc đất, tắc vàng" ; hạn chế đến mức thấp nhất việc để đất hoang hóa hoặc sử dụng đất lãng phí, kém hiệu quả. Giải pháp tốt nhất để thực hiện điều đó là hình thành và phát triển một thị trường bất động sản ở nước ta, mà trước hết và quan trọng nhất là thị trường đất đai.

Ở nước ta, Luật Đất đai (năm 1993) đã xác định : đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý. Điều 12 của Luật Đất đai còn quy định : Nhà nước xác định giá các loại đất để tính thuế chuyển quyền sử dụng đất, thu tiền khi giao đất hoặc cho thuê đất, tính giá trị tài sản khi giao đất, bồi thường thiệt hại về đất khi thu hồi đất. Theo các quy định nói trên, ở nước ta không có hoạt động mua bán đất, không có giá thị trường tự do về đất đai và do đó không có thị trường đất đai. Tuy Luật Đất đai có quy định : Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất có quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thừa kế, thế chấp quyền sử dụng đất, nhưng do không có giá thị trường tự do về đất và đặc biệt là không có giấy tờ về đất cho nên không có cơ sở pháp lý đầy đủ để thực hiện các quyền của Nhà nước đã cho theo đúng luật định. Mặc dù vậy, theo quy luật của thị trường, bất chấp những điều kiện còn hạn chế về mặt thủ tục pháp lý, hoạt động của thị trường bất động sản về đất đai vẫn đã từng bước phát triển một cách sôi động và có lúc đã có những cơn sốt về giá đất, giá nhà. Mua bán, trao đổi, thừa kế, thế chấp nhà, đất là một trong những yêu cầu tất yếu trong đời sống

hàng ngày của con người, không thể hạn chế và cũng không đợi khi được phép. Nhưng do chưa tạo cho nó có những cơ sở pháp lý và những điều kiện cần thiết để hoạt động công khai, minh bạch, lành mạnh, cho nên thời gian qua, thị trường đất đai đã diễn ra dưới hình thức thị trường ngầm là chủ yếu. Kéo theo nó là rất nhiều hoạt động dịch vụ, môi giới khác cũng diễn ra một cách thường xuyên và sôi động, nhưng cũng dưới hình thức thị trường ngầm, khó quản lý. Đối với mỗi cá nhân, gia đình, đất đai, nhà cửa là những tài sản lớn và quan trọng, cho nên mỗi khi mua bán, trao đổi, chuyển nhượng... rất cần có sự xác nhận của chính quyền để bảo hộ quyền lợi hợp pháp cho mình. Nhưng, do còn thiếu những cơ sở pháp lý đầy đủ, cho nên những yêu cầu chính đáng nói trên đã không thực hiện được. Thực tế đã và đang diễn ra là : Chính quyền không bảo đảm đầy đủ giấy tờ về mua bán đất cho dân, và dân tự mua bán đất cũng không muốn đến khai báo với chính quyền.

Việc mua bán, chuyển nhượng đất đai diễn ra dưới hình thức kinh tế ngầm như trên đã dẫn đến nhiều thiệt hại cho cả Nhà nước và nhân dân, đất đai đang bị hạn chế việc sử dụng đúng mục đích, dẫn đến lãng phí, kém hiệu quả.

Theo ước tính của Tổng cục Địa chính, trong các năm từ 1997 đến nay, Nhà nước chỉ kiểm soát được khoảng 30% số trường hợp mua bán, trao đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thế chấp quyền sử dụng đất. Điều đó đã dẫn đến nhiều thiệt hại như : đối với Nhà nước, do không kiểm soát được thị trường đất đai nên không hạn chế được những vi phạm về quy hoạch, kế hoạch sử dụng

ể hạn
phép.
cơ sở
iết để
lãnh
ng đất
rường
nhiều
g diện
động.
rường
nhân,
bài sản
i mua
ân có
ho hộ
g, do
i, cho
ên đã
đang
đảm
ân, và
n đến

ít đai
như
Nhà
n chế
lãng

hính,
nước
rường
, cho
u đó
Nhà
rường
hững
dụng

đất, nhiều trường hợp phải đền bù, giải tỏa, giải quyết khiếu kiện, tranh chấp rất tốn kém và mất nhiều thời gian. Do không kiểm soát được thị trường đất đai nên Nhà nước không thu được thuế chuyển quyền sử dụng đất, không thu được lệ phí trước bạ đối với đất, không thu được thuế đối với các hoạt động dịch vụ, môi giới về mua bán, chuyển nhượng đất đai... Đối với người dân, do không có giấy tờ làm căn cứ pháp lý cho việc thực hiện công khai, minh bạch việc mua bán, chuyển nhượng đất đai dẫn đến thường bị dìm giá, ép giá gây thiệt hại cho người bán hoặc người mua. Không ít trường hợp đã bị lừa đảo, chiếm đoạt quyền sử dụng đất dẫn đến kiện tụng kéo dài gây lãng phí tiền bạc và thời gian. Mặc dù Nhà nước đã có chủ trương chuyển các nhà máy từ nội thành ra ngoại thành để tránh ô nhiễm, nhưng do chưa có quy định cụ thể về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cho nên đã có nhiều trường hợp nhà máy không còn sản xuất nhưng cũng không chuyển ra ngoại thành mà sử dụng đất làm mặt bằng cho tư nhân thuê làm nơi bán hàng, bán bia, vừa lãng phí đất, vừa gây mất trật tự trị an trong thành phố...

Nhằm khắc phục những tồn tại trên, góp phần thúc đẩy sự hình thành và phát triển một thị trường bất động sản ở nước ta, như tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng đã đề ra, xin kiến nghị và đề xuất việc đổi mới một số cơ chế chính sách về tài chính đối với đất đai :

1- Việc quan trọng trước hết là Nhà nước kịp thời cấp đầy đủ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân, trước hết là cho các hộ gia đình có đất đang sử dụng, không có tranh chấp, không phạm các quy hoạch

của Nhà nước. Về việc này, có các điểm cần chú ý sau :

- Về mặt pháp lý, Luật Đất đai quy định : Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với một số trường hợp nhất định. Như vậy chỉ với trường hợp Nhà nước giao đất thì người được nhận đất mới phải nộp tiền sử dụng đất. Những trường hợp đất sử dụng làm nhà ở từ bao đời để lại, đất của cha mẹ, ông bà cho con cháu để ở, đất đã mua bán, trao đổi với nhau không có tranh chấp, không phạm quy hoạch thì Nhà nước phải cấp giấy chứng nhận cho nhân dân mà không đặt vấn đề phải nộp tiền sử dụng đất.

- Từ trước đến nay, Nhà nước không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho dân nên dân không có giấy tờ chứng nhận về quyền sử dụng đất. Nay, Luật Đất đai yêu cầu phải có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Nhà nước phải tổ chức cấp cho dân để có căn cứ pháp lý cho việc mua bán, trao đổi quyền sử dụng đất. Đó cũng là trách nhiệm hành chính của Nhà nước.

- Muốn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho dân phải tổ chức đo đạc, lập bản đồ địa chính. Theo ước tính của Tổng cục Địa chính đến 2005 mới có thể đo đạc xong đất đai cho dân. Luật Đất đai ban hành từ năm 1993, sau gần 10 năm do chưa kịp thời cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân, cho nên công việc cứ lũy kế ngày càng nhiều thêm, phức tạp thêm. Nay không giải quyết dứt điểm thì đến năm 2005 rồi 2010 chắc chắn vẫn sẽ không giải quyết nổi. Chúng ta có thể áp dụng một trong hai giải pháp sau :

Một là, không đợi đo đạc xong mới cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mà trước mắt nên căn cứ vào tự kê khai của

từng hộ để cấp giấy, sau này khi đo đạc sẽ điều chỉnh lại theo thực tế.

Hai là, Nhà nước cho phép thành lập các tổ chức dịch vụ về đo đạc đất cho dân, trên cơ sở đó Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Làm như vậy cũng phù hợp với chủ trương của Nhà nước về thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực dịch vụ đất đai.

2- Nhà nước có quy định rõ ràng cho các nhà máy hiện đang ở trong nội thành được bán quyền sử dụng đất trên diện tích đất của nhà máy đang sử dụng, không nên thu hồi đất của nhà máy như hiện nay. Việc cho phép các nhà máy được bán quyền sử dụng đất sẽ mang lại các lợi ích thiết thực và cơ bản sau đây :

- Nhà máy được bán quyền sử dụng đất sẽ tích cực thực hiện chủ trương của Nhà nước, hạn chế việc sử dụng lãng phí như đã nói ở trên.

- Bán quyền sử dụng đất ở nội thành theo giá thị trường sẽ giúp cho nhà máy mua lại được quyền sử dụng đất ở ngoại thành, đồng thời có thể xây dựng lại được một nhà máy khang trang hơn bằng chính tiền bán quyền sử dụng đất đó. Hơn nữa, sẽ hạn chế được thất thoát tiền bạc, mang lại lợi ích thiết thực cả cho nhà máy và Nhà nước.

- Người mua quyền sử dụng đất của nhà máy phải sử dụng đúng mục đích và theo sự quy hoạch chỉ đạo của Nhà nước. Như vậy, điều lợi cho cả hai phía là không tốn kém về thời gian, tiền bạc trong việc giải tỏa, đền bù thiệt hại về thu hồi đất.

3- Về thu hồi đất và giao quyền sử dụng đất : Đề nghị thực hiện đúng Điều 21 của Luật Đất đai là : "Việc quyết định giao đất đang có người sử dụng cho người khác chỉ

được tiến hành sau khi có quyết định thu hồi đất đó". Mỗi khi cần thu hồi đất để dùng vào việc công hoặc thu hồi đất để giao cho người khác, Nhà nước nên đứng ra đền bù cho người có đất bị thu hồi ; sau đó nếu giao cho người khác thì người được giao đất phải nộp tiền sử dụng đất (hoặc nộp tiền thuê đất) cho Nhà nước. Làm như vậy sẽ có nhiều hiệu lực, hiệu quả hơn, trên các mặt sau đây :

- Nhà nước với chức năng công quyền, có đầy đủ phương tiện và công cụ trong tay sẽ thực hiện việc đền bù và giải phóng mặt bằng nhanh hơn, thiết thực hơn là giao cho người nhận quyền sử dụng đất phải tự đền bù, tự giải phóng mặt bằng.

- Làm như vậy sẽ đúng luật, phù hợp đạo lý, việc thu tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất cũng rõ ràng, minh bạch, hợp lý hơn là khấu trừ tiền đền bù giải phóng mặt bằng vào số tiền sử dụng đất phải nộp cho Nhà nước.

- Bảo đảm sự công bằng đối với cá nhân, tập thể ; hạn chế được sự suy bì, so đo hơn thiệt, lợi dụng, tiêu cực trong đền bù thiệt hại, giải phóng mặt bằng như thời gian qua.

4- Nhà nước cần cho phép thành lập các công ty dịch vụ (cả Nhà nước và tư nhân) như : dịch vụ đo đạc và lập bản đồ đất đai ; dịch vụ thông tin ; dịch vụ môi giới ; dịch vụ tư vấn làm các hồ sơ thủ tục mua bán quyền sử dụng đất ; dịch vụ về định giá quyền sử dụng đất ; dịch vụ về đầu tư tài chính ; dịch vụ về mua bán nợ... Như vậy, Nhà nước mới thực hiện được quyền quản lý và kiểm soát về đất đai theo đúng pháp luật đã quy định, góp phần làm cho thị trường đất đai phát triển. □

1. Sự cấp bách từ thực tiễn

Lịch sử hành chính Việt Nam từ xưa đến nay luôn nổi lên vai trò của chính quyền cơ sở gắn với đặc trưng cộng đồng làng xã. Chính quyền cơ sở là nền móng của toàn bộ bộ máy hành chính nhà nước. Trong điều kiện nước ta dân số đông (77 triệu người), 80% trong số đó chủ yếu sống bằng nghề nông, gắn với địa bàn cư trú, thì chính quyền cơ sở càng có vai trò quan trọng trong quản lý mọi mặt đời sống của địa phương.

Trong công cuộc đổi mới của đất nước, tình hình kinh tế - xã hội và an ninh trật tự trên cả nước đã có những chuyển biến mạnh mẽ, tích cực, diện mạo đất nước từ nông thôn đến thành thị đều có sự thay đổi cơ bản. Những thành công đó không thể tách rời sự đóng góp tích cực của chính quyền cơ sở - cấp hành chính gần dân nhất và trực tiếp đưa các chính sách của Đảng và Nhà nước vào nhân dân.

Bên cạnh những thành tựu nói trên, còn không ít những hiện tượng phản ánh sự yếu kém của đội ngũ cán bộ chính quyền cơ sở trong quản lý điều hành công việc của địa phương. Lề lối làm việc của nhiều cán bộ cơ sở còn mang nặng tính hành chính, quan liêu, không sát thực tế, không nghe ý kiến của dân, cán bộ ngại tiếp dân, né tránh, không dám nhìn thẳng vào sự thật. Nhiều vụ việc giải quyết cứng nhắc, trái pháp luật, dẫn đến tình trạng khiếu kiện phức tạp, kéo dài. Quyền làm chủ của nhân dân ở nhiều nơi bị vi phạm, tình trạng thiếu công khai về các khoản đóng góp của nhân dân, nạn tham nhũng tiền của của nhân dân đã dẫn đến

những điểm nóng, khiến nhân dân bất bình, mất lòng tin vào chính quyền, thậm chí có nơi đối lập với chính quyền. Đánh giá về tình hình trên, Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) đã nhấn mạnh nguyên nhân về phía Đảng và Nhà nước là : "... chưa nhận thức đúng vai trò, vị trí của cơ sở, quan liêu, để một thời gian quá dài không có chính sách đồng bộ

ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ CHÍNH QUYỀN CƠ SỞ - vấn đề và giải pháp

LÊ CHI MAI*

đối với cán bộ, thiếu chăm lo bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ cho cơ sở, không kịp thời bàn và đưa ra những chính sách để củng cố và tăng cường cơ sở⁽¹⁾.

Số liệu điều tra của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ về đội ngũ cán bộ chính quyền cơ sở (bao gồm đại biểu Hội đồng nhân dân, thành viên Ủy ban nhân dân và cán bộ thuộc 4 chức danh chuyên môn) cho thấy một thực trạng về đội ngũ cán bộ cơ sở chưa được chuẩn hóa và việc đào tạo, bồi dưỡng chưa được quan tâm đúng mức nên trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ cơ sở còn nhiều bất cập.

* TS, Học viện Hành chính Quốc gia

(1). Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr 153

- Trình độ văn hóa của cán bộ chính quyền cơ sở còn thấp, số đại biểu Hội đồng nhân dân (HĐND) có trình độ học vấn cấp I là 10,2%, cấp II : 46,4%, cấp III : 42,7% ; số ủy viên Ủy ban nhân dân (UBND) có trình độ cấp I là 5,6%, cấp II : 39%, cấp III : 54%.

- Trình độ lý luận chính trị còn yếu, số đại biểu HĐND chưa được đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị chiếm 54,4%, số ủy viên UBND chưa được đào tạo, bồi dưỡng là 42,4%.

- Trình độ quản lý nhà nước còn bất cập, số ủy viên UBND chưa được đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức quản lý nhà nước chiếm đến 69,3% - trong khi họ chính là những người trực tiếp thực hiện quản lý nhà nước ở cơ sở. Ngay tại Thủ đô Hà Nội, số cán bộ chính quyền xã, phường chưa qua bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước cũng lên đến 62,4%. Số đã được đào tạo thường mới chỉ qua một số lớp bồi dưỡng ngắn ngày.

- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ còn yếu kém, tuyệt đại bộ phận cán bộ chính quyền cơ sở chưa được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ (85,2% trong HĐND và 82,2% trong UBND). Thậm chí ngay cả số cán bộ chuyên môn nghiệp vụ thuộc bốn chức danh ở xã cũng có đến 73% không được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ.

- Đội ngũ cán bộ cơ sở luôn biến động qua bầu cử. Số tái cử thường chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ dưới 50%. Tình hình đó dẫn tới có những cán bộ đã được qua đào tạo, bồi dưỡng nhưng không trúng cử ; trong khi đó, số người mới trúng cử lại chưa được đào tạo, bồi dưỡng. Sự bố trí cán bộ cũng thường xuyên thay đổi, có những người mỗi nhiệm kỳ tái cử lại đảm nhận một chức danh khác nhau (2).

Những số liệu nói trên là một hồi chuông báo động về trình độ của đội ngũ cán bộ chính quyền cơ sở. Nếu không nâng cao trình độ và năng lực của đội ngũ cán bộ này thì việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước sẽ gặp nhiều trở ngại, thậm chí còn có thể dẫn đến những sai lệch, gây tác hại không nhỏ cho đời sống xã hội.

Bộ máy nhà nước muốn vững mạnh thì phải được củng cố từ nền móng, từ cơ sở. Nhận thức được vấn đề này, Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) đã đề ra mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chính quyền cơ sở là : "Phấn đấu từ nay đến hết năm 2005 có khoảng 70 - 80% cán bộ chuyên trách giữ chức vụ qua bầu cử được đào tạo, bồi dưỡng đạt tiêu chuẩn quy định ; khoảng 80% cán bộ, công chức chuyên môn có trình độ trung cấp trở lên đối với đồng bằng, sơ cấp trở lên đối với miền núi"(3).

2. Vấn đề đặt ra

Thực tế cho thấy, các chương trình bồi dưỡng cho cán bộ chính quyền cơ sở trong những năm qua chưa thực sự đáp ứng những kiến thức mà họ cần. Từ trước đến nay, các bộ giáo trình bồi dưỡng cán bộ chính quyền cơ sở vẫn được xây dựng theo cách truyền thống : giới thiệu các kiến thức chung một cách tóm tắt, sơ lược, bao gồm từ những kiến thức về nhà nước, pháp luật, pháp chế, cho đến những kiến thức về chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của chính quyền cơ sở về các mặt... Cách làm này đã cung cấp ở dạng

(2) Xem Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ : *Báo cáo kết quả điều tra cơ bản, đánh giá thực trạng, đề xuất các giải pháp xây dựng và nâng cao chất lượng cán bộ chính trị cơ sở*, Hà Nội, 1999

(3) *Văn kiện đã dẫn*, tr 179

khái quát nhất những kiến thức cần trang bị cho đội ngũ cán bộ chính quyền cơ sở. Tuy nhiên, các kiến thức nói trên chỉ cần thiết cho người lần đầu tiên tham gia vào hoạt động của chính quyền cơ sở. Còn để cho họ nâng cao chất lượng hoạt động của mình thì những kiến thức này lại quá sơ sài. Trên thực tế, các cán bộ được cử đi tham gia các khóa học khi trở về vẫn khó có thể áp dụng các kiến thức được nhà trường trang bị vào xử lý các công việc cụ thể ở địa phương. Có những cán bộ do trúng cử liên tiếp vài nhiệm kỳ nên đã được cử đi bồi dưỡng qua một số lớp, nhưng họ không nâng cao kiến thức được bao nhiêu, vì nội dung lần bồi dưỡng nào cũng tương tự như nhau.

Vấn đề đặt ra là phải đào tạo cho đội ngũ cán bộ cơ sở cái gì và đào tạo như thế nào cho có hiệu quả ?

Theo chúng tôi, phải xuất phát từ những cái mà họ còn yếu kém, từ yêu cầu mới đặt ra đối với người cán bộ chính quyền cơ sở mà cung cấp cho họ những kiến thức và kỹ năng cần thiết. Vậy đâu là những yếu kém của đội ngũ cán bộ chính quyền cơ sở ? Qua nghiên cứu điều tra, cho thấy những yếu kém đó là :

- Quản lý, điều hành xã hội không theo pháp luật, còn mang tính gia trưởng và đáng dấp của kiểu "xin - cho". Do không nắm chắc các quy định của pháp luật nên nhiều cán bộ còn làm việc tùy tiện, thậm chí tự ý đặt ra những quy định trái pháp luật.

- Năng lực ra quyết định quản lý còn hạn chế ; hợp hành quá nhiều (khoảng 30% số cán bộ chính quyền cơ sở họp từ 11-15 ngày trong một tháng ; và tới 40% họp từ 5-10 ngày một tháng). Do đó, họ không còn đủ thời gian để điều hành công việc và thực thi tốt các nhiệm vụ được giao.

- Không nắm chắc các quy trình và nguyên tắc giải quyết công việc ; lúng túng trong việc giải quyết những tình huống, vụ việc phức tạp trong đời sống.

Những biểu hiện trên thể hiện sự bất cập của đội ngũ cán bộ chính quyền cơ sở về : kiến thức pháp luật cần thiết, nhất là cách thức áp dụng các quy định của pháp luật vào cuộc sống và kiến thức về quản lý hành chính và kỹ năng hành chính trong giải quyết các công việc hằng ngày ; về kiến thức và kỹ năng về nghiệp vụ, chuyên môn trong các lĩnh vực hoạt động cụ thể và kiến thức lý luận chính trị trong xử lý các vụ việc bức xúc của đời sống chính trị - xã hội.

Tuy nhiên, không nên căn cứ đơn thuần vào trình độ học vấn của đội ngũ cán bộ xã chỉ mới ở mức cấp II hoặc cấp III để đánh giá năng lực của họ tương đương như những học sinh phổ thông trung học hiện nay để xây dựng chương trình bồi dưỡng cho họ. Ở họ, ngoài trình độ học vấn, còn có những kinh nghiệm thực tiễn hết sức phong phú, đa dạng.

3. Đưa chủ trương vào cuộc sống

Để thực hiện mục tiêu từ nay đến năm 2005 đào tạo được khoảng 70 - 80% cán bộ chính quyền cơ sở, rất cần có một khoản kinh phí lớn, tương ứng với số lượng cán bộ được đưa đi đào tạo. Nếu tính cả nước hiện nay có 10 390 xã, phường, trung bình mỗi cơ sở có khoảng 30 - 32 cán bộ thì số lượng người cần đào tạo, bồi dưỡng trong hơn 3 năm lên tới 230 000 - 260 000 người. Tuy nhiên, không thể đặt chuẩn đánh giá chỉ là chỉ tiêu số lượng mà cần đưa lên hàng đầu *hiệu quả thực tế* của việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chính quyền cơ sở. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) nhấn mạnh : "Đổi mới căn bản chương trình, nội dung và phương pháp

giảng dạy đối với cán bộ cơ sở theo hướng đào tạo cơ bản, bồi dưỡng theo chức danh, bảo đảm tính thiết thực"⁽⁴⁾. Theo tinh thần trên, cần tập trung vào 5 nội dung cơ bản sau đây nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chính quyền cơ sở :

- Thứ nhất, bồi dưỡng theo chức danh.

Khi điều kiện nguồn kinh phí còn hạn hẹp, thì trong ba năm tới, chỉ có khoảng 2/3 tổng số cán bộ cơ sở được đi học, và cũng chỉ có thể học một lần, vì vậy cần bồi dưỡng những cái cần thiết nhất, phù hợp với chức danh của họ. Cần phân loại cán bộ để biết số lượng cần đào tạo ở từng huyện, từng tỉnh theo từng chức danh, trên cơ sở đó bố trí các khóa học cho phù hợp với các đối tượng. Phân loại càng cụ thể bao nhiêu thì càng có ích cho người học bấy nhiêu. Chẳng hạn, thành viên UBND nên phân thành bốn loại : loại 1 gồm : chủ tịch và phó chủ tịch ; loại 2 - các cán bộ phụ trách về kinh tế, tài chính ; loại 3 - các cán bộ phụ trách quân sự, an ninh ; loại 4 - các cán bộ phụ trách văn hóa - xã hội. Còn các cán bộ chuyên môn thuộc bốn chức danh: địa chính, tư pháp, tài chính - kế toán, văn phòng thì cần phải được đào tạo, bồi dưỡng theo đúng chức danh của họ.

Việc mở nhiều lớp theo các chức danh có ba lợi thế sau : *một là*, bồi dưỡng chuyên sâu phù hợp với nhiệm vụ, chức trách của từng loại ; *hai là*, bảo đảm trong thời gian cán bộ được cử đi học vẫn có cán bộ khác duy trì công việc ; *ba là*, việc tập trung những cán bộ cùng chức danh quản lý cùng một lĩnh vực quản lý ở các địa phương khác nhau sẽ tạo môi trường và điều kiện tốt cho họ học hỏi, trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau, sát thực hơn.

- Thứ hai, đổi mới căn bản chương trình và nội dung giảng dạy. Cần xây dựng mới

các chương trình và nội dung bồi dưỡng theo hướng căn cứ vào cách phân loại các chức danh nói trên. Làm như vậy tuy phải huy động một lực lượng chất xám đa dạng và rộng lớn để biên soạn chương trình, giáo trình, song, hiệu quả lại cao nhất. Nhà nước cần thành lập Ban biên soạn chương trình, giáo trình bồi dưỡng cán bộ chính quyền cơ sở. Ban này sẽ bao gồm các tiểu ban khác nhau theo từng loại chức danh cán bộ cơ sở. Đặc biệt, cần thống nhất về nguyên tắc phương pháp xây dựng các chương trình theo hướng cụ thể hóa các kiến thức và tăng cường kỹ năng hoạt động. Thực tế cho thấy, đội ngũ cán bộ chính quyền cơ sở có trình độ văn hóa không cao, hơn nữa lại là những người làm công tác thực tế, nên việc bồi dưỡng theo cách kinh viện, nặng về lý thuyết sẽ không giúp ích gì nhiều cho công việc cụ thể của họ, thậm chí sau khi học xong, họ vẫn không thể ứng dụng được vào hoạt động hằng ngày. Vì vậy, việc biên soạn chương trình, nội dung khóa học phải xuất phát từ thực tiễn công việc của người cán bộ chính quyền cơ sở. Cách viết phải ngắn gọn, đơn giản, cụ thể, mang tính hướng dẫn nghiệp vụ.

- Thứ ba, đổi mới phương pháp giảng dạy. Đổi mới nội dung chương trình đòi hỏi phải đổi mới phương pháp giảng dạy. Cách giảng dạy truyền thống theo lối thuyết trình một chiều của giảng viên gắn với chương trình giảng dạy có tính kinh viện, nặng về lý thuyết trước đây không còn thích hợp với đối tượng học viên có trình độ cao hơn và kinh nghiệm thực tế phong phú hơn. Với điều kiện cơ sở vật chất và trang thiết bị còn thiếu thốn hiện nay, phương pháp giảng dạy mới không nhất thiết là phải sử dụng các phương tiện giảng dạy hiện đại, mà quan trọng hơn

(4) Văn kiện đã dẫn, tr 179

cả là cách thức tiến hành bài giảng của giảng viên. Kinh nghiệm cho thấy, các phương thức thích hợp ở đây là : thảo luận nhóm, đối thoại giữa giảng viên và học viên, làm bài tập, xử lý tình huống... Các phương thức này có tác dụng phát huy trí tuệ và sự năng động của mỗi học viên, đồng thời giúp cho bài học trở nên sinh động, dễ hiểu, dễ nhớ, có tác dụng thiết thực đối với người học. Đời sống thực tế thường hết sức đa dạng, song có nhiều tình huống quản lý mang tính điển hình cần được phổ biến rộng rãi. Điều quan trọng nhất trong việc áp dụng các phương pháp trên là luyện tập cho người học *cách thức tư duy* khi xử lý một vấn đề đặt ra.

- **Thứ tư, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên.** Phương pháp giảng dạy mới đòi hỏi người giảng viên không những phải có trình độ cao hơn cả về lý thuyết và thực tiễn, mà còn phải có sự chuẩn bị rất kỹ lưỡng, công phu cho mỗi bài giảng. Bản thân giảng viên cũng phải hết sức nhanh nhạy trong việc xử lý các tình huống đặt ra trên lớp. Hiện nay, chức năng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chính quyền cơ sở được phân cấp cho các trường chính trị tỉnh, thành phố và các trung tâm giáo dục chính trị cấp huyện. Trên thực tế, đội ngũ giảng viên này chưa đáp ứng yêu cầu đề ra, thậm chí đa số giảng viên cũng chưa được đào tạo một cách bài bản về các kiến thức quản lý nhà nước, cũng như phương pháp sư phạm trong giảng dạy. Vì vậy, việc đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ giảng viên cũng là một nhiệm vụ quan trọng và cấp bách. Trước mắt, cần tập huấn đội ngũ giảng viên này theo các chuyên đề cụ thể mà họ chịu trách nhiệm giảng dạy cho cán bộ chính quyền cơ sở. Đồng thời, có thể sử dụng chuyên gia, cán bộ hoạt động thực tiễn trực tiếp giảng dạy hoặc phối hợp cùng giảng dạy. Về lâu dài, đội ngũ giảng viên cần được quan tâm xây dựng và đào tạo

chính quy, trong đó chú trọng đến những người đã kinh qua thực tiễn hoạt động ở chính quyền cơ sở hoặc tạo điều kiện cho họ thâm nhập vào hoạt động của chính quyền cơ sở.

- **Thứ năm, triển khai đào tạo cán bộ nguồn cho chính quyền cơ sở.** Chúng ta không thể tiếp tục ở vào thế bị động trong việc khắc phục hậu quả của sự biến động liên tục trong cơ cấu nhân sự của chính quyền cơ sở, mà cần chủ động tạo nguồn cho các tổ chức này. Bên cạnh việc bồi dưỡng ngắn ngày cho đội ngũ cán bộ đương nhiệm, cần đào tạo theo phương thức đón đầu cho đội ngũ cán bộ chính quyền cơ sở. Việc đào tạo này gắn với sự chủ động quy hoạch và chuẩn hóa đội ngũ cán bộ cơ sở một mặt sẽ tránh được tình trạng khấp khểnh về trình độ của đội ngũ cán bộ ; mặt khác, kịp thời và chủ động đáp ứng yêu cầu và giải quyết về cơ bản tình trạng đào tạo, bồi dưỡng theo kiểu ăn đong. Theo cách này, dù chúng ta thực hiện cơ chế bầu cử hay bổ nhiệm đối với các chức danh cán bộ chính quyền cơ sở, thì trước hết họ vẫn phải đáp ứng các tiêu chuẩn ban đầu về trình độ, năng lực. Khi tham gia vào bộ máy chính quyền cơ sở, họ đã có được những kiến thức cơ bản ; do đó, chỉ cần tiến hành bồi dưỡng nâng cao trình độ cho họ thông qua các khóa học ngắn ngày. Đây là hướng đi cơ bản, lâu dài trong việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chính quyền cơ sở ở nước ta. Vì vậy, trong thời gian tới, bên cạnh việc tiếp tục bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đương nhiệm, cần sớm triển khai phương thức đào tạo cán bộ nguồn một cách lâu dài cho chính quyền cơ sở, tập trung vào những người trẻ tuổi để từng bước chuẩn hóa và trẻ hóa đội ngũ cán bộ cơ sở, bảo đảm họ ngang tầm với trọng trách được đảm nhiệm.□

Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp CỦA CÁC TÔN GIÁO

HỒ TRỌNG HOÀI *

1. Mười lăm năm qua, dưới ánh sáng của đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, mặc dù cách mạng nước ta còn phải vượt qua nhiều khó khăn thử thách, song công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ đất nước đã thu được nhiều thành tựu quan trọng. Hiện tại, lĩnh vực tôn giáo, mặc dù vẫn còn những phức tạp, nhất là khi có sự lợi dụng của các thế lực thù địch, song nhìn chung sinh hoạt tôn giáo của nhân dân vẫn diễn ra bình thường, đúng pháp luật. Cuộc sống của tuyệt đại đa số đồng bào các tôn giáo được cải thiện đáng kể về vật chất và tinh thần. Đồng bào cảm thấy yên tâm hơn trong hành đạo, tin tưởng hơn vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Nhân dân phấn khởi đồng tình với chính sách tôn giáo của Nhà nước, khẳng định sinh hoạt tôn giáo hiện nay là thuận lợi, phù hợp với nguyện vọng của đồng bào.

Có được kết quả như vậy, trước hết do tác động từ những thành tựu về kinh tế - xã hội mà cách mạng đã đạt được; và hai là, do đường lối, chính sách đối với tôn giáo của Đảng và Nhà nước là đúng đắn, có sự đổi mới thích hợp.

Cách đây 10 năm, trước những biến đổi của tình hình quốc tế và trong nước, qua nghiên cứu

kinh nghiệm lịch sử và tổng kết thực tiễn, Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng khẳng định: Tín ngưỡng, tôn giáo là hiện tượng xã hội còn tồn tại lâu dài, hiện vẫn là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Nghị quyết còn nhấn mạnh: Đạo đức tôn giáo có nhiều điểm phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới. Từ nhận thức đúng đắn đó, trong thực tiễn, Đảng và Nhà nước đã thường xuyên nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu tín ngưỡng chân chính của người có đạo, kiên quyết đấu tranh chống các biểu hiện vi phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo chống phá cách mạng, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân.

Để động viên đồng bào có đạo tham gia tích cực hơn nữa vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Hội nghị Trung ương lần thứ 5 (khóa VIII) nhấn mạnh sự cần thiết phải khuyến khích những ý tưởng công bằng, bác ái, hướng thiện của các tôn giáo vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh. Đến Đại hội IX của Đảng, Nghị quyết Đại hội tiếp tục chỉ rõ: "Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo".

Qua quá trình phát triển và hoàn thiện nhận thức của Đảng về tôn giáo, ta thấy, đường lối của Đảng đã thấm tẩm được những kết quả mới nhất của khoa học xã hội và nhân văn về tôn giáo, kế thừa được những kinh nghiệm của ông cha ta trong quá trình giao lưu, tiếp nhận, sử dụng tôn giáo vì lợi ích của dân tộc. Đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước cũng bao hàm việc khẳng định những đóng góp của đồng bào các tôn giáo trong quá trình cách mạng trước đây cũng như trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Đảng ta thấy rằng, mặc dù tôn giáo chứa đựng

* TS. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

nhiều yếu tố đẩy con người đến trạng thái yếm thế xa rời với thế giới quan khoa học, song trong đó cũng có nhiều yếu tố có giá trị về phương diện văn hóa, đạo đức. Những yếu tố có ý nghĩa đó rất cần được phát huy phục vụ sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, phục vụ cho chiến lược bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, cho việc xây dựng một mẫu người Việt Nam có nhân cách trong sáng, tâm hồn phong phú, đời sống tình cảm lành mạnh và năng lực trí tuệ đủ sức đáp ứng những yêu cầu của thời đại. Tinh thần chung là "Cầu đồng, tôn dị, hiệp thương để đạt đến mục đích : Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Vì lẽ đó, việc nghiên cứu và vận dụng chủ trương đúng đắn của Đại hội Đảng được đặt ra như một nhiệm vụ cấp bách hiện nay.

2. Nước ta là nước đa dân tộc, đa tôn giáo. Mỗi dân tộc đều tự do lựa chọn cho mình một hoặc một vài tôn giáo. Cũng có trường hợp, nhiều dân tộc cùng lựa chọn một tôn giáo nào đó. Trong số các tôn giáo hiện có, Phật giáo, Công giáo, đạo Cao Đài, đạo Hòa Hảo, đạo Tin lành và Hồi giáo là những tôn giáo có số lượng tín đồ đông nhất. Các tôn giáo đó cũng rất khác nhau về nguồn gốc, về tín lý, về cách tụ tập, thực hành đức tin, cách thức tổ chức giáo hội. Tuy nhiên, khi được người Việt Nam tiếp nhận hay tạo ra, mỗi tôn giáo theo cách của mình đều đáp ứng được một hoặc một số phương diện nào đó trong số những nhu cầu rất đa dạng của đời sống tinh thần người Việt. Nhìn chung, mọi thế lực ngoại bang, khi mưu toan đặt ách đô hộ lên dân tộc đều tìm cách lợi dụng tôn giáo và việc một bộ phận tín đồ, chức sắc trong các tôn giáo quỳ gối đầu hàng, vụ lợi là chuyện thời nào cũng có. Song căn bản tuyệt đại bộ phận tín đồ các tôn giáo vẫn đứng về lợi ích của dân tộc, cùng phấn đấu cho nước mạnh, dân cường để tránh họa "vong quốc nô". Kinh nghiệm đã cho họ thấy rằng, các thế lực ngoại xâm mặc dù

nhân danh bảo vệ một tôn giáo nào đó cũng sẵn sàng phản bội lại những người đã từng đi theo họ khi lợi ích của chúng đã đạt được. Trong tác phẩm "Việt Nam vong quốc sử", Phan Bội Châu đã phẫn uất thốt lên rằng, hơn 80 năm nay, thực dân Pháp nghiêm hình, trọng luật nhưng có điều nào giảm nhẹ cho giáo Gia tô đâu ? Thay chân thực dân Pháp, đế quốc Mỹ nhảy vào xâm lược miền Nam Việt Nam hòng "ngăn chặn làn sóng đỏ" tràn xuống Đông-Nam Á. Một số phần tử cực đoan trọng đạo Công giáo bị lợi dụng để sử dụng cho chiến lược của Mỹ và được quan thầy nâng đỡ, song đại bộ phận tín hữu của họ cũng chẳng được gì ngoài cảnh chia ly qua cuộc ra đi của hàng vạn đồng bào Công giáo miền Bắc vì bị lừa phỉnh vào Nam theo Chúa. Rồi sau đó, là những cảnh đau thương của người thân khi bị Mỹ - nguy xúi giục ra làm bia đỡ đạn. Mặc dù vậy, tuyệt đại đa số tín đồ, chức sắc của đạo Công giáo và của các tôn giáo khác vẫn tỉnh táo để nhận ra chính nghĩa, âm thầm hay công khai hành động vì một nước Việt Nam độc lập, tự do.

Sự thật lịch sử đã minh chứng những đóng góp của các tôn giáo vào mục tiêu phụng sự lợi ích dân tộc là lựa chọn duy nhất đúng của một tôn giáo chân chính, của một tín đồ chân chính. Chúa Ky tô đã dạy rằng, đạo đức là bác ái, mọi thứ trên đời không có gì không đến từ Chúa Trời. Suy rộng ra, Tổ quốc ta, non sông ta, dân tộc ta, cũng có cội nguồn của nó và ta có bốn phận phải giữ gìn, tôn tạo để sáng danh Thiên Chúa. Đạo Phật cũng dạy rằng, làm người phải biết "Tri ân". Trong "Tứ ân" của nhà Phật ngoài ân Tam bảo, có ân Thầy, ân Cha mẹ và ân Tổ quốc. Vì lẽ đó, Tri ân Tổ quốc cũng là làm trọn bốn phận của một tín đồ Phật giáo chân chính.

Đáng tiếc, trong các tôn giáo hiện nay vẫn có một số ít người không trọn đời sống đạo. Họ lạc lõng kêu gào ngoại bang gia ân để cho Việt Nam được "tự do", cho mưu đồ chống dân tộc của họ được thực hiện. Thật không may cho họ,

họ sinh ra ở nước Việt Nam nơi mà qua đau thương và mất mát, con người càng bộc lộ phẩm chất bao dung và lòng nhân ái, càng cố kết vì có một mục tiêu nước mạnh, dân giàu... càng hiểu đâu là lẽ phải và cần phải bảo vệ lẽ phải như thế nào. Vì vậy, những lời đường mật của kẻ xấu không lung lạc được ai.

Tham gia vào lịch sử dân tộc, các tôn giáo còn để lại cho con người và xã hội Việt Nam nhiều giá trị văn hóa và đạo đức. Trên các chiều cạnh của đời sống xã hội, các tôn giáo khẳng định những đóng góp của mình bằng cách làm giàu thêm cho các giá trị tinh thần, thậm chí có trường hợp còn bổ sung và phát triển hệ giá trị đó. Vào Việt Nam, được tiếp biến trên nền tảng văn hóa giàu bản sắc của bản địa, Phật giáo cũng như các tôn giáo khác đã có sự dung hợp để cuối cùng tổng hợp nên những giá trị mới. Phật giáo nguyên thủy nặng tính xuất thế nhưng ở Việt Nam, nó trở nên gần gũi hơn với những nhu cầu của cuộc sống đời thường, quan tâm hơn đến các nhu cầu đó. Vì lẽ đó, trong một thời kỳ dài các cơ sở Phật giáo không chỉ là nơi để người ta thường ngoạn phong cảnh mà còn là nơi diễn ra các lễ hội của dân làng; nhà chùa trở thành nơi không chỉ dạy người mà còn dạy chữ, các sư tăng không chỉ là những người thầy mà còn là các mưu sĩ cho nhà vua. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, nhiều nhà chùa đã trở thành các cơ sở của cách mạng...

Đạo Công giáo vào nước ta cũng vậy, không chỉ đem theo lời dạy của Chúa Trời mà còn chuyển tải nhiều giá trị văn hóa, đạo đức của người phương Tây. Tín lý về lòng nhân từ, bác ái, sự vị tha đã nhập cuộc mạnh mẽ cùng dòng văn hóa truyền thống của Việt Nam đến nỗi làm lu mờ cả những điều cấm kỵ vốn có ở tôn giáo này. Nhiều người Công giáo theo đạo Thiên chúa vẫn luôn kính nhớ cha mẹ, ông bà, tổ tiên, cũng đau nỗi đau vì đất nước bị nô lệ, giồng nổi bị giày xéo. Trong sâu thẳm của đời

sống tâm linh, họ khát khao khi chết về với Chúa Trời và cuộc sống trần gian được Chúa che chở, nhưng họ vẫn không quên công ơn của cách mạng, của Bác Hồ, tham gia vào các hoạt động trần thế theo phương châm đẹp đạo, tốt đời, kính Chúa, yêu nước, những giá trị mà họ theo đuổi và sẽ còn theo đuổi.

Điềm qua một vài khía cạnh như trên để thấy rằng, việc nhận diện và phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo theo tinh thần Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng là việc làm có ý nghĩa thiết thực hiện nay. Thực hiện tốt phương châm này sẽ góp phần khắc phục thái độ không thật đúng đắn đối với tôn giáo đang rải rác tồn tại ở chỗ này chỗ khác, sẽ phục vụ thiết thực cho chiến lược đại đoàn kết toàn dân, tạo điều kiện cho các tôn giáo đóng góp ngày càng nhiều hơn cho sự phồn vinh dân tộc, nhằm tập trung nội lực tiến hành thắng lợi sự nghiệp đổi mới.

3. Tôn giáo là một hiện tượng xã hội có khả năng tồn tại lâu dài cùng với nhân loại. Dự cảm khoa học này đã được C. Mác luận chứng khi ông phân tích các cơ sở làm phát sinh và duy trì niềm tin tôn giáo. Theo đó, khi và chỉ khi nào con người chế ngự được một cách có hiệu quả sức mạnh tự phát của tự nhiên, xã hội thì tôn giáo mới mất đi. Ph. Ăng-ghen cũng khẳng định điều đó bằng việc thừa nhận một trạng thái xã hội mà ở đó niềm tin tôn giáo không tồn tại. Đó là trạng thái xã hội con người sống, hành động với tư cách là người tự do, con người không chỉ biết mưu sự mà còn quyết định thành sự.

Vấn đề này, trong Văn kiện Đại hội VII và một số văn kiện khác, Đảng ta cũng đã khẳng định. Đó là cơ sở lý luận quan trọng để hạn chế các biểu hiện sai lầm trong nhận thức và ứng xử với tôn giáo, làm cho chính sách về tôn giáo của nhà nước ta càng ngày càng đúng đắn và được đông đảo đồng bào có đạo đồng tình, ủng hộ.

(Xem tiếp trang 61)

CẢNG BIỂN VÙNG ĐÔNG BẮC VỚI HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Lời Bộ Biên tập : Ngày 25-6-2002, tại thành phố Hạ Long (Quảng Ninh), Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và Tỉnh ủy Quảng Ninh tổ chức Hội thảo khoa học - thực tiễn "Cảng biển vùng Đông Bắc với hội nhập kinh tế quốc tế". PGS, TS Vũ Văn Hiền, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản, Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam ; đồng chí Lê Ngọc Hoàn, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và đồng chí Hà Văn Hiền, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ninh cùng chủ trì Hội thảo.

Tham dự Hội thảo có trên 150 đại biểu là các nhà nghiên cứu, quản lý và kinh doanh liên quan đến kinh tế cảng biển ở Trung ương và các khu vực ; các phóng viên, biên tập viên của Tạp chí Cộng sản ; các cán bộ chủ chốt của Bộ Giao thông vận tải và tỉnh Quảng Ninh. Tới dự Hội thảo còn có đại diện đông đảo các cơ quan thông tin đại chúng ở Trung ương và tỉnh Quảng Ninh. Dưới đây, chúng tôi trân trọng giới thiệu ba bài phát biểu tại Hội thảo và bài Tổng quan Hội thảo.

ĐÁO CHỎ ĐỀ DẪN

VŨ VĂN HIỀN

TIẾN trình chủ động hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta bao hàm nhiều phương diện, nhiều hướng và nhiều mức độ. Trong tiến trình đó, lĩnh vực kinh tế cảng biển Việt Nam nói chung, kinh tế cảng biển vùng Đông Bắc nói riêng có vị thế riêng, thế mạnh độc đáo và đóng góp rất riêng, đòi hỏi phải được quan tâm, đầu tư và phát triển

tương xứng nhằm góp phần thiết thực đẩy nhanh quy mô và tốc độ hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta.

Cuộc Hội thảo khoa học - thực tiễn với chủ đề "Cảng biển vùng Đông Bắc với hội nhập kinh tế quốc tế" là tiếng nói đóng góp vào nhiệm vụ chung đó.

Trước hết, cuộc Hội thảo góp phần hệ thống những vấn đề chủ yếu về quan điểm, phương châm phát triển kinh tế cảng biển Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế. Trên cơ sở đó, Hội thảo trực tiếp bàn đến vấn đề kinh tế cảng biển - một mũi nhọn trong kinh tế biển và lĩnh vực giao thông vận tải - với góc nhìn trực tiếp từ cơ sở cảng Cái Lân, Quảng Ninh - một vùng cảng biển đang không ngừng phát huy tiềm năng của mình để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Với ý nghĩa đó, cuộc Hội thảo nhằm *mục đích* góp phần giải quyết vấn đề kinh tế cảng biển đối với phát triển kinh tế - xã hội và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; nhất là đối với các tỉnh vùng Đông Bắc nước ta cả về lý luận và thực tiễn. Trên cơ sở làm rõ cảng biển ở Hải Phòng và Quảng Ninh để nhìn rộng ra cả kinh tế cảng biển đất nước, mà trước hết là đối với các tỉnh vùng Đông Bắc. Đây là vấn đề hết sức có ý nghĩa trong việc giao lưu kinh tế, văn hóa giữa các vùng với quốc tế.

Mặt khác, góp phần củng cố mối quan hệ giữa kinh tế ngành và kinh tế vùng, giữa các địa phương với nhau trong chiến lược phát triển kinh tế đất nước, chiến lược kinh tế biển nói chung cũng như kinh tế cảng biển nói riêng. Từ đó, dự báo hướng phát triển mới trong quan hệ hợp tác, liên kết, phối hợp giữa các ngành, vùng, các địa phương cùng hoàn thành nhiệm vụ.

Cùng với những vấn đề chung đó, cuộc Hội thảo này là một biểu hiện cụ thể và sinh động góp phần thắt chặt hơn mối quan hệ giữa Tạp chí Cộng sản - cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng với Bộ Giao thông vận tải và các địa phương vùng Đông Bắc, trong đó có tỉnh Quảng Ninh.

Để đạt mục đích trên, *yêu cầu* đặt ra mà cuộc Hội thảo của chúng ta cần bảo đảm là: Từ việc quán triệt các quan điểm, đường lối

của Đảng về phát triển kinh tế xã hội, chiến lược phát triển vùng và ngành, chiến lược kinh tế biển, về hội nhập quốc tế rút ra những khía cạnh có tính định hướng để giải quyết những vấn đề thực tiễn. Bên cạnh kỹ yếu hội thảo phục vụ cho việc nghiên cứu và chỉ đạo thực tiễn sẽ đăng tải một số tham luận trên các phương tiện thông tin đại chúng của Trung ương và tỉnh Quảng Ninh.

Do vậy, chúng tôi đề nghị cuộc Hội thảo chúng ta tập trung giải quyết các vấn đề sau:

Trước hết là những vấn đề chung. Rất nhiều vấn đề xuất phát điểm cần tiếp tục làm rõ: Từ chủ động hội nhập kinh tế quốc tế đối với sự phát triển đất nước đến nhận diện vị trí, vai trò kinh tế biển nói chung và kinh tế cảng biển nói riêng đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế bao gồm những khía cạnh nào? Những vấn đề cơ bản về kinh tế cảng biển tới những mối liên hệ của các ngành, các đơn vị kinh tế trong tiến trình phát triển kinh tế cảng biển là như thế nào? Làm gì để đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa các cảng biển nước ta? Chúng ta cần phải làm gì và làm như thế nào để phát huy nhân tố con người, trước hết là xây dựng nguồn nhân lực cho sự phát triển của kinh tế cảng biển? Và vùng Đông Bắc trong quy hoạch tổng thể về phát triển cảng biển Việt Nam bao gồm những vấn đề gì, chúng như thế nào? Mô hình và kinh nghiệm quốc tế về phát triển kinh tế cảng biển ra sao, có những gợi ý gì tốt trong việc tiếp thu để phát triển kinh tế cảng biển Việt Nam?, v.v. và v.v.

Vấn đề quan trọng *thứ hai*, đề nghị Hội thảo chúng ta tập trung kiến giải, đó là thực trạng, triển vọng và những vấn đề đang đặt ra đối với cảng biển vùng Đông Bắc từ Cảng Cái Lân, Cảng Hồng Gai, Cảng Cửa Ông, Cảng Hải Phòng tới Cảng Ninh Bình, Cảng Thái Bình, Cảng Nam Định, Cảng Thanh Hóa v.v. Về

vấn đề này, từ thực tiễn phát triển của hệ thống cảng biển trên, chúng ta sơ kết một bước những việc đã làm được và chưa làm được, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm... Đồng thời, phân tích những vấn đề đặt ra và đòi hỏi phải cấp bách giải quyết đối với sự phát triển trong thời gian tới : từ quy hoạch tổng thể và cụ thể, đầu tư và vốn, cơ chế chính sách và phát triển khoa học kỹ thuật, cán bộ và đào tạo tới mối quan hệ với ngành và địa phương v.v.. Mặt khác, chúng ta có thể nêu thêm kinh nghiệm phát triển cảng biển ở một số vùng khác để so sánh, tham khảo.

Chúng tôi tin rằng, với nỗ lực và kinh nghiệm quý báu của đông đảo các nhà nghiên cứu, quản lý và kinh doanh liên quan đến cảng biển sẽ góp phần từng bước trả lời các vấn đề đó, quyết định sự thành công của cuộc Hội thảo hôm nay.

Nhân dịp này, chúng tôi xin chúc tỉnh Quảng Ninh qua sự phát triển toàn diện nói chung, phát triển kinh tế cảng biển nói riêng sẽ đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, trở thành một trong những tỉnh đi đầu của cả nước, sánh vai với các thành phố cảng - du lịch trên thế giới. □

TỔNG QUAN HỘI THẢO

CUỘC Hội thảo "Cảng biển vùng Đông Bắc với hội nhập kinh tế quốc tế" có ý nghĩa quan trọng về lý luận và thực tiễn, thể hiện đúng đắn và sinh động quan điểm của Đảng ta là : "Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại, độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế". Cuộc hội thảo đã thu hút sự tham gia tích cực của các nhà lý luận, các đồng chí lãnh đạo, các nhà quản lý tỉnh Quảng Ninh, Bộ Giao thông vận tải và Tạp chí Cộng sản thảo luận sôi nổi và đề cập tới nhiều vấn đề thiết thực, thể hiện tập trung ở những nội dung chính dưới đây.

I. NHẬN THỨC, QUAN NIỆM VỀ PHÁT TRIỂN CẢNG BIỂN VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Đây là một chủ đề lớn, nhiều tham luận đề cập từ nhiều khía cạnh, với những mức độ khác nhau. PGS.TS Trần Quang Nhiếp (Phó Tổng biên tập phụ trách Tạp chí Cộng sản)

nêu rõ những quan điểm của Đảng ta : Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập, tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường. Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình vừa hợp tác, vừa đấu tranh, vừa có cơ hội, vừa có thách thức. Do đó cần tỉnh táo và khôn khéo khi hội nhập. Có kế hoạch và lộ trình hợp lý, phù hợp với trình độ phát triển của đất nước, đáp ứng các thông lệ và luật pháp quốc tế. Ông Nguyễn Đình Lương (Trợ lý Bộ trưởng Bộ Thương mại) có cách nhìn khá toàn diện, sâu sắc về hội nhập kinh tế quốc tế và nhấn mạnh đặc thù của ngành vận tải trong hội nhập kinh tế quốc tế : Xây dựng cơ sở hạ tầng của cảng biển là cạnh tranh để tồn tại mà phát triển. Khi ranh giới quốc gia về kinh tế bị xóa nhòa thì vấn đề đặt ra là bảo vệ lợi ích dân tộc, bản sắc văn hóa, an ninh quốc

gia, bảo vệ môi trường phải được coi trọng. Cho nên mở cửa mức độ nào cho phù hợp cần phải tính kỹ. **TS. Võ Văn Đức** (Phó Trưởng khoa Kinh tế phát triển - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh) đã bổ sung thêm một số khía cạnh về quan hệ giữa hội nhập kinh tế quốc tế với phát triển cảng biển ở Việt Nam : Coi trọng việc xây dựng và phát triển các cảng biển (bao gồm cả các đội tàu, đội ngũ thuyền viên và cán bộ quản lý có đủ năng lực cạnh tranh quốc tế). **TS. Phạm Tất Thắng** (Ủy viên Ban biên tập Tạp chí Cộng sản) phân tích khá rõ vị trí, vai trò của cảng biển trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế. Việt Nam có nhiều tiềm năng kinh tế, gần đường hàng hải quốc tế, nằm trong khu vực phát triển năng động trên thế giới. Nhất là, sau khi có hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ được ký kết và có hiệu lực thì nhiều cơ hội lớn cho giao lưu hàng hóa Việt Nam với nước ngoài đã mở ra. Do đó, phải có hệ thống cảng biển phù hợp để vận chuyển hàng hóa tới nhiều cảng trên thế giới. Xu hướng toàn cầu hóa, chuyên môn hóa đã tác động tới ngành vận tải, xuất hiện những cảng trung chuyển quốc tế hàng hóa với cước phí rẻ nhất, đáp ứng nhu cầu tốt nhất của khách hàng. Rõ ràng, Việt Nam phải phát triển cảng biển một cách đồng bộ để tàu của ta có thể đến các cảng biển của mọi châu lục, đồng thời đủ sức đón tàu và hàng của nhiều nước có thể dễ dàng cập cảng Việt Nam.

TS. Hoàng Xuân Hòa (Chủ tịch Hội đồng khoa học Trung tâm hợp tác nghiên cứu châu Âu) đã giới thiệu và phân tích kinh nghiệm của châu Âu về phát triển cảng biển, với *hai nội dung chính* : Phát triển vận tải biển - yếu tố quan trọng để cảng biển châu Âu phát triển ; xu hướng phát triển cảng biển ở châu Âu. **TS. Hoàng Hải** (P. Vụ trưởng Vụ Kinh tế - Tạp chí Cộng Sản) đề cập tới kinh nghiệm của châu Á về phát triển cảng biển. Trong đó, *phân*

tích ba vấn đề chính : Tiềm năng và tình hình phát triển cảng biển ở châu Á ; hợp tác phát triển cảng biển nhằm thúc đẩy tính hiệu quả của cảng biển ; xu hướng phát triển của cảng biển và những vấn đề đặt ra đối với các nước châu Á. Báo cáo cho biết, các nước ASEAN có mạng lưới cảng biển phát triển, toàn khối có hơn 20 cảng biển quốc tế và 3 700 bến cảng nội địa. Riêng In-đô-nê-xi-a có tới 1 544 cảng do nhà nước quản lý và 1 233 cảng tư nhân. Cảng Xin-ga-po là cảng lớn nhất nhì thế giới, liên kết với 700 cảng và 400 tuyến đường biển quốc tế. Hầu hết các nước trong khu vực đã phát triển tốt cơ sở hạ tầng cảng biển, xây dựng các cảng nước sâu, cảng container chuyên dụng. Đặc biệt, cảng Xin-ga-po trong vòng một thập kỷ nay đã đạt được kỷ lục về hoạt động khai thác, kinh doanh. Với một hệ thống hạ tầng hoàn thiện và hiện đại gồm 37 cầu tàu container, 120 cầu bờ, 400 cần cầu bãi, 600 xe chuyên dụng chở container... Hàng năm, tập đoàn khai thác cảng biển hùng mạnh nhất Xin-ga-po (PSA) tiếp nhận 8% lượng hàng container của thế giới, 30% sản lượng container trung chuyển, khoảng 10 triệu Teu và thu về mỗi năm trên 2 tỷ USD. Cùng với Xin-ga-po, hai cảng khác là Hong-Kong và Kao-Hùng (Đài Loan) hiện đang đứng hàng đầu thế giới về khối lượng hàng container thông qua cảng. Ở Châu Á, có Hồng-Kông, Đài Loan, Hàn Quốc, Ma-lai-xi-a, Thái Lan, Phi-lip-pin.. đã và đang ra sức đầu tư xây dựng cảng trung tâm, cải tiến thủ tục tiếp nhận, quảng bá thông tin ra toàn thế giới để thu hút hàng trung chuyển. Cùng với hai báo cáo trên, bản dịch bài phát biểu của ông **Mai-son Pauli-ơ** (Chủ tịch Hiệp hội Hoa tiêu hàng hải thế giới) đã cho thấy sự quan tâm của thế giới đối với phát triển cảng biển ở nhiều khía cạnh.

Các tham luận, đã góp phần làm phong phú và sâu sắc hơn sự phát triển cảng biển và tính

hữu ích của nó xét trong mối quan hệ tích cực với mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế. Tuy tiếp cận theo nhiều góc độ song các ý kiến đều thống nhất là, phát triển cảng biển sẽ tạo ra nhiều dịch vụ khai thác tiềm năng của vùng miền và phát triển giao thông vận tải mở mang nhiều ngành sản xuất - dịch vụ cho cảng biển ; tăng sức hút đầu tư ; thúc đẩy sản xuất và xuất - nhập khẩu ; tạo thuận lợi cho mở rộng du lịch. Phát triển cảng biển nói chung và ở vùng Đông Bắc nói riêng, còn đẩy mạnh phát triển giao thông, giao lưu hàng hóa với các nước trong khu vực và trên thế giới. Với Quảng Ninh, phát triển cảng biển còn gắn với việc giao lưu kinh tế biển và chu chuyển hàng hóa với các nước, mà trực tiếp là Trung Quốc.

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CẢNG BIỂN VÙNG ĐÔNG BẮC TRONG CHIẾN LƯỢC KINH TẾ BIỂN VIỆT NAM

Tại hội thảo có 10 báo cáo đề cập đến vấn đề này. Ông Lê Ngọc Hoàn (Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải) đã chỉ rõ vai trò của cụm cảng Đông Bắc đối với phát triển kinh tế xã hội Việt Nam và hội nhập kinh tế quốc tế. Báo cáo *nhấn mạnh* : Cảng Cái Lân là cảng tổng hợp quốc gia, cảng Hải Phòng là thương cảng quan trọng nhất ở khu vực phía Bắc. Ông Nguyễn Văn Quỳnh (Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh) đề cập đến kết quả về phát triển kinh tế cảng biển ở Quảng Ninh và đi sâu phân tích ba giải pháp lớn đã thực hiện, ba tồn tại cần khắc phục. Trên cơ sở năm hướng phát triển kinh tế cảng biển ở Quảng Ninh, báo cáo nhấn mạnh vai trò của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đối với hoạt động hàng hải trên địa bàn, nhất là đối với việc xây dựng và hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch phát triển hệ thống cảng biển Quảng Ninh.

Ths. Lê Minh Đạo (Cục Hàng hải Việt Nam) phân tích vấn đề luồng tàu vào cảng Hải Phòng. Vấn đề này đã được nghiên cứu trong

thời gian dài, liên tục 70 - 80 năm nay, bởi rất nhiều đơn vị, cá nhân ở nhiều quốc gia khác nhau tham gia : Pháp, Liên Xô (cũ), Bỉ, Nhật, Anh... và cả ở Việt Nam. Nhưng cho đến nay, *các tài liệu được đánh giá có chất lượng cao nhất là* : Dự án "Nghiên cứu tổng quát luồng tàu vào cảng Hải Phòng" do HAECON (Bỉ) thực hiện vào những năm 1995 - 1996 ; Đề tài KCKH DL 01 - 93 do Viện Địa lý thuộc Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia chủ trì, hoàn thành vào năm 1997 ; Báo cáo nghiên cứu khả thi của TEDI "Dự án luồng tàu vào cảng khu vực Hải Phòng", hoàn thành vào tháng 8/1997.

TS. Nguyễn Ngọc Long (Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty tư vấn thiết kế giao thông - TEDI) và TS. Nguyễn Ngọc Huệ (Phó Tổng giám đốc TEDI), với tham luận "Một vài ý kiến về thực trạng và tiềm năng các cảng Đông Bắc trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế", đã trình bày ba vấn đề : Những đặc điểm cơ bản trong việc xác định vai trò chức năng của cụm cảng Đông Bắc ; đánh giá tình hình các cảng và khả năng phát triển. Các tác giả nhận định : Việc định hướng phát triển đúng đắn theo khả năng và chức năng của từng cảng kết hợp với khuyến khích các bên liên quan cùng khai thác và chia sẻ góp phần tích cực trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội... Đây là tham luận được minh họa bằng hệ thống hình ảnh, biểu bảng rất sinh động và có sức thuyết phục. Báo cáo của ông Doãn Đình Huệ (Ban Kinh tế, Tạp chí Cộng sản) nêu rõ : để cảng biển vùng Đông Bắc tương xứng với vị trí và tầm của vùng Đông Bắc nói riêng và của miền Bắc nói chung, cần phát triển cụm cảng biển này theo hướng xác định rõ cảng biển vùng Đông Bắc trong tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Tính toán các mặt về kinh tế, xã hội có liên quan để có luận cứ thuyết minh cho phát triển cảng nước sâu

Cái Lân, cảng Cẩm Phả là đúng hướng, với qui mô thích hợp. Mặt khác, xây dựng cụm cảng ở vùng biển Đông Bắc cần tính đến sự tác động qua lại giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường sinh thái. Mỗi quan hệ giữa kinh tế với quốc phòng cần được xem xét và giải quyết thỏa đáng. Các báo cáo của **TS. Phạm Văn Cương** (Trường đại học Hàng Hải), **PGS.TS. Nguyễn Hữu Đấu** (P. Viện trưởng Viện khoa học công nghệ giao thông vận tải), **PGS.TS. Phạm Tiến Tĩnh** (P. Hiệu trưởng Trường đại học Hàng hải Việt Nam)... đi sâu phân tích những yếu tố cần và đủ để phát triển cảng biển vùng Đông Bắc trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế. Các ông **Vũ Ngọc Sơn** (Tổng Giám đốc Tổng công ty hàng hải), **Vũ Khắc Từ** (Giám đốc cảng Quảng Ninh) và **Doãn Thiện Ngôn** (Giám đốc Công ty cảng và kinh doanh Than) đi sâu phân tích vai trò của các doanh nghiệp trong phát triển cảng biển vùng Đông Bắc nói chung, cảng Cẩm Phả và Quảng Ninh nói riêng.

Những tham luận của Tổng Giám đốc cảng Sài Gòn và Tổng Giám đốc cảng Đà Nẵng bổ sung cho bức tranh toàn cảnh về thực trạng và những kinh nghiệm rút ra trong tiến trình phát triển cảng biển Việt Nam. Đây là những gợi ý, so sánh để tham khảo trong quá trình hoạch định chiến lược phát triển cụm cảng biển vùng Đông Bắc.

Nhìn khái quát, các báo cáo đều khẳng định : Hệ thống cảng biển của chúng ta đã phát huy được thế mạnh của mình, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp phát triển kinh tế đất nước, đặc biệt là lĩnh vực xuất - nhập khẩu. Các lĩnh vực hoạt động của kinh tế cảng biển từng bước được củng cố và phát triển, góp phần phát triển kinh tế cảng biển từ xây dựng, bốc xếp, điều hành đến đào tạo nguồn nhân lực từng bước đáp ứng nhu cầu phát triển, trong đó, cụm cảng Đông Bắc có vị trí quan trọng và vai trò to lớn.

III. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ KIẾN NGHỊ VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ CẢNG BIỂN

TS. Chu Quang Thứ (Q. Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam) phân tích và nêu rõ quy hoạch, kế hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2010 và kết luận : Việc xây dựng và phát triển hệ thống cảng biển, đặc biệt cảng nước sâu ở Việt Nam là hết sức cần thiết cả về mặt chủ quan lẫn khách quan. Chung quanh vấn đề này cũng được 2 báo cáo về kinh nghiệm nước ngoài phân tích góp phần làm rõ thêm. Một số ý kiến đề xuất, cần chú trọng phát triển có trọng điểm các cảng biển lớn. Trên góc độ khác, **TS. Nhị Lê** (Q. Vụ trưởng Vụ Thư ký, Tạp chí Cộng sản), cho rằng : Bên cạnh những cảng lớn, cảng nước sâu cần phát triển các cảng nhỏ ở tất cả các tỉnh ven biển Bắc Bộ trong tổng thể hệ thống cảng biển Việt Nam. Lý giải về quan điểm này, tác giả cho rằng : các cảng nhỏ có tác dụng đáp ứng những dịch vụ biển khác nhau như cảng cá, cảng du lịch, bốc xếp hàng nhỏ, trung chuyển giữa cảng biển lớn với cảng sông và cảng nội địa... Bổ sung cho quan điểm này, ông **Đặng Văn Hà** (Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần AP) đề xuất : Cần quan tâm phát triển cảng nội địa làm nơi trung chuyển container - cầu nối giữa thị trường trong nước với cảng biển. Ông Hà cho biết, doanh nghiệp của ông đã có ý định đầu tư phát triển một cảng nội địa Container tại Thái Bình.

TS. Nguyễn Thiết Hùng (Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế - Ngân sách Quốc hội) đã phân tích về giá và gợi ý hướng đầu tư phát triển cảng biển sao cho có hiệu quả. Liên quan đến vấn đề giá, có báo cáo nhận xét : Tại TP. Hồ Chí Minh và một số khu vực khác, tình hình phát triển cảng và sự cạnh tranh đang có những diễn biến phức tạp, gay gắt với sự tham gia của nhiều cảng liên doanh và nhiều đơn vị

khác trên thị trường khai thác cảng và dịch vụ hàng hải, tạo nên tình trạng giá cước thỏa thuận bị giảm xuống dưới mức giá thành.

Ths. Nguyễn Thị Như Mai (Phó Trưởng Ban Pháp chế, Cục Hàng hải Việt Nam) cho biết : Tài chính cảng được hiểu là tài chính để phát triển nhóm cấu trúc hạ tầng cảng biển và phương tiện xếp dỡ hàng hóa của cảng. Theo kinh nghiệm của các nước, thì nguồn tài chính cảng bao gồm một số nguồn chủ yếu như : phí cảng, các khoản trợ cấp, phát hành trái phiếu, tiền vay, và các nguồn khác. Qua số liệu về sự tham gia của các nguồn tài chính trong phát triển cảng ở Nhật Bản và ở Mỹ, thì nguồn tài chính cảng từ phí cảng chiếm không quá 40% nguồn kinh phí đầu tư cho phát triển cảng. Đồng thời, báo cáo đi sâu phân tích việc hoàn thiện pháp luật cảng biển ở Việt Nam.

Đánh giá khả năng hoạt động của cảng biển, có báo cáo nhận xét : Phần lớn cảng biển của Việt Nam là cải tạo và nâng cấp, chưa đáp ứng được nhu cầu một cách toàn diện mang tính chiến lược. Một số cảng chính quốc gia chưa chuẩn bị đầy đủ cơ sở phương tiện, năng lực tổ chức quản lý và tiếp thị quốc tế đủ sức thu hút hàng trung chuyển container. **TS. Đào Phương Thảo** (Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam) phân tích sâu về vai trò của cầu cảng Container tại các cảng biển. Trên cơ sở đánh giá chất lượng cầu cảng tại các cảng, tác giả đã gợi ý hướng đầu tư chế tạo cầu cảng sao cho tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo chất lượng quốc tế. **TS. Phạm Văn Cương** (Trường đại học Hàng hải Việt Nam) đề xuất : Phải có nhiều biện pháp đồng bộ để ứng dụng hơn nữa các thành tựu khoa học công nghệ để phát triển các hoạt động liên quan đến cảng biển. Trong đó, tác giả đã nêu rõ sự cần thiết của việc ứng dụng tin học trong quản lý kỹ thuật đội tàu vận tải biển và nhấn mạnh Chương trình phần mềm "mô phỏng Radar Jma 627-6" và Chương trình

mô phỏng nghiên cứu hệ thống tự động điều chỉnh hướng tàu (máy lái tự động) có giá trị thực tiễn cao.

Những vấn đề nêu ra và bàn luận tại Hội thảo khá đa dạng và sâu sắc. Đó chính là cơ sở khoa học và thực tiễn cho những kiến nghị chung và cụ thể. Với những mức độ khác nhau, các báo cáo của **PGS. Ngô Quang Minh** (Trưởng khoa Quản lý Kinh tế, Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh), **TS. Phạm Tất Thắng**, **TS. Hoàng Hải** và nhiều tác giả khác đã nêu những kiến nghị và giải pháp nhằm phát triển kinh tế cảng biển Việt Nam nói chung, kinh tế cảng biển vùng Đông Bắc nói riêng. Trong phát biểu kết luận Hội thảo, **PGS.TS. Vũ Hiền** đã tổng hợp các giải pháp và kiến nghị do các nhà khoa học, quản lý và kinh doanh đề xuất, với *những nét chính* như sau :

1. Cần nâng cao nhận thức của xã hội, cũng như của địa phương, các cấp quản lý nhà nước và doanh nghiệp về ý nghĩa to lớn của phát triển kinh tế cảng biển.

2. Cụ thể hóa chiến lược phát triển cảng biển trên cơ sở Chiến lược và quy hoạch tổng thể về phát triển cảng biển của quốc gia và từng vùng. Cần có giải pháp phát huy thế mạnh của từng cảng và cụm cảng.

3. Phát triển cụm cảng vùng Đông Bắc cần chú ý đến đặc thù địa - kinh tế, địa - chính trị và an ninh. Chú ý phát triển cảng biển gắn với các dịch vụ kinh tế biển như phát triển thủy sản, du lịch và các dịch vụ khác. Đồng thời, lưu ý đến các vấn đề bảo vệ môi trường, di sản văn hóa và di sản thiên nhiên thế giới...

4. Phát triển đa dạng hệ thống các cảng biển nhưng cần đầu tư tài chính có trọng điểm, mở rộng thu hút các nguồn vốn khác nhau để tạo sức mạnh trong đầu tư phát triển cảng biển. Đối với một số cảng quan trọng, không nên để

nước ngoài xây dựng và điều hành mà nhà nước phải trực tiếp thực hiện.

5. Cần đổi mới cơ chế quản lý theo hướng hiện đại, phù hợp với thực trạng từng cảng và gắn với thông lệ quốc tế để khai thác có hiệu quả các cảng biển nói chung và cụm cảng vùng Đông Bắc nói riêng. Tăng cường tiếp thị quốc tế để theo kịp với các đối thủ cạnh tranh từ bên ngoài.

6. Để phát triển theo đúng định hướng và đẩy nhanh tiến trình hội nhập, sớm hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý cảng biển, bảo đảm vừa phát huy được tiềm năng đất nước phù hợp với xu hướng phát triển của hệ thống cảng biển Việt Nam trong thời gian tới. Theo đó, cần sớm ban hành các văn bản quy định có tính pháp lý cần thiết (ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung các văn bản hiện hành không còn phù hợp). Việc xây dựng các văn bản pháp luật về quản lý cảng biển, phải bảo đảm các nguyên tắc và nội dung cơ bản sau :

- Tính thống nhất của văn bản : thể hiện văn bản về quản lý cảng không mâu thuẫn với các luật khác có liên quan (như Luật Doanh nghiệp nhà nước, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư...).

- Văn bản pháp luật phải bảo đảm cung cấp một môi trường pháp lý rộng mở, lành mạnh giữa Nhà nước và doanh nghiệp, giữa các doanh nghiệp cảng với nhau. Trong đó, văn bản về quản lý cảng cần phải phân định rõ chức năng quản lý hành chính nhà nước và quản lý kinh doanh cảng.

- Xây dựng mô hình chức năng cảng biển và hình thức tổ chức của cơ quan quản lý cảng thích hợp. Chẳng hạn, hệ thống cảng biển Việt Nam có thể xây dựng theo nhiều mô hình khác nhau dựa trên tính chất, chức năng của mỗi cảng nhưng phải đảm bảo tính thống nhất của hệ thống. Chẳng hạn, với những cảng được xây dựng mới, có thể theo mô hình "chủ cảng", với những cảng đang khai thác thì thực hiện

theo mô hình "Công ty nhà nước quản lý trực tiếp", hoặc "Công ty thương mại". Tương tự như vậy, cơ quan quản lý cảng cũng có thể theo một số mô hình khác thích hợp, sau khi thử nghiệm. Cụ thể, đối với những cảng xây mới, cơ quan quản lý cảng có thể là tổ chức của chính quyền Trung ương, hoặc Cảng vụ ; đối với những cảng hiện có thì cơ quan quản lý cảng có thể là doanh nghiệp nhà nước, hoặc công ty thương mại.

7. Tăng cường trang thiết bị kỹ thuật trong vận hành cảng, cũng như các biện pháp đảm bảo an toàn tại cảng biển và đường ra vào cảng.

8. Tăng cường quan hệ liên kết, hợp tác cũng như học tập kinh nghiệm của nhau, tiến tới phân công chuyên môn hóa mỗi cảng đảm nhiệm một số chức năng chính trong toàn bộ hệ thống cảng biển Việt Nam.

9. Để điều hành cảng ngang tầm trình độ quốc tế và khu vực, phải bồi dưỡng năng lực toàn diện, nhất là về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật. Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực ở ngoài nước hoặc đào tạo ở trong nước theo tiêu chuẩn quốc tế.

*

* *

Hội thảo "*Cảng biển vùng Đông Bắc với hội nhập kinh tế quốc tế*" đã đặt ra nhiều vấn đề thiết thực và có những kiến nghị, giải pháp khả thi nhằm góp phần phát triển cảng biển vùng Đông Bắc và sự phát triển kinh tế biển của đất nước trong những năm tới. Đây cũng là thành công quan trọng nhất của các bên đồng tổ chức hội thảo. Đồng thời, Hội thảo còn gợi mở một số vấn đề liên quan đến kinh tế biển cần tiếp tục nghiên cứu. □

HẢI HUNG

(Tổng thuật)

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CẢNG BIỂN Ở VIỆT NAM

CHU QUANG THỨ *

1. Thực trạng hệ thống cảng biển Việt Nam

Việt Nam nằm ở bán đảo Đông Nam Á, bên bờ Thái Bình Dương có vùng lãnh hải và vùng đặc quyền kinh tế rộng lớn, với trên 1 triệu km², gấp 3 lần so với diện tích đất liền. Bờ biển Việt Nam trải dài 3 260 km, gần các tuyến hàng hải quốc tế truyền thống, xuyên Á - Âu và khu vực. Dọc theo bờ biển có rất nhiều vị trí với điều kiện tự nhiên lý tưởng để xây dựng cảng biển. Nhận thức về tầm quan trọng của hệ thống cảng biển đối với sự nghiệp phát triển nền kinh tế - xã hội đất nước, Nghị quyết số 03-NQ/TW, ngày 6-5-1993, của Bộ Chính trị khóa VII, đã chỉ rõ: *"Vận tải biển cần phát triển đồng bộ về cảng, đội tàu, dịch vụ hàng hải, công nghiệp sửa chữa và đóng tàu. Nâng cấp và xây dựng mới các cảng biển. Tổ chức lại một cách hợp lý việc quản lý các cảng biển..."*⁽¹⁾. Nhờ đó, trong những năm qua hệ thống cảng biển Việt Nam không ngừng được xây dựng, củng cố và phát triển.

Hiện nay, cả nước đã xây dựng được hơn 90 cảng lớn, nhỏ, với gần 24 000 m cầu cảng và 10 khu chuyển tải; Tổng diện tích đất dành cho kho bãi và hoạt động của cảng lên đến trên 10 triệu m². Trang thiết bị phục vụ bốc xếp tại cảng cũng không ngừng được nâng

cấp, cải tiến, thay thế, từng bước thích ứng với yêu cầu về công nghệ của thế giới. Một số bến container chuyên dụng có công nghệ bốc xếp hiện đại ngang tầm các nước trong khu vực đã được xây dựng tại Chùa Vẽ, Hải Phòng và Khánh Hội, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng với chính sách đổi mới và phát triển nền kinh tế, mô hình quản lý cảng bước đầu cũng đã có sự thay đổi. Trước đây, tất cả các cảng trong nước đều do các doanh nghiệp nhà nước thuộc các bộ, ngành, trung ương, địa phương quản lý và khai thác. Hiện nay, ngoài những đối tượng trên, cảng còn do các công ty trách nhiệm hữu hạn, liên doanh... đầu tư xây dựng và khai thác. Tiêu biểu trong số đó là cảng VICT của Công ty liên doanh phát triển tiếp vận số 1. Giai đoạn I cảng đã xây dựng được hai bến với 305 m cầu cảng, tiếp nhận được tàu tới 20 000 DWT, với công suất 165 000 TEU; và khi mở rộng sẽ đạt công suất 4 triệu tấn (năm 2010) và 6 triệu tấn (năm 2020). Cảng Phú Mỹ của Công ty liên doanh Bà Rịa Serece cũng đã xây dựng được 300 m cầu cảng cho tàu với 50 000 DWT và

* TS Kinh tế, Quyền Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam

(1) 50 năm Ban kinh tế Trung ương - Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội - 2000, tr 263

trở thành cảng cho tàu hàng rời lớn nhất khu vực hiện nay ; dự kiến đạt công suất 14 triệu tấn (năm 2010) và 25 triệu tấn (năm 2020).

Năm 2001, các cảng biển Việt Nam đã đón 41 725 lượt tàu, tương đương 176 784 050 GT, tăng 7,5% về số lượt tàu và 16,25% về GT so với năm 2000. Sản lượng hàng hóa thông qua hệ thống cảng đạt 91 415 974 tấn, tăng 10,26% so với năm 2000. Trong đó, hàng container đạt 1 345 587 TEU, tăng 17,25% ; hàng lỏng đạt 31 198 434 tấn, tăng 9,6% ; hàng khô đạt 35 465 521 tấn, tăng 7,5% ; hàng quá cảnh đạt 9 626 847 tấn, tăng 5% ; lượng hành khách qua cảng đạt 403 464 lượt người, tăng 101%. Các khu vực cảng có tốc độ tăng trưởng lượng hàng hóa thông qua cao so với năm 2000 là : khu vực Thành phố Hồ Chí Minh tăng 12,3% ; khu vực Vũng Tàu tăng 22,4% và khu vực Hải Phòng tăng 6,1%. Một số cảng có sản lượng hàng hóa thông qua cao, tăng trưởng khá so với năm trước như : cảng Hải Phòng đạt 8,55 triệu tấn, tăng 11,8% ; cảng Đà Nẵng đạt 1,7 triệu tấn, tăng 21% ; cảng Sài Gòn đạt 10 triệu tấn, tăng 3,1% ; Tân Cảng đạt 392 000 TEU tương đương 3,875 triệu tấn và cảng Bến Nghé đạt 3,4 triệu tấn.

2. Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2010

Để đáp ứng kịp thời nhịp độ phát triển của nền kinh tế đất nước và của ngành hàng hải, ngày 12-10-1999, trên cơ sở những kết quả nghiên cứu, khảo sát của Bộ Giao thông - Vận tải, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 202-1999/QĐ-TTg, phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2010. Mục tiêu được xác định là : *Bảo đảm nhu cầu thông qua toàn bộ lượng hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường*

biển ; phục vụ tốt cho các vùng kinh tế, các khu công nghiệp trong cả nước ; áp dụng những tiến bộ khoa học, công nghệ, tạo điều kiện hội nhập và đủ sức cạnh tranh trong hoạt động cảng biển với các nước khu vực và quốc tế.

Hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2010 sẽ được quy hoạch theo định hướng :

- Cải tạo, nâng cấp, hiện đại hóa các cảng hiện có. Phát huy những điều kiện tự nhiên và cơ sở sẵn có nhằm đầu tư hợp lý, khai thác có hiệu quả hệ thống cảng.

- Tập trung xây dựng một số cảng nước sâu tại các vùng kinh tế trọng điểm cho tàu trên 30 000 DWT. Chú trọng các cảng container, cảng trung chuyển quốc tế, cảng chuyên dùng cho hàng rời, hàng lỏng.

- Xây dựng có trọng điểm và hiệu quả các cảng vệ tinh, cảng địa phương có quy mô vừa và nhỏ có chức năng phục vụ cho sự phát triển kinh tế ở từng địa phương.

Từ mục tiêu và định hướng trên, quy hoạch hệ thống cảng biển Việt Nam được chia thành các nhóm cụ thể như sau :

- * *Nhóm cảng biển phía Bắc* : Gồm các cảng biển từ Quảng Ninh đến Ninh Bình, có tác dụng góp phần thúc đẩy kinh tế khu vực, nhất là vùng trọng điểm kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Trong đó, cảng Hải Phòng là thương cảng tổng hợp phục vụ trực tiếp cho xuất nhập khẩu ngoại thương và trao đổi nội địa. Hàng hóa sẽ được chở trên các tàu hàng bách hóa, tàu container có sức chở đến 10 000 DWT. Cảng Cái Lân là cảng nước sâu tổng hợp, phục vụ cho các khu công nghiệp tập trung và hàng xuất nhập khẩu ngoại thương. Hàng hóa được vận tải trên các tàu lớn từ 10 000 - 50 000 DWT nhằm hỗ trợ cho cảng Hải Phòng. Ngoài ra, các cảng nước

sâu có tiềm năng khác như Đình Vũ, Cẩm Phả và Nam Đồ Sơn sẽ hỗ trợ đắc lực cho việc vận tải hàng hóa của cả vùng. Tổng lượng hàng hóa dự kiến thông qua khu vực này là 60,6 triệu tấn vào năm 2010.

*** Nhóm cảng biển Bắc Trung bộ :** Gồm các cảng biển từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh, phục vụ cho phát triển kinh tế của ba tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và thu hút hàng quá cảnh Thái Lan, Lào qua các đường 7 và 8. Trong đó các cảng Nghi Sơn, Cửa Lò, Vũng Áng là loại cảng tổng hợp, trung tâm của vùng, phục vụ cho xuất nhập khẩu bằng việc sử dụng tàu biển đạt tới 15 000 DWT. Cảng chuyên dùng Nghi Sơn, Thạch Khê sẽ được chú trọng phát triển hơn nữa.

*** Nhóm cảng biển Trung Trung bộ :** Gồm các cảng biển từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi, phục vụ cho phát triển kinh tế của các tỉnh trong khu vực, như vùng kinh tế trọng điểm Đà Nẵng, Quảng Ngãi, các tỉnh Tây Nguyên, Nam Lào và Đông bắc Thái Lan, thông qua quốc lộ 9 và 19B. Các cảng được coi là trọng điểm phát triển gồm : Cảng tổng hợp quốc gia Liên Chiểu - Chân Mây phục vụ cho tàu từ 40 000 đến 50 000 DWT ; cảng tổng hợp quốc gia Đà Nẵng (Tiên Sa - Sông Hàn) dành cho tàu 50 000 DWT ; cảng Dung Quất phục vụ khu công nghiệp lọc hóa dầu và luyện kim dành cho tàu 200 000 DWT.

Lượng hàng hóa dự kiến thông qua nhóm cảng biển này là 45,6 triệu tấn vào năm 2010.

*** Nhóm cảng biển Nam Trung bộ :** Gồm các cảng biển từ Bình Định đến Bình Thuận, phục vụ cho phát triển kinh tế của các tỉnh từ Bình Định đến Bình Thuận, các tỉnh Tây Nguyên (Đắk Lắk, Lâm Đồng) và vùng Đông Bắc Cam-pu-chia, Đông Bắc Thái Lan theo quốc lộ 19, quốc lộ 24. Hai cảng được coi là

trọng điểm phát triển là cảng tổng hợp Qui Nhơn và Nha Trang với quy mô phục vụ cho các tàu tới 30 000 DWT. Khu vực vịnh Văn Phong (Khánh Hòa) sẽ hình thành và phát triển thành cảng trung chuyển quốc tế.

*** Nhóm cảng TP. Hồ Chí Minh - Đồng Nai - Bà Rịa - Vũng Tàu :** phục vụ phát triển kinh tế các tỉnh Nam bộ, một phần Nam Tây Nguyên, trong đó có vùng tam giác kinh tế trọng điểm Sài Gòn - Biên Hòa - Vũng Tàu (có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất cả nước) ; dự báo tổng sản lượng hàng hóa thông qua đạt 102,5 triệu tấn (năm 2010). Các cảng khu vực Thành phố Hồ Chí Minh là thương cảng tổng hợp, phục vụ trực tiếp cho xuất nhập khẩu ngoại thương, cho tàu bách hóa, tổng hợp, tàu container tới 20 000 DWT, tàu dầu và tàu hàng rời tới 25 000 DWT. Các cảng khu vực Vũng Tàu - Thị Vải nhằm hỗ trợ các cảng khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, chuyển tải cho đồng bằng sông Cửu Long và tiếp nhận tàu 30 000 - 60 000 DWT. Khu vực này gồm cảng container, cảng chuyên dùng phục vụ các khu công nghiệp, các ngành kinh tế trong vùng, căn cứ dịch vụ dầu khí Vũng Tàu. Hướng xây dựng cảng container cho tàu 50 000 - 80 000 DWT với trọng điểm ở cảng Cái Mép, Thị Vải, Gò Dầu và Bến Đình - Sao Mai.

*** Nhóm cảng đồng bằng sông Cửu Long** là nhóm cảng tiếp chuyển nội địa từ các cảng lớn trong nước để phục vụ kinh tế từng tỉnh và có thể xuất nhập khẩu trực tiếp với một số nước trong khu vực với tàu 10 000 DWT ; trong đó cảng tổng hợp Cần Thơ được coi là cảng trung tâm của vùng.

*** Nhóm cảng biển ở các đảo Tây Nam và nhóm cảng biển Côn Đảo** được quy hoạch là những nhóm cảng tiềm năng.

3. Cơ chế, chính sách tạo nguồn vốn đầu tư phát triển hệ thống cảng biển

Đối với mọi ngành kinh tế, vấn đề tất yếu là phải xây dựng chiến lược phát triển ngành đúng đắn. Song, khi thực hiện thì việc huy động, tìm nguồn vốn lại là nhân tố quyết định sự thành bại của chiến lược phát triển đó. Ngành hàng hải cũng không nằm ngoài thông lệ trên.

Trước đây, theo cơ chế cũ, Nhà nước đã sử dụng rất nhiều vốn từ ngân sách để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cảng biển. Sau đó, Nhà nước giao lại cho doanh nghiệp cảng tiến hành kinh doanh. Do vậy, nguồn thu từ việc đầu tư cơ sở hạ tầng cảng biển, phí cầu bến, phí neo đậu... đáng lý phải được hoàn lại cho ngân sách nhà nước để tiếp tục tái đầu tư, nhưng thực tế lại trở thành một trong những nguồn doanh thu của doanh nghiệp. Đây là một cơ chế bất hợp lý, làm thất thoát một lượng vốn lớn mà đáng lẽ phải được dành để đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng cảng biển. Hơn nữa việc đầu tư, xây dựng hệ thống cảng biển đòi hỏi một lượng vốn đầu tư khổng lồ và dài hạn. Xin đơn cử một vài con số : vốn đầu tư ban đầu cho một số cảng trọng điểm của quốc gia từ nay đến năm 2003 là 1 296,9 tỷ đồng và đến năm 2010 là 3 150,7 tỷ đồng. Đó là những con số không nhỏ đối với các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay.

Do vậy, cần phải có một chính sách hợp lý để tận dụng và thu hút được nguồn vốn cần thiết cho đầu tư phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam. Nguồn vốn đó bao gồm : Vốn ODA ; vốn vay ưu đãi của các tổ chức tài chính trong nước và quốc tế ; vốn đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài nước ; nguồn thu hồi từ đầu tư cơ sở hạ tầng cảng

biển ; vốn ngân sách ; nguồn thu từ các loại phí ; phát hành trái phiếu ; các nguồn vốn khác.

Để thu hút được các nguồn vốn trên, Chính phủ cần có một chính sách hài hòa và tạo cơ chế cho việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng cảng biển ; vận dụng các hình thức đầu tư phổ biến, theo nguyên tắc : xây dựng - kinh doanh - chuyển giao như BOT, BT, BTO... ; khuyến khích các hình thức liên doanh, liên kết, cổ phần... Đặc biệt, cần khẩn trương ban hành *"Nghị định của Chính phủ về quản lý cơ sở hạ tầng cảng biển"*, theo hướng Nhà nước thống nhất quản lý cơ sở hạ tầng cảng biển, các doanh nghiệp có quyền đầu tư, thuê, khai thác và trả phí, nhằm thống nhất việc quản lý, quy hoạch và sử dụng hệ thống cơ sở hạ tầng cảng biển trong toàn quốc, tận dụng nguồn thu từ các loại phí và tạo nguồn vốn tái đầu tư xây dựng cảng biển.

Trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa kinh tế hiện nay, vị trí địa lý thuận lợi và hệ thống cảng biển có vai trò là cầu nối trong thông thương hàng hóa, sẽ góp phần không nhỏ trong việc đẩy nhanh tiến độ hội nhập của nền kinh tế nước ta. Vì thế, việc xây dựng và phát triển hệ thống cảng biển, đặc biệt là cảng biển nước sâu ở Việt Nam là thực tế cần thiết khách quan. Để làm được điều đó, cần có sự quan tâm, giúp đỡ của Chính phủ, các bộ, ngành có liên quan ; cần tạo cơ chế, chính sách hợp lý trong việc hoạch định, tìm và huy động nguồn vốn đầu tư cho xây dựng, phát triển hệ thống cảng biển ; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cảng biển. Mục tiêu chung cần đạt tới là nhanh chóng đưa hệ thống cảng biển Việt Nam lớn mạnh, đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và ngang tầm khu vực. □

ĐỂ ĐẨY MẠNH CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CẢNG BIỂN Ở QUẢNG NINH

NGUYỄN VĂN QUYNH *

TRONG những năm qua, thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng, nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn. Nền kinh tế đang khởi sắc, nhiều chỉ tiêu kinh tế đã đạt và vượt so với kế hoạch ; đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện, tình hình an ninh, xã hội ổn định. Cùng với sự phát triển của đất nước, tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh có bước phát triển mạnh. Nguồn thu cho ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh mỗi năm đều tăng, từng bước đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong đó, kinh tế cảng biển phát triển với tốc độ nhanh, ổn định và hiệu quả, được phản ánh qua một số chỉ tiêu bình quân từ năm 1996 đến năm 2001 như sau :

Một là, hàng hóa thông qua cảng tăng 13,4%, riêng than xuất khẩu năm 2001 tăng 26,8% so năm 2000 (năm 2001 hàng hóa thông qua cảng Quảng Ninh đạt 10,3 triệu tấn).

Hai là, hành khách qua cảng tăng 140% ; đã hình thành nhiều tuyến vận chuyển hành khách quốc tế định kỳ đến Quảng Ninh.

Ba là, thu ngân sách nhà nước qua hoạt động cảng biển (thuế xuất nhập khẩu,

thuế cước vận tải, lệ phí hàng hải...) chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn.

Bốn là, cơ sở hạ tầng cảng biển đã từng bước được quan tâm đầu tư xây dựng với quy mô ngày càng lớn. Dịch vụ hàng hải không ngừng phát triển và mở rộng cả về quy mô, phạm vi, cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả. Khu vực kinh tế cảng biển đã tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động tại địa phương. Công tác quản lý nhà nước không ngừng được tăng cường. Đội ngũ cán bộ, công chức được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nhằm từng bước đáp ứng tốt hơn yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước...

Những kết quả trên là do các đơn vị cảng biển Quảng Ninh đã chủ động, sáng tạo hiện thực hóa sự chỉ đạo, giúp đỡ của tỉnh và các bộ, ngành tập trung làm tốt các mặt sau đây :

1. Cơ sở hạ tầng của hệ thống cảng biển khu vực Quảng Ninh ngày càng phát triển mạnh. Các trang thiết bị kỹ thuật như

(*) Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh.

cầu tàu, bến phao, luồng lạch, phao tiêu báo hàng hải, thiết bị xếp dỡ... được đầu tư lớn ; do đó, khối lượng hàng hóa tăng, năng suất xếp dỡ nâng cao, thời gian giải phóng tàu nhanh... Vì vậy, đã thu hút thêm nhiều loại tàu, cỡ tàu đến cảng. Đặc biệt là tàu có trọng tải lớn, mớn nước sâu và tàu vận chuyển khách du lịch biển vào cập cảng ngày càng nhiều. Việc đầu tư mở rộng cảng đã làm các hoạt động dịch vụ phát triển, tạo nguồn thu ngân sách trên địa bàn.

2. Các doanh nghiệp làm dịch vụ hàng hải có bước trưởng thành về năng lực, tổ chức sản xuất và cung ứng dịch vụ. Các doanh nghiệp xếp dỡ, đại lý hàng hải, du lịch, cung ứng tàu biển, hoa tiêu hàng hải... đã vươn lên tự khẳng định mình trong cơ chế thị trường. Một số chủ hàng, chủ tàu, đại lý môi giới đã khai thác được thị trường hàng hóa quá cảnh, tạm nhập tái xuất với các tỉnh phía Nam Trung Quốc, làm cho hoạt động hàng hải khu vực Quảng Ninh tăng lên, đồng thời sản xuất, tiêu thụ và xuất khẩu hàng hóa của các ngành than, xăng dầu, bột mỳ, dầu thực vật trên địa bàn tỉnh ổn định và tiếp tục tăng trưởng.

3. Công tác quản lý nhà nước ở các cảng biển luôn không ngừng đổi mới và có những đóng góp tích cực vào việc phát triển kinh tế cảng biển. Đây là một lĩnh vực ngày càng có vị trí quan trọng trong tổng thể chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ninh trong những năm tới. Các cơ quan quản lý nhà nước liên quan như Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng, Y tế, Môi trường... đã làm tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình và phối hợp thực hiện tốt, có hiệu quả "Quy chế phối hợp hoạt động giữa các cơ quan, tổ chức làm nhiệm vụ quản lý nhà nước tại cảng biển" theo

Quyết định 202/TTg của Thủ tướng Chính phủ. Kịp thời giải quyết những vướng mắc phát sinh cho tàu thuyền và doanh nghiệp, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh. Trong đó nổi bật là, mạnh dạn cải cách thủ tục hành chính phục vụ tàu thuyền ra vào cảng thuận lợi, tách các thủ tục hành chính với công tác kiểm tra, kiểm soát chuyên ngành. Xây dựng và công khai các quy chế, thể lệ quản lý, từ đó hạn chế phiền hà, thiết lập được chế độ quản lý một cách kỷ cương, nền nếp ngay từ đầu, bảo đảm an ninh quốc gia, ngăn ngừa sự thâm lậu hàng hóa vào nội địa, giữ vững trật tự an toàn hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường, tạo điều kiện cho tàu thuyền và các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ hàng hải được thuận lợi và dễ dàng hơn...

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt làm được, trong quá trình thực hiện các hoạt động lĩnh vực kinh tế cảng biển ở Quảng Ninh còn một số vấn đề cần tháo gỡ :

- Một là, hệ thống cảng biển khu vực Quảng Ninh mang tính chất chuyên dùng là chủ yếu (than, dầu và khách), thương cảng tổng hợp (Cái Lân, Mũi Chùa, Vạn Gia hiện còn nhỏ) lại đang trong giai đoạn xây dựng. Mỗi cụm cảng chỉ có một cầu hoặc một bến phao, hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt chưa đồng bộ, mặt hàng chưa đa dạng, chủ yếu hàng rời, giá trị thấp, do đó chưa tạo được sức hấp dẫn trong việc thu hút tàu, thuyền, hàng hóa qua cảng.

- Hai là, các doanh nghiệp cảng và khai thác dịch vụ hàng hải phổ biến quy mô nhỏ và vừa (chủ yếu là đại diện hoặc chi nhánh của các công ty có trụ sở chính tại Hải Phòng, Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh) nên chưa có điều kiện tổ chức, đầu tư để

nâng cao năng suất, chất lượng dịch vụ dẫn đến khả năng cạnh tranh ở mức độ hạn chế.

- *Ba là*, nhận thức về kinh tế cảng biển trên cả góc độ quản lý nhà nước và khai thác kinh doanh dịch vụ hàng hải còn hạn chế. Thủ tục hành chính chưa đổi mới đồng bộ và triệt để nên tàu thuyền còn phải xuất trình nhiều loại giấy tờ gây nhiều phiền hà. Đội ngũ cán bộ, công chức thuộc lĩnh vực hàng hải, còn nhiều mặt bất cập, do đó hạn chế đáng kể trong khai thác dịch vụ hàng hải, cả về số lượng và giá trị dịch vụ.

Địa thế Quảng Ninh có nhiều thuận lợi cho việc phát triển kinh tế biển. Với chiều dài 250km bờ biển, có hàng nghìn đảo lớn nhỏ, vùng biển này là một trong bốn ngư trường trọng điểm của cả nước giàu về nguồn lợi, phong phú về chủng loại và rộng lớn về diện tích nuôi trồng thủy sản. Bờ biển kéo dài từ thành phố Hạ Long đến thị xã Móng Cái, được bao bọc bởi các Vịnh lớn kín gió, nước sâu, thuận lợi cho việc phát triển cảng biển. Nằm trong vùng phát triển kinh tế trọng điểm phía Bắc, Quảng Ninh có nhiều tài nguyên khoáng sản thuận lợi cho một số ngành công nghiệp phát triển, khai thác từ 20 đến 23 triệu tấn quặng/năm, tiêu thụ chủ yếu thông qua hệ thống cảng biển. Sản lượng Ciment sẽ khoảng 6 triệu tấn, trong đó khoảng 4 - 4,5 triệu tấn Clinke sẽ vận chuyển vào các tỉnh phía Nam. Ngoài ra còn có nhiều mặt hàng của các nhà máy thuộc khu Công nghiệp Cái Lân, các nhà máy cán thép tại Cẩm Phả... Quảng Ninh có đường biên giới với các tỉnh phía Nam Trung Quốc (nơi có tốc độ phát triển kinh tế cao), có di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long, thuận lợi cho hoạt động du lịch phát triển, nhất là du lịch biển. Dự kiến đến năm 2005, Quảng Ninh

sẽ đón từ 3,5 đến 4 triệu lượt khách quốc tế, trong đó sẽ có hàng chục vạn khách du lịch đến bằng đường biển. Nghị quyết Đại hội IX của Đảng chỉ rõ : "Các vùng, khu vực đều phát huy lợi thế để phát triển, tạo nên thế mạnh của mình theo cơ cấu kinh tế mở, gắn với nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước"⁽¹⁾. Chính vì vậy, hệ thống cảng biển vùng Đông Bắc phải thực sự là cửa mở lớn ở Bắc Bộ, nối với khu vực và thế giới, phải trở thành một khu vực phát triển năng động về kinh tế ven biển, phải có tốc độ tăng trưởng cao và bền vững, tạo nên thế và lực cho sự phát triển bên trong và làm đối ứng cạnh tranh với khu vực.

Để kinh tế cảng biển khu vực Quảng Ninh phát triển nhanh có hiệu quả hơn trong những năm tới cần quan tâm giải quyết một số vấn đề lớn sau đây :

Thứ nhất: Nâng cao nhận thức vị trí, vai trò, chức năng của cảng biển, vùng Đông Bắc với hội nhập quốc tế

Trên cơ sở xác định rõ địa thế vùng Đông Bắc trong tổng thể chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước, cần xây dựng định hướng phát triển cảng biển một cách toàn diện. Bởi lẽ, cảng biển là đầu mối giao thông đồng bộ giữa đường biển, đường bộ, đường sông và đường sắt ; tạo ra thị trường thương mại và ngoại thương cũng như các dịch vụ liên quan đến hàng hóa...; tạo môi trường thuận lợi để phát triển dịch vụ hàng hải và khai thác cảng như đại lý, môi giới hàng hải, cung ứng, mua - bán tàu, ủy thác thu xếp hoa tiêu, cầu bến, lai dắt, sửa chữa, cứu hộ cứu nạn... Làm tốt điều đó sẽ tạo ra thị trường vận tải, tạo môi trường

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 179

du lịch và kích thích du lịch phát triển, hình thành các trung tâm công nghiệp, khu chế xuất, các dịch vụ, hình thành các khu đô thị, giải quyết thêm việc làm, phân công lại lao động, tạo nguồn thu cho ngân sách Nhà nước và góp phần xóa đói giảm nghèo.

Thứ hai : Chủ động thúc đẩy tiến độ đầu tư xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng cảng biển theo kế hoạch được Nhà nước phê duyệt

Quảng Ninh hiện có 4 khu vực hàng hải lớn là : Hạ Long, Cẩm Phả, Mũi Chùa (huyện Tiên Yên) và Vạn Gia (thị xã Móng Cái), các khu vực này cách nhau từ 50 đến 200km. Theo quy hoạch hệ thống cảng biển Việt Nam đã được Chính phủ phê duyệt thì ngoài 4 khu vực trên còn thêm khu vực tiềm năng tại Điện Công (thị xã Uông Bí).

Ngoài các cảng biển, khu vực hệ thống cảng thủy nội địa kéo dài từ Đông Triều cho đến Móng Cái cho các phương tiện sông ra, vào xếp dỡ vận chuyển hàng hóa đã góp phần rất lớn vào tốc độ phát triển kinh tế của địa phương.

Để thực hiện tốt kế hoạch phát triển cảng biển đã được Nhà nước phê duyệt, có thể hình dung :

- Khu vực Hạ Long, gồm các cảng tổng hợp, các nhà máy đóng và sửa chữa tàu biển, các trung tâm dịch vụ hàng hải lớn như : Cảng Cái Lân, Cảng xăng dầu B12, Cảng khách Hòn Gai, Nhà máy đóng tàu Hạ Long... Trước mắt, cần thúc đẩy tiến độ xây dựng và chuẩn bị cho khai thác ba bến số 5, 6, 7 Cái Lân, tiếp nhận loại tàu 3 - 4 vạn tấn ; đồng thời, tiến hành nâng cấp bến số 1 và bến phụ hiện đang khai thác. Xây dựng bến số 2 từ 1-2 vạn tấn cho hai nhà máy Cinment Hạ Long và

Thăng Long. Xây dựng 2 bến, một bến 3 vạn tấn và một bến 5 vạn tấn cho Cảng dầu B12, thay thế bến phao hiện nay. Xây dựng, cải tạo Cảng tàu khách Hòn Gai đủ năng lực tiếp nhận các tàu khách lớn như du khách ở trong nước và nước ngoài đến thăm di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long.

- Khu vực Cẩm Phả, với chủ yếu là hệ thống cảng chuyên dùng cho tiêu thụ và xuất khẩu than nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành than. Trong thời gian tới, và nhất là trong môi trường cạnh tranh xuất khẩu hiện nay, để hạ giá thành bán than ra nước ngoài cần phải dùng tàu lớn vận chuyển, nên cần đầu tư kéo dài cầu cảng, hạ độ sâu thủy điện, khơi luồng vào cảng đủ khả năng tiếp nhận đồng thời hai tàu lớn. Xây dựng khu chuyển tải Hòn Nét thành khu trung chuyển cho tàu hàng trăm ngàn tấn ra vào thuận lợi. Đây là khu vực tiềm năng rất lớn cho phát triển hàng hải không những cho khu vực Quảng Ninh mà cho cả miền Bắc, vì ở đây có vùng neo đậu với độ rộng và độ sâu lý tưởng.

- Khu vực Mũi Chùa có hệ thống cảng tiềm năng phục vụ trung chuyển hàng hóa cho thị trường các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng và có thể cả tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc). Thời gian tới, một mặt cần sớm hoàn thiện đoạn đường bộ nối Quảng Ninh với Lạng Sơn ; mặt khác, tìm tòi một số biện pháp nhằm thu hút tàu, hàng hóa đến cảng.

- Khu vực Vạn Gia gồm các cảng nằm sát biên giới Việt Nam - Trung Quốc, chủ yếu là cho tàu thuyền vừa và nhỏ, hàng hóa buôn bán tiểu ngạch, với mật độ tàu thuyền qua lại rất lớn. Cảng Vạn Gia cũng là cảng du lịch, đón khách trong và ngoài nước đi tham quan du lịch ở Trà Cổ, Móng Cái, Đông Hưng (Trung Quốc) và các tua

du lịch xuyên vùng. Thời gian tới cần có chính sách quản lý phù hợp với tính chất và đặc thù của cảng này.

Thứ ba : Về hoạt động của các tổ chức dịch vụ hàng hải

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh có năm đơn vị làm nhiệm vụ quản lý và khai thác cảng ; ba đơn vị chuyên trách về bốc dỡ, giao nhận hàng hóa ; 15 tổ chức đại lý hàng hải và cung ứng tàu biển ; ba đơn vị kinh doanh tàu lai ; một công ty hoa tiêu, hai nhà máy đóng và sửa chữa tàu biển... Nhìn chung, các đơn vị trên hoạt động dịch vụ hàng hải tương đối năng động, có khả năng cạnh tranh cao, không độc quyền, thúc đẩy hoạt động dịch vụ hàng hải phát triển.

Tuy nhiên, hầu hết các tổ chức này còn nhỏ (chủ yếu là các đại diện hoặc chi nhánh), do vậy mô hình tổ chức năng lực cán bộ và thẩm quyền còn nhiều hạn chế, nên còn gây cản trở rất lớn đến khai thác hoạt động dịch vụ hàng hải trên địa bàn. Vì vậy, cần sớm xem xét quy mô thẩm quyền của tổ chức bộ máy ; nghiên cứu mức độ đầu tư trang thiết bị kỹ thuật công nghệ ; rà soát và nâng cao năng lực cán bộ quản lý, công chức chuyên môn nghiệp vụ về hàng hải nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế và công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thứ tư : Về công tác cải cách thủ tục hành chính trong hệ thống cảng biển khu vực Quảng Ninh

Để đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính tại cảng biển nhằm tạo nhanh sự hội nhập trong lĩnh vực kinh tế cảng biển với khu vực và thế giới, đòi hỏi phải có sự chỉ đạo cương quyết và đồng bộ đối với các

cơ quan, tổ chức làm công tác quản lý nhà nước tại cảng biển. Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ đề nghị cảng biển khu vực Quảng Ninh thực hiện các nội dung như đề án về "cải cách thủ tục hành chính tại các cảng biển khu vực Thành phố Hồ Chí Minh".

Thứ năm : Công tác chỉ đạo các hoạt động lĩnh vực kinh tế cảng biển ở Quảng Ninh

Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tăng cường công tác chỉ đạo hoạt động hàng hải trên địa bàn, nhất là các lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch phát triển hệ thống cảng biển Quảng Ninh ; tiến độ thi công, xây dựng cơ sở hạ tầng cảng biển, tổ chức hoạt động dịch vụ hàng hải ; vấn đề môi trường như rừng đầu nguồn, khai thác tài nguyên có ảnh hưởng đến sa bồi hệ thống cảng biển... Đồng thời, coi trọng xây dựng kế hoạch, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện chương trình hội nhập kinh tế quốc tế, theo hướng đề nghị Nhà nước sửa đổi, bổ sung các chế định để phù hợp với thực tế và với luật pháp và thông lệ quốc tế. Mặt khác, tăng cường đào tạo nguồn nhân lực cho ngành hàng hải nhằm thúc đẩy kinh tế cảng biển khu vực Quảng Ninh không ngừng phát triển.

Đẩy mạnh các hoạt động lĩnh vực kinh tế cảng biển ở Quảng Ninh là góp phần thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại nhằm tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Vì vậy, đòi hỏi các cấp, các ngành, các bộ ngành quan tâm xây dựng hệ thống cảng biển vùng Đông bắc nói chung và hệ thống cảng biển ở Quảng Ninh nói riêng để hệ thống cảng biển này sớm đưa vào sử dụng, phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. □



DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN - một vấn đề toàn cầu

Ô-MƠ Ê -TUA

DÂN số và phát triển có mối quan hệ hết sức chặt chẽ. Tiến bộ trong lĩnh vực này sẽ là tiền đề và động lực cho lĩnh vực kia và ngược lại. Thực tế cho thấy, việc nâng cao chất lượng cuộc sống phụ thuộc chủ yếu vào việc giải quyết đồng bộ vấn đề : vừa phải nâng cao tỷ lệ tăng trưởng kinh tế vừa phải giảm mức tăng dân số. Có như vậy, thu nhập của nhân dân mới được nâng cao, đời sống mới được cải thiện.

Phát triển bền vững

Hội nghị Quốc tế về Dân số và Phát triển (ICPD) tại Cai-rô (Ai Cập) năm 1994 đã cho rằng, dân số, đói nghèo, hình mẫu sản xuất và tiêu dùng, môi trường sinh thái là những vấn đề có liên quan chặt chẽ đến mức không có vấn đề nào trong đó có thể giải quyết riêng lẻ. Hiện nay, tình trạng nghèo đói phổ biến trên diện rộng : khoảng 1,3 tỷ người đang phải sống với mức nghèo tuyệt đối. Nếu mức sống không được nâng lên thì 20% số dân thế giới, trong đó có trẻ em, sẽ tiếp tục phải chịu cảnh suy dinh dưỡng, bệnh tật và thất học. Do vậy, thách thức lớn của nhân loại là làm thế nào để nâng cao mức sống cho mọi người.

Phát triển bền vững chính là để giải quyết thách thức này. Phát triển bền vững là sự phát triển mạnh mẽ mọi lĩnh vực sản xuất vật chất đi đôi với việc nâng cao nhanh

chóng lĩnh vực hoạt động tinh thần ; tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội. Phát triển bền vững phải là sự phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường tự nhiên. Phát triển bền vững là cơ sở để thực hiện xóa đói nghèo, từ đó thực hiện tốt các chương trình, kế hoạch dân số, giảm được tốc độ tăng dân số và đạt được sự ổn định dân số.

Các quyền về sinh sản gắn bó một cách tổng thể với sự phát triển bền vững. Nguồn tài nguyên thiên nhiên sẽ được bảo vệ một khi các cá nhân có được thông tin và dịch vụ cần thiết, để có kế hoạch xây dựng cho mình một gia đình ít con và khỏe mạnh. Điều tiên quyết là, nếu giảm dân và ổn định tỷ lệ gia tăng dân số, các nước đang phát triển sẽ có thời gian để tiến hành các bước nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân trong khi vẫn bảo vệ được môi trường, như : bảo toàn nguồn nước sạch, đưa vào ứng dụng các phương pháp canh tác ổn định và hạn chế việc thải ra các loại khí hiệu ứng nhà kính.

Dân số gắn với tăng trưởng kinh tế bền vững, bảo đảm công bằng xã hội

Trong gần toàn bộ lịch sử nhân loại, dân số tăng rất chậm, nhưng trong nửa thế

* Trường Đại diện Quỹ dân số Liên hợp quốc (UNFPA) tại Việt Nam

kỷ qua, dân số tăng hơn gấp đôi và đã đạt tới con số 6 tỷ vào cuối năm 1999. Dân số sẽ tiếp tục tăng trong những thập niên tới, và toàn bộ mức tăng dân số, dự báo sẽ diễn ra ở các nước đang phát triển. Tuy nhiên, hiện nay, tốc độ gia tăng thực sự đã chậm dần lại và xu hướng thiên về loại gia đình quy mô nhỏ hơn. Trong 10 năm tới, việc tiếp tục làm giảm tốc độ gia tăng dân số sẽ phụ thuộc vào cách lựa chọn và hành động của cá nhân, chính sách dân số và phát triển của các chính phủ, cũng như cam kết quốc tế giảm nghèo đói.

Tăng trưởng kinh tế bền vững, xã hội tiến bộ, văn minh là điều kiện thuận lợi để thực hiện công bằng xã hội. Đến lượt nó, công bằng xã hội làm cho mỗi gia đình, mỗi cá nhân có cuộc sống lành mạnh, văn minh, góp phần làm giảm tốc độ gia tăng dân số. Những nội dung chính để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và bảo đảm công bằng xã hội là :

- Giải quyết việc làm cho người lao động, sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Thông qua các chương trình phát triển kinh tế, đa dạng hóa các hình thức giải quyết việc làm, tạo nhiều chỗ làm việc mới, giảm tỷ lệ thất nghiệp.

- Thực hiện tốt chương trình xóa đói giảm nghèo, có chính sách trợ giúp cho người nghèo, tạo mọi điều kiện thuận lợi về vốn, công cụ và môi trường sản xuất để người nghèo tự vươn lên.

- Chăm sóc sức khỏe cộng đồng, phấn đấu để mọi thành viên trong xã hội đều được chăm sóc sức khỏe ; đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ y tế, dịch vụ sức khỏe sinh sản.

- Phát triển giáo dục nhằm mục tiêu nâng cao dân trí ; phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Coi

trọng việc đầu tư cho công tác giáo dục ở những vùng đặc biệt khó khăn, vùng sâu vùng xa ; giúp đỡ con em người dân tộc thiểu số, những gia đình nghèo có điều kiện học tập.

Nâng cao vai trò của người phụ nữ

Phụ nữ đóng vai trò then chốt trong quá trình phát triển. Tuy nhiên, so với nam giới, những phụ nữ nghèo ít có cơ hội sở hữu đất đai, được cấp tín dụng, có công ăn việc làm hay được bảo đảm tài chính vào lúc tuổi già. Những phụ nữ nghèo cũng ít được đến trường, không được ăn uống đầy đủ, ít được chăm sóc sức khỏe và nhận lương thấp hơn nam giới. Trong khi đó, nếu phụ nữ được giáo dục tốt và có thu nhập cao hơn, thì cũng có nghĩa là thai nhi khỏe mạnh hơn và sinh con an toàn hơn. Thông thường thì phụ nữ dành nhiều thu nhập cho gia đình hơn nam giới. Khi phụ nữ tham gia vào quá trình phát triển, gia đình, xã hội và quốc gia sẽ được hưởng lợi hết sức to lớn về kinh tế, xã hội và văn hóa.

Sức khỏe sinh sản tạo điều kiện cho phụ nữ có những cơ hội và lựa chọn khác nhau trong cuộc đời của mình. Gia đình nhỏ thì con cái khỏe mạnh hơn, ít nhiễm bệnh lây truyền qua đường tình dục hơn, sinh con an toàn hơn. Sức khỏe sinh sản tốt có thể cứu được rất nhiều mạng sống. Hằng năm, có khoảng 500 000 phụ nữ chết do hầu hết các nguyên nhân liên quan đến thai sản, lẽ ra có thể tránh được, và nhiều hơn 15 lần con số đó là những phụ nữ đang bị thương tật hay viêm nhiễm.

Năm 1994, cũng tại Hội nghị Quốc tế về Dân số và Phát triển (ICPD), 180 nước đã thông qua chương trình 20 năm về bảo vệ quyền sức khỏe tình dục và sức khỏe sinh sản. Chương trình hành động ICPD khẳng định quyền của phụ nữ được chăm

sức khỏe sinh sản, bao gồm kế hoạch hóa gia đình và sức khỏe tình dục mà không bị ép buộc dưới bất kỳ hình thức nào. Chương trình tái khẳng định quyền tự do quyết định về số con và khoảng cách giữa các lần sinh ; khẳng định sức khỏe sinh sản là tình trạng hoàn toàn sung mãn về thể chất, tinh thần và xã hội, chứ không đơn thuần là không bị bệnh tật hoặc không ốm yếu. Chương trình cũng chỉ ra rằng, con người có quyền tự do quyết định liệu có con hay không, khi nào có con, cũng như khoảng cách giữa các lần sinh v.v.

Năm 1999, các nhà lãnh đạo trên thế giới gặp nhau để tổng kết những tiến bộ đã đạt được trong việc thực hiện các mục tiêu của ICPD và đề xuất những hoạt động chủ yếu cho tương lai. Năm năm sau Hội nghị Cai-rô, nhiều nước đã tiến hành các biện pháp nhằm cung cấp thông tin và dịch vụ sức khỏe sinh sản. Tiến bộ đặc biệt rõ rệt là trong việc cải thiện kế hoạch hóa gia đình. Nhiều nước đã thực hiện các chính sách hay pháp lệnh thúc đẩy bình đẳng và công bằng giới cũng như tăng quyền năng cho phụ nữ, bao gồm cả quyền thừa kế, sở hữu tài sản, việc làm và quyền được bảo vệ khỏi tình trạng bạo hành xuất phát từ giới.

Thành tựu của Việt Nam trong lĩnh vực dân số và phát triển

Việt Nam bắt đầu thực hiện Chương trình Dân số từ năm 1960, sau khi Chính phủ ban hành chỉ thị đầu tiên về dân số, khuyến khích các cặp vợ chồng thực hiện kế hoạch hóa gia đình (KHHGD). Một tiến bộ quan trọng đã diễn ra vào năm 1993, đó là khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra Nghị quyết về một chính sách mới về dân số và KHHGD và Chính phủ ban hành một chiến lược hoạt động cho việc thực hiện chính sách đó. Kể từ đó, Việt nam đã liên tục giảm tỷ lệ tăng trưởng dân số và tỷ lệ sinh thông qua việc

thực hiện một Chương trình KHHGD toàn diện và sâu rộng.

Việt Nam đã thực hiện thành công Chương trình Dân số vào năm 2000. Từ năm 1989 đến năm 1999, tổng tỷ suất sinh đã giảm từ 3,8 xuống còn 2,3. Tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai tăng từ 58% năm 1988 lên 75% năm 1997. Cùng thời gian này, những thành tựu đáng kể cũng được ghi nhận trong lĩnh vực chăm sóc bà mẹ và trẻ em cũng như trong việc giảm tỷ lệ mù chữ và thực hiện bình đẳng giới trong giáo dục. Trong số 7 chỉ số mà Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA) sử dụng để phân loại các nước cho mục đích phân bổ ngân sách, Việt Nam đã đạt được tất cả ngưỡng chỉ số, trừ chỉ số về tử vong người mẹ. Năm 1999, Liên hợp quốc đã trao Giải thưởng Dân số cho Ủy ban Quốc gia về Dân số và KHHGD Việt Nam, công nhận những nỗ lực bền bỉ của Việt nam trong lĩnh vực dân số và phát triển.

Trong suốt thập niên qua, mối quan hệ qua lại giữa dân số và phát triển kinh tế - xã hội bền vững là mối quan tâm lớn của Chính phủ Việt Nam. Mối quan hệ này được phản ánh trong rất nhiều chiến lược, chính sách và kế hoạch khác nhau. Nhiều bước đi quan trọng đã được xúc tiến. Năm 2000, Chính phủ Việt Nam đã thông qua Chiến lược Dân số Quốc gia cho giai đoạn 2001 - 2010. Chiến lược dân số mới này được xây dựng với sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chính phủ và các đoàn thể quần chúng liên quan, và là một bộ phận của Chiến lược Phát triển Kinh tế - Xã hội cho giai đoạn 2001 - 2010.

Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA) tại Việt Nam

UNFPA là nguồn tài trợ lớn nhất thế giới cho lĩnh vực dân số. Khi được yêu cầu, UNFPA giúp các nước đang phát triển và

những nước đang trong giai đoạn quá độ kinh tế cải thiện các dịch vụ sức khỏe sinh sản (SKSS) và KHHGD, cũng như giúp xây dựng các chính sách và chiến lược dân số hỗ trợ cho phát triển bền vững. Khoảng 25% ngân sách hỗ trợ cho lĩnh vực dân số của các nhà tài trợ được chuyển qua UNFPA. Kể từ năm đầu hoạt động (1969) cho đến nay, UNFPA đã tài trợ khoảng 5 tỷ USD cho các hoạt động liên quan đến dân số.

UNFPA hỗ trợ cho Việt Nam từ năm 1977. Cho đến năm 2000, tổng số ngân sách Quỹ hỗ trợ cho Việt Nam trong các lĩnh vực dân số và SKSS, bao gồm chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em và KHHGD, đã lên tới hơn 112 triệu USD.

Hoạt động của UNFPA tại Việt Nam đã góp phần nâng cao năng lực của Ủy ban Quốc gia về Dân số và Kế hoạch hóa gia đình, Bộ Y tế và các cơ quan liên quan khác trong quản lý các chương trình quốc gia về dân số và SKSS ; trợ giúp việc đánh giá, cập nhật các chính sách dân số - phát triển và việc thực hiện ở các cấp hành chính.

Trong chương trình Quốc gia (CTQG) VI - giai đoạn 2001 - 2005, UNFPA tiếp tục hỗ trợ Việt Nam nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân thông qua việc cải thiện SKSS, cân đối hài hòa giữa động thái dân số và phát triển kinh tế - xã hội bền vững, đồng thời bảo đảm cơ hội bình đẳng trong phát triển xã hội. Trong khuôn khổ CTQG VI, hai tiểu chương trình đã được xây dựng : Tiểu chương trình SKSS và Tiểu chương trình Chiến lược dân số và phát triển. Mỗi tiểu chương trình đều bao gồm các dự án thành phần cho cả tuyến trung ương và tuyến tỉnh. Bên cạnh đó, UNFPA còn hỗ trợ trực tiếp cho 11 tỉnh, nhằm nâng cao các dịch vụ chăm sóc SKSS tại các tỉnh này. □

PHÁT HUY ...

(Tiếp theo trang 40)

Khi thừa nhận tôn giáo là hiện tượng xã hội còn tồn tại lâu dài, chúng ta ý thức được rằng, dù muốn hay không, một khi còn tồn tại, tôn giáo vẫn là nhu cầu tinh thần của bộ phận đông bào có đạo. Nó vẫn phát huy ảnh hưởng của mình trên các chiều hướng của xã hội. Trong trường hợp này, thái độ đúng đắn, biện chứng nhất là phát huy các yếu tố văn hóa, đạo đức tốt đẹp của nó, làm cho các yếu tố đó có ý nghĩa hơn khi tham gia vào quá trình hoàn thiện, phát triển văn hóa và nhân cách con người Việt Nam.

Mặt khác, thừa nhận khả năng tồn tại lâu dài của tôn giáo cũng đồng nghĩa với việc thừa nhận rằng, trong điều kiện xã hội đang diễn ra cuộc đấu tranh giai cấp thì tôn giáo vẫn và sẽ là một công cụ mà các thế lực chính trị phản động luôn tìm cách lợi dụng, nhất là hiện nay trên thế giới tôn giáo đang có xu hướng bị chính trị hóa. Vì lẽ đó, thái độ cảnh giác để ngăn ngừa có hiệu quả các mưu toan lợi dụng tôn giáo chống phá công cuộc xây dựng hòa bình của đất nước là rất cần thiết. Làm được điều này không chỉ lợi ích dân tộc được bảo đảm mà những nét hay, nét đẹp trong văn hóa, đạo đức tôn giáo cũng được bảo tồn. Đó là nguyện vọng chân chính của bất kỳ tôn giáo chân chính nào, của bất kỳ tín đồ tôn giáo chân chính nào.

Cuối cùng, có thể nói các giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo chỉ được phát huy thông qua một cơ chế phù hợp. Vì vậy, hoàn thiện pháp luật, thực thi luật pháp nghiêm minh là cách để các giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo phát huy ảnh hưởng và cũng là cách để hạn chế những tiêu cực phát sinh bởi sự lợi dụng tôn giáo của các thế lực chính trị phản động. □

CHÍNH PHỦ HỌP PHIÊN THƯỜNG KỲ, THÁNG 6-2002

NGÀY 28 và 29 tháng 6, tại Hà Nội, Chính phủ đã họp phiên thường kỳ, dưới sự chủ trì của Thủ tướng Phan Văn Khải.

Chính phủ đã tập trung thảo luận tình hình thực hiện kế hoạch, ngân sách năm 2001 và thực hiện nhiệm vụ kế hoạch, ngân sách 6 tháng đầu năm 2002 (do Bộ kế hoạch và Đầu tư trình). Chính phủ nhận định, tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm vẫn duy trì mức tăng trưởng khá. Đã vượt qua được nhiều khó khăn, thách thức, huy động được mọi nguồn lực cho phát triển. Nổi bật là sản xuất công nghiệp phát triển khá cao cả về khối lượng sản xuất, cả về tiêu thụ các sản phẩm chủ yếu; có những chuyển biến tích cực trong chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông - công nghiệp; hoạt động dịch vụ có bước phát triển; nhiều nguồn lực phát triển đã được huy động khá hơn, nhất là nguồn vốn trong dân cư; nhiều công trình xây dựng bảo đảm được tiến độ; thu ngân sách đạt khá... Chính phủ đã dành nhiều thời gian phân tích, đánh giá kết quả thực hiện ngân sách Nhà nước năm 2001, tình hình ngân sách Nhà nước 6 tháng đầu năm 2002 và các giải pháp chủ yếu nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ tài chính - ngân sách Nhà nước năm 2002 (do Bộ Tài chính trình). Thu chi ngân sách Nhà nước 6 tháng đầu năm 2002 đạt khá, nhưng nhiệm vụ ngân sách Nhà nước 6 tháng cuối năm vẫn còn nặng, nhiều nguồn thu đang giàu tiềm năng, nhưng thất thu còn lớn, nhiều nhiệm vụ chi quan trọng thực hiện chậm, thiên tai diễn biến khó lường... Để hoàn thành nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2002, Chính phủ đòi hỏi các bộ, ngành và địa phương phải nỗ lực phấn đấu, thu đạt và vượt dự toán, thực hiện tốt nhiệm vụ chi phát triển kinh tế - xã hội, tăng dự phòng, dự trữ phòng chống thiên tai, thực hiện các nhiệm vụ quan trọng phát sinh và chuẩn bị nguồn gốc đầu cho năm 2003. Chính phủ thảo luận Dự án luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo (do Thanh tra Nhà nước trình). Việc sửa đổi Luật khiếu nại, tố cáo phải quán triệt các

quan điểm của nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng, khắc phục tình trạng trùng chéo, đùn đẩy trách nhiệm, gây khó khăn, chậm trễ trong công việc và giải quyết khiếu kiện của dân. Nâng cao vai trò của tòa hành chính trong việc giải quyết khiếu kiện hành chính. Về dự án pháp lệnh động viên công nghiệp (do Bộ Quốc phòng trình). Chính phủ xét thấy, đây là dự án hết sức cần thiết, là yếu tố quan trọng trong việc xây dựng hệ thống các cơ sở công nghiệp dân sinh, chuẩn bị động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng và bố trí hệ thống công nghiệp quốc phòng một cách hợp lý, bảo đảm nguồn lực cho quân đội trong mọi tình huống. Chính phủ cũng cho nhiều ý kiến về công tác chỉ đạo điều hành của Chính phủ trong 6 tháng đầu năm 2002 (do Văn phòng Chính phủ trình).

Phát biểu tổng kết phiên họp, Thủ tướng Phan Văn Khải nhấn mạnh: tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2001 có nhiều chuyển biến tích cực. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước ước đạt khoảng 6,74% (kế hoạch cả năm là 7,0 - 7,3%). Tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp khoảng trên 13,9% (kế hoạch cả năm là 14%). Tốc độ tăng giá trị các ngành dịch vụ khoảng trên 6,4% (kế hoạch cả năm là 6,8 - 7%)... Trong 6 tháng cuối năm phải tập trung đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; đẩy nhanh giải ngân các nguồn vốn đầu tư; thực hiện đồng bộ các giải pháp tháo gỡ những khó khăn, ách tắc nhằm đạt mức kim ngạch xuất khẩu cao nhất; tiếp tục sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp Nhà nước; thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo và giải quyết việc làm; nâng cao hoạt động giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; tích cực phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và ngăn ngừa tai nạn giao thông; chống trốn thuế, lậu thuế và gian lận thương mại... Thủ tướng yêu cầu các bộ, ngành, các cấp, các cơ sở sản xuất phát huy những nhân tố tích cực, vượt qua những khó khăn, thách thức nhằm thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2002. □

KỶ HỌP THỨ BA HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

NGÀY 29 và 30-6-2002, tại Hà Nội, Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2001 - 2005 đã họp kỳ thứ ba dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, phụ trách công tác lý luận của Đảng, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương. Tới dự có đồng chí Trần Đình Hoan, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; đồng chí Nguyễn Khoa Điềm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương cùng các đồng chí thành viên Hội đồng và các Thư ký Khoa học của Hội đồng.

Đồng chí Nguyễn Phú Trọng đã khai mạc kỳ họp, báo cáo sơ kết công tác 6 tháng đầu năm, chương trình công tác 6 tháng cuối năm 2002 và nêu lên những ý kiến chỉ đạo cuộc Hội thảo lý luận tại kỳ họp.

Trong 6 tháng đầu năm 2002, Hội đồng Lý luận Trung ương đã hoàn thành một số công việc: đã thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị giao về nghiên cứu một số vấn đề lý luận kết hợp với thực tiễn.

Hội đồng đã góp ý kiến vào một số dự thảo văn kiện trình các Hội nghị Trung ương khóa IX như: Dự thảo các văn bản trình Hội nghị Trung ương 5, trọng tâm là văn bản về "Nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới" và dự thảo các văn bản trình Hội nghị Trung ương 6. Hội đồng phối hợp với Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và các cơ quan hữu quan xây dựng kế hoạch đấu tranh chống các luận điệu sai trái. Thường trực Hội đồng đã cùng lãnh đạo Ban Khoa giáo Trung ương, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tổ chức triển khai các chương trình và nghiệm thu các đề tài khoa học xã hội cấp Nhà nước, xem xét những đề nghị bổ sung một số đề tài và chuyên đề nghiên cứu; phối hợp chỉ đạo tổng kết một số chương trình và nghiệm thu một số đề tài còn lại của giai đoạn 1996 - 2000; định kỳ làm việc 6 tháng mỗi lần với Ban chủ nhiệm các Chương trình khoa học xã hội cấp Nhà nước giai đoạn 2001 - 2005.

Hội đồng đã xây dựng các Quy chế làm việc của Hội đồng, của Thường trực Hội đồng, các Tiểu ban, Ban Thư ký và Văn phòng của Hội đồng; đã xuất bản cuốn "Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2001 - 2005" và ra "Bản tin nội bộ".

Về chương trình công tác 6 tháng cuối năm 2002, Hội đồng tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động lý luận - thực tiễn; nghiên cứu một số đề tài do Bộ Chính trị và Ban chấp hành Trung ương giao; chuẩn bị tổ chức Hội thảo khoa học quốc tế; góp ý kiến vào các dự thảo văn bản trình Hội nghị Trung ương 7 (khóa IX); tham gia đấu tranh bác bỏ các luận điệu sai trái; phối hợp với các cơ quan hữu quan triển khai các Chương trình và nghiệm thu các đề tài khoa học xã hội cấp Nhà nước giai đoạn 2001 - 2005.

Hội đồng đã dành phần lớn thời gian kỳ họp để thảo luận về một số vấn đề lý luận - thực tiễn. Các thành viên Hội đồng đã thảo luận, tranh luận với tinh thần trách nhiệm cao, dân chủ, thẳng thắn, cởi mở.

Đồng chí Nguyễn Khoa Điềm đã phát biểu ý kiến với Hội nghị, nhấn mạnh những vấn đề mà Hội nghị đề cập là rất lớn, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc, liên quan đến đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Các nhà lý luận cần từng bước nghiên cứu làm rõ hơn bản chất các vấn đề nghiên cứu để giúp Đảng có được những căn cứ khoa học cho việc hoạch định các chủ trương, chính sách.

Đồng chí Nguyễn Phú Trọng đã phát biểu kết thúc Hội nghị, đánh giá cao tinh thần trách nhiệm, sự đóng góp tích cực của các thành viên Hội đồng đã giúp cho Kỳ họp thứ ba thành công tốt đẹp. Đồng chí nêu lên những nhiệm vụ, công tác chính của Hội đồng 6 tháng cuối năm 2002 và tư tưởng chỉ đạo cuộc Hội thảo khoa học tại Kỳ họp thứ tư sắp tới. □

Hội thảo khoa học - thực tiễn

**“NHÂN QUYỀN - LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
Ở VIỆT NAM VÀ Ô-XTRÂY-LI-A”**

TRONG hai ngày 30 và 31-5-2002, tại Hà Nội, đã diễn ra Hội thảo khoa học - thực tiễn “Nhân quyền - lý luận và thực tiễn ở Việt Nam và Ô-xtrây-li-a” do Trung tâm Nghiên cứu quyền con người (Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh) và Trung tâm Luật châu Á - Thái Bình Dương (Đại học Xít-ni) đồng tổ chức với sự hỗ trợ của cơ quan hợp tác phát triển Ô-xtrây-li-a (AusAID).

Tham dự Hội thảo gồm có : TS. Nguyễn Văn Sáu, Bí thư Đảng ủy khối cơ quan Trung ương về công tác tư tưởng, Phó Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh ; TS. Nguyễn Đăng Thành, Phó Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh ; ngài Mai-con Men, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Ô-xtrây-li-a tại Việt Nam ; GS. TS. E-lic E-sun Tay, Chủ tịch Ủy ban nhân quyền và các cơ hội bình đẳng Ô-xtrây-li-a, cùng hơn 50 đại biểu là các nhà khoa học, giảng viên, nghiên cứu viên của các viện nghiên cứu, trường đại học, các cán bộ làm công tác thực tiễn của các bộ, ban, ngành và một số cơ quan báo chí.

Hội thảo công bố kết quả nghiên cứu chung về quyền con người trên các bình diện lý luận và thực tiễn ở Việt Nam và Ô-xtrây-li-a với các chủ đề khác nhau. Hội thảo diễn ra trên tinh thần xây dựng, hữu nghị, tôn trọng và tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau. Các nhà khoa học Việt Nam và Ô-xtrây-li-a đều nhất trí thừa nhận rằng, quyền con người là thành quả của sự phát triển lâu dài của xã hội, là giá trị chung của tất cả các dân tộc. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự tôn trọng các chuẩn mực quốc tế về quyền con người càng trở nên cần thiết, đồng thời thừa nhận tính đa dạng trong việc áp dụng các chuẩn mực quốc tế ở các nền chính trị và văn hóa khác nhau vì mục tiêu hòa bình và phát triển, vì sự ổn định và tiến bộ xã hội. Sự khác biệt về thể chế chính trị, về con đường phát triển kinh tế giữa các quốc gia là điều không thể tránh khỏi nhưng cách thức giải quyết những bất đồng trên lĩnh vực nhân quyền chỉ có thể bằng con đường đối thoại, xây dựng và tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc, cũng như các nguyên tắc của luật pháp quốc tế. Mục đích việc nghiên cứu chung của các nhà khoa học hai nước là nâng cao nhận thức về quyền con người ; thúc đẩy sự tôn trọng giá trị phổ biến và đặc thù về văn hóa, truyền thống và điều kiện kinh tế - xã hội của mỗi nước.

Việc công bố các báo cáo khoa học và thảo luận tại diễn đàn này là một cơ hội tốt để các nhà khoa học hiểu biết nhau hơn về quan điểm lý luận, cách nhìn nhận những vấn đề nhân quyền hiện nay trên thế giới cũng như ở Ô-xtrây-li-a và Việt Nam, góp phần vào việc phát triển lý luận nhân quyền, thúc đẩy việc tôn trọng và bảo vệ nhân quyền và tình hữu nghị giữa hai nước. Hội thảo đã không chỉ đem lại những thông tin bổ ích về kinh nghiệm thực thi, tôn trọng và thúc đẩy nhân quyền ở Việt Nam, Ô-xtrây-li-a và một số nước trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương - nơi có những nét tương đồng về văn hóa với Việt Nam ; mà hơn thế nữa, nó còn cung cấp những quan điểm lý luận về nhân quyền tương đối hệ thống và đầy đủ dưới góc độ triết học, chính trị học, sử học, luật học và đạo đức học trên bình diện quốc gia, khu vực và quốc tế, từ quá khứ tới đương đại ...

Nhiều ý kiến thống nhất rằng, cần mở rộng hoạt động hợp tác chặt chẽ hơn nữa về mọi mặt trên lĩnh vực nghiên cứu khoa học và giáo dục về nhân quyền, như mong muốn của hai bên và đặc biệt như ý nguyện của ngài Mai-con Men, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Ô-xtrây-li-a tại Việt Nam được nhấn mạnh trong bài phát biểu của mình tại Hội thảo. Ông là người đã góp phần quan trọng vào việc tăng cường và thúc đẩy tình hữu nghị và quan hệ hợp tác sâu rộng giữa Việt Nam và Ô-xtrây-li-a nói chung cũng như giữa Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và Trường đại học Xít-ni nói riêng. □



CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

GENERAL AVIATION IMPORT - EXPORT COMPANY (AIRIMEX)



TRỤ SỞ CHÍNH:

Địa chỉ:

100 NGUYỄN VĂN CỪ -

GIA LÂM - HÀ NỘI

Điện thoại:

(84.4) 8271351 -

8271939 - 8770265 -

8770266 *

FAX: (84.4) 8271925

EMAIL:

AIRIMEX@FPT.VN

NGÀNH

NGHỀ

* Xuất nhập khẩu máy bay, động cơ và phụ tùng máy bay; trang thiết bị, vật tư cho ngành hàng không và vật liệu, vật tư dân dụng khác.

* Dịch vụ gửi hàng, đặt chỗ và đại lý bán vé máy bay cho Vietnam Airlines.

* Nhận uỷ thác xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư.....cho mọi thành phần kinh

tế với phí cạnh tranh.

* Sẵn sàng hợp tác, liên doanh, liên kết với cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước hoạt động trên mọi lĩnh vực mà không trái với pháp luật Việt Nam.

* Kinh doanh vật tư, thiết bị phục vụ cho các ngành Xây dựng, Điện lực, Giao thông vận tải, Y tế...



CHI NHÁNH PHÍA NAM:

Địa chỉ: 126 đường Thăng Long. P. 4.

Q Tân Bình. TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (84.8) 8114472 ; Fax: (84.8) 8114471

[@FPT.VN](mailto:airimex.vn)

ĐẠI LÝ BÁN VÉ MÁY BAY:

Địa chỉ: 142 Tôn Đức Thắng - Quận

Đống Đa - Hà Nội

ĐT: (84.4) 7320995 - 7320996

Fax: 7320997

Digitized by Google

ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN KHU VỰC BẮC TRUNG BỘ

HYDROMETEOROLOGICAL OBSERVATORY OF NORTH CENTRAL REGION



Đ/c Nguyễn Xuân Sít - Giám đốc Đài báo cáo đ/c Trương Đình Tuyên - Bí thư Tỉnh Ủy và đ/c Lê Đoàn Hợp - Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An và diễn biến thời tiết

ĐỊA CHỈ: 144 ĐƯỜNG LÊ HỒNG PHONG - THÀNH PHỐ VINH - TỈNH NGHỆ AN

TEL: 038.845920/840403 FAX: 038.832037

Giám đốc: Nguyễn Xuân Sít

Đài khí tượng Thủy văn khu vực Bắc Trung Bộ là đơn vị trực thuộc Tổng cục Khí tượng Thủy văn, được thành lập năm 1994 trên cơ sở hợp nhất Đài khí tượng Thủy văn Thanh Hóa và Đài khí tượng Thủy văn liên tỉnh Nghệ An - Hà Tĩnh.

THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC:

- ◆ Năm 1996: Được tặng cờ thi đua của Chính phủ.
- ◆ Năm 1997: Được tặng cờ thi đua của Ngành.
- ◆ Năm 1998: Được tặng huân chương Lao động hạng III.
- ◆ Năm 1999: Được tặng cờ thi đua của Ngành.
- ◆ Năm 2000: Được tặng cờ thi đua của Chính phủ.
- ◆ Năm 2001: Được tặng cờ thi đua của Ngành.
- ◆ Liên tục từ năm 1997 - 2001: Đảng bộ Đài được công nhận đạt danh hiệu:

“Đảng bộ trong sạch vững mạnh”.



Cán bộ trạm Khí tượng - Hải văn - Môi trường Sầm Sơn đang thả phao đo Hải văn tại vùng biển Sầm Sơn - TH

XÍ NGHIỆP DỊCH VỤ ĐƯỜNG SẮT TOA XE HÀNG HÀ NỘI

TRỤ SỞ: SỐ 2A - KHUÊ THIÊN HÀ NỘI

DIỆN THOẠI (84-4) 8.518054 - 8.511802; FAX: (84-4) 8.182571

Giám đốc: KS. Nhữ Duy Thắng

Với đầy đủ năng lực, phương tiện xếp, dỡ và đội ngũ cán bộ, công nhân viên có tay nghề cao, nhiệt tình chu đáo...

Xí nghiệp Dịch vụ đường sắt Toa xe hàng Hà Nội có khả năng tổ chức vận chuyển hàng hóa có khối lượng lớn, hàng siêu trường, siêu trọng, nguyên toa, hàng lẻ... và làm các công việc xếp dỡ, nâng hạ, lắp đặt, vận chuyển thủ công, cơ giới hàng hóa có hình khối đa dạng, trọng lượng lớn ở mọi địa hình phức tạp theo yêu cầu của Quý khách hàng.

Ngoài ra, với hệ thống các máy móc thiết bị hiện đại, Xí nghiệp Dịch vụ đường sắt Toa xe hàng Hà Nội còn tổ chức sản xuất các sản phẩm cơ khí dân dụng, phụ tùng toa xe đường sắt, sửa chữa goòng máy theo yêu cầu của khách hàng với chất lượng cao.



QUÝ KHÁCH HÀNG SẼ HÀI LÒNG KHI ĐẾN VỚI XÍ NGHIỆP DỊCH VỤ ĐƯỜNG SẮT TOA XE HÀNG HÀ NỘI

CÔNG TY SẮT CAO BẰNG

TRỤ SỞ GIAO DỊCH: HỒNG VIỆT, PHƯỜNG HỢP GIANG, THỊ XÃ CAO BẰNG.

DIỆN THOẠI: (026)853102 - (026)854452.

GIÁM ĐỐC: KS. NÔNG VĂN CHIẾN



*Giám đốc:
KS. Nông Văn Chiến*



Phân xưởng sàng tuyển quặng



Lò cao luyện gang của Công ty Sắt

Thành lập theo Quyết định
1567/QĐ TCCB ngày 17-9-1997
của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

BAO GỒM 2 ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

- Xí nghiệp sắt Nà Lũng: xã Duyệt Trung, Thị xã Cao Bằng
- Lò cao luyện gang km5, Đẻ Thám, huyện Hòa An, Cao Bằng



*Sản phẩm gang đúc đạt huy chương vàng
Hội chợ Hàng Quốc tế Công nghiệp*

SẢN PHẨM CHỦ YẾU:

- Quặng sắt có hàm lượng 60-70% Fe
- Gang đúc GĐ1 - GĐ6 chất lượng tương đương Lk1 và Lk2 của Liên Bang Nga và Z30, Z26 của Trung Quốc. Năm 2000, sản phẩm gang đúc của Công ty đã đạt huy chương vàng Hội chợ Quốc tế hàng Công nghiệp.



THIÊN NAM

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & THƯƠNG MẠI
THIÊN NAM TRADING & CONSTRUCTION CO., LTD.

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Giám đốc:

TRẦN ĐÌNH ĐOÀN

Địa chỉ văn phòng:

76 Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 8231297 – 8237426

Fax: 84.8.8237427

Email: thiennam@bdvn.vnd.net

1- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, cảng, cấp thoát nước.

2- Xây dựng nền móng bằng công nghệ cọc khoan nhồi, cọc ép, cọc rung, cọc đóng.

3- Sản xuất và lắp dựng khung nhà thép.

Thiên Nam là nhà thầu chuyên nghiệp trong lĩnh vực xây dựng, là nhà thầu chính các công trình đã và đang thi công như sau:

Nhà máy kem đánh răng EP/S Củ Chi

- THÀNH PHỐ HCM:** - Nhà máy kem đánh răng EP/S (Unilever Việt Nam) – Nhà máy dược phẩm VINA SPECIA (Pháp – Việt Nam) – Nhà máy chế biến thức ăn gia súc New Hope (KCN Vĩnh Lộc) – Biệt thự 144 Nguyễn Khoái, Q.4 – Khu nhà liên kế cao cấp Nguyễn Án, Q.5 – Nhà máy giấy Hiệp Hưng – Nhà máy giấy Thiên Lộc – Nhà máy chế biến mùn cao su Củ Chi – Xưởng mỹ phẩm Lana – Nhà máy chế biến cao su Trường Sơn (Vĩnh Lộc) – Nhà máy Shinil – Nhà máy AROMA (KCN Củ Chi).
- BÌNH DƯƠNG:** KCN Sóng Thần I: - Nhà máy bao bì Ngai Mee Singapore – Nhà máy dệt nhuộm Hưng Phước; KCN Sóng Thần II: (Tập đoàn sản xuất xe đạp Đài Loan: Nhà máy Asama – Nhà máy Active – Nhà máy Song Tain – Nhà máy Wang Seng – Nhà máy Sheang Lih – Nhà máy Bor Yueh – Nhà máy Alhonga – Nhà máy Tsai Yarn – Nhà máy Yen Yue) – Nhà máy sản xuất khí Argon Thái Nguyên – Nhà máy sản xuất hệ thống giải nhiệt Wan Sing – Xưởng sản xuất nón Ho Chang VINA – Xưởng sản xuất bao bì Thái Phong – Xưởng lắp đặt dây chuyền sản xuất Rinors – Nhà máy điện cơ Full Power – Nhà máy sản xuất nón bảo hộ ZEUS Long Huei – Nhà máy sản xuất sơn Dehfu – Nhà máy sản xuất nhôm cao cấp Tiger Alwin – Nhà máy mạ tôn Đại Thiên Lộc – Nhà máy chế biến đậu phộng MHY – Nhà máy sản xuất mực in Hsin Mei Kuang – Nhà máy sản xuất hóa chất keo Hwapao – Nhà máy dệt may Kaosha – Nhà máy chế biến gỗ Nam Liau – Nhà máy sản xuất văn phòng phẩm Oval – Nhà xưởng cho thuê Công ty cổ phần phát triển Sóng Thần – Nhà máy chế biến gỗ POH HUAT. – KCN Bình Đường: - Xưởng sản xuất phụ tùng điện xe gắn máy A Sung VINA; Các công trình ngoài KCN: Nhà máy sản xuất trang phục lót Vina Chang Tai – Nhà máy gốm sứ Hữu Thanh – Công trình bệnh viện 512 – Nhà máy chế biến thực phẩm Tân Tân.
- VŨNG TÀU:** Nhà văn phòng 08 tầng – Nhà máy chế biến mì Châu Đức.
- TÂY NINH:** Nhà máy chế biến mì Tân Châu – Nhà máy chế biến gỗ Triều Sơn.
- BÌNH PHƯỚC:** Chế biến mì Singapore – Nhà máy chế biến cao su A.P.T.

Thiên Nam mong muốn hợp tác với các Doanh nghiệp trong và ngoài nước để cùng nhau phát triển mạnh mẽ. Đến với Thiên Nam, Quý khách hàng sẽ hài lòng bởi chất lượng, uy tín và sự tận tâm của người xây dựng.





KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC

HIỆP PHUOC INDUSTRIAL PARK PROJECT

210 - 212 LÊ HỒNG PHONG - QUẬN 5 - TP. HỒ CHÍ MINH

TEL: 84.88322871 - 8303022 * FAX: 84.8 8303022 * E-MAIL: Iochv@hcm.vnn.vn.

Khu vực Hiệp Phước, với tổng diện tích tự nhiên 3.762 ha, nằm dọc theo sông Soài Rạp đến cuối huyện Nhà Bè. Đất nông nghiệp chiếm 59% diện tích tự nhiên, nhưng năng suất canh tác kém nên hiệu quả sử dụng đất rất thấp so với các vùng khác.

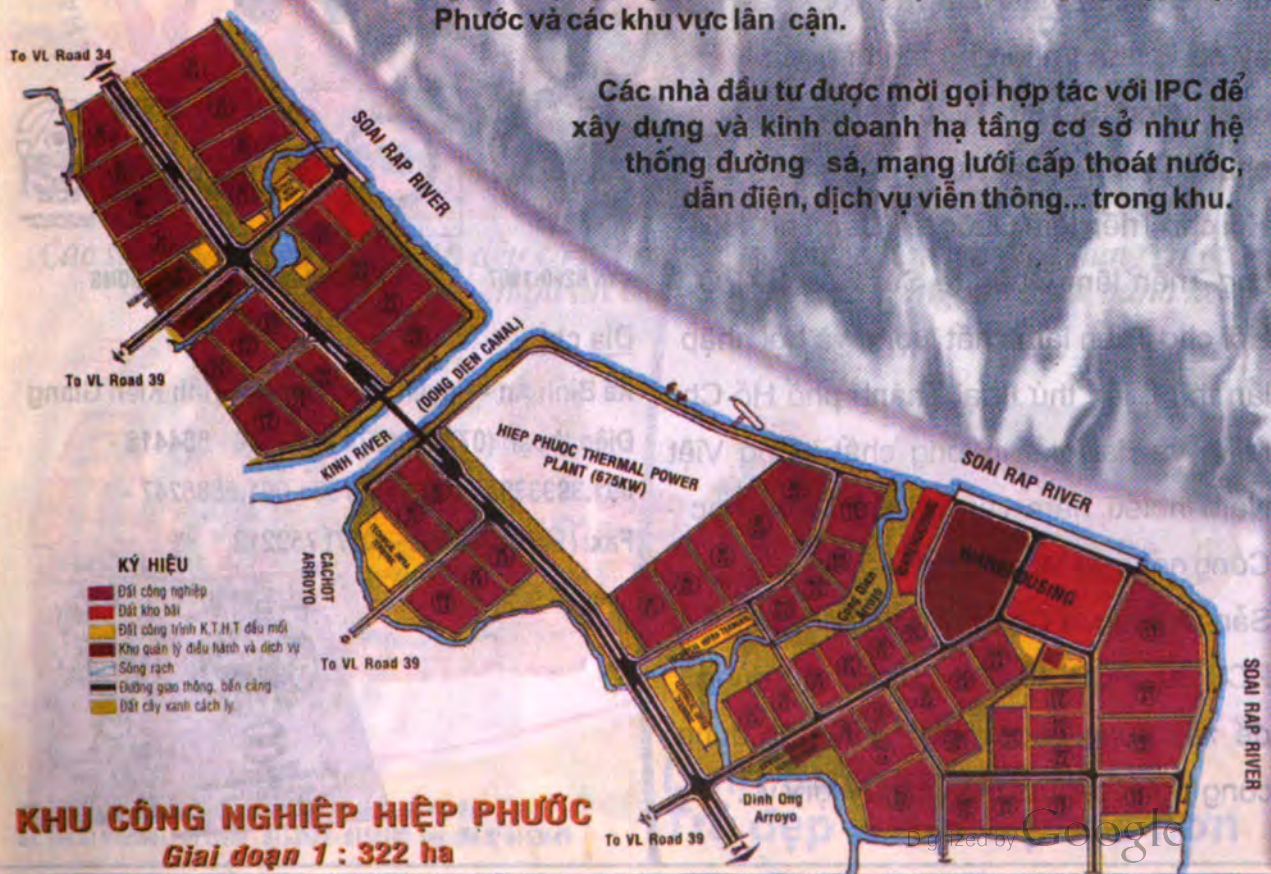
Dự án thành lập Khu công nghiệp tập trung Hiệp Phước có mục đích cải tạo tình trạng nghèo đói lạc hậu tại đây, đồng thời đáp ứng nhu cầu đất đai của các dự án công nghiệp nặng với chi phí thấp nhất, tạo ra mặt bằng thích hợp cho việc xây dựng các nhà máy và các công trình phụ thuộc.

Khu công nghiệp tập trung Hiệp Phước, với diện tích quy hoạch là 2.000 ha, sẽ là nơi lý tưởng để tập hợp các ngành công nghiệp tạo nguyên liệu.

Nằm cách trung tâm thành phố khoảng 20 km, và cách cửa sông Soài Rạp 25 km, Khu công nghiệp Hiệp Phước rất thuận lợi về giao thông đường thủy, có thể nối liền với các tỉnh phía Nam và sẽ được cung cấp điện bởi Nhà máy điện Hiệp Phước có công suất 675 MW.

Thêm vào đó, một cảng nước sâu sẽ được xây dựng tại khu vực Hiệp Phước để tàu lớn với tải trọng trên 30.000 DWT có thể cập cảng nhằm phục vụ cho các nhà máy tại Khu công nghiệp Hiệp Phước và các khu vực lân cận.

Các nhà đầu tư được mời gọi hợp tác với IPC để xây dựng và kinh doanh hạ tầng cơ sở như hệ thống đường sá, mạng lưới cấp thoát nước, dẫn điện, dịch vụ viễn thông... trong khu.



CÔNG TY XI MĂNG HÀ TIÊN KIÊN GIANG

HA TIEN KIEN GIANG CEMENT COMPANY

Là doanh nghiệp nhà nước, Công ty đặt tại huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang, nơi có nguồn nguyên liệu tốt nhất với dây chuyền công nghệ hiện đại và đội ngũ công nhân lành nghề, cho ra sản phẩm xi - măng đạt chất lượng cao, thoả mãn cho việc xây dựng các công trình kiến trúc bền vững. Sản phẩm xi - măng của Công ty mang thương hiệu Cá Sấu đã được chứng nhận tiêu chuẩn TCVN 6260: 1997, được Quacert Việt Nam và DNV - Na - uy cấp chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2000. Đạt 8 Huy chương vàng về chất lượng sản phẩm tại Hội chợ Triển lãm Quốc tế - Cần Thơ, Hội chợ Triển lãm Quốc tế Sài Gòn EXPO, Hội chợ Triển lãm chất lượng và hội nhập lần thứ I, lần thứ II tại Thành phố Hồ Chí Minh và đạt giải thưởng chất lượng Việt Nam nhiều năm liền do Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường cấp.

Sản phẩm của Công ty gồm các loại: PCB 30, PCB 40, PC 30, PC 40 dùng để xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi v.v...



TCVN 6260-1997



**HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
ISO 9001: 2000**



Địa chỉ:

Xã Bình An - Huyện Kiên Lương - Tỉnh Kiên Giang

Điện thoại: (077).854374 - 854406 - 854418 -

091.3993395 - 091.3908753 - 091.3885247 -

Fax: (9077) 854362 - (077) 759212



Các món ăn Mẹ nấu thật ngon!

Tường An
Dầu ăn thượng hạng

Hoàn toàn
không có
Cholesterol,
là nguồn
dinh dưỡng
cho mọi lứa tuổi,
đặc biệt
cho người già
và trẻ em



ISO 9001:2000

Các sản phẩm của Tường An đều có nguồn gốc từ thực vật nên có thể dùng cho các món ăn chay, ăn mặn và dùng sản xuất bánh kẹo...





TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM

TRỤ SỞ CHÍNH:

25A Lý Thường Kiệt - Hà Nội
ĐT: 04.8247773 - Fax: 84.8.8260381

CHI NHÁNH TẠI TP.HCM:

9-19 Hồ Tùng Mậu - Q.1.
ĐT: 08.8299292 - Fax: 84.8.8231011

CHỨC NĂNG :

Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu các chủng loại giấy và carton, thiết bị phụ tùng hóa chất, vật tư ngành giấy.

TỔNG CÔNG SUẤT:

- Giấy các loại: 154.000 tấn/năm
- Bột giấy: 143.000 tấn/năm
- Gỗ dán: 6.000m³/năm
- Tập học sinh: 110 triệu tập/năm

Liên doanh, liên kết sản xuất kinh doanh, dịch vụ với mọi đối tượng trong và ngoài nước.

SẢN PHẨM:

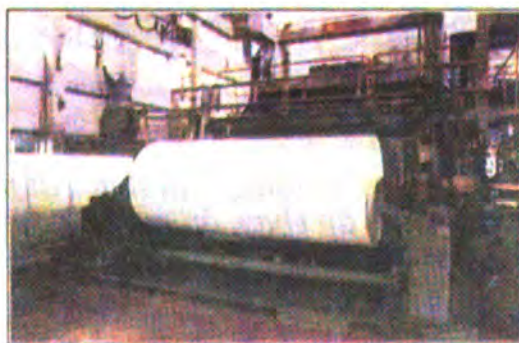
BỘT GIẤY:

- Bột hóa
- Bột hóa nhiệt cơ

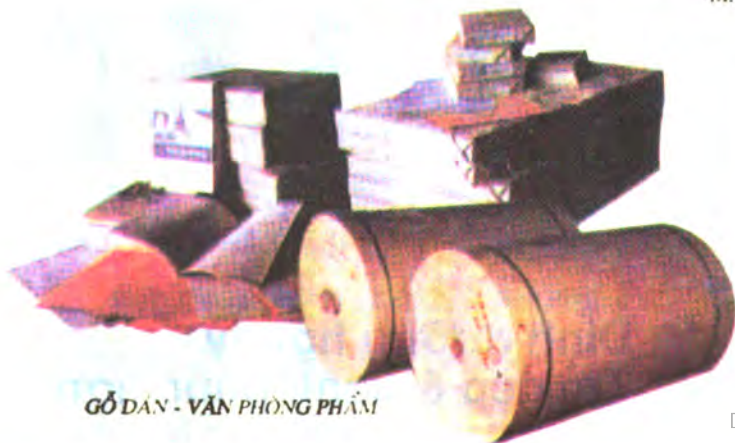
GIẤY:

- Giấy viết, giấy in
- Giấy in báo
- Giấy trắng Couché
- Giấy bao gói
- Giấy bao ximăng
- Giấy vệ sinh, khăn giấy
- Giấy hộp, duplex
- Giấy đánh máy, giấy photocopy

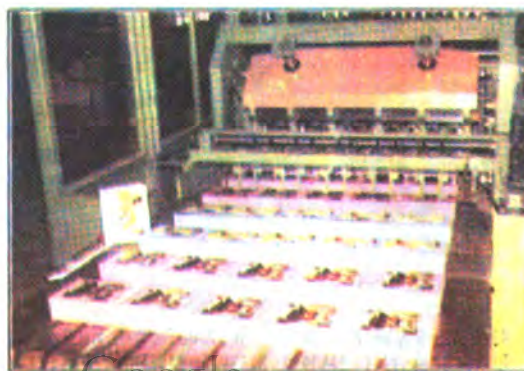
TẬP HỌC SINH (Sản phẩm mới)



MÁY XEO GIẤY



GỖ DÁN - VÁN PHÒNG PHẨM



MÁY XÉN KẼ TẬP

CÔNG TY CƠ KHÍ ÔTÔ XE MÁY THANH XUÂN



Trụ sở Công ty

**LỰA CHỌN ĐÚNG ĐẪN PHÁT HUY
NỘI LỰC VỮNG VÀNG TIẾN LÊN**

ĐC: 105 NGUYỄN TUÂN

QUẬN THANH XUÂN - HÀ NỘI

ĐT: 04 5588010 * FAX: 04. 8583121

GIÁM ĐỐC: TRẦN VĂN KHOÁT

Công ty Ô tô - Xe máy Thanh Xuân phát triển từ Nhà máy Đại tu ô tô số 1, để có được thành tích hôm nay, Công ty đã trải qua một chặng đường phấn đấu vượt bao khó khăn, có lúc tưởng như không đứng vững trong cơ chế thị trường. Nhờ có đường lối đổi mới đúng đắn và kịp thời của Đảng, Nhà nước, Ban lãnh đạo Công ty đã kiên quyết đổi mới toàn diện theo 3 bước:

- Ổn định đời sống CBCNV bằng cách tìm thêm công việc, qua đó tăng thu nhập, giúp CBCNV yên tâm gắn bó với Công ty.
- Xây dựng kỷ cương, xiết chặt kỷ luật lao động.
- Xếp xếp lại bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả cao.

Sau một thời gian được làm việc theo tinh thần "muốn làm chủ công nghệ hiện đại phải bắt đầu từ con ốc có ren tốt", đội ngũ CBCNV đã có kỷ luật lao động tốt và tác phong công nghiệp. Bên cạnh đó Công ty còn có chính sách chiêu nạp thợ giỏi, đẩy mạnh phát huy sáng kiến, cử các đoàn cán bộ đi nghiên cứu những công nghệ cần thiết, hiện đại ở nước ngoài như: Nga, Nhật, Israel, Thái lan, Singapore... từ đó, mở rộng sự hợp tác với các đối tác nước ngoài để tranh thủ vốn và công nghệ. Hợp tác, kết hợp với việc phát huy các yếu tố nội lực - đào tạo tại chỗ, tiếp nhận công nghệ tiên tiến đã giúp cho Công ty hoàn toàn làm chủ được mọi công việc sản xuất kinh doanh hiện nay.

Cho đến nay, Công ty đã có công nghệ sửa chữa ô tô khá hoàn chỉnh, bao gồm thiết bị làm vỏ xe cao cấp của Israel, buồng sơn và sấy của Italia, các thiết bị hiện đại của Nhật Bản, Đức, Tây Ban Nha, hàng loạt xe được tái tạo, tính năng kỹ thuật hoàn chỉnh, chấm dứt thời kỳ "dệt gấu vá vai", cải thiện cơ bản sức lao động cho người lao động, các thiết bị đó hoàn toàn có thể tiến hành lắp ráp ô tô ở dạng CKDII khi cần thiết. Vừa qua Công ty đã lắp ráp hơn 30 xe HINO của Nhật và hàng chục xe YAZ 452D. Đặc biệt, năm 1998 Công ty đã lắp ráp thiết bị chuẩn đoán hiện đại của Italia dùng cho tất cả các loại

xe, loại bỏ việc thử xe trên đường. Bên cạnh việc sửa chữa ô tô Công ty còn là cơ sở đầu tiên đưa sản phẩm phản quang vào Việt Nam (12/1992) với công nghệ của Israel, khi có Nghị định 36 của Chính phủ về việc giữ gìn trật tự an toàn giao thông, thì sản phẩm của Công ty sản xuất là các loại biển báo giao thông, biển xe cơ giới phản quang được đưa vào sử dụng ở nước ta. Qua việc nghiên cứu thiết bị của bạn, Công ty đã sản xuất ra các máy móc tốt hỗ trợ nhiều cơ sở của công an các tỉnh, trong khi đó giá thành chỉ bằng 1/3 sản phẩm nhập ngoại cùng loại. Sản phẩm bình đun nước nóng bằng năng lượng mặt trời do tiếp thu công nghệ mới đã triển khai lắp ráp có tác dụng thiết thực phục vụ cuộc sống.

Bằng ý chí và sự sáng tạo, CBCNV Công ty đã hoàn toàn làm chủ công nghệ và nâng cao được trình độ, tay nghề của mình. Với cơ sở vật chất, kỹ thuật, đội ngũ CBCNV năng động sáng tạo, Công ty Xe máy - Ô tô Thanh Xuân đang tiến tới giai đoạn phát triển mới, vươn tới sản xuất, lắp ráp, sửa chữa các loại xe cao cấp khác, đáp ứng nhu cầu của thị trường, sẵn sàng hội nhập cạnh tranh quốc tế.

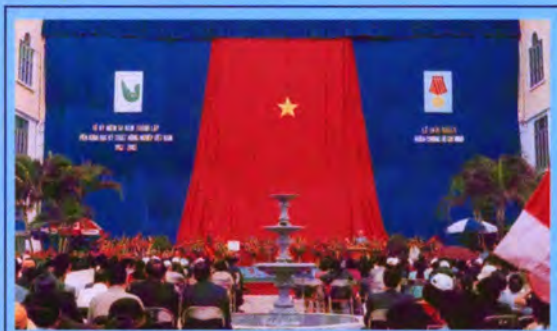


Digitized by Google
Xe UAZ kiểu 31514 do Xí nghiệp X25 sản xuất, lắp ráp

VIỆN KHOA HỌC KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: THANH TRÌ - HÀ NỘI * ĐT: (84-4)8615487 - 8615556

FAX: (84-4)8613937 * EMAIL: Vasi@hn.vnn.vn



Trụ sở Viện



Khu sản xuất giống gốc bố mẹ lúa lai

HIỆN NAY VIỆN CÓ:

- * Trên 100 Thạc sĩ, Tiến sĩ, Phó giáo sư, Giáo sư, Viện sĩ.
- * Trên 150 cán bộ có trình độ Đại học.
- * Trên 200 cán bộ và công nhân lành nghề.

TỪ 1990 - 2000

- * Viện KHKTNN Việt Nam đã được công nhận:
- * 38 giống cây trồng là giống quốc gia và giống tiến bộ kỹ thuật.
- * 43 giống cây trồng được khu vực hoá.
- * 10 quy trình công nghệ được công nhận cấp Quốc gia.
- * 7 quy trình công nghệ được khu vực hoá.
- * Đào tạo 292 Tiến sĩ, 356 Thạc sĩ.



Viện trưởng:

GS. TS. Nguyễn Hữu Nghĩa

Phó Viện trưởng:

VS.TSKH. Trần Đình Long

PGS.TS. Tạ Minh Sơn

TS. Phạm Văn Chương

TS. Lê Quốc Doanh

- * Huân chương Lao động hạng Nhì (năm 1962).
- * Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 1982).
- * Huân chương Độc lập hạng Nhì (năm 1992).
- * Huân chương Độc lập hạng Nhất (năm 1996).
- * Huân chương Hồ Chí Minh (năm 2002).
- * GS. Bùi Huy Đáp được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh.
- * 3 nhà khoa học được tặng danh hiệu Anh hùng Lao động.



HX
9
H68B

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



CÔNG TY XÂY LẮP ĐIỆN THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Số nhà 152 đường Minh Cầu - phường Phan Đình Phùng - TP Thái Nguyên

Điện thoại: 0280 854 420

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY:

* Công ty Xây lắp điện Thái Nguyên được thành lập tại Quyết định 875/QĐ-UB ngày 24/12/1993 của UBND tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Thái Nguyên).

* Ngành nghề kinh doanh:

- Xây lắp trạm biến áp và đường dây đến 35kV;
- Xây dựng công nghiệp và dân dụng;
- Xây dựng các công trình giao thông;
- Xây lắp các công trình thủy lợi và cấp thoát nước;
- Đào đắp nền móng san ủi mặt bằng;

* Sản xuất kinh doanh:

- Gia công kết cấu thép.
- Mua bán vật tư thiết bị điện và vật liệu xây dựng.

Công ty Xây lắp điện Thái Nguyên là một trong những Công ty TNHH đầu tiên được thành lập ở tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Thái Nguyên).

Qua nhiều năm hoạt động công ty đã không ngừng phát triển với đội ngũ cán bộ có trình độ khoa học kỹ thuật cao, công nhân lành nghề, đã tham gia thi công và hoàn thành, đưa vào sử dụng nhiều công trình cấp quốc gia quan trọng như: Hệ thống điện Bảng Lũng, Chợ Đồn, huyện Na Rì, khu công nghiệp Gang thép, khu công nghiệp Sông Công, huyện Định Hóa, huyện Đại Từ... Và đặc biệt là hệ thống điện Nhà máy xi-măng Cao Ngạn được tỉnh và các bạn chuyên gia đánh giá rất cao.

Với đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề, Công ty Xây lắp điện Thái Nguyên không ngừng đổi mới về quản lý, đổi mới về công nghệ, lấy chữ tín làm đầu, không ngừng nâng cao chất lượng công trình nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về kỹ thuật và mỹ thuật của xã hội.



DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG TY ĐÃ VÀ ĐANG THI CÔNG TRONG THỜI GIAN QUA (Từ năm 1996 - 2001)

TT	Công trình, địa điểm thực hiện	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)	Chủ đầu tư
1	Công trình điện Bảng Lũng - Chợ Đồn	970,0	UBND huyện Chợ Đồn
2	Công trình điện Mỏ Chè TTYT Sông Công	420,0	UBND TX, Sông Công
3	Công trình điện Đông Viên - Chợ Đồn	2.315,0	UBND huyện Chợ Đồn
4	Công trình điện Trung Lương - Định Hóa	450,0	UBND huyện Định Hóa
5	Công trình điện Kỳ Phú - Đại Từ	1.235,0	UBND huyện Đại Từ
6	Công trình cải tạo lưới điện Gang Thép	875,0	Điện lực Gang Thép
7	Công trình điện nhà máy XM Cao Ngạn	870,0	Nhà máy XM Cao Ngạn
8	Công trình điện xã Lý Phú - Đại Từ	1.200,0	UBND huyện Đại Từ
9	Công trình điện xã Cường Lợi - Na Rì - BK	3.323,0	UBND huyện Na Rì
10	Công trình đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ Định Hóa	1.500,0	UBND huyện Định Hóa
11	Công trình Trường PTTH Đại Từ	6.340,0	Trường PTTH Đại Từ
12	Công trình chợ thị xã Sông Công	470,0	UBND TX. Sông Công
13	Công trình trạm bơm và kênh mương Minh Đức - Phổ Yên	420,0	Cục Định canh định cư tỉnh Thái Nguyên
14	Công trình TTYT Định Hóa	9.300,0	Sở Y tế Thái Nguyên
15	Công trình lưới điện Kim Rú - Na Rì - BK	4.765,0	UBND huyện Na Rì



THÁNG RA 3 KỶ

SỐ 650

21

7-2002

● BỘ BIÊN TẬP :

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : (04) 9 422 061
Fax : (04) 8 222 846

**● Cơ quan thường trú
tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,
Q. 3, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 225 768
Fax : (08) 8 231 664

● Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>
Email: bttccs@hn.vnn.vn

● Phó Tổng Biên tập phụ trách :

TRẦN QUANG NHIẾP



Bìa 1 : Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh
thăm gia đình liệt sĩ

Ảnh : TTXVN

Tạp chí Cộng sản

**CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

Thông báo Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX	3
NGUYỄN DUY NIÊN - Nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho đối ngoại Việt Nam	7
PHẠM QUANG NGHỊ - Phát huy quyền làm chủ của nhân dân xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh	13

NHÂN KỶ NIỆM LẦN THỨ 55

NGÀY THƯƠNG BINH, LIỆT SĨ (27-7-1947 - 27-7-2002)

NGUYỄN ĐÌNH LIÊU - Thực hiện tốt công tác thương binh, liệt sĩ	17
NHẬT TÂN - Công tác thương binh, liệt sĩ và người có công với cách mạng ở Thủ đô Hà Nội	22

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

QUANG CẬN - Chủ nghĩa xã hội hiện đại và tư duy hiện đại về chủ nghĩa xã hội	27
NHỊ LÊ - Kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phát triển sáng tạo công tác lý luận	32
CHU VĂN THÀNH - NGUYỄN MINH PHƯƠNG - Góp phần kiến toàn chính quyền cơ sở	37

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

NGUYỄN HOÀI BẢO - Lâm Đồng đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào các dân tộc thiểu số	43
PHAN KHÁNH - Mấy vấn đề về giải quyết nạn ngập lụt ở đồng bằng sông Cửu Long	47
ĐÀO TRỌNG HÙNG - Giáo dục trong phát triển cộng đồng ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long	54

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

TIẾN HẢI - Ai đúng, ai sai ?!	59
-------------------------------	----

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

TRẦN KHÁNH - Vị thế địa - chính trị Đông Nam Á thập niên đầu thế kỷ XXI	60
--	----

СОДЕРЖАНИЕ

Информация о VI^{ом} Пленуме Центрального Комитета КПВ IX^{ого} созыва. НГУЕН ЗИ НИЕН: Идеологический фундамент и путеводное начало для внешней политики Вьетнама. ФАМ КУАНГ НГИ: Развивается самостоятельность народа и строится мощная политическая система на первичных местах. НГУЕН ДИНЬ ЛЬЕУ: Лучшим образом осуществляется работа, связанная с инвалидами войны и погибшими воинами. НЬЯТ ТАН: Работа, связанная с инвалидами войны, погибшими воинами и заслуженными перед Революцией людьми в столице Ханоя. КУАНГ КАН: Современный социализм и современное мышление о социализме. НЬИ ЛЕ: Утверждение твёрдой позиции о марксизме-ленинизме совместимо с творческим развитием теоретической работы. ТЬЮ ВАН ТХАНЬ – НГУЕН МИНЬ ФЫОНГ: Внесение вклада в работу по усовершенствованию местной власти. ЧАН КХАНЬ: Географическо-политическая позиция Юго-Восточной Азии в первом десятилетии XXI^{ого} века.

CONTENTS

Information of the VIth Plenum of CPV Central Committee (the IXth tenure) NGUYỄN DY NIÊN: The ideological fundament and lodestar for foreign policy of Vietnam. PHẠM QUANG NGHỊ: To promote the people's right to be the master, to build a steady grassroots political system. NGUYỄN ĐÌNH LIÊU: To fulfill well the work of war invalids and revolutionary martyrs. NHẬT TÂN: The work of war invalids, revolutionary martyrs and people delivering merits to the revolution in Hanoi capital. QUANG CẬN: Modern socialism and modern thinking about it. NHỊ LÊ: To be adherent firmly to Marxism – Leninism and to develop creatively the theoretical work. CHU VĂN THÀNH – NGUYỄN MINH PHƯƠNG: To make contribution to the completion of the grassroots power. TRẦN KHÁNH: Geo – political position of South East Asia in the 1st decade of the XXI century.

SOMMAIRE

Communiqué du 6^e plénum du Comité central du Parti communiste du Vietnam (issu du IX^e Congrès). NGUYỄN DY NIÊN - Base idéologique et guide pour les relations extérieures du Vietnam. PHẠM QUANG NGHỊ - Mise en valeur du droit de maître du peuple en vue d'un système politique fort et puissant à l'échelon de base. NGUYỄN ĐÌNH LIÊU - Bien mener le travail en faveur des invalides de guerre et des morts pour la Patrie. NHẬT TÂN - Le travail en faveur des invalides de guerre, des morts pour la Patrie et de ceux ayant du mérite pour la Révolution à Hanoi. QUANG CẬN - Le socialisme moderne et la pensée moderne sur le socialisme. NHỊ LÊ - Persévérer le marxisme-léninisme et le développer de manière créative dans le travail théorique. CHU VĂN THÀNH - NGUYỄN MINH PHƯƠNG - Contribution à perfectionner les autorités à l'échelon de base. TRẦN KHÁNH - Position géo-politique de l'Asie du Sud-Est dans la première décennie du XXI^e siècle.

SUMARIO

Comunicado del Sexto Pleno del Comité Central del Partido Comunista de Vietnam (IX Congreso). NGUYỄN DY NIÊN - Cimiento ideológico y guía para las relaciones exteriores de Vietnam. PHẠM QUANG NGHỊ - Poner en alto el derecho de serse dueño del pueblo para edificar un sistema político fuerte y potente en las bases. NGUYỄN ĐÌNH LIÊU - Realizar bien el trabajo en favor de los inválidos y muertos por la Patria. NHẬT TÂN - El trabajo en favor de los inválidos y muertos por la Patria y de los que tienen méritos para con la Revolución en Hanoi. QUANG CẬN - El socialismo moderno y el pensamiento moderno sobre el socialismo. NHỊ LÊ - Continuar el Marxismo-leninismo y desarrollarlo de manera creativa en el trabajo teórico. CHU VĂN THÀNH - NGUYỄN MINH PHƯƠNG - Contribución en perfeccionar las autoridades al escalón de base. TRẦN KHÁNH - Posición geo-política de la Asia del Sureste en el primer decenio del siglo XXI.

目录

越共九届六中全会公报·阮怡年 越南对外工作的思想基础及指南针·范光议 发挥人民的当家做主权 建立强大稳固的基层政治系统·阮庭迁 更好地落实荣军烈士的工作·日新 河内首都对荣军烈士和革命有功之士的工作·光谦 现代社会主义及有关社会主义的现代思维·二黎 坚定地遵循马克思—列宁主义与创造性发展理论工作·周文成 阮明芳 为健全基层政权作出应有的贡献·陈庆 二十一世纪头十年的东南亚地理、政治位势。



THÔNG BÁO HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX

HỘI nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã tiến hành tại thủ đô Hà Nội từ ngày 4 đến ngày 15-7-2002.

Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã chủ trì và phát biểu khai mạc, bế mạc Hội nghị.

Tại Hội nghị lần này, Ban Chấp hành Trung ương đã nghe, thảo luận và quyết định về các vấn đề quan trọng : kiểm điểm và ra kết luận về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) và phương hướng phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ từ nay đến năm 2005 và đến năm 2010 ; kiểm điểm và ra kết luận về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII), Nghị quyết Trung ương 3 và Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII) về công tác tổ chức, cán bộ ; cho ý kiến chỉ đạo về cơ cấu tổ chức Chính phủ khóa XI ; chuẩn bị nhân sự cấp cao của Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ để giới thiệu với Quốc hội khóa XI ; xem xét một số vấn đề về kiểm tra, kỷ luật đảng ; nghe báo cáo về tình hình quốc tế và một số vấn đề khác.

1 - Về giáo dục và đào tạo, Hội nghị Trung ương đánh giá : Qua 5 năm

thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII), nền giáo dục nước ta có bước phát triển mới. Nước ta đã đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên ; quy mô giáo dục tiếp tục tăng ở hầu hết các cấp, bậc học, ngành học, đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng lớn của nhân dân. Cơ sở vật chất giáo dục được tăng cường. Đội ngũ nhà giáo đã lớn mạnh thêm, vượt qua nhiều khó khăn, góp phần quyết định tạo ra chuyển biến bước đầu rất quan trọng của nền giáo dục nước ta. Những thành tựu đạt được đã góp phần tích cực chuẩn bị tiền đề cho bước phát triển mới của sự nghiệp giáo dục trong thế kỷ 21. Tuy nhiên, giáo dục, đào tạo nước ta còn đang đứng trước nhiều khó khăn và yếu kém, đó là : chất lượng giáo dục còn thấp ; nội dung, phương pháp dạy và học còn lạc hậu ; các hiện tượng tiêu cực trong giáo dục còn nhiều ; cơ cấu giáo dục và đào tạo còn mất cân đối...

Hội nghị xác định toàn Đảng, toàn dân, toàn ngành giáo dục cần tiếp tục quán triệt và thực hiện tốt những định hướng chiến lược về giáo dục - đào tạo trong

Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII). Từ nay đến năm 2010 phải tập trung vào 3 nhiệm vụ lớn là : nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục ; phát triển quy mô giáo dục trên cơ sở bảo đảm chất lượng và điều chỉnh cơ cấu đào tạo, gắn đào tạo với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đào tạo với sử dụng ; thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục ; và thực hiện 5 giải pháp chủ yếu : đổi mới mạnh mẽ quản lý nhà nước về giáo dục ; xây dựng và triển khai chương trình “xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục một cách toàn diện” ; tiếp tục hoàn thiện cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân và sắp xếp, củng cố mạng lưới trường lớp, cơ sở giáo dục ; tăng cường đầu tư cho giáo dục đúng với yêu cầu quốc sách hàng đầu ; đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, nhằm tạo nguồn nhân lực có số lượng và chất lượng đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2 - Về khoa học và công nghệ, Hội nghị Trung ương cho rằng sau 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII), khoa học và công nghệ nước ta có bước phát triển mới. Khoa học xã hội và nhân văn đã góp phần quan trọng trong việc khẳng định chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đã cung cấp những luận cứ khoa học phục vụ cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách. Trình độ công nghệ trong một số ngành sản xuất, dịch vụ đã được nâng lên đáng kể, nhiều sản phẩm hàng hóa có tính cạnh tranh cao hơn ; tiềm lực khoa học và công nghệ được tăng cường ; đội

ngũ cán bộ khoa học và công nghệ phát triển về số lượng, có khả năng tiếp thu tương đối nhanh và làm chủ tri thức hiện đại trên một số lĩnh vực ; công tác quản lý hoạt động khoa học và công nghệ có những tiến bộ. Tuy vậy, hoạt động khoa học chưa giải đáp được nhiều vấn đề trong thực tiễn đổi mới, chưa gắn kết chặt chẽ với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội ; trình độ công nghệ, cơ sở vật chất và kỹ thuật còn thấp, đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ còn thiếu, cơ cấu ngành nghề và phân bố còn nhiều bất hợp lý ; thị trường khoa học và công nghệ chưa phát triển ; công tác quản lý khoa học, công nghệ còn mang tính hành chính, chưa có cơ chế phát huy mạnh mẽ nội lực của đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ...

Hội nghị Trung ương 6 yêu cầu các cấp, các ngành tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) về khoa học và công nghệ. Đồng thời Hội nghị xác định từ nay đến năm 2010 cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ : giải đáp kịp thời những vấn đề lý luận và thực tiễn do cuộc sống đặt ra ; đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân ; xây dựng và phát triển có trọng điểm các ngành công nghệ cao ; và thực hiện 4 giải pháp chủ yếu : đổi mới quản lý và tổ chức hoạt động khoa học - công nghệ ; tạo lập và phát triển thị trường khoa học - công nghệ ; phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ ; tập trung chỉ đạo việc thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm, nhằm tiếp tục đẩy mạnh phát triển khoa học và công nghệ, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3 - Về công tác tổ chức và cán bộ, Hội nghị Trung ương đã kiểm điểm sâu sắc việc thực hiện các Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII), Trung ương 3 và Trung ương 7 (khóa VIII), khẳng định việc thực hiện 3 Nghị quyết thời gian qua đã đạt những kết quả tích cực : Tổ chức của hệ thống chính trị nước ta đã từng bước được đổi mới ; cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ thể hiện ngày càng cụ thể, rõ nét hơn, đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế thị trường, mở cửa hội nhập quốc tế, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đội ngũ cán bộ trưởng thành về nhiều mặt, là lực lượng nòng cốt cùng với nhân dân tạo ra những thành tựu to lớn những năm qua.

Song công tác xây dựng Đảng về tổ chức chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Chức năng, nhiệm vụ của nhiều cơ quan nhà nước và việc phân cấp quản lý giữa các bộ và chính quyền địa phương chưa thật rõ ràng, thủ tục hành chính còn phiền hà. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền các cấp còn nhiều mặt yếu kém. Hoạt động của các cơ quan tư pháp còn bất cập. Tổ chức và phương thức hoạt động của các đoàn thể chuyển biến chậm, nhiều cơ sở không nắm chắc quần chúng. Đội ngũ cán bộ xét cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu chưa đáp ứng yêu cầu cả trước mắt và lâu dài, chưa ngang tầm với thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tình trạng cán bộ thoái hóa, biến chất chưa được đẩy lùi ; công tác cán bộ còn nhiều khuyết điểm.

Ban Chấp hành Trung ương yêu cầu các cấp, các ngành trong thời gian tới tiếp tục

quản triệt sâu sắc, cụ thể hóa và thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ về tổ chức và cán bộ đã được đề ra trong ba Nghị quyết Trung ương, tập trung giải quyết một số khâu bức xúc sau đây :

Về công tác tổ chức : tiếp tục sắp xếp, làm rõ chức năng, nhiệm vụ các tổ chức trong bộ máy đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân. Tập trung kiện toàn và tăng cường hệ thống các tổ chức chính trị ở cơ sở. Xây dựng và triển khai chương trình nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về công tác tổ chức, làm căn cứ hoàn thiện hệ thống chính trị ở nước ta trong thời kỳ mới.

Về công tác cán bộ : tiếp tục cụ thể hóa, thể chế hóa nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ ; tiếp tục thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng và các biểu hiện tiêu cực ; đổi mới việc đánh giá cán bộ, tăng cường công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo và quản lý, làm tốt việc luân chuyển cán bộ theo quy hoạch để đào tạo cán bộ lãnh đạo và quản lý chủ chốt ; tăng cường công tác quản lý cán bộ ; thực hiện cải cách cơ bản chế độ tiền lương với cán bộ, công chức.

Về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng : hoàn thiện quy chế lãnh đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ, Đảng đoàn Mặt trận và các đoàn thể quần chúng ; tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, lề lối làm việc của Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ và ban cán sự đảng các bộ, ngành ; làm rõ mối quan hệ và lề lối làm việc giữa ban

cán sự đảng các bộ, ngành Trung ương với ban thường vụ các tỉnh, thành ủy, mối quan hệ công tác giữa các cấp ủy đảng với chính quyền, đoàn thể các cấp.

4 - Tại Hội nghị lần này, với tinh thần nghiêm minh và trách nhiệm cao, Ban Chấp hành Trung ương đã xem xét những khuyết điểm, sai phạm của đồng chí Bùi Quốc Huy, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Công an và đồng chí Trần Mai Hạnh, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam có liên quan đến vụ án Trương Văn Cam.

Đồng chí Bùi Quốc Huy đã không hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian làm Giám đốc Công an thành phố Hồ Chí Minh, thiếu trách nhiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, chưa khẩn trương kiên quyết tấn công bọn tội phạm ; buông lỏng công tác quản lý, sử dụng, giáo dục, kiểm tra cán bộ, để nhiều cán bộ dưới quyền tha hóa, biến chất, trở thành đồng phạm trong vụ án Trương Văn Cam ; mất cảnh giác, quan hệ trực tiếp và trong thời gian dài với một số phần tử xấu.

Đồng chí Trần Mai Hạnh đã sử dụng chức quyền và báo chí để liên tục đưa ra công luận nhiều thông tin thiếu trách nhiệm, không trung thực, sai sự thật, có trường hợp vi phạm Luật báo chí nhằm chạy tội cho Trương Văn Cam ; quan hệ trực tiếp và trong thời gian dài với một số phần tử xấu.

Ban Chấp hành Trung ương nhận thấy những việc làm của hai đồng chí là sai lầm và khuyết điểm nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Ban Chấp hành Trung ương quyết định cách chức Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương và các chức vụ khác trong Đảng đối với đồng chí Bùi Quốc Huy và đồng chí Trần Mai Hạnh ; đề nghị Chính phủ cách chức Thứ trưởng Bộ Công an, giáng cấp từ Trung tướng xuống Thiếu tướng đối với đồng chí Bùi Quốc Huy, cách chức Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam đối với đồng chí Trần Mai Hạnh ; đề nghị Hội Nhà báo Việt Nam xem xét cách chức Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội Nhà báo Việt Nam đối với đồng chí Trần Mai Hạnh.

5 - Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương đã xem xét và cho ý kiến chỉ đạo về cơ cấu bộ máy Quốc hội, Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XI và việc chuẩn bị nhân sự để giới thiệu với Quốc hội.

Ban Chấp hành Trung ương cũng đã dành thời gian xem xét tình hình quốc tế và một số vấn đề khác.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ sáu (khóa IX) kêu gọi toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đoàn kết nhất trí, tích cực triển khai thực hiện các nhiệm vụ do Hội nghị Trung ương 6 đề ra ; phát huy truyền thống cách mạng của dân tộc, của Đảng, nắm chắc thời cơ, khắc phục khó khăn, vượt qua thách thức, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa ; trước mắt nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2002, đưa đất nước ta tiến lên giành những thắng lợi mới. □

NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG VÀ KIM CHỈ NAM CHO ĐỐI NGOẠI VIỆT NAM

NGUYỄN DUY NIÊN *

TRONG mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, lĩnh vực ngoại giao luôn góp phần xứng đáng. Từ khi có Đảng Cộng sản Việt Nam và Bác Hồ lãnh đạo sự nghiệp cách mạng, đường lối đối ngoại trở thành bộ phận hữu cơ của sự nghiệp cách mạng ; ngoại giao trở thành một mặt trận và đội ngũ những người làm công tác ngoại giao là binh chủng hợp thành của cách mạng Việt Nam, góp phần đắc lực vào những thành tựu vẻ vang của dân tộc. Nền ngoại giao Việt Nam hiện đại ra đời cùng với nhà nước Việt Nam mới kể từ sau Cách mạng Tháng Tám 1945, đã không ngừng trưởng thành và lớn mạnh, góp phần to lớn vào những thành tựu vẻ vang của dân tộc, từng bước nâng nước ta lên những tầm cao mới trên trường quốc tế.

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là ngọn hải đăng soi rọi, dẫn dắt con đường cách mạng Việt Nam nói chung và nền ngoại giao Việt Nam nói riêng trong thời đại Hồ Chí Minh, vì một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh phát

triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa ; đồng thời, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trong thời đại ngày nay.

MỤC TIÊU VÀ NGUYÊN TẮC CỦA CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI

Hoạt động đối ngoại là sự tiếp nối của hoạt động đối nội. Hoạt động đối ngoại ở mọi thời kỳ đều nhằm phục vụ cho các mục tiêu của sự nghiệp cách mạng. Chính sách đối ngoại được Đảng ta xác định phù hợp với mục tiêu chung đặt ra cho từng thời kỳ cách mạng và bối cảnh lịch sử cụ thể. Nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh quyết định toàn bộ con đường cách mạng Việt Nam là giải phóng dân tộc, xây dựng chế độ xã hội mới, đặt đất nước vào dòng chủ lưu của thời đại để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ngoại giao Việt Nam đảm nhận vai trò cầu nối giữa đất nước và thế giới, dân tộc và thời đại trong quá trình ấy. Vì thế,

Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

trên nền tảng tư tưởng đó, nền ngoại giao Việt Nam trở thành nền ngoại giao hòa bình, hòa hiếu, độc lập tự chủ và gắn kết hữu cơ với trào lưu tiến bộ của ngoại giao thế giới. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, ngoại giao Việt Nam phục vụ cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ, cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, cho hòa bình, hợp tác và hữu nghị với thế giới.

Tính thời đại, tính đảng, tính dân tộc và giai cấp của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là những tiêu chí trong việc xác định mục tiêu cho ngoại giao Việt Nam. Ngoại giao Việt Nam luôn phục vụ lợi ích dân tộc, phụng sự nhân dân. Ngoại giao Việt Nam góp phần tạo dựng và gìn giữ môi trường quốc tế hòa bình và ổn định để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tăng cường vị thế của đất nước trên trường quốc tế. Chủ nghĩa quốc tế trong sáng và đoàn kết quốc tế thủy chung là một đặc tính của ngoại giao Việt Nam, được thể hiện trong nhiệm vụ đối ngoại ở tất cả các giai đoạn cách mạng của dân tộc. Việc thực hiện nhiệm vụ ấy đã góp phần không nhỏ nâng cao uy tín và vị thế quốc tế của đất nước ta.

Ngoại giao còn là hoạt động văn hóa. Hoạt động ngoại giao có nội dung văn hóa và mang tính văn hóa, tính nhân dân, đại chúng sâu sắc. Những giá trị nhân văn cao cả của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện trong các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể trước mắt cũng như lâu dài của ngoại giao Việt Nam và tác động chi phối mọi hoạt động đối ngoại của Việt Nam.

Những nguyên tắc cơ bản của đường lối đối ngoại Việt Nam là sự thể hiện sinh động những nguyên tắc chỉ đạo đối với con đường cách mạng Việt Nam được Đảng ta vạch ra. Độc lập tự chủ, tự lực tự cường, đoàn kết quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, đóng góp vào sự nghiệp cao cả chung của toàn nhân loại là những bài học thành công của cách mạng nước ta, và đó cũng là nguyên tắc chỉ đạo cho ngoại giao Việt Nam. Tính triệt để cách mạng, chủ động tiến công của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh là những tiêu chí để đánh giá hiệu quả, là yêu cầu đặt ra đối với ngoại giao Việt Nam.

Hoạt động đối ngoại có thành công hay không, ở thời kỳ nào cũng vậy, trước hết phải nhờ có đường lối đối ngoại đúng đắn. Vì thế, việc hoạch định đường lối và chính sách đối ngoại chung cho cả thời kỳ cách mạng dân tộc, dân chủ và xã hội chủ nghĩa và cho từng giai đoạn cụ thể nói riêng đóng vai trò rất quan trọng. Tiền đề không thể thiếu được cho việc hoạch định chính sách đối ngoại là : cần xác định rõ mục tiêu trước mắt và lâu dài của dân tộc ; đánh giá đúng thế và lực của đất nước ; phân tích và dự báo chính xác diễn biến tình hình thế giới và khu vực ; chiều hướng diễn biến về chính trị, kinh tế, xã hội và an ninh ở cả trong nước và ngoài nước để từ đó thấy được thuận lợi và khó khăn, cơ hội và thách thức, những việc cần làm nhằm tranh thủ được cái cần phải tranh thủ, chủ động lường trước và tránh được những tác động tiêu cực cần phải tránh. Phương pháp luận và tư duy biện chứng duy vật mác-xít,

phương pháp và phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh, đặc biệt trong phân tích tình hình thế giới, phân tích và dự báo thời cơ, vận dụng tư duy độc lập, tự chủ và sáng tạo cũng như nghệ thuật tận dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ đối phương, đã giúp cho Đảng ta đề ra được đường lối, chính sách đối ngoại đúng đắn và có những điều chỉnh chiến lược kịp thời mỗi khi xuất hiện tình huống mới hoặc khi đất nước chuẩn bị bước vào giai đoạn mới. Lịch sử nền ngoại giao Việt Nam hiện đại có thể đưa ra rất nhiều bằng chứng sinh động cho điều đó thông qua sự trưởng thành và lớn mạnh, những bước tiến vững vàng của mình cả về lý luận và trên thực tế qua các thời kỳ như : thời kỳ nhà nước cách mạng công - nông non trẻ sau Cách mạng Tháng Tám, thời kỳ hai cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, thời kỳ chống bao vây cấm vận, thời kỳ đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Sự lãnh đạo của chính đảng cách mạng là một nội dung nổi bật của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Sự lãnh đạo ấy là nhân tố quyết định cho thắng lợi của cách mạng, là hạt nhân của chính sách đại đoàn kết dân tộc. Dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, cách mạng thực sự trở thành ngày hội của quần chúng, là sự nghiệp chung của toàn dân tộc. Tư tưởng đó cũng chỉ đạo mạnh mẽ hoạt động đối ngoại Việt Nam. Nền ngoại giao Việt Nam hiện đại là nền ngoại giao mang tính nhân dân sâu sắc. Hoạt động ngoại giao do Đảng lãnh đạo và được cả dân tộc thực hiện, sự tham gia và phối hợp của tất

cả các bộ, ban, ngành và các địa phương với nội dung và hình thức ngày càng thêm đa dạng và phong phú. Chính nhờ vậy mà vừa bảo đảm được sự lãnh đạo tập trung, sự quản lý thống nhất, vừa phát huy cao độ lợi thế và tiềm năng của từng ngành và địa phương, tạo dựng được sức mạnh tổng hợp của cả đất nước.

Đảng và Nhà nước ta định hướng chính sách và hoạt động đối ngoại vào việc xác định đúng vị trí ổn định và có lợi nhất cho Việt Nam trong cộng đồng quốc tế, đánh giá đúng khả năng và vị thế của Việt Nam trong mọi biến hóa của thời cuộc để từ đó nhận biết và chủ động nắm bắt thời cơ, tranh thủ những điều kiện thuận lợi và nguồn lực từ bên ngoài phục vụ cho lợi ích dân tộc ; phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc ; giảm thiểu những tác động và ảnh hưởng tiêu cực từ bên ngoài đối với đất nước ta. Sợi chỉ đỏ xuyên suốt việc xác định mục tiêu đối ngoại, hoạch định biện pháp, chính sách cụ thể và triển khai thực hiện đường lối đối ngoại là lợi ích tối cao của dân tộc, là yêu cầu bảo vệ và thực hiện tốt nhất những lợi ích ấy. Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, ngoại giao Việt Nam phục vụ lợi ích quốc gia đồng thời góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Đây cũng còn là một bản sắc của nền ngoại giao Việt Nam hiện đại.

Nền tảng tư tưởng ấy và sự kiên định mục tiêu nhất quán trong chính sách đối ngoại đã làm cho chính sách đối ngoại thời kỳ mới có được tính phát triển liên tục, trên cơ sở vừa kế thừa thành quả của các thời kỳ

trước, vừa được điều chỉnh, bổ sung và phát triển hơn nữa để phù hợp và ngang tầm với những yêu cầu, đòi hỏi của thời kỳ mới.

Tập hợp lực lượng quốc tế luôn là vấn đề mà nền ngoại giao nào cũng phải quan tâm xử lý thỏa đáng. Đối với những nước nhỏ và vừa, vấn đề tìm kiếm đồng minh và đối tác tin cậy, tạo dựng và tập hợp lực lượng có lợi cho mình - hay nói đúng hơn là tranh thủ sự đồng tình của các nước khác trong cộng đồng quốc tế - hoặc tham gia đến mức độ nào, ở thời điểm nào vào các hình thức và mức độ tập hợp lực lượng đã có, là vấn đề vừa mang tính chiến lược, vừa là sách lược quan trọng. Chỉ có đứng vững trên những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh thì mới định hướng đúng đắn cho đối ngoại Việt Nam giữa sự biến thiên khôn lường và sâu sắc, nhanh chóng và nhạy cảm của các mối quan hệ quốc tế, đồng thời kiên định thực hiện thành công đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế và chủ động hội nhập kinh tế thế giới. Trên nền tảng vững chắc đó, những vấn đề về đồng minh và đối tác, lợi ích trước mắt và lâu dài, riêng và chung, ưu tiên hay không ưu tiên, cơ hội và thách thức đều được giải quyết một cách có nguyên tắc, hợp lý hợp tình.

TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI

Những nội dung trong tư tưởng Hồ Chí Minh về gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, gắn độc lập tự chủ, tự lực tự cường với đoàn kết và hợp tác quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại được bao hàm trong chính sách đa

phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế, trong chủ trương xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ theo định hướng xã hội chủ nghĩa đồng thời với chủ động hội nhập kinh tế thế giới.

Hoạt động đối ngoại diễn ra trong cái muôn hình muôn vẻ của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh giữa các quốc gia với nhau. Do đó, chỉ có thể triển khai thực hiện thành công đường lối đối ngoại trên cơ sở cách tư duy và tiếp cận khoa học, biện chứng.

Để triển khai thực hiện thành công đường lối đối ngoại của Đảng, việc cần làm là nghiên cứu, học tập, quán triệt và thấm nhuần những nguyên lý, nguyên tắc và nội dung căn bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh chỉ đạo ngoại giao Việt Nam và thể hiện trong mục tiêu, chính sách đối ngoại cụ thể của Việt Nam. Đó là sự gắn kết hài hòa giữa lý luận và thực tiễn, giữa vận dụng sáng tạo và tiếp tục phát triển để luôn ngang tầm với thời đại. Chỉ với hành trang tri thức ấy, những người làm công tác đối ngoại mới có thể thực hiện hiệu quả đường lối đối ngoại của Đảng cho dù môi trường quốc tế và khu vực có diễn biến bất ngờ như thế nào.

Độc lập tự chủ, tự lực tự cường, kiên định nguyên tắc nhưng luôn linh hoạt trong mọi ứng xử theo phương châm "dĩ bất biến ứng vạn biến" và gắn mình vào dòng chảy chung của thời đại vẫn là điều cần thiết hơn bao giờ hết đối với ngoại giao Việt Nam. Trong lịch sử ngoại giao Việt Nam hiện đại, phương pháp, phong cách và nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh đã được Đảng ta vận dụng để triển khai thực hiện

đường lối đối ngoại. Phương pháp dự báo thời cơ và nắm bắt đúng thời cơ đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng những quyết sách đúng đắn, đúng thời điểm lịch sử, có đối sách thích hợp với từng nước trong từng giai đoạn, nhất là với những quốc gia có liên quan đến Việt Nam.

Ngoại giao tâm công mà ông cha ta đã sử dụng từ ngàn xưa và được Chủ tịch Hồ Chí Minh phát huy cao độ vẫn là di sản quý báu đối với nền ngoại giao Việt Nam hiện đại. Theo tinh thần đó, ngoại giao Việt Nam xây đắp quan hệ hữu nghị chân thành và thủy chung, trong sáng với bạn bè và đồng chí của mình ; đi từ những giá trị nhân văn để tìm điểm tương đồng, tạo dựng cơ sở lợi ích chung, tranh thủ sự ủng hộ quốc tế, phân biệt rõ bạn thù, làm sáng ngời thêm chính nghĩa của Việt Nam. Nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh, đặc biệt về nhân nhượng có nguyên tắc là những chuẩn mực trong việc thực hiện đường lối đối ngoại. Trong đó thể hiện nhận thức sâu sắc và đầy đủ về chính mình và đối tác, bản lĩnh chính trị vững vàng và kiên định nguyên tắc nhưng đồng thời linh hoạt trong ứng xử đối ngoại và chủ động tiến công trong hoạt động đối ngoại, đi từng bước vững chắc nhưng luôn giữ được cái nhìn xa trông rộng ở tầm chiến lược.

Một nội dung nổi bật trong tư tưởng Hồ Chí Minh là gắn việc giữ vững độc lập tự chủ và chủ nghĩa xã hội, bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, mở rộng quan hệ quốc tế với việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Đảng ta cũng đã khẳng định việc phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm

của toàn Đảng, toàn dân. Vì thế, phục vụ kinh tế được coi là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của đối ngoại Việt Nam, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay. Ngoại giao phục vụ kinh tế thể hiện ở chỗ, mọi hoạt động đối ngoại đều phải nhằm phục vụ thiết thực công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế đất nước vững chắc và chủ động hội nhập kinh tế thế giới, góp phần không ngừng cải thiện môi trường quốc tế và khu vực - hòa bình, ổn định để phát triển và bảo vệ đất nước. Ngoại giao phục vụ kinh tế cũng còn có nghĩa là, thông qua các mối quan hệ đối ngoại và hoạt động đối ngoại tranh thủ những thuận lợi và điều kiện từ các mối quan hệ quốc tế để làm lợi cho công cuộc phát triển và bảo vệ đất nước. Trong các hoạt động đối ngoại, cần nâng cao hơn nữa hiệu quả thiết thực của việc đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ và hội nhập quốc tế, đây cũng còn là việc vận dụng bài học kinh nghiệm về tranh thủ sức mạnh của thời đại, kết hợp với sức mạnh dân tộc.

Ý nghĩa kim chỉ nam của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với ngoại giao Việt Nam trong quá trình thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng còn thể hiện ở nội dung coi ngoại giao là một mặt trận và nêu cao chính sách đại đoàn kết dân tộc. Nhờ đó, ngoại giao nhân dân đã được phát triển mạnh mẽ và trở thành một lực lượng, binh chủng quan trọng của mặt trận ngoại giao. Tính dân tộc và nhân dân sâu sắc đã trở thành một bản sắc của ngoại giao Việt Nam hiện đại. Hoạt động đối ngoại đã trở thành nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, cần có sự tham gia của

toàn dân tộc. Chính vì thế, đối với việc triển khai thực hiện thành công đường lối đối ngoại của Đảng, sự phối hợp hài hòa giữa các bộ, ban, ngành và địa phương, đặc biệt giữa ngoại giao - quốc phòng - an ninh và kinh tế đóng vai trò không kém phần quyết định. Trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, việc tăng cường và nâng cao hiệu quả của sự phối hợp ấy dưới sự lãnh đạo và quản lý thống nhất của Đảng là một trong những điều bảo đảm cho việc thực hiện thành công đường lối đối ngoại của Đại hội IX.

CƠ SỞ LÝ LUẬN CHO SỰ PHÁT TRIỂN NGOẠI GIAO VIỆT NAM

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng cơ sở lý luận của ngoại giao Việt Nam. Đảng ta lấy những luận điểm và phương pháp trong đó làm vũ khí và chỗ dựa để tổ chức thắng lợi của đấu tranh giải phóng và xây dựng cuộc sống mới ; lấy những giá trị tinh thần to lớn từ đó làm thế mạnh và niềm tin vào tính tất thắng của sự nghiệp cách mạng chính nghĩa của cả dân tộc ; lấy sự hài hòa giữa tính truyền thống và thời đại làm tiêu chí cho hoạch định đường lối và thực hiện đường lối.

Đối với ngoại giao Việt Nam, sự khẳng định nói trên có ý nghĩa hết sức to lớn cả về phương diện lý luận lẫn thực tiễn. Cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao là sự cọ xát lợi ích quốc gia, văn hóa và lịch sử dân tộc, là cuộc đấu tranh về tư tưởng, có dung hòa và thoả thuận, nhưng luôn kiên định nguyên tắc, có khi công khai, có lúc thầm lặng. Là kim chỉ nam cho hành động của Đảng ta trên mặt trận này, chủ nghĩa

Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh soi rọi cho việc hoạch định và thực hiện chính sách đối ngoại, giúp giải mã những sự việc và vấn đề mới nảy sinh trong quan hệ quốc tế, vượt qua những khúc quanh co của lịch sử, đồng thời cũng là tiêu chí để kiểm nghiệm tính đúng đắn của đường lối đối ngoại và hiệu quả của việc triển khai thực hiện đường lối chính sách đó. Chiếc kim chỉ nam ấy là sự đảm bảo cho ngoại giao Việt Nam có được sự nhất quán và liên tục trong chính sách, sự thống nhất giữa nhận thức và hành động, đảm bảo được sự lãnh đạo của Đảng và tính thời đại trong chính sách đối ngoại.

Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã nhấn mạnh tầm quan trọng và tính cấp thiết của công tác lý luận - tư tưởng trong giai đoạn hiện nay. Lý luận có cội gốc từ sự tổng kết thực tiễn, soi rọi vào thực tiễn và thực tiễn kiểm nghiệm làm cơ sở phát triển lý luận. Từ nền tảng tư tưởng là chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, ngoại giao Việt Nam có thể tiếp tục phát triển và hoàn thiện những cơ sở khác nữa cho lý luận ngoại giao Việt Nam, như : tư tưởng và những giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam kết hợp với những tri thức và kinh nghiệm ngoại giao được tổng kết và khái quát từ thực tiễn hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, cũng như của các dân tộc khác trên thế giới. Những cơ sở ấy là không thể thiếu được cho việc từng bước tiến tới xây dựng nền ngoại giao Việt Nam chính quy và hiện đại, xứng đáng với tầm vóc dân tộc thời đại Hồ Chí Minh. □

PHÁT HUY QUYỀN LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở CƠ SỞ VỮNG MẠNH

PHẠM QUANG NGHỊ *

THỰC hiện dân chủ luôn luôn là một tiêu chí quan trọng, là thước đo trình độ phát triển của một xã hội. Tiêu chí đó càng trở nên quan trọng và rõ nét khi chúng ta xem xét nó tại cơ sở, nơi hằng ngày diễn ra mối quan hệ qua lại giữa tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể với dân.

Thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở theo tinh thần Chỉ thị số 30 của Bộ Chính trị và Nghị định 29 của Chính phủ thể hiện quyết tâm của Đảng và Nhà nước ta trong việc đề cao quyền làm chủ của nhân dân. Đây là một chủ trương lớn, vừa mang tính cấp bách trước mắt, vừa cơ bản, lâu dài, là giải pháp quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể, góp phần làm lành mạnh và trong sạch bộ máy và cán bộ. Phát huy dân chủ của nhân dân là mục tiêu, đồng thời là động lực bảo đảm cho thắng lợi của cách mạng, của công cuộc đổi mới trên đất nước ta.

*

* *

Để quán triệt và thực hiện tốt chủ trương phát huy dân chủ và Quy chế Dân chủ ở cơ

sở, chúng ta cần coi trọng phát huy dân chủ bằng cả hai hình thức dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp.

Ở tỉnh Hà Nam, những kết quả tích cực của việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân được thể hiện rõ nét trong việc phát động nhân dân xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn. Đến nay tất cả các xã trong tỉnh, nhân dân đều được sử dụng hệ thống điện lưới quốc gia phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Mỗi năm tỉnh làm mới, sửa chữa, nâng cấp được hàng trăm km đường nông thôn các loại với số vốn huy động trong dân hàng trăm tỷ đồng ; 100% trường phổ thông trung học và trung học cơ sở đã xây dựng kiên cố, cao tầng, kinh phí chủ yếu do nhân dân tự đóng góp ; 100% số xã có trạm y tế. Hầu hết thôn, xóm xây dựng được hương ước, quy ước và bầu được thanh tra nhân dân ; 90% thôn, xóm, bầu trưởng thôn, xóm bằng hình thức bầu trực tiếp ; 90% cơ quan xây dựng được quy chế làm việc... Nhiều xã đã thực hiện có nề nếp việc bàn bạc dân chủ và công khai

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin

các khoản đóng góp và sử dụng các khoản đóng góp của dân. Tại nhiều xã, các cuộc họp của Hội đồng nhân dân được truyền thanh cho toàn dân nghe. Công tác tiếp dân và giải quyết đơn, thư khiếu kiện, các vụ tranh chấp, mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân được tổ chức đảng và chính quyền các cấp quan tâm giải quyết không để phát sinh thành các vụ việc phức tạp, kéo dài. Một số xã, thôn trước đây đã xảy ra những hiện tượng vi phạm nghiêm trọng quyền làm chủ của nhân dân, nhiều cán bộ bị xử lý kỷ luật, vừa qua đã nhanh chóng kiện toàn đội ngũ cán bộ, vươn lên trở thành đơn vị vững mạnh toàn diện v.v.. Đó là những tiến bộ và kết quả cụ thể, sinh động của việc thực hiện chủ trương phát huy dân chủ và Quy chế Dân chủ ở cơ sở trong tỉnh.

Những kết quả trên không chỉ chứng minh nguồn lực trí tuệ và vật chất trong nhân dân là vô cùng to lớn mà còn minh chứng cho sức sống và tính đúng đắn của chủ trương phát huy dân chủ, huy động sức nhân dân để làm những công việc hữu ích cho nhân dân. Làm được điều đó, dân chủ thực sự vừa là mục tiêu, vừa là động lực ; là bản chất của Nhà nước ta, là nguyện vọng và ý chí của nhân dân ta. Dân chủ không chỉ là lời hô hào, kêu gọi mà đã trở thành hiện thực sinh động trong đời sống nhân dân tại cơ sở.

Hà Nam, một tỉnh mang đậm tính thuần nông, 91% dân số sống ở nông thôn. Tỷ trọng kinh tế nông nghiệp còn chiếm tới gần 40% GDP của tỉnh. Thu nhập bình quân đầu người năm mới đạt khoảng 2,3 triệu đồng, bằng gần nửa mức bình quân chung cả nước, nhưng những gì mà Đảng bộ và nhân dân Hà Nam làm được đều chứng minh tính đúng đắn của chủ trương phát huy dân chủ, đặc

biệt là quyền làm chủ của quần chúng nhân dân cơ sở nông thôn. Chủ trương này đã phát huy cao độ nguồn nội lực của nông thôn, nông dân ; khắc phục tâm lý trông chờ ỷ lại bao cấp của Nhà nước ; là bước đi, cách làm phù hợp trong điều kiện đất nước đang đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đặc biệt, phát huy dân chủ còn là biện pháp cực kỳ quan trọng làm cho đội ngũ cán bộ và hệ thống chính trị ở cơ sở ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Nhìn lại quá trình thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở trong mấy năm qua, bên cạnh số đông cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân có nhận thức đúng đắn, cũng còn không ít người hiểu không đúng, cách nghĩ, cách làm lệch lạc, phiến diện. Khi khắc phục sai lầm, khuyết điểm có nơi lại từ cục đoạn này chuyển sang cục đoạn khác. Một hiện tượng khá phổ biến là nhận thức và việc kết hợp giữa dân chủ đại diện với dân chủ trực tiếp ở nhiều nơi chưa tốt. Nơi coi nhẹ dân chủ trực tiếp thì dẫn đến quan liêu, mệnh lệnh, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân. Trái lại, nơi coi nhẹ dân chủ đại diện dẫn tới buông lỏng lãnh đạo, làm suy yếu vai trò của tổ chức đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể quần chúng.

Muốn thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở, thực sự phát huy được dân chủ, về cách làm, có loại việc cần đưa ra dân tham gia ý kiến để cơ quan có thẩm quyền quyết định, Hội đồng nhân dân không nên quyết định khi chưa xin ý kiến nhân dân. Có loại việc đưa ra dân bàn và quyết định trực tiếp theo đa số nhất trí. Nhưng dù đưa ra cho dân bàn, quyết định trực tiếp thì cũng không phải mọi việc đều chờ toàn thể nhân dân đồng ý mới làm, vì khi đưa ra cho nhân dân bàn có những việc

chúng ta cũng phải làm theo đa số tích cực tiên tiến chứ không thể theo đuôi những người lạc hậu. Trong trường hợp thực hiện cơ chế dân chủ trực tiếp, nhân dân quyết định trực tiếp theo đa số để chính quyền lãnh đạo tổ chức thực hiện thì thiểu số còn lại phải chấp hành theo đa số.

Có loại việc cấp ủy, chính quyền, đoàn thể nêu định hướng rồi đưa ra nhân dân bàn, sau đó tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể bàn lại để quyết định... Nhưng dù làm cách nào thì vẫn phải coi trọng công tác tuyên truyền, vận động và bàn bạc với dân. Đây là khâu mấu chốt nhất quyết định thành công của mọi công việc, đúng như Bác Hồ đã nói : "Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công".

Để phát huy dân chủ, phải tránh cả hai khuynh hướng lệch lạc, hoặc chỉ đề cao dân chủ đại diện, coi nhẹ việc bàn bạc, lấy ý kiến của nhân dân, dẫn đến mệnh lệnh, áp đặt, nóng vội, huy động quá khả năng đóng góp của nhân dân ; song cũng tránh khuynh hướng cán bộ sợ trách nhiệm, không dám phát động, huy động nhân dân đóng góp, khiến mọi công việc trở nên trì trệ, thậm chí thụ động theo đuôi quần chúng. Vừa qua, ở nhiều nơi thực hiện dân chủ đại diện chưa tốt, cán bộ không tôn trọng quyền dân chủ của nhân dân, nên chúng ta phải khắc phục, sửa chữa những cái sai của cán bộ. Song không vì thế lại nghĩ rằng, phát huy dân chủ trực tiếp là phải đưa tất cả mọi việc ra cho dân bàn, dân quyết, thì đó lại là biểu hiện của sự quan liêu, thiếu trách nhiệm của cán bộ chứ không phải là đề cao dân chủ. Trong thực hiện, điều quan trọng là phải thấm nhuần tư tưởng vì dân. Cái gì có lợi cho dân thì khó mấy cũng quyết tâm làm. Cái gì có hại cho dân thì phải hết sức tránh. Phải làm

thật tốt công tác vận động quần chúng, thực sự công khai, dân chủ, nhất là công khai các khoản đóng góp và công khai sử dụng các khoản đóng góp của dân. Điều quan trọng tiếp theo là phải đảm bảo sự công bằng về quyền và nghĩa vụ trong nội bộ nhân dân. Nếu mọi tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể đều nhận thức rõ mục tiêu, cách làm như vậy thì ở cơ sở không những không bao giờ xuất hiện khiếu kiện, "điểm nóng", mà người người, nhà nhà đều yên vui ; Đảng với dân, chính quyền, đoàn thể với dân là một ý chí, một khối đoàn kết không ai có thể chia rẽ được. Đó là biện pháp tốt nhất thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX : "Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân gắn với việc phát huy dân chủ trong đời sống xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện dân chủ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ở tất cả các cấp, các ngành"⁽¹⁾.

Để góp phần hoàn thiện và phát huy dân chủ, khắc phục những cách nghĩ, cách làm không đúng trong việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, chúng tôi nhận thấy cần làm tốt một số nhiệm vụ sau đây :

Một là, phải thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, làm cho mọi người, trước hết là cán bộ, đảng viên hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở. Đây không chỉ là nhiệm vụ cấp bách trước mắt mà còn là nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa lâu dài, thường xuyên của tất cả các cấp, các ngành, nhất là ở cơ sở. Đây cũng là

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 124

yêu cầu đầu tiên của phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra".

Hai là, gắn việc thực hiện dân chủ ở cơ sở với việc thực hiện cuộc vận động xây dựng chính quyền Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Đây là giải pháp cực kỳ quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, chính quyền và đoàn thể ở cơ sở. Gắn thực hiện Quy chế Dân chủ với cải cách hành chính, xây dựng các quy chế, quy định; xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, xây dựng làng văn hóa, gia đình văn hóa, xây dựng hương ước, quy ước trong khuôn khổ của pháp luật, có nội dung thiết thực để điều chỉnh, phát huy những mối quan hệ, truyền thống tốt đẹp và tính tự quản trong cộng đồng dân cư, khơi dậy tình làng nghĩa xóm, truyền thống đạo lý văn hóa tốt đẹp của dân tộc, của quê hương.

Ba là, kết hợp thật tốt và nâng cao chất lượng hoạt động của dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp. Các hình thức dân chủ đại diện là kết quả của quá trình hoàn thiện cơ chế dân chủ, nhưng nó không loại trừ việc thực hiện dân chủ trực tiếp. Làm tốt dân chủ trực tiếp sẽ làm cho dân chủ đại diện được thực hiện tốt hơn và ngược lại. Thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở càng phải coi trọng việc nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước. Các đoàn thể quần chúng chủ động, gương mẫu trong việc vận động nhân dân thực hiện các quy chế, quy ước, hương ước... Hết sức coi trọng nâng cao phẩm chất, năng lực đội ngũ cán bộ xã, phường, trưởng thôn, trưởng xóm, tổ trưởng dân phố và thanh tra nhân dân để làm tốt vai trò cầu nối giữa nhân dân với Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng.

Bốn là, mở rộng dân chủ đi đôi việc đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước. Tăng cường dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ cương, kỷ luật. Thực tế cho thấy vẫn còn không ít chủ trương, chính sách không chỉ sơ hở, không đồng bộ mà có khi còn vênh, trái nhau, hoặc là chậm được bổ sung, đổi mới, không phù hợp với thực tế, gây khó khăn cho việc vận dụng, đối chiếu để giải quyết các vấn đề cụ thể hàng ngày. Vì vậy, chúng ta tiếp tục bổ sung, sửa đổi chế độ, chính sách; chú ý làm tốt công tác phổ biến pháp luật, nâng cao dân trí, giúp cho dân hiểu biết đúng đắn về chính sách, pháp luật để thực hiện quyền làm chủ, bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình, đồng thời hiểu rõ trách nhiệm, nghĩa vụ và tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện của cán bộ.

Năm là, thực hiện dân chủ ở cơ sở không tách rời thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở cơ sở, nâng cao đời sống của nhân dân. Không nên hiểu phát huy dân chủ chỉ là tổ chức những cuộc hội họp, học tập, lấy ý kiến nhân dân một cách hình thức, hoặc sự bàn bạc không gắn với việc chăm lo giải quyết những vấn đề thiết thực đến lợi ích và cuộc sống nhân dân tại cơ sở. Trái lại, kinh tế, xã hội phát triển, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện đó chính là thước đo kết quả thực hiện dân chủ đối với nhân dân.

Sáu là, kịp thời sơ kết, tổng kết, biểu dương những việc làm tốt, kinh nghiệm hay, nhân rộng các điển hình tiên tiến; đồng thời phê phán, uốn nắn và xử lý kịp thời, nghiêm minh những trường hợp vi phạm.

(Xem tiếp trang 42)

Thực hiện tốt

CÔNG TÁC THƯƠNG BINH, LIỆT SĨ

NGUYỄN ĐÌNH LIÊU*

SINH thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn : *Thương binh, bệnh binh, gia đình quân nhân, gia đình liệt sĩ là những người có công với Tổ quốc, với nhân dân. Cho nên bốn phận của chúng ta là phải biết ơn, phải thương yêu và giúp đỡ họ.* Trong những năm qua, lĩnh vực ưu đãi người có công được Đảng, Nhà nước và toàn xã hội quan tâm, nhất là hệ thống chính sách về lĩnh vực này được kế thừa, phát triển và ngày một hoàn thiện, hoạt động quản lý nhà nước đạt được nhiều thành tựu đáng phấn khởi, có ý nghĩa xã hội rất to lớn.

Trong thời kỳ đổi mới, ưu đãi người có công với cách mạng trở thành một nguyên tắc Hiến định và được ghi nhận trang trọng ở Điều 67 - Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (năm 1992). Từ năm 1994 đến năm 2000, Nhà nước đã ban hành bốn Pháp lệnh về người có công với cách mạng, điều chỉnh các quan hệ xã hội trong quá trình tổ chức và thực hiện chế độ ưu đãi. Hệ thống chính sách đối với người có công bước đầu tạo lập được một hành lang pháp lý để các cơ quan Nhà nước, đoàn thể, tổ chức xã hội, mọi công dân thống nhất nhận thức và thực hiện kịp thời. Đây còn là công cụ cho hoạt động quản lý nhà nước, góp phần đảm

bảo công bằng xã hội, bảo vệ nền tảng đạo đức, truyền thống đạo lý dân tộc ; đồng thời, giáo dục các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ về truyền thống, lịch sử oanh liệt của lớp người đi trước đã cống hiến, hy sinh cho sự nghiệp cách mạng quang vinh của Đảng, của dân tộc. Có thể nói hệ thống chính sách này là sự thể hiện đường lối, chính sách ưu đãi của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ đổi mới, khẳng định thái độ, nhận thức của các thế hệ người Việt Nam tiếp tục kế thừa và phát huy truyền thống đạo lý cao đẹp của dân tộc trong tiến trình xây dựng Nhà nước ta, luôn trân trọng, biết ơn công lao những người có công với Tổ quốc.

Những năm qua, chính sách ưu đãi người có công không ngừng được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, đảm bảo tính khoa học, công bằng, hợp lòng dân. Chẳng hạn, năm 1994, do khả năng tài chính quốc gia còn hạn hẹp, bộ máy quản lý chưa đáp ứng được yêu cầu tổ chức thực hiện đồng loạt việc chi trả, nên Pháp lệnh ưu đãi người có công quy định người hoạt động kháng chiến được khen tặng Huân chương và Huy chương Kháng chiến phải hết

* TS., Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

tuổi lao động mới hưởng trợ cấp. Hình thức chi trả được phân định là trợ cấp một lần hoặc trợ cấp hằng tháng. Khi điều kiện kinh tế, khả năng ngân sách của Nhà nước cho phép, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh sửa đổi Pháp lệnh ưu đãi người có công, theo đó người tham gia kháng chiến được khen tặng Huân chương, Huy chương được hưởng trợ cấp ưu đãi một lần, không phụ thuộc vào điều kiện tuổi đời. Đây không chỉ là một quy trình chuyển đổi phương thức chi trả trợ cấp trong tiến trình cải cách hành chính nhà nước mà còn là sự phù hợp giữa chính sách ưu đãi xã hội với việc thực hiện chính sách trong thực tiễn đời sống.

Việc tổ chức thực hiện chính sách ưu đãi người có công trong những năm vừa qua đạt nhiều kết quả quan trọng. So với trước năm 1995, diện đối tượng chính sách tăng lên hơn 4 triệu người. Một số đối tượng mới được hưởng chế độ ưu đãi của Đảng, Nhà nước và sự quan tâm giúp đỡ của cộng đồng như cán bộ "Tiền khởi nghĩa", "Bà mẹ Việt Nam Anh hùng", Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang trong thời kỳ kháng chiến, người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày. Sau này, Chính phủ tiếp tục mở rộng diện đối tượng mới là thanh niên xung phong hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến, người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ bị nhiễm chất độc hóa học... Hằng năm, gần 3 000 tỉ đồng được chi trả đến đối tượng hưởng chính sách một cách đầy đủ, kịp thời do có sự phối kết hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành, các cơ quan chức năng. Mức trợ cấp đã qua ba lần điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tiễn của đời sống xã hội. Mặc dù trong điều kiện ngân sách còn khó khăn, trợ cấp thường xuyên đối với người có công tuy chưa đáp ứng nhu cầu, song đã góp phần ổn định và từng bước nâng cao mức

sống của họ. Nhà nước đã giải quyết một số bất hợp lý hoặc tập trung điều chỉnh trợ cấp đối với một bộ phận người có công như: thân nhân liệt sĩ, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Lão thành cách mạng, thương binh, bệnh binh nặng.

Các chính sách ưu đãi về kinh tế - xã hội (ưu đãi ngoài trợ cấp) như bảo hiểm y tế, miễn giảm thuế giao đất sản xuất, cải thiện về nhà ở, đất ở..., các chương trình lồng ghép như xóa đói giảm nghèo, việc làm... đã được các ngành, các cấp, nhất là ở cơ sở thực hiện chu đáo, kịp thời giải quyết những yêu cầu thiết thực đối với người có công. Chính sách ưu đãi trong giáo dục, đào tạo được các nhà trường, địa phương thực hiện nghiêm túc, với nhiều hình thức phong phú, sinh động, có ý nghĩa động viên, chăm lo, chuẩn bị hành trang cho lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng bước vào tương lai, tiếp tục xứng đáng với truyền thống của cha anh trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hiện nay, 61 tỉnh, thành phố đã hoàn thành việc lập danh sách những người tham gia hoạt động cách mạng, bị thương, bị chết trong thời kỳ kháng chiến nhưng chưa được xem xét, kết luận và đang hoàn tất hồ sơ, thủ tục để sớm hoàn thành cơ bản việc xác nhận vào cuối năm 2002. Công tác mộ - nghĩa trang liệt sĩ đã và đang được đẩy mạnh, đáp ứng lòng mong mỏi của đồng chí, đồng bào cả nước. Nhiều công trình nghĩa trang liệt sĩ, đài tưởng niệm, nhà bia ghi tên liệt sĩ được tôn tạo, xây dựng trở thành công trình lịch sử văn hóa, có ý nghĩa xã hội, nhân văn sâu sắc, như: đền liệt sĩ Bến Dược (Thành phố Hồ Chí Minh), nghĩa trang liệt sĩ Điện Biên, nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn, đền liệt sĩ Hải Hậu (Nam Định), đền liệt sĩ Hồng Bàng (Hải Phòng)... cùng với 2000 nhà bia ghi tên liệt sĩ đã được xây dựng

ở cấp xã, phường. Hầu hết số mộ liệt sĩ quân tình nguyện Việt Nam trên đất bạn Lào đã được đưa về yên nghỉ ở các nghĩa trang trên đất mẹ Tổ quốc. Số mộ liệt sĩ trên đất bạn Cam-pu-chia cũng đang tiến hành quy tập và sẽ hoàn tất việc di chuyển về nước trong vài ba năm tới.

Phong trào chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ và người có công với nước đã phát triển ngày càng sâu rộng. Đến nay, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã công nhận 5 640 xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sĩ; 156 914 căn nhà tình nghĩa được xây mới, sửa chữa, nâng cấp với kinh phí hơn 900 tỉ đồng. Hơn 9 000 mẹ hiện còn sống trong số 43 000 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng của cả nước đang được các cơ quan đơn vị, cá nhân nhận phụng dưỡng đến cuối đời... Quỹ đền ơn đáp nghĩa - nơi hội tụ biết bao tấm lòng tình nghĩa - được thực hiện sâu rộng và hiệu quả thực sự mang đậm nét đẹp đạo lý truyền thống dân tộc. Ba năm qua, các tầng lớp nhân dân đã ủng hộ hơn 525 130 triệu đồng vào quỹ này, góp phần cải thiện nhà ở và động viên, chăm sóc các gia đình hưởng chính sách khi gặp hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Hoạt động quản lý nhà nước trong những năm qua cùng với việc động viên toàn xã hội chăm sóc người có công đã làm cho công tác này mang tính xã hội hóa cao, có ý nghĩa về nhiều mặt, từng bước ổn định và nâng cao đời sống đối tượng hưởng chính sách, tạo tiền đề cho việc ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Những thành tựu đó rất đáng ghi nhận, tuy nhiên, chúng ta cũng nhận thấy *công tác thương binh, liệt sĩ và người có công còn không ít những yếu kém và hạn chế*. Công tác xây dựng, hoạch định chính sách đã bộc lộ

những khía cạnh bất cập. Hệ thống chính sách ưu đãi xã hội chưa đồng bộ, một số quy định của Pháp lệnh chưa đi vào cuộc sống. Số lượng văn bản rất lớn (4 Pháp lệnh, 18 Nghị định, Chỉ thị, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 29 Thông tư) nhưng còn nhiều quy phạm thuộc nội dung của Pháp lệnh chưa được hướng dẫn thực hiện (như trình tự, thủ tục ưu đãi về nhà, đất, thuế, tín dụng, việc làm...). Chế độ trợ cấp đối với người có công nói chung còn thấp, mang tính chấp vá, chưa phù hợp với mặt bằng chung trong đời sống xã hội. Có những đối tượng là người có công với nước thuộc diện điều chỉnh của Pháp lệnh nhưng đã chết trước ngày 1-1-1995, ngày Pháp lệnh có hiệu lực thi hành (khoảng trên hai triệu người); người có công giúp đỡ cách mạng được khen tặng Huân chương, Huy chương Kháng chiến (khoảng 130 000 người) chưa được ghi nhận và giải quyết chế độ ưu đãi.

Vấn đề giải quyết tồn đọng về chính sách trong chiến tranh còn lớn và phức tạp. Hiện nay, còn khoảng trên 90 000 người có yêu cầu được xem xét, xác nhận là người có công với nước theo Pháp lệnh, nhưng do chiến tranh lâu dài, khốc liệt hoặc do công tác quản lý hồ sơ, giấy tờ không đầy đủ, người biết việc không còn sống hoặc tuổi đã cao, ở quá xa không có điều kiện chứng nhận hoặc do những thay đổi, giải thể đơn vị, địa phương... đang là đòi hỏi phải cải cách thủ tục hành chính cho phù hợp, nhằm đem lại quyền lợi chính đáng đối với người có công.

Công tác quy tập mộ liệt sĩ cũng đang trở thành mối quan tâm của xã hội, của gia đình liệt sĩ. Còn hàng trăm ngàn đồng bào, chiến sĩ ta hy sinh trên các chiến trường, mặc dù các đơn vị quân đội, các địa phương vẫn đang ngày đêm tổ chức tìm kiếm, phát hiện để quy

tập, nhưng thực sự là công việc còn rất gian khổ và đòi hỏi phải có thời gian.

Việc tổ chức thực hiện chính sách ưu đãi người có công với nước còn những sai sót, có nơi xảy ra nghiêm trọng, làm thất thoát tiền của Nhà nước, gây bất bình trong nhân dân và đối tượng hưởng chính sách. Đã xuất hiện vụ việc tiêu cực của một số cán bộ mất phẩm chất, kể cả trong ngành Lao động - Thương binh và Xã hội (ăn chặn, biển thủ công quỹ, tham ô ngân sách ưu đãi xã hội). Vấn đề tổ chức bộ máy, vấn đề công chức, công vụ trong lĩnh vực ưu đãi xã hội cũng còn bất cập, gây không ít khó khăn cho hoạt động quản lý nhà nước. Phong trào chăm sóc, giúp đỡ thương binh, gia đình liệt sĩ và người có công là to lớn, thiết thực nhưng mới chỉ có điều kiện tập trung chủ yếu đến một bộ phận có hoàn cảnh đặc biệt. Phong trào này phụ thuộc vào khả năng, hoàn cảnh của từng địa phương, cơ sở, vì thế còn có những hạn chế nhất định. Mức sống của người có công với nước còn thấp hơn mức sống trung bình của người dân trong xã hội đang tồn tại với số lượng cao. Có tới 17% số hộ nghèo thuộc diện hưởng chính sách. Chỉ thị 08/CT-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, ngày 1-3-2002, nêu rõ : *Ở một số nơi cấp ủy đảng và chính quyền còn buông lỏng lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức thực hiện chính sách đối với người có công, để xảy ra tiêu cực, tham nhũng, vi phạm chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, đi ngược lại đạo lý và truyền thống tốt đẹp của dân tộc, gây ảnh hưởng xấu trong xã hội. Phong trào "Đền ơn đáp nghĩa" phát triển chưa đồng đều, đời sống của một bộ phận thương binh, gia đình liệt sĩ còn khó khăn, nhất là các đối tượng ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng trước đây.*

Những tồn tại, thiếu sót trên đây có nguyên nhân khách quan khó tránh khỏi, nhưng cũng

có nguyên nhân thuộc về công tác quản lý và tổ chức thực hiện. Nhiều vấn đề về người có công chưa được nghiên cứu, đề xuất, triển khai thực hiện các chính sách phù hợp với quá trình đổi mới của đất nước. Đội ngũ cán bộ làm công tác đối với người có công với nước chưa được trang bị những kiến thức ngang tầm với nhiệm vụ ; cơ sở vật chất bảo đảm cho việc quản lý và điều hành công tác này chưa theo kịp với những yêu cầu của tình hình thực tế.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001 - 2010 của Đảng nhấn mạnh : *Khắc phục tình trạng bất hợp lý về trợ cấp thương binh, bệnh binh,... Thực hiện chính sách ưu đãi xã hội và vận động toàn dân tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn đối với các lão thành cách mạng, những người có công với nước, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, thương binh và cha mẹ, vợ, con liệt sĩ, gia đình chính sách. Bảo đảm cho tất cả các gia đình chính sách đều có cuộc sống bằng hoặc khá hơn mức sống trung bình so với người dân địa phương trên cơ sở kết hợp ba nguồn lực : Nhà nước, cộng đồng và cá nhân các đối tượng chính sách tự vươn lên ; chăm sóc giúp đỡ những nạn nhân do hậu quả chiến tranh để lại...*

Hiện nay, công tác thương binh, liệt sĩ và người có công đang đặt ra những yêu cầu mang tính cấp thiết ; chỉ một sự chậm trễ hoặc không bám sát thực tiễn để kịp thời tổng kết, rút kinh nghiệm, đưa ra phương thức xử lý phù hợp, thể hiện sự trân trọng, quan tâm chăm sóc người có công với nước sẽ rất dễ dẫn đến hậu quả đáng tiếc trong lĩnh vực hết sức nhạy cảm này.

Thành quả của sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng, của dân tộc ta hôm nay có sự đóng góp của hàng triệu người đã hy sinh,

hàng chục vạn người suốt đời mang trên mình thương tật, bệnh tật... Thực hiện tốt công tác thương binh, liệt sĩ và người có công là làm nghĩa vụ đối với lịch sử. Đây còn là sự kế thừa và phát huy truyền thống đạo lý cao đẹp của dân tộc ta : tôn thờ, hậu đãi người có công.

Để thực hiện có hiệu quả công tác thương binh, liệt sĩ, người có công với nước chúng ta cần thực hiện nghiêm túc Chỉ thị của Ban Bí thư : *Lấy năm 2002 là năm đẩy mạnh công tác chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ và người có công với cách mạng, thiết thực kỷ niệm 55 năm ngày thương binh, liệt sĩ (27-7-1947 - 27-7-2002)*. Trước hết, cần quan tâm đến công tác tuyên truyền sâu rộng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước ; thành quả công tác thương binh, liệt sĩ mà toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã giành cho thương binh, gia đình liệt sĩ trong suốt 55 năm qua ; về những tấm gương vượt khó vươn lên của nhiều đối tượng chính sách.

Tiếp tục phát huy có hiệu quả phong trào toàn dân chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng, động viên toàn xã hội ủng hộ quỹ "Đền ơn đáp nghĩa". Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm minh các vi phạm về thực hiện chính sách ưu đãi. Đẩy nhanh công tác xác nhận thương binh, liệt sĩ và người có công trong ba thời kỳ cách mạng và kháng chiến. Khẩn trương tiến hành việc khảo sát tìm kiếm, phát hiện và quy tập mộ liệt sĩ, đặc biệt ở các xã biên giới, các vùng căn cứ kháng chiến trước đây... Tổ chức quản lý và thông báo phần mộ liệt sĩ về gia đình. Quản lý và phát huy tốt hơn hệ thống các công trình ghi công liệt sĩ.

Thực hiện chu đáo, đầy đủ các chính sách ưu đãi đối với thương binh, gia đình liệt sĩ và người có công. Tổng kết, đánh giá việc thực hiện Pháp lệnh ưu đãi người có công, tập

trung giải quyết cơ bản tồn đọng về công tác xác nhận người có công ; nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung một số chính sách bất hợp lý, tiến tới hoàn thiện các chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sĩ và người có công với cách mạng. Chú trọng thực hiện các chính sách nhạy cảm, đang trở thành nỗi bức xúc như : chế độ đối với người dân có công giúp đỡ cách mạng được Nhà nước khen thưởng sau ngày 1-1-1995, chính sách đối với người tham gia cách mạng và kháng chiến đã mất trước ngày Pháp lệnh ưu đãi người có công có hiệu lực thi hành, chính sách đối với người bị ảnh hưởng của chất độc hóa học... Các cấp, các ngành cần nghiên cứu bổ sung, hướng dẫn thực hiện các nội dung ưu đãi được quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công theo chức năng, thẩm quyền của mình.

Phối hợp giữa các ngành, các đoàn thể và tổ chức xã hội, phát triển sâu rộng phong trào chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công bằng các chương trình cụ thể, thiết thực và hiệu quả. Quan tâm cải thiện nhà ở, chăm lo giáo dục, đào tạo, giải quyết việc làm đối với con em người có công, giúp đỡ, chăm sóc, phụng dưỡng những đối tượng chính sách già yếu cô đơn, các cháu mồ côi không nơi nương tựa, anh chị em thương binh, bệnh binh nặng ở gia đình.

Thường xuyên thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách đối với người có công, phát hiện sai sót, vi phạm, đồng thời xử lý dứt điểm theo quy định của pháp luật. Chú trọng việc cải cách thủ tục hành chính, giảm tới mức tối đa những phiền hà đối với người hưởng chính sách ; tổ chức sắp xếp lại bộ máy quản lý nhà nước trên lĩnh vực thương binh, liệt sĩ và người có công, nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ, bảo đảm điều kiện vật chất kỹ thuật tương xứng với yêu cầu của công việc. □

HÀ Nội không chỉ thu phục lòng người bằng vẻ đẹp của một Thủ đô mang đậm phong cách Việt Nam, mà còn thu phục lòng người ở đạo lý hiếu nghĩa "ăn quả nhớ kẻ trồng cây".

Người Việt Nam nói chung và người Thủ đô nói riêng đều hiểu sâu sắc rằng, Hà Nội có được sự bề thế và phồn thịnh như hôm nay, thì nhân dân cả nước, nhân dân Hà Nội đã phải hy sinh mất mát rất nhiều, đặc biệt là

cách mạng và Pháp lệnh quy định danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Kết quả từ năm 1995 đến nay, Hà Nội đã tổ chức xét duyệt và chi trả trợ cấp cho trên 21 vạn người, với số tiền bình quân hằng năm gần 150 tỉ đồng ; tổ chức tốt việc nuôi dưỡng thường xuyên 64 thương bệnh binh có thương tật đặc biệt nặng và trên 60 bố mẹ liệt sĩ cô đơn ; đồng thời tổ chức điều dưỡng luân phiên cho 17 845 lượt thương binh nặng, bố

mẹ liệt sĩ và người có công ở trung tâm và ở nhà ; đã cấp thẻ bảo hiểm y tế cho diện chính sách ưu đãi với kinh phí hằng năm bình quân trên 1 tỉ đồng và phối hợp với các tổ chức y tế thực hiện các đợt khám sức khỏe, phát

Công tác thương binh, liệt sĩ và người có công với cách mạng ở Thủ đô Hà Nội

NHẬT TÂN

sự hy sinh của các anh hùng liệt sĩ, các thương bệnh binh và những người có công với cách mạng đã được Đảng, Nhà nước và nhân dân ghi nhận. Sự hy sinh mất mát ấy đã đi sâu vào tâm trí của nhân dân cả nước, cũng như nhân dân Thủ đô, nên không thể nào quên được. Trong bầu không khí sôi động của công cuộc đổi mới, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước hôm nay, Hà Nội cũng như cả nước vẫn dành vị trí xứng đáng để ghi nhớ và tôn vinh sự hy sinh mất mát đó.

Thủ đô Hà Nội tuy có tới trên 21 vạn người được hưởng chính sách ưu đãi, nhưng lại là nơi thực hiện rất tốt và có ít sai sót nhất đối với Pháp lệnh ưu đãi người có công với

thuốc miễn phí cho các đối tượng chính sách. Hầu hết nghĩa trang liệt sĩ được tôn tạo, nâng cấp đẹp đẽ với tổng kinh phí trên 10 tỉ đồng. Các thân nhân liệt sĩ hằng năm đi thăm viếng mộ liệt sĩ được hỗ trợ chi phí tiền tàu xe...

Hà Nội đã hoàn thành việc hướng dẫn, xét duyệt hồ sơ cho người có công với cách mạng, cho các đối tượng là thương binh, liệt sĩ, tiền khởi nghĩa, người hoạt động cách mạng bị địch bắt tù đày ; đồng thời, khẩn trương hoàn tất thủ tục hồ sơ xét duyệt cho các đối tượng thuộc diện hưởng ưu đãi kháng chiến, người tham gia kháng chiến và con đẻ của họ bị nhiễm chất độc hóa học.

Để thực hiện mục tiêu xóa hộ chính sách nghèo năm 2002, nhiều quận, huyện đã tích

cực chủ động bằng nhiều biện pháp hỗ trợ như : nhận đỡ đầu, trợ cấp tiền, giải quyết cho con thương binh, liệt sĩ đi xuất khẩu lao động.

Ngoài ra, Hà Nội còn phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các sở, ban, ngành có liên quan tặng 55 nhà tình nghĩa tương đương 825 triệu đồng cho các đối tượng chính sách có khó khăn của tỉnh Quảng Trị. Trong đó, ngân sách thành phố hỗ trợ 600 triệu đồng, còn lại là huy động đóng góp. Đồng thời, từng quận, huyện, xã, phường tùy theo điều kiện khả năng thực tế của mình còn tặng thêm từ 300 000 đến 1 triệu đồng cho một bà mẹ.

Công tác chăm sóc Bà mẹ Việt Nam Anh hùng trên địa bàn Hà Nội đã trở thành phong trào thường xuyên mang tính xã hội hóa cao. 95 bà mẹ còn sống đều được các đơn vị, đoàn thể nhận phụng dưỡng, được chăm lo chu đáo cả về vật chất lẫn tinh thần. Số tiền phụng dưỡng hằng tháng cho mỗi mẹ từ 150 000 đồng đến 500 000 đồng (có những mẹ được 2 - 3 đơn vị cùng nhận phụng dưỡng). Đối với các bà mẹ đã mất, chính quyền địa phương lo chu đáo việc sửa sang nâng cấp phần mộ nơi yên nghỉ của các mẹ được khang trang, sạch đẹp.

Hà Nội không chỉ chăm lo phụng dưỡng chu đáo các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng trên địa bàn của mình phụ trách, mà còn hỗ trợ các địa phương khác có khó khăn hơn để chăm sóc tốt hơn các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, như đã nhận phụng dưỡng 87 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng ở Quảng Nam - Đà Nẵng với mức phụng dưỡng bình quân hằng tháng 200 000 đồng cho mỗi mẹ.

Quý đền ơn đáp nghĩa ở các cấp từ thành phố tới xã, phường đã được nhân dân nhiệt

tình đóng góp dùng để xây dựng, sửa chữa nhà ở, tặng sổ tiết kiệm, trợ cấp khó khăn cho các đối tượng chính sách. Đặc biệt, năm 1997 kỷ niệm 50 năm ngày thương binh - liệt sĩ, quý " Đền ơn đáp nghĩa" toàn thành phố đã vận động được 29 tỉ đồng, năm 2000 kỷ niệm 990 năm Thăng Long thành phố đã vận động xây dựng và sửa chữa được 664 nhà tình nghĩa với tổng kinh phí trên 13 tỉ đồng, trong đó huy động trên 10 tỉ đồng.

Hà Nội đã ban hành và thực hiện Quyết định số 1158/QĐ-UB ngày 25-3-1997 về việc bán nhà thuộc sở hữu nhà nước cho người thuộc diện chính sách ; tổ chức điều tra nhà ở của người có công với cách mạng ; xây dựng kế hoạch thực hiện việc giải quyết, hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng phù hợp với điều kiện thực tế của Thủ đô.

Tính đến hết năm 2001, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Nội đã xác nhận cho gần 3 vạn trường hợp người có công với cách mạng chuyển sang Sở Địa chính - Nhà đất thực hiện chính sách nhà đất theo Quyết định 118/TTg. Trong đó, 853 hộ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất (không thu tiền với tổng kinh phí là 153,4 tỉ đồng) ; 650 hộ được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ; 404 hộ đã có nhà riêng, mỗi hộ được hỗ trợ 50 triệu đồng.

Phong trào xây dựng và sửa chữa nhà tình nghĩa được duy trì và phát triển mạnh mẽ ở các địa phương. Từ năm 1995 - 2001, toàn thành phố đã xây dựng mới 1 246 nhà, sửa chữa 2 617 nhà với tổng kinh phí 73,8 tỉ đồng ; trong đó, vốn huy động đóng góp là 47,7 tỉ đồng (65%).

Đối với các gia đình thương binh, gia đình liệt sĩ và người có công với cách mạng có nhiều khó khăn về đời sống, Hà Nội đã có nhiều hình thức hỗ trợ như :

- Mở các doanh nghiệp giải quyết công ăn việc làm cho một số đối tượng chính sách. Trong nhiều năm qua, 6 doanh nghiệp của thương binh và những người tàn tật làm ăn khá và đời sống được bảo đảm.

- Tặng 23 942 sổ tiết kiệm cho các gia đình thương binh, liệt sĩ có khó khăn với tổng kinh phí trên 7,8 tỉ đồng.

- Tặng 829 giếng nước sạch tình nghĩa cho các gia đình chính sách ở các huyện ngoại thành không có nước sinh hoạt với kinh phí từ ngân sách thành phố 1,4 tỉ đồng.

- Nhận đỡ đầu gần 200 đối tượng là bố mẹ liệt sĩ cô đơn, thương bệnh binh nặng, gia đình chính sách có khó khăn với mức từ 100 000 đ - 200 000 đồng/tháng.

Hằng năm, thành phố còn dành trên 1,5 tỉ đồng để trợ cấp, tặng quà cho các gia đình thương binh liệt sĩ và người có công vào các dịp 27-7, 2-9 và Tết Nguyên đán.

Bên cạnh những thành tựu to lớn kể trên, Thành ủy, Ủy ban nhân dân và nhân dân thành phố đã nhận thấy rõ một số tồn tại cần phải khắc phục là :

- Mức trợ cấp hằng tháng của người tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và mức trợ cấp đối với thương binh có tỉ lệ thương tật 81% trở lên còn thấp so với mặt bằng xã hội.

- Từ năm 1999 Nhà nước ban hành luật thuế giá trị gia tăng nhưng các cơ sở sản xuất kinh doanh, dạy nghề của thương bệnh binh và người tàn tật chưa được ưu đãi về thuế, nên còn gặp nhiều khó khăn.

- Việc phát động phong trào chăm sóc đời sống cho người có công ở Thủ đô Hà Nội đã thực sự được xã hội hóa cao và đã đạt được một số kết quả thiết thực cải thiện nhà ở, đời sống. Song, ở Thủ đô Hà Nội vấn đề nhà ở, giải quyết việc làm cho người có công và con cái họ vẫn luôn là những vấn đề bức xúc cần được tiếp tục quan tâm.

Thực hiện Chỉ thị số 08/CT-TW, ngày 1-3-2002, của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thương binh liệt sĩ, người có công với cách mạng và phong trào "Đền ơn đáp nghĩa" trong giai đoạn mới, Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội đã ban hành và thực hiện Kế hoạch số 05/KH-UB ngày 22-1-2002 về kỷ niệm 55 năm ngày thương binh - liệt sĩ với những nội dung chủ yếu như :

- Tiếp tục tổ chức thực hiện đúng, đầy đủ và chu đáo các chế độ chính sách với thương binh, gia đình liệt sĩ và người có công ; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, đấu tranh và xử lý nghiêm minh các biểu hiện tiêu cực trong khâu thực hiện chính sách đối với người có công ; tập trung việc hoàn thành xác nhận người có công trong các thời kỳ kháng chiến theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Phấn đấu thực hiện mục tiêu xóa 608 hộ chính sách nghèo bằng nhiều biện pháp hỗ trợ. Cụ thể, cho vay vốn, hỗ trợ kinh phí sửa chữa nhà hư hỏng, trợ cấp thường xuyên trong năm 2002 cho các hộ chính sách không có sức lao động, không có khả năng thoát nghèo, giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho con các đối tượng chính sách.

Ngày 12-6-2002, Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số

4146/QĐ-UB về việc hỗ trợ 1,5925 tỉ đồng từ ngân sách thành phố cho các hộ nghèo thuộc diện chính sách để sửa chữa 177 nhà hư hỏng. Thành phố hỗ trợ 7 triệu đồng, còn lại là kinh phí vận động nhân dân đóng góp. Hằng tháng, thành phố trợ cấp khó khăn cho 236 hộ với 1 010 khẩu. Các gia đình có người tàn tật, ốm đau già yếu không có sức lao động được trợ cấp hằng tháng với mức 50 000 đồng/người.

- Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc các cấp từ thành phố đến quận, huyện, xã, phường để tổ chức phát động ủng hộ quỹ "Đền ơn đáp nghĩa" nhằm thực hiện các mục tiêu như : xây dựng nhà tình nghĩa, sửa chữa nhà, trợ cấp khó khăn ; phấn đấu xây dựng 195 nhà tình nghĩa, sửa chữa 400 nhà hư hỏng với tổng kinh phí dự tính 8,7 tỉ đồng. Trong đó, ngân sách của Thành phố hỗ trợ 177 hộ nghèo là 1,2 tỉ đồng, còn lại là vận động đóng góp ; tặng trên 3 000 sổ tiết kiệm tình nghĩa với kinh phí huy động gần 3 tỉ đồng ; vận động các doanh nghiệp giải quyết việc làm cho con thương binh, liệt sĩ, đỡ đầu các gia đình chính sách có nhiều khó khăn.

- Liên Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính Vật giá đã trình Ủy ban nhân dân Thành phố có kế hoạch thăm hỏi tặng quà và thăm viếng nghĩa trang liệt sĩ nhân dịp 27-7 với tổng kinh phí trên 4 tỉ đồng.

- Phối hợp với Ban Tuyên giáo Thành ủy, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức tuyên truyền kết quả thực hiện chính sách thương binh - liệt sĩ và người có công với cách mạng.

*

* *

Để thiết thực kỷ niệm 55 năm Ngày thương binh, liệt sĩ và làm tốt công tác

thương binh, liệt sĩ, người có công với cách mạng trong thời gian tới, Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo các quận, huyện, xã, phường, thị trấn, các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể và nhân dân Thủ đô có kế hoạch và tổ chức tốt những nhiệm vụ cụ thể đã đề ra. Đặc biệt là, thành phố đã có sự phân công, phân nhiệm rõ ràng cho các ban, ngành và cơ quan đoàn thể :

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan thường trực có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, phối hợp các quận, huyện, sở, ban, ngành, các đoàn thể triển khai thực hiện kế hoạch kỷ niệm 55 năm Ngày thương binh, liệt sĩ. Sở có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo thực hiện tốt các chính sách của Nhà nước đối với người có công ; phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể phát động phong trào xây dựng quỹ "Đền ơn đáp nghĩa" ; xây tặng nhà tình nghĩa và hỗ trợ hộ nghèo thuộc diện chính sách ; theo dõi việc xây dựng, quản lý và sử dụng quỹ "Đền ơn, đáp nghĩa" ở các cấp để đề xuất với Ban chỉ đạo xây dựng điều hành quỹ hỗ trợ cho những quận, huyện có nhiều đối tượng thuộc diện ưu đãi mà nguồn vận động ủng hộ quỹ hạn chế ; trình Ủy ban nhân dân Thành phố về việc tặng quà và tổ chức để các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, thành phố viếng nghĩa trang liệt sĩ, thăm hỏi các gia đình chính sách tiêu biểu vào dịp 27-7.

2. Sở Địa chính - Nhà đất, Kiến trúc sư trưởng Thành phố phối hợp chặt chẽ với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các ban, ngành có liên quan trong việc thực hiện kế hoạch hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở, đặc biệt là thực hiện tốt Quyết định 20/2000/QĐ-TTg ngày 3-2-2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc

hỗ trợ cho người hoạt động cách mạng từ trước Cách mạng Tháng 8 năm 1945 cải thiện nhà ở ; chủ động có kế hoạch đầu tư xây dựng mới và sửa chữa những nhà hư hỏng nặng thuộc sở hữu nhà nước ; thực hiện các chế độ ưu đãi trong bán nhà thuộc sở hữu nhà nước cho những người có công với cách mạng ; lập kế hoạch, xác định giới thiệu địa điểm, quỹ đất, giải quyết các thủ tục cấp đất, cấp giấy phép cho các công trình xây dựng nhà tình nghĩa nhanh gọn, kịp thời.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính Vật giá căn cứ vào kế hoạch để phân bổ và cấp phát kinh phí kịp thời cho các hoạt động phục vụ thương binh, gia đình liệt sĩ và người có công ; hướng dẫn thanh quyết toán các nguồn kinh phí đúng với chế độ quy định của Nhà nước.

4. Ủy ban nhân dân các quận, huyện kiểm tra tổ chức thực hiện tốt các chính sách đối với người có công trên địa bàn ; có kế hoạch phối hợp với các ban ngành, đoàn thể tổ chức vận động ủng hộ quỹ "Đền ơn đáp nghĩa" để xây tặng nhà tình nghĩa, sửa chữa nhà cho các gia đình thương binh, liệt sĩ có khó khăn ; hỗ trợ vốn cho các hộ gia đình chính sách nghèo để giúp họ vượt nghèo ; nắm chắc cụ thể tình hình về nhà ở, đời sống của các đối tượng có khó khăn, đặc biệt là các hộ nghèo thuộc diện chính sách để có biện pháp và kế hoạch hỗ trợ chăm lo giải quyết việc làm cho bản thân họ và con cái họ ; tổ chức tốt các hội nghị xã, phường làm giỏi công tác thương binh liệt sĩ ; liên hoan tiếng hát thương binh, lựa chọn các gương điển hình tiêu biểu trong thương binh và gia đình liệt sĩ để tham dự hội nghị của thành phố ; tổ chức tốt việc tặng quà của Nhà nước, thành phố, quận, huyện, xã, phường đến tận tay đối tượng chu đáo, kịp thời và đúng chế độ.

5. Sở Y tế thực hiện tốt việc khám chữa bệnh theo bảo hiểm y tế cho các đối tượng chính sách ; phối hợp với chính quyền các đơn vị tổ chức khám chữa bệnh cho các bà mẹ Việt Nam Anh hùng, bố, mẹ, vợ liệt sĩ cô đơn, con liệt sĩ mồ côi, người tham gia kháng chiến và con đẻ của họ bị nhiễm chất độc hóa học, thương bệnh binh nặng tại các trung tâm và tại các gia đình.

6. Sở Văn hóa - Thông tin và các cơ quan thông tin đại chúng xây dựng kế hoạch tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng các chính sách của Đảng, Nhà nước với thương binh, gia đình liệt sĩ và người có công với cách mạng ; xây dựng phim phóng sự truyền hình, câu chuyện truyền thanh tuyên truyền những gương người tốt, việc tốt của thương binh và gia đình liệt sĩ ; phối hợp với ngành Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức liên hoan tiếng hát thương binh, vận động toàn dân ủng hộ xây dựng quỹ "Đền ơn, đáp nghĩa" ; kịp thời biểu dương các tập thể, cá nhân thực hiện tốt chính sách đối với thương bệnh binh, gia đình liệt sĩ và người có công với cách mạng, người có nhiều công lao đóng góp ủng hộ quỹ "Đền ơn, đáp nghĩa", xây dựng nhà tình nghĩa ; nêu gương những thương binh, gia đình liệt sĩ tiêu biểu phát huy truyền thống cách mạng, khắc phục khó khăn vươn lên trong các lĩnh vực học tập, công tác, lao động sản xuất.

7. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố phát động phong trào toàn dân, các cơ quan nhà nước, các tổ chức kinh tế - xã hội, các tổ chức thành viên hưởng ứng phong trào ủng hộ xây dựng quỹ "Đền ơn, đáp nghĩa" ở các cấp từ xã, phường, quận, huyện đến thành phố. □



CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN ĐẠI VÀ TƯ DUY HIỆN ĐẠI VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

QUANG CẬN

CÁCH đây 10 năm, trên Tạp chí Cộng sản, tôi có một bài nhan đề *"Giai đoạn mới của chủ nghĩa xã hội"*(1). Trong bài đó tôi viết rằng, trong giai đoạn hiện nay, chủ nghĩa xã hội thế giới đang trải qua cuộc khủng hoảng nghiêm trọng, mô hình chủ nghĩa xã hội truyền thống đang bị phá vỡ, nhưng không phải chủ nghĩa xã hội đang tan rã mà đang chuyển mình một cách đau đớn, quanh co và phức tạp sang một *giai đoạn mới* mà tôi xin khái quát thành tên gọi : *"Giai đoạn chủ nghĩa xã hội hiện đại"*.

Cũng trên *Tạp chí Cộng sản* số 8-1997, tôi lại viết một bài nhan đề *"Về đặc điểm nổi bật và xu thế chủ yếu của thế giới ngày nay"*. Bài báo đề cập *"một xu hướng cực kỳ quan trọng liên quan đến tiền đồ của chủ nghĩa xã hội thế giới nói chung mặc dù hiện đang lâm vào thoái trào"* và dự báo chủ nghĩa xã hội mô hình Liên Xô khủng hoảng đang tìm tòi con đường tiến lên *giai đoạn chủ nghĩa xã hội hiện đại* với nhiều mô hình khác nhau phù hợp mỗi quốc gia - dân tộc trong thế giới hiện đại, vừa hợp tác, vừa đấu tranh với chủ nghĩa tư bản hiện đại, để cuối cùng giải quyết mâu thuẫn cơ bản nhất của thời đại, giành

thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản (2).

Lần này, sau những biến động của thế giới và tình hình đất nước ta trong mấy năm vừa qua, tôi xin phát biểu thêm một số ý kiến.

1. Trước hết, tôi vẫn muốn khẳng định *tác dụng giải phóng mạnh mẽ lực lượng sản xuất và mở đầu thời đại mới của xã hội loài người của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại*. Một hình thái kinh tế - xã hội mới được thiết lập. Chủ nghĩa xã hội từ học thuyết trở thành hiện thực : chủ nghĩa xã hội hiện thực, bắt đầu ở nước Nga và sau đó phát triển thành hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Từ một nước Nga lạc hậu, xuất hiện một Liên Xô siêu cường mà thành tựu của nó còn có ý nghĩa và vai trò to lớn. Phong trào giải phóng dân tộc đánh sụp hệ thống thực dân cũ và mới, đưa tới trên 100 nước giành độc lập ở khắp các châu lục. Cùng với nó là sự phát triển của phong trào dân chủ và tiến bộ ở các nước tư bản chủ nghĩa ...

Nhưng lực lượng sản xuất được giải phóng trong điều kiện đó là lực lượng

(1) *Tạp chí Cộng sản*, số 8-1992, tr 36

(2) Xem : *Tạp chí Cộng sản*, số 8-1997, tr 29

sản xuất nào, ở trình độ phát triển nào ? Đó là lực lượng sản xuất bị kìm hãm trong lòng chủ nghĩa tư bản truyền thống đã phát triển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, ở trình độ *nền văn minh công nghiệp*.

Chúng ta thường nói đến sự thu hẹp thị trường tư bản chủ nghĩa do sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới và sự xuất hiện hai thị trường tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa đối lập nhau. Điều đó là đúng nhưng chưa đủ. Chúng ta không thấy rằng, với sự sụp đổ của hệ thống thực dân và sự ra đời, phát triển của trên 100 nước độc lập dân tộc, *thị trường tư bản chủ nghĩa được mở rộng chưa từng có*. Được giải phóng khỏi ách thực dân, những nước đã giành được độc lập về chính trị tất yếu có nhu cầu và khả năng phát triển mạnh mẽ về kinh tế để xây dựng nền kinh tế dân tộc, dù lựa chọn con đường phát triển nào : xã hội chủ nghĩa hay tư bản chủ nghĩa, hoặc nói một cách khác "phi tư bản chủ nghĩa" và "phi xã hội chủ nghĩa". Nhờ vậy, vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý nói chung là những thành tựu của nền văn minh công nghiệp được mở rộng và chuyển mạnh sang các nước độc lập dân tộc, đưa trình độ phát triển của lực lượng sản xuất ở những nước này lên trình độ nền văn minh công nghiệp nói chung. Chưa nói đến những nước lựa chọn con đường phát triển xã hội chủ nghĩa, sự phát triển mạnh mẽ của những nước nói trên diễn ra trong sự bị bóc lột, bị bóc lột trong sự phát triển ; có thể gọi là sự bị bóc lột tiềm bộ so với chế độ thực dân, và do vậy xu thế phát triển là chủ yếu, đưa đến sự hình thành một loạt các nước đang phát triển chịu sự chi phối của những nước

phát triển. Cũng nhờ vậy, lực lượng sản xuất ở các nước đế quốc chủ nghĩa tiếp tục phát triển mạnh và dần dần, đến mấy thập kỷ cuối của thế kỷ XX, chuyển từng bước sang một trình độ mới, trình độ *nền văn minh trí tuệ*. Phải chăng có thể nói rằng, chủ nghĩa tư bản đã chuyển sang một giai đoạn mới, *chủ nghĩa tư bản hiện đại*. Chủ nghĩa tư bản hiện đại vẫn là chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc nhưng có những cái mới trong điều kiện của nền văn minh trí tuệ (mà một số đặc điểm sẽ phân tích ở phần sau).

Thực ra Liên Xô (trước đây) cũng đã đạt được một số thành tựu có thể xếp vào nền văn minh trí tuệ, đặc biệt là trong lĩnh vực quân sự, nhưng nhìn chung các nước xã hội chủ nghĩa còn đang trong nền văn minh công nghiệp với mô hình mà ta biết, thích hợp trong những thập kỷ đầu nhưng dần dần không còn phù hợp về sau, nhất là trước sự phát triển của nền văn minh trí tuệ trên thế giới. Phải chăng đó chính là nguồn gốc sâu xa cuộc khủng hoảng và tan rã của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới theo mô hình cũ (đương nhiên còn phải nói đến những sai lầm chủ quan và sự chống phá về nhiều mặt của các thế lực thù địch ngoài nước và cả trong nước) ?

Đến đây có thể có ý kiến hỏi : Phân tích như vậy có đúng quan điểm mác xít không, hay là theo quan điểm của hai vợ chồng nhà tương lai học người Mỹ A. Tóp-fơ ? Tôi cho rằng *sự phân tích trên đây, nhấn mạnh nhân tố quyết định nhất của lực lượng sản xuất trong mối quan hệ với quan hệ sản xuất, dưới chủ nghĩa tư bản và cả dưới chủ nghĩa xã hội, là một quan điểm mác xít, là cách tiếp cận*

hình thái kinh tế - xã hội mác xít. Vấn đề là phải làm rõ trình độ phát triển cụ thể của lực lượng sản xuất và hình thức cụ thể của quan hệ sản xuất với tác dụng tích cực hay tiêu cực của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất trong những điều kiện lịch sử cụ thể. Đúng là A. Tốp-fơ chỉ nhấn mạnh một chiều lực lượng sản xuất và do vậy muốn bác bỏ cách tiếp cận hình thái kinh tế - xã hội mác xít là cách tiếp cận khoa học nhất.

Nhân đây tôi muốn nhấn mạnh rằng cách tiếp cận hình thái kinh tế - xã hội mác xít khoa học nhất chứ không phải là duy nhất, bởi còn có nhiều môn khoa học xã hội và tự nhiên khác nữa giúp chúng ta tìm hiểu lịch sử phát triển của xã hội loài người một cách khoa học, đương nhiên với mặt hạn chế của chúng. Phân chia lịch sử các thời đại bằng trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, của kỹ thuật, nói thời đại đồ đá, thời đại đồ sắt, văn minh nông nghiệp, văn minh công nghiệp, văn minh trí tuệ có cơ sở khoa học của nó. C. Mác từng gắn liền phát minh ra máy hơi nước với sự ra đời của chủ nghĩa tư bản. Thực ra, nói A. Tốp-fơ không đề cập mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất có lẽ chưa thật đúng. Trên *Tạp chí Cộng sản* giữa những năm 90, có tác giả đồng tình với một tác giả khác phê phán một quan điểm của A. Tốp-fơ "*làn sóng thứ ba sẽ cuốn theo các thể chế chính trị và làm cho sở hữu không còn có ý nghĩa*". Tôi cho rằng, đó là cách diễn đạt theo luận điểm mác xít : lực lượng sản xuất phát triển cao sẽ dẫn đến chế độ công hữu cộng sản chủ nghĩa và sự tiêu vong của nhà nước.

2. Lực lượng sản xuất ở trình độ nền văn minh trí tuệ phát triển trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản hiện đại và chính trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản hiện đại nên mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất sâu sắc hơn bao giờ hết. Đặc điểm nổi bật là sự hình thành và phát triển những tập đoàn tư bản độc quyền xuyên quốc gia và đa quốc gia, nhất là các tập đoàn tư bản độc quyền tài chính. Một số ít người nắm đại bộ phận của cải thế giới và chi phối thế giới đầy khoảng cách giữa những nước tư bản phát triển và các nước đang phát triển ngày càng xa. Chiến tranh xung đột sắc tộc, chiến tranh xâm lược vẫn diễn ra liên miên dưới nhiều hình thức và quy mô khác nhau. Toàn cầu hóa là hệ quả tất yếu sự phát triển của lực lượng sản xuất, nhưng trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản hiện đại, nên mặt tiêu cực của nó cũng phát triển đồng thời với mặt tích cực. Không phải ở đâu khác mà ngay ở những nước tư bản phát triển, quần chúng lao động và tầng lớp trí thức thấy rõ và đấu tranh mạnh mẽ chống lại mặt trái của toàn cầu hóa. Tôi cho rằng rất đúng khi gọi đó là *toàn cầu hóa tư bản chủ nghĩa*. Chủ nghĩa tư bản hiện đại ngày càng bộc lộ sự bất lực của nó trước những vấn đề toàn cầu là mặt trái của nền văn minh. Sự thay thế chủ nghĩa tư bản hiện đại tất yếu sẽ diễn ra bằng một hình thái kinh tế- xã hội mới cao hơn mà ta gọi tên là *chủ nghĩa xã hội*. Nhưng đó phải là *chủ nghĩa xã hội hiện đại, một chủ nghĩa xã hội tiếp nhận và kế thừa được toàn bộ những mặt tích cực của chủ nghĩa tư bản hiện đại và vượt qua những sự hạn chế của chủ nghĩa tư bản hiện đại,*

giải phóng mạnh mẽ lực lượng sản xuất ở trình độ văn minh trí tuệ.

Có thể cho rằng, trong nền văn minh trí tuệ, loài người đang chuyển dần sang thời đại lao động trí óc là chính trong khi lao động chân tay vẫn còn tiếp tục nhưng ngày càng giảm bớt và sự đối lập giữa lao động trí óc với lao động chân tay sẽ mất dần trong sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản hiện đại lên chủ nghĩa xã hội hiện đại.

Nếu như nhân vật trung tâm của thời đại chủ nghĩa tư bản là giai cấp tư sản thì nhân vật trung tâm của thời đại chủ nghĩa xã hội hiện đại chỉ có thể là *giai cấp công nhân, nhưng là giai cấp công nhân dần dần trí thức hóa, tầng lớp trí thức ngày càng bổ sung đông đảo vào đội ngũ công nhân, những người lao động trí óc (chân và tay)*. C. Mác vẫn đúng khi xác định vai trò của *giai cấp công nhân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội nhưng cần có tư duy mới về giai cấp công nhân*. Đó không phải là giai cấp công nhân của nền văn minh công nghiệp mà là giai cấp công nhân của nền văn minh trí tuệ. Và cũng đúng như C. Mác nói : **"Một khi lao động được giải phóng thì tất cả mọi người trở thành công nhân"**, công nhân lao động trí óc chứ không phải chỉ công nhân lao động chân tay, công nhân làm chủ chứ không phải công nhân làm thuê, chủ sở hữu tư liệu sản xuất, chủ sở hữu trí tuệ. Có sở hữu trí tuệ của cá nhân, sở hữu trí tuệ trong sở hữu tập thể và sở hữu trí tuệ trong sở hữu nhà nước, sở hữu toàn dân. Xuất hiện ngày càng nhiều các trí nghiệp (intelprise) chứ không phải chỉ là những xí nghiệp (interprise)... Những xí nghiệp truyền thống có thể phát triển dần thành

các xí - trí nghiệp, các trí - xí nghiệp... tùy theo mức độ áp dụng những thành tựu công nghệ thông tin của nền văn minh trí tuệ.

Những thành tựu của nền văn minh trí tuệ xuất hiện ngày càng nhiều trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản hiện đại, do vậy tuyên truyền tư sản vội rêu rao rằng "quyền lực thuộc về trí tuệ". Nhưng xét về bản chất, trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản hiện đại, quyền lực thực sự vẫn thuộc về tư bản, đại bộ phận người lao động trí óc và chân tay vẫn là những người làm thuê cho tư bản.

3. *Phải có thời gian, nhiều thời gian mới có thể tiến lên chủ nghĩa xã hội hiện đại. Nhưng có thể nói rằng, những nhân tố của chủ nghĩa xã hội hiện đại đã xuất hiện và phát triển ngay trong lòng của chủ nghĩa tư bản hiện đại, phục vụ cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại, đồng thời phát triển những nhân tố phủ định chủ nghĩa tư bản hiện đại.*

Tư duy hiện đại về chủ nghĩa xã hội và tư duy mác xít về chủ nghĩa xã hội mà C. Mác đã nêu trong *"Phê phán Cương lĩnh Gô-ta"* về một chủ nghĩa xã hội có *"những dấu vết còn lại về nhiều phương diện của chủ nghĩa tư bản"*; là sự phủ định một thứ *"chủ nghĩa xã hội sạch sẽ"* không có gì là tư bản chủ nghĩa; là sự phủ định có kế thừa chủ nghĩa xã hội mô hình cũ và vượt qua chủ nghĩa xã hội mô hình cũ.

Tư duy hiện đại về chủ nghĩa xã hội là *biết kế thừa, tiếp nhận những thành tựu của chủ nghĩa tư bản hiện đại đồng thời biết khắc phục những mặt hạn chế của nó là vượt qua chủ nghĩa tư bản hiện đại bằng những con đường và phương pháp*

khác nhau tùy theo những điều kiện lịch sử cụ thể. Đó phải là cách mạng thay thế chế độ xã hội cũ bằng chế độ xã hội mới chứ không phải là cải lương trong khuôn khổ của chế độ cũ, nhưng có thể bằng hòa bình và bằng bạo lực, kết hợp hòa bình với bạo lực. Có thể không nhất thiết chỉ bằng bạo lực. Chủ nghĩa xã hội hiện đại phải có nhiều mô hình khác nhau ở những quốc gia - dân tộc khác nhau, phù hợp những điều kiện lịch sử cụ thể của mỗi quốc gia - dân tộc.

Có thể nhìn thấy triển vọng của chủ nghĩa xã hội hiện đại ở Việt Nam trong công cuộc đổi mới hiện nay. Trong điều kiện của cách mạng Việt Nam, có thể và cần phải bỏ qua chế độ tư bản nhưng *nhất thiết phải trải qua những sự phát triển nhất định của kinh tế tư bản*, có phần ở trình độ văn minh công nghiệp - công nghiệp hóa, nhưng phải đi tắt, đón đầu những thành tựu mới của nền văn minh trí tuệ - hiện đại hóa. Nghĩa là từng bước tiếp cận và xây dựng kinh tế tri thức theo chủ nghĩa xã hội phù hợp hoàn cảnh và điều kiện Việt Nam về chính trị, kinh tế, địa lý, văn hóa.

Tư duy hiện đại về chủ nghĩa xã hội hiện đại ở Việt Nam phải là tư duy mới về giai cấp công nhân, giai cấp công nhân từng bước trí thức hóa, tầng lớp trí thức đi theo chủ nghĩa xã hội là một bộ phận của giai cấp công nhân, giai cấp công nhân làm chủ, tất cả những người lao động trí óc và chân tay đều làm chủ. Muốn thế, phải coi khoa học và công nghệ là quốc sách, trí thức hóa công nông, nâng cao dân trí, phát triển đội ngũ lao động được đào tạo... Đồng thời phải xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trên cơ sở

phát huy truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc đi đôi với giao lưu văn hóa, tiếp nhận những tinh hoa văn hóa thế giới, cổ - kim, đông - tây.

Như vậy, không phải là phủ nhận hoặc coi nhẹ đấu tranh giai cấp, mà là đấu tranh giai cấp trong hoàn cảnh mới, dưới những hình thức mới. Trong quan hệ giai cấp, không chỉ có đấu tranh mà vừa đoàn kết vừa đấu tranh, vừa hợp tác vừa đấu tranh. *Giai cấp công nhân Việt Nam đã trở thành dân tộc, phải phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.* Thường xuyên chăm lo bảo vệ Tổ quốc trên mặt trận phi quân sự và cả quân sự, sẵn sàng ứng phó với tình huống chiến tranh xâm lược bằng những phương tiện vũ khí kỹ thuật cao là những thành tựu của nền văn minh trí tuệ áp dụng trong quân sự.

V.I. Lê-nin nói rất đúng : *Chỉ khi nào chủ nghĩa xã hội tạo nên một năng suất lao động cao hơn chủ nghĩa tư bản thì mới chiến thắng chủ nghĩa tư bản một cách triệt để, giống như chủ nghĩa tư bản đã chiến thắng chủ nghĩa phong kiến bằng năng suất lao động của mình.* Chủ nghĩa xã hội hiện đại chỉ trở thành hiện thực và chiến thắng chủ nghĩa tư bản hiện đại khi chủ nghĩa xã hội hiện đại tạo nên năng suất lao động cao hơn chủ nghĩa tư bản hiện đại. Đúng là một con đường dài, không thể ảo tưởng. Nhưng trên con đường đi của nó, phải tỏ rõ được từng bước, từng bước tính ưu việt của sự lựa chọn xã hội chủ nghĩa ở chừng mực nào đó, về phương diện nào đó, trên lĩnh vực nào đó. Điều này đã được chứng thực trong công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay của cách mạng Việt Nam.□

SUỐT nhiều thập niên, tư tưởng và lý luận về hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa đã bị xuyên tạc một cách giáo điều hay cơ hội đủ loại ; và ngày nay, nó đang bị bóp méo một cách độc ác và thô thiển. Càng về cuối thế kỷ XX và bước vào những năm đầu tiên của thế kỷ XXI, các thủ đoạn đó càng trở nên bành trướng về quy mô, đa dạng về hình thức, nguy hiểm về tính chất và thâm độc về mức độ.

Các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lê-nin không chỉ đơn thuần giải phẫu các hình thái kinh tế - xã hội, mà bắt đầu từ cấu trúc nền tảng để làm nổi bật lên những vấn đề của chúng và cuối cùng, dự báo sự sụp đổ tất yếu và sự thay thế giữa chúng với nhau hoặc tuân tự hoặc nhảy vọt một cách biện chứng, theo quy luật. Một cách tự nhiên, cũng như từ chế độ cộng sản nguyên thủy nhân loại bước lên chế độ chiếm hữu nô lệ rồi chế độ phong

KIÊN ĐỊNH CHỦ NGHĨA MÁC - LÊ-NIN VỚI PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO CÔNG TÁC LÝ LUẬN

NHỊ LÊ

C. Mác, Ph. Ăng-ghe-n, V.I. Lê-nin không phải là những ông "thầy bói của lịch sử" (!), như mấy ai bôi nhọ hay bài xích, dù vô tình hay cố ý. Các ông là những nhà khoa học - những nhà cách mạng. Lý tưởng các ông theo đuổi là khát vọng của nhân loại tiến bộ - lý tưởng giải phóng toàn vẹn con người. Do đó, chủ nghĩa mà các ông sáng lập và đấu tranh không mệt mỏi là để nhằm hiện thực hóa lý tưởng đó, trên cơ sở lịch sử cụ thể, một cách khách quan theo *lô gích phát triển tất yếu của nhân loại*. Nói cách khác, lý luận của các ông chỉ giúp loài người *lựa chọn điều cần và phải đi con đường dẫn tới chân lý*, với những *lực lượng* tiên quyết, những *điều kiện* có tính chất cần và đủ, khi đứng ở ngã ba lịch sử của sự *lựa chọn và phải quyết định*.

kiến tới chủ nghĩa tư bản thì sau hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa ấy chính là chủ nghĩa cộng sản. Đó là cái tất yếu lịch sử hợp quy luật mà khoa học mác xít chỉ ra. Nói như Đ. Đê-đơ-rô, một nhà lãnh đạo tư tưởng của cuộc Đại cách mạng Pháp 1789, rằng : Cách mạng Pháp sẽ nổ ra, sẽ lập được nhiều công trạng, nhưng rồi con tàu cách mạng sẽ dừng lại ở giữa đường, vì chính những người lái tàu lại không muốn đưa con tàu tới đích. Vì họ là chủ hiệu buôn, chủ công xưởng tư bản - những kẻ quen đánh giá mọi thứ trên đời bằng những cân vàng, những lạng vàng, họ sẽ đẩy đồng bào vào cảnh chết đói để kiếm thêm lợi nhuận, dù chỉ một xu lãi ; do đó, những người thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, dưới ngọn cờ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, sẽ là người lái con tàu tiến bộ

xã hội đi nốt nửa đường mà chủ nghĩa tư bản bỏ dở.

Cố nhiên, chúng ta không thể phủ nhận một điều là, những thập kỷ 70, 80, nhất là những năm 90 của thế kỷ XX, trong quá trình hiện thực hóa lý luận mác xít đó, những người cộng sản vấp phải khó khăn to lớn. Đặc biệt, trong thời điểm lịch sử ở vào tình thế có tính bước ngoặt, khi xu thế toàn cầu hóa trở thành phổ biến với những xung lực mạnh mẽ, công việc đó càng trở nên khó khăn gấp bội. Giai cấp công nhân mà đứng đầu là đảng cách mạng của nó đã, đang và tiếp tục đủ sức gánh vác trọng trách đó của lịch sử chủ nghĩa xã hội, khi biết dựa vào sự *chỉ dẫn* của lịch sử phong trào xã hội chủ nghĩa, biết cách vượt lên những *thách thức* "mất, còn" của thời đại và điều cơ bản, có ý nghĩa quyết định nhất là phải biết *trở về* với chủ nghĩa Mác - Lê-nin một cách kiên định và sáng tạo.

Do đó, trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, chúng ta phải trở về với chủ nghĩa Mác - Lê-nin một cách kiên định và sáng tạo. Nguyên tắc bất di bất dịch là, cần nghiên cứu và thấu triệt nó với tư cách không chỉ là một *nền tảng tư tưởng* về phương diện chính trị - xã hội, một *cương lĩnh chính trị* - khoa học về mặt hành động cách mạng, một *chỉnh thể toàn vẹn* về mặt cấu trúc hệ thống, một *thực thể vận động và thống nhất* trên bình diện khoa học - thực tiễn mà còn là một *lý thuyết - thực tiễn mở* về phương diện xã hội - lịch sử và là một *tổng thể phương pháp luận khoa học và cách mạng*, như *chính bản thân học thuyết Mác - Lê-nin chứa đựng và thể hiện*.

Điều cần khắc sâu là, do sự kết tinh những tư cách và phẩm chất đó, chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tự nó đã là một *khoa học mang tính cách mạng sâu sắc*. Vì, nó là học thuyết không chỉ nhằm *giải thích* thế giới mà quan trọng hơn là, nhằm *cải tạo* thế giới. Nói cách khác, chủ nghĩa Mác - Lê-nin tuyệt đối không phải là thứ khoa học tự thân mà là khoa học về cách mạng, khoa học của thực tiễn và vì thực tiễn lịch sử nhằm tới mục tiêu giải phóng con người khỏi sự chế ngự bởi "vương quốc tất yếu" tiến tới "vương quốc tự do". Vì thế, tự nó hàm chứa khả năng tự phát triển không ngừng, thông qua cách mạng. Do đó, nói kiên định với chủ nghĩa Mác - Lê-nin cũng chính là phải không ngừng phát triển nó bằng thực tiễn cách mạng sáng tạo ; đồng thời, tỉnh táo chống lại một cách kịp thời và hiệu quả mọi biểu hiện của chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa xét lại làm vấy bẩn, méo mó và xuyên tạc nó.

Đó chính là *mục đích, con đường, môi trường, là bước đi, thước đo hiệu quả, là thách thức, vận hội phát triển* và là *chân trời của sự sáng tạo* của công tác lý luận hiện nay nhằm xây dựng và phát triển nền tảng tư tưởng chính trị dẫn dắt sự nghiệp đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam đi tới tương lai ; đồng thời, xác nhận *thái độ, bản lĩnh, năng lực và đạo lý* của chúng ta đối với học thuyết Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Chính từ sự phát triển phức tạp và khó khăn của thực tiễn cách mạng cho thấy, *không gì có thể thực tiễn hơn, khi chúng ta có một lý luận khoa học và cách mạng* dẫn đường. Ở đâu và ở lúc nào công tác lý luận không được coi trọng đúng mức thì ở đó và lúc đó xảy ra tình trạng khủng hoảng lý luận

và lý luận tột hậu ; theo đó, công tác tổ chức thực tiễn sẽ hết sức chệch choạc, thậm chí gặp khó khăn và đổ vỡ. Thực tiễn xác nhận, chỉ có *xuất phát từ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tổ chức tốt thực tiễn, kịp thời và thường xuyên tổng kết kinh nghiệm thực tiễn cách mạng là con đường duy nhất đúng để phát triển và bảo vệ lý luận cách mạng*, mới tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng không ngừng tiến lên.

Bởi vì, xét cho cùng, toàn bộ công tác lý luận của chúng ta, về thực chất là nhằm tới *mục đích xây dựng một đường lối chính trị độc lập, tự chủ và sáng tạo về lý luận của Đảng để chỉ đạo thắng lợi công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta*, theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Lịch sử Đảng ta hơn 72 năm qua, xác nhận : *Do kiên định và vận dụng linh hoạt, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó tìm đúng bản chất, quy luật vận động đặc thù của xã hội Việt Nam và xu thế vận động của thời đại ; đồng thời, đấu tranh một cách kiên quyết chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa giáo điều, chủ nghĩa cơ hội..., Đảng ta đã xây dựng thành công một đường lối cách mạng độc lập, tự chủ và sáng tạo của cách mạng nước ta. Ở tầm vĩ mô, công tác lý luận đã góp phần quan trọng trong việc kiến giải hàng loạt vấn đề khoa học - thực tiễn rất cơ bản và quan trọng, tiếp tục đưa đất nước vượt qua những khó khăn, thử thách tiếp tục phát triển trên con đường xã hội chủ nghĩa, dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là những vấn đề về đặc điểm và nội dung của thời đại ngày nay ; về mô hình và con đường xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam ; về sự*

nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ; về chủ động hội nhập kinh tế quốc tế ; về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc ; về phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế ; về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam ; về xây dựng, chỉnh đốn Đảng ngang tầm sự nghiệp đổi mới đất nước, v.v.. Tất cả sự nỗ lực đó của công tác lý luận đã trực tiếp góp phần làm cho "con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn", đưa đất nước thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng kéo dài suốt hai thập kỷ cuối cùng của thế kỷ XX, bước vào thời kỳ phát triển mới ở thế kỷ XXI với vị thế mới, thế và lực mới và một gia tốc mới.

Đó chính là một trong những *bài học lịch sử vô giá* làm nên thắng lợi của cách mạng Việt Nam, góp phần vào *sự phát triển sáng tạo và bảo vệ thành công chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, trên cơ sở bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận cách mạng và thực tiễn cách mạng* nhằm vừa nâng cao trình độ lý luận vừa đẩy mạnh năng lực tổ chức thực tiễn cách mạng.

Bước vào thế kỷ XXI, sự bùng nổ của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, xu thế toàn cầu hóa với xung lực là kinh tế tri thức đang tiến với tốc độ "một ngày bằng cả nhiều năm" đã và đang đặt ra trước đất nước những trọng trách mới, ngày càng to lớn, phức tạp và khó khăn hơn. Hàng loạt vấn đề vừa có ý nghĩa chiến lược vừa cấp bách đặt ra vừa cơ bản vừa bức thiết mệnh hệ tới tương lai của đất nước đang đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phải tìm câu trả lời cấp bách, trong lúc những vấn đề mới

mẻ và khó khăn ấy, khi mất đi, các nhà kinh điển không để lại một lời chỉ dẫn nào một cách cụ thể cả.

Cơ hội và thách thức đó đòi hỏi chúng ta phải vừa *kiên định* vừa *phát triển sáng tạo* không ngừng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, xuất phát từ hoàn cảnh cụ thể của nước ta và xu thế vận động của thời đại, từ đó *hoạch định đường lối đúng đắn, tiếp tục đề ra những giải pháp hữu hiệu cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc*.

Bài học không thành công của những người cộng sản ở không ít quốc gia, trong đó lúc này hay lúc khác có cả chúng ta, ở thế kỷ XX, đã cho thấy một cách thuyết phục về mối quan hệ giữa kiên định và phát triển sáng tạo học thuyết mác xít có tầm quan trọng sống còn như thế nào. Trong quá khứ, ở không ít nơi, với không ít người, sự kiên định bị biến thành thói bảo thủ, rập khuôn, tới mức giáo điều ; và, sự sáng tạo lại bị bóp méo và nhảy sang thái cực hoặc là thực dụng hoặc là cơ hội, thậm chí xét lại. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin bị vi phạm một cách thô bạo, bị làm cho biến dạng, bị xuyên tạc tới mức thảm hại dẫn tới đổ vỡ, thất bại trên thực tiễn một cách nặng nề, không thể cứu vãn nổi ở không ít quốc gia, như chúng ta thấy.

Vì thế, một cách tự nhiên, trọng trách của công tác lý luận trong quá trình kiên định, bảo vệ, phát triển sáng tạo và hiện thực hóa chủ nghĩa Mác - Lê-nin, phải coi việc *công khai giữ vững, kiên định nguyên tắc tính đảng mác xít* là vấn đề có ý nghĩa thành bại, sinh tử, đặc biệt là trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa giáo điều và những khuynh hướng cơ hội, xét lại

hiện đại. Tệ hại hơn, nếu xa rời nguyên tắc đó, chúng ta lập tức mất phương hướng, từ đó hoặc sa vào vũng bùn của các chứng bệnh "tả" hay hữu khuynh hoặc rơi vào cạm bẫy của chủ nghĩa giáo điều, thực dụng, cơ hội... một cách vô tình hay cố ý, tất yếu dẫn đến sai lầm về chính trị, khoa học và tổ chức thực tiễn. Rốt cuộc, nhất định sẽ thất bại.

Từ xuất phát điểm nguyên tắc đó, hơn bao giờ hết, công tác lý luận phải tự nhận về mình và làm thật tốt trọng trách kết hợp chặt chẽ và nhuần nhuyễn việc *nghiên cứu cơ bản chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh với nghiên cứu triển khai thực tiễn trong nước, tiếp thu một cách chọn lọc với thái độ cầu thị kinh nghiệm tốt của các nước khác nhằm tiếp tục góp phần cơ bản và quan trọng trong quá trình hoạch định và quyết sách đường lối chính trị của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước*.

Kinh nghiệm cho thấy, muốn tổ chức thực tiễn cách mạng tốt phải nghiên cứu cơ bản tốt, nếu không rất khó tránh khỏi sự chắp vá. Nhưng, nếu coi chủ nghĩa Mác - Lê-nin là "nhất thành bất biến", vô hình trung, đã biến lý luận thành một lược đồ cứng nhắc, thì cũng là sai lầm ; và, kỳ thực như thế là đi ngược lại phương pháp của chính các nhà sáng lập ra nó. Và, rốt cuộc, đã tước đi ở nó khả năng *tự phát triển*, với tư cách là một khoa học ; đồng thời, thủ tiêu *tính thực tiễn* của nó đối với lịch sử, khi nó là một cương lĩnh hành động cách mạng. Vì, toàn bộ thế giới quan của học thuyết C. Mác, nói như Ph. Ăng-ghe-n, không chỉ là một học thuyết mà còn là *phương pháp*. Nó đưa ra không phải những giáo điều có sẵn mà là những xuất phát điểm để tiếp tục nghiên cứu toàn diện lịch sử.

Vì vậy, nhất thiết phải *phát triển lý luận một cách sáng tạo, thông qua nghiên cứu, tổng kết tiến trình tổ chức thực tiễn*. Trong quá khứ, ở mức độ này hay khác, sự phát triển lý luận thường được quy thành một sự kết hợp máy móc hai mặt đó đã khiến cho một mặt lý luận mắc xit bị phá vỡ tính chỉnh thể do tình trạng chấp vả, giáo điều dẫn tới tình trạng lý luận lạc hậu, đường lối mất tác dụng dẫn dắt thực tiễn; mặt khác, thực tiễn lại vận động một cách tự phát, vì thiếu lý luận hoặc lý luận không có khả năng dẫn đường. Do vậy, phải bảo đảm sự thống nhất giữa *nghiên cứu cơ bản với nghiên cứu triển khai* - thống nhất giữa *lý luận với thực tiễn* nhằm *phát triển lý luận*, chủ động đáp ứng những nhu cầu phát triển của thực tiễn, thúc đẩy thực tiễn tiến lên. *Lấy thực tiễn để đổi chiếu, kiểm nghiệm, bổ sung và phát triển lý luận, chứ không phải lấy lý luận chứng minh cho thực tiễn*. Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng ta chỉ rõ: Tăng cường tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, thảo luận dân chủ, sớm kết luận những vấn đề mới và bức xúc từ thực tiễn đặt ra, bảo đảm cụ thể hóa, bổ sung, phát triển đường lối, chính sách của Đảng một cách đúng đắn và sáng tạo. Nói như C. Mác, ở khía cạnh này, một bước tiến trong thực tiễn có giá trị hơn cả một tá cương lĩnh.

Nhưng, cũng phải thấy rằng, trong việc tổng kết thực tiễn nhằm phát triển lý luận, trước hết cần bám sát thực tiễn đất nước trên tất cả mọi phương diện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại và đời sống nhân dân lao động. Qua đó, phát hiện, tìm tòi và tổng kết những vấn đề có tính quy luật làm cơ sở bổ sung cho việc hoạch định đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Tất nhiên, coi trọng thực tiễn không phải là sự đồng nghĩa với chủ nghĩa thực dụng, kinh nghiệm chủ nghĩa; và, đề cao lý luận cũng tuyệt nhiên không có nghĩa là đề ra một thứ lý luận tự thân, lý luận suông. Cả hai thái cực đều nguy hiểm như nhau và đồng nghĩa với sự thất bại.

Do đó, trong việc tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận cần kế thừa những thành quả lý luận đã có nhưng phải kế thừa trên cơ sở phủ định biện chứng nhằm bảo đảm sự nhất quán và phát triển liên tục của quá trình bổ sung, hoàn thiện hệ thống lý luận thông qua sự kiểm chứng của thực tiễn, gắn lý luận với thực tiễn để không ngừng bổ sung, phát triển lý luận. Mặt khác, trong việc phát triển lý luận, cần phân tích và tiếp thu một cách chọn lọc trên tinh thần phê phán các kinh nghiệm của các nước với thái độ thực sự cầu thị, không xa lánh, không kỳ thị, với phương pháp độc lập, sáng tạo, không rập khuôn và không thực dụng.

Đó là *con đường bảo vệ và phát triển* chủ nghĩa Mác - Lê-nin một cách khoa học, cách mạng và triệt để; là sự thể hiện sinh động *lòng kiên định và hành động phát triển sáng tạo* chủ nghĩa Mác - Lê-nin một cách chủ động, thành tâm và chân chính nhằm làm cho công tác lý luận thực sự góp phần xứng đáng trong việc hoạch định đường lối chính trị của Đảng ta một cách đúng đắn và phù hợp. Và, chỉ có như thế, chúng ta mới thực sự chủ động đấu tranh có hiệu quả với những quan điểm sai trái, những lực lượng chống lại sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và nhân dân ta, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. □

KINH nghiệm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta đã chỉ ra rằng : để góp phần giữ được ổn định xã hội, yên dân và khai thác tốt mọi nguồn lực của đất nước, các triều đại đều luôn chú trọng quản lý làng, xã.

Ngày nay, cấp cơ sở có 10 543 đơn vị (trong đó có 8 947 xã, 1 031 phường, 565 thị trấn). Chính quyền cơ sở (xã, phường, thị trấn) là cấp cuối cùng trong hệ thống hành chính của Nhà nước ta, là bộ phận nòng cốt của hệ thống chính trị cơ sở, trực tiếp tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ở cơ sở ; giải quyết các công việc của dân, chăm lo đời sống của dân ; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội ở cơ sở. Thực tế cho thấy chính quyền cơ sở có trong sạch, vững mạnh thì mới phát huy được quyền làm chủ của nhân dân lao động, đẩy mạnh phong trào cách mạng của quần chúng, nâng cao đời sống kinh tế, văn hóa của nhân dân, ổn định trật tự, an toàn xã hội.

Trong suốt quá trình cách mạng, Đảng và Nhà nước ta không ngừng củng cố, tăng cường hệ thống các cấp chính quyền địa phương nói chung, chính quyền cơ sở nói riêng. Đặc biệt, trong 15 năm đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đã quan tâm nhiều đến việc củng cố, kiện toàn về mặt tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở. Đại hội IX của Đảng đã khẳng định "thực hiện tốt quy chế dân chủ, mở rộng dân chủ trực tiếp ở cơ sở, tạo điều kiện để nhân

Góp phần kiện toàn CHÍNH QUYỀN CƠ SỞ

CHU VĂN THÀNH* NGUYỄN MINH PHƯƠNG **

dân tham gia quản lý xã hội, thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng" và "tổ chức hợp lý Hội đồng nhân dân (HĐND) ; kiện toàn các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân (UBND) và bộ máy chính quyền cấp xã, phường, thị trấn" là phương hướng cơ bản để nâng cao năng lực và hiệu quả của quản lý nhà nước của chính quyền cơ sở, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tuy nhiên, thực tế tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của chính quyền cơ sở hiện nay đang bộc lộ những hạn chế, yếu kém về hiệu lực, hiệu quả quản lý hành chính nhà nước, về năng lực tổ chức thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội ở cơ sở. Quyền dân chủ của nhân dân còn bị vi phạm, trật tự xã hội, kỷ cương, pháp luật bị buông lỏng. Tình trạng bất lực ở một số chính quyền cơ sở, sự tha hóa của một số cán bộ, đảng viên, tham ô, lãng phí của công, ức hiếp và gây oan trái cho dân... vẫn diễn ra ở nhiều nơi. Nội dung và

* T.S. Viện trưởng Viện Khoa học tổ chức nhà nước, Ban Tổ chức Cán bộ Chính phủ

** T.S. Viện Khoa học tổ chức nhà nước, Ban Tổ chức Cán bộ Chính phủ

phương thức hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở chậm đổi mới, còn mang nhiều dấu ấn của cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp, không phù hợp với chuyển biến của xã hội.

Quá trình phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa, sự phát triển của nhiều thành phần kinh tế ; việc liên doanh, liên kết giữa người sản xuất và doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm, nhằm khơi dậy mọi nguồn lực tại chỗ về đất đai, tài nguyên, lao động, trí tuệ để phát triển kinh tế xã hội, nâng cao đời sống nhân dân là những nhiệm vụ cấp bách hàng đầu trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và phải được tiến hành ngay từ cơ sở. Năng lực và hiệu quả hoạt động của chính quyền cơ sở có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ lớn lao đó. Để phát huy tốt hơn và nhiều hơn quyền làm chủ thực sự của nhân dân, đòi hỏi phải tiếp tục mở rộng, phát triển các hình thức dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp để nhân dân tham gia xây dựng và giám sát hoạt động của chính quyền. Để dân xây dựng chính quyền cơ sở trong sạch, vững mạnh, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý kinh tế - xã hội, phục vụ nhân dân tốt hơn, gắn bó chính quyền với nhân dân, đảm bảo chính quyền cơ sở thực sự là của dân, do dân, vì dân trong công cuộc đổi mới, phát triển đất nước, Hội nghị lần thứ năm BCH TƯ khóa IX đã thông qua Nghị quyết "Về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn".

Thực tiễn và yêu cầu của giai đoạn phát triển mới của đất nước đòi hỏi phải kiện toàn một cách đồng bộ, đổi mới cơ bản ở một số

khâu đối với chính quyền cơ sở. Theo chúng tôi, để góp phần thực hiện tốt Nghị quyết quan trọng nói trên, cần tập trung vào một số nội dung chính yếu sau :

Thứ nhất, xác định, nhận thức đúng vị trí, chức năng, nhiệm vụ của chính quyền cơ sở.

Xã, phường, thị trấn là cấp hành chính cơ sở, trực tiếp với dân. Chính quyền xã, phường, thị trấn, cấp hành chính cuối cùng trong hệ thống hành chính 4 cấp của Nhà nước ta thực hiện đồng thời 2 chức năng : *quản lý hành chính nhà nước và tự quản cộng đồng dân cư*. Ở chức năng thứ nhất, chính quyền cơ sở thực hiện các nhiệm vụ của Nhà nước theo phương thức ủy quyền hoặc phân cấp, theo hướng đẩy mạnh phân cấp để phát huy tính chủ động, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền cơ sở trong quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực kinh tế - xã hội ở cơ sở. Với chức năng tự quản, chính quyền hướng dẫn, kiểm tra và đáp ứng các yêu cầu của nhân dân về sản xuất, cơ sở hạ tầng công cộng, đời sống văn hóa của cộng đồng. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của chính quyền xã, thị trấn là tổ chức thực hiện pháp luật trên địa bàn ; tổ chức phát triển kinh tế - xã hội ở cơ sở như quy hoạch, kế hoạch, phát triển sản xuất, kinh doanh dịch vụ, giáo dục, y tế, chính sách xã hội, tài chính, ngân sách, tổ chức cán bộ ; hướng dẫn tổ chức các hoạt động tự quản ở phạm vi xã, thị trấn và các thôn, xóm.

Trong quá trình chuyển sang cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cuộc sống ở cơ sở đặt ra nhiều vấn đề đòi hỏi chính quyền phải quan tâm giải quyết. Nhưng chính quyền cơ sở không làm thay, không can thiệp cụ thể mà phải chuyển những công việc nhân dân có thể làm được

để nhân dân trực tiếp lo liệu thông qua các tổ chức và hình thức hoạt động tự quản trong các cộng đồng dân cư. Chính quyền khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức và hình thức hoạt động tự quản phát triển, đồng thời thực hiện giám sát việc hoạt động của các tổ chức tự quản theo đúng pháp luật.

Cần phân biệt sự khác nhau giữa các loại hình đơn vị hành chính cấp cơ sở. Khác với xã và thị trấn, phường là đơn vị hành chính phụ thuộc, không tách rời về lãnh thổ, về các hoạt động kinh tế - xã hội và đời sống của dân cư trong phạm vi toàn đô thị. Việc phân chia đô thị thành các quận, phường mang ý nghĩa thuần túy về quản lý hành chính. Do vậy, chức năng, nhiệm vụ của chính quyền phường không thể giống như chính quyền xã, thị trấn. Thôn (làng, ấp, bản) không phải là một cấp hành chính trong hệ thống hành chính nhà nước mà là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư, có vai trò, vị trí quan trọng trong việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống của cộng đồng, phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của làng, xã Việt Nam.

Thứ hai, mở rộng và thực hiện tốt các hình thức dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp để phát huy mạnh mẽ quyền dân chủ, sức sáng tạo của nhân dân ở cơ sở.

Phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên cơ sở phát huy tốt dân chủ đại diện, nâng cao chất lượng và hiệu lực hoạt động của HĐND ; thực hiện tốt dân chủ trực tiếp ở cơ sở để nhân dân bàn bạc, quyết định trực tiếp những công việc quan trọng, thiết thực, gắn liền với lợi ích của dân, bảo đảm quyền của người dân trong việc giám sát bộ máy, cán bộ và hoạt động của chính quyền cơ sở.

Để HĐND xã, phường, thị trấn thực sự là cơ quan đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, quyết định chủ trương, công việc ở cơ sở, đại biểu HĐND phải đảm bảo phẩm chất và đủ năng lực đại diện. Do vậy, cần đổi mới công tác bầu cử đại biểu HĐND từ khâu định tiêu chuẩn, quy định số lượng, cơ cấu, phân bố đại biểu, giới thiệu, hiệp thương, tuyển chọn và bầu cử. Phải để cho dân thực sự có quyền giới thiệu, lựa chọn người đại diện của mình. Mở rộng quyền giới thiệu, đề cử đại biểu HĐND cho các tổ chức quần chúng, cá nhân và tạo cơ hội cho những người có năng lực tự ứng cử. Tăng số lượng ứng cử viên trong mỗi đơn vị bầu cử để nhân dân có điều kiện lựa chọn. Giảm thành phần đại biểu là cán bộ, tăng số lượng đại biểu là dân thường, người ngoài Đảng trong HĐND ở cơ sở để đảm bảo tính chất là cơ quan đại diện của nhân dân.

Đảm bảo thực quyền của HĐND trong quyết định các chủ trương phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ở cơ sở. Xây dựng cơ chế để nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả giám sát của HĐND đối với cơ quan hành chính, các tổ chức và công dân ở cơ sở. Thực hiện công khai và mở rộng sự tham gia của nhân dân trong việc giám sát hoạt động của HĐND. Tăng cường hình thức chất vấn của đại biểu đối với việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, hoạt động của bộ máy và cán bộ chính quyền. Có cơ chế để thực hiện quyền bãi miễn những cán bộ không đủ tín nhiệm, vi phạm lợi ích của dân, vi phạm pháp luật.

Ở nhiều nước đã thực hiện việc dân bầu trực tiếp người đứng đầu cơ quan hành chính cấp cơ sở. Ở nước ta, đây là một hình thức

mới, cần nghiên cứu để mở rộng, phát huy dân chủ. Xã, thị trấn là cấp cơ sở gần dân nhất nên dân biết rất rõ phẩm chất, năng lực của người được bầu. Khi được dân trực tiếp bầu sẽ tăng cường uy tín và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu chính quyền. Thực tiễn việc người dân trực tiếp bầu 83 020/106 831 trưởng thôn cho thấy quyền dân chủ đã được mở rộng, người dân đã phát huy quyền dân chủ trực tiếp của mình. Tuy nhiên, đây là vấn đề phức tạp và rất nhạy cảm, có nhiều ý kiến khác nhau, vì vậy cần thực hiện thí điểm để rút kinh nghiệm và đánh giá hiệu quả. Qua thực tiễn thí điểm sẽ có thêm kinh nghiệm thực tế cho việc quyết định chính xác các giải pháp mới về phát huy dân chủ, xây dựng chính quyền cơ sở.

Thứ ba, kiện toàn bộ máy chính quyền cơ sở theo tinh thần cải cách hành chính, thực hiện kiêm nhiệm các công việc trong bộ máy chính quyền và các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở.

Chính quyền cơ sở là một bộ phận trong hệ thống chính trị cơ sở. Kiện toàn bộ máy chính quyền phải đặt trong tổng thể kiện toàn bộ máy của cả hệ thống chính trị. Yêu cầu đặt ra là bảo đảm cho bộ máy chính quyền hoạt động đúng chức năng, có hiệu quả, không trùng lặp, chồng chéo, đồng thời có sự phối hợp hành động nhịp nhàng với các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở, giải quyết nhanh chóng, kịp thời các công việc, phục vụ nhân dân tốt hơn.

Nâng cao hiệu lực của cơ quan hành chính, quy định rõ trách nhiệm của từng thành viên trong bộ máy, không cần thiết phải tăng thêm số lượng mà chú trọng hơn đến chất lượng cán bộ. Ủy ban nhân dân ở cơ sở là cơ quan chấp hành, điều hành tổ

chức thực hiện nghị quyết của HĐND và các nhiệm vụ của cơ quan nhà nước cấp trên. Các chủ trương ở cơ sở do tập thể HĐND quyết định. Vì vậy, UBND cần được tổ chức gọn, đảm bảo sự điều hành nhanh, nhạy, kịp thời thì mới nâng cao được hiệu quả quản lý. Tổ chức bộ máy chính quyền cơ sở theo hướng tăng trách nhiệm cá nhân. Chủ tịch UBND xã, thị trấn là người đứng đầu bộ máy hành chính, trực tiếp lãnh đạo, điều hành các hoạt động của cơ quan hành chính xã, thị trấn. Tổ chức rành mạch bộ máy hành chính giúp việc ở xã thành các khối việc. Phân công chủ tịch, phó chủ tịch UBND xã phụ trách từng khối. Thực hiện kiêm nhiệm giữa các chức danh.

Do đặc điểm lịch sử, truyền thống, xã, thị trấn ở các vùng, miền có quy mô dân số, địa hình, tập quán, trình độ phát triển kinh tế - xã hội rất khác nhau, cho nên không thể rập khuôn một mô hình tổ chức giống nhau với tất cả các xã, thị trấn của cả nước. Ở các xã, thị trấn đông dân, kinh tế, xã hội phát triển nên kiện toàn bộ máy hành chính chuyên môn giúp việc theo hướng chuyên trách.

Thứ tư, xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, tạo bước chuyển thật sự về công tác cán bộ ở cơ sở.

Đội ngũ cán bộ cơ sở gắn liền với cuộc sống cộng đồng, gần gũi với nhân dân trên địa bàn, xuất thân từ nhiều nguồn khác nhau, có kinh nghiệm công tác nhưng chưa được đào tạo, bồi dưỡng cơ bản theo nhiệm vụ được giao. Phân loại cán bộ để có chính sách thích hợp. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý phải được đào tạo, bồi dưỡng những kiến thức cơ bản phù hợp với nhiệm vụ và có chế độ, chính sách thích hợp theo chức vụ được bầu cử. Cán bộ chuyên môn là người

thi hành công vụ, trực tiếp giải quyết các công việc chuyên môn, làm việc ổn định, không theo nhiệm kỳ. Do đó, cần được chuẩn hóa và có quy chế tuyển chọn nghiêm túc, tiến tới thực hiện chế độ thi tuyển.

Thực hiện chế độ cán bộ, công chức ở cơ sở. Thay đổi chế độ sinh hoạt phí bằng chế độ trả lương. Trên cơ sở đó, thay đổi cơ bản về chế độ chính sách đối với cán bộ cơ sở. Tiến hành xây dựng tiêu chuẩn về cán bộ, công chức cơ sở, quy định rõ các chế độ về quyền lợi và trách nhiệm của cán bộ, công chức cơ sở trước pháp luật, trước nhân dân nhằm quản lý, sử dụng và phát huy khả năng của đội ngũ cán bộ này. Cán bộ, công chức cơ sở phải làm việc theo chế độ thời gian quy định, được điều chỉnh theo pháp lệnh cán bộ, công chức.

Trên cơ sở quy hoạch mới về cán bộ, công chức cơ sở, tập trung đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ ở đây. Thực hiện chủ trương luân chuyển cán bộ, tăng cường cán bộ cho cơ sở. Có chính sách thích hợp để động viên, thu hút con em của địa phương đã tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng vào đội ngũ cán bộ chuyên môn của cơ sở.

Thứ năm, đổi mới phương thức làm việc ở cơ sở theo hướng cụ thể hóa cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý, nhân dân làm chủ.

Phân định, cụ thể hóa thành quy chế chức năng lãnh đạo của đảng ủy với chức năng quản lý, điều hành của chính quyền. Tập thể đảng ủy quyết định các chủ trương, định hướng lớn của cơ sở, lãnh đạo công tác cán bộ và kiểm tra. HĐND quyết định cụ thể các chủ trương, nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội và các chủ trương tự quản cộng đồng,

quyết định tài chính, ngân sách và nhân sự theo pháp luật, thực hiện quyền giám sát hoạt động của bộ máy và cán bộ ở xã. Ủy ban nhân dân tổ chức thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội. Các tổ chức chính trị - xã hội tham gia quản lý nhà nước, phát huy quyền dân chủ, động viên hội viên, nhân dân thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội ở cơ sở.

Phương thức làm việc mới phải thể hiện được các chủ trương phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ nhân dân ở cơ sở; tập thể đảng ủy trực tiếp lãnh đạo, HĐND bàn bạc và quyết định, UBND điều hành, tổ chức thực hiện, bảo đảm sự triển khai công việc theo chức năng một cách kịp thời, nhanh chóng, hạn chế tình trạng họp hành nhiều, gây chậm trễ công việc. Tác phong của cán bộ chính quyền cơ sở phải sát dân, sát việc.

Phân định rành mạch trách nhiệm của cá nhân, của tập thể, tăng cường vai trò, trách nhiệm cá nhân, nhất là của thủ trưởng, trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ, chống tác phong quan liêu giấy tờ, hành chính hóa. Chính quyền cơ sở phải trực tiếp giải quyết công việc, hạn chế tình trạng đẩy việc của UBND cho trưởng thôn, xóm. Xây dựng quy chế làm việc công khai, rõ ràng, phân công trách nhiệm cụ thể, bố trí thời gian hợp lý để giải quyết kịp thời công việc tại cơ sở.

Thứ sáu, triển khai đồng bộ các chương trình đổi mới, kiện toàn về thể chế, cơ chế chính sách, nguồn lực và tổ chức thực hiện.

Xác định, cụ thể hóa chức năng nhiệm vụ của chính quyền cơ sở, làm rõ từng loại việc quản lý nhà nước và tự quản của cấp xã; công việc của từng loại hình chính quyền cơ sở. Trước mắt thể chế hóa trong sửa đổi Luật Tổ chức HĐND và UBND về chức năng,

nhiệm vụ của xã, phường, thị trấn. Tiến tới xây dựng pháp lệnh, luật về xã.

Thực hiện chương trình đổi mới cơ bản công tác cán bộ và chính sách cán bộ chính quyền cơ sở. Chuẩn bị và thực hiện chế độ cán bộ công chức ở cơ sở. Chuyển đổi ngũ cán bộ chủ chốt và chuyên môn sang hưởng lương ; đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của cán bộ đúng với vị trí là cấp hành chính cơ sở. Cùng với đổi mới cơ bản về chính sách cán bộ, cần xây dựng tiêu chuẩn cho các loại cán bộ công chức cơ sở ; quy hoạch, tạo nguồn cho đội ngũ này. Trên cơ sở đó, thực hiện chiến lược đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở để sau 5 - 10 năm chúng ta có được đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở ngang tầm nhiệm vụ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thực hiện chương trình hiện đại hóa từng bước chính quyền cơ sở, tăng cường điều kiện và phương tiện làm việc của chính quyền xã, thị trấn như : đầu tư xây dựng trụ sở, đảm bảo các phương tiện làm việc đúng với vị trí là cơ quan công quyền ở cơ sở. Tạo cơ chế, chính sách mới theo hướng tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm để chính quyền cơ sở phát huy được mọi nguồn lực, năng động, sáng tạo trong tổ chức thực hiện mọi nhiệm vụ kinh tế - xã hội ở cơ sở.

Tập trung ưu tiên, đầu tư nguồn lực, cán bộ, cơ chế, chính sách cho cấp cơ sở ở các vùng khó khăn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số để các địa phương này có bước chuyển nhanh, mạnh, chất lượng của chính quyền, đáp ứng nhu cầu, tình hình mới trong giai đoạn cách mạng hiện nay. □

PHÁT HUY...

(Tiếp theo trang 16)

Trong tình hình hiện nay, việc thực hiện dân chủ ở cơ sở phải gắn liền với nhiệm vụ tiếp dân và giải quyết tốt đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân. Thực tế cho thấy, sự vi phạm quyền làm chủ của nhân dân thường diễn ra nhiều hơn ở phía cán bộ, những người có chức, có quyền ; nhưng về phía công dân, nhất là những người không hiểu biết pháp luật và những người lợi dụng dân chủ, xúi giục, kích động quần chúng vi phạm pháp luật cũng vi phạm dân chủ. Vì thế, việc biểu dương, khen thưởng hoặc chấn chỉnh, xử lý, kỷ luật phải nghiêm minh, chính xác, có lý, có tình, bất kể người vi phạm là ai. Nhiều khi do xử lý những người vi phạm không công bằng, không đúng lúc, không đúng mức, làm cho vấn đề thực hiện dân chủ càng trở nên khó khăn, phức tạp.

*

* *

Hoàn thiện và phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở đang là khâu quan trọng và cấp bách trong cơ chế tổng thể của hệ thống chính trị Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ, nguyên tắc cốt lõi cơ bản nhất của chế độ ta. Vấn đề này mang ý nghĩa chính trị và thời sự lớn lao trong bối cảnh toàn Đảng, toàn dân ta đang ra sức thực hiện cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng, học tập và làm theo lời dạy của Bác Hồ : "Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân ...". □



LÂM ĐỒNG

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ

NGUYỄN HOÀI BẢO*

NGAY sau khi giải phóng hoàn toàn miền Nam, Khu ủy Khu 6 và Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng đã có chủ trương đưa đồng bào ở các khu tập trung của địch trước đây trở về buôn làng cũ, giúp họ phát triển sản xuất, giải quyết cứu đói trước mắt ; đồng thời, tiến hành sắp xếp, bố trí dân cư, ổn định đời sống, xây dựng cơ sở hạ tầng, trong đó đặc biệt chú ý đến các vùng căn cứ cách mạng, nơi đồng bào đóng góp nhiều vào sự nghiệp giải phóng đất nước.

Thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 38-NQ/HĐCP của Hội đồng Chính phủ về cuộc vận động định canh định cư ; Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 27-11-1989 của Bộ Chính trị, Quyết định số 72-QĐ/HĐBT ngày 13-3-1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về một số chủ trương chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội miền núi ; Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa III) đã có các chủ trương về công tác dân tộc, công tác vận động quần chúng, công tác định canh, định cư gắn với việc giải quyết vấn đề Phun-rô phản động.

Với nguồn vốn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương, giai đoạn 1976 - 1989 tỉnh đã dành trên 223 triệu đồng cho khai

hoang, phục hóa, đưa tổng diện tích canh tác trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số lên 17 000 ha (bình quân mỗi khẩu 0,21 ha) ; xây dựng 66 công trình thủy lợi, hàng chục cây số kênh mương ; đầu tư hơn 50 công trình giao thông, làm mới gần 600 km đường và hàng chục cầu cống các loại, góp phần giải quyết vấn đề lưu thông giữa các vùng ; xây dựng mới 30 trường học, 21 trạm y tế, 20 trụ sở xã, một công trình thủy điện với công suất 160 KW ; đã đầu tư chăn nuôi hàng trăm con trâu, bò, trồng 4 000 ha cà phê. Nhờ kết quả đầu tư trong thời gian này, toàn tỉnh đã có 39/56 xã hoàn thành định canh định cư theo 4 tiêu chuẩn, với 12 828 hộ/17 668 hộ dân tộc thiểu số (chiếm 72%). Kết quả đó đã góp phần vào việc giải quyết dứt điểm lực lượng Phun-rô phản động.

Trong những năm 1990 - 1994, thực hiện Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị, tổng vốn đầu tư của tỉnh đạt 40 tỷ đồng (bao gồm cả vốn định canh, định cư, vốn chương trình 327) dành cho việc trồng mới, lập vườn hộ gần 3 100 ha cây công nghiệp, khai hoang xây dựng đồng ruộng hơn 700 ha ; xây dựng

* Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Lâm Đồng

nhiều công trình thủy lợi ; xây dựng mới 71 phòng học, 6 trạm y tế, 120 giếng nước, đầu tư chăn nuôi 1 100 con trâu, bò, giao khoán cho 2 900 hộ đồng bào dân tộc thiểu số quản lý bảo vệ được 58 980 ha rừng. Nhờ đó toàn tỉnh đã có 14 900 hộ với 92 200 người (chiếm 62% số hộ và 65% số khẩu) được định canh định cư, trong đó có 13 100 hộ và 79 600 người đã có cuộc sống tương đối ổn định.

Tuy có nhiều cố gắng, nhưng kết quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong giai đoạn này vẫn còn nhiều hạn chế, đời sống mọi mặt của bà con còn gặp khó khăn ; tình trạng đói giáp hạt, phá đất rừng làm nương rẫy vẫn còn khá phổ biến... Trước tình hình đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa V) đã có Chỉ thị 25 nhằm đẩy mạnh việc đầu tư ở 29 xã vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ kháng chiến cũ. Tỉnh chỉ đạo đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, dứt điểm từng dự án ở từng xã theo kiểu "cuốn chiếu" ; lấy thôn, buôn làm đơn vị thực hiện kế hoạch, mỗi hộ đồng bào dân tộc thiểu số đều có vườn hộ, chăn nuôi từ 1 - 2 con trâu hoặc bò, được nhận từ 20 - 30 ha rừng để chăm sóc, quản lý bảo vệ, thực hiện việc lồng ghép các chương trình trên từng địa bàn nhằm đạt mục tiêu : không còn tình trạng đói giáp hạt, xóa dần nạn mù chữ và thất học, hạn chế dịch bệnh, khắc phục suy dinh dưỡng ở trẻ em, giữ vững an ninh quốc phòng và xây dựng thực lực chính trị ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tổng vốn đầu tư *giai đoạn 1995 - 2000* của tỉnh đạt hơn 146 tỉ đồng (ngân sách địa phương 46,2 tỉ ; vốn định canh định cư, vốn 135, vốn trung tâm cụm xã là 67 tỉ đồng và nguồn vốn các ngành lồng ghép là 33 tỉ đồng). Với tổng nguồn vốn trên, đã xây dựng 5 100 ha cây công nghiệp cho 7 500 hộ, hỗ

trợ 22 000 cây giống ăn trái cho 850 hộ ; đầu tư chăn nuôi cho 3 480 hộ ; giao khoán quản lý bảo vệ rừng 129 780 ha cho 4 974 hộ đồng bào dân tộc thiểu số (bình quân 26 ha/hộ) ; nâng cấp thông tuyến 228 km đường liên thôn, xã, trung tâm cụm xã và xây dựng mới hàng chục cầu, cống ; xây dựng 12 công trình nước sạch tự chảy, 720 giếng nước, 250 phòng học, nâng cấp 30 trạm y tế, đưa điện lưới quốc gia về 7/29 xã vùng sâu, vùng xa...

Bên cạnh việc đầu tư của Nhà nước và với sự nỗ lực cố gắng của các hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở địa phương, đến nay, ở 29 xã điểm đầu tư đã có 14 700 hộ được đầu tư 3 mục tiêu, xây dựng được 21 550 ha vườn hộ, nuôi 23 400 con trâu, bò, 3 200 hộ có nhà xây dựng khang trang trên tổng số 19 116 hộ, 24 500 hộ có phương tiện nghe nhìn, hơn 11 700 hộ (40,2%) đã sử dụng điện lưới, gần 17 000 hộ (57%) được sử dụng nước sạch ; có 13 500 hộ (chiếm 46,4%) có thu nhập từ 6 triệu đồng/năm trở lên, tỷ lệ đói nghèo từ 40% (năm 1995) giảm xuống còn 18% (năm 2000) ; 38 700 học sinh con em đồng bào dân tộc hiện đang theo học các cấp ; 27/29 xã được công nhận xóa mù chữ và phổ cập tiểu học. Đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất của ngành y tế đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu khám, chữa bệnh ban đầu cho nhân dân, đã chặn đứng được các loại dịch bệnh, tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em ngày càng giảm.

Từ kết quả đầu tư trong những năm qua, đặc biệt là sau 15 năm đổi mới, kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Lâm Đồng đã có bước phát triển khá, góp phần quan trọng vào việc khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng sản xuất hàng hóa, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và hạ tầng kinh tế - xã hội. Đời sống của đại bộ phận nhân dân có bước cải thiện rõ rệt,

quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội được bảo đảm đã thực sự làm chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức trong đồng bào dân tộc thiểu số ở địa phương. Đây là điểm mấu chốt khẳng định những chủ trương đầu tư vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số là hoàn toàn đúng đắn. Nhìn lại chặng đường hơn 27 năm qua, tùy từng thời gian, cách làm và biện pháp có khác nhau, nhưng sự quan tâm đầu tư đến đồng bào dân tộc thiểu số là chủ trương nhất quán, xuyên suốt của đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Lâm Đồng. Đó không chỉ là trách nhiệm mà còn là tình cảm, sự đền ơn, đáp nghĩa đối với đồng bào vùng căn cứ cách mạng. Việc đầu tư này còn mang tính quyết định để giữ vững và ổn định về an ninh chính trị trong tình hình hiện nay, tạo tiền đề vững chắc để tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội trong những năm tiếp theo.

Để tiếp tục thực hiện các Nghị quyết của Đảng, ngày 20 tháng 11 năm 2001 Tỉnh ủy (khóa VII) đã có Nghị quyết số 02-NQ/TU về tiếp tục đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số thời kỳ 2001 - 2005 nhằm trực tiếp triển khai có kết quả Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 18 tháng 01 năm 2002 của Bộ Chính trị và Quyết định số 168/2001/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển vùng Tây Nguyên. Tỉnh ủy đã tập trung lãnh đạo *nhằm làm chuyển biến mạnh mẽ và đồng bộ về tư tưởng, nhận thức, nâng cao dân trí, ý thức tự lực, tự cường của đồng bào dân tộc thiểu số nhằm phát triển kinh tế - xã hội; xóa cơ bản nạn đói, giảm tới mức thấp nhất hộ nghèo, tăng số hộ giàu, từng bước ổn định và cải thiện đời sống; xây dựng thực lực chính trị vững mạnh, giữ vững ổn định chính trị, an ninh, quốc phòng.*

Từ nay đến hết năm 2005, tỉnh quyết tâm thực hiện: xóa hộ đói, giảm hộ nghèo xuống còn 13 - 15% so với tổng số hộ đồng bào dân tộc thiểu số trong tỉnh; bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt đến các xã; đưa điện lưới quốc gia đến trung tâm tất cả các xã; 50% số hộ được dùng nước sạch; 80% số xã có bác sỹ; 100% số thôn - buôn có nhân viên y tế; tất cả các xã đều có trường trung học; liên xã và trung tâm cụm xã có trường phổ thông trung học; hình thành cơ bản các thiết chế văn hóa ở cơ sở; 100% thôn - buôn có đảng viên; ở cấp tỉnh và huyện có từ 5 đến 10% cán bộ là người dân tộc thiểu số; 20 - 25% giáo viên tiểu học, nhân viên y tế ở thôn - buôn là người dân tộc tại chỗ; giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng, an ninh trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Để thực hiện mục tiêu trên, tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp cơ bản sau:

- Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, đa dạng hóa cây trồng, con vật nuôi, coi trọng sản xuất lương thực, giữ các vườn hộ đã được đầu tư; đồng thời, xem xét lại cơ cấu cây trồng trên từng tiểu vùng để chuyển dịch cho phù hợp. Liên kết với các thành phần kinh tế, phát triển chăn nuôi gắn với thị trường. Tăng diện tích giao khoán bảo vệ rừng, khuyến khích hình thành các tổ, nhóm, hộ gia đình bảo vệ rừng; thực hiện chính sách đất đai, bảo đảm mỗi hộ có từ 1 đến 2 ha đất sản xuất tùy theo quỹ đất mỗi xã. Đầu tư củng cố và phát triển mạng lưới khuyến nông, khuyến lâm ở cơ sở.

- Khuyến khích đầu tư xây dựng các cơ sở chế biến, bảo quản nông - lâm sản phù hợp với các vùng sản xuất; thực hiện chính sách miễn giảm thuế trong kinh doanh, ưu tiên cho

vay các nguồn vốn, phát triển các ngành nghề thủ công truyền thống ; xây dựng cơ chế chính sách để đưa các nông - lâm trường, doanh nghiệp nhà nước, ban quản lý rừng giúp dân sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Thực hiện hợp nhất các dự án định canh định cư ; dự án hỗ trợ xã đặc biệt khó khăn... vào chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn theo Quyết định 138/2000/QĐ-TTg ; hình thành quỹ phát triển vùng đồng bào dân tộc. Tiếp tục thực hiện chủ trương lồng ghép các chương trình, mục tiêu quốc gia với các nguồn vốn thuộc ngân sách tập trung để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, bảo đảm tính đồng bộ trong đầu tư phát triển sản xuất với đầu tư, xây dựng các công trình phúc lợi.

- Tiến hành điều tra, khảo sát, đánh giá, phân loại từng xã, thôn để lập dự án ; tiếp tục đầu tư các xã thuộc khu vực III ; thực hiện đầu tư ở các xã khu vực II và các thôn - buôn phân tán nhưng có tính chất khó khăn như khu vực III.

- Tập trung phát triển giáo dục, quy hoạch xây dựng trường phổ thông dân tộc nội trú ở các huyện, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Thực hiện các chính sách ưu đãi về giáo dục, y tế theo quy định của Nhà nước, nhất là chính sách khuyến khích những cán bộ, giáo viên định cư lâu dài và biết nói giỏi tiếng dân tộc. Đẩy mạnh phong trào *toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa* trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số ; khuyến khích khôi phục những lễ hội truyền thống có nội dung giáo dục tốt và đấu tranh xóa bỏ các hủ tục lạc hậu. Mở rộng các hình thức kết nghĩa, đỡ đầu của các cơ quan của tỉnh, huyện, các doanh nghiệp nhà nước, nhân dân các vùng kinh tế - xã hội với vùng đồng

bào dân tộc thiểu số để tạo điều kiện giao lưu, hỗ trợ lẫn nhau.

- Nâng cao hiệu quả *phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc* ; xây dựng các lực lượng làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, kiên quyết ngăn chặn và làm thất bại âm mưu phá hoại khối đại đoàn kết giữa các dân tộc, các tôn giáo.

- Xây dựng hệ thống chính trị ở các xã trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số thực sự vững mạnh ; tăng cường sự lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, của đảng viên ; nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước của chính quyền cơ sở ; phát huy vai trò của các đoàn thể nhân dân, hướng mọi hoạt động đến từng hộ dân. Đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, làm tốt công tác dân vận. Thực hiện tốt chính sách tôn giáo, chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước.

- Ưu tiên quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ là người dân tộc thiểu số ; thực hiện chính sách ưu đãi tuyển sinh ; chính sách hỗ trợ cho cán bộ là người dân tộc thiểu số đi học ở tất cả mọi ngành, mọi lĩnh vực.

Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, giữ vững ổn định chính trị và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân là nhiệm vụ cấp bách, đáp ứng yêu cầu trước mắt cũng như lâu dài nhằm phục vụ có hiệu quả sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nói chung và ở các vùng đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh Lâm Đồng nói riêng. Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc của tỉnh Lâm Đồng phấn đấu thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ chiến lược trên theo như tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII đã đề ra. □

NHỜ một số thuận lợi ở thượng nguồn, nhất là sự điều tiết của Biển Hồ (Cam-pu-chia) nên lũ sông Mê Công khi về đến đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) trở nên "hiền". Mỗi năm thường chỉ một đỉnh, đặc biệt mới có 2 đỉnh. Cường suất lũ dâng thường dưới 10 cm trong 24 giờ. Từ tâm điểm ở Tân Châu, lũ thường làm ngập một vùng từ 1,1 đến 1,9 triệu ha, đường cung đi qua mạn dưới thị xã Vĩnh Long, thành phố Cần Thơ đến Rạch Giá. Tính từ mặt ruộng, diện ngập trên 1 m chiếm 58%, trong đó ngập trên 3 m không nhiều. Có thể phân ra 3 vùng :

Vùng giữa sông Tiền và sông Hậu, lũ cùng dâng lên biến vùng này thành bãi giữa làm lòng cả (ligne majeure) cho 1 con sông khổng lồ, lưu lượng đỉnh từ 31 000 ~ 34 000 m³/giây. Tổng lượng lũ tải qua từ 315 ~ 340 tỉ m³.

Vùng tứ giác Long Xuyên, chủ yếu do lũ vượt tuyến biên giới tràn vào, lưu lượng lớn nhất 2500 ~ 3200 m³/giây, tổng lượng 12,5 ~ 15 tỉ m³. Tràn vào bờ sông Hậu đoạn bắc Vàm Nao chỉ từ 5 000 ~ 7 000 m³/giây, tổng lượng 3 ~ 5 tỉ m³.

Vùng Đồng Tháp Mười, chủ yếu là lũ qua biên giới tràn vào. Lưu lượng đỉnh 7 000 ~ 9 000 m³/giây, tổng lượng 45 ~ 50 tỉ m³. Tràn qua bờ sông Tiền đoạn Tứ Thước - Hồng Ngự, lưu lượng đỉnh 200 ~ 400 m³/giây, tổng lượng 1 ~ 2 tỉ m³ và thoát ngay ra sông Tiền tại phía dưới, gần như không ảnh hưởng tới nội đồng.

Chỉ có vậy thì ngập lụt không đến nỗi sâu và dài ngày, nếu như không có thêm những nhân tố bất lợi khác. Chẳng hạn chế độ bán nhật triều của biển Đông, triều cường 15 ngày một lần, cùng với chế độ hỗn hợp nhật triều và bán nhật triều của Biển Tây làm cản trở tiêu thoát lũ. Thủy triều theo sông vào sâu trong nội đồng. Khi lũ tràn xuống lớn nhất, gặp triều cường, nơi cách cửa sông

Mấy vấn đề VỀ GIẢI QUYẾT NẠN NGẬP LỤT Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

PHAN KHÁNH *

100 km trên sông Tiền, vẫn còn nhận biết được dòng chảy ngược, đương nhiên sóng triều còn vào sâu hơn nhiều. Sông lớn cũng như các sông nhỏ, rạch con trong nội đồng đều chịu cảnh tương tự. Nước trong sông lớn rút ra biển đã khó, nước trong nội đồng rút ra sông càng khó hơn. *Nhân tố thứ hai* làm ngập lụt nghiêm trọng hơn là lũ và mưa nội đồng trùng hợp. Các tháng 8, 9, 10 nước lũ đổ về lớn nhất cũng là thời đoạn mưa nội đồng tằm tã, tiêu chưa được lại đổ thêm vào. *Thứ ba* là do con người gây ra.

Lược qua về lũ và quá trình lịch sử đối phó với lũ trước 1945 ở đồng bằng sông Cửu Long

Khác với đồng bằng Bắc Bộ, ĐBSCL chỉ có nguồn nước sông Mê Công. Về mùa kiệt,

* Kỹ sư thủy lợi, TP Hồ Chí Minh

nước sông Mê Công qua sông Tiền và sông Hậu là nguồn sống duy nhất của ĐBSCL. Nguồn nước mùa kiệt ấy do đâu mà có ? Đương nhiên, một phần lớn do nước sinh thủy của Mê Công qua Tân Châu chiếm 84 - 87% lưu lượng, còn lại 13 ~ 16% tuy ít, nhưng rất quý giá là do sông Hậu lấy từ Biển Hồ. Lưu lượng tháng kiệt trung bình nhiều năm là 2 488 m³/giây, trong đó sông Hậu đã cung cấp 398 m³/giây. Tháng kiệt nhất (p=95%) sông Hậu vẫn còn cung cấp được 351 m³/giây. Ngoài tác dụng nói trên, nước lũ sông Cửu Long còn có những mặt lợi to lớn đối với toàn ĐBSCL, như : tiếp tục bồi đắp mở rộng đồng bằng, đưa phù sa làm tăng độ phì của đất. Thau chua rửa phèn, rửa mặn, làm vệ sinh môi trường ; bổ sung nguồn thủy sản hằng năm sau hơn nửa năm bị cạn kiệt do đánh bắt và thuốc trừ sâu.

Những lợi ích cốt tử này không những cho toàn đồng bằng, mà bản thân vùng ngập cũng được hưởng ân huệ. Lợi ích này khó có giải pháp nào thay thế.

Nước lũ sông Cửu Long, những năm lên cao cũng gây nhiều tác hại cho khoảng 800 000 ha bị ngập sâu, dài ngày. Nhưng có lẽ lỗi lầm thuộc về con người nhiều hơn là về thiên nhiên. Tai họa cũng chỉ xảy ra cho 1/5 đồng bằng và các biện pháp khắc phục đang dần dần có hiệu quả.

Nhìn lại lịch sử, dân tộc Việt Nam chinh phục đồng bằng sông Hồng mất hàng mấy thiên niên kỷ, chinh phục lũ lụt cũng mất ngót ngàn năm. Người Việt đến khai phá đất Đồng Nai - Gia Định từ đầu thế kỷ XVII. Sau đó, toàn ĐBSCL đã được lập thành tổ chức xã hội chặt chẽ dưới quyền chúa Nguyễn, và vùng giữa sông Tiền và sông Hậu trở nên sầm uất nhất. Người Việt đã

chung sống với ngập lụt từ đó, nhưng biên niên sử triều Nguyễn cũng như truyền thuyết dân gian không hề nhắc đến lũ lụt ở ĐBSCL. Điều đó dễ hiểu, bởi đến năm 1873, dân số toàn Nam Kỳ lục tỉnh mới có 1,5 triệu người, ruộng lúa ĐBSCL đã lên tới 224 700 ha. Các công cuộc thủy lợi lớn như đào kênh Thoại Hà (Long Xuyên - Rạch Giá), kênh Vĩnh Tế v.v.. cũng không có mục đích đối phó với ngập lụt.

Thực dân Pháp khai thác ĐBSCL triệt để với khoa học tiên tiến và phương tiện hiện đại hơn nhà Nguyễn. Năm 1927, dự án tứ giác Long Xuyên nhằm xử lý nạn chua phèn là chính và góp phần chống lũ, bao gồm :

- Kéo dài kênh Vĩnh Tế (cơ sở thủy lợi quan trọng này đã có từ thời Nguyễn) đến biển bằng kênh Hà Giang, đồng thời đào kênh Rạch Giá Hà Tiên. Mở rộng kênh Mạc Cần Dung, đào kênh Bà Thê, Tri Tôn để dẫn nước ngọt.

- Từ kênh Rạch Giá - Hà Tiên, xẻ 4 cửa ra biển để xổ phèn và thoát lũ.

Đây là dự án duy nhất của người Pháp có tính đến ngập lụt ở ĐBSCL. Sau đó, năm 1937, bổ sung thêm việc đắp đê có mức độ, để ngăn lũ bảo vệ lúa, đồng thời cấy lúa vào thời điểm thích hợp, xây cống ngăn mặn giữ ngọt, tháo phèn và thoát lũ, nhưng chưa làm được bao nhiêu thì bỏ dở.

Vùng giữa sông Tiền và sông Hậu, ngoài việc đào kênh tưới tiêu, người Pháp chưa bao giờ đề cập đến lũ.

Riêng Đồng Tháp Mười, hơn 800 000 ha vẫn còn hoang hóa. Trong hội nghị bàn về thủy lợi ở ĐBSCL, do Toàn quyền Đông Dương triệu tập (trù bị ngày 11-9-1944, chính thức ngày 18-9-1944), Đồng Tháp Mười bị gạt ra khỏi chương trình nghị sự, bởi

tính chất "dễ sợ" của chua phèn và ngập lũ. Bi-góc-ne, Tổng thanh tra công chính Đông Dương, trình dự án đào mấy con kênh ngang, chuyển nước sông Tiền sang sông Vàm Cỏ, nhưng cũng đã bị bác bỏ.

Để chiến thắng ngập lụt, từ 1975 đến 2000

Trải qua 30 năm chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, đến 1975 tình trạng thủy lợi ĐBSCL không được cải thiện gì hơn trước 1945, mà còn sa sút, xuống cấp trầm trọng. Ngay sau khi thống nhất đất nước, Đảng và Nhà nước ta chủ trương khôi phục và phát triển thủy lợi làm biện pháp hàng đầu, để khôi phục và phát triển kinh tế. Đến 1995, thủy lợi ở ĐBSCL đã đạt được trình độ cao không thua kém gì các nước Đông - Nam Á, tạo điều kiện cho kinh tế nói chung, nông nghiệp nói riêng phát triển mạnh và vững chắc chưa từng có ⁽¹⁾. Ở đây, chúng tôi chỉ xin nói tới ba vùng ngập lũ :

- Vùng tứ giác Long Xuyên, đã khôi phục và mở rộng toàn bộ các kênh rạch cũ. Đào mới hàng loạt trục kênh quan trọng, đưa nước ngọt từ kênh Vĩnh Tế và sông Hậu vào thau chua rửa phèn, qua kênh Rạch Giá - Hà Tiên thoát ra biển như : Trà Sư, Mỹ Thái - Mười Châu Phú, Kênh Tròn, Tám Ngàn, H8, T5 v.v..

Đắp đê bao chống lũ đầu vụ, biến hơn 200 000 ha tiểu vùng Long Xuyên từ 1 vụ, lúa nổi năng suất thấp hoặc hoang hóa thành một vùng nông nghiệp phát triển sầm uất của An Giang. Nhiều dự án tiếp tục giải quyết tiểu vùng Hà Tiên nhưng thiếu vốn nên chưa được triển khai. Năm 1996, Quyết định 99/TTg cho phép đầu tư không hạn chế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã đào mới thêm nhiều kênh T và H, xẻ thêm hai

cửa từ kênh Rạch Giá - Hà Tiên ra biển, xây cống ngăn mặn, tháo phèn, thoát lũ, đắp đê biển v.v.. Với kịch bản ngăn mặn, tháo phèn, tạm gọi là cụm công trình 1, đã làm cho kinh tế tiểu vùng Long Xuyên phát triển toàn diện hơn và tiểu vùng Hà Tiên cũng đang khởi sắc với nhiều hứa hẹn. Đồng thời, thêm một kịch bản điều tiết lũ, bằng cách xây dựng cụm công trình 2 : Đắp cao bờ nam kênh Vĩnh Tế, bịt 5 trong số 7 cầu trên đường Châu Đốc - Tịnh Biên ; làm đập cao su dưới cầu Tha La và Trà Sư, chủ động điều tiết lũ vào tứ giác tương ứng với khả năng tiêu thoát của cụm công trình 1. Lượng lũ vượt biên còn lại, thay vì đổ vào Long Xuyên như trước kia, nay phần lớn được theo kênh Vĩnh Tế dẫn về Ba Chúc, rồi cũng thoát ra biển Tây nhờ cụm công trình 1. Tổng năng lực thiết kế thoát lũ ra biển Tây là 3 840 m³/giây, còn 960 m³/giây được tháo xuống bán đảo Cà Mau. Những lượng lũ còn lại sẽ đổ về Châu Đốc ra sông Hậu. Gọi đó là "chương trình thoát lũ ra biển Tây" thực ra không chính xác so với mục tiêu kịch bản của cụm công trình 2, trong quy hoạch tổng thể của thủy lợi toàn vùng tứ giác.

- Vùng giữa sông Tiền và sông Hậu, từ xưa đến nay, các nhà thủy lợi đều thống nhất tôn trọng vai trò lòng cả chẳng những để chuyển tải lũ qua Tân Châu - Châu Đốc, mà còn để thoát lượng lũ vượt biên vào Đồng Tháp Mười chảy ra. Bất cứ một động thái nào làm nâng cao mực nước lũ không đáng có, từ Bắc Vàm Nao trở lên, đều gây hại cho thoát lũ biển Tây và Đồng Tháp Mười.

- Riêng Đồng Tháp Mười, một vấn đề rất nhạy cảm trước dư luận, bởi quá nhiều

(1) Xem : *Sơ thảo lịch sử thủy lợi Việt Nam 1945 - 1950*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997

truyền thuyết và tư liệu nửa hư, nửa thực, nói về tính chất "dễ sợ" của chua phèn và ngập lụt. Nhất là khi chuẩn bị đào kênh Hồng Ngự, mở đột phá khẩu vào chinh phục những cái "dễ sợ" đó. Một số người đã chỉ trích gay gắt bằng cách cảnh báo những hậu quả ghê gớm. Nhưng nhờ sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Nhà nước, kênh Hồng Ngự vẫn được đào. Sau đó là hàng loạt kênh ngang, kênh dọc đan dày trên vùng đất hoang hóa, cùng với việc đắp bờ bao chống lũ đầu vụ bảo vệ lúa hè thu v.v.. "Hậu quả" chẳng thấy đâu, nhưng hiệu quả thì đã và đang thấy rõ. Một vùng gồm 800 000 ha hoang vu "dễ sợ", sau chưa đầy 20 năm đã trở thành một vùng kinh tế và xã hội phát triển toàn diện, không thua gì các vùng trù phú khác.

Nhờ có Quyết định 99/TTg, từ năm 1996 - 2000, Đồng Tháp Mười sau khi chiến thắng chua phèn, đã bước vào cuộc đấu với ngập lũ. Nổi bật nhất là xây dựng tuyến *điều tiết lũ* vượt biên giới tràn vào, bằng cách đắp cao kéo dài suốt tuyến đường Tân Thành - Lò Gạch đến tận kênh 28. Nạo vét một số kênh như Cái Cỏ - Long Khốt để tiêu thoát lũ qua sông Vàm Cỏ Tây, kể cả phá bỏ đập Bình Châu thay bằng cầu bắc qua sông. Nạo vét, đào thêm một số kênh theo hướng thoát lũ ra sông Tiền với những cửa khẩu thích hợp.

Với các biện pháp nói trên, nếu gặp lũ lịch sử như năm 1961, lưu lượng lũ lớn nhất tràn được vào Đồng Tháp Mười là 8 400 m³/giây, sẽ cho thoát qua sông Vàm Cỏ 3 000 m³/giây, lưu lượng thoát ra sông Tiền là 6 300 m³/giây. Ngoài ra, lưu lượng lũ vượt bờ sông Tiền qua vùng Tứ Thường và rạch Hồng Ngự dự kiến 3 800 m³/giây cũng sẽ thoát ngay ra sông. Hệ thống đê bao bảo vệ những vùng cần thiết khá vững chắc.

Giải pháp để đối phó với ngập lũ đã vậy, giải pháp tổ chức đời sống cho ba vùng ngập lụt còn được Nhà nước quan tâm tới mức chưa từng có trong lịch sử. Những chương trình được thực hiện nổi bật là :

- Cho từng hộ dân vay (bình quân 4 triệu đồng) để tự tôn cao nền nhà bằng đất, hoặc bằng sán, tổng cộng khoảng 1 282 tỉ đồng.

- Chi hàng trăm tỉ đồng để xây dựng các cụm dân cư thí điểm sống trên lũ. Bộ Xây dựng cũng chi hàng chục tỉ đồng cho các nhà khoa học nghiên cứu kết cấu nhà ở cho vùng lũ ĐBSCL, trong đó có cả kiểu nền nhà nổi bằng phao xi măng lưới thép rất đắt tiền. Công ty phát triển và kinh doanh nhà Cửu Long được nhà nước cấp vốn, xây dựng 530 000 căn hộ bán cho dân trả góp.

Lũ và sự kiểm định nghiêm ngặt của lũ năm 2000

Lũ sông Mê Công đổ vào ĐBSCL theo 4 ngả, nhưng lưu lượng và mực nước tại Tân Châu là ổn định nhất và chi phối các ngả khác. Người ta thường lấy Tân Châu để chỉ mức độ của lũ. Theo tài liệu đo lũ liên tục 61 năm (1931 - 1991), có 5 năm lũ bé, mức nước thấp hơn + 4,00 m ; 24 năm lũ vừa, mức nước từ + 4,00 m ~ + 4,50 m ; 22 năm lũ lớn, mức nước trên + 4,50 m. Lũ đặc biệt lớn là các năm 1961, 1966, 1978, 1984, 1991, 1994, 1996 và 2000 ; ứng với đỉnh lũ Tân Châu : + 5,12 m ; + 5,11 m ; + 4,78 m ; + 4,94 m ; + 4,80m ; + 4,67 m ; + 4,86 m ; + 5,06 m.

Trước năm 1975, vùng giữa hai sông và vùng tứ giác Long Xuyên dân chúng cũng đã sống chung với lũ, nhưng chẳng ai nói tới lũ, càng không ai cho "mùa nước nổi" là tai họa. Chỉ từ khi chúng ta tiến vào xây dựng và phát triển kinh tế tại những vùng ngập lũ, thì

những trận lũ lớn, theo đà phát triển đó cũng dần dần được hiểu như một thứ tai họa. Lũ năm 1978 và 1984 tuy lớn hơn và dài ngày, nhưng dư luận chưa mấy quan tâm. Lũ năm 1991 thấp hơn nhưng thiệt hại về người bắt đầu được nói nhiều. Đến lũ năm 1994 còn thấp hơn, nhưng thực sự đã trở thành đại họa. Thủ tướng Võ Văn Kiệt lúc đó cùng một số bộ trưởng nằm ở vùng lũ hàng chục ngày để chỉ đạo. Sinh hoạt toàn xã hội bị đảo lộn. Theo Bộ Thủy lợi, tổng thiệt hại tính thành tiền là 1 477 tỉ đồng (tương đương 1 triệu tấn thóc theo thời giá), 310 người chết, trong đó có 213 trẻ em. Rút kinh nghiệm của năm 1994, trong các năm từ 1996 đến 2000, Nhà nước ưu tiên đầu tư theo tinh thần của Quyết định 99/TTg.

Năm 2000, ĐBSCL bước vào cuộc đấu tràn đầy tự tin với lũ. Đỉnh lũ có cao hơn năm 1984 là 12 cm, hơn năm 1994 là 39 cm, nhưng thiệt hại vẫn lặp lại với mức độ nghiêm trọng hơn nhiều. Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tổng thiệt hại là 3 500 tỉ đồng (tương đương 3 triệu tấn thóc theo thời giá), 434 người chết, trong đó có 350 trẻ em.

Phải chăng có sai lầm trong giải pháp thủy lợi ? Số liệu thực đo và diễn biến của từng vùng đại để như sau :

- Vùng tứ giác Long Xuyên, diễn biến gần đúng như kịch bản. Lưu lượng đo dẫn vào cũng như thoát ra gần đúng thiết kế. Đoạn tràn Châu Đốc - Long Xuyên vượt thiết kế 25% vì đắp chưa đủ độ cao. Riêng 1 800 m³/giây tràn qua bờ kênh Hà Giang (Hà Tiên) là chưa lường trước.

- Vùng giữa hai sông, việc ngập nặng nề vùng bắc đường Tân Châu - Châu Đốc là đã thấy trước. Phía nam đường này, đe bao bị

vỡ nhiều vừa do cao trình và chất lượng kém, vừa là điều không thể tránh.

- Vùng Đồng Tháp Mười, nhìn chung các công trình làm việc rất hiệu quả nhưng quy mô chưa đủ lớn, chất lượng còn yếu. Về giải pháp có tính chiến lược còn nhiều điểm phải bàn. Cụ thể là lưu lượng lũ lớn nhất tràn qua tuyến Tân Thành - Lò Gạch 13 900 m³/giây gấp 1,65 lần thiết kế, đe tuyến ngăn bị vỡ nhiều đoạn. Lưu lượng đổ vào Vàm Cỏ Tây 4 030 m³/giây gấp 1,34 lần thiết kế, khiến cho mức lũ ở Vĩnh Hưng, Mộc Hóa cao hơn so với các trận lũ lớn trước đây từ 40 - 50 cm và đã có hiện tượng uy hiếp ven ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh. Công trình thoát lũ ra sông Tiền làm việc vượt thiết kế nhưng vẫn chưa đủ v.v.. Đồng Tháp Mười là vùng khó khăn nhất. Tuy nhiên, nhìn chung trên cả ba vùng, giải pháp công trình đã hạn chế được rất nhiều những bất lợi do lũ gây ra.

Vậy, lỗi lầm thuộc về con người đến mức độ nào ? Thực chất là tính nghiêm túc trong thực hiện Quyết định 99/TTg đến đâu ? Tuy ngập lụt rất dài ngày, nhưng cường suất, tốc độ dòng chảy bé tới mức không đáng so sánh với lũ lụt miền Trung, hay vỡ đe Bắc Bộ. Mức nước lũ được dự báo hàng giờ, không kèm theo gió bão, mức ngập năm cao nhất (2000) cũng chỉ hơn năm 1991 có 26 cm, đất thổ cư ngập sâu cũng chỉ 1,50 m (ngoại trừ những hộ tự động xuống mặt ruộng để ở). Trong những điều kiện như vậy, nhà cửa chỉ cần bằng cây tràm, cây đước v.v.. kết cấu khung bằng "mộng" có con xỏ (đinh vít càng tốt) chắc chắn không trôi đổ, lũ cũng không cuốn được lương thực vật dụng, thế nhưng trận lũ nào cũng phải cứu trợ khẩn cấp cho hàng triệu người. Trong những điều kiện đó nếu động viên được dân tự lo, chắc số người chết đuối sẽ giảm và nỗi khổ cũng không lặp

đi lặp lại như vậy. Trong khi đó mặc dù đầu tư cứu trợ của Nhà nước và của nhân dân cả nước cho vùng ngập lũ là to lớn, lũ năm 2001 có nhỏ hơn, thiệt hại ít hơn, nhưng vẫn đi theo "vết xe" năm 2000.

Đi tìm giải pháp công trình

Bởi những thiệt hại lặp đi lặp lại nói trên, có người nghĩ rằng : chắc cần phải có những giải pháp công trình vĩ đại và tốn kém hơn nữa. Thậm chí có người còn đề xuất một công trình phân lũ dự kiến tới 2 tỉ USD (tức 30 000 tỉ VND) gấp 1,5 lần thủy điện Sơn La (phương án cao).

Qua kiểm định của lũ năm 2000, chúng ta thử nhìn lại và suy nghĩ. Trong các nhân tố gây ngập lụt, thì thủy triều và mưa nội đồng là không có giải pháp can thiệp. Nguồn nước từ sông Mê Công đổ vào, về lý thuyết có thể can thiệp, chẳng hạn :

Một là, làm hồ chứa để cắt lũ phía thượng nguồn châu thổ. Đã phát hiện hai hồ chứa Pa-mong và Stung-treng, có dung tích điều tiết tổng cộng 70 tỉ m³ nước. Gặp lũ rất lớn (xác suất 1%) có thể làm hạ thấp mức nước ở Tân Châu chừng 1 mét, biến lũ rất lớn thành lũ vừa và nhỏ. Lại còn tăng thêm lưu lượng mùa kiệt. Tiếc rằng phía Lào và Thái Lan, nơi có thể xây hồ, chưa nhìn thấy cái lợi lâu dài của các công trình này. *Hai là*, phải phân bớt lũ ngoài biên giới đi nơi khác, vị trí phân lũ phải gần biên giới, càng ở xa càng hạn chế, đến mức không còn tác dụng. Cũng đã phát hiện các khả năng, như đào các kênh phân lũ : Tà Keo - Vịnh Thái Lan, Kom-pông-chàm - Tông-lê-sap, Neak-luong - Vàm Cỏ Tây, Sa Rài - Thanh Hưng, ngoài ra còn đóng dòng lũ các sông rạch trên đất Cam-pu-chia không cho chảy vào Mê Công và Bắc-sắc. Nhưng khả năng phân lũ của các

công trình này không đáng kể, lại có thể làm mất đi nguồn nước mùa kiệt quý giá.

Giải pháp hiện thực nhất, làm ngay trên vùng ngập lũ là ngăn bớt lượng lũ đổ vào và thúc nhanh phân lũ đổ ra biển. Qua kiểm định của lũ năm 2000 với năng lực làm việc của các giải pháp công trình hiện có, cùng những sự cố bất lợi, cần đánh giá từng vùng như sau :

- Vùng tứ giác Long Xuyên, không có gì phải bàn cãi, ngoài việc tiếp tục hoàn thiện và củng cố cả hai cụm công trình theo quy hoạch tổng thể, lưu ý tới tuyến bờ kênh Hà Giang.

- Vùng giữa sông Tiền và sông Hậu, không làm tăng độ bất lợi của lũ. Chú ý xây dựng cụm dân cư và kinh tế an toàn, nhưng phải bảo đảm vai trò *lòng cá thoát* lũ. Bất cứ một sự nâng cao mức nước từ Bắc Vàm Nao trở lên đều gây hại cho toàn cục và các vùng ngập lũ.

- Riêng Đồng Tháp Mười, với những sự cố nói trên, cần phải điều chỉnh lại một vài giải pháp có tính chiến lược. Lưu lượng tràn qua tuyến ngăn Tân Thành - Lò Gạch vượt xa dự kiến, vượt xa số liệu lịch sử là điều đáng bàn. Có thể do mở rộng khả năng tải lũ của kênh quá lớn, đề ngăn lại yếu, vỡ nhiều chỗ. Nhưng một phần đáng lo lắng khác là sự tàn phá giải rừng dọc biên giới cả hai phía. Chúng ta còn nhớ lúc rừng còn đang tốt như trước kia thì dù không có tuyến đề ngăn, lưu lượng lớn nhất tràn vào cũng chỉ 6 000 - 7 000 m³/giây. Điều này cũng có thể kéo theo hiện tượng lưu lượng và mức nước đỉnh lũ ở Tân Châu bị hạ thấp không tương xứng. Về khả năng thoát lũ của Vàm Cỏ Tây cũng cần được xem xét lại. Trước kia, người Pháp cho rằng Vàm Cỏ Tây chỉ thoát được lượng

mưa lũ trong lưu vực của nó mà thôi, vì lòng sông nhỏ hẹp quanh co. Một số nhà thủy lợi của chúng ta cho rằng sông có khả năng thoát lũ ngoại lai 1 500 m³/giây. Lũ năm 1996, Vàm Cỏ Tây đã quá tải, lũ năm 2000 rõ ràng không thể chấp nhận được. Cần có biện pháp hạn chế. Nhưng quan trọng vẫn là phải *xem xét lại thật kỹ việc đắp đê bao đã có và sắp tới, cũng như việc xây dựng các tuyến dân cư vượt lũ*. Qua lũ năm 2000 nhiều người cho rằng khả năng thoát lũ ra sông Tiền còn nhiều, nhưng khả năng thoát trong nội đồng rất hạn chế, kèm theo có nhiều hiện tượng bất thường làm rối rắm bức tranh về lũ. Phải chăng đối với Đồng Tháp Mười cũng như đối với vùng giữa sông Tiền và sông Hậu cần thiết phải điều chỉnh lại quy hoạch đê bao, bố trí khu dân cư, chuyển đổi mục đích sử dụng các vùng ngập sâu v.v.. để bảo đảm vai trò "bãi tràn" lũ của nội đồng sao cho đạt yêu cầu thoát lũ nhanh, đủ lượng để làm vệ sinh và bồi dưỡng đồng ruộng, tiêu chua rửa phèn, đón được luồng tôm cá do lũ dẫn về.

Tìm lời giải bằng cách tổ chức sống chung với lũ

Những giải pháp, các công trình đã thực hiện từ trước đến nay là đúng đắn, những điều chỉnh nói trên cũng trong tầm tay. Trong khi chờ đợi giải pháp ngoài biên giới, cũng không thể làm được điều gì to tát và tốn kém đến hàng tỉ USD, như một số người nêu ra, chúng ta vẫn phải chấp nhận một mức ngập, thời gian ngập hợp lý. Về cơ bản, Quyết định 99/TTg đã giải đầy đủ bài toán này. Thêm vào đó là sự hướng dẫn thực hiện của các Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông - vận tải v.v.. cho chi tiết hơn. Nhưng thành công lại quyết định bởi ý thức và lực lượng tổng hợp của toàn xã hội.

Qua hình ảnh lũ lụt cập nhật trên truyền hình và các phương tiện thông tin đại chúng vài năm gần đây, nhiều người không khỏi băn khoăn : Trung ương đã cố gắng hết mình, địa phương, nhất là huyện, xã, thôn, ấp đã lo đến đâu ? Đành rằng tiền của Trung ương bỏ ra tuy nhiều nhưng cũng không thể rải khắp toàn dân. Nguyên tắc và đạo lý là ai nguy nhất và nghèo nhất phải được cứu trước. Lũ năm 2000 và 2001, những căn nhà sắp đổ vẫn là cảnh cây chằng buộc quá sơ sài. Vẫn thấy những căn hộ chơ vơ giữa đồng sâu, lẻ loi ngấp tới mái, không một bóng cây, bóng cọc đê bầu vuu v.v.. tại sao đến năm 2000, vẫn còn tình trạng "tính mạng và tài sản của dân vùng ngập lũ không được an toàn, mọi hoạt động xã hội bị đình trệ và đảo lộn" (báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Vấn đề đặt ra là chúng ta đã động viên sức dân và ý thức trách nhiệm của người dân đến đâu ?

Việc cứu trợ lương thực, quần áo v.v.. cũng nên phân biệt có bao nhiêu người do bất cập bị trôi chìm, bao nhiêu người vốn thiếu đói từ trước. Đối với diện thiếu đói nên đưa vào xóa đói giảm nghèo và cấp phát cho họ khi lũ chưa lên, để rảnh tay cứu trợ những người bị lũ làm bất cập. Cũng nên xem lại số người trận lũ nào cũng phải cứu trợ trùng lặp là bao nhiêu. Vấn đề nhức nhối cứ lặp đi lặp lại là chết đuối, phần rất lớn lại là trẻ em do người lớn bất cẩn, thậm chí bố mẹ ngủ quên để con rơi xuống. Những hiện tượng vô cùng đáng tiếc này xảy ra cả khi có lũ lụt và khi không có lũ lụt. Nếu mọi người đều nêu cao ý thức trách nhiệm, nạn chết đuối chắc chắn được khắc phục.

Để giải bài toán này còn rất nhiều việc phải làm, trong đó phải khẳng định phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm là cốt lõi của thành công. □

GIÁO DỤC

trong phát triển cộng đồng

ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long

ĐÀO TRỌNG HÙNG*

ĐƯA GIÁO DỤC VÀO PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

Khái niệm "Phát triển cộng đồng" và khuyến khích các quốc gia sử dụng phương pháp phát triển cộng đồng như là một công cụ để triển khai các chương trình phát triển quốc gia và từng vùng trong mỗi quốc gia, đã được Liên hợp quốc công nhận từ năm 1950. Sự phát triển cộng đồng đã góp phần làm thay đổi bộ mặt nông thôn và đáp ứng được nhu cầu có thật của người dân, giúp người dân nâng cao năng lực tự quyết định, và định hình sự phát triển tương lai của cộng đồng, bằng chính người dân ở cộng đồng đề xướng, triển khai và kiểm tra. Mục tiêu cuối cùng là đưa cộng đồng từ tình trạng yếu kém đến mức có khả năng tự hành động để giải quyết các vấn đề của cộng đồng như : nhu cầu về ăn, mặc, ở, đi lại, học hành, chữa bệnh, việc làm, thu nhập, nghỉ ngơi, giao lưu tiếp cận văn hóa - nghệ thuật, v.v.

Để sử dụng phương pháp phát triển cộng đồng như là một công cụ để triển khai các chương trình phát triển ở vùng đặc thù thường xuyên ngập lũ, giáo dục và đào tạo có vai trò hết sức quan trọng, song phải là những chương trình giáo dục đào tạo linh hoạt và có hiệu quả đối với cộng đồng. Mọi

việc giảng dạy đều hướng vào người học. Nội dung học phải xuất phát từ thực tiễn cuộc sống, xuất phát từ các vấn đề nảy sinh hàng ngày. Tổ chức cho việc học cộng đồng nhất thiết phải có những tác viên phát triển cộng đồng có đủ các phẩm chất như năng lực, tính hòa đồng, kiên trì, nhẫn nại, khiêm tốn học hỏi người dân, khách quan vô tư, hiểu biết được tâm sinh lý người dân trong mỗi cộng đồng ; và như vậy, các tác viên phát triển cộng đồng ngoài năng lực vốn có của họ, cần phải được huấn luyện kỹ năng để sử dụng phương pháp phát triển cộng đồng.

Đối chiếu với những vấn đề nêu trên, để từ đó mà ứng dụng vào việc phát triển cộng đồng trong vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) bằng chiến lược và giải pháp giáo dục riêng biệt, linh hoạt. Muốn vậy, phải làm cho cộng đồng nhận thức rõ vị trí, vai trò của giáo dục trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội có liên quan hữu cơ tới cuộc sống, tới sự tiến bộ và phát triển của người dân. Sự nghiệp giáo dục - đào tạo gắn kết chặt chẽ với các chủ trương, các ý tưởng

* NGUT, PGS, TS, Viện Nghiên cứu Giáo dục, Trường đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh

quy hoạch tổng thể đó. Giáo dục và đào tạo phải đi trước một bước và sẽ có ý nghĩa rất lớn đối với nông dân, góp phần quan trọng vào việc xóa đói giảm nghèo và tạo nguồn lực có tri thức phục vụ cho nông nghiệp nông thôn.

VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC TRONG PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG Ở KHU VỰC NGẬP LỤT ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Vùng ngập lũ ĐBSCL bao gồm các tỉnh Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang, Cần Thơ, Long An và một số địa bàn vùng trũng của các tỉnh Tiền Giang, Vĩnh Long, Bến Tre. Vùng ngập lũ ĐBSCL có diện tích khoảng 1 830 000 ha, chiếm 47% diện tích ĐBSCL. Vùng ngập lũ ĐBSCL cùng với các tỉnh còn lại của ĐBSCL là vùng sản xuất lúa gạo, cây ăn trái và thủy hải sản lớn nhất nước. Sản phẩm gạo trở thành hàng xuất khẩu lớn đưa Việt Nam đứng vào hàng thứ 2 trong các nước xuất khẩu gạo. Hai mùa lũ liên tiếp năm 2000 và 2001 lớn hơn nhiều so với mùa lũ năm 1996, gây thiệt hại hàng ngàn tỉ đồng, trong đó đã làm hư hỏng nhiều trường học, hàng trăm ngàn học sinh phải nghỉ học vì lũ lụt kéo dài, các trường, lớp học cho người lớn tuổi cũng trong tình trạng tương tự.

Muốn vực dậy tiềm năng của khu vực ĐBSCL cần đặc biệt quan tâm đến một lực lượng đông đảo, đó là cộng đồng phụ nữ và thanh, thiếu niên. Họ đang tham gia tích cực vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) nông nghiệp và phát triển nông thôn, song trình độ dân trí còn thấp, chỉ xấp xỉ trình độ dân trí ở 2 vùng Tây Nguyên và Tây Bắc của nước ta.

Trình độ dân trí thấp ảnh hưởng đến việc ứng dụng kỹ thuật - công nghệ vào sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng CNH, HĐH. Để xoay chuyển và tạo bước tiến bộ vượt bậc về sự phát triển

kinh tế, văn hóa ở toàn vùng, nhất thiết phải có chiến lược giáo dục - đào tạo cho cộng đồng, đông đảo nhất là phụ nữ và thanh thiếu niên nông thôn ở vùng ngập lũ. Vấn đề quan trọng nhất của chiến lược này là phải dựa trên tính đặc thù của vùng ngập lũ, và xuất phát từ yêu cầu về sản xuất và cuộc sống của cộng đồng để có bước đi thích hợp, thực hiện bằng được việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, huấn luyện kỹ năng nghề nghiệp bằng cách tiếp tục chống mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập trung học cơ sở và mở mang các trường lớp, loại hình dạy nghề ngắn hạn, dạy nghề phổ thông ở những nơi có điều kiện để họ có kỹ năng ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật - công nghệ vào sản xuất, tạo ra của cải vật chất cho xã hội, góp phần làm thay đổi bộ mặt nông thôn, bảo vệ môi trường sinh thái, và như vậy cũng chính là làm thay đổi cuộc sống của cộng đồng về các mặt văn hóa, văn minh và sức khỏe.

Công cuộc đổi mới đất nước hơn 15 năm qua đã mang lại kết quả đáng mừng như tốc độ tăng trưởng cao về sản phẩm quốc nội (GDP), lạm phát giữ ở mức độ thấp, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế có những tiến bộ và phát triển, đã tạo ra các điều kiện thuận lợi cho các cộng đồng ở mỗi vùng khác nhau có nhiều khả năng lựa chọn và có cơ hội tham gia vào quá trình phát triển. Quá trình đó đã góp phần làm giảm tỷ lệ nghèo đói từ 58% năm 1992 - 1993 xuống còn 37% năm 1997 - 1998 (theo Tổng cục thống kê 1999) và tỷ lệ người lớn biết chữ được duy trì ở mức trên 90% (theo UNDP - 1998), tỷ lệ học sinh tiểu học tăng từ 90% năm 1993 - 1994 lên 97% năm 1997 - 1998.

Điều đó chứng tỏ rằng, đổi mới đã làm giảm đáng kể tỷ lệ nghèo đói (theo bảng thống kê so sánh) và những chỉ số xã hội được nâng cao chung cho các vùng địa phương, trong đó có ĐBSCL).

Chiều sâu của sự đói nghèo phân theo khu vực, năm 1993 và 1998

Khu vực	Chỉ số khoảng cách đói nghèo (đo lường chiều sâu của sự đói nghèo)	
	1993	1998
Vùng núi phía bắc	26,8	16,3
Đồng bằng sông Hồng	18,8	5,7
Bắc Trung Bộ	24,7	11,8
Ven biển miền Trung	16,8	10,6
Cao nguyên Trung Bộ	26,3	19,1
Đông Nam Bộ	9,2	1,3
Đồng bằng sông Cửu Long	13,8	8,1
Toàn quốc	18,5	9,5

(Nguồn: Ước tính của WB dựa theo VLSS93 và VLSS 98)

Trong quá trình chuyển đổi này, phụ nữ và thanh thiếu niên nông thôn vùng ngập lũ ĐBSCL đã được hưởng thụ kết quả do đổi mới đem lại. Tuy nhiên, gánh nặng những công việc mà phụ nữ phải đảm nhận do việc tăng năng suất nông nghiệp và trách nhiệm đối với gia đình làm họ đặc biệt vất vả, ít có điều kiện nghỉ ngơi, hoạt động xã hội, học tập văn hóa nhất là học các kỹ năng mới ở các loại hình trường, lớp dành cho người lớn tuổi. Khả năng của phụ nữ nông thôn, trong đó có phụ nữ nông thôn vùng ngập lũ ĐBSCL đối với việc tăng cường sự an toàn kinh tế cho gia đình và cho chính bản thân họ bị hạn chế bởi các mặt trong việc tiếp cận với các dịch vụ mở rộng, với giáo dục phổ thông và đào tạo nghề (theo UNDP - 1998).

Đối với thanh, thiếu niên, như chúng ta biết, 77% dân số Việt Nam sống ở nông thôn, nhưng học sinh trung học ở nông thôn chỉ chiếm 42% trên tổng số học sinh nhập học. Học sinh dân tộc Khơ-me và nữ thanh niên vùng ngập lũ chỉ chiếm một phần nhỏ trong các trường học. Do đó, việc nỗ lực cung cấp giáo dục cơ sở với nhiều loại hình linh hoạt, đa dạng cho nhóm cộng đồng này là rất cần thiết, để từ đó có điều kiện giữ họ lại gắn bó với nông thôn, tham gia vào quá trình CNH, HDH nông nghiệp, phát triển

nông thôn và góp phần làm giảm thiểu việc tăng dân số đô thị do có hiện tượng di dân từ nông thôn đến thành thị.

Tại Hội thảo quốc tế **"Việt Nam trong thế kỷ XX"**, nguyên Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đã phát biểu với bạn bè thế giới : **"Chúng tôi phải trí thức hóa Đảng, trí thức hóa dân tộc, tiếp tục trí thức hóa công nông, cả nước là một xã hội học tập... Phải nắm lấy ngọn cờ khoa học như nắm lấy ngọn cờ dân tộc"**. Con người trong cộng đồng, trong xã hội học tập là con người có chất lượng tổng hợp, chủ động tạo nên cho mình việc làm và làm được việc, nhằm đáp ứng yêu cầu đặc thù của Việt Nam hiện đang phải tiến hành cả 3 nền kinh tế : **Kinh tế nông nghiệp đang chuyển dịch, kinh tế công nghiệp đang phát triển và kinh tế tri thức đang mạnh mẽ**. Thực tế cho thấy, tri thức và kỹ năng của con người có được chủ yếu thông qua giáo dục và đào tạo, kết quả của nền giáo dục thực sự của dân, vì dân và do dân, phản ánh đầy đủ quan điểm của Đảng và Nhà nước ta : **"Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu"**. Nền giáo dục của chúng ta, trong suốt 55 năm qua, đã biến từ chỗ hơn 95% dân số mù chữ đến nay có gần 94% dân số biết chữ, 61 tỉnh, thành (100%) đã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ, và có hơn 22 triệu học sinh, sinh viên đang học tại các trường trong năm học 2000 - 2001. Xin xem bảng dưới đây :

Bậc, cấp học	Số lượng học sinh, sinh viên (Đơn vị : Người)
Nhà trẻ	496 000
Mẫu giáo	2 521 000
Tiểu học	10 137 000
Trung học cơ sở	6 041 000
Trung học phổ thông	2 174 000
Đại học - Cao đẳng	1 300 000
Số sinh viên đại học, sau ĐH hưởng học bổng quốc tế	19 618

Nguồn : Bộ GD-ĐT trong Báo *Giáo dục và Thời đại* (số đặc biệt 136 ngày 11-11-2000)

Sau phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ vẫn còn một số lượng không nhỏ thanh thiếu niên cả nam lẫn nữ vẫn chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học. Người lao động, nhất là ở nông thôn chưa đạt chuẩn xóa mù chữ hoặc xóa mù chữ chưa bền vững. Nhà nước chủ trương tiếp tục hoàn thiện công việc này và đã xây dựng kế hoạch để thực hiện chương trình phổ cập trung học cơ sở đến năm 2005 (ở những nơi có điều kiện thuận lợi) và đến năm 2010 (ở những vùng khó khăn). Chủ trương này là một nhiệm vụ quan trọng và có ý nghĩa to lớn trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trong đó có nguồn nhân lực từ các cộng đồng sống trong vùng ngập lũ ĐBSCL.

LOẠI HÌNH GIÁO DỤC THIẾT THỰC CHO PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG Ở VÙNG NGẬP Lũ ĐBSCL

Từ việc học tập, áp dụng từng bước loại hình trường thế hệ "Trường trung học chân đất" (Barefoot) của Ấn Độ do N.Mi-xra khởi xướng, tổ chức và điều hành ⁽¹⁾, Nông trường sông Hậu (Sohafarm) tỉnh Cần Thơ đã thực hiện loại hình giáo dục theo kiểu nhà trường "Trung học chân đất" để phát triển cộng đồng. Nơi đây, với vai trò lãnh đạo và sự quan tâm của "Cố giám đốc chân đất" Trần Ngọc Hoàng, công tác giáo dục trong phát triển cộng đồng đã tiến một bước dài quan trọng. Một vài thế hệ chưa từng có một thứ văn bằng nào nay trở thành những công nhân nông nghiệp có trình độ văn hóa, có kỹ năng về kỹ thuật vận hành, sửa chữa các thiết bị cơ khí nông nghiệp, chọn giống và sử dụng giống cây trồng, vật nuôi thích hợp với vùng đất nông trường; kỹ thuật bảo quản và chế biến nông hải sản sau thu hoạch; kỹ thuật ươm cây trồng rừng, kỹ thuật nuôi trồng thủy sản trong các ao hồ và nuôi ghép với ruộng trồng lúa v.v... Người dạy và học là những tập thể cộng đồng sống chan hòa trong tình anh em tại nông trường. Ở đây, việc khuyến khích sáng kiến cá nhân được

đề cao và tạo điều kiện tự do phát triển. Những hoạt động như vậy đã góp phần giải quyết kịp thời những thách thức của giáo dục nông thôn mà ngân sách nhà nước hiện nay chưa thể đáp ứng được. Từ những ngày đầu khai phá lập nông trường, cộng đồng dân cư tại đây còn rất nghèo, trình độ học vấn của nhiều phụ nữ và thanh, thiếu niên rất thấp, chỉ biết làm những việc giản đơn để kiếm sống. Nông trường đã từng bước đưa cộng đồng này vào các loại hình trường lớp học chữ, học nghề để trang bị tri thức và kỹ năng sản xuất cho họ. "Gia sư, hương sư" của họ chính là những người lãnh đạo nông trường, những người biết chữ. Những lão nông có kinh nghiệm nghề truyền thống cũng tình nguyện làm "giảng viên" của các loại hình giáo dục cơ động, mà rất thiết thực này. Chính họ nhận thấy rằng, kiểu trường "Trung học chân đất" ở nông trường sông Hậu cũng có những ưu thế riêng trong việc biến những người mù chữ, kỹ năng lao động rất thấp trở thành người lao động có tri thức, có ý thức chính trị, có kỹ thuật lao động, có tinh thần làm chủ để xây dựng và phát triển nông trường.

Một ví dụ khác, trang trại trồng hoa xuất khẩu ở Đà Lạt do nhà khoa học Nguyễn Chí Bảo cũng rất thành công trong việc tổ chức các loại hình giáo dục kiểu trường "Trung học chân đất". Những người trước khi vào trường có trình độ văn hóa thấp và không có việc làm nay đã trở thành người lao động có tri thức, có kỹ năng mới trong việc chăm sóc, bảo quản các loài hoa. Ở đây, họ được học chữ, học kỹ thuật và được tự do sáng tạo, cùng sống hòa đồng, cộng tác tự nguyện với "nhà khoa học chân đất" và có được cuộc sống tốt trong cộng đồng.

Từ những điển hình giáo dục sinh động đó, chúng ta thấy, rõ ràng kiểu trường "Trung học chân đất" đã thiết thực làm tăng

(1) Thế hệ "Trường trung học Chân Đất" Neelesh Misra, Tạp chí Người đưa tin UNESCO, số 3 - tháng 4-2000

sức mạnh của cộng đồng, vì nó biết sử dụng những kiến thức phù hợp với thực tiễn sản xuất - kiến thức trở thành công cụ để đạt được những mục tiêu, mà trong những hoàn cảnh cụ thể, các chính sách giáo dục của Nhà nước chưa thể bao cấp để đạt được. Kinh nghiệm của Ấn Độ về loại hình trường dân dã này khi được nghiên cứu tỉ mỉ và nếu áp dụng vào từng địa bàn sản xuất cụ thể ở nông thôn, trong đó có vùng ngập lũ ĐBSCL theo kiểu tận dụng tiềm năng về tri thức của các trung tâm khuyến nông, khuyến ngư, các trường, viện hoặc tổ chức dạy nghề lưu động v.v... hiện nay thì chúng ta sẽ có những hoạt động giáo dục phong phú, gắn kết với cộng đồng để phát triển cộng đồng. Các hoạt động giáo dục như vậy sẽ thực sự là "chìa khóa" của thành công.

VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC TỪ XA TRONG PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

"Nghệ thuật tuyệt đỉnh của giáo dục là khơi dậy niềm hạnh phúc được học tập và sáng tạo" (A.Anh-xtanh - 1879 - 1955) (2). Giáo dục từ xa rất cần có những chương trình cố định được phát đi trên làn sóng phát thanh, truyền hình giúp cho những người dù vùng quê xa xôi hẻo lánh, vùng thường có ngập lũ, hay vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa, có điều kiện học tập. Chương trình "giáo dục từ xa" có thể bao gồm đa loại hình với nội dung vừa sức, thuật ngữ, dễ học, dễ nhớ, dễ làm và dễ áp dụng trong đời sống để góp phần phát triển cộng đồng, thiết thực sinh lợi trong sản xuất, đem lại hiệu quả cao.

Một số không ít thanh, thiếu niên nam nữ nông thôn đang học dở dang các cấp học, vì nhiều lý do khác nhau họ phải từ bỏ ý định học tập tiếp lên các bậc đại học, cao đẳng hoặc trung học chuyên nghiệp và dạy nghề ở đô thị. Họ phải ở nhà để cùng cha mẹ sản xuất đảm bảo cuộc sống gia đình. Sức học của họ đạt được ở trình độ tiểu học, trung học là điều kiện thuận lợi để họ tiếp cận với

các chương trình học từ xa, qua đó trình độ văn hóa và kỹ năng nghề nghiệp cũng như năng lực giao lưu ứng xử của họ sẽ được nâng lên.

"Nhân vật" chủ yếu của hoạt động dạy học theo phương thức này vẫn là các tác viên phát triển cộng đồng được huấn luyện để trở thành người hướng dẫn, tổ chức việc dạy và học từ xa. Nhà nước cần có những chính sách hỗ trợ họ. Thực hiện loại hình giáo dục này theo từng khóa học và có kết thúc đánh giá sẽ tạo dựng được các thế hệ có kiến thức và thành đạt, góp phần quan trọng vào việc nâng cao năng suất lao động trong sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn.

Giáo dục từ xa bằng làn sóng phát đi các chương trình "học" và "hành" thiết thực, là một trong các giải pháp tốt nhất với người dân nông thôn đang phải đi lại trên những con đường mòn gập ghềnh và kênh rạch chằng chịt. Chừng nào còn những vùng thường xuyên ngập lũ và những vùng khó khăn thì chừng đó vẫn rất cần đến giáo dục từ xa và cách tổ chức giáo dục từ xa có hiệu quả.

Từ thực tế đó, thiết nghĩ Bộ Giáo dục và Đào tạo cần kết hợp với các Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ; Hội Nông dân Việt Nam, Hội Khuyến học, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam ; các cơ quan phát thanh - truyền hình và các địa phương v.v... để xây dựng cho được các chương trình giáo dục từ xa thiết thực. Đề nghị Nhà nước đầu tư ngân sách để đổi mới thiết bị các đài truyền tin, đài phát thanh, truyền hình ở trung ương và địa phương phục vụ tốt các chương trình giáo dục từ xa, từng bước xây dựng một xã hội học tập, đạt hiệu quả mong muốn. □

(2) An-be Anh-xtanh - nhà vật lý và toán học Mỹ gốc Đức (1879 - 1955), *Tạp chí Người đưa tin UNESCO*, số 3 - tháng 4-2000



AI ĐÚNG, AI SAI ?!

TIẾN HAI

ÔNG T là một cán bộ cao cấp. Ông sống gương mẫu, lại có năng lực lãnh đạo, quản lý, trình độ nghiệp vụ chuyên môn giỏi cho nên cán bộ, nhân viên dưới quyền chẳng những quý mến mà còn rất kính trọng. Về mặt quyền lợi, ông hoàn toàn toại nguyện, chẳng có gì phải kêu ca, phàn nàn. Ông không có nhà cao, cửa rộng như nhiều người khác, nhưng một căn hộ ba phòng khép kín ở khu tập thể đối với ông như thế cũng đã là hơn nhiều người. Hằng ngày, ông đi làm đều có xe ô tô đưa đón. Lương tháng và các khoản phụ cấp ông lĩnh đầy đủ. Còn về cuộc sống gia đình, thì ít người hạnh phúc như ông. Vợ ông đã ngoại ngũ tuần, gấp nghề tuổi về hưu nhưng bà còn khỏe mạnh, chẳng mấy khi sổ mũi, hắt hơi. Đặc biệt, bà sống rất biết điều, hết lòng thương yêu chồng, con ; hàng xóm hầu như chẳng bao giờ thấy bà to tiếng. Các con ông đều đã trưởng thành và rất kính yêu bố mẹ. Cậu con cả mới ngoài 30 tuổi đã đạt tới học vị

tiến sĩ, thông thạo ba ngoại ngữ, thường xuyên xách cặp đi dự các hội nghị khoa học ở nước ngoài. Cô hai (đồng thời cũng là cô út) xinh tươi, khỏe mạnh, giỏi tiếng Anh và vi tính, vì thế mới tốt nghiệp đại học đã được mời vào làm việc tại một công ty liên doanh với nước ngoài. Như vậy, cả về đời sống vật chất và tinh thần, phải xếp ông T vào loại *hơn* người.

Ấy vậy mà, chẳng hiểu sao mấy tháng nay ông cứ buồn buồn, ít nói, khí sắc kém hẳn. Đúng như Ra-bơ-le, nhà văn nổi tiếng thời Phục hưng của Pháp thường nói : “Niềm vui sướng chia đôi là nhân đôi niềm sung sướng, nỗi đau thương chia đôi là nửa nỗi đau thương” cho nên nỗi buồn của ông T rồi cũng được ông chia sẻ với một số người. Ông nói với họ rằng ông buồn vì mấy lẽ : *Thứ nhất*, cái gọi là nếp nhà truyền thống ở gia đình ông nó mỏng manh như làn sương chiều thu và đang bị cơ chế thị trường tấn công quyết liệt. Lâu nay, vợ chồng ông vẫn

cổ duy trì cái nếp là bữa cơm tối phải có mặt đầy đủ các thành viên trong gia đình. Vì công việc hối hả ; vả lại, tính chất công việc của mỗi thành viên trong gia đình cũng khác nhau cho nên ông T chấp thuận bữa sáng và bữa trưa có thể “*tùy nghi di tản*”, nhưng bữa tối thì dứt khoát tất cả các thành viên trong gia đình phải có mặt đông đủ. Cái quy định ấy của ông dần dần cũng không còn hiệu lực. Các con ông, đặc biệt là cô con gái rất nhiều bữa không ngồi ăn cùng với bố mẹ nhưng đều có lý do chính đáng nên ông đành chịu. Thậm chí, có bữa ông phải một mình đi ăn cơm bụi. Chưa hết, ông T còn bảo, xem ti vi ông thích chương trình thời sự ; còn chương trình văn nghệ thì thích các loại hình như chèo, dân ca, các bài hát trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Nhưng vợ con ông thì mỗi người một phách. Vợ ông không thể hiện rõ chính kiến ; xem gì đối với bà không quan trọng. Cậu con cả chỉ vui đầu vào sách vở. Còn cô út thì chỉ thích chương trình ca nhạc nước ngoài. *Thứ hai*, cái gọi là “*dấu ấn quê hương*” trong các con ông nó mờ nhạt quá.

(Xem tiếp trang 64)



Vị thế địa - chính trị ĐÔNG NAM Á thập niên đầu thế kỷ XXI

TRẦN KHÁNH*

KHU vực Đông Nam Á - một bộ phận không thể tách rời của châu Á - Thái Bình Dương, đã từ lâu trở thành địa bàn chiến lược trọng yếu, nơi tranh chấp ảnh hưởng của các nền văn hóa - văn minh, các cực quyền và nước lớn trên thế giới. Khoảng một thập niên trở lại đây, cùng với sự kết thúc chiến tranh lạnh, sự gia tăng của toàn cầu hóa kinh tế và bùng nổ của công nghệ thông tin đã tác động sâu sắc đến cục diện thế giới nói chung, đến môi trường địa - chính trị Đông Nam Á nói riêng, làm cho tổ chức ASEAN và các nước thành viên trong khu vực trở nên nhạy cảm hơn và dễ bị tổn thương bởi tác động của các quá trình quốc tế. Đây là những vấn đề cần được nghiên cứu, bàn bạc kỹ lưỡng và có hệ thống.

Trên góc độ địa - chiến lược, Đông Nam Á nằm ở khu vực thuận lợi về mặt thông thương và phòng thủ quốc tế; nằm ở ngã ba châu Á, án ngữ con đường hàng hải thuận tiện nhất từ Ấn Độ Dương sang Thái Bình Dương, giữa Đông Bắc Á và Nam Thái Bình Dương. Khoảng hai thập niên trở lại đây, Đông Nam Á trở thành cầu hàng không nối các chuyến bay từ Đông Bắc Á, Bắc Mỹ sang nhiều nước Tây Nam Á, Trung Đông - Bắc Phi và Trung - Đông Âu.

Bởi nằm ở vị trí địa lý chiến lược trọng yếu, nơi nối liền các mạch máu giao thông giữa các châu lục và đại dương và nơi giàu có về tài nguyên thiên nhiên, nên từ thời Trung cổ, Đông Nam Á đã trở thành nơi tranh giành ảnh hưởng giữa nền văn hóa Ấn Độ và Trung Hoa (từ đầu Công nguyên) và sau đó là nền văn hóa Ả rập - Ba Tư (từ thế kỷ XIV). Các tôn giáo chính của thế giới lúc đó là Hin-đu giáo, Khổng giáo và Hồi giáo đã xâm nhập sâu rộng, thiết lập được vị trí vững bền và dần trở thành một phần của lối sống văn hóa của các dân tộc Đông Nam Á.

Trong thời kỳ nô dịch của phương Tây, đế quốc Anh, Pháp, Hà Lan, sau đó là Mỹ và Nhật Bản không chỉ coi Đông Nam Á là "cái phao nâng đỡ" cho nền kinh tế "chính quốc", mà còn là tiền đồn quân sự, án ngữ ở phương Đông, làm bàn đạp để tiến vào đất nước Trung Hoa đầy bí hiểm và hấp dẫn.

Trong chiến tranh lạnh, Đông Nam Á là nơi tập trung các mâu thuẫn của trục tam giác chiến lược Mỹ - Xô - Trung và là điểm nóng gay gắt nhất trong cuộc đối đầu giữa hai cực

* TSKH, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

Liên Xô và Mỹ. Những đặc điểm của tình hình quốc tế đã tác động mạnh mẽ đến các nước trong khu vực. Đông Nam Á chia thành hai chiến tuyến đối lập, một bên là ba nước Đông Dương (gồm Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia) theo con đường xã hội chủ nghĩa và một bên là các nước ASEAN cũ (Thái Lan, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin và Bru-nây) phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Sau khi chiến tranh lạnh kết thúc, Đông Nam Á trở thành nơi hội tụ của những nỗ lực hợp tác giữa các nước trong và ngoài khu vực. ASEAN đã đưa ra hàng loạt sáng kiến mới nhằm thích ứng với sự gia tăng của toàn cầu hóa và thay đổi quyền lực trên thế giới. Sự phát triển năng động và có hiệu quả của các nước ASEAN ở cuối những năm 80, nửa đầu những năm 90 của thế kỷ XX cùng với sự ra đời các cơ chế hợp tác mới như thành lập Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) và Diễn đàn an ninh khu vực ASEAN (ARF) năm 1994 cũng như bước đột phá kết nạp Việt Nam vào tổ chức này năm 1995 đã biến ASEAN tiến tới gần như "một trung tâm quyền lực mới" ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Nếu như trong chiến tranh lạnh ở khu vực này có 4 cực là Mỹ - Xô - Nhật - Trung chi phối, thì sang thập niên 90 thế kỷ XX có 5 cực là Mỹ - Trung - Nhật - Nga và ASEAN. *Sự xuất hiện cực mới ASEAN là một trong những nhân tố tích cực thúc đẩy xu hướng đa cực hóa, góp phần củng cố an ninh và thúc đẩy hợp tác kinh tế khu vực và quốc tế.*

Bước vào thập niên đầu của thế kỷ XXI, khu vực Đông Nam Á nói chung, ASEAN nói riêng đứng trước những vận hội và thách thức đan xen trên con đường tiếp tục khẳng định mình. Cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ 1997 - 1998 đã gây ảnh hưởng kép về kinh tế

và chính trị trực tiếp làm suy giảm phần nào uy tín và sức mạnh của Hiệp hội các nước Đông Nam Á.

Là một thị trường đầy tiềm năng, với những bài học thành công cũng như thất bại trong quá khứ cùng những cơ chế mới đã và đang được tạo ra trong từng nước và những cải cách tiến bộ, đổi mới chính sách kinh tế vĩ mô, thúc đẩy dân chủ hóa xã hội, thiết lập các cơ chế, thể chế hợp tác mới song phương, đa phương v.v.. có thể tin tưởng rằng, nền kinh tế các nước ASEAN sẽ lấy lại được đà tăng trưởng cao trong những năm sắp tới. Khi kinh tế tăng trưởng trở lại, các nỗ lực hợp tác và liên kết nội khối, mà điển hình là sự thực hiện AFTA sẽ diễn ra suôn sẻ, môi trường chính trị - xã hội và đoàn kết của Hiệp hội nói chung không chỉ bình ổn trở lại mà còn được củng cố hơn lên. Và như vậy, ASEAN và các nước thành viên của nó sẽ có tiếng nói quan trọng hơn, đóng góp nhiều hơn trong việc thúc đẩy hợp tác kinh tế, gìn giữ an ninh ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương và trên thế giới.

Xét trên phương diện địa - chính trị của Đông Nam Á trong tương quan ảnh hưởng quyền lực của các nước lớn, khu vực này bước vào thập niên đầu thế kỷ XXI tiếp tục giữ vị trí chiến lược quan trọng đối với việc xác lập các ngôi thứ quyền lực ở châu Á - Thái Bình Dương cũng như trên thế giới.

Trước hết đối với Mỹ, sau sự kiện ngày 11-9-2001, khu vực Đông Nam Á có tầm quan trọng hơn trong chính sách "Mỹ hóa thế giới". Nếu như cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á năm 1997 - 1998 củng cố ưu thế của đồng đô la Mỹ, làm cho Oa-sinh-ton quyết tâm hơn trong việc theo đuổi chủ nghĩa bá quyền "Mỹ hóa" thế giới, thì sau sự kiện trên, Mỹ mượn cớ chống khủng bố, công khai và "hợp pháp hóa" việc triển khai lực lượng quân sự

ở nhiều nơi trên thế giới, trong đó có việc đưa quân trở lại khu vực Đông Nam Á, trước hết là đến Phi-lip-pin. Khoảng một thập niên vắng bóng lính Mỹ, kể từ khi căn cứ không quân Clac và hải quân Xu-bích của Mỹ bị đóng cửa vào năm 1992, thì giờ đây, tại Phi-lip-pin đã có tới hàng ngàn binh lính và sĩ quan Mỹ vừa làm huấn luyện, vừa trực tiếp tham gia chống lại các nhóm Hồi giáo quá khích. Cuộc tập trận Mỹ - Phi-lip-pin bắt đầu từ thượng tuần tháng 4 và Mỹ - Thái Lan bắt đầu từ cuối tháng 5 năm 2002, có nhiều nước Đông Nam Á khác tham dự, không chỉ làm khuấy động trở lại các hoạt động quân sự trong vùng mà còn chứng tỏ biện pháp kết hợp giữa "củ cà rốt" và "chiếc gậy" của Mỹ trong chính sách "Mỹ hóa" thế giới. Những nỗ lực mới của Mỹ nhằm tăng nhanh ảnh hưởng và quyền lực của mình ở Đông Nam Á còn được biểu hiện bằng cường độ gia tăng các cuộc tiếp xúc, trao đổi ngoại giao, bàn luận và làm ăn kinh tế giữa Mỹ và ASEAN. Trong cuộc họp các bộ trưởng kinh tế ASEAN ở Băng Cốc ngày 5-4-2002 vừa qua, đại diện thương mại Mỹ đã khẳng định lại nguyện vọng muốn thiết lập "Khu vực mậu dịch tự do Mỹ - ASEAN". Mục tiêu trước mắt cũng như lâu dài của Mỹ là tập hợp, phân hóa lực lượng một cách có lợi cho mình, làm cho Đông Nam Á phụ thuộc hơn nữa vào Mỹ, kìm chế ý đồ độc lập hay liên kết khu vực, trong đó có liên kết Đông Á (gồm ASEAN + Trung Quốc + Nhật Bản + Hàn Quốc), tạo ra rào chắn hạn chế hoặc ngăn cản ảnh hưởng đang tăng nhanh của Trung Quốc và một số nước khác trên thế giới.

Đối với Trung Quốc, khu vực Đông Nam Á là cửa ngõ phía Nam truyền thống quan trọng nhất trong chính sách đối ngoại của nước này. Phát huy các lợi thế sẵn có (là nước láng giềng gần, có quan hệ truyền thống lâu đời với các nước Đông Nam Á và có đông đảo cộng đồng

người Hoa có thực lực kinh tế và uy tín quốc tế tăng nhanh trong thập niên 90), Trung Quốc đã và đang nhanh chóng mở rộng ảnh hưởng trên tất cả các phương diện đối với khu vực này. "Biên giới mềm" (hàng hóa tiêu dùng và văn hóa tinh thần) của Trung Quốc ngày càng trải dài, mở rộng đến từng hang sâu, ngõ hẻm của các nước Đông Nam Á. Kết hợp sức mạnh vật chất (như sức cạnh tranh hàng hóa tương đối cao, vốn dự trữ ngoại tệ lớn, có mạng lưới kinh doanh mạnh của người Hoa khá độc đáo v.v..) với uy tín về chính trị (mà Trung Quốc đã gặt hái được trong những thập kỷ tăng trưởng kinh tế cao và ổn định chính trị nội bộ, đặc biệt từ sau khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á năm 1997 - 1998) đã cho phép quốc gia này ngày càng có ảnh hưởng lớn hơn trong các công việc quốc tế. Sự hưởng ứng tham gia vào các cơ chế hợp tác mới của ASEAN như Diễn đàn an ninh khu vực (ARF), Hợp tác phát triển các nước khu vực sông Mê Công cũng như đề xuất thành lập các cơ chế hợp tác rộng lớn hơn như ASEAN+1 (ASEAN + Trung Quốc), ASEAN+3 (ASEAN + Trung Quốc + Nhật Bản + Hàn Quốc) và các cuộc thăm viếng thăm đáp lẫn nhau của các nhà lãnh đạo Trung Quốc và các nước ASEAN trong thời gian gần đây không những chứng tỏ sự quan tâm lớn của Trung Quốc đối với Đông Nam Á mà còn nói lên tầm quan trọng của ASEAN trong bàn cờ địa - chính trị khu vực châu Á - Thái Bình Dương và trên trường quốc tế.

Đối với Nhật Bản, Đông Nam Á trong những thập kỷ gần đây là một trong những địa bàn đầu tư số một của Nhật, là thị trường tiêu thụ sản phẩm và cung cấp nguyên liệu thô hay sơ chế cho nước này. Có thể nói, nếu không có thị trường Đông Nam Á thì Nhật Bản khó có thể đạt được những thần kỳ kinh tế trong những thập niên 70 - 80. Để thoát khỏi

sự trì trệ kinh tế diễn ra trong thập niên 90 của thế kỷ XX và nâng cao vai trò của mình tương xứng với địa vị cường quốc kinh tế thứ hai trên thế giới, Nhật Bản hiện nay đang tập trung cải thiện tình hình đầu tư và thương mại với ASEAN, muốn cùng Mỹ lôi kéo ASEAN về phía mình để đối phó với sự mở rộng ảnh hưởng nhanh của Trung Quốc. Điều này được thể hiện rõ nét bằng chuyến thăm viếng của Thủ tướng J. Côi-du-mi đến 5 nước ASEAN tháng 1-2002 và các thỏa thuận mới đã đạt được trong chuyến đi đó. Về kinh tế, Nhật Bản muốn củng cố quan hệ kinh tế song phương với từng nước ASEAN, cụ thể là vào ngày 13-1-2002 đã ký với Xin-ga-po một Hiệp định, mở đường cho việc thiết lập thị trường tự do Nhật Bản - Xin-ga-po, trong đó không chỉ mở cửa thương mại tự do mà còn đi kèm với thúc đẩy quan hệ về khoa học - kỹ thuật, phát triển nguồn nhân lực và khuyến khích du lịch song phương giữa hai nước. Thêm vào đó, Nhật Bản thông qua chuyến đi của Thủ tướng J. Côi-du-mi đã vận động ASEAN mở rộng hợp tác không chỉ trong khuôn khổ ASEAN+3, mà bao gồm các quốc gia khác như Ô-xtrây-li-a, Niu Di-lân và thậm chí cả Mỹ tham gia. Điều này chứng tỏ Nhật Bản rất ngại vai trò chi phối của Trung Quốc trong Hợp tác Đông Á (hay ASEAN+3) khi cơ chế hợp tác này đi vào thực chất. Cho nên, Nhật Bản muốn lôi kéo các đối tác khác tham gia, đặc biệt là Mỹ để hạn chế Trung Quốc, làm thăng bằng cán cân sức mạnh. Như vậy, Đông Nam Á cũng đang trở thành địa bàn chiến lược cạnh tranh ảnh hưởng giữa Nhật Bản và Trung Quốc.

Đối với Nga, Đông Nam Á nói chung, tổ chức ASEAN nói riêng là một trong những hướng khá quan trọng trong chính sách từng bước lập lại vị thế siêu cường của họ. Việc nước Nga đang hâm nóng quan hệ với bạn bè

truyền thống là Việt Nam và muốn thông qua Việt Nam, mở rộng quan hệ trên tất cả các lĩnh vực với các nước Đông Nam Á, là một bước phát triển mới trong quan hệ Nga - các nước ASEAN. Cũng giống như Trung Quốc và nhiều nước khác trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, nước Nga đã tham gia tích cực vào diễn đàn ARF, là thành viên đối thoại đầy đủ với ASEAN kể từ năm 1996. Trong những năm gần đây, đặc biệt là sau sự kiện 11-9-2001 tại Mỹ, nhiều nước thành viên ASEAN trở nên có quan hệ mật thiết hơn với Liên bang Nga trong việc mua sắm vũ khí, thiết bị quân sự. Mục tiêu của Nga là tranh thủ tối đa cơ hội tốt để mở rộng quan hệ với các nước ASEAN, kể cả bán vũ khí, nhằm phục vụ phát triển kinh tế trong nước.

Đối với Ấn Độ, ASEAN có vai trò không nhỏ trong việc thiết lập địa vị nước lớn ở châu Á, tranh đua với Trung Quốc. Những cải cách kinh tế tiến bộ diễn ra từ đầu thập niên 90 đã làm cho Ấn Độ trở thành một trong những nước có nhiều hứa hẹn. Đặc biệt là, trong việc chiếm lĩnh ưu thế nổi trội về phát triển công nghệ thông tin của thế giới đã làm cho quan hệ kinh tế Ấn Độ - ASEAN phát triển rất nhanh. Cộng đồng người Ấn Độ ở khu vực Đông Nam Á hưởng ứng tích cực vào xu hướng trên. Mục tiêu của Ấn Độ không chỉ riêng về phát triển kinh tế mà không kém quan trọng là giữ cho Đông Nam Á không rơi vào vòng ảnh hưởng độc tôn của một quốc gia nào.

Đối với Liên minh Châu Âu (EU) - một tập đoàn các quốc gia mạnh có quan hệ gắn bó lịch sử lâu đời đối với các nước Đông Nam Á, ngay từ năm 1972, EU đã lập quan hệ chính thức với ASEAN. Nước Anh muốn thông qua mối quan hệ truyền thống với Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po và Bru-nây để duy trì ảnh hưởng vốn có của mình ở khu vực. Nước Pháp muốn

thông qua Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia để từ đó củng cố và mở rộng ảnh hưởng ở khu vực rộng lớn châu Á - Thái Bình Dương nói chung, Đông Nam Á nói riêng. Từ khi Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM) ra đời năm 1996, ASEAN trở thành một trong những hạt nhân nòng cốt, đưa ra nhiều sáng kiến, mở rộng quan hệ giữa hai châu lục Á - Âu, hai tổ chức là ASEAN và EU.

Nói tóm lại, khu vực Đông Nam Á nói chung, tổ chức ASEAN nói riêng luôn có một vị trí quan trọng trong bàn cờ địa - chính trị thế giới, đặc biệt là ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương rộng lớn. Bước vào thập niên đầu thế kỷ XXI, tầm quan trọng của khu vực này cũng như tổ chức ASEAN không giảm đi mà đang được tăng lên bởi sự lớn mạnh không ngừng và khả năng phối hợp hành động và liên kết

ngày càng chặt chẽ hơn giữa các thành viên ASEAN ; bởi sự xuất hiện các đối thủ mới, tranh đua ngày càng quyết liệt giữa các nước lớn ở châu Á - Thái Bình Dương, đặc biệt là giữa Mỹ và Trung Quốc. Bởi vậy, tổ chức ASEAN có khả năng đóng vai trò cân bằng giữa các cực. Nếu tổ chức này đứng về một cực nào đó thì cán cân quyền lực có thể sẽ thay đổi. Việt Nam nằm ở nơi tiếp giáp, cầu nối trực tiếp cả phần đất liền và biển giữa Đông Nam Á và Trung Quốc, lại có bờ biển dài rộng, hướng ra biển Đông, nơi đang diễn ra tranh chấp chủ quyền của nhiều nước, lại là vị trí chiến lược hàng hải, hàng không quốc tế của thế giới nên có thể trở thành địa bàn trọng yếu của các cuộc tranh đua giành ưu thế ảnh hưởng ở Đông Nam Á. □

AI ĐÚNG, ...

(Tiếp theo trang 59)

Cũng đã trở thành nếp, mỗi tháng gia đình ông về thăm quê một lần. Mỗi lần như thế ông đều cảm thấy mình trẻ lại. Ông chìm đắm vào các kỷ niệm thời thơ ấu với những cây đa, giếng nước, sân đình. Còn các con ông thì coi đó hoàn toàn như một nghĩa vụ. Thứ ba, chuyện làm ông buồn nhất là khi ông cảm thấy cậu con cả hình như không tha thiết với việc xin gia nhập Đảng. Hai chuyện trên ông có thể cho qua bởi đúng như các cụ ta thường nói : “cha mẹ sinh con, trời sinh tính”. Ông tôn trọng tính cách và sở thích riêng của các

con. Và lại, ông cũng không cổ hủ đến mức việc gì cũng nhất nhất bắt các con phải làm theo ý mình. Nhưng cái chuyện cậu con cả không tha thiết với việc xin gia nhập Đảng thì ông không thể cho qua. Ông đã trao đổi, tranh luận và thuyết phục con nhiều lần nhưng vẫn không đạt kết quả. Thế là ông giận con và chìm đắm vào một nỗi buồn vô hạn.

Đối với những chuyện như của gia đình ông T hiện đang có hai loại quan điểm khác nhau. Không ít người bảo rằng đó là quy luật tất yếu của thời kinh tế thị trường. Và cái gì đã là tất yếu thì phải chấp nhận nó, chí ít cũng phải sống chung với

nó ; vì thế ông T cũng cần xem lại mình ; nếu không người ta sẽ cho ông là bảo thủ, là mang nặng tư tưởng phong kiến. Lại có rất nhiều ý kiến khác cho rằng, càng đi vào kinh tế thị trường càng phải giữ gìn và phát huy những truyền thống tốt đẹp của cả dân tộc nói chung và của từng địa phương, từng làng xã, từng gia đình nói riêng, bởi kinh tế thị trường và những truyền thống tốt đẹp không phải là hai đại lượng tỷ lệ nghịch.

Tôi chỉ nêu hiện tượng để bạn đọc tham khảo. Còn nhận định và kết luận về những hiện tượng đó như thế nào là quyền của mỗi người. Và ai đúng, ai sai thì thực tế sẽ có câu trả lời thỏa đáng. □



1957 - 2002
45

CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU SÁCH BÁO VIỆT NAM

Vietnam national corporation for the export and import of books, periodicals and other cultural commodities

CÔNG TY XNK SÁCH BÁO VIỆT NAM XUNHASABA
(Doanh nghiệp nhà nước thành lập từ 18/04/1957)

TRỤ SỞ:

#32 Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: 04 826 2989
Fax: 04 825 2860
E-mail: xunhasaba@hn.vnn.vn

CHI NHÁNH:

#25A Nguyễn Bình Khiêm, Q1,
Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 08 829 2900
Fax: 08 824 1321
E-mail: xunhasabahcmc@hcm.vnn.vn



Gian hàng XunhaSaba tại hội chợ triển lãm sách quốc tế Frankfurt - CHLB Đức



Sách báo Việt Nam đến với độc giả các nước châu Phi



Triển lãm sách Pháp tại XunhaSaba

* Văn phòng đại diện tại Mát-xcơ-va (LB Nga):

Moscow, Srednecondratievsky Preulok, 10-48.

* Chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực kinh doanh:

- Là đầu mối chính trong việc xuất khẩu sách báo phục vụ công tác thông tin đối ngoại của Đảng và Nhà nước;
 - Thường xuyên tham gia và tổ chức các gian hàng Việt Nam tại các hội chợ, triển lãm sách báo quốc tế lớn hằng năm;
 - Xuất khẩu uỷ thác các loại sách báo, VHP cho tất cả các tổ chức, cá nhân;
 - Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại sách báo, VHP nước ngoài vào Việt Nam phục vụ các đơn đặt hàng của các thư viện, trường đại học, cơ quan Đảng và Nhà nước, các tổ chức quốc tế tại Việt Nam, các doanh nghiệp và bạn đọc trong cả nước.
 - Hợp tác xuất bản với các nhà xuất bản và các tác giả trong và ngoài nước...
- ### * Các dịch vụ kinh doanh hỗ trợ, bổ sung:
- Quảng cáo trên cuốn "Lịch trình bay quốc tế"- Hợp đồng hợp tác với NetComm international (CH Pháp) cho các doanh nghiệp, khách hàng có nhu cầu quảng cáo;
 - Kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch.
 - Khách sạn Xunhasaba có 18 phòng, máy lạnh, đầy đủ tiện nghi, nằm tại trung tâm Thủ đô.

www.xunhasaba.com.vn

HÂN HẠNH CHÀO ĐÓN QUÝ KHÁCH ĐẾN VỚI XUNHASABA !



CÔNG TY THAN HOẠT TÍNH

TRÀ BẮC

TRA BAC ACTIVATED CARBON CO., LTD

Phường 4, Thị xã Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, VIỆT NAM

4th, Tra Vinh Town, Tra Vinh Province, VIETNAM

Tel: (84-74) 852523 - 854857 Fax: (84-74) 854857

E.mail: trabaco@hcm.vnn.vn



ỨNG DỤNG	MÔ TẢ	ĐẶC TÍNH
I- Xử lý khí:		
Mặt nạ phòng độc	Mặt nạ dùng trong công nghiệp, quân đội, dân dụng	Không rửa (không xử lý pH) Thích hợp cho hấp phụ các chất khí
Khử mùi	Khử mùi tủ lạnh, hấp phụ mùi để giày, máy... điều hoà, xe hơi....	Lọc và khử mùi khí và nhiều loại khí khác Tách hơi thủy ngân
Lọc khí	Lọc khí công nghiệp, công nghiệp thuốc lá, khí trong các nhà máy hạt nhân, lọc khí trong máy bay...	
II- Xử lý nước:		
Lọc nước cho sinh hoạt, các công trình dân dụng.	Lọc nước uống, công trình nước, vòi lọc nước, bể cá cảnh, lọc nước thải đô thị....	Hiệu quả lọc nước dân dụng cao. Làm giảm hàm lượng sắt và một số kim loại khác.
Lọc nước trong các ngành công nghiệp chế biến	Lọc nước cho ngành chế biến thủy hải sản, chế biến thực phẩm, lọc CO và Cl trong các nhà máy chế biến rượu, bia, nước khoáng, trong công nghiệp y dược, trong các phòng thí nghiệm, trong công nghiệp nước và xử lý nước thải	Làm giảm tạp chất tinh lọc. Làm giảm lượng alkaline, hạn chế sự tạo thành dung dịch màu độc hại. Hiệu quả tách thủy ngân trong nước thải.
III- Các ngành công nghiệp khác:		
Công nghiệp bán dẫn		Tách các chất như arsine và phosphine
Công nghiệp hóa chất	Trong công nghiệp bán dẫn	Tách halogen, hydrogen cyanide
Tinh lọc trong công nghiệp ma dược	Trong ngành hóa dầu	Tách hỗn hợp khí sulfur như mercaptan và nhôm sulfide.
Lọc vàng từ quặng	Trong ngành sản xuất sắt thép	Hấp phụ các chất có phân tử nhỏ hơn như acetaldehyde và homaldehyde qua phản ứng hoá học
Hạn chế sự bay hơi nhiên liệu động cơ xe		

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG I
CÔNG TY ĐƯỜNG 126

Địa chỉ: Khối 7 - Thị trấn Đông Anh - Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 04.8 840 717 Fax: 04.8 840 398



Bí thư Đảng uỷ - Giám đốc
Kỹ sư Trần Danh Nhiên

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Xây dựng công trình giao thông.
- Sản xuất cấu kiện bê - tông đúc sẵn.
- Xây dựng công trình công nghiệp.
- Xây dựng công trình dân dụng.
- Xây dựng công trình thuỷ lợi



TRỤ SỞ CÔNG TY

Công ty đường 126 là doanh nghiệp loại 1, tiền thân là công trường 114 Bắc Thái thành lập tháng 9 năm 1964, được thành lập lại theo Quyết định số 250/QĐ/TCCB - LD ngày 12/2/1993 của Bộ GTVT. Với đội ngũ kỹ sư và công nhân có nhiều kinh nghiệm cùng nhiều trang thiết bị hiện đại của Nga - Nhật - Hàn Quốc - Đức ... (gồm trạm bê - tông nhựa cán đong tự động của Nga, Hàn Quốc với công suất 104T/h, máy rải bê-tông nhựa hiện đại của Nhật - Đức với công suất 600T/h đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật tiên tiến của quy trình AASHTO). Công ty đã và đang thi công nhiều công trình trong và ngoài nước đạt chất lượng cao, như: công trình Bắc Thăng Long - Nội Bài, quốc lộ 1, nhà ga T1, đường băng sân bay quốc tế Nội Bài, sân bay Đà Nẵng, cảng Sải Gòn, đường 9 (Nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào) và nhiều công trình giao thông đường bộ khác.

CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN - THÁI NGUYÊN



- Địa chỉ: Phường Đồng Quang,

Thành phố Thái Nguyên

- Điện thoại: 0280 855 487 - 750 586

- Fax: 028 - 751 860

GIÁM ĐỐC CÔNG TY
KS. Phạm Mạnh Thắng

Tham gia đấu thầu trên các lĩnh vực tư vấn đầu tư xây dựng trong và ngoài nước

I/ Chức năng- Nhiệm vụ :

1/ Chức năng :

Chủ yếu là điều tra cơ bản, quy hoạch và tư vấn về công tác đầu tư xây dựng, cung cấp các thông tin, hồ sơ tài liệu phục vụ cho công tác đầu tư và phát triển của tỉnh trên lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản và phát triển nông thôn Thái Nguyên, đồng thời công ty thực hiện hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính và sản xuất kinh doanh thúc đẩy những quy định của Luật Doanh nghiệp.

2/ Nhiệm vụ chủ yếu của công ty :

- Thực hiện điều tra, khảo sát thu thập các tài liệu cơ bản, lập quy hoạch tổng thể, quy hoạch vùng dự án hoặc quy hoạch từng lĩnh vực thuộc các ngành: Nông, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản phục vụ cho công tác quản lý, đầu tư và phát triển kinh tế của tỉnh;
- Khảo sát địa hình, địa chất nền móng các công trình xây dựng, khảo sát phục vụ cho công tác tư vấn đầu tư xây dựng trên các lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản và phát triển nông thôn;
- Lập các dự án, thiết kế và lập dự toán các công trình xây dựng nông, lâm nghiệp, thủy lợi và các công trình phụ trợ thuộc các lĩnh vực trên;
- Hợp đồng tư vấn về giám sát chất lượng thi công công trình xây dựng và thực hiện chuyển giao công nghệ các công trình hoặc hạng mục công trình xây dựng.

II/ Năng lực của công ty :

1/ Năng lực :

- Về tổ chức :+ Lao động có 99 lao động,
 - + Phòng chức năng 03 phòng,
 - + Đơn vị sản xuất 10 tổ,
 - + Có 01 phòng thí nghiệm địa chất,
 - + Đội ngũ cán bộ trung cao có tuổi nghề bình quân 15 năm.

2/ Một số công trình trọng điểm đơn vị đã tư vấn :

- Hồ suối lạnh - Phổ Yên - Thái Nguyên (thưởng Huy chương Vàng chất lượng cao)
- Hồ Phú Xuyên - Đại Từ - Thái Nguyên.
- Chại Hồ - Quán Chè + Đập Suối - Võ Nhai - Thái Nguyên.
- Cấp nước sạch - huyện Na Rì - Bắc Kạn
- Cấp nước sạch - Thượng Nung - Võ Nhai - Thái Nguyên.
- Hệ thống kênh cấp II - Núi Cốc - Thái Nguyên.
- Trạm bơm tiêu cống tảo - Phổ Yên - Thái Nguyên.
- Khảo sát đường điện trung - cao thế - tỉnh Hòa Bình, Cao Bằng.
- Đã thực hiện một nghìn công trình lớn nhỏ thuộc các lĩnh vực : thủy lợi, giao thông, xây dựng cơ bản, điện, lâm nghiệp.

III/ Công tác xây dựng và phát triển Đảng :

- Chi bộ có tổng số : 25 đảng viên : Năm 2001, sau khi tổng kết công tác xây dựng Đảng, có 25/25 đảng viên đủ tư cách.
- Được Thành ủy Thái Nguyên công nhận : Chi bộ trong sạch, vững mạnh năm 2001, và Chi bộ trong sạch, vững mạnh 5 năm liên tục (1997 - 2001).
- Công tác phát triển Đảng : hoàn tất các thủ tục và đã kết nạp được 03 quần chúng vào Đảng (đầu năm 2002).



ĐL HCM

CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Tên giao dịch quốc tế: **HOCHIMINH CITY POWER COMPANY** (viết tắt HCMPC)
- Trụ sở: số 12 Nguyễn Thị Minh Khai - P. Đa Kao - Q1 - TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 8.292241 - 8.292242 - Fax: (84.8) 8.241616
- E.mail: hcmcpcc@hcm.vnn.vn

Giám đốc Công ty : Ông Lê Minh Hoàng



Công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh là một doanh nghiệp nhà nước, hạch toán độc lập, trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, được thành lập từ năm 1995 (thực chất có từ năm 1975 với tên gọi Sở Điện lực TP.HCM).

Công ty Điện lực TP.Hồ Chí Minh có trách nhiệm cung cấp điện năng cho tất cả các khách hàng trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại, nông nghiệp và thấp sáng sinh hoạt trên địa bàn thành phố với phương châm “đảm bảo chất lượng, ổn định và liên tục cho khách hàng”. Hiện số khách hàng của Công ty là 978201 (tháng 3/2002) và dự kiến sẽ đạt 1 000 000 khách hàng vào năm 2005.

Ngoài chức năng kinh doanh điện năng, Công ty còn có các chức năng khảo sát thiết kế lưới điện; thí nghiệm và sửa chữa thiết bị điện; xây lắp các công trình đường dây và trạm biến điện; quản lý các dự án đầu tư của ngành điện; xuất nhập khẩu trực tiếp các vật tư-thiết bị điện và các dịch vụ khác liên quan đến ngành điện.

Công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh có 19 đơn vị trực thuộc, gồm 11 điện lực khu vực và 08 đơn vị trực thuộc khác. Các đơn vị điện lực khu vực có nhiệm vụ kinh doanh điện năng, quản lý vận hành, sửa chữa cải tạo lưới điện phân phối và thực hiện các dịch vụ khác liên quan đến ngành điện trên địa bàn các quận, huyện trong thành phố.

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng sử dụng điện, kể từ ngày 01-12-2000, Công ty Điện lực TP. HCM chính thức uỷ quyền cho các đơn vị điện lực khu vực sau:

Ký hợp đồng thực hiện trọn gói đối với các công trình di dời, cải tạo và xây dựng mới đường dây trung hạ thế và trạm biến thế phân phối khách hàng, bao gồm:

- Khảo sát, lập phương án cấp điện hoặc lập báo cáo nghiên cứu khả thi (nếu có);
- Lập thiết kế kỹ thuật thi công và tổng dự toán;
- Thi công xây lắp và cung ứng vật tư thiết bị;
- Giám sát thi công và nghiệm thu đóng điện;
- Ký hợp đồng mua bán điện;

Khách hàng có thể liên hệ với các đơn vị điện lực khu vực để ký hợp đồng thuê mượn Robot đào đường, thi công xây lắp mạng điện nội bộ công nghiệp và dân dụng, bảo trì sửa chữa các hệ thống điện, thuê bao máy biến thế và các dịch vụ về điện khác.

Quý khách có các nhu cầu nêu trên, xin liên hệ với các đơn vị điện lực khu vực để được phục vụ với chất lượng tốt nhất.

XỔ SỐ KIẾN THIẾT TÂY NINH

Địa chỉ: 167 Đại lộ 30/4 Thị xã Tây NinhĐT: 822327 - 827536

Tài khoản: 948.00026 tại Kho bạc Nhà nước Tây Ninh

KÍNH CHÚC QUÝ ĐỒNG BÀO
THAM GIA XỔ SỐ KIẾN THIẾT
TỈNH TÂY NINH

May Mắn Và Hạnh Phúc



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG - YÊN BÁI



Giám đốc: Nguyễn Quý Đức



Trụ sở Công ty



Công ty cổ phần xây dựng giao thông tỉnh Yên Bái được chuyển từ doanh nghiệp nhà nước Công ty xây dựng giao thông theo Quyết định số 603/QĐ-UB ngày 12/11/2001 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Trụ sở giao dịch : 779 đường Lê Hồng Phong - Phường Nguyễn Thái Học - Thành phố Yên Bái - tỉnh Yên Bái.
- Điện thoại : 029 867 395 / Fax : 029 865 800.
- Vốn điều lệ : 10 970 200 000 đồng
- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:
 - + Xây dựng các công trình giao thông .
 - + Sản xuất vật liệu xây dựng.
 - + Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn.

Với đội ngũ cán bộ kỹ sư, công nhân kỹ thuật lành nghề và hệ thống các phương tiện máy móc thiết bị chuyên dùng tiên tiến, hiện đại, Công ty xây dựng nhiều công trình giao thông thuộc nguồn vốn của trung ương và địa phương đạt chất lượng cao, doanh thu hằng năm đạt trên 30 tỷ đồng./





CÔNG TY VẬN TẢI XĂNG DẦU VIỆT NAM TANKER COMPANY - VITCO

ĐỊA CHỈ: 12 LÊ DUẨN - QUẬN 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TEL: 84.8.8222675 - 8256457 - 8231824 - 8224729 - FAX: 84.8.8293848 - 8234623 - TELEX: 8 813 093 VITACO-VT



VITACO: VẬN TẢI XĂNG DẦU - ĐẠI LÝ TÀU BIỂN



CÔNG TY VẬN TẢI THỦY I WATERWAY TRANSPORT COMPANY No.1



Địa chỉ: 7B, đường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
Address: 7B Bạch Đằng Road, Hai Bà Trưng District, Hanoi
Tel: (84.4) 9716848 - 8211574 - 9715374 • Fax: (84.4) 8214217
Email: watranconot@hn.vn.vn

CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I - BỘ THƯƠNG MẠI

Vietnam National General Ex/Import Corp. - Ministry of Trade

Trụ sở chính: 46 Ngô Quyền - Hà Nội - Việt Nam

Tel: (84.4) 8262337-8264009 • Fax: (84.4) 8259894

Email: gxim@generalexim.com.vn



Các Chi nhánh:

Hải Phòng: 57 Điện Biên Phủ - TP Hải Phòng

Tel: 84.31.745835 - Fax: 84.31.745927.

Đà Nẵng: 191 Hoàng Diệu - TP Đà Nẵng.

Tel: 84.511.829923 - Fax: 84.511.824077.

TP Hồ Chí Minh: 26B Lê Quốc Hưng, Q4 - TP Hồ Chí Minh.

Tel: 84.8.9400211 - Fax: 84.4.9402214.

Lĩnh vực hoạt động chính:

- 1. Kinh doanh thương mại:** Xuất nhập khẩu tất cả các mặt hàng (trừ các mặt hàng do Nhà nước Việt Nam cấp phép đặc biệt).
- 2. Dịch vụ:**
Cho thuê kho bãi - dịch vụ giao nhận hàng hoá XNK tại các cảng chính của Việt Nam.
Cung ứng các dịch vụ thương mại: XNK uỷ thác, tạm nhập tái xuất, đổi hàng....
- 3. Sản xuất:**
* Xi nghiệp Gia công hàng May mặc Xuất khẩu:
Km 110 - QL5 HN-HP; ĐT: 84.31.825484 / Fax: 84.31.827097.
* Xi nghiệp chế biến quế và lâm sản XK:
Đình Xuyên Gia Lâm - Hà Nội; ĐT: 84.4.9347698 / Fax: 84.4.8249894.
- 4. Các hoạt động khác:**
Cổ đông lớn của Ngân hàng XNK Việt Nam (EXIMBANK).
Liên doanh cho thuê văn phòng tại 53 Quang Trung - Hà Nội.

Công ty chúng tôi mong muốn hợp tác và phục vụ các bạn hàng trong và ngoài nước trong các lĩnh vực nêu trên!

TRƯỜNG TRUNG HỌC THỦY SẢN IV

ĐỊA CHỈ: ĐÌNH BẢNG - TỪ SON - BẮC NINH * ĐIỆN THOẠI: (0241) 831632 - 831420 - 831419

HIỆU TRƯỞNG
NGÔ VĂN QUYẾT

PHẦN ĐẦU VÌ MỤC TIÊU CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

Được thành lập từ năm 1962, nằm trong hệ thống các trường trung học chuyên nghiệp Việt Nam, trường Trung học Thủy sản IV trực thuộc Bộ Thủy sản đã trải qua năm xây dựng và trưởng thành.

Là một trong ba trường trung học trực thuộc Bộ Thủy sản, mục tiêu chủ yếu của trường là đào tạo một đội ngũ cán bộ có trình độ kỹ thuật viên, cán bộ nghiệp vụ quản lý kinh tế và công nhân kỹ thuật có khả năng đáp ứng nguồn nhân lực cho các thành phần kinh tế, các đơn vị sản xuất kinh doanh trong và ngoài ngành thủy sản (kể cả các đơn vị và trung tâm nghiên cứu nuôi trồng thủy sản).

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 về giáo dục và Đào tạo, cùng các chủ trương, chính sách của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thủy sản, Trường đã tích cực đa dạng hóa các ngành đào tạo nghề đào tạo, cấp đào tạo và loại hình đào tạo:

- + bậc trung học chuyên nghiệp có 3 ngành đào tạo: chuyên ngành nuôi trồng thủy sản, ngành hạch toán kế toán, ngành kế toán tin, thời gian đào tạo 2 năm (đối với sinh tốt nghiệp THPT), thời gian đào tạo 3 năm (đối với học sinh tốt nghiệp THCS).

- + bậc công nhân kỹ thuật, có 2 chuyên ngành chính: chuyên ngành nuôi thủy sản nước ngọt và chuyên ngành nuôi thủy sản nước mặn, thời gian đào tạo từ ba tháng đến một năm.

Kết quả sau 40 năm xây dựng và trưởng thành, đến nay qua 44 khóa Trường đã đào tạo được 5.809 học sinh tốt nghiệp, 9 khóa học nhân kỹ thuật nuôi trồng thủy sản với 713 học sinh, đào tạo bồi dưỡng được hàng ngàn cán bộ công chức, viên chức cho ngành thủy sản.

Trên cơ sở thực hiện nhiệm vụ được giao, nhà trường đã vận dụng các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của ngành giáo dục đào tạo, thực hiện liên kết với các trường, cơ quan, địa phương, nhằm mở rộng quy mô đào tạo, đa dạng hóa các ngành đào tạo, các loại hình đào tạo. Bắt đầu từ năm 1993, Trường đã liên kết với trường Đại học Thủy sản Nha Trang mở các khóa đào tạo đại học hệ tại chức với ba chuyên ngành: ngành nuôi trồng thủy sản, ngành kinh tế thủy sản và ngành kế toán doanh nghiệp. Đến nay, Trường đã liên kết đào tạo được 7 khóa với 1166 học viên.

Song song với việc mở rộng quy mô đào tạo, Trường đặc biệt coi trọng nâng cao chất lượng cho đội ngũ cán bộ giáo viên về mọi mặt. Với tổng số 38 cán bộ giáo viên (trong đó có 6 giáo viên có trình độ thạc sĩ), hầu hết giáo viên đều được đi học tập bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước và nước ngoài, 100% giáo viên thường xuyên được đi thực tế theo chuyên môn sâu, học

tập ngoại ngữ, tin học, kiến thức quản lý hành chính Nhà nước, quản lý kinh tế.

Với chủ trương hội nhập quốc tế và khu vực của Đảng và Nhà nước, được sự giúp đỡ của Bộ Thủy sản, Trường Trung học Thủy sản IV đã thiết lập được mối quan hệ với một số trường, tổ chức quốc tế và khu vực như: Viện Công nghệ châu Á-Thái Lan, Viện MI-Canada, Hiệp hội các trường cao đẳng Bắc Đại Tây Dương, tổ chức CIDA-Canada nhằm thực hiện các dự án về nâng cao năng lực giảng dạy cho đội ngũ giáo viên, cũng như tăng cường cơ sở vật chất phục vụ đào tạo.

Với những thành tựu đã đạt được sau 40 năm xây dựng và trưởng thành, Trường đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba và hạng Hai. Nhà trường ba lần được nhận cờ luân lưu của Chính phủ, liên tục nhiều năm được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận là trường tiên tiến xuất sắc của ngành THCN. Đảng bộ nhà trường liên tục được công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

Tiếp tục phấn đấu vì mục tiêu chất lượng đào tạo, trong thời gian tới thấy và trò Trường Trung học Thủy sản IV đã đưa ra những vấn đề cơ bản cần phải thực hiện được:

- + Tiếp tục đổi mới mục tiêu nội dung chương trình đào tạo các cấp học, các ngành học theo chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhằm đáp ứng yêu cầu của người học và yêu cầu sử dụng lao động của các thành phần kinh tế hiện nay.

- + Mở rộng quy mô đào tạo bằng các hình thức mở rộng ngành nghề đào tạo, cấp đào tạo và loại hình đào tạo. Tiếp tục liên kết với các trường, địa phương và cơ quan để đa dạng hóa các cấp đào tạo, đồng thời xúc tiến chủ trương liên thông đào tạo trong các trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

- + Từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục trong nhà trường, bằng hình thức cử giáo viên, cán bộ đi đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, cũng như các chương trình quản lý nhà nước và quản lý kinh tế. Phần đầu đến năm 2005 Trường có 30%-40% giáo viên có trình độ trên đại học.

- + Tiếp tục tăng cường cơ sở vật chất theo chiều sâu: hệ thống các phòng thực hành môn học và hệ thống giáo trình tài liệu đối với tất cả các ngành, các cấp đào tạo, đặc biệt các cơ sở phục vụ thực hành, thực tập và rèn nghề cho học sinh ngành nuôi trồng thủy sản.

- + Xúc tiến lập dự án khả thi nâng cấp và mở rộng trường Trung học Thủy sản IV trong giai đoạn 2000-2010.



Hội nghị cán bộ chủ chốt của trường



Thực hành cho cá Sinh sản nhân tạo



Giờ học ngoại ngữ



Giờ học vi tính

BẾN XE KHÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Phường Quang Trung - TP Thái Nguyên

ĐT: 0280.851 543 - 855 586

Nhiệm vụ chính trị được giao

Dịch vụ phục vụ hành khách đi xe ô tô tại bến xe Thái Nguyên, gồm các công việc:

- * Bán vé cho hành khách đi xe các tuyến nội và ngoại tỉnh;
- * Điều hành xếp các luồng tuyến cho xe chở hành khách trong và ngoại tỉnh, kể cả xe quốc doanh và xe tư nhân;
- * Bảo vệ trật tự trong bến, đảm bảo an toàn cho hành khách và phương tiện vận tải;
- * Trông giữ xe khách đỗ qua đêm tại bến;
- * Lập các hợp đồng dịch vụ với các chủ phương tiện sắp xếp luồng tuyến, giờ giấc xuất bến cho các xe trong và ngoài tỉnh.

Từ năm 2000 được giao thêm công việc XD CB tiến hành mở rộng cải tạo bến, theo Quy chế quản lý đầu tư XD của Chính Phủ.



Bến xe hiện có 32 luồng liên tỉnh và 5 luồng nội tỉnh, có trên 200 lượt xe xuất bến mỗi ngày. Việc sắp xếp, điều độ, bán vé tốt; tổ chức cho xe vào bến, đón trả khách an toàn, thuận tiện, công bằng giữa các thành phần kinh tế. Giữ gìn tốt an ninh trật tự trong bến và khu vực, hạn chế thấp nhất nạn trộm cắp, móc túi, các tệ nạn xã hội. Công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường được quan tâm đúng mức. Mặc dù bến chật hẹp, vừa xây dựng vừa sản xuất, nhưng CNVC, các nhà thầu xây dựng chấp hành tốt kỷ luật lao động, nên trong năm đã bảo đảm tuyệt đối an toàn trong lao động, công tác vệ sinh môi trường tương đối tốt, hàng quán, sân bến sạch sẽ. Đơn vị đã thành lập Ban chỉ đạo xây dựng cơ quan văn hoá, do đồng chí Phó Bí thư chỉ bộ là Trưởng ban.

Công tác tăng thu cho bến được đặc biệt quan tâm, từ khâu tận thu các xe vào đón khách đến dịch vụ trong sân bến, thông qua hợp đồng kinh tế vừa bảo đảm nguyên tắc vừa tạo thuận lợi cho các đối tác. Công tác chi hết sức tiết kiệm theo Quy chế đã được hội nghị CNVC thông qua.

168B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



UNIV. OF MICH.

AUG 23 2002

CURRENT SERIALS

22
8 - 2002



Khuyến mại cước quốc tế

Chỉ còn **1 USD/phút** cho cuộc gọi từ 23h đến 7h sáng và Chủ nhật.

(Áp dụng từ 15/7/2002)

178

Mã số tiết kiệm của bạn



Tuyến mới mở trong tháng 8:

An Giang, Kiên Giang, Hà Tây, Hải Dương

Rất đơn giản! Chỉ cần bấm 178 trước cách gọi thông thường

CÁCH GỌI DỊCH VỤ ĐIỆN THOẠI 178 ĐI QUỐC TẾ:
178 + 00 + Mã nước + Mã vùng + Số thuê bao

CÁCH GỌI DỊCH VỤ ĐIỆN THOẠI TRONG NƯỚC:
178 + 0 + Mã vùng + Số thuê bao

- Hà Nội <-> Khánh Hòa - Hà Nội <-> Tp Hồ Chí Minh - Hà Nội <-> Bà Rịa - Vũng Tàu - Hà Nội <-> Bình Dương - Hà Nội <-> Đồng Nai - Hà Nội <-> Cần Thơ - Hà Nội <-> An Giang* - Hà Nội <-> Kiên Giang* - Tp Hồ Chí Minh <-> Quảng Ninh - Tp Hồ Chí Minh <-> Hải Phòng - Tp Hồ Chí Minh <-> Hà Tây* - Tp Hồ Chí Minh <-> Hải Dương* - Quảng Ninh <-> Bà Rịa - Vũng Tàu - Quảng Ninh <-> Đồng Nai - Quảng Ninh <-> Bình Dương - Quảng Ninh <-> Cần Thơ - Quảng Ninh <-> Khánh Hòa - Quảng Ninh <-> An Giang* - Quảng Ninh <-> Kiên Giang* - Hải Phòng <-> Khánh Hòa - Hải Phòng <-> Bà Rịa - Vũng Tàu - Hải Phòng <-> Đồng Nai - Hải Phòng <-> Bình Dương - Hải Phòng <-> Cần Thơ - Hải Phòng <-> An Giang* - Hải Phòng <-> Kiên Giang* - Bà Rịa - Vũng Tàu <-> Hà Tây* - Bà Rịa - Vũng Tàu <-> Hải Dương* - Đồng Nai <-> Hà Tây* - Đồng Nai <-> Hải Dương* - Cần Thơ <-> Hà Tây* - Cần Thơ <-> Hải Dương* - Khánh Hòa <-> Hà Tây* - Khánh Hòa <-> Bình Dương* - Hà Tây <-> Bình Dương* - Hà Tây <-> An Giang* - Hà Tây <-> Kiên Giang*	Giá - Rate 1818 VNĐ / phút (per min)
- Hà Nội <-> Đà Nẵng - Tp Hồ Chí Minh <-> Đà Nẵng - Tp Hồ Chí Minh <-> Khánh Hòa - Đà Nẵng <-> Quảng Ninh - Đà Nẵng <-> Hải Phòng - Đà Nẵng <-> Khánh Hòa - Đà Nẵng <-> Bà Rịa - Vũng Tàu - Đà Nẵng <-> Bình Dương - Đà Nẵng <-> Đồng Nai - Đà Nẵng <-> Cần Thơ - Đà Nẵng <-> Hải Dương* - Đà Nẵng <-> Hà Tây* - Đà Nẵng <-> An Giang* - Đà Nẵng <-> Kiên Giang* - Khánh Hòa <-> Bà Rịa - Vũng Tàu - Khánh Hòa <-> Bình Dương - Khánh Hòa <-> Cần Thơ - Khánh Hòa <-> An Giang* - Khánh Hòa <-> Kiên Giang*	Giá - Rate 1364 VNĐ / phút (per min)
- Hà Nội <-> Quảng Ninh - Hà Nội <-> Hải Phòng - Hà Nội <-> Hà Tây* - Hà Nội <-> Hải Dương* - Tp Hồ Chí Minh <-> Bà Rịa - Vũng Tàu - Tp Hồ Chí Minh <-> Bình Dương - Tp Hồ Chí Minh <-> Đồng Nai - Tp Hồ Chí Minh <-> Cần Thơ - Tp Hồ Chí Minh <-> An Giang* - Tp Hồ Chí Minh <-> Kiên Giang* - Quảng Ninh <-> Hải Phòng - Quảng Ninh <-> Hà Tây* - Quảng Ninh <-> Hải Dương* - Bà Rịa - Vũng Tàu <-> Đồng Nai - Bà Rịa - Vũng Tàu <-> Bình Dương - Bà Rịa - Vũng Tàu <-> Cần Thơ - Bà Rịa - Vũng Tàu <-> An Giang* - Bà Rịa - Vũng Tàu <-> Kiên Giang* - Bình Dương <-> Cần Thơ - Bình Dương <-> An Giang* - Bình Dương <-> Kiên Giang* - Đồng Nai <-> Bình Dương - Đồng Nai <-> Cần Thơ - Đồng Nai <-> An Giang* - Đồng Nai <-> Kiên Giang* - Cần Thơ <-> An Giang* - Cần Thơ <-> Kiên Giang - Khánh Hòa <-> Đồng Nai - Hà Tây <-> Hải Dương* - An Giang <-> Kiên Giang*	Giá - Rate 909 VNĐ / phút (per min)



THÁNG RA 3 KỶ

SỐ 651

22

8-2002

• BỘ BIÊN TẬP :

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : (04) 9 422 061
Fax : (04) 8 222 846

**• Cơ quan thường trú
tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,
Q. 3, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 225 768
Fax : (08) 8 231 664

• Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>
Email: bbttccs@hn.vnn.vn

• Phó Tổng Biên tập phụ trách :

TRẦN QUANG NHIẾP



Bìa 1 : Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XI, tại Hội trường Ba Đình, Hà Nội
Ảnh : Cao Việt Hòa

Tạp chí Cộng sản

**CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**

MỤC LỤC

CHÀO MỪNG KỲ HỌP THỨ NHẤT, QUỐC HỘI KHÓA XI

XÃ LUẬN - Quốc hội đầu thế kỷ	3
NÔNG ĐỨC MẠNH - Tăng cường vai trò và hiệu quả hoạt động của Quốc hội đáp ứng các yêu cầu của nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân	6
NGUYỄN VĂN AN - Diễn văn khai mạc Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XI	14

KỶ NIỆM 72 NĂM NGÀY TRUYỀN THỐNG CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG - VĂN HÓA CỦA ĐẢNG (1-8-1930 - 1-8-2002) VÀ TẠP CHÍ CỘNG SẢN RA SỐ ĐẦU (5-8-1930 - 5-8-2002)

*** 72 năm công tác tư tưởng - văn hóa của Đảng : truyền thống vẻ vang - phần thưởng cao quý - trọng trách lớn lao	17
NGUYỄN KHOA ĐIỂM - Tạp chí Cộng sản tiếp tục góp phần to lớn hơn nữa vào sự phát triển không ngừng công tác tư tưởng, lý luận của Đảng	23

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

ĐẶNG HỮU - Phát triển kinh tế tri thức, rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa	26
NGUYỄN MINH HIẾN - Ngành giáo dục - đào tạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) và triển khai Nghị quyết Đại hội IX	31

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

BÙI NGỌC THANH - Về hoàn thiện tổ chức và đổi mới nội dung hoạt động của các cơ quan chuyên môn của Quốc hội	36
LÊ XUÂN BÁ - Kinh tế tư nhân - bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế nước ta	41

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

PHẠM VĂN SINH - Công tác kiểm tra ở Đảng bộ huyện Quỳnh Phụ	46
TRẦN QUANG HẢI - Phú Tài - khu công nghiệp đầy tiềm năng của Bình Định	49

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

NAM DŨNG - Bảy cái "nhất" ở cơ sở	54
-----------------------------------	----

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

LÊ CÔNG PHỤNG - ASEAN trong hành trình 35 năm qua và chặng đường phía trước	55
---	----

QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI

VĂN QUANG - Quan hệ giữa cải cách quản lý hành chính và cơ chế thị trường	60
---	----

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

Kỳ họp Chính phủ, phiên thường kỳ - tháng 7 năm 2002	63
--	----

СОДЕРЖАНИЕ

ПЕРЕДОВАЯ: Национальное Собрание СРВ в начале века. **НÔNG ĐỨC MАНH:** Усиление роли и действительности Национального Собрания СРВ в целях удовлетворения требованиям работы по созданию социалистического правового государства народа, народом и за народ. **NGUYỄN VĂN AN:** Вступительное слово к открытию 1^{ой} сессии Национального Собрания XI^{ой} созыва. *** 72 лет культурно-идеологической работы: славная традиция – высокая награда – великая миссия. **NGUYỄN KHOA ĐIỂM:** Коммунистический журнал продолжает вносить наиболее большой вклад в непрерывное развитие партийной идеологической и теоретической работы. **ĐẶNG HỮU:** Развитие экономики знаний с целью сокращения пути к индустриализации и модернизации. **NGUYỄN MINH HIẾN:** Вся отрасль образования воплощает в жизнь Резолюцию II^{ой} Пленума Центрального Комитета КПВ (VIII^{ой} созыва) и развёртывает Резолюцию IX^{ой} Съезда КПВ. **BUI NGỌC THANH:** Об усовершенствовании организационной работы и обновлении действенной программы профессиональных органов Национального Собрания. **LÊ XUÂN BÀ:** Частная экономика – важная составная часть нашей экономики. **LÊ CÔNG PHỤNG:** АСЕАН в течение 35 прошедших лет и в дальнейшем пути.

CONTENTS

EDITORIAL: The National Assembly at the beginning of the century. **NÔNG ĐỨC MАНH:** To increase the role and efficiency of the National Assembly's activity, satisfying the demands of the task of building a socialist law-governed state of the people, by the people and for the people. **NGUYỄN VĂN AN:** Opening speech of the 1st session of the National Assembly XIth tenure. *** 72 years of the ideological – theoretical work of the Party: glorious traditions – noble rewards – great responsibility. **NGUYỄN KHOA ĐIỂM:** The Communist review should make continuous, greater contributions to the cause of unceasing development of the Party's ideological – theoretical work. **ĐẶNG HỮU:** To develop the economy of knowledge, to reduce the industrialization and modernization process. **NGUYỄN MINH HIẾN:** The education and training branch fulfilling the Resolution of the 2nd Plenum of CPV Central Committee (VIIIth tenure) and deploying the implementation of the Resolution of the IXth National Party Congress. **BUI NGỌC THANH:** Regarding perfection of organization and renovation of activity of the professional bodies within the National Assembly. **LÊ XUÂN BÀ:** Private economy – an important component of our country's economy. **LÊ CÔNG PHỤNG:** ASEAN in the 35 years' itinerary and the stage ahead.

SOMMAIRE

EDITORIAL: L'Assemblée nationale du début du siècle. **NÔNG ĐỨC MАНH:** Intensifier le rôle de l'Assemblée nationale et rehausser l'efficacité de ses activités afin de répondre aux exigences de la tâche d'édification d'un Etat de droit socialiste du peuple, par le peuple et pour le peuple. **NGUYỄN VĂN AN:** Allocution d'ouverture de la première session de l'Assemblée nationale de la XI^e législature. *** 72 années du travail idéologique et culturel du Parti: tradition glorieuse – récompense précieuse – grande responsabilité. **NGUYỄN KHOA ĐIỂM:** La Revue Communiste continue d'apporter une plus grande contribution au développement ininterrompu du travail idéologique et théorique du Parti. **ĐẶNG HỮU:** Développer l'économie du savoir, raccourcir le processus d'industrialisation et de modernisation. **NGUYỄN MINH HIẾN:** La branche de l'éducation et de la formation réalise la Résolution du 2^e Plénum du Comité central (issu du VIII^e Congrès) et met en œuvre la Résolution du IX^e Congrès national du Parti. **BUI NGỌC THANH:** Sur le perfectionnement de l'organisation et le renouvellement du contenu des activités des organes spécialisés de l'Assemblée nationale. **LÊ XUÂN BÀ:** L'économie privée – une partie constituante importante de notre économie nationale. **LÊ CÔNG PHỤNG:** L'ASEAN au cours de son parcours de 35 années et des années à venir.

SUMARIO

EDITORIAL: La Asamblea Nacional del comienzo del siglo. **NÔNG ĐỨC MАНH:** Intensificar el papel de la Asamblea Nacional y aumentar la eficacia de sus actividades a fin de responder a las exigencias de la tarea de edificación de un Estado de derecho socialista del pueblo, para el pueblo y por el pueblo. **NGUYỄN VĂN AN:** Allocución de abertura de la primera sesión de la Asamblea Nacional de la XI^a Legislatura. *** 72 años del trabajo ideológico-cultural del Partido: tradición gloriosa-recompensa preciosa – gran responsabilidad. **NGUYỄN KHOA ĐIỂM:** La Revista Comunista continua aportar una contribución más grande al desarrollo ininterrompido del trabajo ideológico y teórico del Partido. **ĐẶNG HỮU:** Desarrollar la economía intelectual, reducir el proceso de la industrialización y de modernización. **NGUYỄN MINH HIẾN:** La rama de educación y de formación realiza la Resolución del 2^{do} Pleno del Comité Central (VIII^o Congreso) y pone en obra la Resolución del IX^o Congreso Nacional del Partido. **BUI NGỌC THANH:** Sobre el perfeccionamiento de la organización y la renovación del contenido de las actividades de los organismos especializados de la Asamblea nacional. **LÊ XUÂN BÀ:** La economía privada – una parte integrante importante de la economía nacional. **LÊ CÔNG PHỤNG:** La ASEAN al curso de los 35 años transcurridos y los años venideros.

目录

社论—世纪之初的国会•农德孟:加强国会的作用及其活动效果,以满足建设民有、民治、民享的社会主义法制国家任务的各项要求•阮文安:国会第十一届第一次会议开幕词*** 72年来党的思想、文化工作:光辉传统—崇高奖赏—重大责任•阮科诤:《共产党杂志》继续对党的思想、理论工作的不断发展作出重大的贡献•邓友:发展知识经济、缩短工业化、现代化过程•阮明显:教育—培训部门实现越共八届二中全会第二号决议、并落实党第九届会议决议•裴玉清:有关国会各专门机构的完善组织及革新活动内容•黎春伯:私有经济—我国经济基础的重要构成部分•黎公奉:东盟35年来的行程及未来的前景。



QUỐC HỘI ĐẦU THẾ KỶ

Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XI, khai mạc trọng thể ngày 19-7-2002, tại Hà Nội. Quốc hội khóa XI là kết quả tốt đẹp của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội ngày 19-5 vừa qua. 498 đại biểu được bầu vào Quốc hội nhiệm kỳ mới, bao gồm mọi thành phần nhân dân, dân tộc, tôn giáo, nam nữ, nghề nghiệp, trong Đảng và ngoài Đảng, tiêu biểu cho khối đại đoàn kết toàn dân. Kết quả bầu cử thể hiện sự gắn bó và niềm tin của các tầng lớp nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, Mặt trận và đối với chế độ ta.

Quốc hội khóa XI là khóa Quốc hội đầu tiên của nước ta trong thế kỷ mới. Quốc hội khóa XI có nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong giai đoạn mới của sự phát triển đất nước, có vinh dự to lớn và trách nhiệm nặng nề trước vận mệnh của dân tộc ta trong những năm đầu thế kỷ XXI.

Kể từ khóa đầu tiên năm 1946 đến nay, trải qua hơn nửa thế kỷ hoạt động, với mười khóa liên tiếp, Quốc hội ta ngày càng trưởng thành, xứng đáng là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Năm năm qua (1997-2002), Quốc hội khóa X đã tiến hành sâu rộng các hoạt động lập pháp, giám sát và quyết định những vấn đề trọng đại của đất nước, góp phần quan trọng vào việc thể chế hóa Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng và đưa Nghị quyết vào cuộc sống, xây dựng Nhà nước ta trong sạch vững mạnh. Nhà nước ta đã có những cố gắng lớn trong việc nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý, điều hành, động viên cán bộ, nhân dân tham gia tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế, xã hội, giữ vững quốc phòng và an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại, thực hiện hội nhập quốc tế và xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ. Một trong những thành tựu đáng kể của Quốc hội khóa X là đã căn cứ vào Nghị quyết Đại hội IX của Đảng khẩn trương xúc tiến quy trình lập pháp, ra Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của

Hiến pháp năm 1992, Luật Tổ chức Quốc hội (sửa đổi) và một số luật khác về tổ chức bộ máy nhà nước, tạo khuôn khổ pháp lý cho việc tăng cường tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội và các cơ quan khác của Nhà nước trong tình hình mới.

Nhân dân nhiệt liệt hoan nghênh những thành tựu đó của Quốc hội khóa X và mong muốn rằng Quốc hội khóa XI sẽ tiếp tục phát huy tất cả những gì mà Quốc hội ta đã đạt được trong những năm qua, tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đại hội IX của Đảng đã chỉ rõ, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa phải theo đúng những quan điểm có tính nguyên tắc : Nhà nước ta là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật. Mọi cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, mọi công dân đều có nghĩa vụ chấp hành Hiến pháp và pháp luật. Việc cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước phải gắn liền với việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đổi mới phương thức, nội dung lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Đại hội yêu cầu tiến hành mạnh mẽ việc cải cách thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước, trước hết phải kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội ; xây dựng một nền hành chính nhà nước dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại hóa, tiếp tục cải cách tổ chức, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp. Một trong những nội dung trọng yếu của việc xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh là xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có năng lực và đạo đức, được đào tạo bồi dưỡng cơ bản, có hệ thống về đường lối, chính sách, pháp luật, về kiến thức và kỹ năng quản lý nhà nước. Đại hội đòi hỏi tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng trong bộ máy nhà nước và trong toàn bộ hệ thống chính trị, ở các cấp, các ngành, từ trung ương đến cơ sở ; gắn chống tham nhũng với chống lãng phí, quan liêu, buôn lậu, đặc biệt chống các hành vi lợi dụng chức quyền để làm giàu bất chính.

Là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, Quốc hội khóa XI không chỉ có nhiệm vụ đổi mới tổ chức và hoạt động của mình nhằm đáp ứng các yêu cầu của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân mà còn phải đóng vai trò quan trọng trong quá trình xây dựng Nhà nước đó.

Trước hết, cần đẩy mạnh hoạt động lập pháp và nâng cao hơn nữa chất lượng lập pháp. Để xây dựng được hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, cần có chương trình lập pháp dài hạn cho cả thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trên cơ sở đó

xây dựng chương trình lập pháp hằng năm và cả nhiệm kỳ. Việc làm luật phải tuân thủ một quy trình chặt chẽ, thu hút nhiều chủ thể tham gia, trong đó, cần xác định trách nhiệm và cách thức làm việc của các ban soạn thảo, đổi mới công tác lấy ý kiến đóng góp của nhân dân, của các chuyên gia ; thay đổi cách thức và nâng cao hiệu quả việc các đại biểu Quốc hội tham gia ý kiến và thông qua luật tại các kỳ họp Quốc hội, sao cho các dự án luật và pháp lệnh, khi đưa ra trình, đều cơ bản hoàn chỉnh, có chất lượng cao, nhất là về kỹ thuật lập pháp.

Hai là, đẩy mạnh hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát, nhất là giám sát của Quốc hội. Công tác giám sát tập trung vào những vấn đề bức xúc mà nhân dân đang quan tâm như sử dụng vốn và tài sản nhà nước, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, phòng chống tệ nạn xã hội. Đồng thời tăng cường giám sát việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, giám sát việc thực hiện Luật khiếu nại, tố cáo của công dân và các cử tri. Hoàn thiện việc giám sát của Quốc hội tại các kỳ họp và ngoài các kỳ họp ; nghe và đánh giá công khai, khách quan các báo cáo của Chính phủ và các cơ quan tư pháp ; trả lời của các thành viên Chính phủ đối với các chất vấn của cử tri và của đại biểu Quốc hội ; thực hiện quyền giám sát tối cao của Quốc hội thông qua quyền bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn.

Ba là, phấn đấu để Quốc hội và các đại biểu Quốc hội, trên cơ sở được cung cấp thông tin một cách đầy đủ, phát huy trí tuệ, đầu tư công sức, thảo luận dân chủ, tìm ra phương án tối ưu để quyết định một cách thực chất hơn nữa các vấn đề về kế hoạch và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước, các chương trình quốc gia, các dự án đầu tư lớn, các vấn đề về tổ chức bộ máy và nhân sự nhà nước cũng như các vấn đề quan trọng khác.

Tại kỳ họp đầu tiên trọng thể này, Quốc hội khóa XI sẽ bầu và phê chuẩn các chức danh quan trọng nhất của Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ, bảo đảm cho những nhà lãnh đạo của Nhà nước ta thật sự là những người tiêu biểu về năng lực và phẩm chất, đủ sức gánh vác những trọng trách mà nhân dân giao phó, xứng đáng với lòng tin cậy và sự mong đợi của các tầng lớp nhân dân.

Sự mở đầu tốt đẹp sẽ tạo ra nhiều thuận lợi cho hoạt động của cả một nhiệm kỳ. Vì một sự mở đầu như vậy, xin chúc Kỳ họp thứ Nhất của Quốc hội khóa XI thành công rực rỡ. Xin chúc Quốc hội ta, với chức năng cao cả của mình, hoàn thành một cách xuất sắc những nhiệm vụ đề ra, góp phần đưa đất nước và nhân dân ta tiến lên theo phương hướng mà Đại hội IX của Đảng đã đề ra : "Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa".

TĂNG CƯỜNG VAI TRÒ VÀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỐC HỘI ĐÁP ỨNG CÁC YÊU CẦU CỦA NHIỆM VỤ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN

***(Bài phát biểu của Tổng Bí thư **NÔNG ĐỨC MẠNH**,
tại phiên khai mạc Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XI)***

Thưa các vị đại biểu Quốc hội khóa XI,

Thưa các vị khách quốc tế,

Thưa các đồng chí và các bạn,

CUỘC bầu cử đại biểu Quốc hội ngày 19-5 vừa qua đã thành công tốt đẹp. Với tỷ lệ số cử tri đi bỏ phiếu cao nhất từ trước đến nay (99,73%), cuộc bầu cử đã lựa chọn bầu 498 đại biểu vào Quốc hội nhiệm kỳ mới, bao gồm mọi thành phần nhân dân, dân tộc, tôn giáo, nam nữ, nghề nghiệp, trong Đảng và ngoài Đảng, tiêu biểu cho khối đại đoàn kết toàn dân. Kết quả bầu cử cho thấy ý thức chính trị, trách nhiệm công dân, trình độ dân trí và sinh hoạt dân chủ của các tầng lớp nhân dân ta đã được nâng lên một bước mới. Kết quả đó thể hiện sự gắn bó và niềm tin của các tầng lớp nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, Mặt trận và đối với chế độ ta, chúng tôi nhân dân ta rất tin tưởng ở Quốc hội, đánh giá cao vai trò của Quốc hội và mong đợi rất nhiều ở Quốc hội.

Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, tôi xin nhiệt liệt chúc mừng thắng lợi to lớn của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI, nhiệt liệt chúc mừng các vị đại biểu vừa được bầu và tin tưởng sâu sắc rằng các vị sẽ gánh vác một cách xứng đáng trọng trách của mình trước nhân dân.

Thưa các vị đại biểu Quốc hội,

Quốc hội khóa XI là khóa Quốc hội đầu tiên của nước ta trong thế kỷ mới. Quốc hội khóa XI có nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong giai đoạn phát triển mới của đất nước, vừa có vinh dự to lớn, vừa có trách nhiệm nặng nề trước vận mệnh của dân tộc ta trong những năm đầu thế kỷ XXI.

Vào thời điểm có ý nghĩa lịch sử này, chúng ta hãy cùng nhau nhìn lại tình hình đất nước hơn một năm sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Để đưa dân tộc ta vững bước tiến lên trong thế kỷ mới, Đại hội IX của Đảng đã

đề ra phương hướng cơ bản là : *"Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa"*. Trên cơ sở phân tích bối cảnh mới của thế giới và khu vực, thế và lực của đất nước sau những năm đổi mới, Đại hội khẳng định rằng, trước mắt nhân dân ta có cả cơ hội lớn và thách thức lớn.

Sự phát triển của đất nước ta hơn một năm qua đã diễn ra trong sự đan xen giữa cơ hội và thách thức, giữa thuận lợi và khó khăn, giữa thời cơ và nguy cơ, có lúc, có nơi khó khăn nhiều hơn thuận lợi. Trên thế giới, sau sự kiện 11-9-2001 ở Mỹ, tình hình diễn biến càng phức tạp, nhiều bất trắc, gây tác động bất lợi đến kinh tế, chính trị và an ninh đối với nhiều nước. Trong nước ta, thiên tai dồn dập xảy ra, nhiều khó khăn mới về kinh tế, xã hội nảy sinh, nhất là những khó khăn về thị trường, giá cả, xuất khẩu, đầu tư nước ngoài, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội... Mặc dù vậy, nét nổi bật của tình hình vẫn là những nỗ lực phấn đấu của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta nhằm đưa Nghị quyết Đại hội IX của Đảng vào cuộc sống. Ban Chấp hành Trung ương Đảng, qua các kỳ hội nghị lần thứ hai, ba, bốn, năm và sáu, đã lần lượt cụ thể hóa nhiều nội dung trọng yếu của Nghị quyết Đại hội, từ phát triển kinh tế - xã hội đến văn hóa, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị... Nhà nước ta đã có nhiều cố gắng thể chế hóa các nghị quyết của Đảng, tiếp tục đổi mới quản lý và điều hành, cải cách hành chính, đóng góp quan trọng vào việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng và đối ngoại... Nhân dân ta tin tưởng ở Đảng và Nhà nước,

và vì cuộc sống của chính mình, đã đẩy mạnh các hoạt động lao động sản xuất và xây dựng, nâng cao dân trí, xóa đói, giảm nghèo, cải thiện đời sống. Chúng ta tiếp tục tạo được nhiều chuyển biến mới tích cực, làm đậm nét thêm những thành tựu đã giành được. Năm 2001 và 6 tháng đầu năm 2002, tuy một số chỉ tiêu về kinh tế - xã hội không đạt mức dự kiến, một số mặt công tác còn yếu kém, nhưng nhìn chung, kinh tế tiếp tục tăng trưởng, tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định, quốc phòng và an ninh được giữ vững, quan hệ đối ngoại tiếp tục mở rộng, hội nhập kinh tế quốc tế và xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc có những mặt tiến bộ.

Chúng ta rất vui mừng về những tiến bộ mới đó. Chúng ta ghi nhận rằng : *"Phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, vượt qua thách thức, giành thắng lợi ngày càng lớn"*, đó là tinh thần cách mạng, là trí tuệ và phẩm chất cao quý, cũng là phong cách hành động đúng đắn của chúng ta.

Thưa các vị đại biểu Quốc hội,

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng là một nhiệm vụ cơ bản lâu dài, có tính chiến lược trong quá trình thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010. Điều đó không chỉ khẳng định quyết tâm chính trị của Đảng ta trong việc đẩy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế mà còn đánh dấu một giai đoạn phát triển mới của sự nghiệp xây dựng nhà nước kiểu mới - nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Sự nghiệp xây dựng Nhà nước ta từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến nay luôn luôn gắn liền với ý tưởng về nhà nước pháp quyền. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: "Nhà nước ta là nhà nước dân chủ, bao nhiêu lợi ích là vì dân, bao nhiêu quyền lực đều là của dân, chính quyền từ xã đến trung ương đều do dân cử". Các bản Hiến pháp năm 1946, 1959, 1980, 1992 đều thể hiện mục tiêu xây dựng một chế độ nhà nước dân chủ với nguyên tắc nhất quán "toàn bộ quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân". Ngày nay, với mục tiêu chung xây dựng đất nước "độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", chúng ta càng phải ra sức đẩy mạnh nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Tại diễn đàn Quốc hội các khóa IX và X, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã có dịp trình bày những quan điểm cơ bản, phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp lớn để xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh. Lần này, tôi xin trình bày một cách vắn tắt những nhiệm vụ bức bách nhất về xây dựng Nhà nước mà Đại hội IX của Đảng xác định.

Trước hết, đó là xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng theo các quan điểm có tính nguyên tắc: Nhà nước ta là nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp, hoàn toàn không có sự phân lập giữa các quyền đó. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật. Mọi cơ quan, tổ chức,

cán bộ, công chức, mọi công dân đều có nghĩa vụ chấp hành Hiến pháp và pháp luật. Việc cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước phải gắn liền với việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Hai là, tiến hành mạnh mẽ việc cải cách thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước.

Quốc hội là cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất. Phải kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội, trọng tâm là tăng cường công tác lập pháp, làm tốt chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, thực hiện có hiệu quả quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước.

Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất. Phải xây dựng một nền hành chính nhà nước dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại hóa. Điều chỉnh chức năng và cải tiến phương thức hoạt động của Chính phủ theo hướng thống nhất quản lý vĩ mô việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong cả nước bằng hệ thống pháp luật, chính sách hoàn chỉnh, đồng bộ. Định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ theo hướng bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực trên phạm vi toàn quốc, cung cấp dịch vụ công. Đồng thời thực hiện việc phân công, phân cấp, nâng cao tính chủ động của chính quyền địa phương, kết hợp chặt chẽ quản lý ngành và quản lý lãnh thổ, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ.

Tòa án Nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao là những cơ quan cao nhất về tư pháp. Phải cải cách tổ chức,

nâng cao chất lượng và hoạt động của các cơ quan tư pháp, nâng cao tinh thần trách nhiệm, phẩm chất và năng lực của các cơ quan và cán bộ tư pháp. Viện kiểm sát nhân dân thực hiện tốt chức năng công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Hệ thống tòa án nhân dân được sắp xếp lại và phân định hợp lý thẩm quyền của tòa án các cấp. Tổ chức lại cơ quan điều tra và cơ quan thi hành án theo hướng gọn đầu mối.

Coi việc phát huy dân chủ, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường pháp chế là một nội dung rất quan trọng trong việc xây dựng Nhà nước, Đại hội IX của Đảng yêu cầu phải nâng cao chất lượng nền dân chủ đại diện, thông qua cơ quan dân cử các cấp, đồng thời thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, mở rộng dân chủ trực tiếp ở cơ sở.

Đại hội cũng nêu lên những yêu cầu nghiêm ngặt về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực và đạo đức, một đội ngũ được đào tạo, bồi dưỡng cơ bản, có hệ thống về đường lối, chính sách, pháp luật, về kiến thức và kỹ năng quản lý nhà nước, được sắp xếp theo đúng chức danh, tiêu chuẩn, được định kỳ kiểm tra và đánh giá chất lượng.

Đại hội IX đặc biệt nhấn mạnh nhiệm vụ đấu tranh chống tham nhũng, đòi hỏi cuộc đấu tranh này phải được đẩy mạnh trong bộ máy nhà nước và toàn bộ hệ thống chính trị, ở các cấp, các ngành từ trung ương đến cơ sở; gắn đấu tranh chống tham nhũng với chống lãng phí, quan liêu, buôn lậu, đặc biệt chống các hành vi lợi dụng chức quyền để làm giàu bất chính.

Nhằm thực hiện những nhiệm vụ xây dựng Nhà nước do Đại hội IX xác định, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đề nghị và Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 10 đã

thông qua Nghị quyết về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992, Luật Tổ chức Quốc hội và một số luật khác về tổ chức bộ máy Nhà nước ta, tạo ra một khuôn khổ pháp lý quan trọng cho công tác và hoạt động của Quốc hội và các cơ quan nhà nước trong thời kỳ mới.

Cũng để góp phần thực hiện những nhiệm vụ xây dựng Nhà nước, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) đã ra Nghị quyết về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở, xã, phường, thị trấn, tạo ra cho hệ thống chính trị ở cơ sở những khả năng mới trong việc hoàn thành nhiệm vụ, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và quyền làm chủ của nhân dân được thực hiện một cách đầy đủ ở cơ sở.

Mới đây, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thông qua việc kiểm điểm công tác tổ chức và cán bộ theo ba nghị quyết của Trung ương khóa VII và khóa VIII, một lần nữa khẳng định rằng mục tiêu và nhiệm vụ của công tác tổ chức, cán bộ trong thời gian tới là xác định đồng bộ cả việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, nâng cao năng lực quản lý và điều hành của Nhà nước và vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, đồng thời có bước chuẩn bị cho Đại hội X và những năm tiếp theo.

Liên quan đến cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, một trong những nguy cơ có quan hệ đến sự mất còn của chế độ ta, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã đưa ra nhiều biện pháp cụ thể có tính khả thi nhằm

đẩy mạnh cuộc đấu tranh này. Ban Chấp hành Trung ương đã nêu lên tính bức bách phải giải quyết, xử lý những vụ nổi cộm, bức xúc, những vụ việc đã rõ ; cần xử lý nghiêm minh, kiên quyết những người vi phạm pháp luật, đặc biệt những người phạm tội, bất kể người đó là ai, giữ cương vị công tác nào ; không ai được có các hành vi can thiệp vào quá trình điều tra, xét xử, làm sai lệch các vụ án, gây oan sai hoặc để lọt người, lọt tội. Tại Hội nghị lần thứ sáu, Trung ương quyết định thông qua các hoạt động thực tiễn, nhất là qua các vụ án và các vụ kỷ luật trong Đảng và cơ quan nhà nước thời gian gần đây, mà soát xét lại các khâu đánh giá, bồi dưỡng, lựa chọn, đề bạt và quản lý cán bộ.

Tư tưởng chỉ đạo, cũng là quyết tâm của Trung ương là sẽ làm tất cả những gì cần thiết để tăng cường bản chất nhân dân, tính pháp quyền, tính hiệu lực và hiệu quả của Nhà nước ta. Chúng ta sẽ không làm và không chấp nhận bất cứ việc làm nào có thể làm suy giảm bản chất cách mạng, làm tổn hại đến uy tín, sự trong sạch và vững mạnh của Nhà nước ta. Chúng ta xây dựng cho mình phong cách nói đi đôi với làm, đã nói là làm và đã làm thì phải làm đến nơi đến chốn, làm tốt, làm có hiệu quả. Kiên quyết khắc phục tình trạng nói mà không làm, nói nhiều làm ít hoặc nói một đằng làm một nẻo.

Nhà nước ta là Nhà nước của nhân dân, Nhà nước của khối đại đoàn kết toàn dân, Nhà nước của cộng đồng các dân tộc anh em cùng sống chung trong Tổ quốc Việt Nam, Nhà nước mà mỗi công dân đều có quyền và nghĩa vụ làm chủ, không phân biệt nam nữ, dân tộc, tôn giáo. Nhà nước ta thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại

độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế, sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển. Chúng ta làm hết sức mình để xây dựng Nhà nước ta, để mọi người Việt Nam, mọi công dân Việt Nam đều phát huy được quyền làm chủ của mình, đóng góp tài năng và sức lực của mình vào việc xây dựng đất nước, được sống bình đẳng và hạnh phúc, sống trong sự tôn trọng Hiến pháp, pháp luật và được pháp luật bảo vệ, sống trong hòa bình, hữu nghị với các dân tộc trên thế giới. Chúng ta bác bỏ mọi luận điệu của các thế lực thù địch xuyên tạc về dân chủ và nhân quyền ở nước ta, mọi hành vi nhân danh dân chủ và nhân quyền, lợi dụng các vấn đề dân tộc và tôn giáo để can thiệp vào công việc nội bộ của chúng ta, để phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc và cản trở chúng ta mở rộng dân chủ, tăng cường pháp chế, bảo đảm tính thống nhất của nhà nước.

Thưa các vị đại biểu Quốc hội,

Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội không chỉ có nhiệm vụ đổi mới tổ chức và hoạt động của mình nhằm đáp ứng các yêu cầu của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân mà còn phải đóng vai trò quan trọng trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Căn cứ vào hoạt động thực tiễn của Quốc hội nhiều năm qua và theo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992, Luật Tổ chức Quốc hội, tôi đề nghị trong thời gian tới, Quốc hội

khóa XI tập trung sức làm tốt việc nâng cao chất lượng, hiệu lực và hiệu quả hoạt động của mình.

Về hoạt động lập pháp,

Trong 15 năm qua, trải qua ba khóa VIII, IX và X, là những khóa của thời kỳ đổi mới, Quốc hội đã ban hành Hiến pháp 1992 và ra Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp này ; Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội cũng đã ban hành hàng trăm đạo luật, pháp lệnh, trong đó có những bộ luật lớn như Bộ luật dân sự, Bộ luật hình sự, Bộ luật lao động. Hệ thống pháp luật ấy đã điều chỉnh hầu hết các lĩnh vực của đời sống nhà nước và xã hội từ chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng đến văn hóa, khoa học và công nghệ, giao lưu dân sự... góp phần rất quan trọng vào sự phát triển ổn định đất nước theo đường lối đổi mới của Đảng. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật của nước ta nhìn chung vẫn chưa hoàn thiện, đồng bộ ; chất lượng và hiệu quả chưa cao, chưa thật sát với cuộc sống, chưa đáp ứng tốt yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chưa phản ánh được đầy đủ ý chí và nguyện vọng của nhân dân. Nhiều quy định của luật còn thiếu cụ thể, muốn đưa vào cuộc sống, phải chờ đợi ban hành nhiều văn bản dưới luật.

Để xây dựng được hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, có chất lượng và hiệu quả cao hơn, cần có chương trình lập pháp dài hạn cho cả thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trên cơ sở đó, xây dựng chương trình kế hoạch lập pháp, hàng năm và cả nhiệm kỳ phải đổi mới hơn nữa quy trình lập pháp sao cho việc xây dựng luật từ nay phải tuân thủ một quy trình chặt chẽ,

bao gồm nhiều công đoạn với nhiều chủ thể tham gia, xác định trách nhiệm và cách thức làm việc của các ban soạn thảo, đổi mới công tác lấy ý kiến đóng góp của nhân dân, của các chuyên gia ; quy định lại quy trình tham gia ý kiến của các đại biểu Quốc hội ; thay đổi cách thức và nâng cao hiệu quả của việc thông qua luật tại các kỳ họp Quốc hội, để các dự án luật và pháp lệnh khi đưa trình ra Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội cơ bản đã được hoàn chỉnh với chất lượng cao, nhất là về kỹ thuật lập pháp. Việc ban hành luật là quan trọng, song điều quan trọng hơn là giải thích, hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục và thực thi pháp luật.

Cần thấy rằng, vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền phụ thuộc rất lớn vào việc xây dựng pháp luật và thi hành pháp luật mà nội dung trung tâm là hoạt động làm luật của Quốc hội. Quyền lực của Quốc hội được kết tinh trong các quy định của luật. Do vậy, có thể nói, quyền lực thực tế của Quốc hội được đo bằng hiệu lực thực tế của các đạo luật trong thực tiễn. Xin các vị đại biểu Quốc hội hết sức quan tâm vấn đề này.

Về công tác giám sát,

Nhà nước pháp quyền đòi hỏi một cơ chế kiểm tra, giám sát thật sự mạnh mẽ và có hiệu quả đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước.

Thời gian qua, Quốc hội các khóa, nhất là Quốc hội khóa X, đã có nhiều cố gắng thực hiện chức năng giám sát. Các hình thức, phương pháp giám sát được triển khai đã đưa lại kết quả, góp phần vào việc thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu của công cuộc đổi mới, tăng cường hiệu quả hoạt động

của bộ máy nhà nước, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, hoạt động giám sát của Quốc hội, của các cơ quan Quốc hội, của các đại biểu Quốc hội vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao sức mạnh của Nhà nước, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế. Hiến pháp, luật pháp vẫn chưa được thực hiện một cách nghiêm minh; kỷ cương nhà nước, pháp chế vẫn chưa được củng cố vững chắc. Các hiện tượng tiêu cực trong hoạt động nhà nước như vô trách nhiệm, quan liêu, tham nhũng, lãng phí, không tôn trọng kỷ cương, kỷ luật vẫn chưa được đẩy lùi, niềm tin của nhân dân vào Nhà nước, vào công lý vẫn có nguy cơ suy giảm.

Tôi đề nghị Quốc hội khóa XI đặc biệt lưu ý đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, nhất là giám sát của Quốc hội. Cần khẩn trương xây dựng hoàn chỉnh đạo luật về giám sát của Quốc hội để có thể sớm được ban hành.

Công tác giám sát cần tập trung vào những vấn đề bức xúc mà nhân dân đang quan tâm và kỳ vọng ở Quốc hội. Đồng thời, cần tăng cường giám sát việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, giám sát việc thực hiện Luật khiếu nại, tố cáo của công dân và các kiến nghị của cử tri. Phải hoàn thiện các hình thức giám sát của Quốc hội tại các kỳ họp và ngoài các kỳ họp, nghe và đánh giá công khai các báo cáo của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, trả lời của các thành viên Chính phủ đối với các chất vấn của cử tri và của đại biểu Quốc hội; thực hiện quyền giám sát của Quốc hội thông qua quyền bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức vụ do Quốc hội bầu

hoặc phê chuẩn, không để có chỗ đứng cho những ai kém tài, kém đức. Chúng ta phải tăng cường hơn nữa sự gắn kết giữa giám sát của Quốc hội và giám sát của nhân dân, lắng nghe tiếng nói của công luận.

Về chức năng quyết định những vấn đề trọng đại của đất nước.

Những vấn đề trọng đại mà Quốc hội có chức năng quyết định đã được ghi trong Hiến pháp và Luật tổ chức Quốc hội. Nhưng để thực hiện được, Quốc hội không chỉ có quyền mà còn phải có đủ những điều kiện thực tế và pháp lý cần thiết. Nếu Quốc hội không được thông tin đầy đủ về những vấn đề cần quyết định, về những phương án và các loại ý kiến khác nhau, nếu đại biểu Quốc hội không đủ trình độ và năng lực phân tích, đánh giá thì việc đưa ra những quyết định có khi chỉ là hình thức, chỉ là một thủ tục pháp lý đơn thuần. Chúng ta phải phấn đấu để Quốc hội và các đại biểu Quốc hội, trên cơ sở những nguồn thông tin đầy đủ, phát huy trí tuệ, đầu tư công sức, thảo luận dân chủ, tìm ra phương án tối ưu, quyết định một cách thực chất hơn các vấn đề về kế hoạch và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước, các chương trình quốc gia, các dự án đầu tư lớn, các vấn đề về tổ chức bộ máy và nhân sự nhà nước cũng như các vấn đề quan trọng khác.

Tôi muốn nhấn mạnh một lần nữa rằng việc nâng cao chất lượng, hiệu lực và hiệu quả hoạt động của Quốc hội nhất thiết phải gắn liền với việc nâng cao chất lượng, hiệu lực và hiệu quả quản lý, điều hành của Chính phủ, chất lượng, hiệu lực và hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp, như Đại hội IX của Đảng đã yêu cầu.

Thưa các vị đại biểu Quốc hội,

Đề Quốc hội thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, cần kiện toàn tổ chức của Quốc hội, đồng thời có chương trình kế hoạch đổi mới hoạt động của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội và của đại biểu Quốc hội, nhất là các hoạt động khảo sát thực tiễn, tiếp xúc với cử tri, với nhân dân, thu thập và phân tích thông tin để có cơ sở quyết định chính xác.

Theo Luật Tổ chức Quốc hội hiện hành, nhiệm kỳ Quốc hội khóa XI sẽ có ít nhất 25% số đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách. Đây là một bước tiến mới nhằm tăng cường chất lượng, hiệu lực và hiệu quả hoạt động của Quốc hội trong thời gian tới. Vì thế, cần quan tâm bố trí, sắp xếp hợp lý, khoa học, đủ số lượng đại biểu hoạt động chuyên trách ở các đoàn và các cơ quan của Quốc hội, tạo ra một số thay đổi về chất trong tổ chức và hoạt động của các đoàn và các cơ quan Quốc hội.

Đại biểu Quốc hội là người đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân, không chỉ đại diện cho nhân dân ở đơn vị bầu cử ra mình mà còn đại diện cho nhân dân cả nước; là người thay mặt nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước trong Quốc hội. Mỗi đại biểu Quốc hội dù ở cương vị công tác nào cũng phải đề cao trách nhiệm của đại biểu nhân dân, liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của cử tri, thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, kiến nghị của cử tri với Quốc hội và cơ quan nhà nước hữu quan. Đại biểu Quốc hội phải nêu cao phẩm chất đạo đức, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật, kiên quyết đấu tranh chống mọi

biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng và các hành vi vi phạm pháp luật.

Tại kỳ họp đầu tiên này của Quốc hội khóa XI, các đại biểu Quốc hội có trọng trách bầu Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch nước, các Phó Chủ tịch Quốc hội, các Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao, các chức danh của các cơ quan của Quốc hội. Quốc hội sẽ phê chuẩn đề nghị của Chủ tịch nước về thành lập Hội đồng Quốc phòng An ninh và theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, sẽ phê chuẩn việc bổ nhiệm các Phó Thủ tướng, các bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ.

Mong các vị đại biểu Quốc hội đề cao trách nhiệm trước nhân dân, sáng suốt lựa chọn và quyết định.

Thưa các vị đại biểu Quốc hội,

Đảng Cộng sản Việt Nam, với chức năng lãnh đạo toàn xã hội, theo trách nhiệm và quyền hạn do Hiến pháp quy định, đã, đang và sẽ tiếp tục chăm lo xây dựng Nhà nước và Quốc hội ta thật sự của dân, do dân và vì dân, hoạt động có hiệu lực và hiệu quả. Ban Chấp hành Trung ương Đảng tin tưởng sâu sắc rằng, phát huy những thắng lợi qua hơn 16 năm đổi mới, dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng và các nghị quyết tiếp theo của Trung ương Đảng, Quốc hội khóa XI sẽ tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết nhất trí, ra sức phấn đấu làm tròn nhiệm vụ vẻ vang mà nhân dân giao phó trong thời kỳ mới.

Chúc Kỳ họp thứ Nhất của Quốc hội khóa XI thành công tốt đẹp. □

DIỄN VĂN KHAI MẠC KỲ HỌP THỨ NHẤT, QUỐC HỘI KHÓA XI

NGUYỄN VĂN AN

Chủ tịch Quốc hội khóa X

*Kính thưa các đồng chí lãnh đạo Đảng,
Nhà nước và Mặt trận,*

Thưa các vị khách quý,

Thưa các vị đại biểu,

THAY mặt Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa X, tôi nhiệt liệt chào mừng các vị vừa được cử tri cả nước tín nhiệm bầu là đại biểu Quốc hội khóa XI.

Tôi nhiệt liệt hoan nghênh các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Mặt trận, các đồng chí lão thành cách mạng, các vị khách quý, các vị trong Đoàn ngoại giao, các bạn quốc tế đã đến dự phiên khai mạc trọng thể Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XI của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Ngày 19 tháng 5 năm 2002 vừa qua, đúng vào Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, trong không khí tưng bừng của ngày hội lớn, cử tri cả nước ta đã nô nức tham gia cuộc bầu cử đại biểu

Quốc hội khóa XI. Đây là cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội đầu tiên trong thiên niên kỷ mới, thế kỷ mới ở nước ta. Cuộc bầu cử đã thu được thắng lợi to lớn trên nhiều mặt, bảo đảm dân chủ, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm và đúng tiến độ đề ra. Số cử tri đi bầu đạt tỷ lệ 99,73%, cao nhất từ trước tới nay. Ở tất cả 188 đơn vị bầu cử trong cả nước đã bầu được 498 đại biểu Quốc hội nhiệm kỳ khóa XI.

Thắng lợi to lớn của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội thể hiện rõ ý thức chính trị, trách nhiệm công dân, trình độ dân trí và sinh hoạt dân chủ trong xã hội chúng ta đã được nâng lên một bước mới. Thắng lợi đó bắt nguồn từ truyền thống đại đoàn kết toàn dân, từ tinh thần yêu nước và lòng tin của nhân dân đối với Đảng, với sự nghiệp cách mạng; là thắng lợi của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Tôi đề nghị Quốc hội nhiệt liệt hoan nghênh thắng lợi của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI.

Thưa các vị đại biểu,

Kế thừa và phát huy thành tựu của các khóa Quốc hội trước đây, với tinh thần trách nhiệm cao trước nhân dân và đất nước, Quốc hội khóa X không ngừng phấn đấu và đã thu được những kết quả đáng trân trọng trong việc thực hiện các chức năng lập pháp, giám sát tối cao và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, góp phần to lớn vào thành công của sự nghiệp đổi mới trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng và củng cố hệ thống chính trị, cải cách bộ máy nhà nước, giữ vững bản chất nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Đạt được những thắng lợi nêu trên, trước hết là do Quốc hội, các vị đại biểu Quốc hội đã đoàn kết thống nhất, kiên định thực hiện đường lối đổi mới; không ngừng hoàn thiện về tổ chức và phương thức hoạt động, kịp thời nắm bắt những đòi hỏi của thực tiễn, nâng cao trình độ năng lực để thực hiện nhiệm vụ của người đại biểu nhân dân. Đó còn là kết quả của sự phối hợp chặt chẽ giữa Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án Nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao, các ngành, các cấp; sự ủng hộ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận, của nhân dân cả nước, của kiều bào ta ở nước ngoài và của bạn bè quốc tế.

Những bài học kinh nghiệm rút ra từ tổ chức và hoạt động của Quốc hội khóa X và các khóa trước đây có ý nghĩa quan trọng trong việc tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả và hiệu lực hoạt động của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XI.

Thưa các vị đại biểu,

Nhiệm kỳ Quốc hội khóa XI là nhiệm kỳ đầu tiên của thế kỷ mới, trong bối cảnh đất nước ta tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Với ý nghĩa đó, tại kỳ họp đầu tiên này của Quốc hội, đồng chí Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ có bài phát biểu quan trọng. Tiếp đó, Quốc hội sẽ nghe báo cáo kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI; báo cáo tổng hợp ý kiến của cử tri cả nước kiến nghị với Quốc hội; báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu Quốc hội khóa XI và một số báo cáo quan trọng khác.

Tại kỳ họp này, Quốc hội sẽ thực hiện một nhiệm vụ rất quan trọng có ý nghĩa trực tiếp, quyết định đến chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy nhà nước trong suốt cả nhiệm kỳ, đó là bầu và phê chuẩn nhân sự cấp cao trong bộ máy nhà nước.

Thực hiện nhiệm vụ xây dựng pháp luật, Quốc hội sẽ thảo luận thông qua Nội quy kỳ họp Quốc hội (sửa đổi), quy chế hoạt động của đại biểu Quốc hội và Đoàn đại biểu Quốc hội (sửa đổi); cho ý kiến về dự án Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi) và các dự thảo Quy chế hoạt động

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (sửa đổi), Quy chế hoạt động của Hội đồng Dân tộc (sửa đổi), Quy chế hoạt động của các Ủy ban của Quốc hội (sửa đổi).

Thưa các vị đại biểu,

Thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội khóa X về nhiệm vụ năm 2001 và năm 2002, mặc dù thời gian qua, tình hình khu vực và quốc tế có nhiều biến động phức tạp, ở trong nước gặp không ít khó khăn nhất là 6 tháng đầu năm 2002, nhưng với sự phấn đấu nỗ lực của nhân dân cả nước ; sự cố gắng trong chỉ đạo điều hành của Chính phủ, các ngành, các cấp, nền kinh tế nước ta tiếp tục có chuyển biến tích cực, các nguồn lực trong nước được chú trọng phát huy, việc đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh trong dân cư tiến bộ hơn, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt khoảng 6,8%, một số lĩnh vực sản xuất công nghiệp, đầu tư phát triển, thu hút vốn đầu tư nước ngoài ... đều có sự tiến bộ ; trật tự xã hội, quốc phòng, an ninh được giữ vững. Tuy vậy, một số chỉ tiêu kinh tế còn đạt thấp, tốc độ tăng trưởng kinh tế đang có phần suy giảm ; các lĩnh vực xã hội vẫn còn nhiều tồn tại đáng lo ngại, lao động thiếu và không có việc làm còn lớn, tệ tham nhũng, tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại vẫn còn diễn ra phức tạp ; tai nạn giao thông, các tệ nạn xã hội và tội phạm vẫn đang là vấn đề nhức nhối.

Tại kỳ họp này, Quốc hội sẽ dành thời gian xem xét báo cáo bổ sung của Chính phủ về tình hình kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước và thảo luận bổ sung những giải pháp khả thi, bảo đảm hoàn

thành nhiệm vụ năm 2002 ở mức cao nhất.

Thưa các vị đại biểu,

Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XI được tiến hành ngay sau khi Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX vừa kết thúc. Các quyết định của Hội nghị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) và phương hướng phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ từ nay đến năm 2005 và đến năm 2010 ; kiểm điểm và kết luận về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) và Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII) về công tác tổ chức, cán bộ ; cho ý kiến chỉ đạo về cơ cấu tổ chức Chính phủ khóa XI ; chuẩn bị nhân sự cấp cao của Nhà nước để giới thiệu với Quốc hội khóa XI ; xem xét một số vấn đề về kiểm tra, kỷ luật Đảng..., đã tạo thêm cơ sở và niềm tin để Quốc hội chúng ta thảo luận và quyết định các vấn đề trong chương trình nghị sự của kỳ họp.

Với ý nghĩa và tầm quan trọng của Kỳ họp thứ Nhất, tôi trân trọng đề nghị các vị đại biểu Quốc hội nêu cao tinh thần trách nhiệm trước nhân dân, dân chủ thảo luận, sáng suốt bầu và phê chuẩn những người xứng đáng đảm đương các chức vụ cao cấp trong bộ máy nhà nước và đóng góp nhiều ý kiến xây dựng thiết thực vào các nội dung quan trọng khác, góp phần làm cho Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XI, thành công tốt đẹp.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XI.

Xin trân trọng cảm ơn các quý vị đại biểu. □



Đồng chí TRẦN ĐỨC LƯƠNG

**ỦY VIÊN BỘ CHÍNH TRỊ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG,
CHỦ TỊCH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TIỂU SỬ

Ngày sinh : 5-5-1937

Quê quán : Xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ, tỉnh
Quảng Ngãi

Thành phần gia đình : Trung nông

Ngày tham gia công tác : Năm 1955

Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam : 19-12-1959

Ngày chính thức : 3-1-1961

Trình độ học vấn : Kỹ sư địa chất

Lý luận chính trị : Cao cấp

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Tháng 2-1955 : Tập kết ra miền Bắc

2-1955 - 8-1966 : Học sơ cấp, học bổ túc trung cấp địa chất, Kỹ thuật viên, Đội trưởng, Đoàn phó Kỹ thuật địa chất, Bí thư chi đoàn, Chi ủy viên, Bí thư chi bộ, Liên chi ủy viên.

9-1966 - 1-1970 : Học Đại học Mỏ Địa chất, Đảng ủy viên, Bí thư Đoàn trường,

2-1970 - 8-1975 : Phó Cục trưởng Cục Bản đồ địa chất, Ủy viên Thường vụ Đảng ủy Cục.

9-1975 - 7-1977 : Học Trường Nguyễn Ái Quốc Trung ương, Bí thư chi bộ lớp.

8-1977 - 2-1987 : Phó Liên đoàn trưởng, Liên đoàn trưởng Liên đoàn Bản đồ địa chất, Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất (sau đổi thành Tổng cục Mỏ-Địa chất), Bí thư Đảng ủy Liên đoàn, Ủy viên Ban Chấp hành Tổng Công đoàn Việt Nam, Bí thư Ban cán sự Đảng Tổng cục.

Đại biểu Quốc hội khóa VII, Phó Chủ nhiệm rồi Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật của Quốc hội, Phó Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt-Xô.

Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V.

2-1987 - 8-1997 : Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Đại biểu Quốc hội khóa VIII.

Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI.

Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII.

Đại diện Thường trực CHXHCN Việt Nam tại Hội đồng Tương trợ kinh tế.

6-1996 đến nay : Ủy viên Bộ Chính trị sau đó Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị Trung ương Đảng khóa VIII, Ủy viên Bộ Chính trị khóa IX. Đại biểu Quốc hội khóa X, khóa XI.

Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

TÔI NGUYỆN PHẤN ĐẤU HẾT SỨC MÌNH PHỤC VỤ TỔ QUỐC, PHỤC VỤ NHÂN DÂN, LÀM TRÒN NHIỆM VỤ CỦA CHỦ TỊCH NƯỚC THEO QUY ĐỊNH CỦA HIẾN PHÁP VÀ PHÁP LUẬT

(Trích bài phát biểu nhậm chức của Chủ tịch nước Trần Đức Lương)

Tôi chân thành cảm ơn các vị đại biểu Quốc hội đã tin nhiệm bầu tôi tiếp tục giữ chức vụ Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa XI. Đây là sự tin cậy, giao phó trách nhiệm nặng nề của Quốc hội và của nhân dân. Tôi nguyện phấn đấu hết sức mình phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, làm tròn nhiệm vụ của Chủ tịch nước theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Trên cương vị công tác của mình, tôi hứa sẽ đề cao trách nhiệm cá nhân, phối hợp và cộng tác chặt chẽ với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao, Tòa án Nhân dân tối cao, các ngành, các cấp, với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân, sâu sát nhân dân và thực tiễn cuộc sống, quan tâm chăm lo các mặt công tác đối nội, đối ngoại, cũng như sự nghiệp bảo đảm quốc phòng và an ninh của Nhà nước ta được thực hiện thắng lợi, tuân thủ đường lối, chủ trương của Đảng, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân.

... Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với xây dựng và phát triển toàn diện đời sống xã hội, thực hiện công bằng xã hội, tạo nhiều việc làm, xóa đói, giảm nghèo, chăm sóc sức khỏe nhân dân, thực hiện tốt các chính sách đối với các gia đình và người có công với nước, bảo vệ môi trường sinh thái, đặc biệt quan tâm đến các vùng nông thôn, miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, ra sức bài trừ các tệ nạn xã hội... Các chính sách xã hội phải nhằm bảo đảm sao cho mọi tầng lớp nhân dân, mọi vùng của đất nước đều được thụ hưởng những thành quả của công cuộc đổi mới.

Các lĩnh vực phát triển văn hóa, giáo dục, đào tạo, khoa học - công nghệ phải được coi vừa là mục tiêu, vừa là động lực cơ bản của sự phát triển, thể hiện bản chất chế độ chính trị theo định hướng xã hội chủ nghĩa của Nhà nước ta. Giáo dục và đào tạo, khoa học - công nghệ phải thực sự là quốc sách hàng đầu. Nhà nước và nhân dân cùng nỗ lực cao xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa luôn là hai nhiệm vụ chiến lược gắn bó hữu cơ. Bước vào thế kỷ 21, tình hình quốc tế và khu vực có nhiều biến động phức tạp, khó lường, Nhà nước và nhân dân ta nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, chăm lo sự nghiệp quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị, an ninh và trật tự xã hội, tạo cơ sở vững chắc cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Trong thời đại của toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, Nhà nước và nhân dân ta bày tỏ quyết tâm kiên trì đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế, Việt Nam muốn là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế phấn đấu vì hòa bình, hợp tác và phát triển. Nhà nước Việt Nam sẽ tham gia với tinh thần trách nhiệm, chủ động và xây dựng trong các tổ chức cũng như các diễn đàn quốc tế và khu vực mà Việt Nam là thành viên, đặc biệt coi trọng quan hệ với các nước láng giềng, với bạn bè truyền thống và với các nước có vai trò quan trọng trong các vấn đề quốc tế và khu vực.

Nhân dân ta mong đợi Quốc hội nước ta trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa XI có những tiến bộ vượt bậc trong nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật; đề cao trách nhiệm trong xem xét, quyết định những vấn đề hệ trọng của đất nước; tăng cường thực quyền giám sát tối cao của Quốc hội và đại biểu Quốc hội. Nhân dân ta đòi hỏi công cuộc cải cách hành chính phải có những bước tiến đột phá theo hướng đề cao trách nhiệm của các tổ chức, của mọi cán bộ, công chức, trước hết là của người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp; đề cao kỷ luật, loại trừ những phần tử thoái hóa biến chất, thiếu trách nhiệm ra khỏi guồng máy công quyền của Nhà nước; chú trọng xây dựng chính quyền cấp cơ sở; thực hiện sâu rộng Quy chế Dân chủ ở cơ sở; tổng kết và tập trung chỉ đạo việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân... Thực tiễn cuộc sống cũng đang đòi hỏi công cuộc cải cách tư pháp phải được tiến hành khẩn trương.

Tôi kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước, kiều bào ta ở nước ngoài hãy phát huy truyền thống yêu nước nồng nàn, lòng tự hào và tự tôn dân tộc, trí tuệ và bản lĩnh Việt Nam, phát huy sức mạnh vô địch của khối đại đoàn kết toàn dân, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước nhà, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam yêu quý của chúng ta. □

✱ Phó Chủ tịch nước : **TRƯƠNG MỸ HOA**

✱ Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao : **NGUYỄN VĂN HIỆN**

✱ Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao : **HÀ MẠNH TRÍ**



Đồng chí PHAN VĂN KHẢI

**ỦY VIÊN BỘ CHÍNH TRỊ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG,
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TIỂU SỬ

Ngày sinh : 25-12-1933

Quê quán : Xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh

Dân tộc : Kinh, tôn giáo : Không

Trình độ học vấn : Đại học Kinh tế

Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam : 15-7-1959

Ngày chính thức : 15-7-1960

Lý luận chính trị : Cao cấp

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Từ 1947 : Vào Đội Thiếu nhi cứu quốc, cán bộ thiếu nhi xã.

1948 - 1949 : Ủy viên Ban Chấp hành Thiếu nhi cứu quốc huyện Hóc Môn.

1950 - 1954 : Công tác Văn phòng Tỉnh Đoàn Thanh niên Gia Định, Văn phòng Mặt trận, Văn phòng Tỉnh ủy Gia Định Ninh.

1954 - 1959 : Tập kết ra miền Bắc, đi công tác cải cách ruộng đất, học văn hóa.

1959 - 1965 : Học ngoại ngữ, học Đại học Kinh tế tại Mát-xcơ-va, Liên Xô.

1965 - 1971 : Cán bộ, Phó phòng, Trưởng phòng Vụ Tổng hợp, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.

1972 - 1975 : Cán bộ nghiên cứu kinh tế miền Nam, đi chiến trường B2, Vụ phó Ủy ban Thống nhất Chính phủ.

1976 - 1984 : Phó Chủ nhiệm, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch, Phó Chủ tịch UBND thành phố Hồ Chí Minh, Thành ủy viên, Thường vụ Thành ủy TP Hồ Chí Minh.

1985 - 3-1989 : Ủy viên Trung ương, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch UBND thành phố Hồ Chí Minh.

4-1989 - 8-1991 : Ủy viên Trung ương, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.

7-1991 - 8-1997 : Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch HĐBT Thường trực, Phó Thủ tướng Thường trực.

9-1997 đến nay : Đại biểu Quốc hội, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ.

TÔI SẼ CÙNG CHÍNH PHỦ TIẾP TỤC ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÀM VIỆC, ĐỀ CAO TRÁCH NHIỆM CỦA TẬP THỂ VÀ CỦA TỪNG NGƯỜI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA NHIỆM KỲ NÀY

(Trích bài phát biểu nhậm chức của Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải)

Tôi chân thành cảm ơn các vị đại biểu Quốc hội khóa XI đã tín nhiệm bầu tôi tiếp tục giữ chức vụ Thủ tướng Chính phủ trong nhiệm kỳ mới. Nhận thức rõ vinh dự to lớn gắn liền với trách nhiệm nặng nề khi đảm nhận cương vị người đứng đầu Chính phủ trong giai đoạn mới của sự phát triển đất nước, tôi xin hứa tận trung với nước, tận hiếu với dân, mang hết tâm sức gánh vác trọng trách mà Đảng và nhân dân giao phó.

Năm năm trước mắt là thời gian phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng, tạo cho được bước phát triển mới trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hình thành đồng bộ nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển toàn diện con người, làm lành mạnh môi trường xã hội và tự nhiên; đồng thời giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; củng cố và tăng cường tiềm lực quốc phòng, bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia trong mọi tình huống.

Trên thế giới, hòa bình và phát triển là xu thế chủ đạo, kinh tế có dấu hiệu phục hồi, nhưng cục diện chính trị, kinh tế còn chứa đựng nhiều nhân tố bất ổn định và tiếp tục diễn biến phức tạp. Chúng ta mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, nhập cuộc hợp tác và đua tranh kinh tế ngày càng gay gắt trong khi nền kinh tế còn nhiều yếu kém. Tình thế mở ra khả năng mới, đồng thời buộc chúng ta phải đẩy mạnh công cuộc đổi mới để phát triển nhanh và bền vững, tận dụng được cơ hội và vượt qua được thách thức để xây dựng và bảo vệ đất nước.

Yêu cầu của cuộc sống và nguyện vọng của nhân dân đòi hỏi Đảng và Chính phủ phải vận dụng đường lối của Đảng, có những quyết sách đúng đắn, kịp thời, đồng thời phải tăng cường hiệu lực thực thi pháp luật và tổ chức thực hiện các chủ trương công tác. Muốn vậy, điều quan trọng hàng đầu là phải xây dựng bộ máy hành chính trong sạch, vững mạnh, nâng cao phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức, đẩy lùi và ngăn chặn cho được tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu. Tôi sẽ cùng Chính phủ tiếp tục đổi mới phương thức làm việc, đề cao trách nhiệm của tập thể và của từng người để tăng cường hiệu lực chỉ đạo, điều hành trên cơ sở tận dụng những bài học quý báu rút ra từ những kinh nghiệm thành công cũng như từ những việc chưa làm tốt trong thời gian qua và thông qua việc tăng cường đi sát, lắng nghe nguyện vọng, học hỏi sáng kiến của nhân dân, của các địa phương và cơ sở...

Sau khi Quốc hội khóa XI phê chuẩn việc bổ nhiệm các thành viên khác của Chính phủ, tôi sẽ trình bày những vấn đề lớn mang tính định hướng để Chính phủ mới bàn định và chỉ đạo thực hiện chương trình hành động trong nhiệm kỳ này.

Tôi xin bày tỏ lòng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự đoàn kết nhất trí và quyết tâm hành động của Chính phủ và các cấp chính quyền, vào hoạt động lập pháp và sự giám sát của Quốc hội, sự hợp tác của các cơ quan tư pháp, sự phối hợp hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, các cơ quan thông tin đại chúng và đặc biệt là sự ủng hộ của nhân dân đối với chính sách và hoạt động của Chính phủ.

Với niềm tự hào và tin tưởng vào nhân dân ta, dân tộc ta, tôi xin gửi đến đồng bào ta trên khắp mọi miền đất nước và ở nước ngoài lòng biết ơn cùng với lời thăm hỏi và lời hứa hẹn cùng nhau dốc lòng đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Một điều tâm niệm của tôi khi nhậm chức là học tập các bậc đàn anh đi trước kinh nghiệm chuyển giao nhiệm vụ cho thế hệ kế tiếp, thực hiện sự chuyển tiếp đúng lúc, bảo đảm thế ổn định và không ngừng nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Chính phủ. Tôi coi đó là một nhiệm vụ phải thực hiện tốt trong nhiệm kỳ công tác mới.

Những điều tâm nguyện bày tỏ ở đây cũng là lời hứa của tôi khi nhận trọng trách Thủ tướng Chính phủ trong nhiệm kỳ mới. Tôi tha thiết mong nhận được sự giúp đỡ, giám sát của nhân dân và của Quốc hội đối với Chính phủ cũng như đối với cá nhân tôi. □



Đồng chí NGUYỄN VĂN AN

**ỦY VIÊN BỘ CHÍNH TRỊ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG,
CHỦ TỊCH QUỐC HỘI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TIỂU SỬ

Ngày sinh : 1-10-1937

Quê quán : Xã Mỹ Tân, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

Thành phần gia đình xuất thân : Cổ nông

Nghề nghiệp bản thân : Công nhân điện

Ngày tham gia công tác : 6-1954

Ngày vào Đảng : 14-8-1959. **Ngày chính thức :** 14-8-1960

Trình độ học vấn : Kỹ sư điện phát dẫn

Lý luận chính trị : Cao cấp

Ngoại ngữ: Nga (D), Anh, Pháp (B)

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1954 - 1960 : Công nhân điện Hà Nội ; Ủy viên BCH Công đoàn, Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Nhà máy Điện Hà Nội.

1961 - 1967 : Học trong nước 2 năm, học Liên Xô 5 năm ; Chi ủy viên Chi bộ lưu học sinh thành phố Đô-nhét-xơ.

1967 - 1969 : Công tác ở Công trường 8438 thuộc Công ty Điện lực Hà Nội ; Tổ trưởng Tổ thiết kế điện, Tổ trưởng Đảng.

1970 - 1973 : Phó phòng thí nghiệm, Bí thư chi bộ, Đảng ủy viên, Trưởng ban Tuyên huấn Đảng ủy Sở điện III, Phó giám đốc Công ty Điện Nam Hà, Tỉnh ủy viên dự khuyết (1972).

1974 - 1976 : Học trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc khóa 7.

1976 - 1980 : Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban tuyên huấn, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam Ninh, Bí thư Thành ủy thành phố Nam Định.

11-1980 - 1987 : Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam Ninh, đại biểu Quốc hội khóa VII, Ủy viên Ủy ban Kinh tế - Kế hoạch và Ngân sách của Quốc hội. Ủy viên dự khuyết Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa V. Bí thư Tỉnh ủy Hà Nam Ninh (1982). Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VI (12-1986).

1987 - 6-1996 : Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương. Có thời gian kiêm Bí thư Đảng ủy cơ quan, kiêm Vụ trưởng Vụ tổ chức Điều lệ và cơ sở đảng viên.

Ủy viên Trung ương Đảng khóa VII (6-1991).

6-1996 đến nay : Tại Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, được BCH Trung ương bầu vào Bộ Chính trị, phân công giữ chức Trưởng Ban Tổ chức Trung ương. Đại biểu Quốc hội khóa X.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (4-2001) của Đảng, được bầu vào BCH TƯ Đảng, được Trung ương bầu vào Bộ Chính trị, phân công giữ chức Bí thư TƯ Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương.

Tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa X, được bầu giữ chức Chủ tịch Quốc hội (6-2001).

Thôi giữ chức Bí thư Trung ương Đảng và Trưởng ban Tổ chức Trung ương. Được bầu là Đại biểu Quốc hội khóa XI (5-2002).

Tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XI được bầu giữ chức Chủ tịch Quốc hội (7-2002).

TÔI SẼ NỖ LỰC PHẤN ĐẤU, HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO, ĐỂ KHÔNG PHỤ LÒNG TIN CẬY CỦA QUỐC HỘI VÀ NHÂN DÂN CẢ NƯỚC

(Trích bài phát biểu nhậm chức của Chủ tịch Quốc hội khóa XI Nguyễn Văn An)

Thay mặt các đồng chí thành viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội vừa mới được Quốc hội bầu và nhân danh cá nhân, tôi xin bày tỏ niềm xúc động và chân thành cảm ơn về sự tín nhiệm mà các vị đại biểu Quốc hội đã dành cho chúng tôi. Chúng tôi nhận thức sâu sắc rằng, đây là vinh dự to lớn, đồng thời cũng là trách nhiệm rất nặng nề mà các vị đại biểu Quốc hội đã thay mặt nhân dân cả nước trao cho.

... Nhận thức rõ vị trí, vai trò của Quốc hội đối với sự phát triển của đất nước và dân tộc trong thời kỳ mới, với trách nhiệm là cơ quan thường trực của Quốc hội, tại kỳ họp đầu tiên của nhiệm kỳ Quốc hội khóa XI có nhiều ý nghĩa này, thay mặt Ủy ban Thường vụ Quốc hội và với cương vị Chủ tịch Quốc hội, chúng tôi xin nguyện cùng với các vị đại biểu Quốc hội trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, kiên trì phấn đấu, đem hết khả năng và nghị lực, đề cao tinh thần trách nhiệm, đóng góp tích cực vào việc tiếp tục nâng cao chất lượng công tác lập pháp, hiệu lực và hiệu quả hoạt động giám sát tối cao và quyết định những vấn đề trọng đại của đất nước, để Quốc hội ngày càng xứng đáng với vị trí là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân.

Để thực hiện được điều đó, chúng tôi xin nghiêm túc thực hiện lời dạy của Bác Hồ muôn vàn kính yêu : “Làm việc nước bây giờ là hy sinh, là phấn đấu, quên lợi riêng mà nghĩ lợi chung...”; thường xuyên trau dồi phẩm chất đạo đức cách mạng, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật ; kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện quan liêu, tham nhũng, lãng phí ; đồng thời không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao năng lực, trình độ ; thường xuyên liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của cử tri, thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, kiến nghị của cử tri với Quốc hội và các cơ quan nhà nước hữu quan, xứng đáng là người đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, được sự giúp đỡ và giám sát của nhân dân cùng với sự cộng tác chặt chẽ của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án Nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các cơ quan của Quốc hội và các vị đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và bản thân tôi sẽ nỗ lực phấn đấu, hoàn thành nhiệm vụ được giao, để không phụ lòng tin cậy của Quốc hội và của nhân dân cả nước. □

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI KHÓA XI

*** Chủ tịch Quốc hội :**

- NGUYỄN VĂN AN

*** Các Phó Chủ tịch Quốc hội :**

- TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC - NGUYỄN PHÚC THANH - NGUYỄN VĂN YẾU

*** Các Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội**

**- LÊ QUANG BÌNH - TRẦN THỊ TÂM ĐAN - VŨ ĐỨC KHIỂN
- NGUYỄN ĐỨC KIÊN - VŨ MÃO - TRẮNG A PAO
- BÙI NGỌC THANH - NGUYỄN THỊ HOÀI THU - HỒ ĐỨC VIỆT**

72 NĂM CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG - VĂN HÓA CỦA ĐẢNG : TRUYỀN THỐNG VẄNG - PHẦN THƯỞNG CAO QUÝ - TRỌNG TRÁCH LỚN LẠO



NĂM nay, toàn ngành Công tác Tư tưởng - Văn hóa của Đảng long trọng kỷ niệm 72 năm Ngày truyền thống (1-8-1930 - 1-8-2002) và đón nhận Huân chương Sao Vàng - phần thưởng cao quý nhất của Đảng và Nhà nước trao cho Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương. Đó là niềm vui lớn, niềm vinh dự và tự hào chung đồng thời cũng là trọng trách mới của toàn thể đội ngũ những cán bộ trên mặt trận tư tưởng - văn hóa của Đảng trước sự phát triển của đất nước, trong thế kỷ XXI.

Tròn 72 năm trước, ngày 1-8-1930, Ban Cố động và Tuyên truyền của Đảng Cộng sản Việt Nam ra mắt quốc dân đồng bào bằng bản *Tuyên truyền đại cương ngày Quốc tế đỏ mồng 1 tháng 8*, tuyên bố cùng gánh vác trọng trách lịch sử cách mạng do Đảng và dân ta giao phó. Và kể từ đó, ngành công tác tư tưởng của Đảng chính thức hoạt động, khẳng định vị trí, vai trò của mình. Việc lập ra Ban Cố động và Tuyên truyền là kết quả tất yếu xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của Đảng, của cách mạng. Ngay từ lúc Đảng mới khai sinh, điều đó được khẳng định trong *Sách lược vắn tắt của Đảng* : "Trong khi tuyên truyền cái khẩu hiệu nước An Nam độc lập, phải đồng tuyên truyền và thực hành liên lạc với bị áp bức dân tộc và vô sản giai cấp thế giới..." ; được nhấn mạnh trong *Điều lệ vắn*

tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam : "Tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản và cổ động quần chúng theo Đảng". Mặt khác qua thực tiễn, công tác tư tưởng càng khẳng định và trở thành một bộ phận cơ bản của chỉnh thể hữu cơ toàn bộ công việc lãnh đạo của Đảng, như Bác Hồ căn dặn : "Công việc thành hay bại một phần lớn là do nơi tư tưởng đạo đức, thái độ và lề lối làm việc...", do đó, "toàn Đảng phải tư tưởng nhất trí, hành động nhất trí, đoàn kết nhất trí mới làm tròn nhiệm vụ của Đảng".

Đứng ở vị trí đặc biệt đó, với vai trò to lớn và trách nhiệm nặng nề, 72 năm qua, trong mỗi chặng đường cách mạng của dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng, công tác tư tưởng - văn hóa không ngừng trưởng thành và vững mạnh, góp phần quan trọng vào sự nghiệp vĩ đại giành độc lập dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Mười lăm năm đầu tiên non trẻ (1930 - 1945), công tác tư tưởng - văn hóa sinh thành cùng với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, nỗ lực vượt bậc cho công tác chuẩn bị giành chính quyền. Mới ra đời, Đảng ta đã nhận thức rõ ràng và sâu sắc rằng công tác tư tưởng là mặt trận có tầm quan trọng hàng đầu. Các văn kiện như *Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt và Điều lệ vắn tắt* của Đảng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc

soạn thảo được thông qua tại Hội nghị hợp nhất Đảng đã trở thành Cương lĩnh đầu tiên của Đảng. Ngọn gió tư tưởng chính trị đó, qua những đảng viên cộng sản - những chiến sĩ tiên phong tư tưởng đã thổi bùng ngọn lửa yêu nước Việt Nam thành cao trào Xô viết Nghệ Tĩnh 1930 - 1931, nuôi dưỡng phong trào cách mạng Việt Nam 1930 - 1935, dù bị thực dân phong kiến đàn áp đẫm máu.

Như "trời chớp giạt tất đến ngày sét đánh", trận địa tư tưởng của Đảng với đội ngũ chiến sĩ trung kiên, đã tỏa rộng trong nhân dân qua các cao trào 1936 - 1939, 1939 - 1945 vừa tuyên truyền các chủ trương của Đảng, đưa ra những khẩu hiệu hướng dẫn tư tưởng và hành động của quần chúng, vừa đấu tranh sắc bén với các khuynh hướng tư tưởng sai lầm như rụt rè, do dự, sợ địch hay phiêu lưu, nôn nóng, manh động... Tất cả nhằm tập trung sức mạnh toàn dân tộc vào nhiệm vụ phản đế, giành độc lập cho dân tộc. Và năm 1945, thời cơ cách mạng đã chín muồi. Từ mặt trận tư tưởng, với hàng loạt binh chủng ra quân, với những hình thức hoạt động phong phú, linh hoạt vừa mềm dẻo vừa táo bạo, những chiến sĩ tư tưởng đã góp phần to lớn vào việc cổ vũ và tổ chức quần chúng cách mạng nổi dậy đồng loạt và rộng khắp, huy động sức mạnh toàn dân tộc vùng lên lật đổ chế độ thực dân, phong kiến, giành lại độc lập, khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Thắng lợi vĩ đại đó là *thắng lợi của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và đường lối cách mạng độc lập tự chủ, sáng tạo của Đảng ta*; thắng lợi của ý chí độc lập, tự do của nhân dân ta, đồng thời cũng là thắng lợi to lớn của công tác tư tưởng trong việc tuyên truyền, giáo dục và cổ động, biến những tư tưởng lý luận thành hiện thực cách mạng, biến chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đường lối chính trị của Đảng thành phong trào hành động cách mạng sâu rộng của nhân dân.

Chặng đường tiếp theo là chặng đường công tác tư tưởng ra sức vận động nhân dân bảo vệ

vững chắc nền độc lập của Tổ quốc, giữ vững thành quả cách mạng vừa mới giành được sau Cách mạng Tháng Tám và tiến hành cuộc kháng chiến thần thánh đánh thắng thực dân Pháp.

Vừa giành được chính quyền, lịch sử đã đặt ra trước Đảng ta vô vàn khó khăn, thách thức to lớn. Và do đó, cũng đặt ra trước công tác tư tưởng không ít thử thách cam go, không ít trách nhiệm nặng nề. Nếu những ngày đầu tiên năm 1946 công tác tư tưởng hướng trọng tâm vào nhiệm vụ củng cố, bảo vệ chính quyền non trẻ, chống giặc đói, giặc dốt, chuẩn bị chống giặc ngoại xâm..., thì ngay sau đó, suốt chín năm trường kháng chiến chống Pháp xâm lược, công tác tư tưởng góp phần quan trọng vào việc xây dựng đường lối và biến đường lối ấy thành phong trào vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, với phương châm "toàn dân, toàn diện, trường kỳ, dựa vào sức mình là chính", quyết chiến thắng vì độc lập tự do. Các phương tiện tiến công của mặt trận tư tưởng được mở rộng trong cả nước và không ngừng gây ảnh hưởng trên trường quốc tế; các binh chủng tư tưởng ra quân đồng loạt... tạo nên một trận địa tư tưởng lòng dân vững chắc, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân thế giới, quyết tâm đưa cuộc kháng chiến chống Pháp đến thắng lợi hoàn toàn. Và Việt Nam đã chiến thắng. Trong thắng lợi này, *công tác tư tưởng đã góp phần xứng đáng và hết sức quan trọng. Chúng ta không chỉ chiến thắng đế quốc Pháp bằng sức mạnh quân sự với vũ khí quân sự mà còn chiến thắng bằng sức mạnh tư tưởng với vũ khí tư tưởng... Tất cả tổng hòa thành sức mạnh của bạo lực cách mạng Việt Nam, dưới ngọn cờ của Đảng.*

Tiếp tục truyền thống quý giá ấy, 21 năm (1954 - 1975) cả dân tộc vừa kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng, công tác tư tưởng lại đi đầu tổ chức, động viên, phát huy sức mạnh của dân tộc trong

thời đại mới. Các binh chủng tư tưởng xứng đáng là lực lượng xung kích cách mạng trong cuộc chiến đấu mới của dân tộc, góp phần mở rộng quan hệ quốc tế, nêu cao chính nghĩa Việt Nam, hình thành hậu phương quốc tế của sự nghiệp giải phóng miền Nam, bảo vệ và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, thống nhất đất nước. Hàng nghìn cán bộ tư tưởng đã ngã xuống vì nền độc lập tự do của dân tộc nhưng đội ngũ vẫn tiếp tục không ngừng lớn mạnh ; trong tổ chức của toàn ngành tư tưởng, binh chủng nào cũng được củng cố và phát triển. Và năm 1975, Việt Nam đã đi, đã đến và chiến thắng : giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi vĩ đại đó là *kết quả tất yếu của đường lối cách mạng do Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh vạch ra ; là kết tinh của sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Công tác tư tưởng và hoạt động của đội ngũ những người làm công tác tư tưởng đã góp phần xứng đáng vào chiến thắng thần kỳ ấy. Có thể nói, đó là thành tựu vô cùng to lớn và rất đáng tự hào của công tác tư tưởng - văn hóa của Đảng ta.*

Hơn 27 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc trên cả nước, kể từ chiến thắng lịch sử mùa Xuân năm 1975, công tác tư tưởng đã trải qua một tiến trình phức tạp và có bước phát triển khá phong phú. Trong chặng đường 10 năm đầu (1975 - 1985), công tác tư tưởng tập trung tuyên truyền, giáo dục phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, truyền thống yêu nước trong chiến tranh và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, động viên các tầng lớp nhân dân khắc phục khó khăn, quyết tâm vượt qua thử thách của cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng, chống lại những luận điệu phủ định quá khứ cách mạng tốt đẹp và những mưu đồ chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc... Chặng đường 15 năm tiếp theo (1986 - 2000), công tác tư tưởng không ngừng góp phần xây dựng ý chí kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, xây dựng tinh thần độc lập tự chủ trong việc xác định phương hướng,

bước đi và tổ chức công cuộc đổi mới toàn diện, đấu tranh chống lại những luận điệu xuyên tạc, phản động, củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng. Đặc biệt, bước vào thế kỷ XXI, công tác tư tưởng góp phần cơ bản và quan trọng trong việc từng bước làm rõ hơn những quan niệm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, động viên và tập hợp đông đảo nhân dân xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mặt trận công tác tư tưởng ngày càng trưởng thành và khẳng định vị trí tiên phong khi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đi vào chiều sâu, trở thành động lực mạnh mẽ, tạo nên bước chuyển lớn cả về quy mô, nhịp độ và tính chất của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Dù còn những hạn chế, khuyết điểm, nhưng trong 27 năm qua, nhất là 16 năm đổi mới, công tác tư tưởng đã góp phần quan trọng tuyên truyền giáo dục những quan điểm đổi mới, khẳng định sự lãnh đạo của Đảng và con đường xã hội chủ nghĩa, giữ vững sự thống nhất tư tưởng và hành động trong Đảng và trong toàn xã hội, đấu tranh chống lại mọi âm mưu và thủ đoạn chống phá, xuyên tạc của kẻ thù đối với Đảng, Nhà nước và chế độ ta ; nhất là, góp phần to lớn đổi mới tư duy, tổng kết thực tiễn, phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, cụ thể hóa và phát triển đường lối, xây dựng các luận cứ khoa học cho những quyết sách lớn của Đảng và Nhà nước, thúc đẩy phong trào thi đua hành động cách mạng của nhân dân, nâng cao ý nghĩa quốc tế của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc của Đảng, của nhân dân ta, thắt chặt tình đoàn kết giữa nước ta với bầu bạn trên thế giới.

*

* *

Thực tiễn công tác tư tưởng 72 năm qua với những thành tựu to lớn giành được, cùng những khuyết điểm cần khắc phục đã đưa lại cho chúng ta nhiều bài học quý báu.

Một là, trước hết, phải kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo gắn với thực tiễn cuộc sống, phục vụ cho việc xây dựng đường lối chính trị, đưa đường lối ấy vào cuộc sống, thực hiện nhiệm vụ chính trị trong từng thời kỳ cách mạng.

Thực tiễn 72 năm qua của sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta đã chỉ rõ vì sao trước những thách thức hiểm nghèo, trước các bước ngoặt của cách mạng, Đảng ta vẫn vững vàng lãnh đạo nhân dân Việt Nam tiến lên giành những thắng lợi vĩ đại. Bài học kinh nghiệm lớn của công tác tư tưởng - văn hóa là phải tập trung xây dựng Đảng về chính trị, làm cho toàn Đảng kiên định mục tiêu lý tưởng, kiên định nền tảng tư tưởng, kiên định nguyên tắc cơ bản trong hoạt động, kiên định sự lãnh đạo của Đảng. Chỉ trên cơ sở Đảng và các tổ chức đảng vững mạnh về chính trị, vững vàng trước mọi diễn biến phức tạp của tình hình, đề ra đường lối, chiến lược đúng đắn, Đảng mới thực sự làm cho toàn xã hội thống nhất về chính trị tư tưởng để vượt qua mọi thách thức, phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị từng thời kỳ, đưa cách mạng tiếp tục tiến lên.

Giáo dục kiên định mục tiêu, lý tưởng của cách mạng, nền tảng tư tưởng, nguyên tắc cơ bản của hoạt động không có nghĩa là dập khuôn, máy móc, mà chính là nắm vững bản chất cách mạng, khoa học của nó để vận dụng một cách sáng tạo vào thực tiễn cách mạng, phục vụ cho việc xây dựng đường lối chính trị, đưa đường lối đó vào cuộc sống nhằm thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị. Đó là nhiệm vụ nặng nề của công tác tư tưởng của Đảng.

Hai là, công tác tư tưởng phải gắn liền với công tác tổ chức, với phong trào cách mạng của quần chúng, nói đi đôi với làm.

Sau khi có đường lối chính trị, tư tưởng đúng đắn, phải có phương hướng, kế hoạch công tác tổ chức và dày công tổ chức thực hiện

phong trào cách mạng quần chúng thì tư tưởng mới biến thành hành động. Nói phải đi đôi với làm. Cán bộ, đảng viên phải gương mẫu trong hành động cách mạng, dẫn đầu phong trào quần chúng theo phương châm "đảng viên đi trước, làng nước theo sau".

Ba là, định hướng tư tưởng đúng và kịp thời, nhất là khi có tình hình biến động phức tạp và trong các bước ngoặt của cách mạng.

Công tác tư tưởng cần bám sát thực tiễn, kịp thời nắm bắt diễn biến tư tưởng, dự báo chiều hướng phát triển để định hướng tư tưởng đúng và kịp thời. Định hướng đúng và kịp thời thì thống nhất được tư tưởng và hành động, phát huy được các nhân tố tích cực, hạn chế tiêu cực, làm cho cách mạng phát triển thuận lợi. Việc định hướng tư tưởng đúng và kịp thời không những quan trọng đối với các vấn đề chiến lược hoặc những biến động chính trị lớn, mà còn cần thiết cả đối với những vấn đề mới nảy sinh trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, đối với việc chống lại những thủ đoạn lừa bịp, phá hoại của kẻ thù. Việc chỉ đạo tư tưởng cần đi sát cuộc sống, có định hướng đúng, nhất là đối với báo chí, văn nghệ là những công cụ quan trọng, nhạy cảm, hằng ngày tác động đến đông đảo quần chúng.

Bốn là, phát huy thế chủ động, tiến công trên mặt trận tư tưởng, kết hợp chặt giữa "xây" và "chống", biểu dương và phê bình.

Không thụ động, né tránh, bỏ trống trận địa tư tưởng. Đó là biểu hiện tính khoa học và tính chiến đấu của công tác tư tưởng.

Tính chủ động còn thể hiện ở chỗ coi trọng cổ vũ, biểu dương những điển hình tốt, những nhân tố tích cực trong cuộc sống, đi đôi với phê phán những cái xấu, những hiện tượng tiêu cực. "Xây" là chính, đó là cách "chống" một cách chủ động để ngăn ngừa cái xấu. Nhưng "xây" phải đi liền với "chống" thì mới "xây" được vững chắc. Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước là một nhiệm vụ

rất quan trọng. Báo công, lập công đi đôi với tự phê bình và phê bình là hình thức giáo dục có hiệu quả.

Năm là, kết hợp ba mặt giáo dục lý luận Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, chính sách của Đảng, kiến thức văn hóa, quản lý, kỹ thuật, phẩm chất và đạo đức cách mạng.

Trong việc giáo dục cán bộ, đảng viên, cần coi trọng việc thống nhất lý luận và thực tiễn, học đi đôi với hành, giáo dục lý luận gắn chặt với giáo dục phẩm chất đạo đức cách mạng. Muốn nắm vững phẩm chất chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh vừa phải có tri thức cách mạng, vừa phải có tinh thần cách mạng, nhiệt tình cách mạng.

Việc giáo dục toàn diện đối với cán bộ, đảng viên là nội dung rất quan trọng của công tác xây dựng Đảng, làm cho Đảng ta thực sự tiên phong về đạo đức cách mạng, về trí tuệ và năng lực tổ chức thực tiễn trong tình hình hiện nay.

Sáu là, nâng cao tính khoa học, thực hiện dân chủ trong công tác tư tưởng.

Phải tăng cường nghiên cứu lý luận Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh gắn với việc tổng kết kinh nghiệm thực tiễn. Phải phản ánh đúng hiện thực khách quan, quy luật vận động, đúng sự thật, tức là thể hiện tính chân thực của công tác tư tưởng. Thái độ của Đảng là nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng, nói rõ sự thật cho nhân dân biết. Phải nghiên cứu đặc điểm của các tầng lớp nhân dân, từng đối tượng để có nội dung, phương pháp thích hợp. Cần tổng kết khoa học nghiệp vụ của các binh chủng (tuyên truyền miệng, báo chí, xuất bản, văn học - nghệ thuật, trường học...).

Thực hiện dân chủ là một phương châm cơ bản của công tác tư tưởng. Trong nghiên cứu lý luận, cần có cơ chế khuyến khích phát huy tự do tư tưởng, tạo môi trường cho sự thảo luận dân chủ, tranh luận để tìm ra chân lý khách quan, tránh được những kết luận chủ quan một

chiều, đồng thời bảo đảm được sự lãnh đạo của Đảng, bảo vệ và phát triển được chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chống lại các lý thuyết phản động, các quan điểm sai lầm. Thực hiện mở rộng thông tin, bảo đảm quyền được thông tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân, mở rộng những hình thức đối thoại, thảo luận dân chủ cởi mở với các tầng lớp nhân dân đi đôi với chống quan liêu, ngăn ngừa và hạn chế sai lầm.

Bảy là, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, cải tiến phương thức lãnh đạo, phát huy sức mạnh tổng hợp trong công tác tư tưởng.

Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trên các mặt : nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, phát huy vai trò và tiềm lực của đội ngũ cán bộ ; định hướng chính trị tư tưởng đúng và kịp thời, nắm bắt diễn biến tư tưởng nhanh nhạy, nâng cao chất lượng dự báo các chiều hướng phát triển, đấu tranh sắc bén với các thủ đoạn chiến tranh tâm lý của các thế lực thù địch ; chỉ đạo chặt chẽ việc tuyên truyền đường lối, chính sách, nghị quyết, quan điểm của Đảng, tăng cường giáo dục lý tưởng, phẩm chất đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên ; xây dựng đội ngũ cán bộ công tác tư tưởng.

Cải tiến phương thức lãnh đạo, phát huy sức mạnh của công tác tư tưởng : chỉ đạo chặt chẽ về định hướng chính trị tư tưởng thông qua cấp ủy, các tổ chức Đảng, huy động và phối hợp lực lượng toàn Đảng, toàn hệ thống chính trị, kết hợp các lực lượng chuyên trách và không chuyên trách, phát huy sức mạnh tổng hợp của công tác tư tưởng, vai trò và hiệu lực quản lý, điều hành của Nhà nước, sử dụng có hiệu quả các phương tiện thông tin đại chúng ; bám sát cơ sở, gắn với thực tiễn ở cơ sở.

*

* *

Dân tộc ta cùng nhân loại bước vào thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới. Sự nghiệp đổi mới,

xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc theo Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng đang đứng trước những cơ hội lớn và những thách thức lớn. Đó cũng là trọng trách mới của toàn thể đội ngũ cán bộ trên mặt trận tư tưởng - văn hóa của Đảng.

Tình hình và điều kiện mới đó đã và đang đặt ra trước công tác tư tưởng - văn hóa của Đảng hàng loạt vấn đề vừa cơ bản vừa bức xúc đòi hỏi phải giải quyết kịp thời và hiệu quả. Như Đảng ta chỉ rõ, "tình hình tư tưởng trong Đảng và trong nhân dân hiện nay là : mặt tích cực và tiêu cực đan xen nhau, trong đó mặt tích cực là cơ bản, đã và đang quyết định chiều hướng phát triển của xã hội, là nhân tố quan trọng tạo nên thắng lợi của công cuộc đổi mới đất nước ; tuy vậy, mặt tiêu cực có lúc, có nơi cũng rất nghiêm trọng, thực sự là nguy cơ tiềm ẩn, liên quan tới sự mất còn của Đảng, của chế độ". Trong lúc đó, "công tác tư tưởng của ta còn thiếu sắc bén, tính chiến đấu không cao, phương pháp tiến hành chưa linh hoạt, chưa tạo được nhận thức đúng và nhất trí cao đối với đường lối, quan điểm của Đảng ; chưa thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, chưa phê phán mạnh và đấu tranh kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, những quan điểm mơ hồ, sai trái, khuynh hướng "thương mại hóa", lai căng, chạy theo thị hiếu tầm thường trên báo chí, phát thanh, truyền hình, trong văn hóa, văn nghệ và xuất bản. Công tác tư tưởng chưa gắn với công tác tổ chức, xây dựng cơ chế, chính sách, nhiều tổ chức đảng chưa thật sự lãnh đạo công tác tư tưởng". Tình hình đó đặt trọng trách lớn lao trên vai toàn thể đội ngũ cán bộ trên mặt trận công tác tư tưởng - văn hóa của Đảng ta.

Trong tình hình mới, Đảng ta xác định phương hướng chung, sáu nhiệm vụ chủ yếu và bảy giải pháp đẩy mạnh công tác tư tưởng, lý luận. Hơn ai hết, toàn thể những cán bộ trên

mặt trận tư tưởng - văn hóa của Đảng phải quán triệt và thực hiện tốt các nhiệm vụ chủ yếu sau : **1** - đẩy mạnh tổng kết và nghiên cứu lý luận, tiếp tục làm sáng tỏ hơn lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ; **2** - nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị, tạo sự thống nhất cao hơn nữa trong Đảng, sự đồng thuận trong nhân dân ; **3** - công tác tư tưởng, lý luận phải góp phần giải quyết những vấn đề kinh tế, xã hội bức xúc, chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, thực dụng, chần chừ suy thoái về đạo đức, lối sống ; **4** - chủ động tiến công, triển khai có hiệu quả cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận, làm thất bại chiến lược "diễn biến hòa bình", âm mưu bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch ; **5** - thực hiện nghiêm túc những chỉ thị, quy định của Đảng về bảo vệ Đảng ; xử lý kịp thời theo pháp luật và kỷ luật Đảng mọi hoạt động tán phát tài liệu xấu, thông tin bịa đặt, các thư nặc danh, mao danh có nội dung xấu ; và **6** - nâng cao chất lượng hiệu quả công tác tuyên truyền, cổ động, báo chí - xuất bản, văn hóa - văn nghệ, thông tin đối ngoại.

Với tất cả những thành tựu đã đạt được, những khiếm khuyết, hạn chế đã được nghiêm túc xem xét, bằng những kinh nghiệm máu thịt được rút ra từ thực tiễn truyền thống vẻ vang 72 năm qua, với niềm vinh dự và tự hào đón nhận Huân chương Sao Vàng - phần thưởng cao quý nhất của Đảng và Nhà nước trao tặng, chúng ta tin tưởng vững chắc rằng, toàn thể đội ngũ những cán bộ trên mặt trận tư tưởng - văn hóa của Đảng tiếp tục phát huy tinh thần cách mạng tiến công, nắm chắc cơ hội, vượt qua thách thức, không ngừng vươn lên mạnh mẽ, vững chắc, hoàn thành trọng trách vinh quang mà sự nghiệp cách mạng giao phó, xứng đáng với sự tin cậy của Đảng và niềm yêu quý của nhân dân. □

TẠP CHÍ CỘNG SẢN TIẾP TỤC GÓP PHẦN TO LỚN HƠN NỮA VÀO SỰ PHÁT TRIỂN KHÔNG NGỪNG CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG, LÝ LUẬN CỦA ĐẢNG

NGUYỄN KHOA ĐIỂM *

Từ thực tiễn lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn đánh giá cao vị trí, tầm quan trọng của công tác tư tưởng, lý luận, coi đó là một trong những nhân tố cốt lõi làm nên thắng lợi của cách mạng nước nhà ; đồng thời, là một trong những mặt cơ bản quyết định sự thành công của công tác xây dựng Đảng. Vì, lẽ giản dị là, chỉ có đảng nào có được một lý luận tiên phong hướng dẫn thì đảng đó mới có thể đóng được vai trò của người lãnh đạo tiên phong.

Do đó, vừa ra đời, Đảng ta đã hết sức chăm lo và phát triển công tác tư tưởng, lý luận. Thực hiện quyết định của Hội nghị thành lập Đảng (3-2-1930) : "Ban trung ương có thể xuất bản một tạp chí lý luận và ba tờ báo tuyên truyền của ba xứ", Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng đã xuất bản *Tạp chí Đỏ*, và số 1 *Tạp chí* ra mắt bạn đọc ngày 5-8-1930, do Bác Hồ kính yêu vừa là người sáng lập vừa là Tổng Biên tập đầu tiên. Từ đó đến nay, tròn 72 năm, gắn chặt với mỗi bước đi của cách mạng nước ta, *Tạp chí* của Đảng nối tiếp nhau ra mắt bạn đọc, với các tên gọi khác nhau. Từ 1930 đến 1945, sau *tạp chí Đỏ* là *tạp chí Cộng sản* (1931), *tạp chí Bôn-sơ-vic*, rồi tới *Tạp chí Cộng sản* (1941, 1943). Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp,

là *tạp chí Sinh hoạt nội bộ* và *Tạp chí Cộng sản* (1950). Sau khi hòa bình lập lại ở miền Bắc, *tạp chí Học tập* ra đời tháng 12-1955 và xuất bản đều kỳ hằng tháng. Từ ngày 5-1-1977, *tạp chí Học tập* được đổi tên thành *Tạp chí Cộng sản*, vẫn ra đều kỳ hằng tháng. Từ tháng 7-1995, *Tạp chí Cộng sản* ra hai kỳ một tháng ; và cho tới ngày 1-1-2002, *Tạp chí* ra ba kỳ mỗi tháng.

Tròn 72 năm qua, là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng, *Tạp chí Cộng sản* không ngừng lớn mạnh toàn diện, góp phần to lớn và quan trọng vào sự nghiệp cách mạng nước ta nói chung, sự phát triển của công tác tư tưởng, lý luận của Đảng nói riêng. Đặc biệt, trong hơn 15 năm Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, với chức năng và vị thế của mình, *Tạp chí Cộng sản* cùng toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đứng vững trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, ra sức nghiên cứu lý luận, nỗ lực tổng kết thực tiễn và không ngừng phát triển lý luận xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Rất nhiều vấn đề thực tiễn nóng bỏng của đất nước được kiến giải và từng bước

* Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng

tổng kết, xây dựng về phương diện lý luận, góp phần làm cho *"con đường đi lên chủ nghĩa ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn"*. Trước thềm Đại hội lần thứ IX của Đảng, phát huy những thành quả đã đạt được, *Tạp chí Cộng sản* tiếp tục đóng góp quan trọng vào quá trình phát triển và bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tham gia hoạch định đường lối chiến lược phát triển đất nước trong những thập kỷ đầu thế kỷ XXI của Đảng. Qua đó, tính lý luận và tính chiến đấu của *Tạp chí Cộng sản* không ngừng được nâng lên.

Chúng ta tự hào về sự cố gắng liên tục rất đáng trân trọng, những thành tích rất đáng ghi nhận đó của tập thể cán bộ, nhân viên thuộc Bộ biên tập sát cánh với đội ngũ cộng tác viên, thông tin viên là các nhà lý luận, các nhà lãnh đạo và quản lý, các chuyên gia khoa học công nghệ, văn hóa nghệ thuật cùng toàn thể bạn đọc của *Tạp chí Cộng sản*. Sự nỗ lực liên tục, sự trưởng thành không ngừng và toàn diện đó của *Tạp chí Cộng sản* cũng chính là kết quả của sự hợp tác, giúp đỡ và đóng góp chung của tất cả các ban, ngành, các cơ quan Đảng, Nhà nước, các đoàn thể chính trị - xã hội ở trung ương và địa phương cùng toàn thể nhiều thế hệ cộng tác viên và bạn đọc trong và ngoài nước...

Năm 2002, *Tạp chí Cộng sản* tròn 72 năm xây dựng và trưởng thành cũng là năm đánh dấu đất nước bước vào năm thứ hai của thiên niên kỷ thứ III. Cách mạng nước ta bước vào thời kỳ phát triển mới - thời kỳ tiếp tục sự nghiệp đổi mới đi vào chiều sâu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, trong bối cảnh toàn cầu hóa mạnh mẽ và sâu sắc, với sự bùng nổ của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, với sự lan tỏa ngày càng sâu rộng của kinh tế tri thức. Chúng ta đang đứng trước rất nhiều thời cơ, vận hội to lớn song cũng đang đối mặt với không ít nguy cơ, thách thức nghiệt ngã, có khi mang tính chất sống còn. Hàng loạt vấn đề lý luận hết sức mới mẻ, quan trọng, vừa cơ bản chiến lược vừa

cấp bách, có ý nghĩa quyết định đối với sự thành bại của công cuộc đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc đang đặt ra đòi hỏi chúng ta phải lý giải, buộc chúng ta phải đi sâu nghiên cứu, cùng nhau tìm tòi suy nghĩ để có câu trả lời đúng. Chẳng hạn, cần phải cắt nghĩa vấn đề toàn cầu hóa và kinh tế tri thức như thế nào? Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở nước ta trong bối cảnh hiện nay ra sao? Việc phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta bao gồm những vấn đề gì? Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế ra sao? Xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa như thế nào? Làm sao để xây dựng, chỉnh đốn Đảng ngang tầm nhiệm vụ chính trị trong thời kỳ mới? Xử lý như thế nào mối quan hệ giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa? V.v..

Có lẽ chưa bao giờ có nhiều vấn đề lớn như thế đặt ra một cách bức thiết đối với công tác tư tưởng, lý luận. Vì vậy, các cơ quan và tập thể cán bộ làm công tác tư tưởng, lý luận có trách nhiệm đào sâu nghiên cứu góp thêm những tiếng nói thiết thực làm sáng rõ các vấn đề đó. Trong các cơ quan lý luận đó, *Tạp chí Cộng sản* cần nhận rõ trọng trách cao cả của mình, không ngừng cố gắng với mức cao nhất và chủ động sáng tạo, nỗ lực đi sâu nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, tìm câu trả lời một cách đúng đắn và nhanh nhất; qua đó góp phần cùng toàn Đảng và Nhà nước hoạch định đường lối, chính sách đúng đắn, tiếp tục đề ra những giải pháp hữu hiệu đưa công cuộc đổi mới xây dựng đất nước không ngừng phát triển.

Với vị thế và tư cách là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng, *Tạp chí Cộng sản* cùng các cơ quan lý luận khác phải đi đầu trên mặt trận tư tưởng, lý luận của Đảng như: một trách nhiệm thiêng liêng và một vinh dự to lớn nhưng cũng hết sức nặng nề. Chính vì lẽ đó, để tạo điều kiện phổ cập lý luận một cách rộng rãi và sâu sắc hơn, Bộ Chính trị, Ban Bí thư

Trung ương Đảng (khóa VII, VIII và IX) đã quyết định giao nhiệm vụ cho *Tạp chí Cộng sản* nâng nhịp độ xuất bản Tạp chí in từ một kỳ lên hai kỳ, rồi *ba kỳ một tháng* kể từ tháng 1-2002 ; cho phép "*sớm đưa Tạp chí Cộng sản lên mạng in-to-net*". *Tạp chí Cộng sản* đã và đang thực hiện tốt nhiệm vụ nặng nề đó, với chất lượng ngày càng cao. Ngày 3-2-2002, nhân dịp kỷ niệm 72 năm ngày thành lập Đảng, Tạp chí đã phát hành chương trình chính thức trên mạng in-to-net, với dung lượng hai kỳ mỗi tháng. Cho tới nay, *Tạp chí Cộng sản* điện tử với nội dung phong phú, sâu sắc và hình thức đẹp đã được phát hành 18 kỳ trên mạng in-to-net, thu hút hàng chục vạn lượt người truy cập. Cùng với ba kỳ Tạp chí in định kỳ, đó là một cố gắng lớn nhằm mở rộng diện tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối chính trị của Đảng, chủ trương và chính sách của Nhà nước ; đồng thời, giới thiệu những thành quả quan trọng của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc của chúng ta với bầu bạn trên thế giới.

Tuy nhiên, để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ do Trung ương Đảng giao phó, mỗi cán bộ biên tập, mỗi phóng viên, cộng tác viên của Tạp chí phải chủ động, sáng tạo hơn nữa *trong việc nghiên cứu lý luận gắn chặt với tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tổng kết thực tiễn cách mạng một cách toàn diện và sâu sắc gắn chặt với việc tiếp thu một cách chọn lọc kinh nghiệm tốt của các nước khác, phát triển lý luận cách mạng lên trình độ mới nhằm tiếp tục góp phần quan trọng vào quá trình xây dựng đường lối chính trị của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước*. Đồng thời, Tạp chí luôn trở thành *cầu nối* đưa nghị quyết của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống ; qua đó, chủ động và liên tục *tổng kết thực tiễn, trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng phát triển lý luận, nhằm góp phần tích cực làm rõ hơn nữa những vấn đề lý luận và thực tiễn của thời kỳ quá độ lên*

chủ nghĩa xã hội ở nước ta, chủ động *đấu tranh bảo vệ sự đúng đắn của đường lối, chính sách của Đảng ta*. Điểm cần nhấn mạnh là, toàn bộ công tác đó phải đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Bộ Chính trị và Ban Bí thư Trung ương Đảng. Đó là nguyên tắc cơ bản đầu tiên để *Tạp chí Cộng sản* không ngừng nâng cao tính lý luận và tính chiến đấu của mình trên mặt trận tư tưởng, lý luận của Đảng nhằm góp phần đáp ứng những yêu cầu và đòi hỏi mới rất cao của đất nước trong thời đại hiện nay.

Cuộc sống cho thấy, không nghiên cứu, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, làm tốt công tác tổng kết thực tiễn, chúng ta không thể hoạch định đúng đắn và thực hiện thành công đường lối chính trị phát triển đất nước ; và ngược lại, không thực hiện thành công đường lối chính trị của Đảng thì chúng ta không thể phát triển và bảo vệ hiệu quả chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phương hướng lý luận của Đảng ta. Với tinh thần đó, *Tạp chí Cộng sản* cần xuất phát từ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục thâm nhập thực tế, đi sâu phát hiện, tổng kết những vấn đề thực tiễn nóng bỏng, nhất là trên những phương diện cơ bản và quan trọng của đời sống đất nước nhằm phát triển lý luận ; mở rộng diễn đàn thảo luận và tranh luận lý luận một cách sôi nổi, dân chủ nhằm thu hút và tập trung trí tuệ của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân trong việc xây dựng và thực hiện đường lối, nghị quyết của Đảng ; đồng thời, thực hiện tốt hơn nữa sự kết hợp linh hoạt giữa hai loại hình Tạp chí in và Tạp chí điện tử cùng với hệ thống tạp chí lý luận của các ngành để nâng cao hiệu quả tuyên truyền, giáo dục lý luận. Không ngừng chăm lo đào tạo, bồi dưỡng toàn diện kiến thức, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đội ngũ cán bộ, nhân viên của Tạp chí nhằm tạo ra môi trường và điều kiện tốt nhất để Tạp chí hoàn thành mọi nhiệm vụ.

(Xem tiếp trang 45)



PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRI THỨC, RÚT NGẮN QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

ĐẶNG HỮU*

CÁCH đây hai thế kỷ, khi nền kinh tế công nghiệp ra đời, nhân loại đã trải qua một thời kỳ chuyển tiếp với những biến động to lớn, *phương thức sản xuất phong kiến được thay thế bằng phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa*. Ngày nay, thế giới đang bước vào một thời kỳ chuyển tiếp mạnh mẽ hơn, "*một cơn đau đẻ*" rất dữ dội, một cuộc đấu tranh rất quyết liệt giữa cái cũ đã phôi bày đầy đủ bộ mặt xấu xa, lỗi thời của nó với cái mới tốt đẹp hơn đang nảy mầm từ trong lòng xã hội cũ. Đó là sự chuyển tiếp từ *xã hội công nghiệp sang xã hội tri thức* mang tính toàn cầu, một xã hội thực sự tự do, dân chủ, công bằng và văn minh, trong đó con người được hoàn toàn giải phóng, phát triển toàn diện. Đó là sự chuyển tiếp của một xã hội có giai cấp sang một xã hội không có giai cấp, văn minh - *xã hội cộng sản chủ nghĩa* mà C. Mác đã tiên đoán.

Cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại phát triển vô cùng mạnh mẽ, cùng với cách mạng thông tin và cách mạng tri thức đang làm biến đổi sâu sắc lực lượng sản xuất xã hội, tạo tiền đề cho lực lượng sản xuất bước lên một thang bậc phát triển mới : *nền kinh tế tri thức toàn cầu hóa*. Sự nhảy vọt của lực lượng sản xuất chắc chắn sẽ gây ra những biến động to lớn, sâu sắc đến mọi mặt đời sống nhân loại trên toàn hành tinh, dẫn tới một cuộc cách mạng xã hội

lớn thay thế những quan hệ xã hội đã lỗi thời bằng những quan hệ tiên tiến, phù hợp. *Đó là những nét đặc trưng chủ yếu của thời kỳ quá độ của xã hội loài người từ chế độ tư bản chủ nghĩa sang chế độ cộng sản chủ nghĩa*.

Sự chuyển từ kinh tế nông nghiệp sang kinh tế công nghiệp là sự chuyển từ lao động thủ công sang lao động máy móc, từ kinh tế lao động sang kinh tế tài nguyên. Sự chuyển từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức là sự chuyển từ nền kinh tế dựa vào lao động và tài nguyên sang nền kinh tế dựa chủ yếu vào trí tuệ con người. Máy móc do con người làm ra không chỉ thay thế lao động cơ bắp mà còn thay thế nhiều chức năng lao động trí óc, làm cho năng lực trí óc và khả năng sáng tạo của con người được nhân lên gấp bội. Xu thế phát triển này không nằm ngoài dự đoán của C. Mác. C. Mác tuy không nói kinh tế tri thức, nhưng đã nói : "trí thức sẽ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp", "khoa học trực tiếp làm ra sản phẩm" ; "xuất hiện công nhân khoa học" ; "giá trị của lao động cơ bắp trong sản phẩm làm ra sẽ còn là cực nhỏ"... Những dự báo đó ngày nay đang được thực tế chứng minh.

Kinh tế tri thức đã bắt đầu xuất hiện từ hai thập kỷ qua ; trong các nền kinh tế phát triển

* GS, Trưởng Ban Khoa giáo Trung ương

trên thế giới đang diễn ra nhiều chuyển biến mới rất đáng chú ý. Các hoạt động kinh doanh, thương mại, cách tổ chức sản xuất, cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, vị trí con người trong sản xuất... đều có những thay đổi to lớn. Tri thức và công nghệ đã trở thành yếu tố quyết định nhất của sản xuất, quan trọng hơn so với vốn, tài nguyên và lao động.

Nền kinh tế tri thức tạo nhiều cơ hội mới, nhưng đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức đối với các nước đang phát triển : đó là nền kinh tế dựa trên nền khoa học công nghệ tiên tiến và mạng xa lộ thông tin hiện đại, có năng suất, chất lượng, hiệu quả, tốc độ tăng trưởng cao, dịch chuyển cơ cấu nhanh và không ngừng đổi mới. Song, đây cũng là nền kinh tế mang nhiều tính rủi ro, linh hoạt, biến động. Cơ cấu lao động thay đổi rất lớn ; người lao động trực tiếp làm ra sản phẩm giảm đi, người làm các công việc ở xử lý thông tin, điều khiển, kiểm soát, làm việc ở văn phòng tăng lên; công nhân áo trắng, nhất là *công nhân tri thức* chiếm đa số trong lực lượng lao động. Sản xuất công nghệ trở thành loại hình sản xuất quan trọng nhất. Các doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh công nghệ - *doanh nghiệp sáng tạo* mọc lên như nấm. Các khu công nghệ phát triển nhanh trở thành những trụ cột của nền kinh tế.

Kinh tế tri thức thúc đẩy sự dân chủ hóa. Tổ chức quản lý có nhiều đổi mới ; mô hình chỉ huy tập trung, có đẳng cấp không còn phù hợp đang được thay thế bằng mô hình phi đẳng cấp, phi tập trung, mô hình mạng. Trong nền kinh tế tri thức mọi người đều học tập, học thường xuyên, không ngừng trao dồi kỹ năng, thường xuyên được bổ túc, cập nhật kiến thức, chủ động theo kịp sự đổi mới. Mô hình giáo dục truyền thống chuyển sang mô hình *học tập suốt đời*. Đầu tư vô hình (cho con người, cho giáo dục, khoa học, văn hóa xã hội...) cao hơn đầu tư hữu hình (đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật...). *Phát triển con người* trở thành nhiệm vụ trung tâm của xã hội.

Sự sáng tạo, đổi mới trở thành động lực chủ yếu nhất của sự phát triển. Công nghệ đổi mới rất nhanh, vòng đời công nghệ rút ngắn ; quá trình từ lúc ra đời, phát triển rồi tiêu vong của một lĩnh vực sản xuất, hay một công nghệ chỉ vài năm, thậm chí vài tháng. Trong nền kinh tế tri thức, của cải làm ra dựa chủ yếu vào cái chưa biết ; cái đã biết không còn giá trị nữa ; môi trường để tìm ra cái chưa biết chính là mạng thông tin. Khi phát hiện ra cái chưa biết thì cũng tức là loại trừ cái đã biết. Cái cũ mất đi thay thế bằng cái mới ; *nền kinh tế, xã hội luôn đổi mới.* Nếu không có năng lực sáng tạo, trì trệ không đổi mới, thì sẽ bị thất bại, bị đè bẹp trong cuộc cạnh tranh.

Cách mạng tri thức, cách mạng thông tin hiện nay đang thúc đẩy kinh tế tri thức phát triển mạnh hơn nữa. Trong thế kỷ XXI sẽ xuất hiện *nền sản xuất hoàn toàn tự động hóa*, con người sẽ lao động trí óc là chủ yếu, công việc chính là xử lý thông tin, điều khiển, kiểm soát, học tập, nghiên cứu, sáng tạo công nghệ mới ; hầu như không còn người công nhân trực tiếp sản xuất bằng lao động chân tay. Đó phải chăng là *tiền đề vật chất cho một xã hội tương lai trong đó con người được hoàn toàn giải phóng*, làm việc theo khả năng, hưởng theo nhu cầu ? Là xã hội cộng sản chủ nghĩa mà C. Mác đã tiên đoán ? Con đường đi tới đó còn đầy chông gai, trắc trở, loài người còn phải trải qua những cuộc vật lộn quyết liệt, những cuộc cách mạng xã hội long trời lở đất để phá bỏ cái cũ, xây dựng cái mới. Nhưng *chắc chắn loài người sẽ đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản*, đó là quy luật phát triển khách quan, tất yếu của lịch sử nhân loại.

Hiện nay, sự phát triển của kinh tế tri thức đang *khơi sâu các mâu thuẫn vốn có của chủ nghĩa tư bản*. Chủ nghĩa tư bản đã buộc phải thực hiện "đại điều chỉnh" các quan hệ xã hội, quan hệ sản xuất để thích nghi với sự phát triển, để tiếp tục củng cố vị trí, lũng đoạn toàn thế giới ; nhưng chỉ có thể điều chỉnh được trong phạm vi cho phép của chủ nghĩa tư bản, chứ không thể

giải quyết được mâu thuẫn cơ bản giữa trình độ xã hội hóa rất cao của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư liệu sản xuất.

Toàn cầu hóa tư bản chủ nghĩa hiện nay đang làm gia tăng nhanh chóng sự bất công xã hội, phân cực giàu nghèo, suy thoái đạo đức, văn hóa. Báo cáo phát triển con người năm 1999 của Liên Hợp quốc đã vẽ lên bức tranh đầy đủ về những mâu thuẫn nan giải đó và kêu gọi phải tái lập các chính phủ, phải cải tổ cơ cấu quản lý nền kinh tế toàn cầu, kêu gọi tập trung sức giải quyết sự phân cực về tri thức và thông tin trên phạm vi toàn cầu. Tổng thư ký Liên hợp quốc cũng đã thừa nhận : *"Tri thức là tài sản chung của loài người, không thể bị chiếm hữu"*. Khoa học, công nghệ, kinh tế tri thức là thành tựu chung của loài người, lẽ ra đem lại hạnh phúc cho mọi người, thế nhưng nó lại tạo ra sự bất công xã hội, phân cực giàu nghèo, hủy hoại các giá trị văn hóa của nhân loại. Nguyên nhân là chủ nghĩa tư bản, *một mặt* đã tạo điều kiện cho khoa học, lực lượng sản xuất phát triển, nhưng *mặt khác* biến nó thành công cụ để áp đặt sự thống trị lên toàn cầu.

Phong trào đấu tranh chống lại trật tự thế giới do chủ nghĩa tư bản áp đặt đang gia tăng mạnh mẽ, đòi hỏi toàn cầu hóa phải công bằng, dân chủ, nhân văn hơn. Phong trào đấu tranh của công nhân và nhân dân lao động trong các nước tư bản chủ nghĩa cũng lên cao. Cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới chống lại chủ nghĩa tư bản sẽ còn lâu dài, quyết liệt cho đến khi trên thế giới hình thành được một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, một xã hội trong đó con người sống hạnh phúc, phát triển mọi tài năng.

Nền kinh tế tri thức toàn cầu hóa hiện nay là cơ hội và thách thức đối với tất cả các nước, nhưng hội nhập là sự lựa chọn duy nhất, là quá trình hợp tác và đấu tranh.

Các nước đang phát triển phải đối mặt với những thách thức gay gắt, nhưng phải biết nắm lấy thời cơ, nắm bắt khoa học công nghệ và kinh tế tri thức để rút ngắn khoảng cách với các nước

phát triển. Ngày nay, khoảng cách về sự phát triển chính là do khoảng cách về tri thức. Nhiều nước đã đề ra "chiến lược đi tắt vào kinh tế tri thức", "chiến lược công nghiệp hóa dựa vào tri thức", "sử dụng tri thức cho phát triển"... Nhân tố quan trọng hàng đầu để thực hiện các chiến lược ấy là phát triển vốn con người, vốn tri thức, phát triển mạnh giáo dục đào tạo, nâng cao năng lực khoa học và công nghệ, hội nhập quốc tế để tranh thủ vốn, công nghệ của nước ngoài. Các nước đều đặc biệt quan tâm đến phát triển cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin, coi đó là động lực hàng đầu đẩy nhanh sự phát triển.

Đối với nước ta, kinh tế tri thức là thách thức rất gay gắt, nhưng cũng là cơ hội to lớn để rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Từ một nước nông nghiệp nghèo nàn đi lên thẳng chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, cái thiếu nhất đối với chúng ta là cơ sở vật chất kỹ thuật của nền sản xuất tiên tiến, hiện đại của chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, Đảng ta xác định *nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ là phát triển lực lượng sản xuất, là công nghiệp hóa, hiện đại hóa*. Công nghiệp hóa trong bối cảnh quốc tế ngày nay *không thể rập khuôn mô hình công nghiệp hóa các nước đã đi trước*. Kinh tế tri thức - giai đoạn phát triển mới của lực lượng sản xuất xã hội cho ta thấy những khả năng mới để rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nước ta phải nắm bắt thời cơ, khẩn trương chuẩn bị mọi điều kiện để phát triển kinh tế tri thức. Công nghiệp hóa ở nước ta phải thực hiện đồng thời *hai quá trình chuyển tiếp, hai nhiệm vụ cơ bản* : chuyển từ kinh tế nông nghiệp sang kinh tế công nghiệp và từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức ; và phải *phát triển theo hai tốc độ*, vừa tuần tự, vừa nhảy vọt : *một mặt*, phải lo phát triển nông nghiệp, nâng cao năng lực sản xuất những ngành công nghiệp cơ bản, lo giải quyết những nhu cầu cơ bản và bức xúc của người dân, tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo ;

mặt khác, phải phát triển nhanh những ngành kinh tế dựa vào tri thức và công nghệ cao, nhất là công nghệ thông tin để hiện đại hóa và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, tạo ngành nghề mới, việc làm mới, đạt tốc độ tăng trưởng cao, chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế, hội nhập có hiệu quả với nền kinh tế thế giới.

Sự thành công của công nghiệp hóa rút ngắn dựa vào tri thức phụ thuộc chủ yếu vào các yếu tố sau đây :

Chủ động hội nhập quốc tế kết hợp với tăng cường năng lực nội sinh của dân tộc. Yếu tố quyết định nhất đối với năng lực nội sinh của một dân tộc là văn hóa, giáo dục, khoa học, cũng tức là sức mạnh tinh thần và trí tuệ của dân tộc.

Dựa trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới. Công nghiệp hóa là sử dụng tri thức và khoa học công nghệ mới nhất để hiện đại hóa nền kinh tế, chuyển nền kinh tế từ tình trạng năng suất, chất lượng, hiệu quả thấp sang nền kinh tế năng suất, chất lượng, hiệu quả cao. Vì vậy, công nghiệp hóa đi liền với hiện đại hóa, công nghiệp hóa ngày nay phải là công nghiệp hóa dựa vào tri thức.

Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ trong điều kiện hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu không có nghĩa là phải sản xuất để thỏa mãn các nhu cầu trong nước, không bị lệ thuộc vào nước khác ; mà điều cốt yếu là nền kinh tế phải có tính cạnh tranh cao, tự định đoạt vận mệnh của mình, không chịu sức ép của nước khác, ít bị ảnh hưởng nhất trước những biến động lớn của kinh tế thế giới hay khu vực.

Chuyển hướng mạnh trong chính sách đầu tư, từ trọng tâm là kinh tế sang trọng tâm là cho con người (cho văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, khoa học...), từ đầu tư hữu hình chuyển sang đầu tư vô hình. Đó là kinh nghiệm của các nước đi sau đang đi nhanh vào kinh tế tri thức. Thực sự coi tri thức là nguồn vốn của sản xuất, và là nguồn vốn quan trọng nhất.

Tăng cường năng lực khoa học công nghệ của Việt Nam, bắt kịp và làm chủ công nghệ hiện đại. Không có đủ tri thức, không có đủ năng lực nội sinh về khoa học công nghệ thì hội nhập chỉ bị thua thiệt, bị bóc lột, chèn ép và sẽ trở thành bãi thải công nghệ của các nước khác. Đã đầu tư mới thì dùng công nghệ mới, tiên tiến nhất. Tận dụng cơ sở vật chất hiện có phải đi đôi với sử dụng tri thức mới, khi không đưa lại hiệu quả nữa thì phải chuyển sang làm việc khác hoặc bỏ đi. Không chấp nhận dùng "công nghệ trung gian", bởi thực chất đó là những công nghệ đã lỗi thời.

Nhanh chóng phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, hình thành mạng xa lộ thông tin quốc gia, ứng dụng công nghệ thông tin rộng rãi trong tất cả các lĩnh vực, phát triển công nghiệp thông tin, nhất là công nghiệp phần mềm, để thúc đẩy phát triển nhanh tất cả các lĩnh vực, dịch chuyển nhanh cơ cấu kinh tế. *Công nghệ thông tin là chìa khóa để đi vào kinh tế tri thức.*

Phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài là nhân tố quyết định nhất đối với phát triển kinh tế tri thức. Kinh tế tri thức đòi hỏi mọi người học tập thường xuyên, học suốt đời, có đủ năng lực sáng tạo, đổi mới và phát triển. Trong những năm tới phải tăng mạnh đầu tư để phát triển giáo dục và phải tiến hành một cuộc cải cách giáo dục mới, cải cách về mục tiêu, hệ thống giáo dục, nội dung và phương pháp giáo dục nhằm xây dựng những thế hệ người Việt Nam có bản lĩnh, có lý tưởng, có khả năng sáng tạo, làm chủ được tri thức hiện đại, quyết tâm đưa nước ta lên trình độ phát triển sánh kịp các nước. Hướng tới một xã hội học tập, phát triển hệ thống giáo dục thường xuyên, tạo điều kiện cho mọi người học tập suốt đời. Phấn đấu sớm hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở và trung học, tăng nhanh đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân có tay nghề cao, đội ngũ cán bộ quản lý, các doanh gia.

Khâu then chốt nhất hiện nay là đổi mới cơ chế và chính sách nhằm thực sự giải phóng mọi

lực lượng sản xuất, mọi khả năng sáng tạo. Tạo lập được một khuôn khổ pháp lý mới phù hợp với sự phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ; tạo môi trường thuận lợi cho mọi người dân, mọi thành phần kinh tế phát huy hết khả năng của mình đóng góp vào phát triển sản xuất. Nhà nước quản lý bằng luật pháp, bằng cơ chế chính sách ; khuyến khích sự cạnh tranh bằng hiệu quả, chất lượng ; phát huy quyền chủ động sáng tạo của các doanh nghiệp, để họ tự chịu trách nhiệm về kết quả công việc của mình. *Vai trò của các doanh nghiệp* thuộc mọi thành phần kinh tế có ý nghĩa rất quyết định đối với phát triển khoa học và công nghệ, phát triển kinh tế tri thức. Không có các doanh nghiệp chủ động sáng tạo biến các tri thức, các ý tưởng mới, các công nghệ thành sản phẩm thì khoa học công nghệ không phát triển và sẽ không có kinh tế tri thức. Cơ chế chính sách phải thực sự khuyến khích và buộc các doanh nghiệp thường xuyên đổi mới, thúc đẩy sự ra đời nhanh chóng các doanh nghiệp mới, nhất là các doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm mới, công nghệ mới. Phải tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng, chống độc quyền.

Nước ta tuy còn nghèo, thu nhập thấp, nhưng tiềm năng trí tuệ con người Việt Nam không thua kém những nước "con rồng", những nước công nghiệp mới. Con người Việt Nam tiếp thu và làm chủ các tri thức mới, công nghệ mới rất nhanh ; một số lĩnh vực mới hình thành đã sử dụng công nghệ mới nhất và theo kịp trình độ của thế giới. Nếu chỉ dựa vào tài nguyên, vốn, lao động và theo cách nghĩ, cách làm công nghiệp hóa trước đây thì bài toán đặt ra về rút ngắn khoảng cách là không có lời giải. Sử dụng tri thức như nguồn vốn chủ yếu, từng bước phát triển kinh tế tri thức trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa như Đại hội lần thứ IX của Đảng đặt ra - đó là lời giải của bài toán. Làm như thế chúng ta đã đảo lại thế trận : thay vì chạy đua với các nước đã công nghiệp hóa hàng trăm năm, chúng ta chạy đua cùng các nước trong phát triển

công nghệ thông tin, kinh tế tri thức vừa chỉ mới bắt đầu hơn một thập kỷ qua, mà ở đây ta có thể mạnh có thể phát huy. Không phải là vì trình độ kinh tế của nước ta chưa phát triển, hạ tầng cơ sở còn yếu, còn nhiều vấn đề bức xúc phải giải quyết như phát triển nông nghiệp nông thôn, xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm..., mà không thể phát triển kinh tế tri thức được. Trái lại, sử dụng tri thức mới, ứng dụng công nghệ thông tin, gia tăng hàm lượng tri thức trong từng ngành kinh tế, phát triển các ngành kinh tế tri thức chính là chìa khóa để phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, phát triển nông nghiệp nông thôn, nhất là các vùng xa xôi hẻo lánh, thu hẹp dần sự cách biệt thành thị và nông thôn... và khâu mấu chốt nhất là nguồn nhân lực có tri thức.

Kinh tế tri thức dưới chế độ tư bản chủ nghĩa làm gia tăng sự phân cực giàu nghèo, bất công xã hội thì trong chế độ ta kinh tế tri thức tạo cơ hội bình đẳng cho sự phát triển của mọi người, mọi vùng, thực hiện được mục tiêu xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. *Suy cho cùng, kinh tế tri thức là lực lượng sản xuất của chủ nghĩa xã hội.*

Khó khăn, thách thức đối với nước ta rất gay gắt. *Nhưng thời cơ lớn đang trước mặt ; phải nắm bắt thời cơ, bắt tay ngay vào hành động, không chậm trễ, bỏ lỡ thời cơ.* Thế giới đang phát triển ngày càng nhanh, một năm bằng nhiều năm trước đây, năm sau nhanh hơn năm trước, thập kỷ sau nhanh hơn thập kỷ trước. Chúng ta đã chậm trong những năm qua, bây giờ phải tăng tốc, bắt kịp, không thể để vận hội lớn trôi qua.

Với tiềm năng trí tuệ, tinh thần sáng tạo, ý chí và bản lĩnh kiên cường của dân tộc Việt Nam, phát huy tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa và *sức mạnh của toàn dân tộc, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới*, chúng ta nhất định sẽ thực hiện thành công nhiệm vụ từng bước phát triển kinh tế tri thức, rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. □

NGÀNH GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 2 (KHÓA VIII) VÀ TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX

NGUYỄN MINH HIẾN *

TRONG 5 năm (1996 - 2001), thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII), ngành Giáo dục và Đào tạo (GD và ĐT) cùng với các ngành, các cấp, đã nỗ lực phấn đấu, quyết tâm đổi mới tạo ra những chuyển biến rõ nét trên nhiều mặt :

1. Quy mô giáo dục tiếp tục tăng ở hầu hết các cấp học, bậc học, trình độ đào tạo ; đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập của các tầng lớp nhân dân. Tính đến đầu năm học 2001 - 2002, cả nước có gần 23 triệu học sinh, sinh viên, tăng khoảng 24% so với năm học 1995 - 1996 ; số học sinh trung học phổ thông (THPT) và số sinh viên đại học, cao đẳng đều tăng rất nhanh, gấp khoảng 2,3 lần. Tỷ lệ số sinh viên trên một vạn dân hiện nay đã đạt 118, vượt chỉ tiêu định hướng cho năm 2000 mà Nghị quyết đề ra. Riêng số học sinh tiểu học (TH) giảm khoảng 8,6% (còn 9,3 triệu) và có xu hướng dần ổn định trong những năm tới.

Mạng lưới trường lớp được củng cố và phát triển rộng khắp trong cả nước, kể cả ở vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Điều đáng phấn khởi là sau 5 năm thực hiện Nghị quyết, đến nay ở hầu hết các địa phương, trường TH đã về đến thôn, ấp, trường trung học cơ sở (THCS) đã có ở các xã hoặc cụm xã, nên giảm hẳn tỷ lệ học sinh thất học hoặc bỏ học do phải đi học xa. Các trường phổ thông dân tộc nội trú và bán trú (quy mô khoảng 350 trường với trên 6 vạn học sinh) được

củng cố thêm một bước dưới các hình thức tổ chức, nội dung hoạt động phong phú, đa dạng hơn, đặc biệt là hình thức bán trú. Việc thành lập thêm các trường đại học và cao đẳng ở các khu vực khó khăn như Tây Bắc, đồng bằng sông Cửu Long, Nam Trung Bộ v.v.. đã đáp ứng lòng mong mỏi của đồng bào ở các khu vực này, góp phần thực hiện công bằng trong giáo dục ; đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và cả nước. Hệ thống các cơ sở đào tạo nghề, các Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm lao động kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp cũng đã được sắp xếp lại, củng cố và phát triển (gần đây có thành lập các Trung tâm học tập cộng đồng), tạo thêm cơ hội học tập cho các tầng lớp nhân dân, trước hết là thanh, thiếu niên (1).

2. Trình độ dân trí được nâng lên rõ rệt. Năm 2000, cả nước hoàn thành xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, thực hiện được mục tiêu mà Nghị quyết đề ra. Gần 94% dân số nước ta trong độ tuổi 15 - 35 đã biết chữ (tỷ lệ này là 92% vào năm 1996), 90% trẻ em đến tuổi 14

* PGS.TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

(1) Hiện nay cả nước có 35 293 trường học các cấp (chưa kể các trường dạy nghề), bao gồm 13 943 trường TH, 9 362 trường THCS, 1 966 trường THPT, 252 trường trung học chuyên nghiệp 114 trường cao đẳng, 109 trường đại học ; còn lại là các trường mẫu giáo, mầm non.

đều tốt nghiệp tiểu học. Số năm đi học trung bình của dân cư là 7,4 cao hơn nhiều nước trong khu vực và trên thế giới có cùng trình độ phát triển kinh tế. Đến tháng 3-2002, có 10 tỉnh, thành phố được công nhận đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục THCS. Do những thành tựu về GD và ĐT và các chính sách xã hội khác, chỉ số phát triển con người HID⁽²⁾ nước ta theo bảng xếp loại của Tổ chức phát triển Liên hợp quốc (UNDP) trong 11 năm gần đây đã có những tiến bộ đáng kể, tăng từ 0,456 vào năm 1990 (xếp thứ 121/174 nước) lên 0,682 vào năm 2001 (xếp thứ 101), tăng 20 bậc. So với chỉ số phát triển kinh tế (GDP/người) ở cùng năm 2001 thì chỉ số HDI vượt lên 19 bậc.

3. Chất lượng và hiệu quả giáo dục có những chuyển biến tích cực trên một số mặt. Tỷ lệ học sinh lưu ban, bỏ học giảm dần, hiệu suất đào tạo tăng lên đáng kể. Điều này thể hiện rõ ở tiểu học - bậc học có số lượng học sinh đông nhất và điều kiện học tập có nhiều khó khăn hơn các bậc học khác. Ở bậc trung học, số học sinh đạt giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia và quốc tế ngày một tăng và không còn chỉ tập trung ở Hà Nội mà đã xuất hiện ở nhiều địa phương khác trong cả nước⁽³⁾. Ở bậc đại học, chất lượng đào tạo của một số ngành khoa học cơ bản và công nghệ đã được nâng lên một bước.

Theo đánh giá của một số chuyên gia trong nước và quốc tế, trình độ hiểu biết, năng lực tiếp cận tri thức mới của học sinh, sinh viên nước ta nhìn chung là tốt so với mặt bằng chung của khu vực và nhất là so với điều kiện đầu tư cho giáo dục. Có một bộ phận học sinh phổ thông vượt hơn hẳn học sinh các nước trong khu vực trên một số mặt, nếu được chăm lo đào tạo tốt; và sử dụng hợp lý thì có thể trở thành những tài năng của đất nước.

4. Các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học (nội dung, chương trình giáo dục, đội ngũ nhà giáo, trường học và cơ sở vật chất kỹ thuật khác...) từng bước được cải thiện. Đối với giáo dục phổ thông, đã rà soát lại và đổi mới một bước sách giáo khoa theo hướng giảm tải tránh chồng chéo, loại bỏ một số nội dung không

thiết thực, đồng thời khẩn trương xây dựng bộ chương trình và sách giáo khoa mới cho cả 3 cấp học: TH, THCS, THPT theo hướng cơ bản, hiện đại, thiết thực, gắn với cuộc sống nhiều hơn. Đến nay, đã ban hành chương trình TH, THCS, hoàn thành việc biên soạn sách giáo khoa lớp 1 và lớp 6 để đưa vào áp dụng đại trà bắt đầu từ năm học 2002 - 2003. Đối với giáo dục đại học, các trường đang chuyển dần sang đào tạo theo diện rộng, tăng tỷ trọng kiến thức khoa học cơ bản, gắn đào tạo cơ bản với đào tạo chuyên ngành, đổi mới quy trình đào tạo bằng cách kết hợp niên chế với học phần, áp dụng tín chỉ, thực hiện liên thông giữa các ngành học và trình độ đào tạo. Đã tổ chức biên soạn chương trình khung của nhiều ngành học theo quy định của Luật Giáo dục đối với cả 3 trình độ đào tạo: cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ.

Nhận thức được tầm quan trọng và tính cấp bách của việc xây dựng đội ngũ nhà giáo, trong 5 năm qua ngành GD và ĐT cùng với các địa phương đã có nhiều cố gắng trong việc duy trì, bổ sung biên chế và chuẩn hóa đội ngũ giáo viên (GV). Đến nay cả nước có gần 90 vạn GV các cấp, tăng 34% so với năm học 1995 - 1996⁽⁴⁾. Cùng với việc nâng cao trình độ chuyên môn, chất lượng chính trị của đội ngũ giáo viên, giảng viên cũng được quan tâm đặc biệt. Việc phát triển đảng trong nhà trường cũng được

(2) HDI là thước đo tổng hợp về sự phát triển con người trên 3 chỉ tiêu sức khỏe (tuổi thọ), trình độ giáo dục (tỷ lệ biết chữ ở người lớn và tỷ lệ nhập học ở các cấp) và mức sống (GDP thực tế tính bình quân đầu người dựa theo sức mua tương đương).

(3) Nếu trong năm học 1995 - 1996 tỷ lệ lưu ban ở bậc tiểu học là 4,81%, tỷ lệ bỏ học là 7,16% và hiệu suất đào tạo là 60,87%, thì đến năm học 2000 - 2001 các tỷ lệ tương ứng là 2,92%, 3,67% và 74,42%. Tính đến năm 2001 chúng ta đã cử 383 học sinh đi dự các kỳ thi Ô-lim-pích quốc tế, có 327 em đạt giải trong đó có 72 huy chương vàng, 114 huy chương bạc và 122 huy chương đồng.

(4) Số GV đạt chuẩn đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục là: Giáo dục mầm non: 42,25%; tiểu học: 78,5%; THCS: 85,62% và THPT: 95,87%. Số giảng viên đại học, cao đẳng có trình độ từ thạc sĩ trở lên chiếm 45%; số có chức danh giáo sư và phó giáo sư chiếm 5,8%.

các cấp ủy đảng quan tâm hơn và thu hút ngày càng nhiều cán bộ, GV tự nguyện phấn đấu gia nhập Đảng.

Trong những năm qua, cùng với việc được Nhà nước tăng ngân sách cho giáo dục, ngành đã biết kết hợp nhiều nguồn vốn, trong đó có sự đóng góp của nhân dân để tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho các nhà trường, tạo điều kiện nâng cao chất lượng dạy và học. Số trường đạt chuẩn quốc gia ngày càng tăng (riêng ở TH đã có 12%). Ở nhiều địa phương, tỷ lệ phòng học kiên cố và bán kiên cố đã đạt 80%. Trong hai năm 2000 và 2001, đã sử dụng vốn vay và viện trợ quốc tế để xây dựng và đưa vào sử dụng 2 603 phòng học kiên cố, tập trung chủ yếu ở các địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn.

5. Chủ trương xã hội hóa giáo dục bắt đầu phát huy tác dụng, góp phần quan trọng làm cho giáo dục thực sự trở thành sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân. Phong trào toàn dân chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục ngày càng mở rộng với nhiều việc làm thiết thực như : tổ chức đại hội giáo dục các cấp, xây dựng quỹ khuyến học, hiến đất xây dựng trường học, v.v.. Các nguồn lực được huy động thông qua con đường xã hội hóa giáo dục, cùng với nguồn lực của Nhà nước, tạo nên sức mạnh tổng hợp thúc đẩy giáo dục phát triển với nhiều loại hình trường lớp, nhiều phương thức đào tạo, đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng phong phú, đa dạng của các tầng lớp nhân dân, góp phần xây dựng một xã hội học tập (5).

6. Công tác quản lý giáo dục đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chính phủ, đặc biệt là Thủ tướng Chính phủ, Bộ GD và ĐT đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan hữu quan, tập trung xây dựng và hoàn chỉnh cơ sở pháp lý trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo. Trên cơ sở định hướng chiến lược được trình bày trong Nghị quyết Trung ương 2 và các văn kiện khác của Đảng, đã xây dựng và trình Quốc hội thông qua Luật Giáo dục (tháng 12/1998), trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chiến lược phát triển giáo dục 2001 - 2010" (tháng 12-2001). Nhiều văn bản quy phạm pháp

luật cấp Chính phủ, cấp Bộ cũng đã được ban hành nhằm tiếp tục thể chế hóa các Nghị quyết của Đảng và cụ thể hóa Luật Giáo dục. Bộ GD và ĐT đã ban hành theo thẩm quyền 137 văn bản ; nhiều văn bản đã đi vào cuộc sống, góp phần tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, giải quyết những vấn đề cấp bách, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho các hoạt động giáo dục.

Các cơ quan quản lý giáo dục đã có các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả chỉ đạo, điều hành, bám sát chức năng quản lý nhà nước, mạnh dạn phân cấp cho cơ sở, đồng thời tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra. Ngành GD và ĐT đã phối hợp với các địa phương tiến hành chấn chỉnh tình trạng dạy thêm, học thêm tràn lan, thu chi không đúng quy định ; việc cấp phát và sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp ; cương quyết xử lý các biểu hiện "thương mại hóa" giáo dục. Những việc làm trên đã góp phần bước đầu lập lại trật tự, kỷ cương, đẩy lùi tiêu cực, được dư luận xã hội đồng tình, ủng hộ.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, ngành giáo dục và đào tạo cũng mạnh dạn nhìn thẳng vào sự thật, nêu rõ những mặt tồn tại, yếu kém và khuyết điểm :

Thứ nhất, chất lượng và hiệu quả giáo dục nhìn chung còn thấp so với yêu cầu phát triển của đất nước và so với trình độ tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới. Đa phần học sinh, sinh viên còn hạn chế về năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành và khả năng thích ứng nhanh với những thay đổi trong công việc và trong đời sống xã hội. Trình độ ngoại ngữ, tin học, những hiểu biết chung về xã hội của học sinh, sinh viên nước ta vẫn còn nhiều bất cập. Điều đáng lo ngại là có một bộ phận học sinh, sinh viên thiếu ý chí vươn lên trong học tập và tu dưỡng, ngại khó khăn, gian khổ, chạy theo lối sống thực dụng.

(5) Đến nay, số cháu đi các lớp mẫu giáo ngoài công lập là 52%, số học sinh THPT ngoài công lập chiếm 34%, tăng 10% so với 5 năm trước. Cả nước có 19 trường đại học, cao đẳng dân lập và 5 trường bán công với gần 100 000 sinh viên.

Hiệu quả giáo dục, vẫn còn thấp, đặc biệt là ở bậc TH và ở các địa bàn khó khăn. Số học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp chưa có việc làm hoặc phải chuyển đổi ngành nghề vẫn còn cao. Nhìn chung, đào tạo chưa gắn bó chặt chẽ với sử dụng, gây lãng phí lớn.

Thứ hai, cơ cấu giữa các cấp học, bậc học, trình độ đào tạo, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu vùng, miền và cơ cấu xã hội trong hệ thống giáo dục vẫn còn bất hợp lý. Mặc dù, đã có một số điều chỉnh trong những năm qua, nhưng tâm lý xã hội cũng như công tác chỉ đạo của ngành vẫn còn nặng về đào tạo đại học, chưa chú trọng đúng mức đến đào tạo nghề, đặc biệt là đào tạo công nhân kỹ thuật có trình độ cao và chưa phát triển mạnh trung học chuyên nghiệp. Ngay trong đào tạo đại học, chưa làm tốt công tác dự báo, quy hoạch, định hướng ngành nghề nên có giai đoạn, học sinh chủ yếu tập trung vào một số ngành như : kinh tế, luật, ngoại ngữ, v.v., trong khi đó chúng ta lại rất thiếu cán bộ về một số ngành công nghệ, nông nghiệp, điều tra cơ bản v.v. Việc phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THCS và THPT chậm triển khai và chưa có các giải pháp đồng bộ và đủ mạnh để thu hút học sinh vào học các trường nghề và trường THCN. Các trường đại học, cao đẳng vẫn tập trung quá nhiều vào hai thành phố lớn là Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, tạo nên sức ép về nhiều mặt đối với hai thành phố này. Số sinh viên là con em các gia đình nghèo, gia đình ở vùng khó khăn, con em đồng bào các dân tộc thiểu số vẫn còn chiếm tỷ lệ thấp trong tổng số sinh viên cả nước.

Thứ ba, nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục còn lạc hậu và chậm được đổi mới. Nhìn chung, chương trình giáo dục các cấp, kể cả ở phổ thông lẫn đại học, còn nặng tính hàn lâm, kinh viện, thiên về lý thuyết, ít thực hành, chưa gắn bó nhiều với cuộc sống. Điều này cùng với tâm lý khoa cử nặng nề đã tạo nên tình trạng quá tải đối với học sinh, sinh viên. Phương pháp dạy và học vẫn còn nặng về truyền thụ một chiều, ít phát huy năng lực tự học, tính chủ động, sáng tạo của học sinh, sinh viên. Ở các trường

đại học, cao đẳng chưa có sự gắn kết chặt chẽ giữa giảng dạy với nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng. Việc giáo dục đạo đức, lý tưởng, thẩm mỹ, sức khỏe trong nhà trường vẫn còn nặng về hình thức, thiếu sinh động, ở một số nơi chưa có điều kiện để thực hiện một cách đầy đủ. Chế độ thi cử, nhất là các kỳ thi tuyển sinh còn nặng nề, căng thẳng, tốn kém và dễ làm nảy sinh tiêu cực.

Thứ tư, đội ngũ giáo viên, giảng viên còn thiếu về số lượng, chưa đồng bộ về cơ cấu và còn nhiều bất cập về trình độ. Ở các cấp học phổ thông, với quy mô hiện nay, để có đủ giáo viên đứng lớp theo quy định, cần được bổ sung thêm khoảng 100 000 người cho ngành giáo dục. Nhiều trường thiếu giáo viên các môn học như : sinh vật, kỹ thuật, giáo dục công dân, nhạc, họa, thể dục. Hiện nay, nguồn tuyển từ các trường sư phạm tương đối dồi dào, nhưng còn khó khăn về biên chế và thể thức tuyển dụng chưa hợp lý. Ở bậc đại học, tỷ lệ số sinh viên/1 giảng viên quá cao (khoảng 30) ; phần đông giảng viên ở độ tuổi trên dưới 50, phải đảm nhận khối lượng giảng dạy lớn, ít có điều kiện thường xuyên tiếp cận, cập nhật tri thức mới và tham gia nghiên cứu khoa học. Nguy cơ hẫng hụt đội ngũ đã được nói đến từ lâu, nhưng chưa có các giải pháp khắc phục một cách kịp thời.

Thứ năm, cơ sở vật chất kỹ thuật của nhà trường vẫn còn thiếu thốn và lạc hậu. Cả nước vẫn còn 1 072 lớp học ba ca, 72 864 phòng học tranh tre, nửa lá, chủ yếu tập trung ở miền núi, vùng sâu, vùng xa. Thư viện, trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy và học tập còn nghèo nàn, lạc hậu và mới chỉ đáp ứng được khoảng 20% yêu cầu. Tình trạng "dạy chay" còn khá phổ biến. Ở nhiều địa phương, ngân sách giáo dục phải sử dụng đến 85 - 90% để chi trả lương và các khoản phụ cấp theo lương, không còn khả năng để mua sắm trang thiết bị chứ chưa nói đến việc hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật nhà trường.

Thứ sáu, các hiện tượng tiêu cực, thiếu kỷ cương, nề nếp trong giáo dục chưa được ngăn chặn kịp thời. Chưa có các giải pháp đồng bộ và

đủ mạnh để giải quyết tình trạng dạy thêm, học thêm tràn lan. Các biểu hiện "thương mại hóa" giáo dục như : mua bằng, bán điểm, tuyển sinh vượt chỉ tiêu bất chấp các điều kiện đảm bảo chất lượng v.v. chậm được phát hiện và xử lý chưa nghiêm. Thanh tra giáo dục vẫn còn là một trong những khâu yếu nhất của công tác quản lý giáo dục. Ma túy và các tệ nạn xã hội đang có xu hướng lây lan, thâm nhập sâu vào các đối tượng là học sinh, sinh viên.

Nguyên nhân của những tồn tại, yếu kém trên, trước hết là do trình độ quản lý giáo dục chưa theo kịp thực tiễn và nhu cầu phát triển, ngành GD và ĐT còn chậm đổi mới về tư duy và phương thức quản lý. Việc định hướng chiến lược, xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành và đề ra các chính sách vĩ mô để giải quyết đúng đắn các mối quan hệ giữa quỹ mô, chất lượng và hiệu quả, giữa ổn định và đổi mới, giữa phát triển đại trà và ưu tiên mũi nhọn v.v. chưa rõ ràng, chậm đưa ra các giải pháp đồng bộ, khả thi. Một số vấn đề về lý luận phát triển giáo dục trong giai đoạn mới chưa được quan tâm nghiên cứu đầy đủ để định hướng cho các hoạt động thực tiễn. Cơ chế quản lý giáo dục chưa hợp lý, vẫn còn tình trạng vừa ôm đồm, bao biện vừa buông lỏng quản lý nhà nước. Một bộ phận cán bộ quản lý, giáo viên năng lực hạn chế và suy giảm về phẩm chất đạo đức, có những hành vi tiêu cực, làm ảnh hưởng đến uy tín của ngành.

Bên cạnh đó, việc phối hợp giữa ngành GD và ĐT với các ngành, các cấp cũng còn nhiều vướng mắc, thậm chí có nơi có lúc giáo dục chỉ được xem là công việc riêng của ngành giáo dục. Việc kết hợp giáo dục nhà trường với giáo dục gia đình và giáo dục ngoài xã hội chưa được quan tâm đầy đủ và thiếu cơ chế phối hợp.

Về mặt khách quan, khó khăn lớn nhất là yêu cầu học tập của nhân dân, yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ngày càng cao, trong khi nguồn lực và các điều kiện đảm bảo chất lượng và hiệu quả giáo dục lại rất hạn chế. Những chậm trễ trong cải cách hành chính nhà nước, đổi mới quản lý kinh tế, sử dụng lao động, chính sách tiền lương... cũng là những yếu tố cản trở

việc giải quyết những vấn đề vướng mắc trong quá trình phát triển giáo dục.

*
* *
*

Chiến lược phát triển giáo dục 2001 - 2010 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đã cụ thể hoá các mục tiêu đến năm 2010 trên cơ sở tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 và triển khai Nghị quyết Đại hội IX. Đó là :

1. Tạo bước chuyển biến cơ bản về chất lượng giáo dục theo hướng tiếp cận với trình độ tiên tiến của thế giới, phù hợp với thực tiễn Việt Nam, phục vụ thiết thực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của từng vùng, từng địa phương, hướng tới một xã hội học tập. Phấn đấu đưa nền giáo dục nước ta thoát khỏi tình trạng lạc hậu trên một số lĩnh vực so với các nước phát triển trong khu vực.

2. Ưu tiên nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực, đặc biệt chú trọng nhân lực khoa học - công nghệ trình độ cao, cán bộ quản lý kinh doanh giỏi và công nhân kỹ thuật lành nghề ; trực tiếp góp phần nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế ; đẩy nhanh tiến độ thực hiện phổ cập trung học cơ sở.

3. Đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp, chương trình giáo dục các cấp bậc học và trình độ đào tạo ; phát triển đội ngũ nhà giáo đáp ứng yêu cầu vừa tăng quy mô, vừa nâng cao chất lượng, hiệu quả và đổi mới phương pháp dạy - học ; đổi mới quản lý giáo dục, tạo cơ sở pháp lý và phát huy nội lực để phát triển giáo dục.

Để thực hiện các mục tiêu trên, ngành GD và ĐT sẽ tập trung thực hiện 7 nhóm giải pháp lớn : *Một là. Đổi mới mục tiêu, nội dung, chương trình giáo dục ; hai là. Phát triển đội ngũ nhà giáo, đổi mới phương pháp giáo dục ; ba là. Đổi mới quản lý giáo dục ; bốn là. Tiếp tục hoàn chỉnh cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân và phát triển mạng lưới trường lớp và các cơ sở giáo dục ; năm là. Tăng cường nguồn tài chính, cơ sở vật chất cho giáo dục ; sáu là. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục ; bảy là. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về giáo dục. Trong các giải pháp trên, đổi mới chương trình giáo dục, phát triển đội ngũ nhà giáo là các giải pháp trọng tâm ; đổi mới quản lý giáo dục là khâu đột phá. □*



VỀ HOÀN THIÊN TỔ CHỨC VÀ ĐỔI MỚI NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN CỦA QUỐC HỘI

BÙI NGỌC THANH *

QUỐC HỘI nước ta đã trải qua 10 khóa hoạt động với thời gian 56 năm, nhưng các cơ quan chuyên môn (gồm Hội đồng dân tộc và các Ủy ban) chỉ ra đời và hoạt động từ năm 1960 đến nay. Cũng không phải tất cả các cơ quan chuyên môn nhất loạt cùng lúc ra đời, mà hình thành và phát triển dần dần qua các khóa. Khóa I (1946 - 1960) chưa có cơ quan chuyên môn nào. Khóa II (1960 - 1964) Quốc hội mới thành lập hai ủy ban, đó là Ủy ban Dự án pháp luật và Ủy ban Kế hoạch và Ngân sách.

Ủy ban Dự án pháp luật có ba nhiệm vụ : thẩm tra dự án luật, dự án pháp lệnh và những dự án khác về vấn đề pháp luật do Quốc hội hoặc Ủy ban Thường vụ Quốc hội giao cho ; căn cứ vào quyết định của Quốc hội hoặc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, soạn thảo dự án luật và dự án pháp lệnh ; đề ra dự án và cho ý kiến về vấn đề pháp luật với Quốc hội hoặc Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Điều 35, Luật tổ chức Quốc hội năm 1960). Ủy ban Kế hoạch và Ngân sách có nhiệm vụ thẩm tra dự án kế hoạch nhà nước, dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước và những dự án khác về kế hoạch nhà nước và về ngân sách nhà nước (Điều 36 Luật đã dẫn).

Khóa III (1964 - 1971), Quốc hội đã thành lập 5 ủy ban, ngoài Ủy ban Dự án pháp luật và

Ủy ban Kế hoạch và Ngân sách thì có thêm Ủy ban Dân tộc, Ủy ban Thống nhất và Ủy ban Văn hóa - Xã hội. Các cơ quan chuyên môn này vẫn hoạt động theo Luật tổ chức Quốc hội năm 1960, nhưng chưa có văn bản nào quy định nhiệm vụ, quyền hạn cho ba ủy ban mới được thành lập. Khóa IV (1971 - 1975) vẫn duy trì 5 ủy ban như khóa III. Khóa V (1975 - 1976), ngoài 5 ủy ban đã có, Quốc hội thành lập thêm Ủy ban Đối ngoại. Khóa VI (1976 - 1981), sau khi thống nhất đất nước, Ủy ban thống nhất cũng chấm dứt vai trò lịch sử của mình. Khóa VII (1981 - 1987) và khóa VIII (1987 - 1992), Quốc hội được tổ chức và hoạt động theo Luật tổ chức Quốc hội và Hội đồng Nhà nước năm 1981. Ở hai khóa này, Quốc hội thành lập 8 cơ quan chuyên môn, bao gồm Hội đồng dân tộc và 7 ủy ban (Ủy ban Pháp luật ; Ủy ban Kinh tế, Kế hoạch và Ngân sách ; Ủy ban Văn hóa và Giáo dục ; Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật ; Ủy ban Y tế và Xã hội ; Ủy ban Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng ; Ủy ban Đối ngoại). Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan chuyên môn được quy định ở hai điều (một điều cho Hội đồng Dân tộc và một điều chung cho cả 7 ủy ban).

* TS, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội

Khóa IX (1992 - 1997) và khóa X (1997 - 2002), các cơ quan chuyên môn của Quốc hội được tổ chức và hoạt động theo Luật Tổ chức Quốc hội năm 1992, về số lượng vẫn là 8 (gồm Hội đồng Dân tộc và 7 ủy ban) nhưng có sự sáp nhập, đổi tên và thành lập mới. Ủy ban Kinh tế, kế hoạch và ngân sách được đổi thành Ủy ban Kinh tế và Ngân sách ; Ủy ban Y tế và Xã hội đổi thành Ủy ban về các vấn đề xã hội ; Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật đổi thành Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường ; sáp nhập hai Ủy ban (văn hóa và giáo dục và thanh niên, thiếu niên, nhi đồng) thành Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng ; thành lập mới Ủy ban Quốc phòng và An ninh.

Từ khóa VIII trở về trước, nói chung quyền hạn, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn của Quốc hội chỉ được quy định rất tổng quát. Cả 7 ủy ban chỉ có một điều quy định về nhiệm vụ và quyền hạn, tuy nhiên cũng đủ các loại công việc là thẩm tra, giám sát và kiến nghị. Luật Tổ chức Quốc hội năm 1992 có tiến bộ rõ rệt trong việc cụ thể hóa, chi tiết hóa nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Dân tộc và từng ủy ban. Nếu trước đây nhiệm vụ, quyền hạn của 8 cơ quan chuyên môn của Quốc hội chỉ được quy định trong hai điều luật thì nay được quy định trong 9 điều gồm 27 khoản (chung cho tất cả các cơ quan chuyên môn và riêng cho từng cơ quan cụ thể). Ủy ban Pháp luật, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban Kinh tế và Ngân sách, Ủy ban Đối ngoại, mỗi cơ quan có 4 loại nhiệm vụ, quyền hạn ; các ủy ban còn lại, mỗi ủy ban có ba loại. Với nhiệm vụ, quyền hạn được cụ thể hóa, chi tiết hóa, Luật tổ chức Quốc hội năm 1992 bước đầu đã chỉ ra phạm vi hoạt động của mỗi cơ quan chuyên môn trước đây chưa quy định. So với Luật Tổ chức Quốc hội và Hội đồng nhà nước năm 1981 và Luật tổ chức Quốc hội năm 1960 thì Luật tổ chức Quốc hội năm 1992 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên

môn của Quốc hội đã bao quát tương đối "kín", tương đối đầy đủ các lĩnh vực hoạt động như : pháp luật ; kế hoạch và ngân sách ; dân tộc ; văn hóa và giáo dục ; đối ngoại ; khoa học, kỹ thuật ; y tế và xã hội ; thanh niên, thiếu niên và nhi đồng ; công nghệ, môi trường ; quốc phòng và an ninh.

Từ chỗ Quốc hội chưa có cơ quan chuyên môn nào đến lúc khởi đầu có hai cơ quan và cho đến nay có tám cơ quan, về số lượng là tương đối đủ ; những quy định để thu tóm các lĩnh vực hoạt động khá bao quát. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là, tổ chức các cơ quan đã thật hợp lý chưa ; những nhiệm vụ và quyền hạn được quy định cho các cơ quan đó đã được thực thi đầy đủ chưa và hiệu quả đến mức độ nào... thì cần phải bàn thêm.

1. Hoàn thiện tổ chức các cơ quan chuyên môn

Có thể coi đây là một chuyên đề có rất nhiều vấn đề phải bàn, nhưng trong phạm vi bài này xin đề cập vấn đề cơ cấu các thành viên của mỗi cơ quan. Theo Luật tổ chức Quốc hội (sửa đổi) thì Hội đồng dân tộc và các ủy ban đều có bốn nhiệm vụ chủ yếu trong phạm vi hoạt động của mình là : thẩm tra các dự án luật, pháp luật, báo cáo ; giám sát việc thực hiện pháp luật, nghị quyết, chính sách, trong đó có nhiệm vụ mới là giám sát văn bản quy phạm pháp luật mới được Luật Tổ chức Quốc hội năm 2001 bổ sung ; kiến nghị những vấn đề trong phạm vi quyền hạn, nhiệm vụ của mình. Để thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ đó thì cơ cấu các thành viên của mỗi cơ quan chuyên môn phải bảo đảm có ba loại kiến thức cơ bản. Một là kiến thức luật pháp, hai là kiến thức ngữ văn và ba là kiến thức chuyên môn. Các văn bản luật, pháp lệnh, các nghị quyết của Quốc hội đều là những văn bản đòi hỏi phải rõ về nội dung, chuẩn tắc về ngôn từ, trong sáng về văn phạm. Nếu coi ba loại kiến thức nói trên là tiêu thức của cơ cấu hợp lý, là cần thiết thì soi tiêu thức đó vào cơ cấu

Hội đồng dân tộc và các ủy ban sẽ cho ta thấy có điều chưa ổn, hoặc là thiếu kiến thức pháp luật, hoặc là thiếu kiến thức chuyên môn. Thiếu sót này là do ngay từ đầu hình thành tổ chức, chúng ta đã không tính toán đầy đủ theo nguyên tắc "*từ nhiệm vụ mà tìm người*", mà bị chi phối bởi tên cơ quan chuyên môn (cơ quan phụ trách công tác dân vận thì tiêu thức chi phối tuyệt đối để lựa chọn thành viên phải là đại biểu dân tộc thiểu số; cơ quan pháp luật thì phải là đại biểu đã học luật và làm công tác pháp luật; cơ quan quốc phòng và an ninh thì tất cả phải là bộ đội hoặc công an; cơ quan phụ trách các vấn đề xã hội thì mọi thành viên phải trải qua công tác xã hội...). Cách lựa chọn cơ cấu thành viên như thế tuy không sai, nhưng không đủ và không hoàn thiện.

Trong 8 cơ quan chuyên môn của Quốc hội, có thể chia làm hai loại. Loại cơ quan chuyên về kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh (gồm Hội đồng Dân tộc và 6 ủy ban) và loại cơ quan chuyên về luật pháp, đó là Ủy ban Pháp luật. Theo quy định của Luật Tổ chức Quốc hội năm 1992 và theo "thông lệ" hai nhiệm kỳ gần đây thì không chỉ có Ủy ban pháp luật mới "làm luật" mà các ủy ban và Hội đồng Dân tộc đều phải "làm luật" (thẩm tra luật, pháp lệnh). Ngược lại, hầu như Ủy ban Pháp luật không phải giám sát, kiến nghị gì về các lĩnh vực kinh tế, văn hóa xã hội, quốc phòng, an ninh, nghĩa là Ủy ban Pháp luật chỉ chuyên về công tác luật pháp. Hai loại cơ quan này, nếu nói theo kiểu "dân dã" thì "người thiếu thứ nọ, kẻ thiếu thứ kia".

Hội đồng Dân tộc và 6 ủy ban phụ trách các lĩnh vực, trong cơ cấu thành viên rất ít người được đào tạo về luật hoặc làm công tác pháp luật. Tính toán một cách tương đối (khi hình thành tổ chức ở kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa X) thì ủy ban có tỷ lệ thành viên được đào tạo luật cao nhất là 16,7% ; tiếp đó có hai ủy ban có tỷ lệ thấp hơn là 10,5% và 11,7% ; ba cơ quan có tỷ lệ rất thấp là 5%, 3%

và 2,9% ; đặc biệt có ủy ban không có ai được đào tạo về luật nhưng lại được giao thẩm tra rất nhiều luật quan trọng. Như vậy, các cơ quan chuyên môn về các lĩnh vực sẽ rất khó khăn khi thẩm tra, thẩm định các dự án luật, pháp lệnh ; nay lại thêm nhiệm vụ giám sát các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ... chắc chắn sẽ càng khó khăn hơn. Có ý kiến cho rằng, cứ làm rồi sẽ biết, học trong quá trình làm. Nếu nói cho cả một đời công tác thì điều đó đúng nhưng trong một nhiệm kỳ Quốc hội thì đến khi "biết làm" cũng là lúc kết thúc nhiệm kỳ. Đây là một trong các nguyên nhân của tình trạng chất lượng thẩm định một số dự án luật, pháp lệnh không cao.

Về cơ quan phụ trách công tác pháp luật của Quốc hội, được Luật Tổ chức Quốc hội quy định thẩm tra, giám sát các dự án luật thuộc các lĩnh vực tổ chức bộ máy nhà nước, hình sự, dân sự, hành chính. Ngoài ra còn phải thẩm tra một số dự án khác do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội giao.

Cũng theo tính toán sơ bộ sau khi hình thành bộ máy các cơ quan chuyên môn của Quốc hội tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa X thì trong cơ quan phụ trách công tác pháp luật có gần 73% các thành viên được đào tạo về luật pháp, 12% được đào tạo về ngữ văn, 15% được đào tạo về một vài chuyên môn kinh tế, xã hội, kỹ thuật. Với thế mạnh về kiến thức luật và ngôn ngữ thì các luật thuộc các ngành luật Hiến pháp, hành chính, dân sự, tố tụng dân sự, hình sự, tố tụng hình sự... có nhiều thuận lợi trong việc thẩm tra, thẩm định cả về nội dung lẫn kỹ thuật lập pháp. Nhưng đối với những dự án khác có liên quan đến các ngành luật tài chính, đất đai, kinh tế, lao động, hôn nhân và gia đình thì không phải là không gặp khó khăn. Tuy nói là "một vài dự án khác" nhưng thực tế trong khóa X, cơ quan chuyên môn về pháp luật được giao khá nhiều dự án

được gọi là "khác" như hai lần dự án Luật Đất đai sửa đổi, dự án Luật Hôn nhân và Gia đình, dự án Luật Hải quan, dự án Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam... Đây là những dự án luật có độ phức tạp khá cao. Các dự án Luật Đất đai, hải quan có liên quan đến các quan hệ phát sinh trong quá trình sử dụng đất đai, quan hệ tổ chức, quản lý sản xuất, quan hệ về huy động vốn, hoạt động tín dụng, thuế khóa, ngân sách... Dự án Luật Hôn nhân và Gia đình và dự án Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam liên quan nhiều đến những vấn đề chính trị, xã hội, đặc biệt là các vấn đề xã hội trong cơ chế thị trường. Chỉ với 15% thành viên có chuyên môn kinh tế, xã hội, dù có kết hợp khéo đến đâu giữa các loại kiến thức thì cũng không phải là dễ dàng trong việc xử lý các điều khoản có nội dung kinh tế, xã hội đặc thù. Đó là chưa nói đến khi cơ quan pháp luật đi giám sát việc thực hiện các luật đó mà bản thân mình chưa có đủ trình độ cao hơn về tài chính, kinh tế, lao động... so với người thực thi pháp luật thì sẽ càng gặp khó khăn hơn.

Từ những phân tích trên, xin kiến nghị là, khi hình thành, tổ chức các cơ quan chuyên môn của Quốc hội, chúng ta không nên quá phụ thuộc tới mức máy móc vào tên của các cơ quan đó, mà phải xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ của nó (tựa như khi nói đến quân đội thì phải nghĩ ngay tới sự hợp thành nhiều quân, binh chủng chứ không phải chỉ có bộ binh). Với suy nghĩ như vậy, bước đầu xin được đưa ra một vài con số định lượng để tham khảo cho việc hình thành tổ chức các cơ quan chuyên môn của Quốc hội khóa XI như sau :

a. Đối với các cơ quan chuyên môn về các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh gồm Hội đồng Dân tộc và 6 ủy ban thì : *thành viên được đào tạo về luật pháp chiếm khoảng 25% ; thành viên được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc các lĩnh vực mà cơ quan đó phụ trách chiếm khoảng*

65% ; thành viên được đào tạo về ngữ văn chiếm khoảng 5% ; thành viên được đào tạo các chuyên môn khác 5%.

b. Đối với cơ quan chuyên môn về pháp luật (hiện nay là Ủy ban Pháp luật) thì : *thành viên được đào tạo về pháp luật chiếm khoảng 65% ; thành viên được đào tạo về kinh tế, xã hội, kỹ thuật chiếm khoảng 20% ; thành viên được đào tạo về ngữ văn khoảng 10% ; thành viên được đào tạo các chuyên môn khác chiếm khoảng 5%.*

Cả hai loại cơ quan nói trên, nếu các thành viên có chuyên môn, khoa học, kỹ thuật thuộc nhiều lĩnh vực càng tốt. Đây cũng là một hướng lựa chọn thành viên "một người biết nhiều việc".

2. Đổi mới hoạt động của các cơ quan chuyên môn của Quốc hội

Đây cũng là chuyên đề có tầm rộng lớn và bao gồm nhiều nội dung liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan chuyên môn của Quốc hội. Trong mục này xin được đề cập tới một vài việc mà chúng tôi cho là cấp bách và thiết thực nhất.

Một là, Luật Tổ chức Quốc hội hiện hành đã quy định tương đối đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn và nội dung hoạt động của các cơ quan chuyên môn của Quốc hội, nhưng đó mới là những quy định chung nhất, vẫn còn những mảng công việc phải tiếp tục được nghiên cứu xử lý. Ví dụ lĩnh vực giám sát, cho đến nay thế nào là hoạt động giám sát, các hình thức giám sát, nội dung hoạt động giám sát, phạm vi giám sát của từng chủ thể... vẫn còn là những vấn đề đang tranh luận với nhiều ý kiến khác nhau vì Luật Tổ chức Quốc hội chưa quy định cụ thể các vấn đề trên cho từng ủy ban và Hội đồng Dân tộc. Không ít các ủy ban đều nhận xét rằng, dù đã tích cực, cố gắng nhiều trong hoạt động giám sát nhưng hiệu quả không cao, nhiều kiến nghị sau giám sát chưa được tiếp thu thực hiện một cách nghiêm chỉnh.

Do vậy, cần phải xây dựng và ban hành một đạo luật về hoạt động giám sát. Đạo luật này cần phân biệt rõ hoạt động giám sát của các cơ quan quyền lực nhà nước với hoạt động giám sát của các đoàn thể nhân dân ; phân biệt hoạt động giám sát với hoạt động kiểm sát ; phân biệt hoạt động giám sát với hoạt động thanh tra của các cơ quan hành pháp... và đặc biệt là làm rõ phạm vi, giới hạn hoạt động giám sát của các ủy ban và Hội đồng Dân tộc của Quốc hội với hoạt động giám sát của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đồng thời, quy định rõ các hình thức giám sát, nội dung hoạt động giám sát của các ủy ban và Hội đồng Dân tộc. Đặc biệt quy định rõ hậu quả pháp lý của hoạt động giám sát nhằm ràng buộc đối tượng được giám sát trong một thời hạn nhất định phải khắc phục sai sót, khuyết điểm và trả lời bằng văn bản cho chủ thể giám sát.

Hai là, từng bước khắc phục những trùng chéo công việc giữa các cơ quan chuyên môn với nhau. Theo cách phân chia khác thì tám cơ quan chuyên môn của Quốc hội hiện nay được tổ chức theo ba mô hình khác nhau. Mô hình thứ nhất tổ chức theo lĩnh vực hoặc theo vấn đề, bao gồm sáu ủy ban (đối ngoại ; quốc phòng và an ninh ; các vấn đề xã hội ; kinh tế và ngân sách ; pháp luật ; khoa học, công nghệ và môi trường). *Mô hình thứ hai* tổ chức theo lĩnh vực và đối tượng. Đó là Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng (văn hóa và giáo dục là lĩnh vực ; còn thanh niên, thiếu niên và nhi đồng là đối tượng - đối tượng điều chỉnh của luật pháp, chính sách). *Mô hình thứ ba* tổ chức theo đối tượng và địa bàn. Đó là Hội đồng Dân tộc (các dân tộc thiểu số là đối tượng, mặc dù tên của Hội đồng không có chữ miền núi nhưng các đối tượng này chủ yếu là ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, nơi có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn ; hoạt động giám sát theo đoàn của Hội đồng Dân tộc cũng chủ yếu diễn ra trên các địa bàn này).

Ba mô hình tổ chức này dẫn đến sự khó phân biệt, khó bóc tách trong việc quy định và thực hiện một số nhiệm vụ. Ví dụ, cần giám sát để góp phần giải quyết tình trạng một bộ phận trẻ em nghiện ma túy là người các dân tộc thiểu số thì cơ quan nào của Quốc hội thực hiện ? Trên giác độ tệ nạn xã hội thì Ủy ban các vấn đề xã hội phải làm ; nhưng trên giác độ đối tượng là trẻ em thì phải chăng là Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng ; song cũng có thể Hội đồng dân tộc phải thực hiện vì đối tượng đó là con em đồng bào các dân tộc thiểu số do đó Hội đồng thấu hiểu họ hơn. Tương tự như vậy, vấn đề văn hóa, nghệ thuật ở miền núi thì Hội đồng Dân tộc hay Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng xử lý ? Xóa đói giảm nghèo ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số thuộc công việc của Ủy ban các vấn đề xã hội hay Hội đồng Dân tộc ?... Chúng ta thường nói khi thực hiện phải phối, kết hợp, phải huy động tổng hợp mọi lực lượng, nhưng ai kết hợp với ai, ai huy động ai, nếu không có quy định thật rành mạch, không quy ước một cách rõ ràng thì sẽ rất khó trong việc thực hiện.

Luật Tổ chức Quốc hội năm 2001 đã cụ thể hóa một bước nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan chuyên môn của Quốc hội nhưng vẫn chưa xử lý được tồn tại này. Theo chúng tôi, những nhiệm vụ đúng với chức năng của cơ quan nào thì đương nhiên thuộc công việc của cơ quan đó, nhưng những nhiệm vụ "ai làm cũng có thể thực hiện" hoặc những công việc có "mảng giao thoa" giữa cơ quan này và cơ quan khác thì phải quy ước, xác định người chủ trì thực hiện. Nên chăng, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cần có nghị quyết phân công, giao những công việc đó cho từng cơ quan chuyên môn của Quốc hội để các cơ quan chủ động công việc (tương tự như các nghị định của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ cho các bộ, ngành trong Chính phủ vậy). □

KINH TẾ TƯ NHÂN- bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế nước ta

LÊ XUÂN BÁ*

ĐẠI HỘI IX của Đảng xác định đường lối cơ bản phát triển đất nước trong giai đoạn cách mạng hiện nay là "Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa". Phát huy sức mạnh toàn dân tộc có nghĩa là huy động các nguồn nội lực của tất cả các thành phần kinh tế, các tầng lớp nhân dân, không phân biệt đối xử; coi các thành phần kinh tế kinh doanh bình đẳng theo pháp luật đều là các bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Những tư tưởng lớn ấy tiếp tục được cụ thể hóa trong các nghị quyết của Đảng, nhất là Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX.

Kinh tế tư nhân (KTTN), bao gồm kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân hoạt động trong các lĩnh vực sản xuất và dịch vụ dưới nhiều hình thức tổ chức quản lý khác nhau, như: doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp doanh, hộ sản xuất kinh doanh cá thể...

Trước đây, trong cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, khu vực KTTN không có điều kiện tồn tại, bị

coi là một loại hình kinh tế xấu, vì nó là "tàn dư" của chế độ cũ, mang nặng tính chất bóc lột, ăn bám... Nhận thức ấu trĩ đó đã kỳ thị đến cả các doanh nhân hoạt động trong khu vực KTTN, bằng những tên gọi "bọn tư thương", "con buôn", "bọn tư sản"...

Trong công cuộc đổi mới (từ năm 1986) do Đảng ta khởi xướng, nhất là chủ trương xây dựng và phát triển nền kinh tế hàng hóa gồm nhiều thành phần, KTTN bắt đầu có điều kiện và cơ sở pháp lý để phát triển trở lại. Có thể nói "Bước ngoặt thứ nhất" trong quá trình phát triển KTTN ở Việt Nam là ngay từ cuối những năm 80 đầu những năm 90, Nhà nước đã ban hành Luật Đầu tư nước ngoài, Luật Doanh nghiệp tư nhân, Luật Công ty, Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho nhiều thành phần kinh tế hoạt động. Năm 1991, cả nước mới chỉ có 494 doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp tư nhân và Luật Công ty, đến năm 1999 đã có 30 500 (tăng gấp 74 lần so với năm 1991), bình quân mỗi năm có thêm 3 388 doanh nghiệp (1).

"Bước ngoặt thứ hai" là khi Luật Doanh nghiệp được ban hành. Trong năm đầu thực hiện Luật, đã có 14 417 doanh nghiệp mới và 150 000 hộ kinh doanh cá thể mới được thành lập với tổng vốn đăng ký đạt hơn 24 000 tỉ đồng (tương đương với 1,65 tỉ USD), trong đó 17 000 tỉ đồng là vốn đăng ký mới và 7 000 tỉ đồng là vốn đăng ký bổ sung của các doanh nghiệp đang hoạt động, tức là tăng hơn 3 lần nếu xét về số lượng doanh nghiệp và hộ kinh doanh, tăng 5 lần nếu xét về số vốn so với năm 1999. Đáng chú ý là, trong thời gian này có khoảng 500 công ty cổ phần mới được thành lập, lớn hơn tổng số công ty cổ phần được thành lập trong suốt 9 năm trước cộng lại. Năm 2001, đã có thêm 21 040 doanh nghiệp đăng ký hoạt động theo

* TS Kinh tế, Phó Viện trưởng, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương

(1) Báo cáo của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam gửi Ban Kinh tế Trung ương, ngày 5-10-2001

Luật Doanh nghiệp, tăng 1,46 lần so với năm 2000; tổng số vốn huy động được của các doanh nghiệp đạt khoảng 35 500 tỉ đồng, tăng gấp 1,78 lần so với cùng kỳ năm 2000, trong đó vốn đăng ký mới là 26 500 tỉ đồng và vốn đăng ký bổ sung là 9 000 tỉ đồng.

Số lượng các doanh nghiệp khu vực tư nhân đã được cấp mã số thuế là tương đối lớn (xem bảng 1), nhưng theo đánh giá của một số nhà phân tích thì có thể số doanh nghiệp đang hoạt động còn cao hơn mức các cơ quan đăng ký kinh doanh ghi nhận được. Dù sao con số trên 60 000 doanh nghiệp có đăng ký mã thuế, và đã huy động được hơn 50 000 tỉ đồng, tạo ra công ăn việc làm cho hơn 0,7 triệu người của các doanh nghiệp khu vực KTTN (hoạt động theo Luật Doanh nghiệp) đã nói lên sức vươn mạnh mẽ của chúng trong mấy năm vừa qua.

Bảng 1: Tổng hợp số doanh nghiệp khu vực tư nhân đăng ký nộp thuế

Loại DN	31-12-98	31-12-99	Đến 31-12-2000			Đến 30-9-2001		
			Tổng số đăng ký	Đang hoạt động	Bảo nghi KD	Tổng số đăng ký	Đang hoạt động	Bảo nghi KD
Cty TNHH	9.375	13.850	21.031	20.255	776	29.160	28.356	804
Cty cổ phần	582	933	1.718	1.668	50	2.986	2.928	58
DNTN	18.751	22.794	28.719	27.277	1.442	33.925	32.459	1.466
Tổng số	28.708	37.577	51.468	49.200	2.268	66.071	63.743	2.328

Nguồn: Bộ Tài chính

Những kết quả bước đầu trên đây đã nói lên rằng, mỗi khi môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện, nhiều ràng buộc hành chính bất hợp lý đã được gỡ bỏ, các định kiến xã hội về khu vực KTTN đang mất dần, thì nhiều doanh nghiệp đã huy động thêm năng lực, mở rộng thêm quy mô, địa bàn kinh doanh, tăng vốn... Vị trí, vai trò của khu vực KTTN ngày càng được thể hiện là một bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân, thể hiện rõ nét ở những điểm sau:

- Là động lực khai thác tiềm năng, phát huy nội lực, huy động được nhiều vốn nhân rồi trong dân thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của đất nước. Từ năm 1986 trở về trước, đầu tư của Nhà nước chiếm

phần lớn tổng đầu tư xã hội, đến năm 1990 tỷ trọng đầu tư của Nhà nước chỉ còn chiếm 37,6% tổng đầu tư xã hội, phần còn lại (62,4%) chủ yếu là do khu vực KTTN đầu tư. Tính chung cho 5 năm (1991-1995), tổng vốn đầu tư phát triển của toàn xã hội ước tính khoảng trên 18 tỉ USD (theo mặt bằng giá năm 1995), trong đó phần của Nhà nước chiếm 43%, phần của nhân dân đầu tư chiếm 30% và phần còn lại 27% là do các nhà đầu tư nước ngoài.

Trong 3 năm 1996-1998, mặc dù có những tác động bất lợi của khủng hoảng tài chính trong khu vực và trên thế giới, nhưng so với mục tiêu 5 năm, khu vực KTTN vẫn thực hiện đầu tư đạt tiến độ cao hơn so với đầu tư thuộc các nguồn nhà nước: Đầu tư của khu vực tư nhân trong nước đạt 77%, đầu tư của khu vực đầu tư nước ngoài đạt 46,6%, đầu tư của các nguồn từ Nhà nước (ngân sách nhà nước, tín dụng nhà nước, doanh nghiệp nhà nước) chỉ đạt 47,5%.

Với tốc độ đầu tư trong hai năm vừa qua, một lần nữa có thể khẳng định, khu vực KTTN đã góp phần quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Nhiều năm liền KTTN và cá thể đóng góp khoảng 35 - 36% GDP cả nước.

Bảng 2: Đóng góp của các thành phần kinh tế trong tổng sản phẩm trong nước theo giá so sánh 1994 (tỉ lệ %)

Thành phần kinh tế	1995	1997	1998	1999	2000
Kinh tế nhà nước	40,07	41,35	41,27	40,40	40,64
Kinh tế tập thể	9,70	8,72	8,54	8,64	8,47
Kinh tế tư nhân	3,06	3,25	3,31	3,26	3,28
Kinh tế cá thể	35,94	34,22	33,45	33,09	32,63
Kinh tế hỗn hợp	4,50	4,26	4,19	4,25	4,32
Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	6,73	8,20	9,24	10,36	10,67
Tổng	100	100	100	100	100

Nguồn: Niên giám thống kê năm 2000, Nxb Thống kê, Hà Nội 2001, tr 75.

- Góp phần mở rộng ngành nghề, phát triển sản xuất, kinh doanh; tổ chức sản xuất, kinh doanh phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện cụ thể của từng địa phương. Theo số liệu thống kê, số DNTN

đăng ký thành lập trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ có xu hướng tăng nhanh hơn, giai đoạn 1991-1996 các DNTN hoạt động thương mại dịch vụ chiếm 39% trong tổng số DNTN, giai đoạn 1997-1998 là 49%, hai năm (1999-2000) lên đến 54%. Trong khi đó, tỷ lệ các DNTN đăng ký thành lập trong lĩnh vực công nghiệp lại có xu hướng giảm mạnh, giai đoạn 1991-1996 số doanh nghiệp này chiếm 35%, giai đoạn 1997-1998 chiếm 22%, hai năm 1999-2000 giảm xuống còn 15%.

Một cuộc khảo sát khoảng gần 500 doanh nghiệp ngoài quốc doanh hoạt động chủ yếu trong các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động, như : may mặc, giày dép, chế biến hải sản... do MPDF (Chương trình phát triển dự án Mê Công) tiến hành năm 2001, cho thấy các doanh nghiệp này xuất khẩu tới 3/4 sản lượng của mình (xem bảng 3).

Bảng 3 : Tỷ trọng xuất khẩu của các doanh nghiệp vừa và nhỏ

Lĩnh vực sản xuất	Số lượng DN	Tỷ lệ xuất khẩu so với sản lượng (%)
Dệt may	159	80.5
Sản phẩm da	34	85.0
Cao su, nhựa	22	75.0
Thực phẩm, đồ uống	71	63.2
Chế biến gỗ	65	75.1
Các sản phẩm phi kim loại khác	39	73.2
Các sản phẩm kim loại	9	-
Các sản phẩm hoá chất	9	20.0
Các sản phẩm khác	49	74.4
Tổng số	457	75.3

Nguồn : Số liệu của MPDF

- Tạo việc làm, sử dụng lao động ở nhiều trình độ khác nhau và ở mọi nơi, tăng thu nhập cho người lao động, góp phần xóa đói, giảm nghèo. Mục tiêu đặt ra trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (1991-2000) là mỗi năm tạo thêm 1 triệu việc làm mới. Trong thời gian đó, tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế đã tăng từ 30 289 người năm 1990 lên hơn

40 000 người năm 2001 (số ước tính). Trong hơn 10 triệu người được tạo công ăn việc làm mới, thì khu vực KTTN chiếm tuyệt đại đa số, vì khu vực kinh tế tập thể và kinh tế nhà nước đều đang trong quá trình cơ cấu lại và giảm biên chế. Ở nông thôn, lao động được thu hút vào các hình thức kinh tế hộ và trang trại ; ở thành thị, các cơ sở cá thể, tiểu chủ kinh doanh trong lĩnh vực thương mại dịch vụ, thủ công nghiệp là những nơi tạo ra khá nhiều chỗ làm việc mới với suất đầu tư rất thấp.

Các DNTN đã chứng tỏ khả năng lớn trong tạo việc làm. Về tổng thể, số lượng lao động trong các doanh nghiệp và công ty tư nhân tăng 16,2% trong năm 1998 so với 0,3% trong các doanh nghiệp nhà nước. Các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất có số lao động tăng 20,6%, cao hơn nhiều so với mức tăng trong các lĩnh vực khác.

Bảng 4 : Số người từ đủ 15 tuổi trở lên có việc làm thường xuyên trong 12 tháng chia theo thành phần kinh tế

	1996	1997	1998	1999	2000
Tổng số lao động (triệu người)	33,98	34,35	34,80	35,68	36,21
Tổng	100%	100%	100%	100%	100%
Nhà nước, %	8,75	9,01	10,15	10,11	10,06
Ngoài nhà nước, %	91,25	90,61	89,32	89,36	89,33
Có vốn đầu tư nước ngoài, %	-	0,38	0,53	0,53	0,61

Nguồn : Số liệu thống kê Lao động - việc làm ở Việt Nam 1996 - 2000, Nxb Thống kê 1998, tr 606.

- Góp phần đáng kể cho tăng trưởng kinh tế và đóng góp ngày càng nhiều cho ngân sách nhà nước. Chẳng hạn, năm 2000 KTTN đóng góp 5 900 tỉ đồng, năm 2001 dự toán là 6 370 tỉ đồng cho ngân sách nhà nước. Năm 2001, khu vực công nghiệp tư nhân đã có tốc độ tăng trưởng rất cao (20,3% so cùng kỳ năm 2000), trong khi công nghiệp của khu vực doanh nghiệp nhà nước chỉ tăng 12,7% (Trung ương : 13,1% và địa phương 11,8%) và khu vực có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài tăng 12,1% (2).

(2) *Tình hình kinh tế - xã hội năm 2001*, Tổng cục Thống kê, Hà Nội, 2001, tr 9

Ngoài ra, khu vực KTTN phát triển còn góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhất là trong nông nghiệp, nông thôn. Ngày càng có nhiều mặt hàng, sản phẩm có chất lượng tốt, mẫu mã đẹp, tăng tính cạnh tranh, chiếm lĩnh thị trường trong và ngoài nước, như kẹo dừa, cà phê Trung Nguyên...

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, nhiều chuyên gia đều có chung một đánh giá là tiềm lực phát triển và khả năng đóng góp của khu vực KTTN còn rất lớn, bởi mấy lý do sau :

Thứ nhất, những kết quả đạt được của KTTN trong thời gian qua chủ yếu là do sự "cởi trói" bước đầu của Nhà nước và sự "tự bật dậy" của người kinh doanh mang lại.

Thứ hai, số lượng doanh nghiệp bình quân đầu người ở nước ta còn quá nhỏ, khoảng 40-50 người mới có 1 doanh nghiệp (tính cả doanh nghiệp nhà nước), trong khi ở nhiều nước chỉ khoảng 10 người đã có một doanh nghiệp. Số người bỏ vốn thành lập doanh nghiệp chưa phải đã nhiều, thể hiện ở chỗ số người có tiền nhưng chưa muốn thành lập doanh nghiệp, mà dùng tiền để mua nhà, mua đất hoặc gửi tiết kiệm còn lớn.

Thứ ba, còn có sự bất bình đẳng và phân biệt đối xử (ví dụ, trong vay tín dụng, thuê đất...) nên sức cạnh tranh của KTTN còn thấp.

Bởi vậy, để tiếp tục phát triển khu vực kinh tế này trong thời gian tới, chúng ta cần nỗ lực tìm các giải pháp hữu hiệu. Bước đầu chúng tôi đề xuất một số vấn đề về cơ chế, chính sách, như sau :

1. Tiếp tục tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho KTTN. Tôn trọng và bảo vệ quyền tự do kinh doanh theo pháp luật của các tổ chức, cá nhân tại Việt Nam ; xóa bỏ việc đặt ra các ràng buộc, điều kiện trái Hiến pháp đối với việc thực thi quyền tự do kinh doanh ; các nhà đầu tư được quyền chọn hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh trong những ngành, nghề có lợi cho quốc kế dân sinh mà pháp luật không cấm, không bị hạn chế về quy mô, được khuyến khích đầu tư làm ăn lâu dài. Nhà nước giúp đỡ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các hộ, nhóm kinh doanh giải quyết những khó khăn về vốn, khoa học, công nghệ, tiếp thị.

Đa dạng hóa các phương thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với KTTN trong nước, với các nhà đầu tư nước ngoài, với người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Giảm thiểu, tiến tới xóa bỏ sự phân biệt trong các quy định quản lý kinh tế dẫn đến sự không bình đẳng trước pháp luật giữa các thành phần kinh tế.

2. Tạo chuyển biến mới trong việc thực hiện các giải pháp kinh tế vĩ mô để khuyến khích phát triển khu vực tư nhân. Thực hiện các biện pháp, cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư trong nước theo Luật khuyến khích đầu tư trong nước, trong đó không có sự phân biệt giữa khuyến khích kinh tế nhà nước với khu vực KTTN, chú trọng khuyến khích ở mức độ cao việc đầu tư của mọi thành phần kinh tế vào vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn, vào các ngành nghề, lĩnh vực cần khuyến khích đầu tư, vào các sản phẩm, công nghệ mới...

Miễn giảm thuế cho các hộ nông nghiệp, các cơ sở kinh doanh nhỏ ở thành thị. Mở rộng tín dụng cho các hộ nông dân, các trang trại ở đồng bằng, trung du, miền núi và ngư dân đánh bắt hải sản xa bờ; tăng nhanh tín dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tăng đầu tư của ngân sách nhà nước vào việc cải thiện cơ sở hạ tầng của các vùng nông thôn, nhất là nâng cấp và xây dựng mới hệ thống thủy lợi, thực hiện đề án điện nông thôn, phát triển phương thức nhà nước và nhân dân cùng đầu tư xây dựng giao thông nông thôn, xây dựng thị tứ, thị trấn trên các địa bàn nông thôn.

3. Cải thiện môi trường đầu tư tại Việt Nam. Quán triệt tinh thần và nội dung các chủ trương, chính sách và nhất là Luật khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) đến lãnh đạo các tỉnh, thành phố trong cả nước, để có nhận thức đầy đủ trong việc phát huy nội lực đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa tại địa phương. Tuyên truyền rộng rãi chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư đến các nhà đầu tư, các tầng lớp nhân dân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng để mọi người biết và hưởng ứng tích cực. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành nhằm thống nhất thực hiện các chính sách, biện pháp thúc đẩy đầu tư tư nhân phát triển.

Khắc phục tư tưởng "tận thu", làm triệt tiêu động lực phát triển và "thui chột" nguồn thu. Đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, khu vực kinh tế "sinh sau, đẻ muộn", hướng sửa đổi chính sách thuế nên kéo dài thêm thời gian miễn giảm thuế cho các dự án đầu tư thuộc các địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn. Hạ thuế suất thu nhập doanh nghiệp; áp dụng một thuế suất VAT.

4. *Rà soát để gỡ bỏ các quy định hiện hành đang cản trở quyền tự do kinh doanh của các doanh nghiệp khu vực tư nhân trong nước, cụ thể:* Tiếp tục rà soát, bãi bỏ các giấy phép trái với Luật Doanh nghiệp và các giấy phép không hợp lý cản trở đầu tư, kinh doanh; khản trương liệt kê, công khai hóa các ngành nghề kinh doanh có điều kiện và chuẩn mực hóa các điều kiện kinh doanh từng ngành nghề. Sớm ban hành Nghị định xử phạt vi phạm Luật Doanh nghiệp, Nghị định về tổ chức, quản lý và hoạt động của các hội, hiệp hội. Thành lập Cục xúc tiến doanh nghiệp vừa và nhỏ với nhiệm vụ tổng hợp, điều hành và thực hiện cơ chế chính sách, chương trình trợ giúp doanh nghiệp vừa và nhỏ. Thành lập Hội đồng khuyến khích doanh nghiệp vừa và nhỏ có chức năng tư vấn cho Chính phủ về cơ chế, chính sách. Thành lập các Trung tâm hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, các quỹ bảo lãnh cho doanh nghiệp vừa và nhỏ ở trung ương và địa phương. Phê chuẩn quy hoạch phát triển mạng lưới đào tạo nghề để hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho khu vực KTTN.

5. *Tạo lập một môi trường đầu tư kinh doanh bình đẳng cho tất cả các thành phần kinh tế thông qua các biện pháp:* Hợp nhất Luật Doanh nghiệp, Luật DNN, Luật Thương mại và phần về tổ chức, hoạt động của các doanh nghiệp có vốn nước ngoài của Luật Đầu tư nước ngoài thành một bộ luật kinh doanh (hoặc Bộ luật thương mại). Hợp nhất Luật khuyến khích đầu tư trong nước với phần về các chính sách khuyến khích đầu tư của Luật Đầu tư nước ngoài thành một luật khuyến khích đầu tư. Sửa đổi chế độ kế toán tài chính hiện hành, các chuẩn mực kế toán, kiểm toán sát với các thông lệ quốc tế. Vận hành thị trường bất động sản, thị trường lao động và nhiều loại thị trường khác một cách thông suốt. □

TẠP CHÍ CỘNG SẢN...

(Tiếp theo trang 25)

Để làm tốt trọng trách của mình, đòi hỏi Tạp chí một mặt tiếp tục giữ vững *sự đoàn kết thống nhất*, phát huy dân chủ, tập trung trí tuệ của tập thể; mặt khác, không ngừng *mở rộng mối quan hệ, cộng tác* chặt chẽ, có hiệu quả với các cơ quan nghiên cứu khoa học, các trường đại học, các ban, ngành, các địa phương, đội ngũ đông đảo cộng tác viên và bạn đọc nhằm thu hút trí tuệ, sức lực và nhiệt tình của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân tạo nên sức mạnh tổng hợp của toàn bộ hệ thống chính trị nước ta trong việc xây dựng, tuyên truyền và thực hiện thắng lợi đường lối, nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Phát triển và không ngừng nâng cao vị trí, sức mạnh và sự ảnh hưởng của Tạp chí lý luận và chính trị của Trung ương Đảng cũng là trách nhiệm và vinh dự của mỗi cán bộ, đảng viên. Vì vậy, các cấp, các ngành, các địa phương tăng cường phối hợp, giúp đỡ *Tạp chí Cộng sản* có hiệu quả hơn nữa để Tạp chí đủ sức mạnh vươn lên thực hiện tốt nhiệm vụ của mình. Thời gian qua, chúng ta đã và đang làm tốt vấn đề này. Chắc chắn rằng, thời gian tới, sự phối hợp, giúp đỡ đó ngày càng tốt hơn nữa, đạt hiệu quả cao hơn nữa.

Phát huy truyền thống tốt đẹp và những bài học kinh nghiệm quý báu trong 72 năm hoạt động, dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện và chặt chẽ của Trung ương, sự quan tâm giúp đỡ của các cấp, các ngành, chúng ta hy vọng rằng, *Tạp chí Cộng sản* tiếp tục phấn đấu vượt lên những khó khăn, thách thức, hoàn thành tốt những nhiệm vụ mới, góp phần xứng đáng hơn nữa vào sự phát triển công tác tư tưởng, lý luận của Đảng, bảo đảm ngang tầm sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. □



CÔNG TÁC KIỂM TRA ở Đảng bộ huyện Quỳnh Phụ

(Đồng chí **PHẠM VĂN SINH**, Bí thư Huyện ủy Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
trả lời phỏng vấn của phóng viên Tạp chí Cộng sản)

Câu hỏi : Trong những năm 1997, 1998, huyện Quỳnh Phụ đã từng là một trong những "điểm nóng" của tỉnh Thái Bình. Theo đồng chí, đâu là nguyên nhân sâu xa của tình hình đó và Đảng bộ huyện Quỳnh Phụ đã có những chủ trương gì để ổn định tình hình ?

Trả lời : Quỳnh Phụ là huyện thuần nông, có 38 xã và thị trấn với 241 000 người, Đảng bộ huyện Quỳnh Phụ có trên 9 600 đảng viên, sinh hoạt tại 70 tổ chức cơ sở đảng. Giới thiệu một vài nét như vậy để các đồng chí có thể hình dung được những khó khăn, phức tạp mà chúng tôi đã phải giải quyết kể từ giữa năm 1997 khi tình hình mất ổn định xảy ra ở 33 xã trong tổng số 38 xã của huyện. Sự buông lỏng về quản lý kinh tế, nhất là quản lý đất đai, tài chính của các cấp, các ngành đã tạo điều kiện cho tệ quan liêu, tham nhũng, mất dân chủ... trong một bộ phận cán bộ, đảng viên phát triển, thậm chí có nơi, có lúc không kiểm soát được. Trong khi đó công tác thanh tra, kiểm tra, công tác xây dựng Đảng lại không được quan tâm đúng mức ; những ý kiến chính đáng của cán bộ, đảng viên và nhân dân chậm được giải quyết đã tích tụ thành những bức xúc, dồn nén, làm cho quần chúng nhân dân bất bình, mất lòng tin. Với tinh thần "nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật", Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2001 - 2005 đã nghiêm túc kiểm điểm những yếu kém và rút ra những bài học kinh nghiệm quý giá. Một trong những bài học đó là : "Tăng

cường công tác kiểm tra, thanh tra, giải quyết những tồn tại, vướng mắc từ cơ sở, xử lý nghiêm minh những cán bộ, đảng viên sai phạm, giữ vững kỷ cương, kỷ luật của đảng".

Câu hỏi : Các đồng chí đã tổ chức thực hiện chủ trương trên đây như thế nào ?

Trả lời : Thực tiễn ở Quỳnh Phụ đã cho thấy, nơi nào tổ chức và cấp ủy đảng quan tâm thực hiện nghiêm túc, thường xuyên công tác kiểm tra của Đảng cũng như chỉ đạo công tác này chặt chẽ thì ở đó, những hiện tượng tiêu cực ít xảy ra. Đảng bộ xã An Đồng, từ năm 1984 đến nay luôn luôn được công nhận là "đảng bộ trong sạch, vững mạnh". Năm 1997, mặc dù nhiều xã trong huyện mất ổn định, nhưng ở An Đồng, tình hình an ninh - chính trị vẫn ổn định ; kinh tế - xã hội phát triển tốt. Được như vậy là do hằng năm cấp ủy và Ủy ban kiểm tra đảng ủy đều chủ động xây dựng chương trình và tổ chức tốt việc kiểm tra, nhất là kiểm tra quản lý kinh tế với hai khâu nhạy cảm : tài chính và xây dựng cơ bản. Tăng cường công tác kiểm tra, luôn luôn coi công tác kiểm tra là một chức năng lãnh đạo đã giúp cho Đảng bộ xã An Đồng sàng lọc được đảng viên, giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương, nội bộ đoàn kết, thống nhất, góp phần giữ vững và ổn định tình hình. Từ kinh nghiệm của Đảng bộ An Đồng, Huyện ủy Quỳnh Phụ đã xác định công tác kiểm tra của cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp ủy cơ sở là một trong những lĩnh vực mấu chốt để giữ gìn phẩm chất, phong cách,

lối sống cho cán bộ, đảng viên, đảm bảo đoàn kết nội bộ, xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, giữ vững ổn định ở nông thôn. Ủy ban kiểm tra Huyện ủy đã biên soạn đề cương, tổ chức cho các cơ sở đảng, quán triệt Điều 30 của Điều lệ Đảng ; giúp cơ sở phân biệt rõ nhiệm vụ kiểm tra của cấp ủy theo Điều 30 Điều lệ Đảng với nhiệm vụ kiểm tra của Ủy ban kiểm tra theo Điều 32 Điều lệ Đảng. Trên cơ sở đó, Ủy ban kiểm tra của các cấp ủy cơ sở chủ động tham mưu cho cấp ủy xây dựng chương trình kiểm tra thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng, đồng thời xây dựng chương trình kiểm tra của Ủy ban kiểm tra đảng ủy và chỉ đạo các chi bộ xây dựng chương trình kiểm tra.

Căn cứ thực tế và theo chức năng của mình, Huyện ủy Quỳnh Phụ đã xây dựng chương trình kiểm tra thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước với một số nội dung cụ thể như : kiểm tra việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở ; kiểm tra việc xây dựng và thực hiện quy chế của cấp ủy và các tổ chức thuộc hệ thống chính trị cơ sở ; kiểm tra việc thực hiện Luật Ngân sách, xây dựng cơ bản... ; kiểm tra việc thực hiện chuyển đổi hợp tác xã nông nghiệp theo Luật Hợp tác xã ; kiểm tra việc giải quyết những tồn tại trong quản lý đất đai ; kiểm tra việc triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và các nghị quyết của đảng bộ địa phương, v.v...

Câu hỏi : Theo đồng chí, nội dung kiểm tra đối với cấp ủy đảng ở nông thôn thường tập trung vào những những vấn đề gì ?

Trả lời : Trong tình hình hiện nay, các tổ chức và cấp ủy đảng ở địa bàn nông thôn, khi xây dựng chương trình kiểm tra, cần tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau :

Một là, kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghị quyết, chương trình về chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, thực hiện xóa đói giảm nghèo.

Hai là, kiểm tra việc lãnh đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) về vấn đề xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, tập trung vào xây dựng nếp sống văn hóa, xây dựng làng, xã, gia đình văn hóa, khu dân cư tiên tiến.

Ba là, kiểm tra việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở ; việc quán triệt và thực hiện các Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba, bốn và nhất là lần thứ năm của Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX), vì đây là một trong những Nghị quyết quan trọng của Đảng hướng về cơ sở.

Bốn là, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai, thu - chi ngân sách xã theo Luật Đất đai, Luật Ngân sách ; quản lý, sử dụng vốn, quỹ hợp tác xã nông nghiệp, xây dựng cơ bản.

Năm là, kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Đảng, các quy chế của tổ chức cơ sở đảng.

Năm nội dung kiểm tra trên đây phải được tiến hành đồng bộ nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở nông thôn, phòng ngừa và kịp thời ngăn chặn vi phạm của cán bộ, đảng viên, góp phần xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh.

Câu hỏi : Trong năm nội dung trên, kiểm tra kinh tế là vấn đề khó khăn nhất, trong khi trình độ của đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp, nhất là ở cơ sở còn nhiều bất cập. Đảng bộ huyện Quỳnh Phụ làm thế nào để khắc phục điểm hạn chế này ?

Trả lời : Kiểm tra kinh tế đúng là vấn đề khó khăn nhất và cần đến sự giúp đỡ về chuyên môn. Ban Thường vụ Huyện ủy đã chỉ đạo Ủy ban kiểm tra Huyện ủy phối hợp với Thanh tra Nhà nước huyện, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Tài chính... biên soạn nội dung tập huấn cho ủy ban kiểm tra cơ sở. Ủy ban kiểm tra Huyện ủy, Thanh tra Nhà nước huyện cử cán bộ phụ trách các xã, thị trấn chỉ đạo chuyên môn ; đồng thời thành lập các tổ thẩm định chuyên ngành. Các cuộc kiểm tra về thực hiện Luật Ngân sách,

xây dựng cơ bản được đồng loạt triển khai và thực hiện theo một quy trình tương đối chặt chẽ : cơ sở tự làm - huyện giúp đỡ, hướng dẫn, thẩm định - đảng ủy xã kết luận - huyện phúc tra xác suất để đánh giá chất lượng. Ban Thường vụ Huyện ủy phân công các ủy viên thường vụ phụ trách cụm xã ; huyện ủy viên, trưởng, phó phòng, ban phụ trách xã... tham dự, kết luận và chỉ đạo kiểm điểm các tập thể, cá nhân có khuyết điểm, xử lý đảng viên, thu hồi kinh tế bị xâm phạm, chấn chỉnh công tác quản lý. Cách làm này đã phát huy được sức mạnh tổng hợp của các ngành, các cấp, đem lại hiệu quả thiết thực. Theo tinh thần đó, các cuộc kiểm tra thu, chi ngân sách xã theo Luật Ngân sách, kiểm tra xây dựng cơ bản đã đúng và trúng với điều quan tâm của đảng viên và nhân dân, tạo được niềm tin, củng cố đoàn kết nội bộ, góp phần ổn định tình hình, được cơ sở đánh giá cao và đồng tình ủng hộ.

Câu hỏi : Đồng chí đánh giá thế nào về vai trò của ủy ban kiểm tra trong việc tham gia giải quyết những vấn đề còn bức xúc của nhân dân sau thanh tra, kiểm tra ?

Trả lời : Được sự chỉ đạo của cấp trên, các cấp, các ngành trong huyện đã nỗ lực tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc. Đến năm 2000, tình hình trong huyện đã cơ bản ổn định. Tuy nhiên, từ sau Đại hội Đảng bộ huyện (tháng 11-2000), nhất là sau kiểm tra, thanh tra, ở một số xã, nhân dân vẫn còn những bức xúc chung quanh việc thu hồi kinh tế và xử lý cán bộ, đảng viên vi phạm. Trước tình hình đó, Ủy ban kiểm tra đã tham mưu cho Huyện ủy tập trung chỉ đạo, giải quyết dứt điểm việc thu hồi kinh tế sai phạm được phát hiện và kết luận sau thanh tra. Đến nay, đã thu hồi được 80% tài sản, vật chất bị chiếm dụng, thất thoát. Dưới sự chỉ đạo, lãnh đạo của Huyện ủy, các đảng bộ, ủy ban nhân dân xã thực hiện chế độ công khai tài chính, đưa việc thu, chi ngân sách xã đi vào nền nếp, đồng thời tiến hành việc kiểm tra kinh tế ở cơ sở. Khi có đơn, thư

tổ cáo cán bộ, đảng viên liên quan đến tài chính, đất đai ở cơ sở, cấp ủy tại nơi đó phải đích thân chỉ đạo giải quyết. Chính vì vậy, đơn, thư khiếu kiện vượt cấp đã giảm rất nhiều so với trước, lòng tin của nhân dân đối với đội ngũ cán bộ cơ sở từng bước được cải thiện, góp phần củng cố và xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở ngày càng vững mạnh theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX).

Câu hỏi : Đồng chí cho biết ở Quỳnh Phụ thực hiện vấn đề "kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm" như thế nào ?

Trả lời : Kiểm tra tổ chức đảng, kiểm tra đảng viên "khi có dấu hiệu vi phạm" là nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra các cấp, được quy định tại Điều 32 của Điều lệ Đảng. Mục đích của "kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm" là kịp thời phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn những vi phạm có thể xảy ra ; yêu cầu của "kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm" là chủ động tiến hành kiểm tra khi thấy có biểu hiện ban đầu của sự vi phạm.

Thực tiễn cho thấy, kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm là một việc làm không dễ dàng. Để phát hiện sớm "dấu hiệu vi phạm", cần chủ động nắm bắt, sàng lọc thông tin ngay từ cơ sở. Trên cơ sở đó, ủy ban kiểm tra cấp ủy xác định đối tượng kiểm tra và chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra.

Thực hiện nhiệm vụ "lãnh đạo công tác kiểm tra", năm 2001, Ban Thường vụ Huyện ủy Quỳnh Phụ đã chỉ đạo tất cả các xã, thị trấn tự kiểm tra ngân sách xã, kiểm tra xây dựng cơ bản, thu thuế, ... Qua các cuộc kiểm tra này, nhiều thiếu sót, khuyết điểm (dấu hiệu ban đầu của sự vi phạm) trong quản lý kinh tế, quản lý và sử dụng đất đai đã kịp thời được phát hiện và ngăn chặn, không để xảy ra những vi phạm lớn.

Xin trân trọng cảm ơn đồng chí ! □

**Phú Tài - Ba năm
một chặng đường**

Khu công nghiệp (KCN) Phú Tài nằm ở phía Nam tỉnh Bình Định, cách trung tâm thành phố Quy Nhơn 10 km. Nằm ở giao điểm của tuyến đường

xuyên Việt (quốc lộ 1A) và hành lang Đông - Tây (quốc lộ 19) đi các tỉnh Tây Nguyên, Phú Tài cách ga đường sắt Diêu Trì 2 km, cách cảng nước sâu Quy Nhơn 12 km và cách sân bay Phù Cát 25 km... cùng với các yếu tố thuận lợi khác về kinh tế - xã hội, cho phép khẳng định : KCN Phú Tài hội đủ những điều kiện cần thiết và khá lý tưởng cả trong việc vận chuyển vật tư, hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu hàng hóa, nguyên liệu (đặc biệt là nguyên liệu gỗ) với các nước trong khu vực và thế giới.

Từ năm 1977, tỉnh Nghĩa Bình (cũ) đã có chương trình quy hoạch thị trấn Phú Tài thành KCN tập trung. Tuy nhiên, vì nhiều lý do khác nhau nên trong suốt 20 năm, Phú Tài chỉ đón được hơn 10 doanh nghiệp (DN) chấp nhận vào, chủ yếu là để giữ đất. Đến năm 1997, Thủ tướng Chính phủ đã chính thức phê duyệt KCN Phú Tài vào hệ thống các KCN của cả nước. Đây là KCN đầu tiên của Bình Định, có tổng mặt bằng là 188 ha được chia làm 3 giai đoạn xây dựng ; trong đó giai đoạn 1 là 80 ha, giai đoạn 2 và 3 là 108 ha. Có thể nói, cũng với vị trí địa lý và những điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội đó, nhưng từ khi có quyết định của Thủ tướng Chính phủ, KCN Phú Tài có một sức hút kỳ lạ không chỉ đối với các DN của tỉnh Bình Định. Nắm bắt được cơ hội này,

PHÚ TÀI -

khu công nghiệp đầy tiềm năng của Bình Định

TRẦN QUANG HẢI

tỉnh Bình Định đã nhanh chóng xây dựng và ban hành một loạt cơ chế vừa linh hoạt vừa cụ thể và thiết thực để đặt KCN Phú Tài vào "tâm ngấm", nhằm biến dự định 20 năm trước thành hiện thực.

Cùng với những quy định chung của nhà nước đối với các KCN, căn cứ vào những điều kiện cụ thể của địa phương, tỉnh Bình Định đã vận dụng và triển khai các cơ chế theo hướng mở để thu hút các nhà đầu tư. Tỉnh Bình Định đã xác định *hướng đi cơ bản* đối với KCN Phú Tài là áp dụng hình thức *vừa thu hút đầu tư* (bằng việc cho các DN thuê đất, xây dựng nhà xưởng, sản xuất - kinh doanh) *vừa đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng KCN giai đoạn I*. Phương thức "cuốn chiếu" này đã đáp ứng kịp thời yêu cầu về mặt bằng và thời gian, tạo được độ tin cậy đối với các nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Thường vụ Tỉnh ủy, của UBND tỉnh Bình Định, hàng loạt khó khăn buổi đầu của các DN tại KCN Phú Tài đã nhanh chóng được khai thông. Bằng chứng là, tỉnh đã có hàng loạt các biện pháp thiết thực như khuyến khích mở rộng thị trường cho mặt hàng gỗ xuất khẩu thông qua việc hỗ trợ kinh phí cho DN ; tổ chức cho các DN tham gia hội chợ tại Đức (tháng 9-2001) để tạo cho các doanh nghiệp cơ hội tiếp xúc

và trực tiếp ký kết hợp đồng sản xuất và xuất khẩu với các công ty nước ngoài ; hỗ trợ vốn vay với lãi suất 0% để các DN nhanh chóng khắc phục những thiệt hại do cơn bão số 8 gây ra, và mọi vướng mắc khác về thủ tục pháp lý tại KCN cũng được xử lý rất kịp thời.

Theo lý thuyết, ở điều kiện cụ thể như nước ta, để một KCN hình thành và ổn định phải mất khoảng 7 năm chuẩn bị. Nhưng ở KCN Phú Tài, điều làm người ta không khỏi ngạc nhiên là chỉ sau 3 năm, kể từ khi có quyết định của Chính phủ, Phú Tài không chỉ cơ bản ổn định về mọi mặt mà còn đạt được những kết quả ngoài sự mong đợi. Chỉ sau 3 năm, KCN Phú Tài đã thu hút được 51 dự án đầu tư, nếu tính cả 15 DN đã có mặt từ nhiều năm trước thì tại đây đã có 66 DN. Riêng năm 1999, KCN Phú Tài đã thu hút thêm 12 dự án với tổng số vốn đầu tư là 320 tỉ đồng ; 26 DN tham gia sản xuất với giá trị sản xuất công nghiệp đạt 285 tỉ đồng chiếm 23% giá trị sản xuất công nghiệp của toàn tỉnh, và tạo ra giá trị xuất khẩu là 15 triệu USD, chiếm 32,21% giá trị xuất khẩu của tỉnh. Trên đà thắng lợi đó, năm 2000 tỉnh quyết định cho phép KCN Phú Tài được chuyển tiếp sang thực hiện giai đoạn 2 và 3. Các nhà đầu tư đã "lấp đầy" diện tích quy hoạch, buộc KCN phải xin mở rộng về phía Nam thêm 132 ha nữa.

Năm 2001 là năm có nhiều biến động lớn. Vụ khủng bố 11-9 ở Mỹ đã gây ảnh hưởng trực tiếp đến kinh tế nhiều nước trên thế giới, trong đó có việc xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam ra thị trường bên ngoài. Mặt khác, do ảnh hưởng của cơn bão số 8 đổ bộ vào Bình Định và Phú Yên gây tổn thất nặng nề về sản xuất - kinh doanh của các DN trong tỉnh, riêng KCN Phú Tài đã thiệt hại khoảng 20 tỉ đồng. Nhưng KCN Phú Tài đã nhanh chóng khắc phục và đã thu hút thêm 22 dự án đầu tư.

Như vậy, tính đến tháng 5-2002, tại KCN Phú Tài đã có mặt 85 DN, trong đó 50 DN đã đi vào sản xuất - kinh doanh, 12 DN đang khẩn trương xây dựng, 2 DN chờ giải phóng mặt bằng, 21 DN đang làm thủ tục và đăng ký đầu tư. Điều đáng nói là 100% số DN hiện có mặt ở Phú Tài đều là doanh nghiệp trong nước với tổng số vốn đầu tư 756,3 tỉ đồng ; thu hút được 9 300 lao động tại chỗ vào làm việc với thu nhập bình quân là 800 000đ/người/tháng. Cơ cấu ngành nghề ở đây khá đa dạng : có 30 DN chuyên sản xuất, chế biến lâm sản xuất khẩu ; 6 DN sản xuất bao bì các tông ; 6 DN sản xuất vật liệu xây dựng ; 5 DN sản xuất, chế biến đá xuất khẩu ; 3 DN sản xuất, chế biến giấy tái sinh ; các DN còn lại tham gia sản xuất bia, chế biến thủy sản, thức ăn gia súc, sản xuất cồn... Gần đây, một số sản phẩm hàng hóa mới ra đời, được thị trường tín nhiệm như hệ thống đun nước nóng bằng năng lượng mặt trời, gạch block, clinke xi-măng v.v...

Những điều rút ra từ Phú Tài

Từ những kết quả khả quan trên, câu hỏi được đặt ra : Từ khai thác những lợi thế về tự nhiên Bình Định đã có những tác động và vận hành như thế nào để có một KCN Phú Tài khá vững chắc và có được sức hút mạnh mẽ ? Qua làm việc với các đồng chí lãnh đạo tỉnh, các đồng chí trong Ban quản lý các khu công nghiệp (BQLCKN) Bình Định và tìm hiểu thực tế tại KCN Phú Tài, bước đầu chúng tôi rút ra một số bài học kinh nghiệm.

Một là, cùng với sự đánh giá toàn diện và khách quan những lợi thế về tự nhiên, tỉnh Bình Định đã nắm bắt kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, thực hiện phương châm "táo bạo nhưng phải tính toán chính xác các mục tiêu, chương trình để đưa ra những quyết định thích hợp" nhằm đẩy tới sự khởi động của KCN "khởi đầu" này. Từ chủ trương của Chính phủ : miền Trung cần được

ưu tiên đầu tư về mọi mặt để phát triển và hòa nhập với hai đầu đất nước, tỉnh Bình Định đã có những quyết định đúng, trong đó có chủ trương không kinh doanh kết cấu hạ tầng ngay khi DN mới vào như các KCN khác. Bình Định thống nhất quan điểm là tập trung các DN vào một đầu mối để vừa phát huy hiệu quả quản lý của các cơ quan nhà nước, vừa tạo ra nhiều thuận lợi hơn để giúp các DN sớm ổn định sản xuất - kinh doanh. Tinh thần chung của lãnh đạo tỉnh là đáp ứng tốt nhất cho các nhà DN những điều kiện có thể để thành phố Quy Nhơn, KCN Phú Tài nhích lại gần hơn, nhanh hơn với cả nước.

Hai là, muốn phát triển phải có cơ chế tác động phù hợp. Khi các điều kiện về địa lý, hạ tầng v.v .. của các KCN đều có các yêu cầu cơ bản giống nhau thì vấn đề là ở chỗ cơ chế thông thoáng. Vì vậy, song hành với những quyết định đúng và kịp thời, lãnh đạo tỉnh đã có sự thống nhất cao trong xây dựng và ban hành một loạt các cơ chế, chính sách và giải pháp rất cụ thể ; và điều quan trọng là vận dụng chúng một cách linh hoạt để hấp dẫn các nhà đầu tư đã đến, sẽ đến. Đó là cơ chế "một cửa" trong việc đáp ứng các yêu cầu về thủ tục pháp lý cho các DN khi vào cũng như trong quá trình xây dựng và hoạt động. Một trong những cơ chế tạo khả năng thu hút mạnh đầu tư là đáp ứng nhanh yêu cầu về mặt bằng và áp dụng giá thuê đất có gắn với kết cấu hạ tầng xuống mức thấp nhất so với các KCN khác (0,3 USD/m²/năm và sẽ tiếp tục giảm) ; bởi Bình Định xác định lấy phục vụ để kinh doanh là chính chứ không làm ngược lại.

Ba là, xây dựng đội ngũ CBCNV tại KCN có đủ năng lực và phẩm chất, năng động và nhiệt tình với công việc. Mặc dù không lường được khả năng tham gia ồ ạt của các DN vào KCN nên từ đầu, BQLCKN Phú Tài chỉ được duyệt một bộ máy biên chế là 12 người.

Nhưng bộ máy tinh gọn này đã được BQL bố trí sắp xếp hợp lý và hoạt động rất nhịp nhàng. Ngay ấy con người, nhưng tại từng DN cũng như toàn bộ KCN Phú Tài vẫn có cán bộ thường xuyên bám sát cơ sở, lắng nghe và truyền đạt kịp thời những tâm tư, vướng mắc, cùng DN phân tích và xử lý thấu đáo mọi vấn đề với tinh thần trách nhiệm cao. Bình Định đã giải quyết vấn đề sâu sát cơ sở không chỉ ở sự chỉ đạo cán bộ thường xuyên bám người, bám việc mà còn đề ra chủ trương, giải pháp đi đôi với kiểm tra giám sát chặt chẽ để uốn nắn kịp thời mọi sai lệch. Để chủ trương "một cửa tại chỗ" phát huy hiệu lực, cán bộ chuyên trách của Ban đã thực sự là người đại diện cho DN để làm việc với các cơ quan chức năng, hạn chế đến mức thấp nhất những tiêu cực phương hại đến công sức và tiền bạc của DN. Nhận thức rõ đối với các DN, trong cơ chế thị trường thời gian chính là tiền bạc, nên yêu cầu của DN đặt ra một cách nghiêm túc để giải quyết nhanh chóng và hiệu quả. Chẳng hạn, một DN có vốn đầu tư 24 tỉ đồng cần vào KCN Phú Tài, thì thời gian để hoàn tất mọi thủ tục, đầu tư xây dựng và đưa nhà máy đi vào sản xuất chỉ trong vòng 6 tháng, trong khi ở một số KCN khác, DN có mức vốn đầu tư từ 2 đến 3 tỉ đồng phải chờ đợi ít nhất là 2 năm.

Bốn là, luôn thấm nhuần bài học về phát huy nội lực. Bài học này được thể hiện trước hết ở sự đoàn kết nội bộ, và sau đó là ở cái tâm vì dân và lo cho dân. Cái tâm đó đã được chuyển từ lãnh đạo tỉnh đến cán bộ BQLCKN. Đó là tinh thần làm việc vì cái chung, mạnh dạn xây dựng và vận dụng các cơ chế thông thoáng để dân yên tâm đầu tư vào sản xuất - kinh doanh. Một cán bộ là chuyên viên của BQLCKN Bình Định quả là rất thực tế khi nói rằng : Các DN dù là của Trung ương, nước ngoài hay các tỉnh bạn, khi thấy mình làm hay và thực sự vì họ thì họ mới quan tâm

và tự tìm đến đầu tư. Nội dung của ý tưởng này hiểu nôm na là muốn người tin mình thì mình phải tạo ra niềm tin trước đã. Đó chính là ý chí tự lực tự cường, không trông chờ ỷ lại theo tư tưởng quan liêu bao cấp trước đây.

Tinh thần phát huy nội lực của tỉnh Bình Định và của KCN Phú Tài nói riêng đã được thực tế hóa bởi 3 yếu tố. Đó là : *Thứ nhất*, phát huy nguồn nội lực của con người trên cả hai phương diện năng lực và phẩm chất. *Thứ hai*, phát huy vị trí địa lý và cơ sở vật chất trong quy hoạch phát triển kinh tế hàng lang Đông - Tây dọc đường 19 và cảng Quy Nhơn. *Thứ ba*, tạo ra một môi trường thông thoáng và mới mẻ (bao gồm cơ chế chính sách, thủ tục hành chính, cơ sở hạ tầng, chỉnh trang đô thị v.v...) nhằm tranh thủ và thu hút ngoại lực. Cả 3 yếu tố đó đã được thể hiện cụ thể và sinh động ở KCN Phú Tài. Cụ thể và sinh động ở chỗ, trong số 85 DN vào đầu tư ở đây, đã có tới 1/3 là các DN ngoài tỉnh tham gia.

Những bài học đó, có thể nằm trong những bài học chung của cả nước, nhưng Bình Định đã biết "gạn đục khơi trong" để xây dựng nên những bài học cụ thể, và vận dụng một cách linh hoạt vào hoàn cảnh riêng của mình để đạt tới mục tiêu. Những năm gần đây, câu nói dân gian là "Bình Định nằm co" có lẽ không còn đúng nữa. Sự trăn trở của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Bình Định trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã đem lại những thay đổi đáng mừng. Đến nay, thu nhập bình quân đầu người của Bình Định đã đứng vào thứ 31 của cả nước ; đứng thứ 34 về chỉ số phát triển con người (nếu tính ở khu vực miền Trung thì đứng thứ 3, chỉ sau Khánh Hòa và Đà Nẵng) ; nhịp độ tăng trưởng 10 năm (1991 - 2000) của Bình Định là hơn 8%/năm. Nếu những năm 90, công nghiệp và xây dựng của Bình Định chỉ chiếm 6,6% trong cơ cấu kinh tế, thì đến năm 2000 đã tăng lên 23,2%, nghĩa là chỉ sau 10 năm đã tăng

gấp 3 lần ; nông nghiệp từ 60% đã giảm xuống còn 40% vào cuối năm 2001. Chỉ nói riêng về công nghiệp, Bình Định được Trung ương đánh giá là có những tiến bộ rõ rệt, với nhịp độ tăng trưởng công nghiệp hiện nay cao nhất miền Trung, nhiều mặt trong đó không chỉ đạt mà đã vượt các chỉ tiêu đề ra ; trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp hàng năm của tỉnh thì công nghiệp địa phương hiện đã chiếm từ 85 đến 90%.

Niềm vui sẽ trọn

Tuy "vạn sự khởi đầu nan", nhưng những thành công bước đầu của KCN Phú Tài là biểu hiện của sự thống nhất cao về ý chí để lựa chọn một hướng đi đúng đắn và vững chắc. Phú Tài quả là nơi hội tụ và phát huy được cả 3 mặt "thiên thời, địa lợi, nhân hòa". Tỉnh Bình Định đang tiếp tục khẳng định những chủ trương, chính sách và cơ chế đúng đắn, phù hợp và linh hoạt của mình trong phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế năm 2002 và những năm tới : "... tăng nhanh quy mô đầu tư phát triển bằng việc cải thiện hơn nữa môi trường đầu tư, có các chính sách đặc biệt hấp dẫn để thu hút các nguồn lực đầu tư trong tỉnh, ngoài tỉnh và ngoài nước ; chú trọng đầu tư chiều sâu, hiện đại hóa từng bước các cơ sở sản xuất công nghiệp ; khuyến khích đầu tư vào các ngành công nghiệp có lợi thế, nhất là chế biến nông sản và sản xuất hàng xuất khẩu ...". Để đạt được những mục tiêu quan trọng đó, một trong những điểm mà Bình Định đang tập trung hướng vào chính là KCN Phú Tài. Mới sau hơn 3 năm, Phú Tài chưa thực sự ổn định là một điều tất yếu. Hiện ở Phú Tài còn một số vấn đề vướng mắc, trong đó tập trung chủ yếu ở ba vấn đề cơ bản :

Một là, bộ máy BQL của KCN Phú Tài quá mỏng, khó có thể đảm đương nổi một khối lượng công việc ngày càng lớn. Khi bắt đầu xây dựng giai đoạn 1, KCN Phú Tài

chỉ có 80 ha, bộ máy quản lý được giải quyết là 12 người biên chế. Nhưng hiện nay, KCN đã qua các giai đoạn 1, 2, 3 và giai đoạn mở rộng về phía nam với tổng diện tích quy hoạch đã lên tới trên 320 ha (gấp 4 lần ban đầu), bộ máy của BQL vẫn chỉ có 12 người. Do thực tiễn của KCN, hiện 12 người này được chia làm 3 phòng chức năng, gồm văn phòng ban (3 người) ; phòng quản lý quy hoạch - môi trường (4 người) ; phòng quản lý doanh nghiệp - đầu tư - lao động - xuất nhập khẩu (3 người). Như vậy, căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của BQL đã được quy định tại Nghị định số 36/CP (ngày 24-4-1997) của Chính phủ và Điều lệ quản lý KCN của UBND tỉnh Bình Định về thực hiện việc quản lý Nhà nước trực tiếp các KCN, trong đó có KCN Phú Tài và KCN Phú Tài mở rộng thêm về phía Nam, phía Long Mỹ thì yêu cầu công việc đã trở nên quá tải với bộ máy hiện có. Vấn đề đặt ra là, cùng với tiếp tục chỉ đạo giải quyết một số công việc cần thiết cho KCN Phú Tài, UBND tỉnh cần có chính sách tăng cường cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ cho BQLCKCN, để Ban quản lý đủ sức đáp ứng được nhiệm vụ công tác năm 2002 và những năm tiếp theo.

Hai là, với những mục đích chính là thu hút nhiều DN, tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội, đa dạng hóa ngành nghề, tăng thu ngân sách và giải quyết việc làm v.v.. thì việc xây dựng kết cấu hạ tầng KCN cần được tập trung vào một đầu mối, cụ thể là do BQLCKCN quản lý là phù hợp và cần thiết. Nhưng vấn đề này ở Bình Định có vẻ như chưa thật thoáng. Cũng như một số tỉnh khác đã có KCN ở các tỉnh miền Trung, có lẽ tỉnh Bình Định cần xúc tiến việc thành lập một công ty phát triển hạ tầng KCN với hình thức là một đơn vị hành chính sự nghiệp có thu, trực thuộc BQLCKCN của tỉnh. Bởi thực tế cho thấy, việc kinh doanh kết cấu hạ tầng tại các tỉnh miền Trung để thu hút đầu tư (nhất là đầu tư nước ngoài) hiện đang gặp

rất nhiều khó khăn. Việc tập trung vào một đầu mối trong xây dựng kết cấu hạ tầng KCN sẽ góp phần đẩy nhanh tiến độ đền bù, giải phóng mặt bằng ; tiến độ thi công các hạng mục công trình để đón bắt kịp thời những cơ hội đầu tư của các thành phần kinh tế. Có lẽ không phương án nào ưu việt hơn là tập trung quản lý các DN vào một đầu mối như đã nói ở trên ; từ đó mà có sự gắn kết các DN lại bằng việc hình thành một trung tâm dịch vụ tại chỗ để đáp ứng kịp thời các nhu cầu ăn ở, sinh hoạt văn hóa v.v.. cho hàng ngàn (và trong tương lai gần là hàng chục ngàn) lao động tại KCN Phú Tài. Về lâu dài, chính khu trung tâm này cũng là nơi đứng chân và hoạt động của các cơ quan chức năng của nhà nước gồm hải quan, thuế, ngân hàng, công an, bưu chính viễn thông v.v.. Nếu để từng DN tự lo hoặc có sự quản lý phân tán, chông chéo... sẽ gây ảnh hưởng không nhỏ đến việc thu hút đầu tư, cũng như yêu cầu ổn định và phát triển của KCN.

Ba là, vấn đề đào tạo nhân lực ở tỉnh Bình Định và KCN Phú Tài nói riêng còn nhiều bất cập. Trước tình hình đầu tư của các DN ngày càng nhiều và mạnh vào KCN Phú Tài, và do sự đa dạng về ngành nghề và sản phẩm mới đã làm nảy sinh nhu cầu đào tạo và đào tạo lại nhân lực để kịp với thực tiễn và đáp ứng sự phát triển về lâu dài. BQLCKCN Bình Định đã có đề án và những kiến nghị cụ thể về việc tuyển dụng lao động gắn với đào tạo và giao nhiệm vụ này cho cơ quan có chức năng. Nhưng trên thực tế, sự giải quyết của tỉnh về vấn đề này chưa kịp thời, nếu không muốn nói là còn chậm. Các DN đang chưa hết băn khoăn trước tình trạng lao động ở KCN Phú Tài đang vừa thiếu về số lượng vừa yếu về nghề nghiệp chuyên môn. Đầu tư dù mạnh đến đâu nhưng nguồn nhân lực không đáp ứng kịp thì khó có thể đạt được hiệu quả sản xuất kinh doanh như mong muốn. □



BẢY CÁI "NHẤT" Ở CƠ SỞ

NAM DŨNG

XUA nay, nói về cơ sở có thể kể đến hàng kho chuyện : dân gian, thời sự, cổ, kim, trên trời, dưới bể... Nghĩa là, cơ sở - một trong những địa chỉ có lắm chuyện nhất. Nhưng để khái quát về những cái "nhất" của cơ sở thì vừa qua, trong Hội thảo khoa học tại tỉnh H, với nội dung "**Xây dựng hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ cơ sở**", có ý kiến của Bí thư Đảng bộ xã Ph. nói về bảy cái "nhất" ở cơ sở thấy rất "gồ ghề" nhưng cũng có lý. Xin lược ghi lại :

Thứ nhất : Cơ sở là cấp nhiều việc nhất.

"Thượng vàng, hạ cám", từ triển khai nghị quyết đến thực thi nghị quyết là cơ sở ; từ đưa nghị quyết vào cuộc sống và tham gia sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết cũng là cơ sở. Một năm có biết bao nghị quyết, chính sách, thông tư, chỉ thị, hướng dẫn, thông báo của trung ương, tỉnh, huyện. Tất cả đều "dồn" xuống cơ sở. Đây là chưa kể đến những "văn bản miệng" những "chỉ giáo nhỏ" mà cơ

sở thường xuyên phải làm. Xem ra, cơ sở nhiều việc thật.

Thứ hai : Cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở có trình độ nghiệp vụ thấp nhất.

Lâu nay, kinh phí ngân sách dành cho việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở quá ít ỏi và bị "hụt hơi", đứt quãng. Phải chăng cấp ủy cấp trên của cơ sở ở nhiều địa phương chỉ tập trung lo cho cái "dạ dày" đã mệt lắm rồi nên ít chăm lo cho sự phát triển cơ sở một cách căn cơ, bài bản và bền vững. Cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng hoặc trung cấp ở mỗi cơ sở chỉ đếm đầu ngón tay, thậm chí nhiều cơ sở không có, trong khi lại phải quản lý hàng nghìn dân, hàng nghìn héc-ta đất trồng trọt, hàng vạn con vật, gia súc và bao chuyện dân sinh khác.

Thứ ba : cán bộ cơ sở có chế độ phụ cấp thấp nhất.

Phụ cấp trung bình cho mỗi cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách chỉ có từ 60 - 120 nghìn đồng/tháng. Mức thu nhập như thế trong thời giá hiện nay khó có thể mong

muốn cán bộ cơ sở làm việc hiệu quả hơn được.

Thứ tư : Cơ sở làm việc trong điều kiện phương tiện khó khăn nhất.

Từ trụ sở làm việc, đến xe cộ, trang thiết bị văn phòng là những vật dụng không thể thiếu, vậy mà nhiều cơ sở hiện nay rất thiếu ; thậm chí có những cơ sở không có trụ sở làm việc. Nguồn lực tài chính của nhiều cơ sở lại rất yếu do thu không bù đủ chi. Trong thời buổi bùng nổ thông tin mà nhiều cơ sở vẫn phải dùng tê-lê-phôn "bằng chân".

Thứ năm : Cơ sở là nơi có cán bộ, đảng viên hưu trí nhiều nhất.

Điều đó thì quá rõ rồi. Thông thường cán bộ, đảng viên nam 60 tuổi, nữ 55 tuổi, dù công tác ở bất cứ đâu, ngành nghề gì đến lúc nghỉ hưu cũng về với cơ sở - nơi cư trú cuối cùng của họ. Ở nhiều tổ chức của hệ thống chính trị cơ sở hiện nay, "đầu ra" của trung ương, tỉnh, huyện lại là "đầu vào" của cơ sở. Vừa có quyết định nghỉ hưu đã "phải" tham gia vào cấp ủy cũng như các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở. Có không ít chi bộ hiện nay tới 90% là đảng viên về hưu, số đảng viên gấp vài lần số đoàn viên thanh niên.

Thứ sáu : Cơ sở là nơi có nhiều hủ tục, mê tín dị đoan và tệ nạn xã hội nhất.

(Xem tiếp trang 64)



ASEAN

trong hành trình 35 năm qua và chặng đường phía trước

LÊ CÔNG PHỤNG *

Chặng đường 35 năm qua của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)

Ba mươi lăm năm trước đây (8-8-1967), khi đặt bút ký Tuyên bố Băng-cốc để thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), hẳn những người sáng lập ra tổ chức này cũng chưa thể hình dung được đầy đủ tương lai phát triển của hợp tác trong Hiệp hội cũng như quan hệ giữa Hiệp hội với bên ngoài. Trong bối cảnh quốc tế và khu vực vô cùng phức tạp lúc đó, Tuyên bố Băng-cốc tuy mới chỉ ra những định hướng nền tảng cơ bản cho tiến trình hợp tác của ASEAN nhưng cũng có thể coi đây là bản tuyên ngôn về ước nguyện của họ về một tương lai tốt đẹp hơn cho các nước thành viên và cho khu vực rất quan trọng này.

Ra đời trong thời kỳ chiến tranh lạnh và chịu tác động mạnh mẽ bởi môi trường địa - chính trị của thời kỳ này, phạm vi hợp tác của ASEAN trong hơn hai thập kỷ đầu chỉ bó hẹp trong một số lĩnh vực và ít hiệu quả. Các thành viên của Hiệp hội gắn kết được với nhau nhờ một "chất keo dính", đó là những nguy cơ, thách thức chung có nguồn gốc từ chiến tranh lạnh đối với hòa bình, ổn định và phát triển của mỗi nước trong khu vực. Sự kết thúc chiến tranh lạnh đã mở ra triển vọng to

lớn để triển khai mạnh mẽ những ý tưởng hợp tác toàn Đông Nam Á, nhằm xây dựng một khu vực hòa bình, ổn định và phát triển phồn vinh. Với nỗ lực to lớn, sự hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau trong sự đa dạng, các nước thành viên ASEAN trong những năm qua đã xây dựng ASEAN trở thành một trong những tổ chức khu vực hoạt động thành công nhất trên thế giới và tạo được uy tín lớn trong và ngoài khu vực. Mở đầu bằng việc Việt Nam gia nhập Hiệp hội vào tháng 7-1995, giờ đây ASEAN bao gồm cả 10 nước Đông Nam Á.

Lịch sử khu vực bước sang một chương mới. So với tất cả các khu vực khác trên thế giới từ Tây Bắc Âu, Ca-ri-bê, Mỹ La-tinh, Trung Đông, Nam Á..., ASEAN là tổ chức khu vực duy nhất tập hợp được tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội, trình độ phát triển kinh tế, tôn giáo, văn hóa... nhằm một mục tiêu chung là hòa bình, hợp tác và phát triển. Các lĩnh vực hợp tác của ASEAN ngày càng phát triển cả về bề rộng và chiều sâu, bao gồm mọi mặt đời sống của khu vực, từ chính trị, kinh tế, đến văn hóa, xã hội, khoa học - công nghệ, môi trường... Quan hệ đối ngoại của ASEAN cũng

* Thứ trưởng Bộ Ngoại giao

không ngừng được tăng cường và mở rộng, tạo thế và lực ngày càng tăng cho ASEAN trong các diễn đàn, cơ chế hợp tác khu vực và quốc tế. Hiện ASEAN có quan hệ hợp tác đối thoại với 11 nước và tổ chức quốc tế, trong đó có những nước và trung tâm lớn như Mỹ, Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Liên minh châu Âu, Ấn Độ. ASEAN vừa sáng lập vừa giữ vai trò chủ đạo trong Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) và trong tiến trình hợp tác giữa ASEAN với 3 nước Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc (ASEAN + 3), đồng thời đề ra sáng kiến liên khu vực giữa ASEAN với châu Âu và với Mỹ La-tinh...

Những thành tựu quan trọng của ASEAN từ khi thành lập

Nhiều năm đầu, hợp tác chính trị trong ASEAN chỉ phục vụ mục tiêu cải thiện quan hệ song phương giữa các nước thành viên với nhau. Càng về sau, do những thay đổi căn bản trong tình hình quốc tế và khu vực cũng như những điều chỉnh chiến lược của các nước lớn, sự xuất hiện những cơ hội và thách thức mới đối với an ninh và phát triển kinh tế, ASEAN đã đẩy mạnh hơn các hoạt động nhằm xóa bỏ sự nghi kỵ, tạo hiểu biết và lòng tin giữa các nước thành viên. ASEAN đã trở nên gắn bó với nhau hơn, quan tâm nhiều hơn tới những cố gắng chung nhằm xây dựng một khu vực Đông Nam Á hòa bình, ổn định, và phát triển phồn vinh. Năm 1971, ASEAN đã ra Tuyên bố về khu vực hòa bình, tự do và trung lập (ZOPFAN), tạo ra sự hòa giải, cải thiện quan hệ, ngăn chặn tranh chấp bùng nổ thành xung đột vũ trang giữa các nước thành viên, đồng thời tạo dựng môi trường chung ổn định cho hợp tác khu vực. Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác (gọi tắt là Hiệp ước Ba-li) ký năm 1976 tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ nhất đã trở thành một bộ luật ứng xử cho mối quan hệ giữa các nước Đông Nam Á, trong đó nhấn mạnh nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không

sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực, giải quyết bất đồng và tranh chấp bằng thương lượng, ngăn chặn sự can thiệp của các cường quốc bên ngoài vào công việc của Đông Nam Á, nêu cao tính tự lực tự cường và nhu cầu liên kết ASEAN. Các cuộc tiếp xúc được thể chế hóa của quan chức cao cấp, đặc biệt các cuộc họp cấp cao thường xuyên hơn giữa các nhà lãnh đạo ASEAN đã làm tăng thêm sự hiểu biết và thúc đẩy mạnh mẽ hơn hợp tác khu vực.

Cùng với việc mở rộng và làm sâu sắc hơn hợp tác khu vực, từ giữa năm 1993, ASEAN đã đề xuất và thúc đẩy việc thành lập Diễn đàn khu vực ASEAN, một diễn đàn khu vực duy nhất để tiến hành đối thoại về các vấn đề hòa bình, ổn định và an ninh khu vực với sự tham gia của nhiều nước lớn, quan trọng. Bên cạnh đó, ASEAN còn ký Hiệp ước về Đông Nam Á không có vũ khí hạt nhân (SEANWFZ) và xây dựng những nguyên tắc cơ bản cho việc giải quyết hòa bình các cuộc tranh chấp có thể xảy ra ở biển Đông. Những nỗ lực đó đã và đang góp phần quan trọng củng cố môi trường hòa bình và ổn định ở khu vực.

Việc mở rộng thành viên ASEAN cũng được coi là một thành tựu lớn của ASEAN trong 35 năm tồn tại và phát triển. Sau khi kết nạp Bru-nây (năm 1984), hơn 10 năm sau, ASEAN tiếp tục kết nạp Việt Nam (năm 1995) và ba quốc gia còn lại ở Đông Nam Á lục địa (Lào và Mi-an-ma năm 1997 ; Cam-pu-chia năm 1999). Như vậy, ý tưởng ban đầu về một ASEAN bao gồm tất cả 10 nước Đông Nam Á đã được hoàn thành và nguyện vọng cháy bỏng của nhân dân khu vực về một ASEAN của, do và vì Đông Nam Á đã thành hiện thực.

Có thể nói, ASEAN đã đạt được mục tiêu ban đầu về mặt chính trị, tạo ra một Đông Nam Á thống nhất, một ASEAN có quan hệ hợp tác ngày càng chặt chẽ và mở rộng,

giải quyết hòa bình những tồn tại, khác biệt trên tinh thần đoàn kết, tin cậy, hiểu biết và thông cảm lẫn nhau, không có sự can thiệp của bên ngoài, mở ra một chương mới trong lịch sử phát triển của khu vực. Việc mở rộng ASEAN đã hoàn thành, song một vấn đề lớn đặt ra cho Hiệp hội là phải thúc đẩy liên kết khu vực, tạo một sức mạnh tổng hợp cho ASEAN trong bối cảnh có sự khác biệt về chính trị, cơ cấu kinh tế và sự chênh lệch khá lớn về trình độ phát triển giữa các thành viên. Để giải quyết vấn đề trên, trong khi triển khai những chương trình hợp tác toàn khu vực, ASEAN đã đề ra và thực hiện Sáng kiến liên kết khu vực ASEAN, thu hẹp khoảng cách phát triển, hỗ trợ bốn thành viên mới là Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia và Mi-an-ma.

Hợp tác phát triển kinh tế là một mục tiêu quan trọng của ASEAN như đã được nêu trong Tuyên bố Băng-cốc. Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu (1967-1975), hợp tác kinh tế nội bộ ASEAN chưa được coi là trọng tâm. Hoạt động hợp tác kinh tế chỉ được bắt đầu từ năm 1976 và được củng cố, thúc đẩy dần trong những năm tiếp theo. Mốc quan trọng đánh dấu bước chuyển trong hợp tác kinh tế ASEAN là Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ tư tại Xin-ga-po (năm 1992). Nhận thức rõ tác động to lớn của quá trình toàn cầu hóa kinh tế, ASEAN đã coi việc thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực này là một trọng tâm hoạt động của Hiệp hội với việc ký Hiệp định khung về nâng cao hợp tác kinh tế ASEAN và đặc biệt là Hiệp định về ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) để thành lập Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) trong vòng 15 năm từ 1993 đến 2008. Những năm gần đây, ASEAN đã quyết định đẩy nhanh hơn việc thực hiện AFTA bằng cách rút ngắn việc hoàn thành cắt giảm thuế quan, theo đó mốc hoàn thành cắt giảm thuế quan về 0 - 5% đối với ASEAN-6 là năm 2002, Việt Nam là năm 2006, Lào và Mi-an-ma là năm 2008

và Cam-pu-chia là năm 2010 ; đưa toàn bộ các sản phẩm có mức thuế suất 0% vào năm 2010 đối với ASEAN-6 và 2015 đối với ASEAN-4. Hợp tác ASEAN cũng được mở rộng sang nhiều lĩnh vực mới như dịch vụ, sở hữu trí tuệ, lập khu vực đầu tư ASEAN, đẩy mạnh thương mại điện tử.

Song song với việc thúc đẩy hợp tác nội khối, ASEAN đang thỏa thuận với các nước đối thoại như Ô-xtrây-li-a, Niu Di-lân, Trung Quốc, Nhật Bản nhằm xây dựng các mối quan hệ kinh tế chặt chẽ hơn, có kế hoạch xây dựng Khu vực mậu dịch tự do (như với Trung Quốc) nhằm thúc đẩy thương mại và đầu tư hai phía.

Trong các lĩnh vực phát triển xã hội, khoa học - công nghệ, văn hóa - thông tin, môi trường, y tế, giáo dục..., hợp tác ASEAN cũng đạt được tiến bộ đáng kể và ngày càng được mở rộng và đi vào chiều sâu. Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 5 tại Băng-cốc tháng 12-1995 đã quyết định nâng hợp tác chuyên ngành lên tầm cao mới ngang bằng với hợp tác chính trị và kinh tế nhằm đạt sự thịnh vượng chung cho cả khu vực. Hàng trăm dự án hợp tác trong các lĩnh vực chuyên ngành đã và đang được triển khai với sự hỗ trợ tài chính của các nước đối tác và bằng chính nỗ lực của ASEAN.

Về quan hệ đối ngoại, trong hơn ba thập kỷ qua ASEAN luôn nhấn mạnh tầm quan trọng của việc mở rộng hợp tác với bên ngoài, đã xây dựng được nhiều chương trình, cơ chế hợp tác cụ thể và hiệu quả với các nước đối thoại, nhất là với những nước lớn để trao đổi ý kiến về các vấn đề chính trị, an ninh, chiến lược và thúc đẩy hợp tác kinh tế. Nhờ vậy, ASEAN đã phát huy được vai trò và khẳng định được tiếng nói của mình trong những vấn đề lớn liên quan đến hòa bình, ổn định và phát triển. Đến nay, ASEAN là tổ chức khu vực duy nhất trên thế giới thiết lập được cơ chế đối thoại với tất cả các nước và trung tâm

kinh tế - chính trị lớn trên thế giới như Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Hàn Quốc, Ô-xtrây-li-a, Niu Di-lân, Ca-na-đa, Liên minh châu Âu ; đưa ra sáng kiến lập tổ chức Hội nghị Á - Âu (ASEM), lập Diễn đàn hợp tác Đông Á - Mỹ La tinh (FEALAC), lập cơ chế hợp Hội nghị Cấp cao ASEAN+3 với Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc và Cấp cao ASEAN+1 với từng nước trên và sắp tới là với Ấn Độ.

Những thành tựu quan trọng mà ASEAN đạt được trong những năm qua cho thấy sức sống mãnh liệt, tiềm năng to lớn của Hiệp hội. Đạt được những thành tựu trên là do ASEAN luôn theo đúng các tôn chỉ, mục đích đã được đề ra trong Tuyên bố Băng-cốc, giữ vững các nguyên tắc cơ bản của mình, luôn tôn trọng, chiếu cố lẫn nhau, đảm bảo sự "thống nhất trong đa dạng" và xử lý mọi vấn đề theo "phương cách ASEAN".

Triển vọng của ASEAN

Một ASEAN-10 đã và đang tạo tiềm năng to lớn về nhiều mặt và là một tập hợp lực lượng đáng kể ở châu Á - Thái Bình Dương và trên thế giới. Các nước thành viên ASEAN đều có nhu cầu tạo dựng môi trường hòa bình, ổn định để cùng phát triển kinh tế, không muốn có sự can thiệp từ bên ngoài. Mặc dù còn phải tiếp tục khắc phục hậu quả của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ 1997-1998 và tăng cường hợp tác để vượt qua những khó khăn, thách thức do biến động của kinh tế thế giới và khu vực, cũng như những diễn biến mới đầy phức tạp trong quan hệ quốc tế sau sự kiện 11-9-2001 ở Mỹ, ASEAN vẫn giữ được các nguyên tắc cơ bản của Hiệp hội, hợp tác mọi mặt giữa các thành viên vẫn tiếp tục được củng cố ; nhiều cơ chế và khuôn khổ hợp tác mới đã được xây dựng trong Hiệp hội và với bên ngoài, giải quyết những vấn đề khu vực và thế giới.

ASEAN đang khôi phục lại hình ảnh và vị thế của một tổ chức hợp tác khu vực được coi là rất thành công và năng động, đóng vai trò tích cực trong việc thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế ở châu Á - Thái Bình Dương và trên thế giới. Các nước và trung tâm lớn đều muốn có hòa bình, ổn định và phát triển ở khu vực, một ASEAN ổn định, phát triển, có vai trò và vị trí nhất định, đồng thời tranh thủ ASEAN để phục vụ tính toán chiến lược của mình. Các nước Đông Bắc Á đều có bước đi tăng cường quan hệ với ASEAN : Trung Quốc đẩy nhanh việc lập Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc ; Nhật Bản đưa ra năm sáng kiến về tăng cường quan hệ với ASEAN, trong đó có Sáng kiến Phát triển Đông Á (IDEA) ; Hàn Quốc thúc đẩy việc hợp Cấp cao Đông Á. Đó là cơ hội mới để ASEAN tiếp tục duy trì được vai trò, vị trí quan trọng đối với hòa bình, ổn định và phát triển trong khu vực, nếu ASEAN biết phát huy mạnh mẽ hơn nữa nội lực của khối, năng động và chủ động trong tiến trình hợp tác và rộng mở này.

Với việc đưa ra Tầm nhìn ASEAN 2020 vào năm 1997 và thông qua Chương trình Hành động Hà Nội, Tuyên bố thu hẹp khoảng cách phát triển, thực hiện Sáng kiến liên kết ASEAN, Hiệp hội đã xác định hướng phát triển tương lai của mình trong hai thập kỷ đầu của thiên niên kỷ mới. Theo đó, các nước sẽ cùng nhau phấn đấu để xây dựng ASEAN thành "một nhóm hài hòa các dân tộc Đông Nam Á, sống trong hòa bình, ổn định và thịnh vượng, gắn bó với nhau bằng mối quan hệ đối tác trong phát triển năng động và trong một cộng đồng các xã hội đùm bọc lẫn nhau và mở rộng hợp tác với bên ngoài".

Tuy nhiên, ASEAN sẽ tiếp tục đứng trước nhiều khó khăn, thách thức mới do tác động không thuận của toàn cầu hóa, nguy cơ tụt hậu hơn nữa về khoa học, công nghệ nhất là công nghệ thông tin, khoảng cách phát triển

ngay trong ASEAN và giữa ASEAN với bên ngoài ngày càng gia tăng. Mặt khác, do tác động nhiều mặt của sự kiện 11-9, sự lôi kéo của các nước lớn và tình hình kinh tế, xã hội khó khăn ở một số nước thành viên cùng với những tính toán khác nhau về lợi ích dân tộc, vai trò và vị thế của ASEAN ở các diễn đàn và cơ chế hợp tác khu vực và quốc tế cũng bị thách thức đáng kể.

Trước những thách thức lớn đối với ASEAN hiện nay, con đường duy nhất để vượt lên là ASEAN phải tiếp tục củng cố đoàn kết, tăng cường phối hợp chính sách, phát huy nội lực, đẩy mạnh liên kết khu vực, thu hẹp khoảng cách phát triển và năng động thúc đẩy các quan hệ đối tác với các bên đối thoại.

Quan hệ Việt Nam và ASEAN

Việc Việt Nam trở thành thành viên chính thức của ASEAN từ tháng 7-1995 đã khởi đầu cho việc hoàn thành ý tưởng lịch sử về một ASEAN bao gồm 10 nước Đông Nam Á. Việc chúng ta gia nhập tổ chức này là một quyết sách đúng đắn và kịp thời của Đảng và Nhà nước ta, phù hợp với đường lối đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa, chủ động hội nhập khu vực và thế giới, phù hợp với xu thế hòa bình, ổn định và hợp tác để phát triển, xu thế khu vực hóa, toàn cầu hóa trên thế giới, từ đó góp phần tạo môi trường quốc tế và khu vực thuận lợi cho công cuộc đổi mới, bảo vệ và phát triển đất nước. Có thể nói, đây là lần đầu tiên chúng ta tham gia một tổ chức có nội dung hợp tác phong phú, lĩnh vực hợp tác đa dạng và khá phức tạp, đòi hỏi sự tham gia của hầu hết các bộ, ngành, thậm chí cả một số địa phương với một số khá lớn cán bộ trực tiếp tham gia các hoạt động hợp tác. Trong 7 năm qua, Việt Nam đã nhanh chóng vươn lên, phát huy nội lực, tham gia chủ động, tích cực và có hiệu quả các hoạt động hợp tác của Hiệp hội. Chúng ta đã có những đóng góp quan trọng vào việc giữ vững các nguyên tắc

cơ bản của ASEAN, góp phần củng cố đoàn kết, mở rộng hợp tác trên các lĩnh vực chính trị - an ninh, kinh tế, chuyên ngành, quan hệ đối ngoại của Hiệp hội. Đỉnh cao những nỗ lực tham gia ASEAN của chúng ta là việc chủ trì và tổ chức thành công Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 6 tại Hà Nội vào tháng 12-1998 với việc thông qua Chương trình Hành động Hà Nội, một văn kiện quan trọng cụ thể hóa định hướng phát triển tương lai của ASEAN khi bước vào thế kỷ mới. Việc hoàn thành tốt nhiệm kỳ Chủ tịch ASC và ARF (tháng 7-2000 - 7-2001) cũng như việc tổ chức rất thành công các Hội nghị AMM 34, ARF 8 và PMC đã được không chỉ các nước liên quan mà cả dư luận báo chí đánh giá cao. Tại AMM 34, chúng ta đã đưa ra sáng kiến thông qua Tuyên bố Hà Nội về thu hẹp khoảng cách phát triển, đáp ứng được mối quan tâm chung của Hiệp hội và phù hợp với vấn đề chung của thế giới. Bên cạnh đó, trong thời gian qua Việt Nam cũng chủ trì và tổ chức thành công Hội nghị Bộ trưởng kinh tế ASEAN (AEM), Hội nghị Bộ trưởng công vụ ASEAN và hiện chúng ta đang đảm nhiệm vai trò Chủ tịch Liên minh Nghị viện ASEAN (AIPO) và vào tháng 9 tới, chúng ta sẽ tổ chức Đại hội đồng AIPO ở Hà Nội.

Mặc dù là thành viên mới, nhưng Việt Nam đã có những đóng góp có ý nghĩa vào những thành tựu chung của ASEAN trong thời gian qua. Đạt được những kết quả quan trọng trong quá trình tham gia hoạt động hợp tác của ASEAN là do có sự chỉ đạo chặt chẽ, đúng đắn và kịp thời của Đảng, Chính phủ, sự nỗ lực của các bộ, ngành, địa phương và nhiệt tình, trách nhiệm của những người tham gia cụ thể vào tiến trình hội nhập khu vực. Suy cho cùng, một nước Việt Nam mạnh và năng động trong một ASEAN đầy sức sống và có vai trò ngày càng tăng trong khu vực và trên thế giới chính là lợi ích của chúng ta và của cả khu vực.□



Quan hệ giữa cải cách quản lý hành chính và cơ chế thị trường*

GẦN đây, sách báo Trung Quốc đề cập rất nhiều về vấn đề cải cách quản lý hành chính, cho rằng giữa quản lý hành chính và cơ chế thị trường là chủ đề cơ bản của việc nghiên cứu kinh tế chính trị hiện đại ; xử lý mối quan hệ giữa quản lý hành chính và cơ chế thị trường luôn là vấn đề gay gắt nhất, đáng quan tâm nhất của các nhà chính trị, các nhà kinh tế và các nhà quản lý hành chính vĩ mô và vi mô. Sau đây là những luận điểm chủ yếu.

Lý luận hành chính học truyền thống cho rằng, chức năng chủ yếu của chính phủ là làm những công việc mà thị trường tự nó điều tiết không có hiệu quả ; tức là những công việc không thích hợp với việc cá nhân kinh doanh như cung cấp nước, điện, hơi đốt, thanh lý rác thải đô thị, thông tin bưu điện, y tế, giao thông thành phố, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, giáo dục trung tiểu học v.v.. Tuy nhiên, xã hội ngày càng phát triển, quy mô đô thị ngày càng lớn, nhu cầu của dân chúng đối với dịch vụ công cộng tăng lên nhanh chóng và đa dạng. Do vậy, chính phủ phải đầu tư vào các lĩnh vực này nhiều hơn, gánh nặng tài chính ngày càng lớn hơn. Do đó, nếu để chính phủ quản lý các ngành đó theo nguyên tắc quản lý hành chính thì dễ đi đến độc quyền, bù lỗ tài chính quá lớn, cơ chế vận hành lạc hậu, chất lượng phục vụ kém, dân chúng ngày càng không vừa lòng. Vì vậy, việc cải cách hành chính nhằm vận dụng cơ chế cạnh tranh vào dịch vụ công cộng, nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm bớt sự bù lỗ của chính phủ, trở thành nội dung quan trọng của việc cải cách quản lý hành chính và bộ máy chính phủ các cấp của nhiều nước trên thế giới.

Điểm xuất phát quan trọng của việc cải cách hành chính là phục tùng và phục vụ việc cải cách thể chế kinh tế, không ngừng phát triển kinh tế, văn hóa, thực hiện "thị trường hóa" chức năng

quản lý hành chính công cộng. Theo đó, cơ quan quản lý hành chính nhà nước tập trung vào việc điều hành vĩ mô, xác định chính sách về cơ cấu sản xuất và cơ cấu ngành nghề, về cách thức điều tiết thị trường, quản lý tốt việc xây dựng công trình cơ sở hạ tầng và cung cấp dịch vụ công cộng. Những việc gì thị trường làm tốt hơn cơ quan hành chính nhà nước thì giao cho thị trường ; chính phủ chỉ làm những việc thị trường không làm được, hoặc làm không tốt. Ngay cả những công việc cơ quan hành chính thực hiện, như cung cấp dịch vụ công cộng, cũng vận dụng cơ chế thị trường. Ở đây, cần phát huy những ưu thế của quyền lực hành chính nhà nước và chức năng tích cực của thị trường, kết hợp hai mặt đó để làm tốt dịch vụ công cộng ; trong đó, hình thức phổ biến là ký hợp đồng bao thầu. Tức là, cơ quan hành chính nhà nước chuyển giao việc sản xuất và cung cấp sản phẩm công cộng mà trước đây nó độc quyền cho các công ty chịu trách nhiệm kinh doanh mà ở đây gồm : công ty tư nhân, công ty nhà nước, các tổ chức xã hội và tổ chức phi lợi nhuận nhằm vừa nâng cao chất lượng dịch vụ công cộng, vừa tăng cường năng lực và hiệu quả quản lý hành chính. Các nước gọi những hình thức này là "thị trường hóa thứ cấp" việc cung cấp dịch vụ công cộng.

Đi đôi với việc vận dụng cơ chế cạnh tranh thị trường vào dịch vụ công cộng, các nước còn chú trọng việc thu hút đông đảo công dân tham gia quản lý ; tăng cường tính công khai và sự minh bạch của dịch vụ công cộng ; vận dụng phương

* Nguồn : Ngô Cẩm Lương : *Cải cách bộ máy chính phủ và sự phát triển các tổ chức xã hội*, Nxb Khoa học xã hội Trung Quốc, Bắc Kinh, tháng 7- 2001, tr 117-120, 211-219 ; tạp chí *Nghiên cứu chủ nghĩa xã hội*, số 5- 2001 ; tạp chí *Khoa học xã hội*, số 2-2002 ; tạp chí *Quản lý kinh tế*, số 3-2002.

pháp kiểm nghiệm của thị trường để hoàn thiện cơ chế xử lý khiếu nại trong tranh chấp kinh tế ; định kỳ trưng cầu ý kiến của đông đảo công dân đối với dịch vụ công cộng.

Một trong những biện pháp thị trường hóa chức năng hành chính là "doanh nghiệp hóa" việc quản lý hành chính nhà nước. Nghĩa là vận dụng mô hình quản lý kinh doanh của doanh nghiệp - mô hình thương mại vào việc cung cấp dịch vụ công cộng. Điều này đòi hỏi cơ quan quản lý hành chính phải thật sự coi trọng hiệu suất, chất lượng công việc, thái độ tốt đối với khách hàng, giống như cung cách của các nhà quản lý kinh doanh trong các doanh nghiệp, để làm tốt chức năng quản lý hành chính của mình. Đồng thời, vận dụng phương pháp quản lý khoa học trong các doanh nghiệp hiện đại, như quản lý theo mục tiêu, hạch toán giá thành, đánh giá hiệu quả quản lý theo chất lượng một cách toàn diện ; quản lý bằng cách giao quyền, để cải cách cơ quan quản lý công cộng. Nhiều nước gọi cách làm này là "doanh nghiệp hóa chính phủ", là "cuộc vận động tái tạo chính phủ". Theo đó, một chính phủ muốn làm tốt chức năng của mình, cần phải : 1 - Cấm lái chứ không chèo thuyền ; 2 - Giao quyền chứ không trực tiếp phục vụ ; 3 - Thực hiện cơ chế cạnh tranh trong cung cấp dịch vụ công cộng ; 4 - Một chính phủ có sứ mệnh lớn thúc đẩy toàn bộ kinh tế - xã hội tiến lên, không vui đầu vào sự vụ, quan liêu, giấy tờ ; 5 - Cấp phát theo hiệu quả, không theo yêu cầu của đầu vào ; 6 - Chính phủ phục vụ theo yêu cầu của khách hàng ; 7 - Chính phủ chịu trách nhiệm trước xã hội - một chính phủ trong sạch, không tham nhũng, lãng phí ; 8 - Chính phủ có dự báo, có dự phòng, "phòng bệnh chứ không chữa bệnh" ; 9 - Một chính phủ phân quyền, xóa bỏ đẳng cấp, thực hiện thể chế "tham dự"⁽¹⁾ và hợp tác⁽²⁾ ; và 10 - Một chính phủ hướng theo thị trường, đáp ứng nhu cầu thị trường.

Việc thành lập chính phủ điện tử cũng không ngoài mục đích nâng cao hiệu suất và chất lượng quản lý hành chính ; nâng cao khả năng cạnh tranh của bộ máy chính phủ trong việc cung cấp dịch vụ công cộng ; tạo mọi thuận lợi cho dân chúng trong mọi quan hệ của họ với cơ quan hành chính nhà nước. Nhiều nước coi việc thành lập chính phủ điện tử là nhằm triệt để cấu trúc lại việc dịch vụ công cộng của chính phủ.

Việc cải cách hành chính - cải cách bộ máy chính phủ, trước hết là do bối cảnh thời đại và

nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội mỗi nước quyết định. Việc cải cách đó chịu ảnh hưởng chi phối của những quan niệm tư tưởng khá sâu sắc. Trong đó có lý luận về lợi ích công cộng ; chủ nghĩa quản lý và kinh tế học về chế độ mới.

Luận điểm cơ bản của lý luận lợi ích công cộng cho rằng con người có lý tính ; tức là, con người bao giờ cũng muốn làm cho mình thu được lợi ích lớn nhất, mọi hành vi của con người đều chịu sự chi phối của lợi ích cá nhân. Theo đó, các quan chức của bộ máy hành chính các cấp bao giờ cũng muốn cho kinh phí được cấp của ngành mình được thỏa mãn ở mức tối đa, các nhà chính trị muốn thu được số phiếu bầu cho mình ở mức cao nhất. Kết quả là bộ máy chính phủ ngày càng phình to, các tập đoàn có thế lực thường chiếm được một tỷ lệ giá trị rất lớn trong phân phối thu nhập quốc dân. Một thể chế hành chính như vậy, tất yếu sẽ ngày càng xơ cứng, mất hiệu lực. Vì vậy, cần hạn chế vai trò và chức năng của chính phủ theo hướng, chính phủ không nên vừa hoạch định chính sách vừa chấp hành chính sách, các dịch vụ của chính phủ cần áp dụng cơ chế cạnh tranh. Việc cải cách hành chính theo hướng tự do hóa, phân quyền, giao quyền, nới lỏng quản lý, vận dụng cơ chế cạnh tranh, cho phép cá nhân lựa chọn... đều thể hiện lý luận về lợi ích công cộng.

Chủ nghĩa quản lý còn gọi là "trường phái mới về quản lý công cộng". Sự xuất hiện chủ nghĩa quản lý đánh dấu sự chuyển đổi mô hình quản lý hành chính trong thời đại mới, thời đại thông tin điện tử. Từ chỗ, trước kia là hành chính công cộng, nay là quản lý công cộng. Sự thay đổi chủ yếu trong đó là việc điều chỉnh chức năng của chính phủ thích ứng với vai trò của thị trường. Mô hình hành chính công cộng trước đây nhấn mạnh vai trò vận năng của chính phủ, nhấn mạnh tính chất công cộng, cho dù cơ quan công quyền mất hiệu lực, nó vẫn có thể khắc phục tình trạng mất hiệu lực của thị trường. Vì vậy, cơ quan công quyền thường viện lý do "bất khả quản lý" để thoái thác trách nhiệm của mình.

Nay, mô hình quản lý công cộng đòi hỏi thành lập chính phủ có giới hạn, xuất phát từ thị trường

(1) Tham dự : Thu hút đông đảo quần chúng tham gia quản lý nhà nước dưới mọi hình thức.

(2) Hợp tác : Hợp tác giữa cơ quan chính phủ với xã hội, với công dân.

để giải cứu hiện tượng mất hiệu lực của cơ quan hành chính công, vận dụng sách lược và nghệ thuật quản lý kinh doanh của doanh nghiệp vào cơ quan quản lý công cộng, trên cơ sở đó hình thành một "chính phủ - doanh nghiệp".

Luận điểm cơ bản của chủ nghĩa quản lý có thể tóm tắt như sau : Quản lý là một hoạt động mang tính chất thuần túy thủ đoạn (biện pháp, phương tiện) ; việc quản lý của tổ chức công cộng và tổ chức tư nhân, về bản chất là giống nhau. Vì vậy, có thể vận dụng lý luận, phương pháp và kỹ thuật quản lý của các tổ chức doanh nghiệp tư nhân để nâng cao hiệu suất và trình độ quản lý của cơ quan quản lý hành chính nhà nước.

Một trong những luận điểm cơ bản của "kinh tế học về chế độ mới" là *lý luận về đại lý và giá thành giao dịch*. Lý luận này coi các sinh hoạt xã hội và sinh hoạt chính trị là quan hệ hợp đồng giao dịch giữa người ủy thác và người đại lý. Người làm đại lý dựa theo hợp đồng để thay mặt người ủy thác, thực hiện các điều khoản trong hợp đồng ; còn người ủy thác cũng dựa theo thỏa thuận trong hợp đồng để trả thù lao cho người làm đại lý. Một trong những giả thiết cơ bản của lý luận đại lý cũng cho rằng con người là có lý tính, đều mong muốn thu được lợi ích lớn nhất. Vì vậy, trong quan hệ giữa người ủy thác và người làm đại lý, thường xảy ra mâu thuẫn, xung đột. Nhất là trong điều kiện thông tin không đầy đủ hoặc không ăn khớp nhau, người ủy thác không thể kiểm tra được hành vi của người làm đại lý, cho nên quan hệ giữa hai bên rất phức tạp. Vì vậy, phải chú trọng lựa chọn người làm đại lý ; xác định hình thức hợp đồng tối ưu ; tìm được phương pháp đàm phán và giám sát việc thực thi hợp đồng một cách tốt nhất, nhằm ngăn chặn hành vi vi phạm hợp đồng, nhất là từ phía người làm đại lý.

Như vậy, lý luận đại lý rất coi trọng việc tuyển lựa người làm đại lý thích hợp ; còn lý luận giá thành giao dịch chủ yếu quan tâm đến hình thức quản lý tối ưu đối với các hành vi giao dịch, nhất là hình thức tổ chức tối ưu việc sản xuất và trao đổi vật phẩm. Lý luận giá thành giao dịch cũng giống như lý luận đại lý, đều cho rằng người ủy thác và người làm đại lý - hai bên giao dịch - đều tìm cách thu lợi tối đa, nhưng họ có thực hiện được điều đó hay không lại tùy thuộc một loạt điều kiện và yếu tố khách quan. Đó là mức độ không thể xác định của việc cung cấp dịch vụ ; tình trạng thông tin không ăn khớp ; việc giao

dịch có bị phụ thuộc vào lý tính có giới hạn hay không ; mỗi bên giao dịch có những tài sản đặc biệt mà đối phương không có hay không ; trong một số lĩnh vực nào đó, có trường hợp nào ít có khả năng mặc cả hay không - tức là có rất ít người mua hoặc người bán tiềm tàng - do vậy, tạo điều kiện cho một bên giao dịch được độc quyền hoặc đơn phương chiếm ưu thế hay không.

Lý luận giá thành giao dịch cho rằng, trong trường hợp việc cung cấp dịch vụ ít mang tính chất không xác định, do có thể định lượng và dự báo được thì nên để cho thị trường cung cấp những dịch vụ đó. Trong trường hợp ngược lại, nhất là trong trường hợp chất lượng vật phẩm hoặc dịch vụ đặc biệt quan trọng, thì do cơ quan chính phủ cung cấp là tốt nhất.

Có thể thấy, việc cải cách hành chính công cộng nói trên của các nước là áp dụng biện pháp điều chỉnh *quan hệ giữa chính phủ và thị trường* - quan hệ giữa quản lý hành chính và cơ chế thị trường - để vận dụng cơ chế cạnh tranh và hình thức quản lý kinh doanh doanh nghiệp vào quản lý hành chính, nhằm xóa bỏ độc quyền trong dịch vụ công cộng, nâng cao chất lượng và hiệu quả của dịch vụ công cộng. Đó là một xu thế tất yếu và có tính chất phổ biến. Tuy nhiên, còn có ý kiến cho rằng, mặc dù cơ chế cạnh tranh trên thị trường và phương pháp quản lý kinh doanh trong doanh nghiệp có thể vận dụng vào quản lý hành chính, và đó cũng là một xu thế tất yếu ; nhưng điều này còn tùy thuộc trình độ phát triển về kinh tế - xã hội, khoa học - kỹ thuật và về nhân lực mỗi nước. Hơn nữa, quản lý hành chính và quản lý kinh doanh dẫu sao vẫn có đối tượng, mục tiêu và phương pháp khác nhau ; vì vậy, việc thành lập "chính phủ - doanh nghiệp" cần xuất phát từ thực tế mỗi nước để từng bước nghiên cứu và vận dụng thích hợp.

Để thay cho lời kết thúc bài tổng thuật này, xin nhắc lại một hiện tượng mang tính quy luật, rằng : Trong lịch sử của nhân loại tiến bộ, khi một học thuyết, một lý luận hay một sự vật mới xuất hiện, không phải được mọi người chấp nhận ngay, thậm chí còn bị kịch liệt phản đối. Nhưng trải qua kiểm nghiệm của thực tiễn, tình hình sẽ thay đổi dần và thay đổi hẳn.□

VĂN QUANG
(Tổng thuật)

KỶ HỌP CHÍNH PHỦ, PHIÊN THƯỜNG KỶ THÁNG 7 NĂM 2002

N GÀY 21-7-2002, tại Hà Nội, Chính phủ đã họp phiên thường kỳ, đồng thời là phiên họp cuối cùng của nhiệm kỳ Chính phủ 1997 - 2002, dưới sự chủ trì của Thủ tướng Phan Văn Khải cùng với sự có mặt của các phó thủ tướng : Nguyễn Tấn Dũng, Nguyễn Mạnh Cầm, Nguyễn Công Tạn, Phạm Gia Khiêm và các thành viên của Chính phủ. Tới dự phiên họp còn có các đồng chí : Phạm Thế Duyệt, Chủ tịch Đoàn chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ; Cù Thị Hậu, Chủ tịch Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam ; Hà Thị Khiết, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cùng nhiều đồng chí lãnh đạo các ban của Trung ương Đảng, của Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước. Dự họp còn có các đồng chí thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ.

Chính phủ nghe Bộ trưởng Bộ Tài chính Nguyễn Sinh Hùng trình bày Đề án thành lập Công ty Đầu tư tài chính nhà nước ; Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội đồng tư vấn chính sách tài chính tiền tệ quốc gia Lê Đức Thúy báo cáo về tình hình điều hành chính sách tiền tệ 6 tháng đầu năm 2002, định hướng điều hành 6 tháng cuối năm 2002 và đến năm 2005 ; Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Trần Xuân Giá báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 7 và bảy tháng đầu năm 2002 ; Tổng Thanh tra Nhà nước Tạ Hữu Thanh báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo sáu tháng đầu năm 2002.

Chính phủ nhận định, việc thành lập Công ty Đầu tư tài chính nhà nước là biện pháp quan trọng nhằm đổi mới cơ chế quản lý vốn nhà nước trong các doanh nghiệp phù hợp với cơ chế thị trường, nhưng đây là vấn đề mới, ta chưa có kinh nghiệm thực tiễn, nên cần tiếp tục nghiên cứu trên nhiều phương diện để hoàn chỉnh, bổ sung Đề án.

Chính phủ đánh giá, nhìn chung, tình hình kinh tế xã hội tháng 7 và bảy tháng đầu năm 2002 tiếp tục có những chuyển biến tích cực : sản xuất nông nghiệp vẫn giữ được đà tăng trưởng liên tục ; công nghiệp đạt được tốc độ tăng trưởng cao ; thu ngân sách đạt khá ; hoạt động tiền tệ có một số tiến bộ ; các hoạt động về dân số, giải quyết việc làm, giáo dục đào tạo, phòng chống dịch bệnh đã có những chuyển biến đáng kể ; an ninh, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội được bảo đảm... Để hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của năm 2002, Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành và địa phương khi tập trung chỉ đạo thực hiện tốt một số giải pháp đã đề ra (Nghị quyết số 05/2002/NQ-CP), cần hết sức lưu ý các vấn đề : đẩy mạnh xuất khẩu, chủ động phòng chống thiên tai, giảm tai nạn giao thông ; tập trung hơn vào những ngành, lĩnh vực, địa phương trọng điểm có tỷ trọng lớn trong sản xuất - kinh doanh nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu đã đề ra cho năm 2002.

Chính phủ đánh giá công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo 6 tháng đầu năm 2002 có những chuyển biến tích cực, nhiều vụ việc khiếu kiện đông người đã được tập trung giải quyết. Tuy nhiên, tình hình khiếu nại, tố cáo của công dân vẫn còn diễn biến phức tạp, số vụ việc khiếu kiện đông người, vượt cấp lên Trung ương vẫn còn nhiều. Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành, địa phương chủ động giải quyết tốt các khiếu nại, tố cáo của công dân tại cơ sở, tập trung xem xét, giải quyết dứt điểm các vụ việc tồn đọng, đặc biệt là vào những thời điểm có các sự kiện chính trị - xã hội quan trọng.

Thủ tướng Phan Văn Khải phát biểu ý kiến kết thúc phiên họp, trong đó, Thủ tướng đã điểm lại đặc điểm tình hình và những kết quả đạt được trong nhiệm kỳ Chính phủ 1997 - 2002. Bên cạnh những thuận lợi, nhiệm kỳ Chính phủ vừa qua đã hoạt động trong bối cảnh quốc tế có nhiều khó khăn và biến động khó lường, bất lợi, đất nước có những thách thức gay gắt. Nhưng, với tinh thần trách nhiệm cao trước Đảng và nhân dân, tập thể Chính phủ đã phát huy tinh thần đoàn kết chặt chẽ, giữ vững nền nếp và kỷ luật công tác, linh hoạt trong chỉ đạo điều hành, bám sát thực tiễn, phát huy nội lực và các điều kiện thuận lợi, vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, tiếp tục góp phần quan trọng vào thành công của sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước. Chính phủ thực hiện nghiêm túc đường lối và các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, phối hợp tốt công tác với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể quần chúng; có chương trình công tác hằng năm phù hợp thực tiễn và đời sống nhân dân, điều hành kinh tế vĩ mô ổn định, kết hợp tốt chính sách đối ngoại và kinh tế đối ngoại với việc phát huy nội lực trong nước để phát triển đất nước, bảo đảm an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội, làm cho đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện...

Thủ tướng Phan Văn Khải cũng thẳng thắn nêu rõ những mặt còn yếu trong chỉ đạo, điều hành của Chính phủ nhiệm kỳ vừa qua. Việc bảo đảm tốc độ phát triển nhanh và bền vững trong thời gian tới còn rất bấp bênh do chưa khắc phục được tình trạng kém hiệu quả trong hoạt động sản xuất - kinh doanh; sức cạnh tranh của sản phẩm trong nước và của nền kinh tế chưa được cải thiện đáng kể, chi phí sản xuất còn cao; bộ máy hành chính còn để dân kêu ca, phàn nàn nhiều, nhất là tệ nạn tham nhũng, quan liêu, lãng phí.

Nhân dịp này, Thủ tướng Phan Văn Khải cảm ơn các cơ quan Đảng, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, cảm ơn các thành viên Chính phủ, thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ đã cộng tác, giúp sức cùng Chính phủ nhiệm kỳ 1997 - 2002 hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó. □

BẢY CÁI "NHẤT"...

(Tiếp theo trang 54)

Ngoài một số sinh hoạt văn hóa dân gian truyền thống mang tính giáo dục, cơ sở phải đối mặt và trực tiếp giải quyết những hủ tục phi giáo dục: cờ bạc, mê tín, bói toán, số đề, ma túy, mại dâm v.v.. Những chuyện quan liêu, tiêu cực, hạch sách, những nhiễu vi phạm quyền làm chủ của nhân dân cũng không ít.

Thứ bảy: Cơ sở nơi có nhiều cư dân sinh sống nhất; nơi hằng ngày cũng phải trực tiếp đối mặt và giải quyết mọi

sự phức tạp của cuộc sống cộng đồng dân cư.

Điều đó thật hiển nhiên, bởi cơ sở là nơi sinh sống của 79 triệu dân của cả nước tại 10 538 đơn vị cơ sở, gồm 8 497 xã, 565 thị trấn và 1 206 phường. Cái "nhất" cuối cùng này thật nặng nề và cũng có thể coi là hệ quả của sáu cái "nhất" trên. Ngược lại nếu 10 538 đơn vị cơ sở đều có hệ thống chính trị vững mạnh và trong sạch thì sẽ là nền tảng vững chắc nhất cho sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước.

Có lẽ chưa thể kể hết những cái "nhất" còn hàm chứa ở cơ sở song phân tham

luận của đồng chí Bí thư Đảng ủy xã Ph vừa tạm ngừng, cả hội trường đã vỗ tay rầm rân tán đồng. Nhân đây, xin được "mượn gió" để đề xuất một cái "nhất" nữa là: *Hãy quan tâm nhất đến cơ sở một cách sâu sắc, không chỉ bằng nghị quyết mà cả những hành động, việc làm và những điều kiện thiết thực để diện mạo của mọi "tế bào" trên cả nước ta vài năm nữa vơi đi dần những cái "nhất" không cần cho đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ở cơ sở. Và mong rằng, câu chuyện về bảy cái "nhất" ở cơ sở hôm nay sẽ như chuyện cổ tích nào đó của một ngày mai đây!* □

ĐIỆN LỰC HẢI DƯƠNG

ĐỊA CHỈ: SỐ 33 - ĐẠI LỘ HỒ CHÍ MINH - THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

ĐT: 0320. 852611 - 852323 * FAX: 84.320. 856613



✦ NĂNG ĐỘNG VÀ SÁNG TẠO

✦ THỰC HIỆN TỐT QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở DOANH NGHIỆP

Điện lực Hải Dương thuộc Công ty Điện lực I là một doanh nghiệp tiêu biểu trong khối doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Liên tục trong nhiều năm là một đơn vị sản xuất kinh doanh có hiệu quả, đạt mức tăng trưởng khá và vững mạnh toàn diện, góp phần hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương và các nhiệm vụ, mục tiêu quan trọng của Công ty Điện lực I. 5 năm qua, Điện lực Hải Dương đạt tốc độ phát triển về một số chỉ tiêu cơ bản như sau: Điện thương phẩm tăng 1,4 lần; doanh thu tăng 1,33 lần; tỷ lệ tổn thất điện năng giảm 5,62%; đường dây (bao gồm các loại 110, 35, 22, 6 và 0,4kV) tăng 149,256km.

Điện lực Hải Dương luôn bám sát các chủ trương, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước, cụ thể hóa các chủ trương, đường lối đó vào thực tiễn đơn vị một cách sáng tạo. Hằng năm, đại hội công nhân viên chức được tổ chức theo đúng Luật Doanh nghiệp; Đại hội ra Nghị quyết và được thực hiện tốt nhằm bảo đảm

quyền lợi của người lao động về tiền lương, về học tập nâng cao nghiệp vụ, về khen thưởng và các hưởng thụ khác về đời sống văn hóa tinh thần... một cách công khai, dân chủ. Nhờ đó, Điện lực Hải Dương liên tục phát triển và trở thành một đơn vị tiên tiến, được Nhà nước, các cấp, các ngành, các đoàn thể và tổ chức xã hội tặng thưởng nhiều danh hiệu quý giá.

Hiện tại, Điện lực Hải Dương còn phải đối diện với một số khó khăn, bất cập như: việc triển khai thực hiện pháp lệnh về các xí nghiệp công ích, chưa có các chế tài thực hiện nên khó khăn cho việc thanh toán điện với các xí nghiệp khai thác các công trình thủy lợi; hoặc những vi phạm hành lang lưới điện chưa thể giải tỏa.... Nhưng với truyền thống là một đơn vị mạnh, chắc chắn năm 2002 này, Điện lực Hải Dương sẽ hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu phấn đấu như: đạt 600 triệu kW/h điện thương phẩm; đạt tổng doanh thu 332589 triệu đồng và giảm 0,2% tổn thất điện năng; tăng thu nhập cho người lao động 15%... giữ vững truyền thống là một đơn vị vững mạnh toàn diện.

Thép MIỀN NAM

Nền tảng cho tương lai vững bền

Thép hiệu **V** nổi tiếng trong nước và toàn thế giới.

Các chữ số là đường kính thanh thép
thể hiện **sự chính xác** của nhà sản xuất và
tính trung thực của nhà kinh doanh.



THÉP CUỘN



THÉP VẪN



THÉP GÓC



SP SAU GẮN

Ký hiệu sản phẩm

Đường kính cây thép

25

22



CÔNG TY THÉP MIỀN NAM
SOUTHERN STEEL CORPORATION

56 Thủ Khoa Huân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 8234110 - FAX: (84.8) 8226127

E-MAIL: ssc_sale@hcm.vnn.vn

BINH ĐOÀN 15

(TỔNG CÔNG TY 15)

TRỤ SỞ: PHƯỜNG YÊN THỀ - THÀNH PHỐ PLEIKU - TỈNH GIA LAI ĐIỆN THOẠI: (059) 825110 - 825166 FAX: (059) 825109
CHI NHÁNH PHÍA BẮC: 26 NGÕ THÔNG PHONG - QUẬN ĐÓNG ĐÀ - HÀ NỘI ĐIỆN THOẠI: (069) 882176
CHI NHÁNH PHÍA NAM: 15K PHAN VĂN TRỊ - PHƯỜNG 7 GỖ VẤP - TP. HỒ CHÍ MINH ĐIỆN THOẠI: (089) 857905
TƯ LỆNH (TỔNG GIÁM ĐỐC): ĐẠI TÁ, NGUYỄN XUÂN SANG

Binh đoàn 15 (Tổng Công ty 15) thuộc Bộ tư lệnh Quân khu 5 được thành lập theo quyết định số: 68/CP ngày 20/02/1985 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ). Là doanh nghiệp Nhà nước có tư cách pháp nhân thực hiện hạch toán kinh tế độc lập, có tài khoản tại ngân hàng (kể cả tài khoản ngoại tệ). Tài khoản - TK 7301 0517 tại ngân hàng đầu tư và phát triển Tỉnh Gia Lai.

Tên giao dịch Quốc tế: GENERALN15

Tên quân sự: Binh đoàn 15

Tên doanh nghiệp: Tổng công ty 15.

1. **Tổng tài sản:** 675 tỷ đồng.

2. **Nguồn vốn kinh doanh:** 151 tỷ đồng.

3. **Ngành nghề sản xuất chủ yếu:**

- Trồng chăm sóc, khai thác cây công nghiệp (gồm 23.000ha cao su, 2.500 ha cà phê).
- Chế biến cao su, cà phê, phân bón KOMIX.
- Trồng cây lương thực, chăn nuôi, chế biến sản phẩm từ cây lương thực.

- Khai hoang qui hoạch, khảo sát, thiết kế xây dựng giao thông, thủy lợi, nhà ở, đê đập, cầu cống, bưu điện, công trình hạ tầng, điện nước.

Sản xuất kinh doanh: Phân vi sinh NPK và các loại phân bón khác phục vụ nông nghiệp.

Sản xuất điện năng:

- Xây dựng công trình khai hoang dân dụng, công nghiệp, đường lâm nghiệp, giao thông, thủy lợi.

4. **Các cơ quan - đơn vị:**

a. **Cơ quan:**

- Phòng Chính trị : Điện thoại: (059) 865188
- Phòng Tác chiến : Điện thoại: (059) 825166
- Phòng Tài chính : Điện thoại: (059) 865187
- Phòng Tổ chức LĐTL : Điện thoại: (059) 865189
- Phòng Kế hoạch : Điện thoại: (059) 865186
- Phòng Kỹ thuật : Điện thoại: (059) 865190
- Văn phòng Bộ Tư lệnh : Điện thoại: (059) 825110
- Ban Điều tra : Điện thoại: (059) 865193
- Ban Thanh tra : Điện thoại: (059) 865192

b. **Các doanh nghiệp hạch toán độc lập:**

- **Công ty 72** : Điện thoại: (059) 846191

Nhiệm vụ: Trồng mới chăm sóc khai thác, chế biến cao su, cà phê.

- **Công ty 74** : Điện thoại: (059) 846192

Nhiệm vụ: Trồng mới, chăm sóc, chế biến cao su, cà phê.



Đại tá Nguyễn Xuân Sang - Tư lệnh binh đoàn 15 gặp gỡ tặng quà cho gia đình liệt sĩ, trưởng bản, lão thành cách mạng xã IAT0 - Huyện Chư Prông - Gia Lai nhân Tết Nhâm Ngọ (Ảnh Tiến Hợi).

- **Công ty 75:** Điện thoại: (059) 846194
Nhiệm vụ: Trồng mới, chăm sóc, chế biến cao su, cà phê.
- **Công ty cà phê 15:** Điện thoại: (059) 825441
Nhiệm vụ: Trồng mới, chăm sóc, chế biến cà phê.
- **Công ty 732:** Điện thoại: (060) 832174
Nhiệm vụ: Trồng mới, chăm sóc, khai thác, chế biến mủ cao su, cà phê, sản xuất lửa nước và chăn nuôi.
- **Công ty Bình dương:** Điện thoại: (059) 825484.
Nhiệm vụ: Trồng mới, chăm sóc, chế biến cà phê.
- **Công ty 715:** Điện thoại: (059) 840732
Nhiệm vụ: Trồng mới, chăm sóc cao su, cà phê.
- **Công ty 711:** Điện thoại: (059) 825174
Nhiệm vụ: Khai hoang đồng ruộng, xây dựng giao thông, thủy lợi, sản xuất vật liệu xây dựng.
- **Công ty 78:**
Nhiệm vụ: Khai hoang trồng mới, chăm sóc cao su.
- c. **Đơn vị hạch toán phụ thuộc:**
 - **Xí nghiệp khảo sát thiết kế:** Điện thoại (059) 825395
Nhiệm vụ: Khảo sát lập luận chứng kinh tế - kỹ thuật, thiết kế các công trình dân dụng công nghiệp.
 - **Nhà máy phân vi sinh:** Điện thoại (059) 865746.
Nhiệm vụ: SXKD phân vi sinh NPK và các loại phân bón khác phục vụ nông nghiệp.
- d. **Các đơn vị sự nghiệp:**
 - **Bệnh viện khu vực 15:** Điện thoại: (059) 825121
Trang bị 150 giường bệnh: Có nhiệm vụ khám điều trị cho cán bộ, chiến sỹ, công nhân viên và nhân dân địa phương.
 - **Trường huấn luyện:** Điện thoại: (059) 825743



Cán bộ Binh đoàn 15 hướng dẫn công nhân là người địa phương xã IAT0 huyện Chư Prông chăm bón cà phê (Ảnh Tiến Hợi)



Làng Công nhân Công ty 75 Binh đoàn 15 thuộc xã IAT0 huyện Đức Cơ - Gia Lai - Làng định canh định cư (Ảnh Tiến Hợi)



CÔNG TY XĂNG DẦU QUÂN ĐỘI

Military Petroleum Company

GIÁM ĐỐC: THƯỢNG TÁ - THẠC SĨ: VƯƠNG ĐÌNH DUNG



Trụ sở Công ty

NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY

- ★ Xuất nhập khẩu xăng dầu, cung ứng nhiên liệu, dầu, mỡ bôi trơn, dầu mỡ bảo quản cho quốc phòng và mọi thành phần kinh tế.
- ★ Xuất nhập khẩu khí tài xăng dầu; máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, vật tư ngành xăng dầu...
- ★ Kinh doanh vận chuyển xăng dầu phục vụ quốc phòng và kinh tế.
- ★ Sản xuất, sửa chữa mọi sản phẩm của ngành xăng dầu; các loại bơm vận chuyển và cấp phát xăng, dầu, nhớt; súng tra dầu; van hồ hấp; ô tô xitéc; xe bơm; xe tra nạp xăng dầu; thùng phuy 200 lít, các loại bồn; bể chứa chất lỏng từ 1,3m³ - 100m³; phụ kiện kho và đường ống dẫn xăng dầu... Bằng thép đen hoặc thép không gỉ.

- ★ Chế tạo và lắp dựng kết cấu thép các loại; giường sắt hai tầng chiến sĩ, tủ sắt tài liệu, khuôn đúc bê tông ly tâm; xi lô trạm trộn bê tông; kết cấu dầm, dầm thép cho nhà xưởng, cầu cống, cột điện cao thế...
- ★ Xây lắp công trình kho bể chứa xăng dầu, trạm cấp phát, cửa hàng bán lẻ xăng dầu với hệ thống công nghệ hoàn chỉnh.

Địa chỉ: 105 - Đường Nguyễn Phong Sắc - Phường Dịch Vọng - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
Address: 105 - Nguyen Phong Sac Road - Dich Vong Block - Cau Giay District - Hanoi
Telephone: 04. 7567898 - 069.515833 Fax: 04.7567858

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM

CÔNG TY VẬT LIỆU CHỊU LỬA VÀ KHAI THÁC ĐẤT SÉT TRÚC THÔN

Địa chỉ: Xã Cộng Hoà - Chí Linh - Hải Dương Điện thoại: 0320.883.243 Fax: 0320.883163

GIÁM ĐỐC CÔNG TY: KS. NGUYỄN HẢI NAM



CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN (TRỰC THUỘC CÔNG TY):

1. XÍ NGHIỆP VẬT LIỆU CHỊU LỬA.
Điện thoại: 0320.884656 Fax: 0320.884657
2. MỎ ĐÓLÔMIT THANH HOÁ
Điện thoại: 037.853041 Fax: 037.853041
3. MỎ ĐẤT SÉT CHỊU LỬA:
Điện thoại: 0320.885012 Fax: 0320.885013
4. KHỐI CƠ QUAN CÔNG TY

CHỨC NĂNG - NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY:

1. Sản phẩm mới cho năm 2002: Gạch men CERAMIC (ốp và lát)
 2. Sản phẩm truyền thống:
 - ▲ Khai thác, chế biến đất sét trắng các loại cung cấp cho các nhà sản xuất gốm sứ, sứ vệ sinh, sứ cách điện, gạch ceramic, granic...vv..
 - ▲ Khai thác, chế biến đất chịu lửa phục vụ cho nhu cầu công nghiệp và dân dụng.
 - ▲ Sản xuất gạch chịu lửa sa mốt A, B, C phục vụ công nghệ đúc rót thép, xây các lò xi-măng, lò tuynel và các công trình chịu nhiệt khác.
 - ▲ Sản xuất đất đèn phục vụ cho công nghiệp và dân dụng.
 - ▲ Sản xuất bột đolômit các loại phục vụ cho ngành luyện kim, sành sứ, phân bón...
 - ▲ Sản xuất các loại vữa xây gạch sa mốt.
- Các sản phẩm của Công ty được cấp chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam

Công ty rất hân hạnh được phục vụ quý khách hàng!



BƯU ĐIỆN TỈNH AN GIANG

Số 02, Lê Lợi, TP. Long Xuyên - An Giang

Điện thoại : 076.855025 - 076.855052 * Fax: 076.852025

E-mail: hanhchinhbdagg@hcm.vnn.vn

GIÁM ĐỐC: PHAN THANH XIẾU

Bưu điện tỉnh An Giang được xếp vào doanh nghiệp hạng I của Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam.



NĂNG LỰC MẠNG LƯỚI

- 11 Bưu điện huyện - thị - thành, 55 Bưu điện nông thôn, 62 Bưu điện - VHX bán kính phục vụ bình quân 4,9 km²/điểm
- Tổng dung lượng tổng đài điện thoại 105.000 số, 80.000 có máy điện thoại các loại, mật độ đạt 3,8 máy /100 dân.
- Mạng điện thoại di động với 12 trạm BTS.



DỊCH VỤ ĐANG KHAI THÁC

Ngoài các dịch vụ Bưu điện truyền thống, đã có các dịch vụ mới:

- + Điện thoại di động.
- + Điện thoại thẻ.
- + Điện thoại VOIP.
- + Nhắn tin.
- + Internet, Fax .
- + Chuyển tiền nhanh, chuyển tiền điện tử.
- + Chuyển phát nhanh bưu phẩm.
- + Nhận ủy thác chuyển nhận các vật phẩm.
- + Phát hành báo chí các loại.
- + Điện hoa.
- + Tiết kiệm Bưu điện.
- + Dịch vụ bưu phẩm khai giá.

PHƯƠNG CHÂM PHỤC VỤ:

"NHANH CHÓNG - CHÍNH XÁC - AN TOÀN - TIỆN LỢI - VĂN MINH"



ĐÃ ĐƯỢC TẶNG THƯỞNG

- Danh hiệu: "Anh hùng lực lượng vũ trang ngành Giao bưu - TTLL".
- 02 Huân chương Lao động hạng II.
- 02 Huân chương Lao động hạng III.
- 45 cờ thi đua và 65 bằng khen các loại.
- 11 năm Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

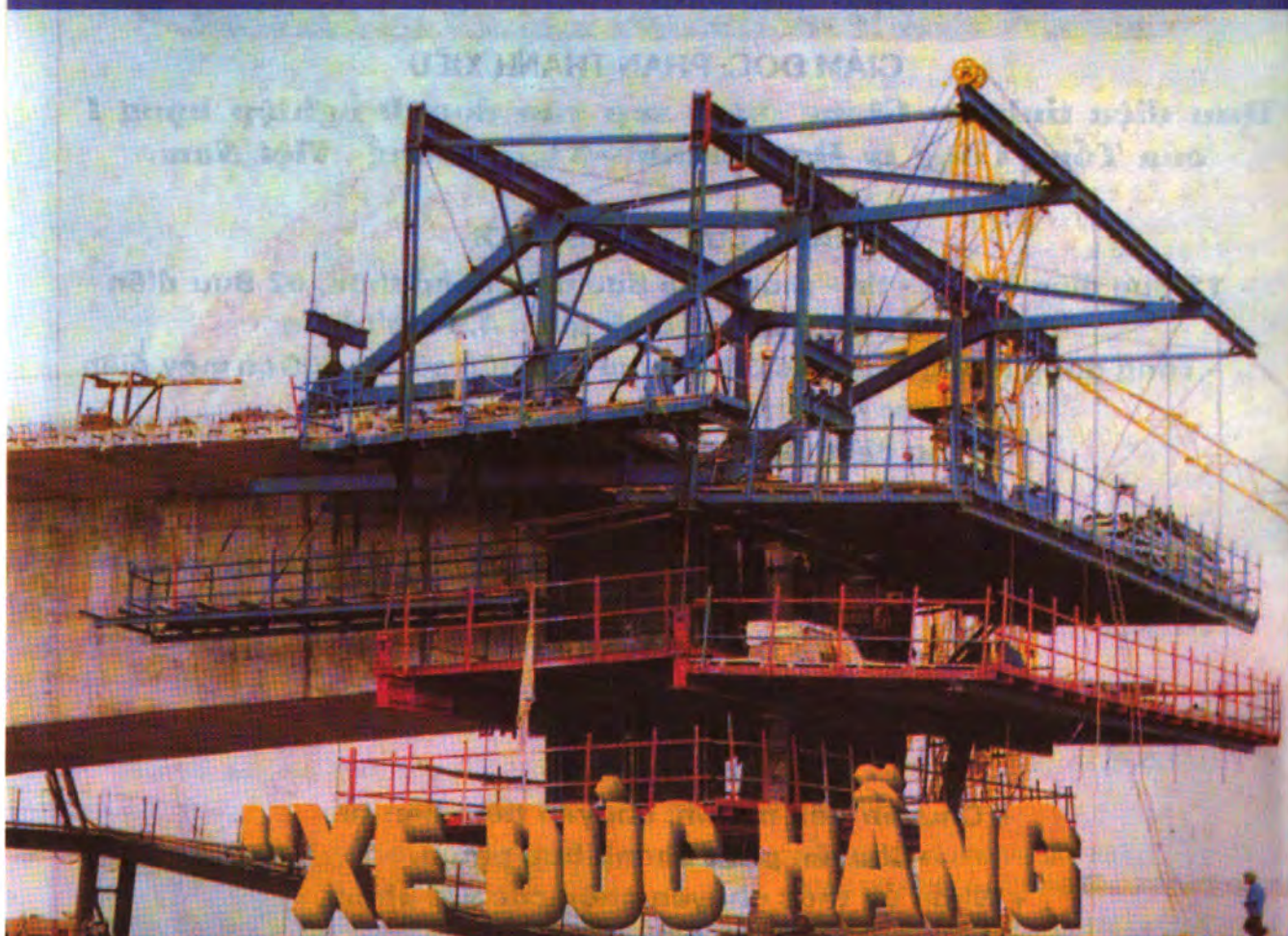


TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG CÔNG TY CƠ KHÍ & XÂY DỰNG THĂNG LONG

Thang Long Mechanical & Construction Company (TMC)

Trụ sở công ty: Xã Hải Bối - Huyện Đông Anh - Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 8.389 550 - 8.385 041/Fax: (84-4)8.389 085



"XE ĐÚC HẦNG DÀM CẦU BÊ TÔNG"

CÔNG NGHỆ LÀM CẦU TIÊN TIẾN NHẤT TẠI VIỆT NAM

"TRẠM TRỘN BÊ TÔNG NHỰA NÓNG"

TỔNG CÔNG TY XĂNG DẦU VIỆT NAM - BỘ THƯƠNG MẠI

ĐỊA CHỈ: 446 NGUYỄN TRẠNG LONG - Q. BÌNH THẠNH - TP. HỒ CHÍ MINH - VIỆT NAM

ĐT: (0.8) 8432325 - 8433597

FAX: (0.8) 8432329

CHUYÊN SẢN XUẤT KINH DOANH

- * Sản xuất thùng phuy thép 200 lít và thùng 18 lít, 20 lít, 25 lít chứa đựng: Xăng dầu, hóa chất, sơn, dầu thực vật...
- * Sản xuất, lắp đặt các loại bồn bể, ô tô xitéc chứa đựng và vận chuyển xăng dầu, hóa chất, nhựa đường nóng lỏng. Đóng mới, sửa chữa tàu, xà lan và xe chữa cháy.
- * Xây dựng các cửa hàng bán lẻ, các kho xăng dầu. Thiết kế chế tạo khung nhà kho, nhà xưởng bằng thép có khẩu độ theo yêu cầu của khách hàng.
- * Sửa chữa, kinh doanh các thiết bị phục vụ chuyên ngành xăng dầu.

MANUFACTURING AND TRADING

- * *Manufacturing drums of 200 litres and pails of 18, 20, 25 litres for holding and containing petroleum products, chemicals, paint, edible oil...*
- * *Manufacturing, assembling various tanks and vehicles for petroleum, chemicals, hot bitumen transportation. Building, repairing ships, barges and fire engines.*
- * *Building fuel retail sale stations, petroleum warehouses. Designing, manufacturing warehouse frames, steel premises with aperture at customer's request.*
- * *Trading, maintaining specialised equipments used in petroleum industry.*



* Công ty đã đầu tư một dây chuyền sản xuất thùng 18, 20, 25 lít hiện đại do Hãng Sargiani (Italia) chế tạo có công suất 700 thùng/giờ. Thùng được sản xuất theo công nghệ tiên tiến, đạt tiêu chuẩn quốc tế. Thùng được in theo logo của khách hàng trên dây chuyền in tự động của Đức.

* *The Company put in operation a new production line of 18, 20, 25 litre pails, made by Sargiani (Italy) with output of 700 units/hour. The pails are produced according to advanced technology, meeting the international norm, and they are printed with the customers' logos on the automatic printing machines from Germany.*

* Thùng 18, 20, 25 lít sản xuất theo hợp đồng với các Hãng Petrolimex, BP...

- Đường kính thùng: 272 - 285 mm. Chiều cao: 327mm. Chiều dày: 0,32mm. Trọng lượng: 1,5 kg. In theo logo của khách hàng.

* *Pails produced in accordance with customers' requirements, and supplied to Petrolimex, BP...*

- Pails' capacity: 18, 20, 25 litres. Diameter: 272-285mm. Thickness: 0.32mm. Height: 327 mm. Weight: 1.5kg. Printed: At customers' request.

Chức năng, nhiệm vụ:

- Đào tạo cán bộ chuyên môn bậc trung học chuyên nghiệp đối với các ngành Xây dựng, Cấp thoát nước, Công trình đô thị và môi trường, Cơ điện công trình.
- Đào tạo công nhân kỹ thuật xây dựng hệ chuẩn gồm các nghề: cấp thoát nước, điện công nghiệp và dân dụng, hàn, nề, mộc, cốt thép....
- Tổ chức bồi dưỡng nâng cao, đào tạo lại cho cán bộ chuyên môn nghiệp vụ và cán bộ quản lý về cấp thoát nước, môi trường.
- Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề xây dựng.
- Đào tạo, giáo dục định hướng cho những người đi lao động ở nước ngoài.



Cơ sở vật chất:

Trường có đủ các khu nhà học chính, xưởng thực tập các nghề, các phòng thí nghiệm, phòng học ngoại ngữ, tin học. Khu nhà ở cho giáo viên, học sinh nội trú và nhà ăn tập thể khang trang sạch đẹp.

Hệ đào tạo:

A/ Hệ dài hạn (cấp bằng tốt nghiệp)

*** Kỹ thuật viên trung học:**

- Chuyên ngành: Cấp thoát nước, Xây dựng dân dụng và Công nghiệp, Cơ điện công trình.
- Đối tượng tuyển sinh: tốt nghiệp PTTH.
- Thời gian đào tạo: 24 tháng.
- Văn bằng: Trung học kỹ thuật.

*** Công nhân kỹ thuật hệ chuẩn:**

- Nghề đào tạo: Cấp thoát nước, Điện xây dựng và công nghiệp, Hàn, Mộc, Nề, Cốt thép...
- Đối tượng tuyển sinh: tốt nghiệp PTCS trở lên.
- Thời gian đào tạo: Từ 18 - 24 tháng.
- Văn bằng: Công nhân kỹ thuật bậc 3/7

B/ Hệ ngắn hạn:

- Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.
- Bồi dưỡng cán bộ ngành nước.
- Đào tạo tin học, ngoại ngữ.
- Đào tạo công nhân ngắn hạn phục vụ nhu cầu xã hội.
- Đào tạo và bồi dưỡng các lớp ngắn hạn phục vụ nhu cầu xã hội.

Địa chỉ: xã Yên Thường - Huyện Gia Lâm - Hà Nội

Điện thoại: 04 8 271 305 - Fax: 8 271 305



CÔNG TY THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG DẦU KHÍ
PETRO VIETNAM ENGINEERING AND CONSTRUCTION COMPANY



XÍ NGHIỆP SỬA CHỮA CÁC CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ
OFFSHORE REPAIRING AND MAINTENANCE ENTERPRISE

CHỨC NĂNG

- Sửa chữa bảo dưỡng các công trình phục vụ công tác. Thăm dò, khai thác của ngành dầu khí.
- Lắp đặt bảo dưỡng, sửa chữa đường ống dẫn dầu khí trên bờ và ngoài biển.
- Chế tạo và lắp đặt bồn, bể chứa dầu và các sản phẩm sau dầu.
- Xây, lắp nhà máy phát điện vừa nhỏ, lắp đặt thiết bị đường dây tải điện.
- Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng.

Xí nghiệp Sửa chữa các công trình dầu khí trực thuộc Công ty Thiết kế và Xây dựng dầu khí là một trong những đơn vị đầu tiên của ngành dầu khí thực hiện công tác sửa chữa bảo dưỡng các giàn khoan biển ở thềm lục địa Việt Nam.



Sửa chữa giàn khoan biển



ĐC: SỐ 1 QUỐC LỘ 51A - P.9 - TP. VŨNG TÀU

ADD: 01 NATIONAL ROAD NO 51A, WARD 9, VUNGTAU CITY

TEL: (064) 838 151 - FAX: (64) 834812 - Email: xnsccctb@hcm.vnn.vn



VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ MỎ

ĐỊA CHỈ: SỐ 3 PHAN ĐÌNH GIÓT - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI: 84-04-8642024; FAX: 84-04-8641564

Viện trưởng: TS. Phùng Mạnh Đắc

TIỀM LỰC KHOA HỌC

TỔ CHỨC:

Gồm các phòng nghiên cứu về các lĩnh vực: Địa cơ mỏ, Công nghệ khoan thăm dò, Xây dựng các công trình ngầm và mỏ, Công nghệ khai thác than hầm lò, Công nghệ khai thác than lộ thiên, an toàn mỏ, Môi trường, Công nghệ than sạch, Điện tự động hóa mỏ... và các đơn vị thành viên:

- Công ty Phát triển Công nghệ và Thiết bị mỏ
- Trung tâm Thông tin và DV KHKT Than

NHÂN LỰC:

Tổng số 240 cán bộ viên chức. Trong đó: 20 tiến sĩ, 10 thạc sĩ, 150 nghiên cứu viên.

TRANG THIẾT BỊ:

Có các phòng thí nghiệm với trang thiết bị hiện đại để kiểm soát môi trường, an toàn mỏ, khí mỏ, nghiên cứu tính chất khoáng sản và khối đá mỏ, áp lực và điều kiện địa chất mỏ, kiểm định, đo lường và tự động hoá mỏ.

MỘT SỐ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU MỚI NHẤT:

Triển khai thực hiện và khánh thành “Trung tâm quản lý khí mỏ than Việt Nam” - Dự án hợp tác kỹ thuật giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Nhật Bản.

Dự án quy hoạch tổng thể phân loại khí mỏ than hầm lò.

Dự án tăng cường năng lực bảo vệ môi trường trong ngành khai thác mỏ và các hoạt động có liên quan.

Nghiên cứu và áp dụng các giải pháp ổn định bờ mỏ.

Nghiên cứu áp dụng các sơ đồ công nghệ khai thác trong điều kiện địa chất phức tạp.

Nghiên cứu triển khai dự án “ áp dụng thử nghiệm công nghệ cơ giới hoá trong khai thác than bằng máy liên hợp và vi chống thủy lực trong các hầm lò Quảng Ninh”.

Nghiên cứu xây dựng Dự án ngăn ngừa bụi nước vào các mỏ hầm lò.

Nghiên cứu áp dụng các phương pháp và thiết bị địa vật lý để xác định các điều kiện địa chất mỏ, các công nghệ và thiết bị khoan thăm dò phục vụ khai thác hầm lò.



Trụ sở chính



Viện trưởng Viện KHCN Mỏ cùng cán bộ kỹ thuật kiểm tra lò chợ chống giá thủy lực di động tại công ty than Hà Lâm.



Hoạt động của dự án “Trung tâm quản lý khí mỏ than Việt Nam”
Do viện KHCN mỏ thực hiện

930

Khi mua bảo hiểm nhân thọ, Bảo Việt Nhân Thọ là chọn lựa tốt nhất

Vì:

Bảo Việt là doanh nghiệp nhà nước hạng đặc biệt, hoạt động bảo hiểm đầu tiên ở Việt Nam, có tiềm lực tài chính vững mạnh.

Bảo Việt với hệ thống sản phẩm phong phú đáp ứng đầy đủ các hoạch định tài chính của khách hàng

Gia tăng sự hài lòng của khách hàng là mục tiêu tiên quyết của **Bảo Việt Nhân Thọ Miền Nam**. Chúng tôi chăm sóc chu đáo và ân cần nhất từ sinh hoạt thường ngày đến đời sống tinh thần.



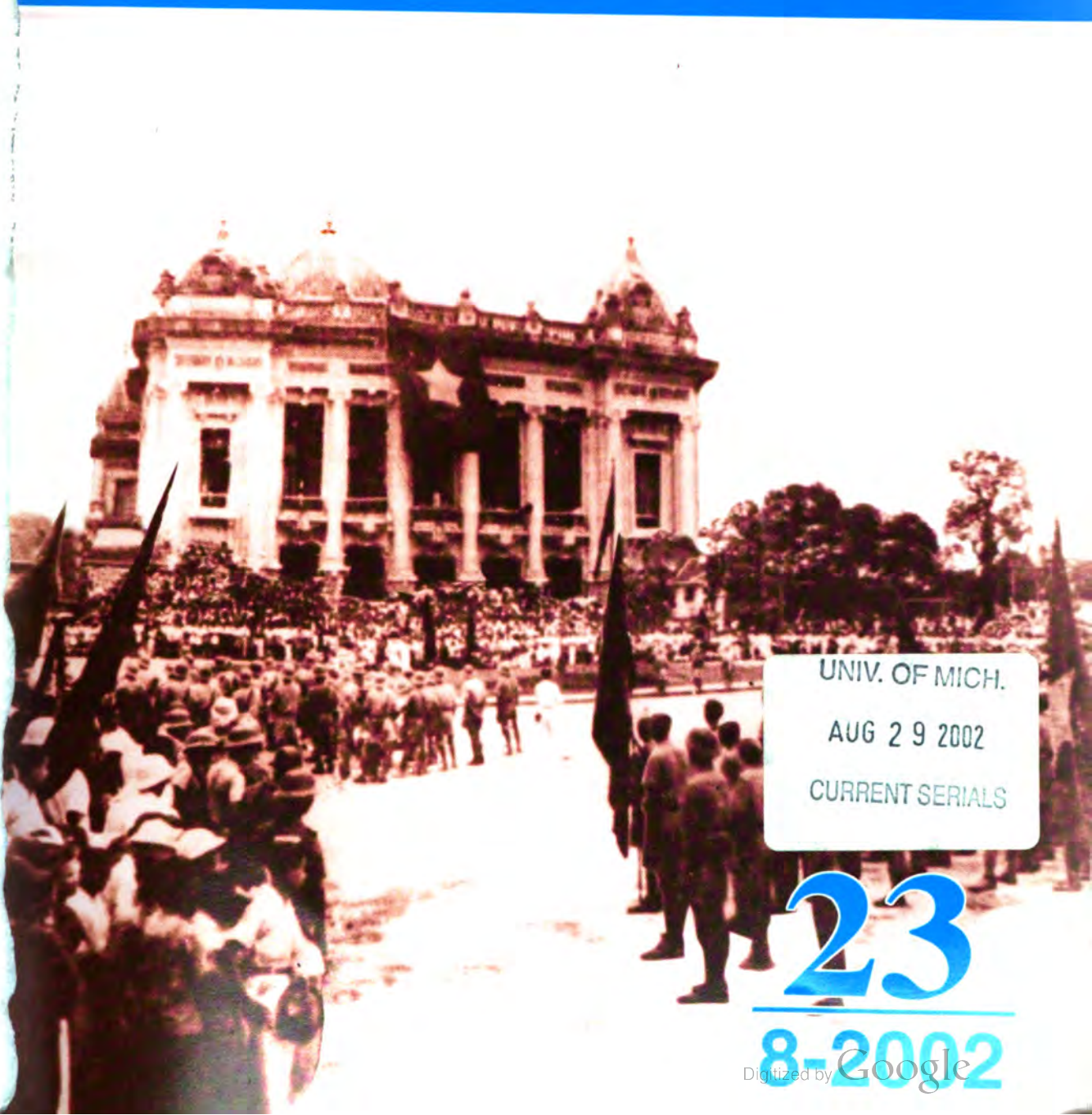
CÔNG TY BẢO HIỂM NHÂN THỌ MIỀN NAM
185-187 Nguyễn Thái Học
Q. 1, Tp. HCM
ĐT: 8376886 - 8376903
Fax: 8376904



HX
9
H68B

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



UNIV. OF MICH.

AUG 29 2002

CURRENT SERIALS

23

8-2002

Digitized by Google

XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Trụ sở chính : 105, Lê Lợi, TP. Vũng Tàu

Điện thoại : 64- 839871/72. Fax : 64- 839857



XNLD VIETSOVPETRO được Nhà nước Việt Nam phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động lần thứ hai, là đơn vị liên doanh giữa Việt Nam và Liên bang Nga khai thác dầu khí lớn nhất ở Việt Nam, đang hoạt động trên 3 mỏ: Bạch Hổ, Rồng và Đại Hùng. Sản lượng dầu khai thác từ năm 1986 đến năm 2001 đạt 101,3 triệu tấn. Khí cung cấp vào bờ từ năm 1995 đến năm 2001 đạt 6,75 tỉ mét khối.

XNLD VIETSOVPETRO sẵn sàng hợp tác với các công ty dầu khí khác trong nhiều lĩnh vực: địa chất dầu khí, thiết kế, lắp ráp, xây dựng, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình dầu khí biển, khoan thăm dò, khai thác dầu khí, dịch vụ cảng, vận tải biển, phòng chống phun trào dầu khí, bảo vệ môi trường.



THÁNG RA 3 KỶ

SỐ 652

23

8-2002

• BỘ BIÊN TẬP :

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : (04) 9 422 061
Fax : (04) 8 222 846

**• Cơ quan thường trú
tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,
Q. 3, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 225 768
Fax : (08) 8 231 664

• Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>
Email: bbttccs@hn.vnn.vn

• Phó Tổng Biên tập phụ trách :

TRẦN QUANG NHIẾP



Bìa 1 : Những ngày Tháng Tám
sôi sục ở Thủ đô Hà Nội
Ảnh : TTXVN

Tạp chí Cộng sản

**CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

NGUYỄN THỊ HẰNG - Lao động và việc làm - những bước tiến quan trọng	3
HOÀNG XUÂN CỬ - Phú Thọ với việc đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống	9

NHÂN KỶ NIỆM 57 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ QUỐC KHÁNH 2-9 (1945 - 2002)

VŨ HIỀN - Một kỳ tích lịch sử	16
LÊ MẬU HẰN - Trí tuệ và sức mạnh của Đảng, của dân tộc - cội nguồn thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám	18

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

ĐỖ NGỌC THU - Về tổ chức các kỳ họp của Quốc hội	25
NGUYỄN PHƯƠNG LIÊN - Một số vấn đề về thị trường trái phiếu Chính phủ ở Việt Nam	30
HỒ BÁ THÂM - Phát triển năng lực tư duy của người lãnh đạo quản lý hiện nay	35
HỒ SĨ VINH - Bản sắc dân tộc và sự giao lưu hội nhập văn hóa	39

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

PHÙNG QUANG THANH - Quân đội nhân dân thực hiện tốt nhiệm vụ giúp dân phòng chống thiên tai	45
VŨ HỒNG KHANH - Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền cấp quận	49

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

NGUYỄN TIẾN - Nhắc khéo	52
-------------------------	----

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

TRẦN BÁ KHOA - Sự trỗi dậy của Ấn Độ sau 10 năm cải cách kinh tế	53
VŨ CÔNG GIAO - Xóa đói nghèo - một điều kiện bảo đảm quyền con người	58

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

- Hội nghị sơ kết bốn năm thực hiện Quyết định 17 của Thủ tướng Chính phủ	63
- Hội thảo khoa học - thực tiễn : "Nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng"	64

СОДЕРЖАНИЕ

НГУЕН ТХИ ХАНГ: Труд и работа – уверенные поступки. ХОАНГ СУАН КЫ: Провинция Футхо с введенной работой по воплощению в жизнь Партийных резолюций. ВУ ХИЕН: Один исторический подвиг. ЛЕ МАУ ХАН: Партийные и национальные разум и сила – источник победы Августовской Революции. ДО НГОК ТХУ: Об организации сессий Национального Собрания. НГУЕН ФЫОНГ ЛИЕН: Некоторые проблемы о рынке правительственных облигаций во Вьетнаме. ФУНГ КУАНГ ТХАНЬ: Народная армия хорошо выполняет задачу - помочь народу преодолеть стихийное бедствие. ЧАН БА КУОА: Оживление Индии после 10 лет обновления. ВУ КОНГ ЗАО: Ликвидация голода и бедности – одно из условий обеспечения человеческого права.

CONTENTS

NGUYỄN THỊ HẰNG: Labour and employment – the steady steps. HOÀNG XUÂN CỬ: Phú Thọ province and the implementation of the Party's resolutions into life. VŨ HIẾN: A historical exploit. LÊ MẬU HẰN: Wisdom and strength of the Party and the Nation are spring of the August Revolution's victory. ĐỖ NGỌC THU: Regarding the organisation of the National Assembly's sessions. NGUYỄN PHƯƠNG LIÊN: Some problems regarding the market of the governmental bonds in Vietnam. PHÙNG QUANG THANH: The People's Army fulfilling well the task of helping the people to prevent and resist natural calamities. TRẦN BÁ KHOA: The rise of India following 10 years of economic reforms. VŨ CÔNG GIAO: Cancellation of poverty and famine – a condition of human rights security.

SOMMAIRE

NGUYỄN THỊ HẰNG: Travail et emploi – des pas sûrs en avant. HOÀNG XUÂN CỬ: La province de Phu Tho et l'introduction de la Résolution du Parti dans la vie. VŨ HIẾN: Un glorieux exploit historique. LÊ MẬU HẰN: L'intelligence et la force du Parti et du peuple – origine de la victoire de la Révolution d'Août. ĐỖ NGỌC THU: Sur l'organisation des sessions de l'Assemblée nationale. NGUYỄN PHƯƠNG LIÊN: Quelques problèmes du marché des obligations du gouvernement au Vietnam. PHÙNG QUANG THANH: L'Armée populaire accomplit bien la tâche d'aider la population à prévenir et à lutter contre les calamités naturelles. TRẦN BÁ KHOA: L'essor de l'Inde après 10 années de réforme économique. VŨ CÔNG GIAO: L'éradication de la misère – une condition de l'assurance du droit de l'homme.

SUMARIO

NGUYỄN THỊ HẰNG: Trabajo y empleo - sus avances seguros. HOÀNG XUÂN CỬ: Phú Thọ y la introducción de la Resolución del Partido en la vida. VŨ HIẾN: Una proeza histórica. LÊ MẬU HẰN: El espíritu y la fuerza del Partido y del pueblo - el origen de la victoria de la Revolución de Agosto. ĐỖ NGỌC THU: Sobre la organización de las sesiones de la Asamblea Nacional. NGUYỄN PHƯƠNG LIÊN: Algunos problemas sobre el mercado de obligación del gobierno en Vietnam. PHÙNG QUANG THANH: El Ejército Popular cumple bien la tarea de ayudar a la población en prevenir y contra la calamidad natural. TRẦN BÁ KHOA: El arranque de la India después de sus diez años de reforma de la economía. VŨ CÔNG GIAO: Abolir la miseria - una condición para asegurar el derecho del hombre.

目录

•阮氏恒: 劳动与就业—稳步发展•黄春渠: 富寿省落实党的决议于生活之中•武贤: 一个历史的奇迹•黎戊罕: 党和民族的智慧与力量—八月革命胜利的根源•杜玉秋: 关于历次国会会议的筹备问题•阮芳莲: 政府债券市场在越南存在的一些问题•冯光清: 人民军队妥善落实协助人民防抗自然灾害的任务•陈伯科: 经过10年实现经济改革, 印度的崛起•武公文: 消饥扶贫工作—保障人权的一个条件。



LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM - NHỮNG BƯỚC TIẾN QUAN TRỌNG

NGUYỄN THỊ HẰNG*

BƯỚC vào những năm đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX, tình hình kinh tế - xã hội nước ta rất khó khăn. Đất nước vẫn chưa thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội; tình hình lao động, việc làm trở thành vấn đề xã hội gay gắt và bức xúc, gõ cửa từng gia đình, là mối quan tâm lớn của Đảng và Nhà nước, của toàn xã hội và mọi người. Dân số tăng nhanh, tốc độ tăng nguồn lao động khoảng 3%/ năm, hằng năm có trên một triệu thanh niên đến tuổi lao động cần việc làm; số tồn đọng lao động chưa có việc làm các năm trước chuyển sang lên đến gần 2 triệu người, đồng thời có khoảng 90 vạn lao động dôi dư do sắp xếp lại tổ chức sản xuất và bộ máy khu vực nhà nước; số bộ đội xuất ngũ, số lao động ở Liên Xô, Đông Âu và Trung Đông trở về; hàng chục vạn học sinh tốt nghiệp các trường chuyên nghiệp và dạy nghề đang có nhu cầu việc làm, dẫn đến sức ép về việc làm tăng và hết sức bức bách.

Đường lối đổi mới, phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đã tạo ra nhiều điều kiện thuận lợi để người lao động có cơ hội tự tạo việc làm và có việc làm, đáp ứng yêu cầu bức xúc về đời sống, góp phần ổn định tình

hình kinh tế - xã hội. Giải quyết vấn đề lao động - việc làm trong 15 năm đổi mới vừa qua đã có những bước tiến vững chắc, có thể đánh giá khái quát như sau:

- Số việc làm mới được tạo ra hằng năm tăng nhanh, từ 863 nghìn người mỗi năm trong giai đoạn 1991 - 1995 lên 1,2 triệu người mỗi năm trong giai đoạn 1996 - 2000; tăng trưởng việc làm bình quân là 2,9% mỗi năm;

- Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị giảm từ 10% (năm 1991) xuống 6,28% (năm 2001). Tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn tăng từ 72,1% (năm 1996) lên khoảng 74% (năm 2001);

- Cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng tăng lao động cho sản xuất công nghiệp, xây dựng và các ngành dịch vụ; giảm lao động nông nghiệp từ 72,6% (năm 1991) xuống còn 63% (năm 2000), bình quân mỗi năm giảm gần 1% lao động làm nông nghiệp. Chất lượng lao động từng bước được nâng lên, tỷ lệ lao động được đào tạo tăng liên tục từ 10% (năm 1996) lên khoảng 20% (năm 2000), trong đó được đào tạo nghề khoảng 13,4%.

* Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Do cải cách hành chính và sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, lao động trong khu vực nhà nước đã giảm từ 14,7% (năm 1991) xuống còn 9% (năm 2000). Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, tuy mới chỉ thu hút được 33 vạn lao động (năm 2000), nếu kể cả số lao động gián tiếp thì sử dụng được khoảng 1% lực lượng lao động, song đã có vai trò tích cực trong chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập.

- Xuất khẩu lao động và chuyên gia được coi là mũi nhọn, góp phần làm giàu cho đất nước, cho người lao động, xây dựng lực lượng lao động cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chống tụt hậu xa hơn về kinh tế và kỹ thuật. Số lao động và chuyên gia đi làm việc ở nước ngoài tăng từ hơn một nghìn người năm 1991 lên 37 000 người năm 2001.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giải quyết việc làm được triển khai có kết quả. Quỹ quốc gia giải quyết việc làm hình thành từ năm 1992, đến năm 2000 có khoảng 2 000 tỉ đồng hỗ trợ trực tiếp để giải quyết việc làm cho người thất nghiệp, người thiếu việc làm và các đối tượng yếu thế. Từ năm 1996 đến năm 2000, Quỹ đã giải quyết việc làm cho 1,8 triệu người, trong đó 80 vạn người có việc làm mới và một triệu người có thêm việc làm. Hoạt động dịch vụ giới thiệu việc làm và tư vấn nghề nghiệp được tăng cường. Hệ thống 140 trung tâm dịch vụ giới thiệu việc làm hoạt động từ năm 1992 đến năm 2000 đã tư vấn cho gần 2 triệu lượt người, dạy nghề gắn với việc làm và bổ túc nghề cho 70 vạn người, giới thiệu việc làm và cung ứng lao động cho 87 vạn người.

Những thành tựu trên đây bắt nguồn từ chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng và Nhà nước về đổi mới trong lĩnh vực lao động và việc làm. Thực chất đó là sự thay đổi về nhận thức, đổi mới tư duy trong lĩnh vực lao động và việc làm phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tư tưởng lớn nhất, cái gốc của đổi mới tư duy trong lĩnh vực lao động và việc làm là phải bằng mọi giải pháp giải phóng sức sản xuất, giải phóng và phát huy mọi tiềm năng sức lao động, khơi dậy tiềm năng của mỗi người và của cả cộng đồng dân tộc, coi trọng giá trị lao động, mở rộng cơ hội cho mọi người cùng phát triển.

Tư tưởng đổi mới này là cơ sở định hướng cho một cuộc cách mạng trong lĩnh vực lao động và việc làm, đã thay đổi căn bản tư tưởng bao cấp và cơ chế kế hoạch hóa tập trung trước đây để chuyển sang nhận thức, quan niệm mới về lao động và việc làm.

Người lao động đã năng động và chủ động tự tạo việc làm cho mình và cho xã hội; không thụ động, trông chờ vào sự bố trí việc làm của Nhà nước. Người sử dụng lao động được khuyến khích đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, tạo việc làm. Trong xã hội, mọi người tự chịu trách nhiệm về cuộc sống của bản thân mình, từ đó cần phát huy năng lực sáng tạo và tính năng động xã hội trong tạo việc làm, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Nhà nước tạo ra hành lang pháp lý và điều kiện kinh tế, kỹ thuật để có môi trường đầu tư lành mạnh của toàn xã hội; khuyến khích mọi người đầu tư phát triển sản xuất - kinh doanh, tạo việc làm cho mình và thu hút lao động xã hội. Đồng thời bảo đảm

lao động được tự do trên cơ sở giải phóng mọi tiềm năng lao động. Người lao động tự do hành nghề, tự do liên doanh, liên kết, tự do thuê mướn lao động theo pháp luật và sự hướng dẫn của Nhà nước ; mọi hoạt động có ích đem lại thu nhập mà không bị pháp luật cấm đều được coi là việc làm.

Đổi mới tư duy về lao động, việc làm thời gian qua được thể hiện trong các nghị quyết, văn kiện của Đảng. Điều quan trọng là, nó không chỉ dừng lại ở nhận thức mới, mà đã được thể chế hóa bằng pháp luật và trở thành hành động sinh động trong cuộc sống. Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách vĩ mô về phát triển kinh tế nhiều thành phần, chính sách đất đai, thuế, tài chính, tiền tệ, tín dụng, tập trung phát triển nông nghiệp, nông thôn, phát triển trang trại hộ gia đình, phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, phát triển khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu vực phi kết cấu... hướng vào thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm và nâng cao năng suất lao động. Cải cách thể chế, xây dựng và hoàn thiện hệ thống luật pháp. Hình thành và tổ chức thực hiện có kết quả các chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm, Chương trình phát triển nông nghiệp - nông thôn ; Chương trình 327, 773, Chương trình trồng 5 triệu ha rừng, Chương trình đánh bắt hải sản xa bờ, kế hoạch đào tạo nghề. Đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hóa nhằm huy động mọi nguồn lực, trong đó, Nhà nước đóng vai trò nòng cốt, như "bà đỡ", đồng thời đặc biệt coi trọng phát huy nguồn lực trong nhân dân, các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân và cộng đồng quốc tế ; thực hiện lồng ghép các chương trình mục

tiêu nhằm sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tạo việc làm ; đã phát triển nhiều hình thức, mô hình giải quyết việc làm phong phú, đa dạng ở các địa phương, các ngành, các cấp, đơn vị cơ sở với sự tham gia tích cực, chủ động của các tổ chức đoàn thể xã hội.

Nhờ những thành tựu nổi bật về kinh tế - xã hội và những bước tiến vững chắc về giải quyết lao động và việc làm của hơn 15 năm đổi mới, Việt Nam bước sang thế kỷ XXI với thế và lực mới.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đang diễn ra mạnh mẽ trên thế giới. Nền kinh tế dựa chủ yếu vào tri thức và công nghệ sẽ tạo ra nhiều cơ hội phát triển cho các quốc gia, như duy trì tốc độ tăng trưởng cao ; sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực con người, tạo nhiều công ăn việc làm ; giải quyết tốt hơn các vấn đề xã hội, cải thiện đời sống người lao động. Song, điều đó cũng đòi hỏi các quốc gia muốn phát triển phải dựa vào *nguồn vốn con người*, được hình thành trên cơ sở đầu tư phát triển, tạo lập kỹ năng, kiến thức, tay nghề, kinh nghiệm, năng lực sáng tạo để sản xuất ra sản phẩm và dịch vụ có hàm lượng chất xám cao. Người lao động cần nhanh chóng được trí thức hóa, có khả năng thích nghi và có sức cạnh tranh cao. Xu thế toàn cầu hóa sẽ tác động đến phân công lao động quốc tế. Lợi thế cạnh tranh ngày càng nghiêng về những quốc gia có nguồn nhân lực chất lượng cao, có môi trường pháp lý thuận lợi cho đầu tư và một xã hội ổn định. Điều này đặt ra những thách thức đối với vấn đề lao động, việc làm và phát triển nguồn nhân lực của mỗi quốc gia. Các quốc gia phải tập trung đầu tư vào con người

thông qua các hoạt động giáo dục, đào tạo, dạy nghề, chăm sóc sức khỏe, tạo việc làm, an sinh xã hội.

Nước ta đang bước vào thời kỳ phát triển mới, đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đây là vận hội to lớn để phát triển nguồn nhân lực và tạo nhiều việc làm. Đặc biệt, thị trường lao động đã hình thành và phát triển sẽ thúc đẩy phân bố và sử dụng nguồn lực con người một cách hiệu quả hơn, giảm thiểu sự mất cân bằng cung cầu lao động và nâng cao chất lượng việc làm.

Những thuận lợi và cơ hội do thế và lực mới tạo ra là rất cơ bản, song đến nay, nước ta vẫn là một nước nghèo và đang phát triển ở trình độ thấp; nền kinh tế chưa vững chắc và dễ bị tác động do các yếu tố bên ngoài. Đây là thách thức không nhỏ trong việc huy động nguồn lực giải quyết các vấn đề lao động và việc làm. Thách thức này càng trở nên gay gắt hơn khi chúng ta thực hiện các tiến trình hội nhập với khu vực và thế giới. Trong khi đó, nước ta đất chật, người đông, tốc độ tăng nguồn lao động còn lớn (2,1%/ năm) ; tỷ lệ lao động thất nghiệp ở thành thị khá cao (6,28% năm 2001) ; chuyển dịch cơ cấu lao động diễn ra rất chậm, đến nay vẫn còn hơn 70% lao động ở khu vực nông thôn và hơn 60% lao động làm nông nghiệp ; các nguồn lực cho phát triển phân bố không đồng đều giữa các vùng càng làm tăng sự di chuyển lao động từ nông thôn ra các đô thị lớn ; theo tiến trình đổi mới doanh nghiệp nhà nước, đến năm 2005 sẽ có khoảng 25 vạn người lao động trong diện dôi dư cần được bố trí việc làm ; hàng chục vạn bộ đội ra quân ; trên 500 ngàn học sinh tốt nghiệp các trường

chuyên nghiệp và dạy nghề có nhu cầu tìm việc làm hằng năm càng làm cho sức ép về việc làm thêm gay gắt.

Công tác giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế trong bối cảnh đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập. Nước ta đang thiếu hụt nghiêm trọng lao động kỹ thuật cao thuộc các ngành kinh tế mũi nhọn ; lao động thay thế các vị trí của lao động nước ngoài đang làm. Lao động nông thôn phần lớn chưa qua đào tạo đang là trở lực lớn trong quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp, nông thôn.

Các thể chế chính sách lao động - việc làm hiện nay vẫn còn nhiều điểm bất hợp lý ; chính sách còn thiếu đồng bộ, nhất là các chính sách thuế, đất đai, tín dụng, dạy nghề, bảo hiểm xã hội... Nguồn vốn trong dân còn lớn, song chưa có chính sách đủ mạnh và cơ chế phù hợp để huy động đầu tư phát triển sản xuất. Quản lý nhà nước về lao động và việc làm còn bất cập. Năng lực hoạch định chính sách và điều hành thực thi chính sách về lao động và việc làm còn nhiều hạn chế, qua nhiều khâu trung gian, thiếu sự kiểm tra giám sát và đánh giá.

Lao động và việc làm là một trong những nhiệm vụ trọng yếu của Đảng và Nhà nước. Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng đã xác định phải *đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng tăng tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ, tăng nhanh hàm lượng công nghệ trong sản phẩm và phải giải quyết có hiệu quả những vấn đề xã hội bức xúc : Tạo nhiều việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn.* Đây là tư tưởng, quan điểm chiến lược,

định hướng cho một thời kỳ dài về lao động và việc làm. Tạo nhiều việc làm mới là yếu tố quyết định để phát huy nhân tố con người, ổn định và phát triển kinh tế, làm lành mạnh xã hội, đáp ứng yêu cầu bức xúc của nhân dân. Chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với quá trình cơ cấu lại nền kinh tế. Kết hợp tăng trưởng việc làm với không ngừng nâng cao chất lượng việc làm. Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho tất cả các thành phần kinh tế đầu tư phát triển, mở mang các ngành nghề, các cơ sở sản xuất, dịch vụ có khả năng tạo nhiều việc làm mới ; đẩy mạnh xuất khẩu lao động và chuyên gia. Tăng cường các hoạt động hỗ trợ trực tiếp giải quyết việc làm thông qua thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo và việc làm, nhất là các hoạt động tín dụng ưu đãi để tạo việc làm, thông tin tư vấn và giới thiệu việc làm, dạy nghề...

Vấn đề cấp thiết đặt ra là đến năm 2005 phải tạo việc làm mới và ổn định việc làm cho 7,5 triệu lao động, bình quân 1,5 triệu lao động/ năm. Tăng tỉ trọng lao động trong sản xuất công nghiệp và xây dựng lên 20 - 21%, lao động trong các ngành dịch vụ lên 22 - 23% ; giảm tỉ trọng lao động trong nông, lâm, ngư nghiệp xuống còn 56 - 57% ; giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị xuống còn khoảng 5,4% và nâng quỹ thời gian lao động được sử dụng ở nông thôn lên khoảng 80%, tỷ lệ lao động qua đào tạo khoảng 30%, trong đó đào tạo nghề đạt 18 - 19%. Đến năm 2010 tạo việc làm mới và ổn định việc làm cho khoảng 13 triệu lao động, bình quân mỗi năm 1,3 triệu. Phân đấu đạt cơ cấu lao động : nông nghiệp khoảng 50% ; công nghiệp, xây dựng 23 - 24% ;

dịch vụ 26 - 27%. Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị dưới 5% ; quỹ thời gian lao động được sử dụng ở nông thôn khoảng 80 - 85%. Tỷ lệ lao động được đào tạo khoảng 40%, trong đó đào tạo nghề là 26%. Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội đạt khoảng 4 - 5%.

Để đạt được các mục tiêu đó, trong những năm tới, chúng ta cần nỗ lực triển khai thực hiện một số nhiệm vụ cơ bản sau đây :

Thứ nhất, tập trung nguồn lực và sự chỉ đạo của trung ương, sự nỗ lực của các ngành, các địa phương thực hiện thành công Chiến lược Phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010. Thành công của Chiến lược có ý nghĩa quyết định đối với việc thực hiện các mục tiêu giải quyết việc làm. Đồng thời, tổ chức triển khai có hiệu quả một số chương trình trọng điểm có khả năng tạo nhiều việc làm mới như các chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn (thâm canh 9 triệu ha đất nông nghiệp, trồng 5 triệu ha và khoanh nuôi, bảo vệ 10 triệu ha rừng) ; phân bố lại lao động và dân cư, xây dựng các vùng kinh tế mới ; phát triển nuôi trồng, đánh bắt, chế biến và xuất khẩu thủy, hải sản ; chương trình phát triển công nghiệp và dịch vụ du lịch. Xây dựng các vùng kinh tế động lực, các đô thị lớn thu hút lao động có trình độ cao để tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế và sản xuất hàng xuất khẩu ; các chương trình mở rộng, phát triển làng nghề, xã nghề, phố nghề, hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa ; giải quyết việc làm cho người thất nghiệp, người thiếu việc làm, các đối tượng yếu thế, chương trình đào tạo nghề ; chương trình xuất khẩu lao động và chuyên gia.

Thứ hai, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nâng cao chất lượng và thay đổi cơ cấu dạy nghề theo yêu cầu của thị trường lao động. Thực hiện tốt việc quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng, các trường dạy nghề theo hướng xã hội hóa, đa dạng hóa hình thức đào tạo, linh hoạt, năng động và thiết thực ; kết hợp giữa dạy nghề chính quy và không chính quy, giữa cơ sở dạy nghề của Nhà nước, các doanh nghiệp và tư nhân. Quy hoạch các cơ sở dạy nghề công nghệ, kỹ thuật cao, đáp ứng yêu cầu của các ngành kinh tế mũi nhọn, khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất, lĩnh vực xuất khẩu lao động và chuyên gia. Phần đầu đến năm 2005 tỷ lệ lao động trình độ cao chiếm khoảng 15% lực lượng lao động và đến năm 2010 là khoảng 20%. Tuyên truyền nâng cao trách nhiệm của các cấp chính quyền, các đoàn thể xã hội ở trung ương và địa phương, nhận thức của các doanh nghiệp, các gia đình và của toàn xã hội, nhất là thanh niên về nghề nghiệp nhằm định hướng lại giá trị xã hội đối với nghề nghiệp, nâng cao sự tôn vinh đối với người thợ, nhất là người có tay nghề, chuyên môn kỹ thuật cao.

Thứ ba, hoàn thiện cơ chế, chính sách theo hướng giải phóng sức sản xuất, giải phóng sức lao động, khuyến khích mọi người đầu tư phát triển sản xuất, tạo việc làm. Hoàn thiện các chính sách tạo động lực phát triển sản xuất như : khuyến khích đầu tư nước ngoài và đầu tư trong nước ; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, phát triển ngành nghề nông thôn ; phát triển nguồn nhân lực và dạy nghề tạo điều kiện cho mọi người học tập thường xuyên, suốt đời ; nâng cao chất lượng đào tạo

nghề ; khuyến khích mạnh mẽ các thành phần kinh tế đầu tư đào tạo nghề ; đổi mới chính sách di dân và phát triển các vùng kinh tế mới, khai thác tiềm năng các vùng đất nước ; đảm bảo phát triển thị trường lao động thông thoáng, không bị chia cắt về mặt hành chính, cạnh tranh lành mạnh, nhiều người có việc làm, đồng thời có sự quản lý, giám sát và điều tiết của Nhà nước ; bảo hiểm việc làm cho người lao động, mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, thực hiện bảo hiểm thất nghiệp để hỗ trợ người mất việc làm có điều kiện ổn định đời sống, đào tạo lại và giúp họ sớm trở lại thị trường lao động.

Thứ tư, ngoài sự hỗ trợ, đầu tư của Nhà nước (tăng đầu tư cho Quỹ quốc gia xóa đói giảm nghèo và việc làm, đầu tư đào tạo nghề), cần tổ chức thực hiện tốt chủ trương xã hội hóa giải quyết việc làm ; huy động tổng hợp các nguồn lực trong nước, tại chỗ (của các tổ chức đoàn thể, doanh nghiệp và cộng đồng) và sự trợ giúp quốc tế để giải quyết vấn đề lao động và việc làm.

Thứ năm, đổi mới công tác quy hoạch và xây dựng kế hoạch lao động - việc làm trong cơ chế thị trường ; các ngành, các địa phương thực hiện kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và 5 năm phải luôn luôn gắn với kế hoạch và chương trình tạo việc làm. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước về lao động - việc làm ở mọi cấp, trước hết là cấp cơ sở ; phát triển hệ thống sự nghiệp về lao động, việc làm (trung tâm tư vấn và giới thiệu việc làm, chuyển giao công nghệ, thông tin thị trường lao động...). Đó là những điều kiện và tiền đề hết sức cơ bản tạo nên những bước đi vững chắc về lao động và việc làm trong những năm đầu của thế kỷ XXI. □

PHÚ THỌ

VỚI VIỆC ĐƯA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

Lời Bộ Biên tập : Toàn Đảng, toàn quân và toàn dân đang nỗ lực thực hiện thắng lợi các Nghị quyết của Đảng. Là một tỉnh miền núi, Phú Thọ lựa chọn cách đi riêng của mình. Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu bài phỏng vấn đồng chí : Hoàng Xuân Cừ, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Phú Thọ về các vấn đề đó.

Hỏi : Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX) được coi là những quyết sách quan trọng hướng về cơ sở. Đồng chí cho biết, Tỉnh ủy Phú Thọ đã có những chương trình hành động cụ thể như thế nào để triển khai thực hiện tốt Nghị quyết ?

Trả lời : Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) đã ban hành các Nghị quyết quan trọng, có liên quan đến rất nhiều vấn đề bức xúc cần được giải quyết ở địa phương, nhất là ở cơ sở. Nhận thức sâu sắc ý nghĩa và tầm quan trọng của các Nghị quyết, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Thọ đã có kế hoạch tổ chức học tập, quán triệt các Nghị quyết cho các cấp ủy, chính quyền và cán bộ, đảng viên từ tỉnh đến cơ sở ; đồng thời xây dựng năm chương trình hành động cụ thể của tỉnh.

Một là, chương trình hành động về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể. Chương trình này có những nội dung chủ yếu : Tiến hành tổng kết, đánh giá thực trạng kinh tế tập

thể sau 5 năm thực hiện Luật Hợp tác xã (HTX) ; xây dựng phương hướng củng cố phát triển kinh tế HTX đến năm 2005 và 2010, tổng kết từ cơ sở đến huyện và tỉnh hoàn thành vào cuối quý IV - 2002. Trong lĩnh vực nông nghiệp, đến năm 2005 Phú Thọ tập trung củng cố, phát triển các HTX khá và trung bình, giải thể các HTX hoạt động kém. Những nơi không còn HTX thì tiếp tục củng cố và phát triển các tổ hợp tác. Từ năm 2006 đến 2010 vận động thành lập các HTX ở những nơi có đủ điều kiện, mở rộng liên doanh, liên kết, thành lập liên hiệp các HTX. Tập trung phát triển tiểu, thủ công nghiệp, phát triển các cơ sở chế biến nông, lâm sản, vật liệu xây dựng, tận thu khoáng sản, phế liệu công nghiệp, đẩy nhanh sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu. Từng bước đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm. Tăng cường liên doanh, liên kết, thu hút vốn đầu tư, công nghệ mới,

mở rộng sản xuất, nâng cao thu nhập cho HTX và người lao động. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị 57/CT-TW của Bộ Chính trị về củng cố, hoàn thiện và phát triển hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân. Phân đầu mỗi Quỹ tín dụng có 70 - 80% số hộ trong xã, phường, thị trấn góp vốn tham gia đẩy mạnh huy động nguồn vốn tiết kiệm tại chỗ, tăng dư nợ bình quân từ 7 - 10%, tỷ lệ nợ quá hạn dưới 3%. Tiếp tục phát triển tổ hợp tác và HTX trong lĩnh vực vận tải, thương mại và xây dựng; củng cố nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX vận tải hiện có.

Hai là, chương trình hành động về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế tư nhân. Phân đầu đến năm 2005 đạt một số mục tiêu chủ yếu: số lượng các doanh nghiệp tư nhân tăng bình quân hằng năm từ 18 - 20% (số doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất và du lịch 35 - 40%) tăng trưởng GDP bình quân hằng năm từ 12 - 13%; thu hút vốn đầu tư khoảng 3 000 đến 3 500 tỉ đồng; giải quyết việc làm cho 40 - 45 ngàn lao động; giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt 13 - 14 triệu USD; tỷ trọng nguồn thu trong ngân sách từ 20 - 24%; nâng doanh nghiệp có tổ chức công đoàn từ 17,2% như hiện nay lên 40 - 45%. Một trong những giải pháp quan trọng để thực hiện tốt các mục tiêu trên là, tập trung nguồn lực cho mũi nhọn đột phá đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, cải cách thủ tục hành chính, nhằm thúc đẩy đầu tư sản xuất, kinh doanh.

Ba là, chương trình hành động về đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001 - 2010, với

định hướng phân đầu đến năm 2005 đạt giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp tăng trưởng bình quân từ 4,5 - 5%; tỷ trọng kinh tế nông nghiệp trong GDP giảm xuống còn 24,5%; giảm tỷ trọng ngành trồng trọt, tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi, phát triển tiểu, thủ công nghiệp ở nông thôn; đảm bảo vững chắc an ninh lương thực (bình quân đầu người trên 300 kg/năm); tăng thu nhập cho người nông dân từ 1,5 - 2 lần so với hiện nay; giảm hộ nghèo từ 10 - 11% hiện nay xuống còn 5%. Phát triển sản xuất, chế biến cây công nghiệp, cây ăn quả phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu. Đến năm 2010, sản lượng chè búp tươi đạt 90 ngàn tấn, chế biến xuất khẩu đạt 13 - 15 ngàn tấn chè khô; sản lượng mía đạt 100 - 112 ngàn tấn; sản lượng các loại cây ăn quả 200 ngàn tấn, trong đó có 100 ngàn tấn xuất khẩu. Trồng rừng nguyên liệu giấy 40 ngàn ha, nâng độ che phủ rừng lên trên 50%. Đầu tư phát triển chăn nuôi lợn xuất khẩu, chăn nuôi bò sữa theo hướng công nghiệp hóa với hình thức, quy mô trang trại, đến năm 2010 sản lượng sữa đạt 14 - 15 ngàn tấn.

Bốn là, chương trình hành động về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn với những mục tiêu chủ yếu: Phân đầu đến năm 2005 có từ 60% trở lên số đảng bộ đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh, không còn đảng bộ yếu kém; có 100% các khu dân cư, bản vùng cao thành lập được chi bộ đảng; trên 95% bí thư chi, đảng bộ được bồi dưỡng về nghiệp vụ công tác đảng. Hằng năm có trên 85% tổ chức cơ sở đảng và trên 65% chi bộ trong đảng bộ cơ sở kết nạp được đảng viên mới; trên 95%

số đảng viên đủ tư cách loại I ; có trên 60% chính quyền cơ sở đạt trong sạch, vững mạnh ; 100% cán bộ chủ chốt ở cơ sở tốt nghiệp trung học phổ thông, có trình độ trung cấp về lý luận chính trị, 50% trở lên có trình độ trung cấp về chuyên môn nghiệp vụ, 100% được bồi dưỡng chương trình quản lý nhà nước ; 100% cán bộ 4 chức danh chuyên môn nghiệp vụ (địa chính, tài chính, tư pháp, văn phòng - thống kê) có trình độ trung cấp về chuyên môn nghiệp vụ (trong đó 30% có trình độ đại học) ; trên 50% có trình độ trung cấp quản lý, chính trị ; trên 60% Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, tổ chức đoàn thanh niên, phụ nữ, nông dân và trên 75% tổ chức hội cựu chiến binh cơ sở đạt tiêu chuẩn vững mạnh.

Năm là, chương trình hành động về công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới. Nội dung của chương trình này chú trọng giáo dục, rèn luyện nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức cách mạng, tinh thần yêu nước và trình độ mọi mặt cho cán bộ, đảng viên. Thường xuyên tuyên truyền chủ trương của Đảng, các nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, những giá trị tốt đẹp của dân tộc cho các tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Khơi dậy phong trào yêu nước, giữ vững ổn định chính trị, thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội mà Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV và Đại hội đảng bộ các cấp đã đề ra.

Đẩy mạnh việc đưa thông tin về cơ sở, nhất là địa bàn dân cư vùng sâu, vùng xa, khu vực có đông bào dân tộc thiểu số, đồng bào theo đạo. Tăng số lượng phát hành báo Phú Thọ, đến năm 2005 sẽ ra báo hằng ngày với số lượng phát hành từ 9

đến 10 nghìn tờ/kỳ. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh tăng thời lượng phát sóng 5 giờ/ngày và 6 buổi/tuần. Tất cả các xã trong tỉnh đều có đài truyền thanh. Tổ chức điều tra dư luận xã hội để nắm bắt, phân tích diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh, xử lý kịp thời các tình huống xảy ra.

Hỏi : Đối với các tổ chức của hệ thống chính trị ở cơ sở, trách nhiệm của các cấp ủy đảng cũng như của từng cán bộ, đảng viên tham gia lãnh đạo các tổ chức đó được thể hiện như thế nào khi triển khai thực hiện Nghị quyết của Đảng ?

Trả lời : Việc triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 của Đảng là một nội dung rất quan trọng, có vai trò to lớn trong việc đưa nghị quyết vào cuộc sống. Trước hết, các cán bộ chủ chốt nghiên cứu và quán triệt sâu sắc từng nghị quyết, chú trọng nghị quyết nào có liên quan đến lĩnh vực mình đang công tác, làm việc và sinh hoạt hoặc đang được giao phụ trách. Các cấp ủy đảng chỉ đạo chặt chẽ việc tổ chức quán triệt, học tập nghị quyết để nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, chú trọng việc thảo luận, xây dựng và bàn kế hoạch tổ chức thực hiện từng nội dung, đưa ra giải pháp cụ thể, có tính khả thi cao, xác định rõ những khâu đột phá, những việc cần làm ngay. Các trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, thành, thị xã nhanh chóng đưa nội dung nghị quyết vào chương trình giảng dạy. Các phương tiện thông tin đại chúng như : báo Phú Thọ, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, v.v. tích cực tuyên truyền phong trào thi đua thực hiện nghị quyết, mở các chuyên trang, chuyên mục để tuyên truyền nội dung nghị quyết ; thường xuyên

phản ánh, biểu dương, giới thiệu kinh nghiệm những ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị sớm tổ chức triển khai và thực hiện nghị quyết có hiệu quả.

Hỏi : Vừa qua, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra nghị quyết về luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý. Trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết này, Tỉnh ủy Phú Thọ đã gặp những thuận lợi, khó khăn gì ?

Trả lời : Từ khi tái lập tỉnh (1-1-1997) đến nay, việc điều động, luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý là việc làm thường xuyên của Tỉnh ủy. Đến tháng 5-2000, Phú Thọ đã luân chuyển 60 cán bộ lãnh đạo và quản lý, trong đó điều động, luân chuyển từ cấp huyện lên cấp tỉnh 14 người, từ tỉnh xuống cấp huyện 07 người, từ quản lý nhà nước sang cơ quan đảng, đoàn thể và ngược lại là 39 người. Từ tháng 7-2000, sau khi có Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị về luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý, Tỉnh ủy Phú Thọ đã luân chuyển 17 đồng chí là trưởng, phó các ban, ngành, là bí thư, phó bí thư huyện ủy, chủ tịch, phó chủ tịch UBND huyện từ vị trí này sang vị trí khác.

Thực hiện công tác điều động, luân chuyển cán bộ, Tỉnh ủy Phú Thọ đã xác định những thuận lợi và khó khăn cơ bản là :

Về thuận lợi : Đây là việc làm thường xuyên của tỉnh từ trước đến nay, nhất là từ khi tái lập tỉnh, bởi chúng tôi xác định vấn đề này là yêu cầu khách quan và đòi hỏi bức xúc để nâng cao chất lượng, hiệu quả lãnh đạo, quản lý. Một trong những thuận lợi rất cơ bản là Phú Thọ đã xây dựng được quy hoạch cán bộ đến năm 2010 (xác định

được nguồn cán bộ, thời gian đào tạo, bố trí, kế hoạch đào tạo, sử dụng). Hiện tại, cán bộ lãnh đạo và quản lý được đào tạo khá cơ bản, toàn diện, có thể thích ứng với môi trường mới mỗi khi được điều động, luân chuyển. Mặt khác, cán bộ, đảng viên, cấp ủy, chính quyền, đoàn thể trong tỉnh nhất quán về quan điểm, nhận thức, đồng tình với chủ trương của Đảng và Nhà nước về điều động, luân chuyển cán bộ. Qua thực tế ở Phú Thọ đã khẳng định, nơi nào có điều động, luân chuyển thì cán bộ và phong trào ở những nơi đó có chất lượng và hiệu quả hơn. Những kinh nghiệm thực tiễn từ các đợt luân chuyển tập trung và thường xuyên của tỉnh Phú Thọ trong thời gian qua đã giúp Tỉnh ủy nhìn nhận đúng về ý nghĩa và vai trò quan trọng của công tác luân chuyển cán bộ.

Về khó khăn : Nguồn cán bộ trẻ được đào tạo cơ bản để luân chuyển theo quy hoạch còn thiếu. Vấn đề bố trí, sử dụng cán bộ sau luân chuyển thường gặp khó khăn. Có xu hướng nguồn lực phát triển nhiều, nhưng vị trí lãnh đạo, quản lý ít, số thay đổi hoặc nghỉ hưu ít. Nghị quyết đã ban hành, nhưng pháp luật và chính sách chưa đồng bộ. Cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ chủ chốt các cấp phần lớn là do bầu cử, các chức danh chủ chốt của chính quyền hầu hết phải tham gia HĐND cùng cấp nên khi điều động luân chuyển phải tiến hành nhiều thủ tục theo quy định của pháp luật ; trợ cấp cho cán bộ được điều động, luân chuyển, bố trí sau khi hết hạn luân chuyển chưa rõ ràng. Mặt khác, tư tưởng khép kín, cục bộ trong tổ chức cán bộ vẫn còn ảnh hưởng nhiều, nhất là tâm lý cán bộ, đời sống riêng tư, gia đình cũng có ảnh hưởng không nhỏ, nên vẫn còn tình

trạng phổ biến là ngại thay đổi môi trường, điều kiện sinh hoạt, công tác.

Qua đây chúng tôi thấy, để thực hiện tốt Nghị quyết của Bộ Chính trị về luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý, cần điều chỉnh quy hoạch cán bộ có thời gian dài hơn (5 năm, 10 năm) ; xây dựng đề án, quy hoạch, phát triển nguồn cán bộ trẻ để quy hoạch và đào tạo cán bộ chiến lược cho tỉnh. Thực hiện chu trình điều động, luân chuyển cán bộ một cách chủ động, tự giác, lâu dài. Cụ thể hóa quy hoạch thành kế hoạch hằng năm về đào tạo gắn với bố trí, sử dụng ; luân chuyển từ tỉnh đến huyện, giữa các huyện với nhau, giữa các cơ quan đảng, đoàn thể với chính quyền để có căn cứ thực hiện và điều chuyển cho phù hợp với thực tiễn, với yêu cầu nhiệm vụ của địa phương. Có các chính sách tiền lương, trợ cấp sinh hoạt, ưu tiên bố trí sau điều động, nhà công vụ và một số chính sách khuyến khích khác cho cán bộ được luân chuyển, điều động. Sau một chu kỳ luân chuyển cán bộ cần tổ chức đánh giá để có kinh nghiệm làm tốt hơn.

Hỏi : Nhân đây, đề nghị đồng chí Bí thư cho biết về chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở của tỉnh Phú Thọ trong thời điểm hiện nay ?

Trả lời : Tỉnh Phú Thọ có 270 xã, phường, thị trấn, tính đến ngày 31-12-2001, đội ngũ cán bộ cơ sở có 5 576 người, bao gồm cán bộ đảng, Hội đồng nhân dân, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị, xã hội và cán bộ chuyên môn, cán bộ phụ trách các mặt công tác của chính quyền cấp xã. Trung bình mỗi xã có gần 21 định biên.

Đội ngũ cán bộ chủ chốt chính quyền cơ sở có trình độ trung học cơ sở 35,65% ;

phổ thông trung học 64,2% ; trung cấp, đại học, cao đẳng 6,31%, sơ cấp 15,8%, có 54% đã được bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ; 9% được bồi dưỡng kiến thức quản lý kinh tế ; trình độ lý luận chính trị cao cấp hoặc cử nhân mới chỉ chiếm 0,6%, trung cấp là 55,8%, còn lại là sơ cấp hoặc chưa qua đào tạo.

Đội ngũ cán bộ khối đảng, đoàn thể chiếm bình quân khoảng trên 60% có trình độ học vấn trung học phổ thông, gần 40% có trình độ trung học cơ sở ; trình độ đại học, cao đẳng trên 7%, trung cấp 19%, trên 25% có trình độ trung cấp lý luận chính trị.

Số liệu trên đây cho thấy, số cán bộ chủ chốt mới tốt nghiệp trung học cơ sở còn nhiều. Chỉ tính riêng 5 chức danh cán bộ chủ chốt còn có 40,2% mới tốt nghiệp trung học cơ sở, trên 50% chưa được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ ; tuổi đời bình quân cao, có 20,4% cán bộ chủ chốt có độ tuổi trên 50 và 63% có độ tuổi từ 40 đến 49 tuổi ; số cán bộ chủ chốt dưới 30 tuổi chỉ chiếm 0,2%. Cán bộ chủ chốt của các xã miền núi còn trên 64% chưa qua đào tạo chuyên môn nghiệp vụ.

Nói chung, đội ngũ cán bộ cơ sở hiện nay do được thử thách, rèn luyện trong quá trình đấu tranh cách mạng của dân tộc trước đây, cũng như trong công cuộc đổi mới, nên đại bộ phận có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu, con đường mà Đảng, Bác Hồ đã lựa chọn ; sớm nắm bắt thực tiễn cuộc sống để kịp thời xử lý những vấn đề nảy sinh. Đồng đạo cán bộ vẫn giữ được phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh, gắn bó với nhân dân, quan tâm lợi ích, nhu cầu của dân, thực hiện tốt Quy

chế dân chủ ở cơ sở. Trình độ của đội ngũ cán bộ cơ sở sau 15 năm đổi mới cũng đã được nâng lên rõ rệt, nhất là trình độ chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị.

Tuy nhiên, chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở hiện nay ở tỉnh Phú Thọ cũng còn có nhiều mặt bất cập, yếu kém, chưa đáp ứng đòi hỏi của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Một bộ phận cán bộ, đảng viên thoái hóa về đạo đức, lối sống, lợi dụng chức quyền để tham nhũng, làm giàu bất chính. Một bộ phận cán bộ thiếu bản lĩnh, không dám đấu tranh phê bình và tự phê bình, thiếu ý thức vươn lên, ít quan tâm đến việc học tập nâng cao trình độ chính trị và chuyên môn nghiệp vụ. Một số cán bộ chủ chốt của tổ chức đảng, chính quyền không giữ nghiêm kỷ cương, pháp luật, cửa quyền, hống hách, thiếu quan tâm đến nhân dân, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, mất đoàn kết trong nội bộ lãnh đạo. Thực tế cho thấy, ở những xã, phường, thị trấn nào kinh tế kém phát triển, đời sống nhân dân khó khăn, các mặt văn hóa, xã hội yếu, nhân dân khiếu kiện kéo dài thì ở đó đội ngũ cán bộ cũng yếu kém và mắc nhiều khuyết điểm.

Hỏi : *Những điều bất cập mà đồng chí vừa nêu cũng là vấn đề chung của nhiều nơi, nhưng lại không thể có một lời giải chung cho tất cả các địa phương. Vậy theo đồng chí, Phú Thọ phải làm gì và làm như thế nào để khắc phục những bất cập trên đây ?*

Trả lời : Về phía địa phương, trước hết phải quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở, phấn đấu đến năm 2005 có 70% cán bộ chủ chốt xã, phường, thị trấn

phải có trình độ đại học về chuyên môn nghiệp vụ và cao cấp về lý luận chính trị, chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ trẻ. Phú Thọ đang có chủ trương bổ sung đội ngũ cán bộ cơ sở, trước mắt cho tuyển hợp đồng đối với số sinh viên mới tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng hoặc trung cấp hệ chính quy, sau đó xem xét tuyển dụng vào định biên cán bộ xã nhằm tăng cường cán bộ trẻ có trình độ chuyên môn cho các xã, đồng thời ban hành một số chính sách phụ cấp cho cán bộ ở khu vực dân cư, bí thư chi bộ, cán bộ là cấp phó các tổ chức đoàn thể v.v... Xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy trình công tác cán bộ. Thực hiện tiêu chuẩn hóa cán bộ cơ sở, nhất là việc tuyển chọn, giới thiệu các chức danh bầu cử, bổ nhiệm các chức danh chuyên môn phải trên cơ sở xem xét những người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị, có phẩm chất đạo đức trong sáng, gần gũi với nhân dân, được nhân dân tin cậy, gương mẫu chấp hành chủ trương đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Về phía trung ương, chúng tôi kiến nghị : Cần sửa đổi, bổ sung kịp thời Pháp lệnh cán bộ, công chức, Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) "Về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn" ; đổi mới cơ chế bầu cử, bổ nhiệm các chức danh, chủ chốt chính quyền cơ sở. Xây dựng chính sách đồng bộ và thỏa đáng đối với cán bộ cơ sở bao gồm : đào tạo, bồi dưỡng, quản lý, sử dụng. Hoàn thiện Quy chế Dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Giao quyền chủ động về

tài chính cho chính quyền cơ sở. Có quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng tổ chức trong hệ thống chính trị, cơ sở ; về chế độ trách nhiệm của tập thể và cá nhân.

Hỏi : *Cử tri tỉnh Phú Thọ đã tín nhiệm bầu đồng chí là đại biểu Quốc hội khóa XI. Với tư cách là đại biểu Quốc hội và trên cương vị Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí sẽ làm gì để cải thiện đời sống của nhân dân, nhất là của đồng bào các dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa ?*

Trả lời : Trước hết tôi xin cảm ơn các cử tri tỉnh Phú Thọ đã tín nhiệm bầu tôi là đại biểu Quốc hội khóa XI. Như trên tôi đã nói, Phú Thọ là tỉnh miền núi, có tới trên 20 dân tộc thiểu số sinh sống, tập trung ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, đời sống còn gặp nhiều khó khăn cần được sự quan tâm hỗ trợ của Nhà nước. Với trách nhiệm của người đại biểu Quốc hội, tôi sẽ thường xuyên tiếp xúc, lắng nghe ý kiến của cử tri, nhất là những vấn đề bức xúc có liên quan trực tiếp đến những kiến nghị thuộc thẩm quyền ; chuyển tải đầy đủ, kịp thời những kiến nghị thuộc phạm vi quản lý vĩ mô đến Quốc hội và các cơ quan nhà nước hữu quan. Tích cực tham gia đóng góp ý kiến để Quốc hội quyết định những quyết sách lớn, góp phần thúc đẩy sự phát triển của đất nước, nâng cao đời sống của nhân dân nói chung, của đồng bào các dân tộc thiểu số nói riêng. Trên cương vị là Bí thư Tỉnh ủy, tôi sẽ cùng tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy có những quyết định đúng đắn về chủ trương, chính sách để phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào các dân tộc thiểu số của tỉnh. Chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện các biện pháp khuyến khích, hỗ trợ người dân phát triển sản xuất

như : trợ giá giống vật nuôi, cây trồng có năng suất và chất lượng cao, trợ giá vật tư nông nghiệp ; tạo điều kiện về vốn và môi trường thuận lợi khuyến khích phát triển ngành nghề, phát triển kinh tế trang trại, kinh tế đôi rừng, đẩy mạnh việc áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, giúp người dân chuyển dịch cơ cấu kinh tế có hiệu quả. Mặt khác, tỉnh sẽ có biện pháp nhằm thúc đẩy phát triển công nghiệp chế biến và tìm thị trường xuất khẩu để đảm bảo tiêu thụ được sản phẩm cho nông dân, góp phần xóa đói, giảm nghèo, tạo việc làm cho người lao động. Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng cho nông nghiệp, nông thôn, nhất là ở các thôn, xã vùng núi ; chỉ đạo thực hiện bằng được mục tiêu đưa điện lưới quốc gia đến tất cả các xã trong tỉnh vào cuối năm 2003 ; phát triển nhanh hệ thống giao thông nông thôn, tăng cường cơ sở vật chất cho các trường học, hệ thống trạm y tế thôn, bản, phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Tập trung thực hiện các chương trình mục tiêu hỗ trợ phát triển kinh tế cho các xã vùng cao, xã đặc biệt khó khăn. Thường xuyên chăm lo đời sống tinh thần, văn hóa xã hội cho đồng bào các dân tộc thiểu số ; thực hiện tốt chính sách với người có công với cách mạng, những nạn nhân chất độc màu da cam, những hộ đói, nghèo để các đối tượng này giảm bớt khó khăn trong cuộc sống. Chỉ đạo giải quyết tốt các vấn đề bức xúc trong xã hội, kiên quyết đấu tranh phòng chống tội phạm, vi phạm pháp luật ; ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội ; giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo của công dân ngay từ cơ sở để người dân yên tâm sản xuất và sinh sống.

Xin trân trọng cảm ơn đồng chí !

Một kỷ tích lịch sử

VŨ HIỀN

Có những sự kiện lịch sử diễn ra như một tất yếu, như có sự sắp đặt của tạo hóa, càng thêm thời gian càng thấy rõ hơn vị trí và ý nghĩa đặc biệt của nó. Cách mạng Tháng Tám là một sự kiện chính trị như thế. Năm mươi bảy năm đã trôi qua càng cho ta những yếu tố vững chắc để khẳng định Cách mạng Tháng Tám không chỉ là một cột mốc son trong lịch sử hào hùng của dân tộc ta, mà còn là một kỷ tích lịch sử. Sự kỳ diệu hiếm có của Cách mạng Tháng Tám được hợp thành bởi các yếu tố sau :

Một là, sự chuẩn xác đến kỳ lạ trong việc nhận định thời cuộc của Bộ Tư lệnh Cách mạng

"Trông Bắc, trông Nam, trông cả địa cầu", "biết người biết ta", nhận định đánh giá đúng tình hình chí ít đã là một nửa của thắng lợi. Có thể nêu hai dẫn chứng cụ thể để thấy sự tuyệt vời trong nhận định và định hướng của Bác Hồ và Đảng ta. **Thứ nhất**, bước vào những năm 40 của thế kỷ XX, tình hình thế giới có những diễn biến hết sức nhanh chóng tác động mạnh đến nước ta. Cũng vào thời điểm này, lãnh tụ Hồ Chí Minh sau 30 năm bôn ba ở nước ngoài trở về Tổ quốc cùng với Trung ương Đảng trực tiếp lãnh đạo

cách mạng. Người đã triệu tập và chủ trì Hội nghị Trung ương Đảng ở Pắc Bó, tháng 5-1941. Hội nghị quan trọng này đã phân tích những diễn biến mới của tình hình thế giới, nhất là từ khi Pháp đầu hàng Đức, Nhật xâm lược Đông Dương và chỉ ra rằng : "Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập dân tộc, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia, dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được".

Thứ hai, đêm 9-3-1945, Nhật nổ súng đánh Pháp. Và cũng đúng đêm đó, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp tại Đình Bảng, Bắc Ninh, kịp thời ra Chỉ thị : "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta". Bản Chỉ thị nhận định tuyệt đối đúng là, nhất định Pháp sẽ bại vì Pháp không có tinh thần chiến đấu ; thiếu vũ khí tinh xảo ; không thống nhất hành động với lực lượng chống Nhật ở Đông Dương. Quả nhiên là Pháp đã thua và đầu hàng Nhật. Chỉ thị định hướng khẩu hiệu hành động là, đem khẩu hiệu "Đánh đuổi phát xít Nhật" thay cho khẩu hiệu "Đánh đuổi Nhật, Pháp", chống lại chính quyền Nhật và chính phủ bù nhìn

của bọn Việt gian thân Nhật. Chỉ thị nổi tiếng này thực sự là kim chỉ nam cho các chiến sĩ cộng sản, các thành viên Mặt trận Việt Minh vận dụng và biến thành hành động cụ thể. Đó cũng chính là hiệu lệnh cho một cao trào đấu tranh chống Nhật và chính quyền tay sai.

Hai là, tài tình trong nắm bắt và vận dụng thời cơ

Thời cơ là hoàn cảnh và điều kiện thuận lợi để thực hiện một việc gì đó. Thời cơ cho cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám là những điều kiện chín muồi để có thể phát động đấu tranh giành thắng lợi. Thời cơ ấy chỉ xuất hiện trong một thời gian ngắn, được ví như mũi tên bay hoặc nhanh hơn, như một tia chớp. Chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" đã khẳng định những cơ hội cho cuộc khởi nghĩa mau chín muồi là : a) Chính trị khủng hoảng (quân thù không rảnh tay đối phó với cách mạng) ; b) Nạn đói ghê gớm (quần chúng oán ghét quân cướp nước) ; c) Chiến tranh đến giai đoạn quyết liệt (Đồng minh sẽ đổ bộ vào Đông Dương đánh Nhật). Nắm bắt những cơ hội đó, Đảng ta chủ trương phát động một cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc Tổng khởi nghĩa. Đây là thời kỳ động viên quần chúng sôi nổi, mạnh mẽ, phát triển lực lượng chính trị sâu rộng ở nông thôn và thành thị, đồng bằng và rừng núi ; kết hợp chặt chẽ các hình thức đấu tranh, đánh du kích, nổi dậy của quần chúng, phá kho thóc giải quyết nạn đói, diệt Nhật trừ gian, đẩy địch vào thế lúng túng, bị động và hoang mang tan rã. Do những nỗ lực chủ quan và yếu tố khách quan, thời

cơ đã chín muồi và Đảng ta phát lệnh Tổng khởi nghĩa. Như vậy, chúng ta nổi dậy khi lực lượng ta đã được chuẩn bị và đang có khí thế, khi quân đội Nhật tuy vẫn còn nguyên vẹn nhưng ý chí bị tan rã, khi đội quân của phe đồng minh chưa kịp vào nước ta để tước vũ khí của quân Nhật. Cuộc Tổng khởi nghĩa đã tập trung sức mạnh đập tan bộ máy thống trị của ngụy quyền ở ba trung tâm là Hà Nội, Huế, Sài Gòn và các thành phố, tỉnh lỵ, các làng xã, thôn ấp ; chính quyền hoàn toàn về tay nhân dân. Cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám thực sự là nghệ thuật tuyệt vời về chớp thời cơ, tận dụng cơ hội giành thắng lợi. Giả dụ bây giờ có dùng mọi kỹ năng của công nghệ mới để tính toán thì cũng không thể có lời giải hay hơn thế.

Ba là, sự hoàn hảo của thắng lợi

Thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945 thật ngoạn mục, không thể trọn vẹn hơn. Trong một thời gian ngắn, với khí thế cách mạng dâng trào như nước vỡ bờ, cuộc Tổng khởi nghĩa đã giải quyết 4 mục tiêu hết sức cơ bản và phức tạp : chấm dứt gần một trăm năm đô hộ của thực dân Pháp, 5 năm chiếm đóng và khống chế của Nhật ; thống nhất đất nước, đưa giang sơn thu về một mối ; giành quyền làm chủ chế độ cho quần chúng lao động ; dựng nên nhà nước Cộng hòa đầu tiên trong lịch sử Việt Nam và của Đông Nam Á.

Do được chuẩn bị lực lượng thật chu đáo, lại phát động nổi dậy đúng lúc, phương thức hành động hợp lý, mau lẹ và sát hợp với từng nơi, với một sức mạnh

(Xem tiếp trang 29)

TRÍ TUỆ VÀ SỨC MẠNH CỦA ĐẢNG, CỦA DÂN TỘC - CỘI NGUỒN THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

LÊ MẬU HÂN *

1 - Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công. Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời. Ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời long trọng công bố với quốc dân đồng bào và thế giới bản Tuyên ngôn Độc lập khẳng định quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam. Tuyên ngôn nêu rõ :

“Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”.

“Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, sự thật đã thành một nước tự do độc lập”.

“Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”⁽¹⁾.

Thắng lợi của cách mạng Tháng Tám và sự thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã mở ra một kỷ nguyên mới trên con đường phát triển của dân tộc Việt Nam - kỷ nguyên *Độc lập Tự do*.

Cách mạng Tháng Tám đã chặt đứt khâu yếu nhất trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, mở đầu thời kỳ tan rã không gì cứu vãn nổi của chủ nghĩa thực dân cũ, góp phần to lớn vào sự nghiệp đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và giải phóng dân tộc trên thế giới.

Thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám : “Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng :

* GS Sử học

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 3, tr 557

lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một đảng *mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền trong toàn quốc*"⁽²⁾.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945 mở ra kỷ nguyên phát triển nhảy vọt mới trên con đường tiến hóa của Việt Nam. Đó chính là thắng lợi của trí tuệ và sức mạnh của Đảng, của dân tộc, dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

2 - Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện Việt Nam, một quốc gia dân tộc có nền văn hóa lâu đời. Lịch sử tạo dựng và phát triển quốc gia dân tộc ta đã hình thành nên ý chí độc lập dân tộc, dòng chủ lưu trong giá trị truyền thống Việt Nam. Từ năm 1924, Hồ Chí Minh đã khẳng định một cách khoa học rằng : ý chí độc lập dân tộc là một động lực lớn của đất nước... Phát động ý chí đó là một chính sách mang tính hiện thực tuyệt vời.

Xã hội Việt Nam dưới ách thống trị của thực dân Pháp là một xã hội thuộc địa. Mâu thuẫn giữa đế quốc thực dân Pháp với toàn thể dân tộc Việt Nam là mâu thuẫn chủ yếu, tác động mạnh mẽ đến thái độ chính trị của các giai cấp, tầng lớp xã hội Việt Nam đối với vấn đề dân tộc ; là động lực thúc đẩy cuộc đấu

tranh dân tộc của nhân dân Việt Nam. Yếu tố dân tộc là yếu tố quyết định tính độc đáo của cách mạng ở thuộc địa. Đầu Xuân 1930, với tư cách là phái viên của Quốc tế cộng sản có đầy đủ quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng ở Đông Dương, Hồ Chí Minh đã chủ động, độc lập, quyết đoán trong việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, xây dựng Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Cương lĩnh đó đã kết hợp biện chứng yếu tố dân tộc và dân chủ, quốc gia và quốc tế trong đó nổi bật lên như một điểm son sáng chói là yếu tố dân tộc, là tư tưởng độc lập, tự do. Vừa mới ra đời, số lượng đảng viên chỉ có 310 người, song có tổ chức chặt chẽ, thống nhất, có Cương lĩnh cách mạng sáng tạo nên Đảng sớm tập hợp, đoàn kết dân tộc và trở thành tổ chức cách mạng tiên phong, đại biểu cho lợi ích, trí tuệ, danh dự của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, của dân tộc Việt Nam. Đảng đã tổ chức và lãnh đạo một phong trào cách mạng rộng lớn ngay trong năm 1930 - 1931 mà đỉnh cao là Xô Viết Nghệ - Tĩnh. Ở Thái Bình, Quảng Trị, Quảng Ngãi... phong trào cũng khá sôi nổi. Trong cao trào cách mạng ở Nghệ - Tĩnh, cùng với công nông đông đảo, các tầng lớp trí thức, sĩ phu, tư sản nhỏ, phú nông, tiểu địa chủ cũng có xu hướng cách mạng rõ rệt. Ngay khi cách mạng bị khủng bố trắng, họ vẫn

(2) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 6, tr 159

ủng hộ cách mạng. Đây là một hiện tượng lịch sử hiếm có trong phong trào cách mạng thuộc địa do Đảng Cộng sản lãnh đạo, một sự kiện lịch sử có ý nghĩa khoa học và thực tiễn quan trọng.

Trong thời kỳ 1939 - 1945, các dân tộc ở Đông Dương bị đặt dưới hai tầng áp bức bóc lột của Pháp và Nhật. Quyền lợi tất cả các giai cấp bị cướp giật, vận mệnh dân tộc nguy vong không lúc nào bằng. Tình hình, thái độ chính trị của các giai cấp xã hội cũng đã có những chuyển biến mới. Cả tư sản bản xứ, phú nông và địa chủ, chỉ trừ một số ít làm tay sai cho Pháp hoặc nịnh Nhật, còn phần đông có cảm tình với cách mạng hoặc giữ thái độ trung lập. Sự thay đổi về kinh tế, chính trị, và thái độ các giai cấp nên Đảng quyết định phải chuyển hướng chiến lược và phương pháp cách mạng cho phù hợp với thực tiễn của đất nước. Hội nghị lần thứ 6 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp tháng 11 - 1939 dưới sự chủ trì của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã sớm quyết định chuyển hướng chiến lược cách mạng, nêu cao nhiệm vụ giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị của đế quốc, bất luận là Pháp hay Nhật, coi đó là mục tiêu chiến lược trước mắt của cách mạng Việt Nam cũng như đối với Lào và Cam-pu-chia.

Sự chuyển hướng chiến lược và phương pháp cách mạng trở nên hoàn chỉnh hơn kể từ năm 1941, khi Hồ Chí Minh trở về nước trực tiếp lãnh đạo cách

mạng Việt Nam. Hội nghị lần thứ 8 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp tháng 5 - 1941 tại Pắc Bó, Hà Quảng, Cao Bằng do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì đã nhấn mạnh : *“Cần phải thay đổi chiến lược”* cách mạng. Nhiệm vụ chiến lược của Đảng lúc này là phải tập trung cho được lực lượng cách mạng toàn cõi Đông Dương, không phân biệt thợ thuyền, dân cày, phú nông, địa chủ, tư bản bản xứ, ai có lòng yêu nước thương nòi sẽ cùng nhau thống nhất mặt trận, thu góp toàn lực đem tất cả ra giành quyền độc lập, tự do cho dân tộc, đánh tan giặc Pháp - Nhật xâm chiếm nước ta. Vì vậy *“cuộc cách mạng Đông Dương hiện tại không phải là cuộc cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng phải giải quyết hai vấn đề : phản đế và điền địa nữa, mà là cuộc cách mạng chỉ phải giải quyết một vấn đề cần kíp “dân tộc giải phóng”, vậy thì cuộc cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại là một cuộc cách mạng dân tộc giải phóng”* ⁽³⁾.

Sự thay đổi chiến lược cách mạng tư sản dân quyền có tính chất phản đế và điền địa thành cách mạng dân tộc giải phóng dẫn đến sự thay đổi về chủ trương tổ chức tập hợp khối đại đoàn kết dân tộc và thành lập chính quyền cách mạng theo thể chế cộng hòa dân chủ. Nhiệm vụ đánh Pháp đuổi Nhật không phải riêng

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam : *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t 7, tr 119

của giai cấp công nhân và nông dân, mà là của toàn thể dân tộc. Do đó phải tổ chức cho được lực lượng dân tộc trong cả nước, không phân biệt công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc, phú nông địa chủ, các dân tộc, các tôn giáo, các đảng phái, ai có lòng yêu nước thương nòi cùng nhau đoàn kết thống nhất, đem toàn lực ra giành quyền độc lập, tự do. Mặt trận đó có nội dung và tên gọi có tính dân tộc, có sức đánh thức được tinh thần dân tộc được kết tụ từ xưa đến nay và có thể thực hiện được trong tình thế lúc bấy giờ. Mặt trận đó là Việt Nam độc lập đồng minh, gọi tắt là Việt Minh. Việt Nam độc lập đồng minh lấy ngọn cờ đỏ có ngôi sao vàng năm cánh là cờ hiệu. Đảng cũng ra một nghị quyết về chương trình Việt Minh làm cơ sở để tổ chức và lãnh đạo mặt trận.

Tuyên ngôn và Chương trình cứu nước của Việt Minh đã nêu rõ mục tiêu và chính sách toàn diện, cụ thể về chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội cốt đáp ứng hai điều mà toàn thể dân tộc ta đang mong ước là : “Làm cho nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập”, “dân Việt Nam được sung sướng, tự do”.

Để được độc lập tự do, sau khi đánh đổ ách thống trị của Pháp và Nhật phải dựng lên một chính thể dân tộc dân chủ của đông đảo dân chúng. Chính phủ đó không phải theo hình thức Xô-viết Công Nông mà như Nghị quyết của Hội nghị lần thứ 8 của Ban Chấp hành Trung ương

đã chỉ rõ là : Sẽ thành lập một nước Việt Nam theo tinh thần dân chủ mới. Chính quyền cách mạng của nước dân chủ mới ấy không phải thuộc quyền riêng của một giai cấp nào mà là của chung cả toàn thể dân tộc. Ai là người dân sống trên đất nước Việt Nam đều được tham gia và bảo vệ chính quyền ấy. Chính phủ của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, do quốc dân đại hội cử lên và lấy ngọn cờ sao vàng năm cánh làm cờ chung cả nước.

Từ đầu nguồn cách mạng ở Pắc Bó, Cao Bằng, tổ chức Việt Minh đã ra đời, sớm lan tỏa khắp cả nước, từ miền núi đến nông thôn đồng bằng và đô thị. Tổ chức Việt Minh được tổ chức thí điểm ở Cao Bằng và sau khi được chính thức thành lập đã phát triển mạnh ở Việt Bắc. Đặc điểm to nhất, đáng chú ý nhất của Việt Minh ở Việt Bắc là tính chất rộng rãi đến một trình độ chưa từng thấy về mặt tổ chức quần chúng trong lịch sử vận động cách mạng đến lúc đó là trong từng xã, từng tổng, từng châu, từng huyện toàn dân đã tham gia vào hàng ngũ Việt Minh. Các hội cứu quốc đã phát triển trong cả nước, trong đó có Hội Văn hóa cứu quốc, Đảng Dân chủ Việt Nam - đã lần lượt được thành lập và đã tham gia Việt Minh. Trong cao trào kháng Nhật cứu nước từ tháng 3 đến tháng 8 - 1945, tổ chức Việt Minh đã thực sự có mặt khắp đất nước với thêm nhiều loại hình tổ chức quần chúng khá phong phú. Sự phát triển mạnh

mẽ về lực lượng cách mạng, sự đoàn kết dân tộc trong Mặt trận Việt Minh là một nhân tố cơ bản, là nội lực của dân tộc để khi thời cơ khởi nghĩa xuất hiện, giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến, toàn quốc đồng bào ta nhanh chóng đứng lên “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”.

3 - Muốn thoát vòng nô lệ, chúng ta chỉ có thể dựa vào sức mạnh của cả dân tộc. Khởi nghĩa dân tộc và chiến tranh giải phóng dân tộc là phương thức đấu tranh cách mạng cơ bản của nhân dân thuộc địa để đập tan nền thống trị của đế quốc thực dân và tay sai. V.I. Lê-nin đã vạch rõ : Khởi nghĩa dân tộc là một khởi nghĩa nhằm thiết lập quyền độc lập chính trị của các dân tộc bị áp bức của đế quốc thực dân nhằm tạo dựng nên một quốc gia dân tộc riêng biệt.

Từ những năm 20 của thế kỷ XX, Hồ Chí Minh cũng đã sớm nêu lên quan điểm về khởi nghĩa dân tộc. Các cuộc khởi nghĩa ở đây phải có tính chất quần chúng rộng rãi chứ không phải là một cuộc nổi loạn. Khởi nghĩa phải được chuẩn bị chu đáo trong quần chúng. Tổ chức và chuẩn bị các hoạt động phối hợp cùng một lúc ở cả thành thị và nông thôn, coi đó là mục đích căn bản của các đảng cách mạng ở các nước nông nghiệp và nửa nông nghiệp. Song khởi nghĩa ở đô thị theo kiểu ở châu Âu có ý nghĩa quyết định thắng lợi chứ không chỉ khởi nghĩa

đột ngột ở biên giới Trung Quốc theo phương pháp của các nhà cách mạng trước kia của chúng ta. Xuất phát từ các quan điểm lý luận nói trên, Hội nghị lần thứ 8 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đề ra chủ trương chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang thành nhiệm vụ trung tâm của Đảng, xây dựng lực lượng ở nông thôn và đô thị, từ lực lượng chính trị của quần chúng tiến lên từng bước xây dựng lực lượng vũ trang với các hình thức tổ chức thích hợp, đấu tranh chính trị tiến lên kết hợp với đấu tranh vũ trang, xây dựng các căn cứ địa cách mạng, tiến hành chiến tranh du kích cục bộ, khởi nghĩa từng phần tiến lên Tổng khởi nghĩa đánh đổ Pháp, Nhật giành lấy chính quyền trong cả nước.

Từ quan điểm, chủ trương đến tổ chức thực hiện của Đảng ta từ khi chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, đặc biệt từ năm 1941 đến tháng 8 - 1945 đã diễn ra theo phương hướng đó và đã dẫn đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa thành công trong cả nước.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Cuộc khởi nghĩa giành chính quyền năm 1945 là một điển hình thành công về khởi nghĩa dân tộc, phản ánh rõ rệt tiềm năng sáng tạo và trí tuệ của Đảng, của dân tộc Việt Nam mà trước hết là Hồ Chí Minh, thể hiện trên các nét cơ bản sau :

- Cuộc cách mạng đó nổ ra bằng phương thức khởi nghĩa vũ trang nhằm thực hiện mục tiêu giành độc lập tự do cho dân tộc, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, nhà nước dân tộc thống nhất và dân chủ của toàn dân. Ủy ban dân tộc giải phóng do Quốc dân đại hội bầu ra và mở rộng thành chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là một chính phủ của dân, do dân và vì dân. Hoạt động của chính phủ luôn luôn “tỏ ra một ý muốn duy nhất làm sao đem lại cho dân chúng được tự do độc lập hoàn toàn và để cho tất cả mọi phần tử quốc dân được hưởng tự do độc lập như muôn vật được hưởng ánh sáng mặt trời” ⁽⁴⁾.

- Lực lượng quần chúng vùng dậy giành chính quyền không đơn thuần là công, nông mà bao gồm tất cả các giai cấp, tầng lớp dân cư, các tôn giáo, dân tộc, các đảng phái yêu nước và cách mạng được tập hợp trong tổ chức Việt Minh, một tổ chức có tính chất dân tộc rộng rãi với tên gọi có sức đánh thức được tinh thần và sức mạnh của cả dân tộc. Có những người chưa có điều kiện kịp tham gia tổ chức Việt Minh thì cũng sẵn có cảm tình với cách mạng và khi thời cơ khởi nghĩa chín muồi họ cũng đã tự giác xuống đường hành động theo ngọn triều khởi nghĩa của dân tộc. Kể cả việc Bảo Đại thoái vị để được làm dân của một nước độc lập và ngay sau đó không lâu được Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 23/SL ngày 10-9-1945 cử làm Cố vấn

Chính phủ lâm thời cũng là một hiện tượng lịch sử nói lên tính dân tộc của cuộc khởi nghĩa năm 1945, một sự kiện có ý nghĩa về tinh thần chính trị và tính hợp pháp hóa truyền thống đã được thừa nhận ở nhiều nước trên thế giới. Có những người thờ ơ đứng bên lề cuộc đấu tranh của dân tộc, về sau trở thành đối lập với Việt Minh như Nguyễn Tường Bách chẳng hạn, đến năm 1981 đã viết trong cuốn Việt Nam những ngày lịch sử xuất bản ở Môn-rê-an cũng đã khâm phục hạ bút viết : “Lần đầu tiên chúng tôi tiếp xúc với sức mạnh của quần chúng và không khỏi ngạc nhiên tại sao lại có nhiều người tham gia như thế... Đâu cũng là Việt Minh cả... Họ tài thật. Chúng tôi không khỏi khâm phục”. Và đối với Hồ Chí Minh, ông ta nói : “Chúng tôi vẫn khâm phục như một nhân vật thần kỳ !”.

- Lực lượng được xây dựng ở cả miền núi, nông thôn đồng bằng và đô thị, bao gồm cả lực lượng chính trị của quần chúng và lực lượng vũ trang đấu tranh với các hình thức và yêu cầu thích hợp. Đến khi cao trào kháng Nhật được phát động thì Đảng và Tổng bộ Việt Minh đã chủ trương và tổ chức đẩy mạnh chiến tranh du kích cục bộ, khởi nghĩa từng phần, lập khu giải phóng và các căn cứ du kích coi đó là hình thức mấu chốt để đẩy mạnh phong trào kháng Nhật tiến lên, là phương pháp tích cực của dân tộc ta để phát triển lực lượng, đóng vai trò

(4) Hồ Chí Minh : *Sdd*, t 4, tr 45

chủ động trong việc đánh đuổi phát xít Nhật, giành chính quyền, chuẩn bị hướng ứng quân Đồng minh một cách tích cực với tư cách là người chủ đất nước.

- Trên cơ sở chuẩn bị chu đáo, tạo nên một ưu thế về lực lượng cách mạng rộng lớn, đã nhạy bén và kịp thời chớp thời cơ khi quân Nhật đầu hàng Đồng Minh, phát động cuộc khởi nghĩa trong toàn quốc với ý chí dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập tự do. Chớp đúng thời cơ để khởi nghĩa là một đặc điểm, một ưu điểm của Cách mạng Tháng Tám 1945.

Khi thời cơ đến cuộc khởi nghĩa giành chính quyền của dân tộc ta đã có bước phát triển nhảy vọt từ khởi nghĩa từng phần tiến lên Tổng khởi nghĩa trong cả nước, khắp cả nông thôn và đô thị, trong đó khởi nghĩa ở đô thị đóng vai trò quyết định thắng lợi dứt khoát và triệt để. Trong các cuộc khởi nghĩa ở đô thị thì khởi nghĩa ở Hà Nội thắng lợi có ý nghĩa quyết định nhất. Đây lại cũng là một đặc điểm, một ưu điểm nữa của cuộc khởi nghĩa năm 1945.

Cuộc cách mạng giải phóng dân tộc và khởi nghĩa dân tộc năm 1945 là một cuộc cách mạng vô cùng nhân đạo thể hiện tập trung, sáng tạo và sinh động một phong trào dân tộc sáng suốt. Sự thức tỉnh của ý thức dân tộc Việt Nam không hề đi theo lối bài ngoại quen thuộc, đặc điểm của những bùng nổ thông thường bột phát của chủ nghĩa dân tộc sô vanh. Cuộc Cách

mạng Tháng Tám ở Việt Nam có nhiều ưu điểm so với cách mạng nhiều nước trên thế giới : “Cách mạng ở đâu thành công cũng phải đổ máu nhiều. Có nước phải chặt đầu vua. Có nước đồng bào chia đảng phái, chém giết nhau liên tiếp trong bao nhiêu năm. Nước ta, vua tự thoái vị, các đảng phái không có mấy. Trong một thời gian ngắn, các giai cấp đoàn kết thành một khối, muôn dân đoàn kết để mưu hạnh phúc chung là nước được hoàn toàn độc lập và chống được giặc xâm lăng, đuổi bọn thực dân tham ác ra ngoài bờ cõi” (5).

Thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945 đã để lại cho chúng ta nhiều bài học kinh nghiệm lịch sử quan trọng. Những bài học đó đã được Đảng tiếp tục kế thừa và phát triển trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954), kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1955 - 1975) và trong sự nghiệp đổi mới xây dựng đất nước, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay. Các bài học sáng tạo đó đã góp phần làm phong phú kho tàng lý luận cách mạng giải phóng dân tộc của thời đại.

Sự đóng góp sáng tạo đó là công lao, trí tuệ của dân tộc, của Đảng ta dưới ánh sáng của tư tưởng Hồ Chí Minh. Di sản tư tưởng Hồ Chí Minh không thuộc riêng của Việt Nam mà vượt ra khỏi biên giới đến với nhân loại cần lao và tiến bộ trên toàn thế giới. □

(5) Hồ Chí Minh : *Sdd*, t 4, tr 43 - 44



VỀ TỔ CHỨC CÁC KỲ HỌP của Quốc hội

ĐỖ NGỌC THU *

QUỐC HỘI tiến hành các kỳ họp theo quy định của Luật Tổ chức Quốc hội. Luật Tổ chức Quốc hội dành hẳn Chương V, quy định thời điểm họp, nội dung họp, dự kiến chương trình và quyết định chương trình họp, thành phần và khách mời dự họp. Kỳ họp của Quốc hội xét về thời gian cho đến nay vẫn là dài nhất so với nhiều cuộc họp khác. Về nội dung, kỳ họp của Quốc hội thảo luận và thông qua các dự án luật; thông qua chương trình phát triển kinh tế - xã hội, quyết toán ngân sách nhà nước; quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước trong cả nhiệm kỳ và trong từng thời kỳ v.v.. Thành phần và số lượng thành viên dự kỳ họp Quốc hội luôn luôn ổn định, không thể co dãn như nhiều cuộc họp thông thường. Nội dung công việc trong các kỳ họp cũng ổn định, chỉ có cơ cấu, mức độ công việc giữa kỳ họp đầu năm và cuối năm có thay đổi chút ít.

Vì những đặc điểm mang tính ổn định và nội dung, tính chất của kỳ họp Quốc hội nên hiệu quả kỳ họp phụ thuộc chủ yếu vào ba loại vấn đề lớn là: *chuẩn bị cho kỳ họp, điều hành kỳ họp và tinh thần làm việc của đại biểu Quốc hội.*

1. Chuẩn bị cho kỳ họp

Đây là nhiệm vụ của Ủy ban Thường vụ Quốc hội được quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật Tổ chức Quốc hội hiện hành. Chuẩn bị gồm hai công việc lớn là *chuẩn bị nội dung* và *chuẩn bị các công việc hành chính*.

Một là, chuẩn bị về nội dung

Thông thường trong một kỳ họp của Quốc hội có hai phần công việc được giải quyết, đó là thảo luận, quyết định các vấn đề kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và thảo luận, quyết định các vấn đề về luật pháp, thông qua các đạo luật, quyết định chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, ra nghị quyết về việc thi hành luật...

** Chuẩn bị các vấn đề kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh*

Chất liệu của "sản phẩm" này do hai nguồn cơ bản hợp thành. *Một là*, kết quả giám sát của các Ủy ban, Hội đồng Dân tộc của Quốc hội. *Hai là*, kết quả triển khai các nhiệm vụ của Chính phủ. Nếu phạm vi giám sát rộng rãi (đề cập đến những nội

* Văn phòng Quốc hội

dung cơ bản, trên những địa bàn chủ yếu) và các cuộc giám sát tương đối đầy đủ về số lượng (mỗi Ủy ban thực hiện khoảng hai cuộc giám sát trở lên tập trung vào những vấn đề then chốt, bức xúc) thì mới có khả năng khái quát và đánh giá sát đúng tình hình làm cơ sở cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội thảo luận, quyết định. Ngược lại, nếu quá ít các cuộc giám sát, lại ở những việc không cơ bản, không đánh giá sát, đúng tình hình thì việc thảo luận, quyết định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sẽ rất khó khăn và khó bảo đảm chính xác. Báo cáo kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và ngân sách của Chính phủ cũng là vấn đề rất đáng quan tâm. Kinh nghiệm cho thấy, khi nào các báo cáo của Chính phủ trình bày đầy đủ và đánh giá mọi vấn đề một cách rõ ràng, chuẩn xác thì việc thảo luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sẽ thuận lợi và quyết định sẽ chính xác hơn. Có ý kiến cho rằng, một số báo cáo của Chính phủ mới chỉ đề cập chủ yếu đến vấn đề kinh tế, trong đó cũng chỉ nói chủ yếu đến thu hút vốn đầu tư và tăng trưởng kinh tế. Vấn đề văn hóa - xã hội và các vấn đề khác còn mờ nhạt trong khi tình hình thực tiễn lại rất bức xúc. Báo cáo thẩm định cũng chỉ nói đến kinh tế và ngân sách. Như vậy, có thể nói rằng, các báo cáo của Chính phủ (nhất là ở kỳ họp cuối năm) càng đầy đủ các thông tin cơ bản ở tất cả các lĩnh vực và càng phản ánh rõ ràng, cụ thể rồi nâng lên tầm khái quát những ưu điểm và nhược điểm bao nhiêu thì việc chuẩn bị nội dung của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đưa ra kỳ họp Quốc hội càng tốt, càng có hiệu quả

bấy nhiêu. Trong việc này, Ủy ban Kinh tế và Ngân sách của Quốc hội có vai trò quan trọng. Tuy nhiên, theo chúng tôi, báo cáo của Chính phủ là báo cáo kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh thì việc thẩm định không chỉ dừng lại ở kinh tế và ngân sách, mà một số Ủy ban khác của Quốc hội cũng phải tham gia thẩm định những nội dung tương ứng, kể cả khi trình ra kỳ họp của Quốc hội chứ không chỉ trong việc chuẩn bị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

** Chuẩn bị các dự án luật cho kỳ họp Quốc hội*

Một dự án luật có thể được đưa ra kỳ họp Quốc hội thảo luận và thông qua hay không, phụ thuộc vào hai vấn đề lớn là *chất lượng dự thảo luật* và *chất lượng thẩm tra* của cơ quan thẩm tra.

Về *chất lượng soạn thảo dự án luật*, ngoài việc thực hiện đúng quy định của Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật ra, muốn có một dự thảo luật tốt, trước hết ban soạn thảo phải thật sự khách quan, đứng trên lợi ích của toàn xã hội chứ không vì lợi ích cục bộ của ngành mình, địa phương mình và phải quy tụ được trí tuệ của nhiều chuyên gia giỏi về các lĩnh vực có liên quan. Bởi vì, chuyên gia ở mỗi ngành, mỗi lĩnh vực, có thể có kiến thức chuyên môn sâu, có thực tế phong phú nhưng chưa chắc đã có đầy đủ các kiến thức của nhiều ngành luật có liên quan đến dự án luật. Có lẽ ít nhất phải tập hợp được ba loại chuyên gia, đó là *chuyên gia pháp luật chuyên ngành*, *chuyên gia các ngành luật có liên quan* và *chuyên gia kỹ thuật lập pháp*.

Khi đã có dự thảo luật thì phải chuẩn bị tờ trình. Đây là tài liệu rất quan trọng, có ý nghĩa như bản thuyết trình phân tích đầy đủ tính khoa học, tính thực tiễn, cách thiết kế các chương, điều, những nội dung cơ bản, những vấn đề còn có ý kiến khác nhau... Vừa qua có một số dự án luật, tờ trình rất sơ sài (chỉ nói đã dự thảo bao nhiêu lần, có mấy chương, mấy điều), không nói được những vấn đề cần tập trung cho ý kiến, thậm chí tránh né những vấn đề phức tạp. Theo chúng tôi, trong trường hợp này cơ quan thẩm tra phải xử lý tất cả các khuyết tật đó giúp cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải quyết tối đa các tồn đọng trước khi đưa ra kỳ họp Quốc hội. Về nguyên tắc, ban soạn thảo phải thực hiện đúng khoản 5 Điều 26 Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật là "Tờ trình nêu rõ sự cần thiết phải ban hành, mục đích, yêu cầu, phạm vi, đối tượng và nội dung chính của dự án, những vấn đề cần xin ý kiến chỉ đạo và những vấn đề còn có ý kiến khác nhau".

Về *thẩm tra dự thảo luật*, báo cáo thẩm tra phải thể hiện rõ các chính kiến bằng các lập luận có căn cứ khoa học, không tránh né, không dung hòa để giúp cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định được chính xác. Tuy nhiên, ban soạn thảo cũng phải thẳng thắn tiếp thu những vấn đề hợp lý, rõ ràng, khách quan thì mới chỉnh sửa tốt dự án luật. Theo quy định hiện hành, cơ quan thẩm tra có vai trò tham mưu giúp Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quốc hội, nhưng giá trị pháp lý của các ý kiến thẩm tra đối với cơ quan soạn thảo thì chưa được quy định rõ.

Kinh nghiệm cho thấy dự thảo dự án luật càng chuẩn bị kỹ càng bao nhiêu, càng rà soát tỷ mỉ từng chi tiết và mỗi vấn đề khúc mắc đều có "một cơ sở" tài liệu giải trình cần thiết thì khi trình càng thuận lợi và càng giảm được hao phí thời gian tranh luận bấy nhiêu.

Hai là, chuẩn bị các công việc hành chính

Một vấn đề thường xảy ra trong các kỳ họp là thời gian trình bày các báo cáo trước Quốc hội hoặc là bị kéo dài (lấn sang thời gian của việc khác), hoặc là dư thời gian, rất khó tiếp nối vào việc khác. Vì vậy, trong công tác chuẩn bị phải thống kê rõ số lượng báo cáo phải đọc, số trang của từng báo cáo và tổng số trang của tất cả báo cáo để xác định và bố trí thời gian cho phù hợp. Các văn bản, tài liệu cần phải gửi trước cho các đại biểu. Ở các cuộc họp thông thường, nghiên cứu trước tài liệu được coi là một kinh nghiệm tốt thì đối với kỳ họp của Quốc hội với nhiều việc lớn trong một thời gian dài, các đại biểu có được nhiều thông tin trước khi vào họp là cực kỳ cần thiết và bổ ích.

2. Điều hành kỳ họp

Không chỉ các phiên họp toàn thể mà tất cả các phiên làm việc ở tổ, ở đoàn, việc điều hành đều có vai trò chi phối kết quả phiên họp. Tại các phiên họp toàn thể ở hội trường trong các kỳ họp Quốc hội vừa qua, việc điều hành có rất nhiều tiến bộ cần phát huy. Trước hết, chủ trì các phiên họp đều nắm khá chắc nội dung, thông tin công việc được phân công điều hành trong phiên

hợp. Việc này nói thì đơn giản nhưng với những việc lớn như thảo luận những vấn đề kinh tế - xã hội, thông qua những đạo luật khó, những phức tạp bất ngờ của chất vấn - trả lời chất vấn... thì việc thu tóm thông tin, ước lượng, vận trù trước tình hình là cực kỳ khó khăn. *Hai là*, với tinh thần thực sự cầu thị, những người chủ trì phiên họp đã tạo ra được không khí làm việc dân chủ, thẳng thắn, gợi mở các ý kiến "đa chiều, nhiều bên" làm cho các vấn đề được xem xét một cách toàn diện hơn. *Ba là*, bên cạnh việc chỉ định phát biểu đồng đều, chủ tọa đã chỉ định những đại biểu có chuyên môn sâu về một lĩnh vực nào đó để góp phần giải tỏa thông tin về những vấn đề khó, ít người am tường. *Bốn là*, với sự nhạy cảm cao, chủ tọa ngày càng nhuần nhuyễn hơn sự lượng ước mức độ ý kiến, mức độ cần thảo luận cho mỗi vấn đề và khi nào thì kết thúc được. Vì vậy, tuyệt đại bộ phận thời điểm kết thúc và kết luận các vấn đề được đồng đạo đại biểu đồng tình. *Năm là*, các kết luận ngày càng có độ chắc chắn hơn, chính xác hơn và hợp lý hơn. Tuy nhiên, việc điều hành các phiên họp toàn thể cũng còn có những điểm phải hoàn thiện thêm. *Đó là*, chủ tọa phải nhắc nhở đại biểu, các đoàn đại biểu Quốc hội bảo đảm quân số đông đủ trong các phiên họp, đó không chỉ là trách nhiệm của đại biểu Quốc hội mà trên thực tế có rất nhiều việc quan trọng phải quyết định bằng lá phiếu hoặc bấm nút biểu quyết mà tỷ lệ đạt không cao sẽ phát sinh những suy nghĩ không đáng có không chỉ trong Quốc hội mà còn cả trong dư luận nhân dân. *Thứ hai*,

khi thảo luận thông qua các dự án luật, cần theo dõi chặt chẽ hơn nữa các ý kiến của đại biểu để yêu cầu ban soạn thảo giải trình đầy đủ. *Thứ ba*, là việc lựa chọn các thành viên Chính phủ, người đứng đầu các cơ quan nhà nước trả lời chất vấn cũng đang có nhiều ý kiến mà tập trung nhất là, nhân dân muốn lần lượt được nghe các bộ trưởng giải trình tất cả các vấn đề quan trọng trong đời sống xã hội chứ không chỉ một vài việc thường xuyên tập trung vào một số bộ, ngành... Nên chăng mỗi kỳ họp, Ủy ban Thường vụ Quốc hội lấy ý kiến các đoàn đại biểu Quốc hội cần phải trả lời những câu hỏi nào ; những câu hỏi đó đúng vào ngành nào, bộ nào thì người đứng đầu cơ quan đó phải trả lời, không nên chỉ định tập trung vào một số bộ, ngành như trước đây. Đại biểu hỏi thêm chỉ nên hỏi để làm rõ câu hỏi đã được trả lời, không nên đặt ra câu hỏi hoàn toàn mới, để làm cho người trả lời bị động hoặc lạc đề...

Tại các phiên làm việc ở tổ, đoàn, cần khắc phục một số tồn tại như : một số đại biểu coi thảo luận ở tổ, đoàn không quan trọng bằng phiên họp toàn thể nên độ nghiêm túc không cao ; chưa triệt để tận dụng thời gian. Người điều khiển nên nghiên cứu kỹ hơn vấn đề thảo luận để có thể gợi ý những vấn đề cần đi sâu thảo luận.

3. Tinh thần làm việc của các đại biểu Quốc hội

Tinh thần làm việc của các đại biểu Quốc hội có tác động toàn diện, sâu sắc đến kết quả kỳ họp, đến thực hiện các yêu cầu đối với kỳ họp.

+ Các đại biểu Quốc hội phải nghiên cứu kỹ tài liệu đã được gửi tới trước để có thể tham gia thảo luận có chất lượng ; chuẩn bị các tài liệu của địa phương mình, ngành mình có liên quan đến những vấn đề đó. Để có thể hiểu và tham gia thảo luận được, đòi hỏi đại biểu tranh thủ thời gian đọc tài liệu trước, vì đây là những vấn đề khó, có độ phức tạp cao, có số lượng lớn. Số lượng văn bản tất cả các loại, của mỗi kỳ họp khoảng 1 500 đến 2 000 trang đánh máy. Ngoài ra, trong quá trình diễn biến của kỳ họp phải tiếp tục nghiên cứu các tài liệu khác có liên quan được bổ sung khi cần thiết.

+ Mỗi đại biểu chủ động chuẩn bị kỹ những ý kiến để tham gia thảo luận, nhất là những vấn đề, những lĩnh vực mà mình hiểu biết sâu, có nhiều thông tin có thể trao đổi. Thực tế cho thấy, nhiều đại biểu chuẩn bị ý kiến rất công phu, một số đại biểu viết thành bài nên phần tham luận có giá trị đóng góp tốt. Nhưng còn một số đại biểu đưa ra ý kiến không mới, thiếu chuẩn bị kỹ, lặp lại, ít thông tin nên giá trị đóng góp thấp. Thực tế có những đại biểu rất ngại phát biểu, tự ty, cho rằng ý kiến của mình không hay, thiếu tính thuyết phục. Khắc phục những tình trạng trên, chính là đề cao trách nhiệm của từng đại biểu Quốc hội, tăng cường nắm bắt thực tiễn, nâng cao trình độ lý luận để có được những đóng góp thiết thực, có hiệu quả vào những quyết định quan trọng đối với sự phát triển đất nước. □

MỘT KỶ TÍCH...

(Tiếp theo trang 17)

áp đảo nên chúng ta đã giành được chính quyền mà hầu như không đổ máu. Cách mạng nở ra như sấm sét, như bão táp mà không bị tổn thất máu xương thật là hiếm có và đây là bài học quý báu. Không chỉ có thế, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám còn đóng góp cho phong trào giải phóng dân tộc trên toàn thế giới một cách thức chặt đứt xiềng xích chủ nghĩa thực dân kiểu cũ, cổ vũ các dân tộc đứng lên tự giải phóng cho mình.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám càng trọn vẹn hơn khi chúng ta đó là cuộc cách mạng của nhân dân, vì nhân dân và do nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Cuộc Cách mạng đó tập hợp được sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại và đến khi thắng lợi lại hình thành sức mạnh mới, điều kiện mới để lập nên chính quyền cách mạng của nhân dân, nhân danh dân tộc Việt Nam độc lập sẵn sàng đương đầu và chiến thắng bọn đế quốc và các thế lực thù địch. Chính vì thế, Cách mạng Tháng Tám là bước khởi đầu huy hoàng cho những giai đoạn tiếp theo của Cách mạng Việt Nam, đưa dân tộc ta bước vào kỷ nguyên độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội.

Kỷ diệu thay Cách mạng Tháng Tám, Cách mạng Tháng Tám là một kỳ tích lịch sử, là bài ca bất diệt. Làm nên bài ca hào hùng ấy là dân tộc Việt Nam ta với sự dẫn dắt tài tình của đội quân tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh do Bác Hồ kính yêu sáng lập và rèn luyện. □

Một số vấn đề LỀ THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ ở Việt Nam

NGUYỄN PHƯƠNG LIÊN *

ĐỐI với bất kỳ một quốc gia nào, việc thực hiện các mục tiêu trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đều phụ thuộc rất nhiều vào chính sách huy động vốn và hiệu quả sử dụng vốn. Hiện nay, nước ta đang trong tình trạng thiếu vốn, nên vấn đề huy động và cân đối các nguồn vốn đầu tư lại càng có ý nghĩa quan trọng, góp phần thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, bảo đảm cho nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng ổn định và bền vững. Chính sách huy động vốn là một bộ phận quan trọng của chính sách tài chính quốc gia, gắn bó mật thiết với chính sách đầu tư phát triển kinh tế, chính sách tiền tệ tín dụng, đồng thời tác động trực tiếp đến các quan hệ phân phối - thu nhập, tích lũy - tiêu dùng trên phạm vi toàn xã hội. Đây là chính sách được ưu tiên hàng đầu của các quốc gia đang phát triển.

Trong những năm gần đây, thực hiện chủ trương khai thác tối đa nguồn vốn trong nước (chủ yếu là vốn trong dân cư) để bù đắp thiếu hụt ngân sách và thực hiện các chương trình phát triển công cộng, Việt Nam đã không ngừng tăng cường mở rộng quy mô và đa

dạng hóa các hình thức huy động vốn. Bên cạnh các biện pháp huy động vốn có tính truyền thống như : phát hành công trái quốc gia, phát hành tín phiếu, trái phiếu kho bạc bằng biện pháp hành chính, trực tiếp thông qua hệ thống kho bạc nhà nước, đã xuất hiện những phương thức huy động vốn thông qua thị trường đấu thầu tín phiếu, trái phiếu qua Ngân hàng nhà nước, qua trung tâm giao dịch chứng khoán (TTGDCK), bảo lãnh phát hành,... tạo nên những kênh huy động vốn mới cho ngân sách nhà nước. Việc phát hành trái phiếu chính phủ (TPCP) trong những năm qua đã đạt được những thành công sau :

Thứ nhất, khối lượng vốn huy động bằng biện pháp phát hành TPCP tăng lên qua các năm (trừ năm 2000) đã bù đắp bình quân trên 70% tổng số thiếu hụt ngân sách nhà nước hằng năm, góp phần chấm dứt thời kỳ phát hành tiền để bù đắp bội chi ngân sách. Điều này càng có ý nghĩa quan trọng trong điều kiện ngân sách của nước ta chưa ổn định (số bội chi hằng năm khoảng 3,5% GDP).

* Th. s, giảng viên Trường Đại học Thương mại Hà Nội

Bảng : Kết quả phát hành trái phiếu chính phủ (1991 - 2001)

Năm	Tổng giá trị TPCP đã phát hành (tỉ đồng)	Tốc độ tăng (%) so với năm trước
1991	220,5	
1992	1387,4	629,2
1993	4566,2	329,1
1994	7020,0	153,7
1995	7649,0	108,9
1996	8347,0	109,1
1997	6713,0	80,4
1998	7467,6	111,2
1999	11379,7	152,4
2000	9899,0	- 13,0
Đến 30-9-2001	5444,8	

Nguồn : Kho bạc nhà nước

Thứ hai, nhờ có nguồn vốn huy động thông qua phát hành TPCP mà các nhu cầu chi tiêu của ngân sách nhà nước đã được đáp ứng kịp thời. Đặc biệt, việc phát hành TPCP huy động được hàng tỉ đồng để đầu tư cho các công trình trọng điểm của trung ương và địa phương.

Thứ ba, các loại TPCP được phát hành ngày càng đa dạng hơn. Bên cạnh các tín phiếu có kỳ hạn ngắn : 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng còn có trái phiếu có lãi suất cố định, thanh toán một lần khi đáo hạn, trái phiếu không có bảo đảm. Trong những năm gần đây, Nhà nước đã phát hành cả các trái phiếu có kỳ hạn dài : 2 năm, 3 năm, 5 năm ; trái phiếu chiết khấu ; trái phiếu có bảo đảm (như trái phiếu xây dựng đường dây tải điện 500 kV, bảo đảm giá trị theo vàng) ; trái phiếu có lãi suất được điều chỉnh theo mức độ trượt giá trên thị trường (như Công trái xây dựng Tổ quốc kỳ hạn 5 năm, phát hành từ 19 - 5 đến 15-7-1999 được bảo đảm giá trị theo chỉ số trượt giá công bố hàng năm), trái phiếu có lãi suất thả nổi. Điều đáng ghi nhận là TPCP đã góp phần đáp ứng được nhu cầu đầu tư đa dạng của công chúng và tạo điều kiện cho ngân sách nhà nước chủ

động hơn trong việc sử dụng vốn vay và bố trí nguồn trả nợ.

Cùng với những kết quả nêu trên, việc phát hành TPCP ở Việt Nam trong những năm qua cũng đã bộc lộ không ít những hạn chế, bất cập sau :

Một là, khối lượng TPCP phát hành hằng năm nhìn chung còn rất thấp, chỉ ở mức trên dưới 2% GDP (năm 1991 : 0,21%, năm 1992 : 0,83%, năm 1993 : 1,75%, năm 1994 : 2,07%, năm 1995 : 2,21%, năm 1996 : 0,93%, năm 1997 : 2,2%, năm 1998 : 2,39%, năm 1999 : 3,34%, năm 2000 : 2,72%), chưa khai thác thỏa đáng nguồn vốn nhàn rỗi còn khá tiềm tàng trong nền kinh tế. Đối với các nước trong khu vực, tỷ lệ dư nợ TPCP khoảng 20% - 30% GDP như : Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a. Tại các nước phát triển, tỷ lệ này còn cao hơn nhiều (như Mỹ, Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản...).

Hai là, mặc dù số lượng và loại trái phiếu phát hành có xu hướng ngày càng tăng, nhưng phần lớn trái phiếu đã phát hành chưa được chuẩn hóa về mệnh giá, về ngày phát hành và thời gian đáo hạn nên không đủ tiêu chuẩn tham gia thị trường chứng khoán tập trung, trừ lượng trái phiếu phát hành tại TTGDCK TP Hồ Chí Minh và TPCP bán lẻ qua hệ thống kho bạc nhà nước năm 2001.

Ba là, thời gian gần đây, các phương thức phát hành trái phiếu đã được đa dạng hơn. Tuy nhiên, vẫn còn những bất cập trong cơ chế phát hành, nhất là phát hành qua TTGDCK làm ảnh hưởng đến mục tiêu huy động vốn và phát triển thị trường. Tính đến hết ngày 30-9-2001, sau hơn một năm, kể từ khi TTGDCK TP Hồ Chí Minh chính thức đi vào hoạt động, đã có 12 đợt phát hành trái phiếu thông qua đấu thầu và 2 đợt bảo lãnh

phát hành. Tuy vậy, về phương thức đấu thầu thì chỉ có 7 đợt thành công với tổng giá trị trúng thầu là 1 390 tỉ đồng. Còn 5 đợt đấu thầu không thành công do không có tổ chức nào trúng thầu vì lãi suất đặt thầu đều cao hơn lãi suất chỉ đạo của Bộ Tài chính hoặc không có ai đặt thầu.

Bốn là, mặc dù TPCP là loại công cụ tài chính có độ an toàn cao (được bảo đảm bằng ngân sách quốc gia), nhưng nó chưa thực sự giữ vai trò "át chủ" trong các giao dịch chứng khoán. Qua hơn một năm TTGDCK đi vào hoạt động, tình hình giao dịch mua đi, bán lại TPCP trên thị trường chứng khoán tập trung này rất ít. Đây là một diễn biến ngoài dự đoán. Bởi vì, khi TTGDCK TP Hồ Chí Minh chính thức đi vào vận hành, nhiều chuyên gia trong và ngoài nước đã kỳ vọng rằng : trái phiếu là loại chứng khoán chủ lực sẽ được giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung, đặc biệt là TPCP. Nhận định này hoàn toàn có cơ sở, vì so với các loại chứng khoán khác, TPCP mang tính đại chúng cao đối với công chúng đầu tư và không có rủi ro thanh toán.

Thực tế cho thấy, khối lượng TPCP đã niêm yết là khá lớn (2 203,633 tỉ đồng, chiếm 81,6% tổng giá trị chứng khoán niêm yết tại TTGDCK, nhưng hoạt động giao dịch lại kém sôi động. Ở nhiều phiên giao dịch không có lệnh đặt mua, bán và không có giao dịch. Khối lượng giao dịch TPCP trong các phiên có giao dịch cũng rất thấp (có phiên chỉ có 10 trái phiếu), trừ những phiên có giao dịch thỏa thuận giữa các nhà đầu tư có tổ chức (phiên thứ 105 với giá trị giao dịch khoảng 5,2 tỉ đồng), phiên 115 : 1,03 tỉ đồng, phiên 119 : 4,12 tỉ đồng, phiên 125 : 10,33 tỉ đồng). Trong các loại TPCP đã được phát hành, chỉ có trái phiếu CPIC0101 là

có giao dịch mua bán lại. Tính đến ngày 30-9-2001 có 101 920 trái phiếu được giao dịch theo phương thức khớp lệnh, với tổng trị giá giao dịch là 10 652,35 triệu đồng, chiếm khoảng 1,2% tổng giá trị giao dịch thị trường. Các loại trái phiếu khác hoàn toàn bị "đóng băng". Cùng với con số ít ỏi về lượng trái phiếu được giao dịch, số lượng người tham gia đầu tư trên thị trường thứ cấp cũng chỉ đếm trên đầu ngón tay. Trong số các đơn vị tham gia đấu thầu và trúng thầu, chỉ có Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt là có thực hiện giao dịch trên thị trường thứ cấp. Các ngân hàng thương mại, các công ty bảo hiểm, các công ty tài chính đều khá thờ ơ đối với thị trường này. Trong khi đó, họ lại là các đơn vị tham gia chủ yếu vào thị trường sơ cấp.

Như vậy, thực tế thị trường TPCP đã diễn ra không như mong đợi của các nhà hoạch định chính sách và tổ chức thị trường. Việc phát hành TPCP nhằm mục đích tạo nguồn hàng hóa chính cho thị trường chứng khoán tập trung của Việt Nam trong giai đoạn đầu và nhằm kéo người đầu tư khỏi "cơn khát" cổ phiếu, giảm bớt "nóng" cho thị trường đã thực hiện không mấy kết quả.

Vậy nguyên nhân nào dẫn đến những hạn chế nêu trên ? Theo tôi tập trung ở một số điểm sau :

Thứ nhất, cơ chế xác định lãi suất chưa hợp lý. Qua thực tế các đợt phát hành trái phiếu tại TTGDCK cho thấy : lãi suất chỉ đạo không sát với thực tế, thường thấp hơn mặt bằng lãi suất hiện hành và lãi suất đặt thầu (đợt 3, đợt 5, đợt 6, đợt 7), lãi suất trái phiếu bán lẻ cao hơn lãi suất trái phiếu đấu thầu của trái phiếu cùng kỳ hạn. Kế hoạch phát hành chưa hợp lý dẫn đến chông chéo,

hạn chế khả năng của từng phương thức phát hành.

Thứ hai, đối tượng tham gia đấu thầu và bảo lãnh phát hành còn ít, chủ yếu có bốn ngân hàng thương mại quốc doanh lớn và một số công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm. Hiện tổng số thành viên được công nhận là 25. Phiên đấu thầu có nhiều thành viên tham gia nhất là 9, có phiên không có một thành viên nào tham gia.

Thứ ba, cơ chế bảo lãnh phát hành còn thiếu các quy định bảo đảm sự phân phối trái phiếu ra công chúng, nên biến các hình thức này thành một dạng đại lý phát hành với chi phí bảo lãnh khá cao. Điều đó ngoài việc ảnh hưởng đến thị trường thứ cấp của các trái phiếu này, còn gây trở ngại cho các hình thức đấu thầu qua TTGDCK.

Thứ tư, do hạn chế về khả năng phân tích, đánh giá chất lượng các loại hàng hóa, nên công chúng mua bán chứng khoán theo trào lưu; đó là đầu tư vào cổ phiếu, vì họ cho rằng cổ phiếu là loại hàng hóa có lợi tức cao hơn trái phiếu. Thực tế năm 2000, tỷ lệ cổ tức của các công ty niêm yết khoảng từ 15% - 36% năm, còn lãi suất TPCP phát hành qua TTGDCK chỉ có 6,5% - 6,6% năm. Nhìn vào đây ta thấy tỷ lệ cổ tức cao hơn nhiều lãi suất TPCP. Tuy nhiên, đây chỉ là lãi suất danh nghĩa (lãi suất tính theo mệnh giá chứng khoán). Nếu tính lãi suất hiện hành (so sánh mức lợi tức được hưởng với tổng chi phí mà nhà đầu tư bỏ ra để mua chứng khoán bao gồm giá mua và lệ phí giao dịch trả cho công ty môi giới) thì tỷ lệ lợi tức của cổ phiếu lại thấp hơn lãi suất TPCP.

Thứ năm, vai trò tư vấn đầu tư của các công ty chứng khoán trong thời gian qua còn rất hạn chế, chưa thực hiện được chức năng

của người tạo thị trường. Như đã nêu ở phần trên, hoạt động tư vấn của các công ty chứng khoán mới chỉ mang tính chất hướng dẫn người đầu tư thực hiện đúng các thủ tục mua bán chứng khoán, mà chưa thực sự tư vấn cho họ biết cách đầu tư vốn của mình như thế nào cho có hiệu quả. Nếu các công ty chứng khoán thực hiện tốt nghiệp vụ này thì sẽ có tác dụng quan trọng trong việc phân luồng đầu tư, chuyển bớt được phần nào nhu cầu đầu tư cổ phiếu sang trái phiếu, làm giảm áp lực tăng giá cổ phiếu trong thời gian qua.

Thứ sáu, việc mua bán TPCP tại TTGDCK kém thuận tiện, công nghệ thanh toán còn lạc hậu, cơ chế chuyển nhượng còn gò bó, cứng nhắc. Nhược điểm này đã hạn chế tính hoán tệ (khả năng chuyển đổi thành tiền) của TPCP. Thực tế ở Việt Nam, khi có tiền nhàn rỗi, nhà đầu tư có thể thực hiện đầu tư bằng nhiều cách khác nhau. Hình thức đầu tư khá quen thuộc ở Việt Nam đó là gửi tiết kiệm, mua trái phiếu ngân hàng, hoặc mua TPCP bán lẻ qua hệ thống ngân hàng thương mại quốc doanh và kho bạc nhà nước. Đây là những hoạt động có mạng lưới rộng khắp toàn quốc và cơ chế giao dịch tại ngân hàng hoặc kho bạc nhà nước được thực hiện trực tiếp giữa người đầu tư với ngân hàng hoặc kho bạc nhà nước. Còn nếu đầu tư qua TTGDCK thì chắc chắn sẽ khó khăn hơn, phức tạp hơn, vì thị trường chứng khoán chỉ có một địa điểm giao dịch tập trung với một mạng lưới các công ty chứng khoán rất hạn chế. Hơn thế nữa, nhà đầu tư muốn mua, bán chứng khoán phải thông qua các công ty chứng khoán và trả phí giao dịch nếu giao dịch được thực hiện. Do đó, nếu lãi suất trái phiếu ngân hàng và TPCP bán lẻ qua hệ thống ngân hàng thương mại quốc doanh và kho bạc nhà nước bằng hoặc nhỏ hơn không

đáng kể so với lãi suất TPCP phát hành tại TTGDCK thì việc mua bán trái phiếu ngân hàng và TPCP qua hệ thống kho bạc nhà nước sẽ thuận lợi hơn nhiều so với việc mua bán TPCP tại TTGDCK, mà vẫn bảo đảm được mức lợi tức và chịu đựng sự rủi ro tương đương nhau. Vì vậy, với mức lãi suất TPCP phát hành qua TTGDCK năm 2000 (thấp hơn lãi suất trái phiếu ngân hàng và TPCP bán lẻ), tất yếu dẫn tới sự kém hấp dẫn của TPCP và đã làm giảm nhu cầu đầu tư TPCP tại thị trường chứng khoán tập trung.

Trong thời gian tới, để thực hiện được mục tiêu huy động vốn trung và dài hạn cho nền kinh tế, để TPCP thực hiện được chức năng trọng yếu trong các công cụ đầu tư và thực sự là một hàng hóa mẫu mực trên thị trường chứng khoán, thiết nghĩ Nhà nước cần thực hiện các giải pháp sau đây :

Một là, lập chương trình kế hoạch phát hành TPCP đối với các loại kỳ hạn chủ yếu 1, 2, 3, 5, 7 và 10 năm. Việc công bố kế hoạch phát hành TPCP giúp các nhà đầu tư có thêm thông tin để phân tích, lựa chọn hàng hóa đầu tư phù hợp với chiến lược đầu tư riêng của mình và thị trường cũng luôn tồn tại mức "lãi suất chuẩn" để các công cụ đầu tư khác sử dụng tham chiếu.

Hai là, tiếp tục đổi mới, cải tiến và đa dạng hóa các phương thức phát hành TPCP. Đối với các nước có thị trường chứng khoán phát triển, việc phát hành trái phiếu qua kênh bán lẻ không được coi là phương thức phát hành có hiệu quả vì chi phí phát hành cao, khả năng huy động vốn chậm và thường không thu hút được những nhà đầu tư lớn. Ở nước ta, do thị trường chứng khoán chưa phát triển nên việc sử dụng tiền mặt để mua bán trao đổi vẫn là phổ biến. Trước mắt, Nhà nước cần tiếp tục duy trì kênh bán lẻ TPCP

qua hệ thống kho bạc nhà nước để thu hút mọi nguồn vốn nhàn rỗi trong nền kinh tế. Tuy nhiên về cơ chế bán lẻ các loại TPCP cần cải tiến để đáp ứng được các điều kiện cần thiết cho việc giao dịch tại TTGDCK. Khi thị trường vốn đã thực sự phát triển, có thể tiến tới xóa bỏ hình thức này.

Ba là, nâng dần thời hạn TPCP để tạo điều kiện thuận lợi cho ngân sách nhà nước trong việc sử dụng vốn và bố trí nguồn trả nợ. Trong những năm từ 2001 - 2005 chủ yếu phát hành trái phiếu kỳ hạn 5 - 10 năm. Từ năm 2006 trở đi, khi thị trường chứng khoán hoạt động ổn định, chủ yếu phát hành các loại trái phiếu dài hạn (10 năm trở lên). Các loại tín phiếu ngắn hạn sẽ được phát hành qua Ngân hàng nhà nước để triển khai nghiệp vụ thị trường mở và phối hợp thực hiện chính sách tiền tệ.

Bốn là, nâng cao năng lực của các tổ chức môi giới và công tác tuyên truyền về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thực tế cho thấy, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của các công ty môi giới còn nhiều hạn chế. Vì vậy, cần phải tiếp tục đào tạo và đào tạo lại chuyên môn cho các nhân viên, chuyên viên của các công ty chứng khoán. Nếu không nắm vững nghiệp vụ, họ sẽ không đủ trình độ để thuyết phục khách hàng.

Coi trọng công tác tuyên truyền phổ biến kiến thức nhằm tạo điều kiện cho công chúng hiểu biết sâu hơn về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Điều quan trọng là giúp họ có thể dễ dàng xác định và phân biệt được các loại lãi suất như : lãi suất danh nghĩa, lãi suất thực, lãi suất hiện hành, lãi suất đáo hạn ; làm căn cứ để so sánh đối chiếu với các công cụ đầu tư khác. Đồng thời, cung cấp thông tin để công chúng

(Xem tiếp trang 62)

I- TIẾP TỤC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TƯ DUY LÝ LUẬN TRONG THỜI KỲ MỚI

Nghị quyết Đại hội IX của Đảng yêu cầu tiếp tục xây dựng và phát triển năng lực, phong cách tư duy lý luận trong thời kỳ đổi mới theo chiều sâu thực hiện tốt sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Phát triển năng lực TƯ DUY CỦA NGƯỜI LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ HIỆN NAY

HỒ BÁ THÂM*

Tư duy lý luận là tư duy bắt nguồn từ thực tiễn cuộc sống xã hội nhằm phát hiện các quy luật chung của sự phát triển, vươn lên trình độ khái quát một cách có hệ thống các phạm trù, khái niệm, quan điểm; có khả năng định hướng cho mọi hoạt động thực tiễn.

Tư duy lý luận có quan hệ với tư duy tổ chức hoạt động thực tiễn, biến lý luận thành chủ trương, đường lối, kế hoạch, biện pháp tổ chức thực hiện cải tạo thực tiễn theo quy luật. Mỗi hình thái tư duy có tầm quan trọng riêng của nó theo vị thế, chức năng của mình và không thể thay thế cho nhau. Hồ Chí Minh là người hành động, nhà tổ chức thực tiễn. Không chỉ có tư duy tổ chức thực tiễn thiên tài, Người đồng thời, cũng có tư duy lý luận kiệt xuất.

Người nhấn mạnh, không có lý luận thì như đi rừng, đi biển không có la bàn; có lý luận mà không thực hành thì lý luận suông, vô dụng; có kinh nghiệm mà không có lý luận như một mắt sáng, một mắt mờ...

Bản chất tư duy lý luận khoa học là cách mạng. Lý luận tiên phong theo tinh thần của chủ nghĩa Mác - Lê-nin là có phê phán và cách mạng, có tính khoa học và sáng tạo cao, có khả năng cải tạo thực tiễn, có khả năng đổi mới và phát triển.

Xây dựng và phát triển tư duy lý luận không chỉ là xây dựng năng lực tư duy

lý luận sắc bén mà còn phải hình thành và phát triển một hệ thống lý luận về hiện thực xã hội đang vận động, đang tiến lên.

Đúng như các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác đã chỉ rõ: "Tư duy lý luận... là sản phẩm của lịch sử mang những hình thức khác nhau trong những thời đại khác nhau và do đó có những nội dung rất khác nhau"⁽¹⁾, phương pháp, phong cách khác nhau. Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, chúng ta tiếp tục xây dựng và phát triển tư duy lý luận lên trình độ mới, chất lượng mới.

* TS, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn TP Hồ Chí Minh

(1) C.Mác và Ph.Ăng-ghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, t 20, tr 487

Tiếp tục nhận thức các biểu hiện mới của các quy luật phát triển trong đặc điểm mới của dân tộc và thời đại. Nhận thức về thời đại phải hiểu xu hướng vận động và những mâu thuẫn của nó. Quan trọng nhất là tiếp tục nhận thức về mô hình chủ nghĩa xã hội, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ; nhận thức về cuộc đấu tranh giai cấp và đại đoàn kết dân tộc, những động lực để đất nước phát triển nhanh và bền vững ; các vấn đề kinh tế - xã hội nhằm đưa nước ta cơ bản thành nước công nghiệp sau 20 năm tới. Và cả những vấn đề nâng cao tính năng động, sáng tạo, bám sát thực tiễn, mở rộng tầm nhìn để làm rõ những vấn đề phức tạp, mới nảy sinh như : vấn đề hội nhập quốc tế, vấn đề kinh tế tư nhân, vấn đề cổ phần hóa, dân chủ hóa trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân...

Trong xây dựng và phát triển tư duy lý luận, chú ý bổ sung phương pháp tư duy khoa học, những phong cách mới từ kinh tế tri thức. Không chỉ tiếp tục đào sâu, nghiên cứu di sản kinh điển của các nhà sáng lập và phát triển học thuyết mácxít để vận dụng vào thực tế, quan trọng không kém là tổ chức nghiên cứu để nắm được những vấn đề thực tiễn và lý luận mới ở trong và ngoài nước.

Tư duy lý luận của chúng ta tránh rơi vào chủ nghĩa giáo điều, chủ nghĩa kinh nghiệm và nhất là tránh bị ảnh hưởng của tư duy và tư tưởng cơ hội chủ nghĩa. Tư duy lý luận của Đảng ta trong thời kỳ mới là tư duy phát triển và vận dụng thành công lý luận xây dựng chủ nghĩa xã hội thắng lợi ở trong nước, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới. Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, các nhà khoa học xã hội nhân văn, các nhà lý luận.

II- YÊU CẦU NÂNG CAO NĂNG LỰC TƯ DUY TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THỰC TIỄN

Năng lực tư duy tổ chức hoạt động thực tiễn là yêu cầu thường xuyên của người cán bộ lãnh đạo, quản lý từ cấp vĩ mô đến vi mô, đặc biệt là cấp tỉnh, thành, bộ, ngành và các cấp cơ sở. Theo đánh giá của Đảng ta, ở nhiều cấp, năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn đang là một khâu yếu nhất hiện nay. Đây là khâu cần đột phá theo Nghị quyết Đại hội IX của Đảng.

Việc nắm vững lý luận và tình hình thực tế để tổng kết kinh nghiệm, đề ra đường lối, chủ trương, chính sách là điều quan trọng trước hết. Nhưng, để đưa Nghị quyết vào cuộc sống thì rất cần năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn để đề ra chương trình hành động với mục tiêu, nội dung và nhiệm vụ cụ thể, tìm cơ chế tạo động lực, tìm các giải pháp để thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu được giao, kiểm tra việc thực hiện và rút kinh nghiệm cho những công việc sắp tới. Như vậy, người cán bộ cần có năng lực cao và phong cách dân chủ, tổ chức cho quần chúng thảo luận cùng bàn bạc và tham gia quyết định, vận động quần chúng đồng tình cùng thực hiện và tổ chức kiểm tra, đánh giá, tổng kết kinh nghiệm tiếp tục bổ sung cho lý luận thêm sâu sắc và phong phú.

Gần đây, Đảng và Nhà nước đã chấn chỉnh một bước nhằm nâng cao năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý. Tuy nhiên, dù nhìn ở góc độ hành động hay nhận thức thì trước yêu cầu mới với nhiệm vụ ngày càng cao và nặng nề, người cán bộ lãnh đạo, quản lý hiện nay phải rèn luyện để tạo cho mình thói quen làm việc khoa học, tỉ mỉ trong

quá trình thu thập, xử lý thông tin ; tổ chức quy trình lãnh đạo, quản lý với sự hỗ trợ của công nghệ hiện đại ; biết quy tụ cán bộ cấp dưới, với tinh thần hợp tác, cùng tiến bộ, biết sử dụng chuyên gia, cùng thảo luận bàn bạc chấp nhận, các ý kiến khác nhau và biết lựa chọn cách giải quyết hợp lý.

Khoa học lãnh đạo hiện đại đòi hỏi rất cao đối với các nhà lãnh đạo những tố chất cần thiết phải có như có khả năng làm việc với cộng đồng các nhà khoa học, khả năng đối thoại với dân chúng, khả năng sự phạm, và nghệ thuật thương thuyết, đàm phán, kể cả các khả năng làm việc với các đối tác có khác hệ tư tưởng...

Trong cơ chế thị trường và xu thế toàn cầu hóa, dân chủ pháp quyền và xã hội thông tin, người cán bộ lãnh đạo cũng rất cần năng lực xử lý tình huống thực tiễn, không chỉ liên quan đến kinh tế, văn hóa mà cả các mặt chính trị, xã hội. Năng lực của người cán bộ khi nghiên cứu tình huống, xử lý tình huống giảm thiểu tính phức tạp của tình hình, làm sao có lợi cho sự nghiệp của Đảng, lợi ích của nhân dân là yêu cầu cực kỳ quan trọng.

Cán bộ, đảng viên không chỉ chấp hành, làm theo nghị quyết của Đảng mà phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật ; không chỉ là người tổ chức giáo dục người khác về Hiến pháp và pháp luật mà còn phải gương mẫu thực hiện. Người cán bộ lãnh đạo, quản lý phải là người am hiểu các lĩnh vực kinh tế - xã hội, có khả năng tự học qua thực tế cuộc sống để có trình độ và kinh nghiệm lãnh đạo, quản lý. Phải biết phát triển, bồi dưỡng, lựa chọn những người cán bộ kế cận, có tầm nhìn chiến lược và khả năng hoạt động thực tiễn.

III- MỘT SỐ GIẢI PHÁP

Ngày nay không chỉ nhấn mạnh đổi mới tư duy, quan trọng hơn là phát triển năng lực trí tuệ. *Phát triển trí tuệ*, tức là phát triển các phẩm chất của tư duy, năng lực tư duy.

Thời gian qua, nhất là trong thời kỳ đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều giải pháp, từ dân chủ hóa xã hội, đến tổ chức tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, nghiên cứu khoa học, tăng cường công tác thông tin, công tác dự báo, công tác giáo dục - đào tạo, đổi mới cơ chế, chính sách ..., thực sự đã tạo ra bước chuyển biến vượt bậc về phát triển năng lực tư duy, nhất là tư duy lý luận và tổ chức hoạt động thực tiễn.

1- Dân chủ hóa quá trình phát triển xã hội, nhất là trên lĩnh vực lãnh đạo, quản lý

Muốn tư duy, trí tuệ không ngừng đổi mới và phát triển cần có môi trường, cơ chế thật sự dân chủ cho sự trao đổi tri thức, đấu tranh khắc phục các mặt đã lỗi thời, mở đường cho ý tưởng mới, phương pháp mới, tiến bộ phát triển.

Dân chủ hóa xã hội, nhất là thiết chế dân chủ, là môi trường và xung lực trực tiếp không thể thiếu trong hoạt động lãnh đạo quản lý cũng như các lĩnh vực khác như hoạt động giáo dục - đào tạo, nghiên cứu khoa học, sáng tác văn học - nghệ thuật và các loại hình hoạt động khác.

Dân chủ nghĩa là không chỉ chủ động đi sâu nghiên cứu khoa học mà còn phải biết tranh luận khoa học, tìm ra các quyết định đúng trong hoạt động lãnh đạo, quản lý. Dân chủ nghĩa là không độc quyền chân lý, chấp nhận những ý kiến còn khác nhau trong nghiên cứu khoa học. Xây dựng

quy chế hoạt động lãnh đạo, quản lý và trong hoạt động khoa học, là yêu cầu và giải pháp hữu hiệu để phát triển năng lực tư duy, phát triển trí tuệ của mọi người, nhất là những người lãnh đạo chủ chốt.

2- Bám sát thực tiễn, tăng cường thông tin khoa học và thông tin thực tế

Tư duy trí tuệ con người phát triển hay không là nhờ vào khả năng bám sát thực tiễn cuộc sống của dân tộc và thời đại, qua đó bổ sung thông tin mới, hiện đại loại bỏ thông tin lỗi thời. Thông tin tạo ra hiểu biết, hiểu biết tạo ra sự thông tuệ và cũng tạo ra phương pháp.

Khi chúng ta nói mở cửa không chỉ là nói về mặt kinh tế mà cả văn hóa xã hội, trong đó mở cửa thông tin là yếu tố cực kỳ quan trọng. Thông tin có thông suốt, có luôn luôn được đổi mới, cập nhật, mới hiểu được tình hình trên thế giới và trong nước, mới có các quyết định đúng đắn, kịp thời trong hoạt động lãnh đạo, quản lý, trong nghiên cứu khoa học. Phải đẩy mạnh hơn nữa *sự giao lưu*, hội nhập quốc tế mà tạo thêm thuận lợi để phát triển tư duy lý luận mác xít trong thời đại mới, tránh được sự lạc hậu và sai lầm về mặt lý luận.

3- Nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn

Chính nhờ tổng kết kinh nghiệm và nghiên cứu khoa học mà công việc của chúng ta thu được kết quả, tư duy được đổi mới, trí tuệ được phát triển, hoạt động lãnh đạo, quản lý tự giác hơn, có hiệu quả hơn.

Vì vậy việc điều tra thực tế, đánh giá các điển hình tiên tiến, phân tích những thất bại, những "điểm nóng"... để hiểu sâu hơn các quy luật khách quan, là việc làm thường xuyên, liên tục với những cấp độ ngày càng sâu sắc hơn. Tổng kết thực tiễn

phải trung thực, quy trình tổng kết phải khoa học, có kết hợp giữa khoa học và hoạt động thực tiễn; trên nhiều điển hình cả điển hình tốt cũng như điển hình không thành công.

Tổng kết thực tiễn cũng có nghĩa là lý luận phải gắn với thực tế, không né tránh những vấn đề phức tạp, và có khả năng dự báo những xu hướng nảy sinh.

4- Đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo gắn với sự nỗ lực cao độ của người lãnh đạo - chủ thể tư duy

Tư duy, trí tuệ phát triển không chỉ qua thực tiễn cuộc sống mà cả trong học tập rèn luyện ở nhà trường. Mục đích giáo dục phải toàn diện để tạo ra những con người lao động hiện đại, có phương pháp giải quyết sáng tạo, biết lập nghiệp, có ích cho mình và cho xã hội.

Công tác giáo dục đào tạo bao hàm các tri thức toàn diện về nhiều lĩnh vực nhưng cái gần nhất là phương pháp nhận thức, phương pháp nghiên cứu và giải quyết vấn đề trong lãnh đạo, quản lý.

Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, chủ thể tư duy như các nhà khoa học, các nhà văn hóa, và nhất là các nhà lãnh đạo quản lý, các doanh nhân có vai trò cực kỳ quan trọng, đó là lực lượng chủ công trong sự phát triển hiện tại của đất nước. Do đó, cần có cơ chế và chính sách để tập hợp, khuyến khích họ đổi mới tư duy lý luận, nâng cao năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt. Phát triển trí tuệ, năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn lên một trình độ mới vừa là đòi hỏi của xã hội, vừa là nhu cầu của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành trong thời kỳ mới. □

1- Thế nào là bản sắc dân tộc ?

Bản sắc dân tộc là một phạm trù rộng, bao quát một cách uyển chuyển nhiều đặc điểm của một dân tộc để tạo nên một *bộ mặt, hình dáng, cốt cách* của dân tộc ấy không đồng nhất với các dân tộc khác. Bản sắc dân tộc còn là kết quả của quá trình lâu dài dựng nước, giữ nước và xây dựng đất nước của một cộng đồng người đã sống, đấu tranh, xây dựng trong những điều kiện thiên nhiên, địa lý, lịch sử, tâm lý, sắc thái địa phương... với những yếu tố vật chất và tinh thần, nhân tố nội tại và bên ngoài, có mặt tích cực - tiến bộ và mặt tiêu cực - lạc hậu..., mà không phải lúc nào người ta cũng có thể chỉ ra rõ ràng như trên một bảng thống kê. Bản sắc dân tộc vì vậy, vừa có thể nhận thức lý trí, vừa có những yếu tố chỉ có thể cảm thức, cảm giác.

Khi nói đến bản sắc dân tộc, chúng ta chú ý đến hai bình diện thường tập trung đậm đặc những nét biểu hiện của bản sắc, sắc thái : một là *đời sống tinh thần* (ý thức hệ, tư tưởng, đạo đức, lối sống, các hệ giá trị, phong tục, sở thích, văn học, nghệ thuật...) ; hai là *bản sắc dân tộc* vì là kết quả của một quá trình hình thành lâu dài và nhiều cơ sở - nên chịu sự tác động của những yếu tố theo *chiều dọc của thời gian* (truyền thống) và theo *chiều ngang của không gian* (hiện đại).

BẢN SẮC DÂN TỘC và sự giao lưu hội nhập trong văn hóa

HỒ SĨ VINH*

Như vậy, bản sắc ở cấp độ dân tộc và cấp độ sắc thái địa phương không thể là phạm trù *bất biến, khép kín* mà là một phạm trù *động, mở*. Dân tộc ta trong chiều dài lịch sử để tồn tại và phát triển đã không ngừng tiếp nhận những yếu tố ngoại sinh, những tinh hoa của các nước và những yếu tố mới có ngay trên mảnh đất đang sống của cha ông. Chính những yếu tố đó - tùy mức độ khác nhau - đã mang lại những sắc thái mới cho bản sắc dân tộc phù hợp với sự phát triển tất yếu của xã hội và con người. Nói bản sắc dân tộc là *phạm trù mở* tức là khuyến khích, phát huy bản chất của bản sắc dân tộc cao hơn, nhưng bộ mặt, vóc dáng, cốt cách thì vẫn là Việt Nam. Mỗi sự vật đều có *cái vô tận* và *cái giới hạn*, giới hạn trong cái vô tận của bản chất. Vì vậy, khi xét bản sắc dân tộc, nhà nghiên cứu không chỉ khảo sát các giá trị tự nhiên mà còn xem xét những đặc điểm mới trong quá trình hội nhập. Bản sắc dân tộc bắt rễ trong tâm địa - văn hóa có bề

* PGS, TS, Tổng biên tập Tạp chí "Văn hiến Việt Nam"

dày truyền thống. Thiếu cơ sở đó thì hoặc là một nền văn hóa xa lạ, lai căng hoặc là một nền văn hóa nệ cổ.

Bản sắc dân tộc thường trùng khít với *bản sắc văn hóa của dân tộc*, người ta thường coi *bản sắc dân tộc* là *bản sắc văn hóa của dân tộc*. Vì sao vậy ? Bởi vì văn hóa là lĩnh vực rộng, bao trùm lên tất cả các lĩnh vực đời sống, có thể nói ở đâu có con người là ở đó có văn hóa, ở đâu có hoạt động của con người là có nhân tố văn hóa hiện diện, biểu hiện hoặc ẩn tàng bản sắc dân tộc. Lại nữa, văn hóa là lĩnh vực nhạy cảm, ở đó bản sắc dân tộc thường được biểu hiện một cách trung thực, linh hoạt.

Nếu bản sắc dân tộc là tổng hòa những đặc điểm của dân tộc (các dân tộc đa số, thiểu số, sắc tộc...), của xã hội (giai cấp, giới tính, nhóm xã hội, địa phương...), của lịch sử (các thời kỳ, giai đoạn, khi nhanh, khi chậm, lúc thịnh, lúc suy...), thì bản sắc dân tộc được phát triển một cách biện chứng, chuyển động với xu hướng và tích lũy dần những cái tốt, cái tiến bộ và sa thải cái xấu, cái không phù hợp với thời đại. Quan điểm lịch sử của chủ nghĩa duy vật trong đánh giá các hiện tượng lịch sử đã qua cho ta biết rằng : giai cấp thống trị ở thời kỳ tiến bộ cũng có những đóng góp cho sự hình thành bản sắc dân tộc, ngược lại - giai cấp bị trị cũng có bộ phận bị tha hóa, làm mất gốc dân tộc.

Bản sắc dân tộc là một đại lượng tinh thần, một *hệ phẩm chất* của một cộng đồng người, sống chan hòa với cộng đồng các dân tộc khác. Cho nên, khi xét bản sắc dân tộc không nên đi tìm cái nguyên chất, cái thuần chủng, cái đơn nhất chỉ có ở nước mình. Bản sắc dân tộc được thể hiện ở đời

sống văn hóa tinh thần là đậm đà nhất, bao gồm những giá trị bền vững như : tư tưởng, đạo đức, lối sống, tập quán ; văn hóa giao tiếp ; chủ nghĩa nhân văn dân tộc với lý tưởng thẩm mỹ tiến bộ : tôn thờ cái *đẹp*, cái *cao thượng* ; năng lực tiếp biến văn hóa trên cơ sở sự sáng tạo của nhân dân, của nghệ sĩ ; tiếng Việt với những quy tắc tạo từ, văn phạm, chính tả có những đặc điểm riêng như *giàu tính nhạc* và *tính hình tượng* ; cái xinh, cái gọn, kích thước vừa phải trong các di tích vật thể và cái *hài hòa*, cái *có mục thước* trong di tích phi vật thể v.v.. Tất cả những biểu hiện của bản sắc dân tộc ở đây đều có dấu hiệu, vết tích đọng lại trong nhiều loại hình văn hóa - nghệ thuật dân tộc, thậm chí có vùng đậm đặc.

2 - Bản sắc dân tộc lần theo dấu chân lịch sử

Do phải đương đầu với nạn ngoại xâm trong nhiều thế kỷ, phải chống chọi với thiên nhiên khắc nghiệt, nhân dân ta, thời nào cũng vậy, đều có bản lĩnh và sức mạnh để gìn giữ, phát huy nền nghệ thuật độc đáo, đa dạng của mình. Khảo sát bản sắc dân tộc trong nghệ thuật Việt Nam, nhiều công trình đã nói đến năng lực *vừa đối kháng* mãnh liệt trước sự cưỡng chế của văn hóa xâm lăng, *vừa đồng hóa* những cái hay, cái đẹp của các nền văn hóa khác bổ sung cho nền nghệ thuật của mình. Nền nghệ thuật ấy có những bản sắc nổi trội mà không nói đâu xa, chỉ cần so sánh với một số nền nghệ thuật các nước trong khu vực cũng đã thấy rõ sự khác biệt. Một vài dẫn chứng trong âm nhạc cho ta thấy rõ quan niệm độc đáo và hiện đại của người xưa. Tháng Giêng năm Đinh Ty (1437), vua Lê Thái Tông bổ nhiệm Nguyễn Trãi và

Lương Đăng trông coi việc làm xe loan và thẩm định nhã nhạc, dịp đó Nguyễn Trãi đã tâu lên vua : "Thời loạn thì dùng võ, thời bình thì dùng văn. Ngày nay định ra lễ nhạc chính là phải thời lăm... Hòa bình là gốc của nhạc, thanh âm là văn của nhạc... Học vấn sơ sài, nông cạn sợ trong áng thanh luật khó làm cho được hài hòa. Dám mong bệ hạ rủ lòng yêu thương và chăn nuôi muôn dân khiến cho trong thôn cùng xóm vắng, không có một tiếng hờn giận, oán sầu. Đó tức là giữ được cái gốc của nhạc"⁽¹⁾. Bên cạnh nhạc cung đình (mà đã là nhạc cung đình thì đại bộ phận phỏng theo âm nhạc đời Minh, đời Thanh bên Trung Quốc), chúng ta còn có âm nhạc dân gian đặc sắc. Ngoài các thể loại phổ biến cả nước như hát ru, hát đồng giao, ... từng miền, từng vùng đều có những thể loại âm nhạc riêng : Bắc Bộ có hát trống quân, xoan, ghẹo,... Nam Trung Bộ và Nam Bộ có các điệu hò, điệu lý,... Từng vùng văn hóa đều có "*đặc sản*" âm nhạc tồn tại cho đến hôm nay : vùng Kinh Bắc có hát quan họ ; Thanh Hóa có hò sông Mã ; Nghệ Tĩnh có hát ví, dặm ; Bình - Trị - Thiên có ca Huế, hò mái nhì, hò giã gạo ; các tỉnh khu 5 cũ có hát bài chòi, hát tuồng ; các tỉnh Nam Bộ có đờn ca tài tử, vọng cổ, các điệu lý... Những hiện tượng nghệ thuật vừa nói toát lên sức sống trường tồn, bản sắc sâu đậm của một nền văn hóa nước ta.

Không sao hình dung nổi khuôn mặt văn hóa trung - cận đại của dân tộc ta mà thiếu bản sắc riêng. Dân tộc có thể bị đô hộ, nền văn hóa dân tộc có thể bị cưỡng chế bởi thứ văn hóa nô dịch xa lạ do những đạo quân chiếm đóng áp đặt, thì cái còn lại là *ý thức tự tôn, tự cường* của dân tộc. Đó chính là

con đập chắn những đợt sóng xâm thực của văn hóa ngoại lai. Nghệ thuật đối với cha ông chúng ta vừa là hương thơm toát ra từ cuộc sống lao động, đấu tranh, xây dựng, vừa là phương tiện hỗ trợ cho cuộc đấu tranh chống ngoại xâm. Không phải ngẫu nhiên mà trên những trang sử vàng của dân tộc, chúng ta đọc thấy nhiều anh hùng dân tộc cầm gươm cầm kiếm lại là những nhà thơ lớn. Từ Lý Nhân Tông, Trần Nhân Tông, Lê Thánh Tông, Nguyễn Trãi đến Nguyễn Đình Chiểu, Hồ Chí Minh,... đều như vậy.

Tự tôn, tự hào dân tộc nhưng chưa bao giờ tự kiêu, hiếu chiến, chỉ lấy "tâm công" mà đối xử với các nước láng giềng, miễn sao bảo vệ được chủ quyền, lãnh thổ là cảm hứng chủ đạo trong thơ văn của các anh hùng dân tộc. Cảm hứng đó, người đời sau tìm thấy trong thơ văn của Nguyễn Trãi, Quang Trung. Chính sách "*đánh vào lòng, không chiến mà cũng thắng... để mở nền thái bình muôn thuở...*" cho nhân dân hai nước là cảm hứng chủ đạo trong *Bình Ngô đại cáo* như nhiều người đã biết, còn hào khí sảng khoái, kể sách "thu phục nhân tâm", "sửa hòa hiếu" cho hai nước cũng được Nguyễn Trãi - nhà văn hóa lớn nói rõ trong *Phú núi Chí Linh*.

Mấy trăm năm sau, kế thừa những tư tưởng lớn về truyền thống nhân nghĩa của Lê Lợi, Nguyễn Trãi, vua Quang Trung trong nhiều bài hịch, chiếu, dụ, biểu của mình đã tuyên cáo minh bạch đường lối chính trị thân dân và đại nghĩa của mình : "*Trăm nay có cả thiên hạ, sẽ dìu dắt dân vào*

(1) Dẫn theo *Từ trong di sản...*, Nxb Tác phẩm mới, Hội Nhà văn Việt Nam, Hà Nội, 1988, tr 25

đạo lớn, đem dân lên cõi đài xuân" (Chiếu lên ngôi). Nhân nghĩa không chỉ với dân, làm cho dân đời đời thái bình, có phương lược nhìn xa trông rộng để ở bên cạnh nước lớn mà vẫn yên ổn. Đối với kẻ thua trận thì rộng lòng tha thứ : "... đối với kẻ làm lỗi thì trẫm tỏ lòng che chở, bao dung... không hề lấy có còn - mất, được - thua để đổ lỗi cho các người" (*Chiếu dụ các quan văn võ cựu triều*). Tác giả Hoàng Lê nhất thống chí kể : sau chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa, Quang Trung hạ lệnh chiêu an "... Phàm là người Thanh trốn ở các nơi đều bảo phải đầu thú, dân gian không được chứa chấp... Trong khoảng 10 ngày, quân Thanh ra thú có đến vài vạn, đều được cấp phát lương ăn, áo mặc...". Thật là một đức trọng của một lãnh tụ nông dân khởi nghĩa, một hoàng đế thân dân "oai vũ mà nhân hậu", mang đậm chủ nghĩa nhân văn, giàu bản sắc Việt Nam ở thế kỷ XVIII.

Nói đến văn hóa là nói đến đức bao dung, không so chấp hận thù. Nhận thức như vậy, chúng ta hiểu các vua triều đình nhà Nguyễn kéo dài sự thống trị 150 năm cũng có những đóng góp cho bản sắc Việt Nam. Chỉ dẫn vài ví dụ : năm thứ 8, Minh Mạng ra lệnh sưu tầm các văn kiện, sách, bia ký của triều đình Tây Sơn bởi ông cho rằng "đó cũng là dấu tích một đời, kho sách chứa cất không nên thiếu sót"⁽²⁾. Minh Mạng là ông vua hiểu biết và có nhiều hình thức bảo trợ nghệ thuật tuồng. Việc đặt tên *Hòa Thanh Thự* chuyên lo việc quản lý và sáng tác âm nhạc, hát xướng là công lao của ông. Thiệu Trị chỉ sống có 41 năm, trị vì 7 năm mà đã có hàng chục tập thơ văn với khoảng 4 000 bài thơ đủ thể loại, hàng trăm bài văn mang đậm bản sắc thiên nhiên

Việt Nam, con người nông dân Việt Nam và tầm quan trọng của một nước nông nghiệp (tất nhiên là bên cạnh đề tài thường ngoạn *phong, hoa, tuyết, nguyệt*). Vào năm 1843, khi có dịp đánh giá nền văn hóa đã được cha ông đời trước xây dựng ngót 900 năm, nhà vua không hổ thẹn với cha ông khi đem nó so sánh với văn hóa Trung Hoa : Văn vật ở nước ta không thua kém gì Trung Quốc. Và hẳn có dịp là ông không ngần ngại phê phán những ý tứ chưa chuẩn xác trong thơ từ của vài vị vua nhà Đường. Vua Tự Đức cũng có đóng góp to lớn vào nền văn hóa dân tộc mang sắc thái Phú Xuân. Có thể nói Tự Đức là "một đại thụ" trong rừng văn hóa đại ngàn xứ Huế, có vốn Nho học uyên bác, sáng tác nhiều, đam mê thơ phú, văn tuồng, âm nhạc tuồng, diễn tuồng ; đó là chưa kể đến những chính sách văn hóa do ông khởi xướng đã thúc đẩy phát triển nền nghệ thuật tuồng, nghệ thuật ca hát, kể cả nghệ thuật dân gian.

3 - Giữ gìn, phát huy bản sắc dân tộc trong văn hóa và sự giao lưu, hội nhập

Cũng giống như mọi lĩnh vực hoạt động khác, văn hóa có cấu trúc nội tại của mình và mối liên hệ giữa nó với kinh tế - xã hội..., giữa nó với các nền văn hóa lân bang, khu vực và thế giới. Nhu cầu học hỏi, trao đổi, hiểu biết lẫn nhau là một quy luật của phát triển. Nhưng mỗi một dân tộc cũng có ý thức giữ gìn và phát triển bản sắc dân tộc của văn hóa nước mình trên cơ sở tâm lý, thị hiếu, phong tục, trình độ của nước mình,

(2) Dẫn theo GS Trần Văn Giàu : *Sự phát triển tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng Tháng Tám - hệ ý thức phong kiến*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973, tr 99

dân mình. Đó cũng là một quy luật thường tình.

Do đặc điểm của thời đại, thành tựu của các ngành khoa học - công nghệ như công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, công nghệ vật liệu,... đang đi vào mọi lĩnh vực đời sống, nền văn hóa phát triển theo phương châm : *dân tộc, khoa học, đại chúng, dân chủ, nhân văn*. Hiện tượng đó cũng xảy ra ở các nền văn hóa hầu hết các nước phát triển và đang phát triển. Hằng ngày, hằng giờ, văn hóa của các nước có thể chế chính trị khác nhau bao gồm cả dòng trong và dòng đục, sản phẩm tốt và những thứ phẩm - phế phẩm độc hại như những đợt sóng ủa vào thị trường văn hóa các dân tộc. Không thể cưỡng lại được ! Đã xa rồi thời kỳ cách ly giả tạo, chỉ biết đóng cửa, đối phó, chỉ sợ "gió độc" tràn vào mỗi lần mở cửa. Mở cửa, giao lưu, hội nhập vừa là sự cởi mở, vừa là sự hứng chịu. Sự hứng chịu trong quá trình mở cửa được thể hiện trên hai bình diện : tâm lý sùng ngoại, phục ngoại nhất là ở giai đoạn đầu và sự bài ngoại, tự đóng cửa, tự giam hãm mình trong sự tù đọng của địa phương, của khu vực. Sùng ngoại và bài ngoại là hai cực đối lập của một quá trình phát triển, nhưng thường tự trung là do tri thức kém, trình độ dân trí thấp, thiếu lòng tự hào, tự trọng dân tộc. Cơ sở để giải quyết mâu thuẫn này là bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thực tế lịch sử nước ta trong hàng nghìn năm bị đô hộ đã diễn ra cuộc đấu tranh vừa *chống* sự cưỡng chế văn hóa mang tính chất nô dịch, vừa *tiếp nhận* những yếu tố văn hóa

của nước đi xâm lược bằng nhiều con đường và nhiều phương thức khác nhau. Bản lĩnh của nền văn hóa bản địa Việt Nam chính là ở chỗ, mặc dầu bị thôn tính về mặt sức mạnh quân sự nhưng về văn hóa thì không co lại tự vệ, không từ chối những yếu tố ngoại sinh, mà trái lại - chọn lọc, thu nạp, dung hòa những cái hay, cái đẹp, cái có ích của nền văn minh các nước, kể cả nước đang đô hộ mình. Kinh nghiệm lịch sử cũng cho hay rằng : các nước đi xâm lược cũng có khi bị chinh phục bởi nước bị xâm lược, họ cũng thu nhận những cái hay, cái đẹp bằng nhiều con đường khác nhau (kể cả con đường cướp bóc các di sản văn hóa của nước bị đô hộ).

Vậy làm thế nào để văn hóa, nghệ thuật vừa đậm đà bản sắc dân tộc, vừa cởi mở, giao lưu với các nước, nhất là trong lĩnh vực nghiên cứu và sáng tác nghệ thuật ?

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có một câu nói nổi tiếng về mối quan hệ biện chứng mà chúng ta vừa bàn : "Phát triển hết cái hay, cái đẹp của dân tộc, tức là ta cùng đi tới chỗ nhân loại"⁽³⁾. Vì sao vậy ? Vì trong kho tàng di sản phi vật thể của cha ông ta, chùng nào không bị đốt sạch qua những cơn binh lửa, chùng nào không bị kẻ thù lấy mất... thì ta có thể duy danh nền văn hóa ấy gói gọn trong 4 chữ : *Trí tuệ, nhân văn, tân kỳ, hiện đại*. Bốn thành tố này quyện với nhau mà sống, mà lấp lánh. Mỗi một nghệ sĩ sống và làm việc trong một đất nước nhất định, một địa phương nhất định, đó là máu thịt của tác

(3) *Bác Hồ với văn nghệ sĩ*, Nxb Tác phẩm mới, Hội Nhà văn Việt Nam, Hà Nội, 1985, tr 50 - 51

phẩm. Nhưng tài năng của nghệ sĩ chính là ở chỗ với một đối tượng phản ánh nhất định, trong điều kiện địa lý cụ thể, nghệ sĩ đặt ra những vấn đề có ý nghĩa thời đại, ý nghĩa thế giới.

Để phát huy bản sắc dân tộc của văn hóa trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chúng ta cần phải gắn với việc xây dựng nền văn hóa tiên tiến. Vậy thế nào là nền văn hóa tiên tiến của Việt Nam trong sự tương ứng với quá trình hội nhập và giao lưu quốc tế ? Xin được nêu mấy điểm như sau :

1 - Nền văn hóa Việt Nam tiên tiến gắn liền với tư tưởng triết học tiên tiến và đạo đức tiến bộ : đó là chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh. Văn hóa Việt Nam có thể có những nhân tố tiên tiến trước khi có *Đề cương văn hóa Việt Nam* (1943). Trong *Đề cương* ghi rõ : 3 nguyên tắc của cuộc vận động văn hóa trong thời kỳ lịch sử mà Đảng ta chưa nắm chính quyền là *dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa*. Khoa học hóa nền văn hóa dân tộc chính là quá trình dung nạp những yếu tố hiện đại của dân tộc và của thời đại. Độ chênh giữa 3 nguyên tắc trên với 3 nội dung *dân tộc - hiện đại - nhân văn* là không lớn. Chúng tạo nên *cấu trúc động* của một nền văn hóa hướng về phía trước.

2 - Nền văn hóa tiên tiến của Việt Nam tích chứa những giá trị bền vững của truyền thống dân tộc trong mấy nghìn năm. Chính chúng là ngọn nguồn, gốc rễ để cây văn hóa phát triển qua các thời đại. Tiên tiến là yêu nước và tiến bộ mà nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội...

Tiên tiến không chỉ về nội dung tư tưởng mà cả trong hình thức biểu hiện, trong các phương tiện chuyển tải nội dung.

3 - Nền văn hóa tiên tiến cần được hiện đại hóa làm tiền đề và điều kiện để hội nhập và giao lưu. Có 3 nội dung sau :

- Hiện đại hóa không đồng nhất với phương Tây hóa, mặc dầu những kinh nghiệm của phương Tây, của các nước phát triển có một vai trò quan trọng trong quá trình hiện đại hóa. Ý đồ và hành vi dùng những khuôn thước, những mô hình nước ngoài, để đo đếm, để quy chiếu những giá trị của nền văn hóa nước ta là một sai lầm về phương pháp và trên thực tế là không phù hợp lô-gíc lịch sử.

- Hiện đại hóa trong văn hóa chỉ đi vào cuộc sống suôn sẻ khi trình độ và mặt bằng dân trí được nâng cao mới phát huy được những giá trị truyền thống, vừa biết tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa của các nước và của thời đại, cảnh giác và làm thất bại chiến lược "diễn biến hòa bình" trên mặt trận văn hóa, chống sùng ngoại, phục ngoại một cách vô cớ.

- Hiện đại hóa các thiết chế, máy móc, thiết bị để hoạt động văn hóa có hiệu quả lớn hơn.

4 - Hiện đại hóa trong văn hóa không chỉ đòi hỏi phải đổi mới công nghệ, thiết bị, xây dựng các thiết chế văn hóa tầm cỡ quốc tế, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động và sáng tạo văn hóa mà còn đòi hỏi có *con người văn hóa, môi sinh văn hóa, điều kiện văn hóa và quản lý văn hóa* tương ứng với thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. □



QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

thực hiện tốt nhiệm vụ

GIÚP DÂN PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

PHÙNG QUANG THANH*

ĐỒNG thời với việc thực hiện xuất sắc nhiệm vụ quốc phòng Quân đội nhân dân luôn luôn thực hiện tốt nhiệm vụ phòng chống thiên tai, hỏa hoạn, lụt bão... tìm kiếm cứu nạn, giúp dân khắc phục hậu quả, ổn định đời sống, đã thể hiện sâu sắc bản chất, truyền thống cách mạng tốt đẹp của Quân đội nhân dân.

Những năm gần đây, sự biến đổi của khí hậu, thời tiết, thiên nhiên cực kỳ khắc nghiệt, lụt bão, khô hạn, hỏa hoạn... đã xảy ra ở nhiều nơi trên đất nước ta, gây thiệt hại nhiều nhà cửa, tài sản và đe dọa tính mạng của nhân dân, Quân đội đã có biết bao tấm gương tập thể và cá nhân anh hùng, dũng cảm, kiên cường, hy sinh giúp dân chống lại thiên tai, bảo vệ tài sản, tính mạng của nhân dân.

Hàng năm, Quân đội đã triển khai công tác phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn, giúp dân phòng chống thiên tai với trách nhiệm chính trị cao nhất. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã có chỉ thị triển khai nhiệm vụ này. Tổng cục Chính trị cũng có văn bản hướng dẫn công tác Đảng, công tác chính trị, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục cho

cán bộ, chiến sĩ nhận thức sâu sắc ý nghĩa quan trọng, trách nhiệm chính trị của mình trong nhiệm vụ phòng chống thiên tai. Bộ Tổng tham mưu đã xây dựng kế hoạch cụ thể, triển khai đến các quân khu, quân đoàn, binh chủng ; thường xuyên tổ chức các đợt luyện tập, diễn tập thực nghiệm cho nhiệm vụ phòng chống lụt bão, tìm kiếm, cứu nạn.

Các quân khu, quân đoàn, binh chủng... luôn tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo ; nhanh chóng xây dựng, bổ sung và hoàn thiện kế hoạch sử dụng bộ đội, phương tiện trong trường hợp khẩn cấp, phòng chống thiên tai tại chỗ. Với quan điểm chỉ đạo lấy phòng làm chính, cứu chữa phải kịp thời, hiệu quả..., các đơn vị đã luôn đề cao cảnh giác trước những diễn biến phức tạp của thiên nhiên, thời tiết ; có chủ trương, kế hoạch phòng chống ngay từ đầu và thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện tốt kế hoạch đã đề ra ; thường xuyên, chủ động phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương, các cơ quan liên quan

* Trung tướng, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam

triển khai nhanh, có hiệu quả các phương án phòng chống thiên tai, không để bị bất ngờ, nhanh chóng huy động lực lượng, phương tiện giúp dân, cứu hộ, cứu nạn kịp thời và có hiệu quả.

Các cơ quan quân sự địa phương và Bộ đội Biên phòng cũng đã thực hiện tốt vai trò, chức năng, nhiệm vụ tham mưu cho đảng bộ, chính quyền trong công tác phòng chống thiên tai. Từng bước vận dụng tốt các cơ chế nâng cao hiệu quả trong hiệp đồng, điều hành phòng chống thiên tai, thống nhất từ trung ương đến cơ sở. Tăng cường sự chỉ huy, phối hợp đồng bộ giữa các lực lượng, phát huy cao nhất sức mạnh và tiềm năng tại chỗ, làm cho công tác phòng chống thiên tai ngày một hiệu quả hơn.

Quân đội đã hình thành và không ngừng hoàn chỉnh hệ thống "4 tại chỗ". Đó là : chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ và hậu cần tại chỗ, nhằm tổ chức phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, giúp dân phòng chống thiên tai. Từ cấp Bộ đến các đơn vị cơ sở đã chú trọng các địa bàn trọng điểm, tập trung xây dựng các đơn vị đặc nhiệm mạnh, sẵn sàng cơ động cao..., có thể nhanh chóng ứng cứu, chống thiên tai kịp thời ; chú trọng bảo đảm một số trang bị, phương tiện cần thiết, bảo đảm thông tin liên lạc kịp thời và thông suốt.

Các đơn vị trên các địa bàn trọng điểm đã luôn đề cao tinh thần trách nhiệm, xây dựng ý chí quyết tâm, tổ chức chặt chẽ, duy trì kỷ luật nghiêm, thường xuyên rèn luyện, học hỏi nâng cao trình độ, chất lượng công tác, tích cực khai thác hết thế mạnh và tiềm năng hiện có cho nhiệm vụ phòng chống thiên tai, không để bị động trước tình hình. Qua nhiều đợt giúp dân chống chọi với thiên tai, các đơn vị luôn luôn tỏ ra bình tĩnh, tự tin, chủ

động, sáng tạo, khắc phục mọi khó khăn, xử lý nhanh các tình huống. Cùng với các lực lượng kiên cường bám trụ, các chiến sĩ luôn luôn có mặt tại những nơi khó khăn, gian khổ, giành giật từng cơ hội để giúp dân, cứu dân, khắc phục hậu quả thiên tai, xây dựng cuộc sống yên lành cho nhân dân. Sau những lần vượt qua lụt bão, thiên tai, nhân dân càng thêm tin yêu "bộ đội Cụ Hồ".

Do có kế hoạch cụ thể, có tinh thần thường trực chiến đấu, sẵn sàng cơ động cao..., nên ngay khi nhận được tin lũ lụt, Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng Tham mưu đã theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình, kịp thời triển khai các biện pháp khẩn cấp, phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, các bộ, ban, ngành cứu dân, cứu tài sản, đã khắc phục phần lớn hậu quả của hai đợt lũ lịch sử liên tiếp, bất ngờ, đặc biệt lớn, cường độ mạnh, diện rộng, dài ngày, ở miền Trung tháng 11, 12 năm 1999. Để đối phó với hai đợt lũ này, Bộ Quốc phòng đã nhanh chóng lập Chỉ huy sở tiền phương tại miền Trung ; triển khai ngay nhiệm vụ cho các lực lượng (quân khu, quân chủng, binh chủng, các bộ tư lệnh, các đơn vị trên địa bàn...) điều động lực lượng, phương tiện cao nhất... kịp thời phục vụ cứu hộ, cứu nạn. Bộ đã kịp thời điều động lực lượng dự bị của Bộ, điều động toàn bộ lực lượng, phương tiện cứu hộ, cứu nạn và vật chất hậu cần (đã có kế hoạch chuẩn bị từ trước) đến hỗ trợ ; thiết lập cầu hàng không, lập các tổ, đội quân y, hóa học, môi trường và điều động đến ngay các vùng lũ lụt ; phát động phong trào quyên góp ủng hộ đồng bào bị lũ lụt trong toàn quân. Nhiều đơn vị đã chủ động đề xuất đưa lực lượng, phương tiện vật chất kỹ thuật và lương thực thực phẩm vào miền Trung giúp đỡ đồng bào. Với tinh thần chủ động, kiên cường,

khẩn trương, có tổ chức kỷ luật cao..., Quân đội đã kịp thời huy động hàng vạn cán bộ, chiến sĩ với các phương tiện cần thiết, cùng nhân dân cả nước quyên góp trên 16 tỉ đồng, gần 150 vạn tấn gạo và lương khô, gần 30 tấn mì tôm, bánh ép, 20 tấn thóc giống, hàng vạn bộ quần áo, chăn màn, nhiều cơ sở thuốc quân y cùng sách vở, giấy viết, bút cho các em học sinh, giúp nhân dân miền Trung chống bão lũ, góp phần cứu sống gần 10 000 người dân, di dời gần 70 000 hộ thoát khỏi vùng ngập lụt. Nhiều gương cán bộ, chiến sĩ dũng cảm, nổi lên trong cuộc chiến đấu chống lụt bão này, trong đó bốn đồng chí đã anh dũng hy sinh quên mình vì dân, vì nước. Toàn bộ lực lượng vũ trang Quân khu 4, Quân khu 5 đã "lao" vào trận chiến đấu, bất chấp khó khăn, mưa rét, đói khát trong nhiều ngày để cứu dân, nhường cơm, xẻ áo cho dân. Bộ đội Biên phòng đã góp phần cứu được hơn 8 000 người, di dời hơn 65 000 hộ thoát khỏi vùng lũ lụt. Bộ đội Không quân đã vượt qua khó khăn, nguy hiểm của thời tiết thực hiện bay gần 400 lần chuyển hàng cứu trợ an toàn...

Năm 2001, Quân đội được Đảng, Nhà nước đánh giá đã hoàn thành tốt nhiệm vụ ứng cứu và giúp dân bị ngập lụt ở đồng bằng sông Cửu Long ; lũ quét, lũ ống ở Thái Nguyên, Bắc Cạn, Bắc Giang, Tuyên Quang, Lào Cai, Vĩnh Phúc... ; bão số 8 ở miền Trung... ; cứu được hàng trăm người dân, đưa hàng nghìn học sinh đi dự thi đại học đúng thời gian, di dời hơn 20 000 căn hộ tránh bão và ngập lụt, trực vớt 11 thuyền cá trôi dạt...

Gần đây, trong vụ cháy rừng U Minh, tháng 4 - 2002, do tổ chức và chấp hành tốt kỷ luật quân đội, duy trì nghiêm chế độ trực phòng chống thiên tai trong kế hoạch đã đề

ra, chốt của trạm 14, tiểu đoàn 207, tinh đội Kiên Giang đã phát hiện đám cháy đầu tiên tại tiểu khu 144, vùng lõi vườn quốc gia U Minh Thượng. Bộ Quốc phòng đã nhanh chóng cử đồng chí Phó Tổng Tham mưu trưởng cùng Tư lệnh Quân khu 9, các bộ chỉ huy quân sự tỉnh, biên phòng... có mặt tại hiện trường trực tiếp chỉ huy, phối hợp cùng các lực lượng và tổ chức cho bộ đội chữa cháy. Quân đội đã điều động hơn 1 600 cán bộ, chiến sĩ, hơn 2 000 dân quân tự vệ của Quân khu 9, Bộ đội Biên phòng... ; huy động nhiều phương tiện, vật tư, vật chất hậu cần... tham gia chữa cháy tại những điểm xung yếu, những nơi khó khăn, gian khổ nhất. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đánh giá : Quân đội đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, tích cực, chủ động phối hợp với các lực lượng, cùng lực lượng Phòng cháy - Chữa cháy, Bộ Công an chữa cháy suốt ngày đêm. Với tinh thần xả thân cứu rừng, Bộ đội đã kiên cường bám trụ, luôn có mặt ở những nơi, những thời điểm gian khổ, ác liệt nhất, "chiến đấu" dũng cảm, bền bỉ, liên tục, kiên cường, giành giật từng mảnh rừng, từng cây tràm để bảo vệ tài nguyên quốc gia, xứng đáng là một lực lượng tiên phong, chủ yếu, quyết định giành thắng lợi... Bộ Quốc phòng đã biểu dương tinh thần chủ động, sáng tạo, khắc phục khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ của cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang Quân khu 9, các đơn vị trực thuộc Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng.

Kết quả đó khẳng định quan điểm, chủ trương đúng, quyết tâm cao, tổ chức tốt của Quân đội nhân dân trong nhiệm vụ giúp dân phòng chống thiên tai. Bộ Quốc phòng, các lực lượng vũ trang nhân dân đã quán triệt sâu sắc chỉ thị của Đảng, Nhà nước, phát huy cao độ bản chất, truyền thống Quân đội nhân dân, truyền thống "bộ đội Cụ Hồ", chủ động

triển khai kế hoạch, tham gia chống thiên tai với tinh thần trách nhiệm chính trị cao, ý thức chấp hành mệnh lệnh nghiêm túc, thực sự là lực lượng đi đầu, lực lượng chủ yếu trong công tác giúp dân phòng chống thiên tai, bảo vệ tài sản, tính mạng của nhân dân, của Nhà nước, thực hiện tốt lời dạy của Bác "Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân... Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng".

Để làm tốt hơn nữa công tác giúp đỡ nhân dân phòng chống thiên tai trong thời gian tới, Quân đội nhân dân cần quán triệt tốt những nội dung sau :

- Bám sát đường lối lãnh đạo của Đảng, bảo đảm huấn luyện tốt, sẵn sàng chiến đấu cao ; tăng cường giáo dục tư tưởng cho cán bộ chiến sĩ về bản chất của quân đội ta là quân đội nhân dân, luôn luôn sẵn sàng chiến đấu hy sinh, vượt qua gian khổ để bảo vệ, giúp đỡ nhân dân trong mọi tình huống. Trong phòng chống thiên tai, địch họa, quân đội luôn luôn xác định vai trò nòng cốt của mình để giúp đỡ nhân dân, không một phút buông lơ, hay chậm trễ.

- Các đơn vị quân đội luôn luôn trong tư thế sẵn sàng tham gia giúp đỡ nhân dân phòng và chống thiên tai. Giúp đỡ nhân dân không chỉ về con người, phương tiện cơ sở vật chất... mà còn thường xuyên có kế hoạch dự phòng và tập dượt xử lý mọi tình huống có thể xảy ra. Thường xuyên kết hợp diễn tập sẵn sàng chiến đấu và diễn tập giúp đỡ nhân dân phòng chống thiên tai hằng tháng, hằng năm và hằng quý ; thường xuyên kiểm tra, đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm.

- Các đơn vị từ cơ quan Bộ Quốc phòng đến các đơn vị chiến đấu và huấn luyện ; các quân khu, quân đoàn ; các binh chủng thường xuyên liên hệ hợp tác với các bộ, ngành, cơ quan có liên quan, chú ý theo dõi

và góp phần vào việc dự báo, dự phòng về thiên tai, địch họa kể cả dài hạn và ngắn hạn. Trên cơ sở đó, có kế hoạch dự phòng cụ thể..., không bị động trước diễn biến phức tạp của thiên tai xảy ra trên địa bàn cả nước cũng như trên địa bàn của các cấp quân khu, quân đoàn, binh chủng...

- Để giúp đỡ nhân dân có hiệu quả hơn về mọi mặt, các cấp lãnh đạo chỉ huy từ Bộ Quốc phòng đến các đơn vị cơ sở cần tăng cường các hoạt động dã ngoại, kết nghĩa, đi sâu thâm nhập vào cuộc sống của nhân dân, cùng nhân dân tham gia các hoạt động cụ thể để lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của nhân dân, vận động nhân dân thực hiện đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước xây dựng cuộc sống mới. Đồng thời, nắm chắc tình hình nhân dân, địa hình, địa thế... để chủ động giúp đỡ nhân dân khắc phục có hiệu quả cao hơn khi thiên tai xảy ra.

- Các đơn vị đã tham gia giúp đỡ nhân dân phòng chống thiên tai và các ngành, các cấp có liên quan cần tiến hành tổng kết, rút kinh nghiệm, đề xuất ý kiến với Đảng, Nhà nước để có cơ chế chính sách phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho quân đội làm tốt hơn nữa nhiệm vụ phòng chống thiên tai. Đặc biệt, cần quán triệt sâu rộng trong toàn quân phương châm phòng hơn chống, chủ động phòng ngừa trong nhiệm vụ phòng chống thiên tai.

Có thể nói, phía trước còn nhiều khó khăn và thách thức, hậu quả của thiên tai thật khó lường. Song, dưới sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng, với sự nỗ lực cố gắng của toàn quân, toàn dân, bằng quan điểm, chủ trương đúng, biện pháp thiết thực, cụ thể..., Quân đội ta sẽ giành nhiều thắng lợi trên mặt trận giúp đỡ nhân dân phòng chống thiên tai như đã từng anh dũng chiến thắng kẻ thù xâm lược. □

ĐIỀU 4, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nêu rõ : "Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành quyền lợi của giai cấp công nhân Việt Nam, nhân dân lao động và của cả dân tộc, theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là lực lượng duy nhất lãnh đạo nhà nước và xã hội, mọi tổ chức của Đảng hoạt động theo khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật". Để tiếp

quận phải luôn đổi mới ngang tầm nhiệm vụ, trên nguyên tắc giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng. Liên quan đến chủ đề rộng lớn này, từ thực tiễn ở quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, chúng tôi thấy cần nhận thức và giải quyết tốt những vấn đề cơ bản sau :

Trước hết, **xác định rõ các nội dung lãnh đạo** của Đảng đối với chính quyền theo những vấn đề có tính nguyên tắc.

Tiếp tục phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, của Ban Chấp hành, Ban

ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CHÍNH QUYỀN CẤP QUẬN

VŨ HỒNG KHANH*

tục thực hiện tốt vai trò lãnh đạo, dẫn dắt toàn xã hội, Đảng ta coi vấn đề tự đổi mới, tự chỉnh đốn là vấn đề liên quan trực tiếp đến sự tồn tại và phát triển của Đảng và của dân tộc. Vì vậy, Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã nhấn mạnh : "Tăng cường vai trò lãnh đạo và tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước".

Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là vấn đề vừa cơ bản vừa cấp bách. Trong hệ thống chính quyền bốn cấp (trung ương, tỉnh, huyện, xã), cấp quận (ở các thành phố) được coi là cấp trên cơ sở. Xuất phát từ tình hình thực tế của mỗi địa phương, từ nhiệm vụ chính trị trong từng giai đoạn cách mạng cụ thể ; nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền cấp

Thường vụ Quận ủy với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nhất là thẩm quyền của chính quyền trong công tác quản lý nhà nước. Làm rõ vấn đề này sẽ tránh được tình trạng bao biện, làm thay hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền. Mặt khác, không ngừng phát huy trí tuệ, trách nhiệm và sức sáng tạo của chính quyền các cấp, làm nền tảng, định hướng sự phát triển và phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị.

Căn cứ vào các nghị quyết của Đảng (từ nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc, Đại hội Đảng bộ thành phố đến Đại hội Đảng bộ quận) ; đồng thời căn cứ vào các văn bản chỉ đạo của Nhà nước từ Chính phủ, Ủy ban nhân dân thành phố và các bộ, ban, ngành ; nhất là luật và các chính sách cụ thể ; căn cứ

* Bí thư Quận ủy Cầu Giấy, Hà Nội

vào tình hình và những vấn đề đặt ra trên địa bàn quận để hoạch định và xây dựng các chủ trương, nghị quyết chuyên đề, các chương trình, kế hoạch công tác của Đảng một cách phù hợp. Khi các vấn đề đã được quyết định, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tránh chung chung, dàn trải, thiếu trọng tâm, trọng điểm. Nhiệm vụ chính trị của quận hiện nay là : xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, lãnh đạo kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng, quản lý đô thị - đảm bảo an ninh trật tự là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng.

Cấp ủy đảng, đặc biệt là thường trực và người đứng đầu cấp ủy của quận phải tập trung nghiên cứu, nắm vững những thông tin, kiến thức, kinh nghiệm, những yêu cầu đặt ra của cả thành phố và cơ sở. Từ đó đề xuất các yêu cầu, nội dung để bàn bạc, thống nhất quyết định trong cấp ủy, hoặc giao cho ủy ban nhân dân, các phòng, ban chức năng của chính quyền tham mưu, đề xuất để cấp ủy bàn và ra quyết định. Đây là cách thức để phát huy tính chủ động và khẳng định vai trò, vị trí, tầm trí tuệ của cấp ủy cũng như chính quyền các cấp nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị - kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng trên địa bàn.

Cấp ủy xây dựng cơ chế hoạt động phối hợp chặt chẽ với chính quyền và các sở, ban, ngành của thành phố để nắm chắc chủ trương, nội dung và giải pháp chỉ đạo những công việc trên địa bàn quận. Từ đó, chọn các vấn đề để phối hợp bàn bạc, quyết định. Tranh thủ khai thác trí tuệ, khả năng điều kiện của các tổ chức này, phục vụ cho việc lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy. Đồng thời chủ động ủng hộ, hỗ trợ và cùng tháo gỡ khó khăn cho chính quyền và cơ sở trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cụ thể tại địa phương, cơ sở.

Vấn đề không kém phần quan trọng trong quá trình xác định nội dung, phương thức

lãnh đạo của Đảng, đó là cấp ủy phải định ra chương trình, kế hoạch công tác một cách khoa học, phù hợp với từng thời điểm cụ thể ; chọn các nội dung, chọn thời điểm để tập trung chỉ đạo mạnh mẽ, hiệu quả. Đặc biệt, tránh hình thức, chỉ nêu chung chung hoặc "đánh trống bỏ dùi", không theo dõi, kiểm tra, xác định chế độ thông tin báo cáo kịp thời và chế độ trách nhiệm cụ thể.

Sau khi đã xác định cụ thể nội dung lãnh đạo, việc biến những nội dung đó thành hiện thực phụ thuộc rất nhiều vào **cách thức lãnh đạo**.

Đảng lãnh đạo toàn diện và trực tiếp thông qua chủ trương, nghị quyết, quyết định ; thông qua các tổ chức đảng và công tác tổ chức, cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ, đảng viên được Đảng giới thiệu để bầu vào các vị trí chủ chốt của chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo trên cơ sở những quy định trong Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước và nhất là thông qua các tổ chức của Đảng trong hệ thống chính quyền. Vì vậy, các cấp ủy phải xây dựng được quy chế làm việc giữa cấp ủy và chính quyền nhằm thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách trên cơ sở không ngừng đổi mới sự lãnh đạo của Đảng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, tạo sức mạnh tổng hợp trong việc thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng. Làm tốt vấn đề này sẽ phát huy được vai trò của tổ chức, bộ máy, nêu cao trách nhiệm cá nhân, tạo thuận lợi trong việc chỉ đạo, kiểm tra xử lý. Việc xây dựng quy chế đòi hỏi bản lĩnh chính trị và tầm trí tuệ của cấp ủy, thể hiện vai trò lãnh đạo toàn diện, trực tiếp, tạo mọi điều kiện để phát huy tính chủ động, trí tuệ và sức sáng tạo của chính quyền.

Đảng phải tăng cường công tác kiểm tra. Trước hết là kiểm tra đảng viên trong bộ

máy chính quyền quán triệt và thực hiện đường lối chính trị của Đảng trên các lĩnh vực mà chính quyền quản lý. Kiểm tra việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị và các quyết định của Đảng có được thực hiện hay không hoặc thực hiện đến mức nào, những ưu, khuyết điểm, những vấn đề tồn tại cần giải quyết, những vấn đề nảy sinh và thậm chí cả những vấn đề cần phải điều chỉnh cho phù hợp.

Ở đây có vấn đề cần lưu ý là không phải lúc nào cũng phân biệt được rõ ràng ranh giới giữa nghị quyết của Đảng với chính sách pháp luật của Nhà nước. Các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước chính là sự cụ thể hóa nghị quyết của Đảng. Vì vậy, nói đến kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của Đảng, hiểu theo nghĩa rộng chính là kiểm tra việc thực hiện các đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Đảng phải lãnh đạo hệ thống chính trị ở cơ sở, đồng thời tạo cơ chế giám sát các hoạt động của chính quyền theo đúng pháp luật. Vai trò lãnh đạo của Đảng được thể hiện trong việc vận động và phát huy sức mạnh toàn dân, thực hiện nhiệm vụ của chính quyền, xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy quyền làm chủ của nhân dân ; tích cực xây dựng chính quyền trong sạch vững mạnh, nâng cao hiệu quả và hiệu lực, đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí. Điều cần nhấn mạnh là, Đảng không ngừng chăm lo công tác giáo dục chính trị tư tưởng, mà trung tâm là xây dựng khối đoàn kết để tạo ra sức mạnh thống nhất trong hệ thống chính trị nhằm thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị của quận và kịp thời giải quyết có hiệu quả những vấn đề xảy ra trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và công việc quản lý nhà nước của chính quyền.

Đảng lãnh đạo chính quyền, không chỉ thông qua các đảng viên bằng phương pháp dân chủ, thuyết phục mà Đảng phải "hóa thân" vào chính quyền bằng cách cử những cán bộ chủ chốt nhất, có năng lực và phẩm chất tham gia bộ máy chính quyền. Đảng phải hết sức coi trọng và thống nhất trong lãnh đạo và quản lý cán bộ. Nếu không, công tác này nhất định sẽ làm tổn hại tới vai trò lãnh đạo của Đảng. Tất nhiên, Đảng phải đổi mới công tác cán bộ. Nghĩa là đổi mới từ việc xác định rõ tiêu chuẩn đánh giá cán bộ, bố trí và sử dụng cán bộ đến việc đào tạo, tuyển chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm cán bộ. Cán bộ có thể là người trong hoặc ngoài Đảng, nhưng phải là người có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực công tác được quần chúng tín nhiệm, phải trung thành với đường lối của Đảng và phục tùng sự lãnh đạo của Đảng. Cán bộ lãnh đạo chính quyền, ngoài các tiêu chuẩn khác, phải có tính đảng cao, biết tôn trọng và thực hiện tốt các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng.

Cần làm rõ chức danh và tiêu chuẩn hóa từng chức danh cán bộ các loại. Song, cần nhấn mạnh các tiêu chuẩn về bản lĩnh chính trị, về trình độ quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, về nghiệp vụ công tác đảng, về kiến thức văn hóa và pháp luật, về kỹ thuật và ngoại ngữ. Trong bố trí cán bộ, lựa chọn những đồng chí tiêu biểu, ưu tú để bố trí phụ trách công việc chủ chốt cho phù hợp, tăng cường cán bộ từ quận cho cơ sở. Có quan điểm trọng dụng nhân tài khi lựa chọn và bố trí cán bộ. Việc bố trí đúng lúc là hết sức quan trọng, đảm bảo có một đội ngũ cán bộ công chức đủ phẩm chất và năng lực. Mặt khác, Đảng cần chỉ đạo việc xây dựng cơ chế khen thưởng, bãi miễn, đối với cán bộ trong bộ máy chính quyền khi họ tỏ ra không còn xứng đáng, không đủ năng lực hoàn thành nhiệm vụ. □



NHẮC KHÉO

NGUYỄN TIẾN

MẶC dù chức vụ mà tôi đang đảm nhiệm, theo cách nói vui của giới trẻ hiện nay thì nó "chẳng là cái đỉnh gì" trong xã hội, ấy thế nhưng anh bạn thân của tôi vẫn cứ khuyên bảo, thậm chí còn có ý răn đe nữa. Anh nói : *"Ông phải sống sao cho khi còn đương chức không bị người ta ghét, khi về hưu không bị người ta khinh"*. Nghe anh nói thế tôi giật thót người ; hay là mình có sai phạm gì nghiêm trọng không tiện nói thẳng ra nên anh mới **nhắc khéo** như vậy. Dường như thấy nét mặt tôi thể hiện rõ sự băn khoăn ấy nên anh bạn nói thêm : *"Ấy là mình cứ dặn trước, bởi vì những trường hợp như mình vừa nói trong xã hội ta hiện nay cũng chẳng hiếm đâu"*. Thế rồi anh kể cho tôi nghe về trường hợp của ông Q, thủ trưởng một cơ quan vào loại lớn và coi đó như một ví dụ điển hình.

Khi đương chức, đối với anh chị em trong cơ quan, ông Q sống rất quan cách ; làm việc thì độc đoán, gia trưởng, chuyên quyền. Cán bộ cấp dưới, kể cả mấy vị cấp phó của ông mà muốn tiếp kiến ông đều phải đăng ký trước, chớ có đại mà xông thẳng vào phòng làm việc. Anh nào liều mạng như thế thì hãy dè chừng. Gặp

ông, ai sơ ý không chào hỏi là "có chuyện". Lên, xuống cầu thang ai thấy ông mà không dừng lại nhường đường nhất định sẽ bị xếp vào danh sách những kẻ cứng đầu, cứng cổ, cần phải giáo dục. Trong cuộc sống thường ngày, ông không cần biết cán bộ cấp dưới có những khó khăn, thuận lợi gì, tâm tư nguyện vọng của họ ra sao, mà nhất nhất chỉ là công việc. Còn về mặt quan điểm thì ông tỏ ra hơi cứng, sự lên gân của ông hơi lộ liễu. Ông lên lớp cán bộ dưới quyền, thường răn đe, dạy bảo họ phải thế này, thế khác. Nếu ai có điều gì làm ông phật ý thì người đó khó có thể ngóc đầu lên được. Đây là ở cơ quan, còn ở tổ dân phố thì trong ông không có khái niệm "hàng xóm láng giềng". Ông sống theo phương châm "đèn nhà ai nấy rạng". Nhà ông lúc nào cũng cửa đóng then cài ; thậm chí mấy hộ láng giềng gần nhất ông cũng chẳng quan tâm. Ông không bao giờ đi họp tổ dân phố. Khi có những việc như đóng góp tiền ủng hộ bà con các vùng bị bão lụt, nộp phí an ninh, phí vệ sinh... mà tổ dân phố đến thu thì ông xin làm tròn nghĩa vụ. Thế là xong. Ông sống như vậy nên không có bạn bè thân thiết, lại càng không có những người chí cốt, tâm giao. Cán bộ cấp dưới

tuyệt đại đa số vừa sợ ông vừa ghét ông. Còn đối với tổ dân phố thì thật ra bà con không thêm quan tâm. Đối với họ, vắng ông thì chợ cũng chẳng vì thế mà kém phần đông vui.

Ở đời, cái chức, cái quyền cũng chỉ có một thời. Cho dù nắm quyền cao chức trọng đến mấy thì cũng có ngày phải nghỉ. Ông Q không nắm ngoài cái lẽ thường ấy. Cách đây một năm ông có quyết định về hưu. Ấy là chuyện bình thường. Nhưng cái không bình thường khiến mọi người phải ngạc nhiên là ở chỗ, từ khi ông về hưu thì quan điểm, tính cách, lối sống của ông gần như thay đổi hẳn. Ông rất hay cáu gắt, nói năng không chút giữ gìn, phê phán đủ thứ, bài xích mọi điều. Có những vấn đề trước đây ông bảo vệ một cách triệt để thì nay ông quay ra phê phán một cách gay gắt. Có những cá nhân trước đây ông ca ngợi, khẳng định thì nay ông chê bai, phủ định. Có những việc trước đây ông khen thì bây giờ ông chê... Nhiều người cho rằng, phải về hưu có lẽ ông Q bị sốc nên mới sinh ra bất mãn như vậy.

Kể đến đây, anh bạn tôi triết lý : *"Có những người khi đương chức, khi nghỉ và cả đến khi chết vẫn được mọi người yêu mến, kính trọng, suy tôn. Song, có những người khi đương chức thì bị người ta ghét, khi về hưu thì bị người ta khinh. Mình nhắc là cốt để ông đề phòng đừng rơi vào trường hợp như của ông Q"*. Tôi xiết chặt tay bạn mình và thật lòng cảm ơn anh. □



Sự trỗi dậy của ẤN ĐỘ SAU 10 NĂM CẢI CÁCH KINH TẾ

TRẦN BÁ KHOA

NƯỚC Cộng hòa Ấn Độ - một trong những cái nôi của nền văn minh nhân loại - có diện tích gần 3,3 triệu km², trải rộng trên phần lớn tiểu lục địa Nam Á, với dân số hơn một tỉ người. Ấn Độ có đội ngũ khoa học - kỹ thuật lớn và nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú. Sau khi giành được độc lập và đặc biệt là sau hơn 10 năm cải cách, thực lực kinh tế, khoa học - công nghệ và quân sự của Ấn Độ không ngừng tăng lên.

Chính sách phát triển công nghiệp sau khi giành được độc lập và chính sách cải cách kinh tế từ thập kỷ 90, thế kỷ XX đến nay

Sau khi giành được độc lập (1947), Chính phủ Ấn Độ mà người đứng đầu là thủ tướng G. Nê-ru đã vạch ra "chính sách công nghiệp hóa" nhằm nhanh chóng thay đổi tình trạng mù chữ, nghèo đói, lạc hậu, biến Ấn Độ thành một nước giàu mạnh, đóng vai trò lớn ở khu vực và thế giới. Nội dung của chính sách công nghiệp hóa có một số điểm chính sau :

- *Xây dựng nền kinh tế Ấn Độ theo mô hình hỗn hợp giữa kinh tế quốc doanh, kinh tế tư nhân và kinh tế hợp doanh, trong đó kinh tế quốc doanh đóng vai trò nòng cốt.*

- *Coi trọng vai trò chỉ đạo của chính phủ trong nền kinh tế kế hoạch.* Chính phủ phân loại các sản phẩm, ngành nghề và quy định cụ thể loại sản phẩm và ngành nghề được kinh doanh cho các thành phần kinh tế và dành cho Nhà nước độc quyền kinh doanh các ngành đường sắt, gang thép, điện lực, thông tin, dầu khí, v.v.

- *Nhấn mạnh kinh tế "tự cấp tự túc" và sự can thiệp của Chính phủ vào hoạt động kinh tế.* Thủ tướng Nê-ru cho rằng, cần phải nhanh chóng thực hiện chính sách tự lực cánh sinh về kinh tế. Bởi vì, nếu dựa quá nhiều vào thị trường xuất khẩu, Ấn Độ có thể bị sa vào vòng xoáy của chủ nghĩa đế quốc kinh tế và dễ bị ảnh hưởng trước những xáo động của thị trường bên ngoài. Bởi vậy, Chính phủ đã thông qua hàng loạt chính sách và biện pháp kinh tế và hành chính nhằm tăng cường sự kiểm soát của Nhà nước đối với nền kinh tế, hạn chế trao đổi buôn bán với nước ngoài, chú trọng bảo hộ các xí nghiệp trong nước, ưu tiên sản phẩm nội địa .

Dưới tiền đề của nền kinh tế kế hoạch, Ấn Độ đã thực hiện được "cách mạng xanh", tự túc được lương thực và xây dựng được một nền công nghiệp tương đối

hoàn chỉnh. Tuy nhiên, những khuyết tật của nền kinh tế kế hoạch tập trung dần dần bộc lộ : hiệu suất và năng suất thấp, xí nghiệp quốc doanh kém khả năng cạnh tranh, tài nguyên bị lãng phí nghiêm trọng, các khoản bù lỗ quá lớn gây ra sự thâm hụt tài chính nặng nề. Thêm vào đó, việc quản lý yếu kém tạo ra mảnh đất màu mỡ cho nạn tham nhũng hoành hành ; đồng thời, tình hình chính trị - xã hội trong nước bị xáo trộn, hai chính phủ bị giải tán trong một năm. Tình hình quốc tế cũng không thuận lợi, biến động lớn ở Đông Âu, Liên Xô và chiến tranh vùng Vịnh đã tăng sức ép lên nền tài chính tiền tệ (thâm hụt thương mại 8 tỉ USD và dự trữ ngoại tệ chỉ còn một tỉ USD) ; nạn thất nghiệp tăng nhanh.

Trước những biến động trên, chính phủ N. Rao (lên cầm quyền năm 1991) bắt đầu thực hiện chính sách cải cách, mở cửa kinh tế ; áp dụng nhiều chính sách và biện pháp điều chỉnh, cải cách kinh tế vĩ mô trên tất cả mọi lĩnh vực nhằm chuyển đổi nền *kinh tế kế hoạch tập trung* sang nền *kinh tế thị trường* có sự kiểm soát, điều tiết của Nhà nước. Từ cuối năm 1999, để thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững, Chính phủ Ấn Độ đã đưa ra chương trình cải cách mới, được gọi là *cuộc cải cách kinh tế lần thứ hai*, trọng điểm là xúc tiến nhanh hơn việc tư nhân hóa một loạt công ty và các ngân hàng quốc doanh làm ăn không hiệu quả. Chương trình cải cách mới cũng chú trọng việc nói lỏng hơn nữa sự kiểm soát của nhà nước đối với nhiều khu vực quan trọng như : viễn thông, ngân hàng, năng lượng, hàng không, chế tạo hàng tiêu dùng và đưa ra chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư mới.

Nội dung chính của chính sách cải cách mở cửa :

1. *Cải cách tài chính, tiền tệ* : Hai lần phá giá 20% đồng ru-pi và đồng ru-pi được tự do chuyển đổi một phần ; cho phép thương nhân nước ngoài đầu tư vào thị trường chứng khoán cấp 1 và cấp 2 - giới hạn từ 24 đến 40% (1992) ; cho phép thành lập ngân hàng tư nhân ; các công ty lớn trong nước được phép phát hành cổ phiếu, trái phiếu và được đầu tư vốn ra nước ngoài ; khống chế thâm hụt tài chính của chính phủ trung ương ở mức 4,7% GDP (từ tài khóa 2001 - 2002).

2. *Cải cách chính sách đầu tư và tư nhân hóa các xí nghiệp quốc doanh* : Nói lỏng chế độ xét duyệt, mở cửa toàn diện cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước (chỉ trừ 14 ngành liên quan đến an ninh quốc gia, quốc kế dân sinh và môi trường) ; khuyến khích đầu tư trực tiếp của nước ngoài. Từ tài khóa 2001 - 2002, nước ngoài được đầu tư vào lĩnh vực in-tơ-nét và thương mại điện tử, nâng tỷ lệ vốn đầu tư nước ngoài vào ngành dịch vụ từ mức 49% lên 74%, xóa bỏ hạn ngạch vốn đầu tư nước ngoài vào các ngành sản xuất điện lực, tải điện và bán điện (trừ điện hạt nhân) ; từng bước tư nhân hóa xí nghiệp quốc doanh. Từ tài khóa 2001 - 2002, Chính phủ có kế hoạch bán bớt cổ phần nhà nước trong 40 xí nghiệp quốc doanh cỡ lớn ; sẽ sửa đổi luật lao động, quy định chỉ những xí nghiệp có 1 000 công nhân trở lên (chứ không phải 100 công nhân như trước) mới phải trình Chính phủ phê chuẩn khi tuyên bố phá sản hoặc sa thải công nhân.

3. *Cải cách chính sách ngoại thương* : Thực hiện mở cửa thị trường, từng bước giảm thuế nhập khẩu và xóa bỏ hàng rào

phi thuế quan. Mức thuế nhập khẩu bình quân giảm xuống còn 35% so với mức bình quân 87% trước đó. Từ tài khóa 2001 - 2002 sẽ giảm xuống còn 20%. Ngoài sản phẩm nông nghiệp, chế độ cấp giấy phép nhập khẩu cơ bản bị xóa bỏ. Để nhanh chóng hội nhập vào nền kinh tế thế giới và khu vực, Chính phủ Ấn Độ theo cam kết với Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), đã sớm ban bố việc xóa bỏ sự hạn chế đối với 715 mặt hàng nhập khẩu và đơn phương xóa bỏ hạn chế nhập khẩu 2 300 mặt hàng từ các nước thành viên Hiệp hội hợp tác khu vực Nam Á (SAARC). Ban hành một loạt chính sách ưu đãi, miễn giảm thuế đối với các xí nghiệp và khu công nghiệp lấy gia công xuất khẩu làm chính. Song song với việc xóa bỏ hạn chế số lượng hàng nhập khẩu, Chính phủ Ấn Độ cũng áp dụng nhiều biện pháp bảo hộ công nghiệp nội địa như thành lập *Tiểu ban đặc biệt* gồm đại diện của các ngành thương mại, thuế vụ... tiến hành nghiên cứu và theo dõi chặt chẽ ảnh hưởng của hàng hóa nhập khẩu đối với công nghiệp trong nước, nhất là 300 mặt hàng "nhạy cảm", để cảnh báo kịp thời về ảnh hưởng đối với thị trường trong nước. Việc nhập khẩu lương thực, phân hóa học, xăng dầu đều giao cho các công ty quốc doanh chuyên trách đảm nhận. Tuy thả nổi việc nhập khẩu ô tô cũ, nhưng chỉ đối với các loại xe tay lái thuận, không quá ba năm sử dụng và đánh 180% thuế nhập khẩu.

Mười năm cải cách kinh tế : thành tựu, vướng mắc và triển vọng

1. Thành tựu

Mười năm cải cách kinh tế đã thu được những thành tựu rất to lớn trên tất cả các lĩnh vực. Nền kinh tế Ấn Độ tăng trưởng

tương đối nhanh, vững chắc, liên tục, giảm thiểu các tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á (1997 - 1998) và suy thoái kinh tế thế giới (2001).

Về *nông nghiệp* : Ấn Độ đã thu được những thành quả to lớn nhờ ứng dụng thành công khoa học - công nghệ tiên tiến. Cuộc "cách mạng xanh" đã làm cho Ấn Độ không những tự túc được lương thực mà còn có dư thừa để dự trữ (từ 11 đến 41 triệu tấn) và hàng năm xuất khẩu trên dưới một triệu tấn gạo. Ấn Độ còn là nước sản xuất mía đường lớn nhất thế giới với sản lượng 230 triệu tấn/năm, đứng thứ hai thế giới về sản xuất trái cây : 43 triệu tấn/năm ; rau xanh : 72 triệu tấn/năm. Tương tự như vậy, cuộc "cách mạng trắng" đã đưa Ấn Độ vượt qua Mỹ, trở thành nước sản xuất sữa lớn nhất thế giới với sản lượng 74 triệu tấn/năm. Ấn Độ cũng thu được nhiều thành tích trong "cách mạng nâu" - phát triển chăn nuôi gia cầm. Ấn Độ dự định tăng gấp đôi sản lượng lương thực, thực phẩm trong 10 năm, đạt 300 triệu tấn lương thực (năm 2000 đạt 200 triệu tấn) đảm bảo đủ cung cấp cho trên 1 tỉ dân vào năm 2007.

Về *công nghiệp và dịch vụ* : Ấn Độ đã có con đường đi riêng, không theo cách đặt trọng điểm ngay từ đầu vào phát triển công nghiệp gia công xuất khẩu như "bốn con hổ" Đông Á. Điều đáng ngạc nhiên là, trong hoàn cảnh của một nước đang phát triển, Ấn Độ đã nhanh chóng giành được thế mạnh trong ba ngành : công nghệ thông tin, dược phẩm và công nghiệp giải trí. Đây cũng là ba ngành then chốt của kinh tế Mỹ. Trong nhiều năm, xuất khẩu phần mềm của Ấn Độ tăng 50% hàng năm, nhưng năm 2001 đã chậm lại, đạt 8,5 tỉ USD, thấp hơn dự đoán. Ngược lại, công nghiệp được

phẩm và công nghiệp giải trí không bị suy giảm trong năm 2001 mà còn tăng vọt. Nhiều công ty được phẩm nằm trong số những nhà xuất khẩu hàng đầu về thuốc đặc chủng và là những nhà cung cấp chính thuốc chữa bệnh HIV/AIDS trên thế giới. Trong khi nhiều nước phương Tây không thể cạnh tranh nổi với công nghiệp điện ảnh Mỹ thì ngành điện ảnh Ấn Độ lại chiếm lĩnh thị trường trong nước. Phim ảnh và âm nhạc của Ấn Độ cũng thu hút được ngày càng đông đảo công chúng ở nhiều nước thế giới thứ ba. Chính phủ Ấn Độ tiếp tục đẩy mạnh sự phát triển công nghệ thông tin (IT). Hiệp hội quốc gia các công ty dịch vụ và phần mềm máy tính (NASSCOM) của Ấn Độ vừa cho biết, mục tiêu của chiến lược phát triển công nghệ thông tin của Ấn Độ là đạt doanh số 77 tỉ USD, xuất khẩu phần mềm đạt 50 tỉ USD vào năm 2008. Chiến lược này cũng đưa ra một số chỉ tiêu khác như : nâng tổng số lao động làm việc trong lĩnh vực IT lên bốn triệu người, đóng góp 7% cho GDP và chiếm 30% tổng kim ngạch xuất khẩu ... Hiện tại, lĩnh vực công nghệ thông tin của Ấn Độ chỉ đóng góp chưa đến 1% GDP so với 5% của Mỹ. Tuy nhiên, Ấn Độ có thể sẽ nhảy vọt qua giai đoạn phát triển công nghiệp truyền thống (tập trung nhiều sức lao động) để tiến thẳng vào nền kinh tế tri thức. Trên cơ sở đội ngũ các nhà khoa học đông đảo (trên 2,5 triệu người), Ấn Độ đạt được thành tựu lớn trong các lĩnh vực : hạt nhân, hàng không, chế tạo và phóng vệ tinh, đóng tàu thủy, chế tạo xe hơi, đầu máy xe lửa, thiết bị xây dựng, thiết bị điện năng, hóa chất, dụng cụ chính xác, thiết bị khai khoáng và lọc dầu ... Ấn Độ dẫn đầu thế giới về sản xuất kim cương, chiếm 55% tổng giá trị, 80% tổng khối lượng và 90% khối lượng thành

phẩm của thị trường kim cương thế giới. Trên cơ sở tự lực nghiên cứu và phát triển, đồng thời nhập khẩu công nghệ, kỹ thuật quân sự và mua các trang bị vũ khí hiện đại của nước ngoài (chủ yếu của Liên Xô trước đây và Nga hiện nay), Ấn Độ đã xây dựng được lực lượng hải, lục, không quân và lực lượng tên lửa hạt nhân chiến lược.

Về ngoại thương : Kết thúc tài khóa 2000 - 2001 (3-2001), kim ngạch xuất khẩu đạt 44,1 tỉ USD, tăng 20% so với tài khóa trước và kim ngạch nhập khẩu đạt 49,8 tỉ USD, tăng 0,27% so với tài khóa trước. Đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2000 đạt 4,2 tỉ USD, tăng 15% so với năm trước, song chỉ đạt chưa tới 50% chỉ tiêu do Chính phủ đề ra. Dự trữ ngoại tệ của Ấn Độ tiếp tục tăng, đạt 48,9 tỉ USD, lạm phát dưới 3%, nợ nước ngoài ở mức 94,3 tỉ USD, trong đó nợ ngắn hạn chỉ chiếm 6,3%. Mức thâm hụt tài chính nếu nửa cuối thập kỷ 1980, bình quân hàng năm chiếm 8,2% GDP, trong 10 năm cải cách là 5,7% thì từ tài khóa 2000 - 2001 và 2001 - 2002, mức thiếu hụt đã được khống chế ở mức 5,1% (dự tính 4,7%). Số người nghèo từ chiếm 36% dân số năm 1994, hiện nay đã giảm xuống còn 26% - khoảng 260 triệu người, trong đó có 200 triệu ở nông thôn.

2. Những vướng mắc và triển vọng

Công cuộc cải cách của Ấn Độ đang đứng trước mấy vấn đề lớn sau :

Thứ nhất : Do tác động của cuộc khủng hoảng tiền tệ châu Á, sự suy thoái kinh tế thế giới, giá dầu mỏ quốc tế không ổn định (Ấn Độ phải nhập khẩu 75% lượng dầu khí tiêu thụ) và chủ yếu là do từ tháng 5-1995, đầu tư vào kinh tế của Chính phủ giảm nhanh, nhất là vào cơ sở hạ tầng và ngành

diện lực, khiến cho kinh tế Ấn Độ tăng trưởng chậm.

Thứ hai : Việc cải cách xí nghiệp quốc doanh và cải cách nông nghiệp chưa mang lại kết quả mong muốn. Chương trình tư nhân hóa chưa thực hiện được trong ngành hàng không, sản xuất xe hơi, mà chỉ mới bắt đầu một cách tượng trưng trong ngành bảo hiểm. Bắt đầu từ tháng 4-2001, Ấn Độ đã mở cửa thị trường hàng tiêu dùng cho nước ngoài, nhưng vẫn duy trì một số hàng rào thương mại. Cuộc cải cách lần thứ hai sẽ gặp nhiều khó khăn hơn trong hai lĩnh vực : tự do hóa quyền lao động và giảm trợ cấp cho nông dân, giảm bù lỗ và cải cách nông nghiệp.

Thứ ba : Lĩnh vực ngoại thương và việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài cũng gặp phải nhiều khó khăn, hạn chế. Trong cả thập kỷ cải cách kinh tế, Ấn Độ thu hút được 23,7 tỉ USD đầu tư trực tiếp nước ngoài, chỉ bằng một nửa số đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Trung Quốc năm 2001 (47 tỉ USD). Do sự trì trệ trong cải cách hành chính, trong năm 2001, hàng loạt công ty nước ngoài đã rút vốn đầu tư khỏi Ấn Độ để chuyển sang Trung Quốc. Việc xuất khẩu hàng công nghiệp chế tạo cũng vấp phải sự cạnh tranh gay gắt của các nước khác, nhất là Trung Quốc.

Thứ tư : Thâm hụt tài chính vẫn còn lớn. Sau khi thực hiện cải cách, tuy thâm hụt tài chính ở cấp trung ương có giảm bớt, nhưng thiếu hụt tài chính của các bang lại tăng lên, từ 3,1% GDP tài khóa 1990 - 1991 lên 4% tài khóa 1999 - 2000 và trên 5% tài khóa 2000 - 2001. Như vậy, nếu tính bình quân cả trung ương và địa phương thì mức thâm hụt tài chính lên tới 10,9% GDP như khi bắt đầu cải cách. Nguyên nhân của tình hình trên *một phần* là do tình hình quốc tế và

trong nước không thuận lợi (suy thoái kinh tế thế giới, xung đột tôn giáo, phe phái, căng thẳng giữa Ấn Độ và Pa-ki-xtan về vấn đề Ca-sơ-mia) ; *mặt khác* còn do các phe phái chính trị, tôn giáo lo ngại nền kinh tế mở cửa ngày càng rộng thì sẽ bị lệ thuộc vào nước ngoài, đã mượn cớ bảo vệ người lao động gặp khó khăn khi xí nghiệp bị tư nhân hóa, tìm cách chống đối và cản trở cải cách. Liên minh nhiều đảng cầm quyền hiện nay không giành được đa số ở Thượng viện cũng gây khó khăn cho việc thông qua các dự luật cải cách, chẳng hạn như Dự luật Lao động sửa đổi - đưa ra năm 2001 nhưng đến nay vẫn chưa được thông qua v.v.

Tiếp theo sự bứt phá của Trung Quốc, sự trỗi dậy của Ấn Độ làm cho thế giới hết sức chú ý. Nền kinh tế Ấn Độ sau 10 năm cải cách, kể từ tháng 6-1991 đến khi kết thúc năm tài chính 2001 - 2002 vào ngày 31-3-2002, với GDP đạt gần 450 tỉ USD, tính theo sức mua tương đương lớn thứ tư thế giới, chỉ đứng sau Mỹ, Trung Quốc và Nhật Bản. Kết quả của cải cách kinh tế và hội nhập quốc tế đã làm thay đổi diện mạo nền kinh tế, thay đổi toàn diện hình ảnh Ấn Độ trong con mắt cộng đồng quốc tế. Ấn Độ đã có cơ sở công nghiệp hiện đại tương đối hoàn chỉnh. Hơn nữa, công tác nghiên cứu ở nhiều ngành khoa học - công nghệ cao, mũi nhọn, nhất là công nghệ phần mềm, cũng ở hàng đầu thế giới. Quân sự của Ấn Độ cũng không ngừng được tăng cường thực lực, được trang bị vũ khí tiên tiến và vũ khí hạt nhân, tên lửa chiến lược. Tuy còn nhiều trở ngại trên con đường cải cách kinh tế, ổn định chính trị nội bộ, nhưng nhiều học giả và chính khách nổi tiếng thế giới dự đoán rằng, Ấn Độ sẽ trở thành một trong những cường quốc và trung tâm sức mạnh của thế giới trong vài thập kỷ tới. □

Đói nghèo - kẻ thù của các quyền con người

Khó có thể tin rằng, khi nhân loại bước sang ngưỡng cửa thiên niên kỷ thứ ba với những thành tựu vượt mức tưởng tượng, đặc biệt về khoa học, công nghệ... mà đói nghèo vẫn còn là một vấn đề bức xúc toàn cầu. Nhưng đó lại là sự thật !

bản không phải là "thiên đường" của những người nghèo.

Đói nghèo cũng là một cản trở chính đối với những nỗ lực bảo đảm nhân quyền. Trong bối cảnh bất ổn về xã hội (hệ quả tất yếu và trực tiếp từ đói nghèo), việc thực thi các quyền dân sự, chính trị bao giờ cũng là một thách thức nghiêm trọng với các

XÓA ĐÓI NGHÈO - MỘT ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI

VŨ CÔNG GIAO *

Trên thế giới hiện nay, cứ 5 nước thì có một nước mà ở đó người nghèo chiếm đa số. Sự phân cực giữa người giàu và người nghèo, giữa quốc gia giàu và quốc gia nghèo ngày càng lớn. Trong khoảng thời gian từ năm 1994 đến năm 1998, tài sản của 200 người giàu nhất thế giới đã tăng gấp đôi, lên tới hơn một nghìn tỉ USD, nhưng số người phải sống trong cảnh đói nghèo (với thu nhập dưới 1 USD/ngày) cũng tăng tới mức kỷ lục là 1,2 tỉ người. Chênh lệch thu nhập giữa 1/5 số người giàu nhất và 1/5 số người nghèo nhất trên thế giới năm 1960 là 30:1, tới năm 1997 tỷ lệ đó là 74:1. Kể từ năm 1990, trong khi thu nhập bình quân đầu người của 40 nước công nghiệp phát triển tăng hơn 3% mỗi năm, thì của 55 nước nghèo lại giảm đi so với 10 năm trước đó. Theo thống kê, nợ nước ngoài của các nước chậm phát triển nhất đã tăng vọt từ 62,4% GDP năm 1985 lên 92,3% GDP năm 1997⁽¹⁾. Hiện thực đó chứng tỏ rằng, con đường tư bản chủ nghĩa chẳng phải là cứu tinh của các quốc gia nghèo ; xã hội tư

quốc gia. Một chính phủ không thể bảo đảm cho người dân của họ các quyền cơ bản trong Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa (1966) với một ngân khố trống rỗng và một gánh nợ nần chồng chất. Hiện nay, tại 2/3 số nước chậm phát triển nhất thế giới, ngân sách dành cho trả nợ cao gấp nhiều lần ngân sách trang trải cho các dịch vụ xã hội cơ bản. Cụ thể, ở các nước vùng Cận Xa-ha-ra của châu Phi, hằng năm, số tiền phải trả nợ nước ngoài lên tới 200 tỉ USD, trong khi chi phí cho y tế và giáo dục chỉ là 306 triệu USD. Tại Tan-da-ni-a, hằng năm, số tiền trả nợ nước ngoài cao gấp 4 lần ngân sách dành cho giáo dục tiểu học và gấp 9 lần ngân sách trang trải cho các dịch vụ y tế cơ sở ⁽²⁾...

* Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

(1) Báo cáo năm 2000 của UNICEF : *Tình hình trẻ em thế giới năm 2000*, tr 19 - 23

(2) S. Ram-phan : *Nợ nần mang khuôn mặt trẻ em - Sự tiến bộ của các quốc gia*, Trong Báo cáo năm 2000 của UNICEF : *Tình hình trẻ em thế giới năm 2000*. UNICEF, tr 16

Đói nghèo và nợ nần tác động đến quyền con người của mọi cá nhân, nhưng trước hết và nặng nề nhất là của những nhóm xã hội dễ bị tổn thương, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. Tỷ lệ tử vong của bà mẹ và trẻ em ở các quốc gia nghèo mắc nợ nhiều nhất cao gấp 3 lần ở các nước phát triển. Hơn một 1/3 trẻ em ở các quốc gia này không được tiêm chủng. Một em bé ở Mô-ri-ta-ni khi mới ra đời đã phải mang món nợ 997 USD, ở Ni-ca-ra-goa là 1 213 USD và ở Công-gô là 1 872 USD. Ở các nước đang phát triển, con số này là 417 USD. "Những gánh nặng nợ nần đó đè lên cả thể xác và tâm hồn của trẻ em, giết chết một số trẻ và làm cho số còn lại bị còi cọc đến nỗi không thể phát triển một cách bình thường. Nó tước đoạt của trẻ em quyền được tiêm chủng chống những bệnh nguy hiểm nhưng có thể đề phòng một cách dễ dàng ; đồng thời, như một cái án treo lơ lửng trên đầu, buộc chúng suốt đời không được học hành hoặc phải học hành trong điều kiện lớp không có mái che, không có bàn ghế, bảng, sách vở, thậm chí cả bút chì..."⁽³⁾. Do đói nghèo, theo ước tính của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), chỉ riêng tại các nước đang phát triển, hiện có khoảng 250 triệu trẻ em ở độ tuổi 5 - 14 phải lao động quần quật để kiếm sống, để trả nợ cho gia đình... Đói nghèo cũng đẩy hàng triệu trẻ em khác phải cầm súng trong các nhóm vũ trang, phải tham gia sản xuất, buôn lậu ma túy hoặc hành nghề mại dâm... Với các em bé này, không chỉ các quyền trong Công ước về quyền trẻ em mà ngay cả tuổi thơ, tương lai, thậm chí mạng sống của chúng cũng bị tước đoạt.

Xóa đói nghèo - nghĩa vụ bảo đảm quyền con người

Hơn nửa thế kỷ qua, Liên hợp quốc (LHQ) và một số tổ chức quốc tế khác đã liên tục kêu gọi các quốc gia tuyên chiến với đói nghèo. Trong rất nhiều văn kiện của mình,

kể cả ràng buộc và không ràng buộc về pháp lý, LHQ đã đề cập đến việc xóa bỏ đói nghèo như một nghĩa vụ quốc gia và quốc tế, là một trong những vấn đề nhân quyền cấp bách.

Xóa bỏ đói nghèo, xét trên phương diện nhân quyền, nằm trong nghĩa vụ bảo đảm các quyền kinh tế, văn hóa và xã hội của các quốc gia ; mà cơ bản là các quyền về lương thực, thực phẩm ; quyền có nhà ở và quyền được chăm sóc y tế... Mục đích cuối cùng của nó là bảo đảm cho mọi cá nhân, không phân biệt đối xử, có điều kiện sống (về vật chất) thích đáng như một con người. Ngay từ năm 1948, trong *Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền*, LHQ đã long trọng tuyên bố : "Mọi người đều có quyền được bảo đảm một mức sống thích đáng, đủ cho sức khỏe, sự yên vui của bản thân và gia đình họ, bao gồm có đủ ăn, đủ mặc, có nhà ở, được chăm sóc y tế cũng như các dịch vụ xã hội cần thiết..."⁽⁴⁾. *Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa* (1966), đã tái khẳng định và pháp điển hóa quy định có tính nguyên tắc đó của Tuyên ngôn : "Các quốc gia thành viên của Công ước công nhận quyền của tất cả mọi người được có một mức sống đầy đủ cho bản thân và gia đình mình, có quyền được ăn đủ, mặc đủ và có nhà ở, quyền được cải thiện không ngừng điều kiện sống. Các quốc gia thành viên sẽ thi hành những biện pháp thích hợp nhằm đảm bảo việc thực hiện các quyền này..."⁽⁵⁾. Cũng trong Công ước đó, LHQ còn nêu ra những biện pháp cụ thể ở tầm quốc gia và quốc tế nhằm xóa bỏ đói nghèo như bảo đảm việc làm và chế độ trả lương thích đáng cho người lao động, duy trì các dịch vụ xã hội cần thiết, thiết lập các cơ chế bảo hiểm, bảo trợ xã hội... Năm 1986, Đại hội đồng LHQ thông qua *Tuyên bố về quyền*

(3) *Tài liệu dd*, tr 14

(4) *Các văn kiện quốc tế về quyền con người*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr 68

(5) *Sdd*, 209

phát triển, Điều 8 của Tuyên bố này nêu rõ : "Các nước cần phải tiến hành ở cấp độ quốc gia mọi biện pháp cần thiết để thực hiện quyền phát triển và bảo đảm, trong số các biện pháp đó, sự bình đẳng về cơ hội cho tất cả mọi người có thể tiếp cận các nguồn vật lực cơ bản, tiếp cận nền giáo dục, các dịch vụ y tế, lương thực, nhà ở, việc làm và việc phân phối một cách công bằng các nguồn thu nhập..."(6).

Ngoài các văn kiện kể trên, trong nhiều tuyên bố, công ước quốc tế khác về nhân quyền, LHQ đã trực tiếp hoặc gián tiếp đề cập đến vấn đề xóa bỏ đói nghèo. Thập niên 90 của thế kỷ XX cho thấy sự quan tâm đặc biệt của LHQ tới vấn đề này, thể hiện qua một loạt hội nghị quốc tế quan trọng, trong đó xóa bỏ đói nghèo được xác định là một trong những chủ đề cơ bản của chương trình nghị sự. Mặc dù đề cập đến vấn đề ở những góc độ, mức độ khác nhau, song các hội nghị này đều khẳng định một tư tưởng có tính nguyên tắc : Đói nghèo là một trở ngại nghiêm trọng đối với việc hưởng thụ các quyền con người, việc xóa bỏ đói nghèo chính là sự bảo đảm nhân quyền, là một lĩnh vực hoạt động quan trọng, một khía cạnh cấp bách của nhân quyền.

Cũng như bất kỳ vấn đề nào khác trong lĩnh vực nhân quyền, việc xóa bỏ đói nghèo đồng thời đòi hỏi sự nỗ lực của mỗi quốc gia và sự hợp tác quốc tế. Tuy nhiên, khác với bất kỳ vấn đề nào, đặc biệt là với việc thực hiện các quyền dân sự, chính trị, vấn đề này không chỉ yêu cầu có sự hợp tác, mà còn đòi hỏi trách nhiệm đóng góp của các quốc gia phát triển vào cuộc chiến chống đói nghèo ở các quốc gia chậm và đang phát triển.

Có những cơ sở khách quan, luận lý và pháp lý cho điều đó. Tình trạng đói nghèo hiện nay ở các quốc gia chậm và đang phát triển xuất phát từ nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân cơ bản là do hậu quả của sự

bóc lột của chế độ thực dân trước kia và sự bất công của trật tự kinh tế thế giới hiện nay. Không ai có thể phủ nhận rằng, hầu hết các nước tư bản phát triển hiện nay đều đã từng xâm chiếm đất đai, vơ vét, cướp bóc các quốc gia nghèo trong hàng thế kỷ của chế độ thực dân. Từ thập niên 60 của thế kỷ XX, khi chế độ thực dân về cơ bản đã bị xóa bỏ trên trái đất, các nước này, lợi dụng ưu thế về khoa học, công nghệ và kinh nghiệm thương mại... tiếp tục bóc lột các nước nghèo đến mức cùng kiệt. Sự bóc lột này không chỉ tính về tài nguyên - thông qua việc bán các sản phẩm công nghiệp với giá cắt cổ và ép giá để mua nguyên, nhiên, vật liệu thô với mức vô cùng rẻ mạt - mà còn về sức lao động, chất xám...

Nhưng cho tới thời điểm hiện nay, mặc cho các nước nghèo liên tục đấu tranh, vẫn chưa có một thỏa thuận quốc tế mang tính ràng buộc nào được thiết lập, liên quan đến nghĩa vụ trợ giúp của các quốc gia giàu với các quốc gia nghèo. Những bức bối đã đến mức tột cùng của sự phân cực giàu nghèo và bất bình đẳng giữa các quốc gia mới chỉ khả dĩ được làm dịu phần nào từ năm 1995, với việc các nước tham gia Hội nghị thượng đỉnh thế giới về Phát triển xã hội ở Ri-ô đê Giannây-rô (Bra-xin) thông qua một thỏa thuận được gọi là sáng kiến 20/20. Đây là một thỏa thuận về nghĩa vụ chung của cả những nước giàu và những nước nghèo nhằm tạo ra một nguồn lực thích hợp nhằm bảo đảm các dịch vụ xã hội cơ bản cho phát triển con người. Mặc dù chưa phải là một giải pháp triệt để, nhưng sáng kiến này, nếu được tuân thủ hoàn toàn, cũng sẽ tạo sự chuyển biến đáng kể với việc xóa bỏ đói nghèo trên thế giới. Song bản thân nó lại đang gặp phải những trở ngại lớn từ chính những nước giàu. ODA của các nước tài trợ, theo cam kết, lẽ ra phải tăng lên

(6) *Sdd*, 88

tới 0,7% GDP, nhưng trên thực tế đã giảm đi 1/3 kể từ năm 1986, chỉ đạt mức bình quân 0,22% GDP vào năm 1997. Xét chung, từ 1992 đến 1997, ODA của các nước tài trợ giảm 21%, trong đó của các nước giàu là 30%. Một điều mỉa mai là, trong cùng khoảng thời gian ấy, GDP của các nước giàu cũng tăng lên gần 30% (7)...

Trên thực tế, hầu hết các nước giàu trên thế giới, chỉ trừ một số nước Bắc Âu, đã vi phạm những cam kết tài trợ mang tính chất nhân đạo và hợp lý cho những nước nghèo. Thêm vào đó, phần viện trợ ít ỏi lại thường bị ràng buộc bởi rất nhiều điều kiện khắc nghiệt, độc đoán do các nước giàu đưa ra. Có những nhận định rằng, khi xem xét việc hỗ trợ, nhiều nước giàu chủ yếu quan tâm đến những lợi ích về chính trị, kinh tế của nước họ hơn là hiệu quả do khoản viện trợ đó mang lại cho nhân dân những nước nghèo. Ví dụ sau có thể coi là một điển hình : mặc dù bị tàn phá hết sức nặng nề bởi cơn bão Mít-chor (năm 1998), nhưng Hôn-đu-rat chỉ nhận được số tiền viện trợ đủ để trang trải lãi xuất đến hạn của số nợ nước ngoài (200 tỉ USD) của nước này. Trong khi đó, cùng thời điểm ấy, chỉ trong vài tháng, các nước Phương Tây đã dốc một khoản tín dụng tới 100 tỉ USD cho một số nước Đông Á vay, bởi lẽ sự vỡ nợ của những nước này có thể ảnh hưởng xấu đến nền kinh tế của họ.

Thực tế trên chứng tỏ, đã đến lúc LHQ và các tổ chức liên chính phủ quốc tế khác phải đưa ra những quy phạm quốc tế cụ thể và hiệu quả hơn để chống lại đói nghèo ; trong đó, bên cạnh trách nhiệm của các quốc gia nghèo phải tăng cường những nỗ lực của mình, cần thiết phải xác định rõ nghĩa vụ pháp lý của những nước giàu trong việc đóng góp vào cuộc đấu tranh xóa bỏ đói nghèo ở những nước chậm và đang phát triển.

Việt Nam với công cuộc xóa đói nghèo

Cuộc sống trong độc lập, tự do và không bị đói nghèo, dốt nát là những quyền con

người cơ bản, đầu tiên mà Đảng cộng sản mang lại cho người dân Việt Nam kể từ sau Cách mạng Tháng Tám 1945. Đây cũng chính là niềm trăn trở suốt đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người đã đặt các quyền đó trong cùng một cấp độ bức xúc, ưu tiên, khi gọi mỗi đe dọa ngoại xâm, đói nghèo, dốt nát cùng là "giặc" : "giặc ngoại xâm", "giặc đói" và "giặc dốt".

Thấm nhuần tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngay từ khi đất nước mới giành được độc lập, Đảng, Chính phủ Việt Nam đã quan tâm và có những biện pháp nhằm xóa bỏ đói nghèo. Trong suốt mấy chục năm chiến tranh và sau ngày đất nước hoàn toàn giải phóng, mặc dù nền kinh tế gặp muôn vàn khó khăn, song Nhà nước vẫn cố gắng bảo đảm cho nhân dân những dịch vụ xã hội cơ bản, trong đó có nhà ở, việc làm, học tập, chăm sóc y tế, bảo trợ xã hội (với phụ nữ, trẻ em, người tàn tật và những người già yếu...). Chính vì vậy, trước thời kỳ Đổi mới, mặc dù Việt Nam là một trong những nước nghèo nhất thế giới, nhưng các chỉ số phát triển con người nói chung, chỉ số giáo dục, tuổi thọ... nói riêng lại cao hơn đáng kể so với nhiều nước khác.

Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra chiến lược lâu dài, toàn diện về xóa đói, giảm nghèo (XĐGN). Văn kiện Đại hội lần thứ VII chỉ rõ : "Cùng với quá trình đổi mới, tăng trưởng kinh tế, phải tiến hành công tác XĐGN, thực hiện công bằng xã hội, tránh sự phân hóa giàu nghèo quá giới hạn cho phép". Để triển khai chiến lược trên, Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII) xác định những biện pháp cụ thể để xóa đói, giảm nghèo, như cho dân vay vốn, huấn luyện dân cách làm ăn, thiết lập các quỹ XĐGN ở các địa phương, tranh thủ nguồn tài trợ quốc tế...

(7) Báo cáo năm 2000 của UNICEF : *Tình hình trẻ em thế giới năm 2000*, tr 38

Với chủ trương, đường lối đúng đắn và một loạt chính sách kinh tế, xã hội phù hợp, từ 1986 đến nay, tỷ lệ đói nghèo ở Việt Nam liên tục giảm. Từ 70% số hộ nghèo (theo tiêu chuẩn Việt Nam) cuối thập niên 1980 xuống 58% năm 1992 - 1993, 37% năm 1997 - 1998, 17% năm 2001. Tính từ khi đổi mới đến nay, khoảng hơn 2 triệu hộ dân Việt Nam đã thoát khỏi đói nghèo. Cộng đồng quốc tế nhận định rằng, đó là một biến chuyển thần kỳ, một thành tựu nổi bật về bảo đảm các quyền con người của một quốc gia nghèo. Trên cơ sở ấy, vừa qua, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng xác định : "Phấn đấu đến năm 2010 về cơ bản không còn hộ nghèo. Thường xuyên củng cố thành quả xóa đói, giảm nghèo"⁽⁸⁾.

Những thành tựu trong công cuộc xóa bỏ đói nghèo ở Việt Nam là kết quả của sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa những nguyên lý ưu việt, tiến bộ của chủ nghĩa xã hội với truyền thống đậm đà tính nhân đạo, nhân văn của dân tộc. Nó chứng minh khát vọng xóa bỏ đói nghèo của các quốc gia trên thế giới hoàn toàn có thể trở thành hiện thực, nếu như quốc gia ấy có một thể chế chính trị tiến bộ và vững vàng ; một nhà nước của dân, do dân và vì dân ; một xã hội mà mỗi cá nhân, trong khi hưởng thụ các quyền và tự do luật định, luôn chứng tỏ tinh thần trách nhiệm với cộng đồng, với những đồng loại yếu thế của mình.

Thực tế lịch sử của dân tộc Việt Nam và của loài người cho thấy : một xã hội với những con người như vậy, một thể chế chính trị mang những đặc thù như vậy, chỉ có thể là chế độ xã hội chủ nghĩa, chứ không thể là chế độ tư bản hay bất cứ một chế độ chính trị nào. □

(8) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 212

MỘT SỐ VẤN ĐỀ...

(Tiếp theo trang 34)

đầu tư thấy rõ mục đích huy động và hiệu quả sử dụng vốn, cách thức trả nợ gốc và lãi, để có được sự tin tưởng cao hơn vào TPCP.

Năm là, phát triển các tổ chức tài chính và quỹ đầu tư. Thực tế trên thị trường TPCP ở Việt Nam trong thời gian qua, phần lớn các nhà đầu tư là cá thể, quy mô đầu tư nhỏ. Để mở rộng quy mô, tăng khả năng đầu tư và tính cạnh tranh cho thị trường vốn, cần tăng cường phát triển các tổ chức tài chính và quỹ đầu tư. Bởi lẽ, càng có nhiều tổ chức tham gia thị trường, càng có điều kiện hạ thấp chi phí huy động vốn. Trên thị trường thứ cấp cũng vậy, một thị trường thứ cấp nhộn nhịp và năng động không thể thiếu vai trò của các tổ chức tài chính và các quỹ đầu tư. Các tổ chức này càng có nhu cầu lớn về TPCP thì tính thanh khoản của TPCP mới càng cao. Vì vậy, xây dựng và duy trì một cơ cấu các công ty tài chính và quỹ đầu tư đủ mạnh là điều kiện không thể thiếu để tạo lập một thị trường TPCP phát triển và hoàn thiện.

Để nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vận hành thông suốt, cần tiếp tục tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường. Nghị quyết Đại hội IX của Đảng chỉ rõ : "Phát triển nhanh và bền vững thị trường vốn, nhất là thị trường vốn dài hạn và trung hạn"⁽¹⁾. Việc hình thành thị trường chứng khoán là sự cần thiết khách quan để giải quyết mối quan hệ giữa cung và cầu chứng khoán ở nước ta trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực. □

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 101

HỘI NGHỊ SƠ KẾT BỐN NĂM THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH 17 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Vừa qua, tại Hà Nội, được sự ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam tổ chức Hội nghị sơ kết bốn năm thực hiện Quyết định 17 của Thủ tướng Chính phủ *"Về ban hành quy định trách nhiệm của các bộ, các cấp chính quyền trong việc tạo điều kiện để các cấp Hội Nông dân Việt Nam hoạt động có kết quả"*. Đồng chí Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ đã dự và phát biểu ý kiến.

Hội nghị tập trung kiểm điểm, đánh giá những mặt đã làm được, những mặt hạn chế, những bài học kinh nghiệm và phương hướng tiếp tục thực hiện Quyết định 17 trong thời gian tới.

Sau khi có Quyết định 17, Hội Nông dân đã ký 22 văn bản phối hợp với các bộ, ngành ; 50 tỉnh, thành phố có quy chế phối hợp hoạt động giữa Ủy ban nhân dân với Hội Nông dân. Hội nghị khẳng định : Qua bốn năm thực hiện Quyết định 17, với những kết quả bước đầu quan trọng, đã tạo ra sự chuyển biến tích cực về nhận thức của các bộ, ngành, các cấp chính quyền về công tác vận động nông dân theo quan điểm Nghị quyết 8B của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI). Chính phủ và các cấp chính quyền thường xuyên lắng nghe ý kiến của Hội về những vấn đề liên quan đến sản xuất, đời sống, tâm tư, nguyện vọng của nông dân và công tác của Hội như : tăng các nguồn vốn vay từ các ngân hàng và các doanh nghiệp bán vật tư trả chậm cho nông dân ; tăng ngân sách chi cho hoạt động của Hội, giao cho Hội chủ trì một số dự án trong các chương trình kinh tế - xã hội của Nhà nước. Các nguồn lực đó đã tạo điều kiện để hội hoạt động có hiệu quả trên cả bề rộng lẫn chiều sâu, góp phần cùng các bộ, ngành hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đề ra. Tổ chức Hội được củng cố, uy tín của Hội trong hệ thống chính trị và trong xã hội được nâng lên, cán bộ hội được trưởng thành về nhiều mặt. Qua đó, Hội đẩy mạnh các phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới.

Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện Quyết định 17 cũng còn một số hạn chế, tồn tại như : ở cấp tỉnh, thành việc triển khai nhanh, tốt, nhưng đến huyện, xã còn chậm, mang tính hình thức ; một số bộ, ngành ở trung ương và địa phương có nghị quyết liên tịch, chương trình phối hợp với Hội Nông dân nhưng hiệu quả còn thấp. Hội Nông dân ở một số địa phương chưa phát huy tính chủ động trong việc cùng với chính quyền đưa các nội dung Quyết định vào chương trình phối hợp hành động và thực hiện nhiệm vụ hằng năm của Ủy ban nhân dân các cấp.

Phát biểu ý kiến với hội nghị, Phó Thủ tướng Phạm Gia Khiêm biểu dương các bộ, ngành, chính quyền và Hội Nông dân các cấp đã thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Quyết định 17, chỉ rõ nguyên nhân yếu kém cần khắc phục, đồng thời gợi ý phương hướng giải pháp để các cấp Hội Nông dân và chính quyền phối hợp tiếp tục thực hiện Quyết định 17 tốt hơn nữa trong thời gian tới. Đồng chí lưu ý một số nội dung : Hội Nông dân phải bám chặt kế hoạch, quy hoạch của Chính phủ về chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn ; chương trình hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ; thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) ; làm tốt công tác khuyến nông, khuyến lâm ; kết hợp với Cục đào tạo - dạy nghề để đào tạo nghề

cho nông dân ; vận động nhân dân làm tốt cuộc vận động "Toàn dân tham gia xây dựng cuộc sống văn hóa mới ở khu dân cư" ; thực hiện tốt việc giải quyết khiếu kiện, tố cáo của nông dân ; trong quan hệ với chính quyền, Hội không chỉ là tham gia mà còn phải chủ động đề xuất trong việc bàn và ra quyết định ; tăng cường kiểm tra, giám sát Quy chế Dân chủ ở cơ sở...□

HỘI THẢO KHOA HỌC - THỰC TIỄN : “NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG SINH HOẠT ĐẢNG”

Cuối tháng 6 - 2002, tại Công ty giấy Bãi Bằng (Phú Thọ), Ban Chủ nhiệm đề tài khoa học cấp Nhà nước KX. 03 - 06 phối hợp với Đảng ủy, Ban Giám đốc Công ty giấy Bãi Bằng, tổ chức Hội thảo "Đổi mới công tác sinh hoạt đảng".

Tham dự Hội thảo gồm có Ban Chủ nhiệm đề tài, Đảng ủy, Ban Giám đốc Công ty giấy Bãi Bằng, đại diện Ban Tổ chức Trung ương, các nhà khoa học thuộc các cơ quan nghiên cứu cùng toàn thể các đồng chí bí thư chi bộ, đảng bộ cơ sở thuộc Đảng bộ Công ty giấy Bãi Bằng, lãnh đạo phòng ban trong Công ty.

Các đại biểu tham dự Hội thảo đã sôi nổi phát biểu ý kiến chung quanh các vấn đề về công tác sinh hoạt đảng, về xây dựng cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Hội thảo nhất trí : Muốn nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở đảng, thì điều đầu tiên phải xây dựng cá nhân người đảng viên có phẩm chất chính trị vững vàng, trình độ tay nghề cao và đạo đức tốt. Các tổ chức cơ sở đảng quan tâm kết hợp với Đoàn Thanh niên, bồi dưỡng, giới thiệu những quần chúng đủ tiêu chuẩn cho Đảng. Khi đã trở thành đảng viên, tiếp tục phấn đấu, nâng cao kiến thức nghề nghiệp, trau dồi ý thức chính trị, giữ vững phẩm chất đạo đức của người đảng viên cộng sản. Đảng ủy và các cấp lãnh đạo là trung tâm đoàn kết, lôi cuốn mọi thành viên thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của Công ty.

Đi sâu vào nội dung sinh hoạt đảng, các ý kiến tập trung tham gia thảo luận các vấn đề : thời gian sinh hoạt thường kỳ ; việc kiểm điểm thực hiện nhiệm vụ chính trị ; nội dung sinh hoạt sao cho thiết thực ; mô hình lãnh đạo nào là hợp lý, có khả năng phát huy sức mạnh tổng hợp của tổ chức cơ sở đảng và các cấp lãnh đạo về chính quyền.

Ý kiến rất phong phú và gặp nhau ở điểm chung là : Để đổi mới công tác sinh hoạt đảng cần đoàn kết thống nhất mọi cán bộ đảng viên, phát huy tốt tiềm năng của từng cá nhân, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ chính trị ; tìm những nội dung sinh hoạt thiết thực, hiệu quả. Vai trò của đoàn thể quần chúng trong sinh hoạt chính trị phải được đặc biệt coi trọng, bảo đảm phối hợp chặt chẽ giữa sự lãnh đạo của Đảng ủy và sự điều hành của Ban Giám đốc, gắn với mọi hoạt động của Công ty.

Vấn đề khả năng và phong cách riêng của người bí thư cũng được nêu lên, như một nguyên nhân và điều kiện quyết định sự thành công của công tác sinh hoạt đảng. Bên cạnh sức mạnh tập thể là cơ bản, thì tài năng của người đứng đầu cấp ủy là yếu tố không thể thiếu được. Vì vậy, tập thể phải chăm lo phát hiện, bồi dưỡng toàn diện để xây dựng đội ngũ bí thư chi bộ giỏi. Người đứng đầu cấp ủy, phải biết kết hợp sức mạnh tập thể và khả năng, uy tín cá nhân để tập hợp lãnh đạo đơn vị hoàn thành nhiệm vụ. Điều quan trọng là, các tổ chức cơ sở đảng, trên cơ sở tiếp tục hoàn thiện các hình thức sinh hoạt đảng, đổi mới nội dung sinh hoạt gắn chặt với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị.

Cuộc Hội thảo đã kiến nghị một số vấn đề về lý luận và thực tiễn đề nghị các cấp lãnh đạo của Đảng tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi các quy định nhằm không ngừng nâng cao chất lượng công tác sinh hoạt đảng trong tình hình hiện nay. □

CÔNG TY THAN CAO SƠN



Hội trường công ty do CNCB công ty tự thiết kế và xây dựng

Công ty được thành lập ngày 06/6/1974, là đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Than Việt Nam. Công ty có ngành nghề kinh doanh khai thác, chế biến và tiêu thụ than.

Sản phẩm chính của Công ty là than an - tra - xit bao gồm các loại than cục, than cám đạt tiêu chuẩn chất lượng Việt Nam và quốc tế, đáp ứng mọi yêu cầu sử dụng trong các ngành công nghiệp và dân dụng. Năm 1997, than của Công ty đã được Tổ chức Chất lượng quốc tế có trụ sở tại Tây Ban Nha tặng giải thưởng Khái hoàn môn châu Âu (giải thưởng Chất lượng Vàng).



Tổ máy xúc 8V số 7 luôn đạt năng suất cao, hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2001 vào dịp 12/11

Công ty đã được Nhà nước tặng thưởng:

- Huân chương Lao động hạng ba năm 1990.
- Huân chương Lao động hạng hai năm 1994.
- Huân chương Lao động hạng nhất năm 2000 và cờ thi đua đơn vị xuất sắc của Chính phủ cùng nhiều phần thưởng của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Bộ Công nghiệp.

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn -

Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 033 862 337 - 033 862 210

Fax: 033 863 945

Trưởng: Kỹ sư Lê Đình Trường

Đ

Q

Đ

đồng một o đồng một o đồng một o đồng một o u

BẢO TÀNG CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 25 Tông Đản - 216 Trần Quang Khải, Hà Nội
Điện thoại: 8254151 - 8254323 - 8261651 Fax: 9342064
E-mail: baotangcm@hn.vnn.vn
Giám đốc: PGS. TS. Phạm Mai Hùng



Bảo tàng Cách mạng Việt Nam khánh thành ngày 6 tháng 1 năm 1959. Hệ thống trưng bày của bảo tàng gồm: 29 phòng giới thiệu hơn 3000 hiện vật, hình ảnh, tài liệu về lịch sử dân tộc Việt Nam từ cuối thế kỷ 19 cho đến ngày nay.

Ngoài ra, Bảo tàng còn giới thiệu nhiều sưu tập hiện vật gốc: tặng phẩm của nhân dân Việt Nam và bạn bè quốc tế tặng Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam; báo chí cách mạng; công nghiệp dầu khí; công nghiệp điện tử...

Trong kho của Bảo tàng Cách mạng Việt Nam đang lưu giữ trên 80000 hiện vật, hình ảnh, tài liệu.

Trong hơn 40 năm xây dựng và trưởng thành, Bảo tàng Cách mạng Việt Nam đã phục vụ gần 13 triệu khách thăm quan từ mọi miền đất nước và 114.000 khách của 120 nước và tổ chức quốc tế. Bảo tàng Cách mạng Việt Nam vinh dự được 5 lần đón Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhiều lần đón các đồng chí Tổng Bí thư của Đảng đến thăm và làm việc.

Bảo tàng Cách mạng Việt Nam được Đảng và Nhà nước tặng thưởng 2 Huân chương Độc lập và 2 Huân chương Lao động; trong thời kỳ đổi mới, Bảo tàng Cách mạng Việt Nam nhiều năm được nhận cờ luân lưu của Chính phủ và liên tục nhận cờ thi đua xuất sắc của Bộ Văn hoá - Thông tin.



**Hân hạnh đón chào Quý khách
đến với Bảo tàng Cách mạng Việt Nam**



NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

**PHẦN ĐẦU ĐỂ 100% SỐ HỘ SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG
CẢ NƯỚC CÓ NHU CẦU VÀ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC VAY VỐN**

Hộ gia đình sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp không phân biệt thành thị, nông thôn, vùng sâu, vùng xa có tư liệu sản xuất (bao gồm đất, đồi rừng, mặt nước...) và mở thêm các ngành nghề sản xuất tiểu thủ công nghiệp, chế biến, dịch vụ nếu có nhu cầu vay từ 10 triệu đồng trở xuống thì không phải thế chấp tài sản đều được Ngân hàng Nông nghiệp giải quyết cho vay.

THỦ TỤC NHƯ SAU:

1. Có "Giấy đề nghị vay vốn" theo mẫu in sẵn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.
2. Có "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" (sẽ được lưu giữ bản gốc tại Ngân hàng Nông nghiệp). Nếu nơi nào chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì người vay chỉ cần được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận "Đất đang được sử dụng và không có tranh chấp" vào Giấy đề nghị vay vốn.

Sau khi làm đầy đủ thủ tục trên, hộ sản xuất cùng Ngân hàng Nông nghiệp nơi vay vốn lập "Sổ vay vốn" theo mẫu in sẵn. Sổ vay vốn được dùng cho nhiều lần vay trả, khi viết hết trang thì được thay sổ mới.

**TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM
LÊ VĂN SỞ**

Trụ sở chính: số 2 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội
Điện thoại: 8.313710 - 8.313776 * Fax: 8.313717 - 8.313719
SWIFT: VBAAVNVX E-mail: qhqt@fpt.vn

**MỌI CHI TIẾT CẦN HỎI XIN LIÊN HỆ VỚI 1568 CHI NHÁNH
NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP TỈNH, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ, HUYỆN,
LIÊN TỈNH, LIÊN XÃ TRONG CẢ NƯỚC**



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - ĐIỆN LỮ GIA

LUGIA MECHANICAL ELECTRIC JOINT STOCK COMPANY

Kỹ sư Cao Tấn Khương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Giám đốc



Trụ đèn trang trí



Trụ đèn chiếu sáng



Chiếu sáng bờ Nam cầu Mỹ Thuận



Chiếu sáng đường ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Công ty Cổ phần Cơ khí - Điện Lữ Gia (LUGIACO) tiền thân là Công ty Cơ khí Lữ Gia, là một doanh nghiệp nhà nước được thành lập năm 1978. Qua nhiều tên gọi khác nhau, đến tháng 12/1999 chuyển thành Công ty Cổ phần Cơ Khí - Điện Lữ Gia theo quyết định số 8032/QĐ - UB - KT ngày 28/12/1999 của UBND TP.HCM.



Kỹ sư CAO TẤN KHƯƠNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Giám đốc

Là đơn vị sản xuất cơ khí trực thuộc Sở Giao thông Công chánh TP.HCM. Qua nhiều năm tự tích lũy vốn đối mới thiết bị và đầu tư chiều sâu. Đến nay, Công ty đã nghiên cứu và chế tạo được các sản phẩm đèn chiếu sáng công cộng từ 70W đến 400W, trụ đèn đường loại tròn côn và bát giác côn cao từ 4m đến 30m. Các sản phẩm tham dự Hội chợ Thành tựu KHKT toàn quốc đã đạt 4 Huy chương Vàng, một Huy chương Bạc. Sản phẩm đèn và trụ đèn của công ty đã được lắp đặt cho nhiều hệ thống chiếu sáng công cộng ở các khu chế xuất, khu công nghiệp, đường bờ Bắc, bờ Nam cầu Mỹ Thuận, các tỉnh miền Tây, miền Trung và cung cấp ra miền Bắc, sang Cam pu chia và Lào.

Qua hơn 20 năm xây dựng và phát triển Công ty đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động các hạng Nhì, Ba.

CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

Sản xuất kinh doanh các thiết bị cơ khí - điện cho hệ thống chiếu sáng, tín hiệu giao thông và trang trí nội thất.

Sản xuất kinh doanh các thiết bị cơ khí cho yêu cầu phục vụ vệ sinh môi trường.

Sản xuất kinh doanh các loại trụ, cột bằng kim loại; thiết kế và thi công lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng; thiết kế và thi công hệ thống đèn tín hiệu giao thông.

Thiết kế và thi công đường dây tải điện và trạm biến áp dưới 35kV (sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề); sản xuất kinh doanh và lắp đặt các thiết bị báo hiệu giao thông; sản xuất kinh doanh các thiết bị cơ khí chính xác và các sản phẩm khác theo luật định; sản xuất kinh doanh và lắp đặt các cấu kiện sắt thép công nghiệp và dân dụng.

Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, nguyên liệu, thành phẩm và máy móc thiết bị có liên quan đến chức năng hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Trụ sở : 70 Lữ Gia, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

Email : congtycokhilugia@hcm.vnn.vn

Web : lugiacolighting.com

Tel : (84-8) 8637856 - 8650167

Fax : (84-8) 8651155



NIỀM TỰ HÀO CÔNG NGHIỆP XE MÁY VIỆT NAM



★ Giải Cầu vàng hàng Việt Nam chất lượng cao phù hợp chuẩn:
"Made in Vietnam 2002"

★ Huy chương Vàng sản phẩm hàng Việt Nam chất lượng cao



- Kỹ thuật tiên tiến sản xuất tại Việt Nam
- Phong phú kiểu dáng, đa dạng về chủng loại
- Sản phẩm tiêu biểu của ngành công nghiệp xe máy VN
- Chất lượng được bảo hành 15.000 km hoặc 1 năm

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ:

Công ty cổ phần đầu tư sản xuất động cơ, phụ tùng và
lắp ráp ô tô, xe máy **LISOHAKA** Hạ Bằng - Thạch Thất
- Hà Tây

ĐT Nhà máy: (034) 686765.

ĐC giao dịch : 201 đường Trường Chinh - HN

ĐT : 04.5634539 - 04.8534155





THÁI NGUYÊN

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: 284 - Lương Ngọc Quyến - TP Thái Nguyên

Điện thoại: 0280.852671 - Fax: 0280.855710

E-mail: dhyktn@hn.vnn.vn

Trường Đại học Y khoa duy nhất của các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam, thành lập năm 1968. Trên 33 năm xây dựng và trưởng thành, đã đào tạo được gần 9 000 bác sĩ cho Tổ quốc. Lưu lượng người học là 2500, thuộc ba hệ đào tạo.

- Sinh viên chính quy 6 năm.
- Sinh viên chuyên tu 4 năm.
- 2 đến 3 năm cho các học viên đào tạo sau đại học, chuyên khoa I, II và Thạc sĩ.

Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên (BVDKTWTN) 500 giường bệnh là bệnh viện thực hành chính của Trường. Hơn 600 cán bộ giảng dạy bao gồm Giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ, Bác sĩ, Dược sĩ và Cử nhân có trình độ cao thường xuyên giảng dạy trong 34 bộ môn ở Trường và 30 khoa chuyên môn ở Bệnh viện. Quan hệ quốc tế của Trường không ngừng phát triển.

Sự hợp tác chặt chẽ, toàn diện với BVDKTWTN sự giao lưu thường xuyên với các trường Đại học Y Dược và các bệnh viện lớn trong nước và sự mở rộng quan hệ quốc tế là những nhân tố cơ bản, tác động to lớn và quyết định chất lượng đào tạo của Trường. Từ năm học 2001 - 2002, Trường bắt đầu đào tạo Dược sĩ Đại học. Tiến tới thành lập trường Đại học Y Dược Thái Nguyên.

Mở rộng đào tạo cao học thuộc các hệ nội, ngoại cho các tỉnh miền núi phía Bắc.

Mở rộng hoạt động đào tạo và phục vụ của trung tâm tiền lâm sàng nhằm nâng cao chất lượng học tập của sinh viên ở giai đoạn lâm sàng Bệnh viện



Học tập bên giường bệnh tại khoa hồi sức cấp cứu BVDKTW Thái Nguyên



Hiệu trưởng - Nhà giáo ưu tú - Phan Văn Các



Ông Benoid Blanc điều phối viên Y tế Đại sứ quán Pháp thăm bộ môn Mô học.



Thầy, trò trong giờ học môn giải phẫu.

KỔ SỔ KIẾN THIẾT TÂY NINH

Địa chỉ: 167 Đại lộ 30/4 Thị xã Tây NinhĐT: 822327 - 827536
Tài khoản: 948.00026 tại Kho bạc Nhà nước Tây Ninh

KÍNH CHÚC QUÝ ĐỒNG BÀO
THAM GIA XỔ SỔ KIẾN THIẾT
TỈNH TÂY NINH

May Mắn Và Hạnh Phúc



830



CÔNG TY GANG THÉP THÁI NGUYÊN

THAI NGUYEN IRON AND STEEL CORPORATION

Địa chỉ : Phường Cam Giá - TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 0280.832060 / 833559 - Fax: 0280.832056

Email: gangthep@hn.vnn.vn



Hệ thống quản lý
Chất lượng quốc tế



Kỹ sư Đặng Văn Sứ
Bí thư đảng ủy - Tổng Giám đốc



Huy chương vàng
Hội chợ quốc tế
công nghiệp Việt Nam



Do người tiêu dùng
bình chọn
Năm 2001 - 2002

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỦ YẾU:



Dây chuyền thiêu kết

- * Sản xuất thép xây dựng các loại
Sản lượng: 250000 tấn/năm.
- * Sản xuất gang đúc và gang luyện thép xuất khẩu
Sản lượng: 130000 tấn/năm.
- * Sản xuất các loại hợp kim như: FeMn, FeSi, FeCr...
- * Công nghiệp khai thác than, sản xuất than cốc và các sản phẩm sau cốc.
- * Sản xuất vật liệu chịu lửa, ô xy, đất đèn, hồ điện cực.
- * Sửa chữa xe ô tô và vận chuyển hàng hoá.
- * Khảo sát thiết kế, chế tạo, thi công các công trình thiết bị luyện kim.
- * Công ty được phép kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp.



Dây chuyền cán thép $\phi 6, \phi 8$



Thép vằn SD295A-D10 + D40

ĐỘC QUYỀN SỬ DỤNG NHÃN HIỆU "TISCO" TRÊN CÂY THÉP

IX
H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



UNIV. OF MICH.

SEP 15 2002

CURRENT SERIALS

24

8-2002

Digitized by



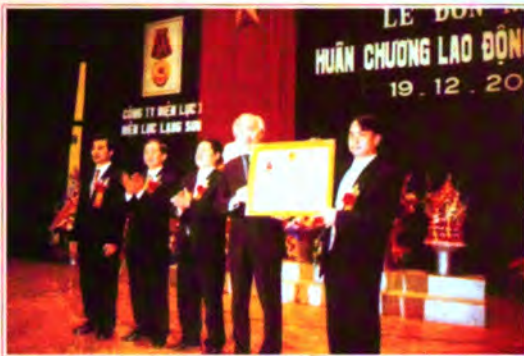
CÔNG TY ĐIỆN LỰC I

ĐIỆN LỰC LẠNG SƠN

Địa chỉ: 109 Trần Đăng Ninh - Tam Thanh - Lạng Sơn

Điện thoại: (025) 870 148 - 871 278 - 872 047

Giám đốc: KS. Nguyễn Khắc Du



Được thành lập ngày 03/12/1966, Điện lực Lạng Sơn (tiền thân là Nhà máy phát điện Lạng Sơn) là một trong số ít các đơn vị điện lực ở phía Bắc phải chịu đựng thử thách khốc liệt của hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm và đã đứng vững để đảm bảo cung cấp điện ổn định, an toàn, góp phần đắc lực cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và phát triển kinh tế xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc tỉnh Lạng Sơn.



Do hoạt động trên địa bàn rừng núi hiểm trở cho nên công tác kiểm tra, phát tuyến, bảo dưỡng đại tu sửa chữa để cho dòng điện thông suốt, an toàn là nhiệm vụ thường xuyên nặng nề đối với CBCNV Điện lực Lạng Sơn. Tuy nhiên, với những nỗ lực không mệt mỏi và ý thức trách nhiệm cao, CBCNV Điện lực Lạng Sơn không để xảy ra những tai nạn lao động nặng hay những sự cố chủ quan về thiết bị.

Trong hơn 35 năm qua, Điện lực Lạng Sơn liên tục lớn mạnh về mọi mặt, đạt được tăng trưởng về doanh thu 21%/ năm, nộp nghĩa vụ ngân sách với địa phương tăng trung bình 10%. Tính đến nay, toàn tỉnh đã có 160/226 xã, phường 67% số hộ dân có điện lưới quốc gia. Theo dự kiến, đến năm 2003 sẽ điện khí hóa xong 80% số xã của tỉnh. Công tác bàn giao lưới điện trung áp nông thôn đã hoàn thành với 139 km đường dây, 82 máy biến áp. Số lượng khách hàng tăng 4,27%/ năm.



Với sự cố gắng, nỗ lực không ngừng và đóng góp tích cực trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Điện lực Lạng Sơn đã vinh dự được tặng nhiều huân chương, nhiều bằng khen của UBND tỉnh, các bộ, ngành, tổng cục Điện lực Việt Nam, cờ thi đua của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam...



THÁNG RA 3 KỶ

SỐ 653

24

8-2002

● BỘ BIÊN TẬP :

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : (04) 9 422 061
Fax : (04) 8 222 846

**● Cơ quan thường trú
tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,
Q. 3, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 225 768
Fax : (08) 8 231 664

● Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>
Email: bttccs@hn.vnn.vn

**● Phó Tổng Biên tập phụ trách :
TRẦN QUANG NHIỆP**



*Bìa 1 : Cuộc diễu hành
trong ngày Quốc khánh
Ảnh : TTXVN*

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

CHÀO MỪNG THẮNG LỢI KỶ HỢP THỨ NHẤT, QUỐC HỘI KHÓA XI

PHAN VĂN KHẢI - Định hướng chương trình hành động của Chính phủ trong nhiệm kỳ 2002 - 2007	3
*** Nghị quyết kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XI	13
NGUYỄN VĂN AN - Diễn văn bế mạc kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XI	17

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

LÊ XUÂN - Kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể là nền tảng của nền kinh tế nước ta	20
NGUYỄN ĐỨC TRIỀU - Hội Nông dân Việt Nam trong công tác xóa đói, giảm nghèo	27

NHÂN KỶ NIỆM 57 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ QUỐC KHÁNH 2-9 (1945 - 2002)

NGUYỄN TRỌNG PHÚC - Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân	33
NGUYỄN HỮU NGUYỄN - Vị thế mới của Việt Nam ở Đông - Nam Á	39

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

LÊ XUÂN LỰU - Lại bàn về con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta	44
NGUYỄN THÔNG - Giải pháp tăng cường xuất, nhập khẩu cho những tháng cuối năm 2002	50

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

NGUYỄN THÁI BÌNH - Trà Vinh tiếp tục cuộc vận động xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh	53
PHẠM HIỆP - Ghi nhận ở Nam Đông	56

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

VI-LAY-VAN PHÔM-KHÊ - Đường lối đổi mới của Đảng Nhân dân cách mạng Lào	62
---	----

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

Hội thảo : Về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng trong các trường học ngoài quốc lập	64
--	----

СОДЕРЖАНИЕ

ФАН ВАН КХАЙ: Определение программы действий Правительства в срок полномочий 2002 – 2007гг. *** **Постановления первой сессии Национального Собрания XI^{го} созыва.** **НГУЕН ВАН АН:** Заключительное слово к первой сессии Национального Собрания XI^{го} созыва. **ЛЕ СУАН:** Государственный и коллективный экономические секторы – фундамент экономики нашей страны. **НГУЕН ДЫК ЧИЕУ:** Союз крестьян Вьетнама и работа по ликвидации голода и уменьшению бедности. **НГУЕН ЧОНГ ФУК:** Августовская Революция 1945 года и идея Хо Ши Мина о создании правового социалистического государства народа, народом и за народ. **НГУЕН ХЫУ НГУЕН:** Новое положение Вьетнама в Юго-Восточной Азии. **ЛЕ СУАН ЛЫУ:** Снова обсудили вопрос о революционном пути к социализму в нашей стране. **НГУЕН ТХОНГ:** Мероприятия по урегулированию экспорта и импорта в последние месяцы 2002г. **ВИЛАЙВАНХ ФОМКХЭ:** Курс полного обновления Лаосской Народно-революционной Партии.

CONTENTS

PHAN VĂN KHẢI: Orientation of the activity program of the Government in the Term of Office 2002 – 2007 *** **Resolutions of the 1st session of the National Assembly (XIth tenure).** **NGUYỄN VĂN AN:** Closing speech of the 1st session of the National Assembly (XIth tenure). **LÊ XUÂN:** State and collective sectors are the fundament of our country's economy. **NGUYỄN ĐỨC TRIỀU:** The Association of Vietnamese Peasants in the matter of cancellation of famine and decrease of poverty. **NGUYỄN TRỌNG PHÚC:** 1945 August Revolution and Hồ Chí Minh's ideas regarding the building of a law-governed socialist state of the people, by the people, and for the people. **NGUYỄN HỮU NGUYỄN:** The new position of Vietnam in Southeast Asia. **LÊ XUÂN LỰU:** To discuss once again about the path of socialist revolution in our country. **NGUYỄN THÔNG:** Export, import measures for the last months of 2002. **VILAYVANH PHOMKHE:** The line of comprehensive renovation of the Laos People's Revolutionary Party.

SOMMAIRE

PHAN VĂN KHẢI: L'orientation du programme d'action du gouvernement durant son mandat de 2002-2007. *** **La Résolution de la première session de l'Assemblée nationale de la XI^e législature.** **NGUYỄN VĂN AN:** Allocution de clôture de la première session de l'Assemblée nationale de la XI^e législature. **LÊ XUÂN:** L'économie publique et l'économie collective constituent le fondement de l'économie vietnamienne. **NGUYỄN ĐỨC TRIỀU:** L'association des agriculteurs vietnamiens et sa mission d'éradication de la misère. **NGUYỄN TRỌNG PHÚC:** La Révolution d'Août 1945 et la pensée de Hồ Chí Minh sur l'édification d'un Etat de droit socialiste du peuple, par le peuple et pour le peuple. **NGUYỄN HỮU NGUYỄN:** La nouvelle position du Vietnam au Sud-Est asiatique. **LÊ XUÂN LỰU:** Revenir au sujet de la voie révolutionnaire socialiste au Vietnam. **NGUYỄN THÔNG:** La solution pour l'import-export dans les derniers mois de 2002. **VILAYVANH PHOMKHE:** La politique de renouveau dans tous les domaines du Parti populaire révolutionnaire lao.

SUMARIO

PHAN VĂN KHẢI: Orientación del programa de acción del Gobierno en el mandato de 2002-2007. *** **Resolución de la Primera Sesión de la Asamblea Nacional (XI Legislatura).** **NGUYỄN VĂN AN:** La clausuración de la Primera Sesión de la Asamblea Nacional (XI Legislatura). **LÊ XUÂN:** Economía estatal y economía colectiva son la base fundamental de la economía vietnamita. **NGUYỄN ĐỨC TRIỀU:** La Asociación de Campesinos Vietnamitas en el trabajo de abolir el hambre y disminuir la pobreza. **NGUYỄN TRỌNG PHÚC:** La Revolución de Agosto de 1945 y el pensamiento Hồ Chí Minh sobre la edificación del Estado de Derecho socialista del pueblo, para el pueblo y por el pueblo. **NGUYỄN HỮU NGUYỄN:** La nueva posición de Vietnam en el Sureste Asiático. **LÊ XUÂN LỰU:** Otra vez más discutir sobre el camino de la Revolución socialista en Vietnam. **NGUYỄN THÔNG:** Soluciones de exportación e importación para los últimos meses del año 2002. **VILAYVANH PHOMKHE:** El lineamiento de renovación global del Partido Popular Revolucionario de Laos.

目录

• 潘文凯: 政府2002年至2007年任期的行动章程定向 *** 国会第十一届第一次会议决议
• 阮文安: 国会第十一届第一次会议闭幕词 • 黎春: 国有经济及集体经济是我国的经济基础 • 阮德朝: 越南农民会的消饥、扶贫工作 • 阮仲福: 1945年八月革命及胡志明思想有关建设一个民有、民治、民享社会主义法制国家 • 阮友元: 越南在东南亚的新地位 • 黎春榴: 再论有关我国社会主义革命道路 • 阮松: 2002年下半年的进出口解决措施 • VILAYVANH PHOM KHE: 老挝人民革命党的全面革新道路。

ĐỊNH HƯỚNG CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ TRONG NHIỆM KỲ 2002 - 2007

**(Do Thủ tướng Chính phủ PHAN VĂN KHÁI
trình bày tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XI)**

*Thưa các đồng chí lãnh đạo Đảng và
Nhà nước,*

Thưa các vị đại biểu Quốc hội,

Thưa các vị khách,

Thưa đồng bào cả nước,

THAY mặt các thành viên Chính phủ vừa được Quốc hội phê chuẩn việc bổ nhiệm, tôi xin bày tỏ lời cảm ơn chân thành và lời hứa của tập thể Chính phủ quyết tâm thực hiện tốt trọng trách được giao để xứng đáng với sự tín nhiệm của các vị đại biểu Quốc hội và lòng mong đợi của nhân dân.

Báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2001 (trên cơ sở số liệu thực tế cả năm) và 6 tháng đầu năm nay, đề ra những biện pháp thúc đẩy thực hiện Nghị quyết của Quốc hội khóa X về nhiệm vụ năm 2002, đã được gửi tới các vị đại biểu Quốc hội tại kỳ họp này. Tôi chỉ xin nêu một số nhận định tổng quát làm cơ sở cho việc định hướng chương trình hành động của Chính phủ trong nhiệm kỳ mới.

Trong hoàn cảnh phải tiếp tục ứng phó với tác động bất lợi của tình hình kinh tế và giá cả thị trường thế giới, lại phải khắc

phục thiệt hại do hạn hán nặng ở nhiều vùng và các vụ cháy rừng quy mô lớn, chúng ta đã phấn đấu duy trì được nhịp độ tăng trưởng kinh tế, đẩy mạnh đầu tư xây dựng, tăng thu ngân sách, nâng cao sức mua của thị trường trong nước, thực hiện có hiệu quả chương trình xóa đói giảm nghèo, tiếp tục phát triển văn hóa, xã hội và có bước đổi mới công tác giáo dục, khoa học, phát hiện và xử lý kiên quyết một số vụ tội phạm lớn, được nhân dân đồng tình. Tuy nhiên, sự phát triển kinh tế - xã hội chưa vững chắc, còn nhiều yếu kém, đậm nét nhất là những dấu hiệu suy giảm về xuất khẩu, về đầu tư trực tiếp của nước ngoài (qua số vốn đăng ký các dự án mới); tình trạng yếu kém về hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông và tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu tiếp diễn nghiêm trọng.

Qua hơn 15 năm đổi mới, trong đó 5 năm lại đây phải đương đầu với tác động bất lợi của cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế khu vực và sự trì trệ của kinh tế thế giới, chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn làm thay đổi bộ mặt và cuộc sống ở cả nông thôn và thành thị, tăng cường một

bước quan trọng thế và lực của đất nước ta, song Việt Nam vẫn là một nước nghèo, thua kém nhiều nước xung quanh về trình độ phát triển kinh tế và công nghệ.

Trong khi đó, tình hình chính trị và kinh tế thế giới đang diễn biến rất phức tạp, ẩn chứa nhiều nhân tố khó lường ; căng thẳng và xung đột gia tăng tuy hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn. Kinh tế thế giới có dấu hiệu phục hồi, song chưa vững chắc và có những diễn biến bất lợi cho nền kinh tế nước ta. Khoa học và công nghệ thế giới tiếp tục phát triển nhanh chóng, quá trình toàn cầu hóa làm cho cuộc cạnh tranh trên thị trường thế giới ngày càng gay gắt và quyết liệt. Thời gian tới, nước ta sẽ phải thực hiện đầy đủ các cam kết tham gia khu vực mậu dịch tự do Đông - Nam Á (AFTA) và các cam kết quốc tế khác, đẩy mạnh đàm phán gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), đưa quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta lên một bước phát triển mới, cao hơn về chất.

Nhiệm kỳ này phải phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng trong bối cảnh có nhiều thuận lợi đi đôi với không ít khó khăn, thách thức, gay gắt hơn trước. Tình thế vừa mở ra khả năng mới, vừa đòi hỏi chúng ta phải phát triển nhanh và bền vững thì mới tận dụng được cơ hội, tránh bị tụt hậu và thua thiệt khi hội nhập kinh tế quốc tế.

Để giành thắng lợi, phải tiếp tục phát huy cao độ *động lực chủ yếu là đại đoàn kết dân tộc, khơi dậy sức mạnh toàn dân* với nguồn nội lực giàu tiềm năng, coi đó là nguồn lực có ý nghĩa quyết định, đồng thời tranh thủ ngoại lực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, vận dụng sức mạnh thời đại

phục vụ cho sự phát triển đất nước, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ.

Chính phủ xác định trong 5 năm tới phải tiếp tục nắm vững và làm tốt hơn nữa *nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế*, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đi đôi với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, đáp ứng những đòi hỏi bức xúc của nhân dân là : có việc làm, xóa đói giảm nghèo, đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần cùng với điều kiện học tập, chữa bệnh được cải thiện ; an ninh, trật tự xã hội được bảo đảm, các tệ nạn xã hội bị đẩy lùi ; bộ máy nhà nước trong sạch, dân chủ, công khai, phục vụ dân tốt hơn, ngăn chặn và loại trừ tham nhũng, xa rời dân, ức hiếp dân.

Nhiệm vụ giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, củng cố và tăng cường tiềm lực quốc phòng cần phải được thường xuyên quan tâm, chú trọng các địa bàn trọng điểm, phát huy lợi thế được quốc tế đánh giá cao về sự ổn định chính trị - xã hội, xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân kết hợp chặt chẽ với sự phát triển kinh tế để bảo vệ an ninh, độc lập, chủ quyền quốc gia trong mọi tình huống.

Chính phủ kiên trì thực hiện *đường lối đối ngoại* đã được Đại hội IX của Đảng khẳng định, quán triệt phương châm Việt Nam luôn luôn sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển để mở rộng hợp tác quốc tế, chủ động hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới, củng cố môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trên lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, Chính phủ đã xây dựng chương trình

hành động nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, chiến lược 10 năm 2001 - 2010 và kế hoạch 5 năm 2001 - 2005. Bước vào nhiệm kỳ mới, Chính phủ sẽ tiếp tục bàn định cụ thể chương trình, kế hoạch hành động và quan trọng hơn nữa là nâng cao ý chí và năng lực chỉ đạo thực hiện, tập trung vào 3 nhiệm vụ lớn dưới đây :

Một là, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, bảo đảm tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững ;

Hai là, tạo bước tiến mới trong sự phát triển con người một cách toàn diện, giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, cải thiện môi trường xã hội và tự nhiên ;

Ba là, xây dựng nền hành chính trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực cao, đẩy lùi và ngăn chặn tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu, mở rộng dân chủ, công khai đi đôi với nâng cao kỷ luật, kỷ cương trong bộ máy nhà nước và trong xã hội.

Ba nhiệm vụ nêu trên gắn bó với nhau, hội tụ các nỗ lực trên mọi lĩnh vực hoạt động của các tầng lớp nhân dân và các ngành, các cấp, vừa nhằm giải quyết những vấn đề cấp bách, vừa tạo cơ sở cho sự phát triển lâu dài và bền vững của đất nước. Dưới đây, xin nêu những vấn đề lớn mang tính định hướng cho chương trình hành động của Chính phủ trong nhiệm kỳ 2002 - 2007.

I - NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ VÀ SỨC CẠNH TRANH CỦA NỀN KINH TẾ

Giai đoạn phát triển mới đòi hỏi phải tiếp tục khai thác các yếu tố tăng trưởng theo chiều rộng, nhất là sức lao động, vốn đầu tư và đất đai, song muốn tiến nhanh và

bền vững, phải *thật sự tạo được bước phát triển mạnh mẽ về chất lượng theo chiều sâu*, nhất là chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cấp trình độ công nghệ và quản lý, cả ở tầm vĩ mô và vi mô, để tăng năng suất, sức cạnh tranh và hiệu quả của hàng hóa, của doanh nghiệp và của nền kinh tế. Muốn vậy, phải giải quyết những vấn đề chính dưới đây bằng hành động quyết liệt của các doanh nghiệp và nhân dân, với sự tổ chức phối hợp có hiệu quả của các hiệp hội và vai trò thúc đẩy, hỗ trợ thiết thực của Nhà nước :

1 - Phát triển sản xuất đi liền với chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phù hợp với nhu cầu của thị trường, hướng mạnh về xuất khẩu đồng thời thay thế nhập khẩu có hiệu quả, mở rộng thị trường trong nước, phát huy lợi thế và tạo ra lợi thế mới để tăng sức cạnh tranh và hiệu quả. Cơ cấu xuất khẩu phải có bước chuyển mạnh từ các mặt hàng nguyên liệu thô sang các sản phẩm chế tạo, chế biến với ngày càng nhiều mặt hàng có thương hiệu trên thị trường quốc tế.

Trong 5 năm tới, đặc biệt coi trọng đổi mới cơ cấu sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn, nâng cao năng suất và thu nhập trên một đơn vị diện tích, trên một ngày công lao động ; mở mang công nghiệp chế biến nông sản và các ngành dịch vụ, phát triển các làng nghề chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang các ngành công nghiệp và dịch vụ phần lớn ngay tại nông thôn. Xác định các cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện sinh thái trên từng địa bàn, đáp ứng nhu cầu lương thực, thực phẩm, nguyên liệu cho công nghiệp chế biến

trong nước và có khả năng đẩy mạnh xuất khẩu ; hình thành các vùng chuyên canh nông sản hàng hóa, xây dựng các khu nông nghiệp công nghệ cao và đẩy mạnh công tác khuyến nông áp dụng công nghệ mới, đặc biệt là công nghệ sinh học, nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí, nâng cao trình độ chế biến, tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế. Phát triển mạnh các hình thức liên kết trên cơ sở hợp đồng kết hợp hài hòa lợi ích giữa người nông dân sản xuất nguyên liệu, với các doanh nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm, các nhà khoa học công nghệ.

Các đô thị và khu công nghiệp chú trọng phát triển các ngành công nghiệp chế biến ứng dụng công nghệ mới, không gây ô nhiễm ; tăng nhanh tỷ lệ nội địa hóa đi đôi với nâng cao sức cạnh tranh của các mặt hàng công nghiệp tiêu dùng và xuất khẩu ; thực hiện có hiệu quả các chương trình xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển công nghiệp năng lượng và một số ngành công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất, trang bị kỹ thuật cho kinh tế và quốc phòng ; mở mang nhanh các loại hình dịch vụ tương ứng với vai trò trung tâm kinh tế - văn hóa - khoa học - công nghệ của từng địa bàn và của cả nước.

Nhà nước chăm lo công tác quy hoạch ngành và lãnh thổ, xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển khoa học - công nghệ đồng thời thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và nhân dân về điều kiện sản xuất kinh doanh, về ứng dụng công nghệ mới và đào tạo nhân lực, về thông tin, tiếp thị và xây dựng thương hiệu... để chuyển dịch cơ cấu kinh tế có hiệu quả.

2 - Phát huy mọi nguồn lực đầu tư phát triển và nâng cao hiệu quả đầu tư. Tiếp tục cải thiện môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp và nhân dân mạnh dạn, yên tâm đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh ; tạo điều kiện cho thị trường vốn phát triển nhanh hơn, từng bước mở rộng và nâng cấp thị trường chứng khoán ; thu hút mạnh hơn đầu tư của nước ngoài, chủ yếu là đầu tư trực tiếp (FDI) và từng bước áp dụng có kiểm soát các hình thức đầu tư gián tiếp ; tiếp tục tranh thủ nguồn tài trợ chính thức (ODA), hạn chế vay thương mại ở ngoài nước. Nhà nước tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, thực hiện chính sách ưu đãi tín dụng đầu tư cho những ngành, những địa bàn đáng được ưu đãi ; bổ sung, sửa đổi quy chế đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn nhà nước, định rõ trách nhiệm và tăng cường kiểm tra bảo đảm chất lượng công trình và thiết bị mua sắm, ngăn chặn cho được các hành vi tiêu cực trong đấu thầu, thiết kế, thi công ; xử lý nghiêm những vi phạm làm thất thoát vốn, công trình kém chất lượng.

Phát triển mạnh các loại hình doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, chú trọng các doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa, kể cả kinh tế hộ gia đình sản xuất hàng hóa, tăng tỷ trọng của loại hình doanh nghiệp năng động, có sức cạnh tranh ; phát triển các hình thức kinh tế hợp tác, đồng thời đẩy mạnh cải cách doanh nghiệp nhà nước, sắp xếp lại, đa dạng hóa sở hữu các doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm giữ toàn bộ vốn, đổi mới công nghệ và quản lý để phát huy hiệu quả hoạt động ; bảo đảm cho kinh tế nhà nước thực hiện tốt vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế tập thể dần dần trở thành nền tảng kinh tế quốc dân.

Đi đôi với thực hiện nhất quán Luật doanh nghiệp và tiến tới xây dựng luật chung cho mọi loại hình doanh nghiệp, cần sớm sửa đổi, bổ sung Luật phá sản doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu xử lý kịp thời các đơn vị thua lỗ, mất khả năng thanh toán để góp phần làm lành mạnh các quan hệ kinh tế.

3 - Khẩn trương hình thành về cơ bản hệ thống thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với điều kiện thực tế của nước ta và với yêu cầu chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, phát huy tác dụng tích cực và khắc phục mặt trái của cơ chế thị trường. Trọng tâm hướng vào hoàn thiện khung pháp lý cho sự thiết lập đồng bộ các yếu tố thị trường và môi trường kinh doanh lành mạnh, có trật tự, bảo đảm cho các thành phần kinh tế không bị phân biệt đối xử trong việc đáp ứng nhu cầu về vốn, đất, công nghệ, thông tin... Nhà nước khuyến khích cạnh tranh theo pháp luật, hạn chế và kiểm soát độc quyền kinh doanh, xóa bao cấp, giảm dần hàng rào bảo hộ, buộc các doanh nghiệp từ bỏ thói quen ỷ lại, trông chờ vào Nhà nước, chủ động đổi mới công nghệ và quản lý, nâng cao sức cạnh tranh để tồn tại và phát triển. Đồng thời, Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao sức cạnh tranh, giảm chi phí sản xuất thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại và đầu tư, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, cung cấp thông tin định hướng cho kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính, kiểm soát giá độc quyền và giảm chi phí giao dịch...

4 - Phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới cơ chế quản lý nhằm phát triển thị trường công nghệ, coi sản phẩm nghiên cứu là loại hàng hóa đặc biệt ; đi đôi với phát

huy tính tự chủ của các tổ chức nghiên cứu khoa học - công nghệ ; coi trọng nhập khẩu và ứng dụng có hiệu quả công nghệ mới tạo động lực về lợi ích để thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ gắn bó với sản xuất, kinh doanh, hướng vào nâng cao năng lực cạnh tranh của từng sản phẩm, từng doanh nghiệp cũng như của nền kinh tế. Chính phủ tăng cường đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ, đặc biệt là các công nghệ mũi nhọn, đồng thời tạo môi trường thúc đẩy các doanh nghiệp đặt hàng cho các tổ chức khoa học - công nghệ, liên kết với nhau nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới.

5 - Bảo đảm sự ổn định kinh tế vĩ mô, làm lành mạnh nền tài chính quốc gia, cả tài chính nhà nước và tài chính doanh nghiệp, dân cư, đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động tiền tệ, tín dụng. Những việc quan trọng và cấp bách là : tiếp tục đổi mới chính sách tài chính, thực hiện chương trình cải cách chế độ thuế đi đôi với chấn chỉnh tổ chức và cải tiến phương thức thu thuế, quản lý chặt chẽ chi tiêu ngân sách nhà nước ; phát triển thị trường vốn, đổi mới cơ chế tín dụng, giải quyết nợ tồn đọng, giảm tỷ lệ nợ quá hạn, nâng cao năng lực kiểm soát lạm phát và thiếu phát, xử lý tỷ giá và lãi suất phù hợp với cơ chế thị trường, giảm sử dụng tiền mặt trong lưu thông tiền tệ, tăng khả năng chuyển đổi của đồng tiền Việt Nam.

II - PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN CON NGƯỜI, GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ XÃ HỘI BỨC XÚC

Sự phát triển toàn diện con người, cả trí lực, thể lực và nhân cách với đời sống vật chất và văn hóa không ngừng được

nâng cao trong môi trường xã hội và tự nhiên lành mạnh, vừa là mục tiêu vừa là nhân tố quyết định nhịp độ và chất lượng phát triển của đất nước. Toàn bộ các hoạt động phát triển con người hướng vào phát huy và phục vụ mọi tầng lớp nhân dân ở mọi miền ; trong đó rất coi trọng chăm lo cho đồng bào những nơi chịu nhiều khó khăn, thiệt thòi, đặc biệt là đồng bào các dân tộc ở miền núi, các vùng sâu, vùng xa. Dưới đây là những vấn đề bức xúc cần tập trung giải quyết :

1 - Giải quyết việc làm, tăng thu nhập và xóa đói, giảm nghèo là những vấn đề cơ bản và cấp bách.

Để tạo việc làm cho hàng chục triệu lao động gồm những người chưa có việc làm ở thành thị, thiếu việc làm ở nông thôn, số lao động dôi dư khi sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, số người đến tuổi lao động hàng năm, phải có thêm hàng chục vạn cơ sở sản xuất kinh doanh, chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đi đôi với chính sách hỗ trợ để giải quyết số lao động dôi dư trong khu vực doanh nghiệp nhà nước, tăng thêm việc làm từ nguồn vốn đầu tư công cộng, Nhà nước tạo môi trường thuận lợi hơn nữa cho các thành phần kinh tế đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh, tạo nhiều việc làm và phát triển thị trường lao động, kể cả xuất khẩu lao động.

Nhà nước quan tâm tạo điều kiện cho dân cư tăng thu nhập, kiểm soát chế độ tiền công theo Luật lao động, trợ giúp người nghèo và khuyến khích làm giàu chính đáng, chú trọng cải thiện đời sống của nông dân đi đôi với xây dựng nông thôn mới, từng bước giảm dần tỷ lệ chênh lệch, hình thành tương quan hợp lý về thu nhập giữa

nông thôn và thành thị, giữa các vùng và các tầng lớp dân cư.

Nhà nước và xã hội tiếp tục hỗ trợ có hiệu quả hơn cho việc xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội ở các vùng nghèo, xã nghèo ; khuyến khích và giúp đỡ các gia đình nỗ lực phấn đấu thoát khỏi đói nghèo, tạo cơ hội cho người nghèo được hưởng các dịch vụ cơ bản như học tập, chăm sóc sức khỏe, đẩy mạnh các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, chăm lo đời sống của những người tàn tật, nạn nhân chất độc màu da cam, người già cả cô đơn, trẻ em không nơi nương tựa, mở rộng chế độ bảo hiểm cả về loại hình và đối tượng tham gia.

2 - Nâng cao chất lượng, đổi mới cơ cấu và mở rộng quy mô giáo dục - đào tạo ở các cấp học, phát triển nhanh đào tạo nghề ; mở rộng các hình thức đào tạo liên thông ; **gắn kết giáo dục - đào tạo với nghiên cứu khoa học - công nghệ**, và cả hai lĩnh vực phải bám sát nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng nhu cầu nâng cao dân trí, phát triển các tài năng và nhu cầu đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ và quản lý. Nâng cao hiệu quả đầu tư của Nhà nước đi đôi với đẩy mạnh xã hội hóa, huy động toàn xã hội tham gia bằng nhiều hình thức vào sự phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ. Triển khai thực hiện kết luận của Hội nghị Trung ương lần thứ 6 khóa IX về giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ, tập trung vào đổi mới và nâng cao năng lực quản lý, xây dựng đội ngũ giáo viên và nhà nghiên cứu khoa học, công nghệ, sớm loại bỏ những hiện tượng tiêu cực trong dạy, học, thi cử, cấp bằng.

3 - Triển khai toàn diện sự nghiệp bảo vệ sức khỏe, nâng cao thể chất con người, từ việc bảo vệ và làm trong sạch môi trường thiên nhiên, đến tiếp tục giảm tỷ lệ tăng dân số gắn với bảo vệ sức khỏe sinh sản, chăm sóc trẻ em, cải thiện chế độ dinh dưỡng, rèn luyện thể dục - thể thao, phòng bệnh và chữa bệnh. Phát huy những nỗ lực tự giác bảo vệ và rèn luyện sức khỏe của mọi người đi đôi với phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ bảo vệ sức khỏe bằng nhiều hình thức, trong đó các cơ sở công lập phải đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao chất lượng hoạt động, thực hiện tốt vai trò nòng cốt, dẫn dắt các cơ sở ngoài công lập.

4 - Đẩy mạnh Cuộc vận động toàn dân xây dựng đời sống văn hóa ; phát triển các hoạt động văn hóa, nghệ thuật đa dạng về hình thức, phong phú và lành mạnh về nội dung. Gắn với phong trào đó, phát động cuộc vận động mọi người, mọi gia đình, mọi doanh nghiệp phát triển kinh tế, làm giàu cho mình và cho đất nước. Hết sức quan tâm xây dựng gia đình thành những tế bào lành mạnh tạo nên xã hội văn minh : sinh đẻ có kế hoạch, nuôi dạy trẻ em tốt, có cuộc sống vật chất và văn hóa, tinh thần ngày càng cao, sống và làm việc theo pháp luật, hiếu nghĩa trong gia đình và tương thân tương ái trong cộng đồng. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo pháp luật, vừa đáp ứng nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, vừa phát huy những yếu tố tích cực của tôn giáo chống các tệ nạn xã hội.

5 - Trên cơ sở nâng cao đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của nhân dân, phát huy sức đề kháng chủ động của mọi

người, mọi gia đình, mọi cộng đồng dân cư kết hợp với hoạt động của các cơ quan chức năng, để đẩy mạnh việc thực hiện các chương trình quốc gia phòng, chống tệ nạn xã hội ; kiên quyết đẩy lùi và ngăn chặn các tệ nạn ma túy, mại dâm, mê tín dị đoan, đấu tranh có hiệu quả chống văn hóa độc hại, làm lành mạnh môi trường xã hội.

Có giải pháp đồng bộ đi đôi với huy động tổng lực sức mạnh của toàn xã hội cùng với Nhà nước giải quyết tình trạng nhức nhối hiện nay về ách tắc giao thông đô thị và tai nạn giao thông.

Trong các lĩnh vực văn hóa, xã hội, cần chú trọng phát huy tính năng động tìm tòi, thử nghiệm từ cơ sở, sớm tổng kết kinh nghiệm của các nhân tố mới đã có không ít trong cuộc sống, những bài học thành công của một số địa phương, phát huy trí tuệ và công sức của đội ngũ trí thức rất đông đảo đang hoạt động trong các lĩnh vực này.

III - XÂY DỰNG NỀN HÀNH CHÍNH TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH

Trong bài phát biểu quan trọng tại phiên khai mạc kỳ họp đầu tiên này của Quốc hội, đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã trình bày những nhiệm vụ bức bách nhất về xây dựng Nhà nước theo quan điểm của Đại hội lần thứ IX của Đảng.

Quán triệt quan điểm đó, Chính phủ đã quyết định chương trình tổng thể cải cách hành chính 10 năm 2001 - 2010, gắn kết với cải cách kinh tế - xã hội và đặt trong tổng thể đổi mới hệ thống chính trị, nhằm mục tiêu xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại hóa, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, gần dân, phục vụ dân, đúng với bản chất Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Trong nhiệm kỳ mới, Chính phủ tập trung chỉ đạo thực hiện những việc lớn dưới đây:

1 - Bổ sung, hoàn thiện thể chế về tổ chức và hoạt động của hệ thống hành chính nhà nước gắn với nội dung xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (đã nêu ở phần trên), tiếp tục đổi mới chức năng quản lý của Nhà nước, phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp và của dân trong hoạt động kinh tế.

Cụ thể hóa Luật tổ chức Chính phủ, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và của chính quyền địa phương các cấp, sớm loại bỏ tình trạng chồng chéo về nhiệm vụ và không rõ ràng về trách nhiệm. Trong bộ máy hành chính, mỗi việc phải có một tổ chức, một người chịu trách nhiệm; việc nào chưa thể tách bạch rõ ràng để giao cho một cơ quan thì phải quy định cơ quan chủ trì và có quy chế phối hợp. Đề cao trách nhiệm cá nhân bằng các quy định cụ thể; người đứng đầu cơ quan không những chịu trách nhiệm về công việc mà còn có trách nhiệm liên đới về các vụ, việc sai phạm của cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý của mình.

Ban hành quy chế phân cấp mạnh hơn, rõ hơn trách nhiệm và thẩm quyền hành chính cho chính quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cấp dưới theo nguyên tắc: phân cấp công việc gắn với phân cấp về tổ chức, cán bộ và ngân sách; phân cấp thẩm quyền đi liền với xây dựng nguyên tắc, quy chế giải quyết công việc để công tác quản lý hành chính vừa tuân thủ sự thống nhất về thể chế, vừa sâu sát với dân và dân dễ kiểm tra.

Tiếp tục sắp xếp hợp lý tổ chức bộ máy hành chính nhà nước các cấp. Thực hiện chương trình ứng dụng công nghệ tin học trong quản lý nhà nước. Sửa đổi, bổ sung chính sách đối với cán bộ, công chức, kể cả cán bộ, công chức ở cơ sở xã, phường, thị trấn. Xây dựng đội ngũ công chức trong sạch, công tâm, thạo việc, mở rộng quy mô và đổi mới nội dung đào tạo, bồi dưỡng công chức, bảo đảm sau một thời gian, công chức các ngành, các cấp đều đạt tiêu chuẩn quy định theo chức danh.

Đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan nhà nước, phân biệt cơ quan hành chính với đơn vị sự nghiệp. Đối với cơ quan hành chính, thông qua việc thí điểm khoán biên chế và kinh phí hành chính, cần xác lập các tiêu chí, định mức hợp lý, sát thực tế để cải tiến việc xây dựng và phân bổ ngân sách. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, cần phát huy vai trò tự chủ, tạo điều kiện nâng cao khả năng tự trang trải kinh phí, tiến tới thực hiện chế độ tự quản tài chính.

Kết quả chấn chỉnh tổ chức bộ máy hành chính với sự phân công phân cấp hợp lý, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, đổi mới cơ chế tài chính phải thể hiện ở hiệu lực chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ của Chính phủ, các bộ và các cấp chính quyền địa phương, ở chất lượng dịch vụ hành chính và dịch vụ công phục vụ nhân dân.

2 - Đấu tranh quyết liệt và có hiệu quả hơn chống tệ nạn tham nhũng, lãng phí. Tệ nạn này đang diễn ra phổ biến và nghiêm trọng trên hai mặt: một là hà lạm, lãng phí của công, nhất là trong quản lý đất đai và đầu tư xây dựng; hai là sách nhiễu dân, dựa vào các kẽ hở trong thể chế,

thủ tục hành chính để đòi và nhận hồi lộ. Để đấu tranh có hiệu quả cần tập trung thực hiện những biện pháp chủ yếu sau đây :

- Tăng cường hơn nữa công tác xây dựng pháp chế, khắc phục những sơ hở và bất hợp lý đang bị lợi dụng ; khẩn trương sửa đổi Luật đất đai và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về quản lý nhà - đất, tạo khung pháp lý cho thị trường bất động sản (bao gồm cả quyền sử dụng đất) hình thành và hoạt động công khai, lành mạnh có sự kiểm soát của Nhà nước, ngăn chặn đầu cơ gây các cơn sốt nhà đất, bổ sung quy chế quản lý tài sản công, quy chế đầu tư và thực hiện các dự án bằng nguồn vốn nhà nước, xóa các "đường dây chạy dự án, chạy công trình", chống lẩn tránh đấu thầu hoặc đấu thầu giả tạo ngăn chặn thông đồng trong đấu thầu xây dựng và mua sắm thiết bị ; tiếp tục loại bỏ những quy định "xin - cho" không cần thiết và đơn giản hóa các thủ tục hành chính.

- Hoàn chỉnh và thực hiện có nền nếp quy chế dân chủ, công khai ở cơ sở, nhất là đối với các lĩnh vực liên quan đến tài sản công và tài chính công, đến việc làm ăn, sinh sống của dân ; có biện pháp xử lý đối với những nơi không chịu thực hiện quy chế này hoặc thực hiện một cách tắc trách. Đề nghị Quốc hội ban hành Luật giám sát có biện pháp chế tài để nâng cao hiệu lực giám sát của các cơ quan dân cử và đoàn thể nhân dân đối với cơ quan và cán bộ, công chức nhà nước.

Tổng kết việc giải quyết khiếu kiện của dân trong thời gian qua, phân tích rõ nguyên nhân và có biện pháp khắc phục tình trạng khiếu kiện kéo dài, đề cao trách

nhiệm giải quyết của các cơ quan hành chính ; phối hợp giữa cơ quan có thẩm quyền cấp trên và cấp dưới để giải quyết dứt điểm các vụ phức tạp, tồn đọng từ lâu, quy định cách làm bảo đảm cho người khiếu kiện được có tiếng nói khi cơ quan hành chính xử lý, đồng thời đề nghị bổ sung thẩm quyền, trách nhiệm và kiện toàn tòa án hành chính.

- Cải cách cơ bản chế độ tiền lương của khu vực nhà nước, chủ động và tích cực tạo nguồn để nâng mức lương thỏa đáng, khắc phục những bất hợp lý về thang bậc lương, thật sự thúc đẩy công chức nâng cao trình độ và hiệu suất làm việc, đề cao trách nhiệm và kỷ luật thực thi công vụ.

- Truy xét đến cùng những vụ tham nhũng và những vụ gian lận thương mại, những vụ tội phạm có tổ chức, móc nối với những phần tử biến chất trong bộ máy nhà nước. Bên cạnh việc xử lý nghiêm minh những kẻ sai phạm, bắt kẻ ở cương vị nào, cần phân tích nguyên nhân để ngăn chặn từ gốc, đặc biệt là bịt các kẽ hở về thể chế và cách thức quản lý tạo cơ hội cho kẻ xấu lợi dụng, bổ sung các biện pháp hữu hiệu giám sát, kiểm tra các cơ quan thực thi quyền lực, đặc biệt là các cơ quan và cán bộ trong bộ máy bảo vệ pháp luật.

Để tạo được chuyển biến rõ nét trong cuộc đấu tranh gay go, quyết liệt chống tham nhũng, lãng phí, Chính phủ và cơ quan hành chính các cấp phải nỗ lực rất lớn, đồng thời phải dựa vào tai mắt và tiếng nói của nhân dân, nâng cao hiệu lực giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, của các cơ quan báo chí và công luận.

3 - Xiết chặt kỷ luật trong hệ thống hành chính nhà nước, giữ vững trật tự, kỷ cương theo luật pháp trong xã hội.

Công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành thể chế, trước hết là việc thực thi công vụ trong cơ quan nhà nước phải được đặt thành một nhiệm vụ quan trọng thường xuyên trong hoạt động của Chính phủ và chính quyền các cấp. Bên cạnh việc tăng cường các cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước, Thủ tướng Chính phủ và thủ trưởng cơ quan hành chính các ngành, các cấp phải dành thì giờ làm việc trực tiếp với cấp dưới, với cơ sở, kiểm tra công tác, qua đó, đánh giá đúng về cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý trực tiếp. Kiểm tra, thanh tra không chỉ để tìm sai phạm mà còn nhằm phát hiện những sáng kiến và việc làm tốt. Nghiêm khắc với những sai phạm đã phát hiện, nhất là đối với cán bộ, công chức lạm dụng chức quyền, tiếp tay, bao che cho phần tử xấu, gây oan trái cho dân và doanh nghiệp. Truy cứu trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo cơ quan để xảy ra những sai phạm nghiêm trọng. Chính phủ chỉ đạo giải quyết triệt để một số vụ nổi cộm, qua đó có biện pháp chấn chỉnh kỷ luật trong bộ máy hành chính.

Đi đôi với đề cao kỷ luật trong bộ máy nhà nước, từng địa phương cần lựa chọn một vài vấn đề bức xúc và nổi cộm nhất về trật tự, kỷ cương xã hội, ví dụ tình trạng coi thường luật lệ giao thông ở đô thị, các vụ lấn chiếm đất công, hoạt động ngang nhiên của một số loại tội phạm, một số loại tệ nạn xã hội đang gây nhức nhối trong nhân dân... huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị và nhân dân, tập trung chỉ đạo quyết liệt với biện pháp đồng bộ để tạo chuyển biến mạnh mẽ, làm đà cho việc đưa trật tự, kỷ cương xã hội vào nền nếp.

Thưa các đồng chí,

Được các vị đại biểu Quốc hội thay mặt đồng bào cả nước tin cậy giao trọng trách, Chính phủ quyết tâm đổi mới và nâng cao chất lượng chỉ đạo, điều hành để thực hiện tốt chức năng được Hiến pháp quy định, với niềm tin tưởng vững chắc vào sự lãnh đạo của Đảng, sự ủng hộ của nhân dân cả nước, sự hỗ trợ và giám sát của Quốc hội, sự phối hợp có hiệu quả của Tòa án, Viện kiểm sát, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, các tổ chức dân sự, các cơ quan báo chí.

Tôi hy vọng và tin tưởng rằng chương trình hành động của Chính phủ trong nhiệm kỳ mới theo các định hướng nêu trên sẽ được đồng bào cả nước hưởng ứng và đốc lòng cùng với Chính phủ thực hiện tốt. Thay mặt Chính phủ, tôi kêu gọi đồng bào, chiến sĩ cả nước, kiều bào ở nước ngoài và toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức hãy nêu cao truyền thống đoàn kết và ý chí quật cường của dân tộc, phát huy tinh thần, trí tuệ và mọi nguồn lực để chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu, tạo cuộc sống tốt đẹp cho mình và góp phần tích cực xây dựng đất nước.

Tôi mong rằng các nước, các tổ chức quốc tế và bè bạn trên thế giới tăng cường hơn nữa quan hệ hợp tác cùng có lợi và tiếp tục dành cho Việt Nam sự ủng hộ và giúp đỡ quý báu.

Dân tộc ta nhất định đạt được bước tiến mới trong sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Xin cảm ơn quý vị đại biểu, các đồng chí và các bạn. □

NGHỊ QUYẾT KỲ HỌP THỨ NHẤT, QUỐC HỘI KHÓA XI

QUỐC HỘI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ vào Điều 84 của Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 10.

Trên cơ sở xem xét báo cáo kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI của Hội đồng bầu cử ; báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri qua các hội nghị gặp gỡ, tiếp xúc giữa cử tri với người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XI của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ; kết quả bầu, phê chuẩn nhân sự cấp cao của bộ máy nhà nước ; báo cáo bổ sung tình hình thực hiện kế hoạch, ngân sách nhà nước năm 2001 và thực hiện nhiệm vụ kế hoạch, ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2002 của Chính phủ và ý kiến của đại biểu Quốc hội ;

QUYẾT NGHỊ :

1. Quốc hội đánh giá cao kết quả cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI được tiến hành vào ngày 19-5-2002. Cuộc bầu

cử đã đạt được thắng lợi to lớn, bảo đảm dân chủ, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm, với tỷ lệ cử tri đi bỏ phiếu đạt 99,73%, cao nhất từ trước đến nay. 498 đại biểu Quốc hội được bầu đại diện cho các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, tôn giáo và các thành phần xã hội, thể hiện sinh động truyền thống đại đoàn kết toàn dân của dân tộc ta. Quốc hội đã xác nhận tư cách đại biểu của 498 người trúng cử trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI.

Thắng lợi của cuộc bầu cử cho thấy ý thức chính trị, trách nhiệm công dân, trình độ dân trí và sinh hoạt dân chủ của các tầng lớp nhân dân đã được nâng lên một tầm cao mới. Kết quả đó thể hiện sự gắn bó và niềm tin sâu sắc của các tầng lớp nhân dân đối với đường lối đổi mới của Đảng, Nhà nước và tính ưu việt của chế độ ta ; khẳng định nhân dân ta rất tin tưởng ở Quốc hội, đánh giá cao vai trò của Quốc hội, đồng thời mong muốn Quốc hội tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ phát triển mới.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 12-8-2002

Quốc hội nhiệt liệt biểu dương đồng bào và chiến sĩ cả nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, cơ quan nhà nước, lực lượng vũ trang nhân dân, các tổ chức phụ trách bầu cử bằng hành động thiết thực của mình đã góp phần làm nên thắng lợi to lớn của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI.

2. Quốc hội hoan nghênh, ghi nhận và đánh giá cao các ý kiến, kiến nghị của cử tri cả nước tại các cuộc tiếp xúc giữa cử tri với ứng cử viên đại biểu Quốc hội khóa XI, đây là sự đóng góp quý báu, thiết thực, thể hiện tâm huyết của cử tri đối với sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước.

Cử tri đã đánh giá cao kết quả hoạt động của Quốc hội khóa X ; đồng thời kiến nghị với Quốc hội khóa XI tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác lập pháp, hiệu lực, hiệu quả hoạt động giám sát tối cao, trong đó có việc giải quyết những vấn đề bức xúc trên các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội ; quốc phòng, an ninh ; cải cách hành chính ; chống lãng phí, tham nhũng, buôn lậu ; phòng, chống ma túy và các tệ nạn xã hội khác. Cử tri yêu cầu các vị đại biểu Quốc hội thực hiện tốt chương trình hành động và lời hứa trước cử tri ; giữ mối liên hệ chặt chẽ với cử tri ; thường xuyên tiếp xúc, tìm hiểu tâm tư nguyện vọng và lắng nghe ý kiến, kiến nghị của cử tri để phản ánh trung thực với Quốc hội và các cơ quan nhà nước hữu quan. Mỗi đại biểu Quốc hội phải luôn gương mẫu, có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên quyết đấu tranh chống tiêu cực, hết lòng bảo vệ quyền lợi của Nhà nước,

lợi ích chính đáng của nhân dân, hoàn thành tốt nhiệm vụ, xứng đáng là người đại biểu của nhân dân.

Quốc hội yêu cầu các cơ quan của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các cơ quan, tổ chức hữu quan, các cấp, các ngành, theo chức năng, nhiệm vụ của mình, nghiêm túc nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của cử tri ; kịp thời giải quyết các kiến nghị chính đáng của cử tri, nhất là các vấn đề bức xúc mà nhân dân quan tâm và báo cáo kết quả giải quyết với Quốc hội tại các kỳ họp tới.

3. Quốc hội biểu thị sự nhất trí cao với nội dung bài phát biểu quan trọng của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tại phiên khai mạc của kỳ họp này. Đây là những quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng về việc tiếp tục phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới, là định hướng hoạt động của Quốc hội trong suốt nhiệm kỳ, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả việc thực hiện chức năng lập pháp, giám sát tối cao và quyết định những vấn đề trọng đại của đất nước. Quốc hội nguyện cùng các cơ quan khác trong bộ máy nhà nước đoàn kết xung quanh Ban Chấp hành Trung ương Đảng phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

4. Với tinh thần trách nhiệm trước nhân dân và với sự nhất trí cao, Quốc hội đã

phát huy dân chủ, sáng suốt lựa chọn những người có đủ tiêu chuẩn để bầu, phê chuẩn giữ các chức vụ quan trọng trong bộ máy nhà nước. Kết quả này là sự tiếp tục tiến trình đổi mới tổ chức và hoạt động, xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, thực sự là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Quốc hội trân trọng ghi nhận ý kiến phát biểu của Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ đã trình bày trước Quốc hội khi nhận trọng trách được Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó. Quốc hội tin tưởng rằng trên cương vị công tác của mình, các đồng chí sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ, xứng đáng với sự tin cậy của Đảng, của Quốc hội và của nhân dân.

Quốc hội hoan nghênh và tán thành định hướng chương trình hành động của Chính phủ do Thủ tướng Chính phủ trình bày. Với sự nỗ lực phấn đấu của mình, sự giám sát của nhân dân, sự cộng tác, phối hợp chặt chẽ của các cơ quan trong bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức và các đoàn thể nhân dân, Chính phủ sẽ hoàn thành nhiệm vụ trong nhiệm kỳ mới.

Quốc hội tin tưởng rằng, trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Nhà nước tiếp tục nêu cao tinh thần cần kiệm liêm chính, chí công vô tư như lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu.

5. Quốc hội tán thành báo cáo bổ sung của Chính phủ về tình hình thực hiện kế

hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2001, thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch, ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2002 và nhận thấy :

Sáu tháng đầu năm 2002, mặc dù phải đương đầu với một số khó khăn lớn cả trong nước và ngoài nước, nhưng nhờ sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các ngành, các cấp, nền kinh tế nước ta vẫn duy trì được mức tăng trưởng khá ; một số tồn tại, yếu kém trong nền kinh tế đang từng bước được khắc phục ; cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch đáng kể ; việc huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển và thu ngân sách đạt khá ; một số lĩnh vực xã hội có bước chuyển biến tích cực ; trật tự, an toàn xã hội được duy trì ; quốc phòng, an ninh được giữ vững ; quan hệ đối ngoại tiếp tục được mở rộng.

Bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình kinh tế - xã hội còn đan xen những tồn tại, yếu kém. Sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, cơ cấu sản xuất trong từng ngành, từng vùng chuyển dịch chậm. Chi phí sản xuất trong một số ngành còn cao. Quản lý đầu tư xây dựng cơ bản chưa chặt chẽ, chất lượng nhiều công trình thấp. Giá nông sản thấp, một số sản phẩm nông nghiệp khó tiêu thụ. Sản xuất công nghiệp tuy đạt mức tăng trưởng theo dự kiến, nhưng hiệu quả sản xuất chưa cao. Kim ngạch xuất khẩu giảm so với cùng kỳ năm trước và còn thấp so với kế hoạch đề ra. Tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại và tệ tham nhũng vẫn diễn ra phức tạp. Các lĩnh vực xã hội tuy có tiến bộ nhưng vẫn còn nhiều tồn tại đáng lo ngại, tình

hình khiếu nại, tố cáo không giảm. Tai nạn giao thông có xu hướng gia tăng. Tội phạm có tổ chức và các tệ nạn xã hội như ma túy, mại dâm, cờ bạc vẫn đang là vấn đề nhức nhối, ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội.

Căn cứ vào tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2002, Quốc hội yêu cầu Chính phủ và các cơ quan nhà nước hữu quan nghiên cứu, tiếp thu ý kiến đóng góp của đại biểu Quốc hội, tập trung chỉ đạo thực hiện các giải pháp mạnh mẽ nhằm đạt kết quả cao nhất các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước năm 2002 như Nghị quyết đã được Quốc hội khóa X thông qua. Đặc biệt chú ý đến một số giải pháp nhằm đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh ; tháo gỡ khó khăn, ách tắc để đạt mức kim ngạch xuất khẩu cao nhất ; chủ động phòng, chống thiên tai để hạn chế tối đa thiệt hại ; bảo đảm thu, chi ngân sách nhà nước và thực hiện có hiệu quả các biện pháp đồng bộ đấu tranh chống buôn lậu, lãng phí, tham nhũng, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông.

6. Quốc hội yêu cầu các cơ quan của Quốc hội phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức hữu quan, trên cơ sở tổng kết thực tiễn, xác định những vấn đề thực sự bức xúc để khẩn trương chuẩn bị chương trình xây dựng luật, pháp lệnh và chương trình giám sát của nhiệm kỳ Quốc hội khóa XI có tính khả thi cao. Trước mắt, tiếp tục thực hiện Nghị quyết của Quốc hội khóa X về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2002, khẩn trương chuẩn bị

các dự án luật, pháp lệnh để trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định trong thời gian tới.

Dự án Luật ngân sách nhà nước (sửa đổi) sẽ tiếp tục được hoàn chỉnh để trình Quốc hội thông qua vào kỳ họp thứ 2. Việc phân bổ ngân sách trung ương năm 2003 thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước hiện hành.

7. Các cơ quan của Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan hữu quan theo nhiệm vụ và quyền hạn của mình chủ động triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các vị đại biểu Quốc hội giám sát chặt chẽ việc thực hiện các nghị quyết của Quốc hội.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên động viên các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt các Nghị quyết của Quốc hội.

*

* *

Quốc hội kêu gọi đồng bào, chiến sĩ cả nước, đồng bào ta ở nước ngoài nêu cao tinh thần yêu nước, đoàn kết một lòng, tự lực, tự cường, cần kiệm xây dựng đất nước, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm 2002, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội. □

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI
ĐÃ KÝ
NGUYỄN VĂN AN

DIỄN VĂN BẾ MẠC KỲ HỌP THỨ NHẤT, QUỐC HỘI KHÓA XI

NGUYỄN VĂN AN
Chủ tịch Quốc hội khóa XI

*Kính thưa các đồng chí lãnh đạo Đảng,
Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,
Thưa các vị khách quý,
Thưa các vị đại biểu Quốc hội,*

HÔM nay, kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XI đã kết thúc chương trình làm việc.

Tại kỳ họp này, Quốc hội đã nghe báo cáo kết quả cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI, báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu Quốc hội và báo cáo tổng hợp ý kiến của cử tri cả nước kiến nghị với Quốc hội; quyết định cơ cấu tổ chức, bầu và phê chuẩn nhân sự cấp cao của các cơ quan nhà nước.

Quốc hội cũng đã xem xét báo cáo bổ sung của Chính phủ về kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước năm 2001 và 6 tháng đầu năm 2002; cho ý kiến về các dự thảo Nội quy kỳ họp Quốc hội (sửa đổi), Quy chế hoạt động của đại biểu Quốc hội và Đoàn đại biểu Quốc hội (sửa đổi) và dự án Luật ngân sách nhà nước (sửa đổi), làm cơ sở cho việc hoàn chỉnh các văn bản để trình Quốc hội xem xét, thông qua tại kỳ họp sau.

Thưa các vị đại biểu Quốc hội,

Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XI có ý nghĩa rất quan trọng đối với toàn bộ hoạt động của bộ máy nhà nước trong suốt cả nhiệm kỳ, trong đó có Quốc hội, cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân. Bước khởi đầu quan trọng là tại cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI, nhân dân cả nước ta đã lựa chọn và bầu được những đại biểu xứng đáng, tiêu biểu cho khối đại đoàn kết toàn dân, góp phần quan trọng, đặt nền móng và tạo đà cho việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của Quốc hội trong cả nhiệm kỳ khóa XI, nhiệm kỳ "*có nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong giai đoạn phát triển mới của đất nước, vừa có vinh dự to lớn, vừa có trách nhiệm nặng nề trước vận mệnh của dân tộc ta trong những năm đầu của thế kỷ XXI*" như lời đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã khẳng định trong bài phát biểu trước Quốc hội.

Trên cơ sở thảo luận, nhất trí cao, Quốc hội đã tiến hành việc bầu Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân

tối cao; Phó Chủ tịch nước, các Phó Chủ tịch Quốc hội, các Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên Hội đồng Dân tộc của Quốc hội; Chủ nhiệm, các Phó Chủ nhiệm và các Ủy viên của các Ủy ban của Quốc hội; phê chuẩn đề nghị của Chủ tịch nước về danh sách thành viên Hội đồng quốc phòng và an ninh; quyết định cơ cấu tổ chức của Chính phủ và phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ nhiệm các Phó Thủ tướng, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ. Đây chính là kết quả của việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng về đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.

Việc bầu và phê chuẩn nhân sự đã được tiến hành nghiêm túc, dân chủ, đúng pháp luật, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng. Chúng ta tin tưởng và mong muốn rằng, các vị vừa được Quốc hội bầu và phê chuẩn giữ các trọng trách trong bộ máy nhà nước sẽ đề cao tinh thần trách nhiệm, thường xuyên rèn luyện đạo đức cách mạng, nâng cao năng lực và trình độ để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, xứng đáng với sự tín nhiệm của các vị đại biểu Quốc hội và đòi hỏi ngày càng cao của cử tri và nhân dân cả nước.

Thưa các vị đại biểu Quốc hội,

Tại kỳ họp này, Quốc hội đã xem xét báo cáo bổ sung của Chính phủ về kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước năm 2001, 6 tháng đầu năm 2002 và nhất trí nhận định rằng:

Năm 2001 và 6 tháng đầu năm 2002, mặc dù tình hình quốc tế có nhiều biến

động phức tạp; trong nước, thiên tai xảy ra nhiều nơi đã gây khó khăn nghiêm trọng cho sản xuất và đời sống của nhân dân, nhưng với sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, nền kinh tế nước ta tiếp tục đạt được những kết quả đáng khích lệ: Tốc độ tăng trưởng kinh tế 6 tháng đầu năm 2002 đạt khá (khoảng 6,8%), các nguồn lực trong nước được chú trọng huy động, cơ cấu kinh tế tiếp tục có bước chuyển dịch tích cực, tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định, quốc phòng và an ninh được giữ vững, quan hệ đối ngoại tiếp tục mở rộng, quá trình hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới được đẩy mạnh.

Bên cạnh những kết quả đạt được, nền kinh tế nước ta cũng bộc lộ những mặt yếu kém: Một số chỉ tiêu chủ yếu không đạt mức dự kiến, tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa vững chắc, sức cạnh tranh yếu, một số lĩnh vực xã hội còn nhiều tồn tại đáng lo ngại; tình hình buôn lậu, gian lận thương mại, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông và tội phạm vẫn tiếp diễn phức tạp.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá toàn diện những mặt được, chưa được của nền kinh tế, các vị đại biểu Quốc hội đã tập trung thảo luận và đề xuất các giải pháp khả thi, thể hiện quyết tâm phấn đấu hoàn thành ở mức cao nhất kế hoạch kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2002.

Thưa các vị đại biểu Quốc hội,

Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XI đã kết thúc. Thay mặt Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tôi chân thành cảm ơn các vị khách quý đã đến tham dự kỳ họp; nhiệt liệt hoan nghênh sự đóng góp của cử tri và nhân dân cả nước, của các vị đại biểu

Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội; của Chính phủ, các ngành, các cấp, các địa phương; của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp, các cơ quan thông tấn, báo chí và các cơ quan phục vụ.

Sau kỳ họp này, tôi đề nghị các vị đại biểu Quốc hội tiến hành tiếp xúc với cử tri để báo cáo kết quả kỳ họp. Đồng thời, trên cương vị công tác của mình, tích cực thực hiện nhiệm vụ người đại biểu nhân dân, góp phần cùng với cơ quan nhà nước các cấp thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2002 theo Nghị quyết của Quốc hội.

Quốc hội kêu gọi đồng bào, chiến sĩ cả nước và đồng bào ta ở nước ngoài hãy nêu cao truyền thống đoàn kết, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, ý chí tự lực,

tự cường, lao động cần cù, thông minh và sáng tạo, phát huy mọi nguồn lực trong nước và hiệu quả của sự hợp tác quốc tế, phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tất cả vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đó cũng là những hoạt động thiết thực để chào mừng kỷ niệm 57 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9.

Xin kính chúc các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận, các vị lão thành cách mạng, các vị khách quý, các vị đại biểu Quốc hội mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công trong công tác.

Tôi xin tuyên bố bế mạc kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XI.

Xin cảm ơn quý vị. □

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUỐC PHÒNG - AN NINH
VÀ CÁC PHÓ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
ĐƯỢC KỲ HỌP THỨ NHẤT, QUỐC HỘI KHÓA XI PHÊ CHUẨN**

HỘI ĐỒNG QUỐC PHÒNG - AN NINH

Chủ tịch : - TRẦN ĐỨC LUƠNG

Phó Chủ tịch : - PHAN VĂN KHẢI

Ủy viên : - NGUYỄN VĂN AN - PHẠM VĂN TRÁ
- LÊ HỒNG ANH - NGUYỄN DUY NIÊN

CÁC PHÓ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

- NGUYỄN TẤN DŨNG - VŨ KHOAN - PHẠM GIA KHIÊM



KINH TẾ NHÀ NƯỚC VÀ KINH TẾ TẬP THỂ LÀ NỀN TẢNG CỦA NỀN KINH TẾ NƯỚC TA

LÊ XUÂN

LÀU nay, vẫn còn một số người ở trong và ngoài nước đả kích chủ trương của chúng ta coi kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể là nền tảng của nền kinh tế nước ta. Họ thường trình bày ý kiến của mình dưới dạng "góp ý kiến với Đảng" nhân các sự kiện lớn của đất nước như Đại hội Đảng toàn quốc, sửa đổi Hiến pháp, bầu cử Quốc hội... Hoặc có người lén lút truyền tay nhau đọc những tài liệu có nội dung xấu xuyên tạc, phản bác, bôi nhọ liên quan đến chế độ kinh tế của chúng ta. Ở nước ngoài, một số Việt kiều thường đăng tải ý kiến của mình với những nội dung thiếu thiện chí trên các báo chí tiếng Việt của các tổ chức do họ lập ra và bí mật đưa vào trong nước. Còn các đài phát thanh thù địch thì coi đây là một chuyên mục để tập trung khai thác, xuyên tạc, truyền bá hằng ngày.

Phải nói rằng trong bản "hợp tấu" đa dạng đó, có nhiều tiếng nói khác nhau, cung bậc khác nhau, từ ôn hòa đến quyết liệt. Dàn "hợp tấu" đó không phải là một khối thống nhất, họ bộc lộ những mưu đồ

nhằm chống đối chúng ta. Một số xuất phát từ lập trường chống cộng, chống chủ nghĩa xã hội, chống chế độ chúng ta, thậm chí lập trường đó đã trở thành thâm căn cố đế. Một số khác do thiếu thông tin, thường sao chép lại các luận điệu sai trái mà các lực lượng thù địch gieo rắc. Có một số không ít người thiếu hiểu biết thực chất của vấn đề, nhận thức mơ hồ, non nớt về lý luận... Không phải tất cả họ đều chống chủ nghĩa xã hội, tuy về hình thức trình bày ý kiến có những chỗ giống nhau.

Nhìn chung lập luận của họ có thể tóm tắt như sau : Nước ta đang trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ; tương ứng với thời kỳ đó, kinh tế đất nước phải là nền kinh tế nhiều thành phần cùng nhau phát triển theo phương châm "dân giàu, nước mạnh". Nói kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể là nền tảng, kinh tế nhà nước là chủ đạo sẽ làm hạn chế sự phát triển của các thành phần kinh tế khác ở khu vực dân doanh.

Hoặc có ý kiến đi xa hơn : Lịch sử là một quá trình phát triển tự nhiên, cùng đi trên một con đường, hết chủ nghĩa tư bản

rồi mới tới chủ nghĩa xã hội. Việt Nam chưa trải qua chủ nghĩa tư bản mà đã tiến vào chủ nghĩa xã hội là trái với quy luật tiến hóa tự nhiên. Cho nên chưa vội coi kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể là nền tảng, kinh tế nhà nước là chủ đạo, mà hãy quay về xây dựng nền kinh tế tư bản chủ nghĩa đã. Đẻ non thì khó mà phát triển, có khi chết yểu...

Ngoài phần có tính "lý luận" như trên, đa số lập luận của họ tập trung vào khuyếch đại các khuyết tật của kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể. Chúng kém hiệu quả do tình trạng vô chủ "cha chung không ai khóc", bộ máy công kênh, dựa vào bầu vú sữa bao cấp của nhà nước, tình trạng tham ô, lãng phí phổ biến... Họ nói kinh nghiệm của thế giới là chưa nước nào thành công trong việc xây dựng kinh tế nhà nước. Hiện nay, trong các nước tư bản đang diễn ra quá trình phi nhà nước hóa, triệt để áp dụng tư nhân hóa. Thậm chí quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở nước ta hiện nay, họ cũng nhìn dưới lăng kính tư nhân hóa. Họ đã áp dụng nhiều thủ đoạn tinh vi để bôi nhọ chủ trương coi kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể là nền tảng kinh tế ở nước ta bằng các cách như nặng về trình bày các yếu kém của các thời kỳ trước đây, còn hiện nay thì họ đi sâu khai thác những bộ phận, những mặt còn sa sút, bê bối, thậm chí có những trường hợp đổ vỡ mà chúng ta đang ra sức khắc phục, sắp xếp hoặc chấn chỉnh lại. Họ tô đậm những mảng tối này cốt để gây cho người đọc cảm giác toàn bộ bức tranh kinh tế của nước ta là xám xịt, đen tối.

Để bác bỏ những luận điệu thiếu thiện chí trên, chúng ta cần làm rõ vấn đề Đảng và Nhà nước ta công khai chủ trương xây dựng nền kinh tế của mình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Đó là một nền kinh tế gồm nhiều thành phần. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, năm 2001, đã nêu lên 6 thành phần kinh tế : kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể và tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Đó là nền kinh tế sản xuất hàng hóa vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước. Nói cách khác, đó là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. *Trong nền kinh tế đó, kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể là nền tảng của nền kinh tế quốc dân và kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.*

Mỗi chế độ xã hội bao giờ cũng có một phương thức sản xuất thống trị. Đó là một sự thật đã từng và sẽ tồn tại trong lịch sử. Trên cơ sở kinh tế đó mà dựng lên thượng tầng kiến trúc, quan trọng nhất là chế độ chính trị thích ứng với nó. Các nhà lý luận và chính khách tư sản cũng công khai tuyên bố chế độ kinh tế của họ là chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, rằng quyền tư hữu là thiêng liêng bất khả xâm phạm. Chỉ có một chế độ kinh tế như vậy và chế độ chính trị thích ứng với nó mới bảo đảm quyền làm chủ của giai cấp tư sản.

Chúng ta đã lựa chọn chế độ chính trị là chế độ xã hội chủ nghĩa - kết quả tất yếu của một quá trình lịch sử đấu tranh lâu dài

của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, thì logic dẫn đến là phải có một cơ sở kinh tế như trên để bảo đảm cho định hướng chính trị đã lựa chọn. Nếu không xây dựng được một cơ sở kinh tế mà nền tảng là kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể vững chắc, thì thể chế chính trị sẽ không đứng vững, như tòa nhà dựng trên nền móng yếu. Chúng ta quyết tâm xây dựng một nền tảng như vậy, từ yếu thành mạnh, từ ít hiệu quả đến hiệu quả hơn.

Tất nhiên, chúng ta phải ngày càng nâng cao tính hiệu quả của kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể, làm cho nó ngày càng đóng được vai trò thúc đẩy các thành phần kinh tế khác và toàn bộ nền kinh tế phát triển.

Làm như vậy cũng không phải là chúng ta bất chấp quy luật. Chúng ta luôn ghi nhớ lời dạy của các nhà kinh điển mác xít : không được dùng sắc lệnh hoặc nhảy vọt lên trước để xóa bỏ tiến trình phát triển tự nhiên của sức sản xuất. Nhưng chúng ta cũng ghi nhận lời dạy khác của các ông rằng : lịch sử không phải lúc nào cũng vận động một cách tuần tự giống nhau, do những điều kiện lịch sử đặc thù, có nước có thể bỏ qua một phương thức sản xuất hoặc những giai đoạn nhất định trong phương thức sản xuất đó, để tiến lên một phương thức sản xuất hoặc một giai đoạn phát triển cao hơn. Trên thế giới có những nước bỏ qua chế độ chiếm hữu nô lệ, phong kiến hoặc tư bản chủ nghĩa. Ngay nước ta cũng đã không trải qua chế độ chiếm hữu nô lệ và tư bản chủ nghĩa.

Nhưng những giai đoạn tiến hóa của sức sản xuất, của khoa học kỹ thuật mà loài người đã trải qua thì không thể hoàn toàn bỏ qua được. Nó phải được tái hiện lại bằng cách này hoặc bằng cách khác, mức độ này hay mức độ khác trong quá trình phát triển tiếp theo của dân tộc đó. Bỏ qua một giai đoạn lịch sử có những mặt tích cực như rút ngắn được thời gian tiến hóa, bớt được những đau khổ mà loài người đã trải qua... nhưng mặt tiêu cực cũng có nhiều. Đúng như C. Mác nói : Chúng ta đau khổ vì chủ nghĩa tư bản, nhưng cũng đau khổ vì không có chủ nghĩa tư bản. Chẳng hạn, vì nước ta chưa trải qua chủ nghĩa tư bản, nên sau khi chính quyền về tay nhân dân, thì sản xuất nhỏ và lao động thủ công vẫn còn phổ biến, kinh tế tự cấp tự túc, sản xuất hàng hóa kém phát triển, nền công nghiệp nhỏ bé, khoa học kỹ thuật lạc hậu...

Những yếu kém tồn tại đó phải được giải quyết dưới chính quyền mới. Một mặt phải phát huy nội lực, vượt qua mọi trở ngại để vươn lên, có cách đi và cách làm hợp lý, mặt khác phải tranh thủ các điều kiện thuận lợi của thời đại để phát triển đất nước. Chẳng hạn chúng ta phải đi tắt đón đầu trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát huy lợi thế đẩy nhanh tốc độ phát triển để dần dần đuổi kịp các nước đi trước. Như vừa qua, Việt Nam được thế giới đánh giá là một trong những nước có tốc độ phát triển kinh tế nhanh nhất khu vực và thế giới. Trong 5 năm 1996 - 2000, tốc độ phát triển bình quân hằng năm là 7%. Tính

10 năm 1991 - 2000, tổng sản phẩm nội địa cả nước tăng hơn 2 lần. Dự tính 10 năm tới 2001 - 2010 cũng sẽ tăng ít nhất gấp 2 lần.

Chúng ta vừa phải theo kịp trình độ tiên tiến của thế giới ngày nay, vừa phải tạo ra sự phát triển sức sản xuất mới để phù hợp với xu thế phát triển của thời đại. Chẳng hạn, hiện nay chúng ta vừa xây dựng từng bước nền kinh tế tri thức, vừa tiến hành cách mạng kỹ thuật của thế kỷ XIX và cách mạng khoa học - kỹ thuật của thế kỷ XX. Tất cả diễn ra trong một quá trình. Như vậy, nhiệm vụ đặt ra đối với chúng ta gian khổ hơn, phức tạp hơn so với những nước đã trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Muốn thực hiện nhiệm vụ đó, một công việc cần thiết là phải mở rộng giao lưu với nước ngoài, chủ động hội nhập quốc tế, học tập những kinh nghiệm tốt của thế giới. Có như vậy mới tạo điều kiện thuận lợi cho nước ta tiếp cận với trình độ khoa học công nghệ hiện đại, trình độ quản lý tiên tiến, nhất là cách tổ chức sản xuất kinh doanh trong cơ chế thị trường, sử dụng các quan hệ hàng hóa - tiền tệ... Chúng ta đã mở rộng cửa đón các nhà đầu tư nước ngoài vào làm ăn ở nước ta, tạo môi trường thuận lợi cho họ, từng bước áp dụng chế độ đối xử quốc gia với họ... Nhờ vậy, tính đến nay nước ta đã thu hút được một lượng đầu tư tương đối lớn, trên 40 tỉ USD đầu tư trực tiếp.

Chủ nghĩa xã hội non trẻ lại xuất hiện ở những nước còn lạc hậu hoặc phát triển trung bình về kinh tế, nên phải biết tiếp thu

và kế thừa những thành tựu xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa tư bản. Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin nhiều lần nhấn mạnh vấn đề này. Chúng ta không những phải biết tận dụng khoa học - công nghệ, tri thức quản lý, điều hành tài chính tín dụng... mà còn phải biết sử dụng những chuyên gia tư sản.

Quan điểm và cách làm như trên, chắc chắn sẽ tạo điều kiện để chúng ta xây dựng được cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội, với kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể là nền tảng, mà không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Dĩ nhiên chúng ta còn phải xử lý đúng vai trò kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể trong nền kinh tế quốc dân. Đó là phải tăng thêm tính hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, cơ cấu phải hợp lý, như thế mới giữ được vai trò là nền tảng kinh tế và là đòn bẩy thúc đẩy các thành phần kinh tế khác cùng phát triển... Thực hiện được những nội dung trên đòi hỏi một quá trình tương đối dài và phải tiến hành một cách tích cực.

Chúng ta không chấp nhận phát triển kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể với bất cứ giá nào. Những người phê phán nặng nề nhất vấn đề này thường tập trung vào thời kỳ trước đổi mới. Lúc bấy giờ do tư duy cũ chi phối, chúng ta phát triển kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể một cách tràn lan. Nhiều nơi chủ trương quốc doanh hóa, tập thể hóa bất chấp các điều kiện cần thiết, nặng về xây dựng quan hệ sản xuất mới, coi nhẹ phát triển sức sản xuất và hiệu quả kinh tế, hạch toán kinh tế chỉ là hình thức,

thực chất là lời giả, lỗ thật v.v... Nhưng thời kỳ đó đã qua rồi. Từ năm 1986, Đại hội VI của Đảng đã chủ trương đổi mới toàn diện, trong đó có kinh tế. Hơn 15 năm qua chúng ta đã đi sâu vào cải cách và đổi mới, thay đổi cách nghĩ, cách làm và ngày càng đi đúng hơn với quy luật khách quan.

Trong những năm qua, chúng ta đã có ba đợt tiến hành sắp xếp, đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước.

Đợt thứ nhất (1990 - 1993) : Tiến hành rà soát lại số doanh nghiệp nhà nước mở ra tràn lan ở các thời kỳ trước, sắp xếp lại những doanh nghiệp làm ăn thua lỗ, giải quyết một bộ phận lao động dôi dư, hình thành tiêu chuẩn và điều kiện thành lập doanh nghiệp nhà nước.

Đợt thứ hai (1994 - 1997) : Hình thành các Tổng công ty nhà nước 90 và 91, giảm bớt tính chất hành chính trung gian của các tổng công ty cũ, mở rộng cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thực hiện Luật doanh nghiệp nhà nước, xóa bỏ dần chế độ chủ quản của cơ quan hành chính nhà nước.

Đợt thứ ba (từ 1998 đến nay) : Tiếp tục củng cố và hoàn thiện doanh nghiệp nhà nước cũng như tổng công ty nhà nước, tiếp tục chuyển mạnh một bộ phận doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần, triển khai các hình thức giao, bán, khoán, cho thuê một bộ phận doanh nghiệp nhà nước...

Đến nay, số lượng doanh nghiệp nhà nước đã giảm đi đáng kể. Từ 12 300 doanh nghiệp trước đây, nay chỉ còn trên 5 500 doanh

nghiệp. Quá trình này còn được tiếp tục. Cơ cấu doanh nghiệp nhà nước được điều chỉnh hợp lý hơn. Số doanh nghiệp nhà nước có vốn dưới 1 tỉ đồng, từ chỗ chiếm 50%, nay còn 25%. Số doanh nghiệp nhà nước có vốn trên 10 tỉ đồng tăng từ 10% lên 20%. Từ năm 1994 đến năm 2000, vốn bình quân của các doanh nghiệp nhà nước tăng lên 7 lần (đạt 22 tỉ đồng). Đóng góp của doanh nghiệp nhà nước chiếm khoảng 40% tổng nộp ngân sách, tương ứng với tỷ trọng GDP của doanh nghiệp nhà nước trong tổng GDP của cả nước là 40%.

Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ ba khóa IX (9-2001) đã ra Nghị quyết "Về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước". Trong đó, nhấn mạnh lấy suất sinh lời trên vốn làm một trong những tiêu chuẩn chủ yếu để đánh giá hiệu quả của doanh nghiệp kinh doanh ; kiên quyết điều chỉnh cơ cấu để doanh nghiệp nhà nước có cơ cấu hợp lý, tập trung vào những ngành, lĩnh vực then chốt và địa bàn quan trọng, chiếm thị phần đủ lớn đối với các sản phẩm và dịch vụ chủ yếu ; không nhất thiết phải giữ tỷ trọng lớn trong tất cả các ngành, lĩnh vực và sản phẩm của nền kinh tế. Thực hiện độc quyền nhà nước trong lĩnh vực cần thiết, nhưng không biến độc quyền nhà nước thành độc quyền doanh nghiệp. Nghị quyết đề ra mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp lớn để đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước trong 10 năm (2001 - 2010), đặc biệt trong 5 năm (2001 - 2005).

Người ta thường phê phán một chiều doanh nghiệp nhà nước làm ăn kém hiệu quả, thua lỗ kéo dài. Cái đó đúng một phần. Nhưng hoạt động trong cơ chế thị trường, việc có một số doanh nghiệp, công ty làm ăn thua lỗ, phá sản cũng là điều bình thường. Cái đó không chỉ diễn ra ở nước ta, mà ngay cả ở các nước tư bản phát triển. Ở Nhật và Mỹ hằng năm cũng có hàng chục ngàn doanh nghiệp, công ty tư nhân thua lỗ và phá sản.

Nhiệm vụ bức xúc là giải quyết số doanh nghiệp nhà nước yếu kém này. Mới đây nhiều ngành và địa phương đã đề ra giải pháp kiên quyết : nếu doanh nghiệp nhà nước nào 2 - 3 năm liên lỗ liên tục, thì giám đốc ở đó bị bãi chức, ban lãnh đạo ở đó tụt mức độ sẽ bị xử lý trách nhiệm.

Kinh tế tập thể cũng trải qua nhiều thời kỳ sóng gió. Cuối những năm 80 đầu những năm 90 thế kỷ XX, kinh tế tập thể đổ vỡ hàng loạt do chuyển qua cơ chế thị trường và do mất thị trường truyền thống. Chỉ có điều là chúng ta không nản chí, quyết tâm xây dựng, đổi mới từng bước, làm cho nó ngày càng có sức sống hơn. Thể hiện trong nông nghiệp là Chỉ thị 100, là Nghị quyết 10, là các giải pháp hiệu quả của Chính phủ đề ra hàng năm để vực kinh tế tập thể lên. Trong nông nghiệp cũng như phi nông nghiệp, từ tổng kết thực tiễn, Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII (1996) đã đề ra nhiệm vụ : thay vì duy trì các hợp tác xã kiểu cũ, phải xây dựng hợp tác xã kiểu mới - hợp tác xã cổ phần. Năm 1996 Quốc hội nước ta đã ban hành Luật chuyển đổi hợp tác xã.

Từ nay, nguyên tắc tự nguyện, tự chủ và dân chủ được tôn trọng đầy đủ hơn, xã viên hợp tác xã vừa đóng góp sức lao động vừa góp cổ phần, phân phối vừa theo lao động vừa theo vốn đóng góp, bớt các trách nhiệm và phúc lợi xã hội mà hợp tác xã phải đóng góp... Tính chất khép kín của hợp tác xã từng bước bị loại bỏ, không đóng khung trong địa giới hành chính hoặc ngành nghề cố định, mối quan hệ liên doanh liên kết dọc ngang và với kinh tế nhà nước được tăng cường, mối liên hệ với thị trường được mở rộng. Nhờ đó, hoạt động của hợp tác xã có hiệu quả hơn trước. Hiện có khoảng 70% số hợp tác xã cũ được chuyển đổi, nhiều hợp tác xã được thành lập mới trong tổng số trên 15 000 hợp tác xã. Năm 2000 khu vực kinh tế tập thể có mức tăng trưởng trên 4,6%, chiếm 8,5% GDP, thu hút trên 12,5 triệu thành viên. Riêng vốn cổ phần đóng góp của xã viên đã đạt tới trên 2 800 tỉ đồng.

Tuy nhiên, những tiến bộ nói trên mới chỉ là bước đầu. Kinh tế tập thể hiện nay còn nhiều yếu kém, tỷ trọng trong GDP còn thấp, quy mô hợp tác xã còn nhỏ, hiệu quả sản xuất kinh doanh chưa đáp ứng được yêu cầu của xã viên và đòi hỏi của thị trường, cơ sở vật chất kỹ thuật còn lạc hậu...

Nói như vậy để chúng ta tiếp tục phấn đấu cao hơn nữa. So với trước, kinh tế tập thể đã có bước tiến, nhưng so với yêu cầu còn có khoảng cách xa. Chế độ chính trị của chúng ta đòi hỏi phải phát triển nhanh, mạnh khu vực kinh tế này. Ngay ở các nước tư bản chủ nghĩa, từ Thái Lan,

Nhật Bản đến Đức, Pháp, I-ta-li-a... phong trào hợp tác xã phát triển mạnh mẽ từ hàng trăm năm nay. Điều đó trước hết bắt nguồn từ đòi hỏi cuộc sống của những người nông dân, thợ thủ công và làm dịch vụ. Đứng trước sự cạnh tranh quyết liệt của thị trường, của phân công và hợp tác lao động ngày càng sâu rộng, của tiến bộ khoa học công nghệ, của yêu cầu lớn về tài chính, tín dụng... thì hợp tác xã là mái nhà chung của những người sản xuất và kinh doanh nhỏ. Vì thế Đảng và Nhà nước ta không ngừng chăm lo phát triển khu vực này. Mới đây, Hội nghị Trung ương 5 khóa IX tháng 2-2002 đã ra Nghị quyết về kinh tế tập thể, trong đó đề ra các nhiệm vụ, giải pháp tích cực thúc đẩy kinh tế tập thể.

Đảng và Nhà nước ta chủ trương xây dựng kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể làm nền tảng, điều đó hoàn toàn không phủ định hoặc hạn chế sự phát triển của kinh tế tư nhân. Ngược lại, kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể vững mạnh sẽ càng tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân phát triển. Hội nghị Trung ương 5 cũng ra Nghị quyết về phát triển kinh tế tư nhân. Hơn 10 năm qua, kinh tế tư nhân tăng cả về số lượng đơn vị, vốn kinh doanh và lao động, phát triển rộng khắp trong nước. Năm 2000 có gần 10 triệu hộ kinh doanh cá thể. Bình quân vốn của một hộ kinh doanh là gần 30 triệu đồng. Số lượng doanh nghiệp tư nhân tăng rất nhanh, nhất là từ khi thực hiện Luật Doanh nghiệp. Tính từ đầu năm 2000 đến hết tháng 10-2001, số đăng ký kinh doanh đã vào khoảng hơn 35 000 đơn vị, gần bằng cả 9 năm trước cộng lại. Vốn đầu

tư của kinh tế tư nhân năm 2000 chiếm hơn 24% tổng đầu tư toàn xã hội, và mua hơn 20% cổ phần của doanh nghiệp nhà nước đã cổ phần hóa. Năm 2000 kinh tế tư nhân chiếm hơn 42% GDP (nhiều hơn của thành phần kinh tế nhà nước), đóng góp hơn 16% tổng thu ngân sách.

Nghị quyết Trung ương 5 nhấn mạnh kinh tế tư nhân là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài. Xóa bỏ phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế, tạo môi trường thuận lợi về chính sách, pháp lý và tâm lý xã hội để doanh nghiệp tư nhân phát triển rộng rãi trong những ngành nghề sản xuất, kinh doanh và pháp luật không cấm, không hạn chế về quy mô. Nghị quyết đề ra nhiệm vụ sửa đổi, bổ sung một số cơ chế, chính sách cụ thể nhằm tháo gỡ khó khăn, tạo thuận lợi cho kinh tế tư nhân phát triển.

Trên thực tế, kinh tế tư nhân còn một số vướng mắc, trở ngại trong quá trình phát triển, do cơ chế chính sách chậm được sửa đổi, bổ sung hoặc do sự điều hành của các cấp quản lý. Cái này chúng ta sẽ khắc phục dần. Nhưng quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước ta đối với kinh tế tư nhân là rõ ràng, nhất quán và đúng đắn. Đó không phải là giải pháp tình thế, chiến thuật mà là một chiến lược lâu dài. Điều đó thống nhất với đường lối chung của Đảng và Nhà nước ta là đại đoàn kết toàn dân, huy động nội lực, phát huy sức mạnh toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. □

HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM

TRONG CÔNG TÁC XÓA ĐÓI, GIẢM NGHÈO

NGUYỄN ĐỨC TRIỀU *

XÓA đói, giảm nghèo là một chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Ngay từ khi nước ta mới giành độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định đói nghèo cũng là một thứ "giặc", như giặc đói, giặc ngoại xâm. Người căn dặn *phải làm cho người nghèo thì đủ ăn, người đủ ăn thì khá, giàu ; người khá, giàu thì giàu thêm*. Tư tưởng đó đã xuyên suốt trong các chủ trương, chính sách về công tác xóa đói, giảm nghèo của Hội Nông dân Việt Nam.

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói, giảm nghèo, Quyết định 133 và Quyết định 135 của Thủ tướng Chính phủ, Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam đã giao nhiệm vụ cho các cấp của Hội thực hiện chương trình, mục tiêu xóa đói, giảm nghèo ; đồng thời đẩy mạnh phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau xóa đói, giảm nghèo và làm giàu. Đây vừa là nhiệm vụ cấp bách trước mắt, thường xuyên lâu dài, vừa là lương tâm và trách nhiệm của mỗi cán bộ, hội viên nông dân. Làm tốt công tác xóa đói, giảm nghèo sẽ góp phần

đem lại sự công bằng xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Theo chỉ đạo của Trung ương Hội, *mỗi tỉnh, thành hội chọn một huyện, mỗi huyện chọn một xã, mỗi xã chọn một chi hội làm điểm chỉ đạo xóa đói, giảm nghèo*. Phân công mỗi hộ gia đình nông dân sản xuất kinh doanh giỏi giúp đỡ từ 2 - 3 hộ đói nghèo về kế hoạch, kinh nghiệm sản xuất, vốn, giống, vật tư lao động để phát triển sản xuất kinh doanh vươn lên xóa nghèo đói. Các huyện có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, chọn 1 - 2 xã, mỗi xã chọn từ 5 - 10 hộ để đầu tư chỉ đạo mô hình điểm trình diễn kỹ thuật, đưa các giống cây con, chuyển giao khoa học - kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng phân bón, kỹ thuật thâm canh, xóa bỏ tập quán canh tác lạc hậu. Vận động nông dân xây dựng gia đình, làng xã văn hóa. Mỗi tỉnh, thành hội chỉ đạo xây dựng một số làng, xã kiểu mẫu về nông thôn mới để rút kinh nghiệm. Các cấp hội đã tổ chức hàng trăm lớp tập huấn về kiến thức xóa đói, giảm nghèo cho cán bộ, trong đó

* Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam

Trung ương Hội đã mở 8 lớp cho trên 614 cán bộ của tỉnh, huyện có các xã đặc biệt khó khăn.

Đại hội lần thứ nhất của Hội Nông dân Việt Nam (1988) đã khởi xướng *phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau xóa đói, giảm nghèo và làm giàu*. Từ đó phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi đã trở thành phong trào quần chúng sâu rộng trong nông dân và nông thôn. Các cấp hội phối hợp với các cơ quan chức năng, cơ quan nghiên cứu khoa học, trường đại học và các doanh nghiệp tổ chức hàng vạn lớp tập huấn chuyển giao khoa học - kỹ thuật, chuyển đổi cơ cấu giống, cơ cấu sản xuất, phát triển ngành nghề, xây dựng các điểm trình diễn, tổ chức tham quan mô hình và học tập kinh nghiệm. Thông qua đó giúp nông dân tiếp cận được nhiều hơn với khoa học - kỹ thuật, công nghệ mới và những kinh nghiệm hay. Nhiều tỉnh, thành hội mở hội nghị, hội thảo về phát triển kinh tế trang trại, "nhà nông đua tài", "kiến thức nhà nông", tổ chức trao đổi kinh nghiệm giữa hộ sản xuất kinh doanh giỏi với hộ đói nghèo... để chuyển tải kiến thức và kinh nghiệm sản xuất kinh doanh cho nông dân, tạo sự liên kết gắn bó giữa các nhà khoa học với nông dân.

Các cấp hội phối hợp với các công ty, xí nghiệp, nhà máy để xây dựng các mô hình trình diễn; cung ứng giống, phân bón, thuốc trừ sâu, máy nông nghiệp trả chậm; tìm đầu vào, đầu ra và tiêu thụ sản phẩm cho nông dân. Trung ương Hội đã ký Nghị quyết liên tịch với Ngân hàng Nông nghiệp

và Phát triển nông thôn Việt Nam để tín chấp cho nông dân vay vốn. Sau hơn 2 năm thực hiện đã thành lập được 85 000 tổ vay vốn, trong đó có 45 000 tổ với trên 1 triệu thành viên được vay 5 000 tỉ đồng; phối hợp với Ngân hàng phục vụ người nghèo thực hiện chính sách tín dụng cho các hộ nghèo, với tổng số tiền 540 719 triệu đồng, giải quyết cho 684 102 hộ vay. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng Quỹ hỗ trợ nông dân, đến nay tổng nguồn vốn đạt trên 164 527 triệu đồng, trong đó nguồn vận động là 123 727 triệu đồng, đã giúp cho 214 770 lượt hộ nông dân nghèo được vay vốn. Các cấp hội vận động cán bộ, hội viên nông dân phát huy truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái giúp đỡ nhau trong sản xuất và đời sống với nhiều hình thức phong phú, nhất là giúp đỡ đồng bào bị thiên tai khắc phục hậu quả, nhanh chóng ổn định đời sống và phát triển sản xuất. Các cấp hội còn tích cực phối hợp với các ngành, cơ quan chức năng triển khai các chương trình dự án nhằm tăng cường nguồn lực hỗ trợ nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau xóa đói, giảm nghèo và làm giàu.

Để thực hiện công tác xóa đói, giảm nghèo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, Trung ương Hội đã chọn xã Lao Xả Phình, huyện Tủa Chùa, tỉnh Lai Châu làm điểm. Đây là một xã vùng 3, cách trung tâm huyện 48 km. Toàn xã có 259 hộ người Mông và Xá Phang, cơ sở hạ tầng thấp kém, 60% dân số mù chữ, 82% dân số thiếu nước sinh hoạt. Từ tình hình trên Trung ương Hội đã tổ chức 3 lớp tập huấn cho 200 cán bộ huyện Tủa Chùa, trong đó có 53 cán bộ xã, già làng, trưởng bản. Tổ chức

cho 14 cán bộ chủ chốt đi tham quan, học tập kinh nghiệm trồng ngô lai, chè, mía trên đất dốc, chế biến dong giềng, làm chuồng trại gia súc. Hỗ trợ 20 triệu đồng cho 1 thôn xây dựng bể chứa nước, làm đường giao thông ; hỗ trợ 42 triệu đồng mở các lớp bổ túc cho 31 cán bộ xã, từ chỗ không biết chữ đã có trình độ văn hóa lớp 5. Nông dân đã biết trồng và chăm sóc ngô lai, biết bón phân thâm canh cây trồng và bước đầu một số hộ đã làm chuồng lợn, chuồng trâu, bò xa nơi ở, không thả rông như trước, sản xuất phát triển, đời sống bà con được cải thiện.

Phát huy mặt được của mô hình xóa đói, giảm nghèo ở xã Lao Xả Phình, từ năm 2000 Trung ương Hội triển khai dự án "Hướng dẫn người nghèo cách làm ăn, khuyến nông, khuyến lâm và nhân điển hình hộ nông dân tiên tiến trong sản xuất, kinh doanh nông, lâm nghiệp ở một xã đặc biệt khó khăn" tại 20 xã đặc biệt khó khăn ở 12 tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa. Dự án tập trung vào 5 hoạt động chính : thông tin, tuyên truyền ; tập huấn cán bộ ; xây dựng câu lạc bộ nông dân ; xây dựng các nhóm hộ nông dân khuyến nông, khuyến lâm ; xây dựng các mô hình hộ, nhóm hộ phát triển kinh tế xóa đói, giảm nghèo. Hội Nông dân Việt Nam đã biên soạn 14 đầu sách kỹ thuật ngắn gọn, có tranh minh họa bằng tiếng phổ thông, tiếng Mông và Khơ-me nên đồng bào dễ hiểu, dễ vận dụng. Trung ương Hội phối hợp với các cấp hội địa phương mở 20 lớp tập huấn cho 1 320 cán bộ cấp xã về kiến thức, kỹ năng phát triển kinh tế, xã hội, phương pháp khuyến nông, khuyến lâm, hướng dẫn cách làm ăn, lồng ghép với các chương trình xã

hội. Tổ chức 74 lớp tập huấn khuyến nông tại cơ sở cho 3 372 hộ nông dân trực tiếp tham gia dự án về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và quy trình thực hiện. Đến nay, 20 xã điểm đã xây dựng được 39 câu lạc bộ nông dân với gần 2 000 hội viên thường xuyên sinh hoạt ; thành lập được 525 nhóm khuyến nông, khuyến lâm ; xây dựng 18 mô hình trình diễn khuyến nông. Các mô hình trồng cây ngắn ngày (lạc, ngô, đậu tương) đều có năng suất tăng từ 20 - 30% so với trước. Các mô hình trồng cây ăn quả (mận Tam hoa, hồ tiêu), từng hộ đều phát triển, tỷ lệ sống đạt 95 - 98%. Sau 2 năm thực hiện dự án đạt kết quả tốt, Hội đã giúp trực tiếp cho 3 372 hộ nông dân thực hiện các mô hình và hơn 2 vạn người biết cách làm ăn, có thêm việc làm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống, góp phần xóa đói, giảm nghèo mỗi năm từ 4 - 6%, riêng xã Lao Xả Phình đã giảm được tỷ lệ đói nghèo trên 20%. Năm 2002, Hội tiếp tục đầu tư 2 tỉ đồng cho dự án "Hướng dẫn người nghèo cách làm ăn và khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư" để triển khai ra 10 xã đặc biệt khó khăn của 10 tỉnh.

Đến nay Hội Nông dân Việt Nam đã giúp hàng vạn gia đình nông dân vượt khó vươn lên thoát đói nghèo, đủ ăn và khá giàu. Nhiều tỉnh, thành hội tổ chức hội nghị gặp mặt *biểu dương những gia đình nông dân nghèo nêu cao tinh thần tự lực, tự cường vượt khó vươn lên*, thúc đẩy phong trào xóa đói, giảm nghèo ngày càng phát triển sâu, rộng. Nhờ những nỗ lực chung của Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành, đoàn thể xã hội và các địa phương, trong đó có sự đóng góp tích cực của Hội Nông dân

Việt Nam sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn nước ta có bước phát triển nhanh, khá toàn diện và đạt được những thành tựu to lớn. Cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội ở nông thôn phát triển khá, hầu hết các xã đã có đường ô tô đến trung tâm, có điện, có trường học, trạm y tế, trạm thủy nông... Bộ mặt nông thôn ngày càng được đổi mới sâu sắc cả về chất và lượng. Đời sống vật chất, tinh thần và trình độ mọi mặt của dân cư nông thôn được nâng lên rõ rệt. Thu nhập bình quân mỗi hộ năm 2001 đạt 10 triệu đồng. Số hộ giàu và mức giàu ở nông thôn tăng lên. Tỷ lệ hộ giàu tăng từ 4% (năm 1990) lên 25% (năm 2001). Số hộ đói nghèo và mức độ đói nghèo giảm xuống. Đặc biệt, từ cuối năm 1998, Đảng và Nhà nước ta quyết định nâng Cuộc vận động xóa đói, giảm nghèo trở thành Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói, giảm nghèo, với những chủ trương, kế hoạch, mục tiêu, biện pháp và có đầu tư thỏa đáng nên đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Tỷ lệ hộ đói nghèo ở nông thôn giảm từ trên 30% năm 1992 xuống còn 11% năm 2000 và theo chuẩn mới đến nay còn 17%. Tốc độ xóa đói, giảm nghèo ở khu vực nông thôn đạt bình quân 2%/năm, tương đương với mỗi năm có khoảng 30 vạn hộ thoát khỏi đói nghèo và được quốc tế đánh giá là nước đứng đầu về tốc độ xóa đói, giảm nghèo trong các nước đang phát triển. Tình trạng thiếu đói giáp hạt thường xuyên trước đây đối với các hộ nghèo nông thôn ở mức 5 - 7%, thì những năm gần đây đã giảm xuống còn dưới 1%. Nhất là, ở khu vực nông thôn đã cơ bản xóa tình trạng đói quanh năm, thiếu ăn trên 6 tháng. Tình trạng thiếu

lương thực trong các hộ nghèo chỉ còn diễn ra trên diện hẹp và thời gian ngắn, chủ yếu là những hộ già cả, neo đơn, bị tai nạn rủi ro, thiên tai nặng, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc miền núi vào những tháng giáp hạt. Đến nay, nhiều tỉnh đã cơ bản xóa hộ đói và giảm hộ nghèo ở nông thôn xuống dưới 10% theo chuẩn mới.

Tuy nhiên, kết quả đạt được so với yêu cầu còn thấp; tốc độ xóa đói, giảm nghèo không đồng đều giữa các vùng, các địa phương; tính vững chắc và ổn định chưa cao. Mức độ và diện đói nghèo ở vùng sâu, vùng xa và nơi thiên tai khắc nghiệt còn cao, có xã, bản, làng còn 50% và thậm chí 70 - 75% số hộ đói nghèo. Số hộ tái đói nghèo bình quân từ 7 - 10% mỗi năm. Tiêu chí về chuẩn mực đói nghèo của ta còn quá thấp. Theo Ngân hàng thế giới thì tỷ lệ đói nghèo này mới nói lên nghèo đói về lương thực, thực phẩm, nhưng nếu xác định nghèo đói kể cả phi lương thực, thực phẩm thì tỷ lệ đói nghèo ở nước ta tới 37,4%, trong đó ở nông thôn là 44,9%. Khoảng cách giàu nghèo ở nông thôn có xu hướng doãng ra và chưa có khả năng thu hẹp. Khó khăn và thách thức lớn cho công tác xóa đói, giảm nghèo ở nông thôn hiện nay là vấn đề thị trường và giá cả nông sản không ổn định, dẫn đến thu nhập và việc làm của nông dân nói chung và nông dân nghèo nói riêng thấp và tăng chậm. Một số nơi do đất chật, người đông, thiếu việc làm, không có đất sản xuất, điều kiện sản xuất khó khăn, trình độ dân trí thấp, tập quán canh tác lạc hậu, do chuyển đổi cơ cấu sản xuất tự phát, chưa kể một bộ phận có tâm lý trông chờ ỷ lại vào Nhà nước, các tổ chức cứu trợ xã hội, nên

đã ảnh hưởng đến công tác xóa đói, giảm nghèo. Hiệu quả của các chương trình đầu tư dành cho vùng nghèo, hộ nghèo phát huy chưa đều, chưa toàn diện, thậm chí vốn đầu tư có nơi còn bị cất xén. Tình trạng tham nhũng cũng còn là vấn đề làm hạn chế đến kết quả công tác xóa đói, giảm nghèo.

Từ những thành tựu đạt được và cả những mặt hạn chế, Hội Nông dân Việt Nam đã rút ra được những bài học và kinh nghiệm trong chỉ đạo thực hiện công tác xóa đói, giảm nghèo :

Một là, quá trình chỉ đạo và thực hiện các chương trình xóa đói, giảm nghèo vừa phải tiến hành theo diện rộng, vừa làm mô hình điểm, hằng năm có sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, tìm nguyên nhân thiếu sót để bổ sung cho nội dung hoạt động sát hợp với từng địa phương, cơ sở. Phối hợp các giải pháp xóa đói, giảm nghèo trước mắt với các giải pháp xóa đói, giảm nghèo bền vững.

Hai là, gắn tổ chức thực hiện phong trào xóa đói, giảm nghèo với công tác xây dựng Hội. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao tinh thần trách nhiệm, xây dựng lề lối, tác phong làm việc sâu sát, gần gũi quần chúng. Nắm chắc đời sống của từng hộ, phân tích nguyên nhân đói nghèo để có kế hoạch giúp đỡ cụ thể. Trong chỉ đạo luôn nắm vững phương châm phát huy nội lực, nêu cao vai trò của cộng đồng, phân công các hộ sản xuất kinh doanh giỏi giúp đỡ từ 2 - 3 hộ đói nghèo. Ở các xã điểm, những hộ nông dân tham gia dự án nhất thiết phải thực hiện nguyên tắc dân chủ, công khai, thực hiện "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra".

Ba là, các nguồn vốn vay phải được đầu tư vào sản xuất, đồng thời phải tổ chức dạy nghề, chuyển giao khoa học kỹ thuật, hướng dẫn cách làm ăn. Lựa chọn những nông dân tiên tiến, bồi dưỡng họ trở thành những khuyến nông viên, tuyên truyền viên và cán bộ tổ chức, chỉ đạo sản xuất kinh doanh giỏi ở cơ sở. Trong quá trình sản xuất, tổ trưởng, chi hội trưởng thường xuyên kiểm tra, giúp đỡ để hộ nghèo sử dụng vốn vay có hiệu quả.

Bốn là, phối hợp với các ngành đẩy mạnh các dịch vụ hỗ trợ nông dân, tổ chức dạy nghề, chuyển giao khoa học kỹ thuật, tiếp cận thông tin, nâng cao dân trí, trình độ nhận thức cho nông dân. Đối với các xã vùng 3, việc tập huấn kỹ thuật, hướng dẫn thực hành thông qua các mô hình sản xuất tại chỗ theo phương thức cầm tay chỉ việc, nông dân nói cho nông dân nghe, nông dân tư vấn cho nông dân.

Năm là, các cấp hội tiến hành hội nghị, hội thảo trao đổi kinh nghiệm, cách làm ăn đối với những hộ nông dân sản xuất chưa giỏi, động viên tinh thần tự lực, tự cường của mỗi gia đình cùng với sự giúp đỡ của cộng đồng để vươn lên xóa đói, thoát nghèo. Đồng thời mời một số hộ sản xuất kinh doanh giỏi ở từng lĩnh vực báo cáo kinh nghiệm và cách làm hay để các hộ đói nghèo học tập.

Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng nhấn mạnh : *"Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình xóa đói, giảm nghèo...* Phân đấu đến năm 2005 về cơ bản không còn hộ đói và chỉ còn khoảng 10% số hộ thuộc diện nghèo. Các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ, các huyện đồng bằng miền Trung và

các tỉnh Nam Bộ về cơ bản không còn hộ nghèo. Nâng dân mức sống của các hộ đã thoát nghèo, tránh tình trạng tái nghèo"⁽¹⁾. Để đạt được mục tiêu này, trên cơ sở những kinh nghiệm và bài học rút ra từ công tác xóa đói, giảm nghèo, trong thời gian tới, chúng ta nỗ lực phấn đấu thực hiện những nhiệm vụ cơ bản sau đây :

1. Khẩn trương hoàn thiện Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo thành Chương trình quốc gia về xóa đói giảm nghèo và phát triển. Tăng cường đầu tư và quản lý các chương trình, dự án xóa đói, giảm nghèo. Tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo, xã nghèo về y tế, giáo dục, hướng dẫn cách làm ăn, an sinh ; trợ giúp đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn.

2. Hoàn thành dứt điểm việc giao đất, giao rừng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất ổn định lâu dài cho nông dân. Đầu tư khai hoang phục hóa, sắp xếp lại các nông, lâm, ngư trường, xây dựng một số vùng kinh tế mới để chuyển một số bộ phận nông dân, nhất là nông dân nghèo không có đất, hoặc ít đất sản xuất đến làm ăn sinh sống.

3. Nhà nước sớm ban hành chính sách bình ổn giá cả đối với một số nông sản chủ yếu. Tím thị trường để nông dân có điều kiện tiêu thụ sản phẩm. Đồng thời nâng cao vai trò của các doanh nghiệp nhà nước trong việc cung ứng vật tư phục vụ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, giúp nông dân yên tâm sản xuất.

4. Nhanh chóng hoàn thiện quy hoạch tổng thể về sản xuất gắn với chế biến và

nhu cầu thị trường làm cơ sở cho kế hoạch hóa và đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn. Tiếp tục đầu tư cho các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc, miền núi, vùng thiên tai khắc nghiệt. Đổi mới quan điểm và nhận thức về vai trò, vị trí của mặt trận nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế quốc dân thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; đẩy mạnh sản xuất làm cơ sở cho xóa đói giảm nghèo. Tăng cường đầu tư cho nông nghiệp và nông thôn kết hợp với công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, hướng dẫn cách làm ăn và dạy nghề cho nông dân.

5. Đổi mới chính sách tín dụng nông thôn, tạo điều kiện cho người dân có đủ vốn phát triển sản xuất kinh doanh. Thực hiện việc khoan nợ, xóa nợ cho những hộ nông dân đói nghèo, hộ bị thiên tai tàn phá nặng nề không có khả năng phục hồi sản xuất. Tạo điều kiện cho những hộ nông dân không có đất, hoặc ít đất sản xuất nhưng thiết tha lao động, có kinh nghiệm sản xuất được vay vốn ưu đãi để chuộc lại ruộng đất đã cầm cố, sang nhượng để tiếp tục đầu tư sản xuất. Khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển nhằm giải quyết việc làm, thu hút lao động nông nghiệp sang sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội hưu cho nông dân khi hết tuổi lao động. Tạo điều kiện cho Hội Nông dân được tham gia các chương trình, dự án nhằm đóng góp nhiều hơn vào Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói, giảm nghèo ở nông thôn.□

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 299

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 VÀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

NGUYỄN TRỌNG PHÚC *

MỘT trong những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại của dân tộc ta trong thế kỷ XX là *thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và việc thành lập Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa*. Cách mạng Tháng Tám đã xóa bỏ chế độ thuộc địa nửa phong kiến ở nước ta, mở ra kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc : kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là sự vùng dậy của cả một dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản với tinh thần "đem sức ta mà tự giải phóng cho ta". Đó là kết quả của phong trào cách mạng liên tục diễn ra suốt 15 năm kể từ ngày thành lập Đảng, với cao trào những năm 1930-1931 và Xô viết Nghệ - Tĩnh, cuộc vận động dân chủ 1936-1939 đến phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945.

Viết về nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa của cuộc Cách mạng Tháng Tám, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh : "Vì chính sách của Đảng đúng và thi hành chính sách ấy kịp thời và linh động, cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám đã thành công". "Do sự lãnh đạo sáng suốt và kiên

quyết của Đảng, do sức đoàn kết và hăng hái của toàn dân trong và ngoài Mặt trận Việt Minh, cuộc cách mạng Tháng Tám đã thắng lợi"(1). Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám "chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng : "Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng *mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc*"(2). Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ : Cách mạng Tháng Tám đã lật đổ nền quân chủ mấy mươi thế kỷ, đã đánh tan xiềng xích thực dân gần 100 năm, đã đưa chính quyền lại cho nhân dân, đã xây nền tảng nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, độc lập, tự do, hạnh phúc. "Đó là một cuộc thay đổi cực kỳ to lớn trong lịch sử của nước ta"(3).

* PGS, TS, Viện trưởng Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 6, tr 159

(2) Hồ Chí Minh : *Sđđ*, t 6, tr 159

(3) Hồ Chí Minh : *Sđđ*, t 6, tr 160

Thành quả lớn nhất của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là đã xây dựng Nhà nước cách mạng kiểu mới ở Việt Nam.

Đặc trưng nổi bật của Nhà nước cách mạng kiểu mới đó là Nhà nước dân chủ, nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Ngay sau khi giành được chính quyền, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng toàn dân xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân. Ngay sau một tháng kể từ ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, trong bài *Chính phủ là công bộc của dân* Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: "Các công việc của Chính phủ làm phải nhằm vào một mục đích duy nhất là mưu tự do hạnh phúc cho mọi người. Cho nên Chính phủ nhân dân bao giờ cũng phải đặt quyền lợi dân lên trên hết thảy. Việc gì có lợi cho dân thì làm. Việc gì có hại cho dân thì phải tránh"(4).

Về chính quyền nhân dân ở các địa phương, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ yêu cầu: "Các Ủy ban nhân dân làng, phủ là hình thức Chính phủ địa phương phải chọn trong những người có công tâm, trung thành, sốt sắng với quyền lợi dân chúng, có năng lực làm việc, được đông đảo dân làng tín nhiệm. Không thể nhờ tiền tài hay một thế lực gì khác mà chui lọt vào các Ủy ban đó". Người nhấn mạnh: "Ủy ban nhân dân làng trái với các hội đồng kỳ mục cũ thói nát, sẽ làm những việc có lợi cho dân, không phạm vào công lý, vào tự do của dân chúng. Nó hết sức tránh những cuộc bắt bớ đánh đập độc đoán, những cuộc tịch thu tài sản không đúng lý. Ủy ban nhân dân thận trọng hết sức trong chỗ chi dùng công quỹ, không dám tùy ý tiêu tiền vào những việc xa phí như ăn uống" "Những nhân viên Ủy ban sẽ không lợi dụng danh

nghĩa Ủy ban để gây bè tìm cánh, đưa người "trong nhà trong họ" vào làm việc với mình" (...) "Ủy ban nhân dân là Ủy ban có nhiệm vụ thực hiện tự do dân chủ cho dân chúng. Nó phải hành động đúng tinh thần tự do dân chủ đó"(5).

Một điều dễ nhận thấy là vai trò quan trọng của chính quyền ở địa phương và cơ sở trong việc thực thi dân chủ trực tiếp với nhân dân. Những ngày tháng sau Cách mạng Tháng Tám Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành nhiều thời gian viết nhiều bài về xây dựng các Ủy ban nhân dân. Ngày 11-9-1945, Người viết bài *Cách thức tổ chức các Ủy ban nhân dân*. Ngày 4-10-1945 Người viết bài: *Thiếu óc tổ chức - một khuyết điểm lớn của các Ủy ban nhân dân*. Và ngày 12-10-1945, Người lại viết bài *Sao cho được lòng dân?* Người nhấn mạnh: "Phải chú ý giải quyết hết các vấn đề đau khổ đến đâu mặc lòng, những vấn đề quan hệ tới đời sống của dân. Phải chấp đơn, phải xử kiện cho dân mỗi khi người ta đem tới. Phải chăm lo việc cứu tế nạn nhân cho chu đáo, phải chú ý trừ nạn mù chữ cho dân. Nói tóm lại, hết thảy những việc có thể nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của dân phải được đặc biệt chú ý" "muốn được dân yêu, muốn được lòng dân, trước hết phải yêu dân, phải đặt quyền lợi của dân lên trên hết thảy, phải có một tinh thần chí công vô tư"(6).

Đặc biệt, trên báo Cứu quốc số 69 ra ngày 17-10-1945 đã đăng *Thư gửi Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng* của

(4) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 4, tr 22

(5) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 4, tr 23

(6) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 4, tr 48

Chủ tịch Hồ Chí Minh. Một lần nữa Người nêu rõ bản chất cách mạng và dân chủ của chính quyền nhân dân, nguồn gốc sức mạnh của chính quyền là ở sự gắn bó với nhân dân, hết lòng, hết sức mưu cầu tự do, hạnh phúc cho nhân dân. "Nếu không có nhân dân thì Chính phủ không đủ lực lượng. Nếu không có Chính phủ, thì nhân dân không ai dẫn đường. Vậy nên Chính phủ với nhân dân phải đoàn kết thành một khối. Ngày nay, chúng ta đã xây dựng nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Nhưng nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì"(7).

Trong xây dựng Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, Hồ Chí Minh coi trọng phát huy dân chủ để người dân tự lựa chọn bầu ra người đại biểu vào cơ quan chính quyền nhà nước. Ngay trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời ngày 3-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc **TỔNG TUYỂN CỬ** với chế độ phổ thông đầu phiếu. Tất cả công dân trai gái mười tám tuổi đều có quyền ứng cử và bầu cử, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, dòng giống v.v.. Viết về ý nghĩa của Tổng tuyển cử Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh, "Tổng tuyển cử là một dịp cho toàn thể quốc dân tự do lựa chọn những người có tài, có đức, để gánh vác công việc nước nhà. Tổng tuyển cử tức là tự do, bình đẳng ; tức là dân chủ, đoàn kết". "Do Tổng tuyển cử mà toàn dân bầu ra Quốc hội. Quốc hội sẽ cử ra Chính phủ. Chính phủ đó thật là Chính phủ của toàn dân"(8).

Nhấn mạnh dân chủ, đồng thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng quản lý đất

nước, xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, quan tâm xây dựng Nhà nước pháp quyền. Ngay từ khi còn đi tìm đường cứu nước, năm 1919, Nguyễn Ái Quốc thay mặt những người yêu nước Việt Nam trong yêu sách 8 điểm gửi tới Hội nghị Véc-xây đã yêu cầu cải cách pháp luật ở Đông Dương để người bản xứ được bảo đảm về luật pháp như người châu Âu. Nguyễn Ái Quốc đã nêu rõ tư tưởng xây dựng nhà nước pháp quyền, Người nhấn mạnh "Trăm điều phải có thần linh pháp quyền". Một ngày sau lễ tuyên bố độc lập, ngày 3-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ : "Trước chúng ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ"(9).

Với tư cách là người đứng đầu Nhà nước và Chính phủ, Trưởng ban soạn thảo Hiến pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát huy trí tuệ của Đảng, toàn dân cùng với Quốc hội được bầu ra ngày 6-1-1946 soạn thảo bản Hiến pháp dân chủ, đó là bản *Hiến pháp đầu tiên trong lịch sử nước nhà*. Cách mạng Tháng Tám thành công, Nhà nước cách mạng mới được xây dựng qua 14 tháng, đã có được bản Hiến pháp do Quốc hội khóa I, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 9-11-1946. Đó là hiện tượng đặc biệt của lịch sử các cuộc cách mạng trên thế giới. Và trong hoàn cảnh cách mạng nước ta "vừa kháng chiến, vừa kiến quốc" phải vượt qua bao khó khăn, thách thức, việc thông qua Hiến pháp càng có ý nghĩa quan

(7) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 4, tr 56

(8) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 4, tr 133

(9) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 4, tr 8

trọng về thực tiễn và pháp lý. Đó còn là thành quả to lớn của quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ở nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Trong *Lời nói đầu* của Hiến pháp đầu tiên (1946) đã nêu rõ : *Cuộc Cách mạng Tháng Tám đã giành lại chủ quyền cho đất nước, tự do cho nhân dân và lập ra nền dân chủ cộng hòa*. Hiến pháp là thành quả vẻ vang của cách mạng và được xây dựng trên các nguyên tắc :

- Đoàn kết toàn dân không phân biệt giống nòi, trai gái, giai cấp, tôn giáo.
- Bảo đảm các quyền tự do dân chủ.
- Thực hiện chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân.

Bản chất cách mạng và nhân dân, tính chất dân chủ và pháp quyền hòa quyền và thống nhất với nhau khi Hiến pháp khẳng định : *Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam*. Điều khẳng định đó khiến ta nhớ lại tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trong cuốn *Đường cách mệnh* (1927) khi Người cho rằng : *Chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh, thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc*. Từ một ý tưởng, một tư tưởng lớn đến điều được ghi trong Hiến pháp là kết quả của cả một chặng đường đấu tranh cách mạng lâu dài, đầy hy sinh, gian khổ của dân tộc ta, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng và của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đó là sự hiện thực hóa, pháp chế hóa mục tiêu đấu tranh cách mạng của Đảng và nhân dân ta.

Tính chất dân chủ, bản chất nhân dân của Hiến pháp năm 1946 thật sâu sắc và đến nay vẫn giữ nguyên giá trị. Sự xác định rõ nghĩa vụ và quyền lợi công dân đã thể hiện điều đó. Mỗi công dân Việt Nam phải có nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, tôn trọng Hiến pháp và tuân theo pháp luật. Có tới 11 điều của Hiến pháp quy định về quyền lợi của công dân (từ điều thứ 6 đến điều thứ 16). Hiến pháp xác định tất cả công dân Việt Nam đều ngang quyền về mọi phương diện : chính trị, kinh tế, văn hóa. Công dân đều bình đẳng trước pháp luật, đều được tham gia chính quyền và công cuộc kiến quốc tùy theo tài năng và đức hạnh của mình. Ngoài sự bình đẳng về quyền lợi, những quốc dân thiểu số được giúp đỡ về mọi phương diện để chóng tiến kịp trình độ chung. Đàn bà được ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện. Công dân Việt Nam có quyền tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức và hội họp, tự do tín ngưỡng, tự do cư trú, đi lại trong nước và ra nước ngoài. Tư pháp chưa quyết định thì không được bắt bớ và giam cầm người công dân Việt Nam. Nhà ở và thư tín của công dân Việt Nam không ai được xâm phạm một cách trái pháp luật. Quyền tư hữu tài sản của công dân được bảo đảm. Quyền lợi của những người trí thức và lao động chân tay được bảo đảm. Người tàn tật, già cả được giúp đỡ. Trẻ con được săn sóc về mặt giáo dục. Thực hiện chế độ phổ cập giáo dục bắt buộc v.v.. Đó là những nội dung dân chủ mang tính cách mạng sâu sắc. Từ đó đến nay những nội dung nền tảng đó tiếp tục được phát triển, bổ sung trong các bản Hiến pháp tiếp theo, đã và đang được thực hiện một cách sinh động trên đất nước ta.

Những quy định của Hiến pháp 1946 về tổ chức bộ máy nhà nước từ *Nghị viện nhân dân*, *Chính phủ đến Hội đồng nhân dân* và *Ủy ban hành chính* các cấp, về cơ quan tư pháp đều chứa đựng sâu sắc bản chất của một nhà nước cách mạng - Nhà nước pháp quyền kiểu mới, của dân, do dân và vì dân.

Nhà nước của dân và do dân nghĩa là nhân dân xây dựng, củng cố, bảo vệ chính quyền nhà nước, coi chính quyền là ruột thịt của mình. Nhà nước vì dân nghĩa là nhà nước mưu cầu quyền lợi, hạnh phúc cho nhân dân. Vì dân không chỉ là mục tiêu hoạt động và tồn tại của chính quyền mà còn là phương thức, phong cách và phương pháp hành động của chính quyền. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc lại nhiều lần : "Chúng ta phải hiểu rằng, các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh vác việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật". Người nhấn mạnh : "Việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì có hại đến dân, ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta"(10).

Xây dựng Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức chú trọng rèn luyện đội ngũ cán bộ chính quyền. Chỉ hơn một tháng sau khi thành lập chính quyền cách mạng, trong thư gửi Ủy ban nhân dân các cấp Người đã chỉ rõ : "Tôi vẫn biết trong các bạn có nhiều người làm theo đúng chương trình của Chính phủ, và rất được lòng dân. Song cũng có nhiều người phạm những lầm lỗi nặng nề". Người đã thẳng thắn chỉ ra những lầm lỗi chính như : trái phép,

cậy thế, hủ hóa, tư túi, chia rẽ, kiêu ngạo. Người đã chỉ rõ những biểu hiện cụ thể của từng lỗi lầm đó. Trong những lỗi lầm đó nổi bật lên là bệnh tham ô, xa hoa, lãng phí, quan liêu và hách dịch với dân. Người nghiêm khắc phê phán những biểu hiện như : "ngang tàng, phóng túng, muốn sao được vậy, coi khinh dư luận, không nghĩ đến dân. Quên rằng dân bầu mình ra là để làm việc cho dân, chứ không phải để cậy thế với dân". Trong khi đời sống của dân còn đói khổ mà cán bộ "Ăn muốn cho ngon, mặc muốn cho đẹp, càng ngày càng xa xỉ, càng ngày càng lãng mạn, thử hỏi tiền bạc ấy ở đâu ra ? Thậm chí lấy của công dùng vào việc tư, quên cả thanh liêm, đạo đức"(11). Những biểu hiện kéo bè, kéo cánh, cá nhân, cục bộ, không vì việc chung v.v.. cũng rất nặng nề. Đặc biệt, Chủ tịch Hồ Chí Minh phê phán gay gắt thái độ, cử chỉ lúc nào cũng vác mặt "quan cách mạng" hoặc là độc hành, độc đoán, hoặc là dĩ công, dinh tư (lấy của chung làm của riêng), thậm chí dùng pháp công để báo thù tư (dùng pháp luật nhà nước để trả thù riêng). Thái độ đó làm mất lòng tin cậy của dân và uy tín của Chính phủ.

Phê phán những khuyết điểm của cán bộ chính quyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh mong muốn mọi người sửa chữa để chính quyền ngày càng hoàn thiện và làm việc tốt hơn. Người nêu rõ : "Chúng ta không sợ sai lầm, nhưng đã nhận biết sai lầm thì phải ra sức sửa chữa. Vậy nên, ai không phạm những lầm lỗi trên này, thì nên chú ý tránh đi, và gắng sức cho thêm tiến bộ. Ai đã phạm những lầm lỗi trên này, thì phải hết sức sửa chữa ; nếu không tự

(10) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 4, tr 56, 57

(11) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 4, tr 57

sửa chữa thì Chính phủ sẽ không khoan dung"(12).

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đặt ra yêu cầu mọi cán bộ phải thường xuyên *tự phê bình, tự giáo dục, tự chỉ trích* để khắc phục khuyết điểm và cái hư hỏng trong mỗi người và trong bộ máy. Người đòi hỏi cán bộ phải nhận thức và tự giáo dục không ngừng, cần phải có sự thành thực vạch ra những khuyết điểm sai lầm mà sửa đổi đi. Sau khi làm xong một công tác gì, hay sau mỗi ngày làm việc, cần phải tự mình kiểm điểm xem có chỗ nào nhầm lẫn, chỗ nào chưa đầy đủ, có được ưu điểm gì nên nhớ, có được kinh nghiệm gì quý đáng ghi. Phải bỏ thái độ "xong việc thì thôi". "Không chịu tự phê bình, tự chỉ trích thì không bao giờ tấn tới được".

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng những khuyết điểm nhỏ của cán bộ thì làm cho dân chúng hoang mang, lớn thì ảnh hưởng đến khối đoàn kết toàn dân. Vì vậy, *chúng ta phải lập tức sửa đổi ngay*. Chúng ta không sợ có khuyết điểm mà *chỉ sợ không có quyết tâm sửa đổi*.

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta mong muốn và đã làm hết sức mình để xây dựng, củng cố vững chắc Nhà nước kiểu mới - Nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Nhà nước và bộ máy chính quyền các cấp thật sự là công bộc của nhân dân, gần bó mật thiết với nhân dân, hết lòng vì nhân dân. Chăm lo xây dựng Hiến pháp và hệ thống luật pháp phản ánh ý chí, nguyện vọng, lợi ích và quyền lực của nhân dân, quyền làm chủ đất nước và xã hội của nhân dân. Hoạt động thực tiễn của chính quyền nhà nước và nội dung Hiến pháp, pháp luật cũng

thể hiện đường lối, mục tiêu cách mạng của Đảng Cộng sản. Do hoàn cảnh lịch sử lúc đó mà Đảng phải rút vào bí mật (11-11-1945). Nhưng như Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, *dù là bí mật, Đảng vẫn lãnh đạo chính quyền và nhân dân*. Chính nhờ sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh mà bản chất cách mạng, bản chất nhân dân, tính chất dân chủ triệt để được giữ vững và tăng cường. Cũng nhờ sự lãnh đạo đó mà sức mạnh và thực lực của chính quyền nhân dân không ngừng được củng cố, bảo đảm cho Nhà nước non trẻ vượt qua được những khó khăn, thách thức, hiểm nghèo giữ vững và phát triển thành quả của cuộc Cách mạng Tháng Tám lịch sử.

Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 về phương diện xây dựng Nhà nước kiểu mới mãi mãi là bài học lớn, là định hướng sáng rõ cho đến ngày nay và nhiệm vụ sắp tới trong việc xây dựng và không ngừng hoàn thiện Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam nêu ra những quan điểm và biện pháp cơ bản về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đại hội chỉ rõ: "Nhà nước ta là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân"(13). Đó là sự tiếp tục phát triển thành quả của Cách mạng Tháng Tám và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân trong thời kỳ mới. □

(12) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 4, tr 58

(13) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 131

Vị thế mới của Việt Nam ở Đông - Nam Á

NGUYỄN HỮU NGUYỄN*

Vị thế của một quốc gia được tạo nên từ sự tổng hòa của các yếu tố địa lý tự nhiên, địa - chính trị, địa - kinh tế, địa - văn hóa, địa - quân sự, địa - lịch sử. Nói cách khác, những yếu tố đó tạo nên địa vị và tư thế của mỗi quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Mỗi khi có sự biến đổi lớn về vị thế đều mang đến những cơ hội phát triển, đồng thời cũng đặt ra những thách thức.

I- SỰ THAY ĐỔI VỊ THẾ CỦA VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỶ XX ĐẾN ĐẦU THẾ KỶ XXI

1- Từ thuộc địa của thực dân Pháp đến "tiền đồn" của chủ nghĩa xã hội.

Trước khi bị thực dân Pháp xâm lược, Việt Nam là một quốc gia độc lập trong vùng Đông - Nam Á, có vị trí địa kinh tế thuận lợi, có lịch sử phát triển lâu dài, có truyền thống chống ngoại xâm rất oanh liệt, đã từng đánh thắng các thế lực phong kiến mạnh nhất ở phương Bắc và các hành động xâm lăng của một số quốc gia ở phía Tây.

Sau khi bị thực dân Pháp xâm lược (từ giữa thế kỷ XIX), hầu như các hoạt động đối ngoại đều do Pháp nắm giữ, Việt Nam không còn đóng vai trò đáng kể về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa trong khu vực. Nhà nước phong kiến Việt Nam hầu như

hoàn toàn bất lực trong việc phục hồi vị thế của đất nước. Các phong trào chống Pháp của nhân dân Việt Nam phát triển ngày càng mạnh, nhưng ảnh hưởng chưa rộng.

Trong thời gian từ chiến tranh thế giới thứ nhất đến khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, thực dân Pháp liên tiếp thực hiện hai chương trình khai thác thuộc địa quy mô lớn. Việt Nam bị coi là lãnh thổ phía đông của nước Pháp, nơi để Pháp thể hiện sức mạnh đối trọng với hệ thống thuộc địa ở châu Á của Pháp.

Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, Việt Nam là nơi tranh chấp quyết liệt giữa Pháp và Nhật vì tính chất rất quan trọng về địa - quân sự ở Đông Dương. Đầu năm 1945, Nhật chiếm toàn bộ bán đảo này từ tay Pháp để tạo bàn đạp nhằm thực hiện kế hoạch xâm lược vùng Đông - Nam Á. Nhưng kế hoạch này bị phá sản khi Hồng quân Liên Xô tiêu diệt đạo quân Quan Đông của Nhật ở vùng Mãn Châu (Trung Quốc). Cũng từ lúc này, Việt Nam lọt trong tầm nhìn của Mỹ. Trong chiến lược Châu Á - Thái Bình Dương, Mỹ đã viện trợ quân sự cho Pháp để giữ vùng này.

* TS, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn TP Hồ Chí Minh

Ở Đông - Nam Á, sau chiến tranh thế giới thứ hai, Việt Nam trở nên hết sức quan trọng đối với vùng Đông - Nam Á và quốc tế bởi không chỉ đi tiên phong trong phong trào giải phóng dân tộc mà còn là nước đầu tiên ở khu vực Đông - Nam Á đi theo con đường xã hội chủ nghĩa. Sự thay đổi vị thế địa - chính trị đã đặt Việt Nam trước những thử thách lớn. Là một mắt xích quan trọng của phe xã hội chủ nghĩa ở châu Á, vì thế các nước đế quốc đã tạo điều kiện cho thực dân Pháp trở lại xâm lược Việt Nam. Trong bối cảnh thế giới ấy, cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam do Đảng Cộng sản lãnh đạo chống lại thực dân Pháp không chỉ mang ý nghĩa là bảo vệ nền độc lập quốc gia mà còn là *bảo vệ một chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa*. Việt Nam ở vị trí "tiền đồn" của phe xã hội chủ nghĩa cả về ý nghĩa địa lý và chính trị. Khi tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Việt Nam đã trở thành nơi tập trung cao độ của hai mâu thuẫn lớn nhất thời đại là *mâu thuẫn dân tộc* và *mâu thuẫn ý thức hệ*, là nơi diễn ra sự tranh chấp quyết liệt để chứng minh vấn đề "*ai thắng ai*" giữa hai hệ thống thế giới.

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, vị thế mới của Việt Nam càng làm cho chủ nghĩa đế quốc lo ngại về sự lan rộng của chủ nghĩa cộng sản xuống vùng Đông - Nam Á. Mỹ đã nhảy vào thay thế cho Pháp với mục đích ngăn chặn, đẩy lùi và khôi phục lại thể bao vây phe xã hội chủ nghĩa ở hướng đông nam. Cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam lại bắt đầu.

Trong suốt thời kỳ tiến hành kháng chiến chống Mỹ, Việt Nam là tâm điểm chú ý của dư luận thế giới. Mỹ lo ngại về sự thất

bại của nó ở Việt Nam có thể dẫn đến sự sụp đổ dây chuyền của chủ nghĩa thực dân mới, đã đưa ra "thuyết Đô-mi-nô" và "chia sẻ trách nhiệm" để lôi kéo đồng minh tham gia (gồm 5 nước là Mỹ, Ô-xtrây-li-a, Thái Lan, Hàn Quốc, Niu Di-lân). Với hơn nửa triệu quân viễn chinh và chi phí hàng chục tỉ USD mỗi năm, Mỹ đã tạo ra một cuộc chiến tranh có quy mô lớn nhất sau chiến tranh thế giới thứ hai.

Với ý chí sắt đá "không gì quý hơn độc lập tự do" và tinh thần quả cảm, kiên cường, cuộc kháng chiến chống Mỹ của Việt Nam đã giành được sự đồng tình ủng hộ ngày càng rộng rãi và thiết thực của các lực lượng hòa bình thế giới, sự giúp đỡ vô cùng to lớn về quân sự và mọi mặt của Liên Xô, Trung Quốc, đó là những *nhân tố thời đại* mà Việt Nam đã vận dụng một cách thành công để đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi cuối cùng.

Cuộc kháng chiến kéo dài 30 năm của Việt Nam đã góp phần làm suy yếu chủ nghĩa thực dân cũ và mới, củng cố phe xã hội chủ nghĩa và ổn định hòa bình thế giới. Ba mươi năm chiến tranh cũng để lại cho Việt Nam những khó khăn vô cùng to lớn, đó là một nền kinh tế lạc hậu, bị tàn phá, những thử thách không dễ vượt qua trong một thời gian ngắn.

Thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ đã đưa vị thế quốc tế của Việt Nam lên rất cao, trở thành *biểu tượng của ý chí độc lập dân tộc*, làm sụp đổ huyền thoại về sức mạnh quân sự của Mỹ và còn tạo ra *hội chứng chiến tranh* và *sự chia rẽ sâu sắc* trong đời sống xã hội nước Mỹ. Chính vì thế, mưu đồ xóa bỏ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam của Mỹ được ngụy trang dưới các thủ đoạn khôn khéo hơn (căm vận, diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ...) và

tiến hành ngay sau khi chiến tranh vừa chấm dứt cho đến ngày nay.

Vừa ra khỏi cuộc chiến tranh với Mỹ, Việt Nam lại rơi vào cuộc khủng hoảng kinh tế xã hội trầm trọng và chiến tranh biên giới ; Mỹ càng tăng cường trợ giúp các lực lượng chống đối phá hoại cả từ bên trong và ngoài ; khối xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô cũng đang trong thời kỳ khủng hoảng. Không những thế, Việt Nam còn ở vào thế bị cô lập đối với khu vực Đông - Nam Á.

2- Là thành viên của ASEAN.

Đến thập niên cuối của thế kỷ XX, thế giới lại có những biến động lớn. Đó là sự sụp đổ của phần lớn các thể chế xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và sự tan rã của Liên bang Xô-viết. Trật tự thế giới chuyển từ hình thái *lưỡng cực* sang *đa cực*, tạo ra hàng loạt những hệ quả trái ngược nhau. Trong bối cảnh thế giới bất ổn ấy, Mỹ đã tận dụng được cơ hội để chiếm vị thế siêu cường số một thế giới về kinh tế và quân sự, mưu toan áp đặt ý muốn của mình trong việc giải quyết các vấn đề quốc tế.

Trong xu thế đa cực hóa, những quốc gia có vị trí địa lý gần nhau, có các điều kiện kinh tế - xã hội và văn hóa tương đối giống nhau buộc phải liên kết lại để phát triển và đủ sức cạnh tranh với các cường quốc hay các khu vực khác trên thế giới. Các nước Đông - Nam Á đã củng cố và mở rộng hiệp hội ASEAN, trở thành một trong những khu vực phát triển nhanh và năng động nhất thế giới.

Nhận thức được sự thay đổi của trật tự thế giới và xu thế thời đại, Việt Nam đã tự nguyện gia nhập ASEAN, điều đó phản ánh sự mềm dẻo của đường lối đối ngoại và sự thay đổi vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên trường quốc tế. Sau cuộc chiến

tranh chống Mỹ của Việt Nam, Đông - Nam Á vẫn phân thành hai cực ; Việt Nam vẫn đóng vai trò tiền đồn của phe xã hội chủ nghĩa trong trật tự thế giới lưỡng cực.

Sau khi hệ thống xã hội chủ nghĩa tan rã đến nay, ASEAN đã kết nạp 10 nước thành viên ở Đông - Nam Á, tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những khác biệt khá lớn về nhiều mặt :

- Về trình độ *kinh tế - xã hội*, có một số nước đã phát triển tương đối cao, được coi là những "con rồng kinh tế" : (Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a) ; trong khi đó một số khác còn ở trình độ rất thấp. Sự chênh lệch đó chưa cho phép hợp tác kinh tế trên quy mô toàn khu vực.

- Về *văn hóa và tôn giáo* cũng có những khác biệt khá lớn với ba nhóm tín ngưỡng là Phật giáo, Hồi giáo và Ki-tô giáo phân bố không đều trong khu vực và trong từng quốc gia.

- Về *đời sống xã hội*, một số quốc gia theo tiêu chuẩn dân chủ phương Tây, một số theo quan niệm dân chủ phương Đông.

- Về *chính trị*, đa số theo thể chế tư bản chủ nghĩa, riêng Việt Nam theo chủ nghĩa xã hội.

- Về *an ninh*, chưa có tiếng nói chung về phòng thủ khu vực, thậm chí còn có tranh chấp chủ quyền trên một số quần đảo ở biển Đông ; một số nước còn đang duy trì hiệp ước quân sự với Mỹ, Ô-xtrây-li-a, cụ thể như sự có mặt của quân đội Mỹ với lý do hoạt động chống khủng bố hoặc diễn tập quân sự ở một số nước thành viên của ASEAN là không phản ánh quan điểm chung về quyền lợi an ninh của toàn khối.

Nhìn từ góc độ địa - quân sự, Việt Nam đứng ở vị trí bản lề giữa Bắc Á và Đông - Nam Á nên mặc nhiên phải đóng vai trò

"tiền tiêu" phía Bắc của toàn khối mỗi khi có những động thái bành trướng quân sự từ phương Bắc. Trong lịch sử trung - cận đại, Việt Nam đã đóng vai trò này cho cả vùng, điển hình là ở thế kỷ XIII đã ba lần chặn đứng làn sóng xâm lược của đế quốc Nguyên - Mông.

Trong bối cảnh quốc tế cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI, Việt Nam có một vị thế rất tế nhị và nhạy cảm trong khu vực Đông - Nam Á. Cụ thể là, có chung nhu cầu về phát triển kinh tế và củng cố an ninh khu vực với ASEAN nhưng không đồng nhất về chính trị, về tương quan trong nội bộ ASEAN mặc dù Việt Nam có dân số chiếm gần 1/6 số dân của toàn khối (80/500 triệu), nhưng nền kinh tế Việt Nam còn nhỏ và ở tình trạng lạc hậu cả về quản lý và công nghệ. So với một số nước đã trở thành "con rồng", về tiềm lực quốc phòng cũng không còn ở vị thế vượt trội như trước đây trong khi lại đứng ở vị trí nhạy cảm về quân sự đối với Bắc Á.

Tóm lại, từ khi là thành viên của ASEAN, các yếu tố địa - chính trị, địa - quân sự và địa - kinh tế của Việt Nam có sự biến đổi khá phức tạp, trong đó có những mặt không đồng chiều với nhau. Những yếu tố đó tạo ra một vị thế chưa phản ánh đúng vai trò và tiềm năng của Việt Nam trong khu vực. Điều đó cũng phản ánh một thực tế là kinh tế Việt Nam chưa mạnh, trong khi các yếu tố về địa - chính trị và địa - quân sự của Việt Nam không còn mang tính chất đặc biệt như khi thế giới còn trong hình thái lưỡng cực. Để nâng cao vị thế của mình, Việt Nam chỉ có con đường duy nhất là tiến hành công cuộc đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

3 - Việt Nam và ASEAN trước áp lực toàn cầu hóa.

Sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt, thế giới chuyển sang hình thái đa cực, xu hướng toàn cầu hóa cũng theo đó mà phát triển rất nhanh trên các lĩnh vực căn bản như : tài chính, thị trường, công nghệ, luật pháp nhà nước, văn hóa ... Những nội dung ấy có mối liên hệ thúc đẩy nhau và tạo ra một xu thế không thể đảo ngược.

Đối với ASEAN, cả về lịch sử hình thành, thời gian tồn tại và trình độ kinh tế xã hội đều chưa thể so được với các tổ chức khu vực khác như EU, OPEC... Vì vậy, không loại trừ khả năng ASEAN chưa đủ điều kiện và thời gian để củng cố vững chắc các mối liên kết khu vực trước khi bị "cuốn vào" xu hướng toàn cầu hóa.

Đối với Việt Nam, xu hướng này cũng biểu hiện rất rõ trong chính sách hợp tác đa phương. Chúng ta vừa ký Hiệp định Thương mại với Mỹ, vừa đẩy mạnh hợp tác có tầm chiến lược với Liên bang Nga, Trung Quốc ... Việt Nam còn là đại diện, đầu mối của ASEAN trong mối quan hệ đối tác với Liên bang Nga. Nếu tính số vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam thì các nước ngoài ASEAN như Hàn Quốc, Nhật Bản, Ô-xtrây-li-a, EU đầu tư nhiều hơn các nước trong khối. Hiện tượng này cũng phản ánh sức hút nội lực của ASEAN chưa mạnh đối với các thành viên.

II - KINH NGHIỆM, CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

1- Những kinh nghiệm lịch sử.

Từ lịch sử giai đoạn đầu thế kỷ XX đến đầu thế kỷ XXI, có thể nêu một số kinh nghiệm lớn của Việt Nam về giữ vững và củng cố vị thế quốc tế :

a- *Độc lập tự chủ, tự cường, triệt để tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế* là kinh nghiệm hình

thành rất sớm trong lịch sử dựng nước, giữ nước của Việt Nam và được phát huy cao độ trong 30 năm kháng chiến chống thực dân, đế quốc. Với đường lối ngoại giao đó, Việt Nam đã tranh thủ được sự giúp đỡ về tinh thần và vật chất của tất cả các lực lượng hòa bình, tiến bộ trên toàn thế giới, kể cả của nhân dân các nước đang tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam và cả hai nước xã hội chủ nghĩa lớn là Liên Xô và Trung Quốc. Có thể nói Việt Nam đã thành công trong việc tạo *sức mạnh tổng hợp của nội lực và sức mạnh thời đại* để chiến thắng, qua đó giữ vững và khẳng định vị thế độc lập và chủ quyền của mình. Tinh thần "muốn làm bạn với tất cả các nước", được cụ thể hóa bằng việc chủ động gia nhập tổ chức ASEAN và mở rộng quan hệ quốc tế. Có thể nói, *độc lập tự chủ, tự lực, tự cường* là yếu tố cơ bản tạo nên vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam.

b- Khép lại quá khứ, hướng đến tương lai. Kinh nghiệm này xuất hiện rất sớm trong lịch sử chống ngoại xâm của Việt Nam. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, nó tiếp tục được vận dụng và nâng cao. Việt Nam kiên quyết chống các thế lực thực dân, đế quốc, nhưng vẫn luôn chú trọng tăng cường đoàn kết với nhân dân và các lực lượng hòa bình ngay cả của chính những nước đã và đang tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam. Ngày nay, Việt Nam đã đặt quan hệ ngoại giao bình thường với tất cả những nước đã từng là đồng minh của Mỹ trong chiến tranh. Đối với Mỹ, không những đã bình thường hóa quan hệ ngoại giao mà còn thực hiện những hoạt động nhân đạo như tham gia chương trình tìm hài cốt quân nhân Mỹ (MIR). Sự khoan dung của Việt Nam không những đã sớm xóa bỏ được hận thù mà còn thu hút được rất nhiều vốn đầu tư từ những nước đã

từng tham gia chiến tranh ở Việt Nam. Các nhà lãnh đạo của Việt Nam từng tuyên bố : "Khép lại quá khứ để hướng đến tương lai", nhưng đó không phải là sự lãng quên lịch sử mà là biểu hiện lòng vị tha của một dân tộc đã chịu quá nhiều đau khổ vì chiến tranh. Sự khoan dung, vị tha cũng là yếu tố quan trọng tạo nên uy tín đối với quốc tế.

c- Hội nhập nhưng không hòa tan. Việt Nam đã từng bị phong kiến phương Bắc thống trị hàng ngàn năm ; thực dân phương Tây âm mưu hàng trăm năm đồng hóa, nhưng bản sắc văn hóa dân tộc vẫn được gìn giữ. Đó là kinh nghiệm lịch sử để ngày nay Việt Nam có thể hội nhập quốc tế một cách rộng rãi nhưng vẫn giữ gìn và phát huy được bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời cũng khẳng định bản lĩnh và vị thế độc lập của mình trên trường quốc tế.

2 - Cơ hội và thách thức.

Với dân số gần 80 triệu người, Việt Nam là một thị trường lớn và hấp dẫn đối với các nhà sản xuất trong và ngoài nước. Tất cả các yếu tố địa - kinh tế rất thuận lợi cho hội nhập kinh tế thế giới ; có nguồn nhân lực khá dồi dào (cả về sức lao động và khả năng tiếp thu khoa học công nghệ tiên tiến), xu thế hợp tác quốc tế đã và đang tạo ra cơ hội lớn cho sự phát triển của Việt Nam trong thế kỷ XXI. Nhưng, muốn nắm bắt được những cơ hội đó, chúng ta phải vượt qua những *thách thức lớn* đang ở phía trước :

- Phải giải quyết được về mặt *lý luận và thực tiễn* mối quan hệ giữa hội nhập quốc tế, xây dựng kinh tế thị trường với định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Giải quyết được mâu thuẫn giữa *cạnh tranh* và *liên kết* trong nội bộ ASEAN,

(Xem tiếp trang 49)



LẠI BÀN VỀ CON ĐƯỜNG CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA

LÊ XUÂN LỰU*

KHI Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ, các thế lực chống cộng đã hý hửng cho rằng : "Chủ nghĩa xã hội là sai lầm của lịch sử", "Chủ nghĩa xã hội đã cáo chung", "Chủ nghĩa tư bản là chế độ xã hội vĩnh hằng"...

Ở nước ta hồi đó không phải không có người đã phù hợp với những luận điểm trên đây của các thế lực thù địch. Họ kêu gọi Đảng ta từ bỏ con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa, cho rằng điều đó trái với quy luật phát triển của xã hội loài người, là ảo tưởng và khẳng định đất nước phải phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa. Họ mỉa mai : "Chủ nghĩa tư bản đâu có chết mà chỉ thấy chủ nghĩa xã hội đã chết mà thôi"...

Mỗi lần chuẩn bị Đại hội Đảng, thu thập ý kiến đóng góp vào dự thảo nghị quyết hay trước những khó khăn nào đó của công cuộc xây dựng đất nước, những điều phản bác và khẳng định trên đây lại xuất hiện và có kẻ còn cho rằng : "xây dựng chủ nghĩa xã hội gì mà lại thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần, cơ chế thị trường, chính sách mở cửa và phải dựa vào chủ nghĩa tư bản"... và họ khẳng định "không có con đường phát triển nào khác ngoài con đường tư bản chủ nghĩa"...

Những điều phản bác và khẳng định trên đây của họ có đúng không ? Tất nhiên là không !

Ngay sau khi ra đời và nhận sứ mệnh lịch sử lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta đã từ thực tiễn của xã hội Việt Nam, một xã hội thuộc địa, nửa phong kiến và từ tính chất của thời đại xác định đúng đường lối cách mạng nước ta là tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân rồi quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

Điều đó cũng dễ hiểu vì lịch sử loài người đã cho chúng ta thấy rằng, từ khi xuất hiện giai cấp đến nay, xã hội loài người đã trải qua các chế độ : nô lệ, phong kiến, tư bản. Tuy sự thay đổi chế độ này bằng chế độ khác đều mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển và đều có sự giải phóng con người ở những mức độ nhất định, nhưng cái bản chất cốt lõi của các chế độ này là sự chiếm đoạt sức lao động.

Từ người nô lệ đến người vô sản tự do bán sức lao động trên thị trường đã có bước tiến quan trọng trong quá trình giải phóng con người. Nhưng trong khuôn khổ của

* Trung tướng, Giáo sư triết học

chủ nghĩa tư bản, sự giải phóng không thể đi xa hơn và việc giải phóng đó còn là phương tiện phục vụ cho sự phát triển lực lượng sản xuất vì lợi ích trước hết của giai cấp tư sản.

Chúng ta không phủ nhận những thành tựu to lớn mà loài người đã đạt được ở giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản; không phủ nhận ngày nay khả năng thích nghi với những biến đổi của tình hình và năng lực hiện tại còn có thể tiếp tục phát triển của chủ nghĩa tư bản, nhưng cũng khẳng định dứt khoát rằng, đó là chế độ xã hội không có triển vọng và không bao giờ là một chế độ xã hội "vĩnh hằng" như các thế lực chống cộng mơ tưởng. Chế độ đó nhất định sẽ bị diệt vong vì nó đi ngược lại quy luật phát triển của lịch sử.

Quy luật tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản là bóc lột giá trị thặng dư. Đó là quy luật thể hiện bản chất của chủ nghĩa tư bản, là quy luật chi phối toàn bộ cơ chế vận hành của chủ nghĩa tư bản. Đó là một xã hội đầy rẫy những khuyết tật của tẻ người bóc lột người, của tẻ áp bức dân tộc, của chiến tranh tàn phá... Đó là một chế độ xã hội vô nhân đạo nhất mà lịch sử đã lên án và nhất định sẽ bị diệt vong, tuy không diễn ra một sớm, một chiều mà phải trải qua cuộc đấu tranh lâu dài đầy gian khổ hy sinh của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức.

Đảng ta lựa chọn chủ nghĩa xã hội làm con đường phát triển của đất nước ta, vì đó là một chế độ xã hội tốt đẹp, đưa lại độc lập thực sự cho đất nước, giải phóng thực sự con người, đưa lại cho nhân dân lao động quyền làm chủ xã hội, làm chủ đất nước, mang lại ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.

Con đường đó phù hợp với xu thế của thời đại vì thời đại ngày nay là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

Không thể vin vào sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu mà phản bác con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa của nước ta. Những tổn thất mà phong trào xã hội chủ nghĩa đã gánh chịu chỉ là khúc quanh của lịch sử chứ không làm thay đổi chiều hướng của lịch sử.

Nhìn vào lịch sử xưa nay chưa có một cuộc cách mạng nào diễn ra mà không có sự giành đi giật lại giữa giai cấp đại diện cho thế lực đi lên và giai cấp đã lỗi thời. Cuộc cách mạng tư sản ở Anh đã nổ ra giữa thế kỷ XVII phải đến năm 1832 giai cấp tư sản Anh mới thực sự thiết lập được chế độ tư bản. Cuộc cách mạng tư sản Pháp diễn ra từ 1789 mãi đến năm 1871 mới được khẳng định, đều là những cuộc cách mạng thay thế chế độ bóc lột này bằng chế độ bóc lột khác. Giai cấp phong kiến các nước không có sự cấu kết với nhau để chống lại giai cấp tư sản. Còn cách mạng xã hội chủ nghĩa là cuộc cách mạng xóa bỏ bóc lột. Giai cấp tư sản thế giới cố kết với nhau để chống lại cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Thời gian diễn ra cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước lâu nhất là trên 70 năm còn ở phần lớn các nước khác là trên 40 năm. Đây là một sự nghiệp mới mẻ, chưa có tiền lệ trong lịch sử, vừa làm vừa khai phá, thử nghiệm nên có cái đúng, cái sai, có cả thành công và thất bại.

Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội vừa qua là do nhiều nguyên nhân, trong đó có sai lầm của những người cộng sản. Các Đảng Cộng sản đều lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin

làm nền tảng tư tưởng của mình, nhưng chủ nghĩa Mác - Lê-nin là một học thuyết mang bản chất cách mạng và khoa học. Nó vận động và phát triển cùng với sự vận động và phát triển của xã hội loài người. Tiếc thay, những người cộng sản đã không nắm được bản chất cách mạng khoa học đó, đã tách lý luận Mác - Lê-nin ra khỏi thực tiễn, cắt đứt mối liên hệ của nó với những đổi thay của thời đại, những điều kiện thực tiễn của nước mình nên đã giáo điều và đã xây dựng lên một mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa có nhiều khuyết tật, không thể hiện được bản chất ưu việt của chủ nghĩa xã hội khoa học. Lại thêm sự xuất hiện chủ nghĩa cơ hội, sự phản bội của kẻ cầm đầu trong Đảng và chủ nghĩa đế quốc đã tận dụng thời cơ, tiến công chủ nghĩa xã hội bằng "diễn biến hòa bình". Nhưng sự sụp đổ đó là sự sụp đổ của một mô hình của chủ nghĩa xã hội được xây dựng theo tư tưởng giáo điều, chứ không phải là sự sụp đổ của học thuyết về chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Một sự thật lịch sử đã và đang diễn ra là ở đâu trong công cuộc đổi mới biết khắc phục sự xa rời bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, biết lấy những đổi thay của thời đại, thực tiễn của cách mạng nước mình làm cơ sở cho tư duy khoa học khi xác định đường lối, chính sách, biện pháp xây dựng đất nước thì vẫn giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và tiếp tục đưa cách mạng tiến lên.

Con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa mà Đảng ta đã lựa chọn phù hợp với những gì đã có trong lịch sử, phù hợp với thực tiễn của cách mạng nước ta và không hề trái với quy luật phát triển của xã hội loài người.

Nhìn vào lịch sử phát triển của xã hội loài người, chúng ta thấy không phải mọi nước đều phải tuần tự trải qua các chế độ cộng sản nguyên thủy, nô lệ, phong kiến, tư bản. Trong thời đại phong kiến có nước còn ở trình độ bộ tộc, nhưng do nhiều nguyên nhân đã phát triển thành chế độ phong kiến. Trong thời đại tư bản chủ nghĩa, có nước còn ở trình độ thấp cũng đã đi vào quỹ đạo phát triển tư bản chủ nghĩa. Cho nên, trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, chúng ta hoàn toàn có thể đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

Đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội là con đường phù hợp với thực tiễn của cách mạng nước ta. Chúng ta đã hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Giữa cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân với cách mạng xã hội chủ nghĩa không hề có bức tường ngăn cách. Ngay trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân do Đảng ta lãnh đạo đã chứa đựng nhiều nhân tố xã hội chủ nghĩa. Dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, nhân tố dân tộc và giai cấp gắn bó chặt chẽ với nhau. Lòng yêu nước của nhân dân là yêu nước xã hội chủ nghĩa, mặt trận dân tộc thống nhất, chính quyền dân chủ nhân dân đều dựa trên nền tảng liên minh công nông; quân đội nhân dân mang bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân, tính dân tộc sâu sắc...

Lẽ nào lịch sử lại chấp nhận một sự ngược đời là sau khi cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đã thành công lại xóa bỏ chính quyền dân chủ nhân dân, thiết lập nên chính quyền giai cấp tư sản, chuyển toàn bộ tư liệu sản xuất và tài nguyên của đất nước vào tay

các ông chủ tư bản, biến chế độ ta thành chế độ tư bản chủ nghĩa và nhân dân ta thành kẻ nô lệ làm thuê.

Trước sau như một, Đảng ta, nhân dân ta, quyết tâm phấn đấu tiến lên phía trước, xây dựng một chế độ xã hội thực sự có tự do, ấm no hạnh phúc và hòa bình, nhất quyết không đi vào chủ nghĩa tư bản, một chế độ xã hội mà lịch sử đã lên án.

Quá trình phát triển của xã hội loài người là một quá trình lịch sử tự nhiên, phụ thuộc vào quy luật khách quan độc lập với ý muốn của con người. Nhưng, con người lại hoàn toàn không bắt lực trước quy luật. Con người có thể nhận thức được quy luật khách quan và tạo ra điều kiện để quy luật phát huy tác dụng có lợi cho mình. Đó là tính năng động chủ quan của ý thức xã hội của con người.

Vấn đề đặt ra ở đây là để kiến lập được chủ nghĩa xã hội phải nhận thức được bản chất của chế độ, xác định đúng đắn mô hình mục tiêu, đánh giá đúng đắn những gì xã hội ta đã có, những gì nay cần sáng tạo để đáp ứng yêu cầu của sự hình thành xã hội mới, biết lựa chọn bước đi, hình thức, và phương pháp xây dựng thì sự nghiệp sẽ thành công.

Thời đại ngày nay cho phép các nước kém phát triển đã hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân có thể quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, nhưng không cho phép bỏ qua việc xây dựng những tiền đề kinh tế, kỹ thuật, văn hóa, xã hội cần thiết cho sự quá độ đó.

Chúng ta không tạo ra những tiền đề đó bằng con đường phát triển tư bản chủ nghĩa thì phải tạo ra trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Chúng ta hoàn toàn có khả năng làm việc đó vì chúng ta có những yếu

tố cơ bản bên trong của cách mạng Việt Nam và những yếu tố bên ngoài của thời đại.

Chúng ta có Đảng lãnh đạo, có chính quyền của dân, do dân và vì dân, có mặt trận đoàn kết toàn dân, có nhân dân anh hùng, có tài nguyên đa dạng và phong phú, có nguồn lao động dồi dào, có đội ngũ tri thức ngày càng đông đảo, đất nước có vị trí địa lý thuận lợi cho giao lưu.

Thời đại đang đưa lại cho chúng ta những thuận lợi mới. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đang phát triển như vũ bão và đã quốc tế hóa đời sống kinh tế thế giới, mở rộng sự phân công lao động và hợp tác quốc tế. Khi chúng ta có chính sách đúng đắn, biết phát huy nguồn lực bên trong làm cơ sở cho khai thác nguồn lực bên ngoài thì có thể tranh thủ vốn, công nghệ tiên tiến và kinh nghiệm quản lý của các nước phát triển để xây dựng đất nước, mặc dù đây không phải là việc làm dễ dàng.

Việc thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần, cơ chế thị trường, chính sách mở cửa là những giải pháp được lựa chọn để xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ chứ không phải là đi theo con đường tư bản chủ nghĩa như ai đó đã gán ghép.

Từ lý luận cũng như thực tiễn chúng ta thấy rằng chủ nghĩa xã hội không ra đời từ miếng đất trống không, mà từ một nền sản xuất do xã hội cũ để lại. Cho nên, xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ không có nghĩa là phải nhanh chóng phủ định triệt để cái cũ mà phải biết vừa xây dựng cái mới, vừa sử dụng và cải tạo cái cũ để thúc đẩy chế độ kinh tế mới ra đời. Vì thế, trong thời kỳ quá độ, chúng ta thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần là để huy động mọi

năng lực sản xuất với những trình độ kỹ thuật, vốn liếng và quy mô khác nhau để phát triển lực lượng sản xuất, phát triển nền kinh tế, nâng cao đời sống của nhân dân. Mác đã dạy chúng ta rằng : quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa không thể thiết lập lên trên một lực lượng sản xuất thấp kém. Cái thiếu của đất nước hiện nay là một lực lượng sản xuất phát triển. Thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần là để phát triển lực lượng sản xuất, phát triển nền sản xuất xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân và tùy theo sự phát triển của lực lượng sản xuất mà nâng dần quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa lên.

Nền kinh tế thị trường nhiều thành phần bên cạnh mặt tích cực cũng có mặt tiêu cực của nó. Có thành phần kinh tế tư bản tư nhân thì có bóc lột. Nhà nước phải thông qua luật pháp, chính sách và các công cụ quản lý khác để vừa bảo đảm lợi ích của chủ tư bản để thúc đẩy họ phát triển sản xuất, vừa bảo đảm lợi ích của người lao động.

Cơ chế thị trường là cơ chế vận hành của nền kinh tế hàng hóa theo các quy luật của sản xuất và lưu thông.

Thị trường, hàng hóa là một thành tựu, một bước tiến của lịch sử phát triển kinh tế của nhân loại, gắn liền với sự phát triển của lực lượng sản xuất. Thị trường kích thích sản xuất hướng dẫn, chọn lọc lĩnh vực kinh doanh, mặt hàng, quy mô, công nghệ và hình thức tổ chức kinh doanh nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong môi trường hợp tác và kinh doanh. Tuy nhiên, cơ chế thị trường cũng chứa đựng nhiều mặt tiêu cực : do cạnh tranh dẫn đến phân hóa giữa những người sản xuất kinh doanh ; chạy theo lợi ích trước

mắt, cục bộ không tính đến lợi ích lâu dài, toàn cục, dẫn đến những tổn thất cho nền kinh tế quốc dân, chạy theo lợi ích kinh tế đơn thuần bỏ qua những yêu cầu của xã hội như phá vỡ môi sinh... dẫn đến những hậu quả nặng nề. Vì vậy phải nâng cao năng lực quản lý của Nhà nước.

Nhà nước phải thông qua luật pháp, chính sách và các công cụ khác để tạo nên một sự cân đối chung trong nền kinh tế. Để nền kinh tế có thể phát triển, Nhà nước phải điều tiết thị trường, ngăn ngừa và xử lý những đột biến xấu, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho kinh doanh, bảo đảm thống nhất giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng và tiến bộ xã hội, quản lý và kiểm soát việc sử dụng tài sản quốc gia nhằm bảo tồn và phát triển nó.

Xu thế của thời đại là hội nhập và phát triển. Ngày nay không thể có một nước nào đứng ngoài xu thế đó mà có thể nhanh chóng xây dựng đất nước thành công.

Chúng ta hội nhập, thực hiện chính sách mở cửa là để tranh thủ vốn, kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, kinh nghiệm quản lý để xây dựng đất nước. Đó là con đường để đổi mới công nghệ, chuyển từ công nghệ lạc hậu, năng suất lao động thấp lên công nghệ tiên tiến, năng suất lao động cao, làm cho khoa học và công nghệ trở thành yếu tố bên trong của sản xuất, thành động lực của nền kinh tế.

Dĩ nhiên hội nhập nhưng không hòa nhập, hợp tác nhưng không từ bỏ đấu tranh. Chúng ta chỉ có thể tranh thủ được nguồn lực bên ngoài một khi biết phát huy cao độ nguồn lực bên trong, đồng thời phải luôn luôn cảnh giác với kẻ thù đang thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình", sử dụng sức mạnh kinh tế để lũng đoạn sự nghiệp

chúng ta. Chúng ta càng không ảo tưởng, quá trông chờ vào bên ngoài, vì chủ nghĩa đế quốc không bao giờ có thiện chí giúp chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội mà trước hết là vì lợi nhuận, vì sự tồn tại và phát triển của bản thân họ.

Đảng ta luôn xuất phát từ bản chất của chủ nghĩa xã hội, một chế độ xã hội do con người và vì con người, nên hết sức chăm lo phát triển nhân tố con người trong quá trình xây dựng chế độ mới. Mục tiêu của công cuộc xây dựng đất nước là làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

Trong quá trình xây dựng Đảng và Nhà nước ta luôn luôn kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội, giữa đời sống vật chất và đời sống văn hóa của nhân dân, quan tâm giải quyết vấn đề dân số, việc làm, nhà ở, sức khỏe, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, nhất là đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, phát triển giáo dục, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài.

Rõ ràng thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần, cơ chế thị trường, chính sách mở cửa là để xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ chứ không phải đưa đất nước phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa như ai đó khẳng định và mong ước.

Sự nghiệp đổi mới của Đảng ta trong hơn 15 năm qua đã đưa lại cho cách mạng nước ta những thành tựu to lớn. Những thành tựu đó đã chứng minh con đường lựa chọn của Đảng ta và nhân dân ta là đúng đắn. Tuy rằng, còn nhiều vấn đề trong sự nghiệp xây dựng chế độ mới chưa phải đã hoàn toàn sáng tỏ và Đảng ta còn phải tiếp tục khai phá thử nghiệm và sáng tạo. □

VỊ THẾ MỚI...

(Tiếp theo trang 43)

trong đó vấn đề cạnh tranh để phát triển là thách thức lớn nhất. Nếu ý tưởng "biến chiến trường thành thị trường" được nêu ra khi kết nạp Việt Nam vào ASEAN là thiện chí thì Việt Nam cũng phải hiểu "thị trường" cũng là "chiến trường", cả hai đều có tính cạnh tranh quyết liệt và sự thành bại trên chiến trường nào cũng có thể dẫn đến nguy cơ mất chủ quyền độc lập của quốc gia. Đây là thử thách rất lớn đối với Việt Nam hiện nay và trong thế kỷ XXI.

- Không những phải giữ được mối quan hệ bình thường trong khu vực Đông - Nam Á, do những đặc điểm về địa - chính trị, địa - kinh tế và địa - quân sự rất nhạy cảm với chiến lược của các nước lớn, Việt Nam còn phải giữ được thế cân bằng trong *quan hệ với tứ giác Nga, Trung, Mỹ, Nhật*. Riêng với Liên bang Nga và Trung Quốc trong lịch sử và hiện tại, Việt Nam vẫn giữ được mối quan hệ tốt đẹp và ngày nay, hai nước này vẫn đang là những đối tác có tính chiến lược trên các mặt quan trọng nhất của nền kinh tế. Vừa giữ được tính độc lập, tự chủ, vừa giữ được cân bằng thích hợp trong quan hệ với các nước lớn là điều không dễ dàng đối với một nước như chúng ta khi chưa mạnh về kinh tế, quốc phòng lại trong bối cảnh thế giới đầy biến động.

Trong thế giới phức tạp ngày nay, cơ hội và thách thức luôn đan xen, chuyển hóa lẫn nhau, do đó Việt Nam phải có đường lối *đối ngoại linh hoạt, mềm dẻo* trên cơ sở ý thức được một cách sâu sắc sự *vận động, biến đổi của vị thế quốc gia* trong khu vực và trên trường quốc tế. □

GIẢI PHÁP tăng cường xuất, nhập khẩu cho những tháng cuối năm 2002

NGUYỄN THÔNG

NHẪM đạt được các chỉ tiêu định hướng phát triển kinh tế - xã hội do Đại hội lần thứ IX của Đảng đề ra là, đưa GDP của đất nước đến năm 2005 tăng gấp hai lần so với năm 1995 ; nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân hằng năm thời kỳ 5 năm 2001 - 2005 là 7,5%, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 114 tỉ USD, tăng bình quân 16%/năm ; tổng kim ngạch nhập khẩu đạt khoảng 118 tỉ USD, tăng bình quân 15%/ năm.

Năm 2001, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đạt được 17,5 tỉ USD, nhập khẩu 17,4 tỉ USD. Kế hoạch xuất nhập khẩu năm 2002 được Bộ Thương mại xác định : Xuất khẩu đạt 19,442 tỉ USD, tăng khoảng 11,1% so với năm 2001 (trong đó xuất khẩu dịch vụ 2,830 tỉ USD, tăng 18% ; xuất khẩu hàng hóa 16,61 tỉ USD, tăng 10% so với năm 2001) ; nhập khẩu đạt 19,032 tỉ USD, tăng 9,4% so với năm 2001 (trong đó, nhập khẩu hàng hóa 17,5 tỉ USD). Tuy nhiên, nhìn lại hoạt động xuất - nhập khẩu 6 tháng đầu năm 2002 có thể thấy *một số nét nổi bật sau* :

- Trị giá xuất nhập khẩu còn tăng chưa cao. Sáu tháng đầu năm 2002, kim ngạch xuất khẩu

hàng hóa chỉ đạt 7,25 tỉ USD, giảm 5,9% so với cùng kỳ năm 2001. Kim ngạch nhập khẩu đạt 8,4 tỉ USD, tăng 8% nhưng trong đó nhập khẩu của các doanh nghiệp trong nước chỉ đạt 5,4 tỉ USD, giảm 3,7%, của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 3 tỉ USD, tăng 38,4%. Điều này dẫn đến chênh lệch giữa xuất nhập khẩu 6 tháng đầu năm 2002 là 1 154 triệu USD, tương đương 15,9% trị giá xuất khẩu - mức nhập siêu cao nhất trong vòng 4 năm qua.

- Xuất khẩu tăng không đều giữa các mặt hàng chủ lực. Cụ thể, trong số 15 mặt hàng xuất khẩu chủ lực chỉ có 8 mặt hàng có trị giá xuất khẩu tăng so với cùng kỳ năm trước còn 7 mặt hàng lại giảm. Đó là giày dép đạt giá trị cao - 877 triệu USD, tăng 10,6% so với cùng kỳ năm trước. Hàng thủ công mỹ nghệ tuy trị giá xuất khẩu không cao nhưng có tốc độ tăng xuất khẩu nhanh nhờ mở rộng được thị trường, đạt 170 triệu USD, tăng 48,7%. Cao su đạt khối lượng xuất khẩu 172 ngàn tấn, với 88 triệu USD trị giá xuất khẩu, tăng 40% về số lượng và 25% về trị giá. Xuất khẩu điều đạt 24,2 ngàn tấn, với trị giá 80 triệu USD, tăng 35% về số lượng và 15% về trị giá, nhờ giá điều tăng khoảng 10% sau một thời gian bị suy giảm. Xuất khẩu được hơn 3 triệu tấn than đá, đạt trị giá 76 triệu USD, tăng cả về số lượng và trị giá khoảng 43%. Xuất khẩu chè và lạc đều tăng cao cả về số lượng và trị giá.

- Về 7 mặt hàng xuất khẩu bị giảm so với cùng kỳ năm trước. Dầu thô chỉ xuất được 8,53 triệu tấn, trị giá 1 482 triệu USD, giảm 2% về số lượng và 16,7% về trị giá, do giá xuất khẩu bị giảm 10,9% (180 USD/tấn). Hàng thủy sản đạt 816 triệu USD, giảm 2,4%, do giá thị trường liên tục hạ ; hàng điện tử đạt 226 triệu USD, giảm 28,4%. Gạo đạt 1,6 triệu tấn với 345 triệu USD, giảm 26,6% về số lượng,

còn trị giá thì giảm nhẹ (0,8%). Cà phê chỉ đạt 359 ngàn tấn với 137 triệu USD, giảm 33,8% về lượng và 45,6% về trị giá chủ yếu do chất lượng cà phê của Việt Nam còn thấp, tỷ lệ hạt đen, hạt vỡ cao (có khi tới 18%). Hàng rau quả cũng chỉ xuất được 107 triệu USD, giảm 45,6%, do điều kiện yếu kém của công nghệ chế biến và những hạn chế trong quá trình vận chuyển, bảo quản. Hồ tiêu tuy tăng được lượng xuất khẩu - 47 ngàn tấn, với 64 triệu USD nhưng giá trị giảm 12% do nhu cầu tiêu dùng trên thị trường giảm.

- Khá nhiều mặt hàng nhập khẩu đạt được mức tăng khá và hợp lý, đáp ứng nhu cầu trang thiết bị và nguyên liệu cho các ngành sản xuất, như nhập phôi thép 922 ngàn tấn để sản xuất thép cán; tăng nhập clinke cho sản xuất xi-măng; nhập khẩu ô tô và linh kiện lắp ráp ô tô tăng được 36% để thay thế số xe cũ nát và phương tiện vận tải công cộng ở hai thành phố lớn... Song, 4 mặt hàng nhập khẩu lại bị giảm là nguyên liệu cho ngành dệt may, linh kiện điện tử do xuất khẩu của hai ngành này giảm; nhập khẩu linh kiện lắp ráp xe gắn máy cũng giảm 34% (nhập được 333 ngàn bộ), do việc tiến hành sắp xếp lại các cơ sở lắp ráp và việc phân bổ chỉ tiêu nhập khẩu cho các doanh nghiệp này...

Nhìn chung, hoạt động xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2002 giảm sút bởi chỉ tính riêng 15 mặt hàng xuất khẩu chủ yếu đã chiếm gần 76% tổng kim ngạch xuất khẩu. Yếu tố giảm giá trên thị trường đã làm trị giá xuất khẩu giảm 193 triệu USD và yếu tố giảm khối lượng cũng đã làm giảm kim ngạch xuất khẩu 102 triệu USD. Ngoài ra, hàng ngàn mặt hàng xuất khẩu nhỏ, lẻ chiếm trị giá gần 24% mà những năm trước thường có tốc độ tăng trưởng xuất khẩu 30% nhưng năm nay giảm 4%. Tính chung, xuất khẩu giảm khoảng 335 triệu USD, trực tiếp kìm hãm tốc độ tăng trưởng kinh tế

của cả nước, bởi lĩnh vực này chiếm trên 45% tổng sản phẩm trong nước.

Vậy vì sao xuất khẩu 6 tháng đầu năm lại giảm? Theo các nhà phân tích, có nhiều yếu tố dẫn tới sự giảm sút đó.

Thứ nhất, kinh tế thế giới và kinh tế của các bạn hàng chủ yếu của nước ta đang tiếp tục trì trệ. Sức mua trên thị trường thế giới chững lại. Sự kiện ngày 11-9-2001 ở Mỹ có ảnh hưởng lớn đến lĩnh vực xuất khẩu của Việt Nam.

Thứ hai, mặc dù trong năm 2002 thị trường xuất khẩu của nước ta được mở rộng đáng kể nhờ ký thêm được nhiều hiệp định mới, công tác xúc tiến thương mại được đẩy mạnh, nhưng trong suốt thời gian qua giá nguyên liệu và nông sản trên thị trường thế giới có xu hướng giảm liên tục. Giá cả nhiều mặt hàng "đầu vị" của Việt Nam tiếp tục giảm.

Thứ ba, cơ cấu kinh tế của Việt Nam chưa hợp lý và đang trong quá trình chuyển đổi, theo đó cơ cấu hàng hóa xuất khẩu còn lạc hậu. Tỷ trọng xuất khẩu hàng thô còn rất cao, các sản phẩm xuất khẩu như hàng dệt may, giày dép chủ yếu là gia công nên hiệu quả thấp. Trong những năm cuối thập kỷ 90 của thế kỷ XX, xuất khẩu tăng nhanh là nhờ dầu mỏ, gạo, cà phê, thủy sản... Tuy vậy, sản lượng các mặt hàng này cũng không thể tăng nhanh liên tục. Đồng thời, nhu cầu của thị trường thế giới cũng không thể tăng nhiều. Trong khi đó, suốt hai kỳ kế hoạch 5 năm vừa qua, Việt Nam cũng chưa có thêm mặt hàng xuất khẩu mới, có trị giá cao và ổn định. Vì vậy, nhịp độ tăng trưởng xuất khẩu có chiều hướng giảm dần, từ mức tăng 25,2% (năm 1999), xuống 16% (năm 2000), năm 2001 chỉ tăng 4,5% và 6 tháng đầu năm nay lại giảm gần 6%.

Tuy vậy, bức tranh xuất khẩu của Việt Nam từ nay tới cuối năm chưa phải hoàn toàn ảm đạm, bởi vẫn có những dấu hiệu tích cực,

hy vọng xuất khẩu sẽ tăng trưởng. Đó là, các công ty, doanh nghiệp của Việt Nam sau những chuyển khảo sát các thị trường trọng điểm đã ký kết được hàng loạt hợp đồng mới. Chẳng hạn, Công ty mây tre Hòa Bình ký được hợp đồng xuất khẩu 29 000 sản phẩm, Công ty AQ SILK ký được hợp đồng xuất khẩu khăn quàng, ca-vát bằng tơ lụa. Tại U-crai-na, các doanh nghiệp Việt Nam ký được hợp đồng xuất khẩu hải sản, rau quả tươi, hàng nông sản chế biến, hàng thủ công mỹ nghệ, may mặc và một số hàng tiêu dùng trị giá khoảng 4,6 triệu USD. Đồng thời, hàng loạt biên bản ghi nhớ đã được ký kết giữa doanh nghiệp Việt Nam và đối tác nước ngoài, mở ra triển vọng xuất khẩu về hàng may mặc, đồ gỗ, thủ công mỹ nghệ, nông sản, thủy sản... Ở Áng-gô-la, Việt Nam cũng ký được biên bản ghi nhớ về việc hằng năm Việt Nam sẽ xuất khẩu từ 50 đến 100 nghìn tấn gạo cho nước này...

Thời gian qua, Chính phủ đã đề ra nhiều chính sách mới thông thoáng hơn để khuyến khích xuất khẩu, nhưng việc cụ thể hóa và triển khai chậm nên mức tăng trưởng xuất khẩu còn hạn chế. Kết quả xuất khẩu không khả quan của 6 tháng đầu năm 2002, đã làm cho tình hình thêm khó khăn, và nhiệm vụ đặt ra cho những tháng cuối năm trở nên rất nặng nề. Để đạt được mục tiêu đề ra, bình quân mỗi tháng từ nay đến cuối năm 2002, xuất khẩu cần đạt 1,6 tỉ USD (bình quân 6 tháng đầu năm chỉ đạt 1,2 tỉ, riêng tháng 6 đạt 1,4 tỉ). Muốn vậy, cần thực hiện các giải pháp sau :

1. Vấn đề quan trọng hàng đầu có ý nghĩa quyết định là, từng ngành hàng, doanh nghiệp, thành phần kinh tế phải thực hiện ngay các chủ trương đã ban hành. Chẳng hạn, ngành giày da, dệt may nhanh chóng nâng cao tỷ lệ sử dụng nguyên liệu trong nước (hiện nay mới chiếm 20%). Ngành nông sản, thủy sản phải đảm bảo an toàn thực phẩm, đặc biệt nhanh

chóng khắc phục dư lượng kháng sinh trong các sản phẩm xuất khẩu. Đối với các doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu nông sản, cần từng bước thực hiện chủ trương ký hợp đồng bao tiêu nông sản với nông dân. Đẩy mạnh sự ra đời của các sàn giao dịch hàng hóa tiếp theo các sàn giao dịch thủy sản và hạt điều. Sớm hình thành sàn giao dịch lúa gạo, chè, cà phê.

2. Vấn đề cốt tử là phải hạ chi phí đầu vào xuống mức hợp lý, trước hết là chi phí cho các dịch vụ vận tải, lệ phí cầu phà, bến cảng, kho tàng... nhằm giảm giá thành sản phẩm, đồng thời nâng cao chất lượng hàng hóa để tăng sức cạnh tranh trên thị trường xuất khẩu.

3. Thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong công tác xuất nhập khẩu, đơn giản hóa các thủ tục xét thường và hỗ trợ xuất khẩu.

4. Sớm cho ra đời ngân hàng xuất nhập khẩu và các hình thức bảo hiểm xuất khẩu. Tăng thêm vốn lưu động cho thu mua nguyên liệu chế biến rau quả xuất khẩu. Tăng mức đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho hoạt động xuất khẩu như kho bãi chứa hàng, phương tiện vận chuyển chuyên dùng...

5. Cần xem xét và đánh giá đầy đủ việc thực hiện các chiến lược phát triển của từng ngành hàng, lĩnh vực để kịp thời có những điều chỉnh nhằm đạt được mục tiêu ban đầu đề ra. Đặc biệt, cần gắn kết giữa quy hoạch ngành với địa bàn sản xuất, giữa doanh nghiệp nhà nước với doanh nghiệp các thành phần kinh tế khác trong toàn bộ quá trình sản xuất và xuất, nhập khẩu.

6. Đẩy mạnh các chương trình xúc tiến thương mại. Phát huy mạnh mẽ vai trò các hiệp hội ngành hàng trong việc phổ biến thông tin, tìm kiếm thị trường nhằm giúp các doanh nghiệp trong nước đẩy mạnh xuất khẩu, hoàn thành những mục tiêu xuất khẩu của năm 2002, chuẩn bị mọi điều kiện tốt nhất bước vào năm 2003. □



TRÀ VINH TIẾP TỤC CUỘC VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH

NGUYỄN THÁI BÌNH *

TRÀ Vinh là một tỉnh ở Tây Nam Bộ, điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn ; là một trong những tỉnh có đông đồng bào dân tộc Khơ me sinh sống. Nơi đây đã từng là mảnh đất kiên trung qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ ; nơi có Đền thờ Bác Hồ mà việc xây dựng, bảo vệ và sự tồn tại của Đền thờ đã trở thành huyền thoại, là niềm tự hào và là biểu tượng về cuộc đấu tranh giữ nước và dựng nước của Đảng bộ, quân, dân Trà Vinh.

Kinh tế Trà Vinh phát triển còn chậm so với các tỉnh trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Song, so với chính mình, 27 năm trước đây lại là một bước phát triển nhảy vọt. Bộ mặt nông thôn giờ đây đã thật sự thay đổi. Không còn hộ đói, số hộ nghèo từng bước giảm rõ rệt ; cơ cấu sản xuất ngày càng hợp lý ; 100% số xã đất liền có điện lưới quốc gia và đường ô tô thông suốt ; gần 50% ấp, khóm được công nhận ấp, khóm văn hóa ; truyền thống đoàn kết lương - giáo, nhất là đoàn kết dân tộc Kinh - Khơ me - Hoa ngày càng được củng cố và

phát huy tốt, an ninh chính trị trong tỉnh luôn được giữ vững, năng lực và sức chiến đấu của Đảng bộ được nâng lên theo yêu cầu nhiệm vụ mới...

Đặc biệt, ngay sau khi tái lập tỉnh (1992), Tỉnh ủy đã có đề án triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) về đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Các cấp ủy đảng trong tỉnh đã có nhiều biện pháp để kiện toàn nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Nếu năm 1996, toàn Đảng bộ có 72,75% cơ sở đảng đạt trong sạch vững mạnh và 4,88% cơ sở đảng yếu kém thì đến năm 2000 có 79,22% cơ sở đảng đạt trong sạch vững mạnh và cơ sở đảng yếu kém giảm còn 1,82%. Trong năm 1996, có 79,61% đảng viên xếp loại I thì đến năm 2000 tăng lên 81,77%. Từ năm 1996 đến năm 2000, các cơ sở đảng trong toàn Đảng bộ đã kết nạp được 6 272 đảng viên, chiếm 37,08% số đảng viên hiện có. Đi đôi với công tác phát triển

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Trà Vinh

đảng, Đảng bộ cũng đã coi trọng việc kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên, chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước ; cho đến nay đã thi hành kỷ luật bằng các hình thức đối với 705 đảng viên và xóa tên 220 đảng viên. Việc kỷ luật đúng người, đúng sai phạm đã không làm yếu Đảng bộ mà trái lại, góp phần nâng cao chất lượng tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên.

Bài học lớn nhất rút ra từ những thành tựu bước đầu rất quan trọng của Trà Vinh trên các lĩnh vực là chăm lo công tác xây dựng Đảng. Chính sự lớn mạnh của tổ chức cơ sở đảng và của đội ngũ đảng viên đã thật sự phát huy vai trò tiên phong trong nhận thức và hành động của cán bộ các cấp, các ngành trong tỉnh. Quá trình củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng cũng là quá trình tập trung được trí tuệ và sự đoàn kết, thống nhất của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ.

Nhận thức tầm quan trọng đó, sau khi tổng kết 5 năm (1996 - 2000) công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng, Tỉnh ủy Trà Vinh chủ trương tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh và nâng cuộc vận động này lên một tầm cao mới nhằm đáp ứng những nhiệm vụ to lớn của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay. Để cuộc vận động này đạt hiệu quả cao, cần tập trung vào các hướng lớn sau đây :

Thứ nhất, tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) về đổi mới, chỉnh đốn Đảng và Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII về thực hiện cuộc

vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng với phương châm phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, làm cho tổ chức đảng thật sự trong sạch vững mạnh. Đây là vấn đề quan trọng vừa có tính cấp bách vừa lâu dài, nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ VII.

Theo hướng này, trước hết tăng cường giáo dục chính trị và lãnh đạo tư tưởng, nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của cán bộ đảng viên đối với nhân dân và nhiệm vụ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh. Công tác lãnh đạo tư tưởng trong tình hình mới không chỉ là bảo vệ, kiên định lập trường chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh mà còn phải chủ động tấn công trước về mặt tư tưởng đối với các biểu hiện lệch lạc, phản động ; các âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch. Đây là công việc lâu dài của toàn Đảng bộ. Song, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Trường chính trị tỉnh, các cơ quan thông tin đại chúng phải là những lực lượng tiên phong trong vấn đề này. Gắn việc triển khai quán triệt sâu sắc Nghị quyết 03 của Tỉnh ủy về tăng cường công tác xây dựng Đảng và công tác vận động quần chúng (2001 - 2005) với việc triển khai Nghị quyết năm 2002 của Tỉnh ủy và các Nghị quyết tiếp theo của Trung ương và Bộ Chính trị.

Thứ hai, xây dựng đảng bộ cơ sở trong sạch vững mạnh là yếu tố hàng đầu quyết định hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ. Cụ thể là làm tốt công tác triển khai và xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 5

(khóa IX) "*Về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn*" làm cho các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở thật sự trong sạch vững mạnh, gắn bó mật thiết với nhân dân, đủ sức lãnh đạo thực hiện tốt công tác tổ chức và vận động nhân dân theo đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước ; phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, gắn với việc đảng viên tự phê bình trước nhân dân thành nền nếp thường xuyên ; qua đó, nâng cao uy tín của đảng viên, củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ cơ sở, tổ chức tốt cuộc sống cộng đồng dân cư.

Thứ ba, tiếp tục xây dựng đội ngũ đảng viên của Đảng bộ đông về số lượng, mạnh về chất lượng ; giáo dục cho đội ngũ đảng viên có tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường ; gương mẫu trong công tác, lao động, học tập và chiến đấu ; cần kiệm trong chi tiêu và đặc biệt phải thật sự trong sáng về lối sống, luôn có ý thức giữ gìn và phát huy truyền thống dân tộc ; mạnh dạn bảo vệ cái đúng. Kiên quyết đấu tranh phê phán cái sai ; xây dựng tinh thần đoàn kết, thống nhất trong nội bộ Đảng, làm hạt nhân xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Tình hình hiện nay, công tác phát triển đảng viên mới cần quan tâm hơn đối với đội ngũ trẻ, cán bộ khoa học kỹ thuật, công nhân trực tiếp sản xuất, nữ và nhất là đối với đồng bào dân tộc Khơ me. Ban Tổ chức Tỉnh ủy cùng các ban tham mưu của Đảng xây dựng các tiêu chuẩn cụ thể để làm cơ sở đánh giá, xét khen thưởng cho các cá nhân đảng viên xuất

sắc theo đúng định kỳ, tạo tiền đề cho phong trào thi đua trong toàn Đảng bộ.

Thứ tư, quan tâm chỉ đạo khâu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trước mắt và lâu dài, chú ý đào tạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật, nhất là đội ngũ cán bộ kế thừa, cán bộ tại chỗ, chuẩn bị đủ điều kiện đưa đi đào tạo, phải có hướng quy hoạch con người cụ thể, tránh quy hoạch chung chung. Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì phối hợp với các ngành liên quan làm tham mưu giúp Tỉnh ủy quy định tiêu chuẩn chính trị cho hệ thống chính trị ở cơ sở để hướng dẫn tổ chức thực hiện. Tổ chức tốt việc tổng kết công tác tổ chức cán bộ và xây dựng kế hoạch triển khai Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị về luân chuyển cán bộ, tạo bước chuyển mới về công tác cán bộ và đội ngũ cán bộ tỉnh đáp ứng yêu cầu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ từ nay cho đến hết nhiệm kỳ VII của Đảng bộ ; chuẩn bị tốt nhân sự cho đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ tới.

Thứ năm, tăng cường công tác kiểm tra các tổ chức đảng trực thuộc và cán bộ đảng viên trong các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt. Công tác kiểm tra là trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng và cá nhân cán bộ đảng viên ; thực hiện cấp trên kiểm tra cấp dưới, tập thể kiểm tra cá nhân. Yêu cầu của công tác kiểm tra phải thường xuyên, chủ động, kịp thời, chính xác và nghiêm minh. Nội dung kiểm tra phải toàn diện : về tổ chức thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước ; về việc chấp hành Điều lệ Đảng ; chấp hành nghiêm túc

nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đảng ; thực hiện nguyên tắc tổ chức xây dựng Đảng ; việc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác, quy chế làm việc... phải lấy việc đánh giá đúng thực trạng, tình hình làm thước đo công tác kiểm tra, từ đó có thể tổng kết được kinh nghiệm hay, mô hình mới để nhân rộng, phát hiện cán bộ có năng lực ; đồng thời, có biện pháp uốn nắn, sửa chữa kịp thời những yếu kém, sai phạm. Thực hiện tốt vấn đề này, chắc chắn sẽ thúc đẩy tích cực việc thực hiện các nội dung, tiêu chuẩn đảng bộ cơ sở trong sạch, vững mạnh.

Thứ sáu, tăng cường và đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp trên đối với cơ sở. Cơ quan lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể từ tỉnh đến huyện, thị xã phải đổi mới phương thức chỉ đạo và phong cách làm việc, không chỉ hướng dẫn, kiểm tra thực hiện chỉ thị, nghị quyết, chương trình, kế hoạch từ trên xuống chỉ trên hội nghị và qua giấy tờ mà yêu cầu cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh, huyện, thị xã phải đặc biệt quan tâm bám sát cơ sở để cùng tháo gỡ vướng mắc cho cơ sở, phát hiện, giúp đỡ, tổng kết những điển hình tốt, những sáng kiến của cơ sở, nhất là những vấn đề mới nảy sinh trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển văn hóa xã hội ; tổ chức đời sống nhân dân và các hoạt động của cấp cơ sở.

Tiếp tục cuộc vận động xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh hiện nay có tác dụng quyết định không chỉ sự vững mạnh của tổ chức đảng mà còn là sự vững mạnh của cả hệ thống chính trị. Với ý nghĩa đó, đây là công tác thường xuyên, lâu dài, nghiêm túc của tất cả những người cộng sản hiện nay. □

GHJ NHẬN Ở NAM ĐÔNG

PHẠM HIỆP

TRONG ký ức mọi người, các địa danh Nam Đông, A Sầu - A Lưới (tỉnh Thừa Thiên - Huế) đã đi vào lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước với những trang oanh liệt, tạo nên một niềm tin yêu và lòng ngưỡng mộ của cả dân tộc.

Đã lâu, không về xứ Huế miền Trung, vì vậy trong chuyến công tác này chúng tôi rất nóng lòng muốn giải tỏa một câu hỏi : Nam Đông bây giờ ra sao ? Đất anh hùng có lập công trong thời đổi mới ? Sau khi đến Huế một ngày, chúng tôi đã vượt rừng về thẳng huyện.

TỪ LỊCH SỬ TRUYỀN THỐNG...

Giữa mùa hạ, cái nắng nóng miền Trung bắt đầu tăng lên. Từ phía nam thành phố Huế, con đường 14 lượn theo dòng Tả Trạch men sườn núi phía đông Trường Sơn về huyện Nam Đông, giờ đây đã đổi khác. Đường đèo dốc, nối tiếp nhau bởi hàng trăm

khúc "cua tay áo", được trải nhựa, hai bên cây rừng phủ xanh ngút mắt, xóa đi dấu vết thương đau của một thời bom đạn chiến tranh. Cũng như cả dải đất miền Trung, Nam Đông chịu ảnh hưởng rõ rệt của gió mùa Đông Bắc và khí hậu nhiệt đới nên thường xuyên có mưa rào, giông bão, gió lốc trong giai đoạn chuyển tiếp từ mùa khô lạnh sang nắng nóng. Thời tiết rất khắc nghiệt. Thiên nhiên môi trường đã tạo cho người dân bản địa Nam Đông sức chịu đựng ngoan cường và bản lĩnh văn hóa đặc sắc. Trước ngày miền Trung hoàn toàn giải phóng, hơn 98% cư dân của huyện là người Cơ Tu. Tên tộc danh Cơ Tu (hay Ka Tu) có nghĩa rất giản dị : chỉ những cư dân sống nơi ngọn nguồn sông suối, rẻo cao. Người Cơ Tu sống thành từng làng (vil) có cấu trúc mật tập hình vành khuyên. Giữa khu cư trú thường có một ngôi nhà "Guol" mái vượn cao vút, hai đầu hồi tròn, mặt sàn rộng hàng trăm mét vuông, được tạo tác rất công phu. Đó là nơi sinh hoạt của cộng đồng, là biểu tượng tinh thần của làng và truyền thống văn hóa dân tộc ; là cơ sở để cố kết bền chặt các mối quan hệ và trao truyền, bảo lưu các giá trị văn hóa truyền thống.

Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, địa bàn Khe Sanh - A Sầu - A Lưới - Nam Đông thuộc chiến trường Trị - Thiên - Huế là vùng giáp ranh cực kỳ ác liệt, liên tục xảy ra tranh chấp giữa ta và địch. Đây là vùng chiến thuật 1, được Mỹ ngụy đặc biệt coi trọng, nhằm chiếm giữ, ngăn chặn lực lượng quân chủ lực của ta từ miền Bắc vào Nam. Làm chủ được vùng này, kẻ thù sẽ bảo đảm sự an toàn cho thành phố Huế, Đà Nẵng và Sài Gòn. Vì vậy, chúng thường tung các lực lượng biệt kích, thám báo và tổ chức nhiều

cuộc hành quân quy mô lớn từ Phú Bài theo đường 14 và từ Quảng Trị theo đường 12 để nóng lán và "bình định". Nhưng chưa lúc nào bọn Mỹ ngụy làm chủ được vùng đất cách mạng kiên cường này. Trung ương Đảng ta đã chỉ đạo rất sâu sát, coi đây là điểm tựa để giữ vững mối liên hệ với hậu phương miền Bắc, uy hiếp và bao vây kẻ thù, làm bàn đạp tiến công từ phía Tây xuống đồng bằng và thành phố. Trong một bức thư gửi Trung ương Cục và Quân ủy miền Nam ngày 18 tháng 1 năm 1968, đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đã nhấn mạnh : "Đứng chân vững chắc ở vùng núi và vùng giáp ranh là vấn đề hết sức quan trọng để thực hiện chiến lược tiến công có hiệu lực nhất". Trên thực tế, vùng giáp ranh Nam Đông là một "vùng lõm giải phóng" sớm, do ta thiết lập và làm chủ. Đây trở thành nơi nuôi dưỡng và tập kết các binh đoàn chủ lực, nơi tổ chức các đội công tác, đội vũ trang tuyên truyền của ta luôn sâu vào sau lưng địch để phát động quần chúng đấu tranh, làm công tác "binh vận" và làm tê liệt hoặc trung lập hóa kẻ địch ở thành phố và đồng bằng.

Nam Đông trong kháng chiến chống Mỹ còn là nơi đã giải quyết tốt việc nuôi quân, tăng gia sản xuất và làm công tác thương, bệnh binh... khi cuộc chiến đấu của quân và dân ta ở vào giai đoạn quyết liệt nhất. Từ đây, bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích, tự vệ và biệt động... của ta ém quân, tập hợp lực lượng trong mỗi chiến dịch lớn để đánh thắng địch bằng cả "hai chân", "ba mũi" và "ba vùng"⁽¹⁾. Trong cuộc

(1) "Hai chân" là đánh bại kế hoạch "bình định" bằng vũ trang và thắng địch bằng chiến tranh nhân dân ; "ba mũi" là chính trị, quân sự và binh vận ; "ba vùng" là vùng núi, nông thôn đồng bằng và thành thị - TG

chiến tranh khốc liệt ấy, người Cơ Tu Nam Đông đã phải rời bỏ làng bản của mình vào sâu trong rừng Trường Sơn hoặc ngược lên vùng cao miền Tây sinh sống và tìm mọi cách giúp bộ đội đánh địch như làm giao liên, vận chuyển lương thực, vũ khí đạn dược... dù cuộc sống có khổ ải và thiếu đói, họ vẫn không hề bị khuất phục trước đạn bom, lưỡi lê và họng súng cùng những bả vật chất của kẻ thù. Nhiều người đã lấy họ Hồ đặt cho mình và con cái để nhớ ơn vị lãnh tụ vĩ đại và tỏ chí bền gan chiến đấu. Kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, 5 xã gốc (hiện nay ở Nam Đông có 10 xã và một thị trấn, do sự chuyển cư sau ngày giải phóng) đều được Nhà nước phong tặng danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân". Đó là sự ghi nhận công trạng của đất và người Nam Đông đối với cách mạng và cũng là động lực giúp họ bước vào cuộc hành trình đầy gian truân - cuộc hành trình xóa cái đói nghèo, xây dựng hạnh phúc cho chính mình...

... ĐẾN THỜI KỲ ĐỔI MỚI

Thị trấn huyện Nam Đông là Khe Tre, nằm giữa một thung lũng được bao bọc bởi những cánh rừng có độ cao hàng nghìn mét. Đứng trên tầng cao ngôi nhà làm việc của huyện ủy, ta có cảm giác như với được tới rừng. Các cơ quan công sở của huyện và nhà ở của dân bám dọc ven đường 14 khá đông đúc. Tất cả đều tươi mới và đột khởi sức sống mạnh mẽ của một thị trấn ở vùng rừng. Bên cạnh những cửa hàng cửa hiệu buôn bán hàng công nghệ phẩm, vật liệu và đồ điện... là những nơi bày bán la liệt các sản phẩm của địa phương như chuối, rau quả, chè, hồ tiêu... và thực phẩm tươi sống. Hàng hóa ở nhiều điểm tập kết đang chờ để được chuyển lên xe xuôi về thành phố,

Nam Đông thật rộn rã tất bật trong cơ chế thị trường.

Mặc dù đang phải chủ trì một hội nghị quan trọng của cán bộ chủ chốt trong huyện nhưng Bí thư Huyện ủy Hồ Trọng Kinh vẫn tranh thủ đến làm việc với đoàn chúng tôi. Anh cởi mở chân tình, tác phong nhanh nhẹn hoạt bát và xông xáo, đặc biệt tiếng cười sáng khoái. Đồng chí trưởng đoàn công tác của chúng tôi mở đầu cuộc tiếp xúc và làm việc bằng câu bình luận rất thật : Không biết ở các làng bản vùng nông thôn huyện Nam Đông thế nào, nhưng thị trấn của các anh đẹp quá ! Khó hình dung được trước đây vùng này là một chiến trường ác liệt. Đồng chí Bí thư cười lớn xòe hai bàn tay ra trước chúng tôi và nói : đường nhựa về đến trung tâm cả 10 xã, đẹp như đường trên huyện. 100% số xã trong huyện đã có điện lưới quốc gia, hơn 80% hộ gia đình dùng điện cho sản xuất và sinh hoạt. Các mặt kinh tế xã hội ở Nam Đông bây giờ so với trước đã gấp trăm lần, gấp nghìn lần rồi.

Chúng tôi hiểu rằng, mức độ "trăm lần" và "nghìn lần" mà anh nói ở đây chỉ là một sự ước lệ để nhấn mạnh những thành tựu mà Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Nam Đông đạt được, nó đang hiện hữu trong đời sống hôm nay. Trước đây, dù có giàu trí tưởng tượng đến mấy, người ta cũng chưa thể hình dung nổi. Trò chuyện với chúng tôi, đồng chí Bí thư Huyện ủy không dùng báo cáo, sách vở hoặc một thứ tài liệu hỗ trợ nào. Hỏi đến đâu, anh nói đến đó, cái gì cũng chính xác và rành rẽ. Sống và chiến đấu trên mảnh đất này cho đến sau ngày giải phóng ; trở thành cán bộ chuyên môn rồi được bầu làm Bí thư Huyện ủy như hiện nay, anh Hồ Trọng Kinh thấu hiểu được mọi nỗi khó khăn nhọc nhằn của người dân

và anh đã dần thân thực sự đóng góp vào những thành tựu đổi mới của quê hương ; thành tựu đó có thể khái quát mấy điểm :

Thứ nhất, *Nam Đông đã căn bản giải quyết được vấn đề lương thực, chấm dứt được nạn thiếu đói triền miên trước đây.* Năm 1990, sau 12 năm sát nhập với huyện Hương Phú (cùng tỉnh), Nam Đông được chia tách trở về đơn vị hành chính cũ gồm 10 xã và một thị trấn. Vào thời điểm ấy, hơn 90% số dân vẫn trong tình trạng đói nghèo, túng bần. Mỗi năm nhân dân ở vùng nông thôn thiếu ăn đến 6 tháng. Người ta chỉ còn biết loay hoay vào rừng thu hái sản phẩm tự nhiên và khai thác gỗ củi để bán lấy tiền. Truyền thống canh tác của người Cơ Tu từ xưa là du canh. Nương rẫy có được theo hình thức phát đốt và chọc lỗ, tra hạt. Họ chưa hề biết làm ruộng nước và làm vườn, nên việc định canh định cư đối với đồng bào thật sự là một trở ngại. Vì tin yêu Đảng nên cán bộ nói gì, bà con cũng nghe theo. Từ năm 1973, bà con Cơ Tu trở về định cư ở làng cũ để giữ đất chống địch lấn chiếm. Vì vậy, tình trạng thiếu đói triền miên của dân như càng đè nặng thêm trách nhiệm lên vai lãnh đạo địa phương. Huyện phải bằng mọi cách vừa tranh thủ sự trợ giúp của tỉnh, vừa nhanh chóng sắp xếp các hộ, các làng kinh tế mới của người Kinh lên định cư, cho ở xen kẽ với người Cơ Tu. Tuyên truyền vận động và xây dựng mối quan hệ đoàn kết giúp đỡ học tập nhau về cách thức làm ăn. Cán bộ huyện về tận thôn bản hướng dẫn bà con khai hoang vỡ hóa, làm thủy lợi, chọn mặt bằng để làm ruộng nước ; cày bừa dùng sức kéo trâu bò, bón phân, gieo mạ cấy lúa, làm cỏ, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào việc thâm canh... cải tạo đất vườn, đưa cây giống, con giống về giúp nông dân tăng gia,

làm chuồng trại và từng bước tạo ra các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp... Từ chỗ chưa biết đến các kỹ thuật canh tác ruộng nước, đến năm 2001 Nam Đông đã có 683 héc-ta ruộng trồng lúa nước, trong đó 350 héc-ta ruộng cấy ổn định hai vụ, năng suất đạt 5 tấn, có xã như Hương Phú đạt 6 tấn thóc/ha. Sản lượng lương thực năm 2001 trong toàn huyện đạt 3 008 tấn.

Với đặc thù là một huyện miền núi, trong tổng số diện tích đất là 65 051, 8 héc-ta thì 64,28% là đất lâm nghiệp, trong đó mật độ che phủ rừng tự nhiên ở Nam Đông chiếm tỷ lệ khá cao (95,58%)⁽²⁾. Chỉ tính từ năm 1996 đến năm 2000, diện tích rừng trồng ở Nam Đông đã tăng từ 1 159 héc-ta lên 1 892 héc-ta. Nhưng đất nông nghiệp lại rất ít, chỉ chiếm khoảng 5% tổng diện tích. Việc giao đất, giao rừng với mức quản lý phí cho nông dân là 50 000 đ/ha mỗi năm không thể là cứu cánh để giải quyết vấn đề lương thực. Huyện đã chủ trương ngoài trồng lúa, Nam Đông đẩy mạnh trồng màu như ngô, khoai, sắn và các loại cây họ đậu. Ngoài ra còn một diện tích 1 362 héc-ta đất trồng các loại cây công nghiệp có giá trị như cao su, chè, hồ tiêu, cà phê, ở một số xã như Hương Lộc, Hương Phú, Hương Hòa trồng các loại cây công nghiệp ngắn ngày đã đạt được giá trị thu nhập từ 25 đến 30 triệu đồng một năm trên một héc-ta gieo trồng.

Vùng cây ăn quả có diện tích 380 héc-ta trồng các loại : chuối, cam, chanh, dứa, mít và một số rau màu khác. Như vậy, từ chỗ đời sống dựa vào du canh du cư, dựa vào rừng với một phương thức sản xuất tự cấp tự túc, huyện đã thực hiện một cuộc

(2) Nguồn : Báo cáo của UBND huyện Nam Đông và Đại học Huế

cách mạng thực sự về nông nghiệp, phân vùng với các cơ cấu mới : rừng, vùng cây công nghiệp, vùng trồng lúa thâm canh, vùng trồng cây ăn quả có giá trị hàng hóa. Nhiều mô hình vườn chuyên canh như ở xã Thượng Lộ, Thượng Nhật đã hình thành và đang được nhân rộng... giúp người nông dân có thu nhập khá, khắc phục hẳn tình trạng thiếu đói lương thực mà từ xưa chỉ là niềm mơ ước của người dân.

Thứ hai, *các công trình hạ tầng ở cơ sở (đường giao thông, đường điện, trường học, trạm y tế xã) đã được giải quyết căn bản.* Hệ thống giao thông nông thôn trong huyện được xây dựng và hoàn thiện đến tận các làng, bản đã nâng cao năng lực và tốc độ vận chuyển hàng hóa, đi lại thuận lợi là yếu tố thu hẹp dần sự cách biệt giữa nông thôn Nam Đông với thành thị. Ở 100% số xã trong huyện có đủ trường học kiên cố, cao tầng. Sự nghiệp giáo dục phát triển mạnh. Tính chung trong toàn huyện cứ 3,5 người dân thì có một người đi học, 95% trẻ em đến độ tuổi đã được huy động đến lớp ; nhu cầu về học tập phổ thông và học nghề tăng lên không ngừng. Đã có hàng chục kỹ sư nông lâm, bác sĩ, giáo viên và thợ lành nghề là người địa phương tốt nghiệp các trường đại học và chuyên nghiệp trở về quê hương công tác. Nhờ có hệ thống trạm y tế hoàn chỉnh ở các xã, nên việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân được thực hiện chu đáo. 4/10 xã đã có bác sĩ, các xã còn lại đều có thầy thuốc trình độ y sĩ làm việc ở trạm y tế phục vụ khám, chữa bệnh cho nhân dân. Mạng lưới y tế từ huyện đến cơ sở hoạt động rất hiệu quả, kịp thời giải quyết các ca khó về y tế. Công tác y tế dự phòng bảo đảm chăm sóc sức khỏe và ngăn ngừa không để các bệnh xã hội, nạn dịch xảy ra. Trung tâm

y tế và bệnh viện huyện có hơn 50 giường bệnh. Các thầy thuốc ở bệnh viện có trình độ khá, cơ bản giải quyết điều trị và phẫu thuật cho người bệnh mà chỉ cách đây ít năm, hầu hết các bệnh nhân đều phải chuyển đi tuyến tỉnh và Trung ương. Gần đây, huyện rất chú trọng đến việc thực hiện sự bình đẳng về khám, chữa bệnh cho nhân dân bằng cách hỗ trợ cho các gia đình nghèo. Theo tiêu chí mới, số hộ nghèo ở huyện Nam Đông còn gần 30% nhưng họ đều được quan tâm giảm hoặc miễn tiền viện phí, được cung cấp thêm thuốc men khi phải đến bệnh viện.

Thứ ba, *hệ thống chính trị ở huyện và cơ sở được củng cố vững chắc*, đặc biệt là tổ chức cơ sở đảng. Tại 6 xã, thị trấn thuộc địa bàn cũ của dân tộc Cơ Tu đã có đảng bộ và các chi bộ thôn.

Đảng bộ và các chi bộ cấp cơ sở thực sự đã phát huy được vai trò tiên phong và là hạt nhân chính trị lãnh đạo, chỉ đạo các nhiệm vụ kinh tế xã hội ở địa bàn và triển khai thực hiện có kết quả các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, phát triển kinh tế, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội. Nhiều năm liên tục các đảng bộ, chi bộ khu vực này đạt danh hiệu "trong sạch, vững mạnh". 5 xã còn lại là các xã cư trú xen ghép trên địa bàn huyện lên xây dựng kinh tế mới ở miền núi nên chỉ mới có chi bộ. Việc phát triển đảng viên đối với các đối tượng này khó khăn hơn do nhiều nguyên nhân lịch sử để lại. Tuy vậy, vai trò lãnh đạo của các chi bộ cũng không bị buông lơi. Mọi người dân đều được giáo dục, xây dựng ý thức chính trị và tinh thần dân chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nhân dân rất tích cực tham gia các hoạt động xã hội, đoàn kết

và tự giác chấp hành các chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Nam Đông cũng là một huyện được tỉnh Thừa Thiên - Huế đánh giá tốt về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở sớm và có cách làm sáng tạo, đạt kết quả cao, củng cố mối quan hệ giữa dân với Đảng, Nhà nước và các tổ chức đoàn thể quần chúng ở địa phương. Qua thực hiện điểm ở xã Hương Hữu, rồi triển khai ra các xã, thị trấn và các cơ quan trong huyện, tạo thành một hình thức sinh hoạt chính trị rất có ý nghĩa ở địa phương, giữ vững niềm tin vốn có của nhân dân đối với Đảng và Bác Hồ. Ở Nam Đông không có hoạt động tôn giáo chính thống. Đồng bào Cơ Tu chỉ có những sinh hoạt tín ngưỡng dân gian đan xen với các hoạt động văn hóa lễ hội cộng đồng hằng năm. Đồng bào chỉ thờ Bác Hồ là một thói quen từ khi đất nước còn chia cắt, đến nay đã thành truyền thống.

Cùng với sự phát triển về kinh tế, đời sống văn hóa tinh thần của đồng bào các dân tộc ở Nam Đông cũng được nâng cao. Xã nào cũng có đội văn nghệ hoạt động đều trong các ngày lễ, ngày tết. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", đã triển khai ở tất cả các xã và các cơ quan trong huyện. Năm 2001, tỉnh đã công nhận một làng và một cơ quan là đơn vị văn hóa. 65% các thôn làng và cơ quan đăng ký xây dựng làng, cơ quan văn hóa trong năm 2002. Có bốn xã đã xây dựng được nhà Gươl - nhà văn hóa. Bình quân trong huyện cứ 100 người dân có một máy điện thoại ; 90% hộ gia đình có máy thu hình. Tại trung tâm huyện, được sự trợ giúp của Bộ Văn hóa - Thông tin và tỉnh Thừa Thiên - Huế, Nam Đông đã xây dựng một ngôi nhà Gươl

trị giá hơn 800 triệu đồng. Ngôi nhà trở thành biểu tượng văn hóa truyền thống của nhân dân được khôi phục và gìn giữ. Không gian này rộng lớn sẽ là nơi người Cơ Tu biểu hiện sức mạnh văn hóa của mình.

Trên thực tế, thành tựu về các mặt kinh tế - xã hội mà Nam Đông giành được chỉ diễn ra trong hơn một thập kỷ. Từ điểm xuất phát rất thấp, nhưng với sự đồng lòng của tập thể lãnh đạo từ huyện ủy, ủy ban nhân dân và các đoàn thể quần chúng đã củng cố được niềm tin đối với dân. Biết chọn khâu đột phá từ vấn đề bức xúc nhất của địa phương làm cơ sở cho việc thực hiện các mục tiêu khác, tạo đà phát triển ; cơ cấu kinh tế đã được chuyển đổi, đạt tỷ trọng : nông - lâm nghiệp 44,5% ; công nghiệp - xây dựng 20,5% và thương nghiệp - dịch vụ 35%. Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 7,2% (năm 2001). Chính vì vậy, Nam Đông đã nhanh chóng dứt khỏi đói nghèo tạo nên gương mặt mới hôm nay.

Trước mắt, Nam Đông còn phải đối diện với nhiều khó khăn và thách thức : vấn đề xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật có đủ năng lực và uy tín ; vấn đề mở rộng diện tích đất canh tác và trồng rau màu tăng sản lượng và tăng hệ số sử dụng đất trong khi quỹ đất cho sản xuất đang hạn hẹp ; vấn đề giải quyết thị trường cho các sản phẩm nông nghiệp và các loại cây công nghiệp như chuối, mía, chè, cà phê và cao su... nhằm tăng giá trị thu nhập cho nông dân... Có thể đó không phải là vấn đề của riêng Nam Đông, của riêng Thừa Thiên - Huế mà là của nhiều vùng nông thôn miền núi khác trên đất nước ta. Nhưng với Nam Đông, con tàu đã trên đường ray và chuyển bánh nhằm phía trước, Nam Đông đang xóc tới. □



ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG NHÂN DÂN CÁCH MẠNG LÀO

VI-LAY-VAN PHOM-KHE *

SAU khi hoàn toàn được giải phóng ngày 2-12-1975, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân (CHDCND) Lào được thành lập, nhân dân các bộ tộc Lào đã thật sự làm chủ đất nước, một đất nước có độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. CHDCND Lào đã bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên phát triển và tiến bộ xã hội.

Trong thời kỳ đổi mới, với tư cách là đảng cầm quyền, Đảng Nhân dân Cách mạng Lào đã lãnh đạo toàn bộ nhân dân Lào phát huy truyền thống cần cù, sáng tạo trên tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là : xây dựng và bảo vệ đất nước. Trong những năm đầu xây dựng, phát triển đất nước, Đảng, Nhà nước và nhân dân Lào gặp rất nhiều khó khăn, bởi kẻ thù và các thế lực đối lập đã gây áp lực với mục đích tiêu diệt lực lượng cách mạng, bao vây về kinh tế, nhiều dự án phải bắt đầu từ số không ; nhân dân chủ yếu sống dựa vào thiên nhiên ; sản xuất hàng hóa tiêu dùng còn yếu ; cơ sở hạ tầng giao thông - vận tải, bưu chính, nông - lâm nghiệp, công nghiệp còn yếu kém và lạc hậu ; lạm phát cao ; mức sống của cán bộ, công nhân viên chức và nhân dân còn thấp.

Mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức quyết liệt, trong thập kỷ đầu sau ngày đất nước được hoàn toàn giải phóng, Đảng Nhân dân Cách mạng Lào đã lãnh đạo nhân dân toàn quốc đập tan âm mưu phá hoại và bao vây của các thế lực đối lập để bảo vệ

độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ một cách vững chắc ; bảo đảm an ninh, trật tự xã hội ; hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân được thành lập đồng bộ và được củng cố ngày càng vững chắc từ trung ương đến địa phương. Với tinh thần cần cù của nhân dân các bộ tộc Lào và sự giúp đỡ to lớn của bạn bè quốc tế, CHDCND Lào đã từng bước hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục nền sản xuất, phát triển văn hóa và từng bước cải thiện đời sống nhân dân. Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào tuy còn non trẻ nhưng đã được nhiều nước biết đến và dần dần có vai trò trên trường quốc tế, đã vượt qua những thử thách quyết liệt và sự bao vây của bên ngoài.

Trong những năm 80 của thế kỷ XX, nắm vững tình hình thực tế và yêu cầu của sự phát triển khách quan, qua việc tìm hiểu và nghiên cứu kinh nghiệm của các đảng anh em, Đảng Nhân dân Cách mạng Lào đã sớm đề xuất và quyết tâm thực hiện đường lối đổi mới từng bước một cách có nguyên tắc và phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội của đất nước. Cụ thể là :

- Đảng đã củng cố quan điểm và xây dựng nhận thức đúng đắn về tính chất cách mạng ở Lào trong thời kỳ mới, khắc phục tư duy chủ quan nóng vội không quan tâm đến tổ chức hoạt động thực tiễn ; đã xác định bước đi

* Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào tại Việt Nam

phù hợp bằng cách bắt đầu đổi mới trong lĩnh vực kinh tế ; vận dụng cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của các thành phần kinh tế gắn liền với sự mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế và thu hút nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài.

- Đảng đã giải quyết mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị một cách hài hòa, đó là tập trung đổi mới kinh tế, củng cố đời sống của nhân dân gắn liền với sự củng cố thể chế chính trị trên cơ sở nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng.

- Đảng đã kết hợp hài hòa công việc đổi mới với sự phát triển và giữ gìn trật tự an ninh xã hội ; lấy sự nghiệp đổi mới làm cơ sở để tiếp tục thúc đẩy sự phát triển toàn diện của đất nước.

Với những nội dung trên, mặc dù tình hình thế giới có những biến động nhanh chóng và bất lợi, nhưng sự nghiệp đổi mới của đất nước Lào vẫn đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Trải qua quá trình xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, và trong 15 năm đổi mới, trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VII Đảng Nhân dân Cách mạng Lào (3-2001), *những thành tựu đã đạt được là :*

- Khai thác và vận dụng từng bước sức mạnh tổng hợp của nhân dân các bộ tộc vào công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước, chế độ mới, chế độ dân chủ nhân dân ; bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ một cách vững chắc ; bảo đảm an ninh và trật tự xã hội ; quyền dân chủ nhân dân đã được mở rộng cả về pháp luật và trong thực tiễn ; nhân dân các bộ tộc Lào đoàn kết chặt chẽ và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và tương lai tươi sáng của đất nước ; thể chế chính trị dân chủ nhân dân từ trung ương đến địa phương đã được thiết lập và củng cố vững chắc ; hệ thống pháp luật, pháp lý đã được phát triển đồng bộ và từng bước trở thành công cụ đảm bảo quyền lợi của nhân dân.

- Đảm bảo sự tăng trưởng kinh tế liên tục với mức trung bình 6,2%/năm. Nổi bật nhất là

hệ thống công trình thủy lợi đã được xây dựng ở nhiều nơi, làm cho diện tích lúa vụ chiêm năm 2001 tăng ba lần so với năm 1995, sản lượng lương thực hàng năm của cả nước đã đáp ứng nhu cầu trong nước và có dự trữ. Đồng thời, cơ sở vật chất - kỹ thuật trong nhiều lĩnh vực kinh tế đã được xây dựng, thúc đẩy xu hướng phát triển kinh tế trong giai đoạn mới.

- Trong phát triển văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục, thể thao, xây dựng các chế độ chính sách và đào tạo tài nguyên con người đã có những cố gắng tích cực và đạt được những tiến bộ mới.

- Tích cực quán triệt thực hiện đường lối đối ngoại hòa bình, độc lập, hữu nghị hợp tác và tranh thủ được sự giúp đỡ, ủng hộ quốc tế ngày càng nhiều. Quan hệ hữu nghị với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, mối quan hệ đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện với Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ngày càng phát triển vững chắc. Lào đã trở thành thành viên chính thức của ASEAN, góp phần tích cực trong hoạt động của ASEAN. Thiết lập mối quan hệ hợp tác tốt đẹp và giải quyết các vấn đề với các nước láng giềng trên tinh thần hiểu biết và tin tưởng lẫn nhau. Tăng cường quan hệ hợp tác với các nước công nghiệp phát triển trong nhiều lĩnh vực. Ngoài ra, với tư cách là thành viên của Liên hợp quốc, CHDCND Lào đã có những đóng góp tích hợp vào hoạt động của Tổ chức Liên hợp quốc và các tổ chức quốc tế vì hòa bình, ổn định, hợp tác phát triển.

Cho đến nay, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào không những không ngừng phát triển mà còn ổn định về mặt chính trị và trật tự an ninh xã hội ; cơ sở hạ tầng đã được xây dựng ; đời sống của cán bộ, công nhân viên chức và nhân dân các bộ tộc Lào được nâng cao từng bước.□

Hội thảo : Về chức năng , nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng trong các trường học ngoài công lập

Vừa qua, tại thành phố Hải Phòng, Ban Tổ chức Trung ương Đảng đã tổ chức hội thảo chuyên đề : **về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng trong các trường học ngoài công lập** (trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề,...). Tham gia hội thảo gồm có : lãnh đạo và các vụ chức năng của Ban Tổ chức Trung ương ; đại diện các bộ, ban, ngành ở trung ương ; đại diện một số sở giáo dục và đào tạo ; lãnh đạo ban tổ chức một số tỉnh, thành ủy ; các đồng chí bí thư cấp ủy, hiệu trưởng, chủ tịch hội đồng quản trị các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề ngoài công lập các tỉnh miền Bắc.

Tại hội thảo, các đại biểu đã báo cáo, thảo luận, khẳng định những việc làm được và chỉ ra những yếu kém, bất cập của tổ chức đảng trong các trường ngoài công lập.

Theo báo cáo của các tỉnh, thành phố, hiện nay trong số 207 trường ngoài công lập của cả nước chỉ có 101 trường có tổ chức đảng ; 23 trường chưa đủ số đảng viên để thành lập chi bộ ; 83 trường chưa có đảng viên. Toàn bộ 23 trường đại học, cao đẳng ngoài công lập đều có tổ chức đảng. Trong 26 trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề thì phần lớn mới được thành lập với quy mô nhỏ và hầu hết chưa có tổ chức đảng. Tỷ lệ đảng viên so với tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên trong các trường ngoài công lập là 12,7% (696/5 449 người) ; riêng số đảng viên trong các trường đại học, cao đẳng là 17,5% (347/1 976 người). Phần lớn đảng viên ở các trường ngoài công lập có tuổi đời và tuổi đảng cao, nhiều người có học hàm, học vị, đã từng giữ các chức vụ quan trọng trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước ; có kinh nghiệm lãnh đạo, quản lý, giảng dạy.

Tuy là một loại hình mới nhưng các tổ chức đảng trong nhiều trường bước đầu đã có những hình thức hoạt động hiệu quả, thiết thực. Tổ chức đảng đã tham gia lãnh đạo nhà trường thực hiện nhiệm vụ chuyên môn bảo đảm đúng đường lối, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhiều cấp ủy đảng đã xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác giáo dục chính trị tư tưởng, công tác chuyên môn, tham gia ý kiến với nhà trường về thu, chi tài chính ; nhất là chú trọng phát huy tinh tiên phong, gương mẫu của những đảng viên giữ trọng trách trong ban giám hiệu, trong hội đồng quản trị ; giữ vững nguyên tắc sinh hoạt đảng, phát triển đảng trong đội ngũ cán bộ, giáo viên và sinh viên. Nhiều trường đã xây dựng được tập thể cấp ủy vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn. Ở nhiều trường, quan hệ và sự phối hợp giữa tổ chức đảng với hội đồng quản trị, với hiệu trưởng được duy trì tốt trong việc thực hiện mục tiêu chung là xây dựng, phát triển nhà trường theo đúng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Tuy nhiên, còn không ít cấp ủy cấp trên quản lý chưa thống nhất. Các đoàn thể quần chúng tuy được tổ chức nhưng hoạt động còn hạn chế, thậm chí có những trường chưa có cấp ủy đảng lãnh đạo. Hoạt động tham gia lãnh đạo của các tổ chức đảng trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, công tác tổ chức cán bộ, xây dựng đoàn kết nội bộ, công khai tài chính, phân phối thu nhập còn không thống nhất và rất lúng túng. Vai trò hạt nhân chính trị của tổ chức đảng còn mờ nhạt, ở nhiều nơi buông lỏng công tác lãnh đạo của tổ chức đảng. Nhiều đảng viên làm hợp đồng, tinh thần đấu tranh kém, ngại va chạm, làm việc thụ động. Một số đảng viên nắm giữ chức vụ quản lý chủ chốt nhưng lại không sinh hoạt đảng tại nhà trường, gây nhiều khó khăn cho công tác quản lý cán bộ, đảng viên. Một số cấp ủy, đảng viên chưa quan tâm, nhiều đảng viên không thiết tha với việc thành lập tổ chức đảng trong các trường ngoài công lập... Trong khi Luật Giáo dục, Quy chế hoạt động của các trường đại học dân lập do Nhà nước ban hành đều quy định việc thành lập các tổ chức đảng, đoàn thể quần chúng trong nhà trường và hoạt động theo điều lệ của mỗi tổ chức đảng trong nhà trường thì quy chế tổ chức, hoạt động của nhà trường ngoài công lập do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành lại không quy định việc thành lập tổ chức đảng và đoàn thể quần chúng hoạt động trong nhà trường, là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn tới tình trạng trên.

Qua trao đổi, thảo luận, hội thảo đã nhất trí một số nội dung cốt yếu sau đây :

- Khẳng định chủ trương xã hội hóa giáo dục của Đảng, Nhà nước ta là đúng đắn, phù hợp. Dù trường công lập hay ngoài công lập đều nhằm mục đích xây dựng nguồn lực con người cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Vấn đề sở hữu trong các trường ngoài công lập là sở hữu tập thể, tự quản nhưng phải bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước. Khẳng định tinh cấp thiết phải có tổ chức đảng trong tất cả các trường ngoài công lập. Phương thức hoạt động của các tổ chức đảng là thông qua vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên, bằng tuyên truyền, vận động, thuyết phục. Tổ chức đảng phải là hạt nhân chính trị, lãnh đạo nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục của Đảng.

- Việc lãnh đạo công tác chính trị, tư tưởng là nhiệm vụ trọng tâm của tổ chức đảng trong nhà trường. Thực hiện tốt việc quán triệt, chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết của Đảng ; giáo dục, kiểm tra việc chấp hành đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

- Tăng cường công tác quản lý đảng viên, quan tâm công tác phát triển Đảng. Đảng viên hoạt động cơ hữu trong nhà trường phải sinh hoạt đảng tại trường, phấn đấu để tất cả các trường đại học, cao đẳng có đảng bộ ; các trường trung học chuyên nghiệp, dạy nghề có chi bộ đảng.

- Xây dựng quy chế, xác định rõ mối quan hệ giữa cấp ủy đảng với chủ tịch hội đồng quản trị, với hiệu trưởng nhà trường.

- Cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng trong các trường ngoài công lập là quận, huyện ủy hoặc tỉnh ủy, thành ủy. Tổ chức đảng trong các trường phải có tiếng nói với cơ quan quản lý cấp trên về thực hiện nhiệm vụ chính trị, về đội ngũ cán bộ chủ chốt trong nhà trường.

- Đề nghị Trung ương sớm có quy định, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đảng trong các trường ngoài công lập để trên cơ sở đó các trường cụ thể hóa cho phù hợp với đặc điểm, tình hình của từng trường cụ thể. □

PV

CÁCH NHẬN DẠNG THÉP CÁN CỦA TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM VIETNAM STEEL CORPORATION

91 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội - Tel: 8.561778 - 8.561793 - Fax: 8.561815

Hãy tìm đến các cửa hàng hoặc đại lý bán thép của các đơn vị thuộc Tổng Công ty Thép Việt Nam (VSC), Quý khách sẽ hoàn toàn yên tâm với chất lượng công trình xây dựng của mình.

Tổng Công ty Thép Việt Nam theo yêu cầu của Quý khách hàng có thể đáp ứng các sản phẩm thép sản xuất theo các tiêu chuẩn: TCVN (Việt Nam), ASTM (Mỹ), JIS (Nhật Bản), GOST (Nga) và BS (Vương quốc Anh).

Tính ổn định về chất lượng thép được đảm bảo bởi: Hệ thống quản lý chất lượng của nhà máy sản xuất thép cán thuộc Tổng Công ty Thép Việt Nam đã được công nhận đạt tiêu chuẩn quốc tế ISO - 9002.

Để khách hàng nhận dạng được và không nhầm lẫn với thép cốt bê tông do tư nhân sản xuất đang lưu hành trên thị trường, trên mỗi cây thép của từng Công ty sản xuất, chúng tôi đều có in nổi ký hiệu sau:

TT	Tên công ty (tên loại thép)	Ký hiệu trên cây thép	Khoảng cách giữa 2 ký hiệu trên cây thép
1	Công ty Thép miền Nam (Thép Miền Nam)	V	950 ÷ 1.050 mm
2	Công ty Gang thép Thái Nguyên (Thép Thái Nguyên) + Thép thanh tròn trơn và vằn CII + Thép thanh vằn CII	TISCO (ngiêng 15°) Thêm số 3 giữa 2 ký hiệu TISCO	800 ÷ 1.100 mm
3	Công ty Thép Vinakyoei (Thép Việt - Nhật)		1000 ÷ 1.162 mm
4	Công ty Thép VSC-POSCO (Thép Việt - Hàn)	VPS (ngiêng 60°)	1000 ÷ 1.200 mm
5	Công ty Thép Vinausteel (Thép Việt - Úc)	VK V - UC	930 ÷ 1050 mm
6	Công ty Thép Nasteelvina (Thép Việt - Sinh)	≥ S >	820 ÷ 880 mm
7	Nhà máy Cán thép miền Trung (Thép miền Trung)	MT (ngiêng theo gân)	840 ÷ 870 mm
8	Công ty Thép Tây Đô		



CIENCO 625

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 6 - CIENCO 6
CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 625

CIENCO 625

Giám đốc : Kỹ sư LÊ CẦN AN



LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG :

Công ty Tư vấn Xây dựng Công trình 625 là doanh nghiệp nhà nước thuộc Tổng Công ty Xây dựng Công trình 6 Bộ Giao thông vận tải chuyên về các lĩnh vực :

- ▣ Lập dự án đầu tư các công trình đường bộ, đường sắt, đường thủy, cầu, bến cảng, sân bay, nhà ga và các công trình công nghiệp và dân dụng, v.v.
- ▣ Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn và môi trường các công trình xây dựng.
- ▣ Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của đất đá, nền móng, vật liệu xây dựng, hóa nước, v.v.
- ▣ Thiết kế và lập tổng dự toán các công trình đường bộ, đường sắt, đường thủy, cầu, bến cảng, sân bay, nhà ga và các công trình công nghiệp và dân dụng, v.v.
- ▣ Thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế kỹ thuật các công trình giao thông, công nghiệp và dân dụng.
- ▣ Kiểm định chất lượng các công trình giao thông, công nghiệp và dân dụng.
- ▣ Tư vấn đấu thầu thiết kế và xây lắp các công trình giao thông.
- ▣ Giám sát thi công xây dựng các công trình giao thông.



BỆNH VIỆN BẠCH MAI

Giám đốc: GS. TS Trần Quý

P. Giám đốc: Bùi Thành Chi - Trần Thị Thịnh - Nguyễn Chí Phi



Ban chấp hành Đảng bộ Bệnh viện Bạch Mai khóa 21

Xây dựng từ năm 1911, Nhà thương Cống Vọng - Bệnh viện Bạch Mai ngày nay, từ một cơ sở chữa bệnh truyền nhiễm nhỏ bé đã trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, gắn liền với sự phát triển của đất nước và của Thủ đô Hà Nội.

Bệnh viện Bạch Mai - nơi đã từng là thành lũy kiên cường chống Pháp và chống Mỹ của quân và dân Thủ đô trong những ngày đầu kháng chiến.

Với ý chí kiên cường, đoàn kết thành một khối, tập thể cán bộ công chức Bệnh viện Bạch Mai đã làm việc hết sức mình, không những đảm bảo công tác phục vụ chiến đấu cứu chữa thương binh, bệnh nhân, nhân dân trong hai cuộc kháng chiến mà còn phấn đấu vươn lên xây dựng Bệnh viện Bạch Mai trong hòa bình, sau khi thống nhất đất nước và nhất là trong thời kỳ đổi mới. Bệnh viện Bạch Mai phát triển vượt bậc, từng bước trở thành một trung tâm y tế chuyên sâu có hạ tầng cơ sở ngày một khang trang, thiết bị y tế hiện đại đồng bộ, có đội ngũ giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ, bác sĩ, dược sĩ, kỹ sư, y tá, hộ lý và các nhân viên giàu kinh nghiệm đảm bảo thực hiện xuất sắc những chức năng và nhiệm vụ do Bộ Y tế giao cho: Khám chữa bệnh cho bệnh nhân tuyến cuối cùng, đào tạo cán bộ, nghiên cứu khoa học, chỉ đạo tuyến, phòng bệnh, hợp tác quốc tế và quản lý kinh tế y tế, phát triển ngang tầm với các nước khu vực đáp ứng nhu cầu bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Với những thành tựu đạt được trong 90 năm xây dựng và phát triển, Bệnh viện Bạch Mai đã được Đảng và Nhà nước tặng nhiều bằng khen, cờ luân lưu, Huy chương, Huân chương và các danh hiệu cao quý như: Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Lao động hạng Nhất, Huân chương Độc lập hạng Nhì, Huân chương Độc lập hạng Nhất, Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân...

Bệnh viện Bạch Mai là một bệnh viện đa khoa hoàn chỉnh lớn nhất cả nước, có 1400 giường bệnh với 6 viện nghiên cứu, 20 khoa lâm sàng, 8 khoa cận lâm sàng, 8 phòng chức năng và 1 trường trung học y tế. Hằng năm bệnh viện Bạch Mai khám cho gần 250000 lượt bệnh nhân ngoại trú, điều trị cho gần 30000 bệnh nhân nội trú; Là cơ sở thực hành chính của Trường Đại học Y Hà Nội.

Với đội ngũ giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, bác sĩ, dược sĩ, kỹ sư, y tá, hộ lý và các cán bộ công chức giàu kinh nghiệm chuyên môn, cùng nhiều trang bị máy móc và phương tiện hiện đại, bệnh viện có khả năng đảm nhiệm những nhiệm vụ và chức năng quan trọng:

- * Khám chữa bệnh, cấp cứu tuyến cao nhất
- * Đào tạo cán bộ
- * Nghiên cứu khoa học
- * Chỉ đạo tuyến
- * Phòng bệnh
- * Hợp tác quốc tế
- * Quản lý kinh tế y tế



Ban GD Bệnh viện họp bàn chủ trương phát triển Bệnh viện trong thời kỳ đổi mới



Một góc Bệnh viện Bạch Mai ngày nay



CÔNG TY LEGAMEX

15 Trường Sơn, Quận 10, TP.Hồ Chí Minh
ĐT: (84 8) 8.660.564 - 8.640.251 - 8.641.386 - 8.642.728
Fax: (84 8) 8.660.565
Email: legamex@hcmc.netnam.vn
Website: www.legamex.com.vn



Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất và kinh doanh: Hàng may mặc - Nhãn mác - Giày dép - Thiết kế thời trang... cho thị trường Việt Nam.

Phương tiện sản xuất:

Công nhân: 4.200 - Máy: 2.786 - Mặt bằng: 34.000 m² - Xi nghiệp: 7 - Hệ thống cửa hàng: 24 - Chi nhánh: 3.

Năng suất hàng năm:

Áo gió-Quần áo thể thao: 1.000.000 sản phẩm, Sơ mi và áo khoác: 2.000.000 sp.,

Quần tây: 600.000 sp., Đồ lót: 3.400.000 sp., Giày thể thao: 3.200.000 sp.,

Nhãn mác: 18.000.000 sp.

Thị trường:

Nội địa: 20% - Xuất khẩu: 80% (Châu Âu, Mỹ, Nhật...)

**ĐẢNG BỘ LEGAMEX ĐẠT DANH HIỆU TRONG SẠCH VỮNG MẠNH
1997-1998-1999-2001**



CÔNG TY TNHH DỆT NHUỘM TRUNG THƯ

Văn phòng giao dịch: Số 47 Kim Đồng - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Nhà máy: Thanh Liệt - Thanh Trì - Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 6 880 550 - 6 880 922; Fax: (84-4) 6 880 992

Giám đốc: Nguyễn Hữu Thanh



Hệ thống máy sấy vải dệt kim

Được thành lập theo quyết định số 3824-GP/TLĐN, ngày 18 -11 - 1998, Công ty TNHH Dệt nhuộm Trung Thư chính thức đi vào hoạt động trong lĩnh vực dệt kim và nhuộm vải sợi.

Với phương châm hoạt động "công nghệ hiện đại là vấn đề sống còn", ngay sau khi thành lập, Công ty đã chú trọng đầu tư xây dựng nhà xưởng, mua sắm máy móc, trang thiết bị hiện đại: lắp đặt hệ thống máy nhuộm JET dung tỷ thấp của hãng THEN, máy định hình TEXTIMA khổ rộng, máy nhuộm BICOFLEX (CHLB Đức)... Nhờ vậy, đã tăng công suất nhuộm khoảng 1200000 m/tháng.

Do sự quan tâm đầu tư đúng lúc nên sản phẩm vải sợi của Công ty Dệt nhuộm Trung Thư luôn đảm bảo chất lượng, được bạn hàng tin nhiệm. Ngoài thị trường tiêu thụ rộng rãi trên toàn miền Bắc, hiện sản phẩm của

Trung Thư đang dần chinh phục thị trường miền Trung, miền Nam và hướng phát triển sắp tới của Công ty là xuất khẩu trực tiếp sản phẩm ra thị trường nước ngoài.

Cùng với việc đầu tư sản xuất và phát triển thị trường, Ban Giám đốc Công ty cũng rất quan tâm đến việc phát triển nguồn nhân lực. Với tổng số 200 CBCNV, Công ty đã có nhiều hình thức khen thưởng nhằm khuyến khích, phát huy năng lực của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty. Đời sống CBCNV Công ty không ngừng được nâng cao về vật chất và tinh thần, được đảm bảo quyền lợi của người lao động theo chế độ của Nhà nước quy định.

Với những gì đã đạt được trong thời gian qua, Công ty Dệt nhuộm Trung Thư đã bước đầu khẳng định hướng đi đúng trên cơ sở những cố gắng không mệt mỏi của một doanh nghiệp tư nhân "Dám nghĩ, dám làm", biết nắm bắt kịp thời đường lối chính sách phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước ta./.



CÔNG TY VẬN TẢI XĂNG DẦU VIETNAM TANKER COMPANY - VITACO

ĐỊA CHỈ: 12 LÊ DUẨN - QUẬN 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TEL: 84.8.8222675 - 8256457 - 8231824 - 8224729 - FAX: 84.8.8293848 - 8234623 - TELEX: 8 813 093 VITACO-VT



VITACO: VẬN TẢI XĂNG DẦU - ĐẠI LÝ TÀU BIỂN



THÀNH PHẦN: mỗi viên chứa

- Cimetidin 400 mg
- Oxethazain 5 mg

CÔNG DỤNG: giảm tiết acid dạ dày, giảm đau trong các bệnh đau dạ dày, tá tràng.

CHỈ ĐỊNH:

- Loét dạ dày, tá tràng tiến triển.
- Loét dạ dày, tá tràng do STRESS hay do thuốc kháng viêm không steroid, trào ngược thực quản.
- Hội chứng ZOLLINGER- ELLISON.

Chỉ dùng thuốc sau khi đã loại trừ ung thư dạ dày.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

- Không dùng cho người mẫn cảm với các thành phần của thuốc.
- Không dùng cho phụ nữ có thai hoặc cho con bú.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:

- **Loét dạ dày:** Uống mỗi lần 1 viên, ngày 2 lần sáng và tối, hoặc liều duy nhất 1 đến 2 viên trước lúc đi ngủ trong vòng 4 đến 6 tuần.

- **Hội chứng ZOLLINGER-ELLISON:** uống mỗi lần 1 đến 2 viên, ngày dùng 2 lần

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.



BEPHARCO

CÔNG TY DƯỢC & VẬT TƯ Y TẾ BẾN TRE

Số 6A3 quốc lộ 60 Phú Khương, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre - Việt Nam

CIMETAZIN



Giảm đau nhanh chóng hiệu quả

MẠNH GẤP ĐÔI

NHÀ SẢN XUẤT VỎ RUỘT XE ĐẦU TIÊN NHẬN ISO 9002



CASUMINA
ISO 9002



180 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP.HCM ĐT : 9 303122 - 9 305166 Fax : 84.8.9 303205

Email: casumina@bdvn.vnd.net

- ĐẦY ĐỦ QUY CÁCH CHO CÁC LOẠI XE
- MẪU MÃ PHONG PHÚ, MỚI LẠ
- ĐẶC BIỆT CÓ :
 - **VỎ TUBELESS** (KHÔNG DÙNG RUỘT) DÀNH CHO XE SCOOTER NHƯ: SPACY, DIO, VESPA...
 - **RUỘT CAO SU BUTYL** CỐ ĐỘ KÍN KHÍ CAO NHIỀU LẦN SO VỚI CAO SU THIÊN NHIÊN
- NGOÀI RA CÒN CÓ CÁC SẢN PHẨM CAO SU KHÁC NHƯ: GĂNG TAY, BĂNG TẢI, ĐỆM CẦU, ĐỆM CÀNG...



Các xí nghiệp trực thuộc:

- XN CAO SU HỒ MỒN
- XN CAO SU ĐỒNG NAI
- XN CAO SU ĐIỆN BIÊN
- XN CAO SU TÂN BÌNH
- XN CAO SU BÌNH LỢI
- XN GĂNG TAY VIỆT HƯNG



TỰ HẠO LA NHÀ SẢN XUẤT VỎ RUỘT XE ĐẦU TIÊN NHẬN ISO 9002, MANG ĐẾN CHO BẠN NHỮNG SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG CAO, TĂNG TUỔI THỌ, PHÙ HỢP VỚI ĐƯỜNG SÁ VIỆT NAM

VỚI CHẤT LƯỢNG ISO 9002 BẠN ĐƯƠNG TIN CẬY

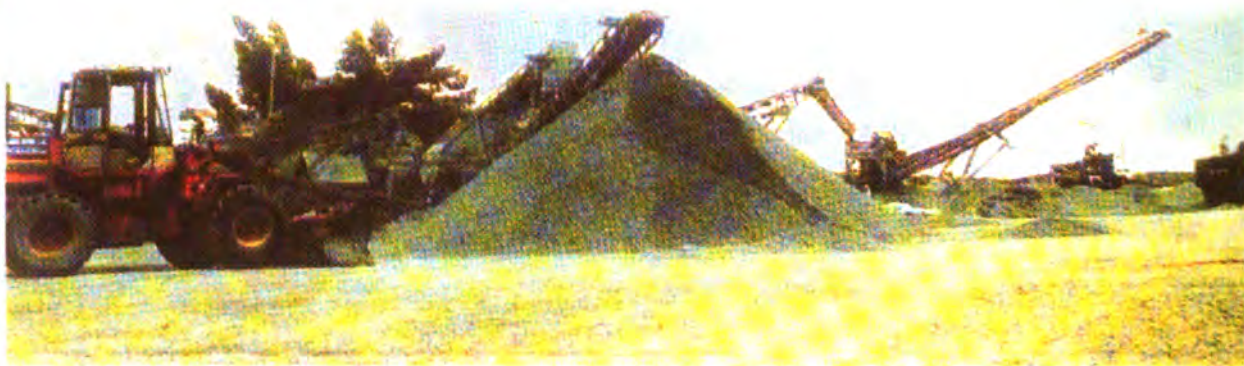
CÔNG TY CỔ PHẦN **HÓA AN**

HOA AN JOINT STOCK COMPANY

Đã được thưởng Huân chương lao động hạng II, III

Trụ sở chính: Xã Hóa An - TP. Biên Hòa - Tỉnh Đồng Nai. Tel: 061.954458 - 954491; Fax: 061.954754

Tổng Giám Đốc: Đỗ Duy Tá



Công ty là chủ sở hữu mỏ đá Hóa An, một trong những mỏ đá có chất lượng tốt nhất hiện nay tại phía nam.

Với thiết bị công nghệ nghiền và khoan bắn hiện đại nhất hiện nay, hằng năm Công ty khai thác và chế biến 800 000 m³ đá các loại: 1 x 2cm, 2 x 4cm, 4 x 6cm, đá 0,5. Công ty cũng đã cung cấp cho thị trường các loại gạch block chất lượng cao.

**SẢN PHẨM ĐẢM BẢO
TIÊU CHUẨN
NHÀ NƯỚC QUY ĐỊNH**



Thanh toán nhanh chóng, thuận tiện. Tiền mặt và chuyển khoản.

CÔNG TY CHÈ TÂN TRÀO

TAN TRAO TEA COMPANY

TRỤ SỞ: THỊ TRẤN SƠN DƯƠNG - HUYỆN SƠN DƯƠNG - TỈNH TUYÊN QUANG

DIỆN THOẠI: (84)027.835217 - 8.35936

FAX: (84)027.835 687 ; EMAIL: che_tt@hn.vnn.vn

Công ty chè Tân Trào - Huyện Sơn Dương - Tỉnh Tuyên Quang là doanh nghiệp sản xuất kinh doanh các mặt hàng chè đen, chè xanh chất lượng cao phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ trong nước.

Công ty có diện tích trên 400 héc - ta chè và quản lý thu mua hơn 300 héc - ta chè của xã vùng thượng huyện. 100% diện tích chè đều trồng trên núi cao theo mô hình nông - lâm kết hợp.

Sản phẩm đen Orthodox của Công ty được sản xuất trên dây chuyền thiết bị hiện đại công suất 26 tấn chè búp tươi/ngày với sản lượng hằng năm đạt trên 1500 tấn chất lượng ổn định, đạt tiêu chuẩn quốc tế, xuất bán nhiều nước trên thế giới.

Ngoài sản phẩm chè đen, Công ty còn sản xuất chè xanh Tân tuyết Shan với nguyên liệu được tuyển chọn từ những giống chè đặc sản trồng trên núi cao có hương vị đậm đà, thơm ngon... đã chiếm được cảm tình và ngày càng có uy tín đối với khách hàng. Sản phẩm chè Tân tuyết Shan của Công ty đã đạt 2 Huy chương Vàng tại Hội chợ ẩm thực Hà Nội - Việt Nam năm 2000 và 2001. Đến với Công ty chè Tân Trào, Quý Khách hàng hoàn toàn yên tâm về chất lượng cao của sản phẩm và sự phục vụ nhiệt tình chu đáo.



CÔNG TY CHÈ TÂN TRÀO RẤT HÂN HẠNH ĐƯỢC PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH



BỘ XÂY DỰNG
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ

CÔNG TY TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

ĐC: Tòa nhà Ban quản lý Dự án khu dịch vụ tổng hợp và nhà ở hồ Linh Đàm - Thanh Trì - Hà Nội
ĐT: (84-4) 6411453 Fax: (84-4) 6411454 Email: hudcic@ipt.vn



Năm 2001, phương án của Công ty đạt giải nhất cuộc thi thiết kế nhà CCCT cho người thu nhập trung bình.



Chung cư tại TP. Biên Hoà - Đồng Nai do Công ty thiết kế



Chung cư NO.6 Cầu Giấy, Hà Nội do Công ty thiết kế

Được thành lập tháng 06 năm 2000, đáp ứng đòi hỏi tất yếu trong quá trình phát triển của Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị, Công ty Tư vấn đầu tư và xây dựng (HUDCIC) đã nhanh chóng khẳng định được vị thế của mình trong lĩnh vực tư vấn, thiết kế, đặc biệt là thiết kế nhà chung cư cao tầng.

Thực hiện nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là phục vụ cho các dự án phát triển khu đô thị và nhà ở của Tổng Công ty: tư vấn lập dự án, lập hồ sơ thiết kế thi công, nhà chung cư cao tầng và các hạng mục công trình khác..., trong thời gian qua, Công ty Tư vấn HUDCIC, đã tiến hành lập dự án đầu tư, thiết kế các công trình lớn trong các khu đô thị mới như: khu Dịch vụ tổng hợp và nhà ở hồ Linh Đàm, Định Công, Việt Hưng, Pháp Vân, Mỹ Đình, Văn Quán, Đông Bắc Ga (Thanh Hóa), Hiệp Bình Phước (TP.HCM), Nhơn Trạch (Đồng Nai)...

Để có thể đề xuất được những giải pháp hay, những ứng dụng KHKH hiệu quả cho công tác đầu tư, công tác nghiên cứu ứng dụng KHKH vào đầu tư của các dự án được Ban lãnh đạo Công ty hết sức quan tâm. Hiện tại, Công ty đang kết hợp với Viện Khoa học Công nghệ xây dựng (Bộ Xây dựng) nghiên cứu ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào nhà chung cư cao tầng như: sử dụng bê tông mác cao làm giảm kích thước kết cấu, sử dụng bê-tông dự ứng lực, sử dụng kết cấu bán lắp ghép...

Bên cạnh việc chú trọng đầu tư hệ thống trang thiết bị đồng bộ cao cấp, ứng dụng công nghệ tin học phục vụ cho công việc thiết kế, dự toán..., nhận thức đúng đắn vai trò quan trọng của yếu tố con người trong quá trình xây dựng và phát triển HUDCIC, Ban lãnh đạo Công ty đã có những biện pháp, chính sách thích hợp nhằm khai thác, bồi dưỡng và nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ CBCNV, từng bước nâng cao hơn nữa khả năng cạnh tranh trên thị trường xây dựng.

Trong năm 2001, Công ty đã giành được giải nhất cuộc thi thiết kế chung cư cao tầng dành cho người có thu nhập trung bình, do Cục Quản lý nhà - Bộ Xây dựng tổ chức. Đây là kết quả của sự trưởng thành từ thực tế sản xuất, là niềm cổ vũ lớn đối với đội ngũ CBCNV Công ty ngay trong những năm đầu thành lập.

Năm 2002, Công ty tiến hành triển khai xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001, nhằm hoàn thiện hơn mô hình tổ chức và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Tin tưởng rằng, với đội ngũ CBCNV có ý thức trách nhiệm cao, tinh thần ham học hỏi, tìm tòi, nghiên cứu, sáng tạo, kết hợp với quá trình thực tế tư vấn thiết kế các công trình, Công ty Tư vấn đầu tư và xây dựng sẽ lớn mạnh hơn nữa hòa cùng với sự phát triển không ngừng của Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị - đơn vị là cờ đầu trong cả nước về lĩnh vực phát triển nhà và đô thị, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

HX
9
H68B

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

2.5
1945
2002

**VIỆT NAM
HỒ CHÍ MINH**



UNIV. OF MICH.
OCT 02 2002
CURRENT SERIALS

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

25
9-2002



TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG

HANOI SCHOOL OF PUBLIC HEALTH

BAN GIÁM HIỆU

ĐC: 138 Giảng võ, Ba Đình, Hà Nội * ĐT: 84.4.8452822 Fax: 84.4.8452738

Email: hsph@hsph.edu.vn * Website: www.hsph.edu.vn

THÔNG CHỨC NĂM

* Đào tạo - QLSV
* Quản lý NCKH và
Hợp tác quốc tế
* Hành chính
Quản trị
* Tài chính - Kế
toán
* Tổ chức cán bộ

KHOA CHUYÊN MÔN

* Các khoa học xã hội
* Các khoa học cơ bản
* Y học cơ sở
* Quản lý y tế
* Sức khỏe cộng đồng
* Sức khỏe môi trường
* Ngoại ngữ

THỰC ĐỊA

* 9 điểm thực địa



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

* CHƯƠNG TRÌNH SAU ĐẠI HỌC

- Thạc sĩ Y tế công cộng
- Chuyên khoa I Y tế công cộng

* CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC

Cử nhân YTCC (Bắt đầu từ năm 2002)

* KHOA NGẮN HẠN

- Quản lý chăm sóc sức khỏe ban đầu
- Quản lý chương trình sức khỏe sinh sản
- Nghiên cứu hệ thống y tế
- Dịch tễ học
- Kinh tế Y tế
- Thống kê Y tế

- Phân tích số liệu & kỹ năng sử dụng
máy vi tính

- Ngoại ngữ: Anh, Pháp
- Quản lý chất lượng toàn diện (TQM)

* ĐÀO TẠO TỪ XA

Chuyên khoa I Y tế công cộng

Y tế công cộng (YTCC) là khoa học và nghệ thuật của việc phòng ngừa bệnh tật, kéo dài tuổi thọ và tăng cường sức khỏe và hiệu lực thông qua những cố gắng được tổ chức của xã hội...

Y tế công cộng thế giới có bề dày trên 100 năm còn ở nước ta mới chỉ thực sự phát triển trong vài thập kỷ gần đây, nhưng đã phát huy hiệu quả rất to lớn trên lĩnh vực phòng bệnh và xã hội hóa công tác y tế như: quản lý dịch bệnh, nâng cao hiệu quả các dịch vụ y tế, tiêm chủng mở rộng, phòng chống nhiễm HIV/AIDS, dinh dưỡng, vệ sinh môi trường, được cộng đồng...

Do vậy, việc Nhà nước cho phép thành lập Trường Đại học Y tế công cộng chính là sự công bố chính thức ra đời một chuyên ngành mới: **CHUYÊN NGÀNH Y TẾ CÔNG CỘNG**.

Trường được hình thành trên cơ sở Trường Cán bộ quản lý y tế. Qua hàng chục năm trưởng thành và phát triển, năm 1979 Trường đăng ký chính thức với tổ chức Y tế thế giới với tên tiếng Anh Hanoi School of Public Health và năm 1997 lớp thạc sĩ Y tế công cộng đầu tiên của Việt Nam được mở tại trường. Ngày 26/4/2001, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 65/2001/QĐ-TTg về việc thành lập Trường đại học Y tế công cộng, với mục tiêu chính: là duy trì và củng cố vị trí hàng đầu trong các cơ sở đào tạo, nâng cao khả năng đào tạo, nghiên cứu và tư vấn về YTCC và QLYT, góp phần quan trọng vào tăng cường nhân lực và phát triển mạng lưới đào tạo, nghiên cứu khoa học về YTCC trong cả nước. Trường được xây dựng trên khuôn viên 15.600 m²,

với khu giảng đường có đầy đủ phương tiện hiện đại giúp cho việc dạy và học đạt kết quả cao, khu kí túc xá gồm 60 phòng được thiết kế đẹp và thoáng mát khép kín có đường truy cập mạng ngay tại phòng, ngoài ra trường có phương tiện để đưa đón học viên đi các cơ sở thực địa. Cán bộ giảng dạy của Trường có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực: dịch tễ học, sức khỏe môi trường, sức khỏe sinh sản, kinh tế xã hội....

Trường đại học Y tế công cộng là trường đầu tiên duy nhất ở Việt Nam đưa ra chương trình đào tạo thạc sĩ YTCC theo mô hình: đào tạo gắn liền với thực tế. Năm 2002 khoá cử nhân y tế công cộng đầu tiên đã được tuyển sinh tại trường.

Về nghiên cứu khoa học Trường đã tiến hành các đề tài khoa học tại 9 cơ sở thực địa ở Hà Nội, Hải Dương, Bắc Ninh, Hoà Bình, Hưng Yên. Hằng năm tại 9 cơ sở thực địa học viên lớp thạc sĩ YTCC tiến hành nghiên cứu khoảng 40 đề tài kết hợp vừa học vừa làm ứng dụng góp phần nâng cao sức khỏe cho nhân dân. Đặc biệt gần đây Trường còn đứng ra tổ chức được những chương trình nghiên cứu quy mô lớn có sự liên kết, phối hợp của các trường y trong cả nước. Bên cạnh đó Trường còn trao đổi sinh viên với các trường YTCC nổi tiếng trên thế giới.

Những đóng góp của Trường đại học Y tế công cộng trong thời gian qua đã bước đầu cho thấy một hướng đi đúng về vấn đề sức khỏe cộng đồng và hiện nay vẫn đang là vấn đề được xã hội đặc biệt quan tâm, vì vậy trách nhiệm đào tạo đội ngũ cán bộ y tế có chuyên môn phục vụ xã hội vẫn là trách nhiệm lớn đối với thầy và trò trường Đại học Y tế công cộng.



THÁNG RA 3 KỶ

SỐ 654

25

9-2002

• BỘ BIÊN TẬP :

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : (04) 9 422 061
Fax : (04) 8 222 846

**• Cơ quan thường trú
tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,
Q. 3, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 225 768
Fax : (08) 8 231 664

• Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>
Email: bbtccs@hn.vnn.vn

• Phó Tổng Biên tập phụ trách :

TRẦN QUANG NHIẾP



Bìa 1: Tranh của **TRẦN MAI**

Tạp chí Cộng sản

**CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

MỤC LỤC

KỶ NIỆM 57 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ QUỐC KHÁNH 2-9 (1945 - 2002)

XÃ LUẬN - Vì một nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân	3
VÕ NGUYỄN GIÁP - Mấy suy nghĩ về bài học của Cách mạng Tháng Tám đối với sự nghiệp đổi mới ngày nay	6
DƯƠNG TRUNG QUỐC - Từ Cách mạng Tháng Tám 1945 đến Tuyên ngôn Độc lập	10

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

*** Kết luận của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII, phương hướng phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ từ nay đến năm 2005 và đến năm 2010	14
PHẠM MINH HẠC - Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện	22
TRẦN BẠCH ĐẲNG - Hướng phát triển nguồn lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay	28

NHÂN KỶ NIỆM LẦN THỨ 100 NĂM SINH CỐ TỔNG BÍ THƯ

LÊ HỒNG PHONG (1902 - 2002)

NGUYỄN TRỌNG THỤ - Lê Hồng Phong với việc khôi phục và mở rộng hoạt động của Đảng những năm 1932 - 1938	32
---	----

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

NGUYỄN NGỌC HIẾN - Lý luận quản lý nhà nước trong việc thúc đẩy cải cách hành chính ở nước ta	37
DOÃN CÔNG KHÁNH - Phát triển thương nghiệp nhà nước trong nền kinh tế thị trường	41

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

PHẠM MINH TUYẾN - Ninh Bình : mười năm liên tục ổn định và phát triển	45
NGUYỄN SINH CÚC - Thực trạng và giải pháp xóa đói, giảm nghèo ở nông thôn hiện nay	50
VŨ TIẾN LỘC - Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đổi mới hoạt động hỗ trợ phát triển doanh nghiệp	55

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

NGUYỄN VĂN THANH - Khủng bố : cuộc nhận diện phức tạp	60
---	----

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

Hội nghị cán bộ giáo dục toàn quốc triển khai Kết luận Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX)	64
--	----

СОДЕРЖАНИЕ

ПЕРЕДОВАЯ: Во имя государства по-настоящему народа, народом и за народ. **ВÔ NGUYỄN GIÁP:** Некоторые мнения об извлеченном уроке из Августовской Революции для сегодняшнего курса обновления. **ЗЫОНГ ЧУНГ КУОК:** От Августовской Революции 1945 года до Декларации Независимости. *** **Обобщенные итоги VI^{ого} Пленума Центрального Комитета КПВ IX^{ого} созыва о продолжающемся выполнении Резолюции II^{ого} Пленума ЦК КПВ VIII^{ого} созыва и о направлении развития образования - подготовки кадров, науки и технологии в период до 2005 года и до 2010 года.** **ФАМ МИНЬ ХАК:** Продолжается повышение качества всестороннего образования. **ЧАН БАТЬ ДАНГ:** Направление развития сил, потенциала для индустриализации и модернизации в нашей стране на данном этапе. **НГУЕН ЧОНГ ТХУ:** Товарищ Ле Хонг Фонг и работа по восстановлению и расширению Партийной деятельности в годы 1932 – 1938гг. **НГУЕН НГОК ХИЕН:** Теория государственного управления и административная реформа в нашей стране. **НГУЕН ВАН ТХАНЬ:** Терроризм – сложное опознание.

CONTENTS

Editorial: For a state which is really of the people, by the people, and for the people. **VÔ NGUYỄN GIÁP:** Some thoughts about the lesson of the August Revolution in regards of the present-day renovation cause. **DƯƠNG TRUNG QUỐC:** From 1945 August Revolution to the Independence Declaration. *** **Conclusion of the 6th Plenum of CPV Central Committee (IXth tenure) regarding the continuous implementation of the Resolution of the 2nd Plenum of CPV Central Committee (of VIIIth tenure) and the developmental directions of education-training and technology from now to the year 2005 and upto the year 2010.** **PHAM MINH HAC:** To continue to enhance quality of comprehensive education. **TRẦN BẠCH ĐĂNG:** Developmental direction of the springs of vitality for industrialisation and modernisation in our country nowadays. **NGUYỄN TRỌNG THU:** Lê Hồng Phong and the restoration and expansion of the Party's activities in 1932 – 1938. **NGUYỄN NGỌC HIỂN:** Theory of state management during the acceleration of the administrative reforms in our country. **NGUYỄN VĂN THANH:** Terrorism – a sophisticated identification of it.

SOMMAIRE

EDITORIAL: Pour un Etat véritablement du peuple, par le peuple et pour le peuple. **VÔ NGUYỄN GIÁP:** Quelques réflexions sur les leçons de la Révolution d'Août 1945 pour l'œuvre de renouveau d'aujourd'hui. **DƯƠNG TRUNG QUỐC:** De la Révolution d'Août 1945 à la Déclaration d'indépendance. *** **Conclusion du 6^e plénum du Comité central du PCV (issu du IX^e congrès) sur la continuation de la réalisation de la résolution du 2^e plénum du Comité central du PCV (issu du VIII^e congrès), et orientation du développement de l'éducation et de la formation, des sciences et de la technologie d'ici 2005 et 2010.** **PHAM MINH HAC:** Continuer à rehausser la qualité de l'éducation sous tous les aspects. **TRẦN BẠCH ĐĂNG:** Sur l'orientation du développement des ressources pour l'industrialisation et la modernisation dans notre pays à l'heure actuelle. **NGUYỄN TRỌNG THU:** Lê Hồng Phong et la restauration et l'élargissement des activités du Parti entre 1932-1938. **NGUYỄN NGỌC HIỂN:** La théorie de la gestion de l'Etat dans l'impulsion des réformes administratives dans notre pays. **NGUYỄN VĂN THANH:** Terrorisme – une identification compliquée.

SUMARIO

EDITORIAL: Por un Estado verdadero del pueblo, por el pueblo y para el pueblo. **VÔ NGUYỄN GIÁP:** Algunas reflexiones sobre las lecciones de la Revolución de Agosto de 1945 para con la obra de renovación actual. **DƯƠNG TRUNG QUỐC:** De la Revolución de Agosto de 1945 a la Declaración de Independencia. *** **Conclusiones del VI Pleno del C.C. del Partido (IX Legislatura) sobre la continuación de la realización de la Resolución del Segundo Pleno del C.C. (VIII Legislatura) y la orientación del desarrollo de educación-formación, ciencia y tecnología de hoy hasta 2005 y 2010.** **PHAM MINH HAC:** Continuar mejorando la calidad de la educación sobre todos los aspectos. **TRẦN BẠCH ĐĂNG:** Orientación del desarrollo del fuente de fuerza para la industrialización, modernización en Vietnam actual. **NGUYỄN TRỌNG THU:** Lê Hồng Phong para con la restauración y ampliación de las actividades del Partido en los años 1932-1938. **NGUYỄN NGỌC HIỂN:** Teoría de la gestión estatal en el impulso de la reforma administrativa en Vietnam. **NGUYỄN VĂN THANH:** Terrorismo – La identificación fisonómica complicada.

目录

• 社论: 为了一个真正的民有、民治、民享的国家• 武元甲: 关于八月革命对目前革新事业的教训的一些思考• 杨中国: 从1945年八月革命至独立宣言***越共九届六中全会关于继续落实越共八届二中全会的决议及有关2005年至2010年教育培训、科学、工艺发展方向的结论• 范明鹤: 继续全面提高教育质量• 陈白滕: 为我国目前的工业化、现代化发展力量来源的方向• 阮仲授: 黎鸿峰与1932 – 1938年恢复和扩大党的活动• 阮玉光: 促进我国行政改革与国家管理理论• 阮文序: 恐怖—复杂的认定。



VÌ MỘT NHÀ NƯỚC THẬT SỰ CỦA DÂN, DO DÂN, VÀI DÂN

Ngày mùng 2 tháng 9 năm 1945, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã được khai sinh với bản Tuyên ngôn Độc lập đầy hào khí :

“Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do ! Dân tộc đó phải được độc lập !”.

“Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”.

Tuyên ngôn Độc lập là kết tinh của tinh thần yêu nước và ý chí quật cường của dân tộc ta, là lời tuyên bố danh thếp của Nhà nước ta trước toàn thế giới về một chân lý lịch sử : “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”. Chân lý đó là “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do, độc lập và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập” ; là ở góc trời Đông - Nam Á này, một nhà nước kiểu mới đã ra đời, nhà nước của công nhân, nông dân và trí thức, nhà nước của những người lao động và của toàn thể dân tộc Việt Nam. Nhà nước ấy có sứ mệnh lịch sử động viên toàn dân tộc đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập vừa giành được, và từ đây đưa đất nước vươn tới những đỉnh cao vinh quang, hòa cùng nhịp bước của thời đại, muôn thuở trường tồn.

Năm mươi bảy mùa thu đã qua, Nhà nước ta rất xứng đáng với sứ mệnh lịch sử ấy. Trong thời gian chưa đầy sáu thập kỷ, với một Đảng tiên phong lãnh đạo, với một nhà nước kiểu mới, với khối đại đoàn kết dân tộc và với một lực lượng vũ trang trung thành với Tổ quốc và nhân dân, đất nước và dân tộc ta đã lập nên nhiều kỳ tích, tiến hành thắng lợi các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, đánh thắng chủ nghĩa thực dân cũ và mới, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Chúng ta cũng đã mở ra chương đổi mới đầy sáng tạo, không ngừng tạo ra cho

đất nước thế và lực mới để vững bước trong thế kỷ mới ; coi việc nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa là vấn đề có ý nghĩa sống còn, là chiếc chìa khóa để tiến lên sánh vai cùng các nước bốn biển năm châu.

Nhà nước ta, ngay từ lúc mới thành lập, đã là nhà nước của dân, do dân và vì dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định : “Nước ta là nước dân chủ, bao nhiêu lợi ích là vì dân, bao nhiêu quyền lực đều là của dân, chính quyền từ xã đến trung ương đều do dân cử”. Các bản Hiến pháp năm 1946, 1959, 1980, 1992 đều thể hiện mục tiêu xây dựng một chế độ nhà nước dân chủ với nguyên tắc nhất quán “toàn bộ quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân”. Chính tính nhân dân sâu sắc ấy cộng với tính pháp quyền vững chắc đã tạo nên cho Nhà nước ta một sức mạnh lớn lao, đủ để đảm đương những nhiệm vụ lịch sử chưa từng có, và cũng qua việc thực hiện những nhiệm vụ lịch sử ấy mà tính nhân dân và tính pháp quyền ngày càng được bồi bổ và nâng cao thêm. Từ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đến Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tên nước có thay đổi nhưng tiêu ngữ chung của Nhà nước ta vẫn là “độc lập, tự do, hạnh phúc”. Gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội là con đường thể hiện ngày một tốt hơn tiêu ngữ đó trong cuộc sống. Bác Hồ nói : “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Nhưng Người cũng nhắc nhở mọi người chúng ta : “Nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”. Phấn đấu vì “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, đó vừa là mục tiêu vừa là khẩu hiệu hành động của chúng ta ngày nay.

Nhà nước ta, bên cạnh những thành tựu to lớn đã giành được, vẫn còn bộc lộ những khuyết điểm và bất cập trong tổ chức và hoạt động, cả về lập pháp, hành pháp và tư pháp. Hiệu lực và hiệu quả quản lý của chính quyền các cấp vẫn còn nhiều mặt yếu kém. Tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu trầm trọng vẫn đang là nguy cơ làm tha hóa bộ máy nhà nước.

Để Nhà nước ta thật sự là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, Đảng ta, qua các kỳ Đại hội gần đây, nhất là qua các nghị quyết của các khóa Trung ương VII và VIII, đã nêu lên ngày càng cụ thể hơn, sâu sắc hơn những quan điểm cơ bản, phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp lớn về xây dựng nhà nước. Đại hội IX của Đảng nhấn mạnh 5 nhiệm vụ sau đây :

Một là, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng theo các quan điểm có tính nguyên tắc : Nhà nước ta là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật. Mỗi cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, mỗi công dân đều có nghĩa vụ chấp hành Hiến pháp và pháp luật. Việc cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước phải gắn liền với việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Hai là, tiến hành mạnh mẽ việc cải cách thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước. Trong đó, điều trước tiên là phải kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội, trọng tâm là tăng cường công tác lập pháp, làm tốt chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, thực hiện có hiệu quả quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của bộ máy nhà nước. Phải xây dựng một nền hành chính nhà nước dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại hóa. Phải cải cách tổ chức, nâng cao chất lượng và hiệu quả của các cơ quan tư pháp, nâng cao tinh thần trách nhiệm, năng lực và phẩm chất của cán bộ tư pháp trong khi thi hành nhiệm vụ.

Ba là, phát huy dân chủ, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường pháp chế trong bộ máy nhà nước và trong toàn xã hội, trong đó, vừa phải nâng cao chất lượng nền dân chủ đại diện, thông qua cơ quan dân cử các cấp, vừa phải thực hiện tốt quy chế dân chủ, mở rộng dân chủ trực tiếp ở cơ sở.

Bốn là, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực và đạo đức, một đội ngũ được đào tạo, bồi dưỡng cơ bản, có hệ thống về đường lối, chính sách, pháp luật, về kiến thức và kỹ năng quản lý nhà nước, được sắp xếp theo đúng chức danh, tiêu chuẩn, được định kỳ kiểm điểm và đánh giá chất lượng.

Năm là, đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng trong bộ máy nhà nước và trong toàn bộ hệ thống chính trị, ở các cấp, các ngành từ trung ương đến cơ sở; gắn đấu tranh chống tham nhũng với chống lãng phí, quan liêu, buôn lậu, đặc biệt chống các hành vi lợi dụng chức quyền để làm giàu bất chính.

Năm nhiệm vụ đó có quan hệ mật thiết với nhau, phải được tiến hành một cách nhất quán, kiên quyết và đồng bộ. Tại Kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa XI mới đây, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh, trong khi trình bày việc làm của Trung ương để thực hiện những nhiệm vụ về xây dựng nhà nước nói trên, đã nhấn mạnh: “*Tư tưởng chỉ đạo, cũng là quyết tâm của Trung ương là sẽ làm tất cả những gì cần thiết để tăng cường bản chất nhân dân, tính pháp quyền, tính hiệu lực và hiệu quả của Nhà nước ta. Chúng ta sẽ không làm và không chấp nhận bất cứ việc làm nào có thể làm suy giảm bản chất cách mạng, làm tổn hại đến uy tín, sự trong sạch và vững mạnh của Nhà nước ta. Chúng ta xây dựng cho mình phong cách nói đi đôi với làm, đã nói là làm và đã làm thì phải làm đến nơi đến chốn, làm tốt, làm có hiệu quả. Kiên quyết khắc phục tình trạng nói mà không làm, nói nhiều làm ít hoặc nói một đằng làm một nẻo*”.

Kỷ niệm 57 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9, nhân dân ta tự hào và tin tưởng ở Nhà nước ta, một nhà nước giữ trọn lời thề Độc lập, biết phấn đấu và tự sửa mình để vươn tới tầm cao của những nhiệm vụ lịch sử, xứng đáng là Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân. □

Hiểu suy nghĩ về bài học của Cách mạng Tháng Tám đối với sự nghiệp đổi mới ngày nay

Đại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP

MÙA Thu Cách mạng đã đến. Biết bao sự kiện, hình ảnh của không khí toàn dân vùng lên khởi nghĩa trong Cách mạng Tháng Tám cứ hiện lên trong tâm trí tôi.

Đảng ta lúc bấy giờ mới 15 tuổi, với 5 000 đảng viên, nhờ có đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo đã lãnh đạo 25 triệu đồng bào chớp thời cơ vùng lên Tổng khởi nghĩa. Chỉ trong vòng hơn 10 ngày, các địa phương trong cả nước đã giành chính quyền về tay nhân dân, đập tan ách thống trị hàng nghìn năm của chế độ phong kiến và ách đô hộ gần 100 năm của chế độ thực dân, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông - Nam châu Á.

Hơn nửa thế kỷ đi qua, nay nhìn lại càng thấy sâu sắc hơn tầm vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám. Sau Cách mạng Tháng Mười Nga, Cách mạng Tháng Tám là một cuộc cách mạng - cuộc Tổng

khởi nghĩa điển hình dựa vào sức mạnh của toàn dân, chủ yếu là sức mạnh đấu tranh chính trị của nhân dân, đã giành thắng lợi một cách nhanh, gọn trong phạm vi cả nước.

Dưới ánh sáng của đường lối và sự lãnh đạo đúng đắn của Bác Hồ và của Đảng, lòng yêu nước và sức mạnh của toàn dân được thổi bùng lên trong Cách mạng Tháng Tám đã tiếp tục được phát huy cao độ trong hai cuộc kháng chiến thần thánh chống đế quốc xâm lược, tạo nên sức mạnh thần kỳ để dân tộc ta đánh thắng hai đế quốc to, đem lại hòa bình, độc lập, thống nhất cho Tổ quốc.

Như vậy, với sức mạnh của toàn dân tộc mà nền tảng là lực lượng công nhân, nông dân và trí thức, chúng ta đã vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, giành được thắng lợi vẻ vang trong Cách mạng Tháng Tám và trong cuộc kháng chiến chống xâm lược, làm nên những việc tưởng chừng như không thể làm

được, đã biến một thời kỳ lịch sử thành huyền thoại.

Ngày nay, trong sự nghiệp đổi mới xây dựng đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc - một cuộc cách mạng sâu sắc, toàn diện, mới mẻ, đầy khó khăn, thách thức, *bài học dựa vào sức mạnh tổng hợp của toàn dân càng có ý nghĩa rất sâu sắc, rất cơ bản, có tầm quan trọng quyết định.*

Đây chính là một nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh, làm cách mạng phải *"dựa vào dân, có dân là có tất cả", "trong cuộc chiến đấu không hề này cần phải động viên toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của nhân dân".*

Từ Đại hội VI, Đảng ta đã nêu cao tư tưởng Hồ Chí Minh, nhấn mạnh bài học *"lấy dân làm gốc"*. Đại hội VII đã nêu bài học *"sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Chính nhân dân là người làm nên thắng lợi của lịch sử"*. Đến Đại hội IX lại xác định trong sự nghiệp tiếp tục đổi mới phải *"phát huy sức mạnh toàn dân tộc", coi "động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo"*.

Có nghĩa là toàn bộ công cuộc đổi mới xây dựng đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội phải quán triệt sâu sắc hơn nữa tư tưởng dựa vào sức mạnh của toàn dân tộc.

Trong bài này tôi muốn nói về vận dụng bài học dựa vào sức mạnh của toàn

dân đối với hai nhiệm vụ cực kỳ quan trọng mà Đảng ta đã xác định trong sự nghiệp đổi mới : *nhiệm vụ xây dựng kinh tế là trung tâm và nhiệm vụ xây dựng Đảng là then chốt.*

Từ một nước kinh tế còn nghèo nàn, lạc hậu, chậm phát triển, bỏ qua giai đoạn phát triển chủ nghĩa tư bản tiến lên chủ nghĩa xã hội thì *nhiệm vụ chủ yếu nhất, cơ bản nhất hiện nay là phải ra sức phát triển kinh tế, chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu, làm cho đất nước ngày càng giàu mạnh, thật sự đem lại cuộc sống văn minh, ấm no, tự do, hạnh phúc cho toàn dân ta.*

Muốn thực hiện được *nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm* ấy không có con đường nào khác là phải dựa vào sức mạnh của toàn dân tộc. Cần có cơ chế, chính sách để động viên, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, của mọi tầng lớp nhân dân, mọi người dân yêu nước ở trong nước và ở nước ngoài, đặc biệt là sức mạnh của lực lượng trẻ, lực lượng xung kích trên mặt trận kinh tế.

Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã chỉ rõ : *"Đảng ta chủ trương thực hiện nhất quán chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần. Các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh*

tranh lành mạnh". Nền kinh tế quốc dân bao gồm : *"kinh tế nhà nước phát huy vai trò chủ đạo"*, và các thành phần *"kinh tế tập thể"*, *"kinh tế cá thể, tiểu chủ"*, *"kinh tế tư bản tư nhân"*, *"kinh tế tư bản nhà nước"*, *"kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài"*. Gần đây để cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội IX, Trung ương đã có các nghị quyết đề ra nhiều chính sách cụ thể về đổi mới phát triển kinh tế nhà nước, đổi mới phát triển kinh tế tập thể, khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân, kể cả doanh nghiệp tư bản tư nhân ; Bộ Chính trị đã ra nghị quyết về chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Những chủ trương của Đảng nói trên là bước tiến quan trọng, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong xây dựng kinh tế. Chúng ta cần đổi mới mạnh mẽ hơn nữa, chống bảo thủ giáo điều, ra sức thực hiện các nghị quyết của Đảng một cách sáng tạo, có hiệu quả, nhằm phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất phù hợp, nhằm thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh ; lấy đó làm thước đo cao nhất. Đảng thực sự tin tưởng mãnh liệt vào lòng yêu nước của nhân dân ta, *đề ra những cơ chế, chính sách khuyến khích, động viên toàn dân đem sức lực, tiền của, trí tuệ, tài năng ra để sản xuất, kinh doanh, xóa đói nghèo, làm giàu chính đáng cho mình và cho xã hội, chống làm ăn phi pháp, làm giàu bất chính*. Bởi vì xã hội xã hội chủ

nghĩa phải là một xã hội giàu có, dân chủ, công bằng, văn minh chứ không phải là một xã hội chia đều sự nghèo đói. Phải tôn vinh người biết làm kinh tế giỏi, làm ra nhiều của cải cho xã hội, xóa bỏ mọi quan niệm, mọi cơ chế, chính sách cản trở phát triển sản xuất, gây tâm lý hoài nghi, không dám bỏ tiền của ra để làm giàu cho mình và cho đất nước.

Chúng ta sống trong một thời đại khoa học phát triển như vũ bão và trở thành nhân tố quyết định sự phát triển của mỗi dân tộc. *Từ một nước nghèo, để tiến lên kịp thế giới*, cần phải đi tắt, đón đầu, sớm nắm được những đỉnh cao của khoa học ; để đưa đất nước tiến lên nhanh hơn, vững mạnh hơn, sớm tiến vào nền kinh tế tri thức của thời đại mới, *cần đặc biệt chú trọng phát huy sức mạnh trí tuệ của toàn dân tộc* ; phải luôn coi trọng việc nâng cao dân trí, phát hiện, bồi dưỡng nhân tài, động viên được những người yêu nước, có tài năng và trí tuệ vào xây dựng đất nước để nước ta sớm có *công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, dịch vụ hiện đại, văn hóa, khoa học hiện đại và quốc phòng hiện đại*.

Nhiệm vụ xây dựng Đảng là then chốt luôn gắn với xây dựng chính quyền.

Làm cho Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh, xứng đáng là lực lượng tiên phong tiêu biểu của giai cấp và dân tộc, chính quyền thật sự trong sạch, có hiệu lực, thật sự là của dân, do dân, vì dân.

Đó là *nhân tố quyết định bảo đảm cho đất nước giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa*, thực hiện được mục tiêu cách mạng trong giai đoạn mới và không để diễn ra "tự diễn biến" trong cán bộ, đảng viên là cách chống "diễn biến hòa bình" có hiệu quả nhất hiện nay.

Muốn làm được nhiệm vụ này cũng phải dựa vào nhân dân.

Trong Đảng, phải giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, trau dồi đạo đức và nâng cao trí tuệ, thực hiện dân chủ rộng rãi ở các cấp từ Trung ương đến cơ sở để phát huy được nhiệt tình trách nhiệm và trí tuệ của toàn Đảng. Đối với toàn xã hội, phải giáo dục chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội, nêu cao lòng tự hào dân tộc, thực hiện dân chủ ở các cấp, không chỉ ở cơ sở, để cán bộ và nhân dân được biết, được bàn, được kiểm tra ; để dân thật sự là người làm chủ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đi đôi với dân chủ phải giữ vững kỷ luật và kỷ cương nghiêm minh.

Vấn đề bức xúc nhất và khó khăn, phức tạp nhất, quyết định đến sự tồn vong của Đảng hiện nay là tệ nạn tham nhũng, quan liêu, lãng phí - loại "giặc nội xâm". Chúng ta đã đề ra nhiều nghị quyết, ban hành pháp lệnh, trải qua vận động chính đốn để chống tham nhũng, nhưng tham nhũng, lãng phí không giảm, mà diễn ra tinh vi, nghiêm trọng hơn.

Tôi nghĩ rằng phải làm đúng tư tưởng Bác Hồ là *có dựa vào nhân dân mới*

chống được tham nhũng. Phải định ra cơ chế để phát huy vai trò giám sát, "*kiểm soát*" của cơ quan dân cử : Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp và của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể quần chúng đối với công tác chống tham nhũng. Phải định ra cơ chế để nhân dân có thể phát hiện, tố giác những người tham nhũng. Tạo mọi điều kiện để *phát huy hết trách nhiệm của các cơ quan pháp luật, cơ quan kiểm tra, thanh tra* của Đảng và Nhà nước. Hết sức tránh lối làm việc "vừa đá bóng vừa thổi còi" ; vì tự mình kiểm tra mình thì khó lòng chống được tham nhũng.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo *tiến hành điều tra, xét xử một cách kiên quyết, triệt để, nghiêm minh, có trọng điểm* những vụ tham nhũng đã được phát hiện, nhất là những vụ tham nhũng lớn, không thể làm nửa vời.

Trên đây là mấy suy nghĩ về bài học của Cách mạng Tháng Tám đối với sự nghiệp đổi mới.

Có đường lối đúng đắn, sáng tạo, thật sự dựa vào sức mạnh của toàn dân, Cách mạng Tháng Tám và sự nghiệp giải phóng dân tộc đã giành thắng lợi vẻ vang.

Có đường lối đúng đắn, sáng tạo, thật sự tin tưởng và dựa vào sức mạnh của toàn dân, nhất định kinh tế sẽ phát triển, Đảng và Nhà nước ta sẽ vững mạnh, sự nghiệp xây dựng đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc sẽ đạt được những thành tựu to lớn mới. □

TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 ĐẾN TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

DƯƠNG TRUNG QUỐC *

1. Từ một cuộc Cách mạng thành công "nhanh chóng đến mức người ta sững sờ"...

"Nhanh chóng đến mức người ta sững sờ" là nhận xét của một nhà báo - sử gia lão thành người Pháp, Phi-líp Đơ-vi-le (Philippe Devillers) viết về cuộc Cách mạng tháng 8-1945 ở Việt Nam⁽¹⁾. Nhận xét này 40 năm sau lại được một nhà sử học trẻ người Na Uy, Xten Ton-nét-xơn (Stein Tonnesson) chia sẻ theo một cách diễn đạt khác : "Cuộc cách mạng đã thành công dễ dàng đến thế" ⁽²⁾.

Đưa ra những nhận xét ấy, có lẽ các tác giả còn muốn ngầm so sánh với những gì mà sử sách đã ghi chép về các cuộc cách mạng đã từng xảy ra trên thế giới.

Đó là hình ảnh đầu vua Lu-i (Louis) rơi trên đoạn đầu đài cùng những đám đông nông nô tấn công phá ngục Ba-xti (Bastille) ; hoặc những cuộc biểu tình bị thảm sát trong Cách mạng 1905, rồi trận tấn công Cung điện Mùa Đông cùng cái chết thảm khốc của gia tộc Sa hoàng Ni cô-lai đệ nhị ở nước Nga năm 1917 v.v... Nếu đọc một cuốn biên

niên sử cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945, ta sẽ nhận thấy một hiện tượng không giống các cuộc cách mạng đã nêu ở trên là nó dường như diễn ra một cách suôn sẻ khó ngờ.

Ở Hà Nội, trung tâm chính trị của cả nước, sức mạnh của quần chúng sôi sục yêu nước và khát khao độc lập, mà ta thường gọi là "bạo lực chính trị" là điều không ai không thừa nhận bằng ký ức và các nguồn tư liệu thành văn. Song trên địa bàn cả thành phố hầu như súng rất ít nổ mà thay bằng những tiếng hô khẩu hiệu hay các bài ca cách mạng. Những căng thẳng diễn ra ở trại Bảo an binh hay Ngân hàng Đông Dương cũng nhanh chóng được giải tỏa bởi thái độ "trung lập" của phát xít Nhật vào lúc đang chờ quân Đồng minh tới tước vũ khí. Ngay ở địa điểm mà ngày nay chúng ta vẫn coi là một di tích tiêu biểu của cuộc

* Tổng thư ký Hội khoa học Lịch sử Việt Nam

(1) Philippe Devillers : *Histoire du Vietnam de 1940 à 1952*, Éd. du Seuil, Paris 1952

(2) Stein Tonnesson : *The Vietnamese Revolution of 1945. Roosevelt, Ho Chi Minh and De Gaulle. in the World of War*, Sage publications, 1991

cách mạng này là Bắc Bộ phủ thì những hình ảnh còn ghi lại cho ta thấy những người khởi nghĩa không phải đụng độ quyết liệt mới chiếm được. Bởi lẽ chủ nhân cũ của đầu não chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim ở ngoài Bắc là Khâm sai Phan Kế Toại đã từ chức rời nhiệm sở vào đêm 17-8, sau khi đã dặn các viên chỉ huy không được chống đối và sẵn sàng mở cửa nếu quân cách mạng đến. Còn người mới nhận chức là Nguyễn Xuân Chữ chưa kịp yên vị thì cách mạng đã lật đổ chế độ mà ông ta vừa được bổ làm khâm sai. Ở Huế, trước khi quân khởi nghĩa giành được chính quyền (23-8) đã có hai công tử con nhà quan đang theo học trường Thanh niên Tiền tuyến của chính phủ bù nhìn được Việt Minh giác ngộ, đã trèo lên kỳ đài thay lá cờ quẻ ly bằng lá cờ đỏ sao vàng từ ngày 21-8, ngay sau khi vua Bảo Đại ngỏ lời xin thoái vị và chờ đại diện chính phủ Trung ương từ Hà Nội vào để làm lễ cáo chung chế độ phong kiến. Ở Việt Nam, vua không những không lên đoạn đầu đài mà còn được vị Chủ tịch nước Việt Nam mới vời ra làm cố vấn tối cao. Ông vua ấy cho dù cuối cùng đã phản bội sự khoan dung của cách mạng, nhưng cũng đã từng nói được một câu có ý nghĩa : "Được làm công dân một nước độc lập, hơn làm vua một nước nô lệ".

Cuộc cách mạng ở Việt Nam không chỉ thu hút đông đảo những người thuộc tầng lớp cần lao mà còn thu hút được hầu hết các tầng lớp xã hội, kể cả tầng lớp trên mà lẽ thường phải là đối tượng của cách mạng. Ngày về đến Hà Nội lần đầu tiên, Bác Hồ không chỉ được che chở bởi những người

cách mạng thuộc giới lao động mà còn sống và được cứu mang của những cơ sở cách mạng thuộc những gia đình giàu có nhất. Quan lại cao cấp của chế độ cũ, từ Thượng thư tới Khâm sai đại thần, từ các thành viên trong hoàng tộc tới cựu tổng trưởng... đều được cách mạng mở rộng hàng ngũ...

Nhưng, sự tưởng chừng "thành công dễ dàng" và "nhanh chóng đến sững sờ ấy" là kết quả của cả một quá trình lâu dài của một dân tộc bền bỉ đấu tranh cho mục đích giành cho được "độc lập, tự do", và đã phải từng trả giá bằng biết bao đầu rơi máu chảy cho những thất bại trước sức mạnh của cường quyền thực dân và phát xít, mà nạn đói cướp đi 2 triệu mạng người ngay đêm hôm trước của cuộc cách mạng là một bằng chứng tiêu biểu. Đó cũng là cả một quá trình tôi luyện của một tổ chức cách mạng tuy mới tồn tại được 15 năm, nhưng đã kinh qua bao nhiêu thử thách, trong đó có những bài học thất bại sâu sắc của Xô viết Nghệ Tĩnh (1930 - 1931), và Nam Kỳ khởi nghĩa (1940), lần lượt cả bốn Tổng Bí thư thời kỳ đầu của Đảng từ Trần Phú đến Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập và Nguyễn Văn Cừ đều hy sinh cùng biết bao đồng chí khác.

Đó cũng là sự thể hiện tuyệt vời không chỉ nhờ sự lãnh đạo tài tình của một lãnh tụ anh minh như Chủ tịch Hồ Chí Minh, với cả một đội ngũ những người lãnh đạo từng trải, đúc kết những nguyên lý cách mạng đầy tinh thần nhân bản "người cách mạng không được dùng quần chúng một cách vụ lợi, không được phiêu lưu để được tiếng anh hùng" (Trường Chinh), nhưng lại không sợ gian khổ hy sinh, "dù có phải đốt cháy dãy Trường Sơn cũng quyết đứng

lên giành độc lập" (Hồ Chí Minh). Chính nghệ thuật chỉ đạo cách mạng, đặc biệt là tài nghệ nắm bắt và tạo ra cơ hội của những người lãnh đạo cuộc cách mạng, đứng đầu là Bác Hồ đã kích thích sự sáng tạo trong hàng ngũ những người cách mạng, khiến cho cuộc nổi dậy giành chính quyền trên một đất nước dài hàng ngàn ki-lô-mét, cao điểm chỉ diễn ra trong một tuần lễ, tính từ tổng khởi nghĩa ở Hà Nội (19-8) đến giành chính quyền ở Sài Gòn (25-8).

Nhà sử học X. Tôn-nét-xon có đưa ra một trạng huống "khoảng trống quyền lực" như để gọi lên phần nào sự "ăn may" đối với những người cách mạng do tình thế tạo ra, nhưng nếu không có một quá trình vận động lâu dài và chủ động thì chắc chắn, khoảng trống đó sẽ nhanh chóng bị lấp đầy bằng những mưu đồ đen tối của các thế lực ngăn cản nền độc lập dân tộc, của chính những lực lượng Đồng minh, chứ không phải nó được lấp đầy bằng quyền lực của nhân dân Việt Nam đã được thể hiện như lịch sử của cuộc Cách mạng tháng Tám 1945.

2 ... đến bản Tuyên ngôn Độc lập 1945

Một người bạn Mỹ am hiểu văn hóa và lịch sử Việt Nam, bà La-đi Bo-ton (Lady Borton) phát hiện ra một chi tiết rất hay về đoạn mở đầu của bản *Tuyên ngôn Độc lập* do Chủ tịch Hồ Chí Minh soạn thảo và đọc ở Lễ Độc lập 2-9-1945 ở Quảng trường Ba Đình lịch sử. Đúng ra đó là đoạn trích dẫn câu mở đầu của Tuyên ngôn Độc lập Hoa Kỳ do G. Oa-sinh-ton tuyên đọc năm 1776.

Điều phát hiện xung quanh câu chữ "*all men*" trong Tuyên ngôn Mỹ được Bác Hồ dịch thành "*Tất cả mọi người*" trong câu

được dịch tiếp là "*đều sinh ra có quyền bình đẳng...*". Theo bà La-đi Bo-ton thì ở vào thế kỷ XVIII, thời điểm soạn thảo văn bản này ở nước Mỹ vẫn còn chế độ nô lệ và khái niệm "*all men*" chỉ để nói về những người đàn ông da trắng có sở hữu, trong đó có sở hữu cả nô lệ da đen. Và như vậy có nghĩa là khi dẫn lại và dịch ra tiếng Việt câu này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mang lại cho nó một nghĩa mới chứa đựng ở đó cả một thành tựu to lớn của nhân loại trên con đường đấu tranh cho nền văn minh. Bà La-đi Bo-ton còn nhấn mạnh thêm về hàm nghĩa "*mọi người*" trong cách dịch của nhà cách mạng Việt Nam không còn giới hạn ở những người đàn ông, bà viết : "Với việc chỉ sửa một từ trong bản dịch của mình, Cụ Hồ đã khôn khéo nhưng cuối cùng cũng thông báo được cho nhân dân của Cụ và thế giới một cuộc cách mạng thứ hai : đó là Hồ Chí Minh đã tuyên bố độc lập cho phụ nữ Việt Nam"⁽³⁾.

Quả thật, ngay trong cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên tổ chức ngày 6-1-1946, quyền bình đẳng nam nữ đã được khẳng định bằng quyền bầu cử và sau đó là trong bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Cũng nên bổ sung thêm rằng, trước đó 1/5 thế kỷ, năm 1925, khi đào tạo thế hệ những chiến sĩ cách mạng đầu tiên tập hợp trong Hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng ở Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc đã từng một lần dịch đoạn trích này khi giới thiệu về "Kách mệnh Mỹ" bằng một cách diễn đạt khác nhưng vẫn chung ý nghĩa : "*Ai cũng có*".

(3) Lady Borton : "*Hồ Chí Minh và Tuyên ngôn Độc lập*". Tạp chí Xưa & Nay, số 81B (11 - 2000)

Hơn thế nữa, Chủ tịch Hồ Chí Minh, người đã từng chiến đấu không biết mệt mỏi cho sự nghiệp chống áp bức của các dân tộc bị áp bức, chủ bút tờ *Người cùng khổ* (Le Paria), người đã lớn tiếng phê phán những đồng chí cộng sản ở chính quốc không quan tâm giúp đỡ những người dân bị trị ở các thuộc địa, còn mở rộng tư tưởng của Tuyên ngôn Độc lập của Hoa Kỳ sang một phạm trù rộng lớn hơn nhiều, khi viết trong Tuyên ngôn Độc lập Việt Nam :

"Suy rộng ra câu ấy có nghĩa là tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do". Và với mệnh đề ấy bản Tuyên ngôn Độc lập không chỉ định vị được nền độc lập của dân tộc Việt Nam tự mình giành được trong một thế giới vừa chiến thắng chủ nghĩa phát xít, đồng thời cũng khẳng định triển vọng cho các dân tộc bị áp bức khác thoát khỏi ách thuộc địa của các đế quốc phương Tây.

Cũng về câu suy rộng trên, ngay trước khi bản Tuyên ngôn Độc lập được tuyên đọc tại Quảng trường Ba Đình thì đã có một người phát hiện thêm một chi tiết tinh tế khác. Người phát hiện ra chi tiết này chính là A. Pat-ti (A.Patti), người đứng đầu cơ quan tình báo chiến lược Mỹ (OSS), có mặt ở Hà Nội ngay sau ngày Việt Minh giành được chính quyền (20-8-1945). Trong cuốn hồi ký "Tại sao Việt Nam ?", A. Pat-ti kể lại rằng ngày 30-8-1945 ông được Chủ tịch Hồ Chí Minh mời đến ngôi nhà 48 Hàng Ngang, Hà Nội và đưa cho xem bản thảo Tuyên ngôn Độc lập Việt Nam. A. Pat-ti nhận ra ngay khi "suy rộng", tác giả đã cố

thỉnh chuyển vị trí của hai từ "tự do và quyền sống" khác trình tự trong Tuyên ngôn của Hoa Kỳ. A. Pa-ti viết : "Cố sức nhớ lại tôi mới thấy các danh từ đã được chuyển vị và nhận xét là trật tự các chữ "tự do" và "quyền sống" đã bị thay đổi. Ông Hồ nắm ngay lấy và nói : "Đúng, không thể có tự do mà không có quyền sống, cũng như không thể có hạnh phúc mà không có tự do"⁽⁴⁾.

Bản Tuyên ngôn Độc lập của Việt Nam còn nhắc đến, cũng bằng một câu trích dẫn bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp cùng nhiều nội dung quan trọng khác nhằm khẳng định thực tiễn và cơ sở pháp lý của nền độc lập mà dân tộc Việt Nam đã "tự mình giành lấy cho mình", cũng như quyết tâm của toàn dân bảo vệ nền độc lập ấy.

Đánh giá về bản Tuyên ngôn Độc lập của Việt Nam, nhà sử học Na Uy X. Ton-nét-xon, tác giả của một tác phẩm nghiên cứu đồ sộ về "Cách mạng Việt Nam 1945" đã viết : "Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 của Việt Nam nằm trong những nguồn cảm hứng chủ yếu của một đường lối đấu tranh lớn khác sau chiến tranh : đó là quá trình phi thực dân hóa. Trong các cuộc cách mạng cộng sản, cách mạng của Việt Nam nổi lên như là một trong những cuộc có sức sống và làm đảo lộn nhiều nhất"⁽⁵⁾.

*

* *

(Xem tiếp trang 54)

(4) Archimedes L. A. Patti : *Why Vietnam ?* (Bản dịch), Nxb Đà Nẵng, 1995, tr 230

(5) Stein Tonnesson : *The Vietnamese Revolution of 1945*, Oslo, Sage publication, 1991



KẾT LUẬN
CỦA HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA IX
VỀ TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 2 KHÓA VIII,
PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO,
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỪ NAY ĐẾN NĂM 2005 VÀ ĐẾN NĂM 2010

HỘI nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa IX tán thành các nội dung cơ bản đã được trình bày trong Báo cáo của Bộ Chính trị về kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII và phương hướng phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ từ nay đến năm 2005 và đến năm 2010. Ban Chấp hành Trung ương giao cho Bộ Chính trị tiếp thu các ý kiến của Trung ương, bổ sung, hoàn chỉnh Báo cáo để làm tài liệu chỉ đạo, quán triệt, triển khai thực hiện Kết luận hội nghị này. Hội nghị nhấn mạnh một số điểm cơ bản dưới đây :

I - VỀ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO

1 - Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết, nền giáo dục nước nhà có bước phát triển mới. Nước ta đã đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, tiến hành phổ cập trung học cơ sở ở một số tỉnh, thành phố, trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên, chất lượng

giáo dục toàn diện có chuyển biến bước đầu. Sự nghiệp giáo dục ngày càng được đề cao và được toàn xã hội quan tâm.

Đạt được những thành tựu nói trên trong điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn đã thể hiện nỗ lực to lớn của toàn Đảng, toàn dân ta, sự đóng góp quan trọng của đội ngũ giáo viên và các cán bộ quản lý của ngành giáo dục trong cả nước, nhất là các thầy giáo, cô giáo công tác ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Bên cạnh những thành tựu, nền giáo dục nước ta còn đứng trước nhiều khó khăn, yếu kém, nhất là về chất lượng và quản lý nhà nước về giáo dục. Thi cử còn nặng nề. Xu hướng thương mại hóa một số hoạt động giáo dục đã gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng, chưa có giải pháp hữu hiệu để ngăn chặn. Cơ cấu giáo dục còn bất hợp lý, mất cân đối giữa đào tạo nghề với đại học, giữa các ngành nghề, còn chênh lệch lớn giữa các vùng ; nhiều nhu cầu nhân lực của nền kinh tế chưa được đáp ứng.

2 - Ban Chấp hành Trung ương chủ trương từ nay đến năm 2010 toàn Đảng, toàn dân mà nòng cốt là đội ngũ giáo viên và cán bộ giáo dục cần đặc biệt tập trung vào các nhiệm vụ sau :

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

Tạo chuyển biến cơ bản về chất lượng giáo dục, trước hết nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, thực hiện giáo dục toàn diện, đặc biệt chú trọng giáo dục tư tưởng - chính trị, nhân cách, đạo đức, lối sống cho người học.

Tăng cường phối hợp nhà trường và gia đình, phát huy vai trò giáo dục gia đình.

Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, tăng cường giáo dục tư duy sáng tạo, năng lực tự học, tự tu dưỡng, tự tạo việc làm. Tăng cường giáo dục hướng nghiệp, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của đất nước và các địa phương, vùng, miền. Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn khoa học xã hội, nhân văn, nhất là các môn học Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Một số trường đại học phải sớm đạt chất lượng ở trình độ quốc tế.

Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nhân tài, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Sớm xây dựng chính sách sử dụng và tôn vinh các nhà giáo, cán bộ quản lý giỏi, có công lao lớn trong sự nghiệp giáo dục, đào tạo. Nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học, chấn chỉnh việc phong chức danh, học vị, cấp văn bằng.

- Phát triển quy mô giáo dục cả đại trà và mũi nhọn, trên cơ sở bảo đảm chất lượng và điều chỉnh cơ cấu đào tạo, gắn đào tạo với

yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đào tạo với sử dụng.

Mở rộng hệ thống trường lớp giáo dục mầm non trên mọi địa bàn dân cư, đặc biệt ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số, nông thôn.

Hoàn thành cơ bản phổ cập trung học cơ sở vào năm 2010, củng cố kết quả phổ cập tiểu học, đặc biệt ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa. Tiếp tục xóa mù chữ, ngăn ngừa tái mù chữ, giáo dục cho người lớn. Thực hiện phổ cập trung học ở những nơi đã phổ cập xong trung học cơ sở.

Điều chỉnh cơ cấu đào tạo, tăng nhanh dạy nghề và trung học chuyên nghiệp. Hiện đại hóa một số trường dạy nghề nhằm chuẩn bị đội ngũ công nhân bậc cao có trình độ tiếp thu và sử dụng công nghệ mới và công nghệ cao.

Phát triển giáo dục không chính quy, các hình thức học tập cộng đồng ở các xã, phường gắn với nhu cầu thực tế của đời sống kinh tế - xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người có thể học tập suốt đời, hướng tới xã hội học tập.

- Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục. Có chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên thuộc các gia đình nghèo và các đối tượng chính sách xã hội. Ưu tiên phát triển giáo dục ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số. Chú trọng đào tạo cán bộ vùng dân tộc (cán bộ đảng, chính quyền, đoàn thể từ bản, ấp trở lên và cán bộ khoa học kỹ thuật). Củng cố và tăng cường hệ thống trường nội trú, bán trú cho học sinh dân tộc thiểu số ; từng bước mở rộng quy mô tuyển sinh, đáp ứng yêu cầu đào tạo toàn diện đi đôi với cải tiến chính sách học bổng cho học sinh các trường này. Thực hiện chế độ miễn phí học tập, cung cấp sách giáo khoa cho học sinh vùng cao, vùng sâu,

vùng xa, học sinh người dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt chính sách cử tuyển, đào tạo theo địa chỉ đối với vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa có nhiều khó khăn. Có chính sách bổ túc kiến thức cần thiết cho số học sinh dân tộc thiểu số đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung học cơ sở mà không có điều kiện học tiếp để các em trở về địa phương tham gia công tác ở cơ sở.

Để thực hiện các nhiệm vụ trên, cần tập trung làm tốt các việc chủ yếu sau :

- Đổi mới mạnh mẽ quản lý nhà nước về giáo dục.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và nâng cao năng lực quản lý nhà nước về giáo dục ; coi việc phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo là một chỉ tiêu phấn đấu xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

Tăng cường trật tự kỷ cương trong các trường học và toàn bộ hệ thống giáo dục, kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực trong giáo dục.

Thực hiện mạnh mẽ phân cấp quản lý giáo dục ; phát huy tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục, nhất là các trường đại học, trách nhiệm của ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và các quận, huyện trong việc thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục.

Tiếp tục xây dựng đồng bộ và kịp thời hoàn thiện các văn bản pháp lý giáo dục. Xác định và thể chế hóa vai trò, chức năng các cấp quản lý. Hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý giáo dục từ Bộ Giáo dục và đào tạo đến các cơ sở giáo dục.

Tăng cường công tác dự báo, đổi mới công tác xây dựng kế hoạch và quy hoạch phát triển giáo dục, nhất là ở bậc cao đẳng, đại học và dạy nghề.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra ; đổi mới cơ bản công tác thi cử, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, công tác tuyển sinh. Quản lý chặt chẽ các loại hình đào tạo, nhất là đào tạo tại chức, từ xa ; xóa tệ nạn văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp ; kiên quyết chấn chỉnh tình trạng quản lý thu chi không minh bạch và hiện tượng dạy thêm, học thêm tràn lan ; chống "thương mại hóa" giáo dục v.v...

Có cơ chế, chính sách tạo điều kiện và khuyến khích các doanh nghiệp, các cá nhân, các tổ chức xã hội tham gia xây dựng các cơ sở giáo dục ngoài công lập.

Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học giáo dục nhằm cung cấp cơ sở khoa học để hoàn thiện đường lối, chính sách giải quyết các vấn đề bức xúc trong giáo dục.

Mở rộng hợp tác quốc tế về giáo dục. Tranh thủ các dự án của các tổ chức quốc tế và nước ngoài về giáo dục ; mở nhiều hình thức liên kết đào tạo với nước ngoài, tổ chức "du học tại chỗ". Chú trọng quản lý các loại hình trường do nước ngoài đầu tư.

Nhà nước tăng cường kinh phí mở rộng quy mô đưa người đi đào tạo ở nước ngoài, đồng thời khuyến khích đi học nước ngoài tự túc, thống nhất quản lý nhà nước về lưu học sinh và có chính sách sử dụng người học ở nước ngoài trở về phục vụ Tổ quốc.

- Xây dựng và triển khai chương trình "Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục một cách toàn diện".

Trước mắt thực hiện tốt Chỉ thị số 18/2001/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Hoàn thành trước năm 2005 việc sàng lọc và bố trí lại những cán bộ, giáo viên không còn đủ điều kiện công tác trong ngành giáo dục, giải quyết chế độ nghỉ trước tuổi cho các nhà giáo các cấp học chưa đạt chuẩn, năng lực giảng dạy yếu.

Bố trí cán bộ quản lý giáo dục các cấp phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và năng lực của cán bộ, có cơ chế thay thế khi không đáp ứng yêu cầu.

Có chính sách xét giáo viên mầm non vào biên chế, trước hết ở các vùng khó khăn. Khi chuyển giáo viên mầm non sang chế độ viên chức sẽ thực hiện ký hợp đồng lao động dài hạn, có bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội.

Các cấp ủy đảng từ Trung ương tới địa phương quan tâm chỉ đạo thường xuyên công tác đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục về mọi mặt, coi đây là một phần của công tác cán bộ ; đặc biệt chú trọng việc nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất, lối sống của nhà giáo.

Xây dựng kế hoạch đào tạo, đào tạo lại đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, bảo đảm đủ số lượng, cơ cấu cân đối, đạt chuẩn đáp ứng yêu cầu thời kỳ mới. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm bảo đảm đủ giáo viên và cân đối cơ cấu đội ngũ giáo viên trong địa phương mình.

Củng cố hệ thống các trường sư phạm, đẩy nhanh việc xây dựng hai trường đại học sư phạm trọng điểm.

Hoàn thiện chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Có chính sách thu hút cán bộ khoa học trình độ cao của các viện nghiên cứu trong nước và các nhà khoa học Việt Nam ở nước ngoài, các nhà khoa học nước ngoài tham gia giảng dạy ở các trường đại học, cao đẳng.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân và sắp xếp, củng cố, phát triển mạng lưới trường lớp, cơ sở giáo dục.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng đa dạng hóa, chuẩn hóa, hiện đại hóa và xã hội hóa, liên thông,

tổ chức phân luồng sau trung học cơ sở và trung học phổ thông theo hướng xây dựng cơ cấu đào tạo hợp lý, gắn với yêu cầu của thị trường lao động. Ở bậc đại học, từng bước thực hiện chế độ cho học và thi lấy chứng chỉ theo từng học phần.

Ở vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo chủ yếu mở trường mầm non công lập.

Nghiên cứu chuyển dần một số trường phổ thông và dạy nghề dân lập hiện có sang loại hình trường tư thục ; tiếp tục phát triển các loại hình trường ngoài công lập trên cơ sở bảo đảm chất lượng và các điều kiện dạy và học ; bảo đảm quản lý nhà nước đối với các loại hình trường này.

Hình thành hệ thống đào tạo kỹ thuật thực hành với nhiều cấp trình độ, đẩy nhanh tiến độ xây dựng một số trường đại học, trường dạy nghề trọng điểm. Xây dựng đề án cơ cấu lại hệ thống đào tạo và cơ quan quản lý, chỉ đạo, điều hành quốc gia về nguồn nhân lực của cả nước. Tiếp tục sắp xếp, củng cố mạng lưới các trường, nhất là các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Đẩy nhanh xây dựng cơ sở Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, một số trường trọng điểm khác, đặc biệt trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ. Tiếp tục triển khai mô hình gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học trong các doanh nghiệp lớn.

- Tăng cường đầu tư cho giáo dục - đào tạo đúng với yêu cầu quốc sách hàng đầu. Đổi mới cơ chế, chính sách nhằm huy động mọi nguồn lực có thể huy động được để phát triển giáo dục.

Tiếp tục tăng đầu tư cho giáo dục - đào tạo, bảo đảm tốc độ tăng chi ngân sách cho

giáo dục hàng năm cao hơn tốc độ tăng chi ngân sách Nhà nước ; tỷ lệ chi ngân sách cho giáo dục - đào tạo sẽ tùy thuộc vào điều kiện cụ thể mà quyết định, nhưng không được thấp hơn tỷ lệ chi ghi trong Chiến lược giáo dục. Đa dạng hóa các nguồn đầu tư từ các thành phần kinh tế. Phát hành trái phiếu giáo dục. Tăng nguồn tín dụng học tập cho sinh viên.

Xóa lớp học 3 ca. Thực hiện kiên cố hóa trường lớp sau 5 năm và đạt chuẩn quốc gia hầu hết các trường học sau 10 năm. Dành đủ đất cho xây dựng, phát triển trường học, nhất là ở nông thôn. Triển khai nhanh chủ trương xây dựng ký túc xá cho sinh viên, học sinh và nơi ở cho giáo viên được điều động đến công tác ở vùng khó khăn.

- *Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, coi giáo dục là sự nghiệp của toàn dân* là một giải pháp quan trọng để tiếp tục phát triển giáo dục. Nhà nước khuyến khích mọi đóng góp, mọi sáng kiến của xã hội cho giáo dục. Mặt khác, Nhà nước tập trung đầu tư cho giáo dục ở vùng sâu, vùng dân tộc thiểu số, những đối tượng gặp khó khăn.

Thực hiện chương trình giáo dục cho mọi người. Tiếp tục đa dạng hóa các loại hình trường lớp, tạo cơ hội học tập cho mọi tầng lớp nhân dân có nhu cầu. Nghiên cứu các chính sách Nhà nước hỗ trợ trường ngoài công lập.

Hoàn thiện Quy chế về tổ chức và hoạt động của Hội đồng giáo dục các cấp, của Hội khuyến học, của các loại hình trường ngoài công lập ; chính sách về học phí, học bổng, quy định các khoản thu và sử dụng các khoản đóng góp của người học, các khoản hỗ trợ cho học sinh vùng dân tộc, vùng khó khăn, gia đình chính sách...

II - VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1 - Trong 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII khoa học và công nghệ nước ta đã có những đóng góp thiết thực cho việc phát triển kinh tế - xã hội.

Khoa học xã hội và nhân văn đã có đóng góp quan trọng trong việc khẳng định chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, tham gia vào việc xây dựng Cương lĩnh chính trị của Đảng, xây dựng văn kiện các Đại hội Đảng và hoạch định đường lối, chính sách. Các ngành kinh tế đã chủ động ứng dụng tiến bộ khoa học, đổi mới công nghệ. Một số ngành đã sớm ứng dụng công nghệ hiện đại, có hiệu quả rõ rệt. Trình độ công nghệ trong một số ngành được nâng lên đáng kể ; đã có một số mặt hàng xuất khẩu có khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới. Tiềm lực khoa học và công nghệ có bước phát triển mới.

Tuy vậy, kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII còn nhiều mặt hạn chế. Hoạt động khoa học chưa gắn kết chặt chẽ với quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Đầu tư ngân sách và đầu tư của xã hội cho phát triển khoa học và công nghệ còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học và công nghệ phục vụ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trình độ công nghệ, cơ sở vật chất và kỹ thuật của nước ta hiện nay còn thấp so với các nước trong khu vực. Đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ còn thiếu ; cơ cấu ngành nghề và phân bố còn nhiều bất hợp lý. Công tác quản lý khoa học và công nghệ còn mang tính hành chính ; thị trường khoa học và công nghệ chưa phát triển ; chưa có cơ chế, chính sách đủ mạnh để

vừa khuyến khích, vừa đòi hỏi doanh nghiệp đổi mới công nghệ ; thiếu chính sách đối với cán bộ khoa học và công nghệ, nhất là đối với các nhà khoa học có tài năng và trình độ cao.

2 - Hoạt động khoa học và công nghệ từ nay tới năm 2010 cần tập trung thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu sau :

- Giải đáp kịp thời những vấn đề lý luận và thực tiễn do cuộc sống đặt ra. Cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân nhằm nhanh chóng thoát khỏi tình trạng lao động thủ công, lạc hậu, tăng năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh, nâng sức cạnh tranh của nền kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân và sức mạnh quốc phòng, an ninh. Chú trọng chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và thành tựu khoa học và công nghệ cho nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

Xây dựng và phát triển có trọng điểm các ngành công nghiệp công nghệ cao, nhất là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học. Phấn đấu đưa trình độ khoa học và công nghệ nước ta đạt mức tiên tiến trong khu vực.

- Đổi mới tổ chức và cơ chế quản lý, nâng cao trình độ quản lý khoa học và công nghệ, tạo động lực phát huy mạnh mẽ năng lực nội sinh, giải phóng sức sáng tạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động khoa học và công nghệ. Phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Kịp thời tổng kết những nhân tố mới, kinh nghiệm tốt để phổ biến, nhân rộng. Có chính sách phù hợp sử dụng, khuyến khích nhân tài, tôn vinh các nhà khoa học, các cán bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ và các nhà quản lý giỏi.

3 - Để thực hiện các nhiệm vụ nêu trên, cần tập trung giải quyết các việc chủ yếu sau :

a - Đổi mới quản lý và tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ.

Đổi mới quản lý và tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ gắn với đổi mới và tổ chức quản lý kinh tế ; bảo đảm sự gắn kết lợi ích của người sáng tạo và lợi ích của các thành phần kinh tế - xã hội. Soát xét lại các cơ chế, chính sách quản lý kinh tế theo hướng sớm thu hẹp bao cấp, giảm độc quyền, bảo hộ monopoli nhằm thúc đẩy cạnh tranh và hội nhập kinh tế, phát triển thị trường khoa học và công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa.

Mở rộng dân chủ, phát huy tự do tư tưởng, khai thác mọi tiềm năng sáng tạo trong nghiên cứu khoa học, nghiên cứu lý luận, đồng thời tăng cường quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo Luật khoa học và công nghệ. Thực hiện tốt quy chế dân chủ đi đôi với tăng cường quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu các tổ chức khoa học và công nghệ.

Nghiên cứu tách các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ không phục vụ việc quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ ra khỏi cơ quan bộ.

Các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ hoạt động theo chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả và hiệu quả hoạt động của mình theo quy định của pháp luật.

Từng bước chuyển các tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ sang cơ chế tự trang trải kinh phí, được hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp. Tạo điều kiện để phát triển nhanh doanh nghiệp công nghệ

(doanh nghiệp sản xuất kinh doanh gắn với hoạt động nghiên cứu công nghệ).

Kiến toàn cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.

Nhà nước đầu tư, bảo đảm kinh phí hoạt động cho các tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu lý luận, khoa học xã hội và nhân văn, quốc phòng, an ninh và những nhiệm vụ trọng điểm khác theo yêu cầu của Đảng và Nhà nước.

Tăng cường sự liên kết các trường đại học với các viện nghiên cứu và các doanh nghiệp.

Phát triển mạnh mẽ các tổ chức khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, dịch vụ tư vấn, môi giới, chuyển giao công nghệ, đặc biệt là các doanh nghiệp công nghệ.

Có cơ chế, chính sách cụ thể khuyến khích đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới công nghệ và thu hút các nguồn vốn đầu tư nước ngoài cho phát triển khoa học và công nghệ. Đưa tổng mức đầu tư xã hội cho khoa học và công nghệ đạt 1% GDP vào năm 2005 và 1,5% GDP vào năm 2010 ; bảo đảm tốc độ tăng chi cho khoa học và công nghệ từ ngân sách nhà nước hàng năm cao hơn tốc độ tăng chi ngân sách nhà nước.

Thành lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Tăng mức đầu tư kinh phí cho hoạt động khoa học và công nghệ trong hệ thống đại học.

Rà soát, bổ sung và đổi mới các chính sách thuế, tín dụng và chế độ tài chính để khuyến khích mạnh mẽ các hoạt động sáng tạo khoa học và công nghệ. Có chính sách bảo trợ ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ được sáng tạo ở trong nước.

b - Tạo lập và phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

Rà soát các cơ chế, chính sách hiện có và xây dựng cơ chế, chính sách mới để hỗ trợ và thúc đẩy các doanh nghiệp nghiên cứu khoa học và thường xuyên đổi mới công nghệ, thúc đẩy các hoạt động thị trường khoa học và công nghệ.

Hoàn thiện cơ sở pháp lý và nâng cao hiệu lực thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ.

c - Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ.

Nâng cao chất lượng (về phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, ngoại ngữ và tin học) của đội ngũ cán bộ khoa học ; tăng số lượng để đạt mức trung bình các nước công nghiệp mới của châu Á, tăng nhanh số lượng cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ cao.

Đẩy mạnh tốc độ gửi cán bộ khoa học và công nghệ đi đào tạo, bồi dưỡng tại các nước có trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại.

Sớm hoàn thành xây dựng và đưa vào hoạt động Khu công nghệ cao Hòa Lạc và Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh ; xây dựng và đưa vào hoạt động một số trung tâm phát triển phần mềm tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng... ; đưa vào khai thác các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, một số viện nghiên cứu, trường đại học trọng điểm đạt trình độ tiên tiến khu vực.

Xây dựng cơ sở vật chất cho hệ thống đo lường chất lượng sản phẩm đạt trình độ các nước trong khu vực.

Ban hành các văn bản pháp lý về công tác thống kê khoa học và công nghệ đáp ứng nhu

cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế.

Tổ chức hệ thống thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, các thư viện điện tử theo hướng hiện đại. Mở rộng mạng thông tin để đưa tri thức khoa học đến với mọi người.

Xây dựng và triển khai chiến lược hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ. Trong các dự án đầu tư nước ngoài có liên quan đến ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến cần có nội dung chuyển giao công nghệ.

Thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn hỗ trợ phát triển chính thức cho phát triển khoa học và công nghệ.

d - Tập trung chỉ đạo việc thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm.

Đẩy mạnh nghiên cứu các lĩnh vực khoa học xã hội, tổng kết thực tiễn, xây dựng luận cứ khoa học cho các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa theo tinh thần Nghị quyết Đại hội IX, Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về "nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới".

Ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Rà soát, lồng ghép, gắn kết các chương trình kinh tế - xã hội và khoa học - công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn.

Chuyển giao mạnh các tiến bộ khoa học và công nghệ về nông thôn, nhất là áp dụng công nghệ giống, công nghệ bảo quản - chế biến nông sản, tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp. Tăng cường cải tiến, áp dụng kỹ thuật đối với các

công nghệ truyền thống, tận dụng lao động, đất đai, tài nguyên, phát triển công nghiệp và dịch vụ. Xây dựng những khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

Có cơ chế, chính sách thỏa đáng nhằm huy động lực lượng lớn cán bộ khoa học và công nghệ, nhất là cán bộ trẻ về phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Ứng dụng và phát triển mạnh mẽ một số công nghệ cao.

Chú trọng phát triển công nghệ thông tin; sớm xây dựng ngành công nghiệp công nghệ thông tin làm cơ sở cho việc hiện đại hóa các ngành kinh tế, tăng cường năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, bảo đảm củng cố quốc phòng - an ninh. Phấn đấu nâng trình độ công nghệ thông tin đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

Phát triển công nghệ sinh học, tập trung vào nghiên cứu và ứng dụng phục vụ phát triển nông - lâm - ngư nghiệp, chế biến thực phẩm, bảo vệ sức khỏe của nhân dân và bảo vệ môi trường sinh thái. Chú trọng xây dựng và phát triển công nghệ gen, công nghệ hóa sinh, công nghệ tế bào động vật, thực vật, công nghệ vi sinh và công nghệ lên men.

Có kế hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng cho việc phát triển công nghệ vật liệu mới, cơ khí điện tử và tự động hóa, khuyến khích việc ứng dụng các công nghệ cao, hiện đại khác góp phần tăng trưởng và chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động theo hướng tiếp cận kinh tế tri thức, nhằm hình thành một số ngành công nghiệp công nghệ cao.

Trong các việc nêu trên thì việc đổi mới quản lý khoa học và công nghệ, ưu tiên phát triển công nghệ có ý nghĩa đột phá. □

TIẾP TỤC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TOÀN DIỆN

PHẠM MINH HẠC *

QUA 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2, khóa VIII về giáo dục - đào tạo (gọi tắt là NQTW2), nền giáo dục nước nhà có bước phát triển mới. Nước ta đã đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, tiến hành phổ cập trung học cơ sở ở một số tỉnh, thành phố, trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên, chất lượng giáo dục toàn diện có chuyển biến bước đầu. Sự nghiệp giáo dục ngày càng được đề cao và được toàn xã hội quan tâm. Phạm vi tác động của NQTW2 thể hiện trên các lĩnh vực sau :

1. Giữ vững mục tiêu xã hội chủ nghĩa trong giáo dục, đó là thực hiện giáo dục toàn diện về đức, trí, thể, mỹ với lý tưởng xã hội chủ nghĩa (XHCN) cho học sinh, sinh viên ; thực hiện các nguyên lý giáo dục của Đảng.

Vấn đề giáo dục toàn diện đã được thể hiện trong nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục. Ở giáo dục phổ thông, đã từng bước khắc phục tình trạng thiên về "dạy chữ", lơ lửng "dạy người". Ở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp, đã cố gắng cải tiến để nâng dần chất lượng các môn khoa học Mác - Lê-nin cho học sinh, sinh viên. Ngành giáo dục cùng các tổ

chức đảng, đoàn thể trong nhà trường đã chú trọng giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, giáo viên và học sinh, sinh viên ; tổ chức nhiều hoạt động nhằm bồi dưỡng tính tích cực chính trị - xã hội cho thầy và trò ; góp phần khắc phục biểu hiện "nhạt chính trị, phi chính trị" trong nhà trường. Tuy nhiên, việc giáo dục lý tưởng XHCN cho học sinh, sinh viên và cả một số ít trong đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục còn chưa đáp ứng yêu cầu của công cuộc phát triển đất nước, định hướng giá trị chưa kịp thời. Nội dung và phương pháp giảng dạy còn nhiều chỗ chưa có tính thuyết phục, nhiều vấn đề chưa sát với thực tế ; đội ngũ giáo viên còn thiếu và trình độ còn hạn chế .

2. Giáo dục là quốc sách hàng đầu, thể hiện ở sự tập trung cho giáo dục về đầu tư tài chính, đầu tư cán bộ, ban hành các chính sách ưu tiên và tổ chức quản lý giáo dục. Trong 5 năm qua Đảng, Nhà nước và nhân dân đã rất quan tâm phát triển giáo dục.

Về tài chính, ngân sách nhà nước dành cho giáo dục tăng dần, từ gần 11%

* GS, Viện sĩ, Phó Trưởng ban thứ nhất Ban Khoa giáo Trung ương Đảng

(năm 1996) lên 15% (năm 2000), đạt chỉ tiêu mà NQTW2 đặt ra. Nhưng tốc độ tăng ngân sách còn chậm, nhất là 3 năm đầu (1996 - 1998). Ngân sách nhà nước chỉ mới đáp ứng khoảng 70% nhu cầu tối thiểu của giáo dục, trên thực tế, ngân sách chỉ cho mỗi học sinh, sinh viên tăng không đáng kể do quy mô giáo dục phát triển nhanh. Nhiều địa phương, bên cạnh ngân sách do trung ương cấp, đã đầu tư thêm từ ngân sách địa phương cho giáo dục và đã có nhiều cố gắng cải tiến việc phân bổ, điều hành ngân sách ; đồng thời huy động nguồn lực của nhân dân để tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật nhà trường, phục vụ tốt cho việc bảo đảm chất lượng dạy và học.

Đảng và Nhà nước đã chú trọng xây dựng đội ngũ nhà giáo - nhân tố quyết định chất lượng cũng như sự thành công của giáo dục. Trong những năm gần đây, điều kiện giáo dục và đời sống giáo viên được cải thiện, chế độ, chính sách đối với giáo sinh được đổi mới. Chính phủ đã quyết định thực hiện chế độ phụ cấp đối với giáo viên đứng lớp ; học sinh, sinh viên ngành sư phạm không phải đóng học phí ; có chế độ đãi ngộ đối với các nhà giáo công tác ở các địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các trường chuyên biệt. Đã có 46/61 tỉnh, thành phố có chính sách ưu đãi của địa phương cho nhà giáo ở các mức độ khác nhau. Tuy vậy, nhiều người có nhận xét : *chính sách đối với nhà giáo vẫn chưa tạo được động lực đủ mạnh cho người dạy để đưa sự nghiệp giáo dục vào thế ổn định và tiến lên theo hướng đổi mới và phát triển, đi vào thế kỷ mới.*

Về cơ sở vật chất, mặc dù Đảng và Nhà nước có nhiều cố gắng và đã tạo ra những

chuyển biến đáng kể về trường sở, thiết bị và đồ dùng dạy học, song nhìn chung, cơ sở vật chất của ngành giáo dục vẫn ở trong tình trạng nghèo nàn, lạc hậu. Trang thiết bị, phòng thí nghiệm phục vụ giảng dạy và học tập mới đáp ứng khoảng 20% yêu cầu, tình trạng dạy chay còn khá phổ biến. Số lượng máy vi tính còn quá ít. Ở các vùng khó khăn, nhiều học sinh không có đủ sách giáo khoa. Các cuộc khảo sát hiện trạng giáo dục cùng ý kiến trong các cuộc hội thảo khoa học đều nhất trí nhấn mạnh : *Điều kiện phục vụ việc dạy và học của các trường học còn quá kém, rất ít trường đạt chuẩn so với yêu cầu của một nhà trường bình thường.*

Chính sách về giáo dục - đào tạo đã được Đảng và Nhà nước từng bước tăng cường, bổ sung. Tuy vậy, nhìn chung việc xây dựng, ban hành một số văn bản dưới luật và Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2001 - 2010 còn chậm. Hiện đang thiếu nhiều cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển mạnh giáo dục trong tình hình mới ; một số chính sách ban hành nhưng chưa chuẩn bị kịp thời các văn bản hướng dẫn, nên chậm đi vào cuộc sống ; hoặc chưa tính hết các yếu tố xã hội nên còn gây tâm tư, vướng mắc trong đội ngũ cán bộ, giáo viên. Có thể nói *giáo dục vẫn chưa thực sự được phát triển tương xứng với nhiệm vụ là “quốc sách hàng đầu”, theo tinh thần NQTW2.*

3. Giáo dục là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân ; thực hiện xã hội hóa giáo dục. Chúng ta đã tạo được phong trào học tập rộng rãi trong nhân dân nhằm phấn đấu thực hiện xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học và từng bước phổ cập giáo dục trung học

cơ sở, nâng cao dân trí. Bước đầu đã có sự thay đổi tích cực trong nhận thức của nhân dân và các cấp, các ngành về dạy nghề. Học tin học, ngoại ngữ, cập nhật tri thức và kỹ năng nghề nghiệp đã trở thành nhu cầu tương đối phổ biến trong thanh niên ở thành phố. Nhiều chương trình giáo dục với hình thức hấp dẫn xuất hiện trên các phương tiện thông tin đại chúng. Bên cạnh đó, việc đưa tri thức khoa học giáo dục về tới gia đình tuy có chuyển biến tốt, nhưng còn chưa đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Xã hội hóa giáo dục tiếp tục được đẩy mạnh và huy động được sự tham gia ngày càng tích cực của nhân dân, các tổ chức kinh tế, xã hội với nhiều việc làm thiết thực như xây dựng quỹ khuyến học, đóng góp sức người và tiền của, hiến đất xây dựng trường. Bước đầu tạo được cơ chế và từng bước hoàn thiện các điều kiện thúc đẩy phong trào toàn dân chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục. Đáng tiếc là một số địa phương có xu hướng để nhân dân lo là chính, ít đầu tư, chưa thấy vai trò và trách nhiệm của Nhà nước trong việc phát triển giáo dục, nhất là ở các địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Chủ trương xã hội hóa giáo dục chưa được thể chế hóa kịp thời, đầy đủ.

4. Phát triển giáo dục gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, những tiến bộ khoa học - công nghệ. Đánh giá về chất lượng và hiệu quả giáo dục trong những năm qua, trong xã hội còn có nhiều ý kiến khác nhau. Các chuyên gia giáo dục có nêu nhận xét : *so với mức đầu tư cho giáo dục như hiện nay, có thể khẳng định, các nhà trường đã có cố gắng lớn trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục, nhưng vẫn còn thấp so với yêu cầu phát triển kinh tế -*

xã hội và so với sự phát triển giáo dục của các nước trong khu vực và quốc tế.

Nhà nước đã ban hành một số chính sách nhằm khuyến khích, thúc đẩy việc gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học và sản xuất, dịch vụ ; cho phép thí điểm thành lập doanh nghiệp nhà nước trong các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu và cơ sở đào tạo trong doanh nghiệp ; một số chính sách và cơ chế tài chính khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ ; xây dựng các phòng thí nghiệm trọng điểm v.v. Nhưng việc thực hiện các chủ trương và chính sách này thời gian qua còn chậm. Việc kết hợp giáo dục với khoa học - công nghệ chưa được quan tâm giải quyết cả ở tầm vĩ mô và vi mô.

5. Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục. Công bằng xã hội có nhiều ý nghĩa, cần tiếp tục thực hiện bằng được quan điểm này, như chống tái mù chữ, khắc phục tình trạng bỏ học trong học sinh con em các gia đình nghèo và đối tượng chính sách, nhất là ở các vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có nhiều khó khăn. Cần giải quyết các bất hợp lý trong chính sách và cơ chế đầu tư dẫn đến thiếu công bằng trong giáo dục giữa nông thôn và thành phố ; trong phân bổ ngân sách giữa các cấp học, bậc học ; trong xây dựng cơ sở vật chất trường học. Cố gắng giảm dần chênh lệch về điều kiện học tập và chất lượng giáo dục giữa các khu vực. Chính sách học bổng, học phí, tín dụng học tập và các giải pháp hỗ trợ khác đã có cải tiến, nhưng vẫn còn chưa hợp lý, nhất là đối với con em nông dân, công nhân nghèo và các đối tượng chính sách.

6. Phát huy vai trò nòng cốt của các trường công lập đi đôi với việc đa dạng hóa các loại hình giáo dục trên cơ sở Nhà nước thống nhất quản lý. Chúng ta đã chú ý tạo cơ chế, chính sách cho việc đa dạng hóa các loại hình trường lớp, hình thức học tập. Đến nay, cả nước có 22 trường đại học, cao đẳng dân lập, bán công, một trường đại học tư thục (100% vốn nước ngoài) ; 8 trường trung học chuyên nghiệp, 70 trường dạy nghề và hàng trăm trường phổ thông ngoài công lập... Tuy nhiên, quan niệm về trường dân lập, bán công, tư thục còn có chỗ chưa rõ ràng và thiếu thống nhất ; công tác quy hoạch và quản lý các trường ngoài công lập còn chưa theo kịp sự phát triển trong thực tiễn. Các hình thức học tại chức, từ xa, du học tự túc, du học tại chỗ chưa được quản lý chặt chẽ. Nhiều trường tổ chức các hình thức đào tạo không đúng chức năng, nhiệm vụ. Do buông lỏng quản lý đối với các trường ngoài công lập và các hệ đào tạo tại chức của các trường công lập dẫn đến một số hiện tượng tiêu cực, "thương mại hóa". Tại một số trường ngoài công lập do coi lợi nhuận là động lực chủ yếu, nên một bộ phận cán bộ quản lý suy thoái đạo đức, ảnh hưởng lớn đến uy tín của ngành giáo dục và gây lo lắng cho xã hội...

Đánh giá sau 5 năm thực hiện NQTW2 cũng như qua 14 cuộc hội thảo ở một số tỉnh, thành phố được tổ chức trong những tháng gần đây, sơ bộ có thể nêu khái quát những thành tựu và yếu kém cơ bản :

Thứ nhất : NQTW2 được quán triệt và thực hiện nghiêm túc, đạt kết quả tích cực. 5 năm thực hiện NQTW2 đã đánh dấu một mốc mới trong sự nghiệp chấn hưng giáo dục nước nhà, góp phần giữ vững mục tiêu

định hướng XHCN. Nước ta đã đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, bắt đầu phổ cập trung học cơ sở ở một số thành phố và tỉnh, trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên. Hoàn thiện thêm một bước hệ thống giáo dục quốc dân, mở rộng mạng lưới trường lớp đến hầu hết các thôn bản, hiện có hơn 23 triệu người đi học, góp phần giữ vững sự ổn định chính trị, xã hội của đất nước. Quy mô và cơ sở vật chất giáo dục được phát triển. Hệ thống các trường dân tộc nội trú tỉnh, huyện được củng cố và mở rộng. Mạng lưới các trường đại học, cao đẳng, các trường chuyên nghiệp đang từng bước được tổ chức, sắp xếp lại. Hệ thống các trường đào tạo nghề đã được phục hồi và bắt đầu phát triển. Chất lượng giáo dục có chuyển biến bước đầu, hạn chế được một số hiện tượng tiêu cực, nổi cộm trong giáo dục.

Có được những thành tựu ấy, trước hết do Đảng, Nhà nước và các tổ chức kinh tế, xã hội quan tâm và có nhiều chủ trương, chính sách đúng đắn. *Hai là*, nhân dân và xã hội ngày càng có nhận thức đúng đắn và chú trọng hơn đến giáo dục, phát huy truyền thống hiếu học của dân tộc, chăm lo cho việc học tập của con em mình. *Ba là*, phần lớn các nhà giáo tận tụy với nghề, ngành giáo dục đã có nhiều nỗ lực thực hiện nhiệm vụ. *Bốn là*, ngân sách nhà nước tăng và đa dạng hóa nguồn đầu tư cho giáo dục đã tạo điều kiện đáp ứng những nhu cầu tối thiểu cho giáo dục.

Thứ hai : Tuy đạt được nhiều kết quả to lớn, nhưng bước vào thế kỷ XXI, nền giáo dục nước nhà vẫn còn nhiều yếu kém, bất cập, chưa ngang tầm với yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện

đại hóa đất nước như NQTW2 đã chỉ ra. Chất lượng giáo dục còn thấp so với yêu cầu phát triển nguồn nhân lực. Đặc biệt là ý thức trách nhiệm cộng đồng, năng lực hành động, kỹ năng nghề nghiệp của học sinh, sinh viên tốt nghiệp còn thấp. Việc giáo dục đạo đức, chính trị trong các trường học chưa được quan tâm đúng mức. Nội dung, chương trình và phương pháp dạy và học còn lạc hậu, thi cử còn nặng nề. Cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề đào tạo chưa cân đối. Nhiều hiện tượng tiêu cực bước đầu được đẩy lùi, nhưng không ít hiện tượng đáng lo ngại còn tồn tại trong nhà trường và cơ sở giáo dục. Sự phối hợp giữa các ngành trong việc xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch, dự án trong lĩnh vực giáo dục chậm được cải tiến. Đào tạo còn chạy theo thị hiếu tự phát của người học và gia đình ; đào tạo chưa gắn với sử dụng. Chính sách tuyển dụng học sinh, sinh viên tốt nghiệp còn nhiều vấn đề, gây ảnh hưởng không tốt đến chất lượng và hiệu quả giáo dục. Mức đóng góp học phí một mặt chưa phù hợp với thu nhập của phần lớn dân cư, mặt khác lại không đủ chi cho các yêu cầu bảo đảm chất lượng, do tư tưởng bình quân. Giáo dục ở miền núi, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn ; trình độ học vấn của nhân dân ở một số vùng còn quá thấp.

Những yếu kém trong lĩnh vực giáo dục có nhiều nguyên nhân. Một là, từ Đại hội lần thứ VII, Đảng ta đã xác định giáo dục cùng với khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu, song trên thực tế, trong những năm vừa qua, sự quan tâm phát triển giáo dục chưa thể hiện đầy đủ tinh thần này. Hai là, đầu tư cho giáo dục còn thấp, chưa bảo đảm cho giáo dục có đủ điều kiện

để đồng thời vừa mở rộng quy mô vừa bảo đảm chất lượng. Ba là, trong xã hội, tâm lý chạy theo khoa cử, bằng cấp còn nặng nề. Bốn là, năng lực quản lý nhà nước về giáo dục còn bộc lộ nhiều yếu kém, lúng túng trước yêu cầu mới, thiếu tầm nhìn và giải pháp chiến lược, nặng về đối phó vụ việc, khoa học giáo dục chưa phát triển kịp với thực tiễn. Chưa phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp, phát huy tiềm lực toàn xã hội để phát triển giáo dục. Cơ cấu bộ máy và cơ chế quản lý giáo dục chưa hợp lý, đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục còn nhiều bất cập. Tư duy và phương thức quản lý giáo dục vẫn còn chịu ảnh hưởng của cơ chế hành chính quan liêu, bao cấp. Năm là, đội ngũ nhà giáo không đồng bộ, vừa thiếu vừa thừa, có một bộ phận nhỏ chưa đạt chuẩn đào tạo, một số thiếu năng lực giảng dạy và tinh thần trách nhiệm. Đáng lo ngại là tác động tiêu cực của cơ chế thị trường đã làm xói mòn phẩm chất của một số nhà giáo, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín người thầy trong xã hội. Nhiều trường, nhiều nhà giáo chưa tích cực chủ động tham gia đổi mới phương pháp, nội dung giảng dạy. Sáu là, chưa phát huy nội lực nhằm thực hiện nguyên lý giáo dục gắn học với hành, nhà trường với xã hội, gắn giáo dục với sản xuất phục vụ đắc lực phát triển kinh tế - xã hội ở từng địa phương và trong cả nước.

Từ nay đến năm 2010 toàn Đảng, toàn dân mà nòng cốt là đội ngũ giáo viên và cán bộ giáo dục cần phát huy những thành tựu đã đạt được, nhanh chóng khắc phục những tồn tại, yếu kém, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Trước mắt, cần nỗ lực thực hiện Kết luận của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa IX,

NQTW2 khóa VIII về giáo dục - đào tạo trên những nhiệm vụ cơ bản sau :

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục. Tạo chuyển biến cơ bản về chất lượng giáo dục, trước hết nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, thực hiện giáo dục toàn diện, đặc biệt chú trọng giáo dục tư tưởng - chính trị, nhân cách, đạo đức, lối sống cho người học. Tăng cường phối hợp nhà trường và gia đình, phát huy vai trò giáo dục gia đình. Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, tăng cường giáo dục tư duy sáng tạo, năng lực tự học, tự tu dưỡng, tự tạo việc làm. Đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của đất nước và các địa phương, vùng, miền. Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn khoa học xã hội, nhân văn, nhất là các môn học Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Một số trường đại học phấn đấu sớm đạt chất lượng ở trình độ quốc tế. Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nhân tài, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Sớm xây dựng chính sách sử dụng và tôn vinh các nhà giáo, cán bộ quản lý giỏi, có công lao lớn trong sự nghiệp giáo dục, đào tạo. Nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học, chấn chỉnh việc phong chức danh, học vị, cấp văn bằng.

- Phát triển quy mô giáo dục cả đại trà và mũi nhọn, trên cơ sở bảo đảm chất lượng và điều chỉnh cơ cấu đào tạo, gắn đào tạo với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đào tạo với sử dụng. Mở rộng hệ thống trường lớp giáo dục mầm non trên mọi địa bàn dân cư, đặc biệt ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số, nông thôn. Hoàn thành cơ bản phổ cập trung học cơ sở vào năm 2010, củng cố kết quả phổ cập tiểu học, đặc biệt

ở miền núi, vùng sâu, vùng xa. Tiếp tục xóa mù chữ, ngăn ngừa tái mù chữ, giáo dục cho người lớn. Điều chỉnh cơ cấu đào tạo, tăng nhanh dạy nghề và trung học chuyên nghiệp. Hiện đại hóa một số trường dạy nghề nhằm chuẩn bị đội ngũ công nhân bậc cao có trình độ tiếp thu và sử dụng công nghệ mới và công nghệ cao. Phát triển giáo dục không chính quy, các hình thức học tập cộng đồng ở các xã, phường gắn với nhu cầu thực tế của đời sống kinh tế - xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người có thể học tập suốt đời, hướng tới xã hội học tập.

- Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục. Đảng và Nhà nước có chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên thuộc các gia đình nghèo và các đối tượng chính sách xã hội. Ưu tiên phát triển giáo dục ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số. Củng cố và tăng cường hệ thống trường nội trú, bán trú cho học sinh dân tộc thiểu số ; từng bước mở rộng quy mô tuyển sinh, đáp ứng yêu cầu đào tạo toàn diện đi đôi với cải tiến chính sách học bổng cho học sinh các trường này. Thực hiện chế độ miễn phí học tập, cung cấp sách giáo khoa cho học sinh vùng cao, vùng sâu, vùng xa, học sinh người dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt chính sách cử tuyển, đào tạo theo địa chỉ đối với vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa có nhiều khó khăn.

- Đổi mới mạnh mẽ và toàn diện các hoạt động giáo dục, tập trung bắt đầu từ thực hiện đổi mới quản lý giáo dục, có cơ chế, chính sách nhằm sắp xếp lại và tăng cường đội ngũ cán bộ quản lý các cấp và đội ngũ nhà giáo, trước hết đáp ứng đổi mới, hiện đại hóa chương trình và phương pháp giáo dục, đưa giáo dục nước nhà vào thế ổn định và phát triển bền vững. □

Hướng phát triển nguồn lực **CHO CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA** *ở nước ta hiện nay*

TRẦN BẠCH ĐĂNG

NGHIÊN cứu sự phát triển của văn hóa, con người và nguồn nhân lực ở nước ta hiện nay nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phát triển văn hóa, xây dựng con người và tạo nguồn nhân lực cho sự phát triển đất nước, tuy là ba lĩnh vực có nội dung riêng cần giải quyết nhưng lại có quan hệ hữu cơ với nhau, trong đó văn hóa là tiêu chí đánh giá sức mạnh tinh thần và trí tuệ của con người trên các mặt hoạt động của mình. Nội dung cơ bản của việc xây dựng con người và nguồn nhân lực, trước hết cũng là tạo sức mạnh văn hóa. Sự cường tráng của văn hóa Việt Nam là một trong những nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội Việt Nam trong công cuộc dựng nước và giữ nước suốt mấy ngàn năm lịch sử. Không có sức mạnh văn hóa tạo thành bản lĩnh cao cường thì chắc dân tộc ta đã bị bọn thống trị ngoại bang đồng hóa từ lâu, hoặc không thể chiến thắng nổi những đội quân xâm lược siêu cường qua các thời đại. Sức mạnh văn hóa đó không chỉ thể hiện ở lòng yêu nước, tinh thần dũng cảm, mà còn ở năng lực trí tuệ, tính năng động, sáng tạo của con người Việt Nam được tích lũy, kế thừa qua nhiều thế hệ, được bồi bổ

thêm bằng tinh hoa văn hóa của các dân tộc khác trên thế giới.

Khi bàn về phát triển văn hóa, xây dựng con người thì đương nhiên không thể dừng lại ở những tiêu chuẩn, nhiệm vụ chung chung, mà phải nhằm vào mục tiêu phục vụ nhiệm vụ của đất nước trong từng thời kỳ, tức là phải tạo ra và phát triển nguồn nhân lực có đủ trình độ và nhân cách, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của nhiệm vụ đó. Hiện nay, chúng ta đang tập trung sức để tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa nước ta từ nền kinh tế kém phát triển trở thành nước công nghiệp; và trước mắt, đủ khả năng để có thể chủ động trong hội nhập kinh tế thế giới và khu vực. Đây cũng là bước ngoặt khó khăn nhất để bắt đầu xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Muốn phát triển tốt nguồn nhân lực hiện nay, trước hết cần xác định rõ *hướng đi của công nghiệp hóa, hiện đại hóa* đất nước trong thế kỷ XXI, nếu không, sẽ phân tán, lãng phí, kém hiệu quả. Chúng ta không thể công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo mô hình kinh tế tự cấp, tự túc, khép kín, với trình độ khoa học kỹ thuật có hạn như các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa trước kia, bởi vì không thể để một nền kinh tế xã hội

chủ nghĩa lại thua kém trình độ khoa học hiện đại của thế giới. Hơn một thập niên qua, do tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học, kỹ thuật và công nghệ hiện đại, kinh tế thế giới đang chứng kiến bước chuyển nhanh chóng sang nền kinh tế tri thức, bắt đầu từ các nước tư bản phát triển. Tuy đang có nhiều định nghĩa về nền kinh tế mới này nhưng đều thống nhất ở đặc điểm cơ bản là : tri thức và công nghệ hiện đại trở thành yếu tố quan trọng nhất, quyết định nhất đối với sản xuất, so với vốn, tài nguyên và lao động cơ bắp. Đây là một cuộc cách mạng trong lực lượng sản xuất, trong đó sản phẩm trí tuệ của người lao động tạo ra giá trị với tỷ lệ áp đảo so với lao động quá khứ và lao động cơ bắp, tính trong tổng giá trị hàng hóa và dịch vụ. Khi tỷ lệ này chiếm 2/3 tổng giá trị thì người ta gọi là kinh tế tri thức. Phải chăng, điều dự đoán trước kia của C. Mác : *"Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp"* nay đã thành hiện thực ?

Điều đáng lưu ý đối với chúng ta là, kinh tế tri thức làm đảo lộn cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, cung cách quản lý kinh tế và xã hội, thúc đẩy mạnh mẽ quá trình dân chủ hóa và bắt buộc mọi người phải học tập suốt đời nếu muốn theo kịp sự thay đổi diễn ra từng ngày, từng giờ trên toàn cầu. Về cơ cấu lao động, một ví dụ điển hình là ở Mỹ hiện nay 75% lao động làm việc bằng trí óc để xử lý thông tin, chỉ còn 20% công nhân được xếp vào loại "không có tay nghề chuyên môn".

Bài toán thử thách của thời đại đặt ra trước mắt chúng ta : hoặc phải vận động toàn lực để đi tắt đón đầu, hoặc là để khoảng cách tụt hậu ngày càng xa so với kinh tế thế giới. Chúng ta chấp nhận có tuần tự, có nhảy vọt. Đối với các ngành truyền thống như nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ hiện có, *phải sử dụng ngay công nghệ hiện đại để*

cải tạo và phát triển nhằm nâng cao sức cạnh tranh với kinh tế thế giới. Theo báo cáo về đổi mới thiết bị và công nghệ ở Thành phố Hồ Chí Minh, trong ba năm cuối thế kỷ XX, vốn đầu tư mới là 3 707 tỉ đồng (tương đương 300 triệu USD), trong đó chỉ có 14% đạt trình độ tiên tiến, còn lại 62% đạt trình độ trung bình và 24% là lạc hậu so với các nước trong khu vực (1). Không rõ nguyên nhân do trình độ không tiếp thu nổi thiết bị hiện đại của thế giới hay vì lẽ gì, nhưng cứ để tiếp diễn những bước tuần tự như thế thì bao giờ mới theo kịp sự phát triển của thế giới ? Chúng ta đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Cũng cần nêu một ví dụ so sánh để thấy tính bức thiết của hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Việt Nam có 9,3 triệu héc-ta đất sản xuất, tổng GDP trong nông nghiệp đạt 9 tỉ USD, trung bình 1 000 USD/héc-ta. Đài Loan có tổng diện tích đất canh tác chỉ bằng 1/10 Việt Nam, mà GDP đạt 14 tỉ USD, bình quân mỗi héc-ta thu cao gấp 15 lần Việt Nam (2). Hơn nữa, đất của đảo Đài Loan không thể tốt hơn đất ở Việt Nam, nhưng nhờ đầu họ làm được như thế ?

Đảng ta nhận thức sớm về vấn đề *tiến thẳng vào khoa học và công nghệ hiện đại.* Trong Chỉ thị của Bộ Chính trị ngày 17-10-2000 "Về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa" cho biết, từ tháng 3-1991 đến nay, đã có nhiều nghị quyết của Trung ương Đảng, chính sách của Chính phủ về vấn đề này. Nhưng sau gần mười năm thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị, *"công nghệ thông tin Việt Nam hiện nay vẫn đang ở tình trạng lạc hậu,*

(1) Theo Báo cáo của TS. Phạm Văn Phú tại Hội thảo về kinh tế tri thức tại TP. Hồ Chí Minh ngày 12-10-2000

(2) Theo Khôi Nguyên : Báo Sài Gòn giải phóng ngày 7-5-2002

*phát triển chậm, có nguy cơ tụt hậu xa hơn với nhiều nước trên thế giới và khu vực". Chúng ta cần rút ra những bài học từ thực tế, coi phát triển công nghệ thông tin là bước nhảy vọt, tiến thẳng vào kinh tế tri thức, sẽ rút ngắn được khoảng cách giữa chủ trương với hành động thực tiễn. Vấn đề mang tính quyết định là bồi dưỡng, phát huy và sử dụng vốn tri thức của con người Việt Nam, cũng tức là **xác định hướng chủ yếu phát triển nguồn lực** nước ta hiện nay là phải chuyển mạnh sang kinh tế tri thức. Đó là sự kết hợp sức mạnh văn hóa Việt Nam và văn hóa hiện đại của thế giới thành sức mạnh tổng hợp của con người Việt Nam trong thế kỷ XXI nhằm hoàn thành nhanh nhất quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đây là một khả năng hiện thực !*

Kinh tế thị trường tạo nên sự bức bách về nhu cầu sức lao động do sự bùng ra của các thành phần kinh tế, công tác đào tạo nhân lực tuy được mở rộng, nhưng lại rơi vào tình trạng tự phát, dẫn đến mất cân đối và lãng phí nhân lực, lãng phí chất xám của con người Việt Nam. Bước đi ban đầu chúng ta phải nhập thiết bị và công nghệ nước ngoài là tất yếu, nhưng nếu người Việt Nam chỉ là người sử dụng những phát minh sáng tạo của nước ngoài thôi thì không thể có kinh tế tri thức. Bởi vì kinh tế tri thức đòi hỏi phải sáng tạo cái mới, cái đã biết không còn giá trị mới nữa. Phải đào tạo và tạo điều kiện cho người lao động cập nhật nhanh chóng và rộng rãi thông tin trong lĩnh vực hoạt động sản xuất - kinh doanh của mình ; dùng óc sáng tạo, tìm tòi ra cái mới, từ đó mới làm tăng được giá trị của cái, mới có thể làm chủ được công việc của mình. Nếu học sinh lao vào học tin học và ngoại ngữ, về mặt nào đó, nó là phương tiện để tiếp cận khoa học và công nghệ hiện đại, nhưng nếu chỉ dừng lại tại đó, để máy tính thay cho tư duy, thay cho phép

toán thì rốt cuộc, con người là của máy móc, chứ không sáng tạo và làm chủ máy móc được.

Tình trạng phổ biến trong giáo dục của ta hiện nay là nặng về khoa cử, không khác mấy so với cách tiếp thu sách vở một cách máy móc của Nho giáo thời phong kiến. Học sinh chưa được chú ý dạy dỗ để sáng tạo, để hướng vào phát minh sáng chế, ứng dụng kỹ thuật mới. Nếu cứ để cung cách đào tạo nhân lực như hiện nay thì sẽ kéo dài tình trạng phụ thuộc vào nước ngoài, bởi vì sự phát triển khoa học công nghệ để tăng trưởng kinh tế là do người khác quyết định, còn Việt Nam chỉ cung cấp nhân công và nguyên liệu, khó có thể nói đến một nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự cường và hùng mạnh. Phải làm sao từ chỗ nghiên cứu phát minh sáng chế của thiên hạ, dùng trí thông minh sáng tạo để tạo ra cái của mình. Nên chăng, **phải có chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa**, với hướng tập trung đào tạo nhân tài để hình thành kinh tế tri thức và ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại vào tất cả các ngành kinh tế. Bằng hệ thống giáo dục đào tạo công lập, Nhà nước chịu trách nhiệm chính trong việc bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ đông đảo nhân tài, chứ không chỉ ưu ái với một số ít người xuất chúng. Phải đầu tư cơ sở vật chất hiện đại cho công tác đào tạo, có kế hoạch tuyển sinh bảo đảm chất lượng tốt, tạo điều kiện để mọi thanh niên, bất kể giàu nghèo, miễn là học giỏi, có tài đều được đào tạo. Hướng đào tạo phải gắn chặt với hướng sử dụng, không để quy luật cung cầu tác động tự phát như hiện nay. Điều này không ảnh hưởng tới việc xã hội hóa giáo dục và nâng cao mặt bằng dân trí mà Nhà nước cùng với xã hội phải lo. Nếu không có **"quả đấm chiến lược"** về đào tạo nhân tài do Nhà nước đảm nhiệm thì khó có bước nhảy vọt.

Kinh nghiệm ở Trung Quốc cho thấy, họ rất quan tâm đầu tư cho đào tạo nhân tài trong khi mặt bằng dân trí chưa cao. Chỉ riêng về công nghệ thông tin, mỗi năm họ có hàng trăm ngàn kỹ sư và lập trình viên tốt nghiệp tại các trường đại học ; thu hút hàng ngàn cán bộ khoa học Trung Quốc từ nước ngoài trở về với đầy đủ kiến thức, do đó đã có hàng chục công ty đa quốc gia nổi tiếng về công nghệ thông tin bỏ vốn vào đầu tư tại Trung Quốc để nắm cơ hội làm ăn. Thế giới cũng bất ngờ trước việc Trung Quốc phóng thành công tàu vũ trụ "Thần Châu 3" và dự kiến sẽ đưa người lên mặt trăng trước năm 2005, điều mà các nước ở châu Âu chưa làm được. Nhìn vào thế trận cạnh tranh toàn cầu hiện nay, ta thấy có nhiều hiện tượng vượt trội nhanh chóng không thể lường trước được. Trước kia nhiều tỉ phú giàu nhờ vốn, tài nguyên như Rốc-cơ-phen-lơ là vua dầu hỏa, xếp vào loại top ten tỉ phú... Nhưng gần đây, Binghét với Microsoft nhờ vào vốn tri thức, óc sáng tạo đã nhanh chóng trở thành tỉ phú trong một thời gian ngắn.

Trước mắt, chúng ta thừa sức lao động, phải xuất khẩu. Nhưng nếu cứ xuất khẩu lao động giản đơn thì chẳng khác gì một cái máy, mặc dù thu nhập cao hơn trong nước. Còn chuyện học tiếng Anh chỉ là phương tiện giao dịch, chứ không phải là thành tố của nhân lực để xuất khẩu. Chúng ta phải xem tiếng Anh chỉ là phương tiện, đua nhau học giỏi tiếng Anh đến mức nào là cần thiết, vì bản thân người Anh vẫn đang còn thất nghiệp. Người Nhật ít biết tiếng Anh, nhưng họ đào tạo nhân lực cao cấp rất nhiều, phát kiến khoa học rất mạnh, trong lúc họ lại thiếu lao động giản đơn. Vấn đề đặt ra là phải có chiến lược đào tạo cân đối các chuyên ngành, nghề, lĩnh vực sao cho phù hợp nhất với yêu cầu của từng giai đoạn phát triển.

Muốn tạo những bước nhảy vọt của đất nước trong những thập niên tới thì vấn đề cơ bản và cấp bách nhất là bồi dưỡng, phát huy vốn tri thức, sức mạnh văn hóa, sức sáng tạo của con người Việt Nam vốn thông minh, học giỏi, rất giỏi kể cả trong nước và ở nước ngoài. Một số người Việt Nam di tản ra nước ngoài, đã trở thành những chuyên gia rất giỏi ở các nước phát triển. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực phải gắn chặt với chính sách sử dụng nhân tài. Hiện nay, chúng ta có hơn 1,3 triệu cán bộ từ cao đẳng trở lên (số liệu năm 2000), trong đó có 13 500 tiến sĩ và tiến sĩ khoa học. Nhưng các tổ chức khoa học và công nghệ đang kêu thiếu thị trường trong nước, bởi vì các doanh nghiệp hướng mạnh về việc nhập thiết bị, công nghệ nước ngoài. Mặt khác, chính sách đãi ngộ nhân tài chưa phù hợp nên nhiều người giỏi chạy sang làm việc cho các công ty nước ngoài, liên doanh hoặc rất khổ tâm phải bỏ nghề vì lương không đủ sống. Nếu không giải quyết tốt chính sách sử dụng học sinh, sinh viên khi ra trường, sẽ tác động tiêu cực đến chất lượng thi đầu vào, bởi vì bỏ công học hành, tốn kém bao nhiêu năm trời, rồi cuộc sống và phát huy tài năng sẽ đi đến đâu. Đó là một thực tế cần được xử lý.

Đất nước ta đang cần rất nhiều nhân tài, có tài làm việc thực sự, đạt thành quả cụ thể và xứng đáng được tôn vinh. Đáng tiếc là bên cạnh đó, còn không ít người nói nhiều, nói chung chung rất hay, mà làm chẳng bao nhiêu hoặc nói một đằng, làm một nẻo. Khi nghiên cứu thì dẫn chứng tư liệu rất nhiều, đến mức bác học, nhưng phần phát minh sáng tạo của bản thân thì không có, thậm chí sao chép của thiên hạ để tự đề cao và nhận tiền. Nếu không thực sự nghiêm túc và có tinh thần trách nhiệm cao trong phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nhân tài thì đất nước ta sẽ tiến hành sự nghiệp hiện đại hóa, công nghiệp hóa ra sao ? □

LÊ HỒNG PHONG

VỚI VIỆC KHÔI PHỤC VÀ MỞ RỘNG HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẢNG KHUÔNG NĂM 1932 - 1938

NGUYỄN TRỌNG THỤ

SAU cao trào Xô viết Nghệ Tĩnh (1930 - 1931), cách mạng Việt Nam bị địch khủng bố cực kỳ ác liệt, phải chịu những tổn thất lớn. Hầu hết các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, các đồng chí trong các xứ ủy Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ đều bị bắt, nhiều đồng chí bị sát hại. Hàng chục vạn cán bộ, đảng viên và chiến sĩ yêu nước bị bắn giết hoặc bị tù đầy. Các cơ sở đảng tan vỡ hàng loạt. Thực dân Pháp ở Đông Dương còn câu kết với đế quốc Anh ở Hương Cảng và bọn quân phiệt ở Trung Quốc, Thái Lan, ráo riết truy lùng cán bộ của Đảng ta đang hoạt động ở nước ngoài. Ngày 6-6-1931, đồng chí Nguyễn Ái Quốc, lãnh tụ của Đảng bị nhà cầm quyền Anh tiếp tay cho thực dân Pháp bắt giam trái phép ở Hương Cảng. Đảng ta đứng trước những nguy cơ lớn.

Tuy nhiên, nhờ tinh thần đấu tranh kiên cường, bất khuất của cán bộ, đảng viên, Đảng từng bước khôi phục được tổ chức và sức mạnh của mình. Trong số những đồng chí có đóng góp to lớn trong việc khôi phục

hoạt động của Đảng, Lê Hồng Phong có vai trò hàng đầu.

Lê Hồng Phong, tên thật là Lê Huy Doãn, quê ở làng Thông Lạng (nay thuộc xã Hưng Thông), huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, thuộc vùng đất giàu truyền thống yêu nước, được giác ngộ cách mạng từ rất sớm. Tháng 1-1924, lúc chưa đầy 22 tuổi, đồng chí đã cùng Phạm Hồng Thái sang Xiêm (nay là Thái Lan) rồi sang Quảng Châu (Trung Quốc) tìm đường cứu nước. Tháng 4-1924, đồng chí gia nhập Tâm tâm xã, một tổ chức cách mạng do Hồ Tùng Mậu và Lê Hồng Sơn thành lập. Tháng 3-1925, đồng chí tham gia nhóm cách mạng đầu tiên gồm 9 người do Nguyễn Ái Quốc tổ chức và sau đó được kết nạp làm đảng viên cộng sản dự bị. Cũng trong năm 1925, Lê Hồng Phong dự lớp huấn luyện chính trị do Nguyễn Ái Quốc vừa là người phụ trách đồng thời là giảng viên chính. Cũng năm đó, Lê Hồng Phong tham gia Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội và cùng với Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Sơn, v.v..

điều hành các công tác của Tổng bộ. Tiếp đó, với sự giới thiệu của Nguyễn Ái Quốc, Lê Hồng Phong được vào học Trường Võ bị Hoàng Phố. Trong thời gian này, Lê Hồng Phong còn tham gia hoạt động trong Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông do Nguyễn Ái Quốc và một số nhà cách mạng châu Á thành lập.

Sau khi học xong Trường Võ bị Hoàng Phố, Lê Hồng Phong được đồng chí Nguyễn Ái Quốc giới thiệu sang Liên Xô học Trường Không quân rồi Trường Đại học Phương Đông. Như vậy, từ năm 1924 đến năm 1931, được liên tục đào tạo qua các nhà trường chính trị và quân sự ở Quảng Châu rồi ở Mát-xcơ-va, Lê Hồng Phong trở thành người có học vấn cao của Đảng ở thời điểm lúc bấy giờ. Vốn tri thức đó là cơ sở để Lê Hồng Phong giải quyết tốt những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra cho cách mạng Việt Nam.

Khởi thảo và chỉ đạo thực hiện "Chương trình hành động của Đảng"

Cuối năm 1931, sau khi tốt nghiệp Trường Đại học Phương Đông, nhận chỉ thị của Quốc tế cộng sản, Lê Hồng Phong đã tìm đường về nước với nhiệm vụ nặng nề : tìm người chấp nối lại phong trào, chỉ đạo việc tổ chức khôi phục và phát triển các tổ chức của Đảng, tiếp tục đưa phong trào cách mạng vượt sóng gió để tiến lên. Đến vùng biên giới Việt - Trung, đồng chí đã chấp nối liên lạc với các đồng chí trung kiên của Đảng như Hoàng Đình Giong, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Văn Nộn, Lương Văn Chi, v.v., lúc đó đang hoạt động bí mật ở thủ phủ Nam Ninh (Quảng Tây - Trung Quốc). Lê Hồng Phong vừa tìm cách mở đường liên

lạc về trong nước, vừa mở những lớp bồi dưỡng, đào tạo cán bộ. Tháng 6-1932, Ban lãnh đạo lâm thời của Đảng, trong đó Lê Hồng Phong có vai trò chủ chốt, được thành lập. Nhằm kịp thời ổn định tư tưởng cán bộ, đảng viên và quần chúng, Ban lãnh đạo lâm thời của Đảng công bố bản *Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương* được Quốc tế cộng sản công nhận. Trong phần thứ nhất, dưới nhan đề "*Những nhiệm vụ căn bản của cách mạng Đông Dương*", sau khi phân tích kỹ các mặt kinh tế, chính trị, xã hội ở Đông Dương, văn kiện chính trị quan trọng đó đã nhắc lại quá trình đấu tranh oanh liệt của giai cấp vô sản Đông Dương dưới sự lãnh đạo của Đảng. Cùng với việc khẳng định "qua hai năm cách mạng sôi nổi, con đường tiến bộ của Đảng ta đã khá dài, vai trò lãnh đạo của Đảng ta đã trọng", *Chương trình hành động* nêu rõ chính sách hai mặt cực kỳ phản động và xảo quyệt của đế quốc Pháp, chỉ rõ những tổn thất, khó khăn mà Đảng đang gặp phải chỉ là tạm thời, không thể vì thế mà hoảng hốt, bi quan, thất vọng. Với nhận định "trong trường giai cấp tranh đấu, việc thắng bại tạm thời là thường sự, và chính nhờ đó mà quần chúng học đòi kinh nghiệm chứ còn phần thắng lợi cuối cùng thời ta đã cầm chắc trong tay", *Chương trình hành động* nêu rõ những nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng Đông Dương lúc bấy giờ, nhằm thực hiện tốt cuộc cách mạng phản đế và phản phong. Trong phần thứ hai, dưới nhan đề "*Con đường cách mạng tranh đấu*", *Chương trình hành động* đã vạch rõ phương hướng đấu tranh cách mạng, nêu rõ bốn yêu cầu chung của cuộc đấu tranh, đồng thời

vạch rõ những yêu cầu cụ thể của các tầng lớp quần chúng như công nhân, nông dân, binh lính, thủy thủ, tiểu thương, dân nghèo, phụ nữ, thanh niên và cả những yêu cầu cụ thể của các dân tộc thiểu số ở Đông Dương.

Giữa lúc Đảng đang gặp bước thoái trào, những tư tưởng dao động, cơ hội v.v. đang có dịp trỗi dậy, *Chương trình hành động* như một đợt gió lành tiếp sức cho cán bộ, đảng viên và quần chúng giữ được niềm tin vững chắc vào tiền đồ cách mạng, đẩy lùi tư tưởng hoang mang, dao động, tạo điều kiện cho việc khôi phục nhanh chóng hệ thống tổ chức của Đảng và phong trào quần chúng.

Dựa vào nội dung *Chương trình hành động*, Lê Hồng Phong đã cùng một số đồng chí mở nhiều lớp đào tạo cán bộ cho phong trào trong nước. Sau khi học xong, các cán bộ đó trở về nước, từng bước xây dựng lại các tổ chức của Đảng, lãnh đạo quần chúng đấu tranh theo mục tiêu của *Chương trình hành động*. Nhờ vậy, hệ thống tổ chức của Đảng từng bước được khôi phục. Đầu năm 1933, Xứ ủy Nam Kỳ được tổ chức lại. Năm 1934, Xứ ủy lâm thời Bắc Kỳ được tái lập, tiếp đó là Xứ ủy Trung Kỳ. Một số tỉnh ủy, thành ủy cũng lần lượt được xây dựng lại.

Trên cơ sở những thắng lợi mới đó, đầu năm 1934, Ban lãnh đạo của Đảng ở nước ngoài (lúc đó gọi là Ban lãnh đạo hải ngoại của Đảng) do đồng chí Lê Hồng Phong đứng đầu được chính thức thành lập tại Ma Cao (Trung Quốc) để thống nhất sự chỉ đạo đối với phong trào trong nước. Tháng 6-1934, Ban lãnh đạo của Đảng ở nước ngoài quyết định triệu tập Hội nghị

cán bộ gồm đại biểu các đảng bộ trong nước tới họp ở Ma Cao để cùng thống nhất nhận định tình hình, đẩy mạnh việc thực hiện *Chương trình hành động của Đảng*. Hội nghị cũng đã ra nghị quyết về việc tổ chức Đại hội lần thứ nhất của Đảng vào mùa xuân năm 1935 và quyết định để chuẩn bị tốt cho Đại hội, các cấp, các địa phương phải tổ chức quán triệt *Chương trình hành động của Đảng*.

Điều chỉnh "Chương trình hành động của Đảng" cho kịp với sự phát triển của tình hình cách mạng

Đầu năm 1935, theo giấy triệu tập của Quốc tế cộng sản, Lê Hồng Phong dẫn đầu đoàn đại biểu của Đảng đi Mát-xcơ-va dự Đại hội lần thứ VII Quốc tế cộng sản. Đoàn gồm ba đồng chí : Lê Hồng Phong, Hoàng Văn Nọn và Nguyễn Thị Minh Khai. Công việc chuẩn bị Đại hội Đảng được giao lại cho các đồng chí Hà Huy Tập, Phùng Chí Kiên, v.v. Tại Đại hội lần thứ VII Quốc tế cộng sản (họp từ ngày 25-7 đến 20-8-1935), có sự tham dự của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, Lê Hồng Phong đã đọc bản tham luận quan trọng về phong trào cách mạng Đông Dương dưới sự lãnh đạo của Đảng. Bản tham luận đã phân tích sâu sắc những thắng lợi, thành công và cả những thất bại, thiếu sót của cuộc đấu tranh của Đảng trong những năm 1930 - 1931, nêu bật những cố gắng của Đảng trong việc khôi phục lại phong trào và dự đoán những khả năng rộng lớn của cách mạng và của Đảng. Bản tham luận cũng nói lên niềm phấn khởi, tự hào của những người cộng sản Đông Dương được đứng trong khối đại đoàn kết của những người Bôn-sê-vich

thế giới. Cũng tại Đại hội này, Đảng ta được công nhận là một phân bộ chính thức của Quốc tế cộng sản, và đồng chí Lê Hồng Phong, với bí danh Hải An, được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Quốc tế cộng sản. Điều đó nói lên ảnh hưởng và uy tín của Đảng ta trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Đại hội lần thứ VII của Quốc tế cộng sản kết thúc, Lê Hồng Phong trở lại Thượng Hải (Trung Quốc) thì Đại hội toàn quốc lần thứ nhất của Đảng ta đã tiến hành trước đó mấy tháng (họp từ ngày 27 đến 31-3-1935) tại Ma Cao. Đại hội lần thứ nhất của Đảng đã có những thành công quan trọng, đã khôi phục lại cơ quan lãnh đạo Trung ương, từ đó phục hồi lại hệ thống tổ chức của Đảng từ trung ương đến địa phương, từ trong nước đến ngoài nước, quy tụ các phong trào trong toàn quốc vào một mối duy nhất. Nhưng do Đại hội chưa theo kịp chuyển biến của tình hình trong nước và trên thế giới, nên chưa đề ra được chủ trương và phương pháp đấu tranh thích hợp, theo đúng tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ VII Quốc tế cộng sản.

Với cương vị Ủy viên Ban Chấp hành Quốc tế cộng sản, Lê Hồng Phong cùng với Trung ương đã triệu tập và chủ trì Hội nghị cán bộ toàn quốc của Đảng vào tháng 7-1936 tại Thượng Hải. Căn cứ vào diễn biến của tình hình thế giới và tình hình Đông Dương, theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VII Quốc tế cộng sản, Hội nghị đã quyết định chuyển hướng mục đích và nhiệm vụ trước mắt của cách mạng, xác định rõ mục tiêu trực tiếp là đấu tranh chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít và chiến tranh đế quốc, đòi dân chủ, dân sinh và hòa

binh. Kẻ thù chủ yếu trước mắt của nhân dân Đông Dương là bọn phản động thuộc địa và bè lũ tay sai. Chĩa đúng mũi nhọn vào chúng sẽ có tác dụng phân hóa kẻ thù, cô lập bọn phản động, trung lập hóa những thế lực có thể trung lập. Theo đề nghị của Lê Hồng Phong, Hội nghị quyết định thành lập một mặt trận rộng rãi lấy tên là *Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương* bao gồm các giai cấp, các đảng phái, các đoàn thể chính trị và tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau, các dân tộc ở Đông Dương để cùng nhau tranh đấu đòi những điều dân chủ sơ đẳng. Cùng với việc chuyển hướng về nhiệm vụ cách mạng, Hội nghị quyết định thay đổi các hình thức tổ chức và phương pháp đấu tranh của quần chúng, chuyển từ tổ chức bí mật, đấu tranh bất hợp pháp là chủ yếu sang tổ chức và đấu tranh công khai hợp pháp và nửa hợp pháp là chủ yếu.

Trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng trong nước, cuối năm 1937, Lê Hồng Phong về nước, hoạt động bí mật tại Sài Gòn để trực tiếp cùng Trung ương Đảng chỉ đạo phong trào. Thời gian này, người bạn đời của đồng chí là Nguyễn Thị Minh Khai cũng đã về nước tham gia Xứ ủy Nam Kỳ kiêm Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn. Tháng 3-1938, Lê Hồng Phong tham gia Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng bàn việc mở rộng hơn nữa chính sách Mặt trận của Đảng. Trong Hội nghị này, đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.

Nắm sát tình hình thực tế, Lê Hồng Phong đã cùng với Trung ương Đảng, đứng đầu là đồng chí Nguyễn Văn Cừ, quyết định

chuyển *Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương* thành *Mặt trận thống nhất dân chủ Đông Dương* (gọi tắt là *Mặt trận dân chủ Đông Dương*), nhằm tập hợp rộng rãi hơn nữa đông đảo quần chúng, tranh thủ hơn nữa mọi lực lượng có thể tranh thủ. Mặt trận dân chủ Đông Dương không chỉ bao gồm những lực lượng có tinh thần phản đế mà còn mở rộng đến các tầng lớp tư sản, địa chủ, các đảng phái cải lương ít nhiều tiến bộ, các thủ lĩnh dân tộc, tôn giáo, tán thành đấu tranh vì tự do, cơm áo, hòa bình. Mặt trận không chỉ bao gồm những người tán thành dân chủ thuộc ba nước ở Đông Dương, mà còn bao gồm cả những ngoại kiều, những người Pháp tán thành các khẩu hiệu đó. Trong điều kiện khó khăn và phức tạp của tình hình lúc bấy giờ, chủ trương thành lập *Mặt trận dân chủ Đông Dương* của Đảng là đúng, thu hút được rộng rãi mọi lực lượng. Vì vậy, phong trào đấu tranh của quần chúng tiếp tục phát triển và giành được những thắng lợi có ý nghĩa lớn. Trình độ giác ngộ của quần chúng cao hơn, trình độ tổ chức và lãnh đạo của các tổ chức Đảng vững vàng hơn, các khẩu hiệu đấu tranh chính xác, sát hợp hơn. Tháng 5-1938, lần đầu tiên ở Đông Dương, lễ kỷ niệm ngày Quốc tế lao động được tổ chức công khai. Riêng ở Hà Nội, cuộc biểu dương lực lượng ngày 1-5 đã có trên 25 000 người tham dự. Thắng lợi đó đã khẳng định việc thành lập *Mặt trận dân chủ* là việc làm kịp thời, đúng đắn.

Giữa lúc những chủ trương đúng đắn của Đảng đang được sự hưởng ứng mạnh mẽ của các tầng lớp nhân dân, thúc đẩy họ đấu tranh giành nhiều thắng lợi mới, thì

Lê Hồng Phong bị bắt ngày 22-6-1938. Bọn mật thám dùng mọi thủ đoạn tra tấn, dụ dỗ nhưng đồng chí nhất quyết không khai. Không đủ chứng cứ để buộc tội, tòa án của đế quốc Pháp đành kết án đồng chí sáu tháng tù giam và ba năm quản thúc với lý do dùng thẻ căn cước giả. Trong thời gian bị quản thúc ở quê nhà, Lê Hồng Phong đã viết nhiều bài đăng trên các báo công khai của Đảng làm sáng tỏ những quan điểm của Đảng trong tình hình mới, nhằm tranh thủ tập hợp rộng rãi các lực lượng dân chủ và tiến bộ để đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cải thiện dân sinh.

Khi chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, dù vẫn bị quản thúc, Lê Hồng Phong lại bị bắt ngày 29-9-1939 và giam ở Sài Gòn. Cuối năm 1940, khi đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai bị bắt, đế quốc Pháp đã ghép thêm tội cho Lê Hồng Phong và đày ra Côn Đảo. Biết Lê Hồng Phong là cán bộ lãnh đạo cao cấp của Đảng và là chồng của Nguyễn Thị Minh Khai, bọn trùm thực dân Pháp ở Nam Kỳ đã ra lệnh cho bọn chúa đảo phải tìm mọi cách hãm hại. Những đòn thù tàn ác, dã man đã làm Lê Hồng Phong kiệt sức dần và mất ngày 5-9-1942 khi vừa tròn 40 tuổi. Trước khi trút hơi thở cuối cùng, Lê Hồng Phong còn nói to lời trăng trối cho các bạn tù ở các phòng bên: "Nhờ các đồng chí nói với Đảng rằng, tới giờ phút cuối cùng, Lê Hồng Phong vẫn một lòng tin ở thắng lợi vẻ vang của cách mạng".

Lòng tin sắt son và vững chắc đó, những cống hiến to lớn đó của Lê Hồng Phong cho Đảng, cho nhân dân, mãi mãi là nguồn sức mạnh cổ vũ các thế hệ đảng viên trong cuộc đấu tranh vì sự nghiệp cao cả của Đảng. □



Lý luận quản lý nhà nước **TRONG VIỆC THÚC ĐẨY** **CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH Ở NƯỚC TA**

NGUYỄN NGỌC HIẾN *

Lý luận quản lý nhà nước trong cải cách hành chính.

Cải cách hành chính ở Việt Nam được tiến hành trong công cuộc đổi mới, khởi đầu từ Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đó là công việc mới mẻ, chưa có tiền lệ, lại diễn ra trong điều kiện thiếu kiến thức và kinh nghiệm quản lý hành chính, có nhiều vấn đề phải vừa làm vừa rút kinh nghiệm. Vì vậy, việc hình thành quan niệm và những nguyên tắc cơ bản chỉ đạo công cuộc cải cách hành chính, cũng như việc đề ra những nội dung, phương hướng, chủ trương, giải pháp thực hiện trong từng giai đoạn là một quá trình tìm tòi, sáng tạo không ngừng, là quá trình nhận thức liên tục và thống nhất trong suốt tiến trình đổi mới.

Có thể thấy, quá trình hình thành tư duy về cải cách hành chính ở nước ta là quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống lý luận về quản lý hành chính nhà nước. Trên thực tế, khoa học hành chính mới chỉ thực sự có chỗ đứng ở nước ta trong vài thập kỷ gần đây. Lý luận về quản lý hành chính, về quản lý nhà nước được hình thành từng bước cùng với thực tiễn xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đương nhiên, tư duy hành chính không phải là điều gì xa lạ và mới mẻ hoặc

chưa từng có. Tư duy hành chính không hình thành từ những mong muốn chủ quan của con người, mà phải được đúc kết từ thực tiễn. Thực tiễn đó vừa là bối cảnh, khả năng và những yêu cầu trong nước, vừa là kinh nghiệm xây dựng và cải cách bộ máy hành chính thành công ở nước ngoài.

Mặc dù tư duy hành chính ở nước ta đã có bước phát triển trong những năm qua, song trước những yêu cầu thực tiễn đang đặt ra thì lý luận về quản lý nhà nước vẫn còn nhiều bất cập. Có thể nêu lên hai tồn tại cơ bản trong lý luận về quản lý nhà nước ở nước ta như sau :

Một là, lý luận quản lý nhà nước chưa thực sự phát triển và chưa khẳng định được tính độc lập của một ngành khoa học riêng biệt. Lý luận về quản lý nhà nước ở nước ta ra đời muộn lại chịu ảnh hưởng của cơ chế quản lý tập trung quan liêu trong một thời gian dài. Một số quan niệm cũ, vốn đối lập hoàn toàn chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa tư bản, thậm chí ngay cả trong những thành tựu về khoa học quản lý mà chủ nghĩa tư bản đã đạt được. Vì vậy, lý luận quản lý chưa tạo nên một hệ thống tri thức phản ánh thực tiễn thông qua các phạm trù và

* TS, Giám đốc Học viện Hành chính quốc gia

quy luật đặc thù của mình, mà ít nhiều còn sao chép lại tri thức của các khoa học khác như khoa học chính trị, khoa học quản lý, kinh tế học, luật học...

Hai là, hệ thống lý luận quản lý nhà nước vẫn còn không ít sự giáo điều, thiếu tính ứng dụng, tác dụng và hiệu quả thực tế thấp. Về nguyên tắc, lý luận phải được đúc kết từ hoạt động thực tiễn, phản ánh thực tiễn và thúc đẩy thực tiễn phát triển. Song, do trình độ tư duy còn hạn chế nên hệ thống lý luận đưa ra nhiều khi còn chưa khách quan, thiếu căn cứ khoa học, thiếu khả năng phân tích sâu sắc về thực tiễn để từ đó rút ra những vấn đề bản chất, quy luật. Chính vì vậy, lý luận về quản lý hành chính nhà nước chưa thực sự đóng vai trò mở đường và thúc đẩy thực tiễn cải cách hành chính ở nước ta phát triển.

Quá trình hình thành tư duy về cải cách hành chính còn nặng về kinh nghiệm. Thực tiễn chỉ ra rằng, với trình độ tư duy kinh nghiệm, con người không thể xem xét một cách sâu sắc mọi quá trình diễn biến phức tạp trong thực tiễn; không thể vạch ra cái chung, cái riêng trong việc giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn. Hậu quả là sẽ không phân biệt đâu là nơi cần tập trung những lực lượng chủ yếu và sự chú ý của mình trong hoạt động thực tiễn. Thực tiễn đang đòi hỏi phát triển tư duy lý luận về cải cách hành chính. Việc phát triển lý luận đem lại sự nhận thức sâu sắc về bản chất và quy luật của quá trình cải cách hành chính, làm cho hoạt động cải cách diễn ra chủ động và tự giác hơn. Theo dự báo của nhiều nhà khoa học, khối lượng kiến thức trong vài thập kỷ đầu thế kỷ XXI sẽ tăng từ 3 đến 4 lần so với hiện nay. Đặc biệt, quản lý nhà nước là một lĩnh vực tổng hợp nhiều kiến thức của các ngành khoa học khác trong hoạt động của bộ máy nhà nước. Sự nghiệp cải cách hành chính ở nước ta, hơn bao giờ hết, đang đòi hỏi rất cao về công

tác lý luận. Lý luận về hành chính và cải cách hành chính là những nội dung cốt yếu của khoa học hành chính. Ở đây, lý luận sinh ra không phải vì lý luận, mà vì nhu cầu của thực tiễn. Hoạt động của bộ máy nhà nước phụ thuộc rất lớn vào vấn đề: các công chức nhà nước tiếp thu và vận dụng những kiến thức về khoa học quản lý nói chung, về khoa học hành chính nói riêng vào thực tiễn như thế nào? Nói cách khác, hiệu lực của bộ máy nhà nước chính là năng lực vận dụng hệ thống lý luận về quản lý nhà nước vào thực tiễn xây dựng nền hành chính ở nước ta.

Định hướng phát triển nội dung lý luận về quản lý nhà nước ở nước ta

Do trình độ lý luận về quản lý nhà nước ở nước ta đang trong giai đoạn tìm tòi, thử nghiệm nên những yêu cầu đặt ra đối với việc phát triển lý luận trong thời gian tới là rất cần thiết. Đương nhiên, lý luận về quản lý nhà nước ở nước ta cũng không thể là sự sao chép các lý thuyết quản lý hành chính và quản lý của nước ngoài. Nó phải sinh ra từ chính thực tiễn nước ta, được kiểm nghiệm qua thực tiễn sống động của đất nước ta. Mặt khác, lý luận đó cũng phải dự đoán trước xu hướng phát triển của nền hành chính quốc gia và đặt cơ sở phương pháp luận cho sự phát triển của nó.

Việc xây dựng hệ thống lý luận về quản lý nhà nước ở nước ta phải dựa trên những căn cứ sau:

- *Nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và hệ thống các quan điểm của Đảng ta.* Đây là cơ sở cho sự hình thành nên lý luận quản lý nhà nước của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Điều đó có nghĩa là chúng ta dựa trên cơ sở nền tảng tư tưởng đó để xây dựng hệ thống lý luận đặc thù của khoa học hành chính phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam.

- Các thành quả phát triển của khoa học hành chính trên thế giới. Trong khoảng một thế kỷ qua, khoa học hành chính trên thế giới đã có những bước phát triển đáng kể và ngày càng trở thành nền tảng cho hoạt động của bộ máy nhà nước. Lịch sử đã chứng minh rằng, trong thời đại ngày nay, nhà nước giữ vai trò quyết định trong sự phát triển của một quốc gia. Điều đó càng khẳng định tầm quan trọng của hệ thống lý luận hành chính như cơ sở khoa học cho các hoạt động của bộ máy nhà nước.

- *Thực tiễn của sự nghiệp phát triển Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hơn 50 năm qua.* Từ khi ra đời đến nay, trải qua các giai đoạn lịch sử khác nhau, Nhà nước ta đã từng bước được hình thành và phát triển, đã thực hiện được vai trò quản lý đất nước trên mọi lĩnh vực, đưa đất nước phát triển lên một bước đáng kể, đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội khá cao trong thập kỷ qua. Từ những bài học thành công và kinh nghiệm chưa thành công của hơn 50 năm qua, chúng ta có thể đúc kết được hệ thống lý luận về bộ máy nhà nước và hoạt động của bộ máy đó phù hợp với điều kiện cụ thể của nước ta.

- *Yêu cầu đổi mới hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước nhằm phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xu thế hội nhập với nền kinh tế thế giới.* Lý luận quản lý nhà nước không thể tách rời mục tiêu phát triển đất nước, cũng không thể tách rời xu thế hội nhập của thế giới trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. Chính những mục tiêu này đặt ra các yêu cầu mà lý luận quản lý nhà nước phải nghiên cứu giải quyết để tìm ra các giải pháp hữu hiệu cho việc thực hiện các mục tiêu trên.

- *Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước của Chính phủ giai đoạn từ năm 2001 - 2010.* Chương trình này đã đề ra

các mục tiêu và nội dung tổng thể về cải cách hành chính trong giai đoạn tới. Lý luận quản lý nhà nước phải lý giải và định hướng cho những mục tiêu và nội dung này, tạo cơ sở lý luận cho việc thực hiện chương trình tổng thể về cải cách hành chính trong giai đoạn tới.

Dựa vào những căn cứ nói trên, việc phát triển lý luận về quản lý nhà nước trong thời gian tới cần hướng vào các nội dung sau :

Thứ nhất, nghiên cứu làm rõ bản chất nhà nước của dân, do dân, vì dân và chức năng của Nhà nước ta. Trọng tâm của công tác nghiên cứu cần tập trung làm rõ những nội dung của một nhà nước pháp quyền trong điều kiện xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Thứ hai, làm rõ các nguyên tắc tổ chức và quản lý hành chính nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Những nguyên tắc đề ra không chỉ dừng lại ở nhận thức chính trị đơn thuần, hoặc chung chung, thiếu cụ thể, mà phải căn cứ vào các thành quả của khoa học hành chính, khoa học tổ chức và khoa học quản lý đã được thực tiễn kiểm nghiệm.

Thứ ba, nghiên cứu xây dựng mô hình chung về tổ chức bộ máy, xác định các chức năng của Chính phủ, các ngành, các cấp theo một cơ chế phân cấp phù hợp. Theo đó, Chính phủ và các cơ quan hành chính nhà nước các cấp tập trung vào chức năng hoạch định chiến lược, chính sách và cung ứng các dịch vụ thuộc chức năng quản lý hành chính của nhà nước.

Thứ tư, xác định vai trò và nội dung quản lý hành chính mới trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhất là, cần nghiên cứu hệ thống thể chế mới, phù hợp với cơ chế thị trường, định hướng phát triển nền hành chính nhà nước trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế.

Thứ năm, tiếp tục tổng kết cải cách hành chính để rút ra những bài học kinh nghiệm, hoàn thiện chiến lược tổng thể về cải cách hành chính, xác định rõ mục tiêu, các bước đi cụ thể và các khâu then chốt cho từng giai đoạn cụ thể. Để khắc phục sự lạc hậu, chậm trễ của công tác lý luận, chúng ta phải đẩy mạnh tổng kết thực tiễn. Coi đây là một trong những giải pháp có ý nghĩa quyết định để thúc đẩy sự phát triển của công tác lý luận. Phải đối chiếu với thực tiễn hiện tại để khẳng định, bổ sung, phát triển lý luận.

Thứ sáu, nghiên cứu lý luận về cải cách hành chính theo thiết chế dân chủ. Phát huy dân chủ vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới nói chung, của công cuộc cải cách hành chính nói riêng ở nước ta. Trong lĩnh vực hành chính, phát huy dân chủ có nghĩa là tạo điều kiện để nhân dân tham gia vào các công việc quản lý nhà nước. Vì vậy, công tác lý luận cần tập trung nghiên cứu xây dựng cơ chế phát huy dân chủ của nhân dân trong quản lý nhà nước.

Thứ bảy, tìm tòi và phát hiện ra động lực của cải cách hành chính. Trong cải cách hành chính, đội ngũ cán bộ, công chức vừa là chủ thể vừa là đối tượng của cải cách hành chính. Vì vậy, cần nghiên cứu các lý thuyết về quản lý nguồn nhân lực trong bộ máy hành chính, tạo ra cơ chế sử dụng công chức có hiệu quả để thúc đẩy đội ngũ này tự cải cách. Nghiên cứu, tìm ra cơ chế ngăn chặn và đẩy lùi nạn tham nhũng, quan liêu, lãng phí trong bộ máy nhà nước và nâng cao đạo đức, năng lực của công chức.

Thứ tám, nghiên cứu về quản lý tài chính công như một công cụ quan trọng để nhà nước can thiệp vào sự phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng cơ chế phân cấp quản lý tài chính và ngân sách nhằm phục vụ có hiệu quả cho hoạt động của bộ máy nhà nước.

Thứ chín, nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm của các nước về cải cách hành chính để tìm ra những bài học có thể áp dụng vào điều kiện nước ta. Trong những thập kỷ qua, nền hành chính các nước phát triển đã tiến được những bước khá xa và có nhiều kinh nghiệm. Đó chính là tài sản tri thức mà nhân loại tích lũy được trong quá trình phát triển. Lý luận hành chính cần nghiên cứu, tham khảo những kinh nghiệm này và có trách nhiệm sàng lọc, đúc rút ra những bài học kinh nghiệm có thể áp dụng vào điều kiện nước ta.

Có thể nói, trong thời đại ngày nay, cải cách hành chính cũng là một vấn đề toàn cầu mang tính đa dạng, đa chiều, nhưng lại không có một lời giải chung nào cho tất cả các quốc gia trên thế giới. Vì vậy, để thúc đẩy công cuộc cải cách hành chính, chúng ta phải tự xây dựng một hệ thống lý luận phù hợp với hoàn cảnh nước ta, có tính hiệu lực và tính khả thi cao. Một hệ thống lý luận đúng đắn phải là sự kết tinh từ thực tiễn và là ánh sáng soi đường cho thực tiễn cải cách hành chính ở nước ta. Để phát triển công tác lý luận trong lĩnh vực này, điều quan trọng là phải tạo điều kiện thuận lợi để người làm công tác lý luận gắn với thực tiễn, thâm nhập thực tiễn cải cách hành chính ở từng lĩnh vực, từng địa phương, từng cơ quan, đơn vị. Đồng thời, cũng phải tạo ra một cơ chế thích hợp để những người hoạt động thực tiễn trong bộ máy hành chính nhà nước quan tâm đến những thành tựu của hoạt động lý luận, đóng góp vào sự phát triển lý luận và thử nghiệm lý luận đó trong cuộc sống. Bằng cách đó chúng ta sẽ rút ngắn khoảng cách giữa lý luận và thực tiễn, tạo điều kiện cho cải cách hành chính ở nước ta có sự chuyển biến mạnh hơn trong thời gian tới, từ đó góp phần quan trọng thúc đẩy sự nghiệp cách mạng nước ta phát triển theo mục tiêu mà Đảng ta đã đề ra. □

TRONG những năm qua, hoạt động thương nghiệp đã góp phần bảo đảm các nhu cầu về vật tư, hàng hóa cho nền kinh tế quốc dân, quốc phòng và đời sống nhân dân. Hàng hóa trong nước phong phú, giá cả tương đối ổn định, lạm phát được kiềm chế ; nhiều loại hàng Việt Nam có mặt trên thị

phân tích cực vào việc phát triển ngành nghề, phân công lại lao động xã hội, làm cho sản xuất từng bước gắn với nhu cầu thị trường, bước đầu phát huy được lợi thế so sánh giữa các vùng, các miền, giữa thị trường trong nước với thị trường thế giới, tạo ra giá trị gia tăng cho nền kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân.

Phát triển thương nghiệp nhà nước TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

DOÀN CÔNG KHÁNH *

trường thế giới. Thương nghiệp đã góp phần thúc đẩy các ngành đổi mới công nghệ, cải tiến cơ cấu sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, làm cho sản xuất từng bước gắn với nhu cầu thị trường.

Mười năm qua là một giai đoạn bước ngoặt, mở đường cho một thời kỳ phát triển mới - chuyển sang phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước. Trong bối cảnh ấy, tiến trình cải cách thương mại bước đầu đã thu được những kết quả đáng chú ý. Thương nghiệp đã góp phần bảo đảm các nhu cầu vật tư, hàng hóa cho nền kinh tế quốc dân. Sự chuyển đổi về tổ chức và phương thức kinh doanh giúp cho thương nghiệp nhà nước (TNNN) giữ tỷ trọng lớn trong xuất nhập khẩu, 50 - 60% bán buôn, có tỷ trọng cao trong bán lẻ ở một số ngành hàng thiết yếu. Bảo đảm cung ứng các mặt hàng chính sách đối với đồng bào các dân tộc miền núi. Thương nghiệp đã góp

Nhìn vào thực tiễn lĩnh vực thương mại có thể thấy gương mặt thương mại ở đô thị với cơ sở vật chất khang trang, hiện đại, phương thức phục vụ văn minh. Sớm dứt bỏ phục vụ khách hàng theo lối cửa quyền mà thay vào đó là phương châm coi khách hàng là "thượng đế". Thương nghiệp ở các vùng kinh tế đã đáp ứng những nhu cầu cơ bản nhất của sản xuất nông, lâm nghiệp, ngư nghiệp ở thị trường nông thôn, miền núi, ven biển. Hình thức phục vụ đa dạng hơn. Hậu quả của việc kinh doanh "chộp giật", "đánh quã" đã làm cho nhiều doanh nghiệp thức tỉnh. Xu hướng liên kết, liên doanh, đầu tư vào sản xuất, tạo mặt hàng mới, thị trường mới, bảo đảm chân hàng ổn định, có giá trị cao đã xuất hiện từ vài năm trước, được khẳng định và tiếp tục phát triển trong những năm gần đây.

Bên cạnh những thành tựu và kết quả nêu trên, thị trường và hoạt động thương nghiệp của

* Chuyên viên kinh tế, Bộ Thương mại

các ngành, các địa phương, các cơ sở còn nhiều thiếu sót và khuyết điểm.

Hiệu quả kinh doanh của TNNN còn thấp, tổ chức phân tán, thiếu vốn nghiêm trọng. TNNN trung ương chưa liên kết được với TNNN địa phương. Do đó, chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của kinh tế nhà nước trong việc điều hòa cung cầu, ổn định giá cả, hướng dẫn, tổ chức và liên kết các thành phần kinh tế khác, hạn chế tính tự phát của tư thương.

TNNN là khu vực kinh tế do Nhà nước bỏ vốn đầu tư kinh doanh. Vai trò chủ đạo của TNNN được thể hiện bằng việc thực hiện một công cụ của Nhà nước để điều tiết thị trường như sau :

Một là, góp phần điều hòa cung - cầu, bằng cách :

- Bảo đảm lưu thông những mặt hàng chủ yếu. Ở những nơi kém sinh lợi, nhằm thực hiện chính sách xã hội của Nhà nước. Kinh doanh những mặt hàng các thành phần kinh tế khác chưa đủ điều kiện kinh doanh. Những hoạt động này cũng góp phần tạo thị trường. Ngoài ra, còn bảo đảm nhiệm vụ lưu thông các mặt hàng mà khu vực tư nhân kinh doanh không có lợi cho cộng đồng. Ví dụ : một số hàng hóa dễ gây nguy hiểm nhưng lại cần thiết cho sản xuất, một số dược phẩm, chất nổ, vũ khí...

- Bình ổn giá cả thị trường một số mặt hàng thiết yếu, tại những địa bàn quan trọng, ngăn chặn những cơn "sốt" gây tổn thương lợi ích của đông đảo nhân dân, nhất là nhân dân lao động.

Hai là, mở đường vào các thị trường mới trong và ngoài nước, giúp các doanh nghiệp, các hộ sản xuất gia đình và cá thể tiêu thụ sản phẩm, phát triển kinh doanh vì quốc kế dân sinh.

Ba là, đi đầu làm gương, thúc đẩy các thành phần kinh tế thực hiện văn minh thương nghiệp,

phục vụ người tiêu dùng. Sự tồn tại của các doanh nghiệp TNNN phụ thuộc vào khả năng đảm đương vai trò chủ đạo nêu trên.

Để thực hiện các mục tiêu nêu trên, cần tổ chức, sắp xếp lại các đơn vị thương nghiệp nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Đại hội IX của Đảng là : "Phát triển mạnh *thương mại*, nâng cao năng lực và chất lượng hoạt động để mở rộng thị trường trong nước và hội nhập quốc tế có hiệu quả"⁽¹⁾. Cụ thể là tập trung theo hướng :

1. Ở thị trường đô thị : Bên cạnh việc áp dụng những chính sách và giải pháp nhằm phát huy vai trò chủ đạo của các tổng công ty nhà nước, cần sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước kinh doanh thương nghiệp theo một định hướng thích hợp nhằm phát huy vai trò của nó trong khu vực thị trường này. Trong điều kiện đã hình thành một loạt các tổng công ty nhà nước sản xuất kinh doanh thương nghiệp chuyên doanh, cũng như một số tổng công ty thương nghiệp chuyên doanh ngành hàng (lương thực, xăng dầu...), việc sắp xếp lại phần lớn các công ty thương nghiệp thuần túy còn lại, chủ yếu kinh doanh hàng bách hóa, thực phẩm, công nghệ, dịch vụ... trước hết ở các đô thị lớn đang là vấn đề bức xúc. Hoạt động trong điều kiện hiện nay, các công ty TNNN độc lập có những hạn chế sau đây :

Thứ nhất : Về mặt hàng kinh doanh, hầu hết không phải là những mặt hàng thiết yếu mà kinh tế quốc doanh phải tổ chức kinh doanh để giữ vai trò chủ đạo và thực hiện chức năng của một công cụ điều tiết vĩ mô của Nhà nước.

Thứ hai : Nguồn hàng kinh doanh là nguồn hàng do các doanh nghiệp nhà nước, cũng như các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế mua đi bán lại. Điều đó có nghĩa là các công ty

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 177

TNNN này không phải là khâu tất yếu trong bất kỳ dây chuyền sản xuất phân phối, lưu thông nào. Để tồn tại, các công ty TNNN phải cạnh tranh với các chủ thể kinh doanh khác, trở thành những đầu mối bán buôn, bán lẻ cho các nhà sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp... Có thể nói, việc các công ty TNNN này có rút lui khỏi thị trường thì cũng không hoặc ít làm cho thị trường biến động.

Thứ ba : Cũng giống như các doanh nghiệp nhà nước khác, với nguồn vốn rất hạn chế, từng công ty TNNN cũng khó có thể kinh doanh có hiệu quả và càng khó có thể mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong bối cảnh đó, cần tổ chức lại TNNN ở các đô thị lớn theo hướng sau :

Một là, bên cạnh chương trình cổ phần hóa, chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp nhà nước, cần lựa chọn một số công ty TNNN có tiềm lực tài chính tương đối khá, có điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật đáng kể... kinh doanh các mặt hàng bách hóa, thực phẩm công nghệ, dịch vụ để hình thành một Tổng công ty thương mại tổng hợp. Việc liên kết các công ty TNNN trong một tổ chức chung sẽ tạo ra một tiềm lực tài chính đáng kể mà bất cứ một đơn vị thành viên đứng riêng rẽ nào cũng không thể có được.

Hai là, phát triển các siêu thị và trung tâm thương mại để nhanh chóng nâng cao trình độ văn minh thương nghiệp, dịch vụ của các đô thị (bộ mặt của đất nước) và thông qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, đồng thời tăng cường liên doanh, liên kết với các nhà sản xuất để bảo đảm nguồn hàng cho các siêu thị hoạt động.

Chỉ có như vậy, Tổng công ty TNNN ở các đô thị mới tạo ra được những tất yếu kinh tế để gắn những doanh nghiệp thành viên lại với nhau trong một tổ chức chung, đồng thời tạo

được chỗ đứng trên thị trường cạnh tranh hiện nay mà từng đơn vị riêng rẽ khó có thể làm được.

2. Ở thị trường nông thôn : Khó khăn lớn nhất là sức mua của nông dân thấp và có xu hướng giảm sút trong những năm gần đây. Theo ước tính của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tỷ trọng quỹ mua sắm của hộ nông dân (trong quỹ xã hội) trong năm 1996 chiếm 32,7% ; năm 1997 chiếm 30,66%, năm 1998 chiếm 29%, năm 1999 chiếm 28% và năm 2000 chỉ còn 27%. Mặc dù nhân dân vùng nông thôn chiếm tỷ lệ 80% dân số cả nước nhưng do thu nhập thấp, sức mua ngày càng giảm, thị trường nông thôn hiện đang có nguy cơ tụt hậu so với sự phát triển chung của thị trường cả nước, trong đó có nguyên nhân sâu xa là giá cánh kéo giữa hàng nông sản phẩm và hàng công nghệ phẩm ngày càng giãn ra.

Thực tiễn ở các vùng, địa bàn nông thôn đòi hỏi TNNN phải nhanh chóng chuyển hướng hoạt động từ tạo việc làm, tạo thu nhập để nuôi nhau là chính, nên ở địa bàn tỉnh lỵ, thị xã, huyện lỵ, thị trấn thường chuyển sang trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp, kinh tế nông thôn. Bằng các hoạt động : cung ứng các yếu tố đầu vào và giải quyết các yếu tố đầu ra, gắn sản xuất với thị trường, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp chế biến, hình thành sự liên kết nông - công nghiệp - dịch vụ và thị trường ngay trên địa bàn nông thôn và trên phạm vi cả nước, hình thành các kênh lưu thông hàng hóa hợp lý.

Để đạt được yêu cầu nói trên, mô hình tổ chức kinh doanh thương mại trên địa bàn nông thôn phải gắn với sản xuất nông nghiệp, công nghiệp chế biến và các hình thức dịch vụ khác. Mô hình đó chính là Cụm kinh tế nông nghiệp - thương nghiệp - dịch vụ thuộc chủ thể khác nhau gắn với chợ đặt ở trung tâm huyện, thị, nút giao thông tùy theo dung lượng

hàng hóa mua bán trên địa bàn. Các cụm kinh tế thương mại - dịch vụ có thể gồm các cơ sở thu mua, bảo quản, sơ chế hoặc chế biến, phân loại, đóng gói, vận chuyển, tiêu thụ. Các cơ sở này có thể là sở hữu nhà nước, của hợp tác xã thương mại ở nông thôn và cả tư thương hoặc sở hữu hỗn hợp theo mô hình cổ phần.

Với giải pháp tổ chức này nông dân có thể trực tiếp mua, bán tại các cụm kinh tế thương mại - dịch vụ tại chợ hoặc hợp tác xã thương mại, hợp tác xã nông nghiệp làm chức năng thương mại ở xã qua mạng lưới tư thương, hệ thống đại lý thông qua hai kênh vận động của hàng hóa :

- *Thứ nhất* : Kênh cung ứng vật tư, hàng hóa tiêu dùng gồm các dịch vụ cung ứng vật tư cho nông - lâm - ngư nghiệp (nông cụ, giống cây, con, phân bón, thức ăn gia súc, thuốc trừ sâu...) máy móc, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng cho nông dân, nông thôn.

- *Thứ hai* : Tiêu thụ các loại hàng hóa cho nông - lâm - ngư nghiệp và công nghiệp nông thôn, tiêu thụ cả trong nước và xuất khẩu.

a - Đối với thị trường nông thôn miền núi : Do sức sản xuất còn thấp, giao thông yếu kém, kinh tế còn mang tính tự cấp tự túc, giao lưu hàng hóa chưa phát triển nên thị trường miền núi chưa hình thành như những vùng đã có kinh tế hàng hóa. Vì vậy, tổ chức lưu thông ở miền núi ; trước mắt, vừa tập trung thực hiện các mặt hàng chính sách, vừa tìm cách tiêu thụ các hàng hóa do dân làm ra dù còn phân tán, số lượng ít. Nếu biết tổ chức mua và tiêu thụ sẽ góp phần phát triển trao đổi và giao lưu hàng hóa trong vùng từng bước hình thành kinh tế hàng hóa. Trên địa bàn này thương mại nhà nước (bao gồm cả công ty thương mại *tổng hợp hoạt động*

trên địa bàn tỉnh hoặc liên huyện, có cửa hàng trung tâm huyện và *quầy hàng cụm xã*) phải là lực lượng chủ yếu. Ở miền núi, chợ phiên phải được coi là loại hình rất quan trọng tạo nên thị trường. Chợ là trung tâm trao đổi, là môi trường kích thích mua bán tạo sự hòa nhập và giao lưu văn hóa giữa các dân tộc, các tiểu vùng vốn bị chia cắt, cách biệt do điều kiện địa hình.

b - Đối với khu vực thị trường nông thôn đồng bằng là những địa bàn tư thương phát triển, đủ sức bảo đảm lưu thông hầu hết các mặt hàng phục vụ đời sống sinh hoạt và sản xuất của dân cư nông thôn, phương châm là *duy trì một số đơn vị TNNN chuyên doanh một số mặt hàng đặc thù như dược phẩm và dụng cụ y tế, sách và thiết bị trường học... Sáp nhập các đơn vị TNNN kinh doanh thương mại tổng hợp, các doanh nghiệp chuyên doanh phân bón, thuốc trừ sâu, cây giống, vật liệu xây dựng, nông sản... thành một hoặc vài công ty TNNN với phương châm hoạt động chủ yếu là trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp.*

Bên cạnh việc tổ chức sắp xếp lại doanh nghiệp TNNN cần đặc biệt coi trọng vai trò cung ứng dịch vụ của hợp tác xã nông nghiệp (nếu còn tồn tại), các hợp tác xã dịch vụ tự nguyện. Cần tổ chức lại hợp tác xã mua bán theo đúng nguyên tắc kinh tế tập thể. Các tổ chức này cùng với thương nhân, các hộ nông nhân hình thành một mạng lưới kinh doanh đa dạng, vừa cạnh tranh, vừa hợp tác với nhau, trong đó các doanh nghiệp TNNN đóng vai trò là chủ thể chính của kênh mua buôn, bán buôn các tư liệu sản xuất quan trọng và các nông phẩm chủ yếu phục vụ tiêu dùng và phát triển các cụm kinh tế - thương mại - dịch vụ gồm nhiều chủ thể kinh doanh với các hình thức sở hữu đa dạng được xem là "mất khâu" hết sức quan trọng trong việc tổ chức lại thị trường nông thôn. □



NINH BÌNH : mười năm liên tục ổn định và phát triển

PHẠM MINH TUYẾN *

THỰC hiện Nghị quyết kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa VIII, tỉnh Ninh Bình được tái lập và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 1-4-1992. Đây là một sự kiện chính trị quan trọng đối với Đảng bộ và nhân dân tỉnh Ninh Bình bởi vì nó chẳng những đáp ứng đúng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới mà còn rất phù hợp với tâm tư, nguyện vọng, tình cảm của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, tạo nên động lực và khí thế mới cho sự phát triển của địa phương.

Việc tái lập tỉnh là tiền đề quan trọng cho sự ổn định và phát triển của tỉnh Ninh Bình. Đó là yếu tố khách quan. Song, yếu tố khách quan ấy có tính khả thi hay không, có trở thành hiện thực tốt đẹp hay không còn phụ thuộc vào nhân tố chủ quan, đó là sự cố gắng, quyết tâm của đảng bộ và nhân dân trong tỉnh. Được tái lập là một niềm vui, nhưng bên cạnh niềm vui đó trước mắt đảng bộ và nhân dân tỉnh Ninh Bình là những khó khăn và thách thức không nhỏ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội : Ninh Bình vốn là một tỉnh nghèo, thuần nông, điểm xuất phát thấp, kinh tế kém phát triển, tài chính và

ngân sách hạn hẹp, thiếu cán bộ lãnh đạo và quản lý tương xứng với yêu cầu của tình hình, nhiệm vụ mới. Cơ sở vật chất nghèo nàn, các tuyến đường giao thông xuống cấp nghiêm trọng, đi lại khó khăn. Thị xã còn thiếu điện nước, thiếu trường học, đường sá còn kém phát triển và môi trường bị ô nhiễm nặng. Mặc dù nằm

ngay trên quốc lộ 1A nối liền Bắc - Nam nhưng chẳng mấy ai muốn dừng chân khi qua đây. Thị xã Ninh Bình trước ngày tái lập tỉnh gần như một thị xã bị "bỏ quên".

Trong bối cảnh bộn bề những khó khăn như thế, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Ninh Bình dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, UBND đã nhận thức đúng những thuận lợi, khó khăn của một tỉnh mới tái lập, nêu cao tinh thần đoàn kết, giữ vững truyền thống cách mạng của quê hương, vượt qua mọi khó khăn, thử thách để phấn đấu vươn lên. Với tinh thần thật sự cầu thị và chủ động tiến công như vậy, 10 năm tái lập có thể nói cũng là 10 năm Ninh Bình **liên tục ổn định và phát triển**.

Nhìn trên *tổng thể*, 10 năm qua nền kinh tế Ninh Bình tăng trưởng với tốc độ tương đối nhanh. Năm 2001, GDP tăng gấp 2,4 lần so với năm 1992 (bình quân mỗi năm tăng 10,1%).

Nét nổi bật trong kinh tế là những thành tựu về *sản xuất nông nghiệp*. Từ một nền nông nghiệp sản xuất nhỏ, mang tính tự cấp

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Ninh Bình

tự túc, đến nay Ninh Bình đã phá được thế độc canh cây lúa, đưa nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng sản xuất hàng hóa. Mười năm qua, Ninh Bình liên tục được mùa, năng suất và sản lượng lúa ở tất cả các vùng, miền trong tỉnh đều tăng làm cho sản lượng lương thực, bình quân lương thực tính theo đầu người và giá trị sản xuất nông nghiệp tăng hơn hai lần so với năm 1992. Cùng với kết quả về sản xuất lúa, Ninh Bình đã đẩy mạnh việc khai thác và nuôi trồng thủy sản. Phong trào nuôi tôm sú phát triển mạnh cùng với dự án khai thác vùng kinh tế ven biển Kim Sơn đã đưa sản lượng thủy sản năm 2001 tăng gấp 6,5 lần năm 1992. Bước đầu hình thành những vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả gắn với công nghiệp chế biến ở thị xã Tam Điệp và các huyện Nho Quan, Yên Mô. Kinh tế trang trại cũng đang phát triển mạnh. Hiện nay, Ninh Bình có hơn 300 trang trại loại vừa và nhỏ. Nhiều trang trại sản xuất có hiệu quả cao, góp phần khai thác tiềm năng về đất đai, giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

Sản xuất công nghiệp từ chỗ hết sức nhỏ bé, phân tán, lạc hậu đến nay Ninh Bình đã có những bước phát triển với những công trình mới, sản phẩm mới đạt chất lượng cao như xi-măng Hệ Dưỡng, gạch Vườn Chanh, nước khoáng Cúc Phương, bê tông thép, khí công nghiệp, thịt đông lạnh, rau quả chế biến xuất khẩu... Giá trị sản xuất công nghiệp địa phương tăng 13%/năm. Nhà máy xi-măng Tam Điệp với công suất 1,4 triệu tấn/năm đã được khởi công xây dựng vào năm 2000 và sẽ hoàn thành vào năm 2004. Dự án khu công nghiệp tập trung Tam Điệp được tổ chức triển khai thực hiện; trong đó, nhà máy

cán thép chất lượng cao, công suất 12 vạn tấn/năm đã cơ bản hoàn thành, chuẩn bị đi vào sản xuất. Hai ngành công nghiệp mũi nhọn là vật liệu xây dựng và chế biến nông sản đều có mức tăng trưởng khá. Sản xuất tiểu thủ công nghiệp bắt đầu khôi phục lại một số ngành nghề truyền thống. Hiện tại, Ninh Bình có 36 làng nghề, chủ yếu là sản xuất hàng cói, thêu ren, đồ gỗ, đá mỹ nghệ và chế biến nông sản, thực phẩm. Việc phát triển sản xuất tiểu, thủ công nghiệp đã góp phần giải quyết việc làm cho gần 16 vạn lao động. Công nghiệp ngoài quốc doanh cũng đang phát triển mạnh. Từ chỗ chỉ có 3 doanh nghiệp (năm 1992) đến nay đã có 270 doanh nghiệp, thu hút hàng vạn lao động. Nhiều doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả, trong đó có những sản phẩm thay thế hàng ngoại nhập được thị trường ưa chuộng.

Hoạt động dịch vụ chuyển biến theo chiều hướng tốt. Thị trường hàng hóa dồi dào, phong phú, giá cả ổn định, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu tiêu dùng của các tầng lớp nhân dân.

Du lịch là tiềm năng, thế mạnh của Ninh Bình đang được đầu tư phát triển về cơ sở hạ tầng, cũng như việc tu bổ, tôn tạo các di tích, danh thắng theo chương trình quốc gia về phát triển du lịch. Khu di tích lịch sử văn hóa cố đô Hoa Lư và khu danh lam thắng cảnh Tam Cốc - Bích Động, khách du lịch trong và ngoài nước đến thăm ngày càng đông.

Tổng thu ngân sách trên địa bàn tăng khá nhanh (11%/năm). Giá trị xuất khẩu tăng từ 2,5 triệu USD năm 1992 lên hơn 9 triệu USD năm 2001.

Tỉnh cũng đã khơi dậy mọi nguồn lực cho *đầu tư phát triển*. Do vậy, cơ sở vật chất kỹ

thuật, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng cường. Chỉ tính riêng năm 2001, tổng số vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản trên địa bàn đạt 1 200 tỉ đồng, gấp 40 lần so với năm mới tái lập tỉnh. Hàng loạt các công trình như trạm bơm, đê kè, hồ đập, đường giao thông, trường học, bệnh viện được nâng cấp hoặc xây dựng mới. Phong trào làm đường giao thông nông thôn, kiên cố hóa kênh mương và thi đua lao động sản xuất, kinh doanh giỏi đã diễn ra sôi nổi trong toàn tỉnh mà điển hình là Công ty bê-tông thép, Xí nghiệp cơ khí Quang Trung, Hợp tác xã nông nghiệp Hợp Tiến... Nhờ đầu tư đúng hướng với phương châm tập trung và dứt điểm nên nhiều công trình đã được đưa vào sử dụng sớm hơn so với dự kiến và phát huy ngay được hiệu quả, phục vụ thiết thực cho sản xuất và đời sống nhân dân. Đến nay, có 100% số xã và 97% số hộ được sử dụng điện lưới quốc gia ; 95% số xã, phường có trường học cao tầng, kiên cố ; 100% số xã có trạm y tế. Toàn tỉnh có 92 điểm bưu điện - văn hóa xã và đạt tỷ lệ 200 máy điện thoại/một vạn dân. Kết quả đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật đã làm thay đổi rõ rệt bộ mặt đô thị và nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thị xã Ninh Bình từ chỗ xuống cấp nghiêm trọng nay đã khang trang hơn, sáng, xanh, sạch, đẹp hơn, xứng đáng là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của tỉnh.

Nét nổi bật trên các lĩnh vực *văn hóa, xã hội* là sự phát triển đồng đều và khá toàn diện. Các ngành và các lĩnh vực như văn hóa - thông tin, phát thanh - truyền hình, thể dục thể thao, khoa học công nghệ và môi trường, giáo dục và đào tạo, y tế, dân số và kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ bà mẹ và trẻ em, v.v.. đều được Nhà nước tặng thưởng

Huân chương Lao động. Một số ngành đã được Chính phủ tặng cờ thi đua dẫn đầu cả nước. Hầu hết các huyện, thị trong tỉnh đều đã thực hiện tốt Nghị định của Chính phủ về "Quy chế Dân chủ ở cơ sở" và cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa". Chất lượng giáo dục được duy trì, số học sinh giỏi đạt giải quốc gia năm 1992 chỉ có một em, đến nay đã có trung bình 55 em/năm và có hai em đạt giải quốc tế. Toàn tỉnh có 79/155 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia, 6/8 huyện thị đạt chuẩn phổ thông trung học cơ sở. Phong trào thể dục, thể thao quần chúng phát triển mạnh cả về số lượng, chất lượng và hình thức hoạt động. Năm 2001, các vận động viên tham gia giải quốc gia và quốc tế đã giành được kết quả cao với 32 huy chương các loại. Công tác xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm và thực hiện chính sách xã hội được quan tâm chỉ đạo đúng mức và đạt kết quả tốt. Số hộ đói hầu như không còn, số hộ nghèo giảm hẳn, số hộ khá và giàu ngày một tăng. Nhìn chung cả đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân đều ổn định, từng bước được cải thiện và nâng cao.

Cùng với nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế, từ năm 1992 đến nay Ninh Bình đã có nhiều cố gắng trong việc thực hiện nhiệm vụ then chốt là *xây dựng Đảng*. Hiện tại toàn tỉnh có 4,3 vạn đảng viên, 629 tổ chức cơ sở đảng, trong đó 78% số tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh". Dân chủ trong xã hội nói chung và trong Đảng nói riêng ngày càng được mở rộng và phát huy, nội bộ đoàn kết thống nhất, lòng tin của nhân dân đối với Đảng, chính quyền và chế độ xã hội chủ nghĩa ngày càng được củng cố.

Với những thành tựu trong 10 năm qua, Đảng bộ, quân và dân tỉnh Ninh Bình đã được Đảng, Nhà nước ghi nhận, tặng thưởng 320 Huân chương Lao động các loại, 5 đơn vị và 2 cá nhân được tặng danh hiệu Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới.

*

* *

Cũng như nhiều địa phương khác, tỉnh Ninh Bình ngoài những thuận lợi cũng còn không ít khó khăn ; bên cạnh những thời cơ là những thách thức không nhỏ ; đồng thời với những thành tựu cũng có cả những sai lầm, khuyết điểm. Với tinh thần xuất phát từ thực tiễn, đánh giá đúng bản thân, dám nhìn thẳng vào sự thật, tỉnh Ninh Bình bước đầu rút ra một số bài học kinh nghiệm, từ đó kịp thời tự điều chỉnh, phấn đấu đạt được những kết quả ngày càng tốt hơn.

Thứ nhất, đối với một tỉnh mới tái lập, vấn đề quan trọng hàng đầu là phải ổn định ngay bộ máy tổ chức ở tất cả các cấp, các ngành từ tỉnh, đến huyện, thị và cơ sở. Cùng với việc ổn định tổ chức, phải cố gắng xây dựng cho được đội ngũ cán bộ tương ứng và thích hợp (nhất là đội ngũ cốt cán). Nếu không làm được như vậy thì mọi hoạt động sẽ chệch choạc, lúng túng và không có hiệu quả.

Thứ hai, xây dựng sự đoàn kết, thống nhất trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp, trước hết là Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân. Để làm được điều đó, chúng tôi thực hiện phương châm cùng nhau chung sức, gánh vác nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước giao cho. Trong công việc, thực hiện triệt để nguyên tắc tập trung dân chủ. Trong quan hệ cá nhân có điều gì vướng

mắc, thẳng thắn đối thoại, trao đổi chân thành trên tình đồng chí nhằm thông cảm và hợp tác với nhau chặt chẽ hơn.

Thứ ba, bảo đảm dân chủ rộng rãi, trước hết từ trong nội bộ Đảng. Chú trọng đẩy mạnh tự phê bình và phê bình, nhất là việc tự phê bình từ trên xuống và phê bình từ dưới lên. Thường xuyên tổ chức cho quần chúng góp ý kiến xây dựng Đảng dưới nhiều hình thức thích hợp. Trước đây tỉnh Ninh Bình đã thực hiện khá tốt vấn đề dân chủ. Khi có Nghị định của Chính phủ về thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, Ninh Bình lại là một trong những địa phương triển khai sớm và thực hiện có hiệu quả. Vì thế đảng viên tin tưởng cấp ủy hơn, dân tin Đảng và chính quyền hơn, hầu như không có điểm nóng.

Thứ tư, xây dựng, củng cố, kiện toàn hệ thống chính trị ở cơ sở đủ sức đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công cuộc đổi mới. Chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của tỉnh có đi được vào quần chúng hay không và khi tổ chức thực hiện có đạt hiệu quả cao hay không phụ thuộc rất lớn vào hệ thống chính trị ở cơ sở, trước hết là tổ chức Đảng và chính quyền. Dân chủ ở cơ sở có được bảo đảm hay không, dân có tin Đảng và chính quyền hay không cũng phụ thuộc rất lớn vào hệ thống chính trị ở cơ sở. An ninh chính trị có được giữ vững, trật tự an toàn xã hội có được bảo đảm, đời sống nhân dân có được ổn định, cải thiện và nâng cao hay không cũng phụ thuộc rất lớn vào phương thức, năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.

Thứ năm, phải xây dựng một cơ cấu kinh tế phù hợp. Ninh Bình chủ yếu là một tỉnh nông nghiệp, vì thế những năm đầu tái lập tỉnh, trong cơ cấu kinh tế, nông nghiệp

chiếm tỷ trọng khá cao (khoảng 60%). Song, về lâu dài, nếu chỉ trông chờ vào nông nghiệp, nhất là trong điều kiện độc canh cây lúa thì không thể nào giàu lên được. Vì vậy, càng những năm sau, tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế càng giảm, tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ ngày càng tăng.

*

* *

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ XIV (nhiệm kỳ 2001 - 2005) đã xác định những mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể cho 5 năm tới là : Ưu tiên tập trung thực hiện cho được ba khâu đột phá (phát triển nhanh ngành sản xuất vật liệu xây dựng và chế biến nông sản ; đẩy mạnh các hoạt động du lịch và dịch vụ ; tập trung mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển. Tốc độ tăng trưởng GDP đạt bình quân 8%/năm. Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng 4%/năm ; công nghiệp và xây dựng tăng 16% ; dịch vụ tăng 11%. Cơ cấu kinh tế : nông nghiệp (40%) - công nghiệp (30%) - dịch vụ (30%). Sản lượng lương thực quy ra thóc bình quân mỗi năm đạt 46 vạn tấn. Giá trị sản phẩm trên một héc-ta canh tác đạt bình quân 24 triệu đồng/năm. Giá trị hàng xuất khẩu đến năm 2005 đạt 50 triệu USD. Mỗi năm giải quyết việc làm cho 12 000 người, trong đó 25% số lao động được đào tạo, học nghề. Phần đầu không còn hộ đói, giảm số hộ nghèo xuống dưới 7% (theo tiêu chí mới). Mức sinh giảm 0,3%/năm. Thu ngân sách năm 2005 đạt 160 tỉ đồng. Bình quân GDP đầu người năm 2005 tăng gấp 1,4 lần so với năm 2000. Hoàn thành phổ cập trung học cơ sở vào năm 2003 và đến năm 2005 có 50% số trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia ; 90% số xã có trạm bưu điện - văn hóa ; 100% địa bàn dân

cư được phủ sóng phát thanh, truyền hình ; 80% đường giao thông nông thôn được rải nhựa hoặc bê tông ; trên 60% kênh tưới được kiên cố hóa ; 80% số đảng bộ, chi bộ, tổ chức chính quyền và tổ chức đoàn thể đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh...

Để đạt được các mục tiêu nói trên, Ninh Bình đang và sẽ thực hiện một số biện pháp vừa mang tính cơ bản vừa mang tính cấp bách :

- Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu và tăng trưởng kinh tế trên cơ sở phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng sản xuất hàng hóa ; đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng công nghiệp và dịch vụ, đưa công nghiệp và dịch vụ chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu kinh tế ; thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trước hết là công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn.

- Tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, tiếp thu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống.

- Xây dựng quan hệ sản xuất mới ; tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển mạnh mẽ, đúng hướng, hợp tác lâu dài và cạnh tranh lành mạnh ; tăng sức hấp dẫn đối với các nhà doanh nghiệp trong và ngoài nước để thu hút vốn đầu tư chính đáng của họ theo nguyên tắc bình đẳng, hai bên cùng có lợi.

- Giải quyết tốt các vấn đề văn hóa xã hội, ổn định và nâng cao đời sống nhân dân.

Phát huy những thành tựu và truyền thống tốt đẹp của 10 năm sau tái lập, Đảng bộ, quân và dân Ninh Bình đang tích cực phấn đấu đạt cho được các mục tiêu của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV đã đề ra, đưa Ninh Bình trở thành một tỉnh giàu mạnh. □

Thực trạng và giải pháp XÓA ĐÓI, GIẢM NGHÈO Ở NÔNG THÔN HIỆN NAY

NGUYỄN SINH CÚC *

THỰC hiện đường lối đổi mới của Đảng, sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn những năm qua đã có nhiều khởi sắc và đạt được những thành tựu to lớn. Đời sống các tầng lớp dân cư ở nông thôn, chủ yếu là nông dân đã được nâng lên cả về vật chất và tinh thần. Số hộ giàu và mức giàu ở nông thôn tăng lên, số hộ nghèo và mức nghèo giảm xuống. Công tác xóa đói, giảm nghèo được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm và đầu tư thỏa đáng, thông qua hàng loạt cơ chế, chính sách và chương trình, dự án quốc gia và quốc tế, nên đã đạt được kết quả đáng khích lệ. Tỷ lệ hộ nghèo ở khu vực nông thôn đã giảm từ trên 30% (những năm đầu thập kỷ 90 thế kỷ XX) xuống 14,3% (năm 2000) và còn 12% (năm 2001). Tốc độ xóa đói, giảm nghèo vùng nông thôn đạt bình quân 2%/năm và Việt Nam được quốc tế đánh giá là nước đi đầu trong các nước đang phát triển về tốc độ xóa đói, giảm nghèo nhanh trong những năm gần đây, nhất là khu vực nông thôn. (Xem biểu bên).

Không chỉ giảm tỷ lệ hộ nghèo mà mức nghèo ở nông thôn cũng đã giảm nhiều so với các năm trước. Tình trạng thiếu đói giáp hạt thường xảy ra trước đây đối với các hộ nghèo nông thôn ở mức 5-7%, những năm gần đây đã giảm xuống dưới 1% (năm 2000 là 0,7% số hộ

và 0,8% số khẩu). Cuối tháng 11-2001 cả nước có 100,4 nghìn hộ và 503,4 nghìn khẩu thiếu đói giáp hạt, chiếm 0,88% số hộ và 0,95% số khẩu, giảm 6,4% và 6,7% so với cùng kỳ năm 2000. Đặc biệt, số hộ nghèo thiếu ăn trên 6 tháng ở khu vực nông thôn về cơ bản đã được xóa. Tình trạng thiếu lương thực trong các hộ nghèo chỉ còn diễn ra trên diện hẹp và thời gian ngắn, chủ yếu là những hộ neo đơn, già cả vào thời điểm những tháng giáp hạt ở miền Bắc, miền Trung, những vùng bị thiên tai nặng ở đồng bằng sông Cửu Long và duyên hải miền Trung. Cho đến nay, nhiều tỉnh đã cơ bản xóa hộ đói và giảm hộ nghèo ở nông

Tỷ lệ hộ nghèo theo vùng và theo khu vực nông thôn, thành thị 2 năm 1999 - 2000. (%)

	Chung		Thành thị		Nông thôn	
	1999	2000	1999	2000	1999	2000
Chung	13,3	11,4	4,6	3,8	16,0	14,3
Tây Bắc và Đông Bắc	17,1	15,3	5,5	4,7	19,8	17,9
Đồng bằng sông Hồng	7,6	5,9	3,9	3,2	8,7	7,3
Bắc Trung Bộ	19,3	17,4	8,8	7,1	21,5	20,2
Duyên hải Nam Trung Bộ	14,0	13,6	7,1	6,0	16,4	15,8
Tây Nguyên	21,3	20,1	7,8	6,7	26,6	25,0
Đông Nam Bộ	5,2	4,4	3,8	3,0	7,4	6,2
Đồng bằng sông Cửu Long	10,2	8,7	5,4	4,3	11,7	9,9

* PGS, TS. Vụ trưởng, Tổng cục Thống kê

thôn xuống dưới mức 10% theo tiêu chuẩn mới.

Nguyên nhân trực tiếp của những thành tựu trong lĩnh vực xóa đói, giảm nghèo ở khu vực nông thôn những năm qua là : kinh tế tăng trưởng ở mức cao, an ninh lương thực bảo đảm trong mọi tình huống, xã hội ổn định. Khi tổng sản phẩm xã hội tăng nhanh, của cải vật chất phong phú, đa dạng, giá cả thị trường ổn định, người được hưởng lợi nhiều nhất là người có thu nhập thấp, người nghèo ở nông thôn. Với thị trường và giá cả lương thực, thực phẩm hiện nay, người nghèo ở nông thôn vẫn có mức sống tối thiểu và vượt qua nạn đói giáp hạt không mấy khó khăn. Những hộ nghèo nhưng có sức lao động và không lười biếng, chắc chắn sẽ không bị đói mà có thể thoát nghèo trong cơ chế mới.

Nguyên nhân bao trùm là sự quan tâm đặc biệt và chỉ đạo đồng bộ của Đảng và chính quyền các cấp đối với nông thôn, nông nghiệp, nông dân và xóa đói, giảm nghèo. Chiến lược xóa đói, giảm nghèo của Đảng và Nhà nước ta trong thời kỳ đổi mới đã đi vào cuộc sống và phát huy tác dụng tích cực. Các chương trình, dự án của Trung ương, của quốc tế, của địa phương, của các ngành, của Hội Nông dân... đã và đang giúp các hộ nghèo một cách thiết thực, có hiệu quả. Đặc biệt Chương trình 135 xóa đói, giảm nghèo ở trên 2 nghìn xã đặc biệt khó khăn, hàng năm đã đầu tư hàng ngàn tỉ đồng giúp đồng bào vùng xa, vùng sâu, vùng căn cứ Cách mạng, các hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số... phát triển sản xuất, nâng cao mức sống, xóa đói, giảm nghèo. Theo báo cáo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, năm 2001, Nhà nước đã đầu tư hơn 1 400 tỉ đồng cho các chương trình xóa đói, giảm nghèo, trong đó 800 tỉ đồng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, 200 tỉ đồng xây dựng trung tâm cụm xã, 170 tỉ đồng định canh định cư, 240 tỉ đồng xây dựng vùng kinh tế mới, 50 tỉ đồng ổn định đời sống dân cư, 20 tỉ đồng

phát triển ngành nghề ở nông thôn, 1 110 tỉ đồng tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng người nghèo và các tổ chức xã hội, đoàn thể, trong đó có Hội Nông dân Việt Nam.

Các hộ nghèo ở vùng thiếu đói giáp hạt, vùng bị thiên tai ở đồng bằng sông Cửu Long và miền Trung còn được cấp 9 946 tấn lương thực và 20,1 tỉ đồng ngoài ngân sách nhà nước trong 11 tháng đầu năm 2001. Phong trào giúp người nghèo về giống cây trồng, vật nuôi, hỗ trợ vốn và kỹ thuật của cộng đồng các thôn xã và truyền thống tương thân, tương ái, lá lành đùm lá rách trong nông thôn nước ta được duy trì và mở rộng tại các địa phương dưới sự chỉ đạo và tổ chức của Hội Nông dân Việt Nam cũng là một trong những yếu tố tích cực góp phần tăng nhanh tốc độ xóa đói, giảm nghèo ở nông thôn những năm qua.

Hội nghị các nhà tài trợ cho Việt Nam, họp tại Hà Nội tháng 12-2001, ông A. Xtia, Giám đốc Ngân hàng Thế giới (WB) tại Việt Nam đã nhận xét rất đúng rằng : "Trong thập kỷ qua, nhờ xây dựng chu đáo và nỗ lực thực hiện chương trình cải cách, Việt Nam đã thành công hơn những nước đang phát triển khác trong những mục tiêu phát triển và xóa đói, giảm nghèo... Tỷ lệ hộ nghèo giảm, tỷ lệ người biết chữ tăng, sức khỏe người dân được cải thiện...". Rõ ràng, những thành tựu về xóa đói, giảm nghèo ở nông thôn là to lớn và bắt nguồn từ đường lối đổi mới của Đảng ta. Vai trò của Hội Nông dân các cấp đóng góp phần quan trọng.

Tuy nhiên, sự nghiệp xóa đói, giảm nghèo hiện nay ở nông thôn vẫn chưa hết khó khăn và còn nhiều vấn đề nổi cộm. Đó là tốc độ giảm nghèo không đều giữa các vùng, các địa phương, tính vững chắc và ổn định chưa cao, mức sống vật chất và tinh thần của vùng nghèo và hộ nghèo còn thấp so với mức trung bình của toàn xã hội. Khoảng cách giàu nghèo ở nông thôn có xu hướng đoãng ra và chưa có khả năng thu hẹp. Khó khăn và thách thức lớn

nhất cho công tác xóa đói, giảm nghèo ở nông thôn hiện nay là thị trường và giá cả nông sản không ổn định, dẫn đến thu nhập và việc làm của nông dân nói chung và nông dân nghèo nói riêng thấp và tăng chậm. Ở vùng đồng bằng, ven biển tình trạng đất chật, người đông, lao động thừa, việc làm thiếu là phổ biến. Ở đồng bằng sông Cửu Long, một bộ phận nông dân không có đất, nguồn sống chính là lao động làm thuê, trong khi đó ngành nghề và dịch vụ phi nông nghiệp phát triển chậm, dân số và lao động tăng nhanh. Do đó, lao động dư thừa nhiều, thu nhập nông dân thấp, khả năng tạo việc làm cho hộ nghèo càng khó khăn hơn. Ở vùng miền núi, vùng cao, vùng sâu, quỹ đất nông, lâm nghiệp chưa sử dụng còn nhiều, nhưng chủ yếu là đất xấu, đất dốc và bạc màu, trong khi đó cơ sở hạ tầng yếu kém, trình độ dân trí thấp, nên khả năng khai hoang, mở rộng diện tích, phát triển kinh tế trang trại rất hạn chế. Ở vùng sâu, vùng xa tập tục lạc hậu, trình độ canh tác theo phương thức tự cấp, tự túc, quảng canh vẫn là chủ yếu, nên số hộ nghèo nhiều nhưng tốc độ xóa đói, giảm nghèo vẫn chậm do tiềm lực kinh tế địa phương và của hộ nông dân còn yếu. Tâm lý dựa vào Nhà nước, các tổ chức cứu trợ xã hội của nhiều hộ nông dân nghèo vẫn còn phổ biến, trong đó chủ yếu là những hộ yếu thế lại lười lao động. Hiệu quả của các chương trình 135, 773, trồng mới 5 triệu ha rừng, nước sạch nông thôn... chủ yếu dành cho vùng nghèo và người nghèo nhưng phát huy chưa đều, chưa toàn diện.

Vì vậy, để thực hiện chiến lược xóa đói, giảm nghèo ở nông thôn trong những năm tới cần có hệ thống các giải pháp tích cực và đồng bộ nhằm phát huy vai trò của Nhà nước, của các doanh nghiệp, của các tổ chức đoàn thể, xã hội, nhất là Hội Nông dân và của chính quyền địa phương, của bản thân các hộ nông dân, kể cả hộ giàu và hộ nghèo. Trước mắt, chúng ta tập trung vào những giải pháp chủ yếu sau :

Thứ nhất : Phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn toàn diện và vững chắc, làm nền tảng cho xóa đói, giảm nghèo. Muốn vậy, cần đổi mới quan điểm và nhận thức về vai trò và vị trí của mặt trận nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế quốc dân thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phải lấy sản xuất làm cơ sở cho xóa đói, giảm nghèo ở nông thôn.

Xuất phát từ quan điểm của Đảng, trong năm 2002 và những năm tiếp theo, các ngành, các cấp từ Trung ương đến địa phương và cơ sở tập trung cao độ sức lực, trí tuệ, cơ sở vật chất kỹ thuật để tạo ra bước phát triển đột biến của nông nghiệp nước ta theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với thị trường. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng lấy hiệu quả trên đơn vị diện tích, tăng thu nhập và tạo việc làm mới ở nông thôn làm trọng tâm. Thực hiện tốt chủ trương ổn định diện tích lúa để bảo đảm an ninh lương thực, chuyển một bộ phận đất lúa năng suất thấp sang nuôi trồng thủy sản, cây công nghiệp, cây ăn quả có giá trị kinh tế cao hơn. Phát triển ngành nghề và dịch vụ nông thôn để thu hút hộ nghèo nhằm tăng thu nhập cho họ, góp phần xóa đói, giảm nghèo bằng các hoạt động phi nông nghiệp.

Thứ hai : Tăng đầu tư cho nông nghiệp và nông thôn đến mức 25%. Trong cơ cấu đầu tư cần dành tỷ lệ hợp lý để dạy nghề cho nông dân bao gồm đào tạo nghề mới, đào tạo lại, bồi dưỡng ngắn hạn kiến thức và kinh nghiệm làm ăn bằng các ngành nghề nông nghiệp và công nghiệp dịch vụ. Ưu tiên đào tạo nâng cao dân trí và trình độ nghề nghiệp của các hộ nghèo. Đầu tư cho dạy nghề, cho giáo dục ở vùng nghèo là góp phần xóa đói, giảm nghèo ; vì nói như đồng bào xã nghèo Yang Mao, huyện Krông Bông, Đắk Lắk : "Thêm cái chữ là bớt đi sự nghèo khó". Vốn đầu tư cho nông nghiệp qua các chương trình khuyến nông, khuyến

công ở nông thôn cần tăng cường vì hiệu quả cao và tính thiết thực của nó. Vốn cho các chương trình 135, 773 trồng mới 5 triệu ha rừng, nước sạch nông thôn cần dành sự ưu tiên cho xã nghèo, hộ nghèo và xóa đói giảm nghèo.

Thứ ba : Hoàn thiện quy hoạch tổng thể về sản xuất nông nghiệp và công nghiệp chế biến nông sản, làm cơ sở cho kế hoạch hóa và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn. Ưu tiên các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, các xã thuộc Chương trình 135, vùng có nhiều trang trại để thu hút hộ nghèo vào sản xuất. Đây là giải pháp hết sức quan trọng có ý nghĩa thiết thực và lâu dài. Trong quy hoạch cần quan tâm đến các vùng sản xuất nông sản hàng hóa lớn phục vụ xuất khẩu, các ngành công nghiệp chế biến nông sản và những ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp như điện, cơ khí, chế biến nông, lâm, thủy sản, quy hoạch hệ thống trạm, trại nghiên cứu thực nghiệm và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp, nên chú ý nông dân nghèo và mục tiêu xóa đói, giảm nghèo. Cần coi trọng quy hoạch vùng nông sản xuất khẩu có chất lượng cao, đồng thời quan tâm đúng mức đến vùng kinh tế mới, vùng nghèo để thu hút các hộ nghèo vào quá trình sản xuất hàng hóa xuất khẩu.

Thứ tư : Thực hiện giải pháp "kích cầu" bằng các chính sách "khoan sức dân" ở nông thôn, trong đó bỏ thuế sử dụng đất nông nghiệp là việc cần thiết. Ngay năm 2002, Nhà nước cần miễn thuế sử dụng đất cho toàn bộ hộ nông dân ở tất cả các vùng có quy mô đất, nông, lâm nghiệp bằng mức hạn điền của Luật Đất đai năm 1993.

Thứ năm : Hoàn thiện cơ chế, chính sách của Nhà nước về nông nghiệp, nông thôn, nông dân và xóa đói, giảm nghèo theo hướng tích cực hơn, hiệu quả hơn. Nhân rộng mô hình sản xuất nông nghiệp kiểu mới, nhất là mô hình kinh tế trang trại, tổ hợp tác tự nguyện của các hộ nghèo ; phát huy mạnh mẽ vai trò

của Hội Nông dân các cấp trong xóa đói, giảm nghèo ở nông thôn. Tổ chức sơ kết, tổng kết để rút kinh nghiệm và nhân rộng các mô hình hợp tác xã nông nghiệp chuyển đổi từ hợp tác xã sản xuất nông nghiệp kiểu cũ, hợp tác xã nông nghiệp mới thành lập và tổ hợp tác giản đơn của các hộ nghèo với sự giúp đỡ của Nhà nước, của Hội Nông dân. Tăng cường vai trò của Nhà nước trong việc ban hành các Nghị định, chính sách khuyến khích, hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới, nhất là các chính sách hỗ trợ về vốn và cán bộ giúp hợp tác xã nông nghiệp xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, kiện toàn bộ máy quản lý phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của hợp tác xã dịch vụ cho kinh tế hộ nông dân sản xuất hàng hóa trong cơ chế thị trường theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Kinh tế hợp tác, hợp tác xã kiểu mới và kinh tế trang trại là các hình thức tổ chức sản xuất kiểu mới, là môi trường tạo việc làm mới, tăng thu nhập cho nông dân, trong đó có nông dân nghèo. Cả nước hiện có khoảng 70 ngàn trang trại, hằng năm tạo việc làm cho 30 vạn lao động và tạo ra hàng ngàn tỉ đồng giá trị nông sản. Đó là giải pháp tích cực để xóa đói, giảm nghèo hiện nay và những năm tới rất có hiệu quả.

Hỗ trợ mô hình kinh tế trang trại gia đình bằng các chính sách kinh tế phù hợp, khuyến khích phát triển mô hình này ở những vùng còn nhiều tiềm năng đất đai, lao động kể cả lao động giản đơn của các hộ nghèo, xã nghèo, nhằm tăng nông sản hàng hóa có chất lượng cao và chất lượng trung bình.

Thứ sáu : Giải quyết tốt vấn đề thị trường tiêu thụ và giá cả nông sản : xóa đói, giảm nghèo ở nông thôn chỉ có thể thực hiện được khi nông sản có đầu ra ổn định. Vì vậy cần ưu tiên đầu tư vốn và khoa học kỹ thuật để phát triển sản xuất nông sản hàng hóa trong từng thời kỳ phù hợp với quy hoạch phát triển nông nghiệp cả nước. Từ năm 2002, cần đổi mới kế hoạch sản xuất nông nghiệp theo hướng gắn

quy mô sản xuất với thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước, lấy chất lượng và hiệu quả làm mục tiêu. Vấn đề trợ giá, trợ cước và miễn giảm thuế doanh thu cần được nghiên cứu và hoàn thiện theo hướng có lợi cho cả người giàu và người nghèo.

Nhà nước gắn với chính quyền địa phương xây dựng hệ thống tổ chức thu mua nông sản hàng hóa cho nông dân. Tiến tới hình thành mạng lưới theo mô hình hợp tác xã hoặc tổ hợp tác thu mua nông sản thống nhất giữa các địa phương theo phương thức và giá sàn quy định của Nhà nước. Giải quyết thỏa đáng quan hệ giữa Nhà nước, nông dân và các doanh nghiệp trong cung ứng vật tư nông nghiệp, xuất khẩu nông sản và phân phối lợi nhuận. Từ năm 1999, Chính phủ bãi bỏ thuế xuất khẩu nông sản là giải pháp tích cực, nhưng chưa đủ. Để tăng sức cạnh tranh của nông sản Việt Nam trong bối cảnh hiện nay phải có nhiều giải pháp đồng bộ hơn, một mặt tăng năng suất và chất lượng sản xuất trong nước để giảm chi phí; mặt khác, mở rộng và ổn định thị trường theo hướng đa dạng hóa, đa phương hóa, bảo đảm chữ tín với khách hàng, tăng cường tiếp thị, đầu tư nghiên cứu và dự báo thị trường. Nhà nước có chính sách bảo hộ nông sản và vật tư, phân bổ sản xuất trong nước; bảo đảm ổn định giá cả và lợi ích của nông dân trong thời gian tương đối dài để họ yên tâm đầu tư thâm canh phát triển sản xuất. Đối với các xã nghèo và hộ nghèo, Nhà nước cần bổ sung chính sách hỗ trợ giá "đầu vào" của sản xuất một cách hợp lý gắn với chương trình xóa đói, giảm nghèo ở nông thôn.

Để bảo đảm tính khả thi của 6 giải pháp trên đây, cần tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và chính quyền các cấp từ Trung ương đến địa phương và cơ sở, đồng thời phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế, các tổ chức đoàn thể, xã hội, trong đó Hội Nông dân các cấp có vị trí rất quan trọng và không thể thiếu. □

TỪ CÁCH MẠNG...

(Tiếp theo trang 13)

Đã có người đặt câu hỏi vì sao Chủ tịch Hồ Chí Minh lại mở đầu bản Tuyên ngôn Độc lập của mình bằng hai câu trích dẫn từ hai bản Tuyên ngôn lịch sử của Hoa Kỳ và Pháp, lại là những quốc gia đã và sẽ trở thành những thế lực xâm hại đến nền độc lập của dân tộc Việt Nam? Phải chăng đó chỉ là một sách lược nhằm tranh thủ hoặc đối phó với các thế lực của chủ nghĩa thực dân cũ và mới?

Câu trả lời cho thấy Hồ Chí Minh luôn đặt sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam gắn liền với thời đại. Người nhắc đến hai văn kiện lịch sử ấy với lòng trân trọng đặc biệt của một trí tuệ lớn đối với sự phát triển của văn minh nhân loại mà Cách mạng giành độc lập của Hoa Kỳ năm 1776 và Cách mạng tư sản Pháp 1789 là những cái mốc lớn của lịch sử loài người. Đó là nền tảng để vị lãnh tụ của dân tộc Việt Nam khẳng định rằng chính cuộc Cách mạng mà dân tộc Việt Nam đã giành được vào mùa Thu năm 1945 là bước đi tiếp, đồng thời cũng là một cái cột mốc cho sự phát triển của lịch sử giải phóng con người vì đó là mẫu hình đầu tiên và cũng là ngọn cờ của cuộc đấu tranh giải phóng các dân tộc nhỏ yếu thoát khỏi ách của chủ nghĩa thực dân cũ và mới. Kế tục Cách mạng Tháng Tám 1945, hai cuộc chiến tranh giải phóng chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ của nhân dân Việt Nam cùng cao trào giải phóng dân tộc diễn ra trên phạm vi toàn thế giới ở thập kỷ 60 của thế kỷ XX đã chứng minh điều đó. □

PHÒNG Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) là một trong những tổ chức có vai trò hàng đầu về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp. Được thành lập năm 1963, với chức năng "xúc tiến mậu dịch giữa Việt Nam với các nước trên thế giới", VCCI đã trở thành tổ chức xúc tiến thương mại đầu tiên ở nước ta. Cùng với quá trình phát triển, chức năng của VCCI ngày càng được mở rộng.

1 - Đại diện để bảo vệ quyền lợi của cộng đồng doanh nghiệp.

Cũng như của bất cứ Phòng thương mại quốc gia nào trên thế giới, chức năng đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp là chức năng quan trọng hàng đầu của VCCI. Phòng Thương mại quốc tế (ICC) khẳng định : Trong một nền kinh tế thị trường, Phòng Thương mại *đại diện cho toàn bộ các hoạt động công nghiệp và*

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP

VŨ TIẾN LỘC*

Từ chỗ chỉ bó hẹp trong phạm vi xúc tiến mậu dịch quốc tế (xúc tiến ngoại thương) đến xúc tiến thương mại - đầu tư ; rồi xúc tiến kinh doanh nói chung. Từ 1990, trước yêu cầu của giai đoạn phát triển mới, VCCI trở thành tổ chức độc lập, phi chính phủ và được bổ sung thêm chức năng. VCCI đã thực sự trở thành tổ chức của cộng đồng doanh nghiệp - một thể chế quan trọng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

I. HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP

Điều lệ của VCCI xác định : VCCI là *tổ chức quốc gia tập hợp và đại diện cho các hiệp hội doanh nghiệp và các doanh nghiệp mọi thành phần kinh tế đồng thời là tổ chức xúc tiến thương mại, đầu tư*. Chức năng hỗ trợ phát triển doanh nghiệp của VCCI được thể hiện ở một số nội dung dưới đây.

thương mại và nhân danh cả cộng đồng kinh tế để nói lên tiếng nói có uy tín và độc lập ; là đối tác của các cơ quan chính phủ và các tổ chức xã hội.

Thực hiện chức năng đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp, thời gian qua, VCCI đã *triển khai 3 hoạt động chủ yếu sau :*

Một là, tạo lập kênh thông tin và đối thoại trực tiếp giữa các cơ quan chính quyền và doanh nghiệp ; tham gia tích cực vào quá trình xây dựng luật pháp, chính sách kinh tế, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi ở Việt Nam. Hằng năm, VCCI phối hợp với Văn phòng Chính phủ tổ chức các cuộc gặp của Thủ tướng với doanh nghiệp. Đây chính là một trong những diễn đàn kinh tế lớn có ảnh hưởng

* Phó Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

sâu sắc đến môi trường đầu tư kinh doanh ở Việt Nam. Bên cạnh đó, VCCI cùng với các bộ, ngành hữu quan và các địa phương tổ chức các cuộc gặp gỡ đối thoại giữa lãnh đạo các cơ quan chính quyền với doanh nghiệp để trao đổi cụ thể về những vấn đề đang đặt ra trong từng ngành, lĩnh vực, địa phương như thuế, hải quan, xuất nhập khẩu, ngân hàng, thanh tra, kiểm tra... Có thể nói, *diễn đàn đối thoại giữa chính quyền và doanh nghiệp* đã đi vào lịch sử đổi mới kinh tế ở Việt Nam như một điển hình của phong cách làm việc dân chủ và thiết thực, hợp tác góp phần thu hẹp khoảng cách giữa chính quyền và doanh nghiệp, tạo lập sự đồng thuận vì mục tiêu phát triển kinh tế đất nước. Cùng với diễn đàn kinh tế tư nhân và hội nghị tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam, diễn đàn này đã góp sức hình thành các định hướng và giải pháp đổi mới kinh tế ở nước ta trong những năm qua.

Bên cạnh đó, VCCI còn trực tiếp cử cán bộ của mình tham gia các nhóm nghiên cứu, tổ chức cho các doanh nghiệp tham gia góp ý vào các dự thảo nghị quyết của Đảng, văn bản pháp luật, chính sách của Quốc hội, Chính phủ. Sự tham gia của VCCI và đại diện các doanh nghiệp vào quá trình xây dựng luật pháp, chính sách đã góp phần bảo đảm cho các văn bản đó sát, đúng với thực tiễn và có tính khả thi. Ghi nhận vai trò tích cực của VCCI trong lĩnh vực này, Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải đã chỉ thị : *Đối với các văn bản pháp quy có liên quan tới doanh nghiệp trước khi ban hành hoặc trình Thủ tướng ban hành, cơ quan soạn thảo nhất thiết phải lấy ý kiến doanh nghiệp thông qua VCCI.*

Hai là, mở rộng liên kết, tập hợp các hiệp hội doanh nghiệp, các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nền kinh tế, *xây dựng cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam thống nhất*, tham gia tích cực vào quá trình chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Đến nay, hầu hết các hiệp

hội doanh nghiệp và doanh nghiệp lớn đều là hội viên của VCCI. VCCI còn chú trọng việc tập hợp các hội viên là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam. Thông qua các hoạt động của mình, VCCI cố gắng thiết lập mối liên kết tự nguyện giữa các hiệp hội và các khu vực doanh nghiệp khác nhau trong nền kinh tế, để qua đó, không chỉ hình thành một tiếng nói chung mà còn tạo ra một khung khổ hợp tác có hiệu quả trong điều kiện cạnh tranh và hội nhập. Là đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam trên các diễn đàn quốc tế, VCCI đã đấu tranh cho quyền lợi chính đáng của các doanh nghiệp Việt Nam, chống áp đặt các điều kiện tiêu chuẩn quá cao của các nước phát triển về môi trường và trách nhiệm xã hội vào các quan hệ thương mại, tham gia ý kiến vào việc xây dựng một lộ trình hội nhập phù hợp với sức vươn lên của các doanh nghiệp và nền kinh tế Việt Nam. Với chức năng của mình, VCCI chủ động tham gia và có tiếng nói mạnh mẽ trong các hoạt động của Phòng Thương mại Quốc tế (ICC), Tổ chức giới chủ thế giới (IOE), Liên đoàn các Phòng Thương mại Công nghiệp châu Á - Thái Bình Dương (CACCI), Liên đoàn giới chủ châu Á - Thái Bình Dương (CAPE), Phòng Thương mại ASEAN (ASEAN CCI), Hội đồng hợp tác kinh tế Thái Bình Dương (PECC) và một số ủy ban hỗn hợp về hợp tác kinh tế giữa Việt Nam với nước ngoài.

Ba là, bảo vệ quyền lợi chính đáng của từng doanh nghiệp, từng nhóm doanh nghiệp để góp phần *quan trọng xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh*. Cùng với các cơ quan hữu quan, VCCI đã có tiếng nói trong những trường hợp cụ thể để bảo vệ quyền lợi của doanh nghiệp, giải quyết kịp thời những mâu thuẫn nảy sinh, tạo nên lòng tin của nhân dân, của giới doanh nghiệp đối với môi trường kinh

doanh ở Việt Nam. Việc đấu tranh chống các biểu hiện hình sự hóa các quan hệ kinh tế dân sự, chống hiện tượng thực thi pháp luật, chính sách một cách tùy tiện trong các lĩnh vực thuế, hải quan, đất đai... đã đem lại kết quả tích cực, bảo vệ được lợi ích của doanh nghiệp.

2- Xúc tiến hỗ trợ kinh doanh và đầu tư.

Tạo lập môi trường kinh doanh và đầu tư thuận lợi là điều kiện cần nhưng chưa đủ để các doanh nghiệp phát triển, nhất là các doanh nghiệp Việt Nam mới được hình thành và phát triển trong vài năm trở lại đây, với phần lớn là quy mô nhỏ và vừa. Vì vậy, thực hiện các biện pháp xúc tiến hỗ trợ kinh doanh và đầu tư cũng được coi là điều kiện quan trọng cho sự phát triển của doanh nghiệp. *Các biện pháp xúc tiến hỗ trợ đầu tư kinh doanh có thể được thực hiện bởi cơ quan nhà nước, nhưng kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới đã chứng minh rằng, chúng sẽ được thực hiện có hiệu quả hơn nếu thông qua các tổ chức của giới doanh nghiệp.* VCCI và các Hiệp hội doanh nghiệp là thể chế thích hợp, đã cung ứng các dịch vụ xúc tiến hỗ trợ này.

Ngay từ khi mới ra đời, VCCI đã được giao nhiệm vụ tổ chức xúc tiến hỗ trợ thương mại, đầu tư; sau gần 40 năm xây dựng và phát triển, chức năng này của VCCI ngày càng được mở rộng:

Thứ nhất, cung cấp thông tin, tư vấn cho doanh nghiệp. Do có mối quan hệ mật thiết với các cơ quan của Chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp trong và ngoài nước, VCCI chủ động thu thập và cung cấp cho doanh nghiệp các thông tin về luật pháp, chính sách, về thị trường, về các đối tác... Đồng thời, với đội ngũ cán bộ, chuyên gia và cộng tác viên có khả năng, VCCI đẩy mạnh tư vấn, hướng dẫn cho doanh nghiệp khai thác các cơ hội kinh doanh, thiết lập các quan hệ bạn hàng, nâng cao năng lực quản lý, giải quyết các tranh chấp phát sinh.

VCCI còn có thể hỗ trợ doanh nghiệp trong việc quảng bá, giới thiệu doanh nghiệp và sản phẩm tới khách hàng thông qua trang web, qua báo chí, bản tin và qua các hoạt động nghiệp vụ hằng ngày.

Thứ hai, tổ chức đào tạo cán bộ cho doanh nghiệp, góp phần xây dựng đội ngũ doanh nhân Việt Nam. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và đội ngũ doanh nhân Việt Nam là một nhân tố quyết định đối với sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam. Nhận thức được nhiệm vụ quan trọng này, trong chương trình công tác hằng năm, VCCI đã dành một nguồn lực đáng kể cho việc tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng. Trung bình, mỗi năm VCCI tổ chức từ 500 - 600 lớp học cho trên 25 000 học viên từ các doanh nghiệp tham dự. Tới nay, các lớp học này đã và đang được triển khai ở nhiều tỉnh thành phố, một số lớp đã được mở tại các vùng biên giới, hải đảo, gần các lớp học về khởi sự và phát triển doanh nghiệp (SIYB).

Ngoài ra, VCCI còn tổ chức một số chương trình đào tạo cho đội ngũ công nhân kỹ thuật, đội ngũ lao động lành nghề cho một số ngành kinh tế quan trọng của Việt Nam.

Thứ ba, tổ chức chấp mỗi giới thiệu bạn hàng và các hoạt động xúc tiến khác. Chấp mỗi giới thiệu bạn hàng là một hoạt động tương đối đặc trưng cho thể mạnh của một Phòng Thương mại. Do có mối quan hệ rộng khắp với các hội viên của mình với các hiệp hội doanh nghiệp và với mạng lưới Phòng Thương mại thế giới, VCCI đã phát huy lợi thế của mình để làm nhiệm vụ cầu nối, chấp mỗi cho các quan hệ làm ăn kinh doanh của các doanh nghiệp. Hoạt động chấp mỗi chủ yếu thực hiện thông qua tiếp xúc trực tiếp, qua điện thoại, qua hộp thư điện tử, qua thư giới thiệu... Mỗi năm, VCCI đón tiếp trên dưới 3 000 đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam, và tổ chức cho hàng trăm đoàn doanh nhân Việt Nam ra nước ngoài

để tham gia hội nghị, hội chợ triển lãm, khảo sát thị trường tìm cơ hội làm ăn kinh doanh. VCCI cũng là địa chỉ tin cậy để hỗ trợ các doanh nghiệp xác minh và kiểm tra đối tác của mình trước khi ký hợp đồng buôn bán, đầu tư, chuyển giao công nghệ v.v.. Các sự kiện văn hóa, giao lưu doanh nghiệp, các câu lạc bộ do VCCI tổ chức cũng là một hình thức để các doanh nghiệp làm quen, xây dựng quan hệ đối tác, xây dựng tính cộng đồng.

Ngoài ra, thông qua Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam, VCCI đã hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc phòng tránh và giải quyết có hiệu quả các tranh chấp phát sinh trong kinh doanh; thông qua Văn phòng Sở hữu công nghiệp và chuyển giao công nghệ, VCCI cũng tư vấn và hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc thực hiện bảo hộ sở hữu thương hiệu, kiểu dáng công nghiệp và sáng chế của mình. VCCI cũng cung cấp một số lượng lớn C/O và các giấy tờ cần thiết khác trong thương mại quốc tế tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, v.v..

Với những hoạt động tích cực đa dạng, VCCI đã và đang thực hiện tốt các chức năng của mình, xứng đáng là người bảo vệ và hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam. Tuy nhiên, vai trò thúc đẩy hỗ trợ các Hiệp hội doanh nghiệp của VCCI mới đang còn ở bước khởi đầu, chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu của các doanh nghiệp. Chẳng hạn, do các nguồn tài lực và nhân lực còn hạn chế, VCCI chưa thể trải rộng diện phục vụ trực tiếp của mình tới toàn thể cộng đồng doanh nghiệp. Hoạt động của VCCI tại các vùng xa, vùng sâu còn yếu. Với tư cách là người đại diện cho doanh nghiệp, vai trò của VCCI mới chỉ thực hiện rõ nét trong việc tham gia xây dựng luật pháp, thực hiện chính sách. Tư vấn để chuyển đổi cơ cấu, xác định chiến lược và quy hoạch ngành vùng và trong chính sách công nghiệp nói chung còn mờ nhạt.

II. PHƯƠNG HƯỚNG ĐỂ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN VÀ HỘI NHẬP CỦA CỘNG ĐỒNG CÁC DOANH NGHIỆP

Yêu cầu bao trùm đối với VCCI trong thời gian tới, là *góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường ở Việt Nam, tăng cường thế và lực của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam, bảo đảm hội nhập thắng lợi vào nền kinh tế khu vực và thế giới*. Để thực hiện được yêu cầu này, VCCI cần tiếp tục hoàn thiện tổ chức, đẩy mạnh các hoạt động nhằm thực hiện tốt các chức năng đại diện và hỗ trợ thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp. Về tổ chức, *bên cạnh việc tiếp tục phát triển hội viên là các doanh nghiệp nhỏ và vừa với số lượng hợp lý, VCCI cần đặc biệt chú trọng hỗ trợ phát triển và tập hợp các hiệp hội doanh nghiệp, các tập đoàn doanh nghiệp và các tổng công ty lớn vào tổ chức của mình để tăng cường tính đại diện và mở rộng các hoạt động xúc tiến hỗ trợ doanh nghiệp một cách gián tiếp thông qua các hội viên tập thể và các tổ chức xúc tiến khác của doanh nghiệp*. Hoạt động của VCCI cần tập trung vào việc hỗ trợ phát triển cộng đồng, *bên cạnh việc coi trọng hoạt động hỗ trợ cụ thể từng doanh nghiệp*. Đây là một sự chuyển hướng quan trọng cần thiết của VCCI trong tầm nhìn 10 năm tới. Định hướng này khác biệt với chủ trương hỗ trợ trực tiếp cho từng doanh nghiệp, vừa tập hợp và hỗ trợ phát triển hội viên là doanh nghiệp nhỏ và vừa như những năm trước đây, khi mà các hiệp hội doanh nghiệp và các tổ chức xúc tiến hỗ trợ doanh nghiệp hình thành chưa nhiều.

Để có thể làm tốt chức năng hỗ trợ phát triển cho cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam, VCCI cần triển khai 9 hoạt động sau:

1- Đề xuất với Nhà nước xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách đối với các hiệp hội doanh nghiệp. Từ đó, xây dựng và triển khai chương trình trợ giúp thành lập và nâng cao năng lực hoạt động của các hiệp hội doanh nghiệp.

Hiện nay, các hiệp hội doanh nghiệp của Việt Nam hoạt động còn nhiều hạn chế, tính cộng đồng và khả năng liên kết hệ thống doanh nghiệp không cao. Nhiều hiệp hội chưa đủ sức để trở thành đối tác tin cậy và còn bất cập trong việc vươn ra thị trường thế giới... Do đó, VCCI cần tiếp tục tham gia với các cơ quan của Chính phủ để xây dựng khuôn khổ pháp lý và phối hợp tìm kiếm các nguồn lực, chủ trì triển khai chương trình hỗ trợ nâng cao năng lực hoạt động của các hiệp hội doanh nghiệp ở Việt Nam.

2- Để góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải thiện môi trường kinh doanh, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường ở Việt Nam, VCCI cần tiếp tục duy trì tốt các diễn đàn đối thoại giữa Chính phủ và doanh nghiệp. Đồng thời tham gia góp ý vào các phương án cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, quy hoạch về chiến lược phát triển ngành, vùng. Nhất là, tham gia tích cực vào quá trình hoàn thiện hệ thống luật pháp kinh tế phù hợp với thực tiễn nền kinh tế nước ta và các cam kết hội nhập. Trước mắt, góp phần tích cực vào quá trình hoàn thiện các luật : Luật Thuế, luật Doanh nghiệp nhà nước, luật Doanh nghiệp, luật Phá sản doanh nghiệp, luật Thương mại, luật Đất đai, luật Đầu tư trong và ngoài nước theo hướng thông thoáng, thuận lợi, bảo đảm bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế ; đồng thời, đẩy mạnh hoạt động trong lĩnh vực thúc đẩy triển khai thực hiện luật pháp, thực hiện cải cách thủ tục hành chính...

3- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan của Chính phủ và các hiệp hội doanh nghiệp để tham gia có hiệu quả vào các tổ chức kinh tế thế giới và khu vực, bảo vệ quyền lợi của giới doanh nghiệp và nền kinh tế Việt Nam ; góp phần xây dựng lộ trình hội nhập phù hợp của nền kinh tế Việt Nam vào nền kinh tế thế giới.

4- Nghiên cứu tiếp tục đổi mới cơ chế và phương thức bảo vệ quyền lợi của từng doanh nghiệp, theo hướng tập trung ưu tiên bảo vệ

quyền lợi cho cộng đồng doanh nghiệp. Việc bảo vệ quyền lợi cụ thể của từng doanh nghiệp, cần thực hiện bằng hình thức gián tiếp trên cơ sở tăng cường hợp tác với Hội Luật gia Việt Nam, các đoàn luật sư và các công ty tư vấn luật.

5- Tăng cường công tác thông tin, tư vấn ; xây dựng và áp dụng chương trình phần mềm thống nhất bảo đảm kết nối các cơ sở dữ liệu thông tin của VCCI với các hiệp hội doanh nghiệp và các tổ chức xúc tiến khác, tiến tới có sự phân công hợp tác chặt chẽ về nội dung thông tin. Phối hợp với các hiệp hội doanh nghiệp, xây dựng hồ sơ ngành hàng, thị trường, chuyên nghiệp hóa đội ngũ cán bộ và xây dựng đội ngũ chuyên gia, cộng tác viên, tình nguyện viên ở trong nước và ngoài nước để tăng cường khả năng tư vấn của cơ quan VCCI.

6- Xây dựng quỹ và nâng cao chất lượng công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp hình thành *Chương trình quốc gia về đào tạo doanh nhân*. Quỹ đào tạo được hình thành từ các nguồn tài trợ của Nhà nước, của các dự án quốc tế, của VCCI và một phần từ đóng góp của các Hiệp hội ngành nghề và các doanh nghiệp. Chương trình quốc gia về đào tạo doanh nhân bao gồm cả chương trình hỗ trợ đào tạo phổ cập cho khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa (như chương trình khởi sự và phát triển doanh nghiệp - SIYB) và chương trình cao cấp dành cho các nhà quản lý các doanh nghiệp lớn thuộc mọi thành phần kinh tế. Bên cạnh đó, cần mở rộng chương trình đào tạo gián tiếp cho doanh nghiệp, thông qua đào tạo cho các giảng viên, hướng dẫn viên từ các hiệp hội doanh nghiệp và các cơ sở khác.

7- Phát triển các dịch vụ xúc tiến, hỗ trợ doanh nghiệp thâm nhập thị trường theo nguyên tắc có sự phối hợp phân công với các hiệp hội và các tổ chức xúc tiến khác. Tích cực hỗ trợ thúc đẩy sự hình thành của thị trường các

(Xem tiếp trang 63)



KHỦNG BỐ : CUỘC NHẬN DIỆN PHỨC TẠP

NGUYỄN VĂN THANH

CUỘC tập kích vào Trung tâm Thương mại thế giới ở Niu Yoóc và Lầu Năm góc ở Oa-sinh-ton ngày 11-9-2001 đã làm cả thế giới bàng hoàng. Mười chín tên khủng bố trên máy bay đâm vào tòa tháp đôi Trung tâm Thương mại thế giới (WTC) là những người được giáo dục và đào tạo tại phương Tây. Mười lăm người trong số đó là những người Ả Rập Xê-út, quốc gia giàu nhất thế giới Ả Rập. Tưởng cũng nên nhắc lại Trung tâm thương mại thế giới này đã từng bị đánh bom năm 1993 làm 6 người chết, hơn 1 000 người bị thương, gây tổn thất 500 triệu đô-la Mỹ. Thủ phạm là những cựu chiến binh người Áp-ga-ni-xtan do Mỹ huấn luyện⁽¹⁾!

Ngược dòng thời gian, tháng 10 - 1995 có 10 người bị bắt vì âm mưu đánh bom các mục tiêu ở Niu Yoóc, bao gồm trụ sở Liên hợp quốc, một văn phòng của FBI và các đường hầm Lin-côn và Hâu-lon. Lãnh tụ tinh thần của nhóm này là Ô-ma Ra-man, hoạt động trong phe Mu-gia-hít-đin trong cuộc chiến tranh ở Áp-ga-ni-xtan. Ông ta được Hoa Kỳ cấp thị thực nhập cảnh năm 1990 qua sự thu xếp của một nhân viên CIA, khiến nhiều người tin rằng ông ta có những mối liên hệ với CIA. Tháng 11-1995, năm người Mỹ và hai người Ấn Độ bị chết do vụ nổ bom cài trên một chiếc xe đồ bên ngoài ngôi nhà của quân đội Mỹ ở Ri-át, Ả Rập Xê-út. Ba trong bốn người Ả Rập Xê-út bị bắt đã thú nhận họ được tiếp tế vũ khí và chất nổ từ Áp-ga-ni-xtan, nơi họ đã từng chiến đấu. Tháng 6-1996 có 19 phi công và nhân viên

không lực Hoa Kỳ bị đánh bom chết tại doanh trại của họ ở Đa-ran, Ả Rập Xê-út. Cả hai vụ đều do cùng một nhóm tiến hành.

Trên đây là một số ví dụ về những hoạt động khủng bố ở nơi này, nơi khác trên thế giới. Rõ ràng, chủ nghĩa khủng bố quốc tế có mặt ở nhiều nước, nhưng Hoa Kỳ vẫn là nơi phải hứng chịu những vụ khủng bố nghiêm trọng nhất, tuy không nhất thiết là nhiều nhất. "Nuôi ong tay áo", phải chăng là vậy? No-man Xô-lô-môn, một nhà xã hội học An-giê-ri đã nói với phóng viên tờ *Thời báo Lót Ăng-giơ-lét* ở An-giê: "Chính phủ của ông đã tham gia tạo ra con quái vật. Nay nó đã quay trở lại chống các ông và chống toàn thế giới - 16 000 người Ả Rập được huấn luyện ở Áp-ga-ni-xtan thực sự đã trở thành một cỗ máy giết người ghê gớm"⁽²⁾. Con số này thấp hơn thực tế, bởi chỉ riêng ở Ả Rập Xê-út đã có khoảng 15 000 cựu chiến binh Áp-ga-ni-xtan. Ô-xa-ma Bin La-đen, người được coi là chủ mưu hai vụ đánh bom sứ quán Hoa Kỳ ở châu Phi năm 1998 và vụ 11-9 không phải luôn luôn nằm trong danh sách những người bị nước Mỹ căm ghét. Cùng với nhiều người Hồi giáo cuồng tín khác, Bin La-đen rất có ích cho Mỹ trong những năm 80 thế kỷ trước, bởi họ là những người Mu-gia-hít-đin, những chiến binh Hồi giáo thần thánh. Lúc đó người Mỹ coi họ là "những người khủng bố tốt", hay

(1) Xem *Bưu điện Oa-sinh-ton*, 6-11-1997

(2) *Bưu điện Oa-sinh-ton*, 15-8-1996

như chính từ cửa miệng Rô-nan Ri-gân, là những "chiến binh của tự do".

Trả lời câu hỏi những tên khủng bố muốn gì ở Hoa Kỳ, Ri-sóc Hét-xơ, Trưởng khoa nghiên cứu chính sách đối ngoại của Viện Brúc-cling trả lời : "Lời đáp cho câu hỏi này không phải giản đơn là chúng ta làm gì, mà chúng ta là ai. Thực tế chúng ta là quốc gia hùng mạnh nhất thế giới. Thực tế chúng ta là một quốc gia thế tục... Chỉ mỗi vấn đề chúng ta là ai và chúng ta thực sự hiện hữu đã làm cho người ta khó chịu"⁽³⁾. Ngày 7-8-1998, sau vụ hai sứ quán Mỹ ở châu Phi bị đánh bom, Cố vấn an ninh quốc gia Mỹ Xen-đi Béc-gơ tuyên bố : "Tôi nghĩ nhân dân Mỹ nên hiểu rằng : chúng ta đang sống trong một thế giới mà trong chừng mực nào đó, do Mỹ giữ vai trò lãnh đạo và do sự cuồng tín của một số người, chúng ta sẽ bị coi là mục tiêu"⁽⁴⁾. Tô-mát Phrít-man thì viết trên tờ *Thời báo Niu Yoóc* rằng, những kẻ khủng bố "không có chương trình hoặc nhu cầu đặc biệt nào về hệ tư tưởng. Đúng ra, họ chỉ được thúc đẩy bởi sự căm ghét chung chung đối với Hoa Kỳ, I-xra-en và những người bị coi là kẻ thù của đạo Hồi"⁽⁵⁾. Cựu Tổng thống Mỹ Bin Clin-ton thì nói : "Người Mỹ là mục tiêu của chủ nghĩa khủng bố, một phần là vì chúng ta hành động để thúc đẩy hòa bình và dân chủ và vì chúng ta đoàn kết chống chủ nghĩa khủng bố"⁽⁶⁾.

Có thực như J. W. Clin-ton nói hay không ? Đáng buồn, đổi trắng thay đen là chuyện thường thấy trong nền chính trị Mỹ. Chỉ cần nhắc lại một chút rằng ngay cả tiến hành chiến tranh xâm lược, khủng bố nhà nước là tội ác lớn nhất cũng được Hoa Kỳ coi là chủ nghĩa nhân ái đích thực. Xâm lược đồng nghĩa với khai hóa ! Tháng 2-1966, trên tờ *Tin tức Hoa Kỳ và thế giới (US News & World Report)*, Đa-vít Lô-ren-xơ viết các dòng chữ sau đây có thể coi là ghê tởm bậc nhất trong lịch sử báo chí : "Những gì Hoa Kỳ đang làm ở Việt Nam là thí dụ có ý nghĩa nhất về lòng bác ái của một dân tộc này mang đến cho một dân tộc khác, mà chúng ta được chứng kiến trong thời đại này"⁽⁷⁾. Khi bị phản

bác, vị biên tập viên này còn gân cổ : "Đọc kỹ *Những tội ác của Mỹ ở Việt Nam* mới thấy tôi đúng : những dân tộc nguyên thủy với bản chất dã man phải được giúp đỡ để hiểu được những cơ sở thực sự của cuộc sống văn minh". Còn Tổng thống Mỹ lúc bấy giờ là L. Giôn-xon và các quan chức Mỹ thì trấn an rằng : người Á châu không coi trọng mạng sống như người Mỹ đâu !? Cả L. Giôn-xon và J. W. Clin-ton chỉ tiếp nối nhất quán chính sách của những người đi trước.

Câu hỏi "Tại sao ?" vẫn là nỗi ám ảnh lớn nhất của những người quan tâm đến sự kiện ngày 11-9-2001. Một số người tự hỏi : Phải chăng "vì chúng ta là một quốc gia mong muốn cải thiện số phận và chia sẻ sự phồn vinh cho tất cả mọi người sống trên đất nước này và cho nhân dân thế giới, nên mới bị bọn khủng bố ganh ghét và đánh phá ?". Hoàn toàn không phải như vậy. Bin La-đen đã trả lời phỏng vấn nhiều nhà báo phương Tây, trong đó có hai cuộc phỏng vấn dài của đài BBC đã được công bố vào cuối tháng 9. Những gì ông ta và những người cùng chí hướng đã nói trong 20 năm qua là nhất quán và cũng nhất quán cả trong hành động. Họ nói rằng, những mục tiêu chủ yếu của họ là nhằm vào các chế độ tham nhũng và tàn bạo ở Trung Đông, mà theo họ không phải là Hồi giáo đích thực ; và họ muốn bảo vệ những quyền của Hồi giáo chống lại những kẻ bất trung ở bất cứ nơi nào trên thế giới. Đó là lý do tại sao họ chiến đấu ở Trê-sni-a, Bô-xnia, Bắc Phi, Ca-sơ-mia, Phi-líp-pin, v.v. Những ý kiến đó có tiếng vang khắp vùng này, nhất là trong những giới giàu có thân Mỹ. Theo Nô-am Chôm-sky thì họ chuyển sang chống Mỹ khi Hoa Kỳ thiết lập những căn cứ quân sự thường trực ở Ả Rập Xê-út khoảng

(3) *Bưu điện Oa-sinh-ton*, 22-8-1998

(4) *Bưu điện Oa-sinh-ton*, 22-8-1998

(5) *Thời báo Niu Yoóc*, 22-8-1998

(6) *Bưu điện Oa-sinh-ton*, 9-8-1998

(7) Uy-li-am Blum, *Nhà nước ngoài vòng pháp luật*, Common Courage Press, Monroe, Maine, 2000, tr 8

10 năm trước đây với 5 000 quân Mỹ được bố trí ở Ả Rập Xê-út và 3 500 quân Mỹ đồn trú ở Cô-ôét. Họ nhìn nhận sự việc ấy chẳng khác gì việc Liên Xô chiếm đóng Áp-ga-ni-xtan đã khiến những người sở tại phải cảm sung. Họ lên án lập trường phản dân chủ của Hoa Kỳ thể hiện trong việc ủng hộ các chế độ tham nhũng bạo tàn, họ đã nói lên điều mà người dân bình thường suy nghĩ, và họ đã có lý. Cũng đúng như vậy khi họ lên án các chính sách của Hoa Kỳ đối với I-rắc và I-ran. Họ hiểu, dù muốn hay không Hoa Kỳ đã tàn phá xã hội dân sự của I-rắc, đồng thời gián tiếp tăng cường sức mạnh cho Sát-đam Hút-xen. Và Hoa Kỳ đã ủng hộ một chế độ quân sự hà khắc kéo dài đã 35 năm ở I-xra-en để chống lại nhân dân Pa-le-xtin. Hoa Kỳ rất bị cô lập trên thế giới vì đã ủng hộ về quân sự, chính trị, ngoại giao cho sự thống trị bạo ngược đó. Tại khu vực này mọi người đều biết rất rõ điều đó và ngay cả những chủ ngân hàng, những doanh nhân Hồi giáo giàu có nhất thân Mỹ cũng có những cảm thức tương tự. Khi Bin La-đen nói lên mục tiêu chiến đấu của mình thì có sự cộng hưởng. Người ta cũng căm ghét y thật, bởi vì tuyệt đại đa số nhân dân chống lại chủ nghĩa khủng bố bạo lực và chủ nghĩa Hồi giáo cực đoan của y. Nhưng một phần lớn trong thông điệp của ông ta đã phản ánh những gì dân chúng suy nghĩ và được chứng minh trong thực tế.

Đối với nhiều người Hồi giáo, việc người Mỹ ném bom Áp-ga-ni-xtan và I-rắc và việc họ làm ngơ, nếu không nói là khuyến khích, I-xra-en đánh phá Pa-le-xtin, đã làm cho Mỹ trở thành kẻ thù chính của họ, là nguyên nhân chính của những nỗi đau của thế giới Ả Rập. Tại những thánh đường từ Gia-va đến Luân-đôn, các tín đồ Hồi giáo khi phủ phục cầu nguyện đều kèm theo câu "Cầu xin Thượng đế trừng phạt nước Mỹ". Đối với các nhóm *gi-hát*, chiến lược của họ nhằm hai mục đích. *Thứ nhất*, đưa cuộc chiến đấu đến sân nhà của người Mỹ. *Thứ hai*, làm lung lay các thế lực Ả Rập đang phải dựa vào Mỹ để bám giữ chính quyền. Họ đã từng trực được quân Mỹ ra khỏi Li-băng năm 1982, ra

khỏi Xô-ma-li mười năm sau đó. Và cũng đã mười năm nay, họ chống lại quân Mỹ ở Ả Rập Xê-út, ở Cô-ôét. Nay Hoa Kỳ đang thiết lập thêm 13 căn cứ quân sự mới, với 60 000 quân ở 9 nước Hồi giáo. Cuộc chiến đấu của họ cũng theo đó mà mở rộng thêm.

Đối với Hoa Kỳ thì ngay từ 1992 sau khi Liên Xô sụp đổ, họ đã nói rõ: "Mục tiêu thứ nhất của chúng ta là ngăn sự trở dậy lại của một kinh địch mới ... chúng ta phải duy trì những bộ máy để làm nản lòng sự cạnh tranh tiềm tàng của những ai, dù chỉ là *khát vọng* có vai trò khu vực hay toàn cầu lớn hơn"⁽⁸⁾. Thật vậy, Hoa Kỳ phải bằng mọi giá ngăn ngừa một xã hội nào đó phát triển lớn mạnh khả dĩ trở thành tấm gương cho một chế độ thay thế cho mô hình tư bản chủ nghĩa. Hoa Kỳ phải làm cho thế giới này toàn cầu hóa theo ý muốn của mình, tức là toàn cầu hóa tư bản chủ nghĩa, và phải giữ vai trò chi phối cả thế giới. Ngày 8-7-2002, Tổng thống G. Bu-sơ tuy vẫn nói đến ba mục tiêu là đánh thắng khủng bố, bảo vệ đất nước và củng cố nền kinh tế Mỹ, nhưng lại công khai đe dọa "bằng mọi giá" sẽ lật đổ Tổng thống S. Hút-xen và nói rõ: ông đang trực tiếp tham gia lập kế hoạch đánh I-rắc trên mọi mặt trận, từ quân sự, ngoại giao đến tài chính. Như thế là gì, nếu không phải là tự cho mình có quyền muốn làm gì thì làm ?!

Ngày 13-3-1996, Hoa Kỳ tổ chức cuộc họp về "chống khủng bố" với 27 nhà lãnh đạo thế giới tại Ai Cập. Tại đó, Tổng thống J. W. Clin-ten khẳng định: "Chúng ta phải thật rõ ràng khi lên án những kẻ cạy đèn khủng bố. Bạo lực không có chỗ trong tương lai mà tất cả chúng ta tìm kiếm cho Trung Đông." Nhưng cũng chính trong thời gian ấy tại I-rắc, Hoa Kỳ cấp nhiều triệu đô-la cho tổ chức "Hòa hợp quốc gia I-rắc" đánh bom Bát-đa và các thành phố khác, giết chết nhiều dân thường trong mưu đồ làm cho Tổng thống S. Hút-xen suy yếu, I-rắc mất ổn định. Hai tuần sau cuộc gặp ở Ai Cập,

(8) "Hướng dẫn lập kế hoạch quốc phòng Tài khóa 1994 - 1999", *Thời báo Niu Yoóc*, 8-3-1992, tr 14

các nước nói trên lại dự một hội nghị tiếp, lần này là ở Oa-sinh-ton, để bàn một số vấn đề, trong đó có vấn đề ngăn chặn tiền gửi cho các nhóm khủng bố. Một tháng sau, J. W. Clin-ton ký đạo luật Chống khủng bố nhằm cấm tất cả giao dịch tài chính giữa các công ty Mỹ với các quốc gia bị buộc tội ủng hộ chủ nghĩa khủng bố. Bốn tháng sau, chính quyền Mỹ lặng lẽ miễn trừ Xu-đăng để cho một công ty dầu mỏ Hoa Kỳ thương lượng một hợp đồng khai thác. Và Xi-ri cũng được miễn trừ để khuyến khích nước này tham gia vào tiến trình hòa bình Trung Đông. Tháng 2-2000, có 119 thành viên quốc gia không liên kết hậu thuẫn cho một hội nghị quốc tế mới về chống chủ nghĩa khủng bố. Hoa Kỳ từ chối, cho rằng nó chẳng có "lợi ích thực tiễn" gì. Đó là sự ngạc nhiên ? Không, chẳng đáng ngạc nhiên chút nào. Hội nghị này sẽ bàn những vấn đề như làm thế nào để phân biệt được khủng bố và chiến đấu cho tự do. Vấn đề "chủ nghĩa khủng bố nhà nước" cũng có khả năng sẽ được đề cập. Liệu các lực lượng vũ trang tấn công quân sự làm chết thường dân thì có gọi là khủng bố không ? Cuộc ném bom Nam Tư của NATO năm 1999 đã từng là chủ đề cho một cuộc thảo luận về vấn đề này. Đó là những nội dung mà Hoa Kỳ không muốn bàn tới bởi dường như chỉ có một lần ranh mong manh rất dễ bị phá vỡ giữa ai khủng bố và ai bị khủng bố.

Nhận diện khủng bố, tưởng như đơn giản nhưng hóa ra vô cùng phức tạp. Ngày 21-11-2001, Tổng thống G. Bu-sơ nói : "Nước Mỹ có thông điệp này gửi tới các nước trên thế giới : Nếu các ngài chưa chấp những tên khủng bố, các ngài là kẻ khủng bố. Nếu các ngài huấn luyện hoặc trang bị cho một tên khủng bố, các ngài là kẻ khủng bố. Nếu các ngài tiếp tế hoặc tài trợ cho một tên khủng bố, các ngài là kẻ khủng bố, và các ngài sẽ phải chịu trách nhiệm trước Hoa Kỳ và các bạn của chúng tôi". Kết hợp những lời này với ý kiến của No-man Xô-lô-môn đã nêu từ đầu, chúng ta sẽ nhận ra chân tướng của khủng bố. Tuy không đến nỗi như thầy bói xem voi, nhưng chắc chắn đây cũng mới chỉ là cái chỏm của tảng băng. □

PHÒNG THƯƠNG MẠI...

(Tiếp theo trang 59)

dịch vụ hỗ trợ kinh doanh ở Việt Nam. Tập trung nguồn lực của VCCI vào các hoạt động có lợi thế cao, những hoạt động xúc tiến ở tầm quốc gia ; tổ chức các hội nghị, hội thảo, hội chợ triển lãm, lễ hội ; xây dựng mạng lưới tiếp thị tập thể, các chiến dịch xây dựng hình ảnh quốc gia, chiến lược phát triển và bảo vệ thương hiệu Việt Nam, các dự án hỗ trợ tái cơ cấu và chuyển giao công nghệ lớn.

8- Hoàn thiện tổ chức, đẩy mạnh hoạt động của VCCI và các hiệp hội doanh nghiệp trong lĩnh vực quan hệ lao động và bảo vệ môi trường. Thực hiện trợ giúp về đào tạo, thông tin, tư vấn cho người sử dụng lao động nhằm xây dựng mối quan hệ lao động đúng pháp luật và thuận hòa tại doanh nghiệp. Mở rộng các dự án, chương trình về phát triển bền vững, nâng cao kiến thức và trách nhiệm của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Hướng dẫn các doanh nghiệp áp dụng các quy định, các tiêu chuẩn của pháp luật Việt Nam và quốc tế về trách nhiệm xã hội đối với bảo vệ môi trường để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

9- Phối hợp với các hiệp hội doanh nghiệp triển khai chương trình *xây dựng văn hóa kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp Việt Nam*. Xây dựng đạo đức và tập quán kinh doanh mang đậm bản sắc dân tộc và thích ứng với điều kiện hội nhập, phát huy khả năng sáng tạo, và hợp tác của các doanh nhân. Tiến hành các hoạt động quảng bá *phát triển hình ảnh doanh nghiệp, doanh nhân trong xã hội*. Tổ chức bình xét, tôn vinh doanh nghiệp và doanh nhân. Công bố danh sách những doanh nhân tiêu biểu hàng năm. Nghiên cứu trao tặng huy chương vì sự nghiệp phát triển doanh nghiệp Việt Nam cho các cá nhân và tổ chức có công lao đối với sự nghiệp phát triển doanh nghiệp. □

HỘI NGHỊ CÁN BỘ GIÁO DỤC TOÀN QUỐC TRIỂN KHAI KẾT LUẬN HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG (KHÓA IX)

Từ ngày 16 đến ngày 17 tháng 8 năm 2002, Ban Khoa giáo Trung ương phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo mở Hội nghị cán bộ giáo dục toàn quốc triển khai Kết luận Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương (khóa IX). Thành phần dự hội nghị gồm các đồng chí Trưởng Ban Tuyên giáo, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh, thành phố, Hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng trong cả nước. Đồng chí Nguyễn Khoa Điềm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng phụ trách công tác tư tưởng - văn hóa và khoa giáo của Đảng đã đến dự và phát biểu ý kiến chỉ đạo Hội nghị.

Hội nghị đã nghe đồng chí Đặng Hữu, Trưởng ban khoa giáo Trung ương và đồng chí Nguyễn Minh Hiền, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trình bày những Kết luận của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII, phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ từ nay đến năm 2005 và đến năm 2010. Đồng chí Lê Vũ Hùng, Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trình bày Chương trình hành động thực hiện Kết luận Hội nghị Trung ương 6 của ngành.

Trong phần thảo luận, các đại biểu bày tỏ sự nhất trí cao với những kết luận của Trung ương và phân tích sâu thêm một số vấn đề cơ bản sau : Tầm quan trọng và yêu cầu cấp bách của việc phát triển ngành học mầm non hiện nay ; những chính sách đối với giáo viên mầm non, nhất là đối với vùng cao, vùng sâu vùng xa,... ở khu vực miền núi phía Bắc, Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long. Vấn đề phổ cập giáo dục và chất lượng phổ cập giáo dục, vấn đề chống tái mù chữ... ở ba vùng nói trên. Kinh nghiệm phổ cập trung học cơ sở của tỉnh Tuyên Quang ; kinh nghiệm dạy chữ Khor-me ở vùng đồng bào Khor-me tỉnh Trà Vinh. Các đại biểu còn đặc biệt quan tâm đến vấn đề đánh giá và tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục, nhất là chất lượng giáo dục đại học hiện nay...

Tổng kết Hội nghị, đồng chí Nguyễn Minh Hiền, nhấn mạnh 10 điểm quan trọng cần thực hiện và tập trung nghiên cứu trong thời gian trước mắt : 1- Chuẩn bị tốt triển khai chương trình, sách giáo khoa lớp 1 và lớp 6. 2- Đổi mới thi cử và đánh giá. 3- Thực hiện chương trình kiên cố hóa trường lớp, xây dựng nhà công vụ cho giáo viên. 4- Phát triển mạnh giáo dục mầm non vùng nông thôn đặc biệt là 220 xã chưa có trường mầm non và 300 xã cần tách trường mầm non ra khỏi trường tiểu học. 5- Tập trung đổi mới cơ chế quản lý đại học. Tăng tính tự chủ cho các trường đại học. 6- Quan tâm đến vấn đề giáo viên và hệ thống các trường sư phạm trong cả nước. 7- Quan tâm hơn nữa đến giáo dục dân tộc và công tác đào tạo cán bộ cho vùng dân tộc thiểu số. 8- Mở rộng quy mô đào tạo trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. 9- Quan tâm nghiên cứu vấn đề học sinh, sinh viên và đánh giá học sinh, sinh viên. 10- Tăng cường công tác quản lý : cơ chế chính sách, tổ chức, con người, sắp xếp bộ máy giám đầu mối từ Bộ đến trường hiện nay. □



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI

CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ I



Địa chỉ: 59 Quang Trung - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 8.262 537 - 8.263 200 - 9.430 185 * Fax: (84-4) 8.228 838

Email: cc1-hacc@fpt.vn * GIÁM ĐỐC: NGHIÊM SỸ MINH



Công trình Trung tâm thương mại
Hàng Hải - Do Công ty thi công

CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG:

XÂY DỰNG

- Xây dựng các công trình công nghiệp, công cộng và dân dụng
- Xây dựng các công trình giao thông (đường, cầu, bến cảng...)
- Xây dựng các công trình thủy lợi (đê, đập, kênh, mương...)
- Xây dựng các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp
- Xây dựng các công trình đường dây, trạm biến thế

SẢN XUẤT:

- Sản xuất vật liệu xây dựng
- Sản xuất gạch ngói, cấu kiện bê-tông
- Sản xuất cấu kiện, phụ kiện kim loại xây dựng
- Sản xuất đồ mộc dân dụng và xây dựng

KINH DOANH:

- Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng
- Kinh doanh nhà
- Lập dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật hạ tầng đô thị nhóm B, C.
- Khảo sát địa hình các công trình xây dựng.
- Thiết kế quy hoạch chi tiết khu dân cư, khu chức năng đô thị.
- Thiết kế và lập tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật thuộc nhóm B, C.
- Tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về thiết kế, xây dựng, mua sắm vật tư, thiết bị các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật hạ tầng đô thị nhóm B, C.
- Giám sát kỹ thuật xây dựng, quản lý dự án các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật hạ tầng thuộc nhóm B, C.
- Thực hiện các dịch vụ tư vấn xây dựng khác ngoài danh mục 1-15 phụ lục I của Quy chế số 19/BXD-CSXD ngày 10/06/1995 của Bộ Xây dựng.

NHỮNG THÀNH TÍCH ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC:

- HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP HẠNG BA
- HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG HAI
- HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHẤT
- HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG BA



CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH NHÀ CHỢ LỚN CHOLON HOUSE TRADING AND CONSTRUCTION COMPANY

432 - 434 An Dương Vương Street, Ward 4, District 5, HCMC
Tel: 8.390414 - 8.353611 - Fax: (84-8) 8.396438

GIỚI THIỆU:

Công ty xây dựng và kinh doanh nhà Chợ Lớn, là một doanh nghiệp nhà nước được thành lập từ năm 1976 trực thuộc sở nhà đất Tp.HCM. Từ tháng 12/1997, trực thuộc Tổng công ty Địa ốc Sài Gòn.

NHIỆM VỤ:

- Kinh doanh các loại nhà phố, biệt thự, nhà ở trong các cụm dân cư theo quy hoạch tại các quận, huyện, thực hiện các dịch vụ môi giới nhà cửa, địa ốc.

- Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, trụ sở cơ quan, nhà ở, các công trình phúc lợi, v.v...

- Xây dựng các công trình giao thông, công trình kỹ thuật hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, cụm dân cư nông thôn.

- Kinh doanh vật liệu xây dựng: Hiện công ty là

+ Nhà phân phối chính thức của các nhà máy xi măng Nghi Sơn, Sao Mai.

+ Chuyên cung cấp vật liệu xây dựng cho các công trình xây lắp với giá cạnh tranh.

- Đo đạc địa chính, địa hình, phục vụ cho công tác quy hoạch khu dân cư, xây dựng công trình, lập bản đồ địa chính phục vụ quản lý đô thị của các Quận, Huyện...

- Tư vấn xây dựng thiết kế quy hoạch các khu dân cư, thiết lập và quản lý các dự án đầu tư xây dựng, lập hồ sơ đấu thầu thiết kế, xây dựng kỹ thuật hạ tầng. Liên doanh với các đơn vị trong và ngoài nước trên lĩnh vực xây lắp, hợp tác đầu tư xây dựng các khu dân cư để kinh doanh.

- Là đơn vị có nhiều uy tín trong lĩnh vực thi công xây lắp, đã nhận được nhiều cờ, huy chương vàng và bằng khen các công trình đạt chất lượng cao do Bộ Xây dựng khen tặng.

Hiện công ty đang làm chủ đầu tư các dự án phát triển các khu dân cư, gồm:

1. Khu dân cư phường 7, quận 8 (12ha)
 2. Khu dân cư Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh (55ha)
 3. Liên doanh với các đơn vị thành viên trong Tổng công ty Địa ốc Sài Gòn để thực hiện các khu dân cư:
- Khu dân cư Bà Điểm - Hóc Môn.
 - Khu dân cư Xã Phú Xuân - Nhà Bè.
 - Khu dân cư Tham Lương - Tân Bình.

QUY HOẠCH PHÂN LÔ KHU CƯ DÂN MỜI XÃ VĨNH LỘC B VINH LOC B NEW RESIDENTIAL AREA LOT DIVISION PROJECT





DU LỊCH VĂN HÓA SUỐI TIÊN TP. HỒ CHÍ MINH



Chào mừng Quốc Khánh 2/9, Mừng sinh nhật Suối Tiên lần thứ 7, Du lịch Văn hóa Suối Tiên tung bừng chào đón quý khách với nhiều chương trình lễ hội hoành tráng, đặc sắc và hấp dẫn như: Hội múa Rồng, đua thuyền truyền thống, biểu diễn khí công, sân khấu hóa truyền thống Sơn Tinh - Thủy Tinh, Đại nhạc hội mùa thu,...

Chương trình quà tặng May Mắn với 300 phần quà CD Philips giá trị cao đang chờ đón quý khách.

Đặc biệt: Biển Tiên Đồng một kỳ quan nhân tạo, một đại dương huyền thoại trong lòng thành phố sẽ dành cho quý khách nhiều khám phá mới lạ đầy bất ngờ và thú vị nhất.

SUỐI TIÊN của chúng ta là miền đất tử linh với **LONG - LÂN - QUY - PHỤNG**, nơi an lành hạnh phúc luôn đem lại nhiều may mắn cho gia đình bạn

SUỐI TIÊN TRÂN TRỌNG KÍNH MỜI !

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG CẦU ĐƯỜNG GIAO THÔNG TUYÊN QUANG

Địa chỉ: đường Quang Trung - Phường Phan Thiết - TX. Tuyên Quang - tỉnh Tuyên Quang

Điện thoại: (84-027) 824 523

Giám đốc: Phạm Văn Quang

Công ty Cổ Phần Quản lý và Xây dựng cầu đường giao thông Tuyên Quang, tiền thân là Công ty Công trình giao thông Tuyên Quang, được thành lập năm 1970. Năm 2000, Công ty sáp nhập với Đoàn Quản lý đường bộ và thực hiện cổ phần hóa theo chủ trương của Đảng và Nhà nước, được đổi tên thành Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng cầu đường giao thông Tuyên Quang.

CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ:

Xây dựng công trình:
cầu đường giao
thông, thủy lợi, dân
dụng đến nhóm B.

Gia công sản xuất
cấu kiện bê tông
đúc sẵn.

Duy tu sửa chữa
cầu, đường bộ

Sản xuất, kinh
doanh vật liệu xây
dựng



ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Địa chỉ: 10 - 12 Đinh Tiên Hoàng, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0848.8293828 0848.8221910 * Fax: 0848.8221903

Website: <http://www.hcmussh.edu.vn> *Email: nckhhtqt@hcmc.netnam.vn

*QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN:



Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn có lịch sử hơn 45 năm với tiền thân là Trường Đại học Văn Khoa, thuộc Viện Đại học Sài Gòn, được thành lập năm 1955. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, tháng 10/1975 Trường Đại học Văn Khoa bắt đầu năm học đầu tiên của thời kỳ độc lập với nhiều sự thay đổi về mục tiêu, chương trình và nội dung đào tạo. Tháng 04/1977 Trường Đại học Văn Khoa hợp nhất với trường Đại học Khoa học thành Trường Đại học Tổng hợp TP.HCM, trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học cơ bản lớn nhất ở các tỉnh phía Nam. Tháng 03/1996 Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn được thành lập trên cơ sở tách ra từ Trường Đại học Tổng hợp TP.HCM, và là một trong các trường thành viên của Đại học Quốc gia TP.HCM.

Hiện nay, lực lượng cán bộ giảng dạy, công nhân viên thuộc trường quản lý có 360 người, trong đó biên chế: 299 người, hợp đồng: 131 người; riêng cán bộ giảng dạy là 255 người, trong đó có: Giáo sư, Phó giáo sư: 10 người; Tiến sĩ: 52 người; Thạc sĩ: 76 người; GVC: 49 người. Cán bộ giảng dạy của trường được đào tạo trong nước và từ nhiều quốc gia khác nhau trên thế giới như Liên Xô, Ba Lan, Bulgari, Cộng hoà dân chủ Đức, Hoa kỳ, Anh, Pháp, Cộng hoà liên bang Đức, Nhật Bản, Úc, Áo, Thái Lan, Philippines, Singapore, v.v. Nhiều thầy cô giáo đã tham dự các khoá tu nghiệp ngắn hạn và thỉnh giảng tại nhiều trường đại học trên thế giới.

*NĂNG LỰC ĐÀO TẠO:

+TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC:

Hiện có 17 khoa đang đào tạo 32 ngành: Văn học; Ngôn ngữ học; Hán-Nôm; Báo chí; Lịch sử Việt Nam; Lịch sử thế giới; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Dân tộc học; Khảo cổ học; Địa lý môi trường; Địa lý kinh tế và phát triển vùng; Địa lý dân số xã hội; Địa lý du lịch; Triết học; Thư viện-Thông tin học; Xã hội học; Đông Á-Nhật Bản học; Đông Á-Hàn Quốc học; Đông Nam Á học (Thái Lan); Đông Nam Á học (Indonesia); Đông Nam Á học (Malaysia); Nam Á-Thái Bình Dương (Australia học); Nam Á-Thái Bình Dương (Ấn Độ học); Ngữ Văn Nga-Anh; Ngữ văn Pháp; Ngữ văn Trung Quốc; Ngữ văn Đức; Việt Nam học; Giáo dục học; Văn hoá học; Nhân học.



+TRÌNH ĐỘ SAU ĐẠI HỌC:

-Trình độ Thạc sĩ:

Hiện có 12 ngành đào tạo: Văn học Việt Nam; Ngôn ngữ học so sánh; Báo chí; Lịch sử Việt Nam; Dân tộc học; Lịch sử thế giới; Ngôn ngữ Nga-Slave; Triết học (CNDVBC & CNDVLS); Bảo vệ, sử dụng hợp lý và tái tạo tài nguyên thiên nhiên; Giảng dạy tiếng Anh; Văn hoá học; Xã hội học.

-Trình độ Tiến sĩ:

Hiện có 7 ngành đào tạo: Triết học (CNDVBC & CNDVLS); Lý thuyết và lịch sử Văn học; Ngôn ngữ học so sánh; Lịch sử cận hiện đại; Dân tộc học; Lịch sử Việt Nam; Ngôn ngữ Nga-Slave.

Ngoài ra trường đang có chương trình liên kết với Đại học La Trobe (Úc) đào tạo Thạc sĩ Ngôn ngữ học ứng dụng (M.App.Ling) và Tiến sĩ giáo dục học (Ed.D) và chương trình đại học 2+2 (2 năm học tại Việt Nam, 2 năm học tại Úc).

CÔNG TY ĐIỆN LỰC I

ĐIỆN LỰC TỈNH TUYỀN QUANG

Số nhà: 235D - Đường 17-8 - Thị xã Tuyen Quang

Điện thoại: 027 822 052 - 027 822 605

Fax: (027) 821 438



Điện lực Tuyen Quang thuộc Công ty Điện lực I, Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, được thành lập: ngày 6 tháng 10 năm 1982. Điện lực Tuyen Quang có nhiệm vụ: cung ứng và kinh doanh điện năng, xây dựng, đại tu, thí nghiệm thiết bị lưới điện đến 35 kV. Khảo sát, thiết kế công trình điện, quy hoạch lưới điện, quản lý điện nông thôn.

Tổng số CBCNV là : 480 người, trong đó trình độ đại học 66, cao đẳng 15, trung cấp 79. Có 12 phòng ban, 6 chi nhánh điện, một đội quản lý đường dây và trạm biến áp va-110kV, một đội xây lắp điện; một Đảng bộ cơ sở, một công đoàn cơ sở; 5 chi Đoàn thanh niên CSHCM với 137 đoàn viên.

Điện lực Tuyen Quang luôn động viên CBCNV hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao như

công tác quản lý và xây dựng lưới điện nông thôn, đây cũng là công tác mà đơn vị đạt được thành tích xuất sắc nhất. Phát triển lưới điện quốc gia đến 100% xã, phường trong toàn tỉnh, hoàn thành tiếp nhận và hoàn trả vốn lưới điện trung áp nông thôn, quản lý giá bán điện đến hộ nông thôn 100% xã có giá bán điện thấp hơn quy định của chính phủ. Tuyen Quang trở thành tỉnh miền núi đầu tiên của Công ty điện lực I ở miền Bắc Việt Nam có 100% xã có điện lưới quốc gia. Đạt được thành quả trên là do đơn vị đã cố gắng vượt qua mọi khó khăn trở ngại, đồng thời tranh thủ tối đa sự giúp đỡ của các cấp, các ngành. Thành quả trên còn là kết quả của sự lao động sáng tạo phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật làm tăng năng suất lao động, làm lợi nhiều tỉ đồng cho Nhà nước.



Cụ thể là : Chế tạo và lắp đặt máy biến áp một pha 35/0,22 kV. Vận chuyển máy biến áp và cột điện bê tông cốt thép lên núi cao bằng hệ thống cáp treo, pa - lăng, ròng rọc; thay thế loại cột điện bê tông cốt thép 12m bằng loại cột điện 6m nổi mặt bích để dễ vận chuyển; tự chế tạo chống sét khe hở thay cho loại chống sét ống trên đường dây.v.v..

Điện lực Tuyen Quang là đơn vị có truyền thống thi đua liên tục, đã xây dựng được một phong trào thi đua sôi nổi rộng khắp trong mọi lĩnh vực.

- Thủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng 3 về thành tích xây dựng chủ nghĩa xã hội-bảo vệ Tổ quốc.
- UBND tỉnh Tuyen Quang tặng Bằng khen về phong trào thi đua khối Giao thông.

- Bộ Công an tặng Bằng khen về phong trào Bảo vệ An ninh Tổ quốc.
- UBND tỉnh tặng bằng khen về phong trào Bảo vệ An ninh Tổ quốc.
- Bộ Tài chính tặng bằng khen về hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ nộp thuế.

Công ty điện lực I khen thưởng về công tác giảm giá bán điện đến từng hộ nông thôn bằng và nhỏ hơn 700 đ/kW.

Điện lực Tuyen Quang là đơn vị nhiều năm liên tục phấn đấu hoàn thành xuất sắc, toàn diện các nhiệm vụ kinh tế, chính trị của tỉnh và Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, Công ty Điện lực I giao cho, góp phần xây dựng kinh tế văn hoá - xã hội, quốc phòng an ninh của địa phương. Điện lực Tuyen Quang xin trân trọng cảm ơn sự chỉ đạo thường xuyên kịp thời, sự quan tâm sâu sắc của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, Công ty Điện lực I và Hội đồng thi đua các cấp.



CÔNG TY VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

215 TRẦN QUỐC TOẢN - HẢI PHÒNG - VIỆT NAM TEL: (84 - 31) 731 033 / 731 090; FAX: (84 - 31) 731 007 / 731 578
TELEX: 311215 / 311251 VOSCO VT * E-MAIL: fed@VOSCO.Com.vn

Công ty Vận tải biển Việt Nam (VOSCO) được thành lập ngày 1 tháng 7 năm 1970 và là công ty vận tải biển quốc gia hàng đầu ở Việt Nam, hiện nay là thành viên của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (VIALINES).

Kể từ ngày thành lập, VOSCO đã không ngừng phát triển và hiện có một đội tàu hiện đại đa dạng về chủng loại và trọng tải có thể chạy khắp thế giới. VOSCO có mạng lưới đại lý tại nhiều nước ở châu Á, châu Âu, châu Phi và châu Mỹ, với chất lượng hoạt động đạt hiệu quả cao. Các tàu của VOSCO được các tổ chức đăng kiểm nổi tiếng như NKK, GL, DNV, và ABS phân cấp thỏa mãn nhu cầu của khách hàng. VOSCO có mối quan hệ chặt chẽ với các Công ty thương mại Việt Nam, các công ty xuất nhập khẩu, các công ty bảo hiểm và các tổ chức quốc tế khác.

VOSCO là công ty vận tải biển đầu tiên ở Việt Nam được cấp giấy chứng nhận phù hợp (D.o.C) vào năm 1998 và các tàu của Công ty đáp ứng yêu cầu của Bộ Luật Quản lý an toàn quốc tế (ISM Code) đã được cấp giấy chứng nhận quản lý an toàn (SMC).

VOSCO cũng đặc biệt chú ý tới hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2000 để thỏa mãn nhu cầu khách hàng và đảm bảo tốt chất lượng phục vụ.

Với đội ngũ cán bộ, sỹ quan, thuyền viên tinh thông nghiệp vụ, có năng lực và bề dày kinh nghiệm gây được lòng tin với những khách hàng lớn, đội tàu của VOSCO hoạt động kịp thời, hiệu quả, an toàn và sẵn sàng đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước.



Tàu Morning Star

CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA VOSCO

- Chủ tàu, quản lý tàu, khai thác tàu
- Thuê tàu.
- Đại lý vận tải biển (Đại lý và môi giới tàu).
- Đại lý giao nhận vận tải đa phương thức quốc tế đường không và đường biển
- Mua bán tàu.
- Cung ứng thuyền viên cho chủ tàu nước ngoài.
- Cung ứng phụ tùng vật tư.
- Đại lý bán hàng cho hãng sơn quốc tế (International, Paint) và dầu nhờn (Shell Lubricants).
- Liên doanh vận tải biển.



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY

CÔNG TY THI CÔNG CƠ GIỚI

Địa chỉ: Số 5 Nguyễn Biểu - Ba Đình - Hà Nội * Điện thoại: 04.7164918- 04.7164919 * Fax: 04.7164020



Tàu công biển TC 82 thi công tại luồng Sài Gòn

Công ty thi công cơ giới - Tổng công ty xây dựng đường thủy là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo QĐ số 2405/QĐ/TCB-LĐ ngày 21-11-1994 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty có đội ngũ kỹ sư, cán bộ và công nhân kỹ thuật lành nghề có nhiều kinh nghiệm

trong việc thi công công trình nạo vét và xây dựng.

* Chức năng cơ bản:

- Nạo vét luồng biển, luồng sông; ụ, âu tàu biển, nạo vét các công trình giao thông- thủy lợi có độ sâu tới 16 m (- 16m).

- Xây dựng các công trình giao thông thủy bộ - công nghiệp dân dụng- san lấp tôn tạo mặt bằng.

- Xây dựng hệ thống cầu cảng, kho bãi, đê kè...

- Phá đá ngầm và thanh thải các chướng ngại trên sông; khoan cọc nhồi đường kính 800mm.

* Thời gian qua công ty đã thi công nạo vét và xây dựng nhiều công trình trên khắp mọi miền của Tổ quốc. Ở đâu Công ty cũng được các cơ quan hữu quan và bạn hàng đánh giá cao vì: luôn đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, tiến bộ và giữ vững mối quan hệ.

Công ty chúng tôi mong muốn nhận được sự giúp đỡ, hợp tác của các cơ quan đơn vị và bạn hàng trên mọi miền đất nước.

**FOOCOSA**

CÔNG TY LƯƠNG THỰC TP. HỒ CHÍ MINH

FOOD COMPANY OF HOCHIMINH CITY (FOOCOSA)

ĐC : Số 57 Nguyễn Thị Minh Khai - Quận 1 - Thành Phố Hồ Chí Minh

Tel : (84.8) 9309227 - 9309070 - 9309901 • Fax : (84.8) 9304552

E-mail : foocosa@hcm.vnn.vn • Website : www.foocosa.com.vn



I. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHÍNH

1. Sản xuất các mặt hàng : Thực phẩm ăn liền (mì, phở, miến, bún, cháo, v.v...), mì sợi, nui, bánh phở, bánh tráng, bánh kẹo, bánh phồng tôm, hạt điều, đậu phộng chế biến, bột canh, gia vị, tương cà, tương ớt, nước tương, v.v...

2. Chuyên kinh doanh và xuất nhập khẩu các mặt hàng : Gạo, bột mì, lương thực thực phẩm chế biến, công nghệ phẩm, máy móc thiết bị, vật tư nông nghiệp, nguyên nhiên vật liệu, v.v...

3. Dịch vụ : Nhà hàng, khách sạn, du lịch, sửa chữa xe gắn máy - ô tô, vận chuyển hành khách, v.v...

4. Đại lý bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm của các đơn vị trong và ngoài nước.

Công ty chúng tôi hân hạnh được phục vụ và hợp tác với các Quý Khách hàng trong và ngoài nước



II. CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

ĐỊA CHỈ

TEL

FAX

1. CÁC XÍ NGHIỆP CHẾ BIẾN

• XN LTTP MILIKET	2/7 Tô Ký, Quận 12	TP.HCM	(84.8) 8918785	(84.8) 8918805
• XN CB LTTP COLUSA	220 Kha Vạn Cân, Thủ Đức	TP.HCM	(84.8) 8966835	(84.8) 8960013
• XN LTTP SAFOCO	01 Đường 3/2, Quận 10	TP.HCM	(84.8) 8391613	(84.8) 8393676
• XN Bánh LUBICO	50G Bến Phú Định, Quận 8	TP.HCM	(84.8) 8356683	(84.8) 8762088
• XN KDCBNSTP NOSAFOOD	256 Bạch Đằng, Q. Bình Thạnh	TP.HCM	(84.8) 8999110	(84.8) 8980083
• XN SÀI GÒN SA TA KE	9 Nguyễn Hữu Trí, X.Tân Túc, H.Bình Chánh	TP.HCM	(84.8) 7600227	(84.8) 7602772

2. CÁC TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI

• Trung Tâm Thương Mại Sài Gòn	25 Tôn Đản, Quận 4	TP.HCM	(84.8) 9401208	(84.8) 8404230
• Trung Tâm Thương Mại Chợ Lớn	206 Hậu Giang, Quận 6	TP.HCM	(84.8) 9690715	(84.8) 9694690
• Trung Tâm Thương Mại Gia Định	42-46 Nguyễn Oanh, Q. Gò Vấp	TP.HCM	(84.8) 8945746	(84.8) 8944273

3. CÁC CHI NHÁNH

• Hà Nội	9 Quốc Lộ 1A, Huyện Thanh Trì	Hà Nội	(04) 8618933	(04) 8618920
• Cần Thơ	Xã Trung An, Huyện Thốt Nốt	Cần Thơ	(071) 857396	(84.71) 859757
• Vladivostok - CHLB Nga	2A Novoivanovskaya Street, Vladivostok City	Russia	007-4232238834	007-4232.25.42.85

TỔNG CÔNG TY BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM (VNPT)



DỊCH VỤ ROAMING

*Điện thoại Di động
của Bạn có thể sử dụng trên
toàn quốc và 90 nước trên thế giới*

Để biết thêm chi tiết xin liên hệ :

Các Bưu điện tỉnh, thành phố hoặc các Công ty VMS (Gọi số 145), GPC (Gọi số 151)



NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Trụ sở chính: 198 Trần Quang Khải, Hà Nội, Việt Nam

Tel: 8265503 - 8250392; Telex: 411 504 VCB - VT

website: <http://www.vietcombank.com.vn>



SỞ GIAO DỊCH TẠI HÀ NỘI VÀ CHI NHÁNH TẠI CÁC TỈNH THÀNH PHỐ

*Vietcombank An Giang
Vietcombank Bình Tây
Vietcombank Bình Dương
Vietcombank Cà Mau
Vietcombank Cần Thơ
Vietcombank Đà Nẵng*

*Vietcombank Đắk Lắk
Vietcombank Đồng Nai
Vietcombank Gia Lai
Vietcombank Hà Nội
Vietcombank Hải Phòng
Vietcombank Hà Tĩnh*

*Vietcombank Huế
Vietcombank Tp. Hồ Chí Minh
Vietcombank Kiên Giang
Vietcombank Nha Trang
Vietcombank Quảng Ngãi
Vietcombank Quảng Ninh*

*Vietcombank Quy Nhơn
Vietcombank Tân Thuận
Vietcombank Thái Bình
Vietcombank Vinh
Vietcombank Vũng Tàu*

CÁC LIÊN DOANH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ CÁC CÔNG TY TRỰC THUỘC

Ngân hàng Liên doanh Chohung Vinabank

Công ty Liên doanh Vietcombank Tower

Công ty Cho thuê tài chính Vietcombank - VCB Leaco

Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản Vietcombank - VCB AMC

Công ty Chứng khoán VCB - VCBS

Công ty Tài chính tại Hồng Công - VinaFico

Văn phòng đại diện tại Paris

Văn phòng đại diện tại Moscow

Văn phòng đại diện tại Singapore

Luôn mang đến cho bạn sự thành đạt !

Mang
Việt Nam
đến với
thế giới
và đem
thế giới
đến với
Việt Nam.

Australia Sidney,

Melbourne • Cambodia

Phnom Penh, Siem Reap

• China Beijing, Guangzhou,

Kunming • France Paris

• Japan Osaka, Tokyo •

Hong Kong • Lao

Vientiane • Malaysia

Kuala Lumpur •

Switzerland Zurich • The

Philippines Manila •

Russia Moscow •

Singapore • South Korea

Seoul • Taiwan Taipei,

Kaohsiung • Thailand

Bangkok • United Arab

Emirates Dubai • United

State Los Angeles,

San Francisco

Với đường bay đầu tiên tới
Bắc Kinh vào năm 1956,
Vietnam Airlines đã không
ngừng phát triển, mở rộng
mạng đường bay tới các khu
vực trên thế giới như Đông
Nam Á, Đông Bắc Á, Châu
Úc và Bắc Mỹ.



X
?
H68B

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



26
9-2002

UNIV. OF MICH.

OCT 2 2002

CURRENT SERIAL

Digitized by Google



VIỆN BẢO VỆ BÀ MẸ VÀ TRẺ SƠ SINH

ĐC: 43 TRẦN THỊ, HÀ NỘI * ĐT: 84.4.8252161, 825 21 62 FAX : 84.4.8254638

VIỆN BẢO VỆ BÀ MẸ VÀ TRẺ SƠ SINH ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 88/CP NGÀY 14/05/1966 CỦA HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ



VIỆN TRƯỞNG: TS.BSCK II
NGUYỄN ĐỨC VY



P.VIỆN TRƯỞNG:
BS. ĐỖ THĂNG KHUÔNG



P.VIỆN TRƯỞNG: THẠC SĨ
NGUYỄN ĐỨC HINH



P.VIỆN TRƯỞNG: THẠC SĨ
LÊ ANH TUẤN



NĂM 1985



NĂM 2002

KỶ NIỆM 36 NĂM NGÀY THÀNH LẬP VIỆN 15/4/1966 - 15/4/2002

**NHỮNG
THÀNH
TÍCH
ĐÃ
ĐẠT
ĐƯỢC**

Dưới đây là những thành tựu nổi bật nhất trong 10 thành tựu Viện đã đạt được

- Viện đã áp dụng phương pháp mới là thụ tinh trong ống nghiệm cho nhiều bà mẹ trong đó đã có 100 bà mẹ sinh con theo phương pháp này. Viện đã điều chỉnh được số lượng con ra đời theo ý muốn của gia đình.

- Viện đã thành công phương pháp vi phẫu thuật nối ống dẫn trứng đây là nơi duy nhất áp dụng phương pháp này tại Việt Nam với việc sử dụng kính hiển vi phẫu thuật.

- Viện đã áp dụng phương pháp mổ nội soi và giờ đây phương pháp này đã phổ cập tại Viện và đào tạo cho nhiều địa phương.

- Hiện tại Viện đã dùng phương pháp chụp hệ bạch huyết duy nhất chỉ có Viện làm được

để chuẩn đoán sớm về hệ bạch huyết.

- Viện đã và đang thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp viện, bộ, nhà nước, quốc tế.

Từ năm 1966 - 2002, Viện Bảo vệ bà mẹ và Trẻ sơ sinh đã được Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng cao quý:

+ Huân chương Lao động hạng Nhất năm 2002 (trong thời kỳ đổi mới) và năm 1986.

+ Huân chương Lao động hạng Nhì (năm 1982)

+ Huân chương Lao động hạng Ba (năm 1976)

+ 02 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

+ 04 Bằng lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

+ 08 Bằng khen của Bộ Y tế đối với cá nhân và tập thể...

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

- **Nghiên cứu khoa học:** về các đề tài trong lĩnh vực sức khỏe sinh sản, phát hiện để điều chỉnh sớm thai nghén có nguy cơ cao và các bệnh về đường sinh dục phụ nữ.

- **Khám bệnh, chữa bệnh:** các bệnh nhân phụ sản nặng từ tuyến tỉnh chuyển đến.

- **Đào tạo cán bộ:** Viện là cơ sở thực hành cho sinh viên đại học y trong và ngoài nước. Đào tạo các bác sĩ chuyên khoa cấp I, cấp II, thạc sĩ và tiến sĩ chuyên ngành. Cập nhật kiến thức, đào tạo lại cho các bác sĩ, nữ hộ sinh ở các tuyến.

- **Chỉ đạo tuyến:** Viện chịu trách nhiệm chỉ đạo, quản lý chuyên môn, kỹ thuật, thực hiện các chỉ thị của Bộ Y tế về công tác sản phụ khoa/ kế hoạch hóa gia đình trong phạm vi cả nước. Tham gia với Bộ Y tế xây dựng các chuẩn mực kỹ thuật và phác đồ điều trị chuyên ngành để thực hiện thống nhất trong cả nước.

- **Phòng bệnh và tuyên truyền giáo dục:** thường xuyên cung cấp

thông tin và giáo dục về chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em, phòng chống các tai biến sản khoa, các bệnh lây truyền qua đường tình dục, phòng chống HIV/AIDS.

Đẩy mạnh phổ biến các biện pháp tránh thai trong cộng đồng.

Tuyên truyền giáo dục, nuôi con bằng sữa mẹ, phòng chống suy dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và trẻ em.

- **Hợp tác quốc tế:** mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế để nâng cao trình độ cập nhật kiến thức cho cán bộ của Viện và tuyến dưới. Phối hợp với các tổ chức quốc tế tổ chức nhiều hội thảo nghiên cứu khoa học về sức khỏe sinh sản/ KHHGD, đa dạng hóa dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và phòng bệnh.

- **Quản lý kinh tế trong Viện:** phát huy nội lực, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả cao ngân sách Nhà nước, tạo thêm nguồn kinh phí từ các dịch vụ y tế như viện phí, bảo hiểm y tế, các tổ chức nước ngoài./.



THÁNG RA 3 KỶ

SỐ 655

26

9-2002

• BỘ BIÊN TẬP :

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : (04) 9 422 061
Fax : (04) 8 222 846

**• Cơ quan thường trú
tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,
Q. 3, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 225 768
Fax : (08) 8 231 664

• Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>
Email: bttccs@hn.vnn.vn

• Phó Tổng Biên tập phụ trách :

TRẦN QUANG NHIẾP



Bìa 1 : Ngày khai trường

Ảnh : **BÙI TUẤN**

Tạp chí Cộng sản

**CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

*** Kết luận của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VII, Nghị quyết Trung ương 3 và Nghị quyết Trung ương 7 khóa VIII về công tác tổ chức và cán bộ	3
PHAN VĂN KHẢI - Bộ Nội vụ, cán bộ Bộ Nội vụ và các cơ quan nội vụ ở các cấp phải thật sự đổi mới tư duy và đi đầu cải cách hành chính	8
VÕ CHÍ CÔNG - Thấy gì về công tác tổ chức và quản lý cán bộ, qua vụ án Trương Văn Cam	10

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

TA XUÂN ĐẠI - Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng trong hệ thống chính trị ở cơ sở	13
HOÀNG TRUNG - Phạm trù trung - hiếu trong triết lý phương Đông và tư tưởng Hồ Chí Minh với vấn đề giáo dục đạo đức cách mạng hiện nay	18
CHU TUẤN CÁP - Phối hợp các hoạt động chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại	24
LÊ XUÂN VŨ - Tản mạn về lời nói	27

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

HỒ XUÂN MÃN - Chuyển động và kết quả bước đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng ở Thừa Thiên - Huế	32
ĐẶNG VŨ LIÊM - Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền của Bộ đội Biên phòng đối với nhân dân trên các vùng biên giới, hải đảo	36
PHAN THU - Bác Hồ với công nghiệp quốc phòng Việt Nam	40
NGUYỄN CÚC - NGUYỄN QUỐC HIỆP - Một số vấn đề về mô hình "công ty mẹ - công ty con" ở Công ty CONSTREXIM	45

THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP

NGUYỄN ĐÌNH TẬP - Đổi mới cách nghĩ, cách làm đối với chương trình hành động của đại biểu Quốc hội	49
--	----

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

PHẠM THỊ NGỌC TRÂM - Bảo vệ môi trường - nhiệm vụ chung của toàn nhân loại	52
TRẦN TRỌNG - Cuộc chiến chống chủ nghĩa khủng bố toàn cầu của Mỹ : Qua một chặng đường	56

QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI

"Sức mạnh tổng hợp quốc gia"	62
------------------------------	----

СОДЕРЖАНИЕ

*** **Обобщённые итоги VI^{ого} Пленума Центрального Комитета КПВ IX^{ого} созыва** о дальнейшем выполнении Резолюции III^{ого} Пленума ЦК КПВ VII^{ого} созыва, Резолюции III^{ого} Пленума ЦК КПВ и Резолюции VII^{ого} Пленума ЦК КПВ VIII^{ого} созыва об организационной работе и кадровом вопросе. **ФАН ВАН КХАЙ:** Министерству Внутренних дел, его работникам и органам при нём на разных инстанциях необходимо действительно обновлять способ мышления и первыми проводить административную реформу. **ВӨ ЧЫ КОНГ:** Извлеченные уроки из судебного дела Чыонг Ван Кам о работе по организации и управлению кадрами. **ТА СУАН ДАЙ:** Усиление руководящей роли Партии в политической системе на местах. **ХОАНГ ЧУНГ:** Категория Преданности – Почитания в Восточной философии, идеология Хо Ши Мина и вопрос морального воспитания на данном этапе. **ТЪУ ТУАН КАП:** Координирование внешнеполитической и внешнеэкономической деятельности. **ЧАН ЧОНГ:** Война США против глобального терроризма: Один преодолённый перелом.

CONTENTS

*** **Conclusion** of the 6th Plenum of CPV Central Committee (IX tenure) regarding the continuous implementation of the Resolutions of the 3rd Plenum of CPV Central Committee (VII tenure), the Resolutions of the 3rd Plenum of CPV Central Committee, and 7th Plenum of CPV Central Committee (VIII tenure) regarding the organisational and cadres' works. **PHAN VĂN KHẢI:** The Ministry of Interior, its cadres and bodies of all levels should genuinely renovate their thinking and go in front in the administrative reforms. **VŨ CHÍ CÔNG:** What stands out from the works of cadres' organisation and management though the law case of Trương Văn Cam. **TẠ XUÂN ĐÀI:** To enhance the Party's leading role in the grassroots political system. **HOÀNG TRUNG:** The conception of loyalty – piety in the Oriental philosophy and Hồ Chí Minh's ideas about the current problem of morality education. **CHU TUẤN CẤP:** To coordinate foreign-political and foreign-economical activities. **TRẦN TRỌNG:** The USA's combat against the global terrorism: one passed stage.

SOMMAIRE

*** **Conclusion** du 6^e Plénum du Comité central du PCV (issu du IX^e Congrès) sur la mise en œuvre des Résolutions du 3^e Plénum du Comité central (issu du VII^e Congrès) et de celles des 3^e et 7^e Plénums du Comité central (issu du VIII^e Congrès) en matière du travail d'organisation et de cadres. **PHAN VĂN KHẢI:** Le ministère des Affaires Intérieures, ses cadres et les organismes en relevant doivent renouveler la pensée et être pionniers dans la réforme administrative. **VŨ CHÍ CÔNG:** Quelles remarques sur le travail d'organisation et de gestion des cadres à travers l'affaire Trương Văn Cam? **TẠ XUÂN ĐÀI:** Rehausser le rôle dirigeant du Parti dans le système politique à la base. **HOÀNG TRUNG:** La notion Fidélité-Piété dans la philosophie orientale et la pensée de Hồ Chí Minh relative à l'éducation morale actuelle. **CHU TUẤN CẤP:** Coordonner les activités politiques extérieures et économiques extérieures. **TRẦN TRỌNG:** La lutte contre le terrorisme globale des Etats-Unis : à travers un parcours.

SUMARIO

*** **Conclusión** del VI Pleno del Comité Central del Partido Comunista de Vietnam (IX Congreso) sobre la continuación del cumplimiento de las Resoluciones de III Pleno (VII Congreso), de III Pleno (VIII Congreso) y de VII Pleno (VIII Congreso) acerca del trabajo de organización y cuadros. **PHAN VĂN KHẢI:** El Ministerio Interno, sus cuadros y sus órganos de todas las instancias tienen que renovar realmente su pensamiento e ir a la cabeza en la reforma administrativa. **VŨ CHÍ CÔNG:** ¿Qué saca del proceso de Trương Văn Cam sobre el trabajo de organización y control de cuadros? **TẠ XUÂN ĐÀI:** Elevar el papel de dirección del Partido en el sistema político de base. **HOÀNG TRUNG:** La categoría de fidelidad-piedad en la filosofía oriental y el pensamiento de Ho Chi Minh sobre la cuestión de la actual educación moral. **CHU TUẤN CẤP:** Combinar las actividades políticas exteriores y las económicas exteriores. **TRẦN TRỌNG:** La lucha norteamericana contra el terrorismo global atravesada de un transcurso.

目 录

*** 越共九届六中全会关于继续落实越共七届三中全会、越共八届三中全会及七中全会的决议有关组织和干部工作的结论·潘文凯: 民政部及其干部和各级机关要彻底革新思维, 并领先行政改革·武至公: 从张文甘案件对于干部组织和管理工作的吸取什么教训?·谢春大: 提高党在基层政治系统中的领导作用·黄中: 东方哲理和胡志明思想中的忠孝范畴及目前道德教育问题·周俊哈: 对外政治活动与对外经济相结合·陈仲: 美国全球反恐战争经过的历程。



KẾT LUẬN

CỦA HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

KHÓA IX VỀ TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 3 KHÓA VII, NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 3 VÀ NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 7 KHÓA VIII VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC VÀ CÁN BỘ

HỘI nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa IX tán thành các nội dung cơ bản được trình bày trong Báo cáo của Bộ Chính trị về kiểm điểm việc thực hiện công tác tổ chức và cán bộ theo Nghị quyết Trung ương 3 khóa VII, Nghị quyết Trung ương 3 và Nghị quyết Trung ương 7 khóa VIII, nhấn mạnh một số điểm cơ bản dưới đây :

1- Sau 10 năm thực hiện ba nghị quyết, tổ chức và cán bộ của hệ thống chính trị ở nước ta đã từng bước được đổi mới. Cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ thể hiện ngày càng cụ thể, rõ nét hơn, đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế thị trường, mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ; tạo ra tiền đề để tiếp tục hoàn thiện mô hình của hệ thống chính trị ở nước ta trong thời kỳ mới. Đội ngũ cán bộ có bước trưởng thành và tiến bộ, là lực lượng nòng cốt cùng với nhân dân tạo nên thành tựu to lớn trong những năm qua.

Tuy nhiên, công tác tổ chức và cán bộ còn nhiều khuyết điểm, yếu kém. Công tác xây dựng Đảng về tổ chức chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Chính phủ còn nhiều đầu mối trực thuộc ; việc phân cấp quản lý giữa các bộ và chính quyền địa phương chưa thật rõ ràng ; thủ tục hành chính còn rườm rà và nhiều biểu hiện tiêu cực, hiệu lực và hiệu quả quản lý của chính quyền các cấp còn nhiều mặt yếu kém. Hoạt động của các cơ quan tư pháp còn bất cập. Việc đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể còn lúng túng. Đội ngũ cán bộ xét cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu còn nhiều mặt chưa đáp ứng yêu cầu cả trước mắt và lâu dài, chưa ngang tầm với thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tình trạng cán bộ thoái hóa, biến chất chưa được ngăn chặn và đẩy lùi. Trong đội ngũ cán bộ vẫn tồn tại tình trạng trì trệ, thiếu trách nhiệm và tính chiến đấu chưa cao. Quản lý và đánh giá cán bộ là khâu yếu nhất nhưng chậm khắc phục ; quan điểm, phương pháp, tiêu chí

đánh giá cán bộ chưa rõ ràng, nhất quán, chưa căn cứ trước hết vào kết quả thực hiện nhiệm vụ. Chưa làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo, luân chuyển cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý ; việc bố trí cán bộ còn chắp vá, bị động, chính sách cán bộ còn nhiều bất hợp lý.

2- Ban Chấp hành Trung ương yêu cầu các cấp, các ngành tiếp tục quán triệt sâu sắc, cụ thể hóa và thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ về tổ chức và cán bộ đã đề ra trong các Nghị quyết Trung ương, tập trung giải quyết tốt một số việc sau đây :

a- Về công tác tổ chức :

- Đối với tổ chức bộ máy đảng :

+ Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy đảng theo Nghị quyết Trung ương 7 khóa VIII ; hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ các ban đảng, tăng cường chất lượng cán bộ để các ban đủ sức làm tham mưu cho cấp ủy, góp phần nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng trong thời kỳ mới.

+ Hoàn thiện các quy định về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đảng trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể, đảng bộ khối cơ quan và các doanh nghiệp lớn ; sắp xếp, điều chỉnh hệ thống trường và bộ máy quản lý đào tạo cán bộ ở Trung ương và địa phương.

+ Tập trung xây dựng tổ chức cơ sở đảng thực sự trong sạch, vững mạnh ; điều chỉnh, bổ sung các quy định về chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở đảng gắn với thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, nhất là trên những lĩnh vực, địa bàn trọng điểm.

- Đối với tổ chức bộ máy nhà nước :

+ Đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội theo Hiến pháp và Luật tổ chức Quốc

hội. Hoàn thiện tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan của Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp, cải tiến phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội và hội đồng nhân dân, các đoàn đại biểu và mỗi đại biểu.

+ Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy Chính phủ và chính quyền các cấp ; sắp xếp các bộ theo hướng bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực có quy mô phù hợp. Giảm bớt số cơ quan thuộc Chính phủ và Thủ tướng. Theo hướng đó, nghiên cứu lập một số bộ và cơ quan ngang bộ mới, chuyển một số tổng cục, cục về trực thuộc bộ hoặc chuyển giao về bộ nhiệm vụ quản lý nhà nước của các cơ quan đó. Làm rõ và cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của các bộ, nhất là trên những lĩnh vực quan trọng lâu nay nhiều bộ cùng tham gia quản lý chồng chéo hoặc bỏ sót. Khắc phục tình trạng các bộ buông lỏng nhiệm vụ quản lý nhà nước. Đẩy mạnh cải cách hành chính, bỏ các tầng nấc trung gian quan liêu và thủ tục phiền hà. Kiên quyết tách chức năng quản lý nhà nước của cơ quan nhà nước với quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Xác định rõ chức năng chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp, chức năng đại diện chủ sở hữu của hội đồng quản trị tổng công ty nhà nước ; đẩy mạnh phân cấp quản lý kinh tế - xã hội cho địa phương, cho cấp dưới, đi đôi với tăng cường công tác quy hoạch và sự hướng dẫn, kiểm tra của cấp trên ; xiết chặt kỷ luật, kỷ cương, xác định rõ chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là trách nhiệm và quyền hạn của người đứng đầu, bảo đảm cho nghị quyết của Đảng, luật pháp của Nhà nước được thực hiện nghiêm túc, thống nhất trong cả nước.

+ Kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp : quán triệt và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết 08-NQ/TW, ngày 02-01-2002 của Bộ Chính trị "về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới", Luật tổ chức Tòa án nhân dân và Luật tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân năm 2002. Tiếp tục nghiên cứu và thực hiện khẩn trương, đồng bộ việc cải cách tư pháp cả về tổ chức và cán bộ, làm rõ chức năng, nhiệm vụ, lề lối làm việc và chế độ tự giám sát thường xuyên.

- Đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân :

+ Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, củng cố tổ chức bộ máy, đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể, nhất là ở cơ sở ; thể chế hóa các quy định của Nhà nước ; chăm lo xây dựng lực lượng cốt cán ; tạo điều kiện thuận lợi cho Mặt trận và các đoàn thể thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ ; nâng cao hiệu quả hoạt động, làm cho Mặt trận và các đoàn thể thực sự đại diện cho tiếng nói, quyền lợi và nguyện vọng của quần chúng, làm tốt công tác vận động và tổ chức các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia công cuộc đổi mới, xây dựng Đảng và chính quyền vững mạnh.

+ Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Quy chế Dân chủ ở cơ sở, có sự phối hợp chặt chẽ giữa Mặt trận, đoàn thể và chính quyền dưới sự lãnh đạo của Đảng.

b- Về công tác cán bộ :

- Tiếp tục cụ thể hóa, thể chế hóa nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đồng thời phát huy vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức thành viên trong hệ thống chính

trị ; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể quyết định trong công tác cán bộ, phát huy trách nhiệm của từng thành viên lãnh đạo, thực sự coi trọng vai trò, quyền hạn của người đứng đầu các tổ chức, các cơ quan, đơn vị trong công tác cán bộ.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII. Từng cán bộ, đảng viên phấn đấu tự du dương, rèn luyện về mọi mặt, nhất là về tư tưởng chính trị, phẩm chất lối sống, năng lực công tác ; đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống, chống tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác. Tăng cường giáo dục, quản lý cán bộ, nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, tự phê bình và phê bình, thực hiện tốt các hình thức giám sát của nhân dân đối với cán bộ, công chức, nhất là tại cộng đồng dân cư ở cơ sở ; củng cố kỷ luật, kỷ cương trong Đảng. Kiên trì thực hiện việc cán bộ, công chức kê khai tài sản theo quy định ; định kỳ tiến hành kiểm tra và đánh giá trách nhiệm cá nhân người đứng đầu cấp ủy và chính quyền các cấp, các ngành ; xử lý nghiêm minh cán bộ vi phạm kỷ luật của Đảng và luật pháp, chính sách của Nhà nước. Làm tốt công tác bảo vệ cán bộ.

- Đổi mới việc đánh giá cán bộ, trên cơ sở thống nhất quan điểm, tăng cường thông tin, bổ sung hoàn thiện quy chế, quy trình đánh giá cán bộ một cách khoa học, dân chủ, khách quan, lấy kết quả hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ làm thước đo chủ yếu trong đánh giá.

- Tăng cường công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo và quản lý. Đặc biệt quan tâm tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý trẻ có thành tích xuất sắc, những cán bộ xuất thân công

nhân, con em công nông, gia đình có công với cách mạng, cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ nữ. Trên cơ sở quy hoạch, đẩy mạnh việc đào tạo, đào tạo lại cán bộ theo chức danh và cán bộ dự nguồn. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác đào tạo, chú ý bồi dưỡng phẩm chất chính trị, trình độ nghề nghiệp, năng lực thực tiễn, xử lý tình huống, khắc phục những biểu hiện tiêu cực trong quá trình đào tạo. Có kế hoạch cử cán bộ và thanh niên ưu tú đi đào tạo ở nước ngoài với số lượng và cơ cấu ngành nghề phù hợp ; đồng thời khuyến khích phong trào tự học, tự nâng cao trình độ của cán bộ bằng nhiều hình thức.

- Làm tốt việc luân chuyển cán bộ theo quy hoạch để đào tạo cán bộ lãnh đạo và quản lý chủ chốt, coi đây là giải pháp quan trọng, một khâu đột phá trong công tác cán bộ. Kết hợp việc luân chuyển để đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý với việc xây dựng đội ngũ chuyên gia, công chức chuyên sâu. Lấy quy hoạch cán bộ làm căn cứ để luân chuyển và đào tạo. Kết hợp tốt công tác tổ chức với công tác tư tưởng và thực hiện chính sách hợp lý, tổ chức thực hiện chu đáo, có hiệu quả cao việc luân chuyển cán bộ. Nghiêm cấm việc lợi dụng chủ trương luân chuyển cán bộ để đẩy cán bộ mình không thích đi nơi khác.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, kết hợp chặt chẽ với việc tinh giản biên chế hành chính sự nghiệp một cách hợp lý theo hướng sau đây :

+ Điều chuyển bộ phận cán bộ, công chức không đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao. Phần đầu thực hiện việc này trong vòng ba năm tới, trên cơ sở xác định rõ yêu cầu công việc, trách nhiệm cá nhân của cán bộ, công

chức, vận động những người xét thấy không đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ rút ra khỏi vị trí công tác ; có các chính sách thỏa đáng đối với những cán bộ, công chức đó, cho nghỉ theo chế độ đối với những người gần đến tuổi nghỉ hưu ; đào tạo lại bộ phận có đủ điều kiện làm việc khác. Không quy định đồng loạt một tỷ lệ giảm biên chế hành chính sự nghiệp như nhau cho các địa phương, đơn vị mà căn cứ vào yêu cầu công việc và tình hình cán bộ, công chức từng nơi ; Chính phủ quy định cụ thể đối với bộ máy các cơ quan nhà nước và Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn đối với bộ máy các cơ quan đảng và đoàn thể. Thực hiện việc đánh giá, phân loại, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp theo quy định.

+ Tuyển dụng công chức dự bị. Dành một tỷ lệ thích đáng biên chế hành chính để tuyển dụng những người trẻ tuổi có đủ tiêu chuẩn, điều kiện, được đào tạo cơ bản, những sinh viên ưu tú đã tốt nghiệp đưa về cơ sở làm việc theo chế độ công chức dự bị để tạo nguồn tuyển chọn lực lượng bổ sung đội ngũ công chức.

Trẻ hóa đội ngũ cán bộ là một nhiệm vụ vừa có ý nghĩa cấp bách, vừa có tính chiến lược lâu dài ; đồng thời cần có chính sách sử dụng hợp lý cán bộ lớn tuổi còn sức khỏe, minh mẫn ...

- Tăng cường công tác quản lý cán bộ, hoàn thiện các quy chế quản lý cán bộ, chế độ phân công, phân cấp quản lý cán bộ ; đề cao trách nhiệm quản lý cán bộ từ chi bộ, từ tổ chức cơ sở, trong từng cơ quan, trách nhiệm quản lý cán bộ của cấp ủy và cơ quan tham mưu, của ngành và cấp, chống quan liêu, hình thức và các biểu hiện tiêu cực khác trong công tác cán bộ.

- Thực hiện cải cách cơ bản chế độ tiền lương cán bộ, công chức, coi chính sách tiền lương là chính sách đầu tư cho con người, cho phát triển kinh tế - xã hội và là một giải pháp hạn chế những biểu hiện tiêu cực, tham nhũng trong đội ngũ cán bộ. Từng bước thực hiện tiền tệ hóa đầy đủ tiền lương, nhất là tiền tệ hóa vào lương các khoản chi phí về nhà ở, phương tiện thông tin, đi lại... Cải cách hệ thống thang lương, bảng lương trên cơ sở phân định rõ tính chất và đặc điểm lao động của các loại cán bộ, công chức ; điều chỉnh bất hợp lý về bội số và hệ số trong các thang lương, bảng lương ; sửa đổi, bổ sung các quy định về chế độ phụ cấp theo cấp bậc chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, chế độ phụ cấp làm việc ở nơi xa xôi, miền núi, hải đảo... Chuẩn bị tốt những vấn đề này để Hội nghị Trung ương 7 bàn và quyết định trong năm 2002.

- Xây dựng và triển khai chương trình nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn về công tác tổ chức, làm căn cứ để hoàn thiện hệ thống chính trị ở nước ta trong thời kỳ mới. Phấn đấu hoàn thành một bước chương trình nghiên cứu vào năm 2005 và hoàn chỉnh trong nhiệm kỳ 2006 - 2010.

c- Về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác tổ chức và cán bộ trong hệ thống chính trị :

+ Hoàn thiện các quy chế về sự lãnh đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với Đảng đoàn Quốc hội trong các quyết định quan trọng về tổ chức nhân sự. Kiện toàn Đảng đoàn Quốc hội về tổ chức và quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, lề lối làm việc.

+ Hoàn thiện các quy chế, tiếp tục cụ thể hóa phương thức lãnh đạo và lề lối làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư với Ban cán sự

đảng Chính phủ. Nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Ban cán sự đảng Chính phủ, ban cán sự đảng các bộ, ngành Trung ương ; mối quan hệ và lề lối làm việc của Ban cán sự đảng Chính phủ với ban cán sự đảng các bộ, ngành và ban cán sự đảng ở một số tổng công ty ; mối quan hệ và lề lối làm việc giữa các ban cán sự đảng bộ, ngành Trung ương với các ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương.

+ Tiếp tục cải tiến, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, hội quần chúng.

+ Hoàn thiện các quy định về mối quan hệ công tác giữa các cấp ủy đảng với chính quyền, đoàn thể các cấp. Cụ thể hóa cơ chế tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách và chế độ trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp.

3- Giao cho Bộ Chính trị tiếp thu ý kiến của Trung ương hoàn chỉnh Báo cáo kiểm điểm việc thực hiện công tác tổ chức và cán bộ theo ba nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, chỉ đạo cấp ủy và tổ chức đảng các cấp quán triệt, thực hiện nghiêm túc, đạt kết quả tốt Kết luận của Ban Chấp hành Trung ương. Giao cho Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với các ban có liên quan giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo dõi việc thực hiện công tác tổ chức, cán bộ theo ba Nghị quyết và Kết luận này.

Các cấp ủy và tổ chức đảng căn cứ vào bản Kết luận này và sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư để xây dựng chương trình, kế hoạch hành động cụ thể từ nay đến năm 2005 và các năm tiếp theo, tổ chức thực hiện thật tốt, tạo ra một bước chuyển biến mạnh mẽ trong công tác tổ chức, cán bộ, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. □

BỘ NỘI VỤ, CÁN BỘ BỘ NỘI VỤ VÀ CÁC CƠ QUAN NỘI VỤ Ở CÁC CẤP PHẢI THẬT SỰ ĐỔI MỚI TƯ DUY VÀ ĐI ĐẦU CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH*

**(Bài phát biểu của Thủ tướng PHAN VĂN KHẢI tại Lễ kỷ niệm
57 năm Ngày truyền thống ngành Tổ chức Nhà nước)**

Hôm nay, kỷ niệm lần thứ 57 Ngày thành lập Bộ Nội vụ trong Chính phủ đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tôi xin thay mặt Chính phủ gửi lời chào mừng nồng nhiệt tới toàn thể cán bộ, công chức đã và đang công tác trong các cơ quan làm công tác tổ chức, cán bộ của chính quyền nhân dân trong cả nước.

Theo quyết định của Chính phủ, ngày kỷ niệm này đã trở thành Ngày truyền thống của ngành Tổ chức Nhà nước. Năm nay, lễ kỷ niệm ngày truyền thống được tổ chức lần đầu tiên và càng có nhiều ý nghĩa khi trong cơ cấu Chính phủ nhiệm kỳ mới vừa được Quốc hội khóa XI phê chuẩn tại kỳ họp thứ nhất, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ được tổ chức lại thành Bộ Nội vụ với chức năng, nhiệm vụ về cơ bản như Bộ Nội vụ được thành lập cách đây 57 năm.

Ngay từ khi mới thành lập, dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bộ Nội vụ đã đóng góp tích cực vào việc mau chóng

thiết lập hệ thống tổ chức chính quyền nhân dân, xây dựng Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp; trải qua 57 năm đã không ngừng nâng cao hiệu lực và hiệu quả của bộ máy quản lý nhà nước, thực hiện tốt nhiệm vụ động viên sức người, sức của trong hai cuộc kháng chiến, góp phần to lớn vào sự nghiệp giải phóng và thống nhất Tổ quốc, tiếp đó vào công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh và xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Bước vào thời kỳ đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ đã đề xuất chương trình cải cách hành chính phù hợp với yêu cầu đổi mới về kinh tế, xã hội, xây dựng nhiều dự án luật, pháp lệnh và nghị định về tổ chức cơ quan hành chính các cấp, tổ chức thực hiện các quyết định của Chính phủ về điều chỉnh hợp lý chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp bộ máy,

* Đầu đề là của báo Nhân dân

tinh giản biên chế, tổ chức lại một số cơ quan chuyên môn thuộc chính quyền cấp tỉnh, huyện ; cải tiến việc quản lý, thi tuyển, bổ nhiệm cán bộ, công chức, xúc tiến việc xây dựng đề án cải cách chế độ tiền lương thuộc ngân sách nhà nước ; xây dựng và triển khai thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của chính quyền cơ sở, xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở. Các cơ quan tổ chức chính quyền địa phương các cấp đã góp sức với cấp ủy Đảng và Ủy ban nhân dân từng bước đổi mới và kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương.

Tuy nhiên, phải thẳng thắn thừa nhận rằng công cuộc cải cách hành chính không chỉ chậm trễ mà còn thiếu nhất quán, kém kiên quyết nên kết quả còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của cuộc sống, của nhân dân. Tình trạng bộ máy chính quyền chồng chéo, thiếu trong sạch, kém hiệu lực, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí tiếp diễn nghiêm trọng đang làm giảm lòng tin của nhân dân và cản trở bước tiến của dân tộc. Thực tiễn cho ta thấy cải cách hành chính không những phải phù hợp với đổi mới kinh tế, xã hội mà còn phải có phần đi trước để mở đường, thúc đẩy sự phát triển đất nước. Cải cách hành chính là đổi mới ngay chính bộ máy tiến hành đổi mới. Vượt qua được chính mình luôn luôn là thách thức gay gắt nhất đối với mỗi tổ chức cũng như mỗi người.

Bộ Nội vụ được tổ chức lại trên cơ sở Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, tiếp tục thực hiện chức năng chủ yếu là quản lý nhà nước về tổ chức bộ máy hành chính các cấp, xây dựng chế độ, chính sách và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước

và đảm nhiệm thêm một số nhiệm vụ thuộc lĩnh vực nội vụ của đất nước. Đồng chí Bộ trưởng Đỗ Quang Trung đã có bài phát biểu nhìn lại công tác tổ chức bộ máy nhà nước trong những năm qua và đề ra phương hướng, nhiệm vụ phấn đấu trong thời gian tới.

Tôi chỉ xin nhấn mạnh *một điều* : Hơn ai hết, Bộ Nội vụ, cán bộ Bộ Nội vụ và các cơ quan nội vụ ở các cấp phải thật sự đổi mới tư duy và việc làm của bản thân mình, phải đi đầu cải cách hành chính ở ngay cơ quan mình, phải gương mẫu chống tiêu cực, xây dựng bộ máy trong sạch, gần dân, gần cơ sở ngay từ bộ và các cơ quan thuộc hệ thống của bộ.

Đối với các bộ và cơ quan khác, Bộ Nội vụ phải là người cộng tác chân thành, ủng hộ và trợ giúp việc cải cách hành chính ở từng nơi, đồng thời phải giúp Chính phủ canh giữ không để lọt lưới những quyết định và không để diễn ra những việc làm về tổ chức và nhân sự trái với tinh thần cải cách hành chính.

Trong lễ kỷ niệm Ngày thành lập Bộ Nội vụ, chúng ta càng tự hào về những thành tích đã đạt được trong 57 năm qua, càng thấy rõ yêu cầu cấp bách phải nâng cao hơn nữa tinh thần trách nhiệm, đổi mới tư duy và tăng cường năng lực công tác để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, thật sự là nòng cốt và chỗ dựa của công cuộc cải cách hành chính, góp phần quan trọng đưa đất nước tiến nhanh và bền vững trong bối cảnh thế giới và khu vực đang diễn biến phức tạp.

Đó là điều mà Đảng, Chính phủ và nhân dân mong đợi ở Bộ Nội vụ và các đồng chí đang công tác ở cơ quan Nội vụ các cấp.

Chúc các đồng chí mạnh khỏe, tiến bộ, đạt nhiều thành tích mới. □

THẤY GÌ VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÁN BỘ QUA VỤ ÁN TRƯƠNG VĂN CAM

VỠ CHÍ CÔNG

ĐƯỜNG lối đổi mới thật sự đem lại những thành tựu to lớn về phát triển kinh tế - xã hội, đời sống nhân dân ngày một được nâng cao. Đảng và Nhà nước cũng trưởng thành trong vai trò lãnh đạo và quản lý, tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu về xây dựng Đảng và bộ máy nhà nước trong giai đoạn quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh những thành tựu đáng ghi nhận đó, trong một thời gian ngắn, các cơ quan chức năng và nhân dân đã phát hiện ra nhiều vụ tham ô, tham nhũng, lãng phí, phạm pháp hình sự... Một số vụ làm thất thoát khối lượng lớn tài sản, tiền của của Nhà nước và nhân dân. Tiêu biểu gần đây là vụ phạm pháp do Trương Văn Cam (tức Năm Cam) cầm đầu, lộng hành trong một thời gian dài, hoạt động theo kiểu "xã hội đen", với những thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt, dùng tiền, tình làm tha hóa không ít cán bộ của chúng ta. Qua vụ phạm pháp do tên trùm tội phạm Năm Cam cầm đầu, chúng ta thấy gì ?

Một là, một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên bị lôi kéo, dụ dỗ, mua chuộc, trở thành đồng phạm của bọn tội phạm

Vụ án tuy chưa đưa ra xét xử, nhưng đã qua giai đoạn điều tra, khởi tố. Qua các phương tiện thông tin đại chúng và thông báo của Ban chuyên án thì thấy rõ thủ đoạn xảo quyệt của bọn tội phạm là đã dùng đồng tiền, gái, ăn nhậu... để mua chuộc, lôi kéo một số cán bộ trong các cơ quan bảo vệ pháp luật như công an, kiểm sát và báo chí, v.v. đẩy họ lún sâu vào vòng tội lỗi, trở thành đồng phạm để bao che, dung túng cho các hoạt động bất minh của chúng. Tính đến thời điểm hiện nay, tháng 8-2002, kết thúc giai đoạn 1 của chuyên án, chúng ta đã tiến hành khởi tố, kiểm điểm, kỷ luật hơn một trăm người là cán bộ, chiến sỹ, đảng viên, từ cán bộ cấp cao đến cấp thấp, ở các cơ quan bảo vệ pháp luật đến cơ quan báo chí, quản lý chuyên ngành... Để làm tha hóa một số cán bộ, dẫn dụ họ đi vào quỹ đạo hoạt động, làm bình phong bao che cho ý đồ đen tối và hành động phạm tội, bọn tội phạm đã không

từ một thủ đoạn nào. Hậu quả là, những cán bộ này đã tiếp tay cho bọn tội phạm đổi trắng thay đen : làm sai lệch hồ sơ vụ án, các hành động giết người trở thành vô tội, cướp đoạt tài sản của Nhà nước và của công dân trở thành "hợp pháp", bao che và chạy tội cho kẻ phạm tội lọt lưới pháp luật v.v..

Khi phát hiện ra được những cán bộ, đảng viên trong một số cơ quan bảo vệ pháp luật có liên quan đến băng nhóm tội phạm Năm Cam, thì cũng là lúc Đảng và Nhà nước ta đã mất đi một số cán bộ bị thoái hóa, biến chất do không cương lại được sức cám dỗ của vật chất tầm thường ; nhưng đồng thời, qua đây, chúng ta cũng loại bỏ được những con sâu mọt trong đội ngũ "công bộc" của dân trong các cơ quan nhà nước, làm cho bộ máy nhà nước ta thật sự trong sạch, được củng cố và có hiệu lực hơn. Đây thực sự là bài học đau xót nhưng cũng rất quý giá ; nó đã thức tỉnh những người lãnh đạo trong các tổ chức đảng và cơ quan nhà nước nhìn nhận, kiểm điểm, rút ra những bài học quý giá về công tác cán bộ và quản lý cán bộ của chúng ta trong thời gian qua, nhất là từ sau khi tiến hành công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chúng ta phải luôn luôn quan tâm, sâu sát, nắm bắt diễn biến tư tưởng, hành động, đạo đức, sinh hoạt, lối sống đối với mọi loại cán bộ, kể cả những cán bộ đã trải qua thử thách và có quá trình công tác tốt. Có vấn đề gì không bình thường trong lối sống, trong công việc, phải kịp thời uốn nắn, sửa chữa. Không để tình trạng cán bộ hư hỏng, cơ hội được nhận xét là cán bộ tốt, ở cấp

dưới bị kỷ luật lại được đề bạt lên cấp trên. Qua vụ án này, Đảng và Nhà nước ta phải xử lý nghiêm minh những cán bộ thoái hóa, biến chất trong các cơ quan nói trên ; phân định công, tội rõ ràng thì mới khôi phục được lòng tin của nhân dân đối với chế độ, đối với các cơ quan thi hành và bảo vệ pháp luật trong sự nghiệp đổi mới của chúng ta.

Hai là, trong cơ chế thị trường, chủ nghĩa thực dụng phát triển coi đồng tiền là trên hết đã tác động đến đội ngũ cán bộ, gây hậu quả nghiêm trọng

Bọn tội phạm Năm Cam đã sử dụng đồng tiền như một vũ khí lợi hại tấn công vào tư tưởng thực dụng và lòng tham của một số cán bộ, nhằm đưa họ vào quỹ đạo hoạt động phạm tội của chúng. Cũng với thủ đoạn đó, chúng đã mua được một số cán bộ có chức, có quyền bao che, tiếp tay, phục vụ cho những ý đồ đen tối của chúng. Những cán bộ, đảng viên đó đã đánh mất đi tư cách, phẩm chất đạo đức và lý tưởng cách mạng cao quý của mình. Vì tiền, họ đã bán rẻ tất cả, và tất yếu là dẫn đến tội lỗi, sa lưới pháp luật mà xã hội và nhân dân không thể tha thứ được. Những cán bộ đã chịu ăn chia với chúng như cá đã cắn câu không bao giờ báo cáo đúng sự thật hoạt động của tội phạm với cấp trên, với tổ chức. Gấp cấp trên quan liêu, cấp dưới báo cáo sao nghe vậy ; thậm chí còn thổi phồng thành tích, để được công nhận là tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh. Nhân dân bị ức hiếp nhưng không dám tố giác vì sợ bị bọn tội phạm trả thù, nhất là khi biết trong lực lượng cảnh sát, công an có người đã bị bọn tội phạm mua chuộc.

Đồng tiền phi pháp của bọn tội phạm Năm Cam đã đem lại hậu quả hết sức nghiêm trọng như nói trên. Vì vậy, Đảng và Nhà nước phải rút ra những bài học xương máu về công tác đào tạo, bồi dưỡng và quản lý cán bộ. Cán bộ, đảng viên bất kỳ ở cương vị nào phải luôn tự rèn luyện bản lĩnh chính trị, nâng cao đạo đức, phẩm giá của mình, luôn cảnh giác với những "viên đạn bọc đường", nên tránh xa đồng tiền phi pháp, nếu không sẽ tự mình rước lấy tai họa và lao vào con đường tội lỗi. Cán bộ, đảng viên chỉ có ý chí quyết tâm cao và tự giác tu dưỡng mình mới có thể kiểm chế và tránh được lòng tham trước những đồng tiền bất chính. Theo dõi vụ án Năm Cam, nhân dân có những câu hỏi và nghi vấn chính đáng là, một số cán bộ trong danh sách có liên quan đến vụ án, có cán bộ từ cấp tỉnh mới được điều động lên cơ quan trung ương một vài năm, hoặc cán bộ được đề bạt lên cấp trưởng, phó phòng của một cơ quan cấp thành phố, hoặc của một bộ, cũng như một bộ phận cán bộ có chức, quyền, với đồng lương hằng tháng như hiện nay, không có nguồn thu nhập nào khác thì lấy tiền đâu mà xây những căn nhà trị giá hàng mấy tỉ đồng, nếu không phải là từ đồng tiền bất chính do bọn tội phạm cung cấp, hoặc do nguồn thu nhập phi pháp tạo nên ?

Ba là, cần củng cố lại công tác cán bộ và quản lý cán bộ của các tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước

Đa số cán bộ liên quan đến băng nhóm tội phạm Năm Cam là những người được chọn trong đảng viên, quần chúng tốt, đề

bạt lên nắm các chức vụ quan trọng, đã có quá trình công tác và chiến đấu anh dũng, có đồng chí là anh hùng. Nhưng vì sao các đồng chí đó lại lao vào con đường tội lỗi ?

Quy luật diễn biến tư tưởng con người bị tác động lớn bởi các yếu tố chủ quan và khách quan, nhất là trong cơ chế thị trường, những tiêu cực hằng ngày, hằng giờ tấn công trực tiếp vào ý thức con người. Về chủ quan, bản thân những cán bộ, đảng viên không tự rèn luyện mình về phẩm chất đạo đức, không thường xuyên kiểm tra, tự phê bình và phê bình để phấn đấu vượt qua sự mua chuộc, cám dỗ của bọn tội phạm và những tác động tiêu cực khách quan của xã hội. Nhưng quan trọng hơn là, họ nằm ngoài sự theo dõi, giám sát, kiểm tra, quản lý chặt chẽ trong công tác, sinh hoạt và giáo dục kịp thời của các tổ chức, cơ quan, đơn vị, nhất là các tổ chức cơ sở đảng. Các cơ quan tổ chức cán bộ và quản lý cán bộ không nắm vững quy luật tư tưởng cán bộ, đảng viên trong công tác xây dựng Đảng. Nhiều tổ chức thường mắc sai lầm là, sau khi đề bạt cán bộ lên nắm chức quyền nào đó thì lại lơ lửng trong việc theo dõi, kiểm tra mọi hoạt động của họ, nhất là diễn biến tư tưởng mới phát sinh, cho nên không kịp thời uốn nắn.

Phải thấy rằng, trong điều kiện phức tạp hiện nay, những cán bộ có chức, quyền thường dễ mắc bệnh quan liêu, xa rời nhân dân, coi thường quần chúng, hách dịch, mất dân chủ, cho rằng không ai biết được tư tưởng, hành động sai trái của mình, dẫn đến sự sa sút phẩm chất, đạo đức một cách

(Xem tiếp trang 23)



NÂNG CAO VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở CƠ SỞ

TẠ XUÂN ĐẠI *

I- THỰC TRẠNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ VAI TRÒ CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG Ở CƠ SỞ

Hệ thống chính trị cơ sở là cấp chấp hành, là cầu nối trực tiếp giữa hệ thống chính trị cấp trên với nhân dân, hằng ngày tiếp xúc, nắm bắt và phản ánh tâm tư, nguyện vọng của nhân dân; tổ chức và vận động nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; tăng cường đại đoàn kết toàn dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, huy động mọi khả năng phát triển kinh tế - xã hội, tổ chức cuộc sống của nhân dân. Trong hệ thống chính quyền bốn cấp của nước ta, cấp cơ sở có vai trò rất quan trọng. Hiện nay, cả nước có 10 538 đơn vị cơ sở (xã, phường, thị trấn), trong đó gồm 8 947 xã, 565 thị trấn và 1 026 phường.

Ở xã và thị trấn có 9 438 tổ chức cơ sở đảng (TCCSĐ) chiếm 21,12% tổng số TCCSĐ của toàn Đảng, tăng 5,0% so với năm 1986 và tăng 5,2% so với năm 1996. Trước thời kỳ đổi mới, các TCCSĐ xã, thị trấn chủ yếu được lập theo đơn vị hợp tác xã nông nghiệp, đội sản xuất. Hiện nay, TCCSĐ được sắp xếp lại, hầu hết theo địa bàn dân cư. Ở xã, thị trấn phần lớn đã lập

đảng bộ cơ sở, một số xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bằng Nam bộ do số lượng đảng viên còn ít nên mới lập được chi bộ cơ sở. Ở thôn, ấp, bản, làng đa số lập chi bộ trực thuộc theo địa lý hành chính; một số thôn có nhiều xóm đã lập đảng ủy bộ phận theo thôn; ở các thôn, làng, xóm có số đảng viên đông đã lập hai hoặc ba chi bộ theo cụm dân cư. Ở trường học, trạm y tế, nhà trẻ, mẫu giáo, các cơ sở kinh tế như hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ... lập chi bộ hoặc tổ đảng. Một số xã, thị trấn đã lập chi bộ văn phòng, chi bộ cán bộ hưu trí, chi bộ trong doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần.

Thi hành Điều lệ Đảng và các nghị quyết của Trung ương về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ ở nông thôn, hầu hết các TCCSĐ đã cụ thể hóa thành các quy chế hoạt động để thực hiện chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo trong điều kiện mới. Những năm qua, phần lớn các TCCSĐ ở xã, thị trấn đã thể hiện được về cơ bản vai trò hạt nhân chính trị lãnh đạo trực tiếp, toàn diện ở cơ sở, năng động thực hiện các chủ trương,

* Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương

ng nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước sát hợp với điều kiện cụ thể của địa phương ; chăm lo phát triển kinh tế - xã hội, tạo điều kiện để các tầng lớp nhân dân phát triển kinh tế, tăng thu nhập, xóa đói, giảm nghèo, ổn định đời sống và làm nghĩa vụ với Nhà nước, bảo đảm quốc phòng - an ninh, trật tự xã hội ; thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở...

Tuy nhiên, trước yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới, các TCCSĐ ở xã, thị trấn còn bộc lộ nhiều thiếu sót, nhược điểm :

- Chức năng hạt nhân chính trị lãnh đạo toàn diện đối với mọi mặt hoạt động ở cơ sở còn nhiều hạn chế, bất cập trước những yêu cầu phát triển kinh tế và giải quyết những vấn đề văn hóa, xã hội.

- Việc tổ chức tuyên truyền, phổ biến, vận dụng chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào tình hình thực tiễn ở cơ sở còn nhiều hạn chế, nhất là về lãnh đạo xác định phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

- Việc đổi mới phương thức lãnh đạo còn chậm, hiệu quả thấp ; nghị quyết của cấp ủy, của Hội đồng nhân dân còn trùng lặp ; tình trạng cấp ủy làm việc không theo quy chế, sa vào những việc cụ thể, can thiệp sâu vào công việc quản lý điều hành của chính quyền còn khá phổ biến. Một bộ phận cán bộ, đảng viên còn tư tưởng bảo thủ, trông chờ, ỷ lại, tinh thần trách nhiệm chưa cao, năng lực lãnh đạo, điều hành yếu kém.

Hiện nay, 100% số phường của cả nước đã có TCCSĐ, bằng 3% tổng số TCCSĐ của toàn Đảng. Trong đảng bộ phường có các chi bộ trực thuộc được lập theo cụm dân cư,

tổ dân phố. Một số khối phố có nhiều chi bộ đã lập đảng ủy bộ phận. Nơi có đủ số lượng đảng viên đã lập chi bộ như ở trường học, trạm y tế, các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ. Một số nơi đã lập chi bộ như cơ quan phường, doanh nghiệp tư nhân.

Nhìn chung, các TCCSĐ ở phường đã thể hiện được vai trò hạt nhân chính trị lãnh đạo thực hiện có kết quả năm nhiệm vụ của TCCSĐ. Song, ở nhiều phường vai trò lãnh đạo của các TCCSĐ còn rất hạn chế, lúng túng trong lãnh đạo các mặt hoạt động của chính quyền phường ; trong việc tuyên truyền, phổ biến quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước ; trong quản lý đô thị và bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Về phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng, của cấp ủy ở phường đã có chuyển biến tiến bộ trong việc chuẩn bị và ban hành nghị quyết, trong lãnh đạo thực hiện nghị quyết và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở... Tuy vậy, nghị quyết của cấp ủy còn chung chung, đề ra nhiều, làm được ít ; vẫn còn hiện tượng bao biện, làm thay, lấn sân công việc của chính quyền, đoàn thể ; việc kiểm tra, giám sát tổ chức thực hiện và sơ kết, tổng kết còn lỏng lẻo. Phương thức lãnh đạo chậm được đổi mới ; hiệu quả lãnh đạo, quản lý điều hành thực thi pháp luật còn yếu kém, bất cập ; Quy chế Dân chủ ở cơ sở chưa được triển khai đồng bộ, rộng khắp. Sự phối kết hợp hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị thiếu đồng bộ, nắm dân chưa tốt. Chưa giải quyết kịp thời những vấn đề phức tạp nảy sinh ngay từ cơ sở.

Để thực hiện tốt vai trò lãnh đạo toàn diện, các đảng bộ, chi bộ xã, phường, thị trấn

phải đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo cho phù hợp với những chuyển biến kinh tế - xã hội đã và đang diễn ra ở cơ sở. Trước mắt, tập trung giải quyết tốt mấy vấn đề chủ yếu sau :

1- Nâng cao nhận thức và thực hiện đúng vai trò hạt nhân chính trị

Các đảng bộ, chi bộ nắm vững nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, chăm lo xây dựng chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị. Chất lượng lãnh đạo của đảng bộ, cấp ủy được thể hiện trước hết ở chất lượng và hiệu quả hoạt động của chính quyền và các đoàn thể, bằng kết quả của đời sống, sự giác ngộ và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân.

Yêu cầu trọng tâm là phát huy tính chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của các cơ quan chính quyền trong việc thực hiện chức năng theo luật pháp, phát huy vai trò của các đoàn thể nhân dân trong việc tổ chức, vận động quần chúng. Đảng bộ, chi bộ thường xuyên nắm tâm tư, nguyện vọng của quần chúng, cùng các tổ chức trong hệ thống chính trị có biện pháp tích cực đáp ứng và giải quyết những yêu cầu chính đáng của nhân dân. Cán bộ, đảng viên phải là người thực sự tiêu biểu cho lực lượng tiến bộ nhất ở cơ sở, là người lao động giỏi và công dân mẫu mực, có tri thức, năng động, sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh, phấn đấu làm kinh tế giỏi. Đây là yêu cầu mới và cao mà công tác xây dựng Đảng phải tập trung phấn đấu, là nội dung quan trọng để đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên và phát triển đội ngũ đảng viên. Hướng phát triển đảng viên trong những năm tới nhằm

vào những người lao động giỏi, có đạo đức và lối sống lành mạnh, có uy tín trong quần chúng, những người có lý tưởng cách mạng, tích cực hoạt động trong hệ thống chính trị, có vai trò nòng cốt trong các đoàn thể nhân dân và các tổ chức tự quản của dân.

2- Đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo

Trong thời gian qua, quan niệm về lãnh đạo toàn diện ở một số người còn chưa được hiểu đúng, dẫn đến tình trạng phổ biến là cấp ủy đảng ở cơ sở thường bàn và quyết định mọi vấn đề của cơ sở, sau đó các đảng viên phụ trách các cơ quan chính quyền và đoàn thể cụ thể hóa quyết định của tổ chức đảng thành nghị quyết, chủ trương của chính quyền và đoàn thể mình để tổ chức thực hiện. Phương thức lãnh đạo đó khiến cho các cơ quan chính quyền do dân cử không có thực quyền, chính quyền và các đoàn thể chính trị - xã hội mất tính chủ động và không phát huy được vai trò của mình. Vì thế quyền làm chủ của nhân dân bị hạn chế, hiệu lực của hệ thống chính trị cũng bị giảm sút, công việc chồng chéo, hội họp liên miên, chế độ trách nhiệm, nhất là trách nhiệm cá nhân không rõ. Vì vậy, cần đổi mới một số nội dung sau đây :

Một là, khẳng định ban chấp hành, ban thường vụ cấp ủy cơ sở thực hiện sự lãnh đạo đối với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân bằng chủ trương, nghị quyết, định hướng lớn, bằng bố trí cán bộ chủ chốt và thực hiện tốt công tác kiểm tra.

Hai là, đổi mới việc ra nghị quyết của đảng bộ, chi bộ, cấp ủy đảng. Đối với những vấn đề lớn, quan trọng thì đảng bộ, chi bộ và cấp ủy bàn tập thể và đề ra chủ trương, các giải pháp có tính định hướng và phân công,

giao trách nhiệm cho tổ chức đảng, chính quyền, các đoàn thể tổ chức thực hiện theo quyền hạn và trách nhiệm của mình. Đối với những chủ trương công tác thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan chính quyền, đoàn thể thì cơ quan đó phải chủ động đề xuất, cấp ủy bàn và có ý kiến về những nội dung quan trọng. Xây dựng và thực hiện quy chế làm việc giữa bí thư cấp ủy với lãnh đạo các tổ chức, đoàn thể, bảo đảm cho cấp ủy đảng quán xuyến được các mặt công tác ở xã, phường, thị trấn.

Ba là, phải dựa vào dân, thông qua kết quả hoạt động thực tiễn ở cơ sở để kiểm tra, phát hiện, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Thực hiện nghiêm túc việc thăm dò và lắng nghe ý kiến của nhân dân trước khi bầu cử cấp ủy.

Tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành nghị quyết của cấp ủy, ý kiến nhận xét, đánh giá của quần chúng đối với đảng viên và tổ chức đảng thông qua việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ việc chấp hành nghị quyết là một khâu quan trọng trong công tác lãnh đạo của Đảng, giúp phát hiện sáng kiến, đúc kết kinh nghiệm, biểu dương thành tích, điển hình tiên tiến. Qua đó có cơ sở để đề xuất những chủ trương mới thiết thực hơn.

II - MỘT SỐ BIỆN PHÁP CỤ THỂ NHẪM NÂNG CAO VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở CƠ SỞ

Để thực hiện tốt mục tiêu : phát huy dân chủ trong nội bộ các tổ chức của hệ thống chính trị ở cơ sở và tăng cường quan hệ gần bó với nhân dân, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức và mối quan hệ giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị, dưới

sự lãnh đạo của đảng bộ, chi bộ, TCCSĐ cần thực hiện một số biện pháp cụ thể sau :

1- Bổ sung, hoàn thiện các quy định về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng xã, phường, thị trấn

Đối với xã, thị trấn, TCCSĐ là hạt nhân chính trị lãnh đạo toàn diện việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phát triển kinh tế, xây dựng nông thôn mới ; động viên nhân dân thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước. Cấp ủy đảng ở cơ sở không quyết định cụ thể về phương án hành động thuộc thẩm quyền của chính quyền và các đoàn thể, đó là phương hướng căn bản để phân định rành mạch hơn về chức năng, nhiệm vụ giữa TCCSĐ, chính quyền, các đoàn thể.

Đối với phường, TCCSĐ là hạt nhân chính trị lãnh đạo bảo đảm thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, xây dựng phường văn minh, sạch đẹp ; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, động viên nhân dân làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước.

Trong mối quan hệ với chính quyền và các tổ chức quần chúng nhân dân trong hệ thống chính trị ở xã, phường, thị trấn, TCCSĐ, cấp ủy phải thực sự tôn trọng để Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các đoàn thể quần chúng nâng cao trách nhiệm, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo pháp luật của Nhà nước và điều lệ của mỗi tổ chức ; giám sát, kiểm tra hoạt động của các tổ chức đó, uốn nắn những lệch lạc (nếu có) trong quá trình thực hiện.

2- củng cố, kiện toàn hệ thống tổ chức đảng ở cơ sở

Tiến hành khảo sát, đánh giá thực trạng tổ chức đảng và đảng viên ở cơ sở, thực hiện việc sắp xếp, kiện toàn các tổ chức đảng

theo Điều lệ Đảng và quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ giữa tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể ở xã, phường, thị trấn. Những xã, phường thị trấn có dưới 30 đảng viên, cần tập trung phát triển đảng viên là người tại chỗ hoặc tăng cường cán bộ từ huyện, tỉnh về cơ sở để đủ số đảng viên lập đảng bộ. Những thôn, làng có nhiều xóm, những khối phố, cụm dân cư có nhiều tổ dân phố, nơi số lượng đảng viên đông, nếu xét thấy cần thiết có thể lập đảng bộ bộ phận trực thuộc cấp ủy xã, phường, thị trấn.

3- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở

Các cấp ủy, tổ chức đảng phải coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ, công tác vận động quần chúng cho đội ngũ cán bộ cơ sở. Chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trẻ trong đội ngũ cán bộ không chuyên trách, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số, ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Trong việc tạo nguồn cán bộ cơ sở, cần hướng vào các đối tượng là con em của các gia đình cách mạng đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng, trung cấp kỹ thuật, trường phổ thông dân tộc nội trú; thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, những người sản xuất, kinh doanh giỏi. Có chính sách thu hút số sinh viên đã tốt nghiệp các trường cao đẳng, đại học về làm cán bộ, công chức ở cơ sở. Tổ chức các lớp đào tạo chuyên đề cho cán bộ là người dân tộc thiểu số, với chương trình nội dung và thời gian phù hợp. Tổ chức các lớp dạy tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ cơ sở, cán bộ tăng cường và cán bộ diện quy hoạch của huyện và tỉnh ở những nơi cần

thiết. Chú trọng việc điều chuyển cán bộ đang công tác ở các cơ quan cấp huyện, cấp tỉnh về công tác ở cơ sở theo từng thời gian cụ thể. Tăng cường cán bộ cho vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, đồng bào có đạo, vùng biên giới, hải đảo. Tranh thủ vai trò của các già làng, trưởng bản, cán bộ hưu trí có uy tín trong việc vận động quần chúng, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ở cơ sở.

4- Nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên

Tăng cường công tác quản lý và phân công nhiệm vụ cho đảng viên, thường xuyên kiểm tra đảng viên thực hiện nhiệm vụ được giao. Phân công cấp ủy viên và đảng viên có năng lực xuống giúp đỡ các thôn, làng, bản, ấp còn nhiều khó khăn, nơi chưa có đảng viên và trực tiếp làm công tác phát triển đảng. Tăng cường xây dựng TCCSĐ trong sạch, vững mạnh; đồng thời, đổi mới công tác phân tích chất lượng TCCSĐ và đảng viên.

5- Cải tiến và tăng cường chỉ đạo của các cấp ủy cấp trên

Các cấp ủy đảng và chính quyền, ban chấp hành đoàn thể cấp tỉnh, thành, quận, huyện nâng cao trách nhiệm, tăng cường chỉ đạo việc xây dựng, củng cố tổ chức đảng, chính quyền, các đoàn thể ở cơ sở; sát cơ sở, sát dân, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo, chính sách ruộng đất, thu, chi ngân sách ở cơ sở. Thực hiện chặt chẽ, hợp lý và đồng bộ chế độ, chính sách đối với "cán bộ, công chức cơ sở xã, phường, thị trấn" theo quy định của Chính phủ; thực hiện theo chế độ "cán bộ không chuyên trách" đối với cấp ủy viên cơ sở và bí thư chi bộ trực thuộc. □

***Phạm trù trung - hiếu
trong triết lý phương Đông
và tư tưởng Hồ Chí Minh***
**VỚI VẤN ĐỀ GIÁO DỤC
ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG HIỆN NAY**

HOÀNG TRUNG*

“TRUNG” là khái niệm chính trị - đạo đức, xuất hiện trong các tác phẩm kinh điển của Nho giáo và thường được dùng để chỉ hành động hết lòng với vua, mà theo đó, khái niệm “trung quân” (trung với vua) xuất hiện. Khi quyền lợi của ông vua ấy thống nhất với quyền lợi của dân tộc thì “trung” đó cũng đồng thời là trung với nước.

Trong mối quan hệ quân - thần (vua - tôi), Khổng Tử đã nhận thấy ở đó mỗi bên đều phải có trách nhiệm với nhau, đều phải có cách đối xử cần thiết, và cách đối xử của bên này là điều kiện để bên kia có cách đối xử tương ứng. Khổng Tử nói : “Quân sử thần dĩ lễ, thần sử quân dĩ trung” (Nhà vua sai khiến bề tôi thì dùng lễ, bề tôi phụng sự nhà vua thì giữ đạo trung).

Xuất phát từ thực tiễn Trung Quốc, Khổng Tử cho rằng nguyên nhân dẫn đến loạn lạc trong thời Xuân Thu là do vua không ra vua, bề tôi không ra bề tôi và do vậy đưa đến tình trạng giành địa vị của nhau, vương hầu lẫn át

quyền “thiên tử”. Khổng Tử không chủ trương “ngu trung”, không bắt buộc bề tôi phải phục tùng bề trên một cách vô điều kiện như quan niệm về chữ “trung” của các nhà Nho sau này. Mạnh Tử và Tuân Tử cũng đều cho rằng, trung không phải là tuyệt đối, khi vua không ra vua thì thần dân không nhất thiết phải trung.

Đến chế độ phong kiến trung ương tập quyền thì nội dung của “trung” đã có khác. Khi đó, nhà vua và triều thần đều cần người bề tôi tuyệt đối phục tùng vua, trung thành với vua vô điều kiện. Trong lịch sử xã hội phong kiến phương Đông đã có biết bao người chết cho sự nghiệp của một ông vua. Việc làm đó do tư tưởng trên chi phối, đồng thời nó cũng làm cho tư tưởng trên mang ý nghĩa hiện thực và được củng cố.

Ở Việt Nam, quan niệm về “trung” không hoàn toàn như thế. Khi một triều đại đang lên thì trung gắn liền với lòng yêu nước, với lợi ích của dân tộc. Trong thời kỳ dựng nước, quan hệ vua tôi là quan hệ quân thần ; họ cùng chung một lý tưởng yêu nước, chống ngoại xâm, giành độc lập cho dân tộc. Đã có nhiều tấm gương tiêu biểu cho lòng trung thành với người lãnh đạo. Chẳng hạn, vì sự nghiệp chung mà Lê Lai đã chết thay Lê Lợi ; Dã Tượng, Yết Kiêu đã liều chết để bảo vệ Trần Hưng Đạo... Nhưng khi triều đại ấy đã suy đồi, vua chúa trở thành kẻ phản động, bán nước như Lê Chiêu Thống cầu cứu nhà Thanh, Nguyễn Ánh cầu cứu thực dân Pháp, triều đình có những kẻ ngu quân thì nhân dân ta lại quyết tâm vùng dậy chống lại chế

* TS, Trường đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

độ phong kiến, lật đổ vua này lập vua khác, như thời kỳ cuối Lê đầu Nguyễn. Truyền thống của người Việt Nam như Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nói, là "Trung với nước, hiếu với dân". Tư tưởng chủ đạo của người Việt Nam là yêu nước. Bởi trong quan niệm của họ, vua đến rồi lại đi, triều đại dựng lên rồi lại đổ, chỉ đất nước của muôn dân là còn mãi. Do vậy, lời dạy "Trung với nước, hiếu với dân" của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi vào tâm trí mỗi người chúng ta một cách tự nhiên.

"Hiếu" cũng là một phạm trù đạo đức - chính trị quan trọng trong lịch sử tư tưởng phương Đông. Song, trước tiên, nó hình thành trong gia đình, ở mối quan hệ con cháu đối với ông bà cha mẹ, nêu lên nghĩa vụ của con cháu đối với ông bà cha mẹ. Dưới chế độ mẫu hệ hay chế độ thị tộc phụ hệ, người ta chưa biết đến hiếu. Khái niệm hiếu chỉ xuất hiện dưới chế độ chủ nô, khi người ta đã có ý thức về dòng giống.

"Hiếu" trong quan niệm của Nho giáo có nội dung khá phong phú. Trước hết, đó là con cái phải phụng dưỡng bố mẹ khi già và tế tự họ khi mất. Khổng Tử nói : "Sống thì phải phụng dưỡng thân thể, chết thì an táng theo lễ" (Luận Ngữ).

Đánh giá học thuyết Nho giáo về chữ "hiếu", Tôn Trung Sơn cho rằng : "So với các dân tộc khác, quan niệm về hiếu của dân tộc ta đã tiến bộ hơn họ rất xa... Bởi vậy, chỉ nói đối với vấn đề hiếu, mặc dù là những nước văn minh nhất trên thế giới ngày nay, không có một quốc gia nào mà người dân của họ có được một khái niệm hoàn toàn giống như đồng bào ta. Như vậy vấn đề hiếu càng không thể không cần và càng phải bảo tồn" ⁽¹⁾.

Theo dòng chảy của thời gian, Trung và Hiếu đã thâm nhập vào nước ta và đã trở

thành một trong những chuẩn giá trị của các triều đại phong kiến. Bác Hồ tiếp nhận trung - hiếu ở một tầm nhận thức mới. Bác đã gọt bỏ nội dung cũ của Nho giáo là trung với vua và đưa vào đó nội dung mới : Trung là trung với nước. Ở Người, chữ hiếu không còn bó hẹp trong phạm vi trợn đạo làm con đối với ông bà cha mẹ mình, mà hiếu còn là hiếu thảo với nhân dân, vì nhân dân mà phục vụ ; không chỉ thương yêu ông bà cha mẹ mình, mà còn phải thương yêu ông bà cha mẹ người ⁽²⁾.

Người khẳng định : "Người kiên quyết cách mạng nhất lại là người đa tình chí hiếu nhất. Vì sao ? Nếu không làm cách mạng thì chẳng những bố mẹ mình mà hàng triệu bố mẹ người khác cũng bị đế quốc phong kiến dày vò". Người cách mạng "không những cứu bố mẹ mình mà còn cứu bố mẹ người khác, bố mẹ của cả nước nữa" ⁽³⁾. Chính với ý nghĩa rộng lớn ấy, "hiếu thảo" vẫn gắn liền với "hiếu trung", như trong bức điện gửi họ Nguyễn Sinh sau khi nghe tin anh ruột qua đời, Hồ Chí Minh đã viết : "Một người con đã hy sinh tình nhà vì phải lo việc nước" ⁽⁴⁾.

Khi xác định nội dung trung, hiếu cho mỗi đối tượng, bao giờ Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đặt nội dung ấy trong sự phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng.

Đối với lực lượng vũ trang, khi xác định bản chất đạo đức cách mạng của quân đội ta - quân đội anh hùng của một dân tộc anh hùng, anh dũng trong kháng chiến và cũng anh dũng trong hòa bình, Chủ tịch Hồ Chí Minh

(1) Dẫn theo, Vũ Khiêu (chủ biên) : *Nho giáo và gia đình*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr 97

(2) Xem Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 5, tr 640

(3) Hồ Chí Minh : *Sổ đ*, t 7, tr 60

(4) Hồ Chí Minh : *Sổ đ*, t 6, tr 114

đã chỉ rõ : "Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng ... Cán bộ và chiến sỹ thương yêu nhau như ruột thịt, chia sẻ ngọt bùi. Quân với dân như cá với nước, đoàn kết một lòng, học hỏi, giúp đỡ lẫn nhau" ⁽⁵⁾.

Ngày 26-5-1946, lần đầu tiên, Người đưa ra khẩu hiệu sáu chữ vàng "Trung với nước, hiếu với dân" và ghi trên lá cờ trao tặng Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn (trường đào tạo sĩ quan quân đội đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa) nhân dịp khai giảng khóa I.

Đối với cán bộ cao cấp trong quân đội, Người dạy : "Tướng là kẻ giúp nước. Tướng giỏi (đủ cả : trí, tín, nhân, dũng, liêm) thì nước mạnh. Tướng xoàng thì nước hèn... Biết sức ta, biết sức địch thì trăm trận đều thắng. Biết sức ta, mà không biết sức địch thì 1 thắng 1 bại. Không biết ta, không biết địch thì trận nào cũng thua" ⁽⁶⁾. Trong quân đội, nhiệm vụ của người tướng là phải : "trí, dũng, nhân, tín, liêm, trung ... Trung là trung thành tuyệt đối với Tổ quốc, với nhân dân, với cách mạng, với Đảng" ⁽⁷⁾.

Sáu chuẩn mực đạo đức đó, theo Người, mọi cán bộ quân sự đều phải có. Mỗi chuẩn mực ấy có nội dung riêng, nhưng tất cả đều liên hệ với nhau, trong đó chữ trung là nền tảng. "Trung với nước, hiếu với dân" đã tạo nên sức mạnh vô địch của quân đội ta, giúp quân đội ta vượt qua mọi khó khăn và đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược.

Đối với công an nhân dân, ngay trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, Hồ Chí Minh đã khẳng định rõ bản chất của công an nhân

dân : "Công an của ta là công an nhân dân, vì nhân dân mà phục vụ và dựa vào dân mà làm việc" ⁽⁸⁾. Để làm rõ bản chất của người công an nhân dân, Người phân biệt công an ta với công an đế quốc : "Công an nhân dân hoàn toàn khác công an đế quốc. Công an đế quốc là nanh vuốt của đế quốc để hà hiếp, áp bức đa số nhân dân... chúng nó là bọn đầu trâu mặt ngựa... Công an nhân dân phải thực sự phục vụ nhân dân". Và Người khẳng định : "Làm công tác chính quyền, ở công an hay ở quân đội, đều là làm đầy tớ cho nhân dân cả, vì chính quyền dân chủ, có nghĩa là chính quyền do người dân làm chủ". Muốn hoàn thành nhiệm vụ của mình, công an nhân dân "phải dựa vào dân, không được xa rời dân. Nếu không thế thì sẽ bị thất bại. Khi nhân dân giúp đỡ ta nhiều thì thành công nhiều, giúp đỡ ta ít thì thành công ít, giúp đỡ ta hoàn toàn thì thắng lợi hoàn toàn" ⁽⁹⁾. Người yêu cầu công an phải nắm vững đường lối, thấu suốt chính sách của Đảng và Chính phủ, tuyệt đối trung thành với Đảng.

Hồ Chí Minh còn nêu lên sáu điều đạo đức, tư cách mà người công an cách mạng cần phải có và phải giữ cho đúng. Đó là :

"Đối với tự mình, phải cần, kiệm, liêm, chính
Đối với đồng sự, phải thân ái, giúp đỡ
Đối với chính phủ, phải tuyệt đối trung thành
Đối với nhân dân, phải kính trọng lễ phép
Đối với công việc, phải tận tụy
Đối với địch, phải kiên quyết, khôn khéo" ⁽¹⁰⁾.

(5) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 11, tr 350

(6) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 3, tr 519

(7) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 479 - 480

(8) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 406

(9) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 6, tr 365 - 366

(10) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 406 - 407

Đối với thanh niên, Bác Hồ yêu cầu "Thanh niên phải luôn luôn rèn luyện đạo đức cách mạng... Trọn đời trung thành với sự nghiệp cách mạng, với Tổ quốc, với Đảng, với giai cấp" ⁽¹¹⁾. Trong thư gửi thanh niên ngày 2-9-1965, Người căn dặn thanh niên : "Phải luôn nâng cao chí khí cách mạng "trung với nước, hiếu với dân" nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng". Không sợ gian khổ, hy sinh, hăng hái thi đua tăng gia sản xuất và anh dũng chiến đấu, xung phong đi đầu trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước" ⁽¹²⁾.

Đối với các thầy, cô giáo, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn : "Thầy và trò phải luôn nêu cao tinh thần yêu Tổ quốc, yêu chủ nghĩa xã hội, tăng cường tình cảm cách mạng đối với công nông, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng, triệt để tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sẵn sàng nhận bất kỳ nhiệm vụ nào mà Đảng và nhân dân giao cho... Dù khó khăn gian khổ đến đâu cũng phải tiếp tục thi đua dạy tốt và học tốt" ⁽¹³⁾.

Đối với Đảng, Hồ Chí Minh cho rằng, để xứng đáng là người lãnh đạo, mỗi cán bộ, đảng viên phải thấm nhuần đạo đức cách mạng, nâng cao trình độ và năng lực để làm tròn nhiệm vụ. Một trong những lời dạy quan trọng mà Người nhắc đi nhắc lại nhiều lần, nhất là từ khi Đảng ta trở thành Đảng cầm quyền, đó là : "Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân".

Lãnh đạo nhân dân và làm người đầy tớ trung thành của nhân dân có mối quan hệ chặt chẽ với nhau trên cơ sở thống nhất để thực hiện được đường lối, nhiệm vụ của Đảng. Lãnh đạo tốt mới làm người đầy tớ tốt.

Bởi lẽ, có lãnh đạo tốt mới làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, giải phóng nhân dân, làm cho dân giàu, nước mạnh. Nhiệm vụ làm người đầy tớ trung thành của nhân dân thể hiện trước hết ở chính ngay trong nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng. Đó là mục tiêu phấn đấu của Đảng, trách nhiệm của Đảng đối với nhân dân, như Hồ Chí Minh đã từng nói : "Hễ còn một người Việt Nam bị bóc lột, bị nghèo nàn, thì Đảng vẫn đau thương cho đó là vì mình chưa làm tròn nhiệm vụ". Cho nên, Đảng vừa phải lo tính công việc lớn như phát triển kinh tế, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đồng thời lại phải luôn quan tâm đến đời sống hằng ngày của nhân dân.

Để xứng đáng là người đầy tớ trung thành của nhân dân, Đảng phải vạch ra đường lối chủ trương, chính sách đúng đắn, đem lại lợi ích cho nhân dân. Mọi tổ chức Đảng, lãnh đạo các cấp phải luôn quan tâm đến đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, từ những việc nhỏ đến việc lớn, phải luôn ghi nhớ lời căn dặn của Người : "Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi, nếu dân rét thì Đảng và Chính phủ có lỗi ; nếu dân dốt thì Đảng và chính phủ có lỗi" ⁽¹⁴⁾. Trong Di chúc, Người còn căn dặn Đảng ta "cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống nhân dân".

Thấm nhuần lời dạy của Người, trong giai đoạn cách mạng mới - đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, mỗi đảng viên và cán bộ thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch,

(11) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 10, tr 621

(12) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 11, tr 504 - 505

(13) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 12, tr 403

(14) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 7, tr 572

phải xứng đáng là người lãnh đạo, người đầy tớ trung thành của nhân dân.

Kinh nghiệm lịch sử của hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, cũng như kinh nghiệm đấu tranh giành lại và bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng Tổ quốc trong thời hiện đại đã khẳng định rằng đạo đức là một trong những nhân tố hàng đầu, có ý nghĩa sống còn đối với dân tộc Việt Nam chúng ta.

Để dựng nước và giữ nước trong điều kiện đất không rộng, người không đông, lại phải nhiều phen đấu tranh để lật đổ ách thống trị, có khi kéo dài cả ngàn năm, cũng như để đánh bại các cuộc xâm lược vũ trang, các âm mưu thôn tính, nô dịch của những kẻ thù lớn mạnh, giàu có hơn mình gấp bội, dân tộc ta phải thường xuyên phát huy đến tối đa các yếu tố tinh thần, chuyển hóa chúng thành sức mạnh vật chất để chiến thắng.

Đạo đức là một trong các yếu tố cơ bản tạo nên sức mạnh tinh thần của dân tộc ta. *Cốt lõi của đạo đức truyền thống là lòng trung thành với Tổ quốc và dân tộc.* Trong thời phong kiến, trung với nước thống nhất với trung với vua, tuy nhiên trung với vua là có điều kiện, điều kiện ấy là phải trung với nước. Tư tưởng đạo đức truyền thống của dân tộc ta đặt nước cao hơn vua, xoay quanh phạm trù "trung" với nội hàm như vậy và một loạt phạm trù khác thuộc hệ tư tưởng phong kiến. Các phạm trù đạo đức ấy được xác lập trên cơ sở chủ nghĩa yêu nước gắn bó chặt chẽ với lòng thương dân và lòng nhân ái truyền thống qua các cuộc đấu tranh, thành văn hay không thành văn, bác bỏ các quan điểm tư tưởng phản đạo đức của bọn xâm lược và của bè lũ bán nước. Ngày nay chúng ta cần phải kế thừa những tinh hoa tư tưởng đạo đức truyền thống của dân tộc

đồng thời hòa quyện với tư tưởng đạo đức của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức là nguồn sức mạnh tinh thần vĩ đại cho nhân dân ta làm nên cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công, kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ thắng lợi, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

Trong hơn mười lăm năm đổi mới, đường lối của Đảng đã đi vào cuộc sống, đất nước ta đã đạt được nhiều thành tựu kinh tế, đời sống nhân dân được cải thiện, đất nước đã thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Những thành tựu đạt được trong sự nghiệp đổi mới đã góp phần củng cố niềm tin của nhân dân về vai trò lãnh đạo của Đảng, uy tín của Đảng được nâng cao.

Tuy nhiên, những mặt trái của kinh tế thị trường cũng tạo ra cơ hội cho những hiện tượng tiêu cực nảy sinh. Đó là nạn tham nhũng, buôn lậu bất chấp đạo lý và pháp luật để làm giàu bất chính. Sự biến chất của một số cán bộ, đảng viên đang làm giảm sút uy tín của Đảng, của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu trong nhân dân. Kinh tế thị trường kích thích chủ nghĩa cá nhân phát triển, không ít người vì lợi, quên nghĩa, coi đồng tiền là trên hết. Chủ nghĩa cá nhân thời kinh tế thị trường nối tiếp những biểu hiện xấu xa của chủ nghĩa cá nhân thời bao cấp cũ, gây nên tác hại to lớn và nghiêm trọng, nhất là nạn tham nhũng. Tham nhũng và tệ quan liêu đã trở thành một trong bốn nguy cơ của đất nước, là môi trường tốt cho các thế lực thù địch thực hiện "âm mưu diễn biến hòa bình".

Ngày nay, trên đất nước ta vẫn còn diễn ra cuộc đấu tranh giữa cái tiến bộ và cái lạc hậu ; giữa cái thiện và cái ác ; giữa cái hợp

pháp và cái phạm pháp ; giữa lối sống có lý tưởng, lành mạnh, trung thực, thủy chung với lối sống thực dụng, dối trá ích kỷ, ăn bám, chạy theo đồng tiền... Trong cuộc đấu tranh đó, đòi hỏi phải có đạo đức cách mạng mới thắng được.

Mục tiêu của sự nghiệp cách mạng, của công cuộc đổi mới mà Đảng ta đề ra là "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Mục tiêu đó nằm trong lý tưởng cách mạng, lý tưởng đạo đức của Hồ Chí Minh, trong khẩu hiệu : "Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh" mà Người đã nêu lên, trong niềm tin của Người là thắng giặc Mỹ ta sẽ xây dựng lại đất nước ta "đàng hoàng hơn, to đẹp hơn".

Trước đây, trong thời kỳ cả nước làm cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, giải phóng đất nước, cán bộ đảng viên và nhân dân ta phải thực hiện đạo đức cách mạng *Trung với nước, hiếu với dân*, cần kiệm liêm chính ... thì ngày nay vẫn cần, thậm chí càng phải thực hiện đạo đức cách mạng đó. Bởi lẽ ngày nay, kẻ thù của nhân dân ta đang tìm mọi cách để lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, biến nước ta thành một nước theo chế độ tư bản chủ nghĩa bằng cách thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình" rất tinh vi và nguy hiểm. Hơn bao giờ hết, cán bộ, đảng viên lại càng phải "Trung với nước, hiếu với dân", "Cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư"..., ra sức thực hiện "chống tham ô, chống lãng phí, chống quan liêu". Chúng ta phải thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Di chúc của Người "chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng" cho tất cả cán bộ, đảng viên, nhân dân, trong đó đặc biệt chú trọng đến thanh niên, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa "hồng" vừa "chuyên". □

THẤY GÌ VỀ CÔNG TÁC...

(Tiếp theo trang 12)

nhANH chóng. Rất đáng chê trách là, những cán bộ liên quan đến vụ án Năm Cam được đề bạt và sinh hoạt tại các chi bộ được công nhận là chi bộ tốt và đảng bộ trong sạch, vững mạnh. Đảng bộ các cấp cần phải xem xét, đánh giá lại các tiêu chí công nhận tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh và kiểm tra lại sau khi công nhận. Do quan liêu, không nắm sát diễn biến tư tưởng và hành động của cán bộ có chức, quyền, nên không kịp thời ngăn ngừa những sai phạm, có nhiều trường hợp cán bộ phạm tội trong một thời gian dài, đến khi sa lưới pháp luật thì cơ quan quản lý cán bộ mới biết.

Hiện nay, các cấp ủy đảng, các ngành đang tiến hành tổng kết công tác tổ chức cán bộ theo các nghị quyết của Đảng, nên lấy bài học về công tác cán bộ và quản lý cán bộ qua vụ án Năm Cam làm bài học kinh nghiệm trong xây dựng Đảng, để xây dựng một quy trình đào tạo, giáo dục và quản lý cán bộ chặt chẽ tại các cơ quan của Đảng và cơ quan các cấp của Nhà nước, nhằm bảo đảm thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng. Công tác cán bộ và quản lý cán bộ không chỉ là nhiệm vụ của riêng cơ quan chức năng làm công tác tổ chức, quản lý cán bộ mà là trách nhiệm lớn của thủ trưởng các ngành, cơ quan, đơn vị và tổ chức đảng. Thiết nghĩ, các ngành và các cơ quan nói trên, phải rút ra bài học kinh nghiệm lớn về công tác cán bộ và quản lý cán bộ trước Đảng và nhân dân. □

1. Tình hình

Trong những năm qua, thực hiện đường lối đổi mới, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế, chúng ta đã đẩy mạnh hoạt động chính trị đối ngoại đồng thời với hoạt động kinh tế đối ngoại, kết hợp hai loại hình này với nhau vì mục tiêu phát triển và bảo vệ đất nước. Những hoạt động chính trị đối ngoại

chủ yếu ở việc chưa gắn kết thường xuyên và chặt chẽ hai loại hình hoạt động này với nhau, chưa chú ý thích đáng tới tính hiệu quả, thiết thực của hoạt động chính trị đối ngoại trong việc thực hiện mục tiêu phục vụ kinh tế, và chưa đáp ứng kịp thời những đòi hỏi ngày càng cao của thực tiễn hoạt động kinh tế đối ngoại.

Phối hợp các hoạt động chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại

CHU TUẤN CẤP*

song phương và đa phương được triển khai rộng khắp đã củng cố và mở rộng quan hệ của nước ta với hầu hết các nước và tổ chức quốc tế, mở đường và tạo điều kiện phát triển quan hệ kinh tế quốc tế của ta. Sự phối hợp giữa các hoạt động chính trị đối ngoại với các hoạt động kinh tế đối ngoại của các ngành, các cấp trong thời gian qua, trong đó đáng chú ý là những nỗ lực thúc đẩy các hoạt động ngoại giao phục vụ kinh tế với nhiều hình thức phong phú và ngày càng có hiệu quả thiết thực hơn, đã góp phần tích cực vào những thành tựu lớn lao chung của đất nước trong hơn 15 năm đổi mới.

Tuy nhiên, cũng phải thẳng thắn nhìn nhận rằng, bên cạnh những tiến bộ đáng khích lệ đã đạt được, công tác phối hợp giữa chính trị đối ngoại với kinh tế đối ngoại của chúng ta cũng còn những hạn chế, thể hiện

Những nguyên nhân chủ yếu của tình hình trên là :

Thứ nhất, chủ trương phối hợp chính trị đối ngoại với kinh tế đối ngoại chưa được quán triệt một cách đầy đủ ở mọi ngành, mọi cấp.

Thứ hai, chúng ta chưa có kế hoạch cụ thể và toàn diện để triển khai chủ trương này. Đường lối của Đảng là rõ, nhưng còn thiếu sự quản lý thống nhất chặt chẽ và sự phối

hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể và doanh nghiệp.

Thứ ba, đội ngũ cán bộ của ta còn hạn chế về năng lực thực hiện, đặc biệt là tính chủ động, nhanh nhạy, bên cạnh đó còn nhiều hạn chế về trình độ chuyên môn và ngoại ngữ.

Thứ tư, nguồn lực dành cho việc thực hiện nhiệm vụ này cũng còn rất hạn chế.

Trong giai đoạn mới hiện nay, sự phát triển của xu thế toàn cầu hóa và kinh tế tri thức đặt chúng ta trước nhiều cơ hội lớn và cả những thách thức lớn. Để phát triển trong bối cảnh đó, chủ trương chủ động hội nhập kinh tế quốc tế như đã được Đại hội IX của Đảng khẳng định và được Bộ Chính trị cụ thể hóa trong Nghị quyết số 07-NQ/TW là hết sức kịp thời, đúng đắn và sáng suốt. Việc thực hiện

* Thứ trưởng Bộ Ngoại giao

chủ trương và những nhiệm vụ quan trọng đã được đề ra trong Nghị quyết đòi hỏi chúng ta phải đồng thời triển khai hàng loạt nỗ lực mới, trong đó phải tăng cường và làm tốt hơn việc phối hợp các hoạt động chính trị đối ngoại với kinh tế đối ngoại.

2. Chủ trương

Tăng cường phối hợp và bổ trợ lẫn nhau giữa các hoạt động chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại, đặc biệt đẩy mạnh công tác ngoại giao phục vụ kinh tế nhằm vừa mở rộng và củng cố quan hệ chính trị vừa tăng cường quan hệ kinh tế giữa nước ta với các nước và tổ chức quốc tế, phục vụ đắc lực sự nghiệp phát triển và bảo vệ đất nước là yêu cầu đặc biệt quan trọng trong hoạt động đối ngoại của các cơ quan Đảng và Nhà nước ta từ trung ương tới địa phương. Việc thực hiện chủ trương trên đòi hỏi phải tuân thủ các yêu cầu có tính nguyên tắc sau :

- Các hoạt động chính trị đối ngoại bảo đảm làm tốt vai trò khai phá mở đường, tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi và các khuôn khổ pháp lý quốc tế cần thiết cho việc phát triển các quan hệ kinh tế giữa nước ta với các nước và các tổ chức quốc tế, hỗ trợ đắc lực các quá trình đàm phán kinh tế - thương mại quốc tế và việc thực hiện các cam kết quốc tế của ta.

- Các hoạt động chính trị đối ngoại do các cơ quan của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể ở các cấp khác nhau tiến hành cần bảo đảm sự hài hòa giữa mục tiêu chính trị và mục tiêu kinh tế và hướng vào mục tiêu phục vụ kinh tế, trước hết là góp phần mở rộng và tăng xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ, lao động, thu hút ngày càng nhiều FDI, ODA, công nghệ và chất xám cho đất nước ; giảm bớt những hoạt động mang tính xã giao hình thức không đưa lại lợi ích thiết thực.

- Đối sách ngoại giao của ta cần hết sức uyển chuyển, vừa giữ nguyên tắc vừa linh hoạt, tranh thủ các đối tượng khác nhau vì lợi ích của sự nghiệp phát triển đất nước, không ngừng tăng cường quan hệ nhiều mặt, đặc biệt là các quan hệ kinh tế, chính trị ; bảo đảm sự thống nhất đồng bộ và tính bổ trợ lẫn nhau giữa các chính sách chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại cũng như giữa các hoạt động cụ thể trong hai lĩnh vực trên.

- Đẩy mạnh hoạt động ngoại giao phục vụ kinh tế của các cơ quan tham gia hoạt động đối ngoại ở trong cũng như ngoài nước. Các cơ quan đại diện của ta ở nước ngoài cần thường xuyên coi nhiệm vụ phục vụ xây dựng và phát triển kinh tế của đất nước là một nhiệm vụ hàng đầu.

3. Nhiệm vụ

Để thực hiện tốt chủ trương phối hợp các hoạt động chính trị đối ngoại với kinh tế đối ngoại, trong thời gian tới, xin kiến nghị tám công việc chính sau :

Một là, rà soát lại chính sách và các biện pháp về quan hệ hiện nay của ta đối với các nước và các tổ chức quốc tế để có những điều chỉnh thích hợp với tình hình mới. Cụ thể, có ba vấn đề cần phải làm tới đây là :

- Có kế hoạch củng cố, tăng cường quan hệ giữa ta với các đối tượng khác nhau.

- Nghiên cứu và thúc đẩy việc ký kết một số hiệp định quốc tế song phương và đa phương mới, nhằm bổ sung và củng cố khuôn khổ pháp lý cho các quan hệ kinh tế quốc tế của ta ; nghiên cứu khả năng và xúc tiến đàm phán các hiệp định mậu dịch tự do với một số nước có quan hệ quan trọng với nước ta.

- Tích cực tháo gỡ, khai thông các vướng mắc đang cản trở quan hệ kinh tế giữa nước ta với các nước và tổ chức quốc tế.

Hai là, tăng cường sự có mặt và hoạt động của chúng ta tại các nước và các tổ chức quốc tế nhằm nâng cao vai trò, vị trí của Việt Nam, tạo điều kiện mở rộng và thúc đẩy các quan hệ kinh tế và hợp tác chuyên ngành giữa nước ta với các nước và các tổ chức quốc tế, doanh nghiệp nước ngoài và kiều bào Việt Nam ở nước ngoài. Cụ thể, có ba vấn đề quan trọng là :

- Củng cố, tăng cường các cơ quan đại diện cũng như các trung tâm xúc tiến thương mại, đầu tư, du lịch... của ta ở nước ngoài nhằm nâng cao khả năng và hiệu quả hoạt động phục vụ kinh tế của các cơ quan này. Ngoài ra, trên cơ sở cân nhắc sự cần thiết và tính hiệu quả, xem xét mở thêm một số cơ quan tại các địa bàn mà chúng ta chưa có hoặc còn quá ít, như khu vực châu Phi, một số nước thuộc Liên Xô trước đây, khu vực Mỹ La-tinh...

- Tăng cường hoạt động và tính chủ động của ta tại các diễn đàn quốc tế thông qua việc tích cực tham gia vào các hoạt động có liên quan thiết thực đến lợi ích của nước ta, chủ động đưa ra sáng kiến, tranh thủ các dự án hợp tác và hỗ trợ kỹ thuật ; đẩy mạnh việc đào tạo và đưa người của ta vào làm việc tại các tổ chức quốc tế ; sẵn sàng đăng cai các hội nghị, hội thảo quốc tế, chuẩn bị đăng cai các Hội nghị cấp cao ASEM 2004 và APEC 2006, qua đó tăng cường uy tín và vị thế của Việt Nam. Cần sớm có kế hoạch chuẩn bị tốt các hoạt động này, kết hợp hài hòa mục tiêu chính trị với mục tiêu kinh tế.

- Cải tiến thủ tục xuất nhập cảnh ; đàm phán tạo thuận lợi cho doanh nghiệp nhập cảnh các nước.

Ba là, tăng cường vận động các nước và các tổ chức quốc tế ủng hộ và hỗ trợ quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Tích

cực và chủ động tiến hành đàm phán gia nhập WTO theo các phương án và lộ trình phù hợp với hoàn cảnh đất nước, tranh thủ sự ủng hộ quốc tế đối với quá trình này.

Bốn là, tích cực hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh tế đối ngoại của các tổ chức và doanh nghiệp.

Năm là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền đối ngoại gắn với mục tiêu phát triển kinh tế đối ngoại ; quan tâm vận động Việt kiều tham gia các hoạt động xúc tiến xuất khẩu hàng hóa Việt Nam, đóng góp chất xám và đầu tư vào Việt Nam.

Sáu là, tăng cường quản lý thống nhất đối ngoại, trong đó trọng tâm là thống nhất quản lý kinh tế đối ngoại.

Bảy là, tích cực đào tạo toàn diện và ngang tầm nhiệm vụ đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại từ trung ương tới địa phương.

Tám là, tăng cường nguồn lực cho công tác ngoại giao phục vụ kinh tế.

Chúng ta tin tưởng vững chắc rằng, dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, sự nghiệp cách mạng Việt Nam, công cuộc đổi mới của đất nước ta sẽ tiếp tục vượt qua mọi khó khăn, thách thức đi tới thành công. Đất nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa tiến mạnh trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa sẽ có uy tín và địa vị ngày càng cao trên thế giới, là bạn và đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế.

Sự phối hợp chặt chẽ và hài hòa giữa chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại sẽ góp phần tích cực vào việc thực hiện đường lối phát triển kinh tế trong thời kỳ mới là "phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững". □

Tản mạn về LỜI NÓI

LÊ XUÂN VŨ*

CHỦ tịch Hồ Chí Minh nói : "Tiếng nói là thứ của cải vô cùng lâu đời và quý báu của dân tộc. Chúng ta phải giữ gìn, quý trọng nó, làm cho nó phổ biến ngày càng rộng khắp". Người lại dạy : "Nói cũng phải học, mà phải chịu khó học mới được". Càng suy ngẫm lời Người càng thấm thía và tâm đắc.

*
* *

Lời nói là âm thanh mang ý nghĩa nhất định, là công cụ để con người giao lưu tư tưởng, tình cảm nhằm hiểu biết lẫn nhau. Muôn vật sống đều cần trao đổi thông tin, có loài bằng sóng điện từ, có loài bằng âm thanh, bằng tiếng kêu tiếng hót. Các nhà khoa học đang tìm cách nghe hiểu "tiếng nói" của một số loài vật. Nhưng chắc chắn không loài nào có được lời nói như con người, chỉ có con người mới có gene ngôn ngữ (FOXP2), vừa được phát hiện. Cho nên, khen một con vật nào hết sức thông minh tài giỏi, người ta bảo : "Nó chỉ còn thiếu có lời nói".

Bắt nguồn từ nhu cầu giao lưu tư tưởng trong quá trình lao động tập thể của loài

người, lời nói không thuộc thượng tầng kiến trúc cũng chẳng thuộc hạ tầng cơ sở nhưng trực tiếp gắn liền với tư duy. Bằng từ và câu, dưới dạng các tổ hợp âm thanh và hình tượng, nó ghi lại, củng cố kết quả hoạt động tư duy và nhận thức của con người. Nó phát triển theo sự phát triển của xã hội nên ngày càng phong phú và tinh tế, song nhìn chung nó phát triển rất chậm, nhất là cấu tạo ngữ pháp và từ vựng cơ bản. Nó được ghi lại bằng ký hiệu - chữ viết, được lưu giữ trên những trang sách ; ngày nay, băng nhựa, đĩa CD lưu giữ được cả thanh âm, thanh điệu, ngữ khí, và điện ảnh ghi được cả hình và tiếng của người đang nói, cứ như thật.

Lời nói là một trong những công cụ đầu tiên, quan trọng nhất và phổ biến nhất trong đời sống xã hội. Lời nói là báu vật trời cho con người, chia đều cho mỗi dân tộc nên cũng là của quý đặc trưng của mỗi dân tộc.

Không thể tưởng tượng nổi một dân tộc không có tiếng nói theo nghĩa đen. Theo nghĩa bóng thì có. Thời nước nhà còn nô lệ thì Việt Nam ta làm gì có tiếng nói của riêng mình ? Nửa đầu thế kỷ XX, văn hào Lỗ Tấn của Trung Quốc cho đăng một bài dài "*Trung Quốc không có tiếng nói*" (*Trung Quốc vô thanh*), trong đó có những tiếng kêu giục giã thấm đầy máu và nước mắt nhắc đến cả Việt Nam : "Chúng ta thử nghĩ xem, hiện nay những dân tộc không có tiếng nói là những dân tộc nào ? Chúng ta có nghe tiếng nói của người Ai Cập không ? Có nghe tiếng nói của người An Nam, người Triều Tiên không ?...".

* PGS Triết học

Tiếng nói của một dân tộc cần phải vang xa ra ngoài bờ cõi, trên trường quốc tế, minh chứng sự tồn tại tôn nghiêm, sự phát triển thịnh vượng của dân tộc đó. Câu nói "Tiếng ta còn, nước ta còn" có cái lý danh thép, sâu xa của nó, nếu như người nói câu đó không nhằm đánh lạc hướng người Việt Nam thời bấy giờ, muốn họ chỉ chú tâm vào câu chữ văn chương mà sao nhãng việc cấp bách là cứu nước. Người dân tộc này muốn hiểu người dân tộc khác phải qua thông ngôn phiên dịch, nhưng dù giỏi đến đâu cũng không thể dịch đủ 100% tiếng một dân tộc này sang tiếng một dân tộc khác. Kiêu bào ta sinh sống ở nước ngoài đã mấy đời vẫn khát khao nghe tiếng mẹ đẻ, tổ chức và khuyến khích con cháu học nói tiếng Việt Nam quê cha đất tổ.

Mỗi dân tộc có tiếng nói của mình, mỗi con người cũng vậy.

Lột lòng ra mới chỉ biết khóc, sau đó biết cười. Rồi bập bẹ tiếng "mẹ", tiếng "bà". Trẻ lên ba bi ba bi bô, bắt đầu phát biểu ý kiến của mình bằng lời nói.

Một lời đã trót nói ra, dù là với con trẻ thơ ngây, cũng phải giữ. Đừng khinh trẻ thơ không biết. "Cha mẹ làm gì, chúng thường bắt chước cả đấy, nay mình nói dối nó chẳng là dạy nó nói dối ư?".

Trai gái yêu nhau, lời thề vàng đá. Bạ bè, đồng chí "đình ninh hai mặt một lời đình ninh" vững hơn cả giao ước. Có lời thề giữa hai người. Có lời thề trước tập thể, trước tổ chức, trước nhân dân. Có lời thề danh dự, có lời thề "Cảm tử cho Tổ quốc quyết sinh!".

Lời trắng trối là thiêng liêng. Con chim trước khi chết hót tiếng hót hay, con người trước khi chết nói lời nói thật.

Dám nói thật, nói thẳng rất đáng quý, dù "nói thật mất lòng", có khi rước vạ vào thân. Được nhà vua cho biết có kẻ phê bình mình độc đoán chuyên quyền, Trần Thủ Độ lại khen và ban thưởng cho người ấy bởi ông toàn tâm toàn ý vì cơ nghiệp nhà Trần mới dựng : "Trăm người lúc nào cũng chỉ biết vâng dạ không quý bằng một người dám nói thẳng nói thật", rồi ông nghiêm khắc tự sửa mình.

Lời nói dối là đáng khinh đáng ghét, nhất là nói dối trắng trợn, "ba voi không được bát nước xáo", hứa hão, nuốt lời. "Nói dối hay cùng".

Dư luận xã hội có sức mạnh ghê gớm. "Tai vách mạch rừng", lời nói như có cánh bay, "tiếng lành đồn xa, tiếng dữ đồn xa", ai bịt nổi miệng thiên hạ và "chúng khẩu đồng từ, ông sư cũng chết" ! Một việc đúng được dư luận đồng tình, ủng hộ đã đành ; một việc sai dù vô lý đến đâu cứ một đồn mười, mười đồn trăm loang ra thì rồi ai nấy đều tin hoặc ít nhất cũng nửa tin nửa ngờ. Kẻ xấu chỉ chờ có thế. Cho nên có dư luận đúng, có dư luận sai. Dư luận cần được nghiên cứu, xác minh.

Có lời nói của một người trở thành của mọi người, thành ca dao phổ biến trong dân gian như hai câu "Tháp Mười đẹp nhất bông sen. Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ" của nhà thơ Bảo Định Giang, bởi đó là tâm tư tình cảm chung của mọi người Việt Nam.

Lời nói sai phạm bị cấm đoán, trừng phạt là lẽ đương nhiên. Song, có khi phải đấu tranh đòi quyền nói, đòi tự do ngôn luận. Kẻ thù bịt miệng dân chúng nhưng "sự thật cứng đầu", chân lý đâu có chôn xuống đất vẫn cất lên tiếng nói, như tục ngữ "hổ chết để da, người ta chết để tiếng". Tờ truyền đơn in thạch, in đá chỉ nhỏ bằng bàn tay kêu gọi

đánh Pháp đuổi Nhật, lời tuyên truyền rĩ tai từng người một, cuộc diễn thuyết chớp nhoáng giữa chợ, giữa làng góp công đầu gây dựng, kích động, mà thổi bùng lên cả một phong trào yêu nước và cách mạng rộng lớn.

Có những lời nói mãi mãi rực rỡ chủ nghĩa yêu nước và khí phách anh hùng như lời Trần Bình Trọng năm 1285 thét vào mặt quân giặc dụ dỗ đầu hàng : Ta thà làm ma nước Nam, chứ không thèm làm vương đất Bắc ! ; của Nguyễn Văn Trỗi trước họng súng Mỹ - Khánh. Có những lời nói như sấm truyền. Có những lời nói động viên cả dân tộc làm nên lịch sử, như lời Bác Hồ nói với đồng chí Võ Nguyên Giáp ở Tân Trào, vào lúc Người đang ốm nặng, sốt li bì : "Lúc này, dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải giành cho được Độc lập !" ; như những lời thơ chúc Tết của Người, tựa "lời non nước, tiếng ngày xưa và tiếng cả mai sau". Có những lời nói cảnh tỉnh thế giới như lời Phu-xích trước giá treo cổ : "Hỡi con người ta yêu dấu, hãy cảnh giác !...". Có những lời nói trở thành danh ngôn, châm ngôn cho nhân loại đời đời.

Tầm quan trọng và tác dụng của lời nói thật vô cùng.

Nhưng lời nói không chỉ ở miệng lưỡi. "Ngôn vi tâm thanh", tức lời nói cũng là tiếng lòng, tuy chưa đến mức như âm nhạc. Âm nhạc tự lòng người mà sinh ra, "âm tuy thành ở ngoài miệng, mà thực phát ra tự trong lòng", như người xưa nhận xét. Lời nói có khi khác với cảm nghĩ thực trong lòng nhưng nói chung lời nói cũng vẫn là từ lòng người, biểu lộ tư tưởng, tâm trạng, tính cách, phẩm hạnh con người, chỉ khi ra đến cửa miệng mới chọn hình thức biểu đạt, âm vực cao thấp mà thôi.

Một câu cách ngôn từ miệng cậu học sinh trung học măng sữa không có sức nặng như từ miệng một cụ già từng trải. Nhà văn Lê Minh kể : Trước Cách mạng Tháng Tám 1945, Tổng Bí thư Trường Chinh đã bị thực dân Pháp kết án tử hình vắng mặt và bắt hụt mấy lần nhưng đồng chí vẫn ở Hà Nội. Có đề nghị Tổng Bí thư nên lánh đi, đồng chí bảo : "... Tôi phải ở dưới xuôi để bám sát nhân dân, bắt mạch phong trào. Hãy cứ bám chắc vào nhân dân, vào các cơ sở là an toàn. Rừng cây chưa chắc đã kín đáo bằng rừng người. Núi đá chưa chắc đã vững chắc bằng núi người". Câu nói chỉ để trả lời một đề nghị nhưng thể hiện rõ tinh thần trách nhiệm lớn lao trước Đảng và dân tộc, sự đánh giá rất cao vai trò của quần chúng nhân dân trong cách mạng. Nhờ vậy, các Hội nghị Trung ương vẫn tiến hành, bị địch đánh hơi, lúng lúng thì chuyển từ nơi này sang nơi khác để ngay sau khi Nhật đảo chính hất đổ thực dân Pháp, Đảng kịp thời có chỉ thị : "Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" làm cảm nang trong cao trào tiền khởi nghĩa và Tổng khởi nghĩa toàn quốc. Đâu phải ai cũng trả lời được như đồng chí Trường Chinh, đâu biết câu "chúng tôi thành thành", bởi câu trả lời đó là cả một tấm lòng, từ một nhân cách lớn.

Người Việt Nam ta gắn "ăn" với "làm", "ăn" với "ở", "ăn" với "học" và nhất là gắn "ăn" với "nói" : "lời ăn tiếng nói", "ăn nói dịu dàng", "ăn nói mặn mà", "ăn nói đơn sai", "ăn nói lèm bèm", "ăn mặn nói ngay hơn ăn chay nói dối"... Đó phải chăng vì "ăn" sống người là quan trọng hàng đầu, thứ đến là "nói", hay "ăn" và "nói" đều quan trọng như nhau, thậm chí "lời chào cao hơn mâm cỗ" ?

Vậy, trong giao tiếp xã hội, muôn vàn lần chớ nên coi thường việc phát ra lời nói, chớ làm tưởng *nói được* đã là *biết nói* !

*

* *

Lòng người là lĩnh vực phức tạp nhất vậy mà lời nói hay thấu lý đạt tình có sức mạnh chinh phục lòng người. Nhân tài chưa chắc đã có tài ăn nói nhưng có tài ăn nói có thể coi là nhân tài.

Ai cũng biết nói, theo nghĩa là nói được bằng lời, (trừ một số rất cá biệt phải nói bằng cử chỉ) nhưng không phải ai cũng "biết nói nên lời" để thành công trong giao tiếp bằng lời nói.

Cho nên, biết nói rồi, nói sõi rồi, nói được thành câu thành chuyện rồi vẫn phải tiếp tục học nói, học giao tiếp bằng lời nói. Người Việt Nam ta từ xưa đã rất coi trọng lời nói, tự hào xưng tụng những người có tài "khôn ngoan đối đáp người ngoài" ; cha mẹ dạy con gái không chỉ "tam tông" mà cả "tứ đức" : công, dung, ngôn, hạnh ; trai gái yêu nhau thì "*một thương tóc bỏ đuôi gà, hai thương ăn nói mặn mà có duyên...*". "Học ăn, học nói, học gói, học mở", "lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau" v.v.. là lời răn dạy của cha ông. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở cán bộ : "*Nói cũng phải học, mà phải chịu khó học mới được*", "*Ai cũng phải học nói, nhất là học nói cho quần chúng hiểu*". Nhà ngôn ngữ học Nguyễn Tài Cẩn khuyến khích sinh viên ngành ngữ học : "Đất nước vừa ra khỏi chiến tranh, hạt muối giọt dầu còn phải xếp hàng cả ngày, song không vì khó vì nghèo mà coi nhẹ việc học nói".

Vậy chớ nên coi thường việc "uốn lưỡi" trước khi nói.

Người Pháp nhắc "Uốn lưỡi bảy lần trước khi nói", gần giống như chúng ta bảo nhau "ăn phải nhai, nói phải nghĩ".

Không Tử trả lời học trò là Nhan Uyên : "... Chơi với mọi người mà muốn suốt đời không lo sợ, thế là biết chọn lời rồi mới nói".

Thời Cổ Hy Lạp đã có chuyện ngụ ngôn về cái lưỡi : Ê-dốp thời trẻ làm đầy tớ nhà quý tộc. Một hôm có khách, chủ sai ra chợ mua thứ gì ngon nhất về nhắm rượu. Ê-dốp mua về rất nhiều lưỡi các loài động vật, bày tiệc toàn lưỡi. Chủ thất kinh, hỏi : "Gì thế này" ? Ê-dốp đáp : "Ngài dặn mua đồ nhắm ngon nhất, lưỡi là cửa ngõ dẫn đến mọi học vấn, đối với các nhà triết học khách quý hôm nay chẳng phải là món đưa cay ngon nhất đó sao ?". Khách nghe, đều cười tán thưởng. Hôm sau, chủ dọn tiệc rượu chiều nay phải chọn cái gì dở nhất làm đồ nhắm. Ê-dốp vẫn dọn lên toàn lưỡi. Chủ nổi trận lôi đình, Ê-dốp thủng thẳng đáp : "Mọi xấu xa tai vạ chẳng từ miệng lưỡi mà ra sao ? Lưỡi là cái ngon nhất, quý nhất cũng là cái dở nhất, xấu nhất".

Biết nói cho chuẩn xác, hấp dẫn, thấm thía, khiến người nghe chịu lời, thậm chí thích thú, đạt được mục đích mong muốn, hoặc cao hơn nữa, ứng khẩu đối đáp nhạy bén và sắc sảo, dí dỏm, hóm hỉnh, hài hước trong giao tiếp khiến mọi người vui lòng, tán phục, đó phải nói là một năng lực, một tài năng. Hơn nữa, đó là một trong những năng lực, tài năng cơ bản nhất - năng lực, tài năng thực dụng hàng đầu.

Nếu ngôn ngữ là vỏ ngoài của tư duy thì vỏ ngoài chẳng những cũng có thật, giả, đẹp, xấu, mà còn có hình dáng, kiểu cách, kích thước, màu sắc, âm thanh khác nhau, hợp mốt, lỗi thời, v.v. ; mà quan trọng nhất là, nó chuyên chở, đưa lọt, "rót" tư duy vào tâm

khám người nghe. Vì vậy mà từ xa xưa đã có bao gương sáng và kiến giải sâu sắc về việc học nói, luyện nói, tập biện luận, tập diễn thuyết, tập hùng biện. Đã có cả trường dạy hùng biện.

Có điều, khoa nói, tài ăn nói mà chúng ta cần rèn luyện không phải là tài bẻm mép một tác đến trời, việc làm không đi đôi với lời nói, làm ít nói nhiều, chỉ nói mà không làm, nói một đằng làm một nẻo, "dầu dài mồm ba thước mà nói cũng không thể tự biện giải được" nếu không có tấm lòng và sự thực chứng minh, như lời Nguyễn Trãi chỉ trích Vương Thông (Thư gửi Vương Thông, số 26, *Quân trung từ mệnh tập*).

Giao tiếp xã hội của loài người thực tế là sự mài dũa, rèn luyện trong cuộc sống. Trong giao tiếp xã hội, người thì già dặn, trải đời, đứng đắn, chân thành ; kẻ thì hời hợt, lạnh lùng, giả hoạt, "khẩu Phật tâm xà". Những điều đó thường bộc lộ ra qua lời ăn tiếng nói và cử chỉ, khó mà giấu kín mãi được. Người khéo mồm dẻo miệng, lời nói lọt tai, hớp hồn người khác, "khôn ngoan rất mực, nói năng phải lời", được lòng lãnh đạo và bạn bè. Kẻ bẻm mép, ba hoa một tác đến trời, "ngôn quá kỳ thực" nhiều khi quá trớn lời, "họa tòng ngôn xuất". Lại có người học vấn cao sâu nhưng ăn nói không hoạt bát nên thuyết trình buồn tẻ, thậm chí lúng ta lúng túng, khiến người nghe chán ngán. Và cũng không ít thanh niên có bằng cấp, có tay nghề, có sức khỏe, mỗi gổ đi tìm việc nhưng trượt ngay từ cuộc phỏng vấn đầu tiên ở một hãng lớn...

Nếu mắt là cửa sổ của tâm hồn thì lưỡi là cửa lớn, nhưng có người biết nói chuyện và rất thích nói ; có người chỉ thích nghe người khác nói ; lại có người không thích nói cũng

chẳng thích nghe người khác nói, trong xã giao lấy kiêu lời làm thượng sách. Đó là chưa kể đến những kẻ chủ tâm "ngậm miệng ăn tiền"...

Lời nói trước hết phải có nội dung, mỗi câu, chữ phải có một ý nghĩa, một mục đích, không rỗng tuếch. Trong trường hợp anh phải nói từ đầu đến cuối cũng chớ thao thao ham nói cho xong bài, mà phải chú ý đến cử tọa, đến toàn cục, đến hứng thú của người nghe, luôn luôn nghĩ đến người nghe, thỉnh thoảng nêu lên vài câu hỏi đáp thăm dò xem thính giả có hứng thú nghe mình không. Đến như lãnh tụ Hồ Chí Minh trong buổi lễ long trọng ở Ba Đình đọc *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đông đảo quần chúng hân hoan chào đón, nuốt lấy từng lời đang vang lên như lời non nước, mà Người cũng dừng lại giây lát, hỏi "Tôi nói đồng bào nghe có rõ không ?"...

Người lợi khẩu có tài ăn nói thường được mến mộ, luôn có thêm bạn bè mới, cuộc sống dường như ngày càng mở rộng ra trước mắt, phấn khởi, tươi vui. Người cạy mồm mới bật ra được một tiếng, suốt ngày trầm lặng như cái bóng đôi khi được coi hoặc tự coi mình là "hiền lành", "chân chỉ hạt bột" thật không hợp với xã hội sôi động ngày nay. Cho nên, *ai cũng phải học nói trong giao tiếp, kể từ nói cho đúng tiếng Việt, luyện giọng nói sao cho dễ nghe dễ hiểu ; học nói chỉ những gì cần thiết và thích hợp với từng người, từng nơi, từng lúc ; học nói ngắn gọn mà đầy đủ, hấp dẫn, bảo đảm mục tiêu, trọng tâm và thời lượng giao tiếp ; học hỏi đáp khôn ngoan ; học nói cho có lý có tình, tránh lặp lại mình và tránh khuôn sáo... Và, nhiều lúc phải học cả im lặng, bởi vì im lặng khi cần thiết cũng là một cách nói.* □



CHUYỂN ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG Ở THỪA THIÊN - HUẾ

HỒ XUÂN MÃN *

LÀ một trong những tỉnh thuộc vùng kinh tế động lực của miền Trung Việt Nam, Thừa Thiên - Huế có vị trí quan trọng nối liền hai đầu đất nước, là cửa ngõ của tuyến hành lang Đông - Tây. Ở đây có nhiều tiềm năng về rừng, biển, đầm phá, khoáng sản, văn hóa, du lịch..., đặc biệt quần thể di tích Cố đô Huế là di sản văn hóa nhân loại được UNESCO công nhận đầu tiên ở Việt Nam.

Những năm qua, nhờ xác định đúng cơ cấu kinh tế và được Trung ương quan tâm chỉ đạo, Đảng bộ và nhân dân Thừa Thiên - Huế đã đoàn kết một lòng, phấn đấu vượt qua nhiều khó khăn, nhất là sau trận lũ lịch sử cuối năm 1999, đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

Tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) giữ được tốc độ tăng trưởng khá cao : năm 2000 đạt 11,2%, năm 2001 đạt 9,0 % ; sáu tháng đầu năm 2002 đạt 8,5%, tăng nhanh hơn 2,4% so với sáu tháng đầu năm 2001. Nếu không có biến động bất thường thì mục tiêu tăng trưởng GDP đạt từ 9 - 10% của năm 2002 là hiện thực. Tỷ trọng trong GDP của ngành

công nghiệp - xây dựng năm 2001 chiếm 32,5% ; du lịch - dịch vụ 44,1% ; nông - lâm - thủy sản 23,4% (tỷ lệ tương ứng của năm 1995 là : 26,4% ; 43,1% và 30,5%).

Cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, đời sống đang được đầu tư tích cực theo hướng hiện đại, đồng bộ và liên kết giữa các vùng, tạo thuận lợi cho việc mở rộng không gian đô thị toàn tỉnh và khai thác các tiềm năng, thế mạnh, nhất là về văn hóa, du lịch, biển và đầm phá. Hầu hết các công trình trọng điểm mà Đại hội IX của Đảng cũng như Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII đề ra đều đã khởi động : sân bay Phú Bài được đầu tư hoàn chỉnh đạt tiêu chuẩn sân bay quốc tế và đã được Chính phủ cho phép mở các tuyến bay quốc tế ; cảng nước sâu Chân Mây đã khởi công cầu cảng số 1, dự kiến đưa vào khai thác trong dịp 19-5-2003 ; đường quốc lộ 1A, đường hầm xuyên đèo Hải Vân, đường Hồ Chí Minh và đường tránh Huế đều đang thi công ; các tuyến đường ngang Đông - Tây và cầu trong nội tỉnh (kể cả cầu vượt qua

* Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Thừa Thiên - Huế

dâm phá) cũng được khẩn trương xây dựng. Chương trình kiên cố hóa kênh mương và bê-tông hóa giao thông nông thôn được nhân dân hưởng ứng tích cực. Đến nay, 92,6% xã, phường, thị trấn có điện lưới, 84,5% hộ sử dụng điện; gần 50% hộ dân ở nông thôn sử dụng nước sạch; hệ thống bưu chính - viễn thông ngày càng hiện đại, mật độ điện thoại cố định đạt 4,2 máy/100 dân.

Ngành công nghiệp - tiểu, thủ công nghiệp đã biết khai thác các lợi thế so sánh về tài nguyên, lao động và tiếp cận công nghệ mới nên tốc độ tăng trưởng hàng năm đạt trên 17%. Giá trị sản xuất công nghiệp sáu tháng đầu năm 2002 đạt khoảng 825 tỉ đồng, tăng 14,5% so cùng kỳ năm 2001. Cuối năm 2001, nhiều nhà máy sản xuất đã khai thác hết công suất thiết kế, như: Công ty bao bì Thái Hòa đạt 95%, Công ty bia Huế - 80%, Công ty xi-măng Luc-sva-xi - 95%, Công ty sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng Long Thọ - 80%, Xí nghiệp gạch tuy-nen - 90%, Công ty gạch men sứ - 120%... Sản phẩm của các cơ sở này có chất lượng cao, được thị trường trong nước và quốc tế chấp nhận; một số cơ sở đang tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất. Khu công nghiệp Phú Bài đã cho thuê 100% diện tích đất của giai đoạn I (có bốn nhà máy trong số 12 dự án đăng ký thuê đất đã đi vào sản xuất) và đang tiếp tục đầu tư mở rộng cho giai đoạn II, đưa tổng diện tích sử dụng đất lên 203,4 héc-ta. Các tiểu khu công nghiệp Hương Sơ, Tứ Hạ đang thu hút nhiều doanh nghiệp mới và là nơi tiếp nhận các cơ sở sản xuất buộc phải di chuyển khỏi khu vực nội thành Huế.

Hoạt động thương mại, du lịch có nhiều khởi sắc. Đặc biệt, qua hai lần tổ chức thành công Festival, nhất là Festival Huế 2002, đã mở ra cho Thừa Thiên - Huế nhiều khả năng mới, không chỉ trong bảo tồn, phát huy bản

sắc văn hóa dân tộc, văn hóa Huế, tiếp cận và giao lưu với các nền văn hóa tiên tiến trên thế giới mà còn là cơ hội để ngành du lịch, dịch vụ phát triển, từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và xây dựng thành phố Huế trở thành thành phố Festival đặc trưng của Việt Nam. Cùng với lễ hội Festival, ngành du lịch đã không ngừng đổi mới và nâng cao chất lượng phục vụ, tăng cường hoạt động tuyên truyền, quảng bá, mở các "tour" mới, v.v. Sáu tháng đầu năm 2002, lượng khách du lịch đến Huế đạt trên 353 ngàn lượt, tăng 31,6% so cùng kỳ năm 2001, trong đó có 147 ngàn lượt khách quốc tế, hơn 206 ngàn lượt khách nội địa; tổng doanh thu tăng 30,1%; nộp ngân sách tăng 26,5%. Thương nghiệp quốc doanh và tập thể chiếm trên 43% tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ trên thị trường. Kim ngạch xuất khẩu sáu tháng đầu năm 2002 ước thực hiện 15,7 triệu USD, tăng 13,2% so cùng kỳ năm 2001. Hàng thủ công mỹ nghệ của địa phương tiêu thụ khá.

Trong nông nghiệp, việc áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, đầu tư thủy lợi được chú trọng, năng suất lúa bình quân đạt trên 39 tạ/ha/vụ. Hiện nay, Thừa Thiên - Huế đã thực hiện cơ giới hóa khâu làm đất được 86% và chủ động tưới tiêu hơn 60% diện tích, áp dụng giống lúa ngắn ngày có năng suất cao trên 98% diện tích. Các loại cây trồng, con vật nuôi khác cũng được chú ý chuyển đổi nhằm tạo vùng chuyên canh, có năng suất và chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu chế biến và xuất khẩu.

Ngành thủy sản phát triển nhanh cả về đánh bắt, nuôi trồng và chế biến. Giá trị sản xuất toàn ngành năm 2000 tăng 26,8%, năm 2001 tăng 39,1%. Phong trào nuôi trồng thủy sản phát triển mạnh, nhất là nuôi tôm ở vùng nước lợ. Toàn tỉnh hiện có hơn 3 800 héc-ta diện tích nuôi trồng thủy sản, trong đó

nuôi nước lợ 3 230 héc-ta (chiếm hơn 14% tổng diện tích đầm phá). Sản lượng đánh bắt và nuôi trồng thủy sản năm 2001 đạt hơn 18 000 tấn, trong đó thu hoạch từ nuôi trồng là 2 397 tấn (năng suất tôm nuôi trung bình đạt 590 kg/ha) ; mô hình thí điểm nuôi tôm bán thâm canh trên đất cát bước đầu cho kết quả khá, năng suất đạt 2 - 3 tấn/ha. Sản phẩm thủy sản xuất khẩu sáu tháng đầu năm 2002 đạt 9,55 triệu USD, tăng 20,4%, chiếm hơn 60% kim ngạch xuất khẩu của tỉnh.

Công tác quản lý, bảo vệ và nuôi trồng rừng được quan tâm, đến nay toàn tỉnh đã đưa độ che phủ lên 45,5%.

Năm 2001, thu ngân sách đã vượt con số 500 tỉ đồng ; sáu tháng đầu năm nay là 278,9 tỉ đồng, bằng 55% dự toán năm, tăng 13% so cùng kỳ.

Văn hóa - xã hội có những chuyển biến tích cực. Ngành giáo dục - đào tạo phát triển đa dạng ở các bậc học, được coi là nguồn lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đại học Huế ngày càng lớn mạnh với 5 trường thành viên và một khoa trực thuộc ; có 56 ngành đào tạo cử nhân, 42 ngành đào tạo thạc sĩ, 9 ngành đào tạo tiến sĩ ; trên 42 000 sinh viên các hệ, gần 2 000 cán bộ giảng dạy, nghiên cứu ; có quan hệ với trên 60 trường đại học, viện nghiên cứu và các tổ chức khác của 30 nước trên thế giới. Giáo dục phổ thông huy động trên 96% học sinh trong độ tuổi đến trường. Toàn tỉnh đã hoàn thành phổ cập bậc tiểu học và xóa mù chữ ; 80/150 phường, xã, thị trấn đã thực hiện phổ cập bậc trung học cơ sở.

Công tác chăm sóc sức khỏe và phòng chống dịch bệnh được quan tâm thường xuyên. Huế đang được Trung ương đầu tư xây dựng thành Trung tâm y tế chuyên sâu của miền Trung. Các bệnh viện khu vực cũng

được quan tâm xây dựng, 100% xã đã có trạm y tế. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2001 giảm còn 1,54%.

Cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh - gia đình văn hóa, phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" và công tác đưa văn hóa về cơ sở được triển khai tích cực. Đến nay, có 397 làng, thôn, bản, tổ dân phố, 301 cơ quan, đơn vị và 54 000 gia đình đăng ký xây dựng đơn vị, gia đình đạt chuẩn văn hóa (đã công nhận 65 làng, thôn, bản, tổ dân phố và 45 cơ quan, đơn vị đạt chuẩn).

Chương trình xóa đói, giảm nghèo triển khai mạnh, được các ngành, đoàn thể và nhân dân hưởng ứng tích cực. Toàn tỉnh đã huy động nhiều nguồn lực, lồng ghép các chương trình, thông qua nhiều kênh thực hiện, hàng năm đã tạo việc làm cho khoảng 12 000 lao động.

Tình hình chính trị, xã hội ổn định; quốc phòng - an ninh được tăng cường ; hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh.

Có được những kết quả trên đây, ngoài sự chỉ đạo và giúp đỡ của Trung ương, Đảng bộ và nhân dân Thừa Thiên - Huế đã biết khơi dậy và khai thác có hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước. Cụ thể là :

1. *Giữ vững định hướng, mục tiêu và kế thừa, phát huy thành quả của các năm trước đây*

Kết quả tăng trưởng cao về công nghiệp, du lịch, thủy sản và những thành quả trong lĩnh vực văn hóa - xã hội nêu trên chính là "sự kế thừa và khai thác có hiệu quả" những năng lực đã được đầu tư trong nhiều năm trước đây. Những công trình trọng điểm được khởi công như : khu công nghiệp Phú Bài, cảng nước sâu Chân Mây, khu du lịch Bạch Mã - Cảnh Dương - Lăng Cô, hồ Tả Trạch,

cầu vượt đầm phá... cũng là nhằm "hiện thực hóa" những ý tưởng, mục tiêu nghị quyết của Đảng bộ tỉnh các nhiệm kỳ trước. Điều cần khẳng định ở đây là, lãnh đạo tỉnh đã thống nhất cao từ ý tưởng, mục tiêu đến chỉ đạo, điều hành, quyết tâm làm cho diện mạo kinh tế, xã hội và đô thị Thừa Thiên - Huế thay đổi nhanh chóng.

2. Chủ động nắm lấy thời cơ, phát huy tối đa các nguồn lực, hướng đến sự phát triển bền vững

Những chủ trương từ Đại hội IX của Đảng và những công trình cấp quốc gia thực hiện trên địa bàn (đường hầm xuyên đèo Hải Vân, đường Hồ Chí Minh, đường tránh Huế,...) và những cơ chế, chính sách mới thực sự là những định hướng và cơ hội để Thừa Thiên - Huế thực hiện những bước đi táo bạo, nhất là mạnh dạn vay vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng ; tạo điều kiện để các ngành ở trung ương và các tổ chức quốc tế tăng nguồn đầu tư cho tỉnh, thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào các khu công nghiệp, du lịch ; thúc đẩy xã hội hóa nhanh về đầu tư trong một số lĩnh vực, điển hình là các hoạt động trong dịp Festival Huế 2002, xây dựng hạ tầng ở nông thôn và miền núi. Trong quá trình phát triển, chú trọng gắn kết giữa thành thị với nông thôn, giữa kinh tế với quốc phòng - an ninh, với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; tiềm năng văn hóa, du lịch và đầm phá được coi là những nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững.

3. Đổi mới phương thức, phong cách lãnh đạo của Đảng

Ngoài việc chăm lo xây dựng khối đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động trong từng cấp ủy và thường xuyên rèn luyện, tu dưỡng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), Tỉnh ủy đã kiên quyết đổi mới phương thức và phong cách lãnh đạo ngay từ đầu

nhiệm kỳ, thực hiện "nói đi đôi với làm". Trước tiên là xây dựng và thống nhất Quy chế, Chương trình làm việc và nâng cao chất lượng các kỳ họp cấp ủy ; ban hành nghị quyết ngắn, gọn ; chỉ đạo sơ kết, tổng kết các Nghị quyết của Tỉnh ủy kịp thời... Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy tăng cường xuống cơ sở ; cuối năm tập thể Ban Thường vụ trực tiếp kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết của Đảng ở từng đảng bộ trực thuộc. Sau mỗi lần làm việc, đều thông báo những ý kiến kết luận của Thường vụ để các cấp, các ngành biết, thực hiện. Văn phòng và các ban của Tỉnh ủy tăng cường kiểm tra, đôn đốc, phản ánh tình hình thực hiện các chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Đảng trên từng địa bàn, lĩnh vực để Tỉnh ủy kịp thời chỉ đạo.

4. Phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội

Động viên các tầng lớp nhân dân trong tỉnh hăng hái lao động sản xuất, thực hiện xóa đói, giảm nghèo, giúp nhau khắc phục thiên tai, hoạn nạn ; hưởng ứng tích cực các phong trào đền ơn, đáp nghĩa, xây dựng nông thôn mới, xây dựng đời sống văn hóa ; đấu tranh có hiệu quả chống tiêu cực và tệ nạn xã hội, giữ gìn trật tự trị an, làm thất bại các âm mưu lợi dụng tôn giáo để chống phá công cuộc xây dựng đất nước, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc, góp phần làm cho Festival Huế 2002 và cuộc bầu cử Quốc hội khóa XI thành công tốt đẹp.

5. Tháo gỡ những vướng mắc về cơ chế, chính sách và thủ tục hành chính

Tỉnh đã từng bước xây dựng chính sách ưu đãi trong đầu tư và tạo môi trường thông thoáng để phát huy nội lực của các thành phần kinh tế, thu hút đầu tư trong nước và

(Xem tiếp trang 61)

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền CỦA BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG ĐỐI VỚI NHÂN DÂN TRÊN CÁC VÙNG BIÊN GIỚI, HẢI ĐẢO

ĐẶNG VŨ LIÊM *

VÙNG biên giới, bờ biển, hải đảo nước ta có vị trí rất quan trọng về kinh tế, chính trị, an ninh, quốc phòng và đối ngoại. Đây là nơi cư trú của 40/54 dân tộc thiểu số với trên 5 triệu người sinh sống. Nhân dân các dân tộc, vùng sâu, vùng xa, biên giới vốn có truyền thống cách mạng, thủy chung một lòng theo Đảng nhưng đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí thấp với những tập tục lạc hậu. Lợi dụng tình hình đó, các thế lực thù địch, phản động đã dùng mọi thủ đoạn để dụ dỗ, lôi kéo, kích động chia rẽ đoàn kết dân tộc, chia rẽ quần chúng với Đảng, thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình", phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Những năm vừa qua, Đảng và Nhà nước đã quan tâm và đưa ra nhiều chủ trương, biện pháp cụ thể, đầu tư ngân sách phát triển nhiều loại hình thông tin phục vụ đồng bào các dân tộc biên giới, nhưng do đặc điểm khó khăn, cộng với nhiều hạn chế trong công

tác quản lý nên chưa phát huy hết hiệu quả. Sách báo, tạp chí chỉ đến một số nơi, một số người, chủ yếu là cán bộ. Việc phủ sóng truyền hình ở miền núi nhiều nơi chỉ được 50%, những vùng cao phía Bắc tỷ lệ này còn thấp hơn.

Xuất phát từ tình hình, đặc điểm của nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới, các đơn vị Bộ đội Biên phòng phải sử dụng nhiều hình thức, biện pháp công tác khác nhau. Trong đó hoạt động thông tin tuyên truyền, giáo dục về đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho nhân dân các dân tộc được xác định là một biện pháp cơ bản, thường xuyên của các đồn, trạm. Những năm qua, Đảng ủy, Bộ Tư lệnh đã quan tâm chỉ đạo các đơn vị thường xuyên, kiên trì bám địa bàn, bám dân, thực hiện tốt chủ trương "bốn cùng": cùng ăn, cùng ở, cùng làm, và cùng nói

(*) Thiếu tướng, Bí thư Đảng ủy, Phó Tư lệnh Chính trị Bộ đội Biên phòng

tiếng dân tộc ; kiên trì vận động từng nhà, từng đối tượng. Các đơn vị Bộ đội Biên phòng đã vận dụng các hình thức như tuyên truyền miệng, tranh ảnh, dụng cụ trực quan, biểu diễn văn nghệ, chiếu vi-đê-ô... để gần bó với dân. Mũi nhọn của công tác này là các đội thông tin tuyên truyền văn hóa ở cấp tỉnh và các tổ thông tin tuyên truyền văn hóa ở đồn biên phòng làm hạt nhân thường xuyên có mặt triển khai các hoạt động thông tin, tuyên truyền, văn nghệ trên các xã, bản biên giới, hải đảo. Kết quả từ năm 1993 - 2001, các tổ, đội thông tin văn hóa đã phục vụ được 28 530 buổi thông tin, tuyên truyền, 20 856 lượt buổi chiếu vi-đê-ô cho hàng triệu lượt người xem, kể cả các vùng xa, hẻo lánh như : Mường Tè, Phong Thổ (Lai Châu) ; Hiền, Nam Giang (Quảng Nam) ; A Lưới (Thừa Thiên - Huế) ; Đắk BLô (Kon Tum). Các đồn biên phòng đã dựa vào cấp ủy, chính quyền địa phương, các đoàn thể để tổ chức thông tin tuyên truyền, xây dựng thể trận biên phòng toàn dân, nhờ đó đã tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh và sức mạnh tại chỗ, xây dựng phòng tuyến lòng dân vững chắc bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới. Qua công tác tuyên truyền giáo dục, các đồn biên phòng đã cùng với cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể nơi đóng quân tổ chức tốt các phong trào như : *"tuyến sau ủng hộ tuyến trước"*, *"thanh niên làm chủ đường biên"*, *"thôn xóm bình yên"*, *"người phụ nữ vì biên giới"*, *"già làng trưởng bản gương mẫu"*... Kết quả là đã cùng chính quyền địa phương xây dựng mới 2 169 tổ an ninh nhân dân, 267 tổ hòa giải, 231 tổ tàu thuyền an toàn. Từ các phong trào trên, nhân dân đã cung cấp cho Bộ đội Biên phòng 41 298 nguồn tin ; trong đó có 35%

nguồn tin có giá trị phục vụ kịp thời công tác đấu tranh bảo vệ biên giới, phát hiện 756 vụ truyền đạo trái phép, vận động 14 918 đối tượng phạm tội ra tự thú. Nội dung tuyên truyền chính là các chủ trương của Đảng ; chính sách, pháp luật của Nhà nước và địa phương, làm tốt công tác vận động xóa mù chữ, thực hiện dân số kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ tài nguyên môi trường, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chuyển đổi vật nuôi, cây trồng. Phương châm công tác *"nghe được dân nói, nói cho dân hiểu, làm cho dân tin"* đã tác động sâu sắc tới việc chuyển đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào, tạo ra những chuyển biến cơ bản trong đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, chiến sĩ và đồng bào các dân tộc, góp phần quan trọng trong giữ gìn chủ quyền lãnh thổ Tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị tại địa bàn.

Tuy nhiên, công tác thông tin, tuyên truyền của Bộ đội Biên phòng trong những năm qua còn nhiều hạn chế ; có nơi, có lúc chưa khai thác tốt nội dung, phương thức để tuyên truyền, vận động đồng bào ; chưa kịp thời phát hiện những nhân tố mới để nhân rộng điển hình ; nội dung, hình thức tuyên truyền còn nghèo nàn, thiếu phong phú, chưa thật phù hợp với đặc điểm tập quán của từng vùng, từng dân tộc. Phong trào quần chúng chưa phát triển đồng đều ở các vùng, miền biên giới, hải đảo, chuyển biến ở một số nơi còn chậm.

Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng và quyết tâm đưa Nghị quyết vào cuộc sống, công tác thông tin tuyên truyền của Bộ đội Biên phòng là phải làm cho cán bộ, chiến sĩ và quần chúng trên địa bàn đóng quân nhận thức sâu sắc nhiệm vụ bảo vệ an ninh biên giới

và chủ quyền lãnh thổ trong tình hình mới. Các lực lượng thù địch tiếp tục đẩy mạnh âm mưu "diễn biến hòa bình", lợi dụng triệt để những vấn đề nhạy cảm về tôn giáo, dân tộc để chống phá chế độ ta. Trên các tuyến biên giới vẫn đang tiềm ẩn nhiều diễn biến phức tạp về chủ quyền, an ninh, trật tự, đặt ra cho công tác biên phòng những nhiệm vụ hết sức nặng nề. Để hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao, ngoài các biện pháp công tác khác, công tác thông tin, tuyên truyền của Bộ đội Biên phòng đối với nhân dân trên các vùng biên giới, hải đảo phải được nâng lên ở tầm cao mới. Công tác thông tin tuyên truyền phải tập trung vào các nội dung cơ bản như sau :

+ Tuyên truyền, giác ngộ để đồng bào có nhận thức đúng, thống nhất với các chủ trương, quan điểm, đường lối của Đảng ; quyết tâm thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước ; các chủ trương về phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng ở địa phương ; tích cực hưởng ứng tham gia các cuộc vận động xây dựng địa bàn dân cư an toàn, vững mạnh, đóng góp công sức xây dựng, bảo vệ biên cương ngày càng giàu đẹp ; giữ gìn môi trường thiên nhiên, môi trường văn hóa, bài trừ tệ nạn xã hội.

+ Tuyên truyền để bà con các dân tộc hiểu rõ nhiệm vụ bảo vệ biên giới trong tình hình mới ; thấy rõ âm mưu thủ đoạn lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo để chia rẽ gây mất đoàn kết trong nội bộ nhân dân các dân tộc, giữa Đảng, chính quyền với đồng bào, giữa nhân dân các dân tộc với lực lượng vũ trang, đặc biệt là lực lượng Bộ đội Biên phòng. củng cố khối đoàn kết quân dân để đồng bào các dân tộc ở vùng biên

giới, hải đảo một lòng, một dạ với cách mạng, có niềm tin tuyệt đối với Đảng và chế độ ta. Lòng dân vững vàng chính là thành trì để phòng chống mọi tiến công về chính trị, tư tưởng của địch và phần tử xấu, là điểm tựa để nhân dân vượt qua khó khăn, thiếu thốn, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

+ Tuyên truyền, giáo dục để nhân dân hiểu, nắm được các nội dung cơ bản của các Hiệp định, Quy chế biên giới, nâng cao ý thức công dân về quốc gia, dân tộc, về nghĩa vụ, trách nhiệm bảo vệ biên giới quốc gia, từ đó tự giác chấp hành các quy định qua lại biên giới.

+ Tuyên truyền, giáo dục làm cho mọi người hiểu được các chính sách của Đảng và Nhà nước về dân tộc, tôn giáo và đoàn kết dân tộc. Nắm được nhiệm vụ chính trị của địa phương, nghĩa vụ, quyền lợi của nhân dân biên giới, tình đoàn kết hữu nghị với nước láng giềng, khơi dậy trong mỗi người dân ý thức tự giác tương trợ giúp đỡ lẫn nhau, xây dựng cộng đồng thôn, bản ổn định vững mạnh, để không ngừng nâng cao hơn nữa đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Thực hiện những nội dung tuyên truyền trên, cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng Bộ đội Biên phòng cần tìm hiểu, nghiên cứu các tài liệu, sách báo, tạp chí của trung ương, địa phương ; cập nhật các thông tin trên sóng phát thanh, truyền hình và hướng dẫn của Bộ Tư lệnh. Ngoài ra, cần nghiên cứu tham khảo tài liệu hướng dẫn tuyên truyền của Ban Tuyên giáo tỉnh, thành phố nơi đơn vị đóng quân để tổ chức tốt công tác thông tin tuyên truyền.

Để công tác thông tin, tuyên truyền đạt hiệu quả cao, *điều quan trọng, phải có biện*

pháp tuyên truyền thích hợp với điều kiện địa lý, người dân cư trú phân tán, địa bàn rộng, đi lại khó khăn. Cho nên cần phải sử dụng nhiều biện pháp tuyên truyền trên diện rộng cho nhiều người nghe, hoặc cho từng nhóm người, thậm chí cho từng người. Tuyên truyền cho tập thể đông người, thông qua họp thôn, bản, họp dòng họ, lễ hội hay các phiên chợ ở vùng cao. Ở hình thức này, cán bộ tuyên truyền nên biên soạn các nội dung tuyên truyền theo dạng "hỏi - đáp" ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, phù hợp với trình độ, ngôn ngữ, tập quán của dân tộc. Ngoài ra, có thể kết hợp lồng ghép các loại hình văn hóa, văn nghệ với nội dung và hình thức phù hợp (ca nhạc, tấu, kịch ngắn, chiếu vi-deo, giới thiệu tranh ảnh ...) để minh họa thêm cho chủ đề tuyên truyền. Để tăng thêm kênh thông tin, tuyên truyền cần tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương củng cố nâng cao hiệu quả của tủ sách pháp luật, văn hóa ở bưu điện xã ; củng cố các đội văn nghệ thôn, bản. Do đặc điểm riêng về dân trí, tâm lý và điều kiện sinh hoạt ở vùng dân tộc còn nhiều hạn chế, cần hết sức coi trọng *hình thức tuyên truyền miệng đối với từng người, từng gia đình*. Phương pháp này có vị trí rất quan trọng, có tác dụng tốt và đi vào chiều sâu. Ở đây, giữa người tuyên truyền và người được tuyên truyền không có khoảng cách, được trực tiếp đối thoại. Đối tượng tuyên truyền có thể chất vấn, hỏi lại ; người tuyên truyền hiểu được tâm tư, vướng mắc của đối tượng tuyên truyền, từ đó chọn nội dung và biện pháp giải thích phù hợp. Biện pháp này cán bộ, chiến sĩ vừa trực tiếp làm, hoặc có thể bồi dưỡng cho các tuyên truyền viên từ cán bộ, đảng

viên, cựu chiến binh, cán bộ nghỉ hưu, trưởng thôn, bản, trưởng các dòng họ làm. Cán bộ, chiến sĩ cần tiếp tục phối hợp các hoạt động thực tiễn như : dạy học, chữa bệnh, đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật mới vào sản xuất, chăn nuôi... để tuyên truyền. Thực tế cho thấy đây là một hình thức tuyên truyền có hiệu quả thiết thực. Nếu có điều kiện, tổ chức các đoàn tham quan cho các già làng, trưởng thôn, bản, dòng họ để họ có thể "tai nghe, mắt thấy", mở mang hiểu biết thực tế. Hoạt động thông tin, tuyên truyền, vận động phải gắn với việc tổ chức, hướng dẫn nhân dân, tổ chức các phong trào quần chúng như : "*xây dựng bản, làng văn hóa*", "*xóa đói giảm nghèo*", "*phong trào bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới*"... Thông qua các phong trào này để tiếp tục tuyên truyền, vận động, bồi dưỡng quần chúng ý thức, trách nhiệm của người công dân đối với Tổ quốc, với gia đình và cộng đồng dân cư mình đang sống.

Để thực hiện tốt các vấn đề trên, hoạt động thông tin tuyên truyền của Bộ đội Biên phòng đối với nhân dân các dân tộc biên giới, hải đảo cần được đổi mới nội dung, hình thức, biện pháp tuyên truyền sao cho phù hợp với đặc điểm, điều kiện của từng vùng, từng dân tộc, với từng đối tượng, lứa tuổi. Cần coi trọng tính chân thật, tính chiến đấu và tính đa dạng để không ngừng nâng cao chất lượng công tác thông tin, tuyên truyền. Ngoài ra, để thông tin, tuyên truyền có hiệu quả phải dựa vào cấp ủy và các cơ quan chính quyền ở địa phương để cùng phối hợp hoạt động ; làm tốt công tác sơ kết, tổng kết sau từng đợt tuyên truyền để rút kinh nghiệm, nâng cao chất lượng thông tin, tuyên truyền. □

BÁC HỒ

VỚI CÔNG NGHIỆP

QUỐC PHÒNG VIỆT NAM

PHAN THU *

LỊCH sử hình thành, phát triển của ngành Quân giới Việt Nam gắn liền với quá trình phát triển của nền quốc phòng nước ta và sự quan tâm chăm sóc, lãnh đạo sáng suốt của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại và Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh.

Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với việc bảo đảm vũ khí trang bị quân sự cho quân đội ta và xây dựng ngành công nghiệp quốc phòng cho đất nước ta luôn luôn soi sáng những bước đi và quá trình trưởng thành của ngành Quân giới Việt Nam.

1- Bác Hồ đã đặt đúng vị trí của vũ khí trang bị quân sự trong chiến tranh, chủ động xây dựng ngành Quân giới để tự lực sản xuất vũ khí trang bị cho các lực lượng vũ trang và nhân dân ta chiến đấu

Chỉ sau 13 ngày Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, ngày 15-9-1945, Bác Hồ đã ký Chỉ thị

thành lập phòng Quân giới trực thuộc Bộ Quốc phòng (tiền thân của ngành công nghiệp quốc phòng Việt Nam ngày nay) với hai nhiệm vụ "thu thập, mua sắm vũ khí và tổ chức cơ sở sản xuất vũ khí" chuẩn bị cho đất nước đứng lên chống thực dân Pháp xâm lược, bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ. Thực tế đã chứng minh, Chỉ thị đó của Người là một quyết định mang tầm chiến lược đầy tính cách mạng và khoa học.

Nghiêm chỉnh thực hiện Chỉ thị của Bác Hồ, với lòng yêu nước nồng nàn, đồng đảo trí thức, công nhân và các tầng lớp nhân dân đã tự nguyện đóng góp vàng bạc, máy móc, nhà cửa, trí tuệ cùng sức lực của mình để xây dựng các cơ sở sản xuất vũ khí cho cách mạng. Chỉ sau một thời gian ngắn, trên khắp đất nước ta, ở cả ba miền đất nước, từ thành phố đến nông thôn đã mọc lên hàng trăm binh công xưởng, kịp thời sản xuất các vũ khí thông thường, chuẩn bị cho quân dân ta thực hiện cuộc chiến tranh nhân dân rộng khắp.

Cuối tháng 10 năm 1946, Bác Hồ lại căn dặn : Có thể giặc Pháp sắp tiến công mình... Quân giới phải gấp rút chuyển hết máy móc, nguyên vật liệu khỏi Hà Nội, mang lên rừng núi chống lại nó... Quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Bác Hồ, ngành Quân giới trong cả nước đã thực hiện cuộc tổng di chuyển hàng chục vạn tấn

* Nguyên Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng cục trưởng Tổng cục Công nghiệp quốc phòng

máy móc, thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu... từ các thành phố, vùng đồng bằng lên các chiến khu. Cán bộ chiến sĩ treo đeo, vượt dốc, vận chuyển chủ yếu bằng các phương tiện thô sơ, vừa gian nan vất vả, vừa phải chiến đấu hy sinh trên đường di chuyển để bảo vệ những thứ cần thiết cho công cuộc xây dựng và sản xuất của các binh công xưởng nằm rải rác khắp các vùng chiến khu của cả nước. Chỉ thị của Bác Hồ đã biến thành quyết tâm của hàng nghìn cán bộ, công nhân Quân giới thực hiện thành công cuộc tổng di chuyển, tưởng chừng không vượt qua nổi, để gìn giữ những cơ sở vật chất làm nền tảng cho việc hoàn thành nhiệm vụ của ngành Quân giới trong điều kiện đất nước bị bao vây bốn bề. Đánh giá kỳ tích này, tại Hội nghị quân sự toàn quốc tháng 9 năm 1947, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, đã kết luận : "Nền Quân giới của ta có thể nói là tương đối khả quan...".

2 - Bác Hồ đã chuẩn bị cán bộ, chọn đúng cán bộ cho việc thực hiện các nhiệm vụ chiến lược của đất nước, trong đó có nhiệm vụ xây dựng ngành Quân giới

Trong hoàn cảnh đất nước ta còn muôn vàn khó khăn, nhưng Đảng và Bác Hồ đã chăm lo bố trí cho ngành Quân giới nhiều trí thức ưu tú. Có người được đích thân Bác Hồ đưa từ nước ngoài về như kỹ sư Phạm Quang Lễ ; Bác dặn đồng chí Lễ : "Chú về, phải lo ngay việc chế tạo vũ khí cho sự nghiệp kháng chiến của nhân dân ta. Sớm muộn thế nào cũng phải đánh nhau với Pháp".

Ngày 5-12-1946, trước lúc toàn quốc kháng chiến 14 ngày, Bác gọi đồng chí Lễ

đến và nói : "Kháng chiến sắp đến nơi rồi, bữa nay tôi gọi chú lại và giao nhiệm vụ Cục trưởng Cục Quân giới". Bác đặt tên cho đồng chí Lễ là Trần Đại Nghĩa. Đồng chí Trần Đại Nghĩa trở thành cán bộ đầu đàn của ngành Quân giới Việt Nam, người đã đưa công nghệ sản xuất vũ khí về cho Việt Nam. Nhiều nhà trí thức khác cũng được tuyển chọn từ các lĩnh vực trong cả nước về xây dựng ngành quân giới, như các đồng chí Phạm Đồng Điện, Nguyễn Trinh Tiếp, Hoàng Đình Phu, Lê Văn Chiêu, Lê Tâm, Hoàng Xuân Tuy, Tôn Thất Hoàng, Đỗ Đức Dục, Bùi Minh Tiêu v.v.. Đại tướng Võ Nguyên Giáp còn cử nhà khoa học Tạ Quang Bửu, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng thường xuyên theo dõi và giúp đỡ công tác nghiên cứu khoa học của Nha nghiên cứu kỹ thuật, do đồng chí Trần Đại Nghĩa trực tiếp kiêm trưởng Nha nghiên cứu kỹ thuật với sự hỗ trợ đắc lực của đồng chí Hoàng Đình Phu, phó trưởng Nha.

Cùng với đội ngũ cán bộ của ngành, hàng ngàn, hàng vạn công nhân kỹ thuật được động viên vào phục vụ ngành Quân giới. Họ đã chăm chỉ học tập văn hóa, nghiệp vụ, và bằng lao động sáng tạo đã từng bước nắm được các bí quyết sản xuất các loại vũ khí cần thiết cho công cuộc kháng chiến cứu quốc.

Đội ngũ cán bộ do Đảng và Bác Hồ lựa chọn đều rất đúng, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt và họ đã xứng đáng với sự tin cậy của Đảng và Bác Hồ. Số cán bộ Quân giới đầu tiên, sau này hầu hết đã đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng nền công nghiệp quốc phòng và tham gia quản lý nhiều ngành kinh tế, xã hội của đất nước ta cho đến ngày nay.

3 - Đảng và Bác Hồ đã xác định nhiệm vụ, xây dựng tổ chức, cơ chế quản lý thích hợp qua các thời kỳ cho ngành Quân giới

Cùng với việc chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, Đảng và Bác Hồ luôn luôn xác định nhiệm vụ, chỉnh đốn tổ chức và xây dựng cơ chế quản lý cho ngành Quân giới.

Từ Hội nghị quân sự toàn quốc 19-10-1946, hệ thống quân giới toàn quân đã được xác lập. Chỉ trong 3 năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, cơ quan quân giới, trực thuộc Bộ Quốc phòng, nhiều lần được kiện toàn theo các tên gọi khác nhau, đồng thời luôn được điều chỉnh các mối quan hệ chỉ đạo và quản lý từ trung ương đến các khu, liên khu và các binh công xưởng. Nhờ vậy ngành Quân giới đã được tổ chức theo một hệ thống hoàn chỉnh, khoa học, phù hợp với hoàn cảnh kháng chiến, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời khơi dậy được tính chủ động, tiềm năng sáng tạo của cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân trong sự nghiệp sản xuất vũ khí.

Xác định nhiệm vụ cho ngành Quân giới, ngay từ đầu Bác Hồ đã chỉ rõ cùng với việc thu gom mua sắm, vấn đề cốt lõi là phải tự sản xuất lấy vũ khí để phục vụ cho quốc phòng. Khi cơ sở kỹ thuật của nước ta còn yếu, chúng ta vừa lấy vũ khí địch để đánh địch, vừa phải tạo dựng nên cơ sở để tự sản xuất vũ khí, đồng thời mua sắm những thứ cần thiết mà chúng ta chưa sản xuất được. Ngay từ những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Quân giới Việt Nam đã sản xuất được súng và đạn ba-dô-ka. Theo chỉ thị

của Đại tướng Võ Nguyên Giáp lúc đó, dùng số đạn và súng ba-dô-ka sản xuất đầu tay này giao cho bộ đội mặt trận Hà Nội và kết quả đã diệt gọn 2 xe tăng địch khi chúng đi từ Trúc Sơn thọc lên chùa Trầm (huyện Quốc Oai).

Trong khi sản xuất vũ khí, có công việc sửa chữa vũ khí. Ngay từ ngày đầu khai sinh ngành Quân giới, nhiệm vụ sửa chữa vũ khí đã nổi lên rất quan trọng. Những khẩu Sten, súng trường cũ, lựu đạn hỏng... đã được các binh công xưởng sửa chữa tốt để đưa vào chiến đấu. Suốt quá trình phát triển và trưởng thành của mình, sửa chữa, sản xuất luôn luôn quyện vào nhau trong ngành Quân giới Việt Nam. Trong quá trình trưởng thành của mình, có việc tách nhập Quân giới và Quân khí qua một vài thời kỳ. Điều đó càng nói lên mối quan hệ chặt chẽ giữa sửa chữa và sản xuất vũ khí của hai ngành Quân giới - Quân khí nước ta, một quan hệ song hành không thể thiếu được của hai tổ chức trong việc bảo đảm vũ khí trang bị cho quốc phòng nước ta.

Thời kỳ sau chiến thắng Biên giới năm 1950, nước ta thông thương được với các nước xã hội chủ nghĩa, chúng ta có vũ khí viện trợ của các nước bạn, ngành Quân giới đã chuyển trọng tâm sang sửa chữa, bảo quản, quản lý vũ khí được trang bị. Việc sửa chữa vũ khí càng được mở rộng và gắn chặt hơn với việc sản xuất vũ khí. Nhất là trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ, công tác bảo đảm kỹ thuật cho vũ khí trang bị là quan trọng, nhưng chúng ta vẫn không một phút lơ là việc xây dựng các cơ sở mới sản xuất vũ khí để phục vụ nhiệm vụ bảo vệ miền Bắc và chi viện cho

quân dân miền Nam chiến đấu. Quân giới miền Nam lúc này vẫn phải đẩy mạnh việc sản xuất những vũ khí tự tạo cho chiến thuật đánh du kích của các địa phương.

4 - Đảng và Bác Hồ đã định hướng đúng đắn cho ngành Quân giới phát triển có hiệu quả

Theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần 2 tháng 4-1947, Bác Hồ chỉ đạo : ... Phải chống khuynh hướng coi thường vũ khí thô sơ mà chỉ chú trọng vũ khí tối tân, đồng thời chống khuynh hướng thiên về chế tạo vũ khí thô sơ mà không để ý, hay không gắng sức chế tạo và học dùng vũ khí tối tân... Tiếp đó vào các năm sau, Đảng và Bác Hồ luôn quan tâm đến ngành Quân giới bằng những nghị quyết và các chỉ thị rất cụ thể.

Quán triệt những tư tưởng chỉ đạo của Trung ương Đảng và Bác Hồ, ngành Quân giới Việt Nam đã được tổ chức, xây dựng và phát triển đáp ứng tốt yêu cầu về vũ khí của cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, không chỉ sửa chữa vũ khí mà còn chế tạo vũ khí ; không chỉ chế tạo vũ khí căn bản mà còn chế tạo được cả một số vũ khí có hỏa lực mạnh, đáp ứng các yêu cầu tiêu diệt nhiều xe tăng thiết giáp địch, công phá có hiệu quả nhiều đồn bốt địch, đánh đắm nhiều tàu chiến địch. Đây là chiến công của ngành Quân giới Việt Nam, một biểu tượng anh hùng của dân tộc ta trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Đồng thời nó thể hiện sự sáng suốt của tư tưởng Hồ Chí Minh về chỉ đạo tổ chức sản xuất vũ khí trong thời kỳ đất nước bị phong tỏa bốn bề ở những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Làm vũ khí là một

nghề vốn chưa có ở nước ta, nhất là các công việc về xạ thuật, về hóa chất, thuốc phóng, thuốc nổ, các loại hỏa cụ, ngòi nổ... Một sai sót nhỏ cũng có thể dẫn đến hậu quả khôn lường. Trong việc mầy mò làm vũ khí buổi ban đầu chúng ta khó tránh khỏi những vấp vấp, hy sinh mất mát. Quá trình trưởng thành của Quân giới Việt Nam có lúc đã phải hy sinh xương máu để có được các bí quyết và công nghệ làm vũ khí.

Trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ, quân và dân ta được các nước xã hội chủ nghĩa anh em viện trợ nhiều vũ khí hiện đại, nhưng so với tiềm lực của quân đội Mỹ thì vũ khí của chúng ta vẫn ở trình độ kém hơn. Thế nhưng chúng ta đã đánh thắng quân đội Mỹ ở cả chiến trường miền Nam và trong chiến tranh phá hoại ở miền Bắc.

Những bài học của phát triển Quân giới trong chống thực dân Pháp cũng được thể hiện với một sắc thái mới trong chiến tranh chống đế quốc Mỹ. Đó là sự kết hợp chế tạo vũ khí thông thường với cải tiến, hiện đại hóa các vũ khí mà ta có, nhằm đối phó có hiệu quả với các thủ đoạn chiến thuật cũng như kỹ thuật của quân đội Mỹ.

Để phục vụ chiến trường miền Nam, các Viện nghiên cứu khoa học quân sự đã phối hợp với các nhà máy công nghiệp quốc phòng ở miền Bắc, cải tiến nhiều loại vũ khí để đem vào miền Nam đánh giặc, như cải tiến hỏa tiễn ĐKB thành vũ khí mang vác ; cải tiến nòng ĐKB đánh vào sân bay Đà Nẵng ; chế tạo thủy lôi APS, cải tiến một loại thủy lôi bằng cách sử dụng chính ngòi nổ MK2 lấy từ bom từ trường Mỹ ném ở miền Bắc không nổ, để đánh tàu chiến Mỹ. Năm 1965 Viện Kỹ thuật quân

sự cùng Bộ tư lệnh Pháo binh bắn thử tên lửa A12 thành công đã được Bác Hồ và các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, quân đội quan sát và động viên kịp thời.

Ở miền Bắc, với tư tưởng "có gì đánh nấy", bộ đội Phòng không - Không quân chúng ta đã cải tiến vũ khí phòng không để chống các thủ đoạn chiến tranh điện tử của địch, chống nhiễu ra đa, bắn rơi nhiều máy bay địch kể cả pháo đài bay B52, đánh thắng cả hai lần leo thang chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Chúng ta cũng đã nghiên cứu và chế tạo những phương tiện hiện đại đối phó với bom từ trường và thủy lôi từ trường của Mỹ, hạn chế hiệu lực của chúng, giảm bớt thiệt hại cho ta. Đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ ra miền Bắc nước ta được kết thúc bằng việc bắn rơi 34 máy bay B52 của Mỹ trong chiến dịch "Điện Biên Phủ trên không", cũng là một kỳ tích của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, trong đó có sự đóng góp của ngành Quân giới Việt Nam trong khâu bảo đảm kỹ thuật và cải tiến vũ khí.

Trong điều kiện hiện nay, cùng với việc xây dựng đất nước giàu về kinh tế, chúng ta phải xây dựng một nền quốc phòng toàn dân đủ mạnh, trong đó có nền công nghiệp quốc phòng hiện đại để chủ động đáp ứng những yêu cầu cần thiết cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Phát huy tư tưởng chỉ đạo của Đảng và Bác Hồ cũng như truyền thống về xây dựng ngành Quân giới trong thời kỳ chiến tranh, hiện nay, chúng ta chủ trương xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng hiện đại nhằm đáp ứng mọi yêu cầu của

nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc cả ở đất liền, trên không và trên biển. Thực hiện nhiệm vụ trọng đại này trong điều kiện đất nước ta còn nghèo, có nhiều khó khăn về kinh tế, nền công nghiệp, nhất là công nghiệp nặng chưa phát triển. Theo kinh nghiệm của các nước, đầu tư cho công nghiệp quốc phòng thường rất tốn kém. Các cơ sở công nghiệp quốc phòng hiện có của chúng ta tuy là vốn rất quý, nhưng được xây dựng trong chiến tranh nên còn nhiều hạn chế. Vì vậy ngành Công nghiệp quốc phòng nước ta cần nỗ lực lớn, được đầu tư xứng đáng để phát triển, chủ động đáp ứng mọi yêu cầu quốc phòng trước tình hình nhiệm vụ mới.

Trong những năm sắp tới, chúng ta thực hiện tốt các nhiệm vụ chủ yếu sau để tiếp tục đưa Công nghiệp quốc phòng phát triển lên một trình độ cao hơn :

- Thực hiện tốt các quy trình kỹ thuật, nhằm gìn giữ khối vũ khí trang bị hiện có, để sử dụng lâu dài phục vụ kịp thời công tác sẵn sàng chiến đấu và chiến thắng. Đầu tư một số công nghệ mới để có thể phục hồi, sản xuất nhiều phụ tùng thay thế cho các loại vũ khí cần thiết.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ để cải tiến, hiện đại hóa các loại vũ khí trang bị hiện có, đáp ứng mọi yêu cầu của nền quốc phòng hiện đại, chủ động giành thắng lợi trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

- Đầu tư cần thiết để có được các cơ sở sản xuất vũ khí trang bị phù hợp với yêu cầu của lực lượng vũ trang, đáp ứng những đòi hỏi của nhiệm vụ quốc phòng an ninh trong tình hình mới. □

1. Vài nét về mô hình "công ty mẹ - công ty con" trên thế giới

Công ty mẹ - công ty con là hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh được liên kết bởi nhiều pháp nhân kinh doanh, nhằm thống nhất mục tiêu chiến lược hợp nhất những nguồn lực của các doanh nghiệp, đồng thời thực hiện sự phân công, hợp tác theo chiến lược dài hạn hoặc kế hoạch ngắn hạn trong sản xuất kinh doanh giữa các doanh nghiệp

Một số vấn đề về mô hình "công ty mẹ - công ty con" ở Công ty CONSTREXIM

NGUYỄN CÚC* - NGUYỄN QUỐC HIỆP

để tạo ra sức mạnh tổng hợp, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh. Công ty mẹ giữ vai trò trung tâm đầu tư vốn vào các công ty con ; theo đó chi phối các công ty con theo nhiều cấp độ, tùy theo tỷ lệ vốn đầu tư vào những công ty đó. Mức độ đầu tư vốn của công ty mẹ vào các công ty con có thể là : Đầu tư 100% vốn, giữ cổ phần chi phối, hoặc cổ phần không chi phối. Các doanh nghiệp là công ty con tham gia mô hình này đều là những pháp nhân đầy đủ, liên kết với công ty mẹ theo những mức độ khác nhau : chặt chẽ, nửa chặt chẽ và không chặt chẽ.

Hiện nay trên thế giới có 3 loại công ty : công ty mẹ tài chính, công ty mẹ kinh doanh và công ty mẹ là đơn vị nghiên cứu khoa học.

Công ty mẹ tài chính chủ yếu thực hiện chức năng đầu tư vốn vào các công ty con chứ không tổ chức những hoạt động sản xuất - kinh doanh. Đó thường là các ngân hàng hoặc công ty tài chính, thực hiện nhiều loại hình kinh doanh khác nhau, với việc chủ yếu là giám sát tài chính nhằm mục tiêu nhận được nhiều cổ tức từ hoạt động đầu tư đó và khi có thời cơ có thể bán lại cổ phiếu để kiếm lời.

Công ty kinh doanh thực hiện kinh doanh ở một ngành nghề nào đó và thường có một hoạt động kinh doanh nòng cốt. Công ty mẹ là doanh nghiệp đầu đàn. Công ty mẹ có vốn, tài sản, tiềm năng lớn về công nghệ, có nhiều uy tín, đi tiên phong trong việc khai thác thị

trường ; liên kết, liên doanh làm đầu mối thực hiện các dự án lớn ; thực hiện chức năng trung tâm là xây dựng chiến lược, nghiên cứu phát triển, huy động và phân bổ vốn đầu tư, đào tạo nhân lực, sản xuất kinh doanh, phát triển các mối quan hệ đối ngoại. Quan hệ giữa công ty mẹ và công ty con dựa trên cơ sở hợp đồng kinh tế... Đây là mô hình khá thích hợp với điều kiện của các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay.

Công ty mẹ là các cơ quan - đơn vị nghiên cứu khoa học nhằm gắn nghiên cứu khoa học với sản xuất - kinh doanh, lấy phát triển khoa học - công nghệ mới làm cơ sở liên kết. Những công ty con là đơn vị sản xuất kinh

* PGS, TS.

doanh có nhiệm vụ ứng dụng nhanh kết quả nghiên cứu các công nghệ mới của công ty mẹ để chuyển giao nhanh các sản phẩm đó ra thị trường, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty con, đồng thời thu hồi vốn để tiếp tục đầu tư trở lại cho công ty nghiên cứu, sản xuất, thử nghiệm.

Do công ty mẹ là công ty hạt nhân có thực lực kinh tế mạnh nên thường có chức năng hoạch định chiến lược phát triển, khống chế và điều chỉnh mức độ chi phối vốn, tài sản vào các công ty con để hình thành một chỉnh thể hữu cơ. Ngoài việc chi phối vốn, công ty mẹ còn quyết định việc sử dụng người quản lý chủ yếu đối với các công ty con.

Các công ty con thuộc tầng liên kết chặt chẽ thường được công ty mẹ đầu tư 100% vốn. Tuy là pháp nhân độc lập nhưng công ty con được công ty mẹ chi phối thông qua việc thực hiện quyền chủ sở hữu. Công ty mẹ quyết định cơ cấu tổ chức quản lý, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các chức danh chủ yếu; quyết định điều chỉnh vốn điều lệ; phê duyệt phương án đầu tư theo quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng; quyết định nội dung, sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty; tổ chức giám sát, theo dõi, đánh giá hoạt động kinh doanh; thông qua báo cáo tài chính hằng năm, phương án sử dụng và phân chia lợi nhuận... Thông qua việc đầu tư, khống chế cổ phần, góp cổ phần, công ty mẹ cử người đại diện cho phần vốn góp để tham gia hội đồng quản trị của các công ty con. Các công ty con thuộc tầng liên kết chặt chẽ có thể tham gia góp tài sản để hình thành các công ty con của mình, nhưng phải được sự cho phép của công ty mẹ và các công ty con của những công ty con đó còn được gọi là các công ty cháu.

2. Sự thể nghiệm "công ty mẹ - công ty con" qua thực tế ở công ty CONSTREXIM và những vấn đề đặt ra

Công ty xây lắp, xuất nhập khẩu vật liệu và kỹ thuật xây dựng (CONSTREXIM) cũng như nhiều công ty khác của nước ta, sau đổi mới đã có được quyền tự chủ kinh doanh - một điều kiện thuận lợi cho sự phát triển. Sự can thiệp về hành chính của Nhà nước đã được xóa bỏ. Tuy vậy hoạt động của công ty còn gặp muôn vàn khó khăn, chủ yếu vẫn bó hẹp trong phần sở hữu nhà nước và quan hệ giữa công ty với các đơn vị thành viên chủ yếu vẫn là quan hệ hành chính nên chưa phát huy tính chủ động sáng tạo của các đơn vị thành viên. Việc hợp lực trong sản xuất kinh doanh chưa được gắn kết bằng quan hệ kinh tế, làm hạn chế sức mạnh tổng hợp...

Sự ra đời "công ty mẹ và công ty con" ở công ty CONSTREXIM chủ yếu được xây dựng trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại các đơn vị trực thuộc. Việc thành lập các công ty con sẽ được thực hiện theo hướng: trong những năm đầu tỷ trọng các công ty con 100% vốn nhà nước chiếm tỷ lệ lớn và tỷ trọng các công ty con cổ phần và công ty con trách nhiệm hữu hạn (TNHH) một thành viên chưa nhiều trong tổng số các công ty con. Như vậy, sẽ xuất hiện tình huống công ty mẹ (doanh nghiệp nhà nước độc lập) lại hình thành công ty con (doanh nghiệp nhà nước độc lập) trong khi mặc dù Luật Doanh nghiệp đã đề cập đến hình thức công ty con TNHH một thành viên, nhưng vấn đề này chưa có hướng dẫn cụ thể, nên đây cũng là điều cần được cho phép vận dụng một cách sáng tạo để thí điểm.

Cơ cấu tổ chức sản xuất - kinh doanh, quy mô và năng lực hiện tại của công ty hiện nay cũng không khác hoặc thua kém nhiều so với

một số tổng công ty 90. Chẳng hạn, hệ thống tổ chức sản xuất - kinh doanh của công ty hiện có 14 đơn vị đầu mối, ngoài ra có 2 liên doanh có vốn góp của công ty. Các đơn vị sản xuất này có mối liên kết về sản xuất công nghệ, tiêu thụ sản phẩm... Một số đơn vị trực thuộc có quy mô, năng lực tương đương với doanh nghiệp hạng I, hạng II của các doanh nghiệp nhà nước khác.

Hiện nay, theo Nghị định số 03/2000/NĐ-CP ngày 30-2-2000 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều luật của doanh nghiệp, Nhà nước đã cho phép các doanh nghiệp nhà nước được thực hiện chức năng là chủ sở hữu đối với công ty TNHH một thành viên. Do đó, về mặt pháp lý khi thành lập các công ty con 100% vốn nhà nước thì các công ty con này hoạt động sản xuất dưới hình thức công ty TNHH một thành viên. Tuy nhiên, đây cũng là một vấn đề cần nghiên cứu xử lý trong thời kỳ quá độ ở Việt Nam hiện nay ; bởi lẽ, những năm qua, bên cạnh các công ty TNHH thuộc kinh tế ngoài quốc doanh làm ăn có uy tín và hiệu quả thì cũng còn khá nhiều doanh nghiệp thua lỗ. Do đó, nhiều loại hình công ty TNHH chịu nhiều ảnh hưởng không tốt trong quan hệ với nhiều cơ quan quản lý và bạn hàng. Chính vì vậy, việc hình thành các công ty con hoạt động dưới hình thức các công ty TNHH một thành viên 100% vốn nhà nước của CONSTREXIM hiện nay cũng đang là một trở ngại trong việc thực hiện thí điểm mô hình tổ chức "công ty mẹ - công ty con".

Từ những điểm nêu trên, để tạo điều kiện cho công ty thực hiện được thí điểm mô hình tổ chức mới trong tình hình hiện nay, trên cơ sở nghiên cứu, vận dụng những cơ sở lý luận và kinh nghiệm của một số nước đã thực hiện, đồng thời căn cứ vào định hướng đổi mới

doanh nghiệp nhà nước trong những năm tới, việc xây dựng mô hình tổ chức "công ty mẹ - công ty con" của CONSTREXIM cần có sự vận dụng đối với các quy định hiện hành của Nhà nước cho phù hợp.

3. Cơ cấu tổ chức, cơ chế vận hành của mô hình "công ty mẹ - công ty con" ở CONSTREXIM và những kết quả bước đầu

Quyết định số 929/QĐ-TTg, có hiệu lực từ ngày 15-8-2001, Thủ tướng chính phủ đã chính thức phê duyệt đề án thí điểm mô hình tổ chức công ty mẹ - công ty con tại Công ty xây lắp, xuất nhập khẩu vật liệu và kỹ thuật xây dựng (CONSTREXIM) thuộc Bộ Xây dựng. Ngày 22-4-2002, CONSTREXIM ra mắt mô hình công ty mẹ - công ty con. Việc xây dựng mô hình tổ chức "công ty mẹ - công ty con" của CONSTREXIM nhằm đạt mục tiêu thông qua việc góp vốn, tài sản của công ty mẹ đối với các công ty con thực hiện đa dạng hóa sở hữu vốn nhà nước của Công ty : đa dạng hóa ngành nghề sản phẩm, trong đó tập trung phát triển những ngành nghề sản phẩm, mũi nhọn thuộc 3 lĩnh vực xây dựng, đầu tư kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp ; sản xuất - kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị xây dựng ; xuất nhập khẩu và xuất khẩu lao động. Trên cơ sở đó xây dựng công ty thành đơn vị mạnh, đủ năng lực để cạnh tranh có hiệu quả trên thị trường.

Công ty đã đổi mới tổ chức quản lý và tổ chức sản xuất - kinh doanh theo mô hình "công ty mẹ- công ty con", với nguyên tắc quản lý tập trung, dân chủ, bình đẳng và tôn trọng lợi ích chung, giảm bớt sự liên kết theo kiểu hành chính, tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, có hiệu lực, gắn kết với nhau bằng lợi ích kinh tế trên cơ sở hợp đồng kinh tế giữa

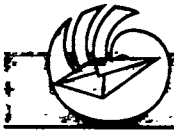
công ty mẹ với các công ty con và giữa các công ty con với nhau, trong đó công ty mẹ chi phối, ảnh hưởng đến các công ty con chủ yếu bằng việc đầu tư vốn, định hướng chiến lược kinh doanh.

Khi tham gia góp vốn để thành lập các công ty con, CONSTREXIM sẽ trở thành chủ đầu tư phần vốn góp. Do đó, CONSTREXIM có quyền quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật... người quản lý chủ chốt trong công ty con (nếu là công ty con 100% vốn nhà nước) hoặc cử người đại diện cho phần góp vốn tham gia hội đồng quản trị của các công ty con khác. Đồng thời với tư cách là công ty mẹ, Công ty được quyền quyết định phương hướng phát triển sản xuất, kinh doanh, phương thức huy động vốn, tăng giảm vốn nhà nước đã được đầu tư, phân phối kết quả kinh doanh, kiểm tra, giám sát hoạt động của các công ty con trên cơ sở điều lệ tổ chức và hoạt động đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Toàn bộ hoạt động sản xuất - kinh doanh của công ty mẹ và các công ty con CONSTREXIM được tiến hành trên cơ sở định hướng phát triển chung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tùy thuộc vào phương thức và mức vốn tham góp của công ty mẹ vào các công ty con mà có thể hình thành nhiều loại công ty con khác nhau. Nhưng mỗi công ty con đều chịu sự điều chỉnh của luật tương ứng. Công ty con là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thì chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp nhà nước; công ty con là công ty cổ phần, công ty TNHH thì chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp...

Áp dụng thí điểm mô hình này là phù hợp với đặc điểm hoạt động của công ty - đơn vị

kinh doanh đa dạng, hoạt động nhiều ngành nghề trong phạm vi cả nước, từ xây lắp công nghiệp, dân dụng, lắp đặt cơ điện, kết cấu thép đến xuất nhập khẩu vật liệu, thiết bị, xuất khẩu lao động, kinh doanh nhà, hạ tầng, sản xuất vật liệu xây dựng... Vì vậy đã thực sự tạo ra sức mạnh tổng hợp. Nhờ sự phối hợp chiến lược, tăng quy mô vốn đầu tư quy tụ của các công ty thành viên nên việc thi công các công trình trọng điểm đạt chất lượng và công ty đã có bước phát triển mạnh trên nhiều mặt. Doanh thu mỗi năm đạt gần 400 tỉ đồng. Công ty phát triển vững chắc trong thời gian qua, có nhiều đầu mối ở cả ba miền Bắc - Trung - Nam. Trong 2 năm (2000 - 2001), mức tăng trưởng của Công ty là 25 - 30%. Công ty còn làm được việc tăng cường tích tụ, tái đầu tư đổi mới công nghệ, làm tốt nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, cải thiện đời sống cho người lao động. Tuy chưa thực sự trở thành công ty mẹ, công ty con đầy đủ nhưng công ty đã phát huy được tính chủ động sáng tạo của các đơn vị thành viên, đồng thời phối hợp phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Kết quả hoạt động đạt được của CONSTREXIM đã góp phần nâng cao uy tín và năng lực cạnh tranh của công ty trên thị trường. Điều đó thể hiện qua thực tế hiện nay đang có một số doanh nghiệp bên ngoài (gồm doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác) có ý định tự nguyện gia nhập làm thành viên của CONSTREXIM và để mở rộng quy mô, năng lực hoạt động, công ty có thể chấp nhận các đơn vị này làm thành viên của mình nếu được Nhà nước cho phép. Đây cũng là một trong những biện pháp đã được nhiều nước sử dụng nhằm thúc đẩy sự tích tụ, tập trung cho công ty trong quá trình phát triển. □



Đổi mới cách nghĩ, cách làm đối với chương trình hành động của đại biểu Quốc hội

NGUYỄN ĐÌNH TẬP *

CƯỚC bầu cử Quốc hội khóa XI đã kết thúc tốt đẹp; toàn bộ công tác tuyên truyền, vận động, tổ chức bầu cử đã khép lại và đang được tổng kết. Nhưng theo tôi, còn có một vấn đề rất quan trọng trong vận động bầu cử, càng quan trọng hơn sau bầu cử và trong suốt nhiệm kỳ của Quốc hội. Đó là, làm thế nào để thực hiện được những điều mà đại biểu Quốc hội đã hứa trong chương trình hành động (CTHD) của mình khi vận động bầu cử. CTHD của đại biểu Quốc hội là rất quan trọng bởi vì:

Trước hết, nó được các đại biểu chuẩn bị kỹ, với sự đầu tư cao về sức lực, trí tuệ. Nó chẳng những phản ánh rất sát trình độ, năng lực về mọi mặt của đại biểu, lại còn phản ánh phần nào nhu cầu nguyện

vọng của cử tri trong khu vực bầu cử. Nó là cái mà các đại biểu dùng để "thể hiện mình" trước cử tri, trình bày chính kiến của mình về một số vấn đề mà đại biểu tâm huyết nhất. Tóm lại, CTHD là một sản phẩm trí tuệ của đại biểu Quốc hội.

Trước bầu cử, CTHD là một loại thông tin có độ tin cậy để cử tri nhận thức, đánh giá, sát hạch và lựa chọn người xứng đáng đại diện cho mình tham gia cơ quan quyền lực cao nhất của nhân dân. Sau bầu cử, nó là căn cứ để cử tri đối chiếu, giám sát, đánh giá hoạt động của các đại biểu Quốc hội. Đồng thời, nó còn là cái có tác dụng nhắc nhở, hối thúc đại biểu Quốc hội thực thi những gì đã hứa trước cử tri khi tranh cử.

Cử tri coi CTHD là sự cam kết của đại biểu Quốc hội khi vận động bầu cử. Vì vậy, việc thực thi CTHD như thế nào, sẽ ảnh hưởng quyết định đến lòng tin và sự tín nhiệm của cử tri đối với những đại biểu Quốc hội và Quốc hội. Theo dõi các phóng sự do các phóng viên đài, báo trung ương và địa phương thực hiện tại một số hòm phiếu bầu cử Quốc hội khóa XI ngày 19-5-2002, chúng ta thấy, tất cả các cử tri được phỏng vấn, đều đặc biệt quan tâm đến hiệu quả hoạt động của Quốc hội trong suốt nhiệm kỳ và việc thực thi những gì mà các đại biểu đã hứa với cử tri. Đại biểu nào hứa nhiều làm ít, hoặc nói hay làm dở đều đánh mất lòng tin của cử tri. Kết quả thực thi CTHD của đại biểu Quốc hội có tác động nhiều mặt. Một mặt, nếu được thực hiện tốt sẽ góp phần xây dựng, củng cố và phát triển niềm tin của cử tri đối với các đại biểu cũng như đối với toàn thể Quốc hội; ngược lại, tác hại sẽ không nhỏ. Mặt khác, nó là sự thể hiện tinh thần trách nhiệm của đại biểu Quốc hội khi đã trở thành người đại diện cho nhân dân.

* TS Triết học, Phó Viện trưởng, Viện nghiên cứu Chiến lược và Khoa học Công an, Bộ Công an

Chúng tôi thật sự băn khoăn khi đứng trước một vấn đề quan trọng như thế, nhưng lâu nay chúng ta nhận thức và hành động cũng chưa đầy đủ. Trước bầu cử, CTHĐ chưa được quảng bá rộng rãi cho phần lớn cử tri biết. Sau bầu cử, chưa quy định nơi nào có trách nhiệm lưu giữ CTHĐ của các đại biểu Quốc hội để bất kỳ một công dân nào cần tìm hiểu đều có thể dễ dàng tìm được. Trong nhiệm kỳ Quốc hội, vấn đề đại biểu Quốc hội báo cáo với nhân dân về tình hình thực thi CTHĐ chưa được quy định thành một chế độ công tác bắt buộc; Quốc hội cũng chưa có cơ chế kiểm tra, đánh giá tình hình thực thi CTHĐ của mỗi đại biểu ...

Những thiếu sót trên đây làm hạn chế tác dụng của CTHĐ, dẫn đến tình trạng một số cử tri thiếu quan tâm và có phần thiếu tin tưởng tính khả thi của nó. Có những vị khi đã trúng cử, thiếu chuyên tâm thích đáng đến CTHĐ mà chính mình đã báo cáo trước cử tri; một số đoàn đại biểu Quốc hội chưa nắm và chưa có kế hoạch giúp các đại biểu tổ chức thực hiện CTHĐ mà họ đưa ra khi vận động bầu cử.

Phải làm gì để góp phần khắc phục những hạn chế trên, nâng cao chất lượng thực tế việc xây dựng và thực thi

CTHĐ của đại biểu Quốc hội? Chúng tôi cho rằng, phải tìm ra phương cách để đồng thời thực hiện cả ba việc dưới đây:

1. Nâng cao trách nhiệm của đại biểu Quốc hội trong việc thực thi CTHĐ của mình.

2. Tăng cường sự giám sát của cử tri trong khu vực bầu cử đối với việc thực thi CTHĐ của đại biểu Quốc hội.

3. Quốc hội cần có cơ chế theo dõi, giúp đỡ và đánh giá tình hình thực thi CTHĐ của các đại biểu.

Thực hiện đồng thời cả ba vấn đề trên đây, chắc chắn sẽ hợp thành lực đẩy chung, tác động có hiệu quả việc thực thi CTHĐ của đại biểu Quốc hội.

Về biện pháp cụ thể, chúng tôi xin nêu một số việc cần làm ngay nhằm vào ba hướng chính nêu trên.

Trước hết, Quốc hội khóa XI nên yêu cầu tất cả các đại biểu hoàn chỉnh CTHĐ của mình thành văn bản chính thức, nộp lưu tại Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Đoàn đại biểu Quốc hội của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; nên đăng tải các CTHĐ này trên báo địa phương và phát thanh trên đài truyền thanh địa phương (quận, huyện, phường, xã...). Việc phát thanh này không chỉ một lần mà nên trích nhắc lại nhiều lần vào thời điểm

trước và sau kỳ họp thường niên của Quốc hội. Đồng thời, mỗi đoàn đại biểu Quốc hội nên in CTHĐ của các đại biểu thuộc đoàn mình thành một tập riêng, phát hành rộng rãi, được lưu giữ tại các thư viện, tủ sách địa phương... Làm được như thế thì bất kỳ cử tri nào có nhu cầu về vấn đề này đều có tài liệu để tìm hiểu. Việc làm này vừa có tác dụng nhắc nhở đại biểu Quốc hội về CTHĐ của mình, vừa có tác dụng xây dựng củng cố niềm tin cho cử tri trong khu vực về những điều mà đại biểu Quốc hội đã hứa hẹn và cam kết với họ.

Hai là, các đại biểu Quốc hội cho dù làm việc ở các cơ quan trung ương hay ở địa phương, nên định kỳ trở về khu vực bầu cử mình đã ứng cử và đặc cử để tiếp xúc cử tri. Phải coi đây là yêu cầu bắt buộc trong hoạt động của đại biểu Quốc hội. Thực hiện được như thế mới thực sự tôn trọng cử tri nơi đã lựa chọn và bầu làm người đại diện cho họ. Về nội dung các lần tiếp xúc này, cùng với việc thu thập ý kiến, nguyện vọng của nhân dân (trước mỗi kỳ họp), báo cáo với nhân dân kết quả các kỳ họp của Quốc hội (sau mỗi kỳ họp)... còn phải báo cáo với cử tri tình hình thực thi CTHĐ và trả lời các câu hỏi của cử tri liên quan đến CTHĐ để cử tri thực

hiện quyền giám sát, đánh giá của họ. Nói đi đôi với làm đang là phương châm hành động của chúng ta. Đại biểu Quốc hội càng phải tiên phong, gương mẫu về vấn đề này. Những vấn đề đã hứa hẹn cam kết với nhân dân thì phải thực hiện và phải báo cáo lại kết quả trước cử tri, đó cũng là việc bình thường nên làm.

Ba là, Quốc hội khóa XI nên giao cho các Đoàn đại biểu Quốc hội của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nhiệm vụ theo dõi, giúp đỡ các đại biểu thuộc đoàn mình tổ chức thực hiện có kết quả CTHĐ. Các Đoàn đại biểu Quốc hội cần coi đây là một nhiệm vụ quan trọng, một trách nhiệm cao quý trước cử tri. Vấn đề này xưa nay có thể chưa đặt ra, nay nên đặt ra một cách rõ ràng. Theo chúng tôi, Đoàn đại biểu Quốc hội có khả năng nắm sát nhất tình hình hoạt động của các thành viên. Do chỗ tuyệt đại bộ phận các thành viên của Đoàn cùng hoạt động trong một tỉnh, thành phố ; tất cả lại cùng tham gia mọi hoạt động chung của Quốc hội, cho nên họ có khả năng nhất trong việc đánh giá, so sánh hiệu quả hoạt động của các thành viên so với CTHĐ của mỗi người ; có khả năng thích hợp nhất trong việc giúp đỡ các thành viên thực thi CTHĐ. Trong cơ chế hoạt động hiện

nay của Quốc hội, không còn tổ chức nào có khả năng thực hiện tốt hơn nhiệm vụ này.

Bốn là, nhiệm kỳ hoạt động của Quốc hội là 5 năm. Trong thời gian đó, thực tiễn cách mạng luôn vận động và trình độ nhận thức, khả năng hoạt động của đại biểu Quốc hội cũng không ngừng vận động. Để đảm bảo tính tiên tiến, cập nhật và chất trí tuệ của CTHĐ, sau 3 năm hoạt động, các đại biểu Quốc hội nên rà soát, sơ kết lại việc thực thi CTHĐ, bổ sung những vấn đề mới cho phù hợp với sự phát triển của tình hình trong, ngoài nước và sự phát triển nhận thức, năng lực của mỗi đại biểu. Chắc chắn rằng chất trí tuệ, tính thực tiễn và tính khả thi của CTHĐ mới sẽ cao hơn nhiều so với bản đưa ra khi vận động bầu cử. Như vậy, CTHĐ của đại biểu Quốc hội mới bắt nhịp được sự phát triển sống động của thực tiễn cách mạng của đất nước ; và qua đó, phản ánh trình độ, năng lực của mỗi đại biểu.

Năm là, Quốc hội khóa XI nên giao cho cơ quan giúp việc tập hợp tất cả CTHĐ của 498 đại biểu Quốc hội, in thành một tập sách truyền thống, trang trọng (có thể coi đó là tập kỷ yếu số 1). Tài liệu này sẽ có giá trị rất nhiều mặt :

- Đó là bản tập hợp sản phẩm trí tuệ (sáng kiến, đề xuất, kiến nghị...), của tất cả các đại biểu Quốc hội trước cử tri, được phát ra trong thời khắc đặc biệt quan trọng khi vận động bầu cử.

- Là bản ghi nhớ tất cả những gì đại biểu Quốc hội đã long trọng hứa với cử tri trong vận động bầu cử ; căn cứ để cử tri cả nước theo dõi và đánh giá tình hình thực thi CTHĐ của đại biểu Quốc hội, xây dựng thêm niềm tin đối với Quốc hội.

- Là một trong những tài liệu tham khảo để đối chiếu, so sánh nhằm cân nhắc lựa chọn các đại biểu cần được giới thiệu tái cử khóa tiếp sau.

Chúng tôi tin tưởng sâu sắc rằng, làm được 5 việc trên đây, trách nhiệm của đại biểu Quốc hội đối với CTHĐ của mình sẽ nâng cao hơn ; sự giám sát của cử tri có cơ sở hơn và được phát huy tốt hơn ; niềm tin của cử tri đối với CTHĐ của đại biểu Quốc hội sẽ sâu sắc hơn ; quan hệ ràng buộc giữa cử tri với đại biểu Quốc hội xung quanh những cam kết trong CTHĐ đi vào thực chất hơn. CTHĐ của đại biểu Quốc hội sẽ đạt được sự phát triển mới về chất, trở thành một trong những cầu nối thường xuyên, vững chắc giữa nhân dân với cơ quan đại biểu nhân dân cao nhất. □



BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG - NHIỆM VỤ CHUNG CỦA TOÀN NHÂN LOẠI

PHẠM THỊ NGỌC TRÂM *

TRONG thời đại ngày nay, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững không còn là vấn đề của riêng một quốc gia, một khu vực, mà đã thực sự trở thành mối quan tâm toàn cầu. Do vậy, việc xem xét, giải quyết vấn đề này cũng không thể tiến hành riêng lẻ ở từng nước, cho dù nước đó có giàu mạnh, có tiềm lực to lớn đến mức nào đi chăng nữa. Thực tế nguy cấp, phức tạp và nan giải của các vấn đề về môi trường và phát triển bền vững đang đòi hỏi phải có sự hợp tác quốc tế và nỗ lực lớn của toàn nhân loại. Cộng đồng quốc tế trong hơn 30 năm qua đã rất tích cực hoạt động vì sự sống và phát triển của mái nhà chung - Trái Đất - của chúng ta. Việt Nam đã tích cực tham gia vào quá trình này.

Sự kiện lớn đầu tiên đánh dấu việc hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là "Hội nghị của Liên hợp quốc về Môi trường - Con người" họp tại Xtóc-khôm (Thụy Điển) từ ngày 5 đến 16-6-1972. Điều quan trọng mà Hội nghị xem xét là *nhu cầu cần có một quan điểm chung và những nguyên tắc chung để hướng mọi dân tộc trên thế giới vào quá trình gìn giữ và làm tốt đẹp hơn môi trường sống của con người*. Hội nghị đã đưa ra Tuyên bố chung gồm có 7 điểm và 26 nguyên tắc ⁽¹⁾. Tuyên bố đặc biệt nhấn mạnh và nói nhiều đến hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường: "Bảo vệ và cải thiện

môi trường là một vấn đề lớn có ảnh hưởng tới phúc lợi của mọi dân tộc và phát triển kinh tế trên toàn thế giới: đó là khao khát khẩn cấp của các dân tộc trên khắp thế giới và là nhiệm vụ của mọi chính phủ... Hội nghị kêu gọi các chính phủ và các dân tộc cố gắng dành những nỗ lực chung để gìn giữ và cải thiện môi trường, vì lợi ích của mọi người và con cháu chúng ta". Từng nguyên tắc của bản Tuyên bố đều nhắc đến mối liên quan chặt chẽ giữa các vấn đề môi trường trong phạm vi quốc gia và quốc tế, và vì vậy, rất cần có sự hợp tác quốc tế để giải quyết chúng.

Một trong những kết quả đánh dấu thành công đầu tiên của Hội nghị Liên hợp quốc về Môi trường - Con người là *ngày 5 tháng 6 hằng năm đã được lấy làm Ngày môi trường thế giới*. Nhiều tổ chức chính phủ và phi chính phủ về bảo vệ môi trường đã được thành lập; ở tầm hẹp hơn, một số hội nghị quốc tế và khu vực về bảo vệ môi trường đã được nhóm họp. Các hoạt động về bảo vệ môi trường đã được đẩy mạnh và mở rộng hơn so với trước đó. Tuy nhiên, bất chấp những nỗ lực của cộng đồng quốc tế, cùng với sự tăng trưởng nhanh chóng của nền kinh tế thế giới, chủ yếu là ở các nước công nghiệp phát

* PGS, TS Triết học, Viện Triết học, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia

(1) Xem: *Các Công ước quốc tế về bảo vệ môi trường*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr 7 - 18

triển, tình trạng môi trường sống trên Trái đất không những không được cải thiện, mà ngược lại, ngày càng diễn biến phức tạp hơn. Nguy cơ khủng hoảng sinh thái cục bộ và toàn cầu cũng ngày càng lớn hơn. Tròn 20 năm sau ngày Hội nghị Môi trường thế giới lần thứ nhất, *Hội nghị Liên hợp quốc về Môi trường và Phát triển* đã được nhóm họp từ 3 đến 16-6-1992 tại Ri-ô đê Gia-nê-rô (Bra-xin) với sự tham gia của các nguyên thủ quốc gia của hơn 170 nước trên thế giới. Một lần nữa, vấn đề bảo vệ môi trường được đặt ra một cách cấp thiết hơn và với một tầm nhìn cao hơn và bao quát hơn. Đó là sự kết hợp chặt chẽ giữa mục tiêu bảo vệ môi trường với mục tiêu phát triển xã hội. Hội nghị đã nhất trí lấy *Phát triển bền vững* làm mục tiêu của toàn nhân loại trong thế kỷ XXI và đã đưa ra một chương trình hành động quốc tế mang tên "Lịch trình thế kỷ XXI". Nhiều quốc gia cũng đã xuất phát từ mục tiêu *Phát triển bền vững* và nội dung của "Lịch trình thế kỷ XXI" của Hội nghị để xây dựng "Lịch trình quốc gia cho thế kỷ XXI" của nước mình.

Nếu như Hội nghị Liên hợp quốc về Môi trường ở Xốt-khôm (1972) mới đặt ra vấn đề phải có *một quan điểm chung và những nguyên tắc chung*, để hướng sự quan tâm của mọi dân tộc trên thế giới vào việc bảo vệ và cải thiện môi trường sống, thì Tuyên bố của Hội nghị Ri-ô đê Gia-nê-rô (1992) ⁽²⁾ đã nói đến sự cần thiết *phải có những hoạt động để đạt đến những hiệp định quốc tế* nhằm tôn trọng quyền lợi của mọi người, mọi dân tộc và bảo vệ sự toàn vẹn của hệ thống môi trường và phát triển toàn cầu. Và, cũng ở đây, lần đầu tiên, một hội nghị tầm cỡ quốc tế về môi trường đã chính thức *công nhận bản chất toàn vẹn, chính thể và phụ thuộc lẫn nhau của Trái Đất - ngôi nhà chung của chúng ta*. Cụ thể hơn, nguyên tắc thứ 7 của Tuyên bố đã chỉ rõ : "Các quốc gia cần hợp tác trong tinh thần chung lưng đấu cật để gìn giữ, bảo vệ và phục hồi sự lành mạnh và tính toàn

vẹn của hệ sinh thái Trái đất...", đồng thời cho rằng, vì các nước làm suy thoái môi trường ở những mức độ khác nhau, do đó cũng có trách nhiệm khác nhau trong việc giải quyết vấn đề môi trường. Nhiệm vụ này đặc biệt nặng nề đối với các nước phát triển, vì những hậu quả tiêu cực do sự phát triển xã hội của họ đang gây áp lực mạnh mẽ lên môi trường toàn cầu.

Tuyên bố của Hội nghị thượng đỉnh 1992 đã đưa ra 27 nguyên tắc hoạt động nhằm gắn chặt nhiệm vụ bảo vệ môi trường với sự phát triển bền vững của xã hội. Các nguyên tắc đó xuyên suốt toàn bộ các hoạt động cơ bản của xã hội như : kinh tế, khoa học - công nghệ, luật pháp, thông tin, văn hóa, phòng chống thiên tai và các biến cố môi trường, hợp tác quốc tế v.v... Bản Tuyên bố đặc biệt chú ý đến vấn đề chiến tranh và hòa bình, được nhắc đến trong 3 nguyên tắc : 24, 25, 26. Nguyên tắc 25 khẳng định : "Hòa bình, phát triển và bảo vệ môi trường phụ thuộc vào nhau và không thể chia cắt được". Cuối cùng, nguyên tắc 27 kêu gọi : "Các quốc gia và các dân tộc cần hợp tác với tinh thần chung lưng đấu cật trong việc thực hiện các nguyên tắc trong bản Tuyên bố này và trong sự phát triển hơn nữa luật pháp quốc tế trong lĩnh vực phát triển bền vững".

Tất cả các nguyên thủ quốc gia của hơn 170 nước và khu vực tham gia Hội nghị đã ký vào bản Tuyên bố. Đó là bản cam kết hợp tác quốc tế đầu tiên trên phạm vi toàn cầu trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Ngoài ra, còn có rất nhiều các cuộc hội nghị, hội thảo quốc tế và khu vực được tổ chức ở nhiều nơi. Nhiều tổ chức quốc tế về bảo vệ môi trường được thành lập, như : "Tổ chức hòa bình xanh", "Hội bảo vệ động vật quý hiếm", "Hội đồng thế giới về môi trường và phát triển", "Quỹ bảo vệ động vật hoang dã", v.v...

(2) Xem : *Các Công ước quốc tế về bảo vệ môi trường*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr 30 - 37

Từ các cuộc hội thảo, hội nghị quốc tế, nhiều Công ước quốc tế về bảo vệ môi trường đã được ban hành, như : "Công ước về bảo vệ di sản văn hóa và tự nhiên của thế giới" (đã được thông qua tại kỳ họp thứ 17 của Đại hội đồng UNESCO tại Pa-ri ngày 16-11-1972), "Công ước Viên về bảo vệ tầng ô-zôn" (Viên, 1985), "Nghị định thư Môn-trê-an về các chất làm suy giảm tầng ô-zôn", đã công bố, sửa đổi và hoàn chỉnh vào các năm 1990 (tại Luân-đôn), 1991 (tại Nai-rô-bi) và 1992 (tại Cô-pen-ha-gen), "Công ước BASEL về kiểm soát việc vận chuyển qua biên giới các phế thải nguy hiểm và việc tiêu hủy chúng" (Niu Oóc, 1990), "Công ước khung về thay đổi khí hậu của Liên hợp quốc" (Niu Oóc, 1992), "Công ước về đa dạng sinh học" (Ri-ô đê Gia-nê-rô, 1993), "Nghị định thư Ky-ô-tô về giảm lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính làm cho trái đất ấm dần lên" (1997), v.v...

Điều chung nhất trong các bản Tuyên bố, các Công ước, Nghị định thư là đều đã đưa việc nhận thức, ý thức lên hàng đầu, trước khi đưa ra những nguyên tắc hành động cụ thể trong từng lĩnh vực của hoạt động bảo vệ môi trường. Như vậy là, trải qua hàng chục nghìn năm sống gần bó với thiên nhiên, thích nghi, cải tạo và biến đổi môi trường sống, ngày nay con người đã bắt đầu nhận thức được những hậu quả do hoạt động tự phát của mình mang đến cho môi trường, cũng như ý thức được những sai lầm của việc tách rời sự phát triển xã hội ra khỏi vấn đề bảo vệ môi trường. Sự tự ý thức và sự nhận thức của con người và cộng đồng quốc tế về tính chất cấp bách của các vấn đề môi trường có vai trò và ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc xem xét, nghiên cứu, giải quyết chúng ở tầm quốc gia cũng như quốc tế.

Ngày nay, tiềm năng sinh sản và phát triển của các hệ sinh thái tự nhiên, cũng như hệ sinh thái nhân văn không chỉ phụ thuộc vào các điều kiện thiên nhiên vốn có như khí hậu, ánh sáng,

quỹ gien, tác động của vũ trụ v.v... mà còn phụ thuộc rất chặt chẽ vào trình độ phát triển của khoa học - công nghệ, cũng như trình độ tổ chức, quản lý của xã hội trong việc khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Hơn nữa, môi trường là vấn đề có tính chất liên ngành, liên vùng, liên quốc gia, do đó không thể có một biên giới cụ thể nào. Làm sao có thể vạch được đường biên cho bầu khí quyển, cho nước ở biển và đại dương, cho dòng chảy của các con sông, các mạch nước ngầm, cho chim trời, cá nước v.v... Vấn đề môi trường ngày nay còn liên quan rất chặt chẽ với vấn đề chiến tranh và hòa bình, vấn đề dân số, vấn đề lương thực và thực phẩm - không chỉ là chuyện thiếu thốn mà cả vệ sinh an toàn - đang có liên quan đến tính mạng, sự sống của hàng tỉ con người trên hành tinh ; vấn đề sức khỏe và bệnh tật của cả cộng đồng quốc tế...

Con người ngày nay đang sống trong một thế giới rộng mở và hội nhập. *Do vậy, mọi hoạt động của con người, trước hết là các hoạt động trong lĩnh vực kinh tế, đều có liên quan chặt chẽ với nhau và cuối cùng đều có tác động đến môi trường sống của Trái Đất - ngôi nhà chung của chúng ta* - như Hội nghị Liên hợp quốc về Môi trường và Phát triển 1992 đã tuyên bố. Chính vì vậy, hơn lúc nào hết, sự hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và phát triển bền vững đang trở thành một trong những nhu cầu bức xúc nhất của mọi quốc gia, dân tộc trên toàn thế giới.

Việt Nam là một nước đang phát triển, tiềm năng kinh tế còn rất hạn chế, cho nên việc hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và phát triển bền vững là vô cùng cần thiết và cũng vô cùng quý báu. Nhận thức được điều đó, chính phủ Việt Nam đã rất tích cực tham gia các cuộc hội thảo, hội nghị quốc tế và khu vực về vấn đề này. Năm 1992, chính phủ Việt Nam đã tham gia phê chuẩn và ký kết vào bản Tuyên bố của Hội nghị Liên hợp quốc về Môi trường và

Phát triển ở Ri-ô đờ Gia-nê-rô (Bra-xin). Việt Nam còn tham gia xây dựng, phê chuẩn và ký kết hàng chục Công ước, Nghị định thư quốc tế về bảo vệ môi trường, trong đó có hầu hết các Công ước và Nghị định thư đã nêu ở trên.

Ngoài việc tham dự và ký kết các Công ước quốc tế, Việt Nam đã bước đầu tham gia vào các hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo nhiều phương thức như : hợp tác đa phương, hợp tác song phương, hợp tác khu vực và hợp tác toàn cầu. Quan hệ hợp tác của Việt Nam với các tổ chức quốc tế về môi trường như UNEP (Chương trình môi trường của Liên hợp quốc), WWF (Quỹ bảo vệ động vật hoang dã), IUCN (Liên hiệp quốc tế về bảo tồn thiên nhiên và tài nguyên tự nhiên), UNDP (Chương trình phát triển Liên hợp quốc), FAO (Tổ chức nông - lương của Liên hợp quốc) v.v... ngày càng phát triển, có ý nghĩa rất quan trọng và đã mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho công tác bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta. Đồng thời, Việt Nam cũng đang tích cực hợp tác với các nước trong khu vực trong công tác quản lý, bảo vệ môi trường và phát triển xã hội. Hiện nay, Việt Nam đang là thành viên chính thức của Tổ chức các quan chức cao cấp về môi trường của các nước ASEAN (ASOEN). Chúng ta cũng đã tranh thủ sự trợ giúp về tài chính và kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, theo phương thức quan hệ song phương giữa Việt Nam với một số nước có tiềm lực kinh tế mạnh như : Thụy Điển, Hà Lan, Ô-xtrây-li-a, Đan Mạch, Ca-na-đa, Nhật Bản, Pháp, v.v...

Cho đến nay, một số dự án hợp tác quốc tế về môi trường đã bước đầu đạt được những kết quả khả quan. Trong đó, đặc biệt có các dự án như : Dự án SIDA/IUCN về tăng cường năng lực quản lý môi trường, Dự án VCEP về chương trình môi trường Việt Nam, Dự án về bảo vệ đa dạng sinh học GEF, Dự án UNEP/COBSEA về môi trường biển, Chương trình nước sạch

và vệ sinh môi trường với sự trợ giúp của UNICEP, v.v...

Những cố gắng của Việt Nam trong lĩnh vực này đã được Phó Thủ tướng Phạm Gia Khiêm khẳng định, tại Hội nghị cấp cao thế giới về phát triển bền vững, họp ở Giô-han-ne-xbôt (Nam Phi) từ 26-8-2002 đến 4-9-2002, rằng : "Tại Hội nghị Ri-ô đờ Gia-nê-rô năm 1992, Chính phủ Việt Nam đã cam kết thực hiện đầy đủ Chương trình nghị sự 21. Mười năm thực hiện các cam kết đó, Việt Nam đã phát huy cao độ nội lực, chủ động hội nhập với phương châm "tăng trưởng nhanh về kinh tế đi đôi với thực hiện công bằng xã hội và bảo vệ môi trường"..."

Mỗi quốc gia là một yếu tố không thể tách rời của cái chỉnh thể thế giới loài người, là một bộ phận của mái nhà chung Trái Đất. Do vậy, việc hợp tác quốc tế bằng phương thức ký kết các Công ước quốc tế, các Tuyên bố, Nghị định thư chung về bảo vệ môi trường, cũng như sự hợp tác đa phương hoặc song phương trong các Chương trình bảo vệ môi trường và phát triển bền vững là rất cần thiết, nhưng chưa đủ. Bảo vệ môi trường là sự nghiệp chung của toàn nhân loại. Trong đó, mỗi con người sống trên Trái đất đều có trách nhiệm và nghĩa vụ của mình, chứ không phải chỉ có riêng chính phủ và các cơ quan hữu trách. Trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi người, một mặt, là phải bảo vệ và cải thiện môi trường sống của quê hương, đất nước mình, mặt khác, không được xâm hại đến môi trường của các quốc gia khác.

Bảo vệ môi trường Trái đất là nhiệm vụ chung của toàn nhân loại. Bởi vậy, sự hợp tác quốc tế và khu vực trong lĩnh vực này luôn cần thiết. Mỗi việc làm tích cực, có trách nhiệm của mỗi cá nhân, mỗi dân tộc, mỗi đất nước trong các hoạt động bảo vệ môi trường đều góp phần làm cho ngôi nhà Trái đất của chúng ta luôn xanh, sạch, đẹp, vì sự sống an toàn, mạnh khỏe của mỗi người và sự phát triển bền vững của xã hội loài người. □

Cuộc chiến chống chủ nghĩa khủng bố toàn cầu của Mỹ : **QUA MỘT CHẶNG ĐƯỜNG**

TRẦN TRỌNG

Kể từ khi chính quyền Mỹ phát động cái gọi là "Cuộc chiến chống chủ nghĩa khủng bố toàn cầu" (CNKBTC) đến nay, đã trải qua một chặng đường gần một năm.

Đã đến lúc có đủ thực tế để xem xét một cách tổng quát cuộc chiến đó.

I

CHỈ CÓ NẠN KHỦNG BỐ. KHÔNG CÓ CHỦ NGHĨA KHỦNG BỐ TOÀN CẦU. CHỐNG KHỦNG BỐ CHỦ YẾU LÀ VẤN ĐỀ NỘI TRỊ CỦA MỖI NƯỚC

Khẳng định trên tưởng như rất đơn giản, nhưng phải mất một thời gian, qua cơn choáng váng ban đầu do tác động từ thảm họa 11-9-2001, nhân dân Mỹ, các giới nghiên cứu và dư luận mới dần dần nhận ra rằng : làm gì có cái gọi là "Chủ nghĩa khủng bố toàn cầu". Vụ khủng bố 11-9-2001 ở Mỹ, dù quy mô và tác động đến như thế nào, cũng chỉ là một trong hàng trăm vụ khủng bố rời rạc liên tiếp xảy ra trong nhiều năm qua ở Mỹ, Anh, Tây Ban Nha, Nga, An-giê-ri... mà thôi. Những vụ đó thường do các nhóm, các tổ chức phe phái hoặc cá nhân, có nguồn gốc dân tộc, tôn giáo rất khác nhau, phần lớn chẳng có quan hệ gắn kết gì với nhau, thực hiện. Trên thế giới, cho đến nay, chưa hề có quốc gia nào

lấy khủng bố làm quốc sách chủ đạo, coi khủng bố là chủ nghĩa, là mục tiêu để tôn thờ và đeo đuổi !

Nhiều cuộc hội thảo khoa học gần đây đều xác định : *Chống khủng bố chủ yếu là lĩnh vực đối nội, là vấn đề nội trị của từng quốc gia*. Dĩ nhiên, trong quan hệ đối ngoại, vấn đề chống khủng bố nhiều khi cũng cần có sự phối hợp giữa hai hay nhiều nước để trao đổi thông tin hoặc hợp tác về hình sự một cách trực tiếp hoặc thông qua tổ chức In-te-rn, nhưng như vậy chưa thể gọi là "chống khủng bố toàn cầu" theo đúng nghĩa của cụm từ này.

Sau khi chiến tranh "trả đũa" ở Áp-ga-ni-xtan bắt đầu một thời gian ngắn, dư luận Mỹ đã nhận ngay ra điều đó. Nhiều cuộc biểu tình phản đối liên tiếp nổ ra với sự tham gia của hàng vạn người. Có phong trào phản kháng được báo chí Mỹ đánh giá là "sự quy tụ rộng rãi nhất các tầng lớp trong xã hội Mỹ", bao gồm cả giới trí thức, nhà văn, nhà báo có tên tuổi, lên tiếng phản đối chính quyền G.W. Bu-sơ chỉ cao giọng chống khủng bố toàn cầu mà không bảo vệ được an ninh trong nước. Một công trình tổng kết của Viện Brúc-kinh nhan đề : *"Bảo vệ an ninh nội địa Mỹ"* cũng chỉ thẳng ra sự bất lực về nội trị của chính quyền Mỹ.

Trong khi Oa-sinh-ton đổ quân, đổ súng, chống khủng bố ở nước ngoài thì tình hình hoạt động khủng bố trong nước Mỹ rất đáng lo ngại. Mới cách đây không lâu, một sinh viên Mỹ đã đặt 18 quả bom tự tạo ở 5 bang để tiến hành khủng bố. Theo Cục điều tra liên bang Mỹ (FBI), từ 1995 trở lại đây, họ đã lập được hồ sơ gồm từ 10000 đến 40000 người Mỹ có chân trong các nhóm khủng bố. Báo chí Mỹ vạch ra rằng : trước sự kiện 11-9-2001 khoảng một tháng, các cơ quan tình báo đã cho Nhà trắng biết những thông tin về vụ khủng bố sắp xảy ra ở Niu Oóc và Oa-sinh-ton.

Trước phản ứng sục sôi của dư luận và sự bức xúc của tình hình an ninh, một số người trong chính giới Mỹ tỏ rõ thái độ bức bối, phần nộ trước sự bất lực của chính quyền. Nhiều nghị sỹ Quốc hội lên tiếng kiên quyết đòi tổng thống G.W. Bu-sơ phải ra điều trần để truy cứu trách nhiệm. Lúc đầu, Nhà trắng chống chế, tìm cách từ chối, nhưng cuối cùng cũng phải ra điều trần. Nội dung điều trần được giữ kín. Các giới quan sát cho rằng bằng những gì về an ninh đối nội mà chính quyền G.W. Bu-sơ phải làm dồn dập và có phần vội vàng sau cuộc điều trần, có thể biết được nội dung cuộc điều trần. Đó là một loạt biện pháp lớn, nhỏ như : tổ chức lại lực lượng an ninh, cải tổ lại cơ quan FBI, củng cố lại CIA, chuẩn bị để công bố chiến lược an ninh nội địa (dài hơn 100 trang). Chủ trương lớn hơn cả là thành lập một bộ mới trong nội các - gọi là *Bộ An ninh Nội địa* (viết tắt là HSD) với biên chế lên đến 170 000 người và một ngân sách dành riêng cho bộ này là 37 tỉ USD. Một câu hỏi đặt ra : vì sao Nhà trắng phải làm như vậy ? Đó là nhằm đối phó, chống đỡ với sự chỉ trích, phản kháng gay gắt ở trong nước, xoa dịu sự phẫn nộ của dân chúng để vớt vát

lại ảnh hưởng, bởi trước cuộc điều trần, sự ủng hộ chính trị ở trong nước đối với Tổng thống G.W. Bu-sơ, cũng như "cuộc chiến chống CNKBTC" đã giảm sút xuống mức rất thấp.

II

"CƠ QUAN TÁC ĐỘNG CHIẾN LƯỢC" (OSI) VÀ CUỘC CHIẾN TRANH KHỦNG BỐ TINH THẦN TRÊN QUY MÔ TOÀN CẦU CỦA MỸ

Trong cuộc chiến "chống khủng bố toàn cầu" của Mỹ có hai điều rất mới, chi phối hầu như toàn bộ mọi hoạt động chiến lược của Mỹ. Đó là sự ra đời và hoạt động của Cơ quan tác động chiến lược (Office of Strategic Influence - OSI) và Chiến tranh thông tin. Không hiểu rõ hai điều này, sẽ không giải đáp được một cách thuyết phục hàng loạt câu hỏi đặt ra từ cuộc chiến chống CNKBTC.

Trước hết, xin nói về cơ quan OSI. Đây là một tổ chức mới, đặt ở Bộ Quốc phòng do một tướng không quân đứng đầu. Nhiệm vụ chủ yếu của nó là *làm chiến tranh tuyên truyền*. Thứ trưởng Quốc phòng Mỹ Ôn-phô-uyt nói trắng ra rằng : "Đây là một cuộc chiến tranh cân não". Phương thức hoạt động của OSI không phải là tuyên truyền, mà nói chính xác hơn là tạo ra các nguồn tin thất thiệt, bịa đặt hoặc xuyên tạc các tin có thật bằng cách lập ra các hồ sơ giả, các "nguồn tin giấu tên", các vụ "rò rỉ tin mật", các đoạn băng "ghi âm, ghi hình nguyên bản"... do các "nguồn tin cây" cung cấp. Nói chung đó là những loại thông tin bịa đặt nhưng "đắt giá" và "giật gân" để các cơ quan báo chí và truyền thông của bất kỳ nước nào chộp được là đăng, phát ngay. Nhất là trong thời đại bùng nổ in-tơ-net thì tốc độ lan truyền là cực nhanh.

Ngoài hoạt động thông tin, OSI còn làm nhiều việc khác như nguy tạo các loại nhân chứng, vật chứng để buộc tội đối phương ; tham gia tư vấn cho các đội quân Mỹ đi huấn luyện chống khủng bố ở nước ngoài. Dư luận Mỹ còn cho rằng các chiến dịch dồn dập gửi thư có chứa bột trắng (giả làm tế bào bệnh than) đi khắp nước Mỹ cũng là "sáng kiến" của OSI (?).

Về chiến tranh thông tin : Trong chiến tranh chống khủng bố toàn cầu của Mỹ ngày nay, thông tin có nhiều đặc điểm mới khác xa ngày trước.

Ngay việc chọn địa bàn đột phá cho cuộc chiến toàn cầu thì Á-p-ga-ni-xtan là nơi mà quân Mỹ vào trận, được xem là môi trường rất lý tưởng cho chiến tranh thông tin, bởi nó khép kín hoàn toàn, chính quyền Mỹ độc quyền, độc diễn, tha hồ "sáng tác tin giật gân". Ngay cả các cơ quan báo chí Mỹ cũng không được phép bèn mảng đến. Xin nhắc lại rằng cách đây 11 năm, trong chiến tranh Vùng Vịnh, toàn bộ quyền thông tin chiến tranh của Mỹ được giao cho tướng Soa-dơ-cốp, Tư lệnh chiến trường. Trước đây, luật liên bang của Hoa Kỳ có quy định cấm CIA và FBI hoạt động tuyên truyền trên đất Mỹ bởi phần lớn tin tức của hai cơ quan này phát ra đều không có thật, tin của hai cơ quan này chỉ dùng để phát ra nước ngoài. Còn ngày nay, mọi thông tin về chiến tranh khủng bố, nếu không được Lầu Năm Góc đồng ý thì không một cơ quan nào được phát, kể cả CIA, FBI và Nhà trắng.

Do nắm độc quyền chiến tranh thông tin như vậy, Lầu năm góc đã tiến hành *một cuộc chiến tranh khủng bố tinh thần* ở Mỹ và trên khắp thế giới.

"Thành công" lớn nhất của OSI và Lầu Năm Góc trong "chiến tranh khủng bố tinh

thần toàn cầu" là từ thảm họa 11-9, người ta đã tóm ngay được tên họ, địa chỉ của nhóm Bin La-đen, Ta-li-ban, An Kê-đa ở tận cái xứ sở xa xôi, tíu dưới chân núi Hy-ma-lay-a, *thổi phồng nó lên thành một kẻ thù khổng lồ, hung hãn, độc ác đối với nước Mỹ và toàn thế giới*, mặc dù, cho đến đầu tháng 8 vừa qua các nước EU còn khẳng định chưa hề có một bằng chứng nào cho thấy đám "thủ phạm" ấy có dính líu gì đến vụ 11-9-2001. Còn những bằng ghi âm, ghi hình, các lời thề "thánh chiến", "tử chiến", "tiêu diệt nước Mỹ đến tận người cuối cùng"... thỉnh thoảng được "tìm thấy" và phát đi, phát lại đều là tác phẩm của OSI 100%.

Các hãng thông tin Mỹ và phương Tây gần đây còn đưa tin lực lượng Ta-li-ban và An Kê-đa đang hồi sinh và có mặt tại hơn 60 nước ; chúng đang ráo riết tuyển mộ quân, đang sản xuất vũ khí sinh học, vũ khí hạt nhân và cả "bom bẩn"... Có nguồn "giấu tên" còn đưa tin : bọn khủng bố "đã mua trộm được một quả bom hạt nhân 10 ki-lô-tôn và vận chuyển đến Niu Oóc". Như thế là sắp có chiến tranh hạt nhân đấy ! Cả nước Mỹ lo sốt vó. Tổng thống G.W. Bu-sơ phải quyết định thành lập ngay một "*Chính phủ ngầm*" gồm từ 75 đến 150 người do Phó tổng thống cầm đầu, ngày đêm làm việc ở trong hầm sâu dưới lòng đất. Kế hoạch đó nhằm chủ động trước, phòng khi bọn "khủng bố toàn cầu", giáng đòn "tiêu diệt chiến" vào "*Chính phủ nổi*" do ông G.W. Bu-sơ nắm, thì đất nước Hoa Kỳ vẫn còn có người quản lý và cuộc chiến chống CNKBTC vẫn có bộ máy đầu não điều hành !

Một nhiệm vụ quan trọng khác và cũng là một thành công nổi bật của OSI là *tuyên truyền chiến tranh*. Họ luôn tạo cho nhân dân Mỹ và nhân dân nhiều nước khác, ngày nào

cũng nghe nói nhiều về chiến tranh và lo lắng về chiến tranh. Nhiều phát ngôn về chiến tranh của tổng thống G. W. Bu-sơ như "đặt nước Mỹ trong tình trạng chiến tranh", "năm 2002 là năm chiến tranh", "Mỹ sẽ áp dụng đòn phủ đầu trong chiến tranh", "chiến tranh chống khủng bố không bao giờ kết thúc" v.v... được các phương tiện truyền thông Mỹ liên tục phát đi, phát lại. Khoảng hơn 5 tháng trở lại đây, hầu như tuần nào người ta cũng "để lọt" tin "tuyệt mật" về nhiều kế hoạch và phương án tiến công I-rắc các kiểu : bằng vũ khí hạt nhân của Anh, bằng quân trên bộ của NATO, bằng lực lượng người Cuộc chống đối v.v.. Dư luận đặt câu hỏi : Vì sao hàng loạt kế hoạch tác chiến cho một cuộc chiến tranh lớn như vậy mà cái nào mới vạch ra cũng đều lộ hết cho cả thế giới biết ?

Trong các giới quan sát có một câu hỏi : cuộc chiến chống CNKBTC được vận hành sôi động, lúc nào người ta cũng tuyên truyền ồn ào không khí chiến tranh như vậy là do đâu ? Giải đáp điều đó không đơn giản. Biết rằng lợi nhuận kinh doanh vũ khí hiện nay đã tăng vào khoảng 180% mà chưa dừng lại. Và lợi nhuận của kinh doanh vũ khí trên thế giới hiện tại đã vượt lên trên lợi nhuận của ma túy. Tất cả những gì trong cuộc chiến tranh khủng bố nói trên chỉ là bề nổi. Sự trỗi dậy của chủ nghĩa quân phiệt hiếu chiến và xu hướng lấn át quyền lực ngày càng mạnh của nó trong hệ thống chính trị cầm quyền ở Mỹ nhắc nhở thế giới hãy cảnh giác.

III

CHỦ NGHĨA ĐƠN PHƯƠNG HAY LÀ SỰ CÔ LẬP VỀ CHÍNH TRỊ TRONG QUAN HỆ QUỐC TẾ QUA CUỘC CHIẾN CHỐNG KHỦNG BỐ TOÀN CẦU

Từ khi vào Nhà trắng, tổng thống G.W. Bu-sơ đã có một loạt quyết định được coi là

tiêu biểu cho *Chủ nghĩa đơn phương*. Nói vắn tắt đó là những quyết định như : từ chối ký Hiệp định Ki-ô-tô về hạn chế khí thải công nghiệp vào vũ trụ, từ bỏ Hiệp ước ABM về hạn chế vũ khí chiến lược ký với Liên Xô từ năm 1972, quyết định triển khai chương trình phòng thủ tên lửa chiến lược quốc gia (NMD), không ký kết tham gia thành lập Tòa án Hình sự quốc tế mà đa số nước đã ký v.v... Chủ nghĩa đơn phương về đại thể là như vậy. Nhưng đâu là bản chất của nó ? Phải xem xét cụ thể những biểu hiện của chiến lược này trong thực tế cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu thì mới thấy hết *únh chất nham hiểm, tàn bạo, ngạo mạn, phi đạo lý và phiêu lưu của chủ nghĩa đơn phương Mỹ*. Chỉ cần điểm qua một số nét cũng đủ rõ. Chẳng hạn, trước hết về cái gọi là liên minh chống CNKBTC. Quả là lúc đầu Oa-sinh-ton tuyên bố rất ghê và có nhiều nước kể cả các nước lớn, công khai ủng hộ. Nhưng mới chỉ sau một tháng, ông G.W. Bu-sơ chấp nhận luôn kế hoạch của Lầu Năm góc chia ngay đòn tiến công hạt nhân vào 7 nước mà xếp đầu danh sách là Nga và Trung Quốc - những thành viên đều là ủy viên thường trực đang ngồi cùng bàn với Mỹ ở Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc ! Chưa hết, Oa-sinh-ton còn kín đáo móc ngoặc với một nước khác trong SNG, đổ hàng trăm quân Mỹ vào "chống khủng bố" ở nước sát nách cùng biên giới với Nga mà không hề thông báo cho Nga một lời. Đồng thời, hàng tỉ đô la vũ khí lại tiếp tục đổ ngay cho Đài Loan. Có nhà báo Mỹ giấu tên nhận xét : các nước lớn liên minh với nhau mà "tráo trở, giở mặt" ngay như vậy, quả là xưa nay hiếm.

Cần nhắc lại rằng *chủ nghĩa đơn phương là tư tưởng cốt lõi chỉ đạo chiến lược của Học thuyết Bu-sơ*. Trên thực tế vừa qua nó đã thể hiện tập trung rõ rệt ở hai khu vực nóng bỏng nhất là Á-p-ga-ni-xtan ở Nam Á và Trung Đông.

Ở Áp-ga-ni-xtan, do Mỹ đơn phương độc quyền bịt kín mọi thông tin, nên dư luận trong khu vực lại càng quan tâm và người ta đã phát hiện ra nhiều điều rất lô gích và lý thú. Một vấn đề được đặt ra : cuối năm ngoái, khi Ta-li-ban còn cầm quyền và kiểm soát trên 80% đất nước, bị Mỹ và các lực lượng chống đối phương Bắc đánh có hơn 2 tháng đã sụp đổ hoàn toàn. Từ đó đến nay, hàng mấy ngàn quân Mỹ, quân Anh phải liên tục truy lùng ném bom đánh phá ác liệt. Vậy mà ở Áp-ga-ni-xtan ngày càng xuất hiện nhiều trận tập kích đánh vào các nơi đóng quân của Mỹ, bắn cháy máy bay, phóng cả rốc két, tên lửa vào sân bay, có trận còn giết chết và làm bị thương trên 50 lính Mỹ. Gần đây còn xuất hiện những cuộc biểu tình phản đối Mỹ. Cái gì đã xảy ra ở đó vậy ? Ta-li-ban và An Kê-đa hồi sinh chăng ? Thật phi lý ! Người ta phải dùng chuyện "các phe phái đánh nhau" để che đậy sự thật. Theo dư luận trong vùng, ở Áp-ga-ni-xtan hình như đã xuất hiện các tổ chức và phong trào yêu nước đấu tranh vũ trang chống Mỹ xâm lược, và các tổ chức này ngày càng có chiều hướng phát triển. Nếu quả như vậy thì rất có thể Mỹ sẽ bị sa lầy.

Về Trung Đông, để thấy hết sự vận động nội tình của chủ nghĩa đơn phương, cần nhắc lại vấn đề rằng đây là cái rốn dầu chiếm hơn 60% sản lượng dầu của thế giới mà trong thế kỷ này, Mỹ muốn độc quyền kiểm soát. Ở đây Mỹ có hai mối thâm thù : thắng lợi vang dội của cuộc cách mạng Hồi giáo I-ran cuối những năm 1970, và chiến tranh Vùng Vịnh (1990 - 1991) của Mỹ. G. Bu-sơ (cha) chưa đánh đổ được chế độ X.Hút-xen. Vì vậy đánh I-rắc là điều G.W. Bu-sơ (con) nhất thiết phải làm. Người ta tung ra nhiều dự đoán. Thực ra đánh I-rắc, Mỹ có một trở ngại lớn nhất, khó vượt qua, nhưng ít ai nói đến là việc *Hội chứng chiến tranh Vùng Vịnh đang tái phát*.

Trong chiến tranh Nam Tư (1999) vì Hội chứng đó mà quân Mỹ, dù đến Ban-căng, nhưng nhất quyết không chịu vào trận, kéo theo quân NATO cũng không chịu vào. Lần này, nếu Mỹ đơn phương đưa quân vào thì có thể chính quân Mỹ sẽ không chịu tham chiến, và dân Mỹ sẽ phản đối quyết liệt. Đây là *chỗ yếu trí mạng* của Mỹ trong chiến tranh xâm lược Trung Đông. Chắc Mỹ phải sẽ dùng hỏa lực không quân, tên lửa ác liệt gấp bội phần trước đây, nhưng bài học chiến tranh Nam Tư cho thấy không có quân trên bộ thì không giải quyết nổi mục tiêu cơ bản của chiến tranh. Mỹ *chỉ còn mỗi phương án duy nhất, được coi là tối ưu : dùng quân I-xra-en làm lực lượng chủ công trên bộ*. Đó là một đội quân thiện chiến dày dạn trận mạc, am hiểu chiến trường và quen thuộc địa hình thời tiết ở Trung Đông, lại nằm trong tay sử dụng của một thế lực cầm quyền cực hữu, là đồng minh thân cận của Mỹ. Nhưng điều này không đơn giản và phải "mặc cả" dứt khoát : Oa-sinh-ton trước hết phải chấp nhận ủng hộ, viện trợ tiếp tay cho Ten A-víp tiêu diệt Mặt trận giải phóng Pa-le-xtin (PLO) và loại bỏ tổng thống Y.A-ra-phát, sau đó mới đến phần hai của hợp đồng là I-xra-en tham chiến đánh I-rắc. Đó là điều giải thích vì sao từ đầu năm đến nay, I-xra-en liên tục tấn công, đánh phá các vùng lãnh thổ của Pa-le-xtin theo đúng bài bản "trả đũa khủng bố" của Mỹ. Còn Mỹ vẫn tiếp tục ủng hộ I-xra-en bằng mọi cách. (Xin nhắc lại : trong chiến tranh Vùng Vịnh cách đây 11 năm, tổng thống Bu-sơ (cha) chẳng những không dám cho I-xra-en tham chiến mà còn phải bỏ ra 10 tỉ đô la để yêu cầu Ten A-víp "án binh bất động" và sau đó đã bị giới quân phiệt điều hâu kịch liệt phản đối). Sắp tới I-xra-en sẽ hoàn thành phần nợ của mình trong cuộc "mặc cả" như thế nào thì chưa rõ. Một số nhà quan sát cho rằng, hiện nay,

Oa-sinh-ton đang thực hiện ý đồ tích cực ủng hộ I-xra-en ngang nhiên gây tội ác liên tục với Pa-le-xtin còn nhằm để I-xra-en quen với búa rìu dư luận trước khi vào trận chính.

Vừa qua, trong một báo cáo tình báo ở Thượng viện Mỹ có nói rõ : I-xra-en sẽ dùng bom hạt nhân để trả đũa I-rắc. Phải chăng đây là sự phát ngôn dọn đường chuẩn bị để I-xra-en tham chiến, tấn công I-rắc ?

Không phải chỉ có các vấn đề quan trọng như chiến tranh và hòa bình, chủ nghĩa đơn phương còn nhiều biểu hiện khác trong các quan hệ quốc tế. Chẳng hạn, tổng thống G.W Bu-sơ thường đòi phết truat người lãnh đạo nước này, nước nọ ; đòi tòa án hình sự quốc tế phải miễn trừ xét xử những binh lính Mỹ phạm tội ở nước ngoài... Đó là những đòi hỏi trịch thượng, phi đạo lý.

Chưa đầy một năm giương cờ chống CNKBTC, uy tín và ảnh hưởng của Mỹ trong nước và trên thế giới bị sa sút quá nhanh, khiến Mỹ bị cô lập cao độ về chính trị. Đến nỗi, Tổng thống G.W. Bu-sơ vừa rồi phải quyết định lập hẳn một "Văn phòng đối ngoại" mới, chuyên lo việc tìm cách phục hồi và cải thiện hình ảnh của Mỹ ở nước ngoài.

Chặng đường đã qua là như vậy. Sắp tới, tình hình quốc tế còn có những biến động rất phức tạp, cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu sẽ đi đến đâu là điều có thể thấy trước được. Trên *Nhật báo phổ Uôn* ra ngày 15-8-2002, cựu Cố vấn an ninh quốc gia Mỹ B.Xcao-crốp (Brant Scowcroft) cảnh báo rằng, một cuộc phiêu lưu chiến tranh (chống I-rắc) sẽ đe dọa nghiêm trọng lợi ích (của Mỹ), nếu không muốn nói là phá đổ tan tành cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu do Mỹ cầm đầu. □

CHUYỂN ĐỘNG...

(Tiếp theo trang 35)

nước ngoài ; lập quỹ hỗ trợ đầu tư ; khuyến khích các thành phần kinh tế mở rộng hợp tác, liên doanh, liên kết... ; huy động nguồn lực trí tuệ trong các trường đại học, cao đẳng và đội ngũ trí thức trên địa bàn tham gia tích cực vào việc nghiên cứu, đề xuất và ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ, nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp ; chủ động con giống và đa dạng hóa sản phẩm nuôi nước lợ ; khôi phục và tinh xảo hóa ngành nghề truyền thống, làm phong phú sản phẩm hàng hóa ; bảo vệ tốt cảnh quan môi trường... Tỉnh chủ động vay vốn đầu tư để xây dựng một số công trình then chốt và phân bổ hợp lý vốn cho các đơn vị nhằm hoàn thiện hạ tầng vật chất - kỹ thuật, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư nhanh chóng khai thác các thế mạnh của tỉnh. Đồng thời, hình thành các trung tâm xúc tiến thương mại, quảng bá du lịch, trưng bày sản phẩm, tạo mọi thuận lợi cho các doanh nghiệp tiếp cận thông tin về thị trường trong và ngoài nước ; định hướng sắp xếp các doanh nghiệp nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3, khóa IX ; đẩy mạnh cải cách các thủ tục hành chính trong việc cấp phép đầu tư, giao đất, giải tỏa đền bù...

Trong thời gian tới, tỉnh sẽ cố gắng khắc phục những hạn chế, khiếm khuyết trong công tác quy hoạch, khơi nguồn lực đầu tư, thúc đẩy chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của các doanh nghiệp, quan tâm đầu tư cho hai huyện A Lưới và Nam Đông. Nhằm đưa Thừa Thiên - Huế phát triển nhanh và bền vững về kinh tế, đẹp về văn hóa, vững về chính trị, mạnh về quốc phòng - an ninh, xứng đáng với vị thế là vùng kinh tế động lực của miền Trung. □



"SỨC MẠNH TỔNG HỢP QUỐC GIA"

ĐẠI HỘI IX của Đảng Cộng sản Việt Nam nêu lên phương hướng chiến lược của cách mạng nước ta trong thời kỳ mới là : *"Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa"*. "Phát huy sức mạnh toàn dân tộc" được hiểu là phát huy sức mạnh tổng hợp của quốc gia bao gồm cả sức mạnh về kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao, sức mạnh của toàn thể nhân dân bao gồm các tầng lớp, các giai cấp, các thành phần kinh tế, các dân tộc, tôn giáo, sức mạnh của nội lực kết hợp với sức mạnh của ngoại lực tranh thủ được, v.v.. Tuy vậy, chúng ta cũng chưa có một nghiên cứu có tính toàn diện về "sức mạnh toàn dân tộc" hay "sức mạnh tổng hợp quốc gia" ấy.

Gần đây, Tạp chí "Bán Nguyệt Đàm" của Tân Hoa Xã ngày 10-8 đã đăng bài trả lời phỏng vấn của Tiến sĩ Lâm Lợi Dân, công tác tại Viện nghiên cứu Quan hệ quốc tế Trung Quốc, về cách đánh giá sức mạnh tổng hợp quốc gia, tình hình sức mạnh tổng hợp quốc gia của Trung Quốc và các nước lớn trên thế giới, tầm quan trọng của việc xác định sức mạnh tổng hợp quốc gia của mình, v.v., nội dung tóm tắt như sau :

Khái niệm về sức mạnh tổng hợp quốc gia đã được đưa ra từ những năm 60, 70 của thế kỷ XX, tuy nhiên nhìn lại lịch sử thì thấy rằng ngay từ xa xưa các nước đã chú ý tới

việc đánh giá sức mạnh quốc gia, ở thời đại đế quốc La Mã cũng đã nói tới "thuyết nông lực" (sức mạnh nông nghiệp), tức là lấy sản xuất nông nghiệp là nhân tố để đánh giá sức mạnh quốc gia. Trung Quốc cổ đại cũng đã coi nông nghiệp là gốc, bởi vậy trên thực tế cũng là một cách thể hiện của "thuyết nông lực". Tới thời châu Âu cận đại, lại nói đến "luân ngân lực" (tức là sức mạnh về tiền bạc), càng nhiều tiền thì đất nước càng mạnh. Tới thời cận (hiện) đại, do trên thế giới liên tiếp nổ ra chiến tranh bởi vậy đánh giá sức mạnh quốc gia lại chủ yếu xét tới sức mạnh quân sự. Sau Chiến tranh Thế giới thứ hai, cuộc cạnh tranh giữa Mỹ - Liên Xô xảy ra, nhìn từ kết quả của cuộc cạnh tranh này, Liên Xô không tiến hành cuộc chiến tranh với Mỹ nhưng vẫn bị thất bại. Sau khi Liên Xô giải thể, sức mạnh quân sự của Liên Xô vẫn còn rất mạnh, ngang với sức mạnh quân sự của Mỹ, nhưng vì sao Liên Xô thua Mỹ ? Nếu xét về sức mạnh quân sự thì Liên Xô không thua Mỹ, nhưng nếu xét về các mặt như sức mạnh kinh tế, sức mạnh trên trường quốc tế, mức sống của người dân thì Liên Xô thua Mỹ. Bởi vậy, các chuyên gia cho rằng sức cạnh tranh giữa các quốc gia không chỉ dựa vào sức cạnh tranh về sức mạnh quân sự, nhất là trong thời đại toàn cầu hóa kinh tế và phát triển khoa học kỹ thuật như hiện nay, sức cạnh tranh giữa các quốc gia trên thực tế là sự cạnh tranh về sức mạnh tổng hợp quốc

gia. Liên Xô tan rã đã làm cho mọi người thấm thía được ý nghĩa quan trọng của sức mạnh tổng hợp quốc gia.

Sức mạnh tổng hợp quốc gia là chỉ tiêu quan trọng để tham khảo và từ đó xác định vị trí của đất nước mình trên trường quốc tế cũng như để đưa ra chính sách đối nội, đối ngoại phù hợp với tình hình đất nước. Đối với Trung Quốc, mấy năm gần đây, nền kinh tế đã phát triển khá nhanh chóng, có một số người đã nói tới "Thuyết về mối đe dọa của Trung Quốc", cho rằng Trung Quốc phát triển nhanh chóng sẽ tạo ra mối đe dọa đối với an ninh thế giới, cũng có người cho rằng Trung Quốc không đáng để nhắc tới, sức mạnh quốc gia của Trung Quốc rất yếu. Trung Quốc cần phải có sự nhận thức tỉnh táo về thực lực của đất nước mình để tiến tới xác định chính xác vị trí của nước mình trên thế giới, từ đó đưa ra chính sách đối nội, đối ngoại, việc này là vô cùng quan trọng.

Vậy, sức mạnh tổng hợp quốc gia được đánh giá như thế nào ? Tiến sĩ Lâm Lợi Dân cho rằng, hiện nay có nhiều cách nói về vấn đề này, tuy nhiên cho tới nay vẫn chưa có công thức duy nhất để đánh giá về sức mạnh tổng hợp quốc gia. Giáo sư Hoàng Thạc Phong, công tác tại Học viện Khoa học quân sự Trung Quốc cho rằng, sức mạnh tổng hợp quốc gia là sự tổng hợp bởi các sức mạnh vật chất, sức mạnh tinh thần và mức độ ảnh hưởng của nước đó trên trường quốc tế, đây cũng chính là nguồn năng lượng để quốc gia duy trì sự sống còn và phát triển. Tổ nghiên cứu về sức mạnh tổng hợp quốc gia của Viện nghiên cứu Quan hệ quốc tế hiện đại Trung Quốc thì cho rằng sức mạnh tổng hợp quốc gia là sự tổng hợp gồm thực lực và mức độ ảnh hưởng của đất nước trên các mặt như chủ

quyền quốc gia, kinh tế, quân sự, khoa học kỹ thuật, nguồn tài nguyên thiên nhiên v.v..

Về định nghĩa của các nước về vấn đề này, nguyên Cục trưởng Cục Tình báo Trung ương Mỹ Kra-in thì đưa ra công thức dựa vào 5 nguyên tố sau để đánh giá sức mạnh quốc gia : $Pp = (C+E+M) \times (S+W)$, trong đó Pp là sức mạnh quốc gia, C là thực thể cơ sở, E là sức mạnh kinh tế, M là sức mạnh quân sự, S là ý đồ chiến lược, W là đại biểu cho ý chí quán triệt chiến lược của quốc gia. Đối với Nhật Bản, Viện nghiên cứu tổng hợp Nhật Bản đã đưa ra khái niệm về sức mạnh tổng hợp quốc gia theo 15 nhân tố để xác định như, khả năng cống hiến cho thế giới, khả năng tồn tại trên trường quốc tế, khả năng cưỡng chế trên trường quốc tế... Trong 15 nhân tố này, Nhật Bản không nhấn mạnh tới nhân tố dân số, nhân tố tài nguyên, mà chủ yếu nhấn mạnh tới khả năng về khoa học kỹ thuật và sức cạnh tranh.

Tổ nghiên cứu về sức mạnh quốc gia của Viện nghiên cứu Quan hệ quốc tế hiện đại Trung Quốc đã dựa vào 7 lĩnh vực sau để xác định sức mạnh tổng hợp quốc gia : kinh tế, quân sự, khoa học kỹ thuật, nguồn tài nguyên thiên nhiên, chính trị, xã hội, ảnh hưởng trên trường quốc tế. Tuy rằng giới học thuật vẫn còn có nhiều ý kiến khác nhau về việc đánh giá sức mạnh tổng hợp quốc gia, nhưng nhìn chung những khái niệm do Tổ nghiên cứu về sức mạnh quốc gia của Viện nghiên cứu Quan hệ quốc tế hiện đại Trung Quốc đưa ra có một số điểm chung với một số khái niệm mà các nơi khác đưa ra. Trước tiên, các phương pháp đều nhấn mạnh tới nhân tố tổng hợp, tới sức mạnh tổng hợp mà không chỉ đánh giá riêng về vấn đề sức mạnh chính trị hay sức mạnh kinh tế, mà chính là

sự tổng hợp bởi các nhân tố như kinh tế, quân sự, chính trị, văn hóa, tư tưởng, sức tập trung, quản lý, v.v.. ; *thứ hai là* nhân mạnh tính chiến lược, đánh giá sức mạnh tổng hợp quốc gia của một đất nước có ý nghĩa chiến lược quốc tế, chủ yếu là để so sánh thực lực giữa các nước lớn.

Tiến sĩ Lâm Lợi Dân, thuộc Tổ nghiên cứu về sức mạnh tổng hợp quốc gia của Viện nghiên cứu Quan hệ quốc tế hiện đại Trung Quốc, đã đánh giá sức mạnh tổng hợp quốc gia của 7 nước trên thế giới gồm Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Nga, Đức, Pháp, Anh. Hiện nay sức mạnh tổng hợp của Trung Quốc đứng hàng thứ 7 trên thế giới, khoảng bằng 1/4 của Mỹ, 2/5 của Nhật Bản, 1/2 của Pháp và 2/3 của Nga.

Tiến sĩ Lâm Lợi Dân cho rằng, kết quả nghiên cứu trên có tác dụng đưa ra đánh giá về tổng thể của nền kinh tế Trung Quốc cũng như các nước, tuy nhiên kết quả trên vẫn cần phải tiếp tục thảo luận. Như kết quả nghiên cứu cho thấy, sức mạnh tổng hợp của Nhật Bản bằng 60% của Mỹ, nhưng nếu so sánh hai nước này cả về sức mạnh kinh tế, sức mạnh quân sự, khoa học kỹ thuật, lãnh thổ ; sự ảnh hưởng về nền văn hóa, nguồn tài nguyên, v.v.. thì sức mạnh tổng hợp của Nhật Bản không bằng 1/2 của Mỹ. Nhật Bản giành được điểm chủ yếu là do Nhật có ưu thế trên các mặt như khoa học kỹ thuật và sức cạnh tranh quốc tế. Mặt khác, đánh giá trên hầu như không xét nhiều tới sự ảnh hưởng của Nhật Bản trên thế giới, cho tới nay Nhật Bản vẫn là nước "mạnh về kinh tế nhưng lại không mạnh về chính trị".

Ngoài ra, nền kinh tế Trung Quốc tuy phát triển nhanh nhưng sức mạnh kinh tế của Trung Quốc thì vẫn kém xa so với Mỹ, nhất

là về thu nhập bình quân đầu người. Nếu đánh giá khách quan, tổng giá trị sản phẩm trong nước (GDP) của Trung Quốc nếu tính theo sức mua thì có thể đạt khoảng 2 ngàn tỉ USD, đứng thứ tư sau các nước Mỹ, Đức và Nhật Bản ; do Trung Quốc là nước có dân số đông với 1,3 tỉ dân, nên thu nhập bình quân đầu người không tới 2000 USD, chỉ tương đương bằng khoảng 1/20 của Mỹ, Nhật Bản.

Tuy nhiên, nếu so sánh sức mạnh tổng hợp của hai nước Trung - Nhật, Tổ nghiên cứu về sức mạnh tổng hợp quốc gia của Viện nghiên cứu Quan hệ quốc tế hiện đại Trung Quốc có thể đánh giá hơi thấp về sức mạnh tổng hợp của Trung Quốc, bởi vì tuy GDP của Trung Quốc chỉ bằng 1/4 của Nhật Bản, nhưng lãnh thổ của Trung Quốc lại rộng gấp 30 lần Nhật Bản, dân số đông gấp 10 lần Nhật Bản, Trung Quốc có sức mạnh hạt nhân, nhưng Nhật Bản vẫn chưa có về lĩnh vực này. Trung Quốc là Ủy viên thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc, uy tín trên trường quốc tế của Trung Quốc cao hơn Nhật Bản. Khoa học kỹ thuật của Nhật Bản về tổng thể tiên tiến hơn Trung Quốc, nhưng trên một số lĩnh vực khoa học kỹ thuật cao như kỹ thuật hàng không, kỹ thuật sinh học thì Trung Quốc không lạc hậu so với Nhật Bản.

Theo tiến sĩ Lâm Lợi Dân, một nhân tố quan trọng để đánh giá sức mạnh tổng hợp quốc gia là GDP. Tuy nhiên về vấn đề đánh giá GDP như thế nào vẫn là vấn đề mà giới học thuật còn có những ý kiến khác nhau. Hiện có hai phương pháp để đánh giá GDP, một là phương pháp tính tỷ giá hối đoái, hai là phương pháp đánh giá sức mua. □

(THEO BÀI TÓM TẮT CỦA TTX VIỆT NAM)

CÔNG TY ĐIỆN LỰC I



ĐIỆN LỰC SƠN LA



Địa chỉ: Số 60 - Đường 3-2 - Sơn La * ĐT: (022) 852 106 * Fax: (022)852913



CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

1. Sản xuất, kinh doanh điện năng
2. Xây lắp cải tạo đường dây và trạm biến áp
3. Sửa chữa đại tu thiết bị điện
4. Thiết kế lưới điện phân phối



QUẢN LÝ LƯỚI ĐIỆN HIỆN CÓ

- + 1 Trạm thủy điện công suất: 2.500kVA
- + 2 Trạm biến áp 110kV tổng dung lượng: 41.000 kVA
- + 7 Trạm biến áp trung gian 35/10- 6kV tổng dung lượng: 18.500kVA
- + 385 Trạm biến áp phân phối
- + 206 km đường dây 110kV, 1035 km đường dây trung thế 35, 10, 6 kV, 670 km đường dây hạ thế 0,4 kV.
- + Khách hàng: 37.105 khách hàng



THỰC HIỆN NĂM 2001

- + Điện thương phẩm: 62,993 triệu kWh = 101,4% KH
- + Tổn thất điện năng: 7,28% giảm 0,92% so với KH
- + Doanh thu đạt: 42,18 tỷ đồng
- + Giá bán điện bình quân: 615,71 đ/kWh tăng 6,03 đ/kWh so với KH giao.

Điện lực Sơn La đang từng bước củng cố, cải tạo và đầu tư xây dựng lưới điện đưa điện về nông thôn, vùng sâu vùng xa của tỉnh nhằm cung cấp điện liên tục, phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, chính trị trên địa bàn Sơn La, quản lý có hiệu quả toàn bộ tài sản, hệ thống điện hiện có, phấn đấu hoàn thành mọi chỉ tiêu kế hoạch do Công ty Điện lực I giao cho. Xây dựng đội ngũ CBCNV về mọi mặt để đáp ứng nhiệm vụ của đơn vị trong từng giai đoạn phát triển.



GIÁM ĐỐC:
HOÀNG TRỌNG NAM





KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC

HIEP PHUOC INDUSTRIAL PARK PROJECT

210 - 212 LÊ HỒNG PHONG - QUẬN 5 - TP. HỒ CHÍ MINH

TEL: 84.88322871 - 8303022 * FAX: 84.8 8303022 * E-MAIL: Iochv@hcm.vnn.vn.

Khu vực Hiệp Phước, với tổng diện tích tự nhiên 3.762 ha, nằm dọc theo sông Soài Rạp đến cuối huyện Nhà Bè. Đất nông nghiệp chiếm 59% diện tích tự nhiên, nhưng năng suất canh tác kém nên hiệu quả sử dụng đất rất thấp so với các vùng khác.

Dự án thành lập Khu công nghiệp tập trung Hiệp Phước có mục đích cải tạo tình trạng nghèo đói lạc hậu tại đây, đồng thời đáp ứng nhu cầu đất đai của các dự án công nghiệp nặng với chi phí thấp nhất, tạo ra mặt bằng thích hợp cho việc xây dựng các nhà máy và các công trình phụ thuộc.

Khu công nghiệp tập trung Hiệp Phước, với diện tích quy hoạch là 2.000 ha, sẽ là nơi lý tưởng để tập hợp các ngành công nghiệp tạo nguyên liệu.

Nằm cách trung tâm thành phố khoảng 20 km, và cách cửa sông Soài Rạp 25 km, Khu công nghiệp Hiệp Phước rất thuận lợi về giao thông đường thủy, có thể nối liền với các tỉnh phía Nam và sẽ được cung cấp điện bởi Nhà máy điện Hiệp Phước có công suất 675 MW.

Thêm vào đó, một cảng nước sâu sẽ được xây dựng tại khu vực Hiệp Phước để tàu lớn với tải trọng trên 30.000 DWT có thể cập cảng nhằm phục vụ cho các nhà máy tại Khu công nghiệp Hiệp Phước và các khu vực lân cận.

Các nhà đầu tư được mời gọi hợp tác với IPC để xây dựng và kinh doanh hạ tầng cơ sở như hệ thống đường sá, mạng lưới cấp thoát nước, dẫn điện, dịch vụ viễn thông... trong khu.





CÔNG TY DU LỊCH HƯƠNG GIANG

KHU DU LỊCH LĂNG CỎ



Add: Thị trấn Lăng Cỏ - Huyện Phú Lộc - Tỉnh Thừa Thiên Huế
Tel: (84.54) 873555 - 873611 Fax: (84.54) 873504
E-mail: Langco@dng.vn.vn - Website: www.huonggiangtourist.com



Lăng Cỏ - địa danh nổi tiếng với cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, đan xen bởi núi rừng trùng điệp, biển trong xanh, bờ cát trắng thoai mịn và sóng nhẹ, giữa núi và biển là đầm Lập An mênh mông, huyền ảo với nguồn thủy sản dồi dào phong phú. Nằm trên quốc lộ 1A, cách sân bay quốc tế Đà Nẵng 30 km, sân bay quốc tế Phú Bài 50 km, **Khu du lịch Lăng Cỏ** sẽ là nơi dừng chân lý tưởng cho Quý khách khi đến tham quan **Cố Đô Huế - phố Cổ Hội An-thành địa Mỹ Sơn** là ba **"Di Sản Văn Hóa Thế Giới"** đã được UNESCO công nhận.

Tọa lạc trên một dải cát tuyệt đẹp trong khuôn viên rộng hơn 10.000 m² cỏ cây xanh tươi, hoa nở bốn mùa, **Khu Du lịch Lăng Cỏ** bao gồm nhiều ngôi nhà được thiết kế theo kiểu kiến trúc truyền thống Huế với quy mô 60 phòng hướng ra biển giai đoạn I được trang bị đầy đủ tiện nghi hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế 4 sao, ban công thoáng mát mở rộng tầm nhìn ra nhiều hướng đẹp mắt. Đặc biệt, ngoài bãi tắm lý tưởng, trong Khu Du lịch Lăng Cỏ còn có hồ bơi thoáng rộng trong xanh với các dịch vụ đáp ứng nhanh chóng. Từ ghế nằm, khăn tắm đến quầy bar bên cạnh hồ tất cả đều làm hài lòng Quý khách. Ấn tượng hơn là nhà hàng phục vụ đầy đủ các món ăn Âu, Á, đặc sản Huế và các loại thủy hải sản đa dạng của vùng đầm phá, phòng họp, phòng hội thảo, sân tennis, massage và các dịch vụ du lịch khác như câu cá, lặn biển, thể thao trên mặt nước, leo núi, các loại hình du lịch vùng đầm phá...v.v...

Đến với Khu Du lịch Lăng Cỏ, Quý khách sẽ tận hưởng một kỳ nghỉ biển tuyệt vời và bổ ích.

Hân hạnh được đón tiếp và phục vụ Quý Khách

MỌI CHI TIẾT XIN LIÊN HỆ:

- Trung tâm Lễ tân Hương Giang - 17 Lê Lợi - Huế - Tel: 821426 - E-mail: hgttravel@dong.vn.vn; Website: www.huonggiangtourist.com
- Chi nhánh tại Hà Nội - 32 Ngõ Chùa, Châu Long - Ba Đình - Hà Nội - Tel: (84.4) 7333333; Fax: (84.4) 7333337 - E-mail: huong_giang@netnam.org.vn
- Chi nhánh tại Đà Nẵng - 504 - 506 Nguyễn Trãi Phương - Đà Nẵng - Tel: (84.51) 825378; Fax: (84.51) 829059 - E-mail: hgttravel@dong.vn.vn
- Chi nhánh tại TP.HCM - 69 Bà Huyện Thanh Quan, Q.3, TP.HCM - Tel: (84.8) 9330333; Fax: (84.8) 9330633 - E-mail: hgttravel@hcm.vn.vn



Toàn cảnh



Lễ tân



Phòng ngủ hướng biển



Nhà hàng



Bể bơi



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

CÔNG TY CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

THUDUC ELECTRO - MECHANICAL COMPANY (THUDUC E.M.C)

ĐỊA CHỈ : KM SỐ 9 ĐƯỜNG HÀ NỘI - QUẬN THỦ ĐỨC - TP.HCM

Tel : 8965 591 - 8967 721 - 8978 603 - Fax : (84.8) 8963 159

Email : codientd@hcm.fpt.vn



ISO 9002

Chuyên :

- Chế tạo máy biến thế các loại : 1 pha, 3 pha từ 10KVA đến 63.000KVA (điện áp từ 15kV đến 110kV).
- Sửa chữa đại tu máy phát điện Diesel và thiết bị các nhà máy điện.
- Sửa chữa máy biến thế và động cơ các loại 1 pha, 3 pha từ 10KVA đến 63.000KVA, điện áp từ 230kV trở xuống.
- Sản xuất phụ kiện lưới điện, trụ thép và giá đỡ thiết bị từ hạ thế đến 500kV.
- Gia công, phục hồi phụ tùng nhà máy Diesel, thủy nhiệt điện và turbine khí.
- Nhận các hợp đồng: Gia công cơ khí, mạ phun kẽm, gia công phụ tùng thiết bị cho các nhà máy công nghiệp, các giàn khoan dầu khí.



- Thí nghiệm và sửa chữa thiết bị điện.
- Kinh doanh và xuất nhập khẩu máy biến thế, các phụ tùng, thiết bị cơ điện.
- Lắp đặt máy biến thế và thiết bị trạm đến 230kV.

CHÂN THÀNH CẢM ƠN QUÝ KHÁCH ĐÃ TÍN NHIỆM SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Kính chúc Quý Khách Hạnh Phúc - An Khang - Thịnh Vượng

Digitized by Google



CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT TỈNH BÌNH THUẬN

• ĐỊA ĐIỂM GIAO DỊCH :

- * Đại lộ Nguyễn Tất Thành - Thành phố Phan Thiết
- * Điện thoại : 062.822268 - Fax : 062.821968

• TRẠM GIAO DỊCH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH :

- * Số 2 Bis - Đường Đinh Tiên Hoàng - Phường Đakao - Quận 1
- * Điện thoại : 08.8244041 - Fax : 08.9100907

**MỜI
QUÝ KHÁCH
THAM DỰ
XỔ SỐ
KIẾN THIẾT
TỈNH
BÌNH THUẬN**



*Mong sự ủng hộ của
Quý khách và Quý đại lý.*

- Nhiều giải trúng.
- Lành trọn tiền mặt hết một lần.
- Phục vụ tận tình, chu đáo.

Vé số Bình Thuận phát hành vào ngày thứ năm hàng tuần, mở số vào lúc 16 giờ 20.



*Kính chúc Quý khách
Gặp nhiều*

MAY MẮN, HẠNH PHÚC



VIETNAM TELECOMP 2002

VIETNAM TELECOMP 2002 LẦN ĐẦU TIÊN BAO GỒM 3 LĨNH VỰC VIỄN THÔNG - CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - BƯU CHÍNH

Từ ngày 17 đến 21 tháng 9 năm 2002

Trung tâm Hội chợ Triển lãm quốc tế Tân Bình
446 Hoàng Văn Thụ, Quận Tân Bình,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

CÁC ĐƠN VỊ TỔ CHỨC

- Tổng cục Bưu điện (DGPT)
- Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)
- Công ty Dịch vụ Triển lãm Adsale (Hong Kong)

ĐỒNG TỔ CHỨC

- Công ty Tổ chức Triển lãm VCCI

ĐỒNG BẢO TRỢ

- Tổng cục Bưu điện (Bảo trợ chính)
- Bộ Văn hóa - Thông tin
- Bộ Thương mại
- Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- Bộ Quốc phòng
- Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
- Tổng công ty Điện tử Tin học Việt Nam
- Hội Vô tuyến Điện tử Việt Nam
- Hội Tin học Việt Nam
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
- Trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh

**TRIỂN LÃM SẼ CÓ MẶT CÁC TẬP ĐOÀN LỚN VỀ VIỄN THÔNG - CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
BƯU CHÍNH QUỐC TẾ & NHIỀU CÔNG TY TRONG NƯỚC THAM DỰ**

**ĐẶC BIỆT CÓ 3 DIỄN ĐÀN LỚN
VỀ VIỄN THÔNG - CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
& CÁC DỊCH VỤ MỚI VỀ BƯU CHÍNH**

Mọi chi tiết về thông tin triển lãm xin vui lòng liên lạc:

Trung tâm Thông tin Bưu điện tầng 5, 142 Lê Duẩn, Hà Nội- Tel: 04.5113851/ 5182814
Fax: 04.5182808 E-mail: infocen@hn.vnn.vn - Websie: www.vnpt.com.vn

Digitized by Google

CÔNG TY GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH



VINATRANS

INTERNATIONAL FREIGHT FORWARDERS

ISO 9002

Trụ sở chính:

406 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) -9404058; 9404683; Fax: (84.8) -9404770
E-mail: vinatrans.mngt@vinatrans.com.vn
Web-site: www.vinatrans.com



ĐƠN VỊ

ANH HÙNG LAO ĐỘNG



- ▣ Vận chuyển bằng đường biển (FCL, LCL).
- ▣ Vận chuyển bằng đường hàng không.
- ▣ Đại lý tàu biển.
- ▣ Khai báo thủ tục hải quan.
- ▣ Giao nhận vận chuyển hàng quá cảnh đi Lào, Cam-pu-chia.
- ▣ Giao nhận vận chuyển hàng công trình, hàng triển lãm.
- ▣ Đóng gói, vận chuyển hàng gia đình, hàng của các cơ quan ngoại giao.
- ▣ Phát chuyển nhanh chứng từ, hàng mẫu.
- ▣ Lưu kho thường, kho lạnh, kho CFS



CHI NHÁNH:

- ◆ VINATRANS HÀ NỘI : 2 Bích Câu, Tel: (84.4) 7321090; Fax: (84.4) 7321083
E-mail: vtrans@hn.vnn.vn
- ◆ VINATRANS HẢI PHÒNG : 115 đường bao Trần Hưng Đạo, Đông Hải - An Hải,
Tel: (84.31) 765819, Fax: (84.31) 765821
E-mail: vinatrans.hpg@hn.vnn.vn
- ◆ VINATRANS ĐÀ NẴNG : 184 Trần Phú, Tel: (84.511) 872319; Fax: (84.511) 821310
vinatransdn@dng.vnn.vn
- ◆ VINATRANS QUY NHƠN : 8 Lê Thánh Tôn, Tel: (84.56) 891787; Fax: (84.56) 892380
E-mail: vntqup@dng.vnn.vn

VIỆN THÚ Y

National Institute of Veterinary Research

Trụ sở chính: 86 Đường Trường Chinh - Hà Nội * Điện thoại (04) 8695140- 9693921 Fax: (04) 8694082

Viện trưởng: TS. Trương Văn Dung

Phó viện trưởng: PGS. TS. Lê Văn Tạo- TS. Nguyễn Ngọc Nhiên- TS. Trần Thị Hạnh

1. Chức năng:

- Nghiên cứu khoa học kỹ thuật về công tác phòng chống dịch bệnh cho các loại gia súc, gia cầm theo đúng Pháp lệnh thú y.
- Trực tiếp quản lý các cơ sở thuộc Viện.
- Quản lý, giám sát sản xuất và hướng dẫn sử dụng các loại thuốc thú y phục vụ cho việc phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm.

2. Lĩnh vực hoạt động khoa học công nghệ:

- Nghiên cứu và thực hiện khoa học kỹ thuật thú y.
- Sản xuất thực nghiệm được phẩm, chế phẩm sinh học dùng cho thú y.
- Thực hiện dịch vụ khoa học kỹ thuật, đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ kỹ thuật thú y.

3. Nhiệm vụ:

- Xây dựng phương hướng kế hoạch nghiên cứu khoa học kỹ thuật về thú y.
- Tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu của Viện, quản lý các đề tài nghiên cứu ở các đơn vị thuộc ngành.
- Điều tra cơ bản về dịch bệnh và côn trùng có hại cho gia súc gia cầm.



- Bảo quản, cải tạo, phân loại và chọn lọc giống siêu vi trùng, vi trùng, ký sinh trùng, nấm mốc từ nguồn trong và ngoài nước phục vụ cho công tác nghiên cứu và sản xuất.
- Sản xuất thử nghiệm và chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật thú y phục vụ sản xuất.
- Đào tạo các cán bộ sau đại học về thú y cho cả nước.
- Bồi dưỡng trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ trong toàn ngành thú y, đào tạo công nhân kỹ thuật về thú y.
- Hợp tác quốc tế về khoa học kỹ thuật thú y.
- Quản lý các đơn vị trực thuộc.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CÔNG TY VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 10

ĐC: 3/1 ĐƯỜNG DƯƠNG TỰ MINH - P. HOÀNG VĂN THỤ - THÁI NGUYÊN

ĐT: (0280) 854363 - 859220



Giám đốc: Đoàn Công Long

Công ty Vận tải ô tô số 10 là một đơn vị được thành lập ngay sau khi Hồ Chủ tịch ký Sắc lệnh số 72/SL ngày 25/12/1951 thành lập Sở Vận tải - Bộ Giao thông công chính.

Suốt chặng đường 50 năm xây dựng và trưởng thành, Công ty Vận tải ô tô số 10 đã có những đóng góp xứng đáng trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ cũng như trong chiến tranh biên giới. Đây cũng là đơn vị vận tải chủ lực phục vụ sản xuất, xây dựng khu gang thép Thái nguyên, khu công nghiệp Gò Đăm, vận chuyển than từ các mỏ của Thái nguyên đi khắp cả nước.

Đầu những năm 90, chuyển sang hoạt động trong cơ chế thị trường Công ty gặp không ít khó khăn. Trước tình hình đó, Ban lãnh đạo Công ty đã chủ động tổ chức lại sản xuất, sắp xếp lại lao động, đa dạng hóa hoạt động kinh doanh dịch vụ, đầu tư phương tiện thiết bị mới giúp cho năng suất vận tải tăng lên gấp hơn hai lần và giảm được chi phí nhiên liệu chiếm trong giá thành, góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh.

Trong chiến lược phát triển Công ty, yếu tố con người được đặc biệt chú trọng, đội ngũ cán bộ quản lý hầu hết được đào tạo có trình độ từ trung cấp đến đại học, đội ngũ thợ sửa xe và lái xe cũng được đào tạo lại cho phù hợp với công nghệ mới, Công ty thường xuyên duy trì các phong trào thi đua giữ gìn xe tốt, lái xe an toàn, thi đua hoàn thành vượt mức kế hoạch, phát huy sáng kiến, thực hành tiết kiệm... Chính từ hàng loạt giải thưởng mà Công ty đã từng



bước vượt qua khó khăn, đảm bảo mức tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước, tăng thêm việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

Với những đóng góp cho công cuộc bảo vệ và xây dựng phát triển đất nước, Công ty Vận tải ô tô số 10 đã được đón nhận nhiều phần thưởng cao quý: 02 Huân chương Lao động; 02 Huân chương Kháng chiến; Huân chương Chiến công, cùng nhiều bằng khen của Bộ Giao thông vận tải, UBND tỉnh Thái nguyên, UBATGTQG và bằng khen của Tổng công ty Giao thông vận tải Miền Nam.

CÔNG TY

77

ĐỊA CHỈ : X. LIÊN SƠN - H. KIM BẢNG - T. HÀ NAM
 ĐIỆN THOẠI : 0351 820202 * FAX ; 0351 820500.

Giám đốc: Thượng tá LÊ VĂN XUYỀN

Xí nghiệp xi măng 77 thành lập ngày 13/5/1977, và ngày 17/4/1996 đổi tên thành Công ty xi măng 77, theo quyết định của Bộ trưởng Bộ P. Công ty có chức năng sản xuất vật liệu xây dựng và xây lắp công trình. Hiện nay đổi thành Công ty 77 tập trung vào 2 nhiệm vụ chính là sản xuất vật liệu XD (xi-măng, gạch Block) và xây dựng công trình.

Xi-măng 77 đã có uy tín rộng rãi trên thị trường từ khi còn sản xuất xi măng mác 300, từ năm 1991 áp dụng đề tài 26A - 02, Công ty đã nâng chất lượng xi-măng theo tiêu chuẩn PC - 30. Trong quá trình sản xuất Công ty luôn duy trì chất lượng xi-măng ngày càng ổn định. Để chất lượng sản phẩm đứng vững trên thị trường Công ty đã chú trọng vào giải pháp công nghệ mang tính thực tiễn cao như: lắp thêm hệ thống biến tần điều chỉnh tự động áp lực gió quạt ROOS, tăng năng xuất lò bình quân từ 205 tấn / ngày (1997) lên 240 tấn / ngày (2001); giảm chi phí điện năng từ 99 kW/ tấn xi-măng (1997) xuống còn 89,67 kW/ tấn xi-măng (2001). Chất lượng xi-măng có độ dư mức là 10%.

Cùng với đảm bảo chất lượng, Công ty luôn coi trọng áp dụng và phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật. Từ năm 1997 đến năm 2001 đã có 21 sáng kiến cải tiến kỹ thuật giá trị như: chế tạo xích gầu nâng, gia công nhiều phụ tùng thay thế cho nhập ngoại với hiệu quả cao; thiết kế gia công



hệ thống lọc bụi khối lò nung qua màng nước, tăng năng xuất lò lên 5%, thay thế hệ thống vận chuyển bột liệu bằng khí nén, chi phí điện năng giảm 35% so năm 1997.

Những cải tiến trên đã làm lợi cho đơn vị hàng tỷ đồng và góp phần vào nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Giải quyết tốt vấn đề môi trường tạo được phong trào thi đua sôi nổi trong CBCNV.

Năm 2001, Công ty áp dụng và được cấp chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9002. Đây là bước phát triển của Công ty trong việc xây dựng hệ thống chuẩn mực cho việc điều hành các hoạt động quản lý SXKD đạt hiệu quả và đảm bảo uy tín của chất lượng sản phẩm trên thị trường.



CÔNG TY 77 HÂN HẠNH ĐƯỢC PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH



CÔNG TY SUPE PHỐT PHÁT VÀ HÓA CHẤT LÂM THẢO

LAM THAO FERTILIZERS AND CHEMICALS COMPANY

ĐƠN VỊ
3 LẦN
ANH HÙNG

SẢN PHẨM

1. Supe phốt phát đơn (Supe lân Lâm Thao)	750.000 tấn/năm
2. Phân hỗn hợp NPK Lâm Thao	250.000 tấn/năm
3. Axít Sunfuric kỹ thuật (H_2SO_4)	250.000 tấn/năm
4. Axít Sunfuric tinh khiết (P) và tinh khiết phân tích (Pa)	150.000 tấn/năm
5. Axít Sunfuric dùng cho ô tô quy (H_2SO_4)	500 tấn/năm
6. Natri silicoflorua (Na_2SiF_6)	4.000 tấn/năm
7. Phèn nhôm sunfat	6.000 tấn/năm
8. Phèn kép amoni nhôm sunfat	3.000 tấn/năm
9. Natri sunfit (Na_2SO_3)	60 tấn/năm
10. Natri bisunfit ($NaHSO_3$)	100 tấn/năm
11. Natri florua (NaF)	15 tấn/năm
12. Natri pyrosunfit ($Na_2S_2O_5$)	5 tấn/năm
13. Ôxi đồng chai	40.000 chai/năm

THÀNH TÍCH

- Hai lần danh hiệu Anh hùng Lao động: 1985, 2000.
- Danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.
- Huân chương Độc lập hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba.
- Huân chương Lao động hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba.
- Cờ thưởng luân lưu của Chính phủ nhiều năm.
- Giải vàng giải thưởng Chất lượng Việt Nam.
- Giải thưởng Bông lúa vàng.
- Huy chương vàng Bạn nhà nông.
- Cúp vàng vì sự nghiệp xanh.
- Giải thưởng Quả cầu vàng Việt Nam.

*Bạn của
Nhà nông*



ĐỊA CHỈ: HUYỆN LÂM THẢO - TỈNH PHÚ THỌ * ĐT: 0210.825.131 - 0210.825139 * FAX: 0210.825126
CHI NHÁNH: HUYỆN CẨM GIÀNG - TỈNH HẢI DƯƠNG * ĐT: 0320.786454 * FAX: 0320.786758



5730

CÔNG TY GIẤY BÀI BẮNG

BAI BANG PAPER COMPANY (BAPACO)

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG

TRU SỞ CHÍNH: Thị trấn Phong Châu, huyện Phú Ninh, tỉnh Phú Thọ
Điện thoại: (0210) 829755 / 829181 / 829182 / 829184 Fax: (0210) 829 177

E mail: BAPACO PN @ HN. VNN. VN

Tài khoản: 710A.00.001 Ngân hàng Công thương khu vực Đền Hùng - Phú Thọ

CHI NHANH CÔNG TY: **Tại Hà Nội:** 142 Đội Cấn, Ba Đình, HN ĐT-Fax : 04. 7220 347, Email: BAPACO @ HN.VNN.VN
Tại Đà Nẵng: 68 Hàm Nghi - Quận Thanh Khê -Tp. Đà Nẵng ĐT: 0511655306 / Fax: 0511650418
Tại TP HCM: Số 6 Đường Bàu Cát 4, P.13, Q.Tân Bình, TP. HCM ĐT: 08. 8493 821/Fax: 08. 8493 822

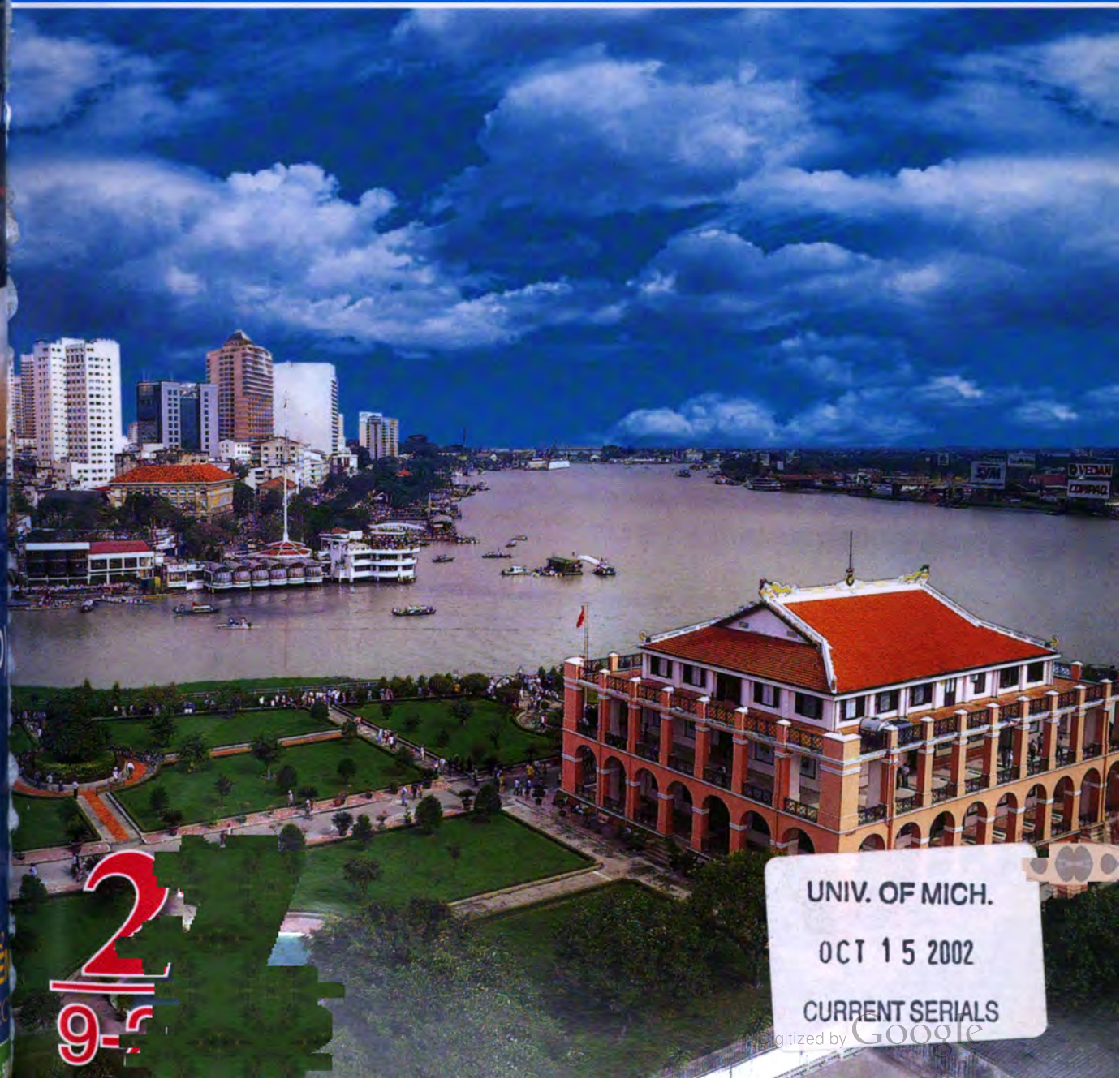
CÔNG TRÌNH HỢP TÁC VIỆT NAM - THỤY ĐIỂN
VIETNAM - SWEDEN FRIENDSHIP AND COOPERATION PROJECT

IN TẠI CÔNG TY IN TẠP CHÍ CÔNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT - 8267244 + CHỈ SỐ 1065 1000 0000 5555

HIX
Q
H683

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



2
9-5

UNIV. OF MICH.

OCT 15 2002

CURRENT SERIALS

Digitized by Google



BỘ THƯƠNG MẠI

CÔNG TY SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU

ĐỊA CHỈ: KHƯƠNG ĐÌNH - THANH XUÂN - HÀ NỘI

ĐT: (04)8.583672 ;FAX:(04)8.585009 * E-mail: duongprosimex@fpt.vn

TỔNG GIÁM ĐỐC: NGUYỄN NAM DƯƠNG

CN TẠI QUẢNG NINH: ĐC: 661- LÊ THÁNH TÔNG - HỒN GAI - TP. HẠ LONG

ĐIỆN THOẠI: (033) 826 238 * GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH: LẠI NGỌC PHÚC



**TỔNG GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN NAM DƯƠNG**



*Đoàn xà lan 2.500 tấn chuyên dùng
chở dầu diesel*



Xi nghiệp May xuất khẩu của Công ty

CÔNG TY SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU (PROSIMEX) LÀ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRỰC THUỘC BỘ THƯƠNG MẠI.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHỦ YẾU:

- Xuất khẩu hàng may mặc, thủ công mỹ nghệ, thêu ren, nông sản như: cà phê, hạt tiêu, cao su, lạc nhân, vừng, ngô, sắn lát...
- Nhập khẩu phân bón (URE, DAP, KALI), thiết bị toàn bộ, máy móc và phương tiện vận tải, sắt thép nguyên liệu cho sản xuất và hàng tiêu dùng...
- Xuất khẩu lao động, dịch vụ khách du lịch
- Tạm nhập, tái xuất và chuyển khẩu dầu D.O, dầu thực vật
- Xây dựng dân dụng và kinh doanh nhà
- Kim ngạch xuất khẩu hằng năm trên 70 triệu USD

TẠI QUẢNG NINH, CHI NHÁNH CÔNG TY SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU TRÊN CÁC LĨNH VỰC SAU:

- Sản xuất và gia công hàng xuất khẩu, kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu hàng may mặc, dệt, thủ công mỹ nghệ, nông lâm sản, kim khí, điện máy, hàng tiêu dùng và các loại vật tư sản xuất.
- Xuất khẩu: hải sản, vật liệu xây dựng, kim loại, máy móc, thiết bị, phụ tùng
- Nhập khẩu: phương tiện vận tải, vật liệu xây dựng, kim loại, máy móc, thiết bị, phụ tùng
- Làm dịch vụ chuyển khẩu ngành hàng dầu DO theo quy định của Nhà nước
- Vận tải đường bộ, đường thủy
- Kinh doanh dịch vụ du lịch, lữ hành nội địa
- Kinh doanh đại lý tàu biển đối với các tàu nước ngoài vào giao và nhận hàng của chi nhánh: Dầu thực vật và dầu D.O
- Kinh doanh xăng dầu
- Gia công, sửa chữa, tân trang xe ô-tô các loại
- Kinh doanh hàng khoáng sản
- Kinh doanh kho ngoại quan



THÁNG RA 3 KỶ

SỐ 656

27

9-2002

● BỘ BIÊN TẬP :

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : (04) 9 422 061
Fax : (04) 8 222 846

**● Cơ quan thường trú
tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,
Q. 3, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

● Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>
Email: bhbtccs@hn.vnn.vn

● Phó Tổng Biên tập phụ trách :

TRẦN QUANG NHIẾP



Bìa 1 : Bến Nhà Rồng

Ảnh : QUANG BÌNH

Tạp chí Cộng sản

**CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

- TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC - Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh 3
- THANG VĂN PHÚC - NGUYỄN MINH PHƯƠNG - Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân 9

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- TÀO HỮU PHÙNG - Một số giải pháp nâng cao hiệu quả chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta 14
- NGÔ ĐÌNH XÂY - Những yêu cầu đối với trí thức trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa 20
- TRẦN DUY HƯƠNG - Ai vi phạm nhân quyền, ai vi phạm dân chủ ? 25
- NGUYỄN XUÂN TẾ - Xây dựng và phát triển Khoa học Chính trị Việt Nam - nhìn từ Thành phố Hồ Chí Minh 30
- NGUYỄN TRỌNG NHÂN - Cứu trợ nạn nhân Chất Đi-ô-xin/Da cam - một vấn đề bức xúc hiện nay 35

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

- TRẦN VĂN TRUYỀN - Bến Tre vững bước trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn 39
- MANH - PHƯƠNG - Về sự phát triển của kinh tế tư nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh 45
- DƯƠNG VŨ - Tiềm năng và sức bật của du lịch Thừa Thiên - Huế 49

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

- NGUYỄN LỘC - Liên hợp quốc : Chặng đường 57 năm hoạt động và mối quan hệ với Việt Nam 54
- LÊ NGỌC TÔNG - Tác động hai mặt của toàn cầu hóa kinh tế đối với các nước đang phát triển 59

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN, THỰC TIỄN

- Chính phủ họp phiên thường kỳ, tháng 8 năm 2002 63
- Hội thảo khoa học và mít tinh kỷ niệm 100 năm sinh Cố Tổng Bí thư Lê Hồng Phong (1902 - 2002) 64

СОДЕРЖАНИЕ

ЧЫОНГ КУАНГ ДЫОК: Развивать силу всенародной сплоченности для осуществления индустриализации и модернизации страны, сосредоточивающегося на создании богатого, сильного государства и справедливого, демократичного и цивилизованного общества. **ТХАНГ ВАН ФУК – НГУЕН МИНЬ ФЫОНГ:** Создание контингента кадров и служащих правового социалистического государства народа, народом и за народ. **ТАО ХЫУ ФУНГ:** Некоторые мероприятия для повышения эффективности перемены экономической структуры в нашей стране. **НГО ДИНЬ СЕЙ:** Необходимые требования к интеллигентам в индустриализации и модернизации страны. **ЧАН ЗУЙ ХЫОНГ:** Кто нарушает права человека, кто нарушает демократию? **НГУЕН ЧОНГ НЬЯН:** Оказание помощи пострадавшим от отравляющего химического вещества *dioxin* - одна из злободневных проблем в настоящее время. **НГУЕН ЛОК:** ООН: 57-летний путь действия, и её отношение с Вьетнамом. **ЛЕ НГОК ТОНГ:** Двухстороннее воздействие экономической глобализации на развивающиеся страны.

CONTENTS

TRƯƠNG QUANG ĐUỘC: To promote vitality of the whole-people's great solidarity to implement the country's industrialisation, modernisation for the sake of wealthy people; strong country; equal, democratic and civilised society. **THANG VĂN PHÚC – NGUYỄN MINH PHƯƠNG:** To form a contingent of cadres and government employees of the law-governed socialist state of the people, by the people and for the people. **TÀO HỮU PHỤNG:** Some measures to enhance efficiency of the shift of economic structure in our country. **NGÔ ĐÌNH XÂY:** Demands for intellectuals in the cause of industrialisation and modernisation. **TRẦN DUY HƯƠNG:** Who violates human rights, who violates democracy? **NGUYỄN TRỌNG NHÂN:** Aid to the victims of dioxin (orange agent) – a contemporary pressing problem. **NGUYỄN LỘC:** The UN: a 57 years' stage of activities and relationship with Vietnam. **LÊ NGỌC TÔNG:** Bilateral affect of economic globalisation regarding the developing countries.

SOMMAIRE

TRƯƠNG QUANG ĐUỘC: Faire valoir la force de la grande union de tout le peuple afin de réaliser l'industrialisation, la modernisation du pays pour un peuple riche, un pays puissant, une société équitable, démocratique et civilisée. **THANG VĂN PHÚC - NGUYỄN MINH PHƯƠNG:** Edifier un contingent de cadres et de fonctionnaires de l'Etat de droit socialiste du peuple, par le peuple et pour le peuple. **TÀO HỮU PHỤNG:** Quelques solutions pour rehausser l'efficacité de la restructuration économique au Vietnam. **NGÔ ĐÌNH XÂY:** Les exigences vis-à-vis des intellectuels dans l'œuvre d'industrialisation, de modernisation. **TRẦN DUY HƯƠNG:** Qui viole les droits de l'homme, qui viole la démocratie? **NGUYỄN TRỌNG NHÂN:** L'assistance aux victimes de dioxine/agent orange - un problème pressant de l'heure. **NGUYỄN LỘC:** L'ONU: parcours de 57 ans et relations avec le Vietnam. **LÊ NGỌC TÔNG:** Le double impact de la globalisation économique sur les pays en voie de développement.

SUMARIO

TRƯƠNG QUANG ĐUỘC: Poner en juego la fuerza de la gran unión de todo el pueblo a fin de realizar la industrialización, la modernización nacional por el objetivo de un pueblo rico, un país fuerte, una sociedad justa, democrática y civilizada. **THANG VĂN PHÚC - NGUYỄN MINH PHƯƠNG:** Edificar un contingente de cuadros y funcionarios del Estado de derecho socialista del pueblo, por el pueblo y para el pueblo. **TÀO HỮU PHỤNG:** Algunas resoluciones para aumentar la eficiencia de la transmutación de la estructura económica en Vietnam. **NGÔ ĐÌNH XÂY:** Las exigencias para los intelectuales en la obra de industrialización y modernización. **TRẦN DUY HƯƠNG:** ¿Quién viola el derecho del hombre, quién viola la democracia? **NGUYỄN TRỌNG NHÂN:** La asistencia a las víctimas afectadas por el agente naranja - una urgente cuestión actual. **NGUYỄN LỘC:** La ONU: la trayectoria de 57 años de actividades y relaciones con Vietnam. **LÊ NGỌC TÔNG:** El doble impacto de la globalización económica para con los país en vías de desarrollo.

目录

张光得: 发挥全民大团结力量实现工业化、现代化为民富、国强、社会公平、民主、文明的目标而奋斗。汤文福、阮明芳: 建设民有、民治、民享的越南社会主义法制国家的公务员干部队伍。吴亭设: 工业化、现代化事业中对知识分子的一些要求。曹友冯: 提高我国经济结构转移效果的一些解决措施。陈维乔: 谁侵犯人权? 谁违犯民主? 阮仲仁: 救助落叶剂受害者—目前迫切的问题。阮禄: 联合国—57年活动历程及其与越南的关系。黎玉从: 经济全球化对发展中国家的双面影响。



PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN ĐỂ THỰC HIỆN CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC VÌ MỤC TIÊU DÂN GIÀU, NƯỚC MẠNH, XÃ HỘI CÔNG BẰNG, DÂN CHỦ, VĂN MINH

TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC*

THỰC tiễn cho thấy, việc thực hiện đại đoàn kết toàn dân ở nước ta từ xưa đến nay luôn luôn là yếu tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Với đặc điểm tự nhiên và lịch sử khá đặc thù : thiên tai khắc nghiệt, ngoại xâm triền miên, do đó muốn tồn tại được trước hết dân tộc ta phải đoàn kết để chiến thắng thiên tai địch họa, và đi lên cùng thời đại. Chính vì lẽ đó, đại đoàn kết toàn dân đã trở thành truyền thống quý báu và tốt đẹp của dân tộc ta. Bác Hồ kính yêu của chúng ta đã đúc kết một chân lý rất cụ thể, mộc mạc mà rất vĩ đại : Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết ; thành công, thành công, đại thành công.

Nghị quyết Đại hội IX của Đảng ta khẳng định : *"Kế thừa truyền thống quý báu của dân tộc, Đảng ta luôn luôn giương cao ngọn cờ đại đoàn kết toàn dân. Đó là đường lối chiến lược, là nguồn sức mạnh và động lực to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"* vì mục tiêu cao đẹp là : dân giàu,

nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Hơn 15 năm đổi mới, mở cửa, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu hết sức quan trọng, trong đó nổi bật nhất là việc thực hiện đại đoàn kết toàn dân, giữ vững ổn định chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế, văn hóa... Đó là những kết quả mang ý nghĩa lịch sử rất sâu sắc và rất quan trọng. Nó tạo đà cho dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục tiến lên trong thế kỷ XXI một cách chắc chắn.

Trong bối cảnh hiện nay, tình hình thế giới đang có những biến động hết sức phức tạp và nhanh chóng. Việc giữ vững khối đại đoàn kết toàn dân để đưa đất nước vượt qua thách thức là điều rất quan trọng. Do đó, tăng cường đoàn kết toàn dân để chiến thắng nghèo nàn lạc hậu, giữ vững

* Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Quốc hội

độc lập dân tộc và thành quả cách mạng là trách nhiệm hết sức nặng nề của toàn Đảng, toàn dân ta.

Để làm được điều đó, trước hết, phải xác định rõ vị trí, vai trò của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và củng cố vững chắc khối liên minh này. Đây là lực lượng trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội, thúc đẩy tiến bộ trong sản xuất và đời sống của nhân dân ; là hạt nhân quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân, nền tảng của xã hội ta. Ngay từ khi ra đời, Đảng ta đã xây dựng và lãnh đạo khối liên minh này cùng dân tộc làm nên bao thắng lợi vẻ vang. Ngày nay, chỉ có dưới sự lãnh đạo của Đảng, khối đại đoàn kết toàn dân mới phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp để thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trong những năm đổi mới, Đảng ta không chỉ nhận thức sâu sắc vai trò của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức mà còn hoạch định nhiều chính sách phù hợp nhằm không ngừng củng cố, phát huy vai trò của khối liên minh này trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân. Là một nước nông nghiệp, với hơn 80% số dân sống ở nông thôn ; giai cấp công nhân và đội ngũ trí thức nước ta chiếm một tỷ lệ thấp (so với nông dân) và hầu hết đều xuất thân từ nông dân ; do đó, mối quan hệ máu thịt giữa nông dân với công nhân và trí thức là hết sức mật thiết, là nhân tố gắn kết tự nhiên tạo nên sự bền vững và sức mạnh tổng hợp của khối liên minh. Trong cuộc sống hôm nay, mỗi hạt lúa, trái cây, con vật nuôi... đều chứa đựng công sức của công nhân, nông dân và trí thức. Chúng ta phải nâng cao trình độ về mọi mặt cho giai cấp công nhân và nông dân ; đồng thời,

tăng cường bồi dưỡng giáo dục hệ tư tưởng của giai cấp công nhân trong toàn khối liên minh. Bởi, đây chính là điểm hội tụ tạo nên sự thống nhất về tinh thần, tư tưởng và hành động để mở rộng không ngừng mặt trận đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Đảng, Nhà nước ta đã tìm tòi, sáng tạo nhiều chủ trương, đường lối và chính sách phù hợp để tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân.

Đối với giai cấp công nhân, Đảng, Nhà nước ta luôn chú ý phát triển cả về số lượng và chất lượng, nhất là nâng cao trình độ tay nghề và học vấn. Đảng, Nhà nước ta rất chú trọng thực hiện việc "trí thức hóa" giai cấp công nhân, tạo điều kiện cho giai cấp công nhân trưởng thành, đủ sức gánh vác nhiệm vụ xây dựng một nền công nghiệp hiện đại và xứng đáng là một lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Giai cấp công nhân là sản phẩm của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa và là lực lượng to lớn góp phần quyết định tốc độ tăng trưởng kinh tế của đất nước. Trong quá trình chuyển đổi cơ cấu sản xuất, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, đổi mới công nghệ, có một bộ phận công nhân thiếu việc làm, đời sống gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, các vấn đề này cần được đi sâu nghiên cứu, trên cơ sở đó, xây dựng các chính sách giải quyết kịp thời và hiệu quả.

Đối với giai cấp nông dân, Đảng, Nhà nước ta luôn coi đây là động lực to lớn của cách mạng. Trong thời kỳ đổi mới, vai trò to lớn của nông dân ngày càng được khẳng định. Hơn 15 năm qua, giai cấp nông dân nước ta đã lập nên những kỳ tích : *Biến nền nông nghiệp tự túc, tự cấp thành nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa, tạo khối lượng hàng hóa nông sản ngày càng lớn và có chất lượng để xuất khẩu.* Việc coi

hộ nông dân là đơn vị sản xuất tự chủ, gắn chặt với việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tăng cường giúp đỡ vốn sản xuất, cơ sở kỹ thuật, cơ sở hạ tầng ở nông thôn, thực hiện các chính sách ưu tiên, trợ giá,... đã tạo nên sự tiến bộ nhiều mặt cho nông dân. Tuy vậy, một bộ phận nông dân, nhất là ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, đời sống vẫn còn nhiều khó khăn, việc áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, đẩy mạnh sản xuất, vươn lên xóa đói, giảm nghèo còn nhiều lúng túng cần được quan tâm giải quyết trong thời gian tới.

Đối với đội ngũ trí thức, Đảng ta luôn nhận thức sâu sắc vai trò rất quan trọng của nó trong thời đại ngày nay, khi khoa học, công nghệ phát triển như vũ bão. Trí thức đã và đang tham gia trực tiếp và sâu rộng vào quá trình phát triển khoa học, công nghệ, tạo ra những ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước. Trong thực tế, Đảng, Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách nhất là về đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, tạo điều kiện thuận lợi nhất để họ phát huy tài năng, trí tuệ nhằm cống hiến cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trên thực tế, đội ngũ trí thức đã đóng góp nhiều thành tựu quan trọng trong khoa học, kỹ thuật, văn hóa, giáo dục, an ninh quốc phòng, văn học, nghệ thuật...

Việc Đảng ta khẳng định quyết tâm tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn một mặt nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển của đất nước ; mặt khác, cũng chính là nhằm không ngừng phát triển khối liên minh công - nông - trí thức lên một tầm cao mới. Cho đến nay, có rất nhiều nhà máy, xí nghiệp, công ty trên địa bàn cả nước đã thiết lập mô hình sản xuất khá độc đáo theo hình thức liên kết, kết hợp giữa nghiên cứu khoa học - công nghệ với sản xuất, đủ sức

đương đầu trước sức ép cạnh tranh của nền kinh tế thị trường, đạt kết quả cao. Nhiều nơi đã xây dựng được dây chuyền sản xuất khép kín, hiệu quả và bền vững ; tạo năng suất lao động cao ; phát triển cơ sở hạ tầng xã hội, nâng cao đời sống của người lao động. Đây là hình ảnh đẹp về khối đoàn kết liên minh bền chặt giữa công nhân, nông dân, đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự điều hành của Nhà nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Các mô hình nêu trên cần được tổng kết, nhân rộng trong thời gian tới.

Trong điều kiện mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế, mỗi doanh nhân, mỗi hợp đồng kinh tế, mỗi dịch vụ lao động đều đứng trước những thời cơ và thử thách gay gắt. Các nhà doanh nghiệp đã có những đóng góp đáng kể vào sự phát triển kinh tế của đất nước. Chúng ta cần chủ động xây dựng đội ngũ các nhà doanh nghiệp Việt Nam đủ mạnh, có bản lĩnh trên thương trường quốc tế, góp phần làm cho kinh tế Việt Nam phát triển bền vững.

Tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chúng ta cần chú ý tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc anh em trong đại gia đình dân tộc Việt Nam. Là một nước có nhiều dân tộc anh em cùng gắn bó, chung sống và phát triển, khối đại đoàn kết giữa các dân tộc ở nước ta từ trước đến nay luôn luôn gắn bó khăng khít và chặt chẽ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, khối đại đoàn kết giữa các dân tộc anh em đã có sự trưởng thành vượt bậc. Sự bình đẳng, hợp tác giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc anh em trên đất nước ta ngày càng được thực hiện tốt và thu được nhiều thành tựu to lớn. Nhất là, trong thời kỳ đổi mới, khối đại đoàn kết các dân tộc anh em được nâng lên một tầm cao mới cả về nhận thức lẫn hoạt động thực tiễn.

Trong hoàn cảnh đất nước còn nhiều khó khăn, Đảng, Nhà nước vẫn kiên trì chính sách ưu tiên, ưu đãi đối với đồng bào các dân tộc thiểu số, nhất là đồng bào ở vùng sâu, vùng xa... Nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về kinh tế, văn hóa, xã hội... đã đưa sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đồng bào lên một nhịp độ mới. Hệ thống cơ sở hạ tầng ở miền núi đã có bước phát triển tích cực, đời sống vật chất và tinh thần của các dân tộc thiểu số đã có mặt được cải thiện đáng kể. Cụ thể là, *trong kinh tế*, Đảng và Nhà nước đã trợ giá, trợ cước phí vận tải, giảm thuế ; giao đất, giao rừng ; giúp vốn, kỹ thuật, hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát huy thế mạnh sản xuất hàng hóa... *Trong văn hóa giáo dục*, bằng nhiều phương thức, chúng ta mở thêm trường lớp, cung cấp dụng cụ giảng dạy, sách giáo khoa ; vận động cán bộ vùng thấp bám trụ giúp đỡ vùng cao, vùng sâu vùng xa... *Trong lĩnh vực phát triển y tế, văn hóa*, chúng ta từng bước hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, chăm sóc sức khỏe cho đồng bào, hướng dẫn nhân dân thực hiện lối sống mới ngày càng văn minh và tiến bộ. Hệ thống đài phát thanh và truyền hình bằng tiếng dân tộc thiểu số đang được quan tâm phát triển ; xóa vùng trắng văn hóa, xóa đói giảm nghèo, xóa mù chữ, bảo toàn ngôn ngữ, chữ viết, bảo vệ truyền thống văn hóa quý báu của các dân tộc thiểu số, giúp họ hòa nhập với cộng đồng...

Có thể nói, Đảng, Nhà nước ta đã làm tất cả những gì có thể làm được để đồng bào các dân tộc thiểu số chủ động vượt lên, thực hiện sự bình đẳng và hợp tác giúp đỡ lẫn nhau, cùng cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội... Có lẽ chưa bao giờ bức tranh hòa hợp dân tộc ở nước ta lại có được những gam màu tươi sáng và rực rỡ như ngày nay.

Đó là kết quả sinh động của các chính sách chăm lo lợi ích chính đáng các tầng lớp nhân dân, các cộng đồng dân cư, các vùng, miền, thu hẹp dần sự cách biệt trong đời sống, làm cơ sở cho hòa hợp, đoàn kết toàn dân của Đảng và Nhà nước ta. Những điều đó đã khẳng định quyết tâm rất cao của Đảng, Nhà nước ta trong việc thực hiện sự bình đẳng, hợp tác giúp đỡ các dân tộc anh em cùng tiến bộ và phát triển ; khẳng định tình đoàn kết keo sơn, gắn bó giữa các dân tộc Việt Nam cùng nhau thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Để thực hiện đại đoàn kết toàn dân, Đảng, Nhà nước ta cũng rất chú ý đến việc thực hiện đoàn kết giữa đồng bào có tín ngưỡng và tôn giáo khác nhau. Là một đất nước có truyền thống lâu đời về lòng nhân hậu, mặc dù có nhiều tôn giáo khác nhau, nhưng đồng bào ta vẫn luôn luôn hòa hợp và cùng phát triển. Ngay từ khi giành được chính quyền (1945), Đảng và Nhà nước ta, đứng đầu là Bác Hồ vĩ đại, đã luôn luôn thực hiện đoàn kết giữa đồng bào lương và giáo ; tôn trọng tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo, ngăn chặn mọi sự bài xích hay kỳ thị tôn giáo, tín ngưỡng... Điều quan trọng nhất là, đảm bảo đời sống ấm no, hạnh phúc cho mọi tầng lớp nhân dân, thực hiện khẩu hiệu "tốt đời đẹp đạo"... Chính vì lẽ đó, các tôn giáo ở Việt Nam tồn tại và hoạt động bình thường. Nhiều đồng bào có đạo và các chức sắc tôn giáo đã tham gia tích cực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Trong những năm đổi mới, việc thực hiện tốt khối đại đoàn kết toàn dân, tôn trọng mọi sự khác nhau về tôn giáo, tín ngưỡng đã đưa đất nước vượt qua khó khăn, đứng vững trước những thách thức mới. Đặc biệt gần đây, sức mạnh đó đã đẩy lùi mọi âm mưu và hành động của các

thế lực đen tối, định dùng tôn giáo cũng như vấn đề dân tộc vào mục đích chính trị xấu xa và tàn bạo hòng chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân. Thắng lợi này là bài học kinh nghiệm bổ ích, quý báu đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong việc thực hiện đại đoàn kết toàn dân.

Để thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chúng ta cần phải chú ý duy trì phát triển tình đoàn kết trong cộng đồng người Việt Nam đang sống ở nước ngoài ; thực hiện đoàn kết với các nước anh em, bầu bạn trong khu vực và trên thế giới, nhất là với các nước láng giềng. Đảng, Nhà nước ta đã hết sức coi trọng việc tuyên truyền để đồng bào Việt Nam đang định cư ở nước ngoài hiểu được tình hình trong nước, hướng về quê hương, góp phần tích cực xây dựng đất nước. Đảng, Nhà nước ta cũng luôn mong muốn đồng bào sống xa Tổ quốc phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, cống hiến tài năng, trí tuệ cho nơi mình đang cư trú và tuân thủ nghiêm chỉnh luật pháp nước sở tại... đã được các nước hoan nghênh, ủng hộ và được bà con sống xa Tổ quốc hưởng ứng... Gần đây, các hoạt động giao lưu văn hóa, hợp tác đầu tư, làm ăn kinh tế, các hoạt động nhân đạo, từ thiện... sôi nổi và có hiệu quả của nhiều cá nhân, tổ chức của đồng bào ta đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài, là bằng chứng hùng hồn về việc thực hiện đại đoàn kết toàn dân, góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế, Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển. Với sự hợp tác quốc tế, vị thế của chúng ta trong

khu vực và trên thế giới được củng cố và tăng cường, tạo cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước càng thêm vững chắc. Trọng bối cảnh "toàn cầu hóa" với việc thực hiện đoàn kết quốc tế, chúng ta chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, tăng cường tiềm lực quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường. Đây là một nhiệm vụ hết sức quan trọng của công cuộc đổi mới đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Có thể nói, đường lối đổi mới của Đảng ta dựa trên cơ sở trung thành và sáng tạo với các nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong đó có việc tăng cường đại đoàn kết toàn dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đã được thực tế khẳng định là đúng đắn, là cách mạng.

Để phát huy hơn nữa thành quả của công cuộc đổi mới, trong thời gian tới, chúng ta cần chú ý một số vấn đề cơ bản nhằm tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân :

Một là, thống nhất mục tiêu chung của khối đại đoàn kết toàn dân là, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội nhằm thực hiện : dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Trong đó, rất coi trọng động lực trực tiếp là lợi ích vật chất và tinh thần hợp pháp của nhân dân trên cơ sở kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội. Vậy vấn đề là, cần tiếp tục xây dựng cơ chế, quy định cụ thể hơn nữa ở từng cấp, từng ngành, địa phương, cơ sở sao cho mỗi cá nhân, tập thể và cộng đồng đều nhận được lợi ích hài hòa. Chỉ có thế, chúng ta mới thực hiện được sự đoàn kết và sự đoàn kết đó mới thật sự bền vững. Nhu cầu

vật chất và tinh thần của nhân dân lao động luôn đòi hỏi không ngừng được nâng cao. Đó là quy luật. Cho nên, chúng ta không thể thỏa mãn với những gì đã đạt được hôm nay mà cần phải đẩy mạnh hơn nữa cuộc vận động toàn xã hội thi đua sản xuất và tiết kiệm để có điều kiện nâng cao đời sống của nhân dân.

Hai là, đổi mới và hoàn thiện chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Chúng ta thực hiện đại đoàn kết toàn dân không chỉ dựa vào mục tiêu, vào chủ trương, mà điều quan trọng là phải dựa vào cơ sở pháp lý của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam. Do đó, để thực hiện đại đoàn kết theo hướng đúng đắn, không rơi vào "tả" hay "hữu" khuynh hoặc xuôi chiều tùy tiện, cần luôn luôn đổi mới và hoàn thiện mọi chủ trương, chính sách của Đảng ; hoàn thiện hơn nữa hệ thống luật pháp của Nhà nước một cách thường xuyên. Chúng ta có luật pháp, đường lối, chủ trương, chính sách song rất cần tổ chức học tập, tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân, và thực hiện nó đầy đủ, nghiêm chỉnh trong cuộc sống. Khi Đảng ta trở thành đảng cầm quyền thì mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân thể hiện trước hết và chủ yếu ở mối quan hệ giữa chính quyền và nhân dân. Chính quyền phải trở thành công cụ hữu hiệu nhất để thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân. Tổ chức và hoạt động của các cơ quan đại diện quyền lực của dân từ trung ương đến cơ sở phải thể hiện rõ trách nhiệm của mình trong việc thúc đẩy tinh thần và bảo đảm vững chắc nhằm xây dựng và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân.

Ba là, tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, các hội quần chúng. Các tổ chức này phải thu hút được đông đảo các tầng

lớp nhân dân trong xã hội thực hiện một cách năng động, sáng tạo các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, làm sống động hơn nữa các phong trào thi đua yêu nước hiện nay như: "xóa đói giảm nghèo", "xóa mù chữ", "đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa mới"... và nhiều phong trào khác, từ nông thôn đến thành thị, từ miền biển đến rừng núi, từng xóm ngõ, đường phố... một cách hiệu quả hơn và vững chắc hơn.

Bốn là, coi việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trong đó sự lãnh đạo của Đảng giữ vai trò quyết định. Đảng cần phải đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp lãnh đạo các tổ chức quần chúng và tập hợp nhân dân đoàn kết xung quanh mình. Thông qua việc thường xuyên chỉnh đốn Đảng, thực hiện tốt tự phê bình và phê bình, mỗi cán bộ đảng viên phải gần dân, tôn trọng dân, có trách nhiệm với dân, theo phương châm "nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin", xứng đáng là hạt nhân của khối đại đoàn kết toàn dân. Trong nội bộ, Đảng phải luôn luôn giữ được sự đoàn kết nhất trí cao. Đảng phải là tổ chức tiên phong, mỗi cán bộ đảng viên phải gương mẫu thực hiện đoàn kết ; xây dựng quan điểm, tác phong, phương pháp công tác phù hợp với yêu cầu tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân.

Trong Di chúc, Bác Hồ kính yêu đã căn dặn Đảng ta : phải giữ gìn sự đoàn kết trong Đảng như giữ gìn "con người" của mắt mình. Ngày nay, tư tưởng của Người về đại đoàn kết vẫn nhắc nhở, thúc giục chúng ta như một mệnh lệnh đối với mỗi cá nhân, tổ chức của Đảng trong vị thế và vai trò là người lãnh đạo đưa sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc ta đến thắng lợi vẻ vang. □

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CỦA NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

THANG VĂN PHÚC* - NGUYỄN MINH PHƯƠNG**

NGHI quyết Hội nghị Trung ương 3 (khóa VIII) và Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã đề ra nhiệm vụ "xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực" và "hoàn thiện chế độ công vụ, quy chế cán bộ, coi trọng cả năng lực và đạo đức". Do đó, việc tiến hành nghiên cứu các luận cứ khoa học nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân là việc làm hết sức cấp thiết.

I - Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân và yêu cầu đối với đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước

1 - Mặc dù còn phải tiếp tục nghiên cứu về các nguyên tắc, đặc điểm của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCN) của dân, do dân, vì dân mà chúng ta đang xây dựng, nhưng bước đầu có thể nhận dạng một số đặc trưng cơ bản của nó. Đó là tổ chức công quyền trong hệ thống chính trị của xã hội công dân, được xây dựng trên nền tảng các tư tưởng pháp lý tiên bộ của nhân loại và các nguyên lý chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng

Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng ta về xây dựng Nhà nước kiểu mới. Cụ thể là, tôn trọng và đảm bảo trên thực tế các quyền và tự do cơ bản, các lợi ích hợp pháp, danh dự và nhân phẩm của công dân ; sự ngự trị của pháp luật trong các lĩnh vực sinh hoạt xã hội ; tính tối cao của luật pháp trong các lĩnh vực tổ chức và hoạt động của nhà nước ; quyền lực nhà nước được phân định thành quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp trong tổ chức bộ máy nhà nước, đảm bảo cơ chế kiểm soát quyền lực để tránh sự lạm quyền của các cơ quan nhà nước ; chủ quyền của nhân dân đối với quyền lực nhà nước, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

Yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân đặt ra cho nền hành chính nước ta những nhiệm vụ to lớn và cấp bách trong tổ chức và hoạt động theo hướng pháp quyền. Đó không chỉ là yêu cầu cải cách nền hành chính theo hướng xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại

* TS, Thứ trưởng Bộ Nội vụ

** TS, Viện Khoa học Tổ chức Nhà nước, Bộ Nội vụ

hóa, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả theo đúng nguyên tắc mà còn là xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, vững mạnh, có đủ phẩm chất và năng lực công tác để họ thực sự trở thành công bộc của dân, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự phát triển đất nước.

Một trong những nguyên tắc cơ bản của Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân là mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và công dân được quyền làm tất cả những gì mà pháp luật không cấm; cán bộ, công chức chỉ được làm những gì mà pháp luật quy định. Theo đó, cán bộ, công chức trong bộ máy nhà nước được trao quyền để thực thi công vụ. Đồng thời, cán bộ, công chức có bốn phận phục vụ xã hội và công dân; chịu những ràng buộc nhất định do liên quan đến chức trách đang đảm nhiệm. Họ có thể không được hưởng một số quyền lợi mà một người công dân bình thường được hưởng và còn có thể bị truy cứu trách nhiệm không chỉ bởi hành vi vi phạm pháp luật mà còn do những thiếu sót, sai lầm hoặc chậm trễ trong việc thi hành công vụ. Hơn nữa, tùy theo lĩnh vực hoạt động, cán bộ, công chức phải tuân thủ những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp nhất định. Nhằm đề cao trách nhiệm của những người thực thi công quyền, hạn chế những hành vi lạm quyền, lộng quyền, Nhà nước còn đòi hỏi công khai hóa hoạt động của các cơ quan nhà nước và những người nắm giữ chức vụ, đặt các hoạt động đó dưới sự giám sát (trực tiếp hoặc gián tiếp) của nhân dân.

Vì vậy, tất yếu phải hình thành một khuôn khổ pháp lý cho hoạt động của cán bộ, công chức, trong đó xác định rõ quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm cũng như các điều kiện đảm bảo cho việc thực thi công vụ của họ. Chế độ

công vụ phải được xây dựng trên cơ sở bảo đảm những quyền lợi thỏa đáng đi kèm với những đòi hỏi khắt khe về khả năng chuyên môn và tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức. Đồng thời, cần xây dựng thể chế - cơ chế quản lý cán bộ, công chức phù hợp với nền hành chính hiện đại, được thể hiện thông qua các văn bản quy phạm pháp luật về công chức, công vụ...

2 - Chúng ta đang xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền. Do đó, Đảng phải thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đồng thời phát huy trách nhiệm của Nhà nước, của các cơ quan nhà nước trong quản lý, phát triển nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức. Từ lâu, vấn đề cán bộ, công chức đã được Đảng Cộng sản Việt Nam xác định là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, gắn liền với vận mệnh của Đảng, của chế độ; là khâu then chốt trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân.

Vì vậy, vấn đề đổi mới và thể chế hóa phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác cán bộ vừa có ý nghĩa hết sức quan trọng vừa là nhu cầu cấp bách hiện nay. Thực hiện quản lý cán bộ, công chức bằng pháp luật, cán bộ, công chức dù ở cấp nào, là đảng viên, là công dân đều phải gương mẫu chấp hành pháp luật nhà nước. Có công được khen thưởng, có tội bị xử phạt theo luật, bất kể người đó là ai, ở cương vị công tác nào. Không cho phép một cá nhân hoặc tổ chức nào được lợi dụng chức quyền để bao che, trục lợi, chêm chước cho người phạm tội.

Mặt khác, chúng ta tiến hành xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN, thực hiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước dưới sự tác động mạnh mẽ của xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, với những thành tựu phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin.

Bối cảnh đó vừa là điều kiện thuận lợi vừa là thách thức to lớn đối với yêu cầu hiện đại hóa, chuyên nghiệp hóa nền công vụ của nước ta. Nó đòi hỏi đội ngũ cán bộ, công chức trong bộ máy nhà nước phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, đồng thời có những đổi mới tương ứng nhằm thích nghi, đủ khả năng giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và đảm bảo công bằng xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

3 - Để xây dựng được nền công vụ chính quy, hiện đại với đội ngũ cán bộ, công chức vững vàng về chính trị, gương mẫu về đạo đức, trong sạch về lối sống, có trí tuệ, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn, gắn bó với nhân dân, một mặt phải chú trọng nghiên cứu, khảo sát, gắn bó với thực tiễn, đánh giá đúng thực trạng kinh tế - xã hội nói chung và đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước nói riêng ; mặt khác, phải tích cực nghiên cứu lý luận, trước hết là nắm vững những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và của Đảng Cộng sản Việt Nam về vị trí, vai trò người cán bộ cách mạng cũng như yêu cầu đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức. Trên cơ sở đó, xác định hệ thống các yêu cầu, tiêu chuẩn của cán bộ, công chức đáp ứng các đòi hỏi của Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân. Đồng thời, phải tìm hiểu

những bài học kinh nghiệm về việc tuyển chọn và sử dụng nhân tài trong suốt quá trình lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, cũng như nghiên cứu kinh nghiệm xây dựng nền công vụ chính quy, hiện đại của các nước trong khu vực và trên thế giới.

II - Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước đáp ứng đòi hỏi của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân

Do đặc điểm của hệ thống chính trị nước ta, đội ngũ cán bộ, công chức bao gồm toàn bộ những người làm việc trong các cơ quan công quyền, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức sự nghiệp phục vụ lợi ích công, đã qua tuyển dụng và được bổ nhiệm, đảm trách một công việc thường xuyên trong một công sở nhà nước hay tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở trung ương hoặc địa phương, ở trong nước hay ở nước ngoài được xếp vào một ngạch, bậc và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

Vì vậy, đây không chỉ là đội ngũ công chức hành chính, công chức ngành tư pháp mà còn là đội ngũ cán bộ, công chức trong các cơ quan dân cử như Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, trong các cơ quan đảng, đoàn thể chính trị - xã hội và cán bộ, công chức khối sự nghiệp văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục, khoa học, công nghệ, cũng như cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt trong các tổ chức kinh tế nhà nước... Đồng thời, theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa IX, chúng ta còn có đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở : xã, phường, thị trấn.

Với tính chất phức tạp và quan trọng của vấn đề đặt ra và phạm vi cần nghiên cứu rộng lớn như vậy, bước đầu chúng tôi đề cập đến một số giải pháp cơ bản sau :

1- Tiến hành tổng kết, đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức hiện có để thấy được toàn diện thực chất các mặt mạnh, mặt yếu, các thiếu hụt cần bổ sung, hoàn thiện của đội ngũ này. Trên cơ sở định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, xu hướng phát triển của thế giới, xây dựng dự báo sự phát triển của đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Cần phân loại cán bộ, công chức để tiến hành nghiên cứu, phân tích tính chất đặc thù của lĩnh vực hoạt động, đánh giá thực trạng số lượng, chất lượng của từng loại đối tượng. Xây dựng định hướng quy hoạch, kế hoạch phát triển cán bộ, công chức cả về cơ cấu, tiêu chuẩn, trình độ chức danh. Phân biệt rõ công chức hành chính và viên chức sự nghiệp để có những chính sách và cơ chế tài chính thích hợp áp dụng cho hoạt động của cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp. Đồng thời, phân biệt công chức với những cán bộ làm việc trong các cơ quan bầu cử, dân cử, các đoàn thể, trong cơ quan của Đảng, trong các doanh nghiệp nhà nước. Đây là điều kiện cần bản để xây dựng chế độ công vụ nhà nước và cũng là điều kiện hình thành một đội ngũ công chức có trình độ chuyên môn cao, thạo việc, ổn định, đảm nhiệm các chức trách trong bộ máy hành chính và tư pháp của Nhà nước.

2 - Tiếp tục thể chế hóa chiến lược, đường lối, chính sách cán bộ của Đảng phù hợp với yêu cầu quản lý công tác cán bộ theo pháp luật. Hoàn thiện chế độ công vụ, quy chế công chức, tiến đến xây dựng Luật Công vụ làm cơ sở pháp lý và khoa học cho việc xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ, công chức. Đổi mới và đưa vào nền nếp việc quản lý, sử

dụng cán bộ, công chức bao gồm tuyển chọn đầu vào hoặc chế độ bầu cử, đánh giá, sử dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, đào thải và chế độ đãi ngộ. Thực hiện việc thi tuyển theo những quy định chặt chẽ bảo đảm được tính công bằng, công khai, tạo điều kiện thuận lợi cho những người có nguyện vọng, tài năng, đức độ trong xã hội có cơ hội ngang nhau để trở thành cán bộ, công chức. Nội dung và hình thức thi tuyển phải linh hoạt, không rập khuôn, máy móc, tùy theo từng loại cán bộ, công chức và lĩnh vực hoạt động, đảm bảo thu hút được nhân tài thực sự vào làm việc trong bộ máy nhà nước.

Quản trịet những quan điểm, yêu cầu về việc đánh giá, sử dụng cán bộ của Đảng để bố trí, sử dụng cán bộ hợp lý, đúng ngành, nghề, trình độ đào tạo, đánh giá khách quan các mặt ưu, khuyết điểm của cán bộ. Sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức theo đúng chức danh, thay thế những cán bộ, công chức yếu kém về năng lực, thoái hóa về phẩm chất đạo đức. Thực hiện chế độ bổ nhiệm công chức, đặc biệt là công chức lãnh đạo có thời hạn. Dựa trên cơ sở quy hoạch để thực hiện việc luân chuyển cán bộ theo phương châm rèn luyện, bồi dưỡng, thử thách cán bộ thông qua thực tiễn công việc ; đồng thời, từng bước điều chỉnh việc bố trí cán bộ hợp lý hơn, tăng cường được cán bộ cho những địa bàn, lĩnh vực có nhu cầu cấp bách. Xây dựng quy chế đạo đức và chế độ trách nhiệm của cán bộ, công chức, kỷ cương, kỷ luật thi hành công vụ.

3 - Đổi mới chính sách tạo nguồn và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước. Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn của nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị mà bồi dưỡng, đào tạo cán bộ ; gắn đào tạo với quy hoạch sử dụng cán bộ. Nâng cao chất lượng đào tạo,

cải tiến nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng, hướng trọng tâm vào những kiến thức cơ bản cần thiết đối với cán bộ, công chức như lý luận chính trị, quản lý hành chính nhà nước, quản lý kinh tế, kiến thức pháp luật trong cơ chế thị trường, tin học, ngoại ngữ và các kỹ năng tác nghiệp hành chính. v.v.. Kiện toàn mạng lưới các cơ quan làm công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ giáo viên chuẩn và hệ thống giáo trình cập nhật những tri thức mới, hiện đại, phù hợp yêu cầu thực tiễn quản lý kinh tế - xã hội hiện nay và xu thế hội nhập quốc tế.

4 - Xây dựng và hoàn thiện cơ chế phát hiện, tuyển chọn và sử dụng nhân tài cho nền công vụ. "Hiền tài là nguyên khí quốc gia". Các vua tài giỏi đời xưa luôn luôn chăm lo nuôi dưỡng và đào tạo nhân tài, bồi đắp thêm nguyên khí. Ngày nay, vai trò của người cán bộ, công chức ngày càng tăng lên cùng với quy mô các vấn đề xã hội và sự đa dạng phức tạp của công nghệ thông tin. Hoạt động của họ có tác động quan trọng, rộng khắp và trực tiếp tới mọi lĩnh vực đời sống cũng như mọi công dân của xã hội. Do đó, phải tuyển chọn những cá nhân ưu tú, những người có đủ đức độ, thanh liêm, hết lòng phụng sự nhân dân và có năng lực để đảm đương các công việc được giao. Đó còn là một yêu cầu cấp bách trong điều kiện diễn ra sự cạnh tranh gay gắt về nhân lực, về thu hút "chất xám" giữa khu vực công và khu vực tư nhân, giữa đòi hỏi phát huy nội lực của đất nước và mở rộng đầu tư của nước ngoài.

Phát hiện nhân tài phải đi đôi với đào tạo, bồi dưỡng và tạo điều kiện thuận lợi để họ phát huy hết khả năng của mình, phục vụ tốt nhất xã hội. Coi trọng thực tài, thường xuyên xem xét, đánh giá kết quả thực tế công việc và thực

hiện chi trả thù lao thỏa đáng theo kết quả lao động và cống hiến. Khuyến khích sự tôn vinh của toàn xã hội đối với những tài năng, có nhiều cống hiến cho nhân dân và đất nước.

5 - Đảm bảo những điều kiện cho việc thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ của cán bộ, công chức nhà nước. Thực hiện cải cách cơ bản chế độ tiền lương nhằm khuyến khích cán bộ, công chức làm việc tận tụy, trung thành, công tâm. Phân biệt cơ chế tiền lương giữa hành chính và sự nghiệp, giữa tiền lương và chính sách xã hội. Sửa đổi những bất hợp lý trong thang, bảng lương theo hướng thù lao thỏa đáng cho những công việc phức tạp, đòi hỏi trình độ cao và kích thích, động viên cán bộ, công chức hoàn thành tốt nhiệm vụ. Một hệ thống tiền lương hợp lý và thỏa đáng mới góp phần khuyến khích tinh thần trách nhiệm cao và phát huy tính tích cực, sáng tạo của cá nhân. Điều chỉnh tiền lương tương ứng với nhịp độ tăng trưởng kinh tế và mức tăng thu nhập trong xã hội theo quan điểm trả lương đúng cho người lao động là đầu tư cho phát triển.

6 - Đẩy mạnh việc phân công, phân cấp quản lý cán bộ, công chức. Phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan quản lý và cơ quan sử dụng cán bộ, công chức, khắc phục tình trạng vừa phân tán, chồng chéo vừa thiếu tập trung, thống nhất như hiện nay. Thực hiện nguyên tắc người phụ trách công việc có quyền hạn và trách nhiệm trong việc tuyển chọn, sử dụng cán bộ, công chức dưới quyền. Cũng cố, kiện toàn các cơ quan làm công tác nhân sự, xác định rõ trách nhiệm và mối quan hệ của các cơ quan tham mưu của Đảng và Chính phủ về công tác cán bộ. Ứng dụng công nghệ tin học vào việc quản lý cán bộ, công chức... □



Một số giải pháp nâng cao hiệu quả CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ Ở NƯỚC TA

TÀO HỮU PHÙNG *

I. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế - một yêu cầu bức xúc hiện nay

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế (CCKT) là một yêu cầu tất yếu trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta hiện nay, vì để xây dựng và phát triển một nền kinh tế ổn định, vững chắc, với tốc độ nhanh đòi hỏi phải xác định được một CCKT hợp lý, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa các ngành kinh tế quốc dân, giữa các vùng lãnh thổ và giữa các thành phần kinh tế. CCKT có ý nghĩa thiết thực trong việc thúc đẩy nền kinh tế phát triển đa dạng, năng động, phát huy các lợi thế, tiềm năng về nguồn nhân lực, vật lực và tài lực. CCKT quốc dân có nhiều loại và tùy theo mục đích nghiên cứu, quản lý có thể xem xét dưới các góc độ khác nhau. Nhưng dù thuộc loại nào, CCKT quốc dân cũng là sản phẩm của phân công lao động xã hội, nó được biểu hiện cụ thể dưới hai hình thức cơ bản nhất là phân công lao động theo ngành và phân công lao động theo lãnh thổ. Hai hình thức phân công lao động xã hội này gắn bó với nhau, thúc đẩy quá trình tiến hóa chung của nhân loại. Mọi sự phát triển của phân công lao động theo ngành kéo theo sự phân công lao động theo lãnh thổ. Phân công lao động theo lãnh

thổ, với đầy đủ các yếu tố về dân số, đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội, phong tục tập quán của mỗi vùng sẽ tạo điều kiện để chuyên môn hóa sản xuất, hỗ trợ cho các ngành phát triển, hình thành các cơ sở sản xuất kinh doanh để khai thác và phát huy thế mạnh ở từng vùng lãnh thổ. Trình độ phát triển của phân công lao động xã hội trong mỗi dân tộc là thước đo trình độ phát triển chung của dân tộc đó.

Như vậy, cách tiếp cận về CCKT xuất phát từ cấu trúc bên trong của nó qua quá trình tái sản xuất mở rộng của nền kinh tế, bao hàm các mối quan hệ kinh tế đa dạng và phức tạp, được nhìn nhận trên quan điểm hệ thống không chỉ mang tính chất số lượng mà còn mang tính chất về mặt chất lượng. Nó không chỉ là mối quan hệ riêng lẻ của từng bộ phận kinh tế mà phải là những quan hệ tổng thể của các bộ phận cấu thành nền kinh tế bao gồm các yếu tố kinh tế, các lĩnh vực kinh tế, các ngành kinh tế, các vùng kinh tế, các thành phần kinh tế.

Cơ cấu kinh tế phải được hiểu là tổng thể các mối quan hệ chủ yếu về chất lượng và số lượng tương đối ổn định của các yếu tố hoặc

* GS, TSKH, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế và Ngân sách của Quốc hội

các bộ phận của lực lượng sản xuất và các quan hệ sản xuất trong một hệ thống nhằm tái sản xuất xã hội với những điều kiện xã hội nhất định, trong một khoảng thời gian nhất định. Như thế, CCKT bao giờ cũng được đặt trong những điều kiện không gian và thời gian cụ thể, trong điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội cụ thể và thích hợp với mỗi nước, mỗi vùng hoặc có thể của mỗi doanh nghiệp. CCKT không bất biến mà luôn có sự vận động, chuyển dịch cần thiết để ngày càng hợp lý hơn. Mọi sự duy trì quá lâu hay sự thay đổi quá nhanh chóng CCKT, không phù hợp với những biến đổi tự nhiên - kinh tế - xã hội, đều ảnh hưởng đến hiệu quả của quá trình sản xuất kinh doanh, ngăn cản tăng trưởng kinh tế. Việc duy trì hay thay đổi CCKT không phải là mục đích mà là phương tiện để đạt được sự tăng trưởng và phát triển kinh tế.

Chuyển dịch CCKT là sự thay đổi của CCKT từ trạng thái này sang trạng thái khác cho phù hợp với môi trường phát triển. Yêu cầu của sự chuyển dịch này là phải xác định các bộ phận hợp thành CCKT và tỷ lệ quan hệ giữa các bộ phận đó một cách hợp lý. Cụ thể là phải xác định rõ mối quan hệ giữa các ngành kinh tế quốc dân, quan hệ giữa các thành phần kinh tế và quan hệ giữa các vùng lãnh thổ, trong đó quan hệ giữa các ngành kinh tế quốc dân có ý nghĩa quan trọng. Chuyển dịch CCKT của nước ta hiện nay được thực hiện theo định hướng giảm dần tỷ trọng của ngành nông nghiệp và tăng nhanh tỷ trọng của ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong GDP.

II. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta thời gian qua

Sau 10 năm thực hiện Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội (1991 - 2000),

CCKT ở nước ta đã có nhiều thay đổi theo hướng tích cực. Những lợi thế so sánh trong từng ngành, từng vùng đã từng bước được khai thác và phát huy, góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển với tốc độ cao, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Tỷ trọng các ngành kinh tế trong GDP đã có những thay đổi đáng kể : nông - lâm - ngư nghiệp đã giảm từ 38,7% năm 1990 xuống còn 27,2% năm 1995, 24,3% năm 2000 và 23% năm 2001 ; công nghiệp và xây dựng đã tăng khá nhanh, từ 22,7% năm 1990 lên 28,7% năm 1995, 36,6% năm 2000 và 38% năm 2001 ; dịch vụ tăng từ 38,6% năm 1990 lên 44,1% năm 1995 và sau đó năm 2001 giảm xuống còn 39%. Đến năm 2000, các vùng kinh tế trọng điểm đóng góp khoảng 50% giá trị GDP cả nước ; 75 - 80% giá trị gia tăng công nghiệp và 60 - 65% giá trị gia tăng dịch vụ. Các vùng kinh tế trọng điểm bước đầu đã có tác dụng làm động lực cho sự phát triển của cả nước. Nhiều vùng sản xuất nông sản hàng hóa tập trung và vùng sản xuất công nghiệp tập trung đã hình thành. Vùng Đông Nam Bộ đóng góp 33,2% GDP cả nước, vùng đồng bằng sông Hồng đóng góp 22,2%, vùng đồng bằng sông Cửu Long 19,3% ; vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung 15,1% ; vùng miền núi trung du phía Bắc 6,6% ; vùng Tây Nguyên 3,6%. Cơ cấu sản xuất trong nội bộ mỗi vùng cũng đã có những chuyển biến theo chiều hướng tích cực. Các thành phần kinh tế được khuyến khích phát triển. Kinh tế nhà nước tiếp tục được đổi mới, sắp xếp lại, bước đầu hoạt động có hiệu quả hơn, phát huy được vai trò tích cực và chủ động trong các hoạt động kinh tế - xã hội, năm 2000 đã đóng góp khoảng 39% GDP. Kinh tế tập thể được tổ chức lại theo Luật Hợp tác xã nên nhiều

hợp tác xã hoạt động có hiệu quả. Một số mô hình liên kết giữa hợp tác xã nông nghiệp với các cơ sở chế biến đã ra đời, thu hút đáng kể lực lượng lao động ở cả thành thị và nông thôn. Kinh tế cá thể, tiểu chủ trong các lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ phát triển nhanh. Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, là một bộ phận không tách rời trong sự nghiệp phát triển kinh tế Việt Nam, những năm qua đã có bước phát triển khá, tạo thêm một số mặt hàng mới, thị trường mới, tăng thêm sức cạnh tranh của sản phẩm, đã góp phần quan trọng vào các thành tựu kinh tế - xã hội của đất nước.

Sự chuyển dịch CCKT của nước ta trong những năm qua đã mang lại những kết quả đáng khích lệ, phát huy lợi thế so sánh trong từng ngành, từng vùng, tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước (NSNN), góp phần thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tuy nhiên, những tiến bộ đạt được về chuyển dịch CCKT trong từng ngành, từng vùng **chưa tạo bước đột phá** về chất lượng và hiệu quả phát triển. Từ tình hình thực tiễn trên, có thể rút ra một số nhận xét tổng quát sau đây :

Một là, tỷ trọng của sản xuất nông nghiệp, nhất là cây lúa trong cơ cấu nông, lâm, ngư nghiệp, vẫn còn khá lớn (chiếm trên 80% giá trị sản xuất toàn ngành). Cơ cấu cây trồng, vật nuôi chưa có sự thay đổi đáng kể, sản phẩm nông nghiệp vẫn đơn điệu, ứng dụng khoa học công nghệ còn ít, chất lượng kém, giá thành cao đã trực tiếp hạn chế khả năng tiêu thụ trong và ngoài nước. Công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn chậm được thực hiện. Sản xuất nông nghiệp theo kiểu truyền thống, lạc hậu,

phương thức canh tác giản đơn, ngành nghề kém phát triển, năng suất cây trồng, vật nuôi còn thấp. Tỷ trọng chăn nuôi đạt 18 - 19% giá trị sản phẩm nông nghiệp là quá thấp. Một số loại cây phục vụ cho công nghiệp như cói, đay, cao su... còn tăng chậm hoặc khó khăn trong khâu tiêu thụ. Ngành thủy sản phát triển chưa đồng bộ cả về nuôi trồng (giống, cơ sở nuôi, thức ăn...), đánh bắt, chế biến và các dịch vụ khác. Công tác điều tra tài nguyên, quy hoạch chung cho lĩnh vực kinh tế nông nghiệp, nông thôn nói chung và các ngành nghề, cây con nói riêng, nhất là về quy hoạch đất đai, việc xác định giống cây, giống con phù hợp với các điều kiện về thổ nhưỡng, khí hậu và môi trường để làm cơ sở cho việc xây dựng và thực hiện các phương án chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp chưa được tiến hành đồng bộ, khẩn trương.

Hai là, sản xuất công nghiệp phát triển chậm, chưa ổn định. Tốc độ tăng trưởng toàn ngành mới đạt bình quân hằng năm là 12,2% (thấp so với mục tiêu đề ra 14 - 15%), còn thiếu nhiều yếu tố và cơ sở cho phát triển lâu dài, hội nhập và cạnh tranh. Cơ cấu ngành công nghiệp và cơ cấu sản phẩm công nghiệp chậm chuyển dịch theo hướng hiệu quả để tăng sức cạnh tranh và phát huy lợi thế của từng ngành sản xuất công nghiệp. Công tác dự báo, xây dựng và quản lý quy hoạch công nghiệp chưa tốt, dẫn tới sự phát triển quá mức trong một số ngành như xi măng quy mô nhỏ, mía đường, lắp ráp xe gắn máy 2 bánh, ô-tô, rượu, bia,... Việc hình thành và phát triển có chọn lọc một số ngành công nghiệp nặng mà ta có điều kiện vẫn chưa thực hiện được. Một số ngành công nghiệp then chốt như cơ khí chế tạo, công nghiệp đóng tàu, công nghiệp luyện kim...

phát triển chậm. Sản phẩm công nghiệp làm ra tính theo đầu người còn thấp nhưng đã có hiện tượng tồn đọng, dư thừa làm cho sản xuất cầm chừng.

Ba là, dịch vụ phát triển chậm so với tiềm năng và khả năng có thể khai thác. Tỷ trọng các ngành dịch vụ trong GDP có xu hướng giảm, trong đó thương nghiệp chỉ chiếm khoảng 14,5% GDP. Như vậy là quá thấp. Dịch vụ vận tải, kho bãi, thông tin liên lạc có những bước tiến khá nhanh, nhưng cũng chỉ chiếm gần 4% GDP. Ngành du lịch, khách sạn mới đóng góp khoảng 3,1% GDP, còn tình trạng yếu kém cả về cơ sở vật chất lẫn phương thức hoạt động. Các loại hình dịch vụ khác như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm... chậm phát triển và đóng góp vào GDP không nhiều.

Bốn là, trong cơ cấu thành phần kinh tế còn có nhiều bất hợp lý. Khu vực kinh tế nhà nước chiếm đại bộ phận trong các ngành quan trọng, giành vị trí có lợi nhất trong kinh doanh và được hưởng nhiều ưu đãi của Nhà nước, nhưng hiệu quả sản xuất kinh doanh kém (có đến 60% doanh nghiệp nhà nước hoạt động chưa thực sự có hiệu quả). Đó là điều đáng lo ngại. Trong khi đó, khu vực kinh tế hợp tác, kinh tế dân doanh chậm được củng cố và phát triển, các cơ chế chính sách còn đối xử chưa công bằng giữa khu vực nhà nước và phi nhà nước, làm cho các thành phần kinh tế dè dặt trong đầu tư, chưa phát huy mạnh nội lực, chưa thực sự khuyến khích mọi thành phần kinh tế mạnh dạn bỏ vốn vào phát triển sản xuất kinh doanh.

Năm là, cơ cấu vùng lãnh thổ chưa phát huy mạnh lợi thế của từng vùng. Trong việc hình thành CCKT có hiệu quả của mỗi vùng và mối liên kết với các vùng khác còn bất cập. Các vùng động lực tuy đã có bước tiến

mới nhưng chưa phát huy đầy đủ vai trò là "đầu tàu" lôi kéo các vùng khác cùng phát triển. Các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa chuyển dịch CCKT còn quá chậm và hiệu quả thấp, đời sống vật chất và tinh thần của dân cư ở các vùng này còn gặp rất nhiều khó khăn.

Những tồn tại nói trên do nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân cơ bản là, quy hoạch định hướng cho việc xây dựng kế hoạch phát triển và hình thành CCKT còn nhiều mặt yếu kém. Phương pháp luận và phương pháp xây dựng các luận chứng quy hoạch chưa được xác định hoàn chỉnh nên chất lượng quy hoạch bị hạn chế, có phần mang nặng tính chủ quan, duy ý chí; chưa chú trọng tính cân đối, hiện thực, chưa tính được nhu cầu thị trường và hiệu quả nên tác dụng của quy hoạch trong nhiều ngành, nhiều lĩnh vực chưa tốt, thậm chí gây ra lãng phí lớn. Mặt khác, tính pháp lý của quy hoạch còn lỏng lẻo, chưa thực hiện thống nhất ở các ngành, các cấp và chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa trung ương và địa phương, giữa các địa phương trong cùng một vùng. Vấn đề định hình CCKT, cơ cấu sản xuất của từng vùng, từng ngành còn nhiều lúng túng; khả năng phân tích, dự báo, đánh giá các nguồn tiềm năng của từng vùng, từng ngành, từng sản phẩm còn hạn chế, đã làm tăng thêm sự lúng túng trong việc xác định CCKT, cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Chưa chú trọng tìm các cơ chế chính sách, các biện pháp nhằm phát huy tiềm năng của từng vùng, từng ngành, gắn kết giữa sản xuất với thị trường tiêu thụ. Các nguồn lực của Nhà nước dành cho chuyển dịch CCKT còn hạn chế, chưa đủ sức để cơ cấu lại nhanh nền kinh tế, vốn đầu tư từ NSNN có ý nghĩa quan trọng nhưng còn quá ít (chỉ chiếm

khoảng 5 - 6% GDP) mà việc sử dụng chúng lại kém hiệu quả. Các nguồn vốn khác tập trung cho mục tiêu chuyển dịch CCKT chưa nhiều, Nhà nước chưa có cơ chế, chính sách hấp dẫn để tạo lập và thu hút các nguồn vốn cũng như khai thác lợi thế của từng vùng nhằm tạo ra CCKT hợp lý, hiệu quả cao.

III. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong thời gian tới

Để đẩy mạnh và thực hiện có hiệu quả các mục tiêu chuyển dịch CCKT, phát huy lợi thế, tăng tính cạnh tranh, tính hiệu quả trong từng ngành, từng vùng, từng sản phẩm và trong toàn bộ nền kinh tế, khai thác tối đa các nguồn lực của đất nước, tạo việc làm cho người lao động, nâng cao mức sống các tầng lớp dân cư, tôi xin kiến nghị một số giải pháp sau :

Thứ nhất, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, gắn quy hoạch với kế hoạch để thúc đẩy chuyển đổi nhanh CCKT. Giải pháp này đòi hỏi các tỉnh, thành phố trong cả nước phải rà soát lại các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội trong từng vùng, từng tỉnh, thành phố ; cập nhật các dự báo, xem xét lại các khả năng hiện thực, xác định lại CCKT theo hướng phát huy các nguồn tiềm năng trong vùng, gắn kết sản xuất với tiêu thụ sản phẩm và nâng cao mức sống của dân cư. Sớm hoàn thiện và công khai hóa quy hoạch các vùng sản xuất cây, con đặc sản, các vùng cây cần thanh lý, trồng mới có chất lượng và năng suất cao, dễ tiêu thụ. Thực hiện một số chính sách ưu đãi về thuế, tiền thu từ đất để khuyến khích đầu tư theo quy hoạch chuyển đổi CCKT. Các bộ, ngành ở trung ương cần nhanh chóng tổ chức lại và tăng cường đội ngũ cán bộ có năng lực, trình độ để nâng cao chất lượng

công tác dự báo, nhất là dự báo thị trường trong nước và ngoài nước, cập nhật và thông báo thường xuyên những dự báo cho các địa phương, các ngành hàng, các cơ sở sản xuất kinh doanh... giúp họ điều chỉnh kịp thời cơ cấu sản xuất. Rà soát lại tất cả các quy hoạch ngành và sản phẩm quan trọng để bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình mới, đi đôi với tăng cường chỉ đạo thực hiện theo đúng quy hoạch, bảo đảm kỷ cương trong công tác quy hoạch, tránh tình trạng "quy hoạch một đằng kế hoạch một nẻo", dẫn tới phá vỡ quy hoạch và gây hậu quả xấu. Các ngành, các địa phương có trách nhiệm hướng dẫn doanh nghiệp, khuyến khích các nhà đầu tư phát triển theo quy hoạch nhưng cũng tránh tình trạng điều chỉnh quy hoạch một cách tùy tiện, gây tác động xấu đến chiến lược và quy hoạch phát triển chung của cả nước.

Thứ hai, tăng nhanh nguồn vốn đầu tư hướng vào các mục tiêu chuyển dịch CCKT trong các ngành, các vùng kinh tế. Các chương trình đầu tư trong 5 năm tới (2001 - 2005) cần hướng vào mục tiêu thúc đẩy nhanh việc chuyển đổi cơ cấu sản xuất, cơ cấu sản phẩm trong các ngành kinh tế, các vùng kinh tế, trước hết là trong nông nghiệp và kinh tế nông thôn, trong công nghiệp và các ngành dịch vụ. Việc đầu tư cho cơ sở hạ tầng, phát triển nguồn nhân lực, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, phát triển các lĩnh vực văn hóa, hỗ trợ đầu tư cho vùng miền núi, vùng khó khăn... cũng phải hướng vào mục tiêu tạo khả năng chuyển dịch CCKT nhanh chóng. Nếu chỉ dựa vào nguồn vốn đầu tư từ NSNN thì không đủ và không thể đủ sức làm thay đổi CCKT. Tuy nhiên, việc sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách theo một cơ cấu thích hợp sẽ là một giải

pháp cực kỳ quan trọng thu hút các nguồn vốn khác cùng đầu tư chuyển dịch CCKT. Do vậy, các bộ, ngành, địa phương cần rà soát và xây dựng chương trình đầu tư bằng vốn ngân sách cho thật hiệu quả, đúng đối tượng ; vốn đầu tư từ NSNN và vốn tín dụng ưu đãi cần tập trung hỗ trợ chương trình giống cây, con, đổi mới và áp dụng công nghệ hiện đại vào chuyển dịch cơ cấu sản xuất ; ưu tiên cân đối vốn cho các cơ sở hạ tầng thiết yếu để thúc đẩy chuyển dịch CCKT trong từng vùng, từng ngành. Tăng nguồn vốn tín dụng đầu tư ưu đãi để thực hiện kiên cố hóa kênh mương, xây dựng cơ sở hạ tầng làng nghề, nuôi trồng thủy sản và giao thông nông thôn, nâng cấp và xây dựng mới các cơ sở chế biến, trang bị lại thiết bị cho các cơ sở công nghiệp có lợi thế để thúc đẩy nhanh chóng chuyển dịch cơ cấu từng sản phẩm.

Thứ ba, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển khoa học và công nghệ để tạo điều kiện thuận lợi cho chuyển dịch CCKT. Cần khẳng định vai trò rất quan trọng của khoa học và công nghệ trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tác động để chuyển đổi nhanh CCKT, cơ cấu sản phẩm trong từng vùng, từng ngành và trong toàn bộ nền kinh tế. Do vậy, cần nhanh chóng đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ ; tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các nhà khoa học, các viện nghiên cứu trực tiếp ký hợp đồng với các cơ sở sản xuất, các địa phương trong việc nghiên cứu đề tài ; thực hiện cơ chế thưởng thích đáng cho những công trình có tác động lớn, mang tính khoa học và thực tiễn cao. Hỗ trợ kinh phí cho các viện nghiên cứu, các đề tài nghiên cứu phục vụ trực tiếp cho việc chuyển đổi CCKT, cơ cấu sản xuất. Tăng kinh phí đào tạo, nhất là đào tạo mới và đào tạo bổ sung đội ngũ lao động

có chất lượng cao, đặc biệt chú trọng đội ngũ công nhân lành nghề, giỏi việc, làm chủ được những công nghệ mới để hỗ trợ đắc lực cho việc chuyển dịch CCKT. Ở nông thôn, cần mở rộng các hình thức đào tạo nghề, gắn chặt với chuyển giao công nghệ mới, chuyển giao các quy trình sản xuất, quy trình canh tác... để làm cơ sở cho việc chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp. Đào tạo chủ nhiệm hợp tác xã, huy động lực lượng trí thức trẻ về nông thôn, vùng sâu, vùng xa để tăng thêm chất lượng nguồn nhân lực, làm nòng cốt trong việc thay đổi cách làm ăn, tạo thế và lực mới cho chuyển dịch CCKT.

Cuối cùng, đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành trong quá trình thực hiện chuyển dịch CCKT. Đây là yếu tố cực kỳ quan trọng quyết định đến sự thành bại của quá trình thực hiện chuyển dịch CCKT. Trước hết, cần quán triệt và nhất quán một số vấn đề cơ bản có tính nguyên tắc như quan điểm phát triển, mô hình phát triển, CCKT, cơ cấu đầu tư trong toàn bộ nền kinh tế theo từng giai đoạn để làm căn cứ cho các ngành, các vùng lãnh thổ, các địa phương xác định CCKT phù hợp. Một số quan hệ trên tầm vĩ mô như tích lũy, đầu tư, tiêu dùng, đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài, quốc doanh và ngoài quốc doanh, mục tiêu cấp bách và mục tiêu lâu dài... cần được thống nhất trong nhận thức và trong điều hành của các ngành, các cấp. Chính phủ ban hành các cơ chế, chính sách theo hướng khuyến khích, dự báo các khả năng, hỗ trợ nguồn vốn, nguồn nhân lực để tập trung cho việc chuyển dịch CCKT ; xây dựng chương trình hành động cụ thể về chuyển dịch CCKT, cơ cấu sản phẩm. Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ và tăng cường chế độ kiểm tra, giám sát việc thực hiện luật pháp, các cơ chế, chính sách đã được ban hành. □

NHỮNG YÊU CẦU ĐỐI VỚI TRÍ THỨC TRONG SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

NGÔ ĐÌNH XÂY *

Sự bùng nổ của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại mà đặc trưng cơ bản nhất của nó là khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp dẫn tới tất yếu sẽ làm xuất hiện kinh tế tri thức, mà trong đó việc sản xuất và trao đổi được dựa trên cơ sở tri thức, thông tin và lực lượng sản xuất ngày càng được quốc tế hóa sâu rộng. Với lợi thế chưa từng có của kinh tế tri thức, các nước đang phát triển sẽ rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Bởi vì, bất kỳ nước đang phát triển nào, nếu biết đề cao yếu tố "tri thức" và "thông tin", tập trung các ngành công nghệ cao và dựa vào chúng để tiến hành công nghiệp hóa thì hoàn toàn có thể rút ngắn được thời gian công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chính sự vận dụng và phát huy những thành quả của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đã làm cho nhiều quốc gia "cất cánh".

Vấn đề đặt ra là, các nước đang phát triển phải lựa chọn công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo con đường nào để có hiệu quả nhất và lực lượng nào sẽ đóng vai trò chủ đạo, quyết định trong quá trình này? Nói cách khác, các nước ấy phải lựa chọn đột phá khẩu ở đâu và thông qua nguồn nhân lực

trọng yếu nào? Qua nghiên cứu những kinh nghiệm thành công của các nước công nghiệp mới (NICs), người ta thấy rằng chính trí tuệ (giáo dục và tri thức) là nhân tố nội sinh chủ yếu làm nên sự thành công của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở các nước đó. Theo báo cáo của Ngân hàng thế giới, trong những năm qua, quá trình nâng cao trí tuệ có quan hệ với tăng trưởng kinh tế. Người ta thấy rằng, giáo dục thúc đẩy tăng trưởng kinh tế là điều chắc chắn. Mỗi người lao động cứ đến trường thêm một năm là có thể làm tăng hơn 10% tiền công. Ở Hàn Quốc, một năm mỗi người lao động học thêm sẽ làm cho sản lượng trang trại tăng 2%, còn ở Ma-lai-xi-a là 5%. Giáo dục góp phần vào tăng trưởng kinh tế thông qua cả năng suất lao động của mỗi cá nhân nhờ nâng cao trình độ và quan điểm của họ lẫn tích lũy kiến thức. Vai trò của giáo dục có thể được tính bằng cách so sánh sự khác biệt giữa sản phẩm của một cá nhân làm ra trong cùng một đơn vị thời gian trước và sau khi cá nhân đó học một khóa đào tạo với chi phí cho khóa đào tạo. Kết quả này gọi là tỷ suất

* TS. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

lợi nhuận xã hội khi đầu tư vào giáo dục, mặc dù nó chưa phản ánh được tất cả lợi ích xã hội và những ảnh hưởng bên ngoài. Thực tế cho thấy, tỷ suất lợi nhuận giáo dục rất cao ở những nước có thu nhập vừa và thấp. Tình hình mỗi nước một khác, nhưng nhìn chung, ở các nền kinh tế chưa phổ cập giáo dục cơ sở, tỷ suất lợi nhuận của giáo dục tiểu học là cao nhất, sau đó là giáo dục trung học và cuối cùng là đại học. Rất thú vị là, những nước đã phổ cập giáo dục tiểu học có mức tăng trưởng cao đều có xu hướng cho thấy tỷ suất lợi nhuận của giáo dục trung học cao hơn của giáo dục tiểu học.

Cùng với giáo dục, lực lượng trí thức đã góp phần quyết định vào sự thành công của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở cả các nước phát triển cũng như ở các nước đang phát triển. Nếu tính số lượng nhà khoa học và kỹ sư trên triệu dân thì ở Nhật là 3 548, ở Mỹ là 2 685, ở châu Âu là 1 632, ở châu Mỹ La-tinh là 209, ở các nước Ả Rập là 202, ở châu Á (trừ Nhật) là 99, ở châu Phi là 53 ⁽¹⁾. Điều đó có nghĩa là các nước càng phát triển thì tỷ lệ trí thức trong dân càng lớn. Khi phân tích yếu tố nào làm cho châu Phi không tăng trưởng được, Pôn Ken-nơ-đi cho rằng, hoàn cảnh dẫn đến sự tụt hậu là đầu tư hoàn toàn không tương xứng về nhân lực và yếu kém trong việc triển khai giáo dục, đào tạo, quản lý kinh doanh, tìm hiểu khoa học và năng lực kỹ thuật. Theo một báo cáo, chi phí cho nghiên cứu khoa học tính theo đầu người ở châu Phi không đạt 1 USD, trong khi ở Hoa Kỳ là 200 USD. Vì vậy, châu Phi luôn luôn đi sau phần còn lại của thế giới về khoa học, trong khi những nhà khoa học châu Phi khẩn thiết kêu gọi các

cấp lãnh đạo hãy "trực tiếp nắm lấy khoa học và công nghệ như là nhân tố chủ chốt của sự thay đổi xã hội", thì dường như ít ai nghe thấy.

Ở nước ta, trí thức trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc có vai trò vô cùng quan trọng, là lực lượng cơ bản, hàng đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Ngày 30-7-1994, Hội nghị lần thứ 7 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa VII) đã ra Nghị quyết số 07/NQ-HNTU về "Phát triển công nghiệp, công nghệ đến năm 2000 theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới". Nghị quyết khẳng định: "Mục tiêu lâu dài của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là cải biến nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của sức sản xuất, mức sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng - an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh".

Ngày 24-12-1996, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ 2 (khóa VIII) đã ra Nghị quyết số 02/NQ-HNTU về "Định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2020 phải phấn đấu xây dựng nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp.

(1) Xem Pôn Ken-nơ-đi: *Chuẩn bị cho thế kỷ XXI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr 307

Để đạt được mục tiêu này, Đảng yêu cầu phải quán triệt những quan điểm sau đây :

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước phải bằng và phải dựa vào khoa học và công nghệ. Đảng và Nhà nước có chính sách đầu tư khuyến khích, hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ.

- Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phải phát huy năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ kết hợp với tiếp thu thành tựu khoa học, công nghệ thế giới.

- Xây dựng đội ngũ trí thức giàu lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, có ý chí và hoài bão lớn quyết tâm đưa Việt Nam trở thành nước công nghiệp như mục tiêu về công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà Đảng đã nêu trong Nghị quyết.

Về mô hình công nghiệp hóa ở nước ta, Đảng ta chủ trương không lặp lại những mô hình công nghiệp hóa cổ điển, mà tự tìm lấy một mô hình phù hợp với hoàn cảnh đất nước và điều kiện thế giới ngày nay. Để làm được việc ấy, giáo dục và khoa học phải tạo ra những con người đủ kiến thức, năng lực lựa chọn, thích nghi và sáng tạo công nghệ mới ; từ làm chủ công nghệ nhập, biến chúng thành công nghệ của mình đến tạo ra công nghệ mới và hiện đại hóa những công nghệ truyền thống, không ngừng phát triển lực lượng sản xuất, làm ra nhiều sản phẩm với năng suất, chất lượng và hiệu quả cao, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Việc tìm kiếm mô hình đã khó, nhưng việc giải quyết những vấn đề chung cho các mô hình công nghiệp hóa lại càng khó hơn. Để Việt Nam trở thành một nước công nghiệp hóa vào khoảng năm 2020 thì tốc độ

tăng trưởng trung bình từ nay tới đó là 10%/năm. Điềm lại sự phát triển của các nước trên thế giới, chúng ta chưa thấy có nước nào giữ được mức tăng trưởng cao và bền vững suốt trong hơn 20 năm liền. Chỉ số tăng trưởng kinh tế 10% đặt phía trước chúng ta như một thách thức. Năm 1998, trước những biến động lớn về kinh tế trong khu vực, Việt Nam đã phải điều chỉnh xuống mức 7%. Thế là đến những năm sau 1998, chúng ta phải cố gắng đạt trên 10%. Trong khi đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam xác định chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm (2001 - 2005) là : nhịp độ tăng GDP bình quân 7,5%/năm. Quả thật, để đạt mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa như đã đề ra là một thử thách không nhỏ đối với Đảng và nhân dân ta nói chung, đối với đội ngũ trí thức nước ta nói riêng.

Sự tăng trưởng kinh tế với tốc độ trung bình 10%/năm là một thách đố đối với toàn Đảng, toàn dân ta. Nhưng, vấn đề không chỉ là tăng trưởng để tạo ra GDP ngày càng lớn, mà còn nhằm đạt tới trình độ văn hóa và văn minh cao hơn. Đội ngũ trí thức Việt Nam sẽ là một trong những lực lượng chủ yếu để gánh vác trọng trách này. Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đội ngũ trí thức Việt Nam đã từng là lực lượng tiên phong, chủ yếu tiến công vào khoa học, kỹ thuật, chinh phục vũ khí kỹ thuật cao của địch, tăng năng suất, giảm giờ làm, hạ giá thành, tăng hàm lượng chất xám và độ tin cậy cho mỗi công trình, v.v.. Chính vì vậy, Đảng và dân tộc rất tin tưởng và yêu cầu đội ngũ trí thức nước ta phải tiếp tục là đội quân chủ lực của sự nghiệp công nghiệp hóa,

hiện đại hóa đất nước. Hơn ai hết, đội ngũ trí thức Việt Nam thấy rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình đối với dân tộc, thấy rõ những yêu cầu, những đòi hỏi rất cao, rất cấp bách của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đối với mình, cũng như những nỗ lực lớn mà họ phải cố gắng vươn lên.

Theo chúng tôi, để đáp ứng những yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta, đội ngũ trí thức Việt Nam cần có những phẩm chất và năng lực chủ yếu sau :

1 - Nghiên cứu và nắm vững chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm cơ sở lý luận, kim chỉ nam cho hoạt động của mình.

Người trí thức rất cần có thể giới quan và phương pháp luận đúng đắn, khoa học, cách mạng. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống lý luận khoa học định hướng chuẩn xác cho quá trình tư duy, hoạt động khoa học sáng tạo của người trí thức. Hơn nữa, chúng ta xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng tư tưởng là chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là sự lựa chọn tất yếu của Đảng và dân tộc ta. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam không có mục đích tự thân mà nhằm đạt đến mục tiêu cao cả là dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Trí thức cũng như toàn bộ những người lao động nước ta hiện nay đang hoạt động và chịu sự chi phối của cơ chế thị trường, song không phải theo định hướng tư bản chủ nghĩa mà là theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nghiên cứu khoa học phải làm luận cứ cho việc hoạch định đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ; không phải mang ý nghĩa thuần túy vì khoa học, càng không thể vì lợi ích cá nhân. Khoa học chỉ có giá trị thực sự khi nó nhằm phục vụ cho con người và xã hội. Đó chính là giá trị nhân văn đích thực của khoa học. Bởi vậy, nghiên cứu khoa học của trí thức nước ta "hướng vào việc giải đáp các vấn đề lý luận và thực tiễn, dự báo các xu thế phát triển, cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng con người, phát huy những di sản văn hóa dân tộc, sáng tạo những giá trị văn hóa mới của dân tộc Việt Nam" (2).

Nghiên cứu tập trung vào những ngành mũi nhọn, có trọng điểm, không dàn đều, tràn lan. Sở dĩ phải như vậy là do :

- Khoa học thế giới phát triển như vũ bão cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Những nước như nước ta khó có đủ điều kiện đồng thời đi sâu vào tất cả các ngành khoa học cùng một lúc.

- Đội ngũ các nhà khoa học nước ta còn thiếu và yếu chưa đủ sức vươn tới toàn bộ hệ tri thức nhân loại.

- Điều kiện vật chất - kinh tế - xã hội, nhất là trình độ tổ chức khoa học ở nước ta còn hạn hẹp chưa thể tạo ra môi trường đồng đều cho tất cả các hướng nghiên cứu khoa học.

Chính vì vậy, chúng ta phải "đi thẳng vào công nghệ hiện đại đối với các ngành mũi nhọn, đồng thời lựa chọn các công nghệ

(2) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 112

thích hợp, không gây ô nhiễm và khai thác lợi thế về lao động".

2 - Trí thức phải là người có trình độ chuyên môn giỏi kết hợp với khả năng tổ chức, quản lý, sử dụng những kết quả nghiên cứu vào thực tiễn. Căn cứ cho đòi hỏi này là :

- Khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp trên thế giới cũng như ở trong nước.

- Giá trị nghiên cứu khoa học được nhân lên gấp bội, nếu những kết quả nghiên cứu đó được đưa vào phục vụ ngay cho con người và xã hội.

- Khác với trước đây các nhà khoa học chỉ là những nhà chuyên môn thuần túy, ngày nay các nhà khoa học cần không chỉ nắm chuyên môn sâu mà còn biết tổ chức, quản lý quá trình nghiên cứu và đưa vào ứng dụng những kết quả nghiên cứu trong thực tiễn nhằm làm cho quá trình nghiên cứu khoa học được khép kín. Ở Việt Nam càng cần như vậy, bởi khoa học và sản xuất ở nước ta đang còn khá xa nhau.

3 - Hiểu biết thực tế, nhạy cảm với những vấn đề do thực tế đặt ra, từ đó khái quát thực tế là một đòi hỏi đối với trí thức Việt Nam. Điều này rất quan trọng và cần thiết đối với trí thức khoa học lý luận và khoa học xã hội - nhân văn. Bởi vì, bản thân quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta là một công việc rất mới mẻ, đa diện và phức tạp nên việc nhận thức đúng bản chất, con đường và bước đi của quá trình này là tối cần thiết để có thể giúp cho các nhà lãnh đạo vạch ra chủ trương, đường lối đúng để điều hành và thực hành quá trình đó. Khi tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa,

trong xã hội nảy sinh rất nhiều vấn đề mới, làm xuất hiện cả những hiện tượng tích cực lẫn tiêu cực. Vì vậy, cần có sự nhạy cảm, hiểu biết và nắm bắt thực tế để có thể đưa ra những giải pháp nhằm phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của quá trình đó.

4 - Trí thức phải có kiến thức tổng hợp (khoa học xã hội - nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật - công nghệ) để giải quyết các vấn đề do cuộc sống đặt ra.

Khoa học xã hội nhân văn và khoa học tự nhiên đang xích lại gần nhau, đúng như dự đoán của các nhà kinh điển mác-xít. Bản thân mỗi vấn đề đặt ra hiện nay đều bao chứa trong nó rất nhiều vấn đề đòi hỏi phải có kiến thức tổng hợp mới có thể giải quyết được. Nhiều vấn đề nan giải như : ô nhiễm môi trường, mất cân bằng sinh thái, khủng hoảng năng lượng, dân số và việc làm... nếu chỉ có kiến thức ở mỗi lĩnh vực riêng rẽ nào đó đều không đủ. Rõ ràng, phải có cách tiếp cận liên ngành mới có thể đưa ra những giải pháp thỏa đáng.

Những người lao động trí óc ở Việt Nam hiện nay hoạt động trong điều kiện quốc tế hóa các lĩnh vực tri thức khác nhau, nên một mặt phải thông thạo nhiều ngoại ngữ, mặt khác phải biết sử dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại (máy tính, mạng in-tơ-nét, E-mail...) để có thể tiếp thu và trao đổi với trí thức thế giới. Có như vậy, trí thức nước ta mới có thể cập nhật được tri thức hiện đại trên thế giới, từ đó biết tránh những con đường vòng mà những người đi trước đã vấp phải ; đồng thời, qua đó có thể rút ngắn quá trình tự đào tạo và tự nghiên cứu của chính mình.□

Mỹ và một số nước phương Tây đưa ra những chiêu bài nào là "nhân quyền cao hơn chủ quyền", nào là "nhân quyền không biên giới", nào là "vấn đề nhân quyền về bản chất không còn được coi là việc thuộc nội bộ của một quốc gia". Hơn nữa, họ còn rêu rao rằng "cộng đồng quốc tế có quyền tiến công vào bên trong lãnh thổ

đứng đầu là Mỹ, dùng làm cái cớ để "can thiệp nhân đạo" vào công việc nội bộ của các nước có chủ quyền, khi mà họ cảm thấy cái gọi là nhân quyền mang màu sắc thực dân đế quốc, siêu cường của họ bị vi phạm.

Mỹ đã từng đem quân tràn vào Pa-na-ma lật đổ Tổng thống nước đó ; đổ bộ và đàn áp phong trào cách mạng, lật đổ chế độ xã hội mới ở Grê-na-đa v.v... Tháng 12 năm 1998, Mỹ vin vào cớ này, cớ khác dùng máy bay, tên lửa tấn công I-rắc và cho đến nay, họ vẫn đe dọa tấn công I-rắc bất cứ lúc nào với ý đồ nhằm lật đổ Tổng thống Sa-đam Hút-xen. Những ngày cuối tháng 3 năm 1999,

AI VI PHẠM NHÂN QUYỀN, AI VI PHẠM DÂN CHỦ ?

TRẦN DUY HƯƠNG *

của một quốc gia để bảo vệ nhân quyền và giải tỏa tai họa", để can thiệp "nhân đạo". Thử hỏi, nếu quả thực nhân quyền cao hơn chủ quyền, thì vì nhân quyền có thể không cần đến chủ quyền chăng ? Và không có chủ quyền quốc gia thì căn cứ vào đâu họ nhân danh quốc gia có "nhân quyền", để can thiệp vào quốc gia "vi phạm nhân quyền", căn cứ vào đâu để xác định sự tồn tại của một quốc gia độc lập ? Và khi chủ quyền của một quốc gia bị xâm phạm, chà đạp thì dân chủ, nhân quyền của quốc gia, dân tộc đó có còn được bảo đảm hay không ?

Vậy thực chất cái gọi là "nhân quyền cao hơn chủ quyền", "nhân quyền không biên giới"... ở đây là gì ? Đó chính là chiêu bài mà một số nước phương Tây,

với danh nghĩa cái gọi là "can thiệp nhân đạo" để giải quyết vấn đề dân tộc, sắc tộc ở Cô-xô-vô, Mỹ và NATO đã cắt đứt đàm phán, tiến công xâm lược Nam Tư, hòng áp đặt yêu sách của Mỹ và NATO, biến Nam Tư thành nơi thí nghiệm hệ vũ khí mới của Mỹ. Họ đã giết chết hàng nghìn dân thường, tàn phá nhiều công trình văn hóa, y tế, nhiều công trình dân sự công cộng...

Nhân danh "chủ nghĩa nhân đạo", "can thiệp nhân đạo", Mỹ và NATO đã trắng trợn tiến công một quốc gia có chủ quyền, vi phạm công ước quốc tế. Nhiều người đặt vấn đề, liệu có thể có những vụ ném bom mang tính nhân đạo hay

* Thiếu tướng, Tổng Biên tập Tạp chí Quốc phòng toàn dân

không, nhất là khi nhiều vụ "ném bom nhằm" vào khu dân cư, phá hủy bệnh viện, trường học, những công trình dân sinh, công trình văn hóa... làm chết hàng trăm dân thường và bao gia đình tan nát lâm vào cảnh màn trời chiếu đất... Gần đây, dư luận thế giới cũng cho rằng chính Mỹ đã bật đèn xanh cho I-xra-en xâm chiếm Pa-le-xtin, chà đạp lên quyền dân tộc tự quyết của dân tộc này, gây chết chóc đau thương cho biết bao gia đình dân lành vô tội. Đây phải chăng là những giá trị dân chủ, nhân quyền của Mỹ và phương Tây, hay là một hình thức biến tướng của chủ nghĩa thực dân mới. Vậy là đằng sau cái gọi là đấu tranh cho nhân quyền, nhân đạo đã lộ rõ âm mưu thâm độc của họ.

Nếu chủ nghĩa thực dân trước đây đánh thành và chiếm đất để mở rộng thuộc địa, thì ngày nay họ can thiệp thô bạo vào nội bộ các nước bằng những âm mưu, thủ đoạn và hình thức khác nhau, không vì mục đích xâm chiếm lãnh thổ mà vì quan niệm giá trị. Có nghĩa là áp đặt giá trị "dân chủ", "tự do", "nhân quyền" của chủ nghĩa tư bản hiện đại, của nền chính trị cường quyền cho nước khác, biến các nước trở thành phụ thuộc vào cái gậy chỉ huy của họ. Nếu không chấp nhận quan niệm giá trị đó, họ sẽ tìm mọi cách gây sức ép bằng kinh tế, chính trị, kỹ thuật, công nghệ, v.v., uy hiếp vũ trang thậm chí lật đổ hoặc áp đặt bằng vũ lực. Có thể nói, thực chất đó là những hành động của chủ nghĩa thực dân mới ngày nay, dưới danh nghĩa bảo vệ "dân chủ", "nhân quyền" của Mỹ và phương Tây.

Ở nước ta hiện nay, các thế lực thù địch đẩy mạnh chiến lược "diễn biến hòa bình", hòng gây mất ổn định với mưu đồ gây bạo loạn, lật đổ... Vấn đề dân chủ, nhân quyền được họ coi là một bộ phận quan trọng của chiến lược đó, nhằm mục tiêu lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa và phá hoại độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia của ta.

Dưới chiêu bài bảo vệ "dân chủ", "nhân quyền" họ tiến hành hoạt động phá hoại tư tưởng, tuyên truyền cho nền dân chủ tư sản và những nhân văn tư sản, giá trị phương Tây. Họ đang tìm mọi cách khoét sâu những khuyết điểm, sai lầm, thiếu sót của ta trên con đường xây dựng, phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhằm làm giảm niềm tin của nhân dân ta vào Đảng, vào chế độ. Họ khuyến khích, tập hợp, hỗ trợ cho bọn phản động đội lốt tôn giáo, cùng bọn cơ hội, bất mãn, cực đoan, phát triển lực lượng, hình thành lực lượng đối lập và những tổ chức phản động để chống phá cách mạng nước ta, v.v..

Một thủ đoạn mà họ thường áp dụng là tách riêng một số yếu tố của quyền con người, khuếch đại yếu tố đó lên, làm cho người ta hiểu lầm rằng quyền con người chỉ có thế. Một trong những yếu tố họ lựa chọn để khuếch đại lên là quyền tự do. Nhưng đó là tự do cá nhân, tự do ra báo tư nhân, tự do thành lập đảng phái đối lập, nhằm dẫn tới đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, gây ra tình hình chính trị - xã hội rối ren, hòng làm cho quần chúng nhân dân mất phương hướng. Rồi lợi dụng thời cơ đó, những

lực lượng này có thể đứng lên xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và xóa bỏ chủ nghĩa xã hội. Thực tế này đã diễn ra ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa trước đây.

Vừa qua, ngày 4 tháng 3 năm 2002, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ lại công bố : Báo cáo về tình hình nhân quyền trên thế giới năm 2001, trong đó, phần liên quan đến Việt Nam dài 49 trang chỉ một giọng điệu là "Việt Nam vi phạm nhân quyền nghiêm trọng", "tình hình nhân quyền ở Việt Nam xấu đi và tiếp tục có những vi phạm nghiêm trọng". Họ vu cáo Chính phủ Việt Nam "hạn chế quyền riêng tư của công dân". Họ gọi mấy phần tử đội lốt tôn giáo gây rối, làm mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vi phạm pháp luật, bị Tòa án Việt Nam xử tù là "những người đấu tranh cho dân chủ". Họ nhai lại luận điệu vu khống Việt Nam đàn áp người dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, đốt phá nhà thờ, cấm người dân tộc thiểu số hành đạo v.v. và v.v. Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ tự cho mình cái quyền phán xét tình hình nhân quyền, dân chủ của các nước khác, trong khi chính Hoa Kỳ đang bị dư luận chỉ trích và không được bầu làm thành viên Ủy ban nhân quyền của Liên Hợp quốc. Điều mỉa mai là, những nước luôn đòi "can thiệp nhân đạo" vào công việc nội bộ của các nước khác để giải quyết vấn đề "dân chủ, nhân quyền", thì chính họ lại vi phạm dân chủ, nhân quyền nhiều nhất đối với nhân dân nước họ. Gần đây, Cục điều tra dân số Mỹ đưa ra một số liệu là, nước Mỹ hiện có 46 triệu người sống dưới mức nghèo đói... Báo Liên hợp buổi sáng của Xin-ga-po cũng vừa

đăng một bài dưới cái tit lớn "Mười mâu thuẫn ảnh hưởng đến chính sách của chính quyền Bu-so". Trong đó có đoạn viết, Mỹ nêu cao "chủ nghĩa tự do", nhưng xã hội Mỹ biến thành "xã hội ma quỷ hiện đại", thanh niên Mỹ mơ hồ giữa cái thiện và cái ác, khiến văn hóa Mỹ cần cỗi, bạo lực, nghiện hút tràn lan khắp nước Mỹ. Như vậy, ở Mỹ hiện có không ít người không đủ điều kiện thực hiện quyền cơ bản của con người và quyền sống của con người bị đe dọa bởi chính sách bóc lột, đàn áp, bởi bạo lực tràn lan và các tệ nạn xã hội. Thế mà Mỹ vẫn lên án và rao giảng dân chủ, nhân quyền cho nước khác.

Chúng ta nhận thức quyền con người cơ bản và trước hết là quyền được sống trong độc lập, tự do, thoát khỏi mọi áp bức, bóc lột. Đảng ta và Bác Hồ đã lãnh đạo nhân dân ta, dân tộc ta đánh đuổi ngoại xâm, giải phóng dân tộc, giải phóng đất nước. Nhân dân ta, dân tộc ta được sống trong độc lập, tự do. Đó là nhân quyền cơ bản nhất, lớn nhất. Thế nhưng, chúng ta cũng hiểu rằng, có độc lập, tự do mà nhân dân không đủ cơm ăn, áo mặc, không được học hành, thì độc lập tự do cũng chẳng có nghĩa lý gì như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định. Do đó, Đảng và Nhà nước ta đã cố gắng làm tất cả những gì có thể làm được để chăm lo cho cuộc sống đích thực của con người. Vì con người là nhân tố quyết định, là động lực to lớn nhất, là chủ thể sáng tạo mọi nguồn của cải vật chất và tinh thần của xã hội. Hạnh phúc của con người là mục tiêu phấn đấu cao nhất của Đảng ta, Nhà nước ta.

Trong những năm qua, cùng với sự phát triển không ngừng về mọi mặt của đất nước, các quyền con người ở nước ta cũng ngày càng được hoàn thiện cả về mặt pháp lý, nội dung và điều kiện thực hiện. Kể từ khi ra đời (năm 1946) đến nay, Hiến pháp của nước Việt Nam đã được bổ sung bốn lần vào các năm 1959, 1980, 1992 và gần đây nhất 2001, với những quy định rõ ràng về các quyền con người được Hiến pháp bảo vệ về dân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; các quyền riêng đối với từng giới xã hội, đặc biệt là của trẻ em, phụ nữ, các dân tộc thiểu số, quyền bình đẳng trước pháp luật của các tôn giáo... cũng đã được hoàn chỉnh thêm. Ở Việt Nam, các quyền cơ bản như tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, biểu tình, lập hội, tự do tín ngưỡng, tôn giáo được thực hiện và tôn trọng như Hiến pháp quy định.

Từ năm 1986 đến nay, khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới, Quốc hội đã thông qua hơn 13 nghìn văn bản luật và dưới luật, trong đó có 40 bộ luật và luật quan trọng như Bộ Luật Hình sự, Bộ Luật Tố tụng hình sự, Bộ Luật Dân sự, Bộ Luật Lao động, Bộ Luật Chăm sóc giáo dục trẻ em v.v. Tất cả những điều quy định tốt đẹp đó đã và đang trở thành hiện thực sinh động trong cuộc sống của nhân dân ta.

Cùng với những nỗ lực bên trong, đến nay Việt Nam đã tham gia và đang thực hiện các cam kết theo tám công ước quốc tế cơ bản về quyền con người. Mọi công dân đều có quyền tham gia quản lý nhà nước, giám sát cán bộ, công chức và cơ

quan nhà nước; quyền đóng góp ý kiến vào các chủ trương, chính sách, Hiến pháp, pháp luật, bày tỏ ý kiến về các hiện tượng tích cực và tiêu cực trong đời sống xã hội... Nhiều tổ chức chính trị - xã hội như Mặt trận Tổ quốc, Đoàn thanh niên, Phụ nữ, Công đoàn... và các tổ chức xã hội nghề nghiệp khác đều tự do hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Như vậy, không thể có cái gọi là "Chính phủ Việt Nam nhất quán theo đuổi chính sách quấy nhiễu, phân biệt đối xử, đe dọa, có các hình thức giam giữ đối với những cá nhân bày tỏ một cách hòa bình ý kiến bất đồng với chính sách của Chính phủ và Đảng". Phải khẳng định rằng, ở nước ta không có tù chính trị, càng không có việc đàn áp chính trị như một số người có những dụng ý xấu rêu rao. Tuy nhiên, cũng như ở mọi nơi trên thế giới là một nước dân chủ, có kỷ cương pháp luật, mọi công dân đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ trước Hiến pháp và pháp luật; mọi hành vi vi phạm pháp luật đều được xét xử theo pháp luật. Trong các nơi giam giữ phạm nhân hiện nay, có người là dân thường và cũng có người trước đây nguyên là cán bộ, đảng viên, công chức nhà nước. Họ bị xử án vì vi phạm pháp luật. Thời gian qua, cũng có người nguyên trước đây là tu sĩ, cũng có người vốn không phải là tu sĩ, tín đồ một tôn giáo nào, nhưng đã có những hành động tán phát các tài liệu trái phép, nhen nhóm tổ chức để chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân, chống người thi hành công vụ, gây rối, đe dọa sự ổn định an ninh chính trị,

trật tự an toàn xã hội... Những người đó bị xử lý theo pháp luật vì họ là những người vi phạm pháp luật, chứ không phải vì họ theo một tôn giáo nào, hoặc vì họ hoạt động tôn giáo và lại càng không phải do họ bất đồng chính kiến về chính trị với Đảng và Nhà nước.

Đảng và Nhà nước ta luôn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng. Hiến pháp được Quốc hội và Chính phủ thể chế hóa thành các văn bản pháp luật với các nội dung hết sức cụ thể, rõ ràng : Nhà nước bảo hộ nơi thờ tự của các tôn giáo. Chùa chiền, nhà thờ bị chiến tranh hoặc thiên tai tàn phá được chính quyền các cấp tạo điều kiện sửa chữa hoặc xây mới ; tạo điều kiện thuận lợi cho việc ấn loát kinh sách, các văn hóa phẩm tôn giáo, cho việc đào tạo các chức sắc tôn giáo. Nhà nước cho phép các giáo hội cử chức sắc đi học tập, bồi dưỡng ở nước ngoài ; bảo đảm các hoạt động đối ngoại của các tôn giáo. Các tôn giáo được đi tham dự các cuộc hội nghị quốc tế của tôn giáo, được đón các đoàn tôn giáo nước ngoài vào thăm và làm việc, v.v. Hiện nay có khoảng 21 830 nơi thờ tự của các tôn giáo có hệ thống tổ chức đang sinh hoạt thường xuyên bình thường, trong đó có khoảng 14 550 ngôi chùa, 5 456 nhà thờ Thiên chúa giáo, khoảng 500 nhà thờ đạo Tin lành, khoảng hơn 1 000 thánh thất Cao đài, 89 thánh đường Hồi giáo. Đó là chưa kể hàng nghìn nơi thờ tự của các tín ngưỡng truyền thống trong nhân dân.

Không ai có thể phủ nhận được thực tế này. Điều đó bác bỏ luận điệu của các

thế lực thù địch cho rằng Chính phủ Việt Nam tước đoạt một cách có hệ thống quyền cơ bản tự do tôn giáo của công dân mình ; những người theo tín ngưỡng bị cấm tham gia vào các hoạt động tôn giáo, v.v.

Chúng ta hiểu rằng, tôn trọng tự do tín ngưỡng chính là bảo vệ niềm tin của mọi tín đồ và đang đấu tranh kiên quyết với những kẻ khuấy đục niềm tin đó. Ngày nay, chính các thế lực đế quốc, thù địch lăm le chà đạp lên bao sinh mệnh con người bằng các loại bom, đạn và vũ khí giết người hàng loạt. Chúng đang mượn ngọn cờ dân chủ, nhân quyền, tôn giáo, lợi dụng lòng tin và tín ngưỡng tôn giáo, lợi dụng những vấn đề dân tộc, sắc tộc kích động, gây chia rẽ, hận thù trong nội bộ quốc gia dân tộc để can thiệp, tiếp tay, nhen nhóm những lực lượng chống phá chế độ, hướng đất nước đi theo quỹ đạo của chúng.

Chúng ta khẳng định rằng, trong cộng đồng quốc tế, mỗi dân tộc có quyền thiêng liêng là tự lựa chọn con đường phát triển và thể chế chính trị của mình ; tăng cường đối thoại và hợp tác quốc tế để nâng cao sự hiểu biết và lòng tin lẫn nhau, bảo đảm tăng cường các quyền dân chủ, quyền con người, tạo cơ hội đồng đều và bình đẳng cho các dân tộc và mọi người ngày càng phát triển toàn diện. Đó chính là yếu tố cơ bản tôn trọng và phát huy quyền dân chủ, quyền con người của mỗi quốc gia - dân tộc. Đi ngược lại điều đó chính là đã vi phạm trắng trợn quyền dân chủ, quyền con người của quốc gia, dân tộc khác. □

Xây dựng và phát triển *Khoa học Chính trị Việt Nam -* **NHÌN TỪ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

NGUYỄN XUÂN TẾ *

THỰC tiễn chính trị, hoạt động chính trị ở Việt Nam hết sức phong phú, sinh động, là cơ sở rất tốt để phát triển nền khoa học chính trị Việt Nam. Tuy mới triển khai mấy năm gần đây, nhưng nền Khoa học Chính trị Việt Nam - lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng - đã khởi sắc, có tương lai phát triển mạnh mẽ. Khoa học Chính trị Việt Nam đã từng bước góp phần "giải đáp có sức thuyết phục những vấn đề lý luận và thực tiễn bức xúc do cuộc sống đặt ra trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ; cung cấp cơ sở khoa học vững chắc cho việc xác định đúng đắn, sáng tạo đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, tạo ra sự thống nhất trong toàn Đảng và trong xã hội, động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân ủng hộ mạnh mẽ và thực hiện nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ...".

Mặc dù vậy, trong thời gian vừa qua, "nhiều khi do thiếu hiểu biết lý luận, thiếu tri thức cơ bản và hệ thống về khoa học chính trị, thiếu văn hóa chính trị chúng ta có thể phạm những sai lầm đáng tiếc" ⁽¹⁾.

Trước hết, cần nhận thấy Khoa học Chính trị là một khoa học phức hợp, mà trên các lát

cắt của nó có hình bóng của nhiều môn khoa học xã hội và nhân văn. Nó bao hàm ba bộ phận : *Lịch sử tư tưởng chính trị ; Khoa học và công nghệ chính trị ; Chính trị quốc tế*.

Ở bộ phận thứ nhất, lịch sử tư tưởng chính trị là lịch sử các quan điểm, các học thuyết chính trị được hình thành và phát triển trong chiều dài lịch sử phát triển của nhân loại. Nghiên cứu lịch sử tư tưởng chính trị là làm cái việc "ôn cố tri tân" với tinh thần phê phán hợp lý, để từ đó rút ra những tri thức và kinh nghiệm bổ ích cho hoạt động chính trị của chúng ta hiện nay. Như nhụy ngọt tinh túy của một đóa hoa, chất sữa ong chúa trong các loại mật, tư tưởng chính trị tiến bộ là dấu ấn động lại của các thời đại, là nền tảng vững chắc, để chắp cánh cho chúng ta đi đến những thành tựu to lớn, nhờ biết "đứng trên đôi vai của những người khổng lồ" của lớp lớp các bậc tiền nhân.

Ở bộ phận thứ hai, chính trị với tư cách là một khoa học, nghiên cứu các quy luật và tính quy luật trong sự hình thành, phát triển của chính trị, của quyền lực chính trị cùng những

* TS Khoa học Chính trị, Trường đại học Luật TP Hồ Chí Minh

(1) Xem *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, số 1, 1992, tr 3 - 8

cơ chế, phương thức, thủ đoạn sử dụng các quy luật đó trong xã hội được tổ chức thành nhà nước. Ở đây, nó vừa là cơ sở lý luận, lại vừa là phương pháp để nhà cầm quyền trị nước, an dân.

Ở *bộ phận thứ ba*, chính trị quốc tế là một bộ phận không thể thiếu được của khoa học chính trị hiện đại, nhất là trong xu thế khách quan của toàn cầu hóa về kinh tế và thời đại kinh tế tri thức.

Bằng việc nghiên cứu có kết quả những vấn đề trên đây, khoa học chính trị góp phần phản ánh đúng đắn những tính quy luật và quy luật cơ bản nhất của đời sống chính trị trong khuôn khổ một nước cũng như quy mô thế giới. Dựa trên đó, sẽ hình thành mô hình lý luận về cơ chế vận dụng các quy luật chính trị, đề xuất những công nghệ chính trị được luận chứng một cách khoa học. Góp phần hình thành cơ sở khoa học cho các quyết sách chính trị của Đảng và Nhà nước. Nghiên cứu phương pháp, phương tiện và những thủ thuật chính trị để các quyết sách chính trị trở thành hiện thực. Thẩm định các quyết sách chính trị để từng bước hoàn thiện các quyết sách đó.

Đồng thời Khoa học Chính trị cũng góp phần hình thành các nhà chính trị chuyên nghiệp phấn đấu cho sự nghiệp giải phóng con người và vì hạnh phúc con người ở nước ta. Trang bị mặt bằng kiến thức khoa học chính trị cho các tầng lớp, các thành phần xã hội để có nguồn nhân lực đủ bản lĩnh chính trị và văn hóa chính trị, thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới.

Nói tóm lại, xây dựng và phát triển ngành Khoa học Chính trị Việt Nam thực sự là bước đi thích hợp trong điều kiện đất nước chuyển mình một cách tích cực và có hiệu quả trên con đường hội nhập và phát triển.

Để thực hiện được những nhiệm vụ nêu trên, Khoa học Chính trị ở nước ta phải luôn trung thành với chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng. Cái cốt lõi của Khoa học Chính trị Việt Nam là : phải luôn lấy quyền lợi đất nước làm cái *bất biến*, để ứng phó với cái *vạn biến* của thế giới đương đại, nhằm tìm ra *hệ thống giải pháp tối ưu* cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cho sự phát triển toàn diện của con người.

Qua khảo sát thực tế ở một số trường đại học, viện nghiên cứu, bước đầu có thể nhận thấy Khoa học Chính trị được triển khai dưới các hình thức sau :

1 - Trong lĩnh vực đào tạo

Từ năm 1996 đến nay, *Nhập môn Khoa học chính trị* được giảng dạy cho khoa Triết, trường Đại học Khoa học xã hội Nhân văn, thuộc Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh cũng như cho các lớp cao cấp chính trị của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh - Phân viện TP Hồ Chí Minh.

Tại Trường Đại học Luật TP Hồ Chí Minh, *Lịch sử tư tưởng chính trị - pháp lý* được giảng dạy cho sinh viên với tư cách là khoa học cơ sở cho các môn Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới, Lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam, Lý luận nhà nước và pháp luật.

Tại trường Đại học Mở - Bán công TP Hồ Chí Minh, môn *Thể chế chính trị các nước ASEAN* được giảng dạy cho sinh viên khoa Đông - Nam Á học. Các môn *Thể chế chính trị Ô-xtrây-li-a*, *Thể chế chính trị Trung Quốc*, *Thể chế chính trị Hàn Quốc*, *Thể chế chính trị Nhật Bản* được giảng dạy tại khoa Đông phương học trường Đại học Khoa học Xã hội Nhân văn TP Hồ Chí Minh. Các môn học này đã cung cấp một mảng tri thức chính trị quốc tế cho sinh viên, giúp họ có một hệ thống

tri thức lý luận về bang giao quốc tế, chính trị quốc tế.

Ngay trong chương trình đào tạo cao học và nghiên cứu sinh, việc giảng dạy môn *Lịch sử tư tưởng chính trị* tại khoa Triết học, trường Đại học Khoa học xã hội Nhân văn cũng đã giúp cho người học hình thành một tổng thể tri thức về chính trị.

Kết quả là, hàng ngàn sinh viên đại học ở những trường nói trên tốt nghiệp đại học, và nhiều học viên cao học, nghiên cứu sinh bảo vệ thành công học vị thạc sĩ, tiến sĩ và được lĩnh hội kiến thức *khoa học chính trị* trong hành trang tri thức của mình.

2 - Trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học

Các hướng nghiên cứu khoa học về khoa học chính trị cũng đã được triển khai khá toàn diện và đồng bộ. Các cuốn sách đã và đang xuất bản, các bài báo, đề tài nghiên cứu khoa học đã xoay xung quanh những nội dung của nền khoa học chính trị Việt Nam đặt ra.

Lĩnh vực lịch sử tư tưởng chính trị

Cuốn *"Đại cương lịch sử các tư tưởng và học thuyết chính trị trên thế giới"* do Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, ấn hành năm 1999 đã phác họa bức tranh toàn cảnh lịch sử tư tưởng chính trị từ thời cổ đại cho đến nay. Cuốn sách hiện nay được dùng làm giáo trình cho học viên cao học Triết và sinh viên các trường đại học nghiên cứu môn học lịch sử tư tưởng chính trị. Một số bài báo khoa học đăng tải trên các tạp chí khoa học nhấn mạnh các trào lưu, các nhà tư tưởng vĩ đại trong lịch sử nhân loại. Thí dụ : *Một số nét về nội dung học thuyết của Khổng Tử và phép trị nước* ⁽²⁾ ; *Sáng ngời học thuyết chính trị vĩ đại của C. Mác và Ph. Ăng-ghen* ⁽³⁾ ; *Sống mãi những tư tưởng chính trị của V.I. Lê-nin vĩ đại* ⁽⁴⁾ ; *Tư tưởng Hồ Chí Minh với việc xây dựng Nhà*

nước pháp quyền ở Việt Nam ⁽⁵⁾, v.v.. Các bài báo khoa học nói trên đã trình bày tư tưởng chính trị cơ bản của các nhà tư tưởng lớn một cách có hệ thống, nhằm tìm ra những kinh nghiệm quý báu, góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề quan trọng của nền chính sách đương đại.

Lĩnh vực khoa học và công nghệ chính trị

Phạm trù cơ bản nhất trong khoa học chính trị là *"quyền lực chính trị"*. Nó nói lên thực chất hoạt động chính trị của mọi giai cấp, mọi đảng phái trong xã hội có giai cấp. Đó có thể hoặc là hoạt động nhằm giành lấy Nhà nước, hoặc là hoạt động nhằm gây ảnh hưởng đối với Nhà nước, hoặc là nhằm điều chỉnh hoạt động của Nhà nước vì lợi ích của chủ thể hoạt động đó. Như thế, ở cấp độ nào, bằng cách nào, hoạt động chính trị cũng có quan hệ với quyền lực, với nhà nước.

Xuất phát từ phạm trù quyền lực chính trị, với tư cách là phạm trù cơ bản, phạm trù trung tâm của Khoa học Chính trị, có thể nhìn nhận khoa học chính trị là khoa học về cuộc đấu tranh cho quyền lực chính trị, là khoa học giành, giữ và thực thi quyền lực trong xã hội được tổ chức thành nhà nước. Các phạm trù còn lại của khoa học chính trị đều có thể được xem là những phạm trù phái sinh, cụ thể hóa, làm sáng tỏ các phương diện khác nhau của phạm trù quyền lực. Chẳng hạn, phạm trù lợi ích chính trị xác định động lực của hoạt động chính trị, phạm trù văn hóa chính trị xác định cách thức ứng xử chính trị, phạm trù quyết sách chính trị thể hiện đậm nét sự kết hợp giữa

(2) *Đặc san Khoa học pháp lý*, số 2-2000

(3) *Đặc san Khoa học pháp lý*, số 1-2000

(4) *Thông tin Khoa học pháp lý*, số 1-1999

(5) *Tạp chí Phát triển khoa học công nghệ Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh*, số 7 + 8-2000

tính khoa học và tính nghệ thuật của hoạt động chính trị.

Phép trị nước là một trong những kết tinh đặc sắc của khoa học và công nghệ chính trị. Chúng ta có thể nghiên cứu một cách hệ thống phép trị nước phương Đông, phương Tây từ xưa đến nay. Đó là phép trị nước của Khổng Tử, Hàn Phi Tử, v.v... phép trị nước của E-phi-an-tét ở Nhà nước A-ten cổ đại. Khoa học chính trị cũng có thể giải quyết một cách có hiệu quả những tình huống chính trị (như xử lý các điểm nóng chính trị - xã hội, xử lý tình huống chính trị khi bộ máy cầm quyền có nạn quan liêu, tham nhũng, xử lý tình huống chính trị khi chuyển giao quyền lãnh đạo v.v...).

Tất cả những nội dung của Khoa học và Công nghệ chính trị đều nhằm phục vụ đắc lực những vấn đề thực tiễn cấp bách của cách mạng Việt Nam.

Lĩnh vực chính trị quốc tế

Nghiên cứu chính trị và nhà nước của các nước trên thế giới là để xem xét cái khác nhau và cái giống nhau giữa Nhà nước tư sản và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; phân biệt rõ cái khác nhau về bản chất giai cấp của hệ thống chính trị và thể chế nhà nước; đồng thời có thể tìm thấy điểm giống nhau về mặt khoa học, cách thức tổ chức để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước. Như vậy, là vừa để tránh lẫn lộn giữa Nhà nước tư sản và Nhà nước xã hội chủ nghĩa, vừa để tham khảo và vận dụng vào tổ chức nhà nước của ta. C. Mác đã nói khi phân tích và phê phán Nhà nước tư sản, rằng chúng ta cần phải "cắt bỏ những cơ quan thuần túy áp bức của chính phủ cũ nhưng phải đoạt lấy những chức năng hợp lý của nó trong tay một chính quyền xưa nay vốn có tham vọng đứng trên cả xã hội, và đem giao cho những người đầy tớ có trách nhiệm của xã hội"⁽⁶⁾. Đó

chính là quán triệt quan điểm không nên đơn giản loại trừ toàn bộ những giá trị lý luận và thực tiễn của các học thuyết ngoài mác-xít của các thời đại trước và của ngày nay được xem là tri thức của nhân loại. Đúng như Nghị quyết 01/NQ-TW của Bộ Chính trị "Về công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay" đã vạch rõ: "*Đối với những học thuyết khác - ngoài chủ nghĩa Mác - Lê-nin - về xã hội, cần được nghiên cứu trên quan điểm khách quan, biện chứng v.v..*". Về hướng khoa học này, những cuốn sách như "*Thể chế chính trị các nước ASEAN*"⁽⁷⁾, cuốn "*Tổ chức bộ máy nhà nước và cải cách hành chính ở Cộng hòa liên bang Đức*"⁽⁸⁾ cuốn "*Hệ thống chính trị Mỹ*"⁽⁹⁾ đã có những đóng góp nhất định cho việc nghiên cứu chính trị quốc tế.

Với một sự nhạy cảm đặc biệt, Khoa học Chính trị tiếp cận những vấn đề mang tính toàn cầu, nhằm đưa ra những giải pháp tối ưu, thúc đẩy sự vật tiến lên, tạo nên những bước ngoặt trong tiến trình phát triển của nhân loại. Ở thời đại chúng ta, đây là vấn đề tiếp cận xu thế khách quan của toàn cầu hóa về kinh tế, hội nhập và phát triển kinh tế tri thức v.v.. Về những vấn đề này, ở góc độ khoa học chính trị, chúng ta có thể nhìn thấy bức tranh chung của sự phát triển kinh tế tri thức trên thế giới, làn sóng toàn cầu hóa với tính hai mặt của nó, thời cơ và thách thức của đất nước trước những vấn đề mang tính toàn nhân loại.

(6) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 17, tr 451

(7) Nguyễn Xuân Tế : *Thể chế chính trị các nước ASEAN*, Nxb TP Hồ Chí Minh, 2001

(8) Thang Văn Phúc : *Tổ chức bộ máy Nhà nước và cải cách hành chính ở Cộng hòa liên bang Đức*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1991

(9) Vũ Đình Hình : *Hệ thống chính trị Mỹ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2001

Những nội dung cơ bản của Khoa học Chính trị Việt Nam lấy thế giới quan và phương pháp luận duy vật biện chứng làm cơ sở để xem xét mọi vấn đề liên quan tới sự vận động, phát triển của lĩnh vực chính trị. Những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về chính trị trở thành những luận điểm cốt lõi trong Khoa học Chính trị ở nước ta.

Cùng với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, di sản tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh đóng vai trò nền tảng của Khoa học Chính trị Việt Nam. Vì tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh không chỉ là sự vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể ở nước ta, đó còn là sự phát triển sáng tạo lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Việc giảng dạy chuyên đề Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và Pháp luật là hết sức cần thiết cho các trường Đại học Luật, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Hành chính Quốc gia v.v.. ở chương trình đào tạo Cử nhân cũng như ở bậc đào tạo sau đại học.

Để Khoa học Chính trị thực sự trở thành nền tảng định hướng cho các hoạt động của xã hội, theo chúng tôi phương hướng nghiên cứu của khoa học chính trị ở nước ta cần tập trung vào một số khía cạnh sau đây :

Thứ nhất : Một trong những việc quan trọng trước mắt là phải mở ngành Khoa học Chính trị trong trường Đại học Khoa học Xã hội Nhân văn (hoặc trường Đại học Luật) với tư cách là một ngành *chuyên sâu nghiên cứu về lĩnh vực chính trị*. Tình trạng chung hiện nay là tri thức về chính trị *như một khoa học* còn tản mạn ở nhiều môn khoa học khác nhau, từ triết học (chủ nghĩa duy vật lịch sử), chủ nghĩa xã hội khoa học, kinh tế chính trị học, khoa học về nhà nước và pháp luật, đến sử học, xã hội học, tâm lý học, giáo dục học, văn hóa

học... Sự phổ cập này là cần thiết, nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu chuyên biệt hóa, cá thể hóa để sản phẩm được đào tạo ra từ hệ thống đào tạo đại học có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển của đất nước trong xu thế toàn cầu hóa.

Thứ hai : Nhà nước vốn là vấn đề *"rất cơ bản, rất mấu chốt trong toàn bộ chính trị"* ⁽¹⁰⁾ nhưng lại là *"một trong những vấn đề phức tạp nhất"* ⁽¹¹⁾. Vì thế, trong từng thời kỳ cách mạng, Đảng ta đặc biệt coi trọng việc đề ra đường lối xây dựng và hoàn thiện bộ máy nhà nước - trụ cột của hệ thống chính trị. Trong thời kỳ mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước - với mục tiêu *"dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"*, việc tiếp tục đẩy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của nhà nước, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế ⁽¹²⁾ trở thành một trong những nhiệm vụ cấp thiết. Với tinh thần nói trên, việc nghiên cứu khoa học về Nhà nước là hướng mũi nhọn mà các nhà khoa học chính trị cần tập trung.

Khoa học Chính trị Việt Nam đã, đang được xây dựng và phát triển nhanh chóng để đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước và của thời đại. Dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội IX của Đảng mà đặc biệt là Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX), chúng ta sẽ làm hết sức mình vì *"Nhiệm vụ khắc phục sự lạc hậu về lý luận và khoa học xã hội không cho phép chúng ta chậm trễ hơn nữa trên một lĩnh vực mũi nhọn hiện nay như khoa học chính trị"*. ⁽¹³⁾ □

(10) (11) V.I Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, t 39, tr 76, 75

(12) Xem : *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 77

(13) Xem *Tạp chí Lý luận Nhà nước và Pháp luật*, số 1-1992, tr 3 - 8

TRONG những năm đầu của chiến dịch Ron-hen (Ranch Hand) 1961 - 1964, quân đội Mỹ đã sử dụng phổ biến 3 loại hóa chất diệt cỏ và làm rụng lá cây, rải xuống miền Nam nước ta. Đó là : chất Tím, chất Hồng và chất Xanh lá cây ; những năm sau, họ chuyển sang dùng nhiều hơn Chất Da Cam⁽¹⁾.

Chất Da Cam là dung dịch màu hồng-nâu, hòa tan trong dầu, dầu đi-ê-den và các

7-8 triệu người. Chất Đi-ô-xin, nếu ngấm vào cơ thể con người, sẽ tồn lưu khá lâu⁽³⁾ (trong mô mỡ, máu, sữa), gây ra những hậu quả nặng nề đối với sức khỏe. Chỉ tính trong khoảng 10 năm (từ năm 1961 đến năm 1971), đế quốc Mỹ đã rải khoảng 67 triệu lít chất độc hóa học xuống nhiều vùng rừng núi và đồng ruộng ở miền Nam Việt Nam - trong đó chứa khoảng 170 kg Đi-ô-xin. Theo ông Pho-kin (Fokin), viện sĩ

CỨU TRỢ NẠN NHÂN CHẤT ĐI-Ô-XIN/DA CAM - MỘT VẤN ĐỀ BỨC XÚC HIỆN NAY

NGUYỄN TRỌNG NHÂN*

dung môi hữu cơ, không hòa tan trong nước. Chất Da Cam là hỗn hợp 50 : 50 của hai chất n-butyl ester 2,4-D và 2,4,5-T. Chất Da Cam là một loại hóa chất có chứa nhiều Đi-ô-xin, bình quân hàm lượng tạp chất Đi-ô-xin là 4 gam trong một mét khối (có những loại hàm lượng lớn hơn từ 10 đến 20 lần). Khi rải không pha loãng. Lượng rải trung bình 28,06 lít/ha, trong đó có khoảng 15,3 kg/ha chất 2,4,5-T và 13,6 kg/ha chất 2,4-D (dương lượng a xít) trong đó chứa khoảng 107 mg Đi-ô-xin. Có nghĩa là, khi rải xuống thực địa bình quân mỗi héc-ta hứng chịu 110 mg Đi-ô-xin, có vùng tới 1-2 gam Đi-ô-xin/ha.

Đi-ô-xin là một chất rất độc, "độc nhất trong các hóa chất mà con người tổng hợp ra được cho tới nay"⁽²⁾. Chỉ cần 80 gam Đi-ô-xin đem hòa vào hệ thống cấp nước đã đủ giết chết toàn bộ dân một thành phố lớn

Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô, phát biểu tại Hội thảo quốc tế lần thứ nhất tổ chức ở thành phố Hồ Chí Minh (1983) về tác động lâu dài của chiến tranh hóa học ở Việt Nam thì lượng Đi-ô-xin phải đến 500 kg.

Việc dùng chất hóa học trong chiến tranh là một thủ đoạn vô cùng thâm độc và

* GS, TS, Anh hùng Lao động, Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

(1) Các danh từ : Xanh lam, Xanh lá cây... thực ra chỉ là những mật danh quân sự và thể hiện bằng một vòng sơn Da Cam, Tím, Hồng... rộng khoảng 20cm quanh các thùng 200 lít chứa hóa chất để dễ nhận biết khi bảo quản.... quen gọi là Chất Da Cam, chất Tím, chất Hồng...

(2) Xem thêm : GS, BS Lê Cao Đài, "Chất da cam trong chiến tranh Việt Nam - tình hình và hậu quả" (tham khảo nội bộ), Hà Nội, 1999

(3) Thời gian bán phân hủy của Đi-ô-xin trong môi trường khoảng từ 10-17 năm, trong cơ thể con người khoảng 5 - 8 năm

tàn bạo của đế quốc Mỹ, nhằm thực hiện phát quang trên diện rộng rừng núi, đồng ruộng, ngăn chặn bước tiến của Quân Giải phóng, hủy hoại môi sinh, tàn phá mùa màng, triệt nguồn nước sinh hoạt, triệt nguồn sinh sống của nhân dân. Hành động đó gây nên những hậu quả vô cùng nghiêm trọng trên đất nước ta để lại nỗi đau dai dẳng còn mãi đến mai sau và làm nhức nhối lương tri nhân loại.

Nhận thức mối nguy hại của chất Đi-ô-xin gây ung thư và nhiều bệnh lý khác, ngay từ năm 1970, tại Hội nghị quốc tế được tổ chức ở Pháp, cố Giáo sư, Bác sĩ Tôn Thất Tùng đã nghiêm khắc cảnh báo về vấn đề này. Năm 1980, Ủy ban 10 - 80 trực thuộc Thủ tướng Chính phủ được thành lập và việc nghiên cứu chất độc hóa học mà đế quốc Mỹ sử dụng ở Việt Nam đã được tiến hành. Tuy nhiên, điều kiện đất nước còn nhiều khó khăn, phương tiện hiện đại còn thiếu thốn, những nghiên cứu của chúng ta về chất Đi-ô-xin/Da Cam và hậu quả của chúng chỉ là bước đầu, chưa thật triệt để.

Trong cuốn *"Chất da cam trong chiến tranh Việt Nam - tình hình và hậu quả"*, cố Giáo sư, Bác sĩ Lê Cao Đài (nguyên Giám đốc Quỹ Bảo trợ nạn nhân da cam thuộc Hội Chữ Thập đỏ Việt Nam), đã trình bày khá hệ thống vấn đề này, trên cơ sở tham khảo những tổng kết từ nhiều công trình nghiên cứu của các nhà khoa học trên thế giới (Mỹ, Nhật Bản, Ca-na-đa...) và trong nước. Công trình nghiên cứu của ông còn đưa ra những kết luận về tác hại nặng nề của chất Đi-ô-xin, đối với sức khỏe con người⁽⁴⁾ và môi trường:

Tác hại tức thời của Đi-ô-xin : gây chết trong trạng thái suy kiệt ; gây suy giảm miễn dịch dẫn đến sự bùng phát của các bệnh

nhiễm khuẩn ; gây rối loạn chuyển hóa Vi-ta-min (đặc biệt Vi-ta-min A), chuyển hóa men, nội tiết...

Tác hại lâu dài :

- Trạng thái **bệnh lý tăng cao** đối với các loại bệnh : bệnh tiêu hóa (viêm loét dạ dày, tá tràng, viêm đại tràng) ; bệnh ngoài da (sạm da, viêm da, nấm da) ; bệnh ung thư (ung thư họng hầu, bệnh bạch cầu cấp và mãn, ung thư gan). Và **tăng cao hơn** đối với các loại bệnh : suy nhược thần kinh, suy nhược cơ thể, kém ăn, mất ngủ, người gầy, sụt cân, thiếu máu, kém trí nhớ, nhức đầu, mệt mỏi, vận động khó khăn, mất mề, nhìn kém, nghe kém...; suy giảm chức năng gan hoặc xơ gan cổ chướng ; suy giảm miễn dịch, dễ mắc các bệnh nhiễm khuẩn, sốt rét...

- Các tai biến sinh sản như : suy thai tự nhiên, đẻ non ; con chết trong bụng mẹ (chết lưu) ; chữa trứng, ung thư màng nuôi ; dị tật bẩm sinh, quái thai và còn rất nhiều bệnh tật khác...

Đi-ô-xin không chỉ gây hại đối với nhân dân Việt Nam mà còn gây nên hậu quả nghiêm trọng đối với cả quân nhân Mỹ (những kẻ gieo đau thương trên đất nước chúng ta). Hậu quả của chất Da Cam là mối quan tâm của nhiều nhà khoa học và nhiều Tổ chức Cựu chiến binh Mỹ. Theo báo phổ Uôn, từ nguồn tin của Chính phủ Mỹ, cơ quan phụ trách cựu chiến binh cho biết : trong số 2,3 triệu quân Mỹ tham chiến ở Việt Nam, có hơn 9% người bị nhiễm độc Đi-ô-xin, nghĩa là khoảng 200 000 người. Cho tới nay, trong 68 000 đơn khiếu nại của cựu chiến binh Mỹ có khoảng 40 000 đơn đã được nhận trợ cấp⁽⁵⁾. Trong số cựu

(4) Xem thêm Lê Cao Đài : *Sđd*, tr 140

(5) Lê Cao Đài : *Sđd*, tr 141

chiến binh Mỹ có một người tên là E. Dum-uôn (E. Zumwalt), nguyên Đô đốc Hải quân Hoa Kỳ chỉ huy lực lượng hải quân Mỹ ở chiến trường miền Nam Việt Nam từ 1968 - 1971, ông là người quyết định cho rải chất Đi-ô-xin/Da cam dọc các kênh rạch miền Nam để bảo vệ các tàu tuần giang Mỹ, ngăn chặn sự tấn công của "du kích". Cũng vào thời điểm đó, người con trai ông ta là Đại úy En-mơ Dum-uôn (Elmo Zumwalt) nhận nhiệm vụ trực tiếp chỉ huy một giang thuyền tuần tra trên những con sông mà hai bờ cây cối bị trụi lá do các vụ rải chất độc hóa học... Khi hết nhiệm kỳ ở Việt Nam, Đại úy En-mơ Dum-uôn về Mỹ lấy vợ sinh con (đứa con bị thiếu năng trí tuệ bẩm sinh), còn bản thân anh ta mắc hai bệnh ung thư và chết năm 1988. Thảm thía hậu quả chiến tranh từ tấn bi kịch xảy ra cho chính gia đình mình, mà bản thân cũng có một phần trách nhiệm, trong nhiều năm, Đô đốc E. Dum-uôn đã lãnh đạo một nhóm chuyên gia khoa học, tổ chức nghiên cứu và đã xác định được có tới 28 loại bệnh có liên quan đến sự tiếp xúc với chất Da Cam và Đi-ô-xin...⁽⁶⁾. Nghiên cứu của ông là cơ sở để những cựu chiến binh Mỹ đòi bồi thường. Hàng chục công ty sản xuất chất độc cung cấp cho Chính phủ Mỹ đã bị kiện. Các công ty này buộc phải đóng góp 180 triệu USD, gửi vào ngân hàng thành một quỹ để bồi thường cho cựu chiến binh - số tiền này từ năm 1984 đến 1988 cùng với lãi xuất ngân hàng đã tăng lên thành 240 triệu USD. Chương trình bồi thường kéo dài 10 năm, kết thúc vào năm 1994. Mức trợ cấp thấp nhất là 256 USD, cao nhất là 12 800 USD cho mỗi gia đình.

Chiến tranh đã kết thúc hơn một phần tư thế kỷ, nhưng hậu quả của nó vô cùng tàn khốc. Trên đất nước Việt Nam, hàng triệu

người đã chết, hàng chục vạn người còn mất tích, hàng triệu người đã bị phơi nhiễm chất Đi-ô-xin, hàng trăm ngàn người bị thương tật suốt đời, hàng chục vạn đứa trẻ là con cháu của họ sinh ra đã mang những dị tật bẩm sinh suốt đời... Và, trong công cuộc lao động, xây dựng hòa bình, kiến thiết đất nước hôm nay, vẫn còn biết bao sinh mạng của đồng bào ta bị cướp đi do dụng phải bom mìn trong chiến tranh sót lại; bao trẻ em vô tội sinh ra với khuyết tật bẩm sinh nặng nề; bao người tiếp tục bị ảnh hưởng chất độc Đi-ô-xin từ các kho chất độc còn tồn tại trong các căn cứ quân sự cũ của Mỹ. Nhiều nạn nhân do phơi nhiễm chất độc Đi-ô-xin trong chiến tranh đã bị ung thư và mắc các bệnh nan y, chết dần, chết mòn trong xót xa oán hận. Gia cảnh của họ vô cùng bi đát. Nạn nhân chiến tranh, trong đó có nạn nhân Chất Da Cam đã và đang trở thành một vấn đề xã hội rất bức xúc.

Năm 1998, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam thành lập Quỹ Bảo trợ nạn nhân chất da cam trực thuộc Hội. Quỹ đã tổ chức hệ thống Quỹ tại 53 tỉnh, thành, quyên góp được khoảng 40 tỉ đồng và giúp khám, chữa bệnh, mổ (chỉnh hình, tách dính), dạy văn hóa, dạy nghề, tạo việc làm, cấp vốn cho hàng chục vạn nạn nhân. Quỹ còn được sự ủng hộ của phong trào Chữ Thập đỏ Quốc tế và nhân dân một số nước như Mỹ, Đan Mạch, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Na Uy, Đức, Nhật...

Tháng 2-2000, Nhà nước ta đã có những chính sách hỗ trợ các nạn nhân nhiễm chất độc Đi-ô-xin trong chiến tranh và mới đây đã trợ cấp cho Hội Chữ thập đỏ thêm kinh phí để phẫu thuật chỉnh hình cho trẻ bị

(6) Lê Cao Đài : *Sdd*, tr 142

khuyết tật ; trợ cấp thường xuyên cho nạn nhân từng là bộ đội, thanh niên xung phong và con cái họ bị nhiễm chất độc Đì-ô-xin. Nhiều chính sách đã được thực hiện, song mới chỉ bù đắp được phần nào nỗi đau mà những nạn nhân của Chất Da Cam phải gánh chịu, và vẫn còn có lúc, có nơi, việc thực hiện những chính sách chưa thật kịp thời.

Trong ba ngày, từ 26 đến 28-8-2002 vừa qua, *Hội nghị về hậu quả chiến tranh Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia* (đặc biệt quan tâm tới tác hại của Đì-ô-xin/Da cam) đã được tổ chức tại Stóc-khôm (Stockholm) - Thụy Điển. Đây là Hội nghị được sự quan tâm tham dự của nhiều nhà khoa học và hoạt động xã hội trên thế giới. Nếu trước đây, đã có nhiều Hội nghị khoa học quốc tế về tác hại của Đì-ô-xin nhưng đều "thuần túy khoa học", nghĩa là, không đề xuất được những giải pháp hành động cụ thể, cấp bách để giải quyết những hậu quả tại Việt Nam thì Hội nghị lần này là một Hội nghị mang tính nhân dân quốc tế đầu tiên ; đưa ra những kiến nghị, những giải pháp thiết thực (trên cơ sở khoa học đã đủ và rõ ràng), nhằm giúp nhân dân Việt Nam khắc phục hậu quả chiến tranh. Dù thành phần tham dự Hội nghị thuộc nhiều quốc gia khác nhau nhưng trên tinh thần nhân ái, hòa bình và hợp tác, tôn trọng sự thật, các đại biểu đã bàn bạc nghiêm túc, thẳng thắn và xây dựng. Cuối cùng, Hội nghị đã thống nhất ra bản Tuyên bố chung.

Đại diện Hội Chữ thập đỏ Việt Nam với tư cách là thành viên của Ban Tổ chức Hội nghị đã tập hợp trí tuệ của nhiều nhà khoa học và hoạt động xã hội trong và ngoài nước. Với trách nhiệm cao đối với nạn nhân chất độc Đì-ô-xin/Da Cam, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam cùng các thành viên khác

trong đoàn Việt Nam đã có đối sách đúng đắn, điều hòa các ý kiến, các mối quan hệ, góp phần tích cực vào thành công của Hội nghị.

Hội nghị Stóc-khôm đã khẳng định rằng : Mỹ đã rải chất độc chứa Đì-ô-xin trong chiến tranh Việt Nam, thì nay Mỹ phải có trách nhiệm giúp Việt Nam trong việc cứu trợ nạn nhân bị nhiễm chất độc Đì-ô-xin.

Việc giúp đỡ phải tiến hành ngay, không thể trì hoãn, vì càng chậm nạn nhân chất độc Đì-ô-xin - do mắc các bệnh hiểm nghèo - không thể sống chờ đợi trong vô vọng, chết dần, chết mòn trong oán hận, và lương tri người Mỹ không thể thanh thản.

Đồng thời, Mỹ phải có trách nhiệm tẩy độc những điểm "nóng" - nơi đặt các kho chứa chất độc hóa học của Mỹ trong chiến tranh ở miền Nam trước đây.

Việc tiếp tục nghiên cứu chất Đì-ô-xin nhằm bổ sung thêm những hiểu biết về tác hại của nó đối với môi trường và sức khỏe con người, giúp việc phòng ngừa, phát hiện sớm và tìm cách xử lý hiệu quả những bệnh tật do Đì-ô-xin gây ra cần được quan tâm.

Với truyền thống anh hùng và bao dung, nhân dân Việt Nam sẵn sàng khép lại quá khứ, hướng tới tương lai, đồng thời đặt ra vấn đề Mỹ phải thể hiện trách nhiệm, lương tri của họ trong việc hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế Việt Nam sau chiến tranh. Việc cứu trợ nạn nhân Đì-ô-xin/Da Cam cũng như giải quyết những hậu quả chiến tranh còn rất nặng nề, đòi hỏi sự quan tâm nhiều hơn nữa của các cấp, các ngành, của toàn dân và sự hợp tác quốc tế rộng rãi về việc này, trong đó, phía Mỹ cần có sự đóng góp tương xứng những gì họ đã gây ra. □



BẾN TRE

VỮNG BƯỚC TRÊN CON ĐƯỜNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

TRẦN VĂN TRUYỀN *

NĂM ở cuối nguồn sông Cửu Long, tỉnh Bến Tre bị chia cắt bởi bốn con sông lớn : Tiền Giang, Ba Lai, Hàm Luông và Cổ Chiên, tạo thành ba dãy cù lao : cù lao Minh, cù lao Bảo và cù lao An Hóa. Diện tích tự nhiên của tỉnh là 2 136 km², có 65 km bờ biển với vùng lãnh hải rộng khoảng 20 000 km². Toàn tỉnh có 7 huyện, một thị xã và 160 xã, phường, thị trấn với dân số 1,33 triệu người, trong đó có 60% là lao động xã hội, mật độ dân số 575 người/km². Do tiếp giáp với biển Đông và có nhiều sông lớn chảy qua nên Bến Tre đã hình thành ba vùng sinh thái rõ rệt : vùng nước mặn, vùng nước lợ và vùng nước ngọt, tạo điều kiện để tỉnh phát triển một nền nông nghiệp đa dạng.

Là một tỉnh cù lao, đất hẹp, người đông, sau năm 1975, đất nước được giải phóng, nhưng do điều kiện tự nhiên bất lợi cùng với hậu quả chiến tranh tàn phá rất nặng nề nên tình hình phát triển kinh tế - xã hội Bến Tre vô cùng khó khăn. Ở nông thôn, do bom đạn cày xới và chất độc màu da cam

của đế quốc Mỹ hủy diệt nên vườn cây hoang tàn ; cây lúa chỉ sản xuất một vụ bắp bênh, năng suất thấp, hiệu quả kém. Công nghiệp, dịch vụ chưa phát triển, chỉ có vài cơ sở nhỏ tập trung ở thị xã, nền kinh tế chủ yếu là thuần nông, điểm xuất phát kinh tế rất thấp.

Những năm đầu sau ngày giải phóng, toàn tỉnh tập trung chăm lo hàn gắn vết thương chiến tranh, đầu tư phát triển thủy lợi, khôi phục sản xuất, tổ chức lại đời sống dân cư. Nhờ đạt được những chuyển biến lớn về thủy lợi, nhiều vùng sản xuất lúa đã chuyển từ một vụ sang 2 - 3 vụ, người dân từng bước khắc phục đói nghèo, nhưng do còn trong cơ chế cũ nên tiềm năng kinh tế của Bến Tre vẫn chưa được khai thác. Công tác cải tạo các thành phần kinh tế tuy đạt được một số thành tựu, nhưng do nóng vội, không tuân thủ nghiêm các nguyên tắc kinh tế cơ bản của CNXH trong thời kỳ quá độ,

* Ủy viên BCH TƯ Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Bến Tre

nên sản xuất và đời sống của người dân vẫn chưa hết khó khăn.

Bước vào thời kỳ đổi mới, nhất là từ những năm 1990 trở lại đây, đi đôi với phát triển kinh tế, Bến Tre quan tâm giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội. Từ đó, tạo lập những bước tiến khá vững chắc, bộ mặt nông thôn được đổi mới, nền kinh tế đang trong giai đoạn phát triển và có mặt tăng tốc. Thành quả có ý nghĩa quan trọng nhất là, trong nhiều năm liền từ năm 1991 đến năm 2000, kinh tế của tỉnh tăng trưởng liên tục với nhịp độ khá cao, bình quân đạt 6,1%/năm. Đến năm 2000, GDP của tỉnh đã tăng gấp đôi so với năm 1990, thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 320 USD và hiện nay có khả năng đạt 350 USD/người/năm, không còn hộ đói, tỷ lệ hộ nghèo chỉ còn khoảng 11,4%.

Đại hội Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ VII (giai đoạn 2001 - 2005) xác định : Thủy sản và kinh tế vườn là hai thế mạnh kinh tế của tỉnh. Qua hơn một năm thực hiện, kinh tế của tỉnh tiếp tục phát triển, sản xuất nông - lâm - thủy sản tăng trưởng khá. Tiềm năng, lợi thế của tỉnh được phát huy tốt hơn ; cơ cấu cây trồng, vật nuôi chuyển dịch theo hướng tích cực ; hình thành một số vùng sản xuất tập trung, chuyên canh, kết hợp với xen canh, luân canh khá hợp lý. Trong kinh tế vườn, xuất hiện nhiều mô hình trồng xen đạt hiệu quả cao như : dừa - măng cụt, dừa - ca-cao, dừa - cam - quýt ; đồng thời, tận dụng mặt nước mương vườn để phát triển nuôi thủy sản... Cây lúa từ một vụ bắp bênh, năng suất thấp, nay nhờ hệ thống thủy lợi tương đối hoàn chỉnh, nhiều nơi đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ nên năng suất tăng gấp 3 lần so với năm 1975. Đất cát pha, kể cả đất ở các vùng ven biển, được tận dụng để trồng màu và các loại cây có

giá trị. Chăn nuôi gia đình phát triển, xuất hiện nhiều hộ nuôi bán công nghiệp quy mô khá.

Ngành thủy sản phát triển mạnh cả bề rộng lẫn chiều sâu. Nếu năm 1975, mặt nước nuôi thủy sản chưa được khai thác thì nay diện tích nuôi trong toàn tỉnh đạt trên 30 000 ha. Các mô hình nuôi tôm sú công nghiệp, bán công nghiệp được nhân rộng ở các huyện ven biển. Nhiều mô hình nuôi xen một vụ tôm - một vụ lúa, nuôi tôm còng xanh trong mương vườn, đã trở thành nguồn thu nhập chính của nhiều hộ dân. Đánh bắt thủy sản phát triển theo hướng hoạt động xa bờ. Trong những năm 70 của thế kỷ XX, hầu hết tàu thuyền của tỉnh đều có công suất nhỏ, hoạt động gần bờ, đến nay công suất tàu thuyền đã tăng nhanh, bình quân 97 CV/tàu, trong đó có 30% tàu hoạt động xa bờ. Sản xuất công nghiệp tuy còn nhiều khó khăn nhưng vẫn đạt mức tăng trưởng khá cao.

Hiện nay, Bến Tre đang thực hiện chính sách đầu tư trên địa bàn và đã thu hút các thành phần kinh tế trong, ngoài tỉnh đầu tư phát triển nuôi tôm sú công nghiệp, bán công nghiệp, xây dựng nhà máy chế biến bột cá, nhà máy đông lạnh thủy sản xuất khẩu... Các làng nghề chế biến dừa, thủy sản, nghề đan lát, sản xuất bánh tráng, bánh phồng, kẹo dừa... được khôi phục và phát triển đã góp phần giải quyết nhiều việc làm cho lao động nông thôn. Dịch vụ, thương mại vươn đến vùng sâu, vùng xa ; các loại hình dịch vụ được mở rộng, đáp ứng nhu cầu cơ bản về sản xuất và đời sống của nhân dân.

Trong những năm gần đây, Bến Tre đã tăng nhanh tốc độ đầu tư xây dựng cơ bản. Nhiều công trình hạ tầng, như hệ thống

giao thông, thủy lợi, điện, bưu điện,... được đầu tư với tổng số vốn tăng gần 3 lần, so với trước. Một số công trình thủy lợi lớn đã phát huy tác dụng, phục vụ tưới tiêu cho khoảng 75% diện tích trồng lúa, trên 1 800 héc-ta nuôi tôm và gần 50 000 héc-ta vườn cây có đề bao chống lũ, ngăn mặn. Bến Tre đã cơ bản hoàn thành bê tông nhựa các tỉnh lộ ; phần lớn đường liên xã, liên ấp được trải sỏi đỏ, xóa trên 1 100 cầu khỉ, trên 97% số xã có xe 4 bánh vào tới trung tâm (trừ những xã cù lao)... Điện lưới quốc gia đã phát triển đến 100% xã và gần 70% hộ dân được sử dụng điện. Hệ thống nước máy nổi từ thị xã đến thị trấn Giồng Trôm, góp phần đưa trên 60% hộ dân của tỉnh được sử dụng nước sạch. Bưu chính viễn thông từng bước hiện đại hóa, số máy điện thoại tăng nhanh. Kết cấu hạ tầng văn hóa - xã hội được quan tâm, hệ thống trường lớp bệnh viện và trạm y tế cơ sở... được xây dựng và mở rộng.

Thành quả nêu trên đã chứng minh rằng, chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của Bến Tre vừa qua là đúng đắn.

Phát huy những thành quả đạt được, trong những năm tới, toàn Đảng bộ và nhân dân Bến Tre ra sức thực hiện cuộc "Đồng khởi mới" nhằm tạo đột phá để tăng tốc nền kinh tế của tỉnh, với quyết tâm chống tụt hậu về kinh tế so với các tỉnh trong khu vực. Đại hội VII của Đảng bộ tỉnh (nhiệm kỳ 2001 - 2005) đã xác định 4 khâu đột phá : 1 - tập trung khai thác hai thế mạnh của tỉnh là kinh tế thủy sản và kinh tế vườn ; 2 - đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng ; 3 - xây dựng cơ chế, chính sách thông thoáng để khai thác nội lực, đồng thời thu hút đầu tư bên ngoài ; 4 - xây dựng quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và chính sách thu hút nhân tài. Bốn khâu đột phá nêu trên rất quan trọng, có ý nghĩa thực tiễn

to lớn và là một tổng thể các biện pháp để tạo bước đột phá chung, trong đó công tác cán bộ là khâu đột phá có ý nghĩa quyết định.

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII cũng đã xác định rõ phương hướng chung của tỉnh, đó là : Khai thác mọi nguồn lực, đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững hơn, tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với đẩy nhanh xây dựng kết cấu hạ tầng... Từ phương hướng chung, Đại hội nêu lên các mục tiêu kinh tế, xã hội chủ yếu trong 5 năm tới là : *tập trung đầu tư cho thủy sản và kinh tế vườn*, phấn đấu đưa nhịp độ tăng trưởng kinh tế đạt trên 8% năm ; đến năm 2005, cơ cấu kinh tế của tỉnh sẽ là : nông - lâm - thủy sản 55%, công nghiệp - xây dựng 20% và dịch vụ 25% ; giảm tỷ lệ lao động thất nghiệp xuống dưới 5%, lao động qua đào tạo đạt 25% ; thu nhập bình quân đạt 450 USD/người/năm, giảm tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 10%, và tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 1,075%... Trên cơ sở đó, Đại hội cũng đã nêu tư tưởng chỉ đạo phát triển kinh tế là "... tập trung dồn sức để phát huy các thế mạnh kinh tế, khai thác tốt tiềm năng và lợi thế của từng địa phương, tạo ra sự đột phá mạnh về kinh tế biển, kinh tế vườn, đẩy mạnh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn...".

Quán triệt phương hướng, mục tiêu và tư tưởng chỉ đạo của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII tiếp thu Nghị quyết Đại hội IX và các Nghị quyết Trung ương Đảng mới đây, Tỉnh ủy Bến Tre tiếp tục cụ thể hóa chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh. Cùng với cả nước, Bến Tre xác định nhiệm vụ trọng tâm về công nghiệp hóa, hiện đại hóa

nông nghiệp, nông thôn là : *Xây dựng và phát triển một nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn, hiệu quả, bền vững, có sức cạnh tranh cao trên cơ sở ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến vào sản xuất : xây dựng nông thôn giàu đẹp, dân chủ, công bằng, văn minh, có cơ cấu kinh tế hợp lý, lực lượng sản xuất năng động, quan hệ sản xuất phù hợp, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển và an ninh nông thôn được đảm bảo.* Duy trì nhịp độ tăng trưởng bình quân của nông nghiệp trên 5%/năm, nâng giá trị sản xuất bình quân/ha canh tác lên 30 triệu đồng/năm (2005) và 50 triệu đồng/năm (2010), trong đó kinh tế vườn và nuôi thủy sản có thu nhập cao hơn và ổn định.

Để đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh, công việc trước tiên là, tập trung phát triển sản xuất gắn với thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Mặt khác, nhằm khai thác *thế mạnh kinh tế thủy sản*, Tỉnh ủy chủ trương đẩy mạnh phát triển cả nuôi trồng, đánh bắt xa bờ - dịch vụ hậu cần và chế biến xuất khẩu. Phấn đấu đến năm 2005, sản lượng thủy sản đạt khoảng 200 000 tấn, trong đó có hơn 20 000 tấn tôm nuôi xuất khẩu ; tăng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh đạt bình quân trên 100 triệu USD/năm, trong đó thủy sản chiếm ít nhất 60%.

Để phát triển thủy sản, Bến Tre ưu tiên đầu tư cho nuôi thủy sản trên cả 3 vùng nước mặn, lợ và ngọt. Phát triển diện tích nuôi trồng lên 36 000 héc-ta vào năm 2005 và 49 000 héc-ta vào năm 2010, trong đó có khoảng 10 - 15% diện tích nuôi công nghiệp, bán công nghiệp. Khuyến khích ứng dụng rộng rãi tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, chuyển đổi cơ cấu giống, đa dạng hóa

đối tượng nuôi. Tăng cường sản xuất giống tại chỗ kết hợp chặt chẽ với liên doanh, liên kết với các tỉnh Nam - Trung bộ để sản xuất giống tôm sú có chất lượng cao, phục vụ có hiệu quả cho nhu cầu nuôi trong tỉnh. Xây dựng nhiều dự án nuôi tôm công nghiệp, bán công nghiệp, chú trọng hình thức nuôi sinh thái, tạo điều kiện phát triển bền vững nghề nuôi. Tiếp tục đầu tư nâng cấp các nhà máy chế biến thủy sản hiện có, khuyến khích các thành phần kinh tế xây dựng thêm các nhà máy theo hướng hiện đại. Quan tâm đào tạo và có chính sách thu hút cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý cho ngành thủy sản.

Trên lĩnh vực nông nghiệp, tập trung chuyển đổi cơ cấu sản xuất hướng vào các cây trồng chủ yếu như : cây ăn trái, dừa, lúa và mía. *Kinh tế vườn là thế mạnh kinh tế thứ hai*, nên tỉnh chủ trương xây dựng các vườn cây ăn trái có khả năng chế biến và xuất khẩu. Chuyển giao, ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất, nhất là công nghệ sinh học, tạo ra những vườn cây ăn trái có chất lượng cao gắn với phát triển công nghệ sau thu hoạch. Trong những năm tới, tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo hoàn thành cải tạo vườn tạp, chuyển vườn cây hiệu quả thấp sang trồng cây ăn trái có hiệu quả cao, với các loại cây : sầu riêng, măng cụt, bưởi, cam, xoài, chuối... Phát triển cây ăn trái trên đất lúa kém hiệu quả ở vùng ngọt và trên đất cát pha ở 3 huyện ven biển. Dự kiến đưa diện tích trồng cây ăn trái lên 36 000 héc-ta vào năm 2005, với sản lượng ước đạt 475 000 tấn, ở Chợ Lách, phía Tây Châu Thành, phía Bắc Mỏ Cày, một phần của thị xã và một phần ở các huyện khác. Dừa là cây công nghiệp hàng đầu của tỉnh. Tỉnh ủy chủ trương đầu tư thâm canh, khuyến khích tủa thưa và trồng xen với dừa

các loại cây măng cụt, ca-cao, đậu xanh, cây có múi ; tận dụng mặt nước để nuôi tôm, cá ; tận dụng mặt đất để nuôi gia súc, gia cầm... Ổn định diện tích trồng dừa khoảng 36 000 héc-ta, tập trung chủ yếu ở các huyện Mỏ Cày, Giồng Trôm, Bình Đại và một phần ở các huyện khác. Duy trì đất lúa ở những vùng lúa tập trung và có điều kiện sản xuất thuận lợi. Chuyển diện tích lúa kém hiệu quả ở vùng ngọt sang trồng cây ăn trái, ở vùng lợ sang nuôi thủy sản. Kết hợp vùng lúa một vụ với nuôi tôm, cá, đưa cây màu, nhất là bắp lai vào luân canh với lúa. Ổn định diện tích canh tác khoảng 40 000 héc-ta, trong đó có 20 000 héc-ta lúa 2 vụ cao sản. Đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất lúa, sử dụng giống mới, có chất lượng cao để xuất khẩu. Giữ diện tích mía khoảng 10 000 héc-ta tập trung ở huyện Mỏ Cày, Giồng Trôm, Ba Tri nhằm bảo đảm vùng nguyên liệu ổn định cho nhà máy đường của tỉnh.

Duy trì và *phát triển chăn nuôi* ở hộ gia đình, khuyến khích mở rộng các hình thức nuôi bán công nghiệp và công nghiệp theo mô hình kinh tế trang trại ; hình thành các vùng chăn nuôi chất lượng cao, an toàn dịch bệnh với đàn gia súc lớn (heo, bò, dê) và gia cầm là chủ yếu.

Thúc đẩy chuyển đổi ngành nghề nông thôn, tạo điều kiện phát triển mạnh mẽ các ngành nghề chế biến hàng xuất khẩu có nguồn nguyên liệu tại chỗ, kết hợp phát triển các cơ sở làm hàng gia công. củng cố và phát triển các làng nghề, khuyến khích các thành phần kinh tế trong tỉnh và thu hút đầu tư bên ngoài để phát triển ngành nghề ở nông thôn. Đẩy nhanh tốc độ hiện đại hóa thiết bị chế biến dừa, thủy sản, khuyến khích đầu tư sản xuất, chế biến các mặt hàng mới từ dừa, thủy sản, các sản phẩm

sau đường... Đưa nhà máy than hoạt tính và nhà máy chế biến thủy sản có công nghệ hiện đại vào hoạt động, với phương án ổn định và nâng cao hiệu quả, có phương án ổn định và nâng cao hiệu quả Nhà máy Đường. Kêu gọi đầu tư chế biến trái cây với nhiều loại sản phẩm khác nhau ; hình thành và phát triển các cụm công nghiệp. Đẩy nhanh tốc độ *cơ giới hóa* trong nông, ngư nghiệp. Đến năm 2010, phấn đấu cơ giới hóa 100% khâu làm đất và tuốt lúa, tưới tiêu bằng máy cho 90% diện tích lúa và 80% diện tích cây ăn trái ở các vùng sản xuất tập trung. Cơ giới hóa khâu gieo trồng, gặt lúa và bảo vệ cây trồng ; cải tiến phần lớn thiết bị chế biến đường thủ công, thiết bị sản xuất chỉ xơ dừa. Khuyến khích các thành phần kinh tế mở rộng nhiều loại hình *dịch vụ* ở nông thôn, trước hết là các dịch vụ kỹ thuật, tín dụng, thương mại, dịch vụ phục vụ đời sống, phát triển mạnh du lịch, nhất là du lịch sinh thái..., để tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập cho nông dân.

Trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, Bến Tre quan tâm *xây dựng quan hệ sản xuất* mới phù hợp với tiến trình phát triển kinh tế. Khuyến khích và tạo điều kiện để tư nhân phát triển dưới nhiều hình thức : kinh tế hộ, kinh tế trang trại, doanh nghiệp tư nhân và các loại hình công ty... Tạo điều kiện để kinh tế hộ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi và phát triển ngành nghề nông thôn. Khuyến khích các hộ có vốn, có khả năng kinh doanh giỏi chuyển từ nông nghiệp sang nghề khác hoặc kinh doanh tổng hợp.

Một trong các trọng điểm về xây dựng quan hệ sản xuất của tỉnh là tiếp tục củng cố, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế hợp tác. Phát triển hợp tác xã đa dạng ở những nơi có điều kiện trên cơ sở

tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi và quản lý dân chủ. Tập trung xây dựng một số tổ hợp tác, hợp tác xã tiên tiến; chú trọng phát triển kinh tế hợp tác trong các ngành, các lĩnh vực, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, sản xuất giống, ngành nghề nông thôn và tiểu thủ sản phẩm.

Để đảm bảo cho tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, tỉnh chủ trương huy động mạnh mẽ các nguồn lực để đẩy mạnh đầu tư *phát triển kết cấu hạ tầng* nông nghiệp, nông thôn. Mục tiêu đến năm 2010 là, giải quyết cơ bản các yêu cầu về thủy lợi, giao thông, nước ngọt cho sản xuất và đời sống. Trước mắt, tỉnh tập trung xây dựng hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi thủy sản và kinh tế vườn, đảm bảo sản xuất phát triển ổn định và bền vững. Phấn đấu đến năm 2005 có 80% và năm 2010 có 100% diện tích đất nông nghiệp và đất chuyên nuôi trồng thủy sản được xây dựng hệ thống thủy lợi nội đồng hoàn chỉnh. Nâng cấp và nhựa hóa các tỉnh lộ, từng bước xây dựng cầu đồng bộ với đường, nhựa hóa các tuyến đường dẫn đến vùng kinh tế trọng điểm. Tiếp tục bê-tông hóa, nhựa hóa đường giao thông nông thôn theo phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", trước mắt tập trung cho đường đến trung tâm các xã. Đến năm 2010, cơ bản bê-tông hóa, nhựa hóa và xóa cầu khỉ ở khu vực nông thôn. Phát triển hệ thống điện gắn với quy hoạch lại khu dân cư nhằm phục vụ tốt cho nhu cầu sản xuất và sinh hoạt ở nông thôn; phấn đấu đến năm 2005 có 90% và đến cuối năm 2010 có 100% số hộ sử dụng điện.

Bên cạnh các mục tiêu, nhiệm vụ về kinh tế, Bến Tre ra sức *xây dựng đời sống văn hóa xã hội và phát triển nguồn nhân lực*. Trong cuộc vận động "Toàn dân đoàn

kết xây dựng đời sống văn hóa", tỉnh chủ trương vừa xây dựng vừa củng cố và nâng cao chất lượng các gia đình văn hóa, các ấp, xã văn hóa theo tiêu chí mới. Nâng cao chất lượng giáo dục, nâng cao dân trí, bảo đảm cho nông dân những kiến thức cần thiết để phát triển sản xuất có hiệu quả. Củng cố, phát huy thành quả xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học; quan tâm giải quyết nạn mù chữ và tái mù ở các xã vùng sâu, vùng xa, phấn đấu đến năm 2005 toàn tỉnh có 60% số xã, phường và năm 2007, cơ bản hoàn thành phổ cập trung học cơ sở. Nâng cao chất lượng hệ thống y tế, củng cố mạng lưới y tế cơ sở, đến năm 2005, 100% số xã có bác sĩ, bình quân 5 bác sĩ/vạn dân. Thực hiện tốt chính sách thu hút cán bộ có năng lực về công tác ở địa phương. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công nhân, kỹ thuật viên sản xuất nông nghiệp, thủy sản, để phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Để thực hiện có hiệu quả sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, vấn đề cần đặc biệt quan tâm là phải tiến hành *đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở* theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX). Tỉnh chủ trương quan tâm củng cố, nâng cao vai trò lãnh đạo của các tổ chức đảng; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền cơ sở, đảm bảo đủ sức lãnh đạo, chỉ đạo đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; đảm bảo an ninh nông thôn, bảo vệ thành quả lao động để người dân yên tâm phát triển sản xuất. Các đoàn thể tăng cường vai trò nòng cốt trong việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và phải là trung tâm của các phong trào phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân. □

QUÁ trình thực hiện đường lối của Đảng về xây dựng và phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đã phát triển nhanh trên nhiều lĩnh vực và được tổ chức dưới các loại hình doanh nghiệp, như : doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và loại hình kinh tế cá thể (hộ sản xuất và kinh doanh cá thể).

Số lượng doanh nghiệp đã tăng từ 689 vào cuối năm 1992 lên 13 082 vào cuối năm 1999

Biểu 1: Số lượng doanh nghiệp tư nhân và vốn bình quân qua các năm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Tính đến hết năm	Số doanh nghiệp tư nhân	Vốn bình quân mỗi doanh nghiệp, (Triệu đồng)
1992	689	819,3
1993	2131	510,3
1994	4302	353,9
1995	6393	365,4
1996	8115	529,4
1997	9366	520,8
1998	10725	645,3
1999	13082	1012,8
2000	18581	1061,0
6/2000	21912	1212,6

Nguồn : Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh

Về sự phát triển của kinh tế tư nhân TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

MẠNH - PHƯƠNG

(bình quân mỗi năm tăng gần 1 500 doanh nghiệp). Từ khi có Luật Doanh nghiệp, riêng năm 2000 đã tăng thêm 5 499 doanh nghiệp, 6 tháng đầu năm 2001 thành lập thêm 3 331 doanh nghiệp, nâng tổng số doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn Thành phố lên đến 21 912 doanh nghiệp (tính đến hết ngày 30-6-2001). Vốn bình quân mỗi doanh nghiệp đã tăng từ 819,3 triệu đồng năm 1992 lên 1 061,0 triệu đồng vào năm 2000 và 1 212,6 triệu đồng vào tháng 6 năm 2001 (xem biểu 1).

Đến thời điểm 30-6-2001, bức tranh tổng thể về các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn TP Hồ Chí Minh như sau : Tổng vốn đăng ký lên đến 17 533 798 triệu đồng, trong đó có 8 299 doanh nghiệp tư nhân, vốn đăng ký 2 229 958 triệu đồng, bình quân vốn đạt 268,7 triệu đồng ; 12 964 công ty trách nhiệm hữu hạn, vốn đăng ký 11 901 674 triệu đồng, bình quân vốn 937,6 triệu đồng ; công ty cổ phần có tổng vốn đăng ký 3 402 166 triệu đồng, bình quân vốn đạt 5 242,2 triệu đồng. Các doanh nghiệp được phân bố theo ngành nghề sản xuất, kinh doanh, như sau (xem biểu 2).

Biểu 2 : Một số chỉ tiêu đánh giá hoạt động của các doanh nghiệp tư nhân TP Hồ Chí Minh

	Doanh nghiệp		Vốn đăng ký	
	Số lượng	Cơ cấu, %	Giá trị, tr. đ	Cơ cấu, %
Tổng số	21 912	100	17 533 798	100
Theo loại hình doanh nghiệp				
Tư nhân	8 299	37,87	2 229 958	12,72
Cty TNHH	12 964	59,16	11 901 674	67,88
Cty cổ phần	649	2,97	3 402 166	19,40
Theo ngành sản xuất - kinh doanh				
Thương mại	10 930	49,88	7 025 793	40,07
Công nghiệp	3 107	14,18	4 439 558	25,32
Xây dựng	1 775	8,10	3 071 921	17,52
Nông-lâm-ngư	483	2,20	403 277	2,30
Vận tải	407	1,86	652 257	3,72
Ngành khác	5 210	23,78	1 940 992	11,07

Nguồn : Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh

Loại hình kinh tế cá thể trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đã tăng khá nhanh về số lượng : Từ 19 548 đơn vị năm 1998 lên 26 042 đơn vị vào năm 2000, và đã có mặt ở hầu hết 20 ngành hàng chế biến ; trong đó, các ngành có nhiều đơn vị cá thể nhất là dệt (3 567 đơn vị), may (3 396 đơn vị), thực phẩm và đồ uống (3 254 đơn vị), sản xuất các sản phẩm từ kim loại (4 876 đơn vị)... Đồng nhất là số hộ sản xuất, kinh doanh cá thể hoạt động trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ. Nếu chỉ tính số hộ có đăng ký kinh doanh theo Nghị định 66/NĐ-CP của Chính phủ, đã tăng từ 50 000 hộ năm 1998 lên 130 473 hộ năm 2000. Ngoài ra, trong lĩnh vực nông nghiệp tính đến hết năm 2000 đã có 90 259 hộ.

Đến nay, khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đã thực sự trở thành bộ phận cấu thành quan trọng của kinh tế Thành phố và có nhiều đóng góp tích cực vào tăng trưởng GDP, nhất là tạo việc làm mới trên địa bàn. Ví dụ, kinh tế hộ sản xuất kinh doanh cá thể, tuy có quy mô nhỏ, nhưng số lượng lớn, nhanh nhạy nắm bắt nhu cầu thị trường, nên chỉ riêng số hộ này đã tham gia

giải quyết được 40% số việc làm cho tổng số lao động trên toàn Thành phố. Vị trí, vai trò của khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn TP Hồ Chí Minh thể hiện qua một số chỉ tiêu cơ bản nhất, như sau (xem biểu 3).

Biểu 3 : Đánh giá vai trò, vị trí của khu vực kinh tế tư nhân TP Hồ Chí Minh

Chỉ tiêu	Giá trị (tỉ đồng)		Cơ cấu, %	
	Tổng số	Trong đó, tư nhân	Tổng số	Trong đó, tư nhân
1. GDP	76 660	27 190	100	35,5
2. Đóng góp vào tăng trưởng GDP			9,3	2,9
3. Giá trị sản xuất công nghiệp	85 319	19 052	100	22,3
4. Giá trị sản xuất thương mại	11 303	6 906	100	61,1
5. Giá trị sản xuất khách sạn, nhà hàng	6 627	5 116	100	77,2
6. Giá trị sản xuất vận tải, kho bãi và thông tin liên lạc	10 854	1 986	100	18,3
7. Cơ cấu vốn đầu tư xây dựng cơ bản			100	29,6
8. Số lao động (người)	2 237 168	1 711 434	100	76,5
9. Các khoản thu nội địa	15 031	2 110	100	14,0

Nguồn : Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh

Đạt được những thành tựu trên là nhờ có đường lối đúng đắn của Đảng, đồng thời cũng phải nói đến sự vận dụng sáng tạo và sự chỉ đạo sát sao của Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, kết quả trên cũng nói lên sự tin tưởng vào đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với các loại hình doanh nghiệp, nên các doanh nghiệp đã mạnh dạn bỏ vốn đầu tư, huy động lực lượng lao động để làm ra của cải cho xã hội ngày càng nhiều.

Trong thời gian qua, Nhà nước cũng đã không ngừng hoàn thiện các chính sách để khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển, nhằm huy động tối đa các nguồn lực sẵn có trong nhân dân. Cụ thể là, Chính phủ đã từng bước

tháo gỡ các vướng mắc, cũng như đổi mới phương pháp điều hành, cải tiến thủ tục hành chính, môi trường kinh doanh..., nên các nhà đầu tư tin tưởng hơn, yên tâm hơn trong việc bỏ vốn đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh vẫn bộc lộ một số hạn chế, bất cập và vướng mắc. Hạn chế lớn nhất hiện nay là quy mô doanh nghiệp còn rất nhỏ bé cả về phương diện sản xuất, vốn, lao động và doanh thu. Theo báo cáo điều tra của Viện Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, hiện có trên 80% doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn Thành phố có lượng vốn dưới 5 tỉ đồng và thuê dưới 50 lao động. Vốn đã ít, trình độ công nghệ lại đang rất lạc hậu : 37,7% số doanh nghiệp đang ở trình độ sản xuất thủ công ; 43,2% - bán cơ giới và bán tự động. Trong các doanh nghiệp mới có trang bị máy móc, thiết bị thì có đến hơn 86% có trình độ công nghệ trung bình và lạc hậu. Trình độ công nghệ lạc hậu nhất thuộc về các hộ sản xuất - kinh doanh cá thể. Không những họ lạc hậu về phương diện công nghệ, mà tuyệt đại đa số lao động của các hộ này vẫn còn là lao động thủ công.

Điều đáng chú ý là, đại đa số các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn Thành phố tập trung đầu tư vào lĩnh vực thương mại, khách sạn - nhà hàng. Thực tế đó chứng tỏ, *một mặt* lĩnh vực dịch vụ thương mại đang hấp dẫn các nhà đầu tư tư nhân ; và *mặt khác*, tình trạng này chứng tỏ cơ chế chính sách của chúng ta chưa thực sự hấp dẫn các nhà doanh nghiệp tư nhân rót vốn vào các lĩnh vực sản xuất công nghiệp, hay các ngành dịch vụ hiện đại.

Điều đó là có cơ sở thực tế, vì trong số nhiều vướng mắc trở ngại, thì hiện nay khu vực kinh tế tư nhân đang rất khó tiếp cận các nguồn lực cơ bản, như : vốn và đất đai, nhất là so với các

doanh nghiệp nhà nước. Hay nói rõ hơn, cơ chế hiện nay chưa bảo đảm môi trường kinh doanh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế.

Bởi vậy, trong thời gian tới, quán triệt tư tưởng của Đảng coi các thành phần kinh tế là những bộ phận cấu thành quan trọng của cả nền kinh tế, đòi hỏi phải có phương pháp tiếp cận hợp lý, biện pháp tháo gỡ kịp thời, hiệu quả những vướng mắc, cản trở nhằm tạo lập một môi trường kinh doanh thực sự bình đẳng. Muốn vậy, chúng ta tập trung vào một số giải pháp sau :

Thứ nhất, đảm bảo quyền tự do kinh doanh theo pháp luật. Rà soát, bãi bỏ dần các văn bản pháp quy có nội dung trái với các điều khoản cũng như tinh thần của Luật Doanh nghiệp. Triển khai và thực hiện nghiêm túc Nghị định 30-2000/NĐ-CP, ngày 11-8-2000 của Chính phủ về việc bãi bỏ một số giấy phép và chuyển một số giấy phép thành điều kiện kinh doanh... Đơn giản hóa thủ tục thành lập doanh nghiệp, tiến tới áp dụng thống nhất một Luật Doanh nghiệp chung cho tất cả các loại hình doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế (trừ các doanh nghiệp hoạt động công ích) theo tinh thần Nghị định 64/ NĐ-CP về việc chuyển các doanh nghiệp của các tổ chức chính quyền, Đảng, đoàn thể sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Thứ hai, đổi mới và tiếp tục hoàn thiện chính sách đất đai theo hướng hình thành thị trường bất động sản, nhằm tạo môi trường bình đẳng trong tiếp cận và sử dụng có hiệu quả nguồn lực đất đai, tài sản lớn của quốc gia, giữa các thành phần kinh tế. Hiện nay, vẫn đang tồn tại nhiều bất bình đẳng và bất hợp lý về quyền sử dụng đất giữa các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác. Do lịch sử để lại mà các doanh nghiệp nhà nước đang quản lý, sử dụng một quỹ đất khá lớn. Không ít doanh nghiệp

nhà nước đang sử dụng rất lãng phí nguồn lực này, cụ thể không trả tiền thuê đất, hoặc doanh nghiệp cho thuê thì tiền để ngoài ngân sách nhà nước, lập các quỹ đen phân phối nội bộ doanh nghiệp... Trong khi đó, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác phải mua quyền sử dụng đất, sau đó mới được giao hoặc thuê đất để thực hiện dự án đầu tư của mình. Trên thực tế, không ít doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân phải thuê lại đất của doanh nghiệp nhà nước theo giá tự do của thị trường

Thứ ba, đổi mới chính sách tài chính, tín dụng theo hướng hình thành một thị trường tài chính - tiền tệ thống nhất nhằm tạo thuận lợi cho khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận dễ dàng với các nguồn vốn. Chẳng hạn, nên thực hiện cơ chế, nếu doanh nghiệp tư nhân làm ăn thua lỗ do các nguyên nhân khách quan, thì cũng có thể được xem xét để xóa nợ, khoan nợ, giãn nợ như các doanh nghiệp nhà nước ; tạo thuận lợi để các doanh nghiệp tư nhân cùng chia sẻ quỹ phòng ngừa rủi ro với các ngân hàng khi cho vay vốn, nhằm cải thiện tình trạng phân biệt đối xử đối với kinh tế tư nhân từ phía ngân hàng.

Thứ tư, có chính sách hỗ trợ thông tin, xúc tiến thương mại và đào tạo nguồn nhân lực cho khu vực kinh tế tư nhân ; tạo điều kiện thuận lợi trong việc mở rộng thị trường và tiếp cận cơ hội kinh doanh cho khu vực kinh tế tư nhân. Tuyệt đại đa số các doanh nghiệp tư nhân thuộc loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ, thậm chí có doanh nghiệp rất nhỏ, nên khả năng tiếp cận, nắm bắt và xử lý thông tin thị trường, nhất là thông tin thị trường hiện đại còn rất hạn chế. Bởi vậy, Nhà nước nên có chính sách hỗ trợ thông tin, như chính sách thiết lập và cơ chế hoạt động của các trung tâm thông tin doanh nghiệp ; chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại, bao gồm : hỗ trợ mở rộng thị trường, nhất là thị trường nước ngoài, thông qua hỗ trợ cho doanh nghiệp tham gia các hội chợ, triển lãm quốc tế ; ngoài ra, cũng nên có chính sách hỗ trợ đào

tạo nguồn nhân lực, trước hết đối với các chủ doanh nghiệp, bởi vì, trình độ chung của các doanh nghiệp khu vực tư nhân còn rất hạn chế. Điều đó lại càng quan trọng nếu nhìn từ góc độ yêu cầu, đòi hỏi của xu thế hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực hiện nay.

Thứ năm, xây dựng và công khai hóa các quy hoạch tổng thể, cũng như quy hoạch chi tiết phát triển ngành, các lĩnh vực trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh để làm cơ sở cho các nhà đầu tư tư nhân huy động vốn vào các ngành, các lĩnh vực một cách có định hướng, hạn chế tự phát thị trường và bảo đảm cân đối nền kinh tế nói chung. Đây là điều rất cơ bản để bảo đảm phát triển lâu dài và bền vững, hạn chế việc chạy theo phong trào, ồ ạt vào một số ngành rồi gây ra tình trạng sản xuất thừa, như phát triển khách sạn - nhà hàng vừa qua là một ví dụ điển hình.

Tóm lại, để tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, bình đẳng cho khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, trước mắt đang còn nhiều việc phải làm, đòi hỏi có sự quyết tâm và phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành dưới sự chỉ đạo chặt chẽ của Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố. Điều cần nhấn mạnh là, việc đổi mới và hoàn thiện cơ chế chính sách phát triển khu vực kinh tế tư nhân phải thể hiện được quan điểm của Đảng ta là : "Thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần. Các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh" ⁽¹⁾ và Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân. □

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 95 - 96

Tiềm năng và sức bật của du lịch **THỪA THIÊN - HUẾ**

DƯƠNG VŨ

NGÀNH du lịch Thừa Thiên - Huế ra đời vào cuối năm 1975, song hoạt động du lịch mới hình thành rõ nét và phát triển từ cuối năm 1990, nhất là khi Thừa Thiên - Huế được Nhà nước xác định là một trong ba vùng trọng điểm về du lịch Việt Nam với những tiềm năng và lợi thế to lớn của vùng này. Tiềm năng đó được thể hiện trên bốn mặt :

Thứ nhất, Thừa Thiên - Huế là địa phương có cảnh quan thiên nhiên kỳ thú.

Yếu tố đầu tiên dễ nhận thấy ở Thừa Thiên - Huế là đâu đâu cũng bạt ngàn cỏ cây, hoa trái. Đứng ở cầu Tràng Tiền nhìn về nhà ga thành phố, đường Lê Lợi xum xuê, xanh mướt những vòm cây. Rồi trung tâm không xa, du khách có thể thông dong dạo bước vào những vùng vườn rộng bao la của Nam Giao, Bến Ngự, Kim Long, Nguyệt Biều, Vỹ Dạ...

Người Huế xưa nay vẫn thâm biết ơn tạo hóa đã ưu ái ban tặng cho món quà vô giá, đó là dòng Hương Giang thơ mộng. Sông Hương lượn lờ ôm gọn một vùng từ Cồn Dã tới Cồn Hến. Rồi Cồn Hến qua vùng ngoại ô Vỹ Dạ, thẳng về ngã ba Sinh để rồi hội ngộ với sông Bồ, sông Ô Lâu và hòa cùng phá Tam Giang trước khi nhập vào biển cả. Phá sẽ thay sông đưa khách về với phương Nam, với các xóm

vạn chài, về với Rừng quốc gia Bạch Mã, với biển Lăng Cô, Cảnh Dương chan hòa ánh nắng.

Thế đứng và dáng vẻ như chú ngựa chiến, ở độ cao 1 450 m, rừng Bạch Mã là cảnh vật tuyệt mỹ dành ưu thế cho du lịch Huế. Bạch Mã xinh tươi không kém gì Sa Pa, Đà Lạt. Khí hậu gần biển, ôn hòa (nhiệt độ mùa đông

lạnh nhất không dưới 4°C, mùa hè nóng nhất không quá 26°C). Thảm thực vật và các loài động vật vô cùng phong phú, nhiều loại quý hiếm... Bạch Mã còn là nơi có nhiều dòng suối trong vắt, có Ngũ Hồ duyên dáng, có thác Đỗ Quyên cao 300 m rất ngoạn mục. Ở đây, 50 năm trước người Pháp đã dày công xây dựng một vùng nghỉ mát với hàng trăm biệt thự lớn nhỏ, một con đường dài 14km lên tận đỉnh núi.

Cùng với sông Hương, núi Ngự Bình tạo cho cảnh vật vẻ nên thơ. Núi Ngự Bình hình thang cao 105m, đỉnh bằng phẳng, là bức bình phong của kinh thành,... Điều đáng nói là vào ngày đẹp trời, đứng trên đỉnh núi ta có thể thu vào tầm mắt toàn cảnh thành phố Huế với sông nước mênh mang, núi non soi bóng, cung điện nguy nga và xa xa thấp thoáng những mái chùa cổ kính...

Đồi Vọng Cảnh, Đền Nam Giao, bến Văn Lâu, thôn Vỹ Dạ... mỗi nơi một vẻ, đều có thể làm say lòng du khách. Và rồi chợt như một nốt lặng trong toàn bộ bản giao hưởng cỏ cây sông núi, du khách sẽ gặp Thiên An đào dạt thông reo ; một không gian tĩnh lặng, tĩnh khiết, trong lành, bỗng bật sáng mặt hồ trong vắt như gương - hồ Thủy Tiên - nằm gọn giữa lòng rừng, soi bóng những nhánh thông đầy nhựa sống...

Thật khó có nơi nào trên đất nước ta, cảnh vật thiên nhiên đẹp đến ngỡ ngàng như Huế.

Thứ hai, Thừa Thiên - Huế, một trong những trung tâm văn hóa lịch sử của đất nước.

Gần 150 năm, Vương triều Nguyễn ngoài những mặt hạn chế, đã để lại cho hậu thế những di sản có giá trị cao về mặt văn hóa lịch sử. Một Hoàng thành và Tử cấm thành lộng lẫy vàng son đựng chứa hàng trăm công trình kiến trúc. Việt Nam có nhiều cố đô, nhưng duy chỉ có cố đô Huế là còn lưu giữ được hệ thống di tích gần như nguyên vẹn.

Kinh thành Huế biểu trưng cho quan điểm nhân sinh, kiến trúc, mỹ thuật, lối sống của các tầng lớp quan lại vào thế kỷ thứ XIX, một trong những mẫu hình hoàn thiện còn sót lại trên thế giới về một đô thị phong kiến. Thời gian hàng trăm năm qua đi, khí hậu và chiến tranh tàn phá nhưng mật độ di tích Hoàng thành Huế vẫn đạt ở đỉnh cao : trong 1 km² có đến 6 di tích. Đáng chú ý là di tích lại tập trung dày đặc ở trung tâm thành phố, với bán kính 15 km, cái nọ nối tiếp cái kia tỏa ra theo hình nan quạt, du khách rất dễ tham quan, chiêm ngưỡng.

Điều đáng nói, tổng thể kiến trúc cố đô Huế được khởi công từ thời Gia Long (1802 - 1819) đạt đến quy mô hoàn chỉnh vào thời Minh Mạng (1820 - 1840) ; các đời vua sau tiếp nối, bổ sung... Nhận định về kinh thành Huế, khó ai có được cái nhìn toàn diện, sắc sảo như ông cựu Tổng Giám đốc UNESCO Am-da-ma-ta M'Bo : Những người đầu tiên xây dựng Huế đã có dụng ý đóng khung Huế trong phong cảnh kỳ diệu từ núi Ngự Bình đến đồi Vọng Cảnh, đến phá Tam Giang và phá Cầu Hai... giữa lòng Huế, thành nội lịch sử là một mẫu mực về cấu trúc cân đối mà sự hài hòa rất tự nhiên đến nỗi người ta quên bàn tay con người sáng tạo ra nó... Mỗi lăng vua,

với tính cách riêng biệt của nó, là một thành tựu tuyệt mỹ của nền kiến trúc cảnh vật hóa... Cách cấu tạo tượng trưng của các khoảng không gian khác nhau làm cho Huế có sự hài hòa tuyệt diệu. Huế thực hiện được sự tổng hợp đạo và đời trong kiến trúc, tổng hợp được cổ xưa và hiện đại, qua đó cố đô cổ kính chung sống hài hòa với thành phố trẻ ngày nay. Và với giá trị như vậy, ngày 11-12-1993 Ủy ban Di sản thế giới của UNESCO đã quyết định công nhận di tích cố đô Huế là di sản văn hóa chung của nhân loại.

Ở Huế, những tài liệu thành văn đồ sộ, mang tính bách khoa do Nhà nước biên soạn như *Đại Nam thực lục*, *Lịch triều hiến chương loại chí*, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, *Việt sử thông giám cương mục*, *Đại Nam nhất thống chí* và còn địa bạ, văn bia, châu phê, hệ thống hương ước, thiết chế văn hóa... cho thấy triều Nguyễn nước ta đã đạt tới trình độ cao về kiến trúc thượng tầng, về quản lý xã hội.

Ở góc độ dân tộc học, Thừa Thiên - Huế cũng có nhiều đóng góp đáng ghi nhận. Trong 12 thế kỷ (từ thế kỷ III đến thế kỷ XV sau công nguyên), ở Thừa Thiên - Huế người Chăm đã định cư và họ xây dựng nên một nền văn hóa đặc sắc. Ngày nay những di chỉ, di vật của người Chăm vẫn còn nằm rải rác trên đất Thừa Thiên - Huế, là tài sản vô giá của quốc gia.

Hệ thống bảo tàng ở Huế từ bảo tàng cổ vật, đến bảo tàng Hồ Chí Minh đều chứa đựng những tư liệu quý về lịch sử và con người. Một Dương Nỗ, một trường Quốc học, một tòa Khâm... vẫn còn đó dấu tích hoạt động của người con ưu tú đất Việt - Chủ tịch Hồ Chí Minh - người khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Văn hóa vật thể ở Huế đồ sộ phong phú, đa dạng bao nhiêu thì các sản phẩm văn hóa

phi vật thể càng nhiều hình nhiều vẻ, độc đáo bấy nhiêu. Huế được coi là một trong những trung tâm nghệ thuật truyền thống của Việt Nam. Ở đây đã từng nuôi dưỡng bao tài năng, góp công sáng tạo một nền nghệ thuật tiêu biểu vang vọng một thời, bao gồm : thơ ca, âm nhạc, vũ điệu, sân khấu, điêu khắc, hội họa, trong đó nổi bật nhất là các loại hình nghệ thuật cung đình.

Điều đáng lưu ý ở đây là nghệ thuật cung đình Huế tồn tại mà không che lấp, không đối kháng, thủ tiêu những giá trị văn hóa dân gian truyền thống. Có thể nói từ lễ hội, nghề thủ công mỹ nghệ, phong cách sinh hoạt, ăn uống, lễ ứng xử đã sớm định hình mà từ đó, một số nhà nghiên cứu từng khẳng định : có một vùng phân-clo Huế, một bản sắc, một phong vị Huế.

Các nhà khảo cổ trong khai quật, khám phá vùng di tích Cồn Ràng (cách Huế 9 km về phía Bắc) đã tìm ra chủ nhân vùng đất này là cư dân Sa Huỳnh từ đó có thể cho phép nhận định chiều dài lịch sử đến 2 500 năm của văn hóa Huế.

Thứ ba, con người Huế mang nét riêng, còn gọi là tính cách Huế.

Dựa vào khảo cứu về nhân chủng, về các cuộc di dân, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng người Huế giữ nhiều tập tục của người Việt cổ có gốc văn hóa Mường (cội rễ từ vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh). Vì vậy thôn làng, nơi tổ tiên sinh ra, nơi nuôi dưỡng chở che cả đời người, tạo thành nếp văn hóa làng ăn sâu vào tiềm thức, cách hành xử theo lối Huế. Tuy vậy, nhiều thế kỷ, Châu Hóa là địa bàn giao thoa giữa hai nền văn hóa Việt - Chăm. Chính sự hòa quyện này đã tổng hợp nên đặc trưng mới trong sinh hoạt cộng đồng, đặc biệt thể hiện trong âm nhạc, mỹ thuật và có lẽ cả trong giọng nói, trong sắc màu tím Huế...

Phật giáo vẫn tồn tại lâu đời trong cuộc sống tinh thần của người Việt nhưng đã được các chúa Nguyễn sử dụng như một quốc sách từ đầu thế kỷ XVII ; yếu tố này ảnh hưởng không nhỏ đến tố chất trong con người Huế. Vì vậy, tình yêu thiên nhiên là một tình yêu lớn trong tâm khảm con người ở đây. Nó hòa nhập từ nếp nghĩ, nếp cảm, cách suy tư, trong kiến trúc, từ tổng thể đô thị đến nơi ở trong gia đình... "Vườn" là một ý niệm rất đặc trưng, nhất quán trong mọi cảnh quan : chùa vườn, nhà vườn, lăng vườn, phố vườn... Vườn là nơi con người hòa quyện trong cây cỏ hoa trái, được tắm mình trong thiên nhiên, gắn bó với thiên nhiên đến mức coi thiên nhiên như người bạn lớn đi suốt cuộc đời thân thiết, lưu luyến... Có cảm giác, mỗi con người từ ngôi nhà nhỏ của mình, tự nguyện say mê bước vào ngôi nhà lớn vũ trụ. Đây là nét nhân sinh mang đậm truyền thống đạo Phật nhưng lại rất Huế.

Con người Huế là con người hành động, nhất là trong những hoàn cảnh thúc bách của lịch sử. Những trang sử oanh liệt từ thời xa xưa, những trang sử trong cách mạng, trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, người Huế đã để lại bao chiến tích. Tuy vậy, sau cuộc chiến, sau những tháng ngày quyết liệt, họ lại quay về với cuộc sống nội tâm, lặng lẽ, bình thản... Trong quan hệ với người khác, người Huế lấy cái tâm làm gốc ; ông cha khuyên cháu con sống sao cho "có hậu", trong tình thương, nhường nhịn, bao dung, bỏ qua hận thù. Người Huế sống mực thước, phong độ, không thích thói bon chen, xô bồ, chộp giật, ham mê mảnh vườn, hoa trái, ngậm ngời thơ ca hơn là xông ra thị trường lăn lộn làm giàu. Tất nhiên đức tính đó có những hạn chế trong cơ chế mới phần nào làm cho người Huế chậm bắt nhịp với cuộc sống hiện đại. Dẫu sao, khách mọi vùng đất nước, khách

nước ngoài vào Huế, gặp người Huế, gặp tính cách Huế, ấn tượng thật khó quên.

Thứ tư, Thừa Thiên - Huế nằm ở vị trí địa lý giao lưu thuận lợi.

Thừa Thiên - Huế như chiếc cầu nối giữa miền Bắc và miền Nam qua huyết mạch giao thông quốc lộ 1, nằm ở trung độ giữa hai thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội, nằm kề trọng điểm kinh tế miền Trung (Liên Chiểu, Dung Quất). Đây là yếu tố tạo thuận lợi cho Thừa Thiên - Huế nối nhịp với các địa phương trong cả nước và có khả năng vươn ra các nước trong khu vực.

Với diện tích không lớn, Thừa Thiên - Huế hội đủ các dạng địa hình : núi đồi, đồng bằng, sông nước, đầm phá, biển và cảng biển, thật là một vùng lý tưởng để tổ chức các loại hình du lịch khác nhau. Thừa Thiên - Huế xứng đáng là một trung tâm lớn về du lịch của cả nước.

Với thế mạnh sẵn có, du lịch Thừa Thiên - Huế có điều kiện bứt phá, tăng trưởng nhanh chóng, nhất là qua hai kỳ Festival 2000 và Festival 2002. Năm 1996, toàn ngành mới chỉ đón và phục vụ 295 000 lượt khách thì đến cuối năm 2000, con số này đã vượt lên 470 000 (tăng bình quân 12,4%/năm), trong đó số lượt khách nội địa tăng lên đáng kể, từ 149 000 lên 275 000 (tăng bình quân 16,5%/năm).

Năm 2001, số lượt khách lưu trú tại khách sạn là 560 000 (tăng bình quân 15% so với năm 2000), trong đó khách quốc tế đạt 232 500 lượt người (tăng 19,23% so với cùng kỳ).

Chỉ riêng Festival 2002, lượng khách lưu trú trong hệ thống khách sạn, nhà hàng, nhà dân từ ngày 1-5 đến 19-5-2002 đã là 57 825, tăng 2,3 lần so với Festival 2000. Đặc biệt khách nước ngoài tăng gần 3 lần so với Festival 2000.

Tổng doanh thu trực tiếp từ các cơ sở kinh doanh du lịch tăng từ 103 tỉ đồng năm 1996 lên 190 tỉ đồng năm 2000 (tốc độ tăng bình quân 16,6%/năm). Số này chưa kể đến thu nhập ngoài xã hội do nguồn lợi từ du lịch mang lại. Riêng thu phí tham quan đã đạt 17-18 tỉ đồng/năm. Tỷ trọng đóng góp của du lịch cao hơn hẳn mức bình quân chung của các ngành trong tỉnh.

Mặc dù còn gặp không ít khó khăn về cơ sở vật chất - kỹ thuật, về thiên tai lũ lụt, về khủng hoảng tài chính khu vực, về nỗi ám ảnh của nạn khủng bố sau sự kiện 11-9-2001, nhưng du lịch Thừa Thiên - Huế vẫn phát triển cả về quy mô, số lượng lẫn chất lượng : Tính đến cuối năm 2000, toàn tỉnh đã có 77 đơn vị kinh doanh du lịch (chưa kể hệ thống nhà trọ của dân) với 2 328 buồng (4 780 giường), tăng 600 buồng so với năm 1996 ; trong đó, 68 khách sạn đang hoạt động với 2 044 phòng ; có hai đơn vị được phép kinh doanh lữ hành quốc tế và 7 chi nhánh công ty lữ hành các tỉnh bạn đang hoạt động.

Năng lực vận chuyển cũng tăng nhanh ; hiện có 100 xe ô tô du lịch ; trong thời gian ngắn đã tăng thêm 4 đội tắc-xi với hàng chục đầu xe ; gần 100 thuyền thường trực trên sông Hương.

Đi đôi với tăng nhanh về số lượng, toàn ngành đã chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng sản phẩm du lịch hiện có ; sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật, phát triển nhiều loại hình dịch vụ theo hướng chuyên môn hóa, đa dạng hóa. Năm 1996 có 6 khách sạn thì năm 2000 đã tăng 15 khách sạn, có 3 khách sạn đạt tiêu chuẩn quốc tế 3 sao. Riêng Festival 2002 đã có 2 khách sạn được Tổng cục Du lịch nâng từ 3 sao lên 4 sao là khách sạn Century và Saigon Morin ; Công ty Hương Giang đang xây thêm 2 khách sạn 5 sao.

Ngành Du lịch phát triển đã thúc đẩy gia tăng, mở rộng các ngành khác, góp phần đẩy mạnh xuất khẩu tại chỗ nhiều loại hàng hóa, phục hồi các ngành nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống, tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động. Trong 12 ngày diễn ra Lễ hội Huế 2002 đã có 1 609 lượt khách (trong đó 171 khách quốc tế) với hơn 3 600 ngày khách đã lưu trú trong 156 nhà dân ; nhiều nhà dân trang thiết bị tốt đã quay vòng đón hàng trăm lượt khách. Tọa du lịch chợ quê trong 4 ngày của Festival 2002 đã có gần 15 000 khách đến...

Những năm qua, trong định hướng quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội của tỉnh Thừa Thiên - Huế thời kỳ 1995 - 2010, cấp ủy đảng và chính quyền Thừa Thiên - Huế đã xác định du lịch có vai trò đặc biệt quan trọng và phấn đấu để du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh vào thập niên đầu thế kỷ XXI, Được sự quan tâm chỉ đạo của Tổng cục Du lịch, sự hỗ trợ hợp tác tích cực của các ngành khác, du lịch Thừa Thiên - Huế đã có những bước đột phá, tạo ra sức bật mới rất đáng ghi nhận.

1. Xây dựng dự án quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Thừa Thiên - Huế thời kỳ 1995 - 2010. Quy hoạch nhằm đạt các nhiệm vụ : Đánh giá thực trạng, tiềm năng của tỉnh trong phát triển du lịch ; xây dựng sơ đồ quy hoạch không gian lãnh thổ du lịch trong phạm vi toàn tỉnh ; định hướng phát triển du lịch từng giai đoạn ; đề xuất dự án ưu tiên gọi vốn đầu tư cả trong và ngoài nước...

2. Tăng cường đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch. Trong 5 năm trước mắt, tập trung vào mấy dự án lớn : Nâng cấp tất cả hệ thống giao thông liên quan đến phục vụ du lịch (kể cả hệ thống sân bay, bến cảng) ; xây dựng kết cấu hạ tầng cụm du lịch Cảnh

Dương - Bạch Mã - Lăng Cô - Bắc Hải Vân ; thực hiện các dự án đầu tư phát triển các khu, điểm du lịch hấp dẫn mới...

3. Phối hợp với các ngành liên quan xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm về hoạt động du lịch. Trong đó ưu tiên việc hình thành cơ chế phối hợp liên ngành để nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch. Bài học thắng lợi của Festival 2002 là bài học phối hợp sức mạnh giữa Trung ương và địa phương, giữa các ngành liên quan trong tỉnh, giữa chính quyền và nhân dân.

4. Đẩy mạnh xúc tiến quảng bá, mở rộng thị trường, nâng cao chất lượng các sản phẩm dịch vụ du lịch, gắn với giữ gìn, bảo vệ cảnh quan môi trường, an ninh trật tự xã hội.

Luôn bổ sung, đổi mới các loại hình sản phẩm du lịch là yếu tố có ý nghĩa sống còn trong hoạt động du lịch ở Huế. Festival 2002 đã cho kinh nghiệm quý khi mở rộng loại hình du lịch nhà vườn, chợ quê, du lịch phục hồi sức khỏe bằng nước nóng, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa ẩm thực... đã thu hút du khách một cách bất ngờ.

5. Đi đôi với việc sắp xếp bộ máy, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao hiệu quả kinh doanh trong ngành Du lịch thì việc tăng cường nhận thức của toàn xã hội về du lịch và thu hút xã hội tham gia du lịch là đảm bảo chắc chắn cho sự thành công về du lịch.

Chỉ riêng việc xây dựng hiệp hội khách sạn đã chặn đứng được nạn cạnh tranh phá giá trong nội bộ Ngành. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, lập trang Web, Sở Du lịch Thừa Thiên - Huế nối mạng với tất cả các doanh nghiệp, hình thành trung tâm dữ liệu thông tin, khai thác hưởng lợi. Những việc làm đó đã giúp cho việc tăng cường công tác quản lý nhà nước, nhanh, chính xác, kịp thời, góp phần quan trọng vào thành công của Festival 2002. □



LIÊN HỢP QUỐC :

Chặng đường 57 năm hoạt động và mối quan hệ với Việt Nam

NGUYỄN LỘC*

TỔ chức tiền thân của Liên hợp quốc (LHQ) là Hội quốc liên được thành lập năm 1918 trên cơ sở Hòa ước Véc-xây. Khi cuộc chiến tranh thế giới thứ hai đang ở vào giai đoạn quyết liệt, tên gọi Liên hợp quốc lần đầu tiên được sử dụng vào ngày 1-1-1942 trong "Tuyên ngôn của Liên hợp quốc" của 26 quốc gia đồng minh tuyên thệ chiến đấu chống lại phe trục phát xít.

Vào cuối tháng 6 năm 1945, Hội nghị quốc tế Xan-phran-xi-xcô (Mỹ) gồm đại diện 50 quốc gia đã xem xét Dự thảo *Hiến chương Liên hợp quốc* do Liên Xô, Trung Quốc, Mỹ và Anh đã đề xuất tại Hội nghị Đum-bác-ton Oóc từ tháng 8 đến tháng 10 năm 1944. Ngày 25-6-1945, sau khi xem xét, thảo luận và nhất trí 111 điều của Dự thảo, Hội nghị đã thông qua Hiến chương Liên hợp quốc. Và ngày 24-10-1945, các nước Liên Xô, Trung Quốc, Anh, Pháp, Mỹ và một số quốc gia khác đã phê chuẩn Hiến chương. Từ đó, tổ chức Liên hợp quốc chính thức đi vào hoạt động ; và ngày ấy trở thành ngày ra đời chính thức của tổ chức quốc tế lớn nhất thế giới này (1).

Liên hợp quốc là tổ chức quốc tế liên chính phủ, được đại diện bởi các quốc gia độc lập, có chủ quyền. Mọi thành viên của LHQ đều phải tự nguyện chấp nhận các nghĩa vụ được quy định tại Hiến chương LHQ. Có thể nói, Hiến chương là điều ước quốc tế lớn và quan

trọng, quy định những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ quốc tế. Mục đích của tổ chức LHQ được Hiến chương định rõ : *thứ nhất*, duy trì hòa bình và an ninh quốc tế ; *thứ hai*, phát triển quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc bình đẳng và quyền tự quyết của các dân tộc ; *thứ ba*, hợp tác giải quyết các vấn đề quốc tế và hợp tác trong việc nâng cao sự tôn trọng quyền con người ; *thứ tư*, trở thành trung tâm phối hợp hành động của các dân tộc (2).

Quá trình hoạt động của Liên hợp quốc

a) Hoạt động gìn giữ hòa bình và an ninh quốc tế

Duy trì hòa bình và an ninh quốc tế có thể được xem là mục đích hàng đầu và trung tâm của LHQ. Kể từ khi ra đời đến nay, LHQ đã đóng vai trò chủ yếu trong việc ngăn chặn các cuộc khủng hoảng quốc tế và giải quyết có hiệu quả những cuộc xung đột quốc tế và quốc gia, như : tham gia vào việc giải quyết cuộc khủng hoảng tên lửa ở Cu-ba năm 1962,

* ThS, Học viện CTQG Hồ Chí Minh

(1) Hiện nay, Liên hợp quốc có 189 quốc gia thành viên, dự kiến trong kỳ họp năm 2002 của Đại hội đồng Liên hợp quốc, hai nước Đông Ti-mo và Thụy Sĩ sẽ chính thức trở thành thành viên thứ 190 và 191

(2) Xem : *Hiến chương Liên hợp quốc*, Chương I, Điều 1

cuộc khủng hoảng Trung Đông năm 1973 ; bảo trợ cuộc thương lượng để kết thúc cuộc chiến tranh I-ran - I-rắc năm 1988... Vào những năm 90 của thế kỷ XX, vai trò LHQ càng trở nên quan trọng trong việc giải quyết các cuộc nội chiến ở En Xan-va-đo, Goa-tê-ma-la, Mô-dăm-bích và tái lập chính quyền dân cử ở Ha-i-ti ...

Có thể thấy rằng, hoạt động của LHQ là nhằm mục đích duy trì an ninh và hòa bình quốc tế, tập trung vào những hoạt động chủ yếu như giải trừ quân bị, kiến tạo và gìn giữ hòa bình.

Trên lĩnh vực giải trừ quân bị, LHQ thực sự trở thành diễn đàn cho các cuộc đàm phán, các sáng kiến giải trừ quân bị song phương và đa phương. Theo đó, các hiệp ước quốc tế có liên quan đã được xây dựng, như : Hiệp ước cấm phổ biến vũ khí hạt nhân (1968), Hiệp ước cấm thử vũ khí hạt nhân toàn diện (1996) và các hiệp ước khác nhằm thiết lập các khu vực không có vũ khí hạt nhân. Một loạt các hiệp ước về cấm chế tạo, phát triển và tàng trữ vũ khí hoá học (1992), cấm chế tạo, phát triển và tàng trữ vũ khí sinh học (1971), và các hiệp ước cấm hoặc hạn chế các loại vũ khí thông thường đã được thông qua. Năm 1997, hơn 100 đại diện các quốc gia thành viên LHQ đã ký vào văn bản Hiệp ước Ôt-ta-oa về loại bỏ mìn. LHQ luôn nỗ lực trong việc kêu gọi và khuyến khích các quốc gia tham gia vào các hiệp ước nói trên.

Trên lĩnh vực kiến tạo hòa bình, LHQ đóng vai trò trung gian, thông qua các hoạt động ngoại giao để đưa các bên tranh chấp đi đến sự thỏa thuận. Với trách nhiệm được quy định theo Hiến chương, Hội đồng Bảo an là cơ quan chính trong việc đưa ra những kiến nghị nhằm tránh các cuộc xung đột, để bảo đảm hoặc tái lập lại hòa bình. Nhưng vai trò thực tế thuộc về Tổng thư ký LHQ trong việc lưu ý Hội đồng Bảo an những vấn đề có nguy cơ đe dọa đến hòa bình và an ninh quốc tế. Trong các hoạt động kiến tạo hòa bình mà LHQ đảm nhiệm, một số Tổng thư ký đã đóng góp một phần không nhỏ vào những thành công thông

qua hoạt động trung gian hòa giải, "ngoại giao phòng ngừa" hoặc gửi các phái đoàn "tìm kiếm sự thật"...

Trên lĩnh vực gìn giữ hòa bình, Hội đồng Bảo an LHQ có trách nhiệm xây dựng các kế hoạch hoạt động gìn giữ hòa bình nhằm duy trì hòa bình và an ninh quốc tế. Các hoạt động gìn giữ hòa bình đều mang tính chất quân sự thông qua việc gửi lực lượng vũ trang đến các điểm nóng trên thế giới, để giám sát thỏa thuận ngừng bắn hoặc thiết lập các vùng đệm giữa các bên xung đột... Hoạt động gìn giữ hòa bình của LHQ được triển khai lần đầu vào năm 1949, tại khu vực biên giới giữa Ấn Độ và Pa-ki-xtan. Từ đó đến nay, hoạt động này được triển khai ở tất cả châu lục trên thế giới. Kể từ khi thành lập lực lượng gìn giữ hòa bình vào năm 1948, cho đến năm 2000, đã có 118 quốc gia tình nguyện đóng góp 750 000 nhân viên quân sự và cảnh sát tham gia vào 54 hoạt động gìn giữ hòa bình chính ở tất cả các điểm nóng trên thế giới (3). Những năm gần đây, ước chừng có khoảng 35 400 nhân viên quân sự và cảnh sát thuộc lực lượng gìn giữ hòa bình của LHQ đang có mặt ở 15 điểm nóng trên khắp thế giới.

b) Hoạt động thúc đẩy sự tôn trọng quyền con người ; xây dựng, củng cố và phát triển luật pháp quốc tế

Trên lĩnh vực quyền con người, LHQ đã có vai trò chính trong quá trình làm cho vấn đề quyền con người trở thành mối quan tâm của cộng đồng quốc tế và là ngôn ngữ chung của nhân loại, như lời của cựu Tổng thư ký LHQ Bu-trốt Ga-li. Tuyên ngôn nhân quyền thế giới được Đại hội đồng LHQ thông qua vào ngày 10-12-1948 đã nêu lên các quyền và tự do cơ bản của con người. Hai công ước quyền con người năm 1966 về các quyền dân sự, chính trị và các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá đã biến những quyền và tự do nêu trong Tuyên ngôn trở thành những điều khoản ràng buộc

(3) Những số liệu cơ bản về Liên hợp quốc, Vụ Thông tin Liên hợp quốc xuất bản, Niu Ôc, năm 2000 (bản tiếng Anh)

pháp lý. Đến nay, LHQ đã thông qua hơn 80 công ước và tuyên bố về quyền con người, từng bước hoàn thiện về cơ bản việc hình thành ngành luật quốc tế về quyền con người. Những năm gần đây, hoạt động của LHQ có xu hướng tập trung vào việc triển khai thực hiện luật quốc tế về quyền con người cùng với việc xây dựng và phát triển các văn bản luật có liên quan. Hiện nay, vấn đề khuyến khích và thúc đẩy việc tôn trọng quyền con người đang ngày càng trở thành nhiệm vụ trọng tâm của LHQ trong các hoạt động hỗ trợ phát triển. Trong đó, *quyền phát triển* với tư cách là quyền bao hàm các quyền khác trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội, dân sự, chính trị và văn hóa được xem là một bộ phận không thể thiếu của quá trình phát triển. Để thực hiện quyền này, LHQ nhấn mạnh đến yếu tố mang tính quyết định là xóa bỏ đói nghèo.

Trong khi chú trọng xây dựng và thực hiện luật pháp quốc tế về quyền con người, LHQ còn tập trung vào xây dựng, củng cố và phát triển luật pháp quốc tế nói chung. Với trách nhiệm được nêu rõ qua Hiến chương, trong việc từng bước pháp điển hóa và phát triển luật quốc tế, LHQ đã xây dựng nhiều điều ước quốc tế, tạo ra một khuôn khổ pháp lý để tăng cường hòa bình và an ninh quốc tế; đồng thời, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nói chung. Trên lĩnh vực này, Ủy ban Luật quốc tế của LHQ đã có vai trò đáng kể trong việc chuẩn bị dự thảo của nhiều điều ước quốc tế quan trọng. Ủy ban Luật thương mại quốc tế của LHQ cũng góp phần vào việc phát triển những quy định và hướng dẫn tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành các luật điều chỉnh thương mại quốc tế. Hơn nữa, LHQ còn đóng vai trò tiên phong trong việc phát triển luật quốc tế về môi trường. Dưới sự bảo trợ của LHQ, nhiều công ước về bảo vệ môi trường, như: chống sa mạc hóa, bảo vệ tầng ô-zôn, chống vận chuyển chất thải nguy hiểm... đã ra đời.

Cùng với sự ủng hộ của các nước đang phát triển và các nước thành viên Phong trào không liên kết, LHQ đã giữ một vai trò tích

cực trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới, góp phần vào việc phi thực dân hóa và trao trả độc lập cho nhiều nước thuộc địa và nhiều vùng lãnh thổ phụ thuộc. Qua cuộc đấu tranh này, các nguyên tắc quyền dân tộc tự quyết, nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền giữa các quốc gia đã được củng cố và phát triển không ngừng.

c. Hoạt động trợ giúp nhân đạo

Trợ giúp nhân đạo khẩn cấp cho những nạn nhân do các thảm họa thiên nhiên và nhân tạo gây nên đang là một trong những hoạt động được tiến hành có hiệu quả của LHQ. Để thực hiện loại hình hoạt động này, LHQ đã tiếp nhận nhiều nguồn ủng hộ tài chính của nhiều nhà tài trợ quốc tế khác nhau. Nhằm đáp ứng *hoạt động cứu trợ khẩn cấp*, LHQ đã thành lập một ủy ban gồm đại diện các cơ quan có liên quan như Quỹ Nhi đồng LHQ (UNICEF), Chương trình phát triển LHQ (UNDP), Tổ chức của LHQ về Lương thực và Nông nghiệp (FAO) và Cao ủy LHQ về người tị nạn (UNHCR).

Chỉ tính riêng hoạt động trong lĩnh vực cung cấp lương thực khẩn cấp, tổ chức FAO đã đáp ứng được 2/3 nhu cầu lương thực khẩn cấp của thế giới. Năm 1999, FAO đã giúp đỡ 86 triệu người ở 82 nước khác nhau.

UNICEF đã và đang có vai trò tích cực trong việc bảo vệ và giúp đỡ trẻ em - những nạn nhân của các cuộc xung đột và nội chiến - ở nhiều quốc gia trên thế giới. Trong vòng 10 năm qua, UNICEF đã chăm sóc y tế, cung cấp lương thực và nơi ở cho hơn 1 triệu trẻ em bị lạc cha mẹ, hơn 12 triệu trẻ em không nhà cửa và 10 triệu trẻ em bị thương tật do các cuộc nội chiến và xung đột vũ trang.

Trong các thập kỷ qua, UNHCR, một trong những tổ chức của LHQ có bề dày kinh nghiệm trên lĩnh vực nhân đạo, đã góp phần không nhỏ trong các hoạt động mang tính đặc thù của mình: giúp đỡ những người tị nạn. Các hoạt động của UNHCR hiện đang tập trung ở khu vực Tây Á, Nam Tư trước đây và khu vực Hồ lớn ở châu Phi.

d. Hoạt động trợ giúp phát triển

LHQ giữ một vị trí quan trọng trong việc tìm kiếm sự nhất trí và phối hợp giữa các quốc gia với vấn đề phát triển. Từ năm 1960, Đại hội đồng LHQ đã thông qua Chiến lược phát triển quốc tế 10 năm, trong đó đưa ra những ưu tiên và mục tiêu phát triển hàng đầu. Cho đến nay, đã có bốn chiến lược mang tầm thập kỷ như vậy được thực hiện, vì sự tiến bộ kinh tế - xã hội toàn cầu. Trong Chiến lược 10 năm lần thứ tư (1991-2000), bốn lĩnh vực ưu tiên đã được đặt ra là : xóa đói nghèo ; phát triển nguồn lực con người và thể chế ; dân số ; môi trường. Cho đến nay, các mục tiêu này vẫn còn nguyên giá trị và tính cấp thiết của chúng.

Trong quá trình thực hiện trợ giúp phát triển, Ngân hàng thế giới (WB) chiếm một vị trí quan trọng. Hằng năm, Ngân hàng thế giới cung cấp các khoản tín dụng tổng trị giá 25 tỉ USD cho các nước đang phát triển để giúp các nước này tăng cường nền kinh tế.

Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) đã góp phần không nhỏ vào các mục tiêu đã được đặt ra trong Chiến lược 10 năm lần thứ 4. UNDP hoạt động trên 174 quốc gia và lãnh thổ với nhiệm vụ trọng tâm là trợ giúp kỹ thuật và xóa đói nghèo.

Những vấn đề cấp bách đặt ra

Với những hoạt động đa dạng và có hiệu quả trên nhiều lĩnh vực, LHQ xứng đáng là tổ chức quốc tế hàng đầu của các quốc gia, là trung tâm điều phối các hoạt động quốc tế vì một thế giới hòa bình, thịnh vượng và ổn định. Tuy nhiên, bên cạnh những hoạt động và thành công trong quá trình phát triển, LHQ đồng thời đã bộc lộ nhiều vấn đề khiến cho cộng đồng thế giới không thể không suy nghĩ.

Trước hết, với sứ mệnh duy trì, bảo vệ hòa bình và an ninh quốc tế và thúc đẩy sự tôn trọng quyền con người nhưng trong nhiều trường hợp, vai trò đáng ra phải có của LHQ, lại không được thể hiện hoặc thể hiện quá muộn. Nhiều tấn thảm kịch lẽ ra phải được ngăn chặn, nhưng đáng tiếc đã xảy ra. Điển hình là, các cuộc thảm sát tại Ru-an-đa, Xi-ê-ra Lê-ôn, các cuộc nội chiến ở Xô-ma-li,

Cộng hòa dân chủ Công-gô, Nam Tư, các cuộc xung đột khu vực như giữa Ê-ri-tơ-ri-a và Ê-ti-ô-pi, U-gan-đa và Ru-an-đa. Nhiều khi sự tham gia kịp thời của LHQ ở một điểm nóng nào đó vẫn không mang lại kết quả khả quan. Điển hình là, tình trạng căng thẳng và xung đột vũ trang giữa I-xra-en và Pa-le-xtin. Cho đến nay, các nghị quyết của LHQ buộc I-xra-en ngừng ngay các hành động quân sự thù địch chống nhân dân Pa-le-xtin vẫn không được phía I-xra-en thực hiện, trong khi đó LHQ vẫn chưa tìm ra biện pháp nào có hiệu quả để giải quyết điểm nóng dai dẳng này ở Trung Đông.

Và, nhân loại tiến bộ không thể quên việc Mỹ và NATO mở cuộc không kích vào lãnh thổ Nam Tư năm 1999. Việc một tổ chức quân sự dùng vũ lực tấn công một nước thành viên của LHQ, không những làm cho vai trò của tổ chức này trong sứ mệnh bảo vệ và duy trì hòa bình bị coi nhẹ mà còn là một bằng chứng cho thấy : các nguyên tắc luật quốc tế cơ bản và tối cao được Hiến chương LHQ xác định, đã được cộng đồng quốc tế dày công xây dựng trong nhiều thập kỷ qua, bị xâm phạm một cách trắng trợn.

Thứ hai, cơ cấu tổ chức và vai trò của các cơ quan của LHQ đang là một vấn đề đáng quan tâm. Đã có nhiều ý kiến phản đối về cung cách hoạt động và tính dân chủ hiện nay của các cơ quan chính của LHQ, đặc biệt là Hội đồng Bảo an. Thực tế trong nhiều trường hợp, Đại hội đồng LHQ - cơ quan có vai trò quan trọng nhất - không có được sức mạnh cần thiết của mình. Nhiều ý kiến về cải tổ Hội đồng Bảo an thông qua việc mở rộng các thành viên thường trực và không thường trực, đồng thời tăng cường vai trò hàng đầu của Đại hội đồng đã được nêu lên từ lâu, nhưng vẫn chưa được thực hiện.

Thứ ba, là trung tâm điều phối các hoạt động của các quốc gia, tổ chức có trách nhiệm hàng đầu để giải quyết các vấn đề quốc tế nảy sinh trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, nhưng LHQ vẫn chưa chứng tỏ được vai trò đó, như trong việc đối phó một cách có hiệu quả với sự gia tăng nhanh chóng khoảng

cách giữa các nước giàu và các nước nghèo, với tình trạng đói nghèo của hơn 1,3 tỉ người trên hành tinh, với các vấn đề toàn cầu cấp thiết như đại dịch HIV/AIDS, tình trạng suy thoái môi trường thế giới... Thực tế, LHQ chưa tương xứng với tư cách là diễn đàn, trung tâm phối hợp hành động, của các quốc gia trong vấn đề phát triển và trợ giúp các nước nghèo. Qua Hội nghị Thiên niên kỷ năm 2000, được tổ chức với những mục tiêu dài hạn nhằm xóa bỏ đói nghèo, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, đảm bảo cân bằng giới, chống các dịch bệnh nguy hiểm, bảo vệ môi trường, đặc biệt là mục tiêu thúc đẩy hợp tác toàn cầu vì sự phát triển chung, hy vọng LHQ sẽ đóng góp tích cực và hiệu quả hơn vào việc giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội trên thế giới.

Việt Nam và Liên hợp quốc

Việt Nam trở thành thành viên chính thức thứ 149 của LHQ vào ngày 20-9-1977. Tuy nhiên, không phải chỉ đến khi trở thành thành viên, Việt Nam mới có quan hệ với Liên hợp quốc. Ngay từ năm 1974, Cao ủy LHQ về người tị nạn đã có quan hệ và hoạt động tại Việt Nam. Đến cuối năm 1975, Quỹ nhi đồng LHQ đã thiết lập quan hệ với Việt Nam và từ đó đến nay hai bên đã duy trì và phát triển mối quan hệ này một cách có hiệu quả. Năm 1976, Việt Nam tham gia tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của LHQ (UNESCO). Đến năm 1977, Việt Nam thiết lập quan hệ với Chương trình phát triển LHQ (UNDP) và Quỹ dân số LHQ (UNFPA). Cho đến nay, Việt Nam đã có quan hệ hợp tác với hầu hết các tổ chức chuyên môn, các chương trình của LHQ.

Qua thời gian, mối quan hệ Việt Nam - Liên hợp quốc không ngừng phát triển. Có thể nói rằng, Việt Nam là một thành viên tích cực của LHQ. Ngay sau khi tham gia vào tổ chức này, Việt Nam đã tranh thủ được sự đồng tình và ủng hộ của các nước thành viên LHQ để Đại hội đồng LHQ thông qua Nghị quyết 32/2 năm 1977 về kêu gọi các nước, các tổ chức quốc tế viện trợ, giúp đỡ Việt Nam tái thiết sau chiến tranh. Việt Nam đã chủ động và tích cực phối hợp với các nước không liên kết, các nước đang phát triển đấu tranh và bảo vệ các

nguyên tắc cơ bản của Hiến chương LHQ và bảo vệ lợi ích của các nước đang phát triển. Năm 1997, Việt Nam được cử giữ chức Phó Chủ tịch Đại hội đồng LHQ. Năm 1998, Việt Nam được bầu vào Hội đồng kinh tế, xã hội (ECOSOC) - cơ quan có trách nhiệm hàng đầu trong điều phối các hoạt động kinh tế, xã hội của Liên hợp quốc - nhiệm kỳ 1998-2000. Năm 1999, Việt Nam được trao giải thưởng của LHQ về dân số. Đặc biệt, với những thành tựu trên lĩnh vực bảo vệ và thúc đẩy quyền con người ở trong nước, Việt Nam được tin nhiệm bầu làm thành viên của Ủy ban nhân quyền LHQ (nhiệm kỳ 2001-2003) ; và trên thực tế, đã tham gia tích cực vào quá trình khuyến khích tôn trọng quyền con người trên khắp thế giới.

Đối với mục tiêu xóa đói giảm nghèo - vấn đề được nêu lên hàng đầu tại Hội nghị thiên niên kỷ của LHQ - nỗ lực phấn đấu đến năm 2015 giảm số người nghèo của thế giới hiện nay xuống còn một nửa, đang trở thành trọng tâm chính sách được ưu tiên đặc biệt ở Việt Nam trong nhiều năm qua. Cùng với sự giúp đỡ tích cực và thiết thực của LHQ, Việt Nam đã giảm số người nghèo đói, theo tiêu chí quốc gia, từ 30% (năm 1992) xuống 11% (năm 2000).

Hai mươi lăm năm, kể từ ngày Việt Nam trở thành thành viên chính thức của LHQ, mối quan hệ Việt Nam - Liên hợp quốc ngày càng phát triển và đạt nhiều kết quả tốt đẹp. Việt Nam ủng hộ mạnh mẽ quá trình cải tổ LHQ, dựa trên các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương. Cụ thể là, dân chủ hóa hơn nữa tổ chức LHQ, khôi phục và nâng cao vai trò của Đại hội đồng, mở rộng thành viên Hội đồng Bảo an để đảm bảo sự công bằng về phân bố địa lý, đảm bảo có sự đại diện xứng đáng của các nước đang phát triển. Có thể khẳng định rằng, Việt Nam đã và đang tham gia ngày càng tích cực hơn vào quá trình củng cố, nâng cao và phát triển vai trò, vị trí của tổ chức LHQ ; qua đó không ngừng góp sức mình vào sự nghiệp hòa bình, phát triển, thịnh vượng, hữu nghị và đoàn kết của các dân tộc trên thế giới.□

N GÀY nay, chủ nghĩa tư bản đang đóng vai trò chi phối quá trình toàn cầu hóa. Với cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại, công nghệ thông tin và viễn thông, quá trình này ngày càng phát triển mạnh mẽ về chiều rộng cũng như về chiều sâu bằng tốc độ rất nhanh. Hiện tại toàn cầu hóa đã bộc lộ những mặt tích cực và tiêu cực. Điều này thể hiện rõ qua sự tác động của nó đối với các nước đang phát triển.

Trước hết, toàn cầu hóa đem lại cơ hội lớn và có những tác động tích cực đối với các nước đang phát triển.

tư bản chủ nghĩa, cùng với sự thôi thúc của động lực đạt lợi nhuận cao của giai cấp tư sản, xu thế toàn cầu hóa đã xuất hiện. Khi đã xuất hiện, nó tác động trở lại làm cho lực lượng sản xuất trên thế giới nói chung và ở các nước đang phát triển nói riêng có điều kiện phát triển mạnh mẽ. Ngày nay, thực tế xã hội tiếp tục khẳng định tính đúng đắn của những quan điểm trên của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n trong điều kiện mới.

Với mục tiêu giành lợi nhuận tối đa, thông qua các mối liên hệ quốc tế rộng rãi do toàn cầu hóa đưa lại, các nước phát triển đang tìm cách đầu tư

TÁC ĐỘNG HAI MẶT **CỦA TOÀN CẦU HÓA KINH TẾ** **ĐỐI VỚI CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN**

LÊ NGỌC TÔNG*

1. Thúc đẩy mạnh mẽ lực lượng sản xuất

Toàn cầu hóa, trước hết là toàn cầu hóa về kinh tế, bắt nguồn từ sự phát triển của lực lượng sản xuất, từ tính chất xã hội hóa của sản xuất trên phạm vi quốc tế. Trước đây, khi phân tích về quá trình quốc tế hóa sản xuất tư bản chủ nghĩa, C. Mác và Ph. Ăng - ghen đã vạch rõ : "Vì luôn bị thúc đẩy bởi nhu cầu về những nơi tiêu thụ sản phẩm, giai cấp tư sản xâm lấn khắp toàn cầu. Nó phải xâm nhập vào khắp nơi, trụ lại ở khắp nơi và thiết lập những mối liên hệ ở khắp nơi... Do bó buộc thị trường thế giới, giai cấp tư sản đã làm cho sản xuất và tiêu dùng của tất cả các nước mang tính chất thế giới..." ⁽¹⁾.

Điều này có nghĩa là từ sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất trong nền đại công nghiệp

vào các nước đang phát triển. Ngược lại, để đưa đất nước tiến nhanh, các nước đang phát triển cũng có nhu cầu thu hút ngày càng nhiều nguồn vốn từ nước ngoài. Sự gặp gỡ của hai nhu cầu này làm cho dòng chảy về vốn, công nghệ, dịch vụ từ các nước phát triển chuyển vào các nước đang phát triển ngày càng tăng. Chẳng hạn, tính theo tỷ lệ GDP, luồng vốn thâm nhập vào các nước đang phát triển trong 10 năm từ 1986 đến 1996 đã tăng khoảng 2 lần... Riêng Trung Quốc, trong 3 năm 1993 - 1995 đã nhận được 110 tỉ USD, vốn đầu tư

* TS, Phó Vụ trưởng Vụ Quản lý khoa học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

(1) *C. Mác - Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập*, t 4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr 601

trực tiếp nước ngoài (FDI) chiếm khoảng 20% tổng đầu tư của cả nước. FDI cung cấp 34,7% đầu tư cho hàng xuất khẩu và 28,7% đầu tư cho công nghiệp của Trung Quốc năm 1994... Thực tế này cũng cho thấy, những nước đang phát triển bứt lên được về kinh tế là những nước đã tận dụng được các cơ hội và thu hút được những khoản FDI lớn nhất.

Để sử dụng nguồn vốn có hiệu quả, bắt buộc các nước đang phát triển phải nâng cao trình độ về mọi mặt, đổi mới công nghệ, cải tiến phương thức quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng năng suất lao động. Tất cả những điều đó đưa đến một kết quả là : các nước phát triển thì ngày càng giàu có, còn các nước đang phát triển cũng phát triển mạnh mẽ về lực lượng sản xuất. Sự phát triển của các nước NICs, đặc biệt là những "con rồng" châu Á trong mấy thập kỷ qua đã chứng minh điều đó.

2. Khai thác mọi nguồn lực trong và ngoài nước, đẩy mạnh sự phát triển, dần dần đuổi theo các nước tiên tiến

Toàn cầu hóa làm cho thị trường mỗi quốc gia được mở rộng ra phạm vi quốc tế, nhờ đó quan hệ mua bán hàng hóa và dịch vụ được tăng lên nhanh chóng. Thông qua thị trường mở cửa, các quốc gia có thể trao đổi những thành tựu mới của khoa học - công nghệ hiện đại, làm cho nền khoa học - kỹ thuật và sản xuất trong nước phát triển mạnh mẽ. Các nước đang phát triển nói riêng cũng có điều kiện khai thác tối đa những thế mạnh của đất nước, dân tộc ; tham gia vào quá trình phân công lao động quốc tế theo hướng chuyên môn hóa để thu lợi nhuận cao, hình thành cơ cấu kinh tế hiện đại, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong nước ; đồng thời thu hút những gì cần thiết và có lợi từ bên ngoài, phục vụ cho sự phát triển đất nước.

Trong quá trình mở cửa, hội nhập, nếu các nước đang phát triển có đường lối, chính sách đúng đắn, phù hợp và biết khai thác mặt tích cực của toàn cầu hóa, tranh thủ lợi thế so sánh riêng,

tận dụng cơ hội thu hút được nguồn đầu tư lớn và các nguồn lợi khác của thế giới, thì sẽ tạo được sự phát triển với tốc độ nhanh. Ngày nay, nhờ xu thế toàn cầu hóa, với chính sách tăng cường mở cửa, hội nhập của nhiều quốc gia, các nước đang phát triển còn có thể lựa chọn, ứng dụng các thành tựu khoa học - kỹ thuật và dây chuyền công nghệ tiên tiến để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, nâng cao năng lực của nền kinh tế nhờ phương thức đi tắt, đón đầu các thành tựu khoa học - công nghệ mới nhất. Chính bằng cách đó, một số nước đang phát triển như Trung Quốc, Hàn Quốc, Xin-ga-po, Thái Lan... đã tạo được sự phát triển nhanh, bền vững và liên tục, đem lại sự thay đổi lớn lao cho đất nước, thu hẹp dần khoảng cách chênh lệch, từng bước tiến kịp các nước tiên tiến.

3. Giữ gìn hòa bình, ổn định để phát triển

Toàn cầu hóa đã tạo ra sự gắn bó hữu cơ, sự liên kết, hợp tác, sự phụ thuộc, ràng buộc lẫn nhau về nhiều mặt giữa các quốc gia trong quá trình mở cửa, hội nhập. Chính trong môi trường liên kết, hợp tác đó, các quốc gia có điều kiện hiểu biết và gần gũi nhau hơn. Nhờ không khí ngày càng thân thiện do lợi ích của tất cả các bên trong quá trình liên kết, hợp tác tạo ra, toàn cầu hóa đã đem lại khả năng thuận lợi cho việc giữ gìn hòa bình, ổn định để phát triển ở tất cả mọi nước. Không có hòa bình và ổn định sẽ không có bất kỳ một sự phát triển nào. Ngày nay, xu thế hòa bình, hợp tác để phát triển trở thành xu thế chủ đạo của quan hệ quốc tế. Sự thăng hoa của xu thế này là một yếu tố quan trọng làm cho quá trình toàn cầu hóa tiến triển thuận lợi.

Những cơ hội mà toàn cầu hóa tạo ra cho các nước đang phát triển là khách quan và rất to lớn. Song, đó mới chỉ là khả năng. Khả năng này có biến thành hiện thực hay không, hoặc được hiện thực hóa tới mức nào, điều đó còn tùy thuộc vào nhân tố chủ quan về năng lực nhận thức và hoạt động thực tiễn của mỗi quốc gia cụ thể. Không phải có cơ hội thuận lợi, thì nước nào cũng có thể phát triển được.

Ngoài những "cơ hội", toàn cầu hóa đồng thời còn đặt ra các thách thức không nhỏ trước các nước đang phát triển.

a - Mâu thuẫn và cạnh tranh quốc tế quyết liệt, nguy cơ tụt hậu gay gắt

Toàn cầu hóa là quá trình vừa hợp tác vừa đấu tranh giữa các thành viên tham gia, chủ yếu là giữa các nước đang phát triển và chậm phát triển với các nước phát triển (đứng đầu là Mỹ). Tham gia vào quá trình toàn cầu hóa là tham gia vào việc định ra và thực hiện "luật chơi" chung. Để đảm bảo cho các nước đều có lợi ích trong mở cửa, hội nhập, đòi hỏi các bên tham gia phải hợp tác với nhau. Do có ưu thế về vốn, công nghệ, thị trường, kinh nghiệm quản lý và thực lực chi phối thị trường thế giới trong quá trình toàn cầu hóa, các nước phát triển luôn nắm quyền quy định và khống chế những luật chơi chung có lợi cho họ. Mặc dù "luật chơi" có vẻ "công bằng", nhưng thực chất chúng luôn đem lại lợi thế cho những kẻ mạnh (các nước tư bản phát triển và các công ty siêu quốc gia). Các nước đang phát triển, các nước nghèo thường phải gánh chịu những điều bất lợi, thiệt thòi về phía mình. Trong quá trình toàn cầu hóa, để thu được nhiều lợi ích, các nước phát triển luôn tìm mọi cách chèn ép các nước đang phát triển trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Về kinh tế, các nước phát triển dùng sức mạnh để ép các nước đang phát triển phải chấp nhận những điều khoản có lợi cho mình, tạo nên những bất lợi cho các nước đang phát triển, khiến các nước này phải lệ thuộc về kinh tế ngày càng nhiều.

Về chính trị, thông qua toàn cầu hóa các nước phát triển cũng buộc các nước đang phát triển phải lệ thuộc vào họ. Việc Mỹ và NATO buộc Nam Tư phải từ bỏ chủ quyền để đổi lấy khoản viện trợ tài chính, việc Mỹ thực hiện chính sách cấm vận đối với Cu-ba và một số nước khác minh chứng rõ ràng cho điều đó.

Toàn cầu hóa đã tạo ra mâu thuẫn gay gắt giữa các nước đang phát triển với các nước phát triển

trong quá trình mở cửa, hội nhập. Không những thế, quá trình toàn cầu hóa còn đặt các nước đang phát triển trước thách thức của sự cạnh tranh quyết liệt. Tham gia vào quá trình toàn cầu hóa là tham gia vào thị trường thế giới. Đặc trưng cơ bản của thị trường là cạnh tranh. Cơ chế thị trường tư bản chủ nghĩa điều tiết nền kinh tế theo qui luật "cá lớn nuốt cá bé", "mạnh được, yếu thua", "kẻ nhanh sẽ chiếm phần người chậm, kẻ mạnh chèn ép kẻ yếu"... Để tồn tại và phát triển, các nước đang phát triển phải tìm cách đổi mới về đường lối phát triển kinh tế, đổi mới cơ chế hoạt động, không ngừng nâng cao trình độ khoa học - kỹ thuật, tổ chức - quản lý và công nghệ hiện đại cho phù hợp với điều kiện hội nhập. Nếu không làm được điều đó thì quá trình toàn cầu hóa sẽ đẩy các nước đang phát triển tới nguy cơ ngày càng lệ thuộc, mất dần tính độc lập tự chủ, từng bước trở thành bãi thí công nghệ cho các nước phát triển, làm cho đất nước tụt hậu ngày càng xa. Những doanh nghiệp của các nước này nếu không nâng cao trình độ về mọi mặt, tăng cường sức cạnh tranh, sẽ có nguy cơ phá sản và bị thôn tính. Quá trình toàn cầu hóa thực sự đặt các nước đang phát triển trước một cuộc cạnh tranh quyết liệt. Ở đây, thị trường cũng không kém phần khốc liệt hơn chiến trường.

b - Phân hóa giàu nghèo giữa các quốc gia và trong nội bộ mỗi quốc gia

Toàn cầu hóa phân phối không đều lợi ích và cơ hội phát triển cho các quốc gia. Do có tiềm lực kinh tế áp đảo và có ưu thế về nhiều mặt, các nước phát triển đang nắm vị trí chủ đạo trong quan hệ phân công quốc tế và trong tiến trình toàn cầu hóa. Họ luôn tìm cách giành lấy những lợi thế kinh tế về phía mình, đẩy những bất lợi về phía các nước đang phát triển. Chính điều đó đã tạo ra sự phân phối lợi ích không đều, làm gia tăng sự phân hóa giàu nghèo giữa các nước và ngay trong nội bộ mỗi nước. Thực tế cho thấy, nếu như toàn cầu hóa đem lại cho các nước phát triển những nguồn lợi khổng lồ và tăng nhanh sự giàu có của họ một cách vô độ, thì nó cũng làm cho nhiều nước đang phát triển

ngày càng tụt hậu và phần lớn dân chúng trên thế giới ngày càng nghèo đi.

"Báo cáo về phát triển con người" năm 1999 của Liên hợp quốc đã chỉ rõ : các nước phát triển với số dân khoảng 1,2 tỉ người, chiếm 1/5 dân số thế giới nhưng chiếm 86% GDP toàn cầu, 4/5 thị trường xuất khẩu, 1/3 đầu tư trực tiếp nước ngoài và khống chế 75% đường dây điện thoại thế giới. Trong khi đó các nước nghèo cũng chiếm 1/5 dân số thế giới nhưng chỉ chiếm 1% mỗi lĩnh vực trên. Toàn cầu hóa làm cho sự phân hóa giàu nghèo giữa người với người ngày càng tăng : sự chênh lệch thu nhập của 20% người giàu nhất thế giới và 20% người nghèo nhất thế giới năm 1960 là 30/1, đến năm 1990 là 60/1 và năm 1997 là 74/1. Đại hội đặc biệt của Liên hợp quốc ở Giơ-ne-vơ tháng 6-2001 cũng chỉ ra rằng : chênh lệch về thu nhập bình quân đầu người của nước giàu nhất (Thụy Sĩ, 40 800 đô-la) so với nước nghèo nhất (Ê-ti-ô-pi, 100 đô-la) hiện nay là 408 lần, trong khi hồi đầu thế kỷ XX mới là không quá 10 lần. Tài sản của 3 người giàu nhất thế giới nhiều hơn tổng giá trị tài sản quốc dân của 60 nước nghèo.

Không những thế, toàn cầu hóa cũng gây ra sự phân phối không công bằng trong nội bộ mỗi quốc gia. Ngay tại Mỹ, vẫn còn 12% số dân, phải sống dưới mức nghèo khổ.

c - Nguy cơ làm mất dần bản sắc văn hóa dân tộc

Quá trình toàn cầu hóa làm tăng giao lưu quốc tế và tính đồng nhất trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Giống như toàn cầu hóa kinh tế, toàn cầu hóa văn hóa cũng tác động cả tích cực và tiêu cực đến mọi nước tham gia quá trình hội nhập. Văn hóa của các nước phát triển sẽ ảnh hưởng mạnh đến văn hóa các nước đang phát triển. Điều quan trọng là mỗi nước biết chủ động đón nhận nó để có những đối sách thích hợp nhằm phát huy những mặt tích cực, khắc phục những mặt tiêu cực trong quá trình hội nhập.

Quá trình toàn cầu hóa, sự nổi mạng thông tin toàn cầu tạo điều kiện cho việc du nhập những tư

tưởng và lối sống lai căng, thiếu lành mạnh, thoát ly bản sắc dân tộc. Nhiều giá trị văn hóa riêng của các nước đang phát triển bị xói mòn và mất dần ảnh hưởng, thay vào đó là sự chấp nhận những "giá trị chung". Nền văn hóa dân tộc bị tấn công, gặm nhấm, bị "đồng hóa" bởi văn hóa bên ngoài. Chưa bao giờ ở các nước đang phát triển, những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc lại phải chịu những tác động xói mòn mạnh mẽ, gay gắt như thời kỳ này. Nhiều tệ nạn xã hội như cờ bạc, ma túy, mại dâm, buôn lậu, ma-phi-a, bạo lực, gian lận thương mại... phát triển như các đại dịch thời Trung cổ. Tại nhiều nơi, nhất là các thành phố, thị xã, thị tứ đã xuất hiện khá phổ biến lối sống thực dụng, chạy theo tiện nghi vật chất, tôn thờ đồng tiền, sùng ngoại, coi nhẹ những giá trị lý tưởng, đạo đức của cha ông... Nhiều sinh hoạt văn hóa như lễ hội, biểu diễn nghệ thuật, bị nhuộm màu thương mại hóa. Có thể nói, đây là "một cuộc xâm lăng văn hóa" của các nước phát triển đang diễn ra trên khắp hàng cùng ngõ hẻm các nước đang phát triển.

Trong quá trình hội nhập, các nước đang phát triển cần chọn lọc, tiếp thu, kế thừa những giá trị văn hóa tiên tiến của nhân loại để phát triển. Nhưng đồng thời họ cũng phải biết bảo tồn, phát huy những giá trị, tinh hoa văn hóa của dân tộc. Phải tìm trong chính mình sức mạnh nội sinh để đứng vững trước thử thách của toàn cầu hóa. Nếu để mất bản sắc văn hóa dân tộc, thì dĩ nhiên là không thể chấp nhận được. Song việc đề cao văn hóa dân tộc thái quá và tràn lan lại có nguy cơ đưa đến tình trạng bài ngoại, đóng cửa, làm cho đất nước bị tụt hậu ngày càng xa so với các nước phát triển. Rõ ràng, toàn cầu hóa thật sự đặt ra những thách thức gay gắt cho văn hóa dân tộc.

Những thách thức mà toàn cầu hóa đặt ra cho các nước đang phát triển là rất lớn. Bứt phá vươn lên để phát triển hay khoanh tay chấp nhận tụt hậu, điều đó tùy thuộc vào ý chí, nghị lực phấn đấu của mỗi quốc gia. Thực tiễn sẽ cho lời giải đáp chính xác nhất về tính đúng đắn của con đường phát triển mà mỗi quốc gia đã lựa chọn. □

CHÍNH PHỦ HỌP PHIÊN THƯỜNG KỲ, THÁNG 8 NĂM 2002

Ngày 3 và 4-9-2002, Chính phủ đã họp phiên thường kỳ dưới sự chủ trì của Thủ tướng Phan Văn Khải.

Chính phủ đã dành nhiều thời gian tập trung thảo luận *Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2002 - 2007*. Chính phủ nhấn mạnh, tình hình trong nước và quốc tế trong thập kỷ tới sẽ tạo nhiều cơ hội và điều kiện thuận lợi, nhưng đồng thời cũng đặt ra những khó khăn và thách thức gay gắt trước sự phát triển của đất nước; từ đó đòi hỏi trách nhiệm mới rất cao trong công tác điều hành, chỉ đạo của Chính phủ. Trước mắt, cần nhanh chóng tập trung giải quyết những vướng mắc về cơ chế, chính sách; khắc phục những tồn tại, yếu kém vốn có của nền kinh tế; tạo ra động lực có tính đột phá, để phát triển đất nước với tốc độ cao, toàn diện, bền vững và hiệu quả hơn. Chính phủ cũng thảo luận *Một số vấn đề về đổi mới sự chỉ đạo, điều hành và sửa đổi quy chế làm việc* nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động một cách toàn diện. Các thành viên của Chính phủ đã phát biểu nhiều ý kiến về *Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội khóa XI và năm 2003*; xem xét *Nghị định sửa đổi Nghị định 15/CP về nhiệm vụ và trách nhiệm quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ*; đề xuất các giải pháp có tính khả thi về phòng chống lũ lụt, nhất là ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

Sau khi thảo luận về *Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tháng 8 và tám tháng năm 2002*, Chính phủ nhận định, sản xuất công nghiệp tiếp tục đạt được tốc độ tăng trưởng cao. Giá trị sản xuất công nghiệp tháng 8-2002 ước tăng 1,6% so với tháng 7-2002. Tính chung 8 tháng đầu năm ước tăng 14% so với cùng kỳ năm 2001, trong đó khu vực doanh nghiệp nhà nước tăng 11,7%. Sản xuất nông nghiệp đã vượt qua nhiều khó khăn thử thách về thời tiết; duy trì sản xuất, bảo đảm được các mục tiêu phát triển. Các địa phương trong cả nước đã trồng mới được khoảng 83,6 nghìn héc-ta rừng, trong đó rừng phòng hộ và rừng đặc dụng khoảng 46 nghìn héc-ta, đạt 69% kế hoạch cả năm. Khó khăn lớn nhất trong 8 tháng qua là, thiên tai, hạn hán khắc nghiệt và lũ lụt xảy ra ở một số địa phương... Trong 4 tháng cuối năm, Chính phủ cho rằng, cần đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, tập trung vào những nhóm hàng, mặt hàng đang có thị trường tiêu thụ. Thực hiện các giải pháp tăng nhanh xuất khẩu, bảo đảm kim ngạch xuất khẩu bình quân trong 4 tháng ít nhất là 1,5 tỉ USD. Trong công tác đầu tư xây dựng cơ bản, cần tập trung đẩy mạnh tiến độ thi công của các dự án quan trọng có thể hoàn thành trong năm. Tiếp tục tập trung phòng chống thiên tai, khắc phục hậu quả lũ lụt ở các tỉnh phía Bắc, Tây Nguyên và đồng bằng sông Cửu Long. Thực hiện tốt các giải pháp tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh sản xuất và xuất khẩu ở các trung tâm kinh tế lớn, nhất là ở thành phố Hồ Chí Minh, nhằm tạo ra bước phát triển nhanh hơn trong những tháng cuối năm.

Phát biểu tổng kết phiên họp, Thủ tướng Phan Văn Khải nhấn mạnh: Kế thừa nhiệm vụ của Chính phủ nhiệm kỳ trước, Chính phủ trong nhiệm kỳ 5 năm tới (2002 - 2007) sẽ tập trung chỉ đạo thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng, cụ thể hóa những đường lối, chủ trương của Đại hội, những nghị quyết của các hội nghị trung ương, đưa ra những quyết định về cơ chế, chính sách và hệ thống các giải pháp chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội, đưa đất nước vào thời kỳ phát triển mới, đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Mặt khác, thực hiện những chuyển biến cơ bản của nền kinh tế từ tình trạng phát triển chưa thật sự ổn định, bền vững, chuyển sang nền kinh tế phát triển nhanh, ổn định và bền vững với sức cạnh tranh được nâng cao. Đồng thời, tạo bước chuyển biến cơ bản và quan trọng về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội; gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế và phát triển các mặt xã hội ... □

HỘI THẢO KHOA HỌC VÀ MÍT TINH KỶ NIỆM 100 NĂM SINH CỐ TỔNG BÍ THƯ LÊ HỒNG PHONG (1902 - 2002)

Ngày 6-9-2002, tại Hà Nội, Ban Tổ chức Trung ương Đảng, Thành ủy Hà Nội đã long trọng tổ chức Lễ kỷ niệm lần thứ 100 năm sinh Cố Tổng Bí thư Lê Hồng Phong (1902-2002). Dự mít tinh có các đồng chí: Nguyễn Văn An, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội; Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương; các đồng chí Đỗ Mười, Lê Khả Phiêu, nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng; đồng chí Lê Đức Anh, nguyên cố vấn Ban Chấp hành Trung ương; đồng chí Phạm Thế Duyệt, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; các đồng chí lão thành cách mạng, nguyên là Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng; đại diện lãnh đạo các cơ quan đảng, đoàn thể ở Trung ương; các đồng chí trong

Ban Thường vụ Thành ủy, Tỉnh ủy, lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các sở, ban, ngành và đoàn thể quận, huyện, cơ sở, đồng đạo các tầng lớp nhân dân và lực lượng vũ trang Thủ đô Hà Nội. Tỉnh Nghệ An - quê hương đồng chí Lê Hồng Phong cũng đã cử đoàn đại biểu đến dự.

Đọc diễn văn tại Lễ kỷ niệm, đồng chí Nguyễn Phú Trọng khẳng định: "Tám gương chiến đấu kiên cường và sự hy sinh liêm liệt của đồng chí Lê Hồng Phong vì độc lập dân tộc và lý tưởng cộng sản sống mãi trong trái tim, khối óc của các thế hệ người Việt Nam chúng ta. Cuộc đời và sự nghiệp vẻ vang của đồng chí luôn nhắc nhở mỗi cán bộ, đảng viên hôm nay luôn nêu cao ý chí cách mạng, tự giác phấn đấu, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của người cộng sản, kiên trì học tập nâng cao nhận thức, trình độ mọi mặt, tích cực hoạt động thực tiễn, đặt lợi ích của Đảng, của cách mạng và nhân dân lên trên lợi ích cá nhân, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì sự nghiệp vẻ vang của Đảng, của dân tộc. Học tập và noi theo gương đồng chí Lê Hồng Phong, chúng ta tiếp tục thực hiện tốt việc xây dựng và chỉnh đốn Đảng, tích cực đấu tranh chống mọi biểu hiện suy thoái về chính trị - tư tưởng, đạo đức lối sống, đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, quan liêu, tham nhũng, bè phái cục bộ và mọi biểu hiện mất đoàn kết, vi phạm kỷ luật của Đảng; phấn đấu thực hiện thắng lợi Cương lĩnh chính trị, trước mắt là đưa Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng vào cuộc sống".

Trước đó, ngày 5-9-2002, tại Hà Nội, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh đã tổ chức Hội thảo khoa học với chủ đề: **"Đồng chí Lê Hồng Phong với cách mạng Việt Nam và phong trào cộng sản, công nhân quốc tế"**. Hơn 30 bản báo cáo tham luận gửi tới Hội thảo. Sau Báo cáo đề dẫn của GS, TS. Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Giám đốc thường trực Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, các tham luận khoa học được trình bày, tập trung nghiên cứu về thân thế, sự nghiệp; những đóng góp của đồng chí Lê Hồng Phong đối với cách mạng nước ta trong những năm 20 - 30 của thế kỷ XX; ý nghĩa của những đóng góp đó đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta trong giai đoạn hiện nay. Các tham luận thống nhất khẳng định một số luận điểm khoa học quan trọng sau đây:

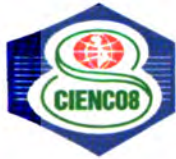
- **Đồng chí Lê Hồng Phong - Chiến sỹ thuộc lớp cận vệ của Đảng và cách mạng Việt Nam, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.** Sớm tham gia hoạt động cách mạng và được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc diu dắt, Lê Hồng Phong là một trong những lãnh tụ của Đảng xây dựng và phát triển Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội. Gần tám năm liền (từ 1924 đến 1931), đồng chí được đào tạo tại nhiều nhà trường, học viện quốc tế. Mỗi bước trưởng thành về năng lực và bản lĩnh cách mạng, những cống hiến của đồng chí Lê Hồng Phong đối với Đảng và cách mạng nước ta đều in đậm dấu ấn công lao của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Có thể nói, đồng chí Lê Hồng Phong là một trong những người đầu tiên tiếp cận và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng nước ta.

- **Đồng chí Lê Hồng Phong - Nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và cách mạng Việt Nam.** Tên tuổi và sự nghiệp cách mạng của đồng chí Lê Hồng Phong gắn liền với một giai đoạn đầy khó khăn, thử thách của cách mạng Việt Nam. Sau Cao trào Xô-viết Nghệ Tĩnh (1930-1931), khi địch tiến hành khủng bố trắng, cách mạng chịu nhiều tổn thất và tạm thời lâm vào thoái trào, đồng chí Lê Hồng Phong là người có công lớn trong việc khôi phục lại hệ thống tổ chức của Đảng, lập lại cơ quan lãnh đạo Trung ương, cùng Trung ương chuẩn bị và tổ chức Đại hội lần thứ I của Đảng (năm 1935). Tại Đại hội này, đồng chí được bầu làm Tổng Thư ký (Tổng Bí thư) và được cử làm Trưởng đoàn đại biểu Đảng ta tham dự Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản. Đồng chí là người chủ trì Hội nghị cán bộ (tháng 7-1936) của Đảng tại Thượng Hải (Trung Quốc) để truyền đạt Nghị quyết Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản; bổ sung những quan điểm mới vào đường lối do Đại hội lần thứ I của Đảng ta đề ra và tổ chức triển khai thực hiện đường lối đó. Những quan điểm chủ yếu do Hội nghị này nêu lên, tiếp tục được quán triệt trong văn kiện *Chung quanh vấn đề chính sách mới* (tháng 10-1936) và tiếp tục được các Hội nghị Trung ương (tháng 9-1937 và tháng 3-1938) bổ sung. Đây là những quan điểm chỉ đạo đường lối của Đảng trong thời kỳ Mặt trận dân chủ Đông Dương (1936-1939). Sự phục hồi và đi lên của phong trào cách mạng Việt Nam trong thời kỳ vận động dân chủ đều có cống hiến rất to lớn của đồng chí Lê Hồng Phong.

- **Đồng chí Lê Hồng Phong - Chiến sỹ kiên cường của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.** Trong những năm học tập và công tác tại nước ngoài, với tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, đồng chí Lê Hồng Phong đã được kết nạp vào Đảng Cộng sản Trung Quốc, vào Đảng Cộng sản (Bôn-sê-vich) Nga và là một trong những người tham gia Ban lãnh đạo tổ chức Đảng (nhóm Đông Dương). Tham gia Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản, nhờ kết hợp chặt chẽ lý luận với thực tiễn, lòng yêu nước nồng nàn với tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, đồng chí Lê Hồng Phong đã góp phần xứng đáng vào thành công của Đại hội và được Đại hội bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản.

- **Đồng chí Lê Hồng Phong - Tám gương chiến đấu hy sinh vì Đảng và dân tộc, vì lý tưởng cộng sản chủ nghĩa.** Tinh thần và ý chí tiến công cách mạng của đồng chí Lê Hồng Phong thể hiện mọi lúc, mọi nơi trong tất cả các lĩnh vực. Lúc học tập ở nước ngoài cũng như khi hoạt động ở trong nước, khi sống trong lòng nhân dân cũng như khi bị giam cầm trong lao tù đế quốc, trong hoạt động thực tiễn cũng như trong công tác lý luận, tư tưởng, đồng chí luôn là người cộng sản tiên phong mẫu mực. □

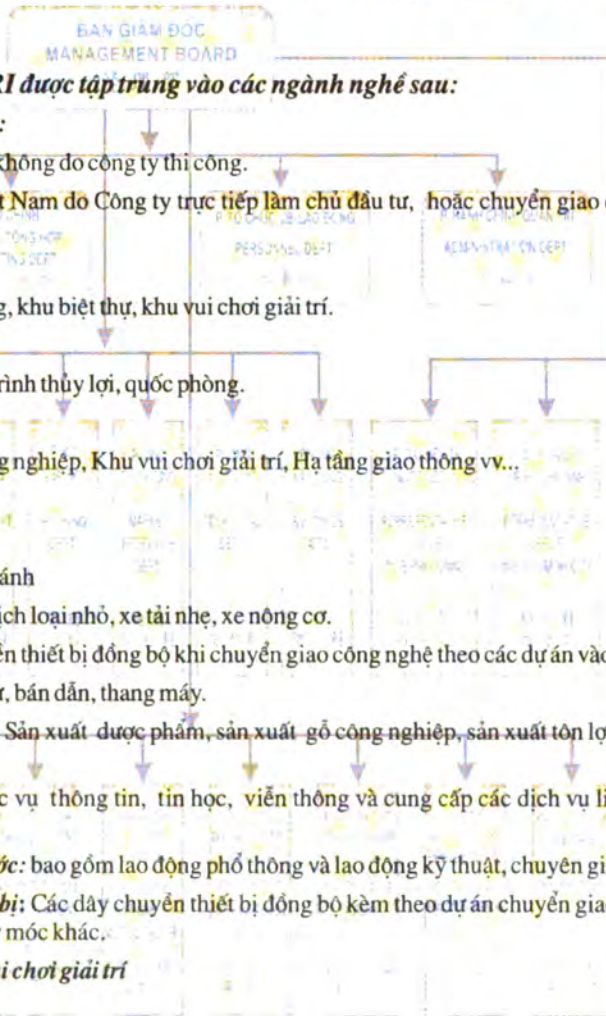
PV



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8 CÔNG TY QUAN HỆ QUỐC TẾ ĐẦU TƯ SẢN XUẤT (CIRI)

Địa chỉ: 508 Trường Chinh - Đống Đa - Hà Nội. Điện thoại: 04.8533410 Fax: 84.4.5631780. Email: ciri@hn.vnn.vn

Công ty Quan hệ quốc tế Đầu tư sản xuất (CIRI) tiền thân là Trung tâm quan hệ quốc tế Đầu tư thuộc Tổng Công ty XDCTGT 8 - Bộ GTVT, được thành lập theo Quyết định số 2033/2001/QĐ/BGTVT, ngày 26 tháng 06 năm 2001, của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.



Hoạt động sản xuất kinh doanh của CIRI được tập trung vào các ngành nghề sau:

1. Tư vấn - Đầu tư - Chuyển giao công nghệ:

- ☐ Tư vấn lập dự án các công trình xây dựng không do công ty thi công.
- ☐ Lập dự án chuyển giao công nghệ về Việt Nam do Công ty trực tiếp làm chủ đầu tư, hoặc chuyển giao dự án đó cho doanh nghiệp khác làm chủ đầu tư.

2. Xây dựng các công trình:

- ☐ Quần thể đô thị đồng bộ: Khu nhà cao tầng, khu biệt thự, khu vui chơi giải trí.
- ☐ Khu công nghiệp.
- ☐ Công trình giao thông cầu - đường, công trình thủy lợi, quốc phòng.

3. Kinh doanh bất động sản:

Đầu tư kinh doanh: Hạ tầng nhà - đất, Khu công nghiệp, Khu vui chơi giải trí, Hạ tầng giao thông v.v...

4. Sản xuất công nghiệp:

- ☐ Công nghiệp cơ khí:
 - Sản xuất phụ tùng - lắp ráp xe mô-tô 2 bánh
 - Sản xuất phụ tùng - lắp ráp ô-tô: Xe du lịch loại nhỏ, xe tải nhẹ, xe nông cơ.
 - Sản xuất nội địa hóa một phần dây chuyền thiết bị đồng bộ khi chuyển giao công nghệ theo các dự án vào Việt Nam.
- ☐ Sản xuất - lắp ráp thiết bị điện lạnh, điện tử, bán dẫn, thang máy.
- ☐ Sản xuất các sản phẩm công nghiệp khác: Sản xuất dược phẩm, sản xuất gỗ công nghiệp, sản xuất tôn lợp cách nhiệt, cấp điện, v.v...
- ☐ Sản xuất - lắp ráp - vận hành thiết bị phục vụ thông tin, tin học, viễn thông và cung cấp các dịch vụ liên quan, gia công và sản xuất phần mềm tin học.

5. Đào tạo và xuất khẩu lao động đi các nước: bao gồm lao động phổ thông và lao động kỹ thuật, chuyên gia lành nghề.

6. Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị: Các dây chuyền thiết bị đồng bộ kèm theo dự án chuyển giao công nghệ, các thiết bị thi công, các loại vật tư thiết bị máy móc khác.

7. Kinh doanh du lịch, dịch vụ, thể thao, vui chơi giải trí



Lễ khởi công đường xuyên Á - một trong rất nhiều công trình giao thông đã và đang được CIRI triển khai

Với thành tích cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đóng góp nhiều nguồn thu cho ngân sách nhà nước, giải quyết nhiều việc làm, không ngừng nâng cao đời sống người lao động, CIRI đã nhận được nhiều bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, Bộ Giao thông vận tải, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, và Thủ tướng chính phủ.

CIRI luôn xác định, không ngừng vươn lên và chấp nhận cạnh tranh lành mạnh trong nền kinh tế thị trường với phương châm "Nhất nghệ tinh nhất thân vinh" trong khu vực và quốc tế để chuẩn bị cho hội nhập kinh tế AFTA và WTO.

CIRI sẵn sàng hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, luôn tìm ra tiếng nói chung với đối tác trên cơ sở bình đẳng, đảm bảo quyền và nghĩa vụ cho mỗi bên tham gia hợp tác sản xuất kinh doanh.



CÔNG TY BIA & NƯỚC GIẢI KHÁT **QUẢNG NINH**



Quảng Ninh Refracting Juices and Brevery Company

Đường Lê Lợi, Phường Yết Kiêu TP. Hạ Long - Quảng Ninh

Tel: 033.825177 - 033.826078 * Fax: 033.823240



Hệ thống thiết bị lên men



Hệ thống thiết bị nấu bia



Dây chuyền sản xuất bia đóng chai

Công ty Bia và nước giải khát Quảng Ninh nằm giữa lòng thành phố Hạ Long - thủ phủ của tỉnh Quảng Ninh, bên bờ vịnh Hạ Long hùng vĩ - Di sản thiên nhiên thế giới.

Công ty đã có 18 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành. Sự nỗ lực vượt qua gian khổ khó khăn của tập thể đội ngũ cán bộ, công nhân viên, cùng với sự quan tâm đầu tư thích đáng của tỉnh, với trang thiết bị hiện đại của Cộng hòa liên bang Đức, Công ty đã đưa công suất sản xuất bia tăng gấp 20 lần so với thời kỳ đầu. Dự kiến đến năm 2000 và 2005, với dự án mở rộng với thiết bị hiện đại hơn, công suất sản xuất bia Hạ Long sẽ đạt từ 20 đến 25 triệu lít/năm, trong đó bia chai chiếm tỷ lệ 30 đến 40%. Ngoài bia các loại, Công ty còn sản xuất một số mặt hàng mới: rượu vang, sữa đậu nành...

Các sản phẩm của công ty Bia và nước giải khát Quảng Ninh hiện đang đứng đầu về năng lực sản xuất, chất lượng và sức tiêu thụ trên thị trường Quảng Ninh. Để nâng cao năng lực sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường du lịch, dịch vụ và công nghiệp ngày càng phát triển, Công ty sẵn sàng đón nhận sự tham góp về chất lượng, mẫu mã và giá cả để sản phẩm của Công ty mãi là niềm tin yêu của mọi người dân Quảng Ninh, cùng du khách du lịch trong và ngoài nước đến với Hạ Long, đến với Quảng Ninh.

CỤC ĐƯỜNG SÔNG VIỆT NAM

ĐOẠN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Phường Hồng Hà - TP. Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 033.835799 * Fax: 033.836927

Giám đốc: Ks. Bùi Hữu Đức



Hội nghị sơ kết thực hiện
NĐ/40CP về đảm bảo trật tự an
toàn giao thông đường thủy nội
địa năm 2001, tại Cát Bà



- ĐOẠN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3 QUẢN LÝ 395,5 KM SÔNG.
- CÓ 9 TRẠM QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG: VĨNH THỰC, VÂN ĐỒN, CẨM PHẢ, YÊN HƯNG, HẢI NINH, TIỀN YÊN, HẠ LONG, BA MOM, CÁT BÀ.
- HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG BA

CÔNG TY CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Phường Hà Khẩu - TP. Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh

Tel: 033.846564 - 033.846241

Fax: 033.846241

GIÁM ĐỐC: KS. DẶNG XUÂN KHUYẾN

CHUYÊN THI CÔNG XÂY LẬP CÔNG TRÌNH:

- Cầu, Nền mặt đường, kè, bến bãi.
- Đập, kênh mương, cống thủy lợi.
- San lấp mặt bằng, nhà công nghiệp, dân dụng.

SẢN XUẤT VẬT LIỆU:

CÔNG TY CÓ ĐỘI NGŨ HƠN 300 CB CNV VỚI 45 CÁN BỘ KỸ THUẬT CÓ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC VÀ TRÊN ĐẠI HỌC

NĂNG LỰC THIẾT BỊ:

- Hai dây chuyền thi công nền, mặt đường bê-tông Asphalt - Trạm Bê-tông nhựa 60-80T/h.
- Dây chuyền thi công Cầu Bê-tông dự ứng lực 21-33m.

NĂNG LỰC THI CÔNG:

- Sản xuất và thi công 60.000 - 80.000 tấn bê-tông nhựa/năm
- Thi công 200-250m cầu các loại.

Công ty sẵn sàng hợp tác kinh doanh thi công xây lắp, sản xuất vật liệu với các đơn vị trong và ngoài nước



Digitized by Google



CÔNG TY DIESEL SÔNG CÔNG



Địa chỉ: Thị xã Sông Công - tỉnh Thái Nguyên
Tel: (0280)862261 - 862262 - 862521 * Fax: (0280)862265

Công ty Diesel Sông Công được thành lập ngày 25-4-1980, là thành viên của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp (VEAM) thuộc Bộ Công nghiệp.

DISOCO được trang bị dây chuyền thiết bị đồng bộ, sản xuất động cơ diesel lớn duy nhất ở Việt Nam (công suất 55, 60, 80 mã lực).

DISOCO còn được cấp bản quyền sản xuất động cơ xăng 8 mã lực theo thiết kế và công nghệ của I-ta-li-a. Hiện nay, với năng lực to lớn, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường, DISOCO đã sản xuất các động cơ diesel nhỏ 6 đến 20 mã lực phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu, máy thủy phục vụ cho vận tải thủy và ngành đánh cá.

DISOCO có nhiều thiết bị và công nghệ đặc biệt như máy búa 2T, 10T máy dập 1600T, máy đúc áp lực 400T, 1100T, các dây chuyền đúc liên tục, gia công séc-măng từ phôi rời từng chiếc, gia công các loại tay biên, trục khuỷu, trục cam, công đoạn sản xuất bơm cao áp và vòi phun, dây chuyền lắp ráp động cơ với hệ thống kiểm tra hiện đại. Với năng lực có thể đạt 4.500T vật rèn, 10000T vật đúc và hàng ngàn tấn phụ tùng một năm, DISOCO đã đáp ứng các sản phẩm phục vụ nông nghiệp, ngư nghiệp, các loại phụ tùng cho các ngành dầu khí, xi-măng, điện, giao thông vận tải và chương trình nội địa hóa các sản phẩm ô-tô, xe máy.



Động cơ DIESEL nhiều xi lanh do Công ty chế tạo

XÍ NGHIỆP ĐÓNG TÀU HẠ LONG.

Tên tiếng Anh: Hạ Long SHIP BUILDING ENTERPRISE.

Là doanh nghiệp nhà nước thuộc sở GTVT tỉnh Quảng Ninh.

Trụ sở: Đường Hạ Long - Phường Bãi Cháy - Thành phố Hạ Long - Quảng Ninh.

Điện thoại: (033) 846328 - 845061

Thành lập tháng 02 - 1960.

Giám đốc: Kỹ Sư Hoàng Trần Định

Xí nghiệp Đóng tàu Hạ Long được thành lập tháng 02 năm 1960, là doanh nghiệp nhà nước thuộc Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Ninh.

Đến nay, Xí nghiệp Đóng tàu Hạ Long đã có bề dày truyền thống trên 40 năm xây dựng phát triển trưởng thành, có đội ngũ CBCNV, kỹ thuật viên dày dặn kinh nghiệm, trình độ lành nghề và trang thiết bị và công nghệ tiên tiến.



Đã được tặng thưởng nhiều huân chương, huy chương và cờ của Tổng Công ty BND tỉnh Quảng Ninh.

Cùng nhiều huân chương, bằng khen và cờ của Tổng Công ty BND tỉnh Quảng Ninh.

ĐOANH NGHIỆP CHỦ YẾU:

Đóng mới các tàu hàng có trọng tải từ 2000T trở xuống.

- Các tàu công tác, tàu tuần tra biển, tàu kéo biển.
- Tàu du lịch chất lượng cao (vỏ sắt, vỏ gỗ)
- Tàu đánh cá từ: 400-600CV
- Các loại phà tự hành 600CV, các loại tàu sông, các loại xà lan sông biển...
- Sửa chữa, nâng cấp các tàu vận tải đến 2000T

- Các sản phẩm khác: gia công các sản phẩm cơ khí, gia công chế tạo các loại kết cấu thép

- Các sản phẩm từ công nghệ composite như két chứa, mái lợp...

- Phương thức bán hàng: Đảm nhận từ thiết kế, thi công, đến bàn giao sản phẩm theo hình thức "chìa khóa trao tay".

Sản phẩm của Xí nghiệp đã được đóng đảo bạn hàng nhiều tỉnh thành trong cả nước và nước ngoài như: Cộng hòa Pháp, Hà Lan, Trung Quốc tin nhiệm.

XÍ NGHIỆP ĐÓNG TÀU HẠ LONG RẤT HÂN HẠNH ĐƯỢC CHÀO ĐÓN CÁC BẠN HÀNG Ở TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC.

TRƯỜNG TRUNG HỌC KINH TẾ THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tân Thịnh - TP. Thái Nguyên * ĐT: (0280).855290 - 854900 * Fax: (0280). 854900

HIỆU TRƯỞNG: PHAN MINH QUẢNG



Toàn cảnh Trường

NHIỆM VỤ

Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ có trình độ trung học kinh tế - tài chính cho các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Cạn và Cao Bằng.

Tổ chức đào tạo tại chức chương trình trung học cho các ngành, địa phương trong và ngoài tỉnh.

Tham gia bồi dưỡng và đào tạo lại công chức ngành tài chính cho các tỉnh miền núi phía Bắc (là chi nhánh Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ tài chính từ năm 1998).

Liên kết đào tạo đại học tại chức quản lý kinh tế tài chính kế toán với các trường Đại học Kinh tế quốc dân, Học viện Tài chính Hà Nội.

Trường Trung học Kinh tế Thái Nguyên (Trường Trung học Kinh tế Bắc Thái trước đây) thành lập theo văn bản số 2599 ngày 30/11/1978 của Bộ Đại học và THCN (nay là Bộ GD và ĐT), Quyết định số 675/QĐ-UB ngày 20/12/1978 của UBND tỉnh Bắc Thái tiếp tục nhiệm vụ đào tạo cán bộ trung cấp tài chính kế toán miền núi của Bộ Tài chính trước đó.



Giờ thực hành tin học



TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN

CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH NHÀ CÁN GIỜ

ĐC: 603 BẾN BÌNH DÔNG - P.13 - Q.8 - TP.HCM
ĐT: (08) 8 553 119 - 9 501 622 - 8 557 190 * FAX: (84) 8 8 553 555
E-mail: conglo.resco@az.com.vn

CHI NHÁNH CÁN GIỜ: XÃ CẦN THẠNH - HUYỆN CÁN GIỜ - TP.HCM
ĐT: (08) 8 740 251 - 8 740 602 * FAX: (84) 8 8 740 252

CHUYÊN NGÀNH

1. QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH NHÀ
2. THIẾT KẾ VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT
3. SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VLXD
4. THI CÔNG XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG, CÔNG NGHIỆP, GIAO THÔNG, THỦY LỢI
5. DỊCH VỤ CHO THUÊ BẾN BÃI - KINH DOANH NHIÊN LIỆU
6. THI CÔNG ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN TRUNG, HẠ THẾ ĐẾN 35 KW
7. SAN LẤP MẶT BẰNG- KHAI THÁC CÁT
8. KHOAN THẨM ĐÒ KHAI THÁC VÀ QUẢN LÝ GIẾNG NƯỚC CÔNG NGHIỆP PHỤC VỤ NƯỚC SINH HOẠT

RẤT HÂN HẠNH ĐƯỢC ĐÓN TIẾP
VÀ DỊCH VỤ QUÝ KHÁCH

CÔNG TY VẬN TẢI VÀ XẾP DỖ QUẢNG NINH

ĐC: 607 ĐƯỜNG LÊ THÁNH TÔNG-TP. HẠ LONG- TỈNH QUẢNG NINH

ĐT: (033) 825373 - 825371 - 825750 ; FAX: (033) 884263

GIÁM ĐỐC: KS. NGUYỄN VĂN THÀNH

CN TẠI TX MÓNG CÁI: CẢNG THỌ XUÂN- ĐƯỜNG HỮU NGHỊ- P. HÒA LẠC

DIỆN THOẠI: (033) 881820 - 881062 ; FAX: (033) 884263

CN TẠI TIỀN YÊN: CẢNG MŨI CHÙA - H. TIỀN YÊN - T. QUẢNG NINH

VĂN PHÒNG ĐD TẠI CẨM PHẢ - CỬA ÔNG; ĐIỆN THOẠI: (033) 867429

Công ty Vận tải và xếp dỡ Quảng Ninh là công ty nhà nước có năng lực vận tải và xếp dỡ lớn nhất vùng Đông Bắc Việt Nam hiện nay.

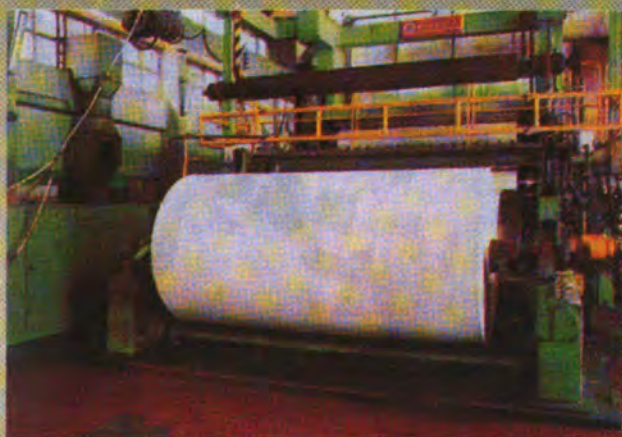
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHỦ YẾU:

- Vận chuyển hàng hóa bằng phương tiện thủy nội địa, đường biển
- Xếp dỡ hàng hóa cảng thủy nội địa, cảng biển
- Nhận ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa tại Móng Cái- Bình Liêu- Quảng Hà
- Kinh doanh tiêu thụ than mỏ các loại
- Vận tải khách xe buýt, tàu du lịch thăm vịnh Hạ Long
- Sản xuất công nghiệp, Công ty có xí nghiệp chuyên sửa chữa và đóng mới phương tiện vận tải
- Quản lý kinh doanh hệ thống cảng toàn tỉnh Quảng Ninh- Hệ thống kho tại Móng Cái và cảng Mũi Chù
- Quản lý cảng mới Hòn Gai, cầu tàu dài 298m và 16 000m² kho bến- Vùng nước cảng nổi Quảng Ninh- Cẩm Phả, Cửa Ông, Hạ Long, cảng Vạn Gia, cảng biển Mũi Chùa- Tiền Yên cho tàu 1000 tấn cập cầu và vùng chuyển tải Vạn Hoa tàu 3000-5000 tấn, cảng Thọ Xuân và khu hàng chờ xuất Móng Cái kho 1800m² và 35000m² bãi hàng rời, khu xếp dỡ cửa khẩu Bình Liêu, Bắc Phong Sinh, Quảng Hà, Lục Lầm, Móng Cái.



CÔNG TY GIẤY ĐỒNG NAI ĐỒNG NAI PAPER COMPANY

ĐỊA CHỈ : KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA I, TỈNH ĐỒNG NAI
DIỆN THOẠI : (061) 8.36201 - 8.36193.* FAX ; (061) 8.36231 - 836206
E - mail : cogido@hcm.vnn.vn * Website : ww.cogido.com.vn
GIÁM ĐỐC : LƯƠNG PHƯƠNG ĐỒNG



**CÔNG TY GIẤY ĐỒNG NAI THUỘC
TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM
NĂNG LỰC SẢN XUẤT**
BỘT GIẤY : 15.000TẤN/ NĂM
GIẤY : 20.000TẤN / NĂM
XÚT : 2.400 TẤN / NĂM

SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY :

- GIẤY VIẾT**
- GIẤY IN**
- GIẤY PHOTOCOPY**

- GIẤY TRẮNG PHẦN**
- GIẤY DUPLEX TRE**
- GIẤY DUPLEX TRẮNG**





PETROVIETNAM

NĂNG LƯỢNG CHO PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC



Head office: 22 NGO QUYEN STREET

HANOI - VIETNAM

Tel: 84-4-8252526 Fax: 84-4-8265942

PETROVIETNAM ENERGY FOR DEVELOPMENT

Digitized by Google



PC 2

CÔNG TY ĐIỆN LỰC 2

ĐIỆN LỰC LÂM ĐỒNG

SỐ 2 HÙNG VƯƠNG - PHƯỜNG 10 - TP ĐÀ LẠT * ĐT : 063.822353 - 822109 - 821255



ĐIỆN LỰC LÀ NGÀNH KINH TẾ - KỸ THUẬT CÓ TÍNH CHẤT QUYẾT ĐỊNH TRONG SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC. SAU 27 NĂM GIẢI PHÓNG - NGÀNH ĐIỆN LỰC LÂM ĐỒNG ĐÃ CÓ NHỮNG BƯỚC TRƯỞNG THÀNH VƯỢT BẬC:

Điện thương phẩm tăng 25 lần (năm 1976; 10 triệu kWh, năm 2002 : dự kiến 250 triệu kWh).

Khách hàng dùng điện tăng 6,5 lần (1976: 12 000, năm 2002: dự kiến 78 000).

MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH ĐÃ HOÀN THÀNH XUẤT SẮC, TẠO

ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH.

CHƯƠNG TRÌNH ĐIỆN KHÍ HÓA VÙNG RAU (1980- 1985)

Tất cả các khu vực ngoại ô thành phố Đà Lạt đã được cung cấp điện như Xuân Thọ, Nam Hồ, Tự Phước, Thái Phiên, Đa Thiện...

CHƯƠNG TRÌNH ĐIỆN KHÍ HÓA NÔNG THÔN

Toàn bộ các huyện thị, thành phố và 100/109 xã của tỉnh Lâm Đồng được cấp điện từ lưới điện quốc gia (vượt chỉ tiêu 80% số xã có điện theo nghị quyết của Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ VI). Tổng số hộ có điện để sản xuất, sinh hoạt khoảng 120 000 hộ.

MỘT SỐ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG NGUỒN LƯỚI ĐIỆN CÓ HIỆU QUẢ

Nhà máy Thủy điện Lộc Phát (600kW) vận hành năm 1985, nâng công suất Thủy điện Suối Vàng từ 3100kW lên 4400 kW (1999) công trình cải tạo điện lực thành phố Đà Lạt (Dự án ADB), đường dây 110kV và trạm 16MVA- 110/22kV Đức Trọng.

Lực lượng cán bộ công nhân viên được nâng cao về trình độ và nhận thức đảm đương được hầu hết các yêu cầu quản lý, vận hành sửa chữa lưới điện đến điện áp 110kV. Từng bước chấn chỉnh, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

ĐIỆN LỰC LÂM ĐỒNG ĐÃ ĐƯỢC NHÀ NƯỚC TẶNG:

2 HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHÌ,

3 HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG BA VÀ NHIỀU BẰNG KHEN, CỜ THI ĐUA CỦA CHÍNH PHỦ VÀ TỈNH



CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG (ĐÀ LẠT)



TRỤ SỞ CHÍNH :

**SỐ 44B HỒ TÙNG MẬU -
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT**

ĐIỆN THOẠI :

(063).822.111 - 8.27753

FAX : (063). 8.21934

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN :

*** SỐ 17 ĐINH TIÊN HOÀNG**

- Q1 - TP HỒ CHÍ MINH

ĐT : 08.8.232.830

*** SỐ 5/8B ĐƯỜNG 30**

THÁNG 4 TP. CẦN THƠ

ĐT : 071.840339



CHỨC CÁC B. A. N. G. Á. P. N. H. I. E. N. M. A. I. M. A. I.

GIÁM ĐỐC : ĐÀO THỊ TÂM MAI

Digitized by Google

HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

(NATIONAL ACADEMY FOR PUBLIC ADMINISTRATION)

TRỤ SỞ CHÍNH : ĐƯỜNG NGUYỄN CHÍ THANH - Q.ĐỒNG ĐA - HÀ NỘI * ĐT: 04.8358943 * FAX: 04.8343497

CƠ SỞ 2 - SỐ 10 ĐƯỜNG 3/2 - Q. 10 - TP.HỒ CHÍ MINH * ĐT: 08.8653383 * FAX : 08.8658559

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN - TIẾN SĨ NGUYỄN NGỌC HIỂN

Học viện hành chính Quốc gia chịu sự quản lý trực tiếp của Chính phủ là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng công chức hành chính Nhà nước và nghiên cứu khoa học hành chính Nhà nước.

Hiện nay, đội ngũ giảng dạy của Học viện bao gồm:

- 5 Nhà giáo ưu tú
- 48 Tiến sĩ
- 56 Thạc sĩ
- 5 giảng viên cao cấp
- 42 giảng viên, nghiên cứu viên chính
- 98 giảng viên, nghiên cứu viên

Nhiệm vụ của Học viện là trực tiếp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý hành chính Nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên, chuyên viên chính và chuyên viên cao cấp. Học viện đào tạo cao học Quản lý Nhà nước, đến nay đã và đang đào tạo 289 học viên và chuẩn bị nhận nhiệm vụ đào tạo tiến sĩ Quản lý Nhà nước. Từ năm 1996, Học viện đã đào tạo Đại học Hành chính, theo QĐ số 287/TTg ngày 6/5/1996 của Thủ tướng Chính phủ và bắt đầu từ năm học 2000 - 2001, Học viện đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho việc tuyển sinh ngay từ giai đoạn đầu để đại học Hành chính với hình thức đào tạo quy và không chính quy như các trường đại học khác. Học viện Hành chính Quốc gia đã và đang trực tiếp đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức góp phần vào thắng lợi của công cuộc cải cách hành chính Nhà nước mà Đảng và Nhà nước đã đề ra.



Trụ sở Học viện



Hội trường lớn của Học viện



Toà nhà giảng đường 11 tầng mới khánh thành và đưa vào sử dụng năm 2002



**PETROLIMEX
QUẢNG NINH**

TỔNG CÔNG TY XĂNG DẦU VIỆT NAM **CÔNG TY XĂNG DẦU B12**

Trụ sở: Phường Bãi Cháy - Thành phố Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: (033).846360 - 846377 ; Fax: (033).846349.

Giám đốc Công ty: KS Nguyễn Đăng Oánh

à một đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, Công ty có chức năng:

Tổ chức tiếp nhận xăng dầu bằng đường biển:

Là một đầu mối nhập khẩu lớn nhất miền Bắc.

Hệ thống thiết bị kỹ thuật và công nghệ hiện đại.

3 cầu cảng có thể thực hiện xuất nhập tàu trọng tải từ 300 n 30 000DWT.

Hệ thống bể chứa xăng dầu hơn 167.000m³.

Phòng hoá nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc gia (VILAS 16).

Vận tải xăng dầu bằng đường ống:

Vi hệ thống tuyến ống xăng dầu dài gần 600km; hệ thống m chuyển tự động hiện đại hoá, Công ty thực hiện nhiệm chuyển xăng dầu cung ứng nguồn hàng cho các công ty ng dầu khu vực phía Bắc.

Kinh doanh bán buôn, bán lẻ các mặt hàng xăng dầu:

ng ty có mạng lưới kinh doanh xăng dầu rộng khắp trên a bàn các tỉnh Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng Yên và một ần địa bàn thành phố Hải Phòng, với hệ thống cảng xuất ờng thủy, 4 xuất bến đường bộ, 76 cửa hàng bán lẻ xăng u và hàng trăm đại lý bán xăng dầu có khả năng đáp ứng ọi nhu cầu về xăng dầu.

Kinh doanh cảng biển, kinh doanh tạm nhập tái xuất ng dầu.

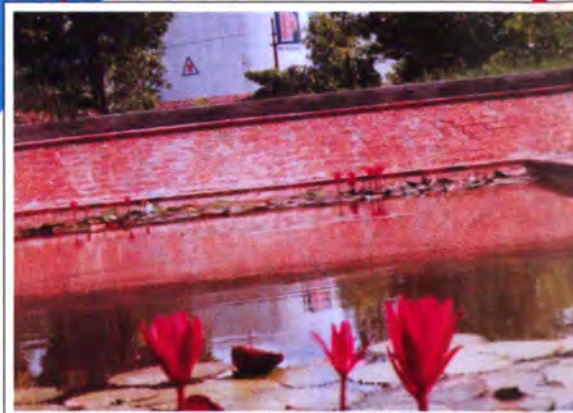
Kinh doanh các chủng loại dầu mỡ nhờn, GAS hoá ng và các thiết bị sử dụng GAS hoá lỏng:

Để đáp ứng tốt hơn nhu cầu sử dụng gas hóa lỏng trên địa n Quảng Ninh, Công ty đã đầu tư và đưa vào sử dụng từ u năm 2002 Trạm chiết nạp gas hoá lỏng tại phường Hà nẩu - TP Hạ Long, với công suất hơn 5 tấn bình/cả sản xuất. Công ty sẵn sàng đáp ứng mọi nhu cầu về tư vấn kỹ thuật, o đặt, sử dụng GAS trong công nghiệp và dân dụng.

BẮT BẮN BẮN ĐƯỢC PHÉC VỪ QUÝ KHÁCH



VĂN PHÒNG CÔNG TY



KHU CÔNG NGHỆ XỬ LÝ NƯỚC THẢI



Digitized by Google

CẢNG DẦU B12 VỚI HỆ THỐNG CẦU CẢNG CÓ THỂ TIẾP NHẬN TÀU DẦU TRONG TẢI 30000DWT

UNIVERSITY OF MICHIGAN



3 9015 08172 5502



